



huyền

vãng sanh

Việt Nam



Nhóm Liên Hữu Miền Nam

Đất Việt Thực hiện

CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM

Nhóm Liên Hữu Miền Nam Đất Việt

Thực hiện

Lời nói đầu

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA MÂU NI PHẬT!

Kính thưa chư liên hữu gần xa!

Chuyện lớn nhất của đời người là luân hồi sanh tử. Dù rằng thực chất của nó vốn là mộng ảo, bao nhiêu thứ buồn vui sầu khổ mà chúng ta đang cảm thọ cũng đều là bọt bóng phù du. Nhưng một khi chưa dứt sạch hết những thấy biết sai lầm (kiến hoặc) và suy nghĩ sai lầm (tư hoặc), chưa vãng sanh Phật Quốc thì những thứ “mộng ảo bọt bóng” ấy, do nghiệp thức của chúng ta biến hiện ra đó nó hiển nhiên thành ra chân thật rõ ràng.

Cho nên Đấng Đại Từ Phụ A Di Đà dùng thế hải độ sanh, giúp bọn phàm mê chúng ta thẳng tắt thoát ra bể khổ. Chỉ cần tin sâu nguyện thiết một niệm, mười niệm là vượt khỏi trần lao, bước lên quả vị Bồ Đề, một phen “Buông dao sát sanh, tức liền thành Phật”. Quả là vi diệu thù thắng chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn!

Ôi! Lòng từ của Di Đà Thế Tôn và mười phương chư Phật vô cùng vô tận. Phật ân cao cả khôn lường, cho dù có tán thán trăm kiếp ngàn đời cũng không sao nói hết được.

Nhân vì hộ niệm tiền đưa cha mẹ và những người thân khi lâm chung, chúng tôi có kể chuyện vãng sanh, đọc truyện vãng sanh, mở băng đĩa nói về vãng sanh cho người bệnh nghe, thì thấy thu được rất nhiều lợi ích. Do vậy, mà chúng tôi không ngần ngại, mạo muội sưu tập, trích tuyển từ sách, băng cũng như đến tận gia đình đạo hữu có người vãng sanh để ghi lại.

Năm 2008, chúng tôi đã nhờ anh Thiện Quang đọc Chuyện Vãng Sanh phần 1 ghi âm được 4 CD, giờ tiếp theo là phần 2. Hiện giờ do có nhiều bạn đồng tu hưởng ứng tham gia cộng tác nên cũng đã sửa chữa và bổ sung phần 1. Hôm nay đủ duyên, chúng tôi xin ra mắt cúng dường chư liên hữu khắp mọi nơi !

Việc làm này nếu có chút ít công đức nào, nguyện hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sinh đồng sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo!

A Di Đà Phật !

Miền Nam, ngày 9 tháng 10 năm 2014.

Nhóm Liên Hữu Miền Nam Đất Việt thực hiện.

1. Bà Nguyễn Thị Thoại (1919 - 2007)

Bà Nguyễn Thị Thoại, sinh năm 1919, quê quán tại xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Năm hai mươi tuổi, bà lập gia đình với ông Lê Văn Lược, cư ngụ tại xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Hai ông bà có tất cả là sáu người con gái, sinh sống bằng nghề làm ruộng. Ngoài ra, còn làm nhiều nghề khác như: nấu rượu, nuôi heo, xay gạo và mua cá linh ủ mắm để bán...

Đến năm 1972, vào khoảng tháng 6 ông chồng bị tai nạn ghe máy, khi chuyển đến bệnh viện thì qua đời, bỏ lại một đàn con thơ côi cút, cô con gái Út hầy mới lên mười tuổi. Từ đó, đôi vai gầy phải gánh thêm trách nhiệm làm cha, sớm hôm tảo tần nuôi con, bon chen với xã hội, vật lộn với cuộc sống để tạo ra chén cơm manh áo, bao nhiêu là gian nan, bao nhiêu là vất vả, gót chân trần dong ruổi mãi ngày đêm:

“Đã sinh vào cõi bi thương,
Trăm ngàn nỗi khổ vẩn vương bên mình.
Tháng năm đầy những khổ hình,
Sầu đau chồng chất tội tình họa tai.
Ngán ngao kiếp sống đọa đày,
Ngậm ngùi thân phận lạc loài thê lương.
Lạnh lùng đêm vắng canh trường,
Buốt lòng lữ khách bên đường mưa giăng.”

Ngẫm nghĩ về nỗi thống khổ của kiếp nhân sinh, thâm thía với nắng mưa sương gió của đời mình nên năm 1975, bà phát tâm trường chay, sớm chiều hai thời lễ Phật.

Tuy vậy hạt giống Bồ Đề vẫn còn yếu ớt, mãi đến gần cuối thập niên tám mươi trở đi mới thật sự đâm chồi nảy lộc. Lúc này, bà thường xuyên tham dự các kỳ Phật thất tổ chức mỗi tháng một lần, tại phòng thuốc Nam của cô Bảy Lánh ở chợ Thốt Nốt.

Nhờ nghe chư liên hữu giảng giải Phật Pháp hằng tháng vào dịp Phật thất, nền tảng Tịnh Tông của bà dần dần được hình thành và thực sự kiên cố. Tín tâm mỗi lúc một sâu chắc, nguyện lực mỗi lúc một thiết tha, cộng thêm sự trợ duyên của các bạn đạo, bà đã hành trì ngày một tiến bộ rõ rệt.

Bên cạnh đó, bà còn tham gia thêm các ngày niệm Phật được tổ chức định kỳ tại chùa Thanh Quan, hoặc tại nhà chư đồng đạo các nơi. Công khóa lễ bái của bà cũng được tăng thêm 4 thời trong ngày (24 giờ).

Lúc này tính tình bà thay đổi nhiều so với những tháng năm trước đó, luôn vui vẻ dễ dãi nên ai ai cũng đều kính mến.

Như vầng trăng tròn rồi khuyết, như nước sông lớn rồi ròng, con người trên cõi đời này cũng thế, thời thanh xuân cường tráng đã trôi qua thì phải đến lúc già nua và bệnh tật. Năm 2004, do sức khoẻ yếu, bà không còn tới lui các khoá niệm Phật, mà chỉ ở nhà chăm chỉ tu hành. Tỉnh thoảng, chư liên hữu ghé thăm, khuyến tấn, bà vô cùng cảm kích và vui mừng.

Bà hết lòng tin tưởng vào lời thề nguyện của Đấng Từ Phụ A Di Đà. Bà tin chắc thật rằng khi lâm chung sẽ được Ngài tiếp độ vãng sanh về thế giới Cực Lạc, nên ngày ngày bà đều thỉnh nước cúng để uống thay thuốc. Thề theo lời chỉ dạy:

“Thành lòng nước lã nên hồ,
Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban.”

Bằng cái nhìn thế gian thường tình rằng, một khi đã lâm vào hoàn cảnh bệnh hoạn thì đây là bất hạnh nhưng, đối với những ai khao khát tìm cầu thoát ly sanh tử luân hồi thì lại là dịp hy hữu tốt lành. Kể từ đó, sự niệm Phật của bà ngày một chí thiết chí thành hơn.

“Mẹ đẩy con ! Dù cho nhồi quả ,
Tự nhủ lòng chớ dạ núng nao .
Càng khổ nhiều đạo hạnh càng cao ,
Nên lấy đó làm câu an ủi .
Mẹ đẩy con ! Lời kia không dối ,
Không gian lao khó nổi công thành .
Chẳng cho chơn đạp sỏi giày sành ,
Tây Phương khó đưa mình đến chốn .
Mẹ đẩy con ! Mỗi khi nguy khốn ,
Mà vẫn vui không núng tim gan .
Là mỗi lần lên một nấc thang ,
Càng chịu được là càng cao được .”

Hai năm sau (vào năm 2006) bà phát bệnh nặng, các con đưa đi nhập viện tại Thốt Nốt, kế đó chuyển lên Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Bác sĩ chẩn đoán là bệnh “Hội chứng dạ dày tá tràng” và “Thoái hóa cột sống”, vài hôm sau, bà xuất viện về nhà. Kể từ đó, thể trạng của bà kém dần, ít đi đứng mà nằm nhiều hơn. Đặc biệt là tay bà lúc nào cũng lạnh run.

Gần cuối năm, ngày 12 tháng 10 năm 2006, bà bệnh trở nặng, thân nhân cho vào Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ điều trị. Bà thường lên cơn mê sảng, miệng cứ đọc sám kệ vang dội suốt ngày suốt đêm. Bác sĩ dùng thuốc trấn kinh an thần, cứ tăng liều dần, cho đến gấp 3 lần so với bệnh nhân thường, mà bệnh chứng vẫn không thuyên giảm. Ba hôm sau cũng thế nên thân nhân xin bác sĩ cho bà ra về.

Về nhà, nằm trên giường, bà thường thấy đám con nít vào đây cả nhà, liền bảo các con đuổi chúng ra. Có khi bà nhìn thấy gạo đổ đầy trên đất, liền kêu gọi mọi người lượm lên tiếp. Có lần thấy cá thật nhiều. Có lúc thấy đứa em trai và đứa em gái đã mất đến lôi chân của mình kéo đi, bà vẫy chân và nói là không đi.

Vì biết đây là quả báo do túc nghiệp nhiều đời trước nên chư liên hữu đề nghị, các con cháu phát tâm làm các việc phước thiện như: Phóng sanh, in đĩa ấn tống... để hồi hướng công đức và cầu an cho bà.

Các đồng đạo được sự thỉnh mời của gia đình nên đến cầu an hộ niệm cho bà rất đông.

Đến ngày thứ ba thì bệnh tình dường như khỏi hẳn.

Khi thần trí minh mẫn trở lại, bà nói với mọi người nên cầu nguyện thêm cho bà vài hôm nữa; các con của bà tiếp tục tổ chức đến ngày thứ 9 mới dừng lại.

Tháng giêng năm 2007, bà phát bệnh lại, sức khỏe cạn kiệt rõ rệt. Trước khi mất 10 ngày bà không ăn gì cả, chỉ uống chút ít nước. Tuy vậy, bà vẫn tỉnh táo, sáng suốt, lúc nào cũng lần chuỗi niệm Phật... Khi các con và rể ghé thăm, bà dặn dò:

- “Các con nên sắp xếp công việc làm ăn để đưa má theo Phật!”

Chiều ngày mùng 1 tháng 2, bà mệt nhiều; thân nhân tề tựu cầu an và hộ niệm, đến 12 giờ khuya, con mệt mỗi lúc một tăng thêm, các con đưa bà ra nhà trước, trợ niệm mãi đến 4 giờ sáng, hơi thở bà yếu dần và nhẹ nhàng ra đi trong âm thanh Phật hiệu vang rền. Lúc ấy là mùng 2 tháng 2 năm 2007. Bà hưởng thọ 88 tuổi.

Chư đồng đạo hay tin, lũ lượt kéo đến hộ niệm thêm 6 giờ đồng hồ nữa. Sau đó, khám nghiệm thì toàn thân đều lạnh, duy chỉ có đỉnh đầu còn ấm, nét mặt sáng rõ hơn so với bình thời.

Khoảng 5 giờ chiều hôm ấy (ngày mùng 2 tháng 2 năm 2007), người con gái thứ Năm (Lê Thị Bo) vào dọn dẹp giường nằm hằng ngày của bà, khi cuốn mùng lại thì nghe có mùi thơm lạ, bèn chạy ra gọi mấy đứa cháu ở xóm đến xem, chúng cũng ngửi được mùi thơm lạ lùng như chị. Kể từ đó, vợ chồng chị cũng phát tâm lễ Phật trường chay.

(Thuật theo lời Lê Thị Bo, con gái của bà)

2. Bà Nguyễn Thị Tý (1922 - 2012)

Bà Nguyễn Thị Tý sinh năm 1922, cha là cụ ông Nguyễn Văn Ngà, mẹ là cụ bà Phan Thị Mão, bà có tổng cộng là bảy anh, chị, em và bà đứng thứ Bảy trong gia đình.

Khi lên 28 tuổi, bà kết hôn với ông Lê Văn Bính, cư ngụ tại khu vực Phúc Lộc III, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Bà sinh được sáu người con, hai trai, bốn gái. Hằng ngày, gia đình bà sinh sống bằng nghề ruộng rẫy.

Thuở nhỏ, bà không có đi học; được người quen chỉ chút ít và thường nghe băng đĩa đọc giảng nên dần dần, bà cũng đọc được rất nhiều kinh kệ. Tính tình bà hiền lành, giản dị, siêng năng, cần mẫn, nhẫn chịu khổ khó trong mọi hoàn cảnh. Trong cuộc sống, bà thường phải đối diện với

nhiều chương ngại khó khăn nhưng, bà không hề oán hờn, trách than mà trái lại. Có lẽ đây là những động lực giúp cho thiện căn quá khứ sớm đâm chồi nảy nở. Thế nên năm 1976, bà phát tâm trường chay, niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, hầu thoát khỏi cái vòng sanh tử luân hồi, đầy thống khổ và kiếp sống vô thường tạm bợ, như lời nhận định của Cổ Đức:

"Hồng trần là cõi bạc vôi,
Nó không chung thủy với người nào đâu.
Càng theo nó lại càng sâu,
Chúng sanh vì nó bị đầu thai luôn.
Những điều sâu khổ ngàn muôn,
Mỗi người đều mỗi quay cuồng khác nhau.
Người không ai giống ai nào,
Chung quy cũng một đường vào mồ ma.
Ấy là định mạng người ta,
Cuối cùng ai cũng phải là thế ư!
Há không cầu đạo Chơn Như,
Để mau giải thoát kiếp người trần gian.
Dứt xong ba nẻo sáu đường,
Quý hơn cái chiếc ngai vàng trần ai.
Ngai vàng khó giữ lâu dài,
Tòa sen Cực Lạc ngồi hoài tự do.
Tu hành cần phải sớm lo,
Tử sanh là việc lớn to của người.
Nan tri sống chết nay mới,
Mau tu kéo chẳng kịp Trời kêu tên.
Ta Bà thế giới rộng thênh,
Xưa nay thân chết chẳng quên người nào."

Vào năm 1977, bà giao phó hết việc nhà cho các con, còn phần mình thì dành hết thời gian đi làm đạo và công phu lễ niệm nhiều hơn, để chuẩn bị chu toàn cho quãng đời còn lại của mình.

Cũng từ đây, đời sống của bà ngày càng thêm giản dị, bà luôn kiệm ước phần mình, nhất là từ miếng ăn cho đến tấm mặc, để lo bố thí giúp người, tham gia các công tác từ thiện xã hội. Thỉnh thoảng, bà cùng các bạn đạo như bà Nguyễn Thị Thoại, Nguyễn Thị Chín,... đi cầu nguyện làm tuần, hộ niệm cho bạn đạo quanh vùng và thường xuyên tham dự các khóa niệm Phật tổ chức tại chùa Thanh Quang, chùa Tây Lâm Phước hoặc các nhà của chư đồng đạo, dù hoàn cảnh thời tiết mưa nắng thế nào, bà cũng không vắng mặt. Con cháu cũng như xóm giềng, ai cũng đều cảm mến hạnh đức của bà.

Hằng ngày, bà cũng thường khuyên nhắc các con cháu phải biết lo tu hiền, tin sâu Phật Pháp. Mỗi khi nói chuyện với ai, bà cũng chỉ đề cập đến chuyện tu hành niệm Phật mà thôi, bà chưa hề nói chuyện bông lông và chuyện xấu dở của người.

Đến năm 83 tuổi, do vì lớn tuổi, đi lại không thuận tiện nên bà chỉ ở nhà, chuyên lo niệm Phật; không còn tham dự những khóa tu ở các nơi như trước nữa. Mỗi ngày, bà hành trì bốn thời, lễ Phật xong thì bà ngồi niệm Phật từ một tiếng rưỡi cho đến hai tiếng đồng hồ. Sau giờ cơm trưa, bà đi kinh hành, niệm Phật chín vòng rồi mới đi nghỉ, ngày nào cũng đều đặn như thế không thiếu sót. Ngoài ra, trên tay bà lúc nào cũng có chuỗi để lần niệm Phật. Rảnh rỗi, bà cũng thường nghe băng đĩa, bà thường nghe đi, nghe lại nhiều lần và tâm đắc nhất là quyển Khuyến Thiện của Ngài Vô Danh Cư Sĩ.

Thỉnh thoảng, có liên hữu Tư Đạm, Tư Rô,... ghé thăm, hướng dẫn về pháp môn Tịnh Độ và sách tấn tinh thần cho bà thì bà chăm chú lắng nghe và tỏ vẻ thích thú lắm!

Cũng trong thời gian này, do bà có tính cẩn thận chu đáo, phần thì thấy mình đã quá lớn tuổi, lại thêm con cháu trong gia đình chưa am hiểu gì nhiều về Phật Pháp, nên bà đã âm thầm chuẩn bị sắp xếp mọi thứ về hậu sự của mình, từ y phục cho đến cách thức hộ niệm và việc chôn cất...

Bà có thói quen khi nào bệnh, bất cứ là bệnh gì thì thỉnh nước cúng uống với giấy vàng, trước khi uống, bà chí tâm cầu nguyện nên tất cả đều biến thành linh dược. Do con bà không hiểu và không tin bèn đem giấy vàng cất giấu đi nên đến tháng giêng năm 2010, bà đi cầu nhiều lần và nôn ra rất nhiều chất bã màu đen, gia đình lập tức đưa đi bệnh viện, mặc dù bà không muốn nhưng vẫn chiều theo ý các con. Đến Bệnh Viện Thốt Nốt, bác sĩ chẩn đoán là bệnh "xuất huyết dạ dày". Điều trị khoảng một tuần thì xuất viện. Về nhà, thời gian không lâu thì bệnh lại tái phát. Có lần mất máu nhiều quá, phải chuyển xuống Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ để truyền máu, mỗi lần truyền khoảng 600 - 800ml. Bệnh cứ dây dưa như thế suốt gần hai năm. Mặc dù bệnh khổ nhưng tinh thần của bà rất vững, chưa hề quạu quọ, rên than, bà chỉ nằm im niệm Phật, ai đến thăm, bà cũng chỉ lo lần chuỗi niệm Phật.

Vào khoảng cuối tháng 5 năm 2012 bà phát bệnh trở lại, lần này thể lực của bà suy giảm trầm trọng, sau một tuần lễ thì bác sĩ cho bà ra về vì thấy bà đã quá già yếu. Về nhà, bà không còn đi lại được nữa, cũng không còn tự chủ được về sự tiện lợi, vệ sinh của mình, bà phải hoàn toàn nhờ vào sự chăm sóc, giúp đỡ của con cháu.

Lúc này, tay của bà yếu, không còn lần chuỗi được nữa nhưng trái lại, bà rất tỉnh táo, không hề tỏ vẻ khổ đau, sợ hãi, lúc nào bà cũng nhép môi niệm Phật. Mỗi khi đau đớn nhiều, bà càng niệm Phật tha thiết, bởi muốn cho con cháu khỏi phải khổ cực vì phải lo chăm sóc cho mình nên lúc nào bà cũng tha thiết niệm Phật, cầu sớm được Đức Phật rước về Cực Lạc. Bà hạn chế tối đa về việc ăn uống, có khi chai nước lọc, bên cạnh chỗ nằm để thấm giọng mà bà uống rất lâu ngày mới hết.

Có đêm nọ, bà đau nhiều quá, bà chí thành niệm Phật, cầu xin Đức Phật sớm tiếp dẫn bà về Cực Lạc. Một lát sau, bà nghe văng vẳng bên tai có tiếng nói: "Con hết đau rồi!". Sáng lại thì bà cảm thấy trong người nhẹ nhàng, không còn đau nữa. Từ đó, bà càng vững tin hơn vào công đức của câu Vạn Đức Hồng Danh, sự tín tâm, nguyện tâm của bà ngày càng thêm tha thiết và sâu chắc hơn nên bà cũng kể cho một ít bạn đạo nghe về điều huyền diệu này, những mong khích lệ lẫn nhau.

Đến ngày 22 tháng 7 năm 2012, vào khoảng 4 giờ chiều, bà mệt nhiều. Bà nhờ con cháu đưa bà ra bộ ngựa nhà trước rồi mời đồng đạo đến hộ niệm cho mình.

Hay tin bà mệt, chư liên hữu xúm lại cầu an và luân phiên hộ niệm xuyên suốt cho bà, lúc ấy, bà vẫn nhép môi niệm Phật theo.

Trước khi mất 15 phút, bà nhờ con cháu đỡ ngồi dậy, bà ngược mắt nhìn lên ngôi Tam Bảo rồi khoát tay bảo đỡ nằm xuống, cứ như vậy đủ ba lần. Sau khi nằm xuống, bà nằm nghiêng bên phải rồi đưa mắt nhìn quanh mọi người đang hộ niệm như ngỏ lời cảm ơn và từ giã, rồi bà an nhiên chấp tay niệm Phật mà ra đi trong âm thanh vang rền Phật hiệu của hơn hai mươi đồng đạo. Lúc ấy, đúng 3 giờ 15 phút, chiều ngày 23 tháng 7 năm 2012. Bà hưởng thọ 90 tuổi.

Sau 12 tiếng hộ niệm, gương mặt bà càng thêm rạng rỡ, vui tươi, hai tay vẫn còn chấp nơi ngực, trong tư thế nằm nghiêng kiết tường, các khớp xương đều mềm dịu. Điểm đặc biệt là trước khi mất hai tháng, lưng bà bị gù rất nặng, không thể nằm ngửa được, mà chỉ nằm nghiêng một bên. Nhưng sau khi mất, lưng bà không còn gù nữa, mà nằm ngửa trở lại được. Chư liên hữu khám nghiệm thì toàn thân bà đều lạnh, duy chỉ có đỉnh đầu còn nóng.

Lúc bình thời, bà luôn mong mỗi con cháu của bà sớm lo tu hiền, ăn chay niệm Phật để sau này, linh hồn cũng được Đức Phật tiếp dẫn. Lòng thành của bà như được cảm ứng, sau khi chứng kiến sự ra đi của bà thì người con thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư của bà đều phát tâm trường chay, những vị còn lại cũng phát tâm sớm chiều lễ Phật và dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày, hầu cố gắng noi theo gương hạnh của bà.

(Thuật theo lời ông Lê Văn Sáu, bà Nguyễn Thị Đức, con trai và dâu thứ Sáu của bà, cùng Ban Hộ Niệm)

3. Bà Nguyễn Thị Xinh (1916 - 1983)

Bà Nguyễn Thị Xinh tục gọi là bà Tám Gia sinh năm 1916. Cư ngụ tại ấp Thạnh Lợi I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Nguyễn Văn Khéo, mẹ là Nguyễn Thị Cam. Bà có hết thảy là chín chị em và đứng thứ Năm trong gia đình.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Trần Văn Gia, người cùng lối xóm, sinh được một người con trai duy nhất, sau nuôi thêm một cô con gái. Định cư tại chợ xã Trung An, nhà số 109, tổ 12. Sinh sống bằng nghề buôn bán và làm rẫy.

Tính tình của bà rất hiền lành, cần kiệm, thích bố thí.

Thuở nhỏ vì gia đình nghèo nên bà không được đi học, đến năm 30 tuổi, bà học lóm trong cuốn văn mà đứa con đang học. Mỗi khi rảnh bà đọc theo, dần dà kinh sách bà đọc được hết. Ký ức của bà rất tốt, kinh kệ đọc qua vài lần là bà thuộc liền.

Năm 1967 bà bắt đầu tập ăn chay, lễ bái và kết giao với các bạn đạo như là bà Ba Vàng, bà Trương Thị Hân, bà Nguyễn Thị Chín... mạnh mẽ làm các việc phước thiện hơn trước.

Đến tháng 10 năm 1970, bà phát tâm trường chay và có ý định chuyên tu. Bà nói với Hai Thành:

- “Con cất cho mẹ một cái cốc để mẹ lo tu hành giải thoát. Còn mấy cái đồ kinh doanh này là mấy cái đồ giả... Mẹ hồng còn ham muốn giữ nó làm gì con ơi! Mẹ giao hết cho cha con và con làm gì thì làm, chứ mẹ hồng có còn nghĩ gì tới nữa hết!”

Thấy vậy, ông chồng liền than rằng:

- “Gia đình đang làm ăn phát đạt mà mẹ mày không lo tiếp, sau này thất bại, nghèo khổ người ta sẽ chê cười!”

Nhưng bà vẫn nhất quyết giao mọi việc lại cho chồng con.

Từ đó, bà thường đến những liên hữu đã tu trước. Có khi đôi ngày mới về nhà một lần, có khi đến năm, bảy ngày mới về. Thấy vậy, Hai Thành hỏi:

- “Mẹ đi đâu mà lâu quá mới về?”

Bà đáp:

- “Mẹ đi kiếm nơi ẩn nấu để lo tu hành.”

Đến năm 1974, bà thường hay đến chùa và đi viếng vùng bảy Núi ở Châu Đốc cùng với một số bạn đạo. Bà còn bảo con mua cho một cái máy thu băng để bà nghe kinh giảng. Mỗi đêm bà thường mở máy từ 3 giờ khuya.

Biết được quyết tâm tu hành tha thiết của bà, nên chồng và con mua nửa công đất cách nhà 1700 mét, ở xóm dưới, cất một gian nhà để bà tiện bề tấn đạo và cho đứa cháu gái lo việc chăm sóc hằng ngày, vì bà cũng thường nhức đầu cảm lạnh.

Có được gian tịnh thất thích hợp với sở nguyện, bà tinh chuyên lễ bái, chí thành niệm Phật, tha thiết cầu sanh Tây Phương. Bởi vì:

“Ngôi niệm Phật thì ai cũng niệm,
Nhất tâm không xao xuyến ít người.
Tâm như chong chóng giữa trời,
Phật thì một niệm còn mười niệm ma.
Các việc xấu nhớ ra trước nhất,
Kể tay chơn buồn bực mỗi mê.
Rồi ma buồn ngủ chạy về,
Phật quên niệm đến khói mê phủ vào.

Không cần hỏi ông nào cũng biết,
Niệm thế bao giờ Phật chứng cho.
Khác nào nôi gạo mới vo,
Bắc lên nhắc xuống bao giờ chín cơm.
Mục đích việc sớm hôm niệm Phật,
Là để cho chấm dứt niệm tà.
Chỉ còn một niệm Di Đà,
Để nhờ Phật rước sang qua Liên Đài.
Có thật cảm Phật Ngài mới chứng,
Niệm lơ là Phật chứng vào đâu.”

Năm 1979, sau khi chồng mất bà cảm nhận:

“Dầu tiền của lầu đài muôn dặm,
Khi chết rồi cũng nắm tay không.
Chẳng đem một cát một đồng,
Chỉ ôm tội phước trong lòng mà thôi.”

Nên bà hạ quyết tâm:

“Thân là giả thân,
Đời là tạm đời.
Ham mấy cũng bỏ,
Mê mấy cũng thôi.
Đạt vọng tiêu theo xác,
Dục lạc tan theo hơi.
Dã tràng luống công xe cát,
Phút giây bao lượn sóng đùa trôi.
Lấy đó mà suy rộng,
Việc trần sẽ thối lui.
Cầu được thân sen hồn Phật,
Dứt đường sinh tử luân hồi.”

Kể từ đó, bà càng tinh chuyên hành trì thêm hơn.

Đến ngày mừng 8 tháng 6 năm 1983 Hai Thành đi Thốt Nốt ghé thăm, bà dặn:

- “Chiều nay con xuống ăn cơm với mẹ.”

Trong lúc dùng cơm, Hai Thành và đứa cháu nội vừa ăn vừa trò chuyện, bà lại bảo:

- “Con về nói với vợ con, mai làm bánh cho mẹ ăn.”

Còn nói:

- “Mẹ sắp về Phật rồi!”

Hai Thành không tin nên hỏi:

- “Làm sao về được? Về bằng cách nào?”

Bà đáp:

- “Tới ngày đó con biết liền.”

Sáng hôm sau, cô con dâu đã chuẩn bị sẵn bánh, dự định tan phiên chợ sáng sẽ đem xuống cho bà. Chẳng ngờ bà lóe mắt lên tới, vì lúc này trời mưa tầm tã. Vừa lên tới nhà bà nói:

- “Trời mưa hoài đi bộ không được nên mẹ đi xuống, lên đây ngủ một đêm, đến 12 giờ mẹ theo Phật.”

Hai Thành vẫn hoài nghi, vội bảo vợ dọn bánh cho bà ăn. Bà nói:

- “Mẹ lạnh quá, không ăn được.”

Hai Thành bèn nhóm lửa hơ cho bà, vì mưa ướt cả người. Bà bảo:

- “Trùm mền lại cho ấm, và rước anh Ba Thơm (Lương y gần đó) đến xem mạch cho các con biết mà lo, chứ mẹ không sợ chết đâu. Trước sau mẹ cũng về với Phật, đêm nay đúng 12 giờ.”

Hai Thành nói nhỏ với vợ:

- “Mẹ như vậy chẳng lẽ chết sao? Mẹ có đau gì đâu! Nếu 12 giờ mà không có như mẹ nói người ta sẽ cười.”

Bà lại bảo cô con dâu sai mấy đứa cháu qua nhà bà Ba Vàng vốn là bạn thân thiết của bà, xin ba bông sen để bà cầm về Phật. Nhà bà Ba ở rạch Sa Mau, cách nhà bà chừng một cây số. Chiều tối, đứa cháu nội đến xin bông, bà Ba đốt đèn đi hái bông sen nhưng chỉ được hai bông, bà mới ngắt thêm một bông huệ gộp chung cho đủ ba, rồi bà giao cho đứa bé. Đứa cháu nội đem về trình lên bà, bà nói:

- “Vậy cũng được!”

Đến chiều tối, thầy lương y mới tới. Bà nói:

- “Nhờ anh Ba xem mạch giúp, có sao nói vậy, cho con cháu tôi biết. Tôi không sợ chết đâu anh Ba à!”

Chẩn mạch xong thầy lương y đáp:

- “Mợ tám không sao đâu, chỉ tỳ hơi yếu và bị lạnh thôi. Khởi hốt thuốc!”

Ông nhắc lại đến hai lần.

Khi thầy Ba ra về, bà nhờ đưa ra bộ ngựa phía trước, đến 9 giờ 40 phút, bà mệt nhiều bà con xung quanh xúm lại khoảng 20 người hiệp cùng gia đình niệm Phật. Một lát sau bà hết mệt, kêu Hai Thành đến dặn dò hậu sự:

- “Khi mẹ vắng sanh rồi con phải làm theo lời dặn, chớ trái ý:

- 1- Sau 8 giờ mới được động đến thân.
- 2- Dùng 7 miếng vạt để cất xác.
- 3- Trong thân tộc và con cháu khiêng đi chôn, không nên mượn người ngoài làm nhọc bà con.
- 4- Tuân thất và cúng phải làm chay.
- 5- Không được đem theo món gì, quần áo còn tốt nên bố thí cho người nghèo.
- 6- Chôn mả đất, đừng làm mả đá.
- 7- Ngày giỗ có chi cúng này, hãy cúng chay chớ dùng cúng mặn, tội lắm!

Con phải nghe lời dặn của mẹ, ở lại ráng lo tu hiền!”

Nhấn nhủ xong bà hỏi:

- “Mấy giờ rồi?”

Lúc đó 11 giờ 50 phút đêm. Hai Thành đáp:

- “Mới hơn 10 giờ.”

Vì sợ nói mà không làm được như lời sẽ bị người ta cười, nên Hai Thành mới đáp như thế. Bà bảo tiếp:

- “Đưa ba cái bông đây để mẹ cầm về Phật”

Bà cầm lấy bông và chấp tay vào ngực, bắt đầu thở mạnh.

Khi ấy, cô ba Liên nhà kế bên lấy dầu nước xanh hiệu con sóc thoa vào mũi bà, bà bèn nói:

- “Cô đừng thoa vô, chất dầu này là đồ uế trược lắm. Mau lấy khăn nhúng nước lau sạch, mau đi!”

Khi cô con dâu lau rồi bà gật đầu và nói lời cuối cùng:

- “Bà con ở lại ráng tu hiền đặng về Phật !”

Nói xong bà thở hơi ra, từ từ buông ba bông rơi xuống nằm trên ngựa rồi xuôi tay, thẳng chân nhẹ nhàng ra đi. Lúc này là 0 giờ 5 phút ngày 10 tháng 6 năm 1983, ở bên ngoài những người

CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM

xung quanh thấy trên nóc nhà của bà sáng hực, họ ngỡ là nhà cháy, ba bốn người cầm thùng cầm thao chạy xuống sông mức nước, ba bốn người chạy đến nhà đập cửa, đúng lúc bà vừa mới mất. Đồng đạo hay tin lần lượt kéo tới hộ niệm đến 9 giờ sáng. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Gần đến giờ liệm, liên hữu Tư Thiệp (bà con cô cậu ruột với Hai Thành), nói với Hai Thành rằng:

- “Mợ Tám chắc ăn đã về Phật rồi!”

Hai Thành hỏi:

- “Làm sao anh biết?”

Tư Thiệp đáp:

- “Chú mày không tin, sờ đỉnh đầu đi! Nó nóng như đưa tay vô nồi cơm đang sôi vậy đó!”

Hai Thành y theo lời, quả thật nóng rang cả bàn tay. Cái chết của bà thật đẹp thật bình yên, cũng chính là nỗi ước ao của bao người con Phật:

“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc,
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.”

(Thuật theo lời Hai Thành, con trai của bà)

4. Bà Trương Thị Hân (1903 - 1984)

Cụ bà Trương Thị Hân sinh năm 1903, tại xã Thới Long, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ.

Khi lập gia đình, về cư ngụ tại rạch Xẻo Cuông, ấp Thạnh Lợi, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Bà có hai người con, một trai và một gái.

Tính tình cụ đôn hậu, hay làm phước giúp người, ăn chay mỗi tháng 10 ngày và mỗi năm 3 tháng.

Bà hay đi đây đó để bán thuốc cao (cho chùa Tiên Sơn, gần pháo đài Núi Sam- Châu Đốc) nên cũng thường khuyên người niệm Phật, làm lành.

Đến năm 61 tuổi, nhờ gần gũi với chư liên hữu và nghe đọc kinh kệ bà bèn phát tâm trường chay sớm chiều lễ Phật, lánh dữ làm lành, chuyên tâm trì niệm Lục Tự Hồng Danh, nguyện cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Thường ngày bà rất thích đọc đi đọc lại mấy đoạn sám kệ:

“Đi đứng niệm Di Đà,
Nằm ngồi trì Lục Tự.
Thức cũng tưởng A Di,

Ngủ cũng ghi Sáu Chữ.
Nói cũng nhớ Nam Mô,
Nín cũng ôm Phật sự.
Cực Lạc muốn vãng sanh,
Cứ y hành như thử.”

Và:

“Ở chỗ vắng không người,
Cũng như nơi đô hội,
Bình tĩnh niệm A Di,
Chăm nom Bồ Đề cội,
Nếu tà ý còn sanh,
Bởi Phật tâm còn rồi,
Khéo điều khiển lòng mình,
Đường Tây Phương một lối.”

Bà chung sống với cô con dâu thứ ba(cô này rất có hiếu) và đứa cháu nội (vì con trai đã mất).
Càng lớn tuổi, bệnh mắt của bà phát triển dần, sau đó không còn thấy đường. Tuy vậy, sự tu
ngày một tăng tiến, tâm luôn thanh tịnh, không lo lắng đeo mang gì cả, rất tự tại. Tương ứng với
lời thi:

“Ngày tháng trôi âm thầm trì Phật hiệu,
Mặc tình đời đàm tiếu lẫn chê khen.
Quảng ưu tư toan tính chuyện sang hèn,
Tâm niệm Phật lòng mơ màng cõi Phật.
Nay thân tuy phàm chất,
Mà hồn đạo Liên Bang.
Thế duyên không bận buộc,
Mai quyết đảo Tây Phang.”

Vào lối tháng 2 năm 1984, một hôm bà nói với đứa cháu:

- “Ba ngày trở lại đây cậu Ba con ghé thăm!”

Đứa cháu nghe xong cũng không mấy để ý. Quả thật cư sĩ Thiện Căn (tức cậu đứa bé) đến
thăm. Khi xuống xuống bơi qua rạch để rước, vừa gặp mặt bé vui vẻ thỏ thẻ:

- “Bà nội hay quá!”

Cư sĩ chả biết ắt giáp gì cả, liền hỏi.

Bé đáp:

- “Hôm qua nội nói: ba ngày trở lại đây cậu Ba con ghé thăm, quả nhiên hôm nay cậu ghé thật!”

Cư sĩ vào nhà thăm cụ, như những lần trước, thường sau khi hỏi han xong, đều đem những điểm chính yếu của Tịnh Tông để khuyên tấn cụ. Vốn xuất thân từ nghề giáo nên cư sĩ giảng giải gọn gàng, mạch lạc, thứ lớp dễ đón nhận, bà rất hoan hỉ khát ngưỡng, thích thú lắng nghe, vừa nghe, tay vừa lần chuỗi niệm Phật. Khi giã biệt, cư sĩ khích lệ cụ rằng nhớ niệm Phật, cụ khẳng định:

- “Đây là số vốn về Tây Phương, làm sao quên được!”

Cách nửa năm sau, cư sĩ lại ghé thăm. Lúc ra về cư sĩ nhấn mạnh với cụ:

- “Bác ạ! Mình là người đi xa phải chuẩn bị cho kỹ nghen bác!”

Bà chấp tay niệm lớn:

- “Nam Mô A Di Đà Phật”

Thay thế cho câu trả lời.

Trước khi mất 7 ngày, là ngày 11 tháng 11 năm 1984, cụ gọi con gái, cô con dâu và các cháu lại dặn dò:

- “Khi má mất rồi không nên đem theo gì cả, quần áo còn lại, cái nào tốt đem cho người ta!”.

Mọi người đều lấy làm lạ, vì thấy bà mạnh khỏe bình thường đâu có bệnh hoạn gì đâu!

Sáng ngày 18 tháng 11 năm 1984, cô con gái nói với cụ:

- “Để con nấu nước cho má tắm nghen!”

Bà đáp:

- “Má đã tắm từ lâu rồi con ạ!”

Đến 10 giờ cụ thay y phục và mặc áo tràng vào, rồi yên tĩnh niệm Phật.

Tới 3 giờ chiều (15 giờ), bà nắm tay cầm xâu chuỗi để trước ngực và chấp hai tay, yên lặng, lần lần xâu chuỗi rơi ra, hai tay để ngay ngắn hai bên, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, nét mặt vui tươi rạng rỡ lạ thường. Đây quả thật là còn sống mà an lành đi theo Phật, chứ không phải chết. Bà hưởng thọ 81 tuổi.

(Thuật theo lời của cư sĩ Thiện Căn và cháu nội của bà)

5. Bà Nguyễn Thị Chín (1913 - 1994)

Bà Nguyễn Thị Chín sinh năm 1913, nguyên quán tại rạch Xẻo Công, ấp Thạnh Lợi I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà lập gia đình, sinh được năm người con thì chồng mất, lúc đó bà 31 tuổi. Ít lâu sau, bà tái giá với ông Nguyễn Văn Lát, người cùng xứ sở, sinh thêm một gái và một trai. Nghề nghiệp chính là làm ruộng.

Tính tình của cụ rất hiền hậu, chân thật, hòa nhã với mọi người.

Vào khoảng tháng 4 năm 1969, lúc đó bà 56 tuổi, bèn phát tâm trường chay. Mặc dù thất học nhưng ký ức của bà rất tốt, kệ sám nghe qua vài lần liền thuộc lòng.

Kể từ lúc ông chồng mất, kinh tế gia đình lần lần sa sút, rồi rơi vào hoàn cảnh cơ hàn nghèo khó, thiếu thốn mọi mặt, nhà thì quá chật hẹp, cơm gạo không đủ ăn cho nên bà đã cảm nhận sâu sắc về lẽ vô thường và nỗi khổ của kiếp nhân sinh. Đúng như lời cảnh tỉnh của chư Cổ Đức:

"Cõi Ta Bà thế giới,
Hữu hình thì tất hoại.
Vạn vật chung số phần,
Chẳng phải riêng nhân loại.
Ai cũng lo giàu nghèo,
Ai cũng lo thắng bại.
Giàu nghèo rồi cũng thôi,
Thắng bại rồi cũng bãi.
Người đời không trường sanh,
Sự vật chẳng tồn tại.
Vật nổi nhau tiêu tàn,
Người nổi nhau chết mãi.
Cách sống có nhiều phương,
Cách chết có nhiều loại.
Sống đều sống không lâu,
Chết đều thân tan hoại."

Bạn đạo thân thiết với bà là bà Ba Vàng, bà Nguyễn Thị Xinh, Trương Thị Hân,... thỉnh thoảng, thường rủ nhau đi cầu an cầu siêu hoặc cùng nhau niệm Phật.

Trong hàng thân quyến có vị thông hiểu giáo lý nên mỗi khi đến thăm, đều khuyên bà ráng tu để mà giải thoát. Giảng giải tận tường về lý nhân quả, diễn tả cảnh thù thắng của thế giới Cực Lạc, nơi mà không còn một mảy may khổ đau như nhiễm, với 48 lời đại thế độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà, cuối cùng, hướng dẫn bà phát nguyện vãng sanh và chí thành niệm Hồng Danh của Ngài, trong mọi oai nghi, mọi thời, mọi lúc, không phân ngày đêm, không chia sớm tối. Thế là, bà vui vẻ thực hành vì nhận thấy cảnh khổ của chính mình, của gia đình mình và của

tất cả chúng sanh, lòng tin của bà ngày càng sâu chắc, công phu ngày một chuyên cần, xâu chuỗi không lúc nào rời tay. Những mong:

“Lòng luôn cho đời là vật hoại,
Nên chán không nên quấy vào tâm.
Mượn giả thân mở đạo huyền thâm,
Lấy kiếp giả để làm kiếp thật.
Sống thác vẫn một lòng theo Phật,”

Năm 1985 mắt bà bị cườm, dần dần không thấy đường nhưng vẫn tự chăm sóc, sinh hoạt cá nhân bình thường. Trong nhà chỉ có cô con gái thứ Bảy, hằng ngày bán bánh bò và tương chao nuôi bà, vì cô này sống độc thân, trường chay, tu hạnh xuất gia, còn người con trai thì đi làm ở xa. Lúc này bà niệm Phật tinh chuyên hơn, thường ngồi niệm Phật mãi, có khi suốt cả đêm.

Vào khoảng tháng 4 năm 1994 bà nhiễm bệnh rất nặng, song dần dần thuyên giảm, ba tháng sau bỗng nhiên tái phát, mỗi lúc một nghiêm trọng.

Đến ngày 27 tháng 7 năm 1994 cụ ngưng ăn, chỉ uống nước trắng mà thôi. Tình trạng này kéo dài suốt 50 ngày, mặc dù đau nặng nhưng cụ rất tỉnh táo, tay vẫn luôn lần chuỗi. Thấy thể trạng của bà rất nguy kịch, có người bàn với cô con gái của bà nên đi coi thầy. Cụ nghe được, ngăn lại và nói:

- "Bỏ đi đoạn mới thấy đạo màu."

Vào ngày 15 tháng 9 năm 1994, cụ nói với con:

- "Mẹ thấy cảnh hoa sen và hoa cúc nở rộ đẹp lắm!"

Và còn nói:

- "Má thấy có người tướng mạo đẹp lắm, cho má biết bảy ngày nữa, má sẽ về Phật!"

Từ lúc ấy về sau, thần sắc của bà luôn vui vẻ khác thường.

Ngày 17 tháng 9, cụ bảo con gái đi gọi hết các con lại để bà gặp mặt lần cuối. Cũng ngày này, bà ngưng luôn uống nước, liên tiếp ba ngày.

Khoảng 1 giờ sáng ngày 21 tháng 9 năm 1994, có một luồng ánh sáng thật sáng, rọi xuống mừng, con trai thứ Năm đang hộ niệm cho bà, cứ ngỡ là đèn của người đi soi cá, vì lúc này, vào mùa nước nổi.

Đến 6 giờ 30 có bà con lại thăm, trong đó có liên hữu Lâm, anh hỏi bà:

- "Bà còn nhớ niệm Phật không, bác Chín ?"

Cụ gật đầu.

Liên hữu đề nghị:

- "Đâu bác niệm lớn thử coi!"

Cụ liền cất tiếng niệm lớn, âm thanh rõ ràng, mọi người đều nghe. Hộ niệm đến 7 giờ 30, tay cụ đang lặn chuỗi, bỗng lặng yên mà qua đời. Cụ hưởng thọ 81 tuổi.

Bốn tiếng đồng hồ sau, rất nhiều đồng đạo khám nghiệm tử thi thì thấy các nơi đều lạnh, duy đỉnh đầu hãy còn nóng ấm.

Một liên hữu thường đi đây đó quảng bá Phật Pháp, đã kính cẩn dâng lên bà mấy dòng thi như sau:

"Xẻo Tràm cô Chín xã Trung An,
Tám mươi một tuổi chết thanh nhân.
Chạy lạt hăm lăm, năm tháng lẻ,
Quyết lòng niệm Phật đến Tây Phang.
Ấm lạnh tình đời không vướng bận,
Khen chê được mất cũng chẳng màng.
Biết được bảy ngày nương Phật cảnh,
Mới hay Tịnh Độ diệu muôn ngàn!"

(Thuật theo lời cô Nguyễn Thị Long, con gái thứ Bảy của bà)

6. Cô Lương Thị Mọn (1950 - 1978)

Cô Lương Thị Mọn sinh năm 1950, cư ngụ ấp Thạnh Lợi I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên là Lương Văn Ứng, mẹ là Nguyễn Thị Lũy.

Cô mồ côi mẹ từ thuở lên 10 tuổi, ít năm sau, cha tục huyền nên cô phải sống chung với người dì ruột.

Tính tình của cô chân thật và nhẫn nhường.

Đến năm 16 tuổi, được người dì bảo trợ cho học nghề may; hai năm sau, cô thành tài nhưng cô chưa có dịp làm ra tiền. Sáu năm sau nữa, mới mở tiệm may ở nhà người cậu, tại chợ xã Trung An vào năm 1974, lúc ấy cô 24 tuổi.

Nhận thấy gia đình hay xảy ra nhiều chuyện buồn, nên ngày 30 tháng 4 năm 1975 (âm lịch), cô phát tâm ăn chay với ý nguyện cầu cho gia đình vui vẻ trong thời gian chay lạt.

Từ đó, cô bắt đầu đọc kinh sách, kệ giảng, nhiều lúc cô tỏ ra rất thích pháp môn Tịnh Độ như quyển “Con Đường Tu Tắt”. Vì vậy cô dùng trường chay luôn.

Đến khoảng tháng 6 năm 1978 cô phát bệnh, sức khỏe yếu nhiều nên không dạy học trò mảy nữa. Thời gian này, cô được người cậu láng giềng là liên hữu Trần Công Danh giảng giải về Tịnh Độ và đem kinh sách trao cho cô xem.

Kể từ giờ phút ấy, cô bắt đầu tinh chuyên nỗ lực niệm Phật không xao lãng và tha thiết nguyện sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Từ Phụ A Di Đà.

Đến ngày 4 tháng 8 năm 1978, bệnh lần chuyển nặng làm cho bác Bảy Biệp nhà bên cũng rất lo ngại nên thường qua nhắc cô ráng nhớ niệm Phật.

Cô nói với các dì rằng:

- “Lúc này con cần được yên tĩnh để niệm Phật, các dì đừng chở đi đâu cho thêm cực nhọc và tốn kém. Con biết bệnh của con không thể hết được vì đây là quả báo con phải đền trả cho sạch trước khi về Tây Phương”.

Tuy nghe thế nhưng các dì nóng lòng vẫn chở cô đi chạy chữa, hết Đông y tới Tây y, bệnh vẫn không thuyên giảm chút nào.

Trong người cô đột nhiên nổi mụn độc, hành cô đau nhức dữ dội. Có người chỉ đâm con còng sống hòa với thuốc uống vô chắc chắn sẽ hết, có kẻ bảo phải cúng “tam tai” thì bệnh mới lành.

Cô nói:

- “Tôi đã nguyện trường chay niệm Phật nên thà chịu chết chứ không làm hại mạng khác để dưỡng mạng sống của mình. Còn cúng “tam tai” là dị đoan mê tín!”
Thế nên cô nhất quyết không làm theo. Trong lúc cơ thể đau đớn cùng cực mà cô vẫn đủ nghị lực để kiên định tín tâm, quả thật ít ai có được. Cô Đức từng khuyên:

“Quyết tu sẽ có ngày đắc quả,
Đúng như câu vạn sự do tâm.
Học Phật đừng quên chữ thậm thâm,
Người bền chí sẽ tầm được Đạo.
Lấy nhẫn nhục chịu khi khảo đảo,
Đem giới răn để bảo vệ lòng.
Việc khó khăn và lúc gai chông,
Đủ nghị lực với lòng tin tưởng.
Cảnh xung quanh có nhiều ảnh hưởng,
Đừng để cho ép uổng được mình.
Trí huệ đem xem xét tận tình,
Thiền định lấy ra bình tâm địa.
Bao nhiêu đó biết lo trau tría,
Thì đường tu không ngã nửa chừng.
Chỉ một đời đủ chứng Phật Thần,
Đâu cần phải xả thân nhiều kiếp.”

Thấy tình hình nguy ngập, các dì đưa cô đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Bác sĩ chẩn đoán là bị “Ung thư tử cung” cần phải phẫu thuật, cô nói với các dì:

- “Con muốn yên tĩnh để niệm Phật chứ không muốn tâm trí mình bỗng nhiên mờ mịt vì bị chích thuốc mê như kẻ không hồn, làm sao còn nhớ niệm Phật được, xin các dì đưa con về!”

Cuối cùng, các dì phải chấp thuận đưa cô về.

Đến ngày mùng 8 tháng 8 năm 1978 bệnh trở nên trầm trọng, cô mệt nhiều, khi đi phải có người dìu. Khuya cô ngủ thiếp đi, mộng thấy Đức Phật A Di Đà hiện đến bảo rằng:

- “Số con đến bây giờ đã hết nợ ở thế gian, con ráng trì tâm niệm Phật trong vòng 3 ngày nữa, Ta sẽ đến rước!”

Cô mừng quá, lay Phật rồi giựt mình thức dậy, sức khỏe cô tự dưng bình phục lại như thường. Cô lau mình, rồi đi dâng hương lễ bái, lòng tràn đầy hoan hỷ, câu Phật hiệu chẳng rời.

Sáng ra, cô kể lại với các dì về điềm mộng đã gặp vừa qua.

Cô tin chắc Phật sẽ rước mình, nên cô dặn các dì lúc hộ niệm đừng khóc lóc, đừng tỏ ra bịn rịn trong khi cô bỏ xác và còn nhiều điều thuộc phạm vi gia đình như: bố thí, phân tán của cải riêng của cô và việc chôn cất...

Bà con hàng xóm nghe tin cô sắp được vãng sanh, rủ nhau đến hộ niệm và cầu an càng lúc càng đông. Họ ở hết đêm này đến đêm khác để quyết lòng thấy cho được giờ phút vãng sanh của cô.

Thế rồi trong đêm thứ ba, sau khi cầu an xong, cô trở nên tỉnh táo lạ thường, cô ngồi dậy cảm ơn hết mọi người. Vì thế có một số đồng anh chị em nghi là cô chưa vãng sanh nên lần lượt ra về, chỉ còn mấy người dì túc trực mà thôi.

Khoảng 12 giờ khuya, bác Bảy nhà cạnh bên có qua thăm thì thấy cô nằm nghiêng bên phải, hơi thở đều đều, ngỡ là cô đang ngủ nên trở về nhà.

Kể đó, em cô vì mỗi một nên định vào thăm lần nữa rồi đi ngủ. Nhưng khi hé mừng thì thấy cô nằm ngay thẳng, hai tay chắp vào ngực, mắt nhắm, vẻ mặt vui tươi, bèn sinh nghi nên rờ thử thì mạch đã hết nhảy, nhưng toàn thân hầy còn ấm, không dám động dậy nhiều, liền báo tin cho Bác Bảy hay để hộ niệm. Lúc ấy 0 giờ 25 phút ngày mùng 10 tháng 8 năm 1978, vì có chuẩn bị trước nên ai cũng lo niệm Phật chứ không khóc lóc thở than.

Trong lúc đó, trên hư không có đạo hào quang sáng rực xẹt xuống nhà cô, bà Hân và rất nhiều người ở xóm xem thấy, bà rất đổi ngạc nhiên và bà quả quyết chắc chắn rằng:

-“Cô Mọn chắc được Phật rước!”

Vì vào mùa nước nổi, có rất nhiều người đang giăng câu, giăng lưới ở ngoài đồng nhìn thấy ánh sáng, ánh sáng lớn quá nên họ ngỡ là nhà cháy.

Mọi người hộ niệm đến 6 giờ sáng, bác Bảy mới khám nghiệm thì các nơi trong cơ thể đều lạnh hết duy có đánh đầu hấy còn nóng. Cô hương dương được 28 tuổi. Sau khi chứng kiến sự vãng sanh của cô, bà con nam nữ quanh vùng đã phát tâm ăn chay niệm Phật tu hành rầm rộ.

(Thuật theo lời của liên hữu Thiện Hảo, Bác Bảy Biệp và chư đồng đạo)

7. Ông Trần Văn Cón (1923 - 1997)

Ông Trần Văn Cón sinh năm 1923. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Ba, thân mẫu là cụ bà Hồ Thị Bảy. Ông có cả thầy là sáu anh chị em và ông đứng thứ Sáu trong gia đình.

Chỗ ở di dời nhiều lần: Xẻo Cách, Xẻo Ổi, cuối cùng định cư tại Kinh Mới thuộc ấp Thạnh Hưng I, xã Trung Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Năm 20 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Thập, sinh được hai trai, năm gái, nghề nghiệp là làm ruộng.

Tính tình ông chất phác, hiền từ, cần mẫn, nhẫn nhường, chưa từng nóng giận. Khi con cháu trong nhà có lỗi lầm, ông khuyên nhắc chỉ dạy bằng lời lẽ dịu ngọt từ hòa, đối với xóm riềng chưa hề mất lòng một ai. Vì thế, ông được mọi người kính mến.

Ông biết đến Phật Pháp rất sớm, ăn chay mỗi tháng sáu ngày, mỗi năm ba tháng và ngồi niệm Phật 30 phút sau mỗi thời lễ bái sáng chiều.

Tháng 6 năm 1987, qua một cơn bệnh nặng, nhằm ngày mùng 2 thấy ông vẫn còn dùng chay, bà vợ liền hỏi:

- “Bữa nay không phải ngày chay, sao ông vẫn còn ăn?”

Ông đáp:

- “Tui đã quyết định dùng trường chay rồi!”

Từ ấy trở đi, ông càng tin sâu vào bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, một lòng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ:

“Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”

Cụ thường khuyên nhủ mọi người cố gắng làm lành lánh dữ, chăm lo niệm Phật trong mọi oai nghi: “Đi đứng nằm ngồi không đợi gì thời khắc”. Thêm vào đó là phải:

“Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp,
Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà.
Nhớ từ bi hai chữ ngậm nga,
Dầu làm lụng cũng là trì chí.”

Thật hành như vậy kiên trì đừng lui sụt tất sẽ đạt kết quả chắc chắn sẽ vãng sanh.

Kể từ lúc phát tâm trường chay, công phu của ông tăng lên ba thời trong ngày, thời gian ngồi niệm Phật cũng tăng gấp đôi. Ông rất thường đọc sách nhưng chuyên nhứt quyển “Khuyến Thiện” và quyển “Cách Tu Hiền Và Sự Ăn Ở Của Một Người Bồn Đạo”. Đặc biệt là ông đọc tới đâu làm tới đó và khuyên bảo mọi người cùng làm. Có lần nọ, ông ra vườn, thấy có người lén đồn chuối, ông âm thầm núp kín, chờ họ vác đi rồi ông mới quay vào nhà.

Ông có cô con gái thứ Năm, sống độc thân chuyên tu ở cốc gần bên nhà, mỗi tối hay qua ngồi gần chiếc võng ở nhà trước hàng ba mà ông đang nằm. Ông thường nói:

- “Con ráng lo tu hiền, niệm Phật quyết định chắc chắn được vãng sanh. Cả đời ba lo làm ăn xem kinh sách ít hơn con... Ba thấy con cái gì con cũng được, chỉ còn một chút xiu chưa được!”

Cô Năm hỏi:

- “Còn cái gì chưa được, thưa Ba?”

Ông đáp:

- “Còn nóng quá! Con ráng nguội lạnh lại. Nóng giận dễ thất bại lắm con ơi!”

Cô nói:

- “Mình tu thì mình phải ráng khắc phục! Trời sanh bản tánh con như vậy, để con sửa từ từ, chớ dứt một lần một, con làm hồng có nổi!”

Quả thật, tai hại của sân giận vô cùng ghê gớm “đồn củi ba năm đốt một giờ”. Cổ Đức đã từng bảo:

“Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng.
Nồi lòi đình đầu có định chùng,
Cho ta biết mà toan giữ trước.
Tánh sân nộ thường làm bạo ngược,
Nên loài người ở cõi thế gian.
Giận hờn nhau thù oán đầy tràn,
Mới có cuộc tranh tài đấu lực.
Hơn tự đắc, khoe khoang đồng sức,
Phải bị người hiềm khích ghét ganh.

Thua hồ người làm chuyện bất lành,
Gây nghiệp dữ oan oan tương báo.
Trong cơn giận kẻ gì nhờn đạo,
Tỷ như con cọp dữ trên rừng.
Gặp thịt toan cầu xé tung bưng,
Phân từ mảnh mới là thỏa dạ.
Diệt được nó tâm trần thông thả,
Ta thường nên tập tánh khoan dung.
Thiệt hành đi đừng có ngại ngừng,
Tha thứ kẻ lỗi lầm ngu xuẩn.
Và nhẫn nhịn đừng ham tranh luận,
Khỏi mất lòng tất cả mọi người.
Tánh thuần lương về mặt vui tươi,
Vây mới đáng tin đồ Phật Giáo.
Nay ta đã quy y cầu Đạo,
Gây gổ là trái thuyết từ bi.”

Công phu hằng ngày của ông âm thầm và đều đặn trải suốt mười năm không lúc tạm dừng. Ông rất ít giao tiếp, ít đi lại, chuyên cần chí tâm trì niệm. Thỉnh thoảng, cũng có khuyến tấn về Tịnh Độ cho một số bà con ở Bắc Vàng hoặc các bạn đạo thân quen.

Vào tháng chạp năm 1996 ông nhiễm bệnh nặng, được bác sĩ Bệnh Viện Đa Khoa An Giang chẩn đoán là “Ung thư gan”, không còn chữa trị kịp nữa và không cho nhập viện. Còn nói mạng sống của ông chỉ còn một tuần nữa thôi.

Thân nhân liền đưa ông về nhà đặt bàn cầu nguyện. Trong lúc cầu nguyện, có người đề nghị nên đưa ông đi Bệnh Viện Thanh Bình ở Bắc Năng Gù vì nơi đó chuyên trị về gan. Gia đình bèn y theo.

Chiều ngày 15 tháng 12 năm 1996, đến nơi lương y khám bệnh xong cũng xác định là ung thư gan, và cũng không cho nằm viện. Người rể thứ Tư của ông năn nỉ và yêu cầu xin nghỉ tạm nơi đây qua đêm vì đường xá quá xa xôi, trời đã tối không còn về kịp. Đồng thời, uống thuốc may ra có thuyên giảm hay không.

Sáng hôm sau, bệnh ông có phần thuyên giảm, thế là ông được nằm viện. Mười ngày sau, thầy thuốc cho về vì thấy ông đã đỡ rất nhiều, mang thuốc về sắc uống tiếp.

Trong thời gian này sự dụng công của ông càng thêm khẩn thiết. Đau ít thì ông niệm Phật thầm, đau nhiều thì ông niệm ra tiếng, càng đau dữ dội chừng nào thì ông càng niệm lớn chừng nấy. Vì thế, người nhà muốn biết ông đau nhiều hay đau ít thì chỉ cần theo dõi tiếng niệm Phật của ông là biết ngay.

Mãi uống thuốc cầm cự dần dần khỏe ra, lúc này ông có thể đi thăm ruộng được. Đặc biệt là ông cứ chằm chằm lo niệm Phật, ít nói chuyện, trừ những lúc khuyên nhắc các con cố gắng tu hành, hoặc khi bàn luận Phật Pháp với chư bạn đạo.

Đến cuối tháng 7 năm 1997 bệnh trở nặng, uống thuốc không còn hiệu quả nữa. Sức khỏe suy sụp rõ rệt, không còn ăn được chỉ uống một ít sữa, các con ông bắt đầu túc trực lo hộ niệm.

Ngày 29 tháng 7 năm 1997, ông bảo con đi mời đồng đạo đến cầu an và hộ niệm cho ông ba đêm.

Sau ba đêm cầu an và hộ niệm đã xong xuôi. Sáng ngày mùng 2 tháng 8 năm 1997, tất cả thân nhân ở xa và bạn đạo từ già ra về. Về chưa bao lâu, ông mở mắt ra hỏi cô Năm, biết được sự tình, ông liền bảo:

- “Thôi! Con chạy theo mời mấy anh em đồng đạo trở lại đây đi, cho Ba nói đôi lời từ già, chiều nay Ba theo Phật!”

Cô ngần ngừ, ông hối thúc thêm một lần nữa cô mới chạy đi, lòng thì luôn phập phồng lo lắng, vì thấy rằng Ba mình tu hành bình thường quá mà... đâu có điểm gì nổi bật đâu. Hơn nữa, ông còn tỉnh táo và khỏe quá, ai cũng nhận định như vậy cả, vậy thì làm sao chết được!.

Khi đuổi theo kịp nhóm liên hữu Hai Bồn, Ba Long... cô lặp lại lời Ba mình và nói thêm:

- “Ba tui đã nói như vậy. Thôi! Các anh quay lại ngồi chơi với Ba tui một chút, cho ông vui!”

Lúc mọi người tề tựu đông đủ con cháu thân thuộc và đồng đạo, có cả hai ông sui trai, đồng đạo Hai Bồn dùng tay nhấn nút chiếc máy ghi âm vừa mới mượn được, rồi cất tiếng hỏi:

- “Chú Sáu! Chú nói chiều nay chú về Phật, chú kêu mấy đứa con trở lại để cho chú nói lời từ già! Mà có thiệt như vậy không?”

Ông đáp:

- “Ừ! Đúng như vậy!”

Hai Bồn lại hỏi:

- “Chú nói chiều nay chú về Phật! Mà lý do làm sao chú biết chú về Phật? Đức Phật, Đức Thầy báo cho chú biết ha gì?”

Ông đáp:

- “Đức Phật, Đức Thầy không có báo cho chú trực tiếp, mà chú tin tưởng vào sự liễu đạo của mình! Thành ra chú nói chú về Phật. Là 4, 5 giờ chiều nay chú sẽ về Phật!”

Cô con gái thứ Năm đến khêu nhẹ Hai Bồn nói nhỏ:

- “Thôi! Anh Hai ơi! Đừng có thâu! Ba tui nói vậy mà lỡ hồng có, người ta cười chết!”

Hai Bồn đáp:

- “Có hay không gì thì tính sau! Tui giữ mà. Hồng sao đâu!”

Anh liền quay sang qua bên ông, hỏi tiếp:

- “Thông thường, người ta trước khi ra đi thường quyến luyến nhà cửa, vợ con... Còn chú trước khi ra đi thì như thế nào? Chú nói cho mấy đứa cháu biết coi!”

Ông liền mỉm cười rồi đáp:

- “Muôn sự vẫn hườn không! Chú ra đi không còn quyến luyến gia đình vợ con gì hết, cháu ơi!”

Hai Bồn hỏi thêm:

- “Vậy chú có nhắn nhủ gì với vợ con thân quyến ở lại điều gì không?”

Ông đáp:

- “Có! Chú nhắc nhở vợ con, thân quyến và mấy cháu ở lại ráng lo tu hiền, chăm chỉ niệm Phật, để nữa mình sẽ gặp nhau ở Tây Phương Cực Lạc. Mấy cháu hằng ngày ráng gìn giữ giới luật và ráng khuyến khích rộng ra cho mọi người biết thức tỉnh tu hành nhen mấy cháu!”

Hai Bồn nói:

- “Chú nói 4, 5 giờ chú mới đi! Thì thôi, dắc này tui con về! Chiều còn đi đám làm tuần, khoảng 2 giờ tui con vô với chú!”

Ông đáp:

- “Ừ!”

Khi đồng đạo lần lượt ra về hết, lúc ấy gần 10 giờ trưa, cô Năm mới nói với ông:

- “Thôi! Bây giờ, con nấu nước tắm gội và thay quần áo cho Ba sạch sẽ nhen!”

Ông chấp thuận:

- “Ừ! Con tắm gội và thay quần áo cho Ba đi! Đúng 2 giờ chiều nay là Ba đi đó!”

Con ông giật mình, liền hỏi:

- “Hồi nãy sao Ba hứa với mấy anh là 4, 5 giờ chiều kia mà?”

Ông đáp:

- “Nói thì nói vậy! Chớ đúng 2 giờ là Ba đi! Chớ hông có 4, 5 giờ đâu!”

Sau khi tắm rửa xong, các con đứng xung quanh niệm Phật với ông. Đến 1 giờ 55 chiều, ông bảo con đỡ dậy để trình ngôi Cửu Huyền. Người con gái thứ Bảy và người con trai Út đồng đỡ ông dậy. Ông nhìn lên bàn thờ Cửu Huyền, rồi chậm chậm đưa mắt chuyển lên ngôi Tam Bảo, luôn nhép môi niệm Phật, giây lát khép hai mắt lại, hai tay xuôi theo thân mình, hơi thở chậm lại. Các con đỡ ông nằm xuống, ông tự sửa tay chân, rồi an tường trút hơi thở cuối cùng, không lộ một nét gì là thống khổ cả. Nhìn lại đồng hồ vừa đúng 2 giờ chiều, nhằm ngày mùng 2 tháng 8 năm 1997. Ông hưởng thọ 74 tuổi.

Sau sáu giờ hộ niệm, khám nghiệm tử thi thì thấy đỉnh đầu hầy còn ấm trong khi các nơi đều lạnh hẳn. Đặc biệt là gương mặt hết sức tươi- vui- sáng- đẹp lạ thường, các khớp xương mềm mại. Rất nhiều người trong thôn chứng kiến sự vãng sanh của ông mà phát tâm trường chay tu hành rất đông.

(Thuật theo lời Nguyễn Văn Mạnh, rể thứ Tư và cô Năm Phước, con gái của ông)

8. Cụ Trần Văn Nghi (1926 – 2007)

Cụ Trần Văn Nghi sinh năm 1926, cư ngụ tại ấp Thạnh Phước I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (nhà đối diện chùa Tây Lâm Phước, tại đầu vàm rạch Xẻo Luông).

Ông tính tình thuần hậu, chất phác. Thuở thiếu niên noi theo cổ tục để búi tóc bới. Đến tuổi trưởng thành, lập gia đình với bà Nguyễn Thị Tỏ, sanh được bảy người con, sáu trai, một gái.

Vào các ngày rằm và 30 âm lịch, ông thường xuyên tham gia các công khoá của chùa, đặc biệt là trọng lễ rằm ngươn vì cha vợ là ông “tù” của chùa Tây Lâm Phước.

Lúc hàn vi, ông sinh sống bằng đủ thứ nghề: làm mướn, hớt tóc... có thời gian đi làm sở Mỹ.

Mãi đến năm 1965, ông vào Cờ Đỏ mở đất lâm khoảng 100 công tầm điền. Thời gian này ông giao thiệp rộng rãi, có uy tín lớn cả một vùng nơi ông canh tác.

Trong trại luôn có sẵn rượu. Đồng ruộng bấy giờ rất phong phú chim, cá, rắn, rùa... hễ lính bắt quân dịch, lần nào đi ngang qua chỗ ông là ông mời lại cho nhậu say rồi thả hết. Sức ký ức của ông rất tốt, nhớ nhiều bộ truyện Tàu như Tây Du Ký... khi kể giọng điệu lưu loát trôi chảy giống như đang cầm bản đọc, cả những câu thi bài thơ trong đó, vẫn không hề lộn thiếu một chữ.

Vào những thập niên 70 trở về trước, phương tiện giải trí ở nông thôn hầy còn thô sơ ít ỏi, ngay cả máy thu băng casset vẫn chưa được phổ biến rộng rãi. Những khi trong nhà có đám tiệc,

người ta hay mời ông đến kể chuyện nhất là vùng sâu vùng xa. Các bà nội trợ phải tranh thủ xách gọt để bu quanh ngọn đèn măng-xông sắp lớp ngồi nghe.

Sau năm 1975, ông về nhà cùng bạn bè “Sáng xin chiều say, tối xách chai mua rượu”.

Đến năm 1979 đêm nọ, ông nằm mộng thấy có một tàu dừa khô rụng nhưng còn dính một tí treo tòn ten trên cao. Chợt ông nhớ lại câu:

“Cư trần bất nhiễm là người Thánh”

Không biết ông hiểu lời Thánh huấn đó như thế nào mà sáng ra liền bảo với bà vợ:

- “Bà à! Sáng nay đi chợ bà sắm cho tôi một khúc vải đen để may bộ đồ bà ba, và mua tương chao tôi ăn chay luôn bà!”

Lúc này trong gia đình, chỉ có bà và người con trai thứ Tư là dùng chay trường.

Thời điểm này, các liên hữu Thiện Hào, Tư Đạm... thường xuyên ghé thăm, giảng giải Phật Pháp, nhất là pháp môn Tịnh Độ, mà căn bản vẫn là tín nguyện trì danh sớm cầu vãng sanh An Dưỡng Quốc, để thoát vòng sinh tử luân hồi.

Hay tin ông phát tâm tu bà con lối xóm ai cũng ôm bụng cười, không cười là không được!

Ông thường xuyên đọc, học kinh điển đại thừa, nhất là Pháp Bảo Đàn Kinh cũng như thuộc lòng những tác phẩm của ông Thanh Sĩ.

Công phu thường nhật của ông là ba thời lễ bái, lấy trì danh cầu sanh Tịnh Độ làm cương yếu.

Khi các con đã yên bề gia thất, ông giao phó hết mọi chuyện gia đình để rộng thời gian chăm lo tu hành và chuyên lo các hoạt động công ích xã hội.

Ông thường đi làm trưởng tộc nói lễ cho rất nhiều đám tiệc cưới hỏi cho bà con xa gần, và thường xuyên đi thăm viếng người chết dù nửa đêm nửa hôm, dù gió mưa giông bão. Ông còn đóng góp công sức thu gom gạo cho Hội Từ Thiện của bệnh viện huyện Thốt Nốt để nấu cơm, cháo cho các bệnh nhân nghèo.

Ngoài ra, ông thường đi làm tuần cầu nguyện khắp nơi trong vùng, những mong đem tâm thành chí nguyện của mình để hồi hướng công đức cho những người quá vãng.

Dòng đời như một dòng sông có lúc êm ả trôi, đôi khi cuộn trào thác lũ, thuận và nghịch luôn đan xen nhau là điều tất yếu của duyên cảnh thường tình, mà bất cứ một hành giả nào cũng phải đón nhận trên con đường hướng đến Bồ Đề.

Muốn cho sinh hoạt thuận tiện với đời sống tu tập, các con của ông đề nghị cất riêng một cái thất gần nhà để cho ông có một không gian yên tĩnh thích hợp cho công khóa hành trì, dù đã nhiều lần bàn tính như thế nhưng ông nhứt quyết khước từ.

Vào khoảng năm 1995, cô con dâu thứ Út là Bồ Tát thứ thiệt khảo nghiệm ông. Rốt cuộc định lực và trí lực của ông hãy còn thiển bạc chưa đủ sức đương đầu với chương ngại bữa vậy nên đã ba bốn lần phiền não, ông bỏ nhà ra đi. Sau đó, ông vui vẻ đối diện nhận chịu.

Mặt khác, tập khí tranh luận vẫn âm thầm không chế ông, mỗi lần gặp các bạn đạo để trao đổi, ông xô thật nhiều... thật nhiều... những kinh giảng mà mình đã thuộc, đặng người nghe bội phục tài năng.

Đồng thời, lắm lúc ông uống bia, khi các huynh đệ khuyên can thì ông bào chữa cho rằng giới chỉ cấm rượu chứ bia thì không có!!!.

Khi tuổi hạc dần dần lên cao, thể lực ngày một suy kém, mỗi lần nạp bia là mỗi lần vật vã có khi phải chở đi bệnh viện. Vừa đau đớn vừa bị con cháu cản nhằn nên ông mới mạnh dạn rút bỏ hẳn thói quen nghiện ngập này và đêm ngày khẩn thiết niệm Phật nhiều hơn, chuẩn bị chu đáo cho chuyên ra đi cuối cùng của cuộc đời. Như lời khuyên nhủ của Cổ Đức :

“Đường đạo pháp keo sơn gắn chặt,
Phải anh hùng thắng giặc trong tâm.
Những gì đã thấy sai lầm,
Liền chừa ngay chớ để làm dây dưa.
Việc đáng chừa rán chừa cho được,
Tội lỗi bao cũng chuộc được ngay.
Con ơi! Kẻo ở trần ai,
Tĩnh con mê được phải đây khó khăn.
Phật xưa cũng trong hàng sanh chúng,
Nhờ quyết tâm mà thắng con mê.
Tâm không nhất quyết một bề,
Ngôi xưa vị cũ khó về ở con!”.

Những tháng trước giờ lâm chung, ông buông bỏ vạn duyên chuyên tâm niệm Phật càng lúc càng nhiều hơn, càng lúc càng tha thiết hơn, suốt ngày ông thường nằm trên chiếc võng treo ngoài vườn yên vắng.

Sau đó, ông sắp xếp tươm tất mọi việc như: viết di chúc để lại, thu dọn kinh sách có ngăn nắp...

Khoảng bốn, năm ngày trước vãng sanh, ông có nói với người con thứ Ba rằng:

- “Tao thấy Phật xuống rước tao, mà rước ở hàng ba trước nhà!”

Nhưng anh này chẳng mấy lưu ý, nghe rồi thôi chứ không hỏi điều gì thêm.

Sáng ngày mùng 8 tháng 8 năm 2007, cũng như thường nhật, ông xuống chợ uống cà phê, đàm đạo cùng bạn bè xong về nhà dùng cơm, rồi xem ti vi một chút, lại quay sang nựng cháu, kể đó lên võng ở hàng ba trước nhà nằm nghỉ, trì niệm.

Bà đến gần hỏi:

- “Ông ăn mít hông? Tôi lột cho ông ăn!”

Ông trả lời:

- “Tôi hông ăn!” (vì mới vừa dùng cơm xong).

Thế là bà cầm miếng mít đi vào nhà lột ăn một mình.

Bà ăn được vài múi gì đó, xong rồi trở ra thì thấy ông đã ra đi từ lúc nào không hay, xem lại đồng hồ vừa đúng 11 giờ trưa. Ông hưởng thọ 81 tuổi.

Trong khi chờ đợi thân quyến tề tựu đông đủ, hộ niệm qua 6 giờ sau, chú Út Be mới khám nghiệm thân thể, từ dưới chân dài lên, các nơi đều lạnh, duy có đánh đầu còn ấm, chú vô cùng kinh ngạc lẫn mừng vui. Chư liên hữu cũng đều rộn rã niềm vui.

(Thuật theo lời liên hữu Xệ, Thiện, Cường)

9. Ông Nguyễn Văn Hai (1875 - 1973)

Ông Nguyễn Văn Hai, tục gọi là ông Hai Núi Cẩm, quê ở Bình Hòa 1, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ông Hai lập gia đình, sinh sáu người con, đều là gái cả. Ông có đức tính điềm đạm, chân thật và thích giúp người.

Khi 62 tuổi, bà Hai qua đời. Ông thường đọc kinh sám, nhận thấy đời người ngắn ngủi giả tạm, kiếp sống vô thường, có sinh tất có diệt, nếu không sớm tỉnh thức tu hành, thì tử thần đến phải gánh lấy khổ đau và tiếp nối tử sinh theo bánh xe luân hồi vô cùng vô tận. Do đó, ông quyết định ly gia vào non Thiên Cẩm Sơn một bề lo phần tu niệm.

Suốt thời gian sống ở núi Cẩm 29 năm trời đăng đẳng, ông Hai chuyên tu Tịnh Nghiệp, sớm tối lễ Phật, trì niệm sáu chữ Vạn Đức Hồng Danh, thiết tha cầu sanh Cực Lạc. Khi tọa niệm an nhàn, lúc nghiên tâm kinh kệ. Nếu có ai viếng non không biết đường ông phát tâm dẫn hộ. Ngoài ra, ông Hai còn có một đức tính rất đặc biệt, là ông không hề tìm nói những lỗi của người, mà lúc nào cũng xét sửa lỗi mình nên ai ai cũng đều kính mến.

Ngày qua ngày mau chóng, khi ông Hai 91 tuổi, các con xin ông trở về Cái Dầu để tiện bề chăm sóc. Bởi tuổi già sức yếu, thường sinh bệnh hoạn, ông cũng tự thấy mình ở núi non đơn chiếc khó khăn nên ông về Bình Long, ở nhà người con gái thứ Hai vì cô này cũng trường chay niệm Phật.

Năm 94 tuổi, ông thấy trong người yếu dần, có lẽ thấy mình sắp sửa bỏ xác nên một hôm, cháu của ông là cô Trịnh Thị Liễu đến thăm và cũng có đủ mặt các con của mình, ông nghiêm nghị nói:

- “Cháu Liễu à! Hôm nay có đủ mặt các cô của con đây. Ông Hai hỏi con nè! Con có thương ông Hai không?”

Cô trả lời:

- “Dạ! Thương!”

Ông nói tiếp:

- “Ồ! Nếu thương thì y lời dặn của ông. Bây giờ, ông còn bình tĩnh sáng suốt lời nói của ông là chân thật ngữ. Các con cháu đã biết chí nguyện của ông, đó là: sống thì giữ giới tu hành; chết thì vãng sanh Cực Lạc. Chứ không có con đường nào khác cả. Nếu lỡ khi nào bệnh nhiều, ai xúi dùng đồ mặn, dù đó là thuốc tiên con cũng khuyên mấy cô của con đừng cho ông uống nữa nghe con! Còn nếu lúc ông lỡ mê không biết, mà con cháu đồ đồ mặn thì khi biết được, ông cũng tự tử mà chết. Còn nếu nghiệp quá nặng nề mà ông đòi ăn bậy bạ thì các con cháu cứ chôn sống ông đi! Chứ đừng chịu theo. Vì đó là ma nói chứ không phải ông nói, lời nói đó là tà ngữ chứ không phải là chánh ngữ nghe con!”

Ông sợ các con ông thương cha trong tình thương mê muội thế gian mà phá hoại trai giới của mình. Mà các con cũng phải trả quả sau này.

Đến ngày 14 tháng 06 năm 1973, ông kêu các con cháu lại rồi dặn dò hậu sự, khuyên nhắc tu hành.

Tới khuya, khoảng 3 giờ ông bảo cô Hai dâng hương đèn các ngôi thờ, rồi đưa cho ông 3 cây hương và 1 cây đèn cầy, còn các con cháu thì mỗi người 1 cây hương, cùng nhau đồng thỉnh niệm Phật. Niệm được một lúc, ông Hai niệm lớn Nam Mô A Di Đà Phật, mỗi niệm ông xá một xá, niệm 3 lần, xá 3 xá rồi qua đời. Ông hưởng thọ 94 tuổi, nhằm ngày 15 tháng 6 năm 1973.

Lúc đó, các nhà lân cận cũng thức sớm làm bánh để đi chợ bán. Họ thấy ánh sáng lạ, không biết điềm gì, chạy ra xem thì thấy ánh sáng từ hướng Tây bay đến nhà ông Hai. Họ vô nhà thì thấy ông Hai vừa tắt thở nên đồng quỳ xuống đánh lễ ông.

Bây giờ cô Hai, người con lớn của ông căn lại nói:

- “Xin bà con đến lạy Phật! Chứ đừng lạy cha tôi! Cha tôi xác phàm, quý vị lạy tổn đức cha tôi, tội nghiệp!”

Họ bèn nói:

- “Không đâu! Ông Hai đắc đạo rồi, xin cô cho chúng tôi lạy để gieo duyên với ông!”

Cô Hai hỏi:

- “Sao quý vị biết cha tôi đắc đạo?”

Họ đáp:

- “Còn gì nữa mà không đắc đạo! Khi ông Hai mất, hào quang hiện sáng cả vùng. Chúng tôi thấy vậy mà không biết điềm gì, cùng nhau chạy lại đây mới hay ông Hai mất đó!”

(Thuật theo lời cô Trịnh Thị Liễu)

10. Ông Nguyễn Từ Tâm (1912 - 1972)

Nguyễn Từ Tâm sinh năm 1912, nguyên quán tại ấp Bình Hưng II, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Cha là Nguyễn Văn Tú, mẹ là Lê Thị Hạnh. Song thân đều mất sớm, tục danh thường gọi là ông Hai Chư. Đến khi trưởng thành, ông lập gia đình, sinh được một người con là Nguyễn Thị Nhuận.

Vì thức tỉnh cuộc đời giả tạm, kiếp sống không lâu, vui ít khổ nhiều thiên tai nhân họa, bệnh lão hành thân, nên ông quá chán ngán cho kiếp phù du, phát tâm Bồ Đề bèn ly gia hành đạo.

Ông vào chùa Từ Quang, chuyên lo tu niệm, chùa này cũng ở xã Bình Mỹ, nơi ông cư trú.

Ông có đức tánh chân thật, hiền lành, hòa ái, vui tươi nên từ lớn chí nhỏ, từ các bạn đồng tu trong chùa cho đến ngoài thôn xóm, từ gần đến xa, ai ai cũng đều cảm mến.

Ông hành trì giới luật tinh nghiêm, trường chay chính chắn, chơn chất tu hành, thiết tha trên con đường giác ngộ giải thoát.

Sau một thời gian nghiên cứu tận tường Phật Pháp, trao đổi giáo lý với các bậc cao minh cùng quý thiện tri thức, ông quyết định chọn pháp môn Tịnh Độ làm nơi quy hướng. Có người hỏi:

- “Tại sao huynh lại chọn pháp môn Tịnh Độ để tu?”

Ông đáp:

- “Sở dĩ tôi chọn pháp môn này để tu là bởi vì pháp môn này dễ hành, dễ thành. Vấn đề trì danh niệm Phật ai cũng làm được: “Sáu chữ nam Mô A Di Đà Phật: đi đứng, nằm, ngồi rảnh niệm chớ quên không đợi gì thời khắc...”.

Hơn thế nữa, tu môn Tịnh Độ ngoài vấn đề tự lực ra, chúng ta còn được diễm phúc nhờ đến phần tha lực rất nhiều, do 48 lời đại nguyện của Đức Từ Phụ A Di Đà. Từ xưa đến nay, đã có vô số người đới nghiệp vãng sanh. Điều đó đủ để hùng biện chứng minh rằng lời đại thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà là chơn thật ngữ vậy! Bao nhiêu sự tích từ xưa đến nay, đều đã được vãng sanh là động cơ mãnh liệt, giúp cho chúng ta thêm niềm tin sâu đậm về pháp môn này.

Còn thời gian tu chứng thì nếu ai thiện căn sâu đậm có thể đắc tam muội hiện tiền, còn chậm hơn thì cũng:

“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc,
Hưởng công niệm Phật rất yên lành!”

Tóm lại, dù căn cơ thế nào, dù nhanh hay chậm gì cũng:

“Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”

Do tham khảo rõ ràng, suy nghiệm kỹ càng minh bạch nên tôi quyết định chọn pháp môn Tịnh Độ này để tu.”

Đức hiên của ông không riêng chỉ cảm hóa nhiều người kính mến, mà luôn đến loài vật cũng cảm ái vô cùng.

Như có một mùa nước nọ, nơi cây cầu tắm rửa, ở ngang hông chùa phía Đông Bắc, có một con cá lóc lớn độ nửa cân thường nằm ở đấy. Vì nước trong dễ thấy, ông Từ Tâm thấy cá lóc dạn quá, dễ thương, bèn lấy tay rờ thử, cá cũng không chạy tránh. Kể từ đó, ông dùng tay nâng nó lên khỏi mặt nước cho người xem, cá vẫn nằm im không giẫy giụa, rồi ông thả cá về nước.

Tin này được đồn lan, khách đến viếng chùa từ nhỏ tới lớn đều yêu cầu ông Hai bắt cá cho xem. Ông đến cầu lấy tay búng mặt nước vài cái và gọi:

- “Lóc! Lóc! Lóc!”

Lóc liền nổi lên, ông dùng tay nâng cá lên cao cho mọi người xem.

Ai nấy trầm trồ:

- “Ngộ quá! Thật ngộ quá!”

Ở phía Tây Nam chùa có cây phượng vĩ to cao, hoa khá đẹp và nhiều cây vú sữa cành lá sum xuê. Chiều nào cũng có các đàn chim bay về để ngủ, trước khi ngủ nó reo vang, như đàm thoại cùng nhau rất lý thú, nhất là các chú chim sẻ. Thấy có một con chim đậu thấp ông Từ Tâm bèn lấy tay rờ thử, nó vẫn không bay.

Ngộ thay! Loài thú cầm nó cũng có linh tánh, biết người hiền nên vẫn an nhiên không sợ sệt.

Ông Từ Tâm vẫn thường hay bệnh hoạn nhưng không nhiều chi lắm, có lần cô Út Đồng đến hỏi:

- “Thưa huynh Hai! Sao mỗi lần tôi đến viếng chùa, đều thấy huynh đội khăn choàng hầu. Bộ ít khi nào huynh mạnh lắm hả huynh Hai?”

Ông đáp:

- “Tôi ít khi nào mạnh lắm cô à! Nhưng thường đau thì không có gì nặng lắm. Tôi nghĩ đó là do nguyên của tôi từ lúc mới phát tâm tu!”

Cô Út hỏi:

- “Huynh Hai nguyện như thế nào?”

Ông đáp:

- “Tôi nghĩ ai cũng có nghiệp, không nhiều thì ít. Có vay thì tất có trả. Khi vay vui vẻ thì lúc trả cũng phải bằng lòng. Nên tôi nguyện nếu có trả quả thì bệnh lai rai, vừa đau nhưng cũng vừa hành đạo được, chừng nào trả hết nghiệp thì sẽ vãng sanh. Nhưng có điều, khi vãng sanh thì đừng đau ốm gì cả. Vì sợ cực khổ cho đồng đạo chăm sóc cho mình nhiều quá.”

Cô Út lại hỏi tiếp:

- “Như vậy, chừng nào thấy huynh mạnh là huynh sắp tịch phải không huynh Hai?”

Ông cười đáp:

- “Dạ! Chừng nào cô thấy tôi hồng hào, thì tôi sắp vãng sanh đó!”

Năm 1972, cô Út có dịp đến viếng chùa Từ Quang, thấy sắc thái ông Hai ra vẻ hồng hào, tươi nhuận. Cô Út hỏi:

- “Thưa huynh Hai! Độ này chắc huynh khỏe lắm hả huynh Hai?”

Ông đáp:

- “Tôi lúc này thật mạnh rồi cô ạ!”

Cô Út liền nhắc lại chuyện cũ:

- “Huynh nguyện khi nào huynh mạnh là sắp tịch! Bây giờ huynh gần tịch chưa? Thưa hiền huynh?”

Ông bèn đáp:

- “Tôi gần tịch rồi cô ạ!”

Sau khi cô Út về không bao lâu, vào mùa đông năm Tân Hợi 1972, ông đi thăm viếng người thân và đồng đạo rất nhiều. Đến đâu ông cũng tha thiết kêu gọi khuyến khích mọi người đều nên niệm Phật, hầu trực vãng Tây Phương, vì nơi ấy rất an lành và vui vẻ lắm!

Ông có đến nhà cô Năm Lý, cô này trường chay đã lâu. Ông khuyến tấn niệm Phật và trao tặng vật lưu niệm. Ân cần dặn dò:

- “Đây là vật kỷ niệm, hễ cô thấy nó là nhớ tôi nhắc niệm Phật, đừng quên nhé!”

* Chúng tôi có ý nghĩ, chắc ông Từ Tâm đã biết được ngày tháng vãng sanh, nên ông đi thăm viếng các nơi, hình như để từ già chứ bình thường ông ít đi đâu lắm, vì tính ông trầm tĩnh, cẩn thận nên những điều gì biết ông chẳng chịu nói ra. Chừng nghe tin ông mất chư liên hữu mới thốt lời:

- “Hèn chi bữa hôm, ông nói hình như từ già thì phải!”

Thiều quang thấm thoát đã đến cuối đông. Đêm mùng 5 rạng ngày mùng 6 tháng chạp năm Tân Hợi 1972, có ông Như Sanh là người bạn tri âm tri kỷ ở trại cây Cần Thơ về thăm. Đôi bạn thâm tình cùng nhau đàm luận rất vui vẻ, nói chuyện cho đến khi đồng hồ báo hiệu 12 giờ khuya, ông Từ Tâm bảo:

- “Thôi chúng ta hãy trở về chỗ nghỉ vì đã đến giờ tịnh tọa!”

Mọi người đều đồng ý trở về liêu xá của mình, sáng sớm bạn Như Sanh đến từ già để trở về Cần Thơ cho kịp giờ buôn bán. Khi đến nơi liêu xá, bước lên gác lầu thốt lời già biết. Không nghe đáp lại, ngỡ bạn ngủ ngon, ông Như Sanh lặp lại lớn hơn nhưng vẫn không nghe trả lời. Ông Như Sanh sinh nghi liền lấy tay sờ thử thì cơ thể cậu bạn Từ Tâm đã lạnh ngắt tự bao giờ.

Ông Như Sanh bèn cho các đồng đạo hay. Khi tề tựu đến, quan sát kỹ thì thấy ông Từ Tâm nằm dài, xuôi tay xuôi chân khỏi sửa, gương mặt vui tươi lạ thường, mền mùng xếp để gọn gàng có trật tự. Nơi cây cột vuông phía Tây có để bằng phấn mấy chữ: “Ngày 6 tháng 12 Từ Tâm tịch”

Nên nhớ rằng thời gian này ông không có bệnh hoạn chi cả. Ông hưởng thọ 60 tuổi.

***Phụ Bình:**

Xuyên qua sự đi thăm viếng thân nhân và đồng đạo.

Qua sự đề ngày tịch trên cây cột.

Qua sự sắp xếp mền mền để có trật tự và nằm xuôi tay khỏi sửa.

Qua gương mặt hân hoan kỳ diệu cộng với sự công phu tu hành chính chắn mấy mươi năm trong đời. Chúng ta có thể quả quyết rằng ông Từ Tâm đã đắc sanh Tịnh Độ, chúng ta nên mừng và nên noi gương Tịnh hạnh ấy.

Từ Tâm đứng bậc hiền
Cảm hóa khắp lảng giềng
Thủy tộc phi cầm mên,

Sự niệm Phật cần chuyên.

Cần chuyên niệm Phật ít rời,
Công phu già giặn biết thời vắng sanh.
Mùng sáu tháng chạp ghi rành,
Viết rõ vào cột cho anh em tường.
Mặt tươi như ngử nêu gương,
Xuôi tay nắm thẳng Tây Phương hồn về.
Ngự nơi tọa bửu Liên Huê!

Tu niệm cần chuyên mấy chục năm,
Sĩ nhân thâm nhập pháp huyền thâm.
Từ như khởi giác trần gian mộng,
Tâm đặc chân truyền Quan Thế Âm.
Gương tốt lưu đời soi mỹ hạnh,
Hiền lành cảm hóa đến sinh cầm.
Đáng nêu ngôn đức vàng son đẹp,
Kính mến người xưa viết để ngâm.
Từ bi thương muôn loại,
Tâm đức mến vạn nhân.
Đáng ghi trang sử đạo,
Kính cần liễn đôi vần.
Tu môn Tịnh Độ rất chuyên cần,
Sĩ quyết về Tây lánh cõi trần.
Từ Phật Bồ Đề tinh tấn xuất,
Tâm không nhiễm tục mãi hoan hân.
Vãng hồi Phật Quốc là chơn nguyện,
Sanh hóa liên hoa ánh rạng ngân.
Cực lực trì danh luôn chẳng dứt,
Lạc bang lai đảo đặc kim thân.

(Thuật theo lời Liên hữu Như Quang)

11. Bà Dương Thị Thu (1948 - 1996)

Liên hữu Dương Thị Thu sinh năm 1948, cư ngụ ấp Bình Phú, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Dương Văn Đốc, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Cảnh. Cô có cả thầy là mười một anh chị em và cô đứng thứ Chín trong gia đình.

Cô phát tâm ăn chay lúc 15 tuổi. Khi đó, trong nhà đã có vài người trường chay trước rồi. Nhằm lúc phong trào chấn hưng Phật Giáo tại Miền Nam rầm rộ, cô cũng có tham gia học lớp Giáo Lý do Bùi Văn Ưởng đảm nhiệm, đồng thời sau đó, cô làm công quả ban hậu cần cho các khóa học tiếp theo ở nhiều nơi.

Khi đến tuổi hoa xuân, cha mẹ cô định bẽ gia thất như bao nhiêu cô gái khác, cô ngỏ ý chối từ nhưng song thân vẫn nhất quyết vì đã lỡ hứa với chàng trai rồi. Vả lại, cha của cô vốn xuất thân từ nhà giáo, luôn giữ chữ tín làm đầu.

Sau ngày lễ hỏi, cô mang đồ nữ trang đến tận gia đình bên nam, nói rõ chí nguyện của mình là khao khát được chuyên tu. Bởi vì cõi đời là bể khổ, có gì bền chắc đâu mà phải nhận chịu trầm luân, khổ đau vĩnh viễn. Cơ hội gặp được Phật Pháp là ngàn năm muôn thuở. Do không muốn để cho dây oan ràng buộc, hầu rảnh rỗi tâm tư tiện bề tu tiến. Nên hôm nay, cô xin trả lại các món nữ trang để được tu hành.

Thấy thế, cha mẹ cô vừa mừng vừa lo lẫn lộn, bởi hai ông bà đã am tường Phật Pháp và cũng là Phật tử thuần thành. Vì biết:

“Tu là cội phúc tình là dây oan.
Sợ e chỉ được giữa đàng,
Nếu như gánh gầy họ hàng xót xa!”

Từ đó, cô thường nghiên cứu kinh sách nhất là quyển Khuyến Thiện và vài phẩm trong bộ Hiền Đạo. Những câu cô thường tâm đắc là:

“Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền,
Thoát chốn mê đồ đến cảnh Tiên.”

Và:

“Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ,
Đến tội rồi mới hối muộn màng.
Chi cho bằng ta sớm lo toan,
Gìn giới luật nghe kinh trọng Phật.
Đến lâm chung quả lành đâu mất,
Cõi Tây Phương chừ Phật đợi chờ.
Việc tu thân thiện tín hằng hờ,
Chùng họa đến e cho khó tránh.
Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kéo phụ Phật xưa.”

Hoặc là:

“Sâu duyên Phật khiến kiếp này tu được,

Rán tu đừng bỏ cuộc Nữ Nam ơi!
Tu một đời giải khổ cả muôn đời,
Đã chịu khổ nhiều rồi đừng chịu nữa.
Mau tìm chỗ an vui chư Phật ở,
Chớ chìm luôn trong biển khổ trần gian,
Nếu kiếp này bền Giác chẳng tìm sang,
Thì kiếp tới còn mang nhiều nghiệp báo.”

Bẩm tính của cô chất phác, vui vẻ, từ hòa. Nghề nghiệp chính của gia đình là ruộng rẫy.

Sau khi song thân mất, các anh chị lớn đều kết hôn và ra riêng, còn lại cô và người anh thứ Tám (Chú Tám Vuông) và mấy người em sống chung, cùng hai cô con gái của người anh thứ Ba (Ba Ngay) để lại. Kinh tế gia đình, dường như cô thủ vai chính yếu nhờ thể lực tốt và tinh thần trách nhiệm cao, lại hay nhẫn nại cần cù. Hằng ngày, chăm sóc năm công ruộng và năm công rẫy. Đôi lúc, phải đem sản phẩm ra tận chợ Long Xuyên hoặc Cần Thơ để bán, nên khả năng điều khiển các phương tiện giao thông như: xe honda, ghe, tàu... đối với cô chẳng mấy khó khăn gì. Vóc dáng “liều yếu, bồ đào” dường như biến mất, cô nghiêm nhiên trở thành một trang “trượng phu hảo hán” thì đúng hơn ! Thỉnh thoảng, cô cũng thường kết duyên với bà con lối xóm bằng cái nghề nấu món chay trong những dịp đám tiệc tại tư gia, thậm chí các con gái của anh chàng rể hột năm xưa, đến nài nỉ cô nấu giùm nhân ngày lễ xuất giá, cô cũng vui vẻ hứa nhận.

Đến đầu năm 1995 cô ngã bệnh. Ban sơ không nặng lắm nên điều trị thuốc Nam lây lất qua ngày. Vài tháng sau nhiều hơn nên chuyển ra Bệnh Viện Chợ Rẫy, nhưng không phát hiện được rõ rệt là bệnh gì. Thế là về nhà cô dùng thuốc Nam tiếp tục. Kế đó, vào năm Bệnh Viện Đa Khoa An Giang một tháng rồi cô lại ra Chợ Rẫy. Lần thứ hai, nơi đây chụp hình và làm một số cận lâm sàng mới phát hiện khối u ở phổi, bác sĩ đành bó tay vì ở thời kỳ cuối nên cho cô xuất viện ra về.

Lúc này bệnh khá nặng, toàn thân cô sưng lớn lên, y phục cũ không còn thích hợp nữa, phải may y phục mới toàn bộ. Đồng thời, mời ông lương y tên là Sáu Câu ở Mỹ Luông đến xem mạch, hốt thuốc Bắc, cứ hai, ba ngày đi rước một lần. Nhờ vậy bệnh được cầm cự cho đến khi cô mãn phần là hơn một năm trời.

Về phần công phu hành trì thì từ trước đến giờ, cô chỉ dừng lại ở làm lành lánh dữ, tu nhân xử thế mà thôi. Thời khóa sớm tối cũng đều đặn nhưng ngắn, sau lễ Phật cầu nguyện thì cô ngồi niệm Phật nửa tiếng. Đọc kinh sách hay nghe băng giảng cũng ít vì thời gian lo làm kiếm tiền và xã giao nhiều hơn. Có lúc, cô làm thêm nghề buôn bán: đường, đậu... để tăng thêm thu nhập, được vài năm đến chừng phát bệnh mới ngừng lại.

Khi bệnh tiến triển nặng, mình mẩy sưng phù lên, hành hạ cô bằng những cơn đau nhức khó kham nhẫn, cô tự nghĩ: từ nào tới giờ, mình lo tu hiền, đâu có làm cái gì ác đâu mà mang chứng bệnh khổ như vậy!

Người anh thứ Tám của cô tức là chú Tám Vương, biết được nỗi lòng của em gái mình, liền giảng giải về lý nhân quả thông suốt cả ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai cho cô nghe, còn dẫn chứng lời Cổ Đức:

“Hiền mà khốn đốn vì hiền mới đây.
Hung được sướng vì gây phước trước,
Phước hết rồi não nuột bá ban.
Chớ rằng hung được nhàn an,
Còn hiền khốn đốn trách than Luật Trời.
Thần minh khắp mọi nơi đều có,
Sự dữ lành lớn nhỏ thấy qua.
Không riêng những việc làm ra,
Trong lòng mới tính cũng là hiểu thông.”

Nhờ vậy mà cô tỉnh ra, chí thành sám hối, dứt hết nghi lự hoang mang.

Nhân đó, chú còn khai thị sâu thêm về pháp môn Tịnh Độ, khuyên cô nên buông bỏ muôn duyên, chuyên lo trì danh cầu sanh Cực Lạc. Bởi vì, xác thân này là tứ đại: đất, nước, gió, lửa giả hợp tạm có chứ không thật. Cuối cùng rồi ai cũng phải bỏ lại hết: cát bụi sẽ trở về cát bụi, chỉ có cách ráng niệm Phật để Phật rước linh hồn... Nghe xong cô vui vẻ làm theo. Mầm móng Bồ- đề khởi sắc từ đây!.

Nhờ cả đời chân thật tu hiền, luôn sống vị tha, tận hết bổn phận, hy sinh gánh vác gia đình, chẳng than phiền giận hờn hoặc so đo tính toán nên hoàn cảnh bệnh là tăng thượng duyên thù thắng, giúp cô buông xả mọi thứ dễ dàng, tín nguyện mỗi lúc một sâu chắc và khấn thiết, công phu hành trì miên mật, tinh thuần rất nhanh chóng. Cô có ý định ngưng uống thuốc để chuyên niệm Phật cầu vãng sanh nhưng gia đình và bè bạn khuyên ngăn, do vì tốn kém không nhiều lắm, cô cũng hoan hỷ thuận theo nên gác lại dự định đó.

Mãi đến giữa tháng 7 năm 1996 cô yếu nhiều, mỗi tối thân quyến và đồng đạo đều đến trợ niệm cho cô. Trưa ngày 24 thấy cô mệt nhiều, mấy mươi người xúm lại hộ niệm cho cô, được một lúc bỗng nhiên, cô khỏe khoắn trở lại, cô cho biết là Đức Quán Thế Âm hiện thân bảo rằng: bốn ngày nữa cô sẽ xả bỏ báo thân.

Ngày 26 cô bị mệt trở lại, cuộc hộ niệm tiếp tục diễn ra từ chiều cho đến 10 giờ tối, bỗng dưng cô khỏe hẳn lại như người bình thường. Chú Tám hỏi trong lúc mệt nằm li bì đó em có nhớ niệm Phật không, cô đáp là cô niệm Phật tha thiết, thì thấy Đức Phật hiện ra, và tường thuật lại rằng:

- “Đức Phật rầy tôi, thời gian qua công phu tu của tôi hơi giải đãi. Ngài còn cho biết, thời gian bệnh của tôi đó là lúc phải trả nghiệp nhiều đời. Đức Phật cũng khiển trách chung tất cả chúng sanh ở đời này tuy phát tâm tu thì đông nhưng thật tâm giác ngộ, quyết rút danh - lợi - tình để

trở lại nội tâm thì quá ít. Đức Phật dạy nên về nói lại cho mọi người được biết: Hãy cố gắng tu hành theo chánh pháp mà Phật Tổ đã dạy để được giải thoát an vui!...”.

Cô còn cho biết:

“Hai ngày nữa tôi sẽ được Phật rước!”

Có một người thân là cô Tý hỏi:

- “Chị Chín! Bây giờ, người ta múc kênh rạch, làm cầu đường, kéo điện dẫn nước, đời sống văn minh tiến bộ quá sung sướng. Sao chị không xin Đức Phật để được sống thêm?”

Cô đáp:

- “Thôi! Phật rước giờ nào đi giờ nấy, sống thêm có biết mình giữ được lập trường tinh tấn mãi không. Vả lại, cõi đời là giả tạm thì có cái vui nào được vĩnh viễn trường tồn, chỉ có cõi Cực Lạc mới là nơi An Dưỡng. Nay được Ngài thọ ký, lẽ nào lại xin ở lại cõi khổ này làm chi!”

Thời gian cô nói chuyện kéo dài hơn 30 phút, chú Tám vô cùng kinh ngạc. Xưa nay, sống chung trong nhà mà... em gái mình đâu có khả năng diễn thuyết hay ho quá mức... như thế này!!!. Có thể nói là trí tuệ của cô hiện giờ là hơn gấp mười lần so với lúc bình thường. Cho nên chú liền chạy lấy máy casset ghi âm, đến chừng mở lại, thì không có tiếng gì cả. Chú ngỡ là máy bị hư, cấp tốc chạy mượn máy thứ hai, nhờ cô lặp lại y như lần trước. Xong xuôi, mở nghe thì không có tiếng của cô, những câu hỏi của chú và cô Sáu Tý thì có. Chú cũng ngỡ là máy trực trực bèn chạy mượn cái máy thứ ba về thì cô cho biết rằng, Phật không cho nói, rồi cô nằm im lặng.

Sáng ngày 27, triệu chứng sung phù biến mất, những bộ bà ba cũ mặc vào rất vừa vặn. Từ đó, lúc nào cô cũng vui tươi niệm Phật.

Đến chiều ngày 28, khoảng 4 giờ, cô bắt đầu lên cơn mệt. Chú Tám bèn thỉnh nước cúng trên bàn Phật xuống đưa cho cô, cô đón lấy và nguyện lớn:

- “Nam Mô A Di Đà Phật.

Nhờ ân trên Đức Phật, từ bi gia hộ cho con uống ly nước này được tỉnh tâm trong giờ phút lâm chung!”.

Sau đó cô nhờ người nhà dìu mình lên giường. Vì bệnh phổi khó thở nên bấy lâu cô thường xuyên nằm trên võng có phủ trùm mùng lớn bên ngoài.

Do có thông báo trước nên chư liên hữu đến hộ niệm khá đông. Hộ niệm tới 5 giờ 55 phút tối thì cô nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, tay vẫn còn chắp nơi ngực, gương mặt tươi sáng vui đẹp lạ thường. Nhâm ngày 28 tháng 7 năm 1996, cô hưởng dương 48 tuổi.

Trước đó cô có gởi cho ông Sáu Câu (lương y trị bệnh cho cô) một lá thư và dặn ông sau khi cô bỏ xác thì mở ra xem.

Thấy cô đã mất, ông Sáu liền giở thư ra đọc thì thấy cô cho biết ngày giờ cô vãng sanh và còn chúc ông vui khỏe.

(Thuật theo lời chú Tám Vương anh của cô, và cô Bé Hai cháu của cô)

12. Thượng Tọa Thích Thiện Tường (1945 - 2000)

Thượng Tọa Thích Thiện Tường, thế danh là Nguyễn Văn Tâm. Con trai út trong gia đình gồm bốn trai, sáu gái của cụ ông Nguyễn Văn Hường, pháp danh Như Danh và cụ bà Đỗ Thị Tha, pháp danh Thị Lợi. Thầy sanh năm Bính Tuất 1946, tại xã Mỹ Khê, quận Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Trung phần Việt Nam.

Xuất thân từ gia đình thâm tín Phật pháp, nên Thầy được gán gửi ngôi Tam Bảo lúc còn rất nhỏ. Đến năm 16 tuổi (1962), Thầy được Hòa Thượng Tịch Trảng, tổ Đình Linh Sơn tại xã Hiền Lương, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nhận làm đệ tử và cho xuất gia học đạo. Tư chất thông minh lại thêm hiếu học nên tất cả chương trình sơ học và tiểu học Phật Giáo, Thầy chỉ học với vị Bồn sư và các sư huynh trong chùa. Thầy được Bồn sư truyền thụ Sa Di giới với pháp danh Nguyên Cát tự Thiện Tường.

Năm 1966, lớp Trung Đẳng Phật Học, chuyên khoa Liễu Quán mở tại chùa Linh Quang, thuộc tỉnh Thừa-Thiên-Huế, Thầy đã vượt qua một kỳ thi tuyển khó khăn để được theo học tại đây cho đến ngày mãn khóa năm 1970. Cũng vào năm này tại chùa Phổ Thiên, Đà Nẵng, khai Đại Giới Đàn Vĩnh Gia, Thầy được tiến cử thọ Đại Giới tại Đại Giới Đàn này với pháp hiệu Thanh Dung.

Sau khi mãn khóa, một số các huynh đệ cùng lớp đã lên đường nhận Phật sự do giáo hội giao phó, Thầy và một số ít huynh đệ khác tìm đường tiến thân học đạo bằng cách vào Sài Gòn để theo học Cao Đẳng Phật Học. Năm 1971, đúng vào năm khai giảng khóa 4 năm đầu tiên, Thầy lại là một trong những sinh viên Tăng ưu tú tại đây. Trong khi còn là một sinh viên Tăng, Thầy đã được Giáo Hội bổ nhiệm vào Giảng Sư Đoàn Trung Ương.

Trong chức năng của một giảng sư cao cấp, Thầy đã đem ánh sáng Phật pháp chan hòa đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Thầy thâm nhận nhiều đệ tử xuất gia lần tại gia.

Giữa tháng 4 năm 1975, Thầy tốt nghiệp xong cử nhân Phật học, Thầy ra nước ngoài. Năm 1980, Thầy đến Hoa Kỳ, lưu trú tại chùa Từ Quang, Sanfrancisco, tiếp tục sứ mạng hành đạo và hoằng pháp tại vùng đất mới này. Vào khoảng năm 1985, Thầy được Hội Phật Giáo Việt Nam tại Connecticut mời làm lãnh đạo tinh thần tại đây cho đến bào huynh của Thầy là Hòa thượng Thích Thanh An, từ Việt Nam qua (1990) và hai người cùng kiến lập An Tường Tự Viện tại thành phố Oakland, California, Hoa Kỳ. Nơi đây, Thầy đã cùng bào huynh của mình giáo hóa, hướng dẫn biết bao người tìm đến giáo lý an lạc, giải thoát của Phật Đà.

Công phu hành trì hàng ngày của Thầy là chuyên niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Thầy niệm thầm lặng, lúc nào râu tóc cũng chẳng rời tay.

Thầy thật ra đã mang bệnh nan y từ ba, bốn năm về trước. Nhưng sức lực cộng với tâm nguyện hăng say “phục vụ chúng sanh tức cúng dường Chư Phật” của Thầy, căn bệnh dường như không có cơ duyên để phát khởi, biểu hiện ra ngoài.

Năm 1999, Thầy đi viếng chùa tại Trung Quốc, sau đó về Việt Nam..., các Thầy ở chùa Huệ Nghiêm, Sài Gòn cũng như đệ tử của Thầy ở miền Tây đều khuyên Thầy nên về Việt Nam để có gì họ lo hậu sự. Thầy từ chối. Thầy hiểu tất cả chỉ là vô thường. Có lần, Thầy Thanh An hỏi Thầy đã lo hậu sự chưa? Thầy trả lời là đã lo xong cả rồi, đã nhờ Đại Đức Thích Từ Lực ở Trung Tâm Phật Giáo Hayward lo hậu sự. Nhưng thật ra, Thầy Thiện Tường chẳng lo gì cho mình cả. Với Thầy tất cả đều là giả tạm; Thầy đã phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ thì khi lâm chung Thầy sẽ về cõi Phật, cần gì phải lo.

Mãi cho đến một ngày, sức lực hao mòn, Thầy không còn đủ sức chống chọi lại với sự hoành hành hung hãn của cơn ma bệnh, nên đành bó tay. Tây y từ chối, Thầy Thanh An đã thân hành đến tận Thái Lan, tìm cách vào tận Hoàng gia Thái để tìm cầu Hoàng-Dược, nhưng rồi cũng không kéo dài được mạng căn của Thầy. Có điều cần nhấn mạnh nơi đây là, thân Thầy tuy bệnh nhưng tâm Thầy rất vững mạnh, Thầy đã giữ được sự an tịnh cho đến hơi thở cuối cùng.

Thầy đã bỏ báo thân vào lúc 5 giờ 45 sáng, ngày 16 tháng 11 năm Canh Thìn, tức ngày 11 tháng 12 năm 2000, tại liêu phòng trong An Tường Viện giữa tiếng trợ niệm của chư Tăng và Phật tử. Sau khi Thầy tịch rồi, nét mặt của Thầy thật an nhiên rạng rỡ, trên môi như nở nụ cười.

Thầy thọ thế 55 năm và 30 hạ lạp.

Một tuần lễ trước ngày Thầy mất, nữ bác sĩ Nguyễn Ngọc Mỹ có đến thăm bệnh cho Thầy. Trong phòng Thầy có treo ảnh tượng Phật A Di Đà để lúc nào Thầy cũng nhìn thấy mà quán Phật trì danh. Lúc bác sĩ Ngọc bước vào phòng Thầy, bà thấy hào quang sáng chói từ nơi chân trái Phật A Di Đà phóng vòng qua đầu Thầy. Bà kinh ngạc tưởng mình hoa mắt, vội dụi mắt nhìn lại một lần nữa thì lần này thấy hào quang từ chân phải Phật A Di Đà phóng vòng trùm qua đầu Thầy.

Lễ nhập quan nhục thân Thầy được tứ chúng long trọng cử hành lúc 3 giờ ngày 17 tháng 11 năm 2000, lưu lại 8 khay Xá Lợi.

(Trích: Niệm Phật Vãng Sang Lưu Xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)

13. Bà Tô Vân Liên (1915 - 2000)

Bà Tô Vân Liên sinh năm 1915, tại Trung Quốc. Bà theo gia đình chồng di dân qua Việt Nam lúc 19 tuổi (1934).

Bà tính tình chất phác hiền hậu, chỉ một lòng săn sóc gia đình sao cho yên ổn hạnh phúc. Từ lúc tạo đời sống ở Việt Nam, gia đình ngụ tại Tân Định, Sài Gòn. Bà luôn hy sinh tất cả để nuôi dạy các con nên người, bản thân bà không màng hưởng thụ một thứ gì ngon tốt. Bà lại không than thở, chẳng khoe khoang hay bày tỏ cho người khác biết. Nhờ vậy mà các con bà đều trưởng thành tốt đẹp.

Vào năm 1978, bà được người con gái du học tại Đài Loan bảo lãnh. Cư ngụ tại Đài Loan 8 năm, bà lại được bảo lãnh sang Úc. Bà còn có một người con trai tại Mỹ, một người con trai ở Pháp và một trai, hai gái ở Việt Nam. Ở Úc, hai người con gái bà đã ổn định gia đình. Gia đình bà theo Đạo Khổng, chỉ thờ ông bà, tu nhân tạo phước. Đến khi trú ngụ tại Úc năm 1986, bà vẫn chưa hiểu gì về Đạo Phật. Sau này vào năm 1991, hai người con gái có dẫn mẹ đi chùa lễ Phật, nhưng cũng chỉ cầu an, cầu phước lộc, cầu cho tai qua nạn khỏi mà thôi. Mãi tới năm 1997, nhân duyên nghe băng giảng và diện kiến Pháp Sư Tịnh Không, vị Đại Sư chuyên hoằng dương Tịnh Độ, bấy giờ hai cô con gái bà mới thật sự chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Nhờ vậy, bà được quy y với pháp danh Diệu Âm và biết niệm Phật, chính thức trở thành Phật tử.

Những dịp không đến chùa, gia đình con gái bà cùng các bạn đạo tổ chức tu tại nhà, như thế làm bà cảm thấy pháp tu niệm Phật thật gần gũi. Nhắc nhở bà thường xuyên niệm Phật, lại nhờ có máy, bà luôn mở và thâm niệm theo.

Đầu năm 1998, bà lâm bệnh; khi được bác sĩ khám, mới hay bà bị ung thư phổi. Gia đình cố gắng mọi phương tiện trị liệu cho bà. Tuy nhiên, với bà không cảm thấy lo lắng, sợ sệt. Bà tự nhận rằng với tuổi 83 là đã quá thọ rồi, nên bà vẫn vui vẻ sinh hoạt, đi lại bình thường, bà còn tin tưởng sâu chắc vào thế hải độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà, càng lúc càng khẩn thiết niệm Phật hơn, chẳng biết rằng, mình đang mang bệnh. Khoảng 4 tháng sau, ngày 19 tháng 5 năm 1998, đi tái khám thì dấu vết chứng bệnh ung thư phổi tự nhiên biến mất. Dịp này làm cho hai cô con gái vô cùng vui mừng và xin được dẫn bà đi du lịch, thăm lại bà con thân thích.

Đầu năm 1999, bà lại được tái khám, lần này bệnh tái phát trở lại và có phần nguy kịch. Nhưng với bà thật lạ, bà chẳng thay đổi, lộ vẻ gì của một người đang mang bệnh nặng, vẫn ăn uống ngủ nghỉ bình thường. Gia đình con cháu khi săn sóc thường hỏi:

- “Má có đau không?”

Bà đáp:

- “Không! Chỉ mệt thôi”

Vì biết bà hiểu Phật Pháp khá hơn, đã niệm Phật tha thiết, tuổi lại thọ, còn tinh táo sáng suốt, nên các con đã bày tỏ, kê rõ hiện tình bệnh trạng cho bà nghe. Phản ứng của bà không một chút gì sợ hãi, bà chỉ nghĩ mình chẳng thấy đau đớn gì, cần phải lo chi! Do đó, ngày 22 tháng 2 năm 1999, bà bảo con gái đi đình lại chích thuốc (thuốc giảm đau, cầm chừng trong thời gian chờ đợi) như đã được định ngày. Nhân đó, cô Trân (con bà) có hỏi tình trạng của mẹ, thì bác sĩ cho biết, theo bệnh trạng như thế, sẽ chỉ còn vài tháng mà thôi. Bấy giờ, bà vẫn niệm Phật như

thường lệ, các con bà lại cùng tâm niệm với bà, nhất tâm hướng về Đức Phật A Di Đà để nguyện bà sớm được vãng sanh ra đi nhẹ nhàng.

Còn khoảng hai tháng trước khi lâm chung, bà sốt sắng lau dọn nhà cửa sạch sẽ như đón biết trước ngày ra đi, bà nói:

- “Mai một tao đi rồi ít có ai lo dọn dẹp”

Đến lúc này, bà vẫn khỏe, đi lại như người không bệnh, chỉ có điều hơi mệt hơn trước, chứ không đau đớn gì; điều này thật lạ vì bệnh ung thư nào trước ngày chết cũng hành hạ bệnh nhân đau đớn dữ dội. Tiếp theo một tháng sau, bà lại đưa tiền dành dụm của mình hơn 1.000 đồng cho con cháu mua máy quay phim, việc này như để chuẩn bị trong ngày ra đi của bà.

Tuần lễ nữa trôi qua, đúng vào ngày lễ Tốt Nghiệp Khóa Học Tiếng Hoa của đứa cháu trai, bà lại được mời tham dự. Đến trường dự lễ, chỉ có gia đình là biết bà bệnh, người ngoài không một ai biết. Nhìn ảnh chụp bà đang bắt tay vui vẻ với cô giáo trong ngày lễ hôm ấy, chắc sẽ không ai ngờ, một người đang mang chứng bệnh nan y đến thời kỳ nặng nhất lại có thể trông khỏe và tươi tỉnh như thế!

Thật sự, bà thỉnh thoảng cũng có đau và cơn đau chỉ thấy rõ vào ngày 26 tháng 12 năm 1999, nên trong ngày đó, các con đã cho bà uống 6 viên panadol. Vì rõ ràng bộ phận bên trong phổi đã hoàn toàn hư hoại; tuy thế, bà cho biết là khi phát lên cơn đau thì bà niệm Phật và tự dung giảm được cơn đau.

Bà còn tinh tấn tham dự khóa tu niệm Phật một tuần lễ, do nhóm cư sĩ tổ chức tại nhà. Trong lúc này hai cô con gái bà hơi lo, vì sức khỏe bà đã kém nhiều. Sợ bà mất ngay khi chưa tròn khóa tu; như vậy, sẽ làm dang dở cho các vị đồng tu vì phải lo cho bà. Tình cảnh này chắc bà đã dự biết trước. Gần cuối khóa tu, bà không tham dự trọn ngày được nên phải chờ bà về nhà, chỉ xin tham dự 1, 2 tiếng. Ở nhà bà vẫn niệm Phật không ngừng.

Ngày 30 tháng 12 năm 1999, vào lúc 2 giờ sáng, thấy bà có phần mệt nhiều, gia đình quyết định đưa bà vào nhà thương khám, vì lo lắng sợ bệnh hành bà đau. Hơn nữa, người con rể là bác sĩ từ Đài Loan gọi điện thoại qua khuyên đưa bà vào bệnh viện, sợ để ở nhà bệnh sẽ hành bà. Tuy vậy, các con cháu gần bà, vẫn cảm thấy bà dù mệt nhưng vẫn tỉnh táo, nên chỉ mong rằng, vào bệnh viện tạm xoa dịu cơn đau, hoặc có thể xác đoán ngày giờ cuối cùng thôi, chứ không nên để ở bệnh viện sẽ trở ngại việc vãng sanh. Tâm niệm các con bà cũng là tâm niệm của bà. Việc này cho thấy các con cùng tâm niệm mong ước đưa bà về Tịnh Độ, nên luôn luôn trong tư thế sẵn sàng lo cho bà. Tâm niệm chung như thế khiến chiêu cảm ra những điều lành suông sẻ, như khi đưa bà vào bệnh viện đã không thông báo trước, cũng không phải là tình trạng khẩn cấp, vậy mà không biết sao, hôm ấy không đợi ai, bà được đưa thẳng đến bác sĩ chuyên khoa. Bác sĩ khám xong, liền cho hay nước trong người bà đã ngập qua phổi, tình trạng thật nguy cấp. Thế là nước được rút ra gần 2 lít, nhưng bác sĩ xem lại chẳng bớt hơn được bao nhiêu. Phần bà thì cảm thấy khỏe lại. Bác sĩ hỏi bà muốn ở lại hay về. Bà trả lời là muốn về.

Cùng trong ngày 30, bà được đưa về nhà, bà đi lại tự nhiên, ăn được sáu múi cam, rồi đi tắm và vào phòng thờ niệm Phật. Bà ngồi ghế đưa tay lần chuỗi, hai cô gái niệm Phật chung với bà. Không tham dự khóa niệm Phật được, ba mẹ con niệm ngay tại nhà, cũng thật tinh tấn thanh tịnh.

Năm giờ sáng ngày 31 tháng 12 năm 1999, chỉ còn 4 tiếng đồng hồ nữa là mãn khóa niệm Phật, bà vẫn khỏe, hai người con hỏi bà có muốn đến tham dự lễ hồi hướng mãn khóa không. Ban đầu bà nói đi, nhưng rồi sau, bảo chỉ một người con đi hồi hướng thôi, còn một ở lại với bà.

Xong buổi lễ hồi hướng, cả ban niệm Phật cùng đến thăm và trợ niệm cho bà. Biết bà có lẽ không còn bao lâu nữa sẽ ra đi, tất cả đồng thanh chí tâm hộ niệm; bà cũng nhép miệng niệm theo (lúc này bà đã không còn lần chuỗi nữa). Đột nhiên, mọi người thấy bà chấp hai tay lại, mặt mày sáng ra có vẻ thành khẩn lắm. Thấy thế, mọi người đều đứng dậy trang nghiêm niệm càng tha thiết hơn. Được một hồi, bà để tay xuống và như nằm dưỡng tĩnh. Trong lúc bà có hành động lạ như vậy, cô Hương con gái bà nhìn thấy gương mặt mẹ sáng rực ra như có ánh sáng vàng chiếu vào vậy. Sau này, hỏi ra có thêm một vị trong ban hộ niệm cũng thấy giống cô. Tất cả mọi người còn lại thì thấy mặt bà tươi tỉnh. Khoảng thời điểm này, mọi người đều xác nhận không có ánh sáng mặt trời lọt vào phòng.

Tối hôm đó, mọi người trong ban cũng đồng trở lại trợ niệm cho bà. Gia đình cũng có gọi bác sĩ Mạch Ảnh Lang tới thăm, bác sĩ hỏi bà mệt không, bà gật đầu, nhưng hỏi có đau không thì bà lắc đầu.

Hôm sau ngày 1 tháng 1 năm 2000, các người con vẫn niệm Phật cho bà, và Ban hộ niệm vẫn đến trợ lực. Trong Ban Hộ Niệm, một vị đứng mang hình Phật đưa lên hơi cao, bà liền ra dấu hạ xuống thấp hơn. Có người cảm thấy bà sắp đi vì mệt nhiều, nên xin phép bà hạ ghế dựa thấp xuống để bà nằm. Bà không muốn, chỉ chịu tư thế hơi ngả người mà thôi. Hình như, bà muốn giữ thân trang nghiêm trước giờ ra đi theo Phật!

Niệm được một hồi, tự nhiên, hai mắt bà mở ra vừa trong lại thật sáng; bà lại nhóm người lên muốn đứng dậy. Hình như, bà đang bắt gặp điều gì! Rồi bà từ từ dịu người xuống, miệng vẫn động môi niệm Phật, đôi mắt cũng từ từ nhắm lại, nhẹ nhàng ra đi trong sự trang nghiêm thanh tịnh hòa theo tiếng niệm Phật không ngừng. Lúc đó là 9 giờ 23 phút tối, ngày 1 tháng 1 năm 2000. Bà hưởng thọ 83 tuổi.

Có vài người tới trễ, vào lúc bà sắp ra đi miệng còn máy động. Họ bước vào đúng lúc liền xá chào bà, rồi quay sang bàn Phật cùng cất tiếng niệm. Đến một hồi, họ xoay lại nhìn bà, ngỡ bà ngủ; nào ngờ, người khác cho hay là bà ra đi ngay lúc họ vừa xá chào.

Mọi người tiếp tục hộ niệm khẩn thiết hơn. Niệm đến gần nửa đêm, cô Trân con gái bà cảm thấy chưa bao giờ chứng kiến buổi niệm Phật kỳ diệu tuyệt hay như vậy, dù cô đã tham dự nhiều khóa niệm Phật thật trang nghiêm. Cảm kích như thế, cô bèn lui ra tìm băng cassette, thu giữ âm thanh hiếm quý này. Cùng lúc đó, cô Hương, con gái bà lại nghe hình như có tiếng nhạc đầu đó hòa theo tiếng niệm Phật, lại thấy cô Trân đang loay hoay với máy thu cassette, tưởng

em mình đang phát băng niệm Phật có đệm nhạc. Trong tâm cô vừa ngạc nhiên, vừa khó chịu vì sao đang niệm Phật tha thiết như vậy, lại để băng vào làm gì!

Sau này, hỏi ra mới rõ, cô Hương đã nghe được âm thanh nhạc điệu lạ lùng và cô là người duy nhất nghe được. Điều lạ nữa, dù niệm Phật lâu như vậy, mà mọi người không cảm thấy chút gì là mệt, dường như còn khỏe người ra. Họ còn nói, như có gió mát thổi vào phòng khiến ai nấy thật sảng khoái mát mẻ, mặc dù lúc này là đang mùa nóng bức ở Úc.

Ban hộ niệm thay phiên hộ niệm đến gần 8 tiếng đồng hồ, rồi hồi hướng ra về. Riêng trong gia đình vẫn tiếp tục hộ niệm cho đến sáng hẳn ngày hôm sau. Tính ra cũng gần 12 giờ niệm Phật, và nhục thân của bà vẫn được giữ yên trong tư thế hơi ngã người vào ghế.

Sau đó, bác sĩ Lang đến ký giấy lần cuối. Bây giờ, hai cô con gái cùng một người cháu và một Phật tử trong Ban hộ niệm mới di chuyển thân bà, để lau tắm chuẩn bị việc tang sự. Lạ thay, toàn thân bà vẫn mềm mại như người sống! Hai cô con gái thật sửng sốt, liền nghĩ vậy là mẹ mình đã được vãng sanh rồi nên mới có hiện tượng này nhưng nếu đầu mẹ còn ấm nóng thì mới thật sự chắc chắn. Thế là, họ thật vui mừng biết bao, khi chính tay cảm giác hơi ấm trên đầu bà vẫn còn lưu lại dù đã chết sau 12 tiếng đồng hồ.

Việc vui mừng như thế đến nỗi khiến nhân viên nhà quản phải kinh ngạc. Họ hỏi:

- “Sao nhà có người mất lại vui được như vậy!”

Cô Hương và Trân cười và thì thầm nhỏ với mẹ:

- “Chúng con hẹn, sẽ gặp lại mẹ ở Tây Phương Cực Lạc!”

Lúc bà đã mang thân bệnh, có lần các con nhắc vui với bà:

- “Hồi ở Trung Hoa khổ, di dân qua Việt Nam sướng được một chút, lại di dân qua Đài Loan sướng hơn chút nữa, rồi qua Úc thì sướng hơn nữa! Bây giờ mẹ không biết sẽ di dân ở đâu! Thôi thì mẹ di dân lên đất Phật chắc là sướng nhất rồi!”

Bà cười và nói:

- “Đúng rồi, lần này phải di dân lên Cực Lạc!”

Bà còn nói đùa:

- “Má có đi rồi thì báo cho bà con ở Việt Nam biết là má chỉ di dân thôi chứ không có chết”.

Các con lại nhắc cho bà nghe câu chuyện một người mất ở Đài Loan, vị đó biết là nếu mất ngày thường, sẽ khó cho người đến thăm viếng nên lựa ngày nghỉ để mất. Đề nghị bà chọn ngày nghỉ mà đi cho mọi người thuận tiện đến trợ niệm và thăm viếng thì tốt lắm! Quả thật bà ra đi ngày 1

tháng 1 năm 2000, đúng vào ngày nghỉ Tết cuối năm, nên tất cả gia đình thân hữu đều đến tiễn đưa bà.

Sự ra đi nhẹ nhàng và mầu nhiệm như thế, khiến các con nghĩ rằng, chắc hẳn mẹ sẽ để lại cái gì đó làm vật kỷ niệm cho con cháu. Họ mạnh dạn thưa với nhân viên nhà quản, xin nán việc nghiền nát xương cốt của bà sau khi hỏa thiêu, để tìm thấy vật để lại của mẹ.

Quả thật, sau đó đã thu được rất nhiều Xá Lợi.

(Thuật theo lời cô Hương và Trân)

(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)

14. Cư sĩ Nguyễn Văn Trí (1926 - 2000)

Cư sĩ Nguyễn Văn Trí, sinh năm 1926, quê quán tại Sài Gòn.

Năm 1964, ông quy y với Hòa Thượng Thích Viên Thông ở chùa Giác Ngạn tại đường Trương Minh Ký, được đặt pháp danh là Thiện Bửu. Sau ngày đó, ông ra sức công quả xây dựng chùa Giác Uyển và trở thành gia trưởng Gia Đình Phật Tử chùa Giác Uyển.

Về sau, Thiện Bửu được bầu làm Chánh Đại Diện Quân Nhân Phật Tử Không Quân. Chính vì chức chánh đại diện này mà ông bị “đi” làm thiếu tá mãi cho đến năm 1975, mới được lãnh tờ giấy thăng trung tá.

Năm 1981, Thiện Bửu và đưa con ra nước ngoài. Vì nghe nói đàn bà con gái vượt biển gặp hải tặc bất lợi, nên ông bắt con cắt tóc ngắn giả trai. Cư sĩ Thiện Bửu đi trên ghe máy đủ sức chở 11 người thôi. Khi ra khơi, ông ngồi trước đầu ghe, miệng không ngớt niệm: “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thinh Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Thiện Bửu rất tin tưởng vào sự linh ứng của Quán Âm Đại Sĩ qua hạnh nguyện của Ngài.

Thay vì đi Mã Lai, ghe máy lại chạy lạc hướng qua Thái Lan, rồi gặp hải tặc, ông vẫn bình tĩnh và khẩn thiết kêu cứu thắm với Quán Thế Âm Đại Sĩ. Ông lột cái đồng hồ vàng, chiếc cà rá vàng và đôi mắt kiếng đưa cho cướp và tỏ vẻ cho chúng biết mình chẳng còn gì nữa. Bọn cướp lấy thêm đồ đạc của người khác rồi trở về tàu, lấy thức ăn cho Thiện Bửu.

Vào 3 giờ chiều hôm đó, Thiện Bửu ngược nhìn lên trời thấy Quán Thế Âm Bồ Tát mặc toàn đồ trắng, mà người đời thường gọi là Bạch Y Đại Sĩ, hiện ra trên mây đang mỉm cười... Ông mừng rỡ vừa chấp tay xá chào thì Ngài biến mất. Ngoài ông ra, trên ghe không ai thấy cả.

Thiện Bửu vội báo tin cho mọi người biết để họ an tâm. Từ đó, niềm tin của ông càng sâu chắc thêm vào sự cảm ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Mấy hôm sau, một bầy cá heo độ trên 30 con nổi lên, chúng lượn xung quanh ghe máy, rồi chuyển sang một hướng khác. Thiện Bửu nghĩ rằng đàn cá này muốn hướng dẫn ghe mình đi, anh liền kêu người lái cho ghe chạy theo hướng cá. Quả nhiên, không bao lâu, thấy đất liền Mã Lai.

Khi đến Mỹ, Thiện Bửu ở Chicago. Năm 1986, ông thọ Bồ Tát giới với Hòa Thượng Thích Đức Niệm tại chùa Quang Minh, và được bầu làm Tổng Thư Ký Hội Đồng Quản Trị chùa Quang Minh.

Từ ngày rời xa quê hương, do tin tưởng vào sự hiển linh của Quán Thế Âm Đại Sĩ, Thiện Bửu tu hành thật tinh tấn. Sau khi thọ giới Bồ Tát, ông càng tinh tấn hơn, giữ giới Bồ Tát tại gia càng nghiêm cẩn hơn; những mong giải thoát khổ đau triền miên bất tận của vòng sinh tử luân hồi.

Vì còn phải đi làm để sanh sống, mỗi ngày Thiện Bửu đều hành trì tụng kinh niệm Phật một thời, không bao giờ thiếu sót.

Năm 1988, Thiện Bửu dời về Cali, ngụ tại vùng San Jose, mỗi sáng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật 10 chuỗi, chiều niệm Phật Dược Sư 1 chuỗi, Quán Thế Âm Bồ Tát 3 chuỗi. Ngoài ra suốt ngày, lúc nào cũng xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Ra vườn trồng cây cuốc đất, hay đang lái xe cũng niệm Phật. Ông thích thanh tịnh yên lặng, nên vợ con không nói lớn tiếng khi có sự hiện diện của ông.

Mỗi khi có lễ lớn hay hội họp, Thiện Bửu đều về Phật Học Viện Quốc Tế sinh hoạt. Ông được bầu làm phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Phật Học Viện Quốc Tế. Và còn là một thành viên vận động thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại hải ngoại.

Những ngày về Phật Học Viện Quốc Tế, Thiện Bửu thường đến các chùa ở San Jose làm Phật sự.

Ông am tường sâu sắc Phật lý, tin tưởng vào pháp môn Tịnh Độ, luôn luôn phát nguyện vãng sanh Cực Lạc.

Năm 1994, Thiện Bửu đi chợ bị trượt té, nứt sọ 3 lần bên trái. Bác sĩ bệnh viện cho rằng, người bị thương như thế nếu không chết, phải bị liệt toàn thân hay bán thân. Nhưng ông chỉ bị đau đớn chứ không bại liệt. Những ngày nằm nhà thương, ông thấy Tổ Bồ Đề Đạt Ma và chư tăng đứng ở đầu giường và nói rằng:

- “Tất cả sẽ qua!”

Sau đó, ông được cho xuất viện.

Trong những năm cuối cùng, ông đau gan nặng, ông càng nhất tâm niệm Phật, cầu vãng sanh Tây Phương nhiều hơn.

Có hôm, ông nói với Hòa Thượng Đức Niệm:

- “Con sẽ vãng sanh Cực Lạc!”

Một tháng trước khi mất, bất cứ ai đến thăm, ông đều khuyên ráng tu hành và nên thường xuyên niệm Phật để được vãng sanh Cực Lạc.

Vào thứ sáu ngày 20 tháng 10 năm 2000, được tin Thiện Bửu đau nặng ở nhà thương Stanford, Hòa Thượng Thích Đức Niệm hướng dẫn phái đoàn Phật tử Phật Học Viện Quốc Tế lên San Jose thăm.

Sau một hồi trò chuyện, Thiện Bửu yêu cầu mọi người ra ngoài, để ông được nói chuyện riêng với Hòa Thượng.

Khi mọi người ra ngoài hết, Thiện Bửu liền ngồi dậy đánh lễ Hòa Thượng, và nói:

- “A Di Đà Phật! Con xin Hòa Thượng ba điều:

1. Con không thể sống thêm nữa. Gia đình con không có con trai, mọi việc nhờ sư phụ lo giùm sau khi con chết, xin đem tro cốt về Phật Học Viện Quốc Tế.
2. Xin Hòa thượng ráng giữ gìn sức khỏe để lo cho Phật Học Viện Quốc Tế và Giáo Hội.
3. Giáo Hội còn nhiều chông gai, còn bị chúng ma phá cho nên chưa yên ổn, khẩn cầu Hòa thượng cố gắng cùng chư Đại Tăng làm cho Phật sự viên thành. Con vãng sanh sẽ trở lại cõi này hộ trì Tam Bảo, giúp cho Phật và chúng sanh.”

Chiều hôm đó (20 tháng 10 năm 2000), ông xuất viện. Đến ngày 22 tháng 10 năm 2000, ông nói với vợ:

- “Em ơi! Anh thèm ăn một tô canh nấu với đọt lang”

Bà tức hành y theo. Rồi ông ngồi ăn ngon lành.

Cũng ngày ấy Ni Sư Giác Hương từ Seattle đến thăm. Thiện Bửu nói với giọng vui vẻ, thỏa mãn:

- “Những người muốn gặp đã gặp hết rồi!”

Tối ngày 23 tháng 10 năm 2000, bệnh gan trở nặng, người nhà đưa ông vào nhà thương Regional Center.

Độ 8 giờ sáng, thứ ba ngày 24 tháng 10 năm 2000, biết mình sắp ra đi, ông liền kêu người con rể tên Thanh Viễn:

- “Con ơi! Hãy hộ niệm cho ba!”

Thanh Viễn đứng bên đầu giường nói:

CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM

- “Con lúc nào cũng niệm Phật cho Ba. Ba hãy nhứt tâm niệm Phật!”

Ông nói:

- “Lẽ dĩ nhiên rồi!”

Cả nhà Thiện Bửu cùng ông xưng Phật hiệu.

Đến 2 giờ trưa, ông ngưng niệm Phật, ngược mắt nhìn sừng lên trần nhà, như thấy điều gì, lộ sắc vui mừng, liền nắm dây vô nước biển giựt ra và bảo với con gái:

- “Về gấp! Về gấp!”

Con ông đáp:

- “Dạ! Để con bảo cho y tá hay, rồi về liền.”

Thanh Viễn liền đi rước các Thầy ở chùa Duyên Giác gần đó.

Một lát sau, Thanh Viễn trở lại cùng với Thượng Tọa Thiện Tâm, trụ trì chùa Duyên Giác và Thượng Tọa Chơn Lễ từ Nhật qua dự Đại Hội Phật Giáo ở Seattle, còn ở lại San Jose.

Thấy hai Thượng Tọa, ông liền bảo con:

- “Con à! Lấy ghế mời hai Thầy ngồi!”

Hai Thầy khuyên đừng nên nói chuyện, hãy nhứt tâm niệm Phật.

Thiện Bửu gật đầu, nắm tay Thầy Chơn Lễ đặt lên trán. Đồng thời, bạn đạo trong vùng kéo đến hộ niệm. Ông nói:

- “Quý hóa! Quý hóa!”

Cuộc hộ niệm diễn ra được khoảng 20 phút thì y tá đến gỡ dây vô nước biển. Xe ambulance chở Thiện Bửu về nhà.

Ra xe, ông bắt đầu rơi vào cơn mê. Con gái ông kê miệng sát vào lỗ tai ông xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật thật lớn mãi cho tới khi về đến nhà.

Một giờ đồng hồ sau, bà Tâm Minh ở chùa Duyên Giác cùng với chừng 20 Phật tử đến hộ niệm. Bà kê sát tai Thiện Bửu nói lớn:

- “Anh Thiện Bửu! Anh hãy bỏ thân tứ đại này, đừng nhớ tưởng gì hết để về Cực Lạc. Anh Thiện Bửu! Tâm Minh đây! Anh đừng quyến luyến gì hết để ra đi mau lẹ. Nếu anh còn nghe thì ra đầu tay cho biết!”

Thiện Bửu liền chuyển động tay.

Bà Tâm Minh nói tiếp:

- “Anh hãy cùng mọi người niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật!”

Vợ ông quỳ trên giường nói:

- “Ông ơi! Ông hãy cố gắng nhen! Nhớ niệm Phật để theo Phật, biết bao bè bạn đứng chung quanh ông, đang hộ niệm cho ông đó!”

Lúc đó, ông thở hơi cuối cùng, miệng há ra rồi để nguyên.

Sư cô Kiến Minh và Thầy Chơn Lễ vừa tới, Thầy bước đến cầm tay ông nói lời khai thị. Thiện Bửu liền tự khép kín miệng lại, mắt nhắm như người nằm ngủ, gương mặt có chút biến đổi vừa sáng nhuận vừa dịu hiền, trông rất an nhiên tự tại. Khi ấy là 3 giờ rưỡi ngày 24 tháng 10 năm 2000. Ông hưởng thọ 74 tuổi.

Sau lễ thiêu hóa, Hòa Thượng Thích Đức Niệm làm lễ đặt Xá Lợi của Thiện Bửu vào hai tháp nhỏ tôn trí tại Phật Học Viện Quốc Tế.

Xá Lợi của ông rất đẹp với màu xanh biếc sáng chói. Đặc biệt, chiếc răng Xá Lợi sáng trong như ngọc.

(Thuật theo lời vợ của ông)

(Trích trong Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá lợi –Tịnh Hải sưu tập)

15. Sư Bà Đàm Lự (1933 - 1999)

Sư Bà Đàm Lự sinh năm 1933, tại xã Thanh Oai, Hà Đông, Bắc Việt. Lúc 2 tuổi, cha mẹ đem tặng cho Sư Cụ Đàm Soạn nuôi vì khó nuôi. Năm 16 tuổi, Sư Bà thọ giới Sa Di Ni, 19 tuổi thọ giới Tỳ Kheo Ni.

Sư Bà ưa thích giản dị, tính tình khiêm cung, nhu hòa nhẫn nại. Thực hành chí nguyện độ sinh làm hoài bão.

Năm 1952, Sư Bà theo Sư phụ vào Nam. Năm 1964, du học ở Tây Đức. Năm 1970, Sư Bà làm Giám Đốc Cô Nhi Viện Lâm Tỳ Ni tại Sài Gòn. Năm 1977, ra nước ngoài. Năm 1980, lập chùa Đức Viên ở San Jose, Calijornia Mỹ quốc.

Năm 1984, để sáng lập một đạo tràng rộng rãi khang trang, thuận lợi cho việc hoằng pháp độ sinh, Sư Bà bắt đầu gây quỹ để xây dựng, bằng cách hướng dẫn Ni chúng và Phật tử trong chùa làm thức ăn chay, bán vào các ngày cuối tuần, mỗi nửa tháng và lễ lớn.

Để mọi người đều có thể gieo trồng thiện căn với Tam Bảo, Sư Bà kêu gọi và phát động việc thu nhặt lon nhôm, giấy báo, thùng cát-tông,... Công tác này được nhiều người nồng nhiệt tham gia.

Pháp môn mà Sư Bà hành trì là trì chú và Niệm Phật. Lòng tin sâu xa khởi phát sau khi chứng kiến sự vãng sanh của Sư Cụ Đàm Soạn, Ngài an nhiên tự tại biết trước ngày giờ. Cũng từ đó, ý nguyện cầu sinh Tây Phương của Sư Bà không lúc nào xao lãng.

Ngày 25 tháng 9 năm 1998, Sư Bà cho họp buổi họp “Bất thường” để thành lập Ban Điều Hành mới cho chùa. Các đệ tử linh cảm sẽ có chuyện không hay xảy ra.

Đêm 25 tháng 12 năm 1998, Sư Bà được đưa đi bệnh viện vì không thở được do chân tay và bụng đều sưng lên. Sáng hôm sau, bác sĩ cho xuất viện vì không thể làm gì được, Sư già Nguyên cố nài nỉ họ tìm cách. Trong khi đó, Sư Bà vẫn bình thản trước bệnh trạng nguy kịch của mình và còn bảo:

- “Con vẫn chưa thành người lớn được!”

Khi trở về chùa, chúng đệ tử lo ngại bu quanh không đi ngủ, Sư Bà đuổi hết ra khỏi phòng:

Lần khác:

- “Thương Thầy thì để cho Thầy niệm Phật chứ!”

Mặc dù con bệnh hành hạ, lăn lộn trần trở nhiều, nhưng khi được chư Tăng đến hộ niệm, Sư Bà vẫn cố gắng lặng yên chấp tay niệm theo và không quên nói lời cảm tạ khi quý Thầy ra về.

Ngày 11 tháng 1 năm 1999, sau khi thử máu trong con ngát, bác sĩ cho Sư Bà nhập viện để truyền Sodium vì thiếu trầm trọng. Nhiều bác sĩ đến khám vô cùng kinh ngạc, họ không hiểu tại sao Sư Bà vẫn tỉnh táo và chỉ mê vài phút, giả như người khác thì phải hôn mê mãi tính hết rồi? Sư Bà bảo Sư già Nguyên thông dịch:

- “Con nói với họ là nhờ Thầy niệm Phật hằng ngày đó!”

Thời gian Sư Bà nằm viện, y tá phải lấy máu xét nghiệm mỗi ngày, đâm kim nhiều quá đến nỗi họ phải xót xa xin lỗi, Sư Bà vẫn an nhiên:

- “Cám ơn! Cô thật khéo tay!”

Trong khi các đệ tử đau lòng cảm râm với họ, Sư Bà liền quở:

- “Gớm! Con xem, tay Thầy như là bong bóng vậy. Có sao đâu! Cứ để họ làm công việc cần làm. Tại tay Thầy khó, chứ đâu phải họ đỡ mà con nhăn!”

Rồi quay qua cười và “Thank you” họ.

Lần sau đến, thì họ xin cúng dường một Vein, những mong Sư Bà bớt đau. Sư Bà tươi cười đáp:

- “Cô để mà dùng!”

Cô y tá ngỡ ngàng, sau đó khi hiểu ý, cô vô cùng cảm động, ôm lấy tay Sư Bà và gọi “Mama” (mẹ) mỗi khi tương ngộ.

Có lần lưng và cạnh sườn đau dữ dội phải đưa đi cấp cứu... Bác sĩ vào thăm, khi khám bụng, Sư Bà nói:

- “Bụng tôi giống biển cả.”

Họ cấp tốc cho thuốc giảm đau, rồi hỏi đệ tử:

- “Làm sao Sư Bà còn vui được trong nỗi đau kinh hoàng đó nè?”

Một vị nhớ lại lời Sư Bà hôm trước, bèn đáp:

- “Nhờ thầy niệm Phật hằng ngày thôi”

Đến ngày 15 tháng 3 năm 1999, sức khỏe Sư Bà suy sụp trầm trọng, dạy đệ tử thỉnh chư Tăng về làm lễ cầu siêu cho mình. Chúng đệ tử rơi lệ xin Thầy chậm chậm ra đi, nhưng Sư Bà bảo rằng không trì hoãn được nữa. Quý Thầy đến tụng Kinh cầu nguyện. Đệ tử đẩy xe đưa Sư Bà lên bạch Đại Tăng. Sư Bà vẫn ung dung tự tại và thành kính yêu cầu quý ngài tụng chú vãng sanh để cầu siêu và hộ niệm cho mình. Khi thấy các đệ tử buồn so, Sư Bà liền dạy:

- “Các con nên nhất tâm niệm Phật cầu nguyện cho Thầy tiêu hết dư nghiệp mà được vãng sanh”

Một hôm Sư Bà dạy:

- “Sau này Thầy đi rồi, chị em các con phải thương yêu lẫn nhau, phải tu học và sống theo chánh pháp.”

Và:

- “Các con phải dũng mãnh, tinh tấn niệm Phật khi còn khỏe. Trừ hao đến lúc bệnh, thân tâm mỗi nhọc, niệm Phật rất khó định tâm. Mê thì nhiều mà ngộ thì ít.”

Ngày 23 tháng 3 năm 1999, bác sĩ của Sư Bà vào thăm hỏi:

- “Thầy có biết khi đi rồi thì Thầy về đâu không?”

Sư Bà khẳng khái nhất quyết:

- “Về cõi Cực Lạc chứ về đâu!”

Đến ngày 26 tháng 3 năm 1999, vào lúc 21 giờ 27 phút, Sư Bà an lành vãng sanh trong tiếng hộ niệm của đại chúng. Sư Bà hưởng thọ 67 tuổi, 48 hạ lạp.

Sư Bà đã biết trước lúc ra đi. Hơn ba tháng trời từ lúc Sư Bà bệnh nặng cho đến cuối lễ “Trà tỳ”, đạo tràng Đức Viên luôn vang rền câu “NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT” không dứt. Câu Hồng Danh Vạn Đức đã vang lên, tỏa rộng khắp nơi, vượt cả mấy tầng trời, đúng như ước nguyện của Sư Bà đã từng tâm sự với các đệ tử:

- “Nơi đây có đạo tràng Đức Viên, giống như của Chư Tổ Tịnh Độ, mà tiếng niệm Phật vang rền không ngừng nghỉ”.

Tín tâm của đại chúng phát khởi và tăng trưởng, nhất là sau buổi “Trà tỳ” Sư Bà để lại gần trăm viên Xá Lợi, kích thước, hình dáng và màu sắc khác nhau. Có mảnh trắng đục như sữa, sắc óng như ngà, vàng nhạt, xanh cẩm thạch, trắng hoa tuyết, tím sen, đen huyền óng ánh. Đặc biệt là trái tim màu nâu đỏ, như bàn tay nắm lại của một em bé sơ sinh. Một cụ già thường đến niệm Phật, bảo rằng:

- “Bây giờ không tin cũng phải tin, đây là chứng cứ hiển nhiên nhất!”

(Trích Vãng Sanh Lưu Xá Lợi –Tịnh Hải sưu tập)

16. Thầy Thích Minh Đạt (? - 1997)

Sa Di Thích Minh Đạt, tục danh là Nhâm Ngọc Hựu. Từ 20 tuổi đã giàu lòng thương người. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đồng đội bị Tây bắn chết, không quần áo chôn, ông đã tặng cho bạn bộ quần áo của mình.

Lớn lên, ông đi lính làm sĩ quan Quân Nhu, nơi đơn vị mà bao sĩ quan Quân Nhu khác làm giàu, còn ông thì liêm khiết trong sạch, sẵn lòng giúp đỡ cho binh sĩ trực thuộc và bạn nghèo.

Năm 1975, ông công cha bị tê liệt xuống tàu ra nước ngoài.

Thời gian ở hải ngoại suốt 20 năm, sau khi nuôi nấng bảy người con thành nhân, ông tự tìm con đường giải thoát cho mình.

Khởi đầu, ông đến một ngôi chùa bên Pháp (vào năm 1995) xin xuất gia, vị Hòa Thượng chấp thuận và ban cho Pháp hiệu là Minh Trí. Nhưng sau đó một số tu sĩ lân cận Hòa Thượng chê Thầy già, không có giọng tụng kinh tốt, cản trở không cho Thầy thọ giới cụ túc.

Thầy Minh Trí lặng lẽ ra đi, tìm đến một vị Thiền Sư, nhưng vị này chỉ thu nhận với điều kiện phải có sự giới thiệu của Bôn Sư.

Từ ngày lìa Âu Châu, Pháp hiệu Minh Trí được đổi thành Minh Đạt.

Ngày 23 tháng 9 năm 1997, đáp ứng sự mong chờ của chúng Phật tử Ottawa, Thầy đến trụ tại chùa Từ Ân Canada, mà từ lâu được mang tên là chùa “Đơn cô, bất hạnh”

* Khóa lễ đầu tiên khi Thầy Minh Đạt được Ban Trị Sự giới thiệu Thầy với Phật tử, Thầy nói:

- “Chúng ta, hôm nay tụ hội về đây đều là anh em cùng một cha, đó là Đấng Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Xin Quý vị hãy tinh tấn tu học, hành trì giáo pháp của Chư Phật để cầu vãng sanh, đạt giải thoát ngay trong hiện kiếp này. Chúng ta không chờ một sự cứu rỗi nào từ bên ngoài, chính chúng ta quyết định đời sống tâm linh của chúng ta...”

Qua vài lời ngắn gọn đủ cho ta thấy tinh thần quyết tâm tu tập cao độ của Thầy. Có lần, Thầy đã khuyến tấn Tuệ Đạt về hạnh nhẫn nhục:

- “Ai mắng chửi, nguyên rửa anh, anh đừng giận. Anh hãy thành tâm niệm Phật và tôn người ấy làm sư phụ, vì chính người ấy đã dạy anh một bài học nhẫn nhục”.

Mỗi ngày, từ khuya Thầy đã thức dậy, lễ Phật trì chú Lăng Nghiêm, tĩnh tọa, kinh hành. Trong ngày, Thầy chăm chú vào học nội điển, không biếng trễ bỏ thời.

Những gia đình Phật tử có tang lễ cần siêu độ cung thỉnh, Thầy không khước từ, cũng không nhận khoản thù lao nào.

Trong cơn bệnh hoạn nguy cấp, Thầy vẫn hết lòng lo hộ niệm cho người Phật tử sau cùng là bà Bích Hằng. Dù lúc ấy, sức khỏe rất yếu mà Thầy chẳng bỏ sót một khóa lễ nào. Lễ xong, Thầy đi bác sĩ; ở phòng mạch ra, Thầy đi thẳng tới nhà Phật tử để cho kịp khóa lễ. Một câu tụng là một cơn ho. Sau lễ hỏa táng, Thầy phải nhập viện rồi từ bệnh viện về, Thầy lên chánh điện ngay để chủ lễ tụng niệm. Thầy đã ghi mấy câu trong phòng để tự sách tấn mình:

“Phải tinh tấn hôm nay,
Kéo ngày mai không kịp.
Cái chết đến bất ngờ,
Không thể nào mặc cả.”

Đến ngày 9 tháng 12 năm 1997, như thường lệ, sau khi ăn chiều xong, Thầy vào phòng nằm nghỉ. Ông Triệu về, đạo hữu Như Hoa đến lúc 7 giờ tối, cửa phòng còn đóng, cô không dám gõ cửa để Thầy nghỉ. Tới 12 giờ khuya, khi thức giấc thấy đèn còn sáng, Bác Trang mở cửa vào, thì thấy Thầy hai mắt nhắm, hai tay chấp vào nhau để trên bụng trong tư thế thật an nhiên tự tại, hơi thở đã ngưng hẳn từ bao giờ. Lúc đó rạng ngày 10 tháng 12 năm 1997.

Sau lễ “Trà tỳ”, thu nhận được rất nhiều Xá Lợi, to nhỏ đủ cỡ, nhiều màu khác nhau: Xanh, tím, vàng, hồng, đỏ,... được tăng đoàn Việt Nam và cả quý Sư Tây tạng xác nhận đó là Xá Lợi của một vị tu hành đắc quả.

Tất cả Xá Lợi đều được tôn thờ tại chùa Từ Ân.

(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)

17. Lão Cư Sĩ Lư Nhiên Phú (1929 – 2000)

Lão Cư Sĩ Lư Nhiên Phú, pháp danh là Chúc Quý, người Việt gốc Hoa, sinh năm 1929, tại Trung Quốc. Năm 17 tuổi, ông sang Việt Nam sinh sống rồi lập gia đình và định cư ở Sài Gòn.

Vì gia cảnh nghèo khó nên ông không được ăn học, nhưng bản tính lại chất phác lương thiện. Ông có hết thảy tám người con, bốn trai, bốn gái. Vợ chồng ông ăn hiền ở lành, thỉnh thoảng đi chùa. Các con ông thì đến chùa nhiều hơn và cũng có người đã quy y Tam Bảo.

Đến năm 1991, ông sang Mỹ. Sau đó, quy y tại chùa Phật Bảo, được thượng tọa Thích Thanh An đặt cho pháp danh là Chúc Quý.

Ông thường đến chùa nghe pháp và dự các buổi Bát Quan Trai. Ông tu tịnh tấn hơn nhiều người. Bất kể mọi khó khăn của thời tiết, dù mưa gió, dù trời lạnh đến đóng băng, ông cũng đến chùa Quang Minh mỗi sáng Chủ Nhật để dự khóa Hồng Danh Sám Hối. Nhờ đó, những tập khí của ông từ từ rơi rụng, nhất là tánh nóng nảy và tính nguyên tắc. Trước kia trong nhà, ai làm điều gì trái ý là ông la hét ngay, hoặc đến giờ dùng cơm thì mọi người phải đủ mặt, cùng ngồi vào bàn. Nhưng, từ lúc thâm nhuần Phật pháp thì ông trở nên dễ dãi, hiền hòa, hiền như ông Phật; dứt hết tất cả mọi thông lệ. Ông thường lặng lẽ ngồi riêng một mình, khi ăn ông cũng ăn riêng; ai làm gì thì làm, ông đều không quan tâm gì hết; cả đến vật cứng rớt trúng chân mà ông cũng không phản ứng kêu đau. Và ông thường hay đem những điều đã học ở chùa về giảng giải cho vợ con nghe.

Có lần ông hỏi người bạn đạo, là liên hữu Minh Hiền:

- “Niệm Phật cách nào mới thực sự vãng sanh, hầu thoát khỏi luân hồi sanh tử?”

Liên hữu đáp:

- “Niệm Phật phải thật tha thiết, phải quên hết tất cả lục dục tầm thường hàng ngày, như cảnh tình vợ con hãy ráng bỏ, đừng để bị ràng buộc, phải sửa đổi tánh cho được nhu hòa, hiền hậu. Thì ngày ra đi chắc chắn chúng ta sẽ được như ý”.

Ông trầm ngâm suy nghĩ giây lâu rồi nói:

- “Ngộ sẽ cố gắng thực hiện để được vãng sanh!”

Cứ thế, mỗi lần gặp bạn đạo là ông gợi chuyện về niệm Phật và vãng sanh. Hôm nọ, ông than với bạn:

- “Ngộ (tôi) niệm Phật sao còn nhiều vọng tưởng quá!”

Minh Hiền giải bày:

- “Anh nên dùng cách niệm Phật “công cứ”, nghĩa là tự qui định mỗi ngày mình sẽ phải niệm bao nhiêu lần danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật.

Như vậy, mình sẽ diệt được vọng tưởng và không lơ là trong việc niệm Phật”.

Mặc dù kém về chữ nghĩa, nhưng ông là người có ý chí “Lão thật niệm Phật” cầu sanh Tây Phương.

Công phu thường nhật của ông là mỗi tối và khuya tụng kinh A Di Đà và Bát Nhã Tâm Kinh, niệm Phật mỗi ngày 6 tiếng đồng hồ 300 xâu chuỗi, đồng thời quán tưởng Phật A Di Đà. Lúc ông niệm Phật, nhiều khi ai hỏi gì ông đều chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng hiểu gì cả.

Ông là người mộc mạc, thật thà. Đối với Phật pháp điều nào không biết thì ông đem hỏi ngay, không do dự, không sợ xấu hổ. Có hôm ở giữa pháp hội, ông hỏi Đại Đức Minh Chí, trụ trì chùa Quang Minh:

- “Thưa Thầy, đang ngồi tụng kinh hoặc nghe pháp mà lỡ bị đau bụng thỉnh linh, phải “đánh rắm”, như thế có tội không?”

Cả đại chúng ai cũng ôm bụng cười, Thầy cũng cười trả lời:

- “Trường hợp bất khả kháng thì Phật tha, nhưng mà ráng tránh thì tốt hơn”

Ông lại hỏi tiếp:

- “Lỡ tránh không nổi thì sao Thầy?”

Hội trường phát lên một trận cười lớn hơn!

Lần khác, cũng tại chùa Quang Minh, ông cũng hỏi Thầy:

- “Kính bạch Thầy! Chân con đau không ngồi kiết già và bán già được.

Xin Thầy chỉ cho con cách ngồi niệm Phật thoải mái?”

Thầy Minh Trí trả lời ba cách ngồi niệm Phật theo sự chỉ dẫn của Hòa Thượng Thích Đức Niệm:

- “Bác đau chân không có ngồi kiết già và bán già được, thì bác cứ việc ngồi duỗi chân ra cho thoải mái để niệm Phật, đó gọi là “Tự do già”.

Ai cũng cười “Cái già tự do” của Thầy!

Từ sự rụt rè, lẻ loi của buổi ban đầu mới đến chùa, ông dần dần trở thành một “học viên xuất sắc” trong các khóa học và các buổi hoạt động cúng dường Tam Bảo, in kinh ấn tống, bố thí, phóng sanh...

Bằng tiếng Việt lơ lơ của người Hoa:

- “Để tui mở hàng, đắt lắm!”

Thế là, ông đã gây hào hứng cho mọi người, ai cũng nung theo phước đức của ông mà hoan hỉ phát tâm.

Vài tuần trước khi vãng sanh, ông nói với con trai Út của ông là Thanh Trí:

- “Ngộ thấy Phật A Di Đà.”

Một hôm, ông tâm sự với liên hữu Minh Hiền:

- “Chắc ngộ không còn dịp trồng cây cho chùa nữa!”

Liên hữu hỏi:

- “Tại sao vậy?”

Ông bình thản đáp:

- “Tự nhiên tôi linh cảm như vậy!”

Đêm 15 tháng 5 năm 2000, khoảng 3 giờ khuya, ông dậy nấu cháo, rồi tụng kinh như thường lệ. Nhưng khác lạ hơn bình thường là ông tụng đến hai lần. Huệ An (cô con gái thứ Năm của ông), không hiểu sao trọn đêm đó không ngủ được; lắng nghe ông tụng trong lòng sinh nghi, linh cảm rằng sẽ có chuyện gì.

Sáng ngày 16 tháng 5 năm 2000, theo công khóa ông đi kinh hành, đột nhiên dừng chân lại một chậu kiếng, rồi nói:

- “Bà ơi! Uổng quá, mấy cây khô qua trồng tới bây giờ, bỗng chết hết rồi”.

Vợ ông nghe nói, định lên tiếng nhắc ông hãy lo niệm Phật. Nhưng chưa kịp nói thì ông đã tiếp tục kinh hành và niệm Phật.

Một lát sau, ông kêu lên:

- “Bà ơi! Ngộ đau một bên mặt...”

Rồi sau đó:

- “Bây giờ nó đau xuống ngực”

Bà vợ vội chạy vô nhà lấy một viên Tylenol và nước đem ra cho ông uống, khi đưa thuốc cho ông thì ông hãy còn niệm Phật, nhưng khi bà trở vào trong nhà thì một thoáng sau, ông gục đầu xuống và thanh thân ra đi. Ông hưởng thọ 71 tuổi. Điều đặc biệt là gương mặt trẻ đẹp lại hơn.

Một ngày trước khi mất, ông Chúc Quý có ghé chùa thăm liên hữu Minh Hiền. Minh Hiền mới mua ở Việt Nam về hai xâu chuỗi kim sa bằng cát vàng nấu lại. Minh Hiền hứa tặng ông một xâu, vì lúc đó không có mang theo. Ông Chúc Quý đòi trả tiền lại nhưng Minh Hiền không chịu. Hôm sau khi hay tin ông mất, Minh Hiền liền đem đến nhà quản trao xâu chuỗi tận tay ông. Lúc Minh Hiền cúi xuống, đặt xâu chuỗi vào tay ông, Minh Hiền nhìn mặt ông bỗng thấy mặt rạng rỡ hơn ngày thường, như trẻ hẳn lại. Do đó, ông tin chắc rằng bạn mình đã được vãng sanh, nên mới gọi riêng cháu Huệ An lại dặn nhỏ:

- “Khi thiêu xong hãy lưu ý tìm Xá Lợi!”

Nhiều bà con đến viếng cũng tấm tắc khen rằng:

- “Sao trông ông mặt mày rạng rỡ quá!”

Trong thời gian chờ đợi thiêu hóa, cô con gái của ông là Huệ An đã nằm mộng thấy gia đình nhặt được nhiều kim cương trong tro cốt của Ba mình.

Quả đúng như thế, sau khi hỏa táng đã thu được:

1. 20 viên Xá Lợi tròn vo, to bằng đầu đũa ăn cơm, màu xanh đậm.
2. Khoảng 50 viên Xá Lợi nhỏ bằng đầu viết bích, có viên màu xanh đậm, có viên màu hồng sáng lấp lánh.
3. Hơn 300 mảnh xương nhỏ và đẹp có màu xanh nhạt pha trộn vân sáng trắng và một mảnh xương có 3, 4 màu sáng lấp lánh như xà cừ.
4. 60 hoa Xá Lợi có vòng tròn giữa có nhiều lỗ nhỏ, đủ các màu rất đẹp mắt.

Đặc biệt là có một viên xá lợi to bằng giọt nước và hình dạng giống như giọt nước, màu trắng tinh tuyệt đẹp.

Trước kia bình bông cúng Phật trong nhà, chỉ để hai tuần là héo. Vậy mà khi ông Chúc Quý mất, bình bông trải qua sáu tuần mà vẫn chưa héo.

(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi – Tịnh Hải sưu tập)

18. Cụ bà Huỳnh Thị Dền (1917 - 2000)

Cụ bà Huỳnh Thị Dền, pháp danh Quảng Khánh, sinh năm 1917, ngụ tại Bình Dương. Lập gia đình khi lên 19 tuổi, chồng làm nghề Đông Y, sanh được năm gái, một trai.

Bà tính tình hiếu thuận, từ hòa, giản dị, ưa bố thí, thích phóng sanh, thương yêu người nghèo khổ, giúp đỡ trẻ mồ côi... Nên ai ai cũng đều quý mến.

Thuở nhỏ, bà thường theo mẹ đến chùa lễ Phật, hạt giống Phật pháp sớm được nảy mầm, bà bắt đầu biết niệm Phật từ đó. Lúc mẹ qua đời, bà tự tay nấu nướng cúng dường 14 vị Sư.

Năm 1968 chồng mất, bà thủ tiết nuôi con.

Bà thường niệm Nam Mô A Di Đà Phật, khi buồn cũng như khi vui, khi các con bệnh bà lại càng tha thiết niệm Phật nhiều hơn.

Năm 1978, gia đình bà sang Mỹ, hai năm sau định cư tại Sacrameto.

Đến năm 1990, cả nhà đều quy y Tam Bảo với Sư Bà Diệu Từ tại chùa Diệu Quang.

Trong 10 năm, hàng ngày các con bà đi làm, bà ở nhà một mình, càng chuyên tinh niệm Phật. Khi bà bệnh, các con đề nghị bà nên niệm Phật Dược Sư để uống thuốc, bà bảo:

- “Mẹ đã quen niệm Nam Mô A Di Đà Phật rồi, Phật nào cũng là Phật, là đáng cao cả thiêng liêng. Phật A Di Đà cũng là đấng Y Vương”

Sau này vì già yếu, bà ít đi chùa hơn trước, nhưng luôn khuyên con cháu đi chùa để nghe Pháp, tụng kinh và niệm Phật, được vậy bà mới vui. Hàng tháng, bà còn động viên các con cháu đến chùa để thọ Bát Quan Trai và làm Phật sự, nhất là vào những ngày lễ lớn; từ sáng, là bà đã đánh thức các con dậy về chùa làm công quả rồi trưa về ngủ tiếp. Vì gia đình bà phát nguyện cúng dường toàn bộ rau cải (làm rau ghém) cho Phật tử dự lễ.

Riêng bà thì thích đi ngày thường, bởi dễ gặp Thầy (Sư Bà) để thưa hỏi về pháp môn niệm Phật. Mỗi lần được gặp riêng Thầy, bà mừng lắm. Có bữa nọ đi chùa về, cô Quảng Duyên hỏi:

- “Hôm nay mẹ đi chùa về có mệt không?”

Bà khoe:

- “Bữa nay, mẹ cầm tay Thầy, mẹ tưởng chừng như đang nắm tay một vị Phật sống. Từ đây về sau, tụi con không nên làm điều gì phật ý Thầy mà mang tội với Phật đó!”

Ngày 22 tháng 3 năm 2000, giữa đêm thức giấc, dậy đi ra ngoài, khi sắp bước trở vô phòng, bà chăm chú nhìn ra cửa sổ thấy bên ngoài vùng trời đêm bỗng rực sáng và toàn là bông hoa tuyệt đẹp. Bà bèn hỏi cô con gái lớn:

- “Sao bông hoa đâu mà nhiều quá vậy?”

Con bà liền nhìn ra chẳng thấy gì cả, liền đáp:

- “Đâu có gì đâu!”

Ngày 7 tháng 5 năm 2000, khi ngủ trưa dậy, bà thuật lại rằng:

- “Mẹ vừa nằm mơ thấy đi đến một cảnh tuyệt đẹp! Toàn là hoa, thật là nhiều hoa đẹp!”

Ngày 18 tháng 5 năm 2000, trong phòng bà xuất hiện một mùi thơm kỳ lạ, qua hôm sau cũng thế, tựa tựa mùi nước hoa mà không phải.

Thường ngày, bà rất thích nghe băng kinh và băng thuyết giảng của Sư Bà Diệu Từ. Đặc biệt là cuốn băng Báo Ân Phụ Mẫu. Nên trước khi ngủ, bà nghe băng, lúc thức dậy thì nằm im niệm Phật.

Đến ngày 20 tháng 5 năm 2000, bà còn ngồi nói chuyện vui cười với cháu con. Tâm trí bà rất tỉnh táo. Những lúc mệt mỏi thì bảo người nhà đỡ nằm xuống. Lúc đó, bà nằm yên lén nhép niệm Phật, con bà ghé sát hỏi khẽ:

- “Mẹ! Mẹ nói gì?”

Bà lắc đầu:

- “Không, để yên mẹ niệm Phật.”

Nhìn thần sắc biết bà đang mệt và yếu nhiều hơn. Sau khi bàn bạc các con đưa bà vào nhà thương để truyền nước biển.

Vào bệnh viện 11 giờ 30 đêm, ngày 20 tháng 5 năm 2000, bác sĩ khám, y tá xét nghiệm máu và chụp hình phổi. Khoảng 1 giờ sau, bác sĩ cho biết huyết áp bà xuống thấp, trong người thiếu Potassium và cảm nên cho trụ sinh vào nước biển. Bà suốt ngày hôm sau có khi khô khi không, thường nằm yên nhắm mắt, miệng lén nhép niệm Phật.

Tối 21 tháng 5 năm 2000, khoảng 9 giờ bà muốn uống thuốc sổ, con bà hỏi:

- “Mẹ muốn xin y tá thứ thuốc làm cho phân xốp hay uống nước trái prune?”

Bà đáp:

- “Mẹ muốn uống prune!”

Vài giờ sau bà đi cầu mấy lần.

Đến 5 giờ sáng ngày 22 tháng 5 năm 2000, đáp ứng lời thỉnh cầu qua điện thoại, Ni Sư Tịnh Lạc, Sư Cô Tịnh Minh và cô Quảng Hảo đến bệnh viện thăm bà. Khi ấy, bà lên cơn mệt nhiều. Ni Sư bảo mọi người chia nhau đứng hai bên giường và đến gần nói với bà:

- “Chúng tôi niệm Phật A Di Đà cho cụ nghe và cụ niệm theo nhe!”

Bà tuy mệt nhưng gật đầu mỉm cười, tự sửa lại thế nằm, duỗi thẳng chân ra trông có vẻ thoải mái, nét mặt không còn thấy mệt nữa. Ni Sư và sư Cô đồng cất tiếng:

- “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật”

Tất cả mọi người đều niệm theo.

Tới 8 giờ 10 phút tối ngày 22 tháng 5 năm 2000, bà trút hơi thở cuối cùng trong tiếng hộ niệm. Bà hưởng thọ 84 tuổi. Ni Sư bảo tất cả niệm Phật liên tục đừng ngừng nghỉ.

Được 20 phút sau, Ni Sư cùng cô Quảng Hảo đồng reo lên:

- “Phật pháp thật nhiệm mầu!”

Lúc đó, da mặt của bà bỗng chuyển sang màu hồng và sáng lên, da căng thẳng ra mất hết các nếp nhăn mấy phút trước đó, và những điểm lấm tẩm trên gương mặt cũng tiêu hết. Chỉ còn một màu hồng hào tươi trẻ như người phụ nữ khoảng 50 tuổi.

Vì lúc mất miệng bà há ra để thở. Nhưng khi da mặt bà đổi màu hồng thì bỗng nhiên cầm dưới từ từ đưa lên và khép kín miệng lại.

Ni Sư Tịnh Lạc và Sư Cô Tịnh Minh từ giã ra về. Mọi người còn lại vẫn tiếp tục hộ niệm.

Đến 9 giờ 40 tối, lúc ấy cô Quảng Duyên đứng kế bên ngang đầu bà, bỗng trông thấy hai trái tai dài ra hơn bình thường. Cô hơi sợ lui ra sau để đổi em cô đứng vào, song đôi mắt vẫn dán vào đấy.

Trái tai của bà vẫn còn dài ra. Cô liền khêu người chị và Quảng Hảo, rí tai chỉ cho họ xem.

Kể từ khi bà mất, lúc mọi người niệm Phật, nhân viên nhà thương tôn trọng vấn đề tôn giáo nên không ai đến quấy rầy. Các con bà và cô Quảng Hảo đồng niệm suốt 12 tiếng đồng hồ.

Sau lễ hỏa táng thu được rất nhiều Xá Lợi.

(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi –Tịnh Hải sưu tập)

19. Bà Huỳnh Ngọc Tuyết

Bà Huỳnh Ngọc Tuyết ở Chợ Lớn, gốc người Hoa. Chồng là Trần Hòa Bình, nguyên chủ trại chim bồ câu Đông Phương Thủ Đức và công Ty Đông Phương Mật Ong tại đường Hai Bà Trưng.

Vào năm 1979, gia đình bà sang Mỹ định cư theo diện di dân do thân nhân bảo lãnh, và ngụ tại Dallas, Texas.

Vài năm sau, chồng bà mở tiệm buôn bán. Với kinh nghiệm sẵn có, ông đạt được thành tựu. Buổi trưa nọ, tiệm bị cướp, ông bị giết tại hiện trường, lúc ấy 55 tuổi.

Nỗi đau vô cùng to lớn, vô cùng bất ngờ thành linh giáng xuống, bà tuyệt vọng không lối thoát như đang bước trên ngõ cụt.

Nhờ sự giúp đỡ của chùa Phước Quang, sau khi hậu sự kết thúc, Thượng Tọa Thích Trí Hiền tặng cho bà và ba người con mỗi vị một quyển kinh Địa Tạng; khuyên đừng khóc buồn nữa, hãy về đọc tụng và hồi hướng cho ông Bình. Bà vâng theo, cơn đau sầu dần dần tan biến. Kế đó, bà quy y Tam Bảo, được Pháp Sư Tịnh Không đặt cho pháp danh là Diệu Âm.

Từ đó (1991), bà trở nên vui vẻ, bắt đầu ăn chay trường, thường xuyên đến chùa nghe pháp, tụng kinh, niệm Phật, làm công quả và hăng hái tham gia các Phật sự khác.

Năm 1992, Tịnh Trung Học Viện được khai mạc, bà kết bạn với Hàn Quán Trưởng. Được bà Hàn Anh khích lệ, phạm vi Phật sự mở rộng nhiều thêm, nhất là thành lập một “Phái Đoàn Niệm Phật” để trợ niệm cho những người sắp lâm chung.

Có lần, con bà hỏi:

- “Ở chùa buồn quá, có gì vui đâu mà mẹ đi hoài vậy?”,

Bà đáp:

- “Bây giờ là lúc mẹ vui nhất, sống một cuộc đời có ý nghĩa. Bố của con vô lộn nghề rồi. Con đọc kinh nhiều rồi sẽ thấy sự thật”

Một ngày nọ, bà vương bệnh ung thư tử cung. Sau khi phẫu thuật ra viện bà tiếp tục tu học, công quả như trước.

Đến năm 1994, bệnh tái phát, Bác Sĩ đề nghị nên làm quang tuyến, nếu không sẽ bộc phát rất nguy hiểm, bà từ chối.

Bà nói với các con:

- “Tất cả đều là chúng sanh, cùng một nhà, nếu tôi có nợ gia đình họ thì tôi sẽ trả, tôi không muốn cảnh chia ly, tôi đã nói với họ rồi, tôi sẽ không làm gì hết, hãy an tâm!”

Sức khỏe của bà lúc này suy kém nhiều nên ít tới chùa, chỉ ở nhà tụng niệm, lạy Phật, nghe băng giảng pháp mỗi ngày.

Thời gian lâu sau, chiều thứ năm, Huệ Nghi (con gái lớn của bà) đi làm về bà nói:

- “Hai năm nữa mẹ vắng sanh”

Nói xong bà mỉm cười.

Con bà la lên:

- “Trời ơi! Khổ quá mẹ ơi!”

Đầu năm 1995, bà bị ho, bác sĩ bảo trong phổi có những đốm nhỏ và cho thuốc uống, nhưng không giảm. Thể trạng suy sụp trầm trọng, nên bà không đi ra ngoài nữa; bạn bè bà con thường ghé thăm. Hôm nọ, qua cơn ho dữ dội, bà nhất quyết:

- “Vạn duyên buông xuống, vạn ngữ buông xuống, nhất tâm niệm Phật”.

Có lần, bà ôm đứa cháu ngoại 2 tuổi là Tuấn vào lòng và nói:

- “Bà có bệnh phải đi, không phải chết. Cháu đừng có buồn mà khóc khi nào nhớ bà thì cứ niệm một câu A Di Đà Phật. Vì bà bị ung thư nên phải ngủ thật nhiều. Cháu ráng học cho giỏi để sau này giúp các Sư dịch kinh sách.”

Từ đó, cháu bà không đến thăm bà nữa. Rồi bà đến thăm mẹ. Lúc từ giã, bà nói:

- “Vú gắng niệm Phật, con về nhà! Từ nay, con không đến thăm vú nữa. Nam Mô A Di Đà Phật!”

Đối với bà con, anh em, bạn bè, bà Tuyết từ giã bằng cách mua tặng hình Phật, xâu chuỗi, đèn, chuông mõ. Bà gửi hình Tây Phương Tam Thánh về Việt Nam tặng cho anh em và gửi qua Cali cho đứa em út tên Huỳnh Hón Vinh và viết thư như sau:

- “Lúc này chị ho dữ lắm. Nhưng không sao, chị vui vẻ chấp nhận, nghiệp chướng sẽ chuyển. Người càng ngày càng ốm (còn 39 ký lô), nhưng lòng chị càng ngày càng sáng, cũng nhờ Phật độ cho mình biết đường hướng nào phải đi cho đúng.

Vài lời thăm gia đình em.
Chị Huỳnh Ngọc Tuyết”

Trong thời gian này ba cô con gái thay phiên chăm sóc cho bà. Cô con út phải nghỉ việc, luôn túc trực bên cạnh, giữ không cho ai đến thăm. Theo lời bà dặn, từ chối tất cả các điện thoại, sẵn sàng gánh chịu mọi phật lòng (nhất là đối với những người thân quyến, bằng hữu không am tường về Tịnh môn). Chỉ trừ những Pháp Sư của Tịnh Trung Học Viện thường đến hộ niệm, Sư Cô Mãn Ya và Thầy Trí Hiền được vô nhà mà thôi.

Bà quyết tâm vãng sanh Cực Lạc, chặt đứt tất cả tình cảm vật chất. Ngoài con đường giải thoát ra, bà không còn mong muốn gì hết. Bà thường tự nhủ:

- “Nếu như không dứt tất cả thì mình sẽ đi không kịp nữa.”

Ngay cả tình bạn đạo, cho dù họ có muốn tụng kinh, hộ niệm cho bà, bà cũng chối từ. Bà nhất quyết ra đi. Bà không tiếc điều gì. Bà chỉ bố thí.

Bà từng nhắc các con hãy đọc thật kỹ quyển sách: “Lâm Chung, Những Điều Cần Biết”, vì mong rằng quý Thầy và các con hộ niệm suốt 8 giờ, sau khi mình mãn phần.

Cuối năm 1995, mùa Giáng Sinh sắp đến, bà bảo con mua tám thiệp Giáng Sinh, hộp kẹo chocolate và viết vài chữ: “Rất cảm ơn bác sĩ, từ trước tới nay đều do ông chăm sóc trị bệnh tôi, từ nay trở đi tôi sẽ không tới nữa”, rồi đến phòng mạch trao tận tay bác sĩ và nói: “Tôi rất là cảm ơn!”

Sau đó, phái đoàn bệnh viện tới, bác sĩ gửi rất nhiều loại thuốc. Khi họ ra về, bà căn dặn các con:

- “Lấy thuốc cất đi để dành, sau khi mẹ đi rồi mới đem trả lại cho cô y tá, vì thuốc này có thể trị bệnh cho người khác, còn mẹ tự biết, bệnh của mẹ không còn cách nào chữa được nữa!”

Từ từ bà yếu hơn, càng ốm hơn, quần áo mặc hết được. Tuy vậy, công phu niệm Phật càng tăng, bà thường bảo các con:

- “Hãy lo niệm Phật, niệm Phật sẽ giúp ích cho các con về sau; lúc đó, các con sẽ hiểu không cần phải nói.”

Hoặc là:

- “Các con đi niệm Phật, tụng kinh, lạy Phật. Lúc này, là lúc tốt nhất cho các con, hãy giữ lấy cơ hội này, về sau thời gian này, sẽ không có nữa!”

Cả ba đều nghe lời làm theo.

Về sau, bà phải dùng máy thở oxygen. Một hôm, cô y tá hỏi Huệ Nghi:

- “Có phải mẹ cô đang chờ, mong mỗi chuyện gì đó không?”

Huệ Nghi đáp:

- “Không có!”

Cô y tá nói tiếp:

- “Thông thường, một người bị ung thư không thể nào kéo dài lâu vậy đâu; da của mẹ cô vàng hết cả rồi!”

Huệ Nghi phân bua:

- “Có thể do mẹ tôi tụng kinh, niệm Phật nên có sức chịu đựng lâu dài.”

Cô y tá vẫn ngơ ngác, không sao hiểu nổi.

Qua Tết, có lần bà nói:

- “Đừng lo nấu nướng chi cho nhiều, hãy tập ăn uống giản dị là tốt nhất, mẹ thích nhất là các con cùng niệm Phật chung với mẹ là mẹ vui sướng nhất!”

Thế là cả ba đều vô phòng ngồi niệm Phật chung với bà hoài, giống như mấy ông Sư.

Ngày 26 tháng 2 năm 1996, cô con Út của bà gọi điện thoại cho Sư Ông Tịnh Không, và hỏi:

- “Thưa Hòa Thượng! Sao mẹ con ngủ nhiều quá, không biết có lỡ mất cơ hội vãng sanh không?”

Hòa Thượng đáp:

- “Không thể!”

Cô hỏi tiếp:

- “Thưa Hòa Thượng, khi nào mới có thể cho mẹ con uống cái hột Xá Lợi?” (Bởi vì trước đây, có cư sĩ bày cho cô như thế nên định làm theo.)

Sư Ông liền quở:

- “Học Phật Pháp, tại sao không biết tôn trọng hạt Xá Lợi!”

Rồi nhắc:

- “Nhắc với mẹ là, Tây Phương Tam Thánh đang ở ngoài cửa, mẹ hãy an tâm mà đi lúc nào cũng được!”

Vào một buổi chiều, Thầy Trí Hiền và hai vị đệ tử ghé thăm, bà nói:

- “Họ đứng ngoài cửa đông lắm, tụi nó đứng chen nhau đầy cả phòng. Khi niệm A Di Đà Phật thì tất cả biến mất!”

Đến ngày 28 tháng 2 năm 1996, lúc 7 giờ, con bà gọi điện thoại đến Tịnh Trung Học Viện cho biết là bà sắp ra đi. Đến 8 giờ 30 phút, Đại Đức Wu-Kai cùng năm vị Pháp Sư vào phòng bắt đầu cuộc hộ niệm. Lúc ấy, bà thở rất yếu, không nhúc nhích nữa.

Khoảng 10 giờ, trong phòng tự nhiên xuất hiện một mùi hương không biết từ đâu, con bà đang niệm Phật, bỗng nhiên phải trở mắt tìm xem chuyện gì, sao mà thơm quá, rồi ngỡ có ai xúc dầu, nhưng khi bước ra khỏi phòng thì không có mùi gì cả.

Sau 11 giờ trưa, ánh sáng giống màu hạt gạo hơi vàng chiếu qua cửa sổ, xuyên qua bức màn màu trắng khiến cho nguyên cả phòng đều sáng rực. Ánh sáng ấy xuyên qua như thế thì gương mặt của bà thay đổi. Hôm ấy, là một ngày âm u không có ánh mặt trời. Hơn nữa, ngôi nhà kê bên thật cao cho nên trọn năm, ánh sáng chưa bao giờ lọt vào nhà bà. Nhưng bấy giờ, tất cả căn

nhà của bà đều sáng rực, hoàn toàn sáng rực, không có bóng của người. Ánh sáng ấy sáng hơn cả ánh sáng mặt trời, không thể nói được. Chữ nghĩa thế gian không thể diễn tả được ánh sáng ấy, ánh sáng ấy tỏa xuống làm mất tiêu hết cả các bóng.

Đến 11 giờ 23 phút, bà đi vào thế giới Cực Lạc, đi trong ánh quang minh của Phật một cách an nhàn, thanh thản. Sau đó, báo tin cho liên hữu hay; có khoảng 60 người đến luân phiên trợ niệm, suốt 26 tiếng đồng hồ.

Vào buổi tối hôm đó, mùi thơm lại tỏa ra khắp từ phòng bà ra tới phòng khách. Các cư sĩ ngồi niệm Phật ở hành lang và phòng ngoài đều ngủ được. Về sau, có người hỏi Sư Ông Tịnh Không. Ngài cho biết đó là: “Chư Thiên xuống coi vì có người vãng sanh”.

Đến 19 giờ 30 phút, mới gọi bác sĩ đến để làm chứng. Cô y tá lập tức vào phòng bà. Đại Đức Wu-Kai nhắc nhẹ tấm khăn phủ mặt để cô y tá xem, rồi cô gật đầu đồng ý. Huệ Nghi đem trả lại những hộp thuốc để dành từ trước, cô y tá rất ngạc nhiên, cầm lên coi, những bao ni-lông còn nguyên chưa mở. Cô chăm chú nhìn bà Tuyết. Lúc đó, có người đang đứng lạy, cô cũng bắt chước làm theo, lạy một lạy, đọc A Mi Tò-Phò một câu rồi ra về.

Đến 13 giờ 30 hôm sau (29 tháng 2 năm 1996) di chuyển nhục thân của bà, nhục thân vẫn còn mềm, không có mùi hôi. Thực sự, trong vòng một tháng trước, bà đã không tắm, không gội, vậy mà lúc ấy, nhục thân của bà vẫn không hôi.

Thân nhân của bà lúc bấy giờ, không khóc lóc, ngược lại rất vui vẻ. Ba cô con gái biết mẹ mình chắc được vãng sanh nên rất đổi vui mừng. Tình mẫu tử như thế, người ngoài khó hiểu được. Bạn đồng tu cũng lộ nét hân hoan.

Sau khi làm lễ thiêu hóa, thu được rất nhiều ngọc Xá Lợi. Gồm hạt Xá Lợi và hoa Xá Lợi, được đưa về Tịnh Trung Học Viện Dallas để mọi người chiêm ngưỡng.

(Thuật theo lời Huệ Nghi- con gái của bà)

(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi –Tịnh Hải sưu tập)

20. Ông Lê Văn Hiếu (1940 - 2001)

Lê Văn Hiếu sinh ngày 23 tháng 11 năm 1940, trong một gia đình trung lưu tại Long An. Sau, dời về Xóm Củi ở Chợ Lớn và thường đi chùa Long Vân với bà ngoại và biết tụng kinh hồi nhỏ.

Hơn 10 tuổi, đã đi theo Sư Ông chùa Long Vân hộ niệm cho người hấp hối hoặc dự các đám tang.

Lớn lên, Lê Văn Hiếu đi lính. Là một thanh niên có tâm đạo nên dù ở đâu, hễ rảnh là đến chùa lễ Phật, nghỉ phép về nhà, lại theo bà ngoại đi chùa.

Mấy năm sau giải ngũ, Hiếu lập gia đình với Nguyễn Ngọc Nuôi. Có tất cả là tám người con, một trai, bảy gái. Sinh sống bằng nghề buôn bán ở Chợ Lớn.

Vào các ngày rằm, ngày lễ, Hiếu thường theo đoàn hành hương viếng các chùa Ấn Quang, chùa Trà Cú, Bến Tre, Mỹ Tho, Núi Bà...

Năm 1982, ông cùng vợ con quy y Tam Bảo với Hòa Thượng Thích Thành trụ tại chùa Đông Hưng ở Thủ Thiêm. Hiếu được Pháp danh Đồng Hưng và vợ là Đồng Thịnh.

Hiếu là một người có tâm đạo, buôn bán thì luôn bán rẻ cho mọi người, không hề nói thách. Đi chùa nào, thì lo tiếp tay với các Sư xây dựng sửa sang chùa ấy.

Năm 1992, ông qua Mỹ, dành dụm tiền gửi về Việt Nam tu bổ chùa Long Vân. Các con ông muốn xin vô làm việc ở sông bài, ông cấm ngặt không cho.

Chẳng bao lâu, Hiếu bị bệnh tiểu đường. Bệnh này thường kéo theo huyết áp cao, lá lách sưng và thận bị hư nặng. Sau đó, chân ông bị liệt, không còn đi được nên không thể quỳ lạy Phật.

Thấy ông bị bệnh nặng, ngồi một chỗ buồn bực, bà sợ chồng mình tự vận để khỏi phải đau đớn, nên thường đến bên cạnh khuyên rằng:

- “Mẹ con em sẽ tận tâm chăm sóc cho anh, anh đừng nên nghĩ đến hủy hoại thân. Anh hãy ráng tĩnh tâm rửa sạch nghiệp. Chỉ có Phật A Di Đà mới cứu độ được anh. Anh hãy ráng lo niệm Phật.”

Ông trả lời:

- “Tôi biết mà bà, tôi lúc nào mà không niệm Phật!”

Mỗi ngày sáng và chiều, ông đều thấp nhang xá Phật, vì không lạy được. Đúng giờ, ông đều nhắc vợ con chuẩn bị thấp nhang. Những giờ khác, ông nín lặng ngồi nghe băng giảng, hoặc lặng lẽ ngồi nghe máy niệm Phật và niệm theo.

Ông âm thầm hành trì như thế, mãi đến cuối tháng giêng năm 2001, bệnh bắt đầu trở nặng; gia đình đưa ông đến bệnh viện Fairfax. Tại đây, ông hoàn toàn đi vào cơn hôn mê. Vợ ông cấp tốc cung thỉnh Sư Cô Luân Liên, Trí Liên cùng các liên hữu đến để tụng kinh cầu nguyện và trợ niệm cho ông.

Khi đoàn người đến bệnh viện, khắp thân ông toàn là dây sợi chằng chịt của các biểu đồ theo dõi lâm sàng, và ống tiếp trợ từ bình dưỡng khí. Bạn của ông là Thiện Viên, nhìn thấy ông bất động liền ứa nước mắt, đến bên cạnh nói khẽ:

- “Anh hãy cố phần đấu trong cơn bạo bệnh, vắng anh các cháu sẽ khổ lắm!”

Sư Cô Luân Liên liền ngắt:

- “Trong tình huống này, tuyệt đối không được khơi động tình cảm gia thê của chú; nó sẽ làm trở ngại rất lớn trong việc hộ niệm cho chú ấy.”

Nói xong, Sư Cô tiến đến bên giường bệnh nhân; bằng âm điệu đều đều và nhẹ nhàng:

- “Chú Đồng Hưng, hôm nay Sư Cô đến đây để niệm kinh cầu nguyện cho chú, chú hãy tịnh tâm gạt bỏ mọi tình cảm thế gian, dứt bỏ mọi tạp niệm, nhứt tâm niệm Hồng Danh A Di Đà, cầu nguyện lực của Ngài tiếp độ cho chú.”

Mặc dù trong cơn nửa tỉnh nửa mê, nhưng sau những lời pháp nhẹ nhàng từ ái của Sư Cô, toàn thân ông chấn động, môi mấp máy, mi mắt cùng mấy ngón tay rung động, chiếc giường chuyển động lên xuống mấy lần.

Sư Cô cho biết là ông đã cảm nhận được, mặc dù trong cơn hôn mê; Sư Cô hướng dẫn mọi người niệm chú Dược Sư và niệm Hồng Danh Phật A Di Đà.

Sau thời trợ niệm, trước khi về, Sư Cô để lại một máy niệm Phật trầm bổng của Thầy Thích Giác Sơn bên tai, vừa đủ cho ông nghe.

Liên tục nhiều lần trợ niệm, Sư Cô đề nghị với gia đình:

- “Chú Đồng Hưng đến giai đoạn hết cách cứu chữa. Bác sĩ cho biết rằng, bệnh nhân cần phải phẫu thuật để dẫn sữa từ ngoài vào dạ dày để cung cấp dinh dưỡng, nhưng tình trạng sức khỏe không đảm bảo an toàn sau thời kỳ hậu phẫu thuật. Vậy nên đưa chú Đồng Hưng trở về nhà!”

Mọi người đều tán đồng, để tiện lợi cho việc hộ niệm và cầu nguyện. Tuy bệnh trạng rất trầm trọng nhưng nhờ hộ niệm nên ông rất tỉnh táo nhẹ nhàng. Khi hiểu được ý định mình sẽ được đưa về nhà lo trợ niệm, ông đã biểu hiện phấn khởi, tay chân mi mắt rung động, nhép miệng với thần thái an tịnh.

Lúc 11 giờ trưa ngày mùng 8 tháng 2 năm 2001, ông xuất viện, với bộ phận tiếp trợ dưỡng khí và y tá đi theo.

Về đến nhà, Sư Cô Luân Liên lại gần bên khai thị.

- “Chú Đồng Hưng, Sư Cô, Ni Cô cùng quý đạo hữu và gia đình đồng cầu nguyện, hộ niệm cho chú được nhẹ nhàng an lạc. Chú hãy gạt bỏ mọi vọng niệm; nhớ niệm Phật theo, ráng nhứt tâm, đừng gián đoạn, Chư Phật sẽ tiếp độ cho chú.”

Một lần nữa, mi mắt, bàn tay ông rung động nhẹ, hơi thở mạnh hơn, như muốn gắng gượng ngồi dậy.

Toàn thể gia quyến gồm vợ ông, tám con, hai rể cùng Ban trợ niệm đồng hộ niệm cho ông. Sư Cô Luân Liên khuyên bảo mọi người không nên có một lời than khóc thương tình, hay biểu lộ

buồn thảm. Sau đó, Sư Cô phát cho mỗi người một quyển kinh và hướng dẫn cùng niệm theo Sư Cô và Ni Cô Trí Liên.

Tất cả niệm kinh trong bầu không khí trang nghiêm, thanh tịnh từ 12 giờ trưa. Đúng 2 giờ rưỡi chiều, Sư Cô ra hiệu cho cô y tá bệnh viện rút ống tiếp hơi dưỡng khí, ông thở từng chập gián đoạn rất khó khăn.

Âm thanh trợ niệm cứ vang rền, chí thành và miệt mài. Tiếng Sư Cô niệm mỗi lúc một to hơn, mọi người tập trung niệm mãnh liệt hơn, hơi thở bệnh nhân từ từ yếu dần...

Hơn 5 giờ chiều, mặt của ông trở nên hồng hào như người khỏe mạnh, thần sắc an tĩnh từ hòa lộ nét vui tươi.

Cụ bà Diệu Ngọc (Ngô Thị Sơn), nhạc mẫu của ông, đã hơn 85 tuổi, thấy thế liền thốt lên:

- “Thằng Hiếu mặt đỏ hồng như thế này, chắc nó chưa đi trong ngày nay”.

Buổi hộ niệm kéo dài đến 5 giờ 48 phút, Sư Cô vì nhận thấy bệnh nhân rất tươi tắn và thở đều đặn nên nghĩ rằng, có thể còn kéo dài nhiều giờ. Để hộ niệm cho một buổi lễ cúng một Phật tử khác đã hứa trước, Sư Cô chuẩn bị đi, xong sẽ trở lại, nhưng xe vừa ra đến cổng, vợ ông hấp tấp gọi Sư Cô quay trở lại. Ông bắt đầu phun nước bọt.

Tiến nhanh đến bệnh nhân, Sư Cô dặn:

- “Chú Đồng Hưng! Ráng nhứt tâm niệm Phật!”

Sư Cô cùng mọi người tiếp tục hộ niệm. Vài phút sau, bỗng ông thở ra ba hơi dài, mỗi hơi cách khoảng vài giây; mặt hơi ngẩng lên, nửa như từ già, nửa như cảm ơn mọi người, rồi trút hơi thở sau cùng, lúc 5 giờ 53 phút chiều ngày mùng 8 tháng 2 năm 2001. Ông hưởng thọ 61 tuổi.

Lúc ấy, con gái ông tên Thu Vân, bỗng nhiên thoảng ngửi một mùi hương lạ ngạt ngào, khiến trong người cảm thấy khỏe khoắn khác thường.

Tiếng niệm Phật vẫn tiếp tục vang đều. Sắc mặt ông đỏ hồng từ từ tái xanh, Sư Cô thăm dò khi đạo, sờ nhẹ các nơi và cho biết:

- “Chú Đồng Hưng đã xuất thần lưu lại hơi ấm nơi đánh đầu trong trạng thái an tĩnh.”

Sư Cô còn dặn thêm:

- “Phật tử Đồng Hưng đã vãng sanh. Sau buổi lễ hỏa táng, nên dọn dò nhà quán, đừng dùng máy nghiền, hãy giữ nguyên xương cốt còn lại để kiểm nghiệm”.

Thi thể của ông vẫn còn mềm dịu mãi đến khi nhà quán đến chở đi hỏa thiêu.

Hai ngày sau, thân nhân ông mang hết hài cốt về chùa cho Sư Cô kiểm nghiệm.

Ông Lê Văn Hiếu pháp danh Đồng Hưng đã lưu lại rất nhiều Xá Lợi đủ loại, đủ cỡ, đủ màu sắc đẹp đẽ.

(Trích: Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi - Tịnh Hải sưu tập)

21. Bà Nguyễn Thị Tân (1921 - 1999)

Nguyễn Thị Tân, pháp danh Diệu Hưng, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1921, tại Trà Vinh. Đến tuổi trưởng thành, lập gia đình thì cư trú tại Sài Gòn. Lúc con trai của bà là Lý Trường Xuân vừa chào đời được 10 tháng, chồng bà qua đời, bà thủ tiết nuôi con, khi ấy bà 24 tuổi.

Năm 40 tuổi (1961), bà quy y Tam Bảo, rồi thọ Bồ Tát giới tại gia ở chùa Ấn Quang. Ban sơ, bà dùng chay kỳ, mỗi tháng 4 ngày. Đến năm 1979, bà phát tâm trường chay. Bà thường xuyên đi chùa nghe pháp, thích làm các Phật sự, cùng các việc phước đức khác như: giúp chùa, giúp Tăng Ni, giúp trẻ mồ côi...

Bà hay đến chùa Ấn Quang và những chùa khác. Trong đó, có chùa Huệ Nghiêm, nơi đây bà quen biết với Thầy Thích Trí Tuệ.

Cảm cảnh khổ sâu xa của kiếp người; xét thấy vạn vật trên thế gian này đều hợp tan, phù du, ảo mộng, mong manh, ngắn ngủi, như sương, như chớp... Càng kinh hãi hơn khi thấu hiểu nỗi đau thương không bến, không bờ của vòng trầm luân xoay chuyển vô tận, vô cùng.

Do thâm nhuần Phật Pháp, lòng tin vững chắc vào bi nguyện độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà, nên bà tha thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Năm 1981 con trai bà ra nước ngoài, bà niệm Phật càng khẩn thiết hơn. Lúc quét rác, bà cũng niệm Phật, hốt rác, xới đất trồng rau, cũng niệm Phật,... Nhớ con cũng Niệm Phật, càng nhớ càng niệm. Mười năm trường, biến niềm nhớ thương thành câu Phật hiệu.

Năm 1991 bà cùng cô con dâu và cháu nội sang Mỹ theo diện bảo lãnh đoàn tụ gia đình. Thế rồi, bà tiếp tục đi chùa lễ Phật và làm công quả như trước, tiếp tục vui vẻ niệm Phật trong mọi oai nghi. Bà may mắn gặp lại Thầy Trí Tuệ tại chùa Vạn Hạnh nhưng chùa Vạn Hạnh lại xa nhà, vì vậy bà thường đi chùa Vạn Phước của Thầy Vân Đàm. Sau này, chùa Vạn Phước đổi thành Tu Viện Pháp Vương.

Ngày rằm tháng tư năm 1999 (Lễ Phật Đản), bà vẫn còn làm bánh vui vẻ cúng Phật và còn vui cười dự “Ngày Cha Mẹ” do hội Ái Hữu Gia Long Miền Đông tổ chức. Nhưng đến đầu tháng 6, thì bà phát bệnh nhanh chóng không thể ngờ, dù đau lưng rất dữ dội nhưng chưa bao giờ bà rên xiết. Gia đình đưa bà vào nhà thương Fairas. Nơi đây chẩn đoán bà bị nhiễm trùng đường tiểu.

Khi về nhà, bệnh không thuyên giảm. Sau đó, sang tiểu bang Virginia, đến bệnh viện Maryland, bác sĩ tìm ra ung thư bao tử; vì phát hiện quá muộn màng nên không còn điều trị được nữa, họ đành phải cho ra về.

Ngày 12 tháng 6 năm 1999, bà xuất viện. Về nhà, bà nói với Thiện Viên (con nuôi của bà - anh này là người rất có đạo tâm, hằng say làm các Phật sự):

- “Má đã biết đường đi rồi!”

Dáng vẻ của bà rất ung dung tự nhiên, không chút sợ hãi, lo buồn, dầu biết rằng cái chết đang cận kề bên mình trong gang tấc.

Đến ngày 20 tháng 6 năm 1999, hội Ái Hữu Gia Long tổ chức cầu an cho bà tại Tu Viện Pháp Vương với sự hiện diện hàng trăm Phật tử trong vùng. Bà cười chào hỏi mọi người, thành thật cảm ơn tất cả và bình thản ra về sau buổi lễ.

Sáng ngày 29 tháng 6 năm 1999, bệnh tình bà trầm trọng. Bà vẫn sáng suốt, luôn luôn chấp tay niệm Phật. Bà đạo đến hộ niệm đông đảo. Bà bảo mọi người đừng khóc. Bà nằm ngửa chấp tay niệm Phật và niệm đến khi không còn niệm ra tiếng. Đến 3 giờ 30 chiều thì bà trút hơi thở cuối cùng, sắc mặt liền thay đổi, gương mặt bỗng nhiên sáng đẹp hẳn lên. Hơi ấm còn lưu lại nơi đầu và trán. Bà hưởng thọ 78 tuổi.

Sau đó, Thầy Vân Đàm đến. Thầy sờ trán cụ, bảo:

- “Cụ ra đi tốt đẹp!”

Kế đó, Thầy Trí Tuệ cũng đến. Trước khi ra đi, bà đã chuẩn bị tất cả tang sự. Tất cả đồ liệm đem theo cho bà, bà tự lo sắm đầy đủ như quần áo liệm, mũ Quan Âm, kể cả chiếc mền Đà-la-ni, mà cháu con không hay biết.

Bà đã viết thư dặn dò khi bà chết phải đem đi thiêu. Khi nhật tro phải lượm từ dưới chân dền lên đầu. Rồi đem vào chùa 49 ngày, sau đó đem rải ở đâu cũng được.

Lễ hỏa táng kết thúc thu được rất nhiều Xá Lợi. Gồm hoa Xá Lợi và xương Xá Lợi.

(Trích : Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi- Tịnh Hải sưu tập)

22. Cư sĩ Nguyễn Văn Luông (1947 - 1996)

Cư sĩ Nguyễn Văn Luông sinh năm 1947, cư ngụ tại ấp Thạnh Lộc I, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Nguyễn Văn Thành, mẹ là cụ bà Lê Thị Dinh. Anh đứng thứ Hai trong gia đình và có tất cả sáu người em.

Thuở nhỏ, học hành chỉ mới lớp 3 trường làng.

Khi năm lên 21 tuổi, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Mềm, sinh được sáu đứa con, ba trai, ba gái.

Anh có lối sống đơn giản, ăn mặc bình dị. Tính tình thuần hậu hiền lành, thương yêu hết thảy các em, hòa nhã đối với tất cả mọi người, nên ai ai cũng cảm mến. Anh rất siêng năng cần mẫn, quanh năm suốt tháng miệt mài với thửa ruộng luống cày.

Do vì cha mẹ và người thân phát tâm quy kính Tam Bảo, anh cũng hưởng ứng làm theo. Đồng thời hướng dẫn vợ con cùng trường chay tu niệm, lánh dữ làm lành, cầu sanh Tịnh Độ, lúc ấy, vào khoảng cuối thập niên 70.

Những dịp nhàn rỗi anh thường xem kệ giảng, và đầu bận công chuyện mấy công khóa sớm chiều không hề bỏ sót. Đúng như lời của Đức Phật Thầy Tây An thuở xưa đã từng chỉ dạy:

“...Ngày hai thời lắng lặng công phu.
Việc chi dầu quá cần cù,
Cũng nhân vài khắc tập tu nguyện cầu.
Khi rảnh việc đồng sâu chợ búa.
Đem sám kinh tự của Thầy ban,
Đọc cho thông thuộc đôi hàng.
Ngâm nga trong lúc thanh nhàn bản khoán.”

Mặc dù mưu kế sinh nhai chộn rộn, anh vẫn thường thăm viếng cha mẹ, cung dưỡng những món lạ vật ngon, ít khi vắng thiếu. Phù hợp với lời chỉ dạy của các bậc tiền bối:

“Con ơi! Càng biết đạo mỗi,
Càng làm đẹp để hạnh ngôi con người.
Ở ăn quy củ trong đời,
Trong thời thuận thảo ngoài thời hòa vui.
Nhớ ơn cha mẹ dưỡng nuôi,
Thì không thể trở nên người con hư.
Trọn câu tử hiếu phụ từ,
Đó là căn bản đạo người xưa nay.”

Thể lực của anh rất tốt, suốt năm này qua tháng nọ ít khi bệnh, nếu có cũng chỉ cảm gió sơ sài mà thôi.

Mãi đến đầu xuân năm 1996, anh nghe trong người tứ đại bất hòa, bèn đạp xe đi tìm thầy thuốc lo bề chữa trị. Sau rốt, đến bác sĩ Huệ ở Thốt Nốt xét nghiệm, phát hiện khối u ở gan vào thời kỳ thứ III.

Sức khỏe bắt đầu tụt dần, nhưng tinh thần anh vẫn an nhiên, trong khi vợ con đều bàng hoàng kinh sợ.

Anh thường nằm trên ghế bố, bệnh hành ngật mình bằng những cơn đau nóng dữ dội, rất khó chịu, không thể diễn tả được. Mỗi cơn thường kèm theo xuất mồ hôi đầm dề, khi qua cơn thì hơi khỏe lại một tí, có thể gắng gượng tới lui. Giai đoạn này, công phu hành trì của anh càng thêm khẩn thiết, ý nguyện vãng sanh mãnh liệt thêm hơn. Do vì:

“Biển trần kiếp tạm nổi trôi,
Không tu khổ mãi chẳng đời nào yên.
Sanh ra trong cõi trần duyên,
Người nào cũng bị nã phiền chẳng không.
Không ai trăm việc vừa lòng,
Mà ai cũng có nã nồng nộ kia.
Dục tâm óc ách như đĩa,
Đem thân ra để làm bia đạn trần.
Biết rằng rốt cuộc bỏ thân,
Nhưng mà các dục vọng trần không buông.
Quên rằng tài vật dư muôn,
Bỏ thân tài vật bỏ luôn đâu còn.
Chết thân tan rã lần mòn,
Nhưng bao tội lỗi hồn còn đeo mang.
Xác tan nhưng tội không tan,
Đâu thai trở lại thế gian trả đền.
Vì mê nên kiếp trước quên,
Hay đâu ăn trước nay đền trả sau.
Trả đền hoặc chậm hoặc mau,
Đã vay không một người nào trốn qua.
Chúng sanh nơi cõi Ta Bà,
Sao không nghĩ tới để mà tu thân.
Nếu không trốn khỏi tử thân,
Dù đeo đấm cuộc hồng trần luống công.
Cuối cùng cũng phải tay không,
Đâu bằng tu niệm để hồng siêu sanh.
Đem lòng tham muốn lợi danh,
Đổi ra lòng muốn tu hành quý hơn.
Lợi danh sẽ mất theo thân,
Tu hành sẽ cứu hồn thăng Phật đài.
Càng nhiều tham vọng trần ai,
Càng làm cho kiếp đọa đày đầy thôi.
Hồng trần là cõi bạc vôi,
Nó không chung thủy với người nào đâu”.

Nên:

“ Đường vãng sanh Cực Lạc một lòng cầu,

Kiếp thống khổ bao lâu rồi cũng khỏi.”

Vợ con anh vô cùng khổ tâm, vô cùng lo lắng, nên khuyên anh dùng mẫn để nâng cao hiệu quả điều trị theo lời thầy thuốc yêu cầu. Khi vắng mặt chị và mấy cháu, người em gái bên cạnh bèn nhắc nhở:

- “Anh Hai à! Anh phải tự giác! Cũng như là... đời mình trước sau gì cũng phải chết, mình phải giữ cái Đạo để mà đi, anh đừng có ăn mẫn ghen!”

Anh khẳng khái trả lời:

- “Anh hồng có ăn đâu, em đừng sợ!”

Lúc này, thân nhân đặt bàn hương án, bà con đồng đạo rất đông đảo đến cầu nguyện. Mặt khác, vợ anh cũng mua chim cá phóng sanh, hồi hướng cho anh. Đồng thời, cha mẹ ruột, cha mẹ vợ và các em của anh thường ở gần sách tấn và trợ niệm hàng ngày.

Khoảng 10 ngày sau, vào ngày 18, thấy anh mệt nhiều thân quyến bắt đầu thay phiên túc trực hộ niệm liên tục. Vào giữa khuya đêm 22, trong cơn đau dữ dội, anh chợt đọc lên hai câu trong quyển Khuyến Thiện:

“Gần hấp hối tâm thần xao xác,
Trí vẫn vợ kinh sợ vô cùng.”

Rồi tiếng niệm Phật của anh nhỏ dần nhỏ dần, sau đó ngưng hẳn, mọi người xung quanh lớn tiếng xưng to Thánh Hiệu. Mãi đến 6 giờ sáng, anh an tường trút hơi thở cuối cùng. Nhâm ngày 23 tháng 1 năm 1996. Anh hưởng dương 49 tuổi.

Lúc ấy, có một số người ở xa ngoài đồng thấy nhà anh chói sáng, họ ngỡ là nhà cháy.

Cuộc trợ niệm vẫn tiếp tục duy trì đến 9 giờ, khám nghiệm toàn thân, thì chỉ có đỉnh đầu hãy còn nóng ấm. Đặc biệt là gương mặt thật tươi-sáng-đẹp. Chư đồng đạo đều lộ sắc hân hoan, chia sẻ niềm vui vô biên với người đã sanh sang cõi Tịnh.

(Thuật theo lời cô Tám Chờ em gái của anh)

23. Ông Nguyễn Văn Lai (1941- 2000)

Ông Nguyễn Văn Lai sanh năm 1941, cư ngụ tại ấp Thạnh Lộc I, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, Thành Phố Cần Thơ. Cha là cụ ông: Nguyễn Văn Giỏi; mẹ là cụ bà Nguyễn Thị Quạ. Ông có hết thảy là tám anh em và đứng thứ Tám trong gia đình.

Đến năm 21 tuổi, ông kết hôn với bà Trần Thị Khoán, sinh được mười một người con, bảy trai, bốn gái. Chuyên canh tác ruộng lúa, nuôi vịt, nuôi tôm cá, giăng lưới, đặt lợp... làm phương kế sinh nhai.

Tính tình của ông rất siêng năng cần mẫn, rộng rãi với người ngoài nhưng lại nghiêm khắc với con cái. Hay nóng giận, dễ đổ quạu trong khi chuyện chẳng đáng gì!

Ngay từ thuở thiếu thời, ông đã tín hướng Tam Bảo, tin tưởng Phật Trời. Ông thường xem kinh sách, nhất là quyển “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ”. Sáng chiều, hai thời lễ bái, chay lạt mỗi tháng bốn ngày. Nhưng vấn đề ăn chay đối với ông dường như hết sức vất vả khó khăn!

Khi tuổi quá 50, ông hay ao ước: Chừng nào lo chuyện đôi bạn cho con trai Út xong, ông sẽ gác bỏ mọi thứ, chuyên chí tu hành. Nhưng:

“Lòng người mong thế!”

Mà:

“Lẽ trời chưa thế!”

Đùng một cái! Ngày 24 tháng 12 năm 1998 ông ngã bệnh. Đến bác sĩ ở xã, huyện, tỉnh... rồi ra Sài Gòn, các nơi đều chẩn đoán là khối u gan. Sợ tâm lý bệnh nhân và người thân tổn thương, bác sĩ ở Thành Phố đề nghị:

- “Nên chờ Bác về Cần Thơ điều trị. Đừng ra đây nữa vì xa xôi và tốn kém!”

Về đến nhà, cô con gái thứ Tư biết Ba mình chắc chắn không qua khỏi nên âm thầm khóc, khóc nhiều lắm. Tối ngày thứ ba, ông hay được, bèn nói:

- “Con người ta sống chết đều có số! Khóc cái gì mà khóc!”

Nghe Ba mình nói vậy, cô cũng an lòng.

Thời gian này, gia đình điều trị cho ông bằng thuốc Nam cầm chừng. Sự ăn uống, sinh hoạt của ông cũng chưa bớt ngặt chít lắm.

Vả lại, trong gia đình, đã có 3 người con ăn chay tu niệm, nên cứ 5 hay 7 hôm thì có một liên hữu ghé thăm, giảng giải Phật Pháp cho ông nghe, nói rõ về nhân quả báo ứng, về lý vô thường: vạn vật trên cõi trần đều tạm bợ, không bền như sương mai, không chắc như bóng bọt... Ngay cả tấm thân của chúng ta cũng chỉ là ánh chớp chiều tà, thấy đó rồi mất đó. Sinh già, bệnh chết dính liền theo nhau như bóng theo hình. Tất cả đều là giả, chỉ có vòng sống chết luân hồi là khổ đau, là hiện thực:

“Da môi tóc bạc lần lần,
Lục cùm chân run mấy chốc.

Dù sang vàng ngọc đầy nhà,
Vẫn khổ suy già bệnh tật.
Vĩ hưởng khoái lạc ngàn muôn,
Đâu khỏi vô thường chết mất.”

Sau cùng, liên hữu giới thiệu cho ông về pháp môn Tịnh Độ, khuyên ông gạt sạch muôn duyên, một lòng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, hầu được an vui vĩnh viễn:

“Duy có đường tắt thoát ly,
Chỉ niệm A Di Đà Phật.”

Nghe xong, ông rất đổi vui mừng, sốt sắng làm theo.

Ông thả hết hào cá đang nuôi, bỏ thí lúa tiền cho người nghèo, cho họ cấy bạch đàn để cất nhà... Tính tình ông bỗng dung thay đổi một trăm tám chục độ.

Mỗi ngày, ông hành trì 3 thời lễ bái (do sức yếu nên không đứng được mà chỉ ở tư thế xá, ngồi), thiết tha xưng niệm câu lục tự Di Đà. Lúc khỏe, ông cũng thường xem kệ giảng cho hiểu biết và niềm tin của mình sâu chắc thêm hơn.

Sáu tháng sau, bệnh trở nặng, các con đưa ông lên An Giang, qua 25 ngày, thuốc men vừa chích lẫn uống, bệnh tình thuyên giảm đôi phần. Bác sĩ cho ông về nhưng vẫn duy trì thuốc uống.

Khi còn ở An Giang, ông nằm mộng thấy con chó đến trước ông, nhìn ông lom lom, phút chốc biến thành anh chàng thanh niên, phút chốc đổi thành chó, liên tiếp 3 đêm. Đêm thứ 3, trong cơn mơ, ông hốt hoảng niệm Phật vang rền. Cô con gái chạy tới bên cạnh hỏi ông duyên cớ. Thì ra khi xưa, ông có nuôi bảy vịt trong ruộng, có con chó đực của người cháu láng giềng đã vật chết trọn bảy vịt. Tức quá, ông đập chó chết tốt. Ông hỏi con:

- “Giờ phải làm sao?”

Con ông khuyên ông nên sám hối, niệm Phật, hồi hướng cho nó. Chính con ông cũng niệm Phật, cầu nguyện thay cha. Từ đó về sau, ông không còn nằm mộng gặp nữa.

Ngày mùng 8 tháng 7 năm 1999 ông bảo với con:

-“Thôi ngày mai, con làm đồ chay cho Ba ăn luôn!”

Cô con gái thấy Ba mình xưa nay, ăn chay rất khổ nhọc nên vẫn nấu mặn như lệ thường. Khi dùng xong, ông đều ói ra hết, liên tục hai ngày như thế.

Năm hôm sau nhân dịp tuần thất người em trai của ông, ông cho thỉnh các bậc thiện trí thức lão thành đến, tổ chức làm lễ phát nguyện trường chay, cầu Tam Bảo gia hộ cho mình. Trong gia quyến, những người chưa ăn chay cũng vì ông đồng phát nguyện trường chay.

Bấy giờ, ông nhất tâm chí thành niệm Phật. Khách khứa đến thăm hỏi (trừ bạn đạo), phần nhiều ông đều nhờ người nhà tiếp chuyện. Trường hợp bất khả kháng thì ông quay mặt vào vách, để cho những chuyện tào lao bớt lọt vào tai.

Đến ngày 14 tháng 12 năm 1999 buổi ăn sáng, ông không dùng. Khoảng 10 giờ, cô con gái hay được đến hỏi:

- “Bữa nay, con đi chợ không có ở nhà. Bộ con không đúc, Ba giận sao mà không ăn?”

Ông chỉ đáp một tiếng:

- “Không!”

Rồi chìm vào hôn mê.

Thân quyến mời chư đồng đạo sắp xếp lên chương trình hộ niệm và cầu an. Mãi tới 2 giờ khuya rạng ngày 16, ông tỉnh lại (trải qua 54 giờ), liền hỏi con về việc tiếp đãi chư vị hộ niệm thế nào. Khi biết mọi mặt đều thỏa đáng, ông chấp tay lên ngực nhép môi niệm Phật theo mọi người.

Sáng ra, người cháu của ông tên là Y Na đến gần bên hỏi nhỏ:

- “Sao mà ba bữa nay, ông hông nói chuyện, ông có giận hờn gì ai hông mà im ru vậy, Bác Tám?”

Ông đáp:

- “Bác thấy bên cảnh Cực Lạc đẹp dữ lắm! Có nhiều hoa sen, có tên bác trong đó nữa!

Tu dễ lắm Y Na ơi! Mình niệm Phật là được thành Phật!”

Sáng ngày 10 tháng 1 năm 2000, ông lại nói với Y Na:

- “Chắc là ngày 12, có thể Phật rước Bác!”

Ngưng giây lâu rồi ông nói tiếp:

- “Nhưng mà chưa chắc, nó còn mờ mờ ảo ảo lắm!”

Đến 10 giờ ngày 12, ông lên cơn mệt suốt 3 tiếng đồng hồ.

Sáng ngày 14 tháng 1 năm 2000 ông cho gọi các con lại, rồi dặn dò:

- “Ba đã tạo dựng sự nghiệp như vậy đó! Các con làm được thì để làm, còn không thì bán bố thí. Bao nhiêu công chuyện vậy thôi, chớ đừng bày bố gì thêm!”

Ông còn bảo người con trai thứ Tám đi hốt cát trong kim tỉnh, để sáng mai ngày 15, lu bu lắm.

Chiều lại lúc 4 giờ, mọi người đều đi nghỉ để dùng cơm, riêng liên hữu Ba Vốn tới hỏi ông:

- “Sao nằm hoài vậy, chú Tám? Chùng nào đi đây?”

Ông đáp:

- “Một giờ tui đi!”

Hôm sau, nhằm ngày 15 tháng 1 năm 2000 lúc 11 giờ, ông bắt đầu mệt nhiều. Gần 50 đồng đạo vây quanh hộ niệm. Đúng 1 giờ chiều, ông trút hơi thở cuối cùng. Ông ra đi hết sức nhẹ nhàng và an lành! Nét mặt thật tươi và sáng đẹp. Hưởng dương 59 tuổi. Trước lúc di chuyển nhục thân vào kim tĩnh, chư đồng tu phát hiện đánh đầu của ông rất nóng.

Suốt một tháng hộ niệm, trong nhà luôn có khoảng 50 đồng đạo túc trực. Bình thời ông thường ao ước khi mình mất phải được chư vị hộ niệm bằng giọng trầm, nhịp điệu thanh thoát và đều. Lại thay! Quả đúng như vậy, giờ ấy, những người có giọng chác, sắc... bỗng dưng không hiện diện.

Cô con gái thứ Tư của ông trường chay tu trì đã nhiều năm, lòng luôn ray rức:

- “Chắc Ba hồng thương mình sao, mà trước khi ra đi ông gọi hết con cháu lại để dặn dò, mà ông hồng kêu mình?” (Vì lúc ấy cô không có mặt).

Cô thường nghĩ trong lòng như vậy.

Ba ngày sau, khi đi mở cửa mả về, tối lại cô nằm mơ, thấy ông hiện về, thân tướng to lớn trang nghiêm phi thường, mặc y phục bà ba trắng. Ông nói với cô:

- “Con đã lớn rồi! Từ đó đến giờ sao thì bây giờ vậy! Ba khỏi phải nhắc nhở!”

(Thuật theo lời Tư Sương con gái của ông)

24. Ông Nguyễn Văn Khương (1922 - 1983)

Ông Nguyễn Văn Khương sinh năm 1922, cư trú tại Ngã Cũ, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Hưng, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Giỏi. Ông có tất cả là tám anh em và ông đứng thứ Bảy trong gia đình.

Thuở nhỏ, ông có biệt tài đọc truyện rất hay nên được ông bà nội cưng, thương hết mực.

Khi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Nương, sinh được tám người con, ba trai, năm gái. Chuyên canh tác ruộng đồng để làm phương kế sinh nhai.

Tính tình ông thuần hậu, giàu lòng thương giúp người, lời nói và việc làm luôn là mẫu mực cho mọi người xung quanh. Vì thế, ai ai cũng đều quý kính mến mộ.

Thân phụ của ông vốn là Đại Hương Cầm. Năm 1945, do biến cố thời cuộc mà cụ đã tỉnh ngộ, phát tâm qui hướng Tam Bảo. Nhờ đó, mà ông cũng thừa hưởng di sản tinh thần quý báu của cha mình, lúc ấy ông tuổi vừa mới hăm ba.

Năm 1968, ông di cư sang rạch Sa Mau, đồng chung thôn xã, cảnh quang nơi đây thanh tịnh nên rất thích hợp cho việc tu tập hành trì. Ông tích cực tham gia hoằng pháp lợi sinh, xây cất chùa, tạo lập giảng đường phổ truyền Giáo Lý, nhằm lúc phong trào chân hưng Phật Pháp tại miền Nam đang phát triển rầm rộ.

Với trình độ học vấn sâu rộng và siêng năng nghiên cứu nội điển nên công tác Phật sự tương đối trôi chảy thuận lợi.

Đến năm 1975, hoạt động giáo sự đình chỉ, ông lui về chuyên tu, sống đời tri túc, lạc đạo an bản:

“Tương với muối cháo rau đạm bạc,
Nghèo lương hiền biết niệm Di Đà”

Cũng từ đạo ấy, ông cùng với những người trong gia đình phát nguyện trường chay, giới sát, tinh tấn tu hành. Bởi góm ghê nổi khổ của kiếp trầm luân, thấu tận lẽ đau thương vô tận nơi dòng sinh tử, xuống xuống lên lên giữa ba cõi sáu đường, ông hạ quyết tâm:

“Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”

Vì vậy cần phải:

“Nên tu chớ có dằn dả,
Vì rằng ngày tháng trôi qua lệ làng.
Khó biết được thời gian chết đến,
Cái chết không nhất định trẻ già.
Đời nhiều cách chết xảy ra,
Cho nên thường có trẻ già khóc mắng.
Việc sanh tử Phật rằng đại sự,
Còn luân hồi còn tử sanh luôn.
Tử sanh không gỡ cho sông,
Dù rằng đến bực đế vương ra gì.”

Thế nên, ông ngày đêm khẩn thiết tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Công việc gia đình, ông dần dần thu xếp và giao phó lại cho các con, phần mình chuyên tâm lễ bái và trì niệm. Ông tự lập ra thời khóa mỗi ngày bốn thời công phu lễ niệm, mỗi thời là hai tiếng đồng hồ. Ngoài ra, ông còn xem kinh đọc sách, nhứt là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, Con Đường Tu Tắt, Tu Tâm Dưỡng Tánh, Kim Cang Chú Giải...

Điều đáng được chú ý ở đây là thời khóa công phu mà ông tự lập ra, ông âm thầm tuân thủ đều đặn, chưa từng trễ sót. Có những lúc nắng hạ oi bức gắt gao, các con thương cha tuổi già sức yếu nên lên tiếng khuyên ngăn, tạm thời ngưng giảm để giữ gìn sức khỏe. Ông ôn tồn trấn an và khích lệ:

- “Các con đừng nên nói vậy! Hồi Ba phát tâm tu là nguyện trong một kiếp này sẽ được kết quả vãng sanh. Nhưng rồi duyên nghiệp mãi đeo mang đến bây giờ thì Ba đã làm xong bốn phận với gia đình. Giờ phút cuối cùng này, Ba phải cố gắng tu thôi! Chỉ có tu mới thoát khỏi sinh tử luân hồi. Chỉ có hành mới tăng thêm phẩm hạnh. Và có nguyện Cực Lạc mới vãng sanh. Vậy, các con hãy để cho Ba làm tròn theo bốn nguyện của mình!”

Ông thường cùng với bạn đạo là liên hữu Công Danh hay lui tới Tịnh xá Ngọc Trung ở Thốt Nốt, và Tịnh xá Ngọc Giang ở Long Xuyên.

Thấy hai cô con gái Út đang tuổi hoa xuân mà có ý hướng tu giải thoát rất hợp với lòng mong mỏi của ông, ông thường nung đúc và sách tấn. Có người thân quyến phản đối:

- “Con nó hãy còn nhỏ dại, mình đừng nên ép uống, tội nghiệp nó!... Biết nó có vững bền hay không?”

Ông đáp:

- “Chuyện đó thì cũng do duyên nghiệp riêng của mỗi đứa. Nhưng bốn phận làm cha, mình khuyên bảo nó cố gắng được ngày nào thì nên ngày nấy!...”

Bao giờ và lúc nào ông cũng mong muốn các con có được đường hướng rõ rệt, dứt khoát hẳn với thế tục, đầy phiên toái buộc ràng. Chỉ một lòng một dạ xuất ly bể ái đầy tang thương và khổ lụy. Phải luôn hướng tâm về nẻo Đạo mới có thể hy vọng gặt hái được kết quả mỹ mãn trên con đường giác ngộ mà thôi. Như lời Tổ Thầy đã hằng chỉ dạy:

“Nghe chuông linh sớm dứt bể ái hà,
Kéo vật dục cuốn lôi vào bể khổ.”

Hoặc Cổ Đức đã từng than thở:

“Ái dục trói lôi chẳng lúc xong,
Hằng ngày phiên nào quán quanh vòng.
Ngục tù nhà nước còn khi mãn,
Cái ngục gia đình mãi đóng gông!”

Năm 1981, nhân chuyến đi An Giang, lúc quay trở về, tai nạn xe cộ đã làm căng chân phải của ông mang trọng thương khá nặng, ông phải dùng thuốc kháng sinh suốt mấy tháng liền, sức khỏe tụt dốc dần từ đó.

Thế rồi, những cơn cảm sốt xuất hiện, tuy không nặng lắm nhưng cứ dai dẳng, dây dưa mãi không dứt. Cho đến giữa tháng chạp năm 1982, ông bị chứng bí tiểu ngặt nghèo. Sau khi điều trị bằng Đông Y được khỏi thì thể trạng thực sự suy sụp rõ rệt. Tất cả thuốc hay thầy giỏi đều bó tay, gia đình nóng lòng định đưa ông đi Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông nhất định không chịu, chỉ muốn ở nhà hộ niệm vãng sanh Tây Phương. Đồng thời, ông đã viết di chúc dặn dò vợ con rất nhiều điều: cách thức hộ niệm, cách thức chôn cất... Trong đó, có bảy bài thơ thất ngôn tứ cú, đại ý tỏ lòng tri ân, lời cảm tạ, khuyến tấn và hẹn tương ngộ với chư bạn đạo tại đài sen nơi đất Phật.

Ngày 19 tháng 3 năm 1983, ông trở bệnh nặng, không còn đi đứng được nữa, nhưng tinh thần vẫn an định, không chút gì suy xuyến. Con cháu và đồng đạo thay phiên trợ niệm. Trước những cơn đau nhức kinh hồn không thể tả, các con rơi lệ thở than:

- “Từ nào đến giờ Ba mình đã nhiều năm tu hành, tích tạo phước đức mà sao bây giờ lại ra nông nỗi này?”

Ông hay được liền an ủi:

- “Các con đừng nên nghĩ như vậy! Sát nghiệp của Ba rất nặng. Vả lại, Ba nguyện trả nghiệp đồn cho xong để kiếp này vãng sanh. Các con đừng khóc lóc mà làm trở ngại trong lúc Ba ra đi! Các con cũng đừng lo lắng, mà phải cố công hộ niệm cho Ba, để Ba nhẹ bước trên con đường về Cực Lạc!”

Đúng như lời người xưa đã từng cổ vũ:

“ Rán tu cho đến tận cõi Tây Phương,
Chớ dừng bước trên đường đi Cực Lạc.
Khổ thế mấy cũng chỉ là đến thác,
Sống thác là định nghiệp của nhân gian.
Đã biết rồi chớ lấy đó buồn than,
Nên cương quyết tự ngăn sanh tử hậu.
Sống đời mọi nghiệp mê không tạo cầu,
Tất không duyên gì đảo cõi trần dương.
Theo sự đời chung cuộc rã như sương,
Hướng về Phật tất khỏi đường tạm giả.
Chỉ giải thoát mới gọi là chí cả,
Sống siêu sanh mới là kẻ sống đời.
Người biết lo về Phật lúc tàn hơi,
Đó mới thật là người chơn giác ngộ.”

Chư Tăng Ni cùng các bậc thiện trí thức hay tin, lần lượt đến thăm hỏi, sách tấn ông, ông rất vui mừng và tỏ lòng biết ơn khi các vị ra về.

Có lần, Thượng Tọa Giác Đăng (Trụ trì Tịnh xá Ngọc Trung), đến thăm, thấy ông đau đớn dữ dội, liền phát nguyện gánh nghiệp thế. Khi về, mấy hôm liên tục Sư đau nhức bao nhiêu, thì ông nơi giường bệnh, nhẹ bớt bấy nhiêu. Nhờ vậy, mà tín tâm của các con ông đối với lý luân hồi nghiệp báo càng tin tưởng thêm sâu chắc hơn.

Cũng thời gian này, gia quyến và chư đồng đạo lên chương trình trợ niệm và đặt bàn hương án cầu an cho ông. Ông đề nghị cầu siêu đừng cầu an. Đa số không đồng ý, nói:

- “Anh chưa chết mà cầu siêu cái gì?”

Ông đáp:

“Thì cứ cầu siêu! Nếu tui chưa vãng sanh thì cũng còn ở đây chớ đâu có đi đâu đâu, mà các anh sợ!”

Con cháu và bạn đạo luân phiên thay ca nhau hộ niệm. Ông khẩn thiết niệm Phật theo. Mỗi khi có người yêu cầu ông niệm to tiếng ông đều đáp ứng. Ông cũng thường căn nhắc con cháu là sau khi ông mất tám giờ đồng hồ mới được động đến nhục thân của ông.

Ngày 20 tháng 4 năm 1983, ông từ từ chìm vào cơn hôn mê. Đến 5 giờ 30, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh Phật hiệu vang rền của chư đồng đạo. Ông hưởng thọ 61 tuổi.

Lễ an táng được cử hành trong ngày, sau tám giờ hộ niệm tiếp theo, khi di chuyển nhục thân đến nơi an nghỉ cuối cùng, vào lúc 2 giờ chiều, mọi người ai cũng thấy gương mặt ông sáng đẹp hơn lúc sống, và có một quang đóa bằng miệng chung nổi lên giữa đánh đầu (vì đầu ông bị hói), có vị lấy tay sờ vào, thấy có cảm giác ấm nóng rõ rệt.

(Thuật theo lời Út Đào con gái của ông)

25. Ông Đồng Văn Lễ (1919 - 1987)

Ông Đồng Văn Lễ sinh năm 1919, tại Long Xuyên. Thân phụ là cụ ông Đồng Văn Ngữ, thân mẫu là cụ bà Phan Thị Phải. Ông có tất cả là chín anh em và đứng thứ Tư trong gia đình.

Khi trưởng thành, ông kết hôn với bà Lê Thị Mạnh, sanh được sáu người con, bốn trai, hai gái. Gia đình cư ngụ tại ấp Phụng II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Quanh năm, chuyên nghề ruộng rẫy làm phương kế sinh nhai.

Ông có đức tính bao dung từ hòa, cần kiệm và giàu lòng thương người, giúp người. Hiếu hạnh của ông được xếp vào hàng mẫu mực, hiếm có đời nay.

Suốt thuở niên thiếu trôi qua, nhờ hấp thụ truyền thống gia đình, ông đã biết kính tin Tam Bảo, ăn chay kỳ, sớm chiều lễ Phật, ưa đọc kinh sách Thánh Hiền.

Khi 51 tuổi (1968), ông chính thức phát tâm trường chay, nỗ lực tu hành. Ngoài bốn thời lễ niệm mỗi ngày, ông còn tích cực tham gia các công tác từ thiện xã hội, lo cứu giúp kẻ cơ bản từ gạo lúa cho đến của cải, bạc tiền... Đồng thời, ông cũng khuyến gọi mọi người chuyên lo làm lành và niệm Phật.

Có lần đi Châu Đốc về, khi đến nhà chỉ còn chiếc quần xà-lỏn, vì mọi thứ ông đều biếu tặng cho người túng thiếu.

Một tối nọ, thấy ông ngồi trên giường niệm Phật, bà liền hỏi:

- “Sao tối rồi mà ông hồng giảng mừng, để muỗi cắn vậy?”

Ông đáp:

- “Hồi sáng, tui cuốn cho người ta rồi?”

Bà hỏi tiếp:

- “Sao ông hồng nói với tui hay, để tui đưa cái khác đem cho?”

Ông nói:

- “Cho bà hay, bà cho mừng cũ, tội nghiệp người ta!”

Đối với gia quyến, ông ôn hòa, vừa nghiêm nghị răn dạy từ cái ăn cái mặc cho đến đối nhân xử thế. Đặc biệt, là yêu quý sinh mạng các loài vật, và cần kiệm dùng sai để có dư ra, hầu giúp đỡ người khác, bởi vì họ đang khốn đốn hơn mình... Con cháu đều kính nể, vâng lời.

Mỗi lần mẹ bệnh, ông đều đích thân chăm sóc. Mẹ ngủ trên giường, ông trải chiếu ngủ ở dưới. Các con lấy làm lạ, hỏi lý do, ông đáp:

- “Nằm ở đó, khuya lỡ Tía có ngủ quên, Nội con bước xuống, Tía cũng hay được!”

Khi dùng cơm, ông ở bên cạnh mẹ trọn buổi, tự tay gấp thức ăn cho bà, vừa quan sát, vừa ân cần hỏi han ngon dở, mặn nhạt thế nào để đáp ứng kịp thời. Lỡ bận công việc, ông bảo thân quyến phải làm y như thế.

Ông đối xử rất bình đẳng bên mình cùng bên vợ, không nghiêng không lệch. Những dịp đi xa về, món ngon vật lạ mà ông mua cho mẹ bao nhiêu thì phần dành cho nhạc mẫu cũng bấy nhiêu.

Ông thường khuyến khích con cháu, bạn bè cố gắng nỗ lực tu thân hành thiện. Đem Phật pháp giáo huấn gia tộc. Những lúc nhàn rỗi, chúng thường tụm năm tụm ba bàn chuyện bông lông, ông dịu dàng khuyến nhắc:

- “Các con đừng nên lãng phí thời gian, nói chuyện qua lại một hồi, cười xà thì hết, lợi ích gì đâu! Sao không ráng lo niệm Phật!”

Vì mến mộ hạnh tu của ông nên các thiện trí thức thường xuyên lui tới để bàn luận Phật Pháp, sách tấn hành trì. Ông Hai Quấn là bạn đồng tu tri âm tri kỷ với ông, thường cùng ông đi các nơi khuyên nhắc mọi người niệm Phật tu hiền, làm lành lánh dữ, nhất là bỏ đi đọa tà kiến, chân chánh tu hành. Ông Hai đã cư ngụ ở nhà của ông gần hai mươi năm trời đăng đẳng, ông cùng bà vợ đã lo lắng, săn sóc cho ông bạn đạo này suốt thời gian bệnh cho tới lúc mất, vào buổi trưa ngày 14 tháng 12 năm 1983. Ngày ra đi, ông Hai rất vui vẻ nói nói cười cười và không quên đưa tay chào đồng đạo đúng như lời mà ông đã hứa từ trước!.

Có nhiều cụ già bệnh đến giai đoạn chót, tự biết không qua khỏi, đều đốc thúc con cháu phải đi mời cho bằng được ông Tư Lễ đến hộ niệm cho mình.

Suốt mấy mươi năm trường công phu tu hành của ông đại để là như vậy.

Cả quãng đời cần mẫn làm ăn, xằng xái giúp đời, đến năm 67 tuổi (1986) thể lực của ông bắt đầu suy kém. Con cháu đòi đưa đi bệnh viện chữa trị, ông không cho, mời bác sĩ về nhà, ông cũng cự tuyệt. Không cần uống một viên thuốc Tây nào cả, chỉ uống thuốc Thầy (5 thứ lá cây), và thỉnh nước cúng trên bàn Phật, an tâm niệm Phật, một lòng một dạ cầu mong sớm được vãng sanh mà thôi! Cố gắng làm theo lời dạy:

“Thành lòng nước lã nên hồ,
Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban.”

Bệnh tình của ông không nặng nề gì cho mấy, các khớp tay khớp chân thường mỗi nhức, ngũ tạng lục phủ mòn hao dần dần, hơn một năm ông mới qua đời.

Trọn khoảng thời gian bệnh, công phu thường nhật so với trước kia, dường như không có gì thay đổi. Sự tinh tấn lễ bái trì niệm, thời khóa răn nhắc chưa từng trễ sót.

Quả thật, đây là tấm gương đáng để cho hàng hậu học noi theo! Cần phải:

“Nuôi trong lòng một chữ bền,
Mọi điều chi cũng làm nên như thường.
Việc chi nếu nửa đường lại bỏ,
Dù là điều rất nhỏ cũng hư.
Tu hành cũng giống thế ư,
Không đi đến cuối thì người ra ma.”

Ngày mùng 3 tháng 3 năm 1987 ông cho gọi các con đến rồi dặn:

- “Tía, trước khi chết, Tía hồng có ham các con ở lại lo giàu nghèo, tiền bạc gì hết trơn...!”

Các con từ lớn tới nhỏ, lo tu hiền, ăn chay, niệm Phật là Tía mừng...!”

Thấy sức khỏe ông nguy ngập, người nhà đề nghị đặt bàn cầu an và mời chư đồng đạo đến hộ niệm. Ông cản lại, nói:

- “Còn sớm lắm! Chừng nào gần tới, Tía sẽ cho hay!”

Đến 6 giờ sáng ngày mùng 6 tháng 3 năm 1987 ông bảo con gái thứ Ba rằng:

- “Sen ơi! Con tắm rửa thay quần áo cho Tía, lo đặt bàn và mời đồng đạo đến, kéo không kịp. Tía sắp sửa đi rồi!”

Khi thân nhân đã thay y phục, bạn đồng tu đã tề tựu chật cứng cả nhà. Ông bảo mang thuốc Thầy ra cho ông uống. Uống xong chén thuốc, chương trình hộ niệm bắt đầu.

Niệm được một lát, ông an tường vắng sanh, gương mặt hết sức tươi vui, sáng đẹp lạ thường. Lúc ấy, đúng 7 giờ sáng ngày mùng 6 tháng 3 năm 1987. Ông hưởng thọ 68 tuổi. Cuộc trợ niệm vẫn được duy trì mãi đến giờ nhập mạch. Sau đó, khám nghiệm tử thi thì thấy đánh đầu hấy còn ấm nóng.

Điều hết sức lạ lùng, là:

Lúc lễ an táng, được tiến hành trong ngày. Thân nhân đang chọn lựa chỗ chôn, vì diện tích đất thổ cư quá khiêm nhường, đất ruộng lại quá xa, không còn chỗ nào thuận tiện cả, sân nhà hơi trống nhưng vẫn hẹp. Bàn tán tới lui xong, tất cả mọi người quyết định chôn trước sân. Khi bắt đầu khởi công đào, thì một vị láng giềng tốt bụng nhà đối diện bên kia rạch đề nghị, nên đem sang bên ấy chôn.

Khi qua xem vị trí, thì bất giác các con ông giật mình, nhớ lại giấc mộng của cha mình ba hôm trước.

Ba ngày trước, ông kể rằng:

- “Tía nằm mơ. Tía thấy Thầy nắm tay Tía bước một bước qua con sông, đi đến một miếng đất. Thầy bẻ một nhánh cây cắm xuống khoảng trống giữa hai ngôi mộ, rồi nói với Tía: Nữa con về nằm ở đây ...!”

Thế là nơi an táng cho nhục thân của ông xảy ra đúng y như điềm mộng diệu kỳ mà ông đã bảo trước.

26. Bà Lê Thị Mạnh (1923- 2006)

Bà vợ của ông [Đồng Văn Lễ] tên là Lê Thị Mạnh (1923- 2006), tính tình rộng rãi, hiếu thuận, cần mẫn, siêng năng, chịu khổ chịu khó gánh vác công chuyện gia đình. Chẳng hề se sua chung diện, trọn đời không cất giữ bạc tiền. Chưa từng ngồi lê đôi mách bàn chuyện dở xấu của người. Mỗi khi chồng con bố thí, hay tham gia các công tác từ thiện xã hội... bà đều tùy hỷ, nung đúc thêm hơn.

Năm 45 tuổi, bà phát tâm trường chay, lễ Phật, hết lòng niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Bà không biết chữ, nhưng thích nghe băng đĩa kinh giảng lắm, nhứt là những khi có bậc thiện trí thức đến nhà, bàn luận diễn giải Phật lý, bà rất đổi vui mừng.

Ngoài phần tự tu ra, bà còn thường xuyên cùng bạn đạo đi cầu an, cầu siêu cho các thân hữu xa gần.

Khi tuổi quá lục tuần, mọi việc giao phó lại cho các con. Bà sớm chiều chỉ lo lễ niệm, lụi hụi lau dọn các ngôi thờ phượng luôn được tươm tất, trang nghiêm.

Bà thường xuyên khuyên nhắc con cháu tu hành, lạy Phật, niệm Phật để vãng sanh Phật Quốc. Những khi lên xe cộ ghe tàu, hay lúc dự lễ tiệc trong thân thuộc, bà thường ngồi im, có người cháu thấy lạ hỏi.

Bà đáp:

- “Lo ngồi niệm Phật. Chớ biết nói gì bây giờ!”

Qua bao lần chứng kiến bạn đạo, chồng và con vãng sanh nên tín tâm nguyện tâm của bà vô cùng sâu chắc và khấn thiết, sự hành trì mỗi lúc một thêm thuần thực sâu dày. Nên bà:

“Quyết một kiếp Tây Phương đến chốn,
Phá chur ma trừ hồn độn tâm.
Quyết không chịu kiếp luân trầm,
Dầu sao cũng quyết Lôi Âm dựa kề.”

Tháng 8 năm 2005, bà bỗng nhiên lâm bệnh, cứ đi cầu là ra máu, các con đưa đi Bệnh Viện Đa Khoa An Giang để điều trị. Hai tuần sau, bác sĩ mới phát hiện “khối u đại tràng”, liền làm thủ tục hồ sơ chuyển bà lên Thành Phố. Bà kêu các con chở bà về nhà. Các con cháu xúm lại năn nỉ đòi đưa bà đi Sài Gòn để phẫu thuật. Bà nói:

- “Đi về nhà uống thuốc Thầy rồi niệm Phật vãng sanh, chớ không có đi đâu hết! Có mổ bệnh cũng không thể hết! Các con cãi má, má sẽ đập đầu chết! Hãy để tiền mổ đó lo tuần thất, lo bố thí, làm phước...!”

Gia quyến đành phải nghe theo. Về đến nhà, bà vừa uống thuốc Nam, vừa niệm Phật. Dù bệnh ung thư hành hạ dữ dội, bà vẫn an nhiên nhẫn chịu, không hề rên rỉ than đau. Bà còn khuyên nhắc bạn bè, con cháu cố gắng niệm Phật tu hành, hầu xứng đáng với lòng mong mỏi của Thầy Tổ:

“Ước trăm họ nhẹ mình có cánh,
Đồng bay về Cực Lạc một đàn.”

Để mãi mãi là quyến thuộc chân thật, không phải ly tan, tạm bợ như cõi trần đầy khổ đau này :

“Sau hưởng đặng phước thừa của Phật,
Hồn nhẹ nhàng vượt khỏi tử sanh.
Nguyện đem công quả tu hành,
Cứu trong Tông Tổ vãng sanh Liên Đài.
Về Phật Quốc ngày ngày an lạc,
Cả giống dòng giải thoát luân trầm.
Rồi đem đạo pháp huyền thâm,
Độ trong sanh chúng hết lăm hết mê.
Cả vạn vật đồng về Phật cảnh,
Chẳng luyến trần ảo ảnh gạt lường.
Nguyện cầu chư Phật mười phương,
Niết Bàn tịch tịnh là đường vô sanh.”

Suốt 7 tháng trường hoan hỷ trả nghiệp, đến đầu tháng 3 năm 2006 bà nói với các con:

- “Ráng lo đám giỗ Tía con đi, rồi mời đồng đạo đến cầu nguyện cho má. Má chết!”

Khi lễ giỗ ông cụ vừa xong (ngày 6 tháng 3 năm 2006) thấy sức khỏe của bà suy kém, các con yêu cầu hộ niệm. Bà ngăn lại:

- “Thôi, chừng nào gần tới, má sẽ cho hay!”

Từ đó, bà chuyên niệm Phật. Các con luân phiên nhau túc trực hộ niệm cho bà, khi hỏi gì bà cũng đáp:

- “Con đừng hỏi, để má niệm Phật!”

Người ngoài đến, bà cũng giữ nguyên trạng thái đó.

Ngày 18 tháng 3 năm 2006 bà bảo con đi mời đồng đạo đến hộ niệm cho bà. Chương trình hộ niệm bắt đầu liên tục ngày lẫn đêm.

Khi đó, có người ngồi gần bên cạnh hỏi nhỏ:

- “Trước khi cô chết, cô có trần trối gì hông, cô Năm?”

Bà đáp:

- “Hông! Bây giờ, nhắc nhở con cháu niệm Phật thôi, chớ hông có dằn dò điều gì hết. Vì từ nào tới giờ dạy nhiều rồi, bây giờ hông có dạy nữa, để niệm Phật ra đi!”

Hộ niệm đến 3 giờ 30 phút sáng ngày 19 tháng 3 năm 2006 môi bà đang động, bỗng dừng ngừng lại, tỉnh táo an lành qua đời. Bà hưởng thọ 83 tuổi.

Trước khi bà mất khoảng vài giờ, trong nhà bà xuất hiện một mùi thơm kỳ lạ, lan ra tận sau hè và sang qua bên kia rạch hơn 70 mét. Có nhiều người thắc mắc không biết mùi gì, chạy tới chạy lui lục lạo kiểm tìm.

(Thuật theo lời Mai - Sen – Loan, con và dâu của hai ông bà)

27. Ông Đồng Văn Hảo (1956- 1996)

Anh Đồng Văn Hảo sinh năm 1956, tại ấp Phụng II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Đồng Văn Lễ, mẹ là Lê Thị Mạnh. Anh có hết thảy sáu anh em và đứng thứ Tư trong gia đình.

Ngay thuở ấu niên, anh đã có tính hiếu thuận, hiền hòa, giàu lòng nhân ái và chân thật.

Năm lên 14 tuổi, một hôm, ông Hai Quán nói với anh:

- “Con xin Ba, cho bác dẫn đi núi một chuyến cho biết!”

Sau khi được sự chấp thuận của cha, anh nói với mẹ:

-“Má đi chợ mua cho con bốn con lươn, nấu canh hai con, còn hai con gong lại. Chừng nào con đi núi về sẽ dùng!”

Mấy ngày sau, khi viếng non xong trở về, anh đem hai con lươn còn lại đi thả; phát tâm trường chay, quyết chí tu hành.

Anh đình chỉ học phổ thông, ghi danh lần lượt dự các khóa học do Ban Phổ Thông Giáo Lý tổ chức tại Tân Tây, rồi đến chùa Vạn Phước ở Trà Uôi và Hội Quán ở xã Thuận Hưng, tất cả đều thuộc địa bàn huyện Thốt Nốt.

Năm 1977, mặc dù tiếp giúp cha mẹ việc đồng án ruộng rẫy, anh vẫn hăng say tham gia các công tác từ thiện xã hội, nồng nhiệt: bắt cầu, bồi lộ, cất nhà... Do tính tình nhu thuận, rộng rãi giống hệt như cha và mẹ của mình, nên anh đi đâu, ai ai cũng đều thương yêu quý mến.

Có lần, mẹ bảo đi ruộng tưới khô qua. Đi được nửa đường, gặp nhà người đang lợp, anh phóng vào làm tiếp tới tối mới về, quên bẵng công chuyện của mình!... Hễ thấy vợ chồng ai lớn tiếng cự cãi là anh nhảy vào dịu dàng phân giải, làm êm đẹp đôi đàng.

Nói chung, về mặt đối nhân xử thế của anh, vô cùng khéo léo và rất chân tình.

Còn phần trở lại đời sống tâm linh, anh siêng năng nghiên cứu đọc học nội điển, cũng siêng năng tham vấn Phật pháp với bậc tiền bối lão thành, bởi vì thân phụ vốn là người đức hạnh nên các thiện trí thức thường lui tới viếng thăm.

Đường hướng tu của anh: lấy hiếu thuận lễ nghĩa làm nòng cốt, làm nền tảng cho việc hành thiện tích đức, hồi hướng Tây Phương. Song song với việc tinh cần chí thành lễ bái và trì câu Lục Tự ra, anh còn triệt để nghiêm trì giới hạnh, gìn giữ oai nghi. Vì thế, các bạn đồng tu thấy đều kính nể.

Như có lúc đang lui cui lao tác, bất chợt có bạn đạo của chị mình đến nhà, anh lập tức chạy vào trong, mặc y phục đoan trang tề chỉnh.

Sự công phu hành trì của anh âm thầm như thế, trải suốt hơn 20 năm.

Vào giữa năm 1994, bụng anh đau ê ẩm dây dưa. Lúc đầu ít, anh điều trị qua loa không mấy chú ý, dần dà mỗi lúc tăng thêm. Đến cuối tháng 5 năm 1995 vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang điều trị, nhưng không thuyên giảm. Thân nhân đưa đi Thành Phố Hồ Chí Minh. Bác sĩ chẩn đoán là “Khối u đại tràng.” Vì phát hiện quá trễ, bệnh đã tới giai đoạn nguy ngập. Biện pháp xử lý đành phải phẫu thuật và đem cả hậu môn ra ngoài.

Một tháng nằm viện điều trị, sau đó ra về. Lúc này, sức khỏe của anh suy sụp rõ rệt. Thế nhưng, tín tâm nguyện tâm cầu sanh An Dưỡng Quốc thì kiên cố và tha thiết hơn xưa, sự hành trì thì hăng hái và mạnh mẽ thêm hơn. Điều này rất thích hợp với lời khuyên:

“ Là Phật tử cho kham chí nguyện,
Tất nhiên là toàn thiện đường tu.
Xác phàm mà chẳng phàm phu,
Tây Phương ký hiệu diêm phù rút tên.”

Căn bệnh quái ác, hoành hành anh dữ dội bằng những cơn đau tàn khốc hải hùng, nhất là một tháng trước khi mất. Nhiều đồng đạo cùng thân quyến vây quanh, xoa chà đấm bóp để chia sẻ với anh. Có điều đáng khâm phục là, anh rất hoan hỷ trả nghiệp, chẳng hề rên siết than phiền.

Anh nói:

- “Cũng có phước cho tui, tuy bị bệnh hoạn kéo dài mà vẫn tỉnh táo niệm Phật, chớ mê thì khổ biết mấy...!”

Kiếp trước, chắc mình tạo nghiệp ác nặng quá, nên giờ mới như vậy! Nguyện kiếp này trả cho hết để sớm được vãng sanh...!”

Đôi lúc, đang đau, có bạn tu đến, anh bật dậy, tươi cười niềm nở chào hỏi, dường như chẳng có đau đớn gì cả. Đúng như câu:

“Bụi trần tuy bao phủ,
Son sắt vẫn một lòng.
Mây qua trăng lại tỏ,
Sóng lặng biển hườn trong.

A Di không ngớt tưởng,

CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM

Đà Phật vẫn hằng mong.
Nguyễn sanh về Cực Lạc,
Chẳng thích ở trần hồng”

Thời gian này, anh thường thì thăm căn dặn với chị:

- “Ráng nghe, chị Ba! Chị ở lại, ráng lo chăm sóc cho má! Ráng khuyên má lo tu! Ráng khuyên má lo niệm Phật...!”

Vào khoảng 20 tháng 1 năm 1996 thấy thể trạng của anh cạn kiệt, người chị đề nghị hộ niệm, anh nói:

- “Thôi, bây giờ còn sớm lắm, chị Ba! Chừng nào gần tới, em sẽ cho chư đồng đạo hay!”

Ngày 24, anh nhờ người thân dời chỗ nằm của mình từ nhà sàn gác phía sau ra nhà trước, đồng thời mời bạn tu đến nhà để lên chương trình hộ niệm.

Hộ niệm suốt hai đêm, đến 5 giờ 30 sáng ngày 26 tháng 1 năm 1996 anh bảo mọi người ngưng, ra ngoài nghỉ xả hơi một tí, để gia quyền thay y phục cho mình.

Khi tất cả đều ra ngoài, người chị bung ly nước định cho anh uống, anh nói:

- “Thôi, chị Ba ơi! Bây giờ, mà còn uống gì nữa. Lo niệm Phật. Em mệt nhiều lắm, sắp sửa đi rồi! “Khi thay đồ xong, chư đồng đạo trở vào tiếp tục hộ niệm, anh nói:

- “Chị Ba! Chị rút chiếc gối ôm ra đi! Em nằm theo kiểu Đức Phật Thích Ca!”

Người chị y lời, anh nằm nghiêng, tự đưa hai chân thẳng ra và chồng lên nhau theo lối “Kiết Tường”, hai tay chấp lại, rồi niệm Phật. Niệm Phật được khoảng hơn 5 phút, anh thở ba hơi thở mạnh, rồi an lành vắng sanh. Lúc đó, đúng 6 giờ sáng ngày 26 tháng 1 năm 1996. Anh hưởng dương 40 tuổi.

Âm thanh niệm Phật hiệu của chư liên hữu vang dội không ngừng cho đến giờ nhập mạch, khi xem thấy gương mặt anh rạng rỡ, trong thể nằm vô cùng trang nghiêm hy hữu, ai ai cũng xôn xao nơi lòng, nổi mừng vui và niềm kính phục. Đặc biệt là các khớp xương đều mềm mại và đỉnh đầu hãy còn ấm nóng.

Hay tin anh mất nhiều người (nhứt là những người không tu) rơi lệ. Dường như, họ tiếc thương...! Dường như, họ đã mất đi một cái gì quý giá lắm!!!

(Thuật theo lời: Mai – Sen – Loan)

28. Ông Đồng Văn Hòn (1951 – 2006)

Anh Đồng Văn Hòn sinh năm 1951, là anh ruột thứ Hai của Đồng Văn Hảo.

Tính tình của anh chân thật, hiền hậu và hiếu thuận.

Lúc lên 22 tuổi, anh kết hôn với chị Phạm Thị Mai, xin được một người con nuôi tên Đồng Thị Diễm. Hai vợ chồng sống bằng nghề làm ruộng, nuôi vịt, suốt lúa... Khi chưa phát tâm tu, anh ăn nhậu dữ lắm! Đến chừng quày đầu hướng thiện thì cũng tỉnh táo dần dần!

Năm 2000, anh ngã bệnh, đưa đi bệnh viện, bác sĩ chẩn đoán là “khối u dạ dày”, liền phẫu thuật. Bốn năm sau, bệnh tái phát, phẫu thuật lần thứ hai tại Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, thời gian nằm viện là 21 ngày.

Đang độ thanh xuân, có mấy ai biết dừng lại những thú vui, những đam mê, những đam mê của thế trần để nghiền ngẫm, chiêm nghiệm giá trị đích thực của cuộc sống, hầu hướng đến hạnh phúc chân thật của kiếp nhân sinh.

Thế nên, bệnh khổ vẫn là một cơ duyên may mắn như! Nó giúp chúng ta thể hội lời Phật dạy một cách rõ ràng nhất, sâu sắc nhất, giúp chúng ta thân chứng hương vị an lạc và đạt được tự do tuyệt đối, trong cõi đời, vốn phù du, đầy tang thương khổ lụy này!

Suốt tháng năm dài bệnh hoạn, chư liên hữu ghé thăm an ủi, nhắc lại gương hạnh của thân phụ, giảng giải Phật Pháp, khích lệ tu hành. Đột nhiên, anh giật mình tỉnh ngộ, phát tâm trường chay, tinh tấn lễ Phật sám hối, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lúc ấy, khoảng giữa năm 2004.

Khi thấy anh quá ư ốm o gầy mòn, có thể “ra đường gió bay”, chị vợ ngậm ngùi xúc cảm, khuyên nên dùng mặn trở lại để có sức khỏe, anh khẳng khái hạ một câu xanh rờn:
- “Thà bỏ xác chứ không bỏ cuộc!”

Đúng theo tinh thần từ bi mà Đức Phật Thầy Tây An đã dạy:

“Thịt thà xương máu tanh hôi,
Cỏ cây rau cải cũng rồi bữa ăn.
Đức từ bi lòng hằng thể hiện,
Không sát sanh lòng thiện ta còn.
Lạt chay tuy chẳng ngọt ngon,
Còn hơn thú vị cơm choan máu hồng.”

Trọn ngày, trừ thời khóa lễ bái trì niệm ra, anh miệt mài xem kinh đọc sách, khuyên nhắc gia quyến nỗ lực tu hành. Bởi xét thấy xác thân tạm bợ này dơ bẩn, chứa nhóm vô vàng khổ đau sâu hận:

“Mang xác thú không làm thẹn tử,
Còn đem tâm đắm đuối say mê.”

Nên anh dốc lòng ước nguyện sanh về Cực Lạc. Anh tin tưởng tuyệt đối vào 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà. Nhứt là nguyện thứ 18:

- “Nếu chúng sanh trong mười phương thế giới, nghe danh hiệu ta, khởi tâm tin ưa, nguyện sanh về nước ta. Khi lâm chung niệm danh hiệu ta, từ một niệm cho đến mười niệm, nếu chẳng được sanh về cõi nước của ta, ta thề chẳng thành Phật”.

Nhờ chúng kiến: cha, em và mẹ vãng sanh nên anh càng thêm hăng hái. Thấy vị nào ra đi cũng tinh tảo tươi vui, thanh thản nhẹ nhàng. Rất khác với thường nhân: phùng mang trợn mắt, mê mê sáng sáng khi trút hơi thở cuối cùng! Do vậy, sự tu của anh chỉ chuyên một hướng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sám hối lỗi lầm quá khứ, nhứt quyết nguyện về Tịnh Độ. Như lời nhắn nhủ của cổ nhân:

“Lòng thệ với lòng:

Sám lỗi trước,

Hối lỗi sau,

Cố công mài dũa thì thau ra vàng.

Phù dung sớm nở tối tàn,

Đời người như giọt sương tan đầu cành.

Sanh rồi tử,

Tử rồi sanh,

Nổi chìm bề khổ sao đành cam tâm.

Phen này chẳng để lỡ làm,

Hồng Danh sáu chữ tay cầm trong tay.

Nhứt tâm quyết nguyện Liên Đài,

Chí thành tu ắt có ngày được lên.

Hư nên ở một chữ bền!”

Sau đám tang mẹ (ngày 19 tháng 3 năm 2006) ba ngày, niềm bi cảm trào dâng, sức khỏe của anh bỗng nhiên đột quy. Dù thế, câu niệm Phật càng khắng khít thêm hơn. Những ngày gần cuối đời, con bệnh hành hạ anh mỗi lúc một dữ dội.

Chiều mùng 5 tháng 7 năm 2006 trong cơn mê sáng, anh vừa nói, vừa lấy tay chỉ trỏ:

- “Nó...! Nó...! Đông dữ lắm, Sen ơi! Nó xúm lại lôi kéo chân tao.”

Người em gái liền nhắc:

- “Thôi! Anh ráng niệm Phật đi!”

Anh đáp:

- “Tao niệm không được! Nó đánh tao... Mà đánh tới mảy nữa...!”

Mọi người xung quanh đồng thanh niệm Phật. Được một hồi, anh tỉnh và khỏe lại bình thường. Đến 2 giờ khuya anh nói:

- “Sen ơi, Sen! Thầy về kia! Em thấy hông?”

Cô em đáp:

- “Hông...! Ở đâu?”

Anh nói:

- “Thầy đứng gần cửa đó!”

Người em gái nói:

- “Thầy về độ anh, cho anh sáng suốt, hết bệnh. Thôi, anh ráng niệm Phật đi!”

Anh liền gật đầu.

Người em gái chạy đi thắp hương các ngôi thờ cúng, rồi tiếp tục đứng bên giường hộ niệm.

Sáng lại, cũng như mọi ngày, chị đi bán bánh mì ngoài đầu cầu, anh qua mái chái (phòng bên) dùng một ít cháo, rồi nằm nghỉ.

Đến 7 giờ 30 phút, thấy vợ đi bán về, anh liền bảo:

- “Bà ơi! Bà thay quần áo cho tui đi!”

Chị đáp:

- “Hùng sáng, làm cái gì thay quần áo! Hồi tối thay rồi, làm cái gì thay nữa!”

Anh nói:

- “Thôi mà...! Thay quần áo cho tui sạch sẽ đi!”

Khi thay xong, chị dọn cơm nhưng anh cho biết rằng, đang mệt nên anh nằm nghỉ, không ăn.

Chị đành phải dùng một mình. Khi ăn chưa hết chén cơm, nghe tiếng anh gọi:

- “Bà qua kêu Ba Sen và Năm Hót qua niệm Phật! Chắc tui đi! Tui mệt dữ lắm mệt rồi... Đi kêu Chiến và Bảy Bé lại hộ niệm cho tui!”

Chị thấy anh quá tỉnh, quá khỏe nên cũng bỏ qua. Một hồi, anh lồm cồm ngồi dậy, hỏi:

- “Bà cho hay chưa?”

Chị đáp:

- “Chưa! Cô Ba thức hồi khuya tới giờ, để cô ngủ, chứ ông kêu hoài sao?”

Anh nói:

- “Chèn ơi! Kêu qua niệm Phật giùm đi, bà ơi! Hồng êm đâu. Tui đi à!”

Chị cũng không đi vì không bao giờ tin rằng, lúc này, chồng mình sắp chết. Bèn ngồi bên cạnh, nói:

- “Thì thôi, để tui niệm Phật cho ông!”

Hai ông bà đang ngồi niệm được một lúc. Kế đó, người em trai bước qua, anh liền bảo:

- “Hót ơi! Niệm Phật tiếp anh!”

Nói xong, anh liền nằm xuống. Các chị em ở gần hay được, xúm lại hộ niệm, anh nhép môi niệm theo. Chẳng bao lâu, anh nhẹ nhàng qua đời, lúc đó 9 giờ 30 phút sáng, ngày mùng 6 tháng 7 năm 2006. Anh hưởng dương 55 tuổi.

Đến giờ nhập mạch, đỉnh đầu của anh vẫn còn ấm nóng, các khớp xương đều mềm mại, gương mặt tươi sáng lạ thường. Sự vắng sanh của anh, đã làm nhiều người phát tâm tinh tấn tu hiền.

(Thuật theo lời: Mai - Sen - Loan)

29. Bà Nguyễn Thị Thai (1932-1997)

Bà Nguyễn Thị Thai sinh năm 1932, nguyên quán tại Bắc Năng Gù. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Khá, thân mẫu là cụ bà Trương Thị Tốt. Bà có cả thầy là sáu chị em và đứng thứ Hai trong gia đình.

Khi đến tuổi hoa xuân, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Chính, quê ở Đốc Vàng, sinh được mười người con, năm người mất từ nhỏ. Định cư tại ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà chuyên lo nội trợ, thành phần lao động chính do ông chồng gánh vác.

Đến năm 1975, ông chồng thất nghiệp, kinh tế gia đình lần hồi sa sút, rồi lâm vào cảnh bần hàn, bà phải đi mót lúa, mót đậu, làm cỏ mướn... để sinh nhai.

Vì vật lộn với cuộc sống nhọc nhằn khổ cực, cho chuyện manh áo chén cơm, làm bà cảm nhận sâu sắc về kiếp người:

"Bèo bọt trôi sông quá chơi vơi,
Già trẻ trước sau chẳng ở đời.
Vạn vật thanh suy còn rồi mất,
CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM

Luôn thay đổi chẳng lúc nào ngơi.
Sang hèn hạn định ba vuông đất,
Thọ yếu chỉ tồn một tác hơi.
Trên cõi Ta Bà toàn những khổ,
Tu về Tịnh Độ ắt thành thời."

Cho nên đến năm 1982, bà phát tâm trường chay. Mặc dù, đời sống vật chất túng thiếu nhưng bà và người con trai thứ Tư rất hăng hái tham gia công tác từ thiện xã hội, có khi bà nấu cơm đãi ăn tại nhà cho mấy mươi đồng đạo, trong những cuộc sưu tầm thuốc Nam quanh vùng.

Thời gian rảnh rỗi, bà thường nghiên cứu kệ giảng, rồi cũng thường khuyên nhắc người quen cố gắng tu thân, hành thiện.

Năm 1987 người bạn đường ra đi, bà lúc ấy 55 tuổi, cùng sống chung với ba người con, hai trai, một gái. Hoàn cảnh nghiệt ngã của cuộc đời, thôi thúc ý chí cầu sanh Tây Phương khẩn thiết.

Nhờ chân thật tu hành, tâm tính bà ngày càng trở nên hiền lành, nhẫn nhường, cần kiệm, rộng lòng thương người, lối xóm chòm riêng, ai ai cũng cảm mến.

Công khóa tu trì của bà luôn giữ đều đặn, lễ lạy mỗi ngày bốn thời, sau thời lễ lạy, bà thường ngời niệm Phật tán một cây nhang. Thỉnh thoảng, bà cũng thường đi hộ niệm, cầu nguyện hoặc theo đoàn lầy thuốc Nam ở núi, ở hòn... đôi khi, ra tới rừng ở tận Đồng Nai.

Trước khi mất vài năm, bà tự biết trong mình có bệnh nhưng bà giấu các con. Bà ít nói chuyện, chuyên lo niệm Phật, hầu chuẩn bị chu đáo cho chuyến đi xa được kết quả vẹn toàn. Điều này, đáng để cho những hành giả đang trên bước đường cầu sanh sang Phật Quốc phải học tập và phải tự hỏi lại chính mình. Do vì:

"Đến Tây Phương khó, nhưng mà không khó,
Hỏi lại mình thật có muốn về chăng?
Trăm ngàn vạn thứ thấy thấy đều quặng,
Chỉ còn Cực Lạc khăng khăng trong lòng.
Được như vậy trần hồng xóa sổ.
Ao sen vàng sẽ trở hoa xinh.
Hãy nên tự hỏi lại mình,
Nếu như đã quyết vãng sanh khó gì!"

Đầu năm 1996, khi bệnh phát tác dữ dội, các con đưa bà đến Chợ Mới, An Giang, Sài Gòn rồi ra Lái Thêu. Các bác sĩ đều chẩn đoán là bị "Ung thư tử cung" và đều bó tay.

Về nhà, các con đặt bàn hương án, để nhờ đồng đạo đến hộ niệm và cầu an cho bà. Tuy cơn đau hoành hành, bà vẫn nhờ chư liên hữu hộ niệm và cầu siêu giùm chứ không cầu an. Vì bà muốn được vãng sanh càng sớm càng tốt.

Một hôm cô Út Đồng đến thăm, bà nói:

- “Nhờ quý cô cầu nguyện vãng sanh giúp tôi, vì tôi ham vãng sanh lắm!”

Cô Út hỏi:

- “Chị có nhớ niệm Phật thường không, chị Hai?”

Bà đáp:

- “Tôi không quên đâu, cô à! Tài sản có bao nhiêu đó mà không nhớ sao được!”

Bệnh mỗi lúc càng nặng hơn, nhưng bà vẫn bình tĩnh niệm Phật, tâm tâm ý ý cầu sanh Tây Phương.

Đến ngày 20 tháng 03 năm 1997, cô Út The, một liên hữu chân tu, thân quen với bà, tới hộ niệm cho bà. Vì thuở còn khỏe mạnh bà có nghe ông Hai Quấn ở Cần Thơ trước khi chết, đưa tay chào đồng đạo. Nên bà thích lắm, thường nói:

- “Chừng nào tôi chết, tôi cũng chào đồng đạo như vậy đó!”

Cho nên cô Út The lúc này hộ niệm bèn nhắc:

- “Cô nói, lúc chết, chào đồng đạo rồi mới vãng sanh! Bây giờ, cô tính chừng nào đi? Chừng nào chào đây?”.

Bà mỉm cười gật đầu thay cho lời đáp.

Đến sáng ngày 24 tháng 3 năm 1997, bà nói với người con trai thứ Tư rằng:

- "Tạo ơi! Bữa nay, con không đi đâu nhen! Ở nhà với mẹ! Con qua kêu Hai On, Năm Mum, Út Dứt... Kêu mấy anh em họp lại, thắp hương các ngôi thờ cúng đi!"

Khi mọi việc đã xong xuôi, thân quyến và đồng đạo tề tựu đông đủ, hộ niệm được một lát thì bà vui tươi đưa tay chào tất cả mọi người, rồi từ từ trút hơi thở cuối cùng. Bà hưởng thọ 65 tuổi.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Nuôi, cô con gái thứ Năm của bà và liên hữu Út The)

30. Bà Thái Thị The (1951 – 2003)

Cô Thái Thị The sinh năm 1951, tại Vĩnh Long. Thân phụ là cụ ông Thái Văn Cự, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Tròn. Hai ông bà sinh cả thảy là bảy người con, cô đứng thứ Út trong gia đình. Nghề nghiệp chính của cha cô là làm ruộng và thợ mộc.

Mẹ mất sớm, cha cô quy y với Đức Thầy, năm 1939. Đến năm Ất Dậu (1954), vì hoàn cảnh cuộc sống nơi quê nhà không được an ninh, cha cô muốn giữ trọn tinh thần tín ngưỡng theo

Đạo, nên bỏ nhà cửa, đất vườn, đi về vùng Láng Linh để sinh sống. Sau đó, định cư tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Cô chỉ học tới lớp ba trường làng. Nhờ ảnh hưởng tinh thần đạo đức và hạnh lành của cha, nên cô đã phát tâm quy hướng Tam Bảo từ thuở ấu thơ. Năm 11, 12 tuổi, cô thường theo cô bác đọc sám kê trong những ngày rằm và ba mươi tại Hội Quán, giọng đọc của cô rất hay, nhất là khi ngâm nga bài “Cối Cự Lạc với pháp môn Tịnh Độ”, ai nghe rồi... cũng muốn tu!.

Năm 17, 18 tuổi, cô hằng ngày đi sưu tầm thuốc Nam và thường xuyên ghé cốc cô Út Đồng, ngồi ngoài hành lang để nghe các vị giảng viên thảo luận Phật Pháp. Được biết rằng, cô ăn chay trường rất sớm nhưng không rõ là tháng năm nào.

Tính tình của cô hiền hòa, vui vẻ, siêng năng cần mẫn, chịu khó chịu khổ lại nói ít, cười nhiều nên ai ai cũng đều quý mến.

Đến ngày 14 tháng 7 năm 1975, cha cô chỉ phát cơn một một tí rồi qua đời. Dâu bề tang thương nơi cõi bụi hồng làm cho cô cảm nhận sâu sắc về lý vô thường của lời Phật dạy, mạng sống con người quả thật quá mong manh, ngắn ngủi, tạm bợ. Ý chí giải thoát đã nhen nhóm từ lâu trong tâm tư bùng lên khi khổ đau tràn ngập cõi lòng.

Lúc này, các anh chị lớn đều đã ra riêng, còn lại cô với gia đình của người anh thứ Bảy sống chung nơi phủ thờ.

Mỗi ngày, sáng cô tìm thuốc Nam cho phòng thuốc đến chiều hoặc tối mới về nhà, tắm gội xong, công phu lễ niệm rồi dùng cơm và đi ngủ. Theo tập tục gia đình, chị dâu cúng bốn chén cơm lưng lưng, nơi bàn thờ ông bà mỗi ngày, phần đó cũng là phần chừa lại dành cho cô, buổi chiều hoặc tối, đem xuống ăn.

Do ông anh thứ Bảy lúc này, chưa thấm nhuần Phật Pháp nên chẳng mấy hài lòng với việc làm từ thiện của cô, nên đến buổi cơm tối, khi cô lên ngồi, liền cần nhằn la trách. Vì vậy hôm nào về nhà, thấy tình hình không ổn thì cô công phu lễ niệm miết cho đến khi anh mình đợi mãi, mòn mỏi đi ngủ, cô mới lặng lẽ chun vô mừng niệm Phật, thay cơm! Đúng như lời Cổ Đức đã sách tụng sách tấn:

"Rán tu trong cảnh khó tu,
Rán hành giữa lúc âm u khó hành.
Tu cho hết dữ ra lành,
Hành cho hết trược ra thanh cuộc đời.
Khổ nay chịu được vui mới,
Chớ buồn những lúc tình đời khô khan.
Rán tu cho kiếp khỏi tàn,
Rán hành để có lập bằng sông mê.
Phật chờ nơi chốn Liên Huê,
Khó khăn mấy cũng rán về tới nơi"

Qua chi tiết trên, chúng ta nhận thấy, nỗ lực của cô quả thật phi thường! Đời nay, có mấy ai đuổi theo kịp!

Hằng năm khi đến mùa lúa, cô phải đi mót lúa, cắt lúa mướn hay làm mướn để có hơn một chục gia. Chi dụng cho bảy lễ giỗ là bảy gia, và đến niệm Phật ở thất của đồng đạo thì mỗi tháng, dùng một gia.

Năm 1981, cô về tu chung với người cháu bà con bên ngoại nhưng lớn tuổi hơn cô, là: cô Hai Hằng, cũng ở tại địa phương nhà. Cứ tới mùa vụ thì cô xin tạm vắng mặt để đi mót lúa. Cách thức tu thì chuyên về niệm Phật cầu vãng sanh. Sáng thì từ 4-6 giờ, trưa từ 11-1 giờ, tối từ 5-7 giờ, khuya từ 11-1 giờ. Cứ sau sám nguyện là niệm Phật và lễ Phật. Mỗi khi bị bệnh thì tín tâm tuyệt đối vào "Ba bài thuốc Thầy" hoặc là nước cúng trên bàn thờ Phật, khỏi phải bận lòng và lãng phí thời gian đi chữa trị Đông Tây y, chỉ vui vẻ trả nghiệp, thành tâm sám hối- niệm Phật cho tiêu tan nghiệp chướng. Lòng tin của cô như đã được kết tinh mạnh mẽ qua những lời giáo huấn mà chư Cổ Đức đã từng khuyên bảo:

"Tin có Phật Thần trợ cứu cho,
Tin mình tu được, một lòng lo.
Đạo màu tại thế luôn trau luyện,
Siêu thoát Tây Phương chỗ hẹn hò.
Hôm sớm Di Đà tâm chớ lãng,
Tháng ngày phước đức việc đừng ngưng.
Tin câu báo ứng không sai chạy,
Tin có Liên Hoa Cực Lạc chờ."

Mùng 1 Tết năm 1982 (cô 31 tuổi), cô bị bệnh sốt rất nặng, đi tiểu ra máu lợn cợn và rất tanh – hôi, có khi ba, bốn bô trong 24 tiếng đồng hồ. Cô vẫn một lòng uống thuốc Phật và niệm Phật cầu vãng sanh, nhứt quyết không đi chữa trị đâu cả. Cô Hai Hằng và một số bạn đồng tu túc trực hộ niệm. Tình trạng bệnh kéo dài, khi tăng khi giảm, suốt hai tuần lễ, cơn sốt mới lui và tiểu ra máu mới hết hẳn, và thêm 25 ngày nữa, sức khỏe mới hồi phục bình thường.

Năm 1983, người anh thứ Hai cho một công đất nên sự sống tương đối ổn định, cô không còn đi làm thêm trong những tháng thu hoạch vụ mùa mà thường cùng cô Hai Hằng may áo tràng cho đồng đạo. Thỉnh thoảng, hai cô cũng nhận chăm sóc những ca bệnh nặng để hộ niệm. Ngoài thời gian công phu hành đạo ra, hai cô luân phiên hốt thuốc Nam "Ba Bài" gia giảm cho mọi người quanh vùng, và đi hộ niệm người đang hấp hối. Cô còn có hạnh buông xả rất tốt, không quan tâm đến vật chất, đặc biệt, là không cất giữ tiền bạc; còn việc: ăn, mặc, ở, lại càng "rất đơn giản!"

Công phu hành trì cứ đều đặn như thế, suốt hơn 20 năm như một ngày.

Đến tháng 9 năm 2002, cô bắt đầu nhiễm bệnh, dây dưa đến cuối năm, càng lúc càng trầm trọng. Tuy thể xác đau yếu nhưng cô luôn vui vẻ và tinh thần của cô vẫn kiên định, nhất là niềm tin sâu chắc về luật Nhân Quả, quyết một lòng uống thuốc Phật, niệm Phật để theo Phật về Tây

Phương. Rất nhiều đồng đạo, có cả lương y đề nghị đưa đi bệnh viện, cô vẫn một mực khước từ, điều đáng khâm phục là công phu thường khóa không ngưng nghỉ. Có lần, cô nói với cô Hai Hằng:

- "Tui bịnh kỳ này, chắc tui phải ra đi. Dì ở lại, dì ráng lo tu hành! Tui chắc đi trước dì rồi!"

Cô Hai bèn chắc lưỡi:

- "Khôn quá há! Giành đi trước. Dì nhỏ tuổi mà dì khôn hơn tui... Tiền thì không chịu giữ, bắt tui giữ, còn bây giờ, ra đi thì giành đi trước!..."

Ngày 20 tháng chạp, có cô Hai Sáng và thím Tư Khoáng ghé thăm và có hỏi cô rằng:

- "Chị có chuẩn bị gì để ra đi không?"

- "Tui đã có chuẩn bị sẵn hết rồi!"

- "Chị chuẩn bị gì? Nói nghe coi!"

- "Cái thứ nhứt là mình phải tập trung tư tưởng niệm Phật cho chí thành. Cái thứ hai là mình phải đầy đủ: Tín - Nguyện - Hạnh, nếu thiếu một trong ba thứ đó thì hồng có được vãng sanh đâu!"

- "Trước khi về Phật, chị phải làm như thế nào để chúng tôi biết chớ?"

Cô khẳng khái trả lời:

- "Trước khi về Phật, tôi sẽ vẫy tay chào đồng đạo và nở một nụ cười rồi mới ra đi. Ngày đi thì chắc là không xa đâu! Nhưng mà tôi nói trước không có được!"

Tối lại, cô Hai Hằng hỏi:

- "Dì đau mà dì có sợ chết hông?"

Cô đáp:

- "Hông! Tui hông có sợ chết đâu!"

Và còn dặn:

- "Trong lúc tui hấp hối, người nào có thăm tui, dì đừng có cho vô đề tui tập trung niệm Phật!"

Lại dặn thêm:

- "Một công đất của anh Hai cho, mà dì không chịu lãnh thì thôi giao lại cho ông anh thứ Bảy, để anh lo cúng kiếng lễ giỗ ông bà, hàng năm!"

Đến mừng 2 tết năm 2003, cô bị tai biến liệt nửa bên trái. Bệnh mỗi lúc một nguy ngập. Đồng đạo hay tin kéo đến hộ niệm liên tục hăm bốn trên hăm bốn. Đến 11 giờ trưa ngày mừng 6 tháng giêng năm 2003, cô an lành trút hơi thở cuối cùng, hưởng dương 52 tuổi.

Trong lúc hộ niệm, có một cô liên hữu mới phát tâm tu nên chưa có kinh nghiệm, ngồi gần bên giường, nhìn thấy tay trái cô Út The ở dưới mền nhúc nhích, cô bèn lấy tay đè xuống để giữ yên. Lần thứ hai, cô cũng đè xuống nữa. Đồng đạo Hai Tác bèn ngăn lại:

- "Tám à, Tám! Em buông tay ra đi, để người bệnh tự nhiên làm gì thì làm!"

Cô bèn lấy tay ra thì tay trái của cô Út The (cái tay mà 4 ngày qua bất động) từ dưới mền tung lên chào mọi người, đồng thời cô cũng nở một nụ cười, đúng như lời mà cô đã hứa ở hai tuần lễ trước.

(Thuật theo lời cô Hai Hằng, bạn đạo ở chung với cô).

31. Bà Đặng Thị Vân (1954 - 2009)

Chị Đặng Thị Vân sinh năm 1954, tại Thành Phố Huế. Cha tên Đặng Văn Nghĩa, mẹ là Nguyễn Thị Đóa. Chị có tất cả chín anh em và đứng thứ Hai trong gia đình.

Thuở bé vì em đông, chị phải phụ giúp bố mẹ chăm lo công việc nhà, nên chỉ học đến lớp 2 trường làng.

Chị có tính hiếu thảo, lòng rộng rãi, rất mực siêng năng, sức nhẫn nại phi thường.

Năm 1975, cả gia đình di cư vào Nam. Ban đầu đến Phụng Hiệp, bốn tháng sau, dời về Cống Mới, xã Thuận Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Lúc này, chị vừa tròn 20 tuổi.

Ba năm sau, chị kết hôn với anh Nguyễn Thành Lực, sinh được bốn người con, hai trai, hai gái.

Hằng ngày, chồng đi làm mướn; chị ở nhà lo việc nội trợ. Năm 1982, anh đi xa, biệt biệt tin tức. Chị cố tìm, nhưng tìm mãi không gặp nên đành phải tự xoay sở bằng nghề chiên bánh tiêu và bánh cam, bán để nuôi con, vì lúc ấy đứa Út chưa đầy 2 tuổi.

Hơn một năm sau, anh chồng trở về, có được nghề mộc nên đi cất nhà mướn. Cũng vì vậy, mà anh chè rượu nhiều hơn, bôn ba bươn bả nhiều hơn... Càng làm cho chị buồn khổ nhiều hơn! Hệt như tâm tình của một sư ni:

“Hỡi ôi! Ngao ngán cái ách còng,
Tạo chi lố nhố ầm- bẽ- bông.
Đau khổ quá nhiều đâu đẹp dạ,
Niềm vui chút xẻo chả hài lòng.
Tất bật đêm ngày nào ngời nghĩ,

Quay quàng tâm tưởng tợ cuồng phong.
Mộng đời ngấm nghĩa chao ôi! Chán!
Chán ngán. Ôi chao! Cái ách còng!”

Với bản tính nhẫn nhường, chịu khó nên chị chẳng mấy quan tâm đến số phận lên đênh của bản thân mình, mà chỉ mong các con được nên người, mơ ước các con có được tương lai tươi sáng.

Có lẽ, hoàn cảnh bất như ý này kéo dài hơn suốt 10 năm, đã giúp cho mầm Bò Đề Tâm thuở quá khứ, đột nhiên khởi phát trong chị. Chị cảm nhận sâu sắc về nỗi khổ của kiếp người. Mọi thứ trên trần đời đều mong manh, đều tạm bợ... Có đó rồi mất đó, như khói mây khi tụ khi tán, như bèo bọt lúc hợp lúc tan...

“Hoa sớm nở rụi tàn khi chiều đến.
Mới thanh xuân mấy chốc bệnh già rồi.
Gẫm đời người đâu khác cánh bèo trôi.
Vô lượng kiếp cuộn tròn trong bể khổ!”

Năm 2006, chị mắc bệnh thận, xương sống thường đau nhức ê ẩm.

Năm sau, chị phát nguyện trường chay, dự định đi nấu cơm Tổ Từ Thiện ở Bệnh Viện tại Thành Phố. Nhưng duyên may không đủ nên ước mộng chẳng thành, chay lạt cũng chỉ được hơn một năm.

Bệnh trước chưa hết, kế đó, chuyển sang bệnh dạ dày. Dây dưa mãi cho đến đêm 29 tháng 11 năm 2008 hạ sườn bên phải của chị sưng đau dữ dội, khó bề kham nhẫn.

Khi đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, bác sĩ chẩn đoán là “Ung thư gan” thời kỳ chót, và cho biết thêm mạng sống chẳng còn bao lâu. Thuốc giảm đau khi tiêm vào lại phản tác dụng. Ăn uống bất cứ thứ gì vào, chị cũng đều mửa hết ra.

Hay tin, người em gái thứ Út là Đặng Thị Mỹ Dung đến thăm và động viên chị nên buông xả muôn duyên, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Chị đồng ý, liền xin xuất viện về nhà đồng đạo tại xã Trung Thạnh, huyện Thốt Nốt để an dưỡng vào ngày mùng 5 tháng 12 năm 2008.

Thời gian trước, chị thường thích xem các đĩa Phật Pháp. Nhưng thích nhất vẫn là Quyển Khuyến Thiện, hâm mộ nhất là cô “Năm giò heo” vắng sanh. Ngoài ra, chị thường có cảm giác khi đến chùa, am hay chỗ nào có nhiều người tu tập thì tâm hồn thơ thới, an lạc lạ kỳ.

Từ ngày 6 tháng 12 năm 2008, chị bắt đầu nhai cơm gạo lứt, phối hợp với đắp thuốc Nam và uống thuốc Bắc, đồng thời nhờ chư đạo hữu cầu nguyện.

Vài hôm sau, bệnh tình thuyên giảm rất nhiều, cơn đau cũng bớt rõ rệt.

Hằng ngày, đều có bạn đạo đến thăm hỏi, sách tấn, giảng giải thêm về lý nhân quả báo ứng, về sự thống khổ của kiếp luân hồi, về lợi ích của sự niệm Phật, về bi nguyện độ sanh của Đức Từ Phụ A Di Đà; liên hữu còn hướng dẫn chị phát nguyện sám hối, phát nguyện vãng sanh Tây Phương, kể chuyện vãng sanh, đọc chuyện vãng sanh, mở đĩa về vãng sanh... Chị rất khát ngưỡng, chăm chú lắng nghe, tỏ lời cảm ơn khi các thiện tri thức ra về. Chị đã:

“Quyết giữ vững lòng son với Phật,
Quyết tu cầu giải thoát trần gian.
Đạo tâm tinh tấn một đoàn,
Nhiệm màu được thấy Tây Phang được kè.”

Chị đồng mãnh nỗ lực hành trì, câu Phật hiệu nối liền, ít khi gián đoạn.

Ba mươi tám ngày trôi qua, bệnh lần chuyển nặng, chị bắt đầu ngưng ăn, chỉ uống được một ít nước. Những cơn đau thần sầu quí khóc thường xảy ra vào giữa đêm, nên chư đồng đạo thay ca hộ niệm.

Hộ niệm đến ngày thứ 7, vào lúc 1 giờ 30 phút đêm 20, rạng ngày 21 tháng 1 năm 2009 chị đã trút hơi thở cuối cùng, sau cơn đau kinh hôn 3-5 phút. Chị hưởng dương 55 tuổi. Trước đó hai tiếng đồng hồ, một liên hữu đến bên cạnh an ủi, khích lệ, khai thị và còn thỉnh cầu:

- “...Chừng nào chị vãng sanh, chị phải để lại cho chúng em một nụ cười làm chứng tín nghen!”

Lời thỉnh cầu này cũng chỉ là lặp lại nhiều lần, ở những ngày trước đó.

Nghe xong, dù đang đau đang mệt, chị cũng gạt đầu rồi cười nhe hàm răng trắng phếu lộ ra ngoài. Lúc mất, miệng chị há rất to, mọi người vẫn tiếp tục hộ niệm, sau 3 giờ, miệng chị từ từ ngậm lại nhưng không kín, lưu lại “ một nụ cười tuyệt vời hy hữu!”

Sáng ra, khi hay tin chị qua đời, thân nhân và đồng đạo tập nập đến hộ niệm cho đến trưa. Cũng trong thời gian này, người ta phát hiện bà già chồng bên nhà bếp tức tưởi khóc than kể lể:

- “Trời ơi! Con dâu tui, không biết nó còn nắm níu cái gì hông, mà cái đầu nó nóng quá trời!”

Những người xung quanh, có vị biết được chút ít đạo lý, bèn giải thích cho bà nghe. Hiểu ra, bà mới biết chắc chắn, con dâu mình đã được vãng sanh.

(Thuật theo lời Đặng Thị Mỹ Dung, em gái của cô và Ban Hộ Niệm)

32. Bà Lê Thị Đâu (1908 - 1989)

Bà Lê Thị Đâu sinh năm 1908, nguyên quán rạch Vạn Lịch, xã Trung An. Bà và em gái mồ côi cha lẫn mẹ từ thuở bé, được người dì ruột nuôi nấng cho đến lúc trưởng thành.

Khi tuổi hoa xuân, bà thành hôn với ông Trần Văn Cò, cư ngụ tại vòm Lấp Vò, ấp Thạnh Phước II, xã Trung An, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Bà có tám người con, bốn trai, bốn gái. Sinh sống bằng nghề làm thuê, nhất là cấy lúa mướn.

Tính tình bà thuần hậu, hiền lành chất phác, con cháu thấy đều thích mến, kính trọng. Bà rất bình dị, giản đơn từ miếng ăn cho đến tấm mặc.

Gia cảnh vốn dĩ thanh bần, bởi không được thừa hưởng di sản vật chất do tổ tiên để lại, mà phải tự lực mưu sinh bằng đôi tay đen với tâm hồn trắng ở giữa chốn bụi hồng, đầy gian nan, đầy khó nhọc!

Các con của bà cũng không hơn không kém, sau khi định vợ gả chồng, mỗi người đều phải tự lập bằng đủ mọi thứ nghề: làm thuê, cấy lúa mướn, đặt lợp lờ, giăng lưới thả câu...

Vào khoảng cuối năm 1986, do một hôm, cô cháu nội khuyên:

- “Bà già rồi, Nội ơi! Sống cũng không còn bao lâu. Trên cõi đời này, có cái gì thiết đâu! Thôi, bà hãy ăn chay niệm Phật để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc!”

Bà hỏi lại:

- “Được hông?”

Cháu bà đáp:

- “Được, Nội ơi! Nội ráng cố gắng đi nhen, Nội! Bà ráng niệm Phật là được vãng sanh!”

Bà nói:

- “Vậy hả! Vậy tao cầu về Cực Lạc luôn!”

Thế là thiện căn nhiều đời khởi phát, bà hoan hỷ làm theo. Cũng từ đạo ấy, bà siêng năng lễ Phật, bà lễ Phật bằng tất cả trái tim thành kính của mình. Trên tay luôn có xâu chuỗi 18 hạt. Vì lưng đau nên bà ngồi niệm Phật chỉ khoảng 15 - 20 phút, sau mỗi thời cúng, chứ chẳng được lâu. Hầu hết thời gian trong ngày, đều hành trì ở tư thế nằm võng và đi đứng. Dường như, bà đã thực sự hạ quyết tâm rời khỏi vòng sanh tử luân hồi:

“Lênh đênh chìm nổi chốn trần hồng,
Sinh già bệnh chết mãi xoay vòng.
Khi sống tạo thành bao sự nghiệp,
Thác rồi cũng một nắm tay không.
Trăm, ngàn, muôn thứ đâu đem được,
Chỉ có nghiệp duyên chất chập chồng.
Cháu con thân thuộc nào tiếp giúp,
Nghe câu Phật hiệu hỡi còn trông.
Còn trông giải thoát kiếp vô thường,

Nguyện lớn Di Đà đấng Pháp Vương.
Cực Lạc quê xưa mau về gấp,
Đừng nên dong ruổi chốn tha phương.
Cha lành tựa cửa trông con đại,
Lòng mãi quặn đau nỗi nhớ thương.
Mê muội bao ngày thôi khép lại,
Chuyên trì Lục Tự để lên đường.”

Bà ở thì ở nhà người con thứ Ba, tại vàm rạch Lấp Vò, đến giờ cơm thì đi vào nhà người con thứ Sáu, cách khoảng 200 mét vì gia đình này, trọn nhà, đều dùng chay trường. Bà thích nghe đọc kệ giảng lắm nên đến giờ ăn, bà thường đến sớm nửa hoặc một tiếng đồng hồ, hay dùng cơm xong, nấn ná nằm lại trên võng để được nghe các cháu đọc 5 - 10 trang rồi mới ra về.

Điểm đặc biệt là bà có tâm buông xả cao độ, chẳng hề bận lòng đến chuyện cháu con, nhất là dâu con hay đem những chuyện làm ăn lời lỗ, chuyện xấu dở đúng sai, vô số chuyện tạp nhạp để than thở nỉ non với bà. Bà thường nói:

- “Mồ tỏ nó! Kệ nó! Tui lo chuyện của tui! Chớ hông lo đến chuyện của ai nhiều làm chi cho mệt cái tâm của tui!”

Thật đúng với câu đối liền của Cổ Đức:

“Một năm hai nín suốt ngày lặn đạn: Rì thêm khô!
Trăm buông ngàn xả quanh năm thông thả: Rứa mà vui!”

Liên hữu Tư Rô thường xuyên lui tới viếng thăm, an ủi khích lệ, giảng giải Phật Pháp, nhứt là kể chuyện vãng sanh cho bà nghe, khuyên bà chuyên tâm niệm Phật để sớm được trực đạo Tây Phương - gãy đúng chỗ ngứa - bà vui mừng thích thú ghê lắm. Cứ hơi lâu mà không thấy ghé, bà nói lầm bầm:

- “Thằng Rô cỡ này, sao nó đâu mất tiêu rồi bây! Tao nhớ nó quá!”

Công phu hành trì của bà tinh chuyên, cần mẫn suốt ba năm. Đến ngày 29 tháng 9 năm 1989 bà bỗng dưng ngã bệnh, nằm ngủ mê man li bì, suốt ngày, biếng ăn biếng uống. Rước thầy thuốc, sau khi chẩn đoán là “hạch đàm ác tính”, đề nghị gia đình đừng nên đi chữa trị làm chi cho tốn kém vô ích. Nên uống thuốc Nam và chích vài mũi thuốc khỏe cầm chừng, đồng thời lên chương trình hộ niệm. Thân quyến y theo, bắt đầu hộ niệm từ ngày 29 tháng 9 năm 1989 tại nhà người con thứ Sáu.

Kể từ giờ phút đó, bà ngưng ăn, chỉ dùng một ít sữa vì cổ họng đau dữ dội mỗi khi thực hiện động tác nuốt vào. Kể đó, bà dứt hẳn uống sữa, chỉ còn thuần là nước.

Mặc dù, tình trạng kinh tế gia đình quá ư khiêm tốn. Buổi điểm tâm khuya, cho Ban Hộ Niệm, chỉ vòn vện “cháo cò” và củ cải muối. Nhiều lúc, thân quyến bà ước ao nấu đũa chừ liên hữu bằng nồi cháo niêm nhưng đó chỉ là chuyện trong mơ, bởi lẽ... đã vượt quá tầm tay. Nhưng tinh thần của đồng đạo trợ niệm hết sức, chân thành và chí thành.

Chỗ ngủ cho khoảng 20 đồng đạo ở xa, hộ niệm ca đêm, lại vô cùng khó khăn. Hơn nữa, nhứt là những khi đông tổ bão bùng. Vì chỗ nằm của bà còn phải căng cao su, hồ hướng chỉ là... chỗ khác! Nên nhờ sự tương thân tương ái của những ngôi nhà bên cạnh.

Xuyên suốt hai tuần lễ trợ niệm, thể lực bà mỗi lúc một cạn kiệt dần dần. Dù vậy, bà vẫn nhép môi niệm Phật theo mọi người. Cho đến 9 giờ sáng ngày 14 tháng 10 năm 1989 bà vẫn còn niệm ra tiếng rành rẽ rõ ràng, hai tay chấp lại để trên ngực, kế đó rơi ra, 2 phút sau, an tường qua đời trước sự hiện diện của hơn 70 người đưa tiễn. Bà hưởng thọ 81 tuổi.

Bốn tiếng đồng hồ sau đó, khám nghiệm thi thể, tất cả các nơi đều lạnh, chỉ có đỉnh đầu nóng dừ dội, tay vừa sờ vào y như hơi tay trên miệng một lò than.

(Thuật theo lời Trần Thị Hà, cháu nội bà)

33. Ông Phạm Ngọc Hòa (1914 - 1997)

Ông Phạm Ngọc Hòa sinh năm 1914, nguyên quán ấp Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông: Phạm Văn Sửu, làm Hội Đồng thời Pháp Thuộc. Thân mẫu là cụ bà: Mạch Thị Thảo. Hai ông bà sinh được năm người con, ông đứng thứ Tư trong gia đình.

Đến tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Huỳnh Thị Mừng, sinh được một trai, bốn gái, cư ngụ tại ấp Tân Thuận, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp chính là làm ruộng.

Tính tình ông hiền hậu, thẳng thắn, siêng năng, nhẫn nhục, thích giúp người, đời sống kiệm ước và đơn giản từ miếng ăn cho đến tấm mặc. Đối với các con, ông dạy dỗ rất nghiêm khắc nhưng, cũng rất khéo léo từ việc ăn, ở cho đến mọi sinh hoạt đối nhân xử thế đều phù hợp với đạo nghĩa, biết nhận chịu thiệt thòi, không tranh đua với người.

Sau năm 1975, ông đã cảm nhận cảnh đời đầy khổ đau, vô thường, giả tạm, không chi bền chắc nên ông đã phát tâm trường chay, sớm chiều lễ Phật, dần dần giao phó hết việc nhà cho các con, còn phần mình chuyên tâm hành đạo.

Ban sơ, ông thường cùng với một số thiện tri thức như ông Hai Mù Tiễn.. đi đây đó để sách tấn mọi người làm lành, lánh dữ, chí tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đây là con đường thẳng tắt nhất để một đời liễu sanh thoát tử mà ai cũng có thể tu, không cần biết trí hay ngu, nghiệp nặng hay nhẹ, chẳng phân già trẻ, chẳng luận nghèo giàu, bất luận hoàn cảnh nào cũng có thể hành trì được cả!

Điểm đặc biệt là trọn đời, ông không hề mặc đồ tu như bao nhiêu đồng đạo khác, thích nhất vẫn là quần tây, áo sơ mi cũ màu. Các con ông thường phàn nàn:

- “Ba ăn mặc như vậy ra đường, người ta cười tui con chết!”

Ông trả lời tỉnh bơ:

- “Có sao đâu!”

Về sau, ông thường chạy xe một mình đi các nơi để đắp đường, bồi lộ vì vào thời điểm thập niên 70 và 80, các tuyến đường giao thông nông thôn, toàn bộ là đường đất nên đến mùa mưa và mùa nước nổi, thường hay bị lầy lội, sạt lở. Trên chiếc xe hon-đa Đam, ông trang bị đồ dùng cá nhân như: quần áo, mềm mùng và một cái leng, một cái cước, một cái ky... Đến đoạn đường nào hư thì dừng lại, lui cui làm một mình, vừa làm vừa niệm Phật. Chiều tối thì tìm những nhà quen gần đó tạm nghỉ, làm năm, ba ngày xong thì đến đoạn đường hư lở khác làm tiếp tục.

Đôi khi, ông cũng tham gia cầu nguyện tuần thất và hay tìm đến các cháu phát tâm tu để khuyến tấn, nung đúc cố gắng nỗ lực hành trì.

Trải qua nhiều năm như vậy, các con ông thường than phiền:

- “Ba tu thì ba ở nhà ba tu. Chớ Ba đi như vậy, lỡ như bệnh hoạn, chết giữa đường giữa sá thì tui con biết làm sao đây?”

Nhưng, ông cứ giả lã cho xong chuyện.

Đến năm 1990 (76 tuổi) ông mới cất một cái thất sàn nhỏ, ở phía sau nhà, chuyên lo niệm Phật, lễ Phật và nghiên cứu các kinh sách về Tịnh Độ như: Niệm Phật Thập Yếu, Tịnh Độ Chánh Tông.... Có điều kỳ lạ là, sau khi ông cất thất thì cây Bồ Đề mọc xung quanh thất của ông rất nhiều.

Thấy các con cứ mãi mê làm ăn, thỉnh thoảng ông cũng lên tiếng khuyên can bớt kinh doanh lại để có thời gian lo tu hành. Bởi vì trên đời này, cái gì cũng là tạm giả, từ nhà cửa, của cải, tiền bạc... cho đến cái xác thân của mình đang mang cũng toàn là đồ giả. Chết rồi không đem theo được thứ gì cả...!

“ Vạn vật vốn nhơn duyên tạo cấu,
Các việc đều Thành, Trụ, Hoại, Không;
Thân con người như thể cái bông,
Huê mỹ chỉ được trong ngày buổi.
Mọi sự của người đang cạm cũi,
Đều đi theo cái tuổi của người.
Phật ngàn xưa cũng đã cạn lời,
Rằng vạn sự trong đời là tạm.
Kẻ ngu xuân đến người bác lão,
Ai cũng đều nhìn nhận thế ư!
Xưa sao thì nay cũng vẫn như,
CHUYỆN VĂNG SANH Ở VIỆT NAM

Vật đã tạm bao giờ cũng tạm.
Giống tham ái cứ lo chăm bám,
Lửa từ sanh ngày tháng thiêu luôn.
Suốt cổ kim nhân vật quay cuồng,
Không tìm thấy con đường vĩnh cửu.
Mưu hạnh phúc ở nơi hình hữu,
Thất bại luôn thành tựu vẫn không;
Nào mấy ai được biết tình lòng,
Cứ phí của phí công vào đây.”

Các con ông lặng thinh lắng nghe, không lý sự gì với ông hết. Nhưng sau đó thì họ sầm sì với nhau:

- “Ba tu riết rồi Ba hết biết gì luôn rồi! Cái gì đâu mà giả! Tiền, anh cầm anh mua một lần hai, ba chiếc xe hon-đa... mua cái gì cũng được mà làm sao giả!”

Đến tháng 7 năm 1997, ông bị bệnh về đường tiêu hóa, gia đình đưa ông đến Bệnh Viện Hữu Nghị của huyện để điều trị khoảng một tuần lễ, nhưng có lẽ ông đã tự biết trước mình sắp phải ra đi nên ông đòi con cháu đưa về nhà để ông niệm Phật theo Phật. Trong thời gian còn ở bệnh viện, có nhiều đồng đạo đến hỏi thăm sức khỏe của ông ra sao, ông vừa cười vừa đáp:

- “Theo người đời... người ta thường nói: “Đứt bóng”. Có lẽ chuyện này, tui đứt bóng thiệt rồi!”

Về nhà, ông chỉ nằm im niệm Phật, mọi việc đều nhờ con cháu giúp đỡ. Trước đó ông đã âm thầm tự tay viết trên giấy cát-tông những bảng đề nghị:

- “Khi tôi bệnh, yêu cầu bà con, đồng đạo đến thăm thì đừng có hỏi thăm gì tôi hết, chỉ niệm Phật thôi! Có cần gì thì hỏi thăm gia đình tôi! Tôi rất là cảm ơn!”

Rồi ông ký tên phía dưới và viết một bảng để nơi bàn vong, sau khi ông mất là:

- “Đồng đạo đến đây cầu nguyện thì tôi cảm ơn. Đừng có lạy tôi!”

Ngoài ra, ông còn dặn dò và sắp xếp mọi thứ về hậu sự của mình để con cháu làm theo, vì lúc này con cháu của ông chuyên lo làm ăn chưa hiểu biết gì nhiều về Phật Pháp.

Cũng trong thời gian này, vào ngày 22 tháng 8 năm 1997 gia đình y theo lời của ông, mời chư đồng đạo đến hộ niệm cho ông, theo các số điện thoại mà ông đã ghi sẵn. Hay tin ông mệt, chư đồng đạo gần xa đều kéo đến, luân phiên trợ niệm cho ông, suốt 13 ngày đêm. Lúc này ông vẫn còn ăn uống, tỉnh táo bình thường. Mỗi khi thấy các con mặc áo tràng vào hộ niệm cho mình, ông tươi cười, biểu lộ sự vui mừng vô cùng to lớn.

Hộ niệm đến ngày thứ 7 thì ông cự tuyệt mọi sự ăn uống, ngay cả nước lạnh, ông cũng không uống, chỉ nhiếp tâm niệm Phật. Thấy vậy, con ông liền hỏi:

- “Bây giờ, Ba tính tuyệt thực cho sạch sẽ đặng về Phật hay sao mà Ba không chịu ăn uống gì hết vậy Ba?”

Ông không trả lời mà chỉ gật đầu. Đây quả thật, là một quyết định phi thường:

“Thấy rõ cái xác phàm như áo.
Lành thì phải mặc rách thì phải tháo,
Không sợ lo không có tiếc than.
Chỉ bỏ thân tạm giả trần gian,
Chớ thân tướng kim cương còn mãi.
Thân ấy mới là thân tồn tại,
Nó mới là chính cái thân mình.
Còn cái thân khi chết thì sinh,
Nó là bóng của thân chơn thật.
Bóng thì mất nhưng thân không mất,
Thế cho nên chẳng chút lo rầu.
Mượn giả thân để lập đạo màu,
Xong rồi trả cho đâu ra đó.
Thân là bè trước sau phải bỏ,
Đề lên bờ hầu có qui hương.
Bè rã tan người chẳng tồn thương,
Vì vậy rất coi thường cái chết.”

Trước khi mất 3 ngày, con cháu thấy thể trạng của ông quá khô gầy và cạn kiệt nên nóng lòng mời y tá gần nhà, truyền nước biển cho ông để ông có sức khỏe mà niệm Phật. Khi y tá đến nhà, định lấy kim để ghim vào mạch và truyền dịch thì ông vẩy chân không chịu. Y tá lầm tưởng là ông sợ đau nên nói:

- “Ông Tư ơi! Con lấy kim nhỏ để ghim, không có đau đâu, ông đừng sợ!”

Ông liền trả lời một cách thản nhiên:

- “Lúc này, không có kim nào bằng niệm Phật hết!”

Biết được sự quyết tâm mãnh liệt của ông nên gia đình cũng chịu theo. Qua đây, ta thấy được tín tâm và nguyện tâm của ông thật là sâu chắc và khẩn thiết.

Trong khi hộ niệm, mọi người quan sát thì chỉ thấy ông nằm im, mắt hơi nhắm, niệm Phật thầm trong tâm, ai cũng ngỡ là ông bị hôn mê, nhưng mỗi khi có cơn gió thổi tung tấm hình Đức Phật A Di Đà treo trước mặt, ông liền đưa tay giữ tấm hình lại không cho bay. Việc này khiến cho mọi người đều thấy lạ và thán phục sự công phu của ông.

Vào khoảng hơn 12 giờ trưa, ngày 4 tháng 8 năm 1997, trong khi đang hộ niệm cho ông thì liên hữu Ba Mỏng đang nằm nghỉ trên gác nhà sau, bỗng ngửi được một mùi hương lạ mà không

biết từ đâu đến. Một lát sau, vào đúng 15 giờ 7 phút thì ông an nhiên, tỉnh táo mà qua đời, không hề biểu lộ một chút gì là sợ hãi và đau khổ. Ông hưởng thọ 83 tuổi.

Qua 8 tiếng hộ niệm, mọi người đều thấy gương mặt ông càng lúc càng đẹp, càng hồng hào, càng đầy đặn, miệng mỉm cười vui tươi, trước đó thì gương mặt hốc hác, sạm đen. Chư đồng đạo khám nghiệm thì thấy toàn thân ông đều lạnh, duy chỉ có đỉnh đầu còn nóng, các khớp xương đều mềm dịu.

Sau khi ông mất, bốn người con lần dâu và rể nhận thấy rằng, suốt 13 ngày đêm, hộ niệm cha mình và những tuần thất kế tiếp sau đó, chư đồng đạo đã tận tâm giúp đỡ mà không có một điều kiện, một đòi hỏi, một tính toán... nào cả. Khác hẳn với tình đời, lúc nào cũng so đo, có qua, có lại...:

“Chợ đời đủ thứ ghen tương,
Đâu bằng cửa đạo yêu thương một tình.
Đời mưu lo sống riêng mình,
Đạo luôn xây dựng hòa bình sống chung.
Đời lo xác thịt thông dong,
Đạo ngoài xác thịt còn trong tinh thần.
Đời lo thân chẳng yên thân,
Đạo vui thể chất tinh thần cũng vui.
Đời sau khi chết là rồi,
Đạo sau khi chết còn ngồi tòa sen.”

Hơn nữa, ngày 30 tháng chạp sẽ đến! Mấy ai thanh thân, nhẹ nhàng tươi cười trước khi từ giã cõi bụi hồng này! Do đó, các con ông đồng phát tâm trường chay, buông bỏ mọi việc, một bề lo tu “Hai bên nắm hết không nên; Cái nào chân thật lâu bền thì theo”, hầu noi theo gương hạnh và cũng đáp lại sự mong mỏi của cha mình khi còn sinh tiền là: con cháu phải biết tu hiền lo ăn chay niệm Phật, đừng mãi miết chạy theo những thứ bạc tiền giả tạm.

Điểm đặc biệt là, kể từ khi ông mất, trên phần mộ của ông mọc lên một cây Bồ Đề, rồi mọc lan ra khắp khu vườn mà gia đình vợ chồng người con gái thứ Tư đang ở. Điều đặc biệt lạ kỳ hơn, là sau mỗi cây Bồ Đề, đều có một cây sung mọc kế bên. Ngoài hai công đất của gia đình chú Tư ra tức là những mảnh đất bên cạnh không tìm thấy cây Bồ Đề nào mọc cả. Tin này được người ngoài lan truyền, lúc bấy giờ, có rất nhiều du khách các nơi đều đổ về đây để được tận mắt tham quan và chứng kiến điều kỳ lạ này.

(Thuật theo lời của bà Phạm Thị Kim Măng và ông Trần Duy Hình, con gái và rể thứ Tư của ông)

34. Bà Nguyễn Thị Quyên (1941 - 2007)

Bà Nguyễn Thị Quyên, sinh năm 1941, cư ngụ tại ấp Thạnh Phước II, xã Trung Thạnh, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ.

Cha tên Nguyễn Văn Phú, mẹ là Nguyễn Thị Châm. Bà có tất cả bốn chị em và là thứ Ba trong gia đình.

Thuở bé, bà học đến lớp 3 trường làng, hay ham thích đọc truyện tích cổ xưa.

Lúc lên 19, bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Mùi, nghiệp vụ quân nhân, người cùng thôn xóm, sinh được năm người con, hai trai, ba gái.

Năm 1970, hai vợ chồng bà dọn nhà về gần nhà cha mẹ ruột, không bao lâu, đưa con gái thứ Tư lâm cơn bạo bệnh rồi mất phần.

Năm 1975 chồng bà có vợ bé, bà ly hôn, khi đó bà 35 tuổi và đưa con trai Út vừa mới lên tư.

Quanh năm suốt tháng, chăm lo việc đồng án, chân lấm tay bùn, cố gắng tận lực săn sóc nuôi dạy các con cho được nên người. Bà chưa từng lân la sang nhà hàng xóm, ngồi lê đôi mách, bàn chuyện bông lông.

Lối sinh hoạt của bà rất kiệm ước, từ miếng ăn cho đến tấm mặc đều gói ghém giản đơn. Dù vậy, bà vẫn sẵn sàng, tùy thời san sẻ với kẻ túng thiếu khốn nàn. Năm nào trúng mùa thì lon gạo cho người đến xin đầy, năm nào lúa thất thì lon gạo lưng lại.

Một nắng hai sương làm cho đôi vai gầy thắm lạnh, bà cảm nhận chắc thật về nỗi khổ của kiếp người, ý hướng về nẻo đạo mơ hồ đọng lại trong tâm tư, rồi dần dần bừng lên, sau những chuỗi ngày dập dờn khốn đốn.

Năm 1987, bà phát tâm trường chay, sớm chiều lễ bái. Năm sau, người con gái thứ Ba cũng noi gương, lập hạnh theo bà. Riêng con trai lớn, sợ thể lực mẹ mình suy mòn nên ngỏ ý khuyên ngăn, nhưng bà vẫn cương quyết không thay đổi chí nguyện.

Bốn năm tinh cần tu niệm, một hôm, người con trai lớn khi đi ruộng sạ phân lúa, bỗng nhiên bị tai biến, chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang nhưng y- bác sĩ bó tay đành phải chở về, đồng đạo xúm lại hộ niệm, được vài giờ thì anh qua đời, khi đó, anh mới vừa 31 tuổi. Thời gian ngã bệnh đến lúc ra đi chỉ vồn vện có 3 ngày, từ ngày 24 đến 26 tháng 11 năm 1991.

Nỗi đau lòng chưa hàn gấn, cuối tháng giêng năm 1992 cô con gái thứ Năm do gây gỗ với người láng giềng, bèn uống thuốc rầy tự tử.

Từ đó, ý nguyện niệm Phật cầu sinh Tây Phương của bà càng mạnh mẽ hơn và khẩn thiết hơn. Những khi con bà vá bao hay may đêm, bà thường đọc Thi Văn Giáo Lý cho con nghe, từ quyển một đến quyển 6, thay vì trước đó, thì hay kể chuyện cổ tích cho con biết tội phước, tin nhân quả mà thôi, nhờ vậy mà con bà nhớ thuộc gần hết 6 quyển.

Bà thường nhắc nhở con bà niệm Phật trong mọi oai nghi, lắm lúc đang lui cui làm, đột nhiên bà hỏi:

- “Nãy giờ, con có niệm Phật không?”

Con bà đáp:

- “Cũng ba hồi nhớ, ba hồi quên, má ơi!”

Bà liền rầy:

- “Sao con không ráng nhớ niệm! Để tâm mình nghĩ tưởng lung tung làm gì!”

Đôi khi, bà cũng thăm dò ý hướng của con. Biết được con mình quyết định rút sợi dây oan trái, bà rất đổi vui mừng, vô cùng an tâm và luôn động viên:

- “Con thấy không! Sáng nào, cũng thức dậy, ăn ba hột, lây quây thì hết một ngày. Ngày nào cũng vậy. Nhìn kỹ cuộc đời, đâu có gì là vui chân thật đâu! Nếu con không giữ được cuộc sống bình thường, mà lập gia đình thì chỉ có khổ, chồng thêm khổ mà thôi!”

Như lời khuyên của Cổ Nhân:

“Tu gấp kéo tháng ngày qua huốt,
Dịp qua rồi muốn gặp khó thay.
Bóng thiều quang chẳng đợi chờ ai,
Sự tu phải hành ngay mới kịp.
Chết trẻ cũng là qua một kiếp,
Chết già thời cũng hết một đời.
Cái chết không hẹn tuổi hẹn người,
Chớ nên đợi ngày mới sẽ hồi.
Chuyện giờ trước còn không lượng nổi,
Huống chi là chuyện tới ngày mai.
Biết bao người vừa mới sống đây,
Sau đó ít phút giây đã chết.
Đợi hơi thở sắp gần khi hết,
Mới lo tu thì việc trễ tràng.
Nay khá tu chớ đợi thời gian,
Sớm đi tắt nhiên đường mau tới.”

Do vì không giao thiệp với hàng xóm chung quanh, con bà đâm ra lo ngại, lỡ như gia đình có xảy ra sự cố gì, chẳng biết phải xoay sở thế nào. Bà an ủi:

- “Kẻ nghèo khó tu hành ngay thẳng; Không cầu siêu Phật bỏ hay sao”.

Ý bà muốn cho con biết rằng, dù cảnh ngộ có nghiệt ngã thế mấy, nếu mình thật tâm tu hành thì Tam Bảo, Trời

“Phật Tiên nào có xa xăm,

Thiên hình vạn tượng từng tâm biến thành.
Lòng thanh vào được cõi thanh,
Thần giao cách cảm thông hành khắp nơi.
Hiểu thâm kính Phật sợ Trời,
Việc làm không dấu tiếng lời khó khăn.
Khởi tâm một mảy chỉ giảng,
Mắt Thần xem thấy như làn điện quang.”

Thấy gia cảnh của bà đơn chiếc, rất nhiều đồng đạo cũng như người chị thứ Hai khuyên bà nên thường xuyên đi dự các ngày niệm Phật, do các liên hữu tổ chức. Bà nói:

- “Chị rảnh rồi thì đi được, còn tui thì không có thời gian. Nên phải vừa làm, vừa niệm!”

Mỗi năm vào các ngày lễ ở Tổ Đình, Ông Ba Thới, ông Nguyễn Trung Trực, bà thường tham gia đầy đủ, ít khi vắng mặt.

Công phu hành trì của bà thâm lặng, đại để như thế, suốt 20 năm.

Đến tháng 4 năm 2007, bà ngã bệnh, đi bác sĩ điều trị qua loa, tạm thời hồi phục, vài lần như vậy trong người nghe cũng chưa đến nỗi nào.

Tới đầu tháng 7, bỗng dưng bệnh nặng, chân sưng phù, đến Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt, nằm viện hai, ba ngày, thấy chân không giảm, bà hỏi bác sĩ. Bác sĩ cho biết là ung thư gan giai đoạn cuối, vô phương cứu chữa, bà lật đật xếp đồ ra về. Từ đó, bụng và chân từ từ sưng to lên. Con bà đòi chở đi thầy này thầy nọ, bà dứt khoát không chịu, chỉ uống thuốc Bắc dạng hoàn để xổ tiểu, cầm cự tạm thời.

Kể từ đó, bà khẩn thiết niệm Phật nhiều hơn, thỉnh thoảng, có các đồng đạo ghé thăm khuyên tấn, bà mừng lắm. Có vị hỏi:

- “Trong lúc cô Ba bệnh đây, mà cô Ba có sợ chết hay là không?”

Bà thản nhiên trả lời:

- “Hồng sợ chú ơi! Mình đi thì phải về, chứ đi mà hồng về, đâu có được!”

Vị đồng đạo ấy tán thán:

- “Ồ! Như vậy là tinh thần của cô Ba vững lắm, chẳng sợ lệch lạc chí hướng tu hành!”

Hai tuần cuối, bệnh phát dữ dội, bà không còn dùng được thuốc thang, cơm cháo gì được nữa. Sức lực cạn kiệt dần, bụng và chân dần dần sưng, mỗi lúc một to. Tuy vậy, bà vẫn tỉnh táo, tinh tấn niệm Phật nhiều hơn.

Hai ngày cuối, bà ngưng hẳn uống, nằm bất động, trong người đau mỗi, bức bách, khó kham nhẫn nổi, bụng và chân sưng lớn thêm hơn. Chư đồng đạo túc trực thay ca hộ niệm suốt ngày đêm.

Vào 9 giờ đêm 19 tháng 9 năm 2007, bà bỗng lên cơn co giật tay chân, mắt trợn, trông thấy dễ kinh sợ hãi hùng. Chư đồng đạo tập trung hộ niệm to tiếng, âm thanh vang rền, qua năm phút sau, mới trở lại bình thường.

Đến 11 giờ khuya, hiện tượng đó lại tái diễn trở lại. Lần này, kéo dài hơn 10 phút, trông rất dễ thất kinh hồn vía. Sau này, mỗi khi nhắc lại, có vị nói:

- “Nếu như lúc đó có một mình tui, chắc tui bỏ chạy mất!”

Đến 11 giờ 30, thấy hơi thở của bà yếu dần, toàn bộ lực lượng trợ niệm đều khẩn thiết xưng to Thánh Hiệu. Được một lúc, bà đưa mắt liếc nhìn tất cả mọi người, dường như tỏ lòng tri ân, mà cũng dường như, nói lời giã biệt. Xong rồi, hai tay co lại chắp thành nắm đấm trên ngực, đôi mắt từ từ khép lại, an tường nhẹ nhàng ra đi. Lúc ấy đúng 11 giờ 45 phút khuya, ngày 19 tháng 9 năm 2007. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Cuộc trợ niệm vẫn tiếp tục duy trì, 4 giờ sau, khám nghiệm thi hài, duy chỉ có đánh đầu hấy còn nóng ấm.

Sáu giờ sau khi mất, thân nhân thay y phục, thì phát hiện bụng và chân của bà xẹp trở lại bình thường, tay chân đều mềm dịu, nét mặt tươi đẹp y như một người đang nằm ngủ.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Thủy và Ban Hộ Niệm)

35. Ông Cao Ngọc Thâm (1923 – 2001)

Ông Cao Ngọc Thâm sinh năm 1923, cư trú tại ấp Tân Mỹ, xã Tân Lộc, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Cao Ngọc Hân, mẹ là Nguyễn Thị Tốt, ông là người con duy nhứt của hai ông bà.

Khi tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Bùi Thị Bông, sinh được mười người con, bốn trai, sáu gái. Hai ông bà chuyên canh tác vườn, ruộng và rẫy làm phương kế sinh nhai. Từ năm 1959 đến năm 1975, ông giữ chức Xã Trưởng tại bản xứ.

Tính tình ông nhân từ mà cương trực, có uy lực, ai tiếp xúc cũng đều kính sợ. Khi còn làm việc, ông xử lý mọi chuyện rất công bằng, không cao ngạo phô trương, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người, luôn đậm đà tình làng nghĩa xóm nên được lòng đại đa số quần chúng.

Ông đến với Đạo rất sớm nhưng chỉ dừng lại ở “Chay Bốn Bữa” và “làm lành lánh dữ”, không mấy gì đoái hoài đến chuyện giải thoát sanh tử luân hồi.

Ông rất quan tâm đến việc giáo dục con cái. Mỗi tháng, ông đều họp mặt gia đình lại để nhắc nhở và dạy dỗ chúng, nhất là tu dưỡng nhân cách, đức hạnh và phương thức đối nhân xử thế.

Năm 1981, lúc này ông 58 tuổi, vào ngày 25 tháng 2, ông đang chuẩn bị thùng thao để đi bắt cá về ăn, tình cờ có cô Bảy Nguyên là em nuôi của ông, cô này sống hạnh xuất gia, thường đi đây đó để nhập thất chuyên tu, thấy thế cô khuyên ngăn ông.

Vốn là người có học vấn sâu rộng, lại ưa chuộng chân lý nên sau một hồi lý luận qua lại với cô em, ông giật mình tỉnh ngộ, mọi kiến giải thiên chấp sai lầm của ông nhất loạt rơi rụng. Ông nhận ra rằng, lẽ Đạo rất sâu xa mầu nhiệm, cần phải luôn học hỏi thêm. Từ đó, ông phát nguyện trường chay, giới sát, phóng sanh, chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ, quyết lòng niệm Phật cầu về Tây Phương.

Khi bắt đầu khởi sự dùng chay, đến ngày thứ sáu ông đột nhiên ngã bệnh rất nặng. Đưa đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, bác sĩ khám xong, chẩn đoán là “Hội chứng dạ dày tá tràng” và đề nghị:

- “Bệnh của ông phải dùng mặn mới điều trị được! Còn ăn chay thì không trị được!”

Ông khẳng khái đáp:

- “Thôi! Tui thà chết thì chết! Nếu chết, thì tui về nhà niệm Phật vãng sanh! Chớ còn hơn ăn mặn sa địa ngục!”

Sau đó, ông đòi xuất viện về nhà dùng thuốc Nam lây lất qua ngày. Trải qua suốt một năm, vóc dáng tiêu tụy héo gầy, thân quyến nhìn thấy đều động lòng thương cảm ai bi, lên tiếng khuyên can:

- “Bác sĩ nói vậy, thôi Ba ăn mặn đi! Để thùng thảng trị cho hết bệnh rồi hă ăn chay trở lại!”

Ông đáp:

- “Thôi! Ba thà chết thì chết, chớ hông ăn mặn!”

Rồi ông đến trước bàn Phật, quỳ xuống phát nguyện một lần nữa, thề bỏ xác chớ không trở đũa. Đây, quả thật tín tâm của ông đối với luật nhân quả đã kiên định:

“Tu như khát nước thêm cơm,
Đường xa muôn dặm cũng hờm đến nơi.
Kiên tâm mới thấu cơ Trời,
Đừng gieo nửa buổi, thời chiều muốn ăn.
Làm giàu còn phải khó khăn,
Huống chi làm Phật làm Thần dễ đâu.
Dục tu thì phải thật cầu,
Trước sau như một mới hầu thành công.”

Hôm nọ, duyên may đưa đây, có một người bạn ghé thăm, nói với ông rằng:

- “Anh Hai à! Đâu anh bảo mấy đứa cháu chặt mười trái dừa tươi lấy nước. Rồi sắc chung với một ký gừng già, thắng kẹo lại. Anh ăn cái đó, hồng chừng ấm cái bao tử, hết bệnh à!”

Ông y theo, quả là thần phương diệu dược, ma bệnh tiêu tan nhanh chóng phi thường, sức khỏe được hồi phục hoàn toàn.

Từ đó trở đi, đường tu của ông tương đối xuôi chèo mát mái.

Ngoài thời khóa lễ niệm sớm tối ra, ông thường xuyên đọc kinh sách, nhất là những kinh sách về pháp môn Tịnh Độ. Ông cũng thường luận bàn Phật lý với các bạn đồng tu và tích cực tham gia những công tác phúc lợi xã hội như: bắt cầu, làm lộ, cất nhà tình thương, trồng bạch đàn từ thiện...

Đã hai mươi năm trường trôi qua, sự hành trì của ông đại để là như thế!

Đầu năm 2001, ông bị sốt nặng, thuốc men chữa trị mãi mà không thuyên giảm. Đến ngày 26 tháng 1 năm 2001, ông nhập viện. Bác sĩ ở Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, cho biết ở phổi có khối u. Xử lý bằng phẫu thuật thì không an toàn vì tuổi ông đã cao.

Do sợ ông bị ảnh hưởng về mặt tâm lý nên mọi người trong gia đình đều giấu giếm, không dám cho ông biết.

Nằm viện được vài ngày, thấy thái độ của các con hơi lạ, ông sinh nghi, liền hỏi:

- “Sao mà... Tụi bây thấy Ba đau như vậy là bệnh gì? Mà mỗi lần Ba đau là Ba cố gắng niệm Phật để trông cho nó hết. Giả sử, nó đi đến tuyệt vọng cũng được nữa! Chứ tụi bây để Ba ở đây hoài hồng được! Bây giấu Ba cái gì...? Cứ việc nói ra đi con! Ba không có sợ chết đâu con!”

Năm Châu thưa:

- “Nói thiệt với Ba! Cái bệnh của Ba là bệnh phổi, thuộc loại nan y. Trị hoài, trị hoài thôi, chớ hông hết rồi!”

Ông liền bảo:

- “Thôi vậy thì đem Ba về! Có gì thì hộ niệm cho Ba!”

Khi về nhà, con cháu đắp thuốc, giặt thuốc và sắc thuốc Bắc cho ông uống liên tục mà bệnh tình vẫn ngày một nặng dần. Thời gian này, công phu niệm Phật của ông vô cùng mãnh liệt và khẩn thiết hơn trước. Thân thích và chư đồng đạo đến thăm, hỏi han về thuốc men, về sức khỏe, hoặc là hỏi những chuyện bông lông không dính dáng gì tới chuyện niệm Phật vãng sanh, ông đều gạt ngang hết thảy:

- “Lại đây thăm tui! ...Thuốc men gì thì có mấy đứa nhỏ nó lo! ...Lại đây khuyên tui ráng niệm Phật là tui chịu!”

Và ông cũng thường nói:

- “Chí thành niệm một niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tiêu diệt được 80 ngàn ức kiếp trọng tội sinh tử! Dại gì mà không niệm!”

Đúng như lời khai thị của Cổ Đức:

“ Nếu mình cố gắng lo tu dưỡng,
Tất Phật không hẹp lượng với mình.
Phật từ bi cứu độ chúng sanh,
Chẳng phụ kẻ hữu tình với Phật.
Người niệm Phật được lòng thành thật,
Đương nhiên là có Phật vắng lai;
Phật không hề bỏ sót một ai,
Nếu người ấy tâm hoài đến Phật.”

Trong suốt quá trình nằm bệnh, ông cự tuyệt không cho con gái và dâu trực tiếp chăm sóc, chỉ cho con trai thân cận, chăm sóc mà thôi.

Bệnh chứng lần hồi chuyển nặng, 4 tháng sau ông yếu nhiều, gia quyến đến bên mời đồng đạo đến cầu an. Ông hỏi:

- “Các con cứ việc nói đi! Ba bị bệnh gì, để Ba biết mà Ba chuẩn bị! Chứ mấy đứa giấu Ba hoài là hông được! ...Ba cứ ngỡ...Ba hy vọng Ba hết... Mà nó hông hết... Ba hông có chuẩn bị được thì làm sao đây! Uống cuộc đời của Ba lắm!”

Năm Châu cũng gan miệng đáp:

- “Thưa Ba! Con nói cho Ba biết! Anh em hông ai dám nói. Ba có khối u ở phổi, kêu là ung thư đó!”

Nghe xong, ông liền nói:

- “Ồ! Vậy thì đặt bàn cầu an và hộ niệm cho Ba!”

Chương trình hộ niệm bắt đầu từ ngày mùng 5 tháng 4. Đến tờ mờ sáng ngày mùng 7 thấy ông khỏe chur liên hữu ra về, chỉ còn con cháu trong nhà luân phiên nhau trợ niệm. Khi đồng đạo ra về chưa được 10 phút, ông đột nhiên mệt trở lại. Ông bảo gia quyến đỡ dậy. Khi đỡ dậy, đau quá ông bèn niệm:

- “A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! A Di Đà Phật...! Phật ơi rước con...! Khổ quá khổ...! Về Cực Lạc mới là hết khổ!”

Kể đó, ông đi cầu. Lát sau, ông gọi Sáu Nghiệp:

- “Nghiệp à!”

Sáu Nghiệp đáp:

- “Dạ!”

Ông bảo:

- “Con làm sạch sẽ cho Ba đi! Ba để lại cho con cái đó đó! Con ráng nhớ nhen!”

Sau khi Sáu Nghiệp dọn dẹp vệ sinh, thay y phục cho ông xong, ông nói:

- “Bây giờ Ba mệt quá! Các con hộ niệm cho Ba đi!”

Con cháu gom hết lại, đồng thời, chạy đi mời chư liên hữu trở lại hộ niệm cho ông. Ông niệm Phật theo mọi người. Tiếng của ông nhỏ và yếu dần. Niệm mãi từ 7 giờ sáng cho đến 11 giờ 25 phút trưa, ông an tường, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, nhằm ngày mùng 7 tháng 4 nhuận năm 2001. Ông hưởng thọ 78 tuổi.

Ngay lúc ấy, có luồng ánh sáng lớn bên cửa phía Tây xẹt lên, một số bạn đạo phát hiện ngỡ là có điện, vì ngày hôm ấy điện đã cúp.

Đồng thời, trưa hè oi bức, bốn bề lặng chan, bỗng có một luồng gió lớn lùa vào nhà, làm chiếc rèm rơi xuống. Sáu Nghiệp thấy vậy, nhẹ nhàng giất lên. Khi vừa giất lên xong, thì một luồng gió lớn mát lạnh khác lại lùa vào, làm cho mọi người ai cũng đều sanh tâm hoan hỷ.

Cuộc trợ niệm vẫn được tiếp tục duy trì, đến 8 giờ đồng hồ sau, chư liên hữu khám nghiệm tử thi, thấy các nơi đều lạnh, duy chỉ có đánh đầu còn ấm nóng.

(Thuật theo lời Sáu Nghiệp và Út Hằng, các con của ông)

36. Ông Liêu Duy Trà (1917- 2006)

Ông Liêu Duy Trà sinh năm 1917, tại Hòa Định, xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Cha là Liêu Tú Xương, mẹ là Nguyễn Thị Xiêm. Ông có tất cả là chín anh em và ông đứng thứ Sáu trong gia đình.

Khi lên 23 tuổi, ông lập gia thất với bà Trần Thị Ba, sinh được tám người con, bốn trai, bốn gái, cư ngụ bên quê vợ, ấp Đông Bình, xã Tân Lộc, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Hai ông bà sanh sống bằng nghề làm ruộng, ông còn làm thêm nghề phụ là thợ mộc.

Ông có tính hiền lành, thật thà chất phác, hay giúp đỡ những người xung quanh.

Thuở còn niên thiếu, ông đã kính tin Tam Bảo, ăn chay kỳ, sớm tối lễ Phật, niệm Phật tu hiền.

Năm 1977, ông phát nguyện trường chay, khấn thiết trì niệm Lục Tự Hồng Danh trong mọi oai nghi, nhứt tâm hướng về Cực Lạc thế giới:

“Sớm về cõi Phật an thân.
Kéo kiếp phong trần dày gió dạn sương.”

Những lúc rảnh rỗi ông thích đọc quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, quyển Tu Tâm Dưỡng Tánh và nhiều kinh sách khác nữa. Ông thuộc lòng khá nhiều thi kệ nên thường “Ngâm nga trong lúc thanh nhàn băng khuâng”. Ông còn hằng say nghe các bậc thiện trí thức giảng giải Phật lý, mặc dù thính lực của ông rất yếu so với người thường.

Song song bên cạnh đó, ông còn sốt sắng tham gia các công tác từ thiện xã hội.

Năm 1987, ông ngã bệnh rất trầm trọng, các con đưa đến Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt. Bác sĩ chẩn đoán là “Hội chứng dạ dày tá tràng”. Qua 7 ngày điều trị, không thuyên giảm gì cả, ông đòi về và nói:

- “Không thuốc nào bằng thuốc Phật!”

Về đến nhà, ông bảo thân quyến thỉnh nước cúng trên bàn thờ, rồi ông thành khẩn nguyện vái, niệm Phật mà uống. Trải qua 3 ngày, bệnh tình dần dần ổn định. Quả thật:

“Thành lòng nước lã nên hồ,
Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban.”

Sau khi lành bệnh, ông càng tin tưởng vào pháp môn “Niệm Phật” nhiều hơn, tin tưởng vào sự gia hộ của Tam Bảo lực vô cùng vi diệu. Rồi ông tiếp tục cùng chư bạn đạo đi cất nhà tình thương đây đó quanh vùng.

Sự tu trì của ông bao giờ và lúc nào cũng quyết tâm nhắm đến mục đích giải thoát vòng sanh tử luân hồi, hầu đạt được an vui chân thật thường hằng. Bởi vì khi mệnh chung nhắm mắt xuôi tay, trăm thứ chẳng mang theo được thứ gì. Chỉ có nghiệp tội với phước mà thôi:

“Một khi thâm xét cạn lời,
Thấy đời khổ não như ngồi tù lao.
Khô bệnh hoạn ai nào tránh khỏi,
Đau chỗ nào cũng gọi xốn xang.
Ngày qua là một ngày tàn,
Trẻ rồi già kẻ bước sang tử kỳ.
Đẹp cho mấy cũng qui lại thổ,
Sang đến đâu chỉ số bá thiên.

Đêm ngày sáng tối liên miên,
Mạng như than lửa khó yên trong lò.”

Cho nên, mỗi lần bàn chuyện với các bạn đạo đồng trang lứa, hoặc với con cháu, ông hay nói:

- “Minh làm chuyện gì, bất cứ là chuyện gì trên trần gian này, thì cũng chỉ là chuyện phụ thôi! Chỉ có niệm Phật vãng sanh Tây Phương mới thật sự là chuyện chính yếu của mình!”

Thời gian vùn vụt trôi qua mau chóng, các con thấy cha tuổi cao sức yếu đồng đến khuyên lơn:

- “Thôi, Tía ơi! Tía bớt làm từ thiện để chuyên lo niệm Phật đi!”

Ông đáp:

- “Mỗi một búa đẽo, búa đục, kéo cưa, mũi đinh... đều là một hạt chuỗi để Tía niệm Phật!”

Vào năm 1992, ông bị “Dời ăn” nơi mí mắt khá nặng. Bôi đắp đủ thứ thuốc mà không giảm. Các con chở ông đến thầy thuốc nổi tiếng ở Thốt Nốt. Khám xong, vị ấy lắc đầu, bó tay và cho người nhà của ông biết rằng:

- “Theo kinh nghiệm nghề nghiệp, người mắc bệnh y hệt như ông, tôi chưa gặp ai thoát khỏi lưỡi hái của tử thần cả. Bây giờ, nên đưa cụ về, con cháu nên xúm lại cầu nguyện cho cụ, phần cụ phải chí thành tha thiết niệm Phật, may ra có thể hóa hung thành kiết. Còn thuốc thì cứ mang về trị cho lấy có mà thôi!”

Vài hôm sau, các con ông sang thỉnh thuốc về dùng tiếp. Khi hay tin ông nhất tâm niệm Phật mà thoát chết, thầy thuốc lại bảo:

- “Nếu may mắn chẳng mất mạng thì đôi mắt không thể giữ được!”

Có lẽ, nhờ ông hết lòng trì niệm, mọi nhơ lo nghĩ tưởng chồng chất trong tâm, ông đều xả bỏ, chỉ còn duy nhất một câu Lục Tự nơi lòng. Tuần lễ trôi qua, bệnh dứt hẳn, vạn sự đều bình ổn an lành.

Kể từ đó, ông thường căn dặn các con:

- “Sau này Tía có bệnh, thì các con đừng có đưa đi đâu hết. Cứ để ở nhà lo cầu an, niệm Phật là được rồi!”

Đến ngày 10 tháng 7 năm 2006 ông phát bệnh sốt tê liệt cả hai chân, người nhà bèn cầu an, niệm Phật và thỉnh nước cúng cho ông uống. Liên tiếp 3 hôm liền, chân ông khỏi hẳn. Sức ông từ từ yếu dần, chỉ còn lui tới được trong nhà. Gia quyến có vị đề nghị đưa ông đi bệnh viện điều trị. Ông nói:

- “Tía đã già rồi, đi bệnh viện chữa trị cũng không hết đâu! Không có thuốc nào qua thuốc Phật! Thôi, để Tía ở nhà niệm Phật đi, cho chắc ăn!”

Mãi tới ngày 14 tháng 8, ông yếu nhiều, không còn đi được nữa. Nhưng, ông vẫn minh mẫn sáng suốt, ông còn kể chuyện niệm Phật vãng sanh, nhắc nhở con cháu cố gắng niệm Phật để được vãng sanh và dặn dò hậu sự...

Chiều ngày 15, thấy ông mệt nhiều, người con rể thứ Ba mới hỏi ý với gia tộc:

- “Minh cần nên hộ niệm cho Tía hông?”

Chưa ai trả lời, ông vừa nghe xong liền ngăn lại:

- “Thôi khỏi! Đừng làm phiền chư đồng đạo. Để nội nhà mấy đứa con hộ niệm cũng được rồi!”

Thế là đêm đó, con cháu trong nhà thay phiên nhau trợ niệm cho ông. Sáng lại, ông nói:

- “Dác này, Tía mệt hơi nhiều! Thôi, các con mượn đồng đạo đến hộ niệm cho Tía đi!”

Hay tin, chư vị đồng tu kéo đến khá đông. Hộ niệm đến trưa, sắc diện của ông bỗng biến đổi, ban hộ niệm tập trung toàn bộ lực lượng lại, chỉ thành hộ niệm cho ông.

Dù rất mệt, cụ vẫn nhép môi niệm Phật theo mọi người. Thỉnh thoảng, con ông đến gần bên, kê tai khẽ hỏi nhỏ:

- “Tía có nhớ niệm Phật để vãng sanh Tây Phương không?”

Ông gật đầu, chứ không đáp. Rồi nhép môi niệm Phật tiếp tục.

Niệm mãi được hơn 3 giờ, ông nghiêng người qua bên phải, 2 phút sau, ông nằm ngửa trở lại, tay chân ngay thẳng trang nghiêm. Rồi ông đưa mắt nhìn khắp hết thấy mọi người dường như ngỏ lời giã biệt, kể đó ông nở một nụ cười, đôi mắt từ từ khép lại mà qua đời. Lúc ấy, đúng 3 giờ 15 phút chiều ngày 16 tháng 8 năm 2006. Ông hưởng thọ 89 tuổi.

Không biết công phu niệm Phật của cụ thể nào mà giây phút ra đi, cụ lại thông dong, nhàn hạ và vui tươi ngán ấy? (!) Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì cho đến giờ nhập mạch. Chư liên hữu khám nghiệm, thấy toàn thân ông đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn nóng ấm. Ai ai cũng nhìn thấy gương mặt ông đẹp sáng hẳn ra, nụ cười vẫn còn in đậm trên bờ môi, làm vui lây những người con Phật. Một đồng đạo trong ban hộ niệm là Năm Sĩ phát biểu:

- “Tui mà chết được như ông Út liền cấp này, là tui cũng chết nữa! Khỏi cần phải chờ đợi giây phút nào!”

(Thuật theo lời cô Đáng, con gái của ông)

37. Ông Trần Văn Tôn (1928 - 2002)

Ông Trần Văn Tôn sinh năm 1928, cư ngụ tại Bích Vàm, thuộc ấp Qui Thạnh II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt tỉnh Cần Thơ. Cha tên Trần Văn Chi, mẹ là Mai Thị Tám. Ông có hết thảy bốn anh em và đứng thứ Tư trong gia đình.

Năm lên 27 tuổi, ông thành hôn với bà Nguyễn Thị Hoằng, sinh được sáu người con, ba trai, ba gái. Hai ông bà canh tác mấy công ruộng làm phương kế sinh nhai.

Ông có bản tính hiền lành, thật thà, chất phác mộc mạc. Ngay thuở còn thơ ấu, ông đã biết tin tưởng Phật Trời, lý nhân quả tội phước.

Tư cách đối nhân xử thế của ông rất mực từ hòa, trung hậu, từ trong nhà ra ngoài hàng xóm, chưa từng có chuyện cự cãi méch lòng. Vì thế nên ông được mọi người tôn kính mến thương.

Ông rất ưa xem kinh sách, vừa ứng dụng vào đời sống hằng ngày, vừa giáo dưỡng con cái, dạy con trau sửa thân tâm, luôn hướng về giải thoát. Nhưng nền tảng căn bản vẫn là “Đạo Làm Người”. Ông đã dùng thân hạnh của mình làm gương cho chúng noi theo, hơn là ngôn ngữ, lý luận suông.

Ông luôn ôn hòa, dịu dàng chỉ dạy con cái từ ly từ tỵ: “Phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau...” Mỗi khi chúng có lỗi lầm, đến chiều tối, ông kêu lại giải bày lẽ tốt xấu, hay dở, đúng sai... để cho con hiểu rồi tự nguyện, tự giác sửa lỗi.

Đôi với giấy có chữ và chân nhang, không được vất bỏ bừa bãi, mà phải cho vào thùng, chùng nào đầy đem đốt, thả tro xuống sông.

Ông thường kể cho các con nghe những chuyện về nhân quả, lợi ích của sự niệm Phật... Đặc biệt, là cách thức hành trì trong đời sống hằng ngày:

- “... Con người sống đây như cõi tạm, con ơi! Đầy khổ sở!... Ráng niệm Phật cầu vãng sanh!”

- “... Môn niệm Phật dễ hành lắm, con ơi! Cuộc từng cuộc đất, bước từng bước đi, mình đều niệm Phật được. Vừa đi vừa niệm Phật thanh nhàn lắm con ơi!..”

Sau năm 1975, hai ông bà đồng phát tâm trường chay tu hành. Ngoài hai thời lễ Phật sớm chiều, ông còn tham gia cầu an, cầu siêu các nơi và dự khóa niệm Phật định kỳ mỗi tháng, ở nhà chư đồng đạo đó đây.

Nhà đối diện bên kia rạch, có người cháu sống độc thân, tu hạnh giải thoát, ông thương vị này lắm. Vị này thỉnh thoảng cũng sang chơi, ông thường khuyến khích:

- “Bác rất tin tưởng nơi cháu! Được thân người là dịp may muôn thuở... ráng tu mà giải thoát kiếp này! Ráng niệm Phật cầu vãng sanh... Cuộc đời này khổ lắm, ráng tu đừng có chậm trễ. Nếu để thời gian trôi qua rồi đâu kéo lại được, xong mất một đời, uổng lắm...!”

Ông còn đem kinh sách cho vị này tham khảo. Vì biết tuổi trẻ rất khó giữ vững lý tưởng giác ngộ, dễ bị sắc hương rù quyến, danh lợi cuốn lôi... nhất là những khi đường xa gánh nặng, mỗi bước chùn chân.

“ Có nhiều kẻ ngã lòng bỏ cuộc,
Dù đường tu đã bước bao năm.
Nhưng vì thiếu tự tín tâm,
Cho nên mới bị đời làm bỏ tu.
Những hôm sớm công phu từ trước
Khác nào cây thường được tưới tâng.
Gần ngày có trái sắp ăn,
Tự tay người nữ chặt phăng cội cành.”

Những năm tháng về chiều, công phu hành trì của ông càng cần chuyên tinh tấn. Thỉnh thoảng, ông cũng đan vài cái rổ, cái xé cho bà đi theo lối xóm bán, để đổi tàu hủ, tương chao... Ông làm với tính cách thễ dục, vừa làm vừa niệm Phật nên rất thư thả, thông dong. Bởi ông đã hạ quyết tâm:

“An phận nghèo,
Vui với Đạo!
Buông bỏ muôn duyên trần giả tạo.
Kiếp người định số đã an bày,
Quyết thẳng về Tây Phương ngồi sen báu.”

Và:

“Tóc sương thay mái đầu xanh,
Một đời sự nghiệp nghĩ thành không hoa!
Soi bốn phận, lánh đường tà.
Âm thầm thời tiết đổi.
Lặng lẽ tháng ngày qua.
Kíp mau tìm đến chơn thường lộ,
Dám chậm chờ xem bệnh tử mà!
Cõi Phật đâu xa cách?
Về chẳng chỉ tại ta!
Mỗi niệm chỉ cần không thối chuyển.
Ao vàng đã sẵn có Liên Hoa.
Thân tàn về cõi báu,
Sen nở thấy Di Đà!”

Năm 2000, lúc này ông 72 tuổi. Đêm nọ trong cơn ngủ nửa tỉnh nửa mê, ông nghe tiếng ồn ào của đoàn người đi ngang qua nhà. Có tiếng bước chân của ba, bốn người ghé vào gần tới cửa định gõ. Họ nói với nhau:

- “Bắt ông này đi! Bắt ông này đi!”

Bỗng, có tiếng của một ông cụ, cũng từ trong đoàn người ấy vọng lại:

- “Thôi! Ông già đó niệm Phật, hiền muốn chết mà bắt cái gì!”

Ông chợt giật mình thì hay trời đã giữa khuya.

Sức khỏe của ông rất tốt, quanh năm suốt tháng ít khi bệnh, dù chỉ bệnh xoàng.

Vào khoảng rằm tháng 10 năm 2002 ông bị cảm sốt dây dưa. Vài ngày sau, gia quyến đưa ông đi Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt điều trị mười ngày. Buổi đầu, bác sĩ chẩn đoán là viêm phổi. Sau đó, xác định là lao phổi, liền chuyển qua khoa lao. Vài ngày, khám kỹ lại thì bác sĩ chẩn đoán là không có lao, mà cũng không còn viêm phổi, bèn cho xuất viện ra về. Lúc này, sức khỏe của ông trở lại bình thường.

Về nhà được ba hôm, sáng ngày mùng 1 tháng 11 năm 2002 khoảng 10 giờ, ông lên con mệ, gia quyến chạy đi cho đồng đạo hay, cùng kéo đến hộ niệm. Ông nhờ người nhà thay y phục, đồng thời nói với mọi người:

- “Một giờ tui đi! Đi trước đám mưa!”

Chương trình trợ niệm bắt đầu từ 12 giờ, ông nép môi niệm theo. Niệm mãi cho đến 1 giờ 20 chiều, ông tự sửa tay chân, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, gương mặt tươi đẹp, nhuận sắc lạ thường. Ông hưởng thọ 74 tuổi.

Cũng cùng lúc đó, bầu trời đang quang đãng, bỗng nhiên kéo mây rồi đổ một cơn mưa. Mưa vài phút, vừa đủ ướt áo thì nắng chói chang trở lại.

Đồng thời cũng lúc này, một đám con nít vào đầy chật cứng cả nhà, đứng xếp hàng chấp tay niệm Phật, giọng rất đều và rất thành khẩn trang nghiêm!

Một liên hữu có mặt hết sức kinh ngạc qua hiện tượng kỳ lạ hiếm có này!

Bà vợ của ông tên là Nguyễn Thị Hoảng, hạnh đức và sự hành trì đại để tương tự như ông. Khi ông đã qua đời, bà thường hay nói:

- “Chùng nào tao mất, con cháu khỏi phải lo thuốc men, nuôi nấng, giặt giũ đồ đạc gì cho tao hết!”

Bà có thói quen là mỗi trưa đều đi tắm, tắm xong tự giặt đồ, rồi đến trước ngôi Tam Bảo lễ Phật.

Chiều mừng 3 tháng 2 năm 2004, bà hơi mệt. Các con đưa bà đến bác sĩ Huỳnh Lợi, ở Thốt Nốt chích thuốc. Tối về, bà khỏe lại bình thường.

Trưa hôm sau, khi tự tắm giặt xong, bà lên cơn mệt trở lại, giấy lát thì từ trần. Lúc ấy đúng 12 giờ trưa, ngày mừng 4 tháng 2 năm 2004, bà hưởng thọ 72 tuổi. Quả đúng y như điều hằng ngày bà thường nhắn nhủ.

(Thuật theo lời Trần Văn Hiền, Trần Văn Long, các con của hai ông bà và liên hữu Ba Tốt)

38. Ông Võ Văn Hên (1925 - 2007)

Ông Võ Văn Hên sinh năm 1925, cư ngụ tại ấp Phụng Thạnh II, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha là Võ Văn Dân, mẹ là Nguyễn Thị Lý. Ông có bảy anh em và đứng thứ Bảy trong gia đình.

Lúc lên 30 tuổi, ông kết hôn với bà Lê Thị Lân, sinh được năm người con, lấy “nghề nguội” (làm dao, búa...) để sinh nhai.

Tính tình ông rất hiếu thuận, cần kiệm, siêng năng, nhưng cũng rất dễ nổi nóng. Sức khỏe ông rất tốt, quanh năm, ít khi đau bệnh, cho dù cảm xoàng.

Vì gia cảnh bần hàn, cái ăn cái mặc tạo nên lắm nỗi vất vả, gian nan. Qua bao cuộc bể dâu xoay chuyển, ông ý thức được thực chất của kiếp người. Nó mong manh như hạt sương ban mai, nó ngắn ngủi như làn chớp chiều tà, tạm bợ tợ bọt bèo, giả dối đường mộng mị, sinh già, bệnh chết... là nỗi khổ đau chắc thật, luôn hiện hữu bên mình.

Năm 1975, ông phát tâm trường chay, sớm chiều lễ Phật tu trì. Từ đó, tính tình ông từ từ thuần hậu, tập khí giận hờn cũng được chuyển đổi rất nhanh. Ông cư xử với mọi người trong nhà, cho tới lối xóm, đều nhã nhặn, bao dung. Những gì bị mất mát, đều xem như không có, chẳng hề trách phiền, than kể... còn an ủi vợ:

- “Thôi! Kệ! Người ta hông có mới lấy của mình. Người ta dùng xài cũng như mình dùng xài chớ gì!”

Cũng từ đó, ông chuyên mặc đồ vật mề, chuyên đọc quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, nghe băng đĩa cũng chỉ Thi Văn Giáo Lý, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Mỗi khi có các đồng tu đến bàn luận đạo lý, khuyến tấn tu hành, ông rất đổi vui mừng.

Năm 1994, sau khi trợ niệm cho người anh thứ Hai được vãng sanh, ông càng tinh tấn thêm hơn. Xâu chuỗi chẳng giây phút nào rời tay, công khóa lễ bái chưa từng trễ sót. Ông thường khuyên nhắc các con cháu ráng lo niệm Phật tu hiền. Ông hay nói:

- “Mình lo niệm Phật tu hành, đó là làm riêng cho mình, nữa đem theo được, còn mình làm đây là làm chung, bởi vì tất cả đều bỏ lại!”

Đúng như lời khích lệ của cổ Đức:

“Gánh trần tục hãy mau quăng ném,
Để rảnh tay gói ghém sự tu.
Nào vừa hương bát nước công phu,
Nào tịnh niệm A Di Đà Phật.
Các ô nhiễm tâm vô nhứt vật,
Chỉ một lòng phước đức vun bồi.
Nơi Liên Hoa cửu phẩm chưa ngồi,
Thì nhất định chưa thôi niệm Phật.”

Và:

“Rùa quý mai, hạc quý mồng,
Thỏ chuột quý bộ tơ lông của mình.
Hoa khoe hương sắc đẹp xinh,
Sớm chiều ong bướm mặc tình ruỗi rong.
Hót hay chim phải vào lồng
Anh hùng xuất chúng vướng vòng hoa ương.
Ngựa tài ngày vạn dặm đường,
Đêm ngày phi tẩu nắng sương phủ phàng.
Kiếp người đầy nổi bất an,
Chỉ cầu Đà Phật Tây Phang đến liền.”

Đầu năm 2007, cơ thể ông bắt đầu suy yếu, sự ăn uống có phần trở ngại khó khăn. Đến cuối tháng 7 năm 2007, cơn bệnh bạo phát, các con đưa ông đi điều trị nhiều nơi, sau rốt qua Sa Đéc, một vị Tiến sĩ y khoa đã chẩn đoán là “ung thư dạ dày” và đề nghị thân nhân:

- “Nếu như muốn cho con cháu thấy mặt thì nên chở ông về nhà, vì nếu chuyển đi thành phố giải phẫu thì ông có thể mất trên bàn mổ!”

Gia quyến y theo lời thầy thuốc, ngày 23 tháng 7 năm 2007, đưa ông về nhà. Kể từ giờ phút đó, ông buông bỏ tất cả, không còn để ý đến gì khác ngoài chuyện niệm Phật cầu vãng sanh. Con cháu đều nài nỉ xin đưa ông đi bác sĩ để chích thuốc giảm đau hoặc vô nước biển cho khỏe hơn, ông một mực khước từ, chỉ uống nước trắng chứ không ăn, không uống bất cứ loại thực phẩm nào, suốt trong 21 ngày. Nhờ vậy, mà cơn đau tạm im, tinh thần vô cùng tỉnh sáng.

Ông lập ra thời khóa trợ niệm, bắt buộc con cháu phải tuân thủ, ông luôn theo dõi và đốc thúc giờ giấc. Cứ mỗi tối, sắp ghé ngồi có hàng, cả chục người đồng cao thanh niệm Phật. Ông nằm trên giường bệnh lắng nghe đếm thầm, chừng nào đủ số rồi mới cho đi nghỉ. Vì không quen nên chúng niệm không đều nhịp, người nhanh kẻ chậm. Ông nói:

- “Mấy đứa nên niệm theo giọng vợ Bé Sáu (cô này thường đi hộ niệm). Câu nào rõ ràng câu này...Đừng nên sọc dưa!...”

Ông còn căn dặn khi ông mất, con cháu phải bắt ghế ngồi cách giường xa xa, đừng đưng đến giường.

Suốt 21 ngày, thần trí của ông rất minh mẫn, luôn nhắc nhở con cháu cố gắng tu hành trong khi thể lực của ông dần dần tụt dốc. Tối ngày mùng 3 tháng 7 năm 2007, đến giờ niệm Phật hàng ngày, ông bảo mọi người niệm Tây Phương Tiếp Dẫn. Cô dâu Út kinh ngạc thưa:

- “Ba chưa chết sao lại niệm Tây Phương Tiếp Dẫn, thưa Ba?”

Ông giải bày rằng, muốn tập trước cho quen để đến chừng đó, khỏi phải lọng cọng.

Tất cả đồng niệm Tây Phương Tiếp Dẫn, được một lát thì ông bảo thôi, niệm sáu chữ trở lại bình thường như mọi bữa. Lúc này, các con ông có linh cảm ông sắp sửa ra đi nên đều túc trực hộ niệm suốt đêm. Đến 2, 3 giờ khuya, ông dặn dò lần cuối:

- “Chừng nào ba mất, các con ở lại ráng lo tu hiền. Mình không niệm Phật được nhiều thì niệm ít. Mình không lễ Phật được nhiều thì cúng lạy mỗi ngày hai thời... Cúng ngôi Tam Bảo và Thông Thiên thì chỉ cúng nước lạnh và bông hoa thôi, còn bàn thờ ông bà thì cúng chi cũng được!...”

Rồi ông niệm Phật theo âm thanh trợ niệm của mọi người. Tiếng niệm của ông nhỏ dần, nhỏ dần cho đến khi dứt hẳn, im lìm trút hơi thở cuối cùng, ra đi hết sức nhẹ nhàng thanh thản. Lúc đó, đúng 5 giờ 30 phút sáng, ngày mùng 4 tháng 10 năm 2007. Ông hưởng thọ 82 tuổi. Khi nhập mạch, khám nghiệm đỉnh đầu ấm nóng, mọi nơi đều lạnh.

39. Ông Võ Văn Phải (1915 - 1994)

Anh ruột thứ Hai của ông Võ Văn Hên tên là Võ Văn Phải. Vì cha mẹ đều mất sớm, ông Hai phải làm lụng vất vả, lo gánh vác gia đình, nuôi dưỡng một đàn em dại. Vì vậy, ông Hai thất học, chỉ biết một chữ ký và tên của mình mà thôi.

Ông Hai tính nết hiền hậu, thật thà, nói chuyện nhỏ nhẹ, dịu dàng. Cư xử với mọi người đều từ hòa, nhân hậu.

Mấy mươi năm bon chen trong xã hội để tạo nên chén cơm manh áo, quả thật quá đổi vất vả nhọc nhằn. Cuộc sống đầy khổ đau và tạm bợ giúp ông tỉnh ngộ chơn lý, thể hội sâu sắc hơn về thực chất của một kiếp người:

“Mới thấy đó mây xanh tóc sậm,
Bỗng nhiên rồi đầu tẩm sương mai.
Mắt lò tai điếc lạ thay,
Da dòn má cóp chơn tay mỗi lần.
Ma bệnh đến tử thần leo đẹo,
Cướp thầy người vôi kéo ra đi.
Mùi lòng tử biệt sinh ly,
Vợ con thân thuộc li bì nhỏ sa.

Thân người sống thịt da tươi tốt,
Khi chết rồi gân cốt lạnh tanh.
Bao nhiêu bả lợi mỗi danh,
Cũng không rờ nắm giữ giành với ai.
Dầu tiền bạc lâu dài muôn dặm,
Khi chết rồi cũng nắm tay không.
Chẳng đem một cắc một đồng,
Chỉ ôm tội phước trong lòng mà thôi.”

Ông trường chay tu hành rất sớm, con cháu không ai còn nhớ rõ là năm tháng nào. Khi các em đã yên thân, yên bề, ông Hai không lập gia đình, sống một mình, chuyên tu trong căn nhà nhỏ, cạnh gia đình người em thứ Bảy (Võ Văn Hên).

Ngoài kinh tế tự túc bằng cách trồng trọt vài thứ trên mảnh vườn nhỏ ra, hết thấy mọi thứ đều nhờ em cháu trợ cấp. Vả lại, ông Hai rất tri túc, ăn mặc đơn giản đạm bạc, nên nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho đời sống hằng ngày chẳng là bao. Nhờ vậy, sự tu rất thuận lợi dễ dàng.

Ông Hai thường khuyên nhắc con cháu tu hành, thấy ai tu được, ông mừng ghê lắm.

Mặc dù kém chữ nghĩa nhưng nhận thức về Phật pháp của ông vô cùng sâu sắc. Liên hữu Tư Đạm hay ghé để trao đổi đạo lý vì mến kính hạnh đức của ông. Thịnh thoảng, ông Hai Quán-bạn tâm giao- thường lui tới viếng thăm, ăn chung ngủ chung, bàn luận chuyện tu hành với ông rất tương đắc.

Khi tuổi hạc càng lên cao, công phu của ông Hai càng thâm hậu tinh thuần. Mỗi ngày ngoài bốn thời lễ lạy ra, ông dồn hết sức lực vào việc niệm Phật cầu vãng sanh, khuyên tấn những em cháu có duyên cố gắng tu hành, còn mọi chuyện dường như, ông chẳng còn để lại trong tâm.

Đầu tháng 7 năm 1994, ông Hai lên cơn mệt, thân nhân đưa đi bệnh viện chữa trị. Bác sĩ ở Cần Thơ chẩn đoán là “Tim thông”, khuyên nên đưa cụ về, đừng nên phẫu thuật vì cụ đã quá già rồi.

Về nhà, ông Bảy sắc thuốc Nam cho ông uống, bệnh tình tạm yên ổn đôi phần. Lúc này, ông ngồi niệm Phật nhiều hơn vì năm khó thở nên rất mệt.

Ngày mùng 10 tháng 9 năm 1994, khoảng 8, 9 giờ tối, ông Hai nằm được, nằm ngửa nghe khỏe, cảm thấy thoải mái. Ông Hai nói với ông Bảy:

- “Tao niệm Phật tới chừng nào mòn mỏi, đuối rồi ... thì mày niệm tiếp sức cho tao!”

Đêm ấy con cháu đều đi vắng chỉ có ông Bảy và bà Bảy bên cạnh săn sóc, hộ niệm cho ông.

Ông Hai niệm Phật tới khuya, âm thanh yếu dần rồi dứt hẳn, nhẹ nhàng qua đời. Lúc đó, đúng 11 giờ khuya, ngày mùng 10 tháng 9 năm 1994. Ông hưởng thọ 79 tuổi.

Hay tin ông Hai mất, con cháu và đồng đạo tới hộ niệm. Đến trưa khi nhập mạch, mọi người khám nghiệm thấy đỉnh đầu của ông còn nóng trong khi toàn thân đều lạnh.

Hiện thời, người niệm Phật rất đông nhiều, mà người vãng sanh thì quá ít ỏi. Lý do là hai chữ “hiếu thuận” không làm được, nếu có làm thì cũng qua loa sơ sài, hay phô trương hình thức, chứ không tận tâm tận lực thực hiện. Qua câu chuyện trên, chúng ta nhận thấy, ông Hai đã dùng hết quãng đời thanh xuân, son trẻ của mình để hoàn thành bốn phận huynh trưởng. Đây quả thật là một tấm gương hết sức quý báu, đáng để cho chúng ta noi theo. Một liên hữu trong Ban Hộ Niệm đã cảm kích, kính tặng ông mấy câu thơ:

“Cung kính dâng Người một nén hương,
Lòng nguyện với lòng: Gắng noi gương.
Đạo nhân cố sức làm chân thật,
Hồi hướng Tây Phương ắt thuận đường.”

(Thuật theo lời Võ Văn Sáu- con của ông Bảy, và cháu của ông Hai)

40. Thầy Bửu Hạnh (1927-1990)

Thầy Bửu Hạnh thế danh là Võ Văn Hai, sinh năm 1927, nguyên quán xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Thuở 9 tuổi, thầy tham gia kháng chiến chống Pháp, mãi đến năm 1954, các bạn bè đều tập kết ra Bắc, thầy ở lại tiếp tục công tác chuyên ngành quân y.

Khi lên 27, thầy kết hôn với bà Nguyễn Thị Út, sinh được bảy người con, bốn trai, ba gái.

Năm 1966, vì chiến cuộc ác liệt, thầy dời nhà về Gò Vấp, Sài Gòn.

Ba năm sau lại về huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Đôi phen thay đổi chỗ ở, năm 1970, gia đình thầy mới thực sự định cư tại ấp Thuận Tiến, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Thầy sinh sống bằng nghề y tá, do tay nghề khá cao nên sự thu nhập thuận lợi, sinh hoạt gia đình tương đối phong phú.

Mặc dù, chưa thâm hiểu gì nhiều về Phật Pháp, nhưng thầy giàu lòng thương người, điểm đặc biệt là ưa thích thực chất chứ không chuộng hình thức, hư danh. Hằng năm, vào những ngày rằm lớn, thầy trị bệnh miễn phí, ngày đó, cho dù nửa đêm nửa hôm, có ai gõ cửa, thầy vẫn chích thuốc phát thuốc, không lộ vẻ bức bối khó chịu.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, thầy công tác tại Bệnh Viện Đa Khoa Bình Minh.

Năm 1978, thầy đến quy y với Thượng Tọa Thích Giác Thới ở Xóm Chày, được pháp danh là Bửu Hạnh và bắt đầu ăn chay, dần dần thầy dùng chay trường. Đồng thời nghiên cứu, đọc tụng các kinh điển đại thừa, nhất là kinh Kim Cang, kinh Duy Ma Cật và lần chuỗi niệm Phật.

Ít lâu sau, cô bạn đường phát tâm xuất gia, thuộc hệ phái Khất Sĩ, pháp danh là Chơn Liên, lần lượt đến hai cô con gái, một vị pháp danh là Liên Huệ, còn một vị là Diệu Thông.

Từ nhiều đời, trong thân tộc có lệ, cứ ba năm thì phải tổ chức lễ cúng một con heo, kể từ khi trưởng chay, thầy bỏ hẳn tập tục này, đổi lại cúng chay. Vì thế, có nhiều người trong gia quyến phản đối kịch liệt, nhưng thầy vẫn giữ vững lập trường của mình.

Bên cạnh đó, thầy còn mang hết gia sản: ba hộp vàng lá mà mình đã tích chứa từ lâu cùng với của hồi môn dành riêng cho từng người con, đều dùng vào công việc từ thiện. Có điều đáng kính phục là thầy không ý vào vị trí quyền lực làm cha của mình mà tự tiện hành động. Trước khi làm, thầy họp mặt toàn thể thành viên trong gia đình lại, rồi giải thích rõ về giá trị của sự giúp đỡ những kẻ đang lâm vào hoàn cảnh hoạn nạn, khốn cùng... san sẻ vật chất, thể hiện tình người, thể hiện tình tương thân tương ái với nhau, giữa cõi bụi hồng, vốn dĩ lắm nỗi thăng trầm đau thương, đầy tan tóc, để cho các con đều hoan hỉ hưởng ứng công việc phúc lợi này.

Hình thức cụ thể là thầy mua 10 bao gạo chỉ xanh, ai đến xin thì cho, chẳng kể lạ hay quen, xa hay gần, nhà mấy người thì cho mấy lít. Cứ hết 10 bao này thì mua 10 bao khác, chừng sạch tiền thì thôi. Khi có tiền thì làm tiếp.

Còn bệnh nhân nào quá nghèo thì thầy trị bệnh miễn phí. thầy còn che một cái nhà cho những bệnh nhân tạm trú. Có nhiều cô gái giang hồ khi bệnh không tiền lo thuốc, sau thời gian điều trị lành, cảm ân đức của thầy, đều gọi là cha nuôi, trước khi giã biệt. Vì vậy, mà thầy làm cha nuôi rất nhiều người. Đây thật sự tương ứng với lời khai thị:

“Tu không phải với Trời với Phật,
Mà phải tu với vật với nhân.
Muốn tu thành Phật thành Thần,
Phải nên bố đức thi ân cho người.
Làm một việc một lời ân đức,
Hơn ngàn ngày kinh Phật tụng suông.
Thấy người khổ động lòng thương,
Đức cao hơn kẻ niệm suông Di Đà.
Phước do bố thí ra mà có,
Đức do lòng cứu độ mà sanh.
Ngôi Tiên quả Phật muốn thành,
Do điều bố thí do tình độ dân.”

Năm 1980, thầy xin chuyển công tác về trạm y tế xã, để có rộng thời gian công phu trì niệm hơn, vì trực ở tuyến xã, một tuần chỉ có vài buổi.

Có dạo, thầy ăn gạo lứt muối mè gần ba năm. Một hôm đang ngồi tu, có con rít lớn đến kẹp, mà thầy chẳng có cảm giác đau đớn gì cả, rồi lấy cây khều ra, chỉ cho các con của thầy xem.

Mãi đến năm 1988, thầy bị tai biến mạch máu não liệt nửa người. thầy không chịu đi bệnh viện, nhưng các con nóng lòng chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Ở đây, thầy châm cứu vài ngày thì xuất viện.

Về nhà, sức khỏe dần dần hồi phục, có thể đi tới lui gàn gàn. Thời gian này, thầy chuyên tu nhiều hơn, đọc kinh sách nhiều hơn, tay lần chuỗi niệm Phật cũng nhiều hơn. Kế đó, thầy cung thỉnh Thượng Tọa Thích Giác Thới về tại nhà rồi làm lễ phát xuất gia. Kể từ đó, nơi gác lầu tư gia, thầy chuyên cần hành trì tu niệm, tay lúc nào cũng không rời chuỗi.

Vào cuối tháng giêng năm 1990, thầy bảo con đi mời thợ nhiếp ảnh đến để chụp hình cho mình, vì mình sắp sửa ra đi. Khi thợ đến, thấy dáng mạo quốc thước của thầy, người nhiếp ảnh liền hỏi:

- “Thầy Thầy còn khỏe quá mà chết cái gì?”

Ông an nhiên đáp:

- “Thì cứ chụp đi! Ba tháng nữa là tôi chết!”

Đến cuối tháng tư vào giữa đêm, thức giấc, thầy hỏi người con trai thứ Tư ngủ gàn.

- “Mấy giờ rồi?”

Con thầy đáp:

- “Dạ thưa Ba! Một giờ rưỡi rồi!”

Ông liền lấy phấn ghi vào vách hai hàng chữ. Hàng trên viết:

“1 giờ 30”. Hàng dưới, gạch đầu dòng viết: “3 giờ 30, Ba theo Phật”.

Ghi xong, thầy nằm ngửa trên giường, tay cầm chuỗi, im lặng niệm Phật.

Người con trai thứ Hai ngủ ở nhà trước nghe động, lồm cồm ngồi dậy, bụng nguyên bộ đồ nghề y tá vô. Thấy thế, anh bèn cấp tốc chạy đi cho mẹ là Ni Sư Chơn Liên đang ở Tịnh Thất An Lạc hay (Tịnh thất cách nhà một đôi). Ni Sư liền dẫn toàn bộ Ni chúng về, đồng thời cung thỉnh vài vị Sư đến hộ niệm.

Trợ niệm tiến hành mãi cho đến 3 giờ 30 phút, hơi thở thầy yếu dần, mọi người cố gắng hô to Phật hiệu.

Trong gia quyến đã tụ hội đầy đủ, chỉ còn cô con gái út là Diệu Thông, đang tu ở chùa Quan Âm tại Hội Bài, Bà Rịa Vũng Tàu, không liên lạc được vì cô đang trên xe về Hà Tiên để bán nhang cho chùa. Khi cô đến Bắc Bình Minh thì cảm thấy trong người nóng bức lạ thường, linh cảm có điều gì không hay xảy ra, cô bèn gọi hết số hàng định bán, nhanh chóng lên xe quay về

thăm nhà, vì nhà ở gần đó. Khi cô vừa bước vào cửa, nhìn mặt thầy, thì cũng giây phút ấy, thầy trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh trầm hùng của câu Hồng Danh Vạn Đức.

Lúc ấy, vừa đúng 7 giờ 30 sáng, ngày mùng 1 tháng 5 năm 1990. Cụ hưởng thọ 63 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì. Đến 5 giờ sau, chư Sư khám nghiệm thì thấy đánh đầu của thầy hãy còn nóng ấm.

(Thuật theo lời Võ Văn Đáng, Pháp Danh ĐỊNH TUỆ, con của ông)

41. Ông Đỗ Thanh Sơn (1959 - 2006)

Anh Đỗ Thanh Sơn sinh năm 1959, tại phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên. Cha tên Đỗ Văn Sét, mẹ là Trần Thị Chính. Anh có tất cả là mười anh em và đứng hàng thứ Năm trong gia đình. Biệt hiệu là Năm Cao.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh kết hôn với chị Hồ Thị Liên, sinh được bốn người con, hai trai, hai gái. Anh sống bằng nghề thợ mộc.

Anh có đức tính chân thật, nhân nhượng, giàu lòng thương người, giúp người nên được mọi người thương mến.

Nhờ hấp thụ gương hạnh của thân phụ, năm 20 tuổi anh phát tâm trường chay, sớm chiều lễ Phật, nồng nhiệt tham gia các công tác từ thiện xã hội, bảo chế Đông dược thành phẩm, biếu tặng khắp các nơi. Vợ con đồng chí hướng nên đã hỗ trợ, nung đúc anh thêm. Ngoài việc đích thân làm mẫu mực cho các con noi theo, anh còn khéo léo đem đạo lý để cư xử hài hòa êm đẹp, giảng giải tỏ tường:

- "...Khi mẹ giận, mẹ la rầy con. Biết chắc rằng, điều la rầy là không đúng nhưng con cũng không được cãi lại! Chờ dịp khác, từ từ trình bày sau..."

...Còn đối với thầy thợ làm công cho nhà mình (con anh mở dịch vụ Quảng Cáo), mình đừng so đo tính toán quá. Lỡ làm hơn một buổi thì xem như một ngày, còn những trường hợp hơi vất vả, phải thêm tiền bồi dưỡng. Vấn đề tiền bạc, con nên rộng rãi, thoải mái một tí...

...Con không được có tư tưởng chủ - tớ. Phải tôn trọng người làm, xem nhau như bạn, những việc nặng nhọc phải nhảy vô tiếp giúp một tay!..."

Khi rảnh rỗi, anh thích đọc kinh sách lắm, nhất là quyển "Khuyến Thiện" và nhiều băng đĩa Phật Pháp khác. Những quyển sách hay, xem xong, anh đều đưa cho các con đọc qua.

Đường lối tu hành chủ yếu của anh là: "Cố chí làm lành" rồi "Chuyên niệm Phật" để "Cầu sanh Phật Quốc". Thế nên, ngoài hai thời lễ niệm, anh đều nhiếp tâm trì câu Vạn Đức Hồng Danh

trong mọi oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi...sao cho không gián đoạn vì e rằng, nếu cù cưa sẽ lỡ làng, uổng phí một kiếp người nên anh hạ quyết tâm như lời khai thị của Cổ Đức:

“Rõ cảnh mộng chớ quanh đường mộng,
Biết miền chơn, kịp chóng tu chơn.
Dần dà tính thiệt so hơn,
Tuổi xuân qua mắt để hờn về sau.
Sáu chữ Phật cùng nhau gắng niệm,
Chín phẩm đài sẽ chiếm ngôi vinh.
Chớ nên mình phụ lấy mình,
Trách sao Viêm Chúa vô tình chẳng dung.
Bỏ điều ác thuận từng nẻo thiện,
Chừa lỗi xưa, tu tiến đường sau.
Lại vì quyên thuộc bảo nhau,
Cùng khuyên già trẻ sớm mau tu trì.
Khiến mỗi kẻ đều quy bốn giác,
Cho muôn người đồng thoát sông mê.
Dù trong lao khổ dám nê,
Đài sen đốt mảnh hương thề nguyện xin.
Nguyên xin quyết vững tin với Phật,
Nguyên từ nay khép chặt phòng thu.
Nguyên kiếp này gắng công phu,
Thân người dễ mất quả tu khó thành.
Âm thầm trì niệm đêm thanh,
Rõ ràng từng chữ Hồng Danh nối liền.
Thân - tâm xả, hết muôn duyên,
Thế Tôn dành sẵn Kim Liên một tòa !.”

Có lần, anh nói với vợ:

- “Tui ráng làm, lo cho các con ăn học khôn lớn và có nghề nghiệp là tui nghỉ làm thợ, để lo làm việc từ thiện và chuyên niệm Phật đặng vãng sanh Cực Lạc. Hiện nay, mình còn sống đây, nếu chừng nào, biết mình sắp chết thì mình phải buông xuôi hết tất cả, để chuyên lo niệm Phật thì chắc chắn Phật đến rước!”

Sự công phu hành trì của anh đều đặn và bền bỉ như thế, suốt hai mươi năm. Vào khoảng tháng 2 năm 2006, anh bị nóng sốt, đưa đến bệnh viện Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, bác sĩ chẩn đoán là “viêm gan siêu vi B” và còn cho biết là bệnh này khi bộc phát thì dễ bị hôn mê lẫn.

Anh nói với vợ:

- “Người ta mà để hôn mê thì thất bại lắm! Mình phải ráng niệm Phật sao cho đừng hôn mê, nếu hôn mê là dở.”

Trong hai tuần điều trị tại bệnh viện, anh tha thiết niệm Phật thành tiếng, nghe rất rõ ràng rành rẽ. Lắm lúc, anh nóng sốt tựa hồ như đi vào trong trạng thái hôn mê, anh cố niệm lớn lên, cả phòng đều nghe.

Bữa nọ, anh kêu vợ lại nói:

- “Tui đang niệm Phật, mơ màng thấy chiếc xe Chữ Thập Đỏ, đậu ở cửa bệnh viện Đại Học Y Dược và có hai người tướng hình to lớn đến nói: “Chùng nào ông đi ra, ông lên xe này, chúng tôi rước ông”. Tui thầm nghĩ, nếu Phật đến rước thì phải có hào quang hay là hình Đức Phật, hoặc hoa sen trang nghiêm tử tế hiện tới. Còn mấy tên này làm như vậy, kỳ lạ quá! Tui càng tha thiết niệm Phật liên tục thì chúng mất, nhưng vừa mê mê thì thấy họ khiêng băng ca tới nói: “Chùng nữa, ông lên đây tui tui rước ông!” Những khi mơ màng thì hiện những cảnh ấy nữa. Tui bèn phát nguyện: “Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô Phật Tổ, Phật Thầy từ bi gia hộ cho con: Nếu con tới số thì nhờ Đức Phật A Di Đà đến rước con vãng sanh về Cực Lạc; Nếu con chưa tới số, nhờ Phật độ con hết bệnh, con về nhà, nghỉ nghề thợ mộc và nguyện hy sinh hết thân này, đi làm từ thiện xã hội, lo tu hành tạo phước đức cho đến khi nào đủ duyên, Phật đến rước con về Cực Lạc. Nam Mô A Di Đà Phật!” Nguyện xong, tui không còn thấy mấy người và chiếc xe đó nữa!”

Bệnh thì thấy không thuyên giảm, anh xin bác sĩ về nhà một tuần lễ, sau sẽ lên điều trị tiếp. Trên đường về, anh nói với vợ:

- “Nếu tui bỏ xác vãng sanh thì đem tui vô lò thiêu!”

Đến nhà, anh không tiếp khách, chỉ ở trong phòng chuyên tâm niệm Phật, đúng bảy ngày.

Ngày 14 tháng 4 năm 2006 buổi sáng, thấy anh yếu dần, đồng đạo và thân quyến xúm lại hộ niệm. Anh yêu cầu khi niệm, chỉ một người niệm, số còn lại lắng lòng lắng nghe. Phải niệm thật chậm, niệm từ chữ, từ câu cho anh niệm theo.

Hộ niệm đến 2 giờ chiều, anh nhẹ nhàng nương câu Phật hiệu mà qua đời. Anh hưởng dương 47 tuổi. Gia đình y theo lời dặn, đưa nhục thân anh vào lò thiêu Phú Hòa.

Trong giây phút hộ niệm cho anh, cô con gái thứ Ba (Ngọc Thư), xưa nay cô có lập trường nguyện tu hạnh giải thoát, dù không mang hình thức người tu, cô mong mỗi Ba mình chắc chắn được vãng sanh và nhứt định phải báo cho mình một điềm lành nào đó, để mình an tâm giữ vững đường hướng mà mình đã chọn. Câu niệm Phật của cô cứ vương vấn niềm cầu mong, trộn lẫn lòng chí thành tha thiết. Ngay phút giây anh lìa trần, bỗng xuất hiện một luồng gió thơm mùi hương lạ, từ trong phòng phát ra, phất nhẹ qua mặt cô, làm cho cô tỉnh sáng, tâm ý an định, nỗi hoài mong được lời giải đáp, lòng tràn đầy vui sướng, tâm hồn thơ thới lâng lâng.

Trong khi chờ đợi thiêu hóa hài cốt, thì người chị thứ Ba đến nói:

- “Trước đây chị có nghe người ta nói, người nào tu hành niệm Phật chính chắn khi bỏ xác, thiêu sẽ có Xá Lợi. Còn chú Năm ăn chay cũng lâu và khi bệnh cũng tha thiết niệm Phật, vậy hãy vô lò thiêu kiếm Xá Lợi, chớ bỏ uổng lắm!”

Nghe vậy, con cháu anh vô lò thiêu thì lúc ấy, nhân viên lò thiêu đưa ra, thấy xương thì màu trắng nhưng có nhiều cục to, nhỏ, đen, xám khác lạ. Thấy vậy, con cháu anh nhặt khoảng hai mươi viên, đem về để trên bàn thờ của anh. Những viên đó khi ánh nắng rọi đến thì phản chiếu ra nhiều màu sắc.

Thời gian sau, có những Sư Cô từ Canada về, nghe tin ghé viếng, quý Ni hết lòng trân trọng và cung kính bưng những hạt Xá Lợi ấy, quỳ xuống để trên đầu vái:

- “Ngài ơi! Ngài độ cho con tu hành giống như Ngài!”

Vợ con anh nghe thấy quý Sư Cô thành kính nguyện vái như vậy, ai nấy đều rung mình cảm kính.

(Thuật theo lời chị Năm: Hồ Thị Liên và con trai của anh)

42. Ông Nguyễn Thành Tâm (1969 - 2006)

Anh Nguyễn Thành Tâm sinh năm 1969, cư ngụ tại Thới Lai. Sau, di chuyển về xã Thuận Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Kế lại, qua Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Cha tên Nguyễn Văn Bé, mẹ là Nguyễn Thị Diệu. Anh có tất cả bốn anh em và đứng thứ Út trong gia đình.

Năm 31 tuổi, anh kết hôn với cô Nhan Thị Lệ Thủy, sinh được hai người con. Hai vợ chồng sinh sống bằng nghề buôn bán nhỏ.

Tính tình anh hiền hòa và nhân hậu. Thuở ấu thơ (11 tuổi) đã phát tâm trường chay, thờ kính Tam Bảo, niệm Phật làm lành. Anh rất thích đọc học kinh sách.

Dần dần, sự tu tập cũng tiến triển theo thời gian. Anh tự nỗ lực hành trì mà không cần người sách tấn. Công phu sớm tối mỗi buổi là 2 tiếng đồng hồ, kể cả lúc lập gia đình cho đến ngày ra đi, dù bon chen vật lộn với cuộc sống, thời khóa chưa từng thay đổi.

Nhờ gặp phải cô vợ chất phác nhu thuận, nên đời tu của anh tương đối “xuôi gió thuận buồm”. Sau khi kết hôn hai tháng, là cô cũng tu tập giống hệt như anh. Đặc biệt là trì tụng kinh Kim Cang và kinh Vạn Phật, đồng thời niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Đại Sĩ cầu sanh Tây Phương.

Anh thường đem Phật Pháp để giảng giải cho vợ nghe, an ủi và khích lệ cô tin sâu nhân quả, để được bình an khi phải đối diện với giông bão của cuộc đời. Dồn hết niềm tin, an trú vào chư Phật và chư Bồ Tát, những khi hữu sự cần phải chí thành xưng niệm danh hiệu của Ngài! Như lời của Cổ Đức đình ninh khuyển bảo:

“Niệm Phật bằng tất cả tấm lòng son,
Chỉ một niệm đủ thân Phật hiện.
Mẹ đây con! Niệm cho liền miệng,
Chẳng thành tâm dầu niệm bao lâu.
Phật cũng không hóa hiện đến đâu,
Cầm chẳng có ứng nào có được.”

Còn chuyện quan hệ làm ăn, anh xem nhẹ vấn đề tiền bạc. Đôi lúc, đi thu gom nợ, thấy người ta lâm cảnh khó khăn bứt ngất, chẳng những anh không nõ đòi mà còn cho tiền ngược lại thêm.

Về nhà, vợ của anh biết được liền than thở:

- “Chèn ơi! Tính của anh như vậy, làm sao làm chuyện lớn được!”

Anh nói:

- “Thôi kệ đi! Mình làm, Phật Trời cho mình ăn thì tốt hơn!”

Có lần, vợ anh vừa cầm một chỉ vàng được một triệu mang về, gặp lúc có người đàn bà lỡ đường đang con duyên phận bi đát, anh lấy 400.000 đồng biếu tặng, cô vợ đành miễn cưỡng tùy hỷ theo anh.

Vào dịp rằm lớn trong năm, anh thường mua gạo mang đến chùa gần nhà để quý thầy phân phát cho các gia đình nghèo.

Quán ăn của anh, cặp vách là nhà người chị ruột có bơm gas bán lẻ.

Khoảng 10 giờ ngày 12 tháng 7 năm 2006, cô gái làm công cho anh, vào phòng bơm gas mà không khóa kỹ, anh chạy vô khóa lại nhưng không kịp, bình gas nổ một tiếng thật lớn. Vợ anh chạy vào thì thấy anh đi ra, mặt mày mình mẩy đều đen thui, cô òa lên khóc. Anh trấn tĩnh:

- “Không sao đâu! Mình ra Bệnh Viện, người ta chữa trị, chớ có gì mà lo!”.

Nói xong, anh bước lại tủ, mở tủ lấy bộ đồ mới mặc vào, rồi ra lên xe taxi đến Bệnh Viện Kiên Lương. Vì bồng nặng quá nên chuyển lên Bệnh Viện Kiên Giang, sau đó ra Bệnh Viện Chợ Rẫy TP.HCM.

Diện tích phòng rất lớn, hình như khắp cả mình, mặt ,tay, chân đều có đủ. Vợ anh mỗi bữa trông thấy các bệnh nhân thay băng ai nấy đều rên đau, kêu Trời kêu Phật, có người khóc suốt cả ngày, còn chồng mình chẳng thấy phản ứng gì. Cô lấy làm lạ, liền hỏi:

- “Anh, bộ hông có đau hay sao mà thấy anh im ru vậy?”

Anh đáp:

- “Con người ta ai mà không biết đau. Đứt ngón tay có một chút mà còn đau, hà huống phỏng như vậy... Nhưng mà mình đã là người biết ăn chay, biết niệm Phật, thì mình phải biết kiềm chế, không thể nào rên than được. Vả lại, đâu có gì ngoài nhân quả đâu! Lúc trước, mình đã vay thì bây giờ, phải vui vẻ mà trả, phải chấp nhận với số phận của mình!”
Ngưng hồi lâu, rồi anh nói tiếp:

- “Anh lâm cảnh ngộ như vậy là do kiếp trước, anh đã tạo ác nghiệp rất nhiều. Mà em ưng anh làm chồng thì chứng tỏ rằng kiếp trước, em cũng đã tạo ác nên mới gặp anh. Vậy thì thôi, em đừng hờn trách, buồn phiền chị và cô làm công gì cả!”

Đúng như lời răn nhắc của cổ nhân:

Con ơi ! Trong cảnh trần lao,
Chúng sanh lẫn lộn chùng nào mới thôi.
Xưa nay cứ mãi luân hồi,
Trả vay nghiệp hoặc cuốn lôi không ngừng.
Có thân chẳng liệu lấy thân,
Chung qui đưa đến mộ phần vô duyên.
Hiện thân hưởng của nghiệp tiền,
Lai sanh chịu lấy ác duyên đương đời.
Chúng sanh trong lúc hiện thời,
Sao không nghĩ đến cuộc đời mai sau.
Luật nhân quả chẳng sai đâu,
Ác sanh nhứt định đáo đầu ác lai.
Mê trần nên mới bào thai,
Chớ không phải tự nhiên đầy ra đầu.
Sanh ra nơi cõi mê sâu,
Suốt đời có thấy ai đâu lạc nhàn.
Cánh hoa hết nở rồi tàn,
Nửa chừng sâu bọ cắn ngang là thường.
Xác thân xét lại tận tường,
Cùng hoa kia cũng một đường khác chi.
Mây trần không ngớt phủ vi,
Chúng sanh chẳng thấy những gì xa xôi.
Thế gian nay lỗ mai bồi,
Phật đài luôn được an ngồi bình thân.
Cũng do lòng chẳng mê trần,
Nên không luân lạc xoay vần trong mê.
Lòng ưa nơi cõi Liên Huê,
Cho nên thân được dựa kê Đài Sen.

Suốt hai mươi mấy ngày liền, bệnh tình của anh dường như chẳng hề suy giảm. Chiều ngày 4 tháng 10 năm 2006 vợ anh vẫn đút cơm cho anh như thường lệ, thấy chồng ăn ít quá nên cô đâm ra lo lo, linh cảm dường như sắp xảy ra chuyện gì.

Đến tối, khoảng 10 giờ, anh nhờ vợ lấy khăn trắng nhúng nước, lau mình cho sạch sẽ. Lau xong, nhờ đỡ dậy, bèn nói với vợ.

- “Mình bình, thôi bây giờ, mình chỉ biết cầu với Bồ Tát thôi! Chứ không ai cứu mình nổi! Thôi, anh lạy Bồ Tát để Bồ Tát giúp anh!”

Nói xong, anh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm 4 lễ, rồi nhờ đỡ nằm xuống. Liên nói:

- “Cái nghiệp của anh tuy là nặng. Kiếp này là nặng! Nhưng mà kiếp sau, anh khỏe lắm! Từ trước đến giờ, anh có dạy cho em những gì hằng ngày, sau này anh có chuyện gì thì em hãy nhớ những điều đó mà làm theo...”

Khi người thân mình mất!... Bất cứ là ai. Đặc biệt, là mình không được quyền khóc. Mình phải đứng kể một bên niệm, dù mấy tiếng Phật cũng được hết. Đó là mình thương người đó đó! Cái đó là em thương anh đó! Em tiễn anh đi về một nơi an lành. Còn nếu mà em nói tiếng thương... Vợ chồng ai mà hồng thương... Nhưng mà em khóc, cái đó xem là không thương! Tại vì, em giữ anh lại, em lôi anh xuống “Địa ngục”. Còn em đứng, em niệm Phật cho anh, đó là thứ tình em đối với anh tốt rồi đó!

Anh dạy em hằng ngày làm sao, em ráng nhớ và làm theo y như vậy. Được vậy là anh vui lắm rồi...! Nhưng mà biết chắc là em không niệm thì anh cũng vẫn đi về trên. Em hãy yên tâm về chỗ đó đi! Tại vì, anh đã tu mỗi ngày rồi. Anh đã biết, anh chọn con đường anh đi về đâu rồi! Cho nên trong lúc này, anh bị như vậy, anh không có buồn. Giờ phút đi theo Phật thì anh phải đi...

Em còn trẻ, trước hết trên đường tu, em phải biết tu hành! Đừng nên nghĩ đến chuyện gì khác hết. Em hãy ráng nhớ lời anh dặn. Em đừng nên nghĩ suy vu vơ...!”

Dặn dò xong, anh tự sửa mình trang nghiêm, hai tay xuôi xuống, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Cô vợ bèn kê miệng vào lỗ tai của anh, niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát 10 lần. Rồi chắp hai tay lại nguyện:

- “Hôm nay là ngày mùng 4 tháng 10 năm 2006. Chồng con tên là Nguyễn Thành Tâm vừa từ trần. Ngưỡng mong Đức Đại Từ Bi Quan Thế Âm Bồ Tát tiếp dẫn vong linh chồng con được vắng sinh về thế giới Cực Lạc!”

Lúc đó, đúng 10 giờ 30 đêm. Anh hưởng dương 37 tuổi.

Nỗi hoài nghi về sự ra đi của chồng cứ mãi canh cánh trong lòng. Đêm tuần thất thứ hai vừa xong, đến giờ ngủ, vợ anh hướng mắt nhìn về phía bàn vong, bỗng nhiên hình hoa sen nơi linh vị chuyển động và tỏa ánh sáng, giống như hệ thống đèn điện trang trí nơi các hào quang Đức Phật. Cô giật mình trừng to mắt ra, đồng thời tự nghĩ:

- “Mình đâu có nằm chiêm bao đâu ta! Mình đâu có gắn điện đâu mà sao kỳ lạ vậy!”

Rồi, cô bước lại lấy tay sờ thẳng vào, không phát hiện được điều gì cả, ánh sáng vẫn tỏa chiếu ra xung quanh. Tần ngần giây lâu, cô mới rút một nén hương, đốt lên, trầm khấn nguyện:

- “Nếu anh vắng sanh rồi, linh ứng báo cho em điềm này, thì như vậy đã đủ rồi!”

Khấn vừa xong, xem lại thì hiện tượng kia biến mất. Một lần nữa, cô đưa tay sờ vào linh vị, chạm phải giấy mực chứ chẳng có chi cả!

Bảy tuần thất vừa kết thúc. Hôm đó chị nằm mơ, thấy mình cùng nhóm bạn đến chùa làm công quả. Khi đã nấu nướng dọn dẹp xong xuôi, mọi người đồng kéo nhau đi nghe thuyết pháp. Khi đến nơi, cô thấy trên giảng đài có bày biện rất nhiều hoa, muôn màu vạn sắc, thật long lanh. Pháp Sư đang ngồi trên đó lại chính là chồng mình, mặc áo tràng màu vàng, uy nghiêm rực rỡ. Phía dưới, thính chúng có hơn ngàn người, im lặng lắng nghe. Sau buổi thuyết giảng, Pháp Sư gọi riêng cô lại, mời cô ngồi, rồi kể cho cô nghe một câu chuyện, đại để thế này:

“Thuở xưa, có cô tiểu thư con nhà trưởng giả, đã phải lòng một chàng thanh niên thuộc giai cấp cùng đinh, tức là người đầy tớ trong nhà mình. Họ đã bỏ trốn thật xa, đi tìm nơi xây tổ ấm. Mấy năm sau, sinh được hai đứa con. Cho đến ngày nọ, cô quá nhớ nhà, đòi về nhiều phen nên ông chồng miễn cưỡng chấp thuận.

Khi về giữa đường, rừng núi cheo leo, trời giông tố đổ xuống ầm ỹ. Không may, ông chồng bị rắn độc cắn chết, một đứa con bị nước suối cuốn trôi, một đứa bị cọp tha mất. Nỗi đau chưa hàn gắp thì hay tin cả gia quyến đều chết do nhà sập, trong cơn bão tố vừa rồi. Buồn thảm trào dâng tột độ, cô gần như mất trí hoàn toàn. Nhưng sau đó, nhờ gặp Phật, nghe pháp tu hành, chứng thành đạo quả.”

Cuối cùng, anh kết luận:

“Người ta như vậy đó! Cùng một lúc, nhiều người thân mất đi, thế mà vẫn tu hành thành tựu... Còn em chỉ mất có một người, sao chẳng bắt chước học theo? Vả lại, anh đã vắng sanh Cực Lạc, đâu có rơi Địa Ngục đâu mà em buồn!

Lần này, anh cho em gặp để em khỏi phải uất ức. Từ đây về sau, anh sẽ không cho em thấy nữa!”

Giấc mơ đã thật sự làm cho cô bay mất mọi nghi ngờ và cũng đã nhiều năm qua rồi cô cũng không hề nằm mộng gặp lại chồng mình lần nào nữa cả!

(Thuật theo lời cô Nhan Thị Lệ Thủy, vợ của anh)

43. Bà Đoàn Thị Yến (1936 - 2009)

Bà Đoàn Thị Yến sinh năm 1936, số nhà 321/12, ấp Trung Bình I, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Vàm Cỏ Vồn đi vào 130 mét, phía bên phải). Thân phụ là cụ ông Đoàn Văn Đãi, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Kiềm, chuyên nghề làm ruộng. Bà đứng thứ hai trong gia đình, chỉ có duy nhất một người em trai.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Huỳnh Văn Đồng, cùng hương thôn, sinh bảy người con, ba trai, bốn gái. Hai ông bà đều có đức tính hiền lành, thật thà, chất phác, rộng lòng thương giúp người. Quanh năm, miệt mài đồng án, gót chân chưa hề lai vãng chốn phồn hoa.

Năm 1964 (lúc bà 27 tuổi), Hội Quán của Ban Trị Sự xã Vĩnh Trạch được thành lập, đoàn thuyết trình của ông Hai Tho và ông Hai Mù Tiễn thường đến diễn giảng Phật Pháp, bà cùng chồng đồng tham dự. Bà lại còn đăng ký vào ban hậu cần. Thỉnh thoảng, có cùng các bạn là Trần Kim Lợi, Trần Kim Khâu... đi các nơi diễn đọc sám kinh, vì giọng ngân nga của bà rất tốt. Trong thời gian này, hai ông bà ăn chay mỗi tháng sáu ngày. Ngoài công phu lễ Phật và niệm Phật sớm tối ra, ông bà rất hăng hái trong việc làm phước thiện, chẳng quản khó nhọc, tốn kém tài vật, hết lòng đùm bọc dân nghèo, nhất là đồng bào di cư, trong những cơn loạn lạc.

Năm 1992, ông bị bệnh xơ gan, không bao lâu thì mất. Trước đó, ông đã niệm Phật khẩn thiết rồi mới qua đời.

Đến rằm tháng giêng năm 1995, bà cùng cô con gái thứ Bảy phát tâm trường chay, hai năm sau cô Út cũng phát tâm theo. Lúc này, nhận thấy các con đã trưởng thành, năm người con lớn đều đã có gia đình, cơ nghiệp ổn định, còn hai cô gái thứ Bảy và Út sống chung với bà, nên bà cho mướn đất với giá rẻ, để rộng thời gian làm phước thiện: bắt cầu, bồi lộ, ủy lạo, tham quan hành hương... và cũng có thời gian chuyên tu nhiều hơn. Bởi lẽ:

“Thân người như sắt trên đe,
Búa trời nhật nguyệt đánh đẽ ngày đêm.
Qua một phút chết thêm một phút,
Cứ đi lần đến lúc tắt hơi,
Đâu ngày nào được nghỉ ngơi,
Nếu người hẹn một hẹn mới là lầm.”

Công phu hành trì của bà cứ đều đặn sáng chiều, sau khi lễ Phật xong là ngồi niệm Phật một tiếng đồng hồ. Ban ngày thì cùng con cháu đi sưu tầm thuốc Nam, về nhà chặt, phơi khô, vô bao, cung ứng cho các phòng thuốc Nam. Có khi, tổ chức ghe tàu ra tận Rạch Giá tìm về. Quyển Thi Văn Giáo Lý bà thuộc lòng, hình như gần hết. Bà rất thích nghe các con bà đọc kinh truyện, nhất là kinh Hiền Ngu, nói về nhân địa hành Bồ Tát hạnh, cùng các điển tích nhân quả báo ứng. Đặc biệt, là đọc các kinh sách nói về y báo, chánh báo cõi Tây Phương, sự trang nghiêm, thù thắng của thế giới Cực Lạc, bà nghe suốt ngày mà không tỏ vẻ mệt mỏi chán nhàm.

Vào những ngày rằm, bà thường xay hai, ba chục gạo lúa, bố thí cho các gia đình nghèo. Có lần, bà nuôi bệnh cho cô con gái thứ Sáu, khi hết bệnh, xuất viện ra về, bà tặng cho những người

còn ở lại, hết tất cả: quần áo, mừng mền, đồ đạc...sạch sẽ cho tới không còn tiền dính túi, thuê xe Honda ôm, đến nhà mới thanh toán sau.

Gần nhà, có bà Ba gia cảnh khôn đốn, chồng mất sớm để lại một bầy con nên thường hái trộm hoa trái của người ta, ra chợ bán. Lần nọ, bà Ba trèo xoài té bị gãy xương cầu, vết thương sưng bầm lên mà không có phương tiện đi băng bó. Bà Hai hay tin, đến tận nhà thăm và giúp cho chi phí đi điều trị. Khi bà Ba lành bệnh, bà mới đề nghị:

- “Mợ Ba à! Mợ đã lớn tuổi (61 tuổi) mà cứ làm nghề này hoài, hông có tốt! Thôi, để tui hùn tiền mua cho mợ chiếc xuồng, lấy bún về, bơi vô xóm bán, mỗi ngày cũng được ba, bốn chục ngàn, sống vững hơn!”

Bà Ba nghe xong mừng lắm, muốn rơi nước mắt. Thời điểm đó, giá chiếc xuồng tương đương một chỉ vàng, khả năng của bà chạy gạo sớm chiều mà đã kiệt sức nên bà đâu dám ước ao điều đó, đâu là ao ước trong mơ!

Hạnh tu của bà Hai chẳng những thương người mà còn lan đến các loài động vật. Năm 2003, buổi trưa đang nghỉ mát dưới bụi tre ngoài ruộng, bắt gặp anh chàng thiếu niên ngồi trên cộ lúa do một con trâu kéo đi. Khi đến dốc, hai mươi mấy bao lúa quá nặng, trâu kéo không nổi, bị anh chàng la hét, quát roi lia lịa. Bà trông thảm quá, đôi dòng nước mắt cứ tuôn trào ra, liền đến khuyên can anh ta dừng tay lại nhưng vô hiệu. Bà bèn xuất tiền ra một trăm ngàn, trâu được tháo ách, xuống sông trầm nghỉ. Từ đó về sau, anh thiếu niên ấy thường kể với mọi người:

- “Bà Hai thấy tui đánh con trâu mà bà khóc tội nghiệp cho nó...nên tui hông đánh nó nữa!”

Khi có đồng đạo ghé thăm, bà Hai mừng lắm, tiếp đón rất vui vẻ, ân cần lo cơm nước, hết sức chu đáo. Bà kiệm ước phần mình. Thấy hạnh lành, nghe lời phải thì cố gắng nỗ lực làm theo, chẳng hề nhìn ngó xấu dở của người, chỉ thích lắng nghe chứ không thích nói. Vì thế nên bà Hai được mọi người kính mến.

Năm 2005, trên đường từ ruộng về nhà, bà ôm một bó nhãn lông, bỗng nhiên đột quỵ. Khớp cổ chân trái bị đau dữ dội, chuyển ra thành phố An Giang, bác sĩ chỗ này thì chẩn đoán là “viêm khớp”, bác sĩ chỗ kia cho là “bướu xương”. Cuối cùng, đến Bệnh viện đa khoa thì chẩn đoán là “thoái hóa khớp”. Khớp cổ chân sưng to, cử động rất đau và khó khăn. Bác sĩ xử lý bằng cách cho thuốc giảm đau kháng viêm và rút dịch ở khớp mỗi tháng một lần. Rút được vài ba lần, sau đó con bà tự làm ở nhà .

Trong thời gian này, có bác sĩ đề nghị gia đình nên đưa bà ra Sài Gòn giải phẫu khớp, tổng chi phí là 30 triệu, thì bệnh mới khắc phục dứt điểm. Các con quyết định đưa bà đi, bà không chịu. Bà nói:

- “Con người ta, ai cũng có căn có số. Tới số rồi thì Hoa Đà tái thế cũng phải bó tay! Thôi mình y theo lời Thầy Tổ đã dạy:

“ Lo thuốc thang khăn vái Phật Trời.
Nguyện sửa lòng ắt Phật giúp đời,
Ban phước rộng từ bi hỉ xả.”

Vì vậy, bà cứ sắc thuốc Nam, nguyện vái rồi uống tới. Các con hùn lại, đưa 30 triệu cho bà, lần hồi bà bố thí hết. Ở lối xóm, có người bệnh giống y chang như bà, sau khi đi mổ trở về rồi nằm một chỗ luôn, nhân đó bà hay nhắc với các con:

- “Đó! Thấy chưa. Con người ta ai cũng có căn có số, má nhờ bố thí mà bây giờ còn đi tới đi lui được! ”

Đến ngày mùng 4 tháng 7 năm 2009, khoảng 7- 8 giờ sáng, bà đang chăm chú nhìn ra cửa ngõ trong khi tay vẫn lần chuỗi, miệng vẫn niệm Phật. Đột nhiên, bà vẫy tay gọi người con lại:

- “Phét ơi! Lại đây! ”

Con bà đến, liền hỏi:

- “Gì má?”

Bà đáp:

- “Má thấy bốn người đàn ông mặc áo tràng màu dà, đầu đội hào quang nhìn má trân trân!”

Con bà quay nhìn ra sân, chẳng thấy gì cả, lại hỏi:

- “Đâu?”

Bà đáp:

- “Đứng bên kia sông đó!”

Ngưng một lát, bà nói tiếp:

- “Nó đó! Oan gia trái chủ đó! Chớ hồng phải Thần Thánh gì đâu! Thôi, con thắp hương các ngôi thờ cúng cho má nguyện vái”.

Một hồi sau, khi bà nguyện vái xong, con bà liền hỏi:

- “Bây giờ nó đâu?”

Bà đáp:

- “Nó đi rồi!”

Lại hỏi:

- “Bà vái ra sao má?”

Bà trả lời:

- “Nam Mô A Di Đà Phật. Con cầu xin ơn trên Đức Phật từ bi cứu độ con về cảnh giới Cực Lạc. Còn những nghiệp báo oan gia nhiều đời, nhiều kiếp mà con đã làm sát đó, sau khi học đạo hoàn toàn, con sẽ trở lại cứu độ hết! Nam Mô A Di Đà Phật!”

Chiều lại, bà thấy bốn vị ấy ăn mặc xinh xoàng, nanh gút, xông vô nhà, đứng nhìn bà lom lom. Bà chí thành niệm Phật thì họ vạt ra, lơ là một tí thì họ sáp lại, kéo dài đến sáng, họ mới bỏ đi mất. Cả đêm hôm đó, bà niệm Phật suốt không ngủ.

Sáng ra, trước mặt bà toàn là bông hoa, rất nhiều, rất lớn, rất đẹp. Hoa vạn thọ thì bằng cái chén, hoa huệ thì dài thật dài... Nghe bà diễn tả, các con ngỡ rằng bà bị chạm thần kinh, liền thuê xe chở ra Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Ban đầu, nghe khai bệnh, bác sĩ đưa bà qua khoa tâm thần. Sau đó, đo điện não đồ và làm một số cận lâm sàng thì chuyển về khoa nội. Nằm luôn 11 ngày, bụng và chân bà càng lúc càng sưng to, đi tiểu mỗi ngày hơn 30 lần. Thể trạng suy sụp trầm trọng. Bác sĩ cho biết, bà có tới bốn thứ bệnh: xơ gan, suy thận, hội chứng dạ dày tá tràng và thoái hóa khớp. Thấy Tây y không xong, các con đưa bà sang bệnh viện Thanh Bình để uống Nam dược, thêm sáu ngày nữa rồi mới về nhà, bệnh tình có khả quan chút đỉnh. Suốt thời gian điều trị, bà cứ nằng nặc đòi về:

- “Má niệm Phật dữ lắm! Bác sĩ hồng biết bệnh của má đâu! Đưa má về đi! Ở nhà niệm Phật thanh tịnh hơn ở đây!”

Từ đó, chân trái của bà gân từ từ rút lại, cơ teo dần và lan qua chân phải. Cuối cùng, chân co quéo lại. Các con bà xúm lại động viên cho bà tập duỗi ra, vì sợ khớp cứng như vậy khi chết không dậy nắp hòm được giống như một người ở lối xóm, nhưng đau quá, bà nói:

- “Nó muốn như vậy thì mình cứ để như vậy đi! Chừng nào về Phật thì Phật sửa ngay ra, chớ gì mà lo!”

Các con bà nghe qua rồi nhưng không mấy chú ý, cứ ngỡ là bà đáp cho xong chuyện mà thôi. Mặc dù thân bệnh nhưng bà không khổ, luôn vui vẻ hòa nhã nói cười. Chưa hề có thái độ bức bối, quạu quọ, kẻ lễ... Đáng nể phục là thời khóa sớm tối, bằng mọi giá: bò, trườn, léch... bà không để cho trễ sót. Có lần, đồng đạo Hai Mum thấy vậy, quá cảm động nên khuyên bà nên nằm một chỗ lễ niệm thầm cũng được, bà vừa trả lời vừa cười:

- “Đâu có được con! Tới giờ hốt hụi rồi, hồng hốt để trật lất sao được!”

Mấy lúc bệnh trở nặng, đau đớn dữ dội nhưng không nghe bà rên than. Bận bẻ, thân quyền đến thăm giới thiệu thuốc Thần, thuốc Tiên có liên quan đến vật mạng, bà mạnh dạn từ khước:

- “Tôi từng tuổi này nếu hết bệnh, sống cũng chẳng bao lâu! Thôi, để tôi trường chay, trọn đạo để vãng sanh, không còn đắm chìm nơi cõi khổ này nữa!”

Nếu khách nào đến thăm mà đem chuyện thị phi đến thì bà kêu con bà mời ra bàn uống nước, bằng như đối để không mời được thì bà giả bộ ngủ li bì. Khi họ ra về, con gái trách:

- “Người ta tới thăm, mà má làm gì kỳ vậy?”

Bà giải thích:

- “Tao nằm niệm Phật, chớ có ngủ đâu!”

Còn các bạn đạo đến sách tấn, khích lệ về Tịnh Độ, bà vui vẻ nói cười cả buổi, chẳng có dáng vóc gì bệnh hoạn cả và còn dặn dò:

- “Chùng nào quờn ghé thăm tui, để nói chuyện Phật Pháp cho tui nghe nghen!”.

Ngoài ra, bà rất thích nghe con bà đọc quyển “Tịnh Độ Toát Yếu” của Như Quang, say mê nghe dường tựa nhiễm ghiền.

Như chiếc lá vào thu sẽ chín vàng, âm thầm rời cành, trở về cội gốc. Như vàng thái dương lên cao, rồi cũng phải chậm chậm khuất bóng sau rặng cây phương tây, mù tí xa mờ. Không mấy chốc, sức khỏe của bà suy sụp càng lúc càng rõ rệt. Nhưng, công phu trì niệm trái lại càng tinh thuần, lòng cầu sanh Tịnh Độ càng khẩn thiết. Lúc ăn một muỗng cháo, hay uống một hớp nước...bà cũng thường thâm thì:

- “Nam Mô A Di Đà Phật! Phải chi Phật rước con ngay bây giờ, khỏe biết mấy!”

Thấy bà lúc nào cũng nguyện vãng sanh, nên con bà hỏi:

- “Má! Chuyện này bà tính bỏ mấy đứa con thiệt sao?”

Bà đáp:

- “Đến lúc phải ly tan! Nếu muốn không ly tan thì mấy con phải ráng lo niệm Phật, sau này cùng vãng sanh Cực Lạc, mãi mãi chẳng xa lìa!”

Đêm 25 tháng 9 năm 2009, bà và cô con gái thứ Sáu đồng nằm mộng thấy 12 đứa bé, trai có gái có, độ chừng 12, 13 tuổi, đi đến bên giường, nói với bà rằng:

- “Bà Hai ơi! Mấy đứa con tới niệm Phật cho bà nghe nè!”

Nói xong, chúng liền ngồi xung quanh rồi cất giọng niệm, âm điệu trầm bổng du dương, nghe rất êm tai.

Rạng ngày 26, bà gọi cô con gái thứ Bảy đến thuật lại giấc mộng vừa qua và nói:

- “Lúc trước, má nghe trong núi Chóc có Ban Hộ Niệm. Thôi, con đi mời về hộ niệm cho má đi!”

Con bà sợ bà chết lắm nên trả lời:

- “Thôi má ơi! Con thấy rồi, hộ niệm là chết chắc!”

Bà vừa cười vừa nói:

- “Cái không đáng sợ lại sợ! Còn cái đáng sợ lại không sợ!”

Con bà chưng hửng. Bà chậm rãi giải thích:

- “Không được vãng sanh mới đáng sợ! Còn chết thì ai không chết mà phải sợ!”

Ngưng một tí, bà nói tiếp:

- “Má muốn mời Ban Hộ Niệm là má muốn các con có cơ hội gieo duyên với chư đồng đạo. Sau này, chư đồng đạo tới lui giúp đỡ, dẫn dắt các con tinh tấn thêm lên!”

Bà kêu đến lần thứ ba, cô con gái mới miễn cưỡng chịu theo, lòng luôn phập phồng lo sợ khi phải đối diện cái cảnh tử biệt sanh ly vốn dĩ sẵn có của kiếp làm người.

Ngày 27 tháng 9, Ban Hộ Niệm của liên hữu Tư Xả và Tư Găng trong Ba Thê ra, tiến hành cộng tu với bà và gia đình bảy đêm. Đến ngày thứ bảy, con bà nhắc:

- “Đêm nay là đêm cuối cùng rồi! Má tính sao?”

Bà trầm ngâm, bấm các đốt ngón tay, giây lâu rồi nói:

- “Thôi, các con cháu trong nhà cùng với cậu Bảy Thọ và chư đồng đạo gần đây, ráng hộ cho má chín đêm nữa!”

Sáng ngày mùng 10 tháng 10, khoảng 8 giờ, các con đang ngồi niệm Phật bên giường, bà đang nằm nghiêng chấp tay niệm Phật theo, chợt thấy bà ngẩng đầu lên rất lâu, chăm chú nhìn cảnh tượng chi đó mà gương mặt của bà rạng rỡ, trông như người có việc vui mừng, vượt quá hy vọng. Con bà lại gần hỏi, thấy gì thì bà đáp là thấy Phật. Lại hỏi chừng nào về Phật thì bà không đáp mà chỉ mỉm cười rồi đưa ra ba ngón tay, việc này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Người con thứ Bảy thì nghĩ rằng, bà bị loạn thần kinh trở lại, còn cô thứ Sáu thì ngỡ oán thân trái chủ giả Phật, nên sau khi nghe bà trả lời là thấy Phật thì cô than:

- “Nghiep tới nữa rồi!”

Bà liền đính chính:

- “Má hết nghiệp rồi! Còn đâu nữa mà trả!”

Sáng ngày 12, bà nhờ con tắm, gội đầu tới hai lần. Xong xuôi cô con thứ Bảy nói:

- “Bây giờ ăn một chút cháo ghen má! Trọn ngày hôm qua, bà hồng ăn miếng nào hết. Thôi bây giờ, ráng ăn một chút ghen?”

Bà đáp:

- “Má đã dặn rồi! Đừng ép má ăn uống gì hết để má sạch ruột, tĩnh tâm niệm Phật! Thôi, các con ra ngoài hết đi, khóa cửa phòng lại, đừng cho ai ra vô, ép ăn, ép uống, hỏi han gì cả, để má tĩnh tâm niệm Phật!”

Cũng như mọi khi, tối đến con cháu và bà con lối xóm cùng với đồng đạo quanh vùng, tề tựu lại cầu nguyện, cộng tu, hồi hướng cho bà xong, rồi lần lượt ra về, đêm nay cũng là đêm thứ chín, tức là đêm cuối cùng. Khi mọi người đã ra về hết, các con bà chia ca hộ niệm suốt đêm. Đến 4 giờ rưỡi sáng ngày 13, bà gọi hai cô con gái út lại, rồi tháo hai xâu chuỗi mà bà thường dùng, lần lượt đưa cho mỗi người một xâu và nói:

- “Má để cái này lại cho con nè! Ráng niệm Phật!”

Kế đó, cô Phết ngồi bên giường, niệm Phật cho bà nghe, thỉnh thoảng ngâm nga vài câu sám kệ:

“Niệm chữ A Di dẹp lòng sầu,
Rán trì kinh kệ hoặc mau lâu.
Cũng có ngày kia ta giải thoát,
Giải thoát thì ta rõ đạo màu.”

Hoặc là:

“Ao sen báu Tây Phương đua nở,
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.”

Nhưng, cô cố tình đọc sai mấy chữ cuối, bà đều sửa đúng lại hết.

Đến khoảng 8 giờ, đồng đạo Hai Mum ghé thăm, hỏi thăm xong, đo huyết áp thấy rất tốt, rồi cùng cô Phết ngồi chia thuốc Nam thành phẩm dưới nền nhà. Hai người đang lui cui làm, bỗng nghe bà cất tiếng niệm Phật thật lớn, liền quay lại nhìn. Khi đến hết câu thứ ba thì hai chân bà vùng lên rồi duỗi thẳng ra, con bà lật đật chạy lại, phóng lên giường, rờ tới rờ lui, reo lên:

- “Má! Má! Giò bà thẳng ra rồi! Chuyến này khỏi phải ngồi xe lăn!”

Cô còn chạy đi khoe với các chị em trong nhà.

Lát sau, bà buồn nôn, liên tiếp mửa ra sáu lần, mỗi lần khoảng một chén. Chết dịch màu hơi xanh, không có mùi gì cả. Cô lo sợ, liên thông báo cho chư liên hữu. Hay tin, đồng đạo tập nập kéo đến. Gần 6 giờ tối, gương mặt bà đột nhiên đổi sắc, hồng hào, đôi môi đỏ lên. Tất cả người thân đều ra ngoài, nhường chỗ cho Ban Hộ Niệm ngồi đầy khắp phòng. Bà nằm chấp tay niệm Phật theo mọi người. Đến 7 giờ 50 phút tối, bà an tường trút hơi thở cuối cùng, trong âm vang trầm hùng của câu Hồng Danh Vạn Đức. Nhâm ngày 13 tháng 10 năm 2009. Bà hưởng thọ 74 tuổi.

Năm giờ sáng ngày 14 (qua hơn 9 giờ sau khi mất) Ban Hộ Niệm khám nghiệm tử thi thì nghe có hương thơm, các khớp xương mềm mại, toàn thân đều lạnh duy có đỉnh đầu ấm nóng. Đến 8 giờ sáng, đang niệm Tây Phương Tiếp Dẫn để chuẩn bị nhập mạch thì có xuất hiện vòng hào quang năm sắc bằng cái nĩa trên vách tường, gần đầu thi hài, khoảng hai, ba phút. Cùng lúc, có người lồi xóm chạy xe ngoài đường cũng trông thấy trên nóc nhà có vòng hào quang năm màu lớn bằng bánh xe. Lễ an táng được tiến hành trong ngày 14, vào lúc 3 giờ chiều.

Tối lại khoảng 1 giờ khuya, mọi người đang ngủ, bỗng nhiên hai cánh cửa lớn nhà trước tự mở ra, âm thanh đầy mạnh vang to lên, đồng thời căn phòng hực sáng lên như thấp mấy chục ngọn đèn. Người con trai thứ Năm thất kinh hồn vía, trùm mền kín mít, cô thứ Sáu từ trong phòng bước ra, lông tóc dựng đứng, vội chạy trở vào, ngồi niệm Phật mà hai hàm răng cứng chặt lại. Hiện tượng này, rất lâu mới mất.

Ngày 16, tất cả cây cỏ xung quanh nhà ra đến mộ khoảng mười mấy mét đều trở hoa. Đặc biệt là cây mai gần bàn thông thiên, nở rộ vàng rực, kéo dài đến tháng hai năm sau (suốt bốn tháng trời).

Mỗi khi đến ngày tuần thất, thường xuất hiện “hiện tượng lạ” vào giữa đêm, khi không gian chìm vào tĩnh lặng. Thường hay nghe tiếng lục lạc xe ngựa và tiếng chân ngựa chạy lộc cộc từ đầu vòm đi vào, tới trước cửa cổng nhà bà thì dừng lại, năm bảy con chó xung quanh, đều cụp đuôi chun xuống sàn, nằm im re. Rồi tiếng chân của bốn, năm người từ trên xe bước xuống, đi vào nhà, những luồng gió xoáy rung mạnh những chiếc rèm đang giăng và bật hết những cánh cửa sổ đang đóng, đồng thời những cây đèn cầy trên bàn thờ và bàn vong đã tắt, tự động cháy sáng lên một lượt. Các con của bà dùng điện thoại ghi âm lại, nhưng khi mở ra thì không nghe gì cả. Đêm chung thất thì âm thanh của một đoàn người rất đông, lẫn những tiếng nói chuyện xì xào, đồng thời bốn chiếc ghế dựa ở bàn khách giữa nhà, tự động kéo ra, thật lâu mới đẩy vô trở lại.

Ngoài ra, còn rất nhiều điềm lạ khác, ở đây chỉ nêu đại lược mà thôi. Có lẽ, hạnh đức của bà chiêu cảm đến Long Thiên - Thiện Thần, chư vị đã ứng hiện để làm tròn tâm nguyện của bà khi còn sanh tiền. Cho con cháu bà có được cơ duyên vững bước trên con đường tu tập, cố gắng tinh tấn hành trì để được cùng nhau hội ngộ ở Tây Phương, thực sự là quyền thuộc chân thật, không phải ly tan như ở cõi đời giả ảo tạm bợ, đây khổ đau này!

Trước kia, chỉ có cô con gái thứ Bảy sống chung với bà là trường chay. Sau khi bà vãng sanh, tất cả các con đồng trường chay lễ Phật, đứng đầu là người thứ Hai: Huỳnh Văn Kết, anh đang

nuôi mấy ao cá cũng phóng sanh rồi lo tu niệm, hầu xứng đáng với niềm mong ước của Thầy Tổ, mà mẹ mình đã từng ngâm nga:

“Ước trăm họ nhẹ mình có cánh,
Đồng bay về Cực Lạc một đàn”.

Và:

“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc quốc,
Hưởng công niệm Phật rất an lành.”

(Thuật theo lời cô Bảy Phết, cô Út Phi, các con của bà và liên hữu Bảy Thọ)

44. Bà Huỳnh Thị Phi (1972 – 2014)

Cô Huỳnh Thị Phi sinh năm 1972 là con gái Út của bà Đoàn Thị Yến và ông Huỳnh Văn Đồng. Cư ngụ số nhà 321/12, ấp Trung Bình I, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Vàm Cỏ Vồn đi vào 130 mét, phía bên phải).

Tính tình của cô hiền lành, dễ hòa đồng với mọi người, đặc biệt là không bao giờ nhìn ngó những xấu dở lỗi lầm của kẻ khác và khi gặp cảnh duyên trái ngang cô đều an nhiên nhẫn chịu chẳng than trách, oán hờn.

Năm 1993, cô kết hôn với anh Trần Văn Tuấn, người cùng thôn xóm, cách nhà 500 mét.

Những tưởng hạnh phúc sẽ mãi ở lại bên mình cho đến trăm năm, răng long đầu bạc, nào ngờ như ánh chớp đêm đông, vừa thấy đó là cũng liền mất đó!

Năm 1996, cô bỗng đưa con tên Trần Ánh Thư mới 24 tháng tuổi trở về tá túc với mẹ và chị ruột thứ Bảy, vì chồng cô đã trao trái tim cho người con gái khác.

Nhờ sự thương yêu đùm bọc của mẹ và các anh chị nên cuộc sống của cô và đứa con thơ dại cũng tạm yên bình.

Năm 2005, cô cùng người chị thứ Ba đến làm công cho nhà hàng Yến Phượng tại Thủ Đức, để gửi tiền về cho con ăn học.

Tháng 7 năm 2009 mẹ bệnh nặng, cô phải nghỉ việc trở lại quê nhà lo bề chăm sóc. Qua mấy tháng chăm sóc cho mẹ, đến ngày 26 tháng 9 mẹ bảo người chị thứ Bảy đi mời Ban Hộ Niệm và còn nói:

- “Má muốn mời Ban Hộ Niệm là Má muốn cho các con có cơ hội gieo duyên với chư đồng đạo. Sau này chư đồng đạo tới lui giúp đỡ, dẫn dắt các con tinh tấn thêm lên!”
Cô bèn nói với bà:

- “Má! Bà niệm Phật chừng nào vãng sanh có ấn chứng, con sẽ tu luôn!”

Mẹ cô hỏi lại:

- “Thiệt hông?”

Cô đáp:

- “Thiệt!”

Rồi hai người cùng đưa tay ghé vào nhau và cùng cười sặc sụa.

Sau khi mẹ vãng sanh, cô tận mắt trông thấy rất nhiều, rất nhiều “hiện tượng lạ” chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn. Thiện căn quá khứ bỗng bùng phát khởi mãnh liệt, cô lập tức trường chay, giới sát, phóng sanh... Bao nhiêu y phục đều đem ra, bộ nào cũ thì đốt bỏ, bộ nào còn mới thì tặng cho người khác. Tín tâm thật sự kiên định đối với pháp môn Tịnh Độ, quyết một lòng niệm Phật, lễ Phật cầu vãng sanh Tây Phương, dù rằng sự hiểu biết về Phật Pháp của cô lúc ấy hãy còn quá khiêm nhường!!!

Từ đó cô trồng rau cải quanh nhà, cắt mang ra chợ bán, và chuyên cần lễ niệm mỗi ngày ba thời. Hạn chế tối đa về mặt giao tiếp, tối ngày cứ đóng cửa chuyên tu, chuyên hành, nhiều lúc cô con gái xin ngủ chung cô cũng đuổi ra.

Vào tháng 11 năm 2013 cô bị sốt dữ dội, đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang bác sĩ chẳng tìm ra là bệnh gì. Một tuần sau xuất viện, sức khỏe của cô từ đó suy sụp dần nhưng tín tâm nguyện tâm thì lại bền chắc và khản thiết rõ rệt.

Về nhà hằng ngày, cô chỉ lo lễ bái và trì niệm, thức ăn thì có các chị nấu sẵn, mọi thứ sinh hoạt cô đều đơn giản cần kiệm tối đa, dù rằng trước đó đã cần kiệm rồi. Cô vốn ít tiếp xúc với mọi người ngay cả người thân, lại chẳng có bạn đạo, không nghe băng cũng chẳng xem đĩa hay đọc kinh sách gì hết; đến thời điểm này thì lại càng nghiêm ngặt hơn, cô chỉ thuộc lòng một ít đoạn sám kệ mà cô tâm đắc, như sau:

“Nhãn thấy sắc thường hay bận bịu,
Tai ưa nghe những điệu âm thanh.
Mắt với tai đều chọn đẹp xinh,
Còn lỗ mũi ưa mùi êm dịu.
Đồ thơm tho nó ưa nó chịu,
Chôn xạ hương hay lết lại gần.
Lưỡi ưa ngon là chuyện ân cần,
Đồ ngọt béo nó ưa nó mến.
Thân tham sướng muốn tiền của đến,
Đặng ăn xài cho phỉ tấm tình.
Ý thì ưa sửa sắc soi hình,

Với chức phận cho cao cho quý.
Sáu đường ấy ở trong tâm ý,
Ta mau mau dứt nó cho rồi.
Nếu tỉnh tâm nào có mấy hồi,
Mượn trí đạo đuổi ra khỏi xác.
Dứt được nó ấy là giải thoát,
Thì xác trần mới khỏi đọa đày.”

Và:

“Ôi! cả sang hèn chẳng ai thông thả,
Sao nhơn sanh cứ mãi đắm say.
Chẳng tu thân đặng dựa Phật Đài,
Cho thông thả hưởng mùi sen báu.
Thần Thức nhập Thai Sen tinh hảo,
Nên khỏi màng lo nổi khổ sanh.
Thân thì thân công đức hiển lành,
Bất di dịch khỏi vì khổ lão.
Thể thanh tịnh thường không huyên não,
Hết lo toan nắng lạnh gió mưa.
Khổ bệnh kia bởi đó mà chừa,
Ta thoát cuộc lao đao vì nó.
Đường sanh mạng Phật, ta đồng thọ,
Tánh an nhiên bất diệt trường tồn.
Tử thân kia đâu dám bắt hồn,
Thoát luân chuyển khỏi đeo khổ tử.
Cuộc y thực muốn chi đủ thứ,
Không nhọc nhằn lo việc sanh nhai.
Trí yên nhàn nhìn cảnh Phật Đài,
Khỏi quả khổ mưu cầu bất đắc.
Cả hải chúng thấy đều vững chắc,
Toàn dân lành đâu có đắn đo.
Dứt ái ân quyền thuộc chuyện trò,
Thoát sông khổ thương yêu, ly biệt.
Chữ hòa thuận kể sao cho xiết,
Tâm đồng nhau thượng thiện vui vầy.
Cảnh như như chẳng có đổi thay,
Không màng biết phân chia nhơn ngã.
Sẵn vị ngôi rành phân thượng hạ,
Khỏi khô câu oán ghét gặp nhau.
Thân tâm thường trụ hết rạt rào,
Chất thô trước tiêu tan mất cả.
Cõi Tịnh Độ lắm điều thanh nhã,

Khổ, buồn, rầu, lo, sợ chẳng còn.
Chôn Ta Bà tìm lụn dầu mòn,
Thân tứ đại của người cũng thế.
Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ,
Đến tội rồi mới hối muộn màng.
Chỉ cho bằng ta sớm lo toan,
Gìn giới luật nghe Kinh trọng Phật.
Đến lâm chung quả lành đâu mất,
Cõi Tây Phương chừ Phật đợi chờ.
Việc tu thân thiện tín hằng hờ,
Chùng họa đến e cho khó tránh.
Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kéo phụ Phật xưa.
Lòng từ bi chẳng quản nắng mưa,
Xông thuyền giác rước đưa sanh chúng.
Trong một nước nhân tài hữu dụng,
Kẻ tu hành đa phước thì nên.
Quyết trau thân tánh hạnh cho bền,
Niềm ơn nghĩa toan đền dứt nợ.
Ao sen báu Tây Phương đua nở,
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.”

Bệnh trạng kéo dài càng lúc càng trầm trọng, cô ngỏ ý với các anh chị hộ niệm bằng cách tạo không gian yên tĩnh cho mình, nhất là đừng cho họ hàng biết rằng cô đang lâm trọng bệnh, để khỏi phải mất thời gian do thăm hỏi, bàn tán lu bu.

Đến ngày 22 tháng 7 năm 2014, cô nhờ các anh chị và con cháu niệm Phật cộng tu với mình nên mỗi tối gần cả chục người đến cầu nguyện rồi ngồi niệm Phật, sau đó hồi hướng cho cô. Nguyện văn khi bắt đầu cộng tu đọc là:

“...Cầu xin Đức Phật A Di Đà phóng quang gia hộ cho em con là Huỳnh Thị Phỉ được bình tật tiêu trừ, tai qua nạn khỏi, thân tâm an lạc...”

Cô không chịu đòi sửa lại rằng:

“...Cầu xin Đức Phật A Di Đà phóng quang tiếp dẫn Huỳnh Thị Phỉ sớm vãng sanh về thế giới Cực Lạc...”

Cộng tu được hai tuần thì vùng ngực của cô đau dữ dội, đưa ra bệnh viện ở An Giang, bác sĩ chẩn đoán là “khối u tim”, trọng lượng lúc này chỉ có 33 ký lô. Nằm viện được ba ngày thấy hơi khô, cô đòi về nhà để yên tĩnh niệm Phật, dễ nhất tâm hơn. Về đến nhà thì tiếp tục cộng tu như trước, riêng phần cô thì sự hành trì càng khẩn thiết hơn trước.

Trong thời gian ở bệnh viện, bác sĩ đề nghị với người nhà nên bồi dưỡng để cho cô tăng trọng lượng từ 35 ký trở lên thì sẽ làm hồ sơ chuyển ra Sài Gòn phẫu thuật và tổng chi phí là một trăm

triệu. Bác sĩ còn hướng dẫn cụ thể là phải cho cô ăn sáng một con cá lóc nửa ký và chiều một con, còn dạy thêm: thịt bò và rau củ, hoa quả, cách thức nấu xào cụ thể chi li.

Vì vậy người chị thứ Bảy muốn thăm dò ý tưởng của em mình nên hỏi:

- “Bác sĩ khuyên như vậy! Ý em ra sao?”

Cô đáp:

- “Chèn ơi! Nếu ăn một con cá lóc mà sống thêm một trăm tuổi nữa em cũng hồng thềm. Cơ hội này em sẽ vãng sanh Cực Lạc, về với bà Má! Sướng muốn chết. Ngu gì mà ở mãi cõi khổ này!”

Thấy chí hướng của em mình đã kiên định, vững vàng, các anh chị của cô rất an tâm và vui mừng. Lúc này, thân quyến của cô đã chuẩn bị đủ một trăm triệu đồng, và cho cô uống bột dinh dưỡng và sữa En-sua để tăng trọng lượng, rồi sẽ tiến hành phẫu thuật theo đề nghị của bác sĩ, nhưng cô không chịu, và còn nói:

- “Tiền đi mỗ hãy cho em mua gạo bồ thí và mua cá phóng sanh...”

Cô còn nói với người chị thứ Bảy:

- “Chị cho em xin hai cây bạch đàn!”

Chị cô hỏi:

- “Làm chi vậy?”

Cô đáp:

- “Để mướn người cưa chẻ củi, khi em mất nấu đám lo tuần thất cho em!”

Chị cô đồng ý. Rồi nhất nhất làm liền, y như lời yêu cầu của cô.

Bệnh tình tăng dần, đến ngày 29 tháng 9 cô yếu nhiều, khi ngồi dậy phải nhờ người đỡ, các anh chị túc trực hộ niệm. Qua chiều hôm sau là ngày 30, cô lấy tiền từ lâu mà cô dành dụm, nhờ người chị thứ Bảy mua cho cô một cái giường và tấm nệm. Chị cô hỏi:

- “Chi vậy?”

Cô trả lời:

- “Để mời đồng đạo đến hộ niệm cho em. Nếu em nằm như vậy các anh chị thấy sẽ tủi thân!”

Vì từ trước đến giờ, cô trải chiếu nằm trên nền gạch chứ không có giường.

Sáng mùng 1, cô hỏi người chị thêm hai lần nữa. Đến 11 giờ trưa, con gái dìu cô lên giường nằm quay mặt về hướng Tây. Cô nằm niệm Phật được một lúc thì vùng ngực của cô đột nhiên đau dữ dội. Chị Bảy của cô liền hỏi:

- “Bây giờ thuê xe tắc-xi đưa em ra bệnh viện nhen?”

Cô đáp:

- “Thôi! Để ở nhà niệm Phật!”

Đứa con cô sờ tìm không còn thấy mạch chỗ nào đập cả, bèn cho các dì hay. Chị thứ Sáu đến hỏi cô:

- “Mạch lạc của em bây giờ hết còn rồi! Em có sợ hông?”

Cô đáp:

- “Hông! Cơ hội này về với Phật mà sợ cái gì!... Ăn nhằm gì đâu. Các chị đừng có khóc nhen!”

Rồi cô cười khê khà.

Gia đình bèn cấp tốc điện thoại mời Ban Hộ Niệm. Hộ niệm đến 8 giờ 45 phút tối, cô tỉnh táo, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày mùng 1 tháng 9 năm 2014, cô hưởng dương 43 tuổi.

Cuộc hộ niệm tiếp tục duy trì đến 10 giờ sáng ngày hôm sau, khám nghiệm tử thi, thì thấy các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn nóng ấm. Các khớp mềm mại, dịu nhũng. Gương mặt lúc trước thì hốc hác và sạm đen trông rất xấu. Lúc này, bỗng dung gương mặt đầy đặn, mày đậm, môi đỏ hắn lên, miệng như đang mỉm cười, trông tuyệt đẹp, ai nhìn cô cũng phải giật mình.

(Thuật theo lời của cô Sáu Đậu và cô Bảy Phết, chị của cô)

45. Bà Trần Thị Cẩm Vân (1972 - 2008)

Cô Trần Thị Cẩm Vân sinh năm 1972, tại ấp Thới Hòa, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Cha tên Trần Thanh Tòng, mẹ là Phạm Thị Ngọc My. Cô chỉ có một người anh.

Cô có bản tính nhu hòa, hiền lành và chân thật.

Năm lên 9 tuổi, khi đang học được lớp ba thì cha cô qua đời, cô phải nghỉ học phụ tiếp với mẹ bán buôn ở ngã ba lộ rẽ Rạch Giá để tạo manh áo chén cơm.

Năm 1988, hôm nọ vào mùa mưa, cơn dông tố đã làm sập sáu căn nhà, trong số đó, có nhà của cô. Tự dung, cô cảm nhận sâu sắc về nỗi khổ của kiếp người. Mọi thứ đều phù du giả tạm, không chi bền chắc cả:

“Mây nổi
Bèo trôi
mãi:
Hợp - Tan!
Hoa nở ban mai
tối rụi tàn.
Tất bật cả đời:
trăm thứ tạo,
Ra đi cũng chỉ:
Một Áo Quan!!!”

Cô liền phát tâm trường chay theo mẹ, lúc ấy, cô 16 tuổi.

Từ đó, cô siêng năng sớm chiều lễ bái, trì niệm, đọc học kinh sách. Dù bận rộn bon chen vất vả với đời, bảo tồn sự sống. Cô vẫn thường cùng mẹ đến chùa Tân Hương, chùa Khánh Vân để làm công quả hoặc dự các khóa niệm Phật; cô cũng hay lui tới nhà các bạn đạo để học thêm về giáo điển với các bậc thiện trí thức, ứng dụng thiết thực vào đời sống sinh hoạt hằng ngày. Chân thật làm lành lánh dữ, chân thật tu thân, chân thật sửa tánh, chân thật hiếu thuận và hòa kính với hết thầy mọi người. Tất cả, cô đều hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc, một lòng trì niệm danh hiệu A Di Đà.

Thời gian dần dà trôi qua, kinh tế gia đình ngày một bần chật. Năm 2003, cô xin mẹ đi làm công nhân cho Xí Nghiệp May Da Giày An Giang. Hơn một năm, cô bệnh nên nghỉ việc để lo chữa trị. Kế đó, cô lại xin mẹ làm ở Công Ty Chế Biến Đông Lạnh ở gần nhà. Nhưng chỉ được chín tháng thì bệnh tái phát, nơi vùng bụng đau ê ẩm liên tục, có lúc dữ dội.

Đến An Giang, bác sĩ chẩn đoán là “khối u buồng trứng”, đề nghị ra Sài Gòn.

Ngày 8 tháng 7 năm 2008 vào Bệnh viện Trung Tâm Ung Bướu TP.HCM, bác sĩ quyết định phẫu thuật. Trong thời gian chờ đợi, cô phát nguyện:

- “Nam Mô A Di Đà Phật!

Nếu duyên con còn ở Ta Bà, thì xin Đức Phật từ bi cho con hết bệnh, con sẽ làm công quả, tinh tấn tu hành cho đến ngày viên mãn. Còn như duyên con hết, thì xin Ngài từ bi rước con về Cực Lạc!”

Sau khi phẫu thuật, bác sĩ yêu cầu thân nhân khuyên cô dùng mận để đủ dinh dưỡng và đề kháng. Mẹ hỏi ý cô thế nào, cô đáp:

- “Chuyện ai làm nấy biết! Bác sĩ là bác sĩ; Mình là mình! Trên đường tu, quan trọng là giây phút này! Con người khi mà từ dưới chân núi trèo lên tới đỉnh thì mệt mỏi thở thối lắm! Còn nếu đi xuống rồi lên trở lại thì rất là khó khăn!”

Thấy con giữ vững lập trường, mẹ cô tràn đầy niềm vui sướng. Bởi vì:

“Việc chi đâu mấy khó khăn,
Lòng người nhất quyết rồi cũng nên.
Người tu cần có chí bền,
Gặp bao thử thách cũng nên kiên trì.”

Xuất viện vài tuần lễ, bệnh tình không thuyên giảm, bèn trở lên tái khám. Lần này, bác sĩ đề nghị vô hóa chất. Cô liền nói với mẹ:

- “Mẹ ơi! Vô hóa chất là chết. Thôi, để con uống thuốc Nam “Lo thuốc thang khăn vái Phật Trời” để con chết nhẹ nhàng hơn!”

Về nhà, cô khăn thiết niệm Phật nhiều hơn, cơn đau cũng gia tăng, hoành hành nặng nề hơn. Chư đồng đạo và thân quyến thấy thế nóng lòng, đòi đưa đi bệnh viện để chích thuốc giảm đau, cô không chịu, nhưng vì mọi người nài nỉ nên cô đành chấp thuận. Đến Bệnh Viện Bình Dân An Giang, sau khi khám xong, bác sĩ cho biết, vết thương đã bị ung thư và nói:

- “Bệnh này, thôi hãy an phận đi! Chích thuốc thì chích, nhưng cho toa về nhà chích chứ không cho nằm viện!”

Khi ra xe Tắc-xi, vừa bước lên ngồi, cô nói với mẹ:

- “Mẹ à! Từ đây trở đi, con sẽ nhất tâm niệm Phật. Con không muốn tiếp xúc nữa đâu, mẹ nên cách ly con. Bởi, tình mẫu tử không thể nào không xúc động. Đồng thời, mẹ cũng đừng cho anh Hai con và mấy anh đến thăm con, trong giờ phút này!”

Dặn dò xong, cô nhiếp tâm niệm Phật. Đêm đó (ngày 9 tháng 10 năm 2008), bệnh phát kịch liệt. Cô đồng mãnh nắm chặt hai tay lại niệm Phật tha thiết hơn. Đến 4 giờ sáng, cơn đau từ từ dịu xuống dần, cô khỏe khoắn trở lại bình thường, sau đó, cô nói với mẹ:

- “Mẹ ơi! Bây giờ, mẹ tắm rửa cho con, gội đầu luôn!”

Mẹ cô đáp:

- “Con ơi! Bây giờ còn sớm quá!”

Dì ba chen vào:

- “Còn sớm lắm lắm, Vân ơi!”

Cô nói:

- “Không sao đâu! Mẹ nấu nước nóng là được!”

Tắm gội xong, cô nhờ mẹ dìu lại võng, vừa đi cô vừa nói, nhưng âm thanh bị lạc giọng, không nghe rõ, mẹ cô nói:

- “Nãy giờ con nói, mẹ không tiếp thu được!”

Cô chỉ mỉm cười rồi nằm xuống. Nằm trên võng, phoi tóc một hồi, cô lại nhờ mẹ dìu lên giường. Nằm khoảng 15 phút, cô bỗng dưng, tự bật dậy quay mặt về hướng Tây niệm Phật, phong thái điệu bộ vóc dáng y như người không có đau bệnh gì cả, gương mặt tươi hồng khác thường. Ngồi niệm Phật hơn 20 phút, cô nằm xuống trở lại. Mẹ cô trong lòng cảm thấy hết sức lạ lùng, đến gần cất tiếng hỏi:

- “Vân ơi! Bữa nay con khỏe rồi hả?”

Cô đáp:

- “Bữa nay, con khỏe hơn mọi bữa!”

Mẹ cô nói tiếp:

- “Nếu khỏe! Vậy thôi, bây giờ con nằm ráng niệm Phật, để mẹ dọn dẹp, phoi đồ cho kịp khô.”

Bà sắp sửa xoay người bước đi, cô nắm tay bà lại nói:

- “Mẹ ơi! Con cho mẹ biết: hôm nay qua 10 giờ, con về Phật, ghen mẹ!”

Nghe qua, bà vô cùng mừng rỡ, chen lẫn nỗi ngại ngùng. Ngần ngừ một tí, rồi bà đáp:

- “Con nói, con về Phật thì mẹ mừng lắm! Nhưng con phải nhứt tâm niệm Phật mới được:

“Cứ nhứt tâm tín nguyện phụng hành,
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng.
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi”

Con nhớ nhứt tâm niệm Phật, nghe con!”

Kế đó, liên hữu Dể bước vào, khi đã hỏi thăm, an ủi, đã lã xong xuôi, rồi nói:

- “Bữa nay, em chích thuốc cho chị rồi, em phải tranh thủ về bà Sáu để đưa đám tang!”

Cô đưa tay lên vừa khoát qua khoát lại, vừa nói:

- “Hôm nay, chị không chích thuốc, mà cũng không uống thuốc nữa!”

Dễ chưng hửng, hỏi lại:

- “Bữa nay, chị không chích thuốc nữa hả?”

Cô đáp:

- “Không chích nữa! Bữa nay qua 10 giờ, chị về Phật rồi!”

Dễ liền yêu cầu:

- “Chị Vân ơi! Vậy, chị chờ em nhen! Em đi bà Sáu rồi về, em đưa chị về Phật!”

Cô chỉ mỉm cười chứ không trả lời.

Mẹ cô bước ra ngoài, nói nhỏ với cháu:

- “Dễ ơi! Chuyện này, hai cô cháu mình biết thôi nhen! Đừng cho ai hay hết, lỡ như không đạt, sẽ mất tín tâm của chư đồng đạo!”

Dễ vâng dạ rồi thì tức tốc ra đi. Nhưng rồi không biết tại sao, cả hai không ai tự chủ được lòng, đều bấm điện gọi đi tùm lum. Thế là, không mấy chốc, chư liên hữu kéo tới tấp nập. Liên hữu Mười Ne lại gần giường, hỏi cô:

- “Vân à! Con nói về Phật, mà con về bằng cách nào vậy con?”

Cô đưa bàn tay lên cao, chìa năm ngón ra, đáp:

- “Con thấy Đức Phật ở giữa hư không, hiện hào quang ngũ sắc, chú Mười! Hơn 10 giờ, con về Phật nhen chú Mười!”

Nghe xong, ông cười và nói:

- “Thôi, vậy rất tốt! Mà con nhớ cố gắng niệm Phật, dù thấy Phật hay không thấy Phật, mình cũng phải giữ vững đức tin!”

Đến đúng 10 giờ 20 phút hôm đó (ngày 11 tháng 10 năm 2008), cô an nhiên niệm Phật mà qua đời. Trước lúc ra đi, cô đưa mắt nhìn hết thấy từng người đang đứng hộ niệm, kể đó cô hướng mắt nhìn thẳng lên hư không, chăm chú nhìn giây lâu, rồi từ từ khép đôi mắt lại. Cô hưởng dương 36 tuổi.

Cuộc trợ niệm vẫn duy trì tiếp tục, tám tiếng đồng hồ, khám nghiệm tử thi thì thấy đỉnh đầu rất nóng trong khi toàn thân đều lạnh, gương mặt rất vui tươi, xinh đẹp, các khớp xương đều mềm mại. Sau khi hỏa thiêu thu được nhiều xá lợi.

Gần ba tháng sau, hôm nọ khi thấp hương, mẹ cô âm thầm khẩn nguyện:

- “Vân ơi! Lúc trước con có hứa với chú Mười và với mẹ, chừng nào con được vắng sanh, con phải linh ứng báo một điềm gì đó. Mà sao cho đến hôm nay, mẹ không thấy gì hết vậy?”

Độ chừng nửa giờ sau, đột nhiên trong phòng xuất hiện một mùi thơm ngào ngạt, lan ra khỏi cửa trước lẫn cửa sau. Ngửi mãi mà cũng không rõ là mùi hương gì!

(Thuật theo lời của mẹ cô - Phạm Thị Ngọc My)

46. Bà Nguyễn Thị Cúc (1942 – 2008)

Cô Nguyễn Thị Cúc sinh năm 1942, cư ngụ xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Hiền Cư, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Luyến. Cô có cả thầy sáu chị em và đứng thứ ba trong gia đình. Nghề nghiệp làm ruộng.

Năm lên 21 tuổi, cô thành hôn với ông Phạm Văn Chiêu, sinh được một trai, hai gái. Tính tình của cô từ hòa, chân thật và nhẫn nại mọi khó khăn.

Thời gian đang mang thai sắp sanh lần thứ ba, cô bỗng giác ngộ Phật Pháp, nhận ra rằng kiếp người ngắn ngủi tạm bợ, mong manh, đầy giả dối, đầy tang thương, đầy khổ đau và hệ lụy:

“Sầu còn biết muốn thành rồng,
Người sao không dạ ước mong siêu phàm.
Mang xác thú không làm thẹn tui,
Còn đem tâm đắm đuối say sưa.
Chẳng lo hành đạo sớm trưa,
Đổi thân sen báu thơm tho lâu dài.
Sao lại chịu sống ngày thống khổ,
Không lo tìm kiếm chỗ thanh nhàn.
Xuống lên trên cõi thế gian,
Ăn cay uống đắng muôn ngàn kiếp qua.
Sao chẳng chịu xét ra cho kỹ,
Chán thói đời dối mị gạt mình.
Nào danh nào lợi nào tình,
Làm môi để nhử cho mình mắc câu.”

Hoặc là:

“Cảnh thế gian dường thể chôn ao tù,
Trong biển khổ mấy ai mà thoát đặng.”

Thế nên, cô đã dần dần thuyết phục ông chồng đồng phát tâm trường chay, đồng giữ tịnh giới, tu hạnh giải thoát. Nhưng chỉ được hơn một năm, chồng cô thoái tâm, cô bèn xin chồng cho mình rời khỏi gia đình để thực hiện trọn vẹn ý nguyện ban đầu.

Các bạn bè của chồng cô, đề nghị với anh rằng:

- “Anh nên để cho chỉ đi đi! Vài bữa, chỉ ẵm con trở về năn nỉ anh chớ gì! Anh mà ngăn cản chỉ, chỉ sẽ làm eo... “héo phách” lắm!”

Nhiều người nói như thế anh bèn nghe theo. Vì xét thấy một người phụ nữ với ba đứa con dại, không nhà cửa, không tài sản, không... mọi thứ!... Thì cái ăn cái mặc lo đã không kham thì còn sức lực và tâm lực đâu... để mà... tính chuyện ...tu... với... hành!

Cái ngày mà cô dắt hai cháu và bồng đứa con tám tháng tuổi ra đi, để cho chồng có vợ khác, mọi người đứng nhìn theo, ôi thôi... chật cả một khúc đường! Quả thật, đây là chuyện hiếm lạ nhất từ xưa đến nay, mà... chỉ có người có tín tâm kiên định lắm, mới có thể thực hiện nổi một quyết định “phi thường và táo bạo” như thế này! Lúc ấy, cô 27 tuổi.

Từ đó, cô phải một mặt buôn tảo bán tần, làm thuê, làm mướn để nuôi con; một mặt duy trì thời khóa lễ niệm sớm tối, luôn chí thành âm thầm nguyện cầu Ân Trên Trời Phật chứng minh và gia hộ. Thân tuy khốn đốn, nhọc nhằn nhưng tâm hồn cô nghe có niềm an lạc, vì cô tin chắc rằng: “vạn sự khởi đầu nan”, mà “qua cơn mưa thì trời sẽ sáng!”

Trải qua thời gian khá dài, sự chân thật tu hành của cô đã làm cảm động ông già chồng, ông mới cho cô năm công đất để sinh sống. Lần sau, ông lại cho thêm ba công nữa khi thấy cô đã bán hết số đất đã cho đợt đầu. Những ngày gần cuối đời, gia sản của ông đã suy sụp, cô bèn lần lượt bán hết số đất mà ông đã cho cô đợt sau để lo thang thuốc cho ông nên cô được thân quyến bên chồng quý mến, khâm phục.

Đầu tiên, cô đưa các con sang còn Cả Nam, nơi mà có nhiều am cốc của những người tu. Ở đây vài năm thì chuyển về nhà cô Tư Lường để thuận tiện cho các con đi học. Sau cùng thì về lại gia đình cha mẹ ruột, riêng cô thì ở chung với người chị thứ Hai chuyên tu, cách đó khoảng nửa cây số, đối diện với chùa An Hòa Tự cho đến ngày mãn phần.

Năm 2002 cô bị bệnh, thân quyến và đồng đạo đưa cô đến nhiều bệnh viện như: Bệnh Viện Tri Tôn, Bệnh Viện Da Liễu Cần Thơ, Bệnh Viện Trung Tâm Chính Hình, Bệnh Viện Việt Pháp Thành Phố Hồ Chí Minh ... nhưng các bác sĩ đều phải bó tay vì chẩn đoán cô bị bệnh “Sơ Cứng Bì”, thuộc loại nan y, không có thuốc trị.

Tự biết mình mạng sống không thể kéo dài được nên cô đã khẩn thiết hành trì, sức khỏe tuy suy yếu nhưng tinh thần cô thì càng kiên định và dũng mãnh, công phu bái sám, tịnh niệm mỗi ngày ba thời không hề biếng trễ. Đúng như lời răn dạy của Cổ Đức:

“Núi to bao đặng mãi có ngày thông,
Đạo khổ mấy cổ công tu sẽ đắc.
Giống sanh tử nếu không đem gieo rắc,

Mầm thế gian không thể mọc được đâu.
Đường vắng sanh Cực Lạc một lòng cầu,
Kiếp thống khổ bao lâu rồi cũng khỏi.
Trên đường đạo phải tinh thần cứng cỏi,
Chinh phục đời để theo dõi lòng tin.
Chữ Di Đà luôn trấn ở tâm mình,
Như Tam Tạng đi thỉnh kinh thuở trước.”

Và:

“Lấy sức mạnh tinh thần chống chỏi,
Rán vượt qua cho khỏi rừng mê.
Một lần này dứt sự ử ê,
Muôn kiếp tới hưởng bề khoái lạc.
Phật có nói rằng câu giải thoát,
Bằng đức tin siêu việt phàm phu;
Mong ra ngoài như kẻ tử tù,
Được thế chẳng bao lâu đắc đạo.”

Thời gian êm ả trôi qua, đến ngày 23 tháng 3 năm 2008, sức khỏe của cô yếu dần, bạn đồng tu đến thăm, bèn đề nghị:

- “Thôi, để chúng em hộ niệm cho chị!”

Cô trả lời:

- “Tôi còn tự niệm được! Tôi chưa đi bây giờ đâu! Đến ngày 30 tới, tôi mới về Phật!”

Mọi người đồng ý. Cô Bảy Sang liền nói:

- “Vậy thì sáng 30, chúng tôi sẽ đến tiễn đưa chị!”

Người chị thứ Hai của cô chen vào:

- “Nói vậy chớ đi cái gì! Cô Ba cổ còn khỏe lắm!”

Sáng ngày 30 đúng hẹn, đồng đạo đến hộ niệm. Cô yêu cầu:

- “Quý vị niệm ba câu cho tôi niệm ba câu với!”

Thế rồi, kẻ mạnh người đau thay đổi nhau luân phiên cùng niệm lớn tiếng. Đến 12 giờ trưa mà sức khỏe của cô vẫn bình thường, thần sắc vui vẻ, tươi tỉnh. Cô Út Lam nói:

- “Bữa nay ngày 30, mà tôi có thấy gì đâu...! Vì người gần chết tôi biết...!”

Ai cũng thấy cô bình thường, không có dấu hiệu gì sắp sửa chết cả, nên đồng nhau từ giã ra về. Mọi người về chưa được bao lâu thì cô bắt đầu lên cơn mệt, khi ấy cô nằm ngửa, xuôi thẳng chơn tay, miệng vẫn đang nhép môi niệm Phật. Các con cô liền chạy cho cô Hai Tuyết, cô Tư Không, cô Hai Dung và đồng đạo hay.

Khi mọi người tề tựu xung quanh hộ niệm được một lúc thì cô an tường trút hơi thở cuối cùng, nét mặt hết sức hân hoan, rạng rỡ, lúc đó khoảng 2 giờ 30 phút chiều. Nhằm ngày 30 tháng 3 năm 2008, cô hưởng thọ 66 tuổi.

(Thuật theo lời cô Hai Tuyết và cô Tư Quang, chị em của cô)

47. Ông Nguyễn Thành Ghi (1971 - 2010)

Anh Nguyễn Thành Ghi sinh năm 1971, cư ngụ tại xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Cha là ông Nguyễn Văn Viên, mẹ là bà Nguyễn Thị Hổ, hai ông bà có tất cả sáu người con và anh Ghi đứng thứ Ba trong gia đình.

Nhờ hấp thụ truyền thống của Tổ Tiên, cha mẹ đã sớm qui hướng Phật Pháp nên năm 15 tuổi, cả gia đình phát tâm trường chay, anh cũng phát tâm theo. Công khóa thường ngày, anh lễ sám hai thời sáng tối, sau đó, anh ngồi niệm Phật vài mươi phút. Anh thường xem quyển: Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.

Năm 25 tuổi, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Búp, sinh được hai gái, một trai. Tính tình anh rất tốt, nói ít cười nhiều luôn vui vẻ, lối xóm và chư đồng đạo ai ai cũng đều quý mến. Anh hăng hái tham gia các việc từ thiện xã hội, mỗi lần ba mẹ vợ đi cứu trợ miền ngoài, anh đều ủng hộ. Có một lần nọ, trong nhà hết tiền, anh cũng đi hỏi mượn bạn bè để đóng góp vào. Láng giềng cần gì, anh đều tận tình giúp đỡ.

Năm 32 tuổi, anh về sống bên ba mẹ vợ vì hai ông bà chỉ có đứa con gái duy nhất. Ba năm sau, anh đi khai mở đất mới, xa nhà vất vả, không ai nấu nướng, ăn uống kham khổ, vợ anh lại bận lo cho các con còn thơ dại, nên năm 35 tuổi, anh xin với ba mẹ dùng lại chay kỳ và nguyện sau này, khi đất đai thành phẩm, anh dùng chay trường trở lại.

Anh làm ruộng ở xã Vĩnh Gia, các việc từ thiện, chưa tới mùa gặt lúa, anh đã hứa trước. Anh thường ủng hộ: cất nhà trẻ, các Ban Trị Sự, tổ nấu cháo ở các bệnh viện... Anh có sắm một chiếc tắc-ráng đồ sẵn dầu, nếu như ai có bệnh hoạn hoặc các việc cấp bách anh sẵn sàng chờ giúp. Trước lúc xảy ra tai nạn hơn một tháng, đêm nào anh cũng mở máy phát sám kệ nghe cho tới sáng.

Ngày 28 tháng 10 năm 2010 lúc 10 giờ, trên đường từ xã Vĩnh Gia đi đến chợ Châu Đốc để mua thuốc hạ phen lúa. Khoảng hơn 11 giờ trưa, đến ngã tư vào chợ, thì bất ngờ, có một thanh niên say rượu chạy chiếc xe Wave Trung Quốc đâm ngay vào phuộc xe của anh, anh bị té nhào bất tỉnh. Người dân xung quanh xúm lại, thấy trong túi áo của anh rơi ra một chiếc máy điện thoại di động, liền lượm lên, gọi báo cho gia đình hay rồi cấp tốc chuyển anh xuống Bệnh Viện

Tri Tôn, dọc đường anh đã tắt hơi nhưng mọi người vẫn đưa anh vào bệnh viện để bác sĩ khám nghiệm tử thi. Kết quả cho biết, anh đã bị gãy cổ cột, khi làm thủ tục xong, thân nhân chở xác anh về.

Về tới nhà khoảng 8 giờ tối, sắc mặt anh xanh xao khó coi, gia đình mời Ban Hộ Niệm đến khai thị, trợ niệm cho anh liên tục, đến 11 giờ trưa hôm sau gương mặt anh đổi lại bình thường. Khi thân quyến tựu hội đầy đủ, gia đình mới làm lễ nhập liệm, cầu nguyện di quan và đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng, nhằm ngày 29 tháng 10 năm 2010. Anh hưởng dương 39 tuổi.

Nhờ ba mẹ ruột và ba mẹ vợ của anh hiểu biết Phật Pháp, lợi ích của sự trợ niệm nên mời Ban Hộ Niệm Liên Xã ở Vĩnh Xương. Mỗi tuần thất là khoảng vài chục người đến cộng tu trọn ngày, cứ luân phiên chia giờ niệm Phật rồi lạy Phật sám hối và khai thị cho anh tại bàn vong.

Mẹ vợ và vợ cũng khai thị cho anh mỗi ngày, gia đình còn thu băng một đoạn trích trong quyển Khuyến Thiện của Ngài Vô Danh Cư Sĩ, kể về tám nỗi khổ ở cõi Ta Bà, và tám niềm vui nơi miền Tây Phương Cực Lạc để phát tại bàn vong mỗi ngày, đồng thời máy niệm Phật cũng mở liên tục không gián đoạn. Mỗi đêm, người vợ và hai con đều tụng kinh Địa Tạng để hồi hướng cho anh.

Ngày tuần thất thứ nhất, cô Hai ở cùng xóm đi cầu nguyện về bị té xe. Tối lại, cô chiêm bao thấy anh về hỏi thăm cô đi cầu nguyện cho con về bị té có sao không, anh còn bảo cô Hai xuống nhà kêu vợ anh cho gạo và mở cốp xe lấy cho cô tiền vì từ khi xảy ra tai nạn cho tới giờ, tiền anh cất trong xe vẫn còn y nguyên, chưa ai phát hiện.

Tuần thất thứ ba, người anh họ làm ruộng giáp ranh, xạ lúa bị thừa, thấy bên anh mạ đầy nên mượn mấy cô qua tuyển một số. Tối lại, có một cô trong nhóm, chiêm bao thấy anh về quở trách: “Sao cô lại nhổ đập lúa của tôi!”. Người anh mượn chai thuốc sâu cũng thấy anh về đòi lại. Ba mẹ và vợ biết được anh còn tiếc của, chưa buông xả nên mới làm thêm nhiều công đức như: cúng dường Tam Bảo ở chùa các nơi, bố thí gạo, ấn tống kinh sách, phóng sanh... trong mỗi tuần thất để hồi hướng và cầu nguyện cho anh sớm được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Đến tuần thất thứ năm, cô Tám Đâu ở lối xóm, khi xả ca hộ niệm, vào khoảng 12 giờ trưa, cô ra nằm nghỉ ở phía trước nhà, mới vừa chợp mắt thì cô thấy hình Đức Phật A Di Đà từ bàn vong của anh bay ra sáng ánh.

Gần đến tuần thất thứ bảy, cô Út Hà người cùng xóm với anh, (sống hạnh xuất gia, tu chung thất với một bạn đạo) cô nằm chiêm bao thấy anh và hai người bạn, cả ba thân tướng đều hết sức trang nghiêm, gương mặt tràn đầy hoan hỷ, báo cho cô biết là anh đã được vãng sanh về cõi Phật.

Sáng ra đúng ngày tuần thất thứ bảy cô liền tường thuật điềm mộng cho mẹ vợ của anh hay. Do vậy anh Bảy trưởng Ban Hộ Niệm, đến trước bàn vong khẩn nguyện:

- “Đệ Ghi ơi! Nghe những giấc mộng của đồng đạo kể lại là điềm rất tốt, đệ được về cõi Phật. Đoàn hộ niệm của chúng tôi cũng thành tâm trợ niệm, hồi hướng công đức mà sao không thấy triệu chứng gì hết. Nếu thật sự đệ được vãng sanh, thì ngày nay là tuần thất cuối, đệ hãy báo cho đoàn biết!”

Một lát sau, trong lúc hộ niệm, Cô Năm đang ngồi bên chiếc giường đặt gần bàn vong, bỗng thấy nơi di ảnh của anh xẹt ra một luồng ánh sáng. Cô liền kể cho anh Bảy nghe. Vì anh Bảy không thấy nên anh đến bàn vong, nguyện thêm một lần nữa. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, nơi ảnh của anh tại bàn vong, cũng xẹt ra một luồng ánh sáng như trước, lần này mọi người đều trông thấy. Từ đó trở đi, không ai còn thấy anh về báo mộng lần nào nữa cả.

(Thuật theo lời ông Nguyễn Văn Chậm, bà Ngô Thị Bưng, Nguyễn Thị Búp, ba, mẹ vợ và vợ của anh)

48. Bà Nguyễn Thị Quận (1946 – 2013)

Bà Nguyễn Thị Quận sinh năm 1946, cư ngụ tại ấp Tân Hiệp A, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Tư, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Tại, bà có ba anh em và đứng thứ Hai trong gia đình.

Tính tình của bà từ hòa, hiếu thuận, thích sống đơn giản, đặc biệt là ý chí kiên định.

Năm 1979, bà kết hôn với ông Lê Văn Lượm, người cùng bản xứ, là công chức nhà nước, hai ông bà không có con.

Đến năm 2004, ông bạn đường ra đi. Trong lúc làm tuần thất cho chồng, chư vị đồng đạo đến cầu nguyện, an ủi và giảng giải về lý nhân quả, lý vô thường của Phật dạy, cuối cùng, giới thiệu về pháp môn Tịnh Độ, dùng Tín, Nguyện, Hạnh một đời sẽ ra khỏi sinh tử luân hồi, vĩnh viễn thoát ly bể khổ. Nghe xong, bà tỉnh ngộ, voi bớt đau buồn, liền phát tâm trường chay, sớm chiều lễ bái, niệm Phật làm lành, cầu sanh Cực Lạc.

Người em trai thứ Ba của bà tên là Nguyễn Tấn Phương, nhà ở cách đó khoảng bốn cây số, ông cũng thường xuyên tới lui thăm viếng chị mình, ông cũng trường chay tu hành. Thấy chị đã lớn tuổi, lại đơn chiếc nên đề nghị:

- “Anh Hai mất rồi. Chị ở đây vắng vẻ quá! Thôi, hãy sang bán nhà cửa, về sống chung với gia đình em...!”

Tháng 7 năm 2006, bà thu dọn xong xuôi rồi về ở nhà người em trai. Công khóa thường nhật, bà vẫn duy trì đều hai thời lễ niệm sáng tối.

Năm 2008, bà đến An Hòa Tự ở Phú Tân, tham gia công quả ở tổ may áo tràng. Sau đó, đến cộng tu và công quả tại đạo tràng của cô Huệ Nương.

Tháng 2 năm 2011, bà phát bệnh, đến thành phố Long Xuyên, bác sĩ chẩn đoán là “khối u đại tràng”. Nhập viện hai tuần rồi chuyển lên Bệnh Viện Chợ Rẫy. Ở đây, bác sĩ xử lý bằng cách phẫu thuật đưa hạ môn ra ngoài, thời gian nằm viện là 16 ngày. Khi xuất viện, bác sĩ hẹn một tháng sau tái khám.

Đúng hẹn, bà trở lại Bệnh Viện Chợ Rẫy; ở được ba ngày, bác sĩ khám nghiệm xong, cho biết là bệnh đã di căn nên đề nghị xạ trị. Bà bèn nói với chú Ba:

- “Tuởng lên đây có phần thay đổi tốt hơn thì có thể trị. Bây giờ, bệnh của chị đã di căn rồi, thôi miễn đi! Trị làm chi cho tốn tiền em út. Tại vì, chị thấy biết bao nhiêu người xạ trị thời gian ngắn rồi cũng chết chớ không có hết. Cho nên để số tiền đó sau này, chị miễn phần rồi lo hậu sự sẽ đỡ hơn. Nếu xạ trị cũng không sống được...!”

Vì thế, bà cương quyết đòi về, em bà thấy vậy cũng tùy thuận, liền đưa bà về.

Khi về nhà, sức khỏe bà hồi phục tương đối tốt nên bà tiếp tục đi làm công quả cho chùa ở Vàm Cống, Lấp Vò, được 7 tháng thì về chùa Huệ An, gần chợ Mương Diễm ở thành phố Long Xuyên. Bà tự qui định, mỗi ngày niệm 15 ngàn câu Phật hiệu, ngày nào làm công quả nhiều thì ban đêm, phải thức niệm cho đủ số mới đi ngủ. Các buổi công phu của đại chúng, bà không có tham dự, sớm tối chỉ lễ Phật khoảng 15 phút rồi chuyên niệm Phật mà thôi. Cách thức niệm của bà là dùng hai cái hộp đựng hột me, hễ niệm xong một tràng 108 hạt thì nhặt một hột me từ hộp bên này cho qua hộp bên kia, tới chừng nào đủ số mới đi nghỉ. Bà duy trì cách thức này cho đến khi qua đời.

Bà tu ở đây khoảng hơn một năm, đến tháng 2 năm 2013 bệnh tái phát, bà trở về nhà. Lúc này, bệnh hoành hành dữ dội và liên tục, nhưng bà vẫn một lòng niệm Phật đau nhiều chừng nào, bà niệm Phật nhiều chừng nấy, không hề rên than. Dù vậy, bà vẫn tự tắm giặt, em bà khuyên đề cho em cháu săn sóc nhưng bà không cho, nhiều lúc yếu, bà phải bò đi.

Mấy người cháu thương cô lắm, thấy bà bò lếch như vậy, không chịu nổi, mới xúm lại năn nỉ bà rằng:

- “Anh em tụi con hùn lại, thừa khả năng để điều trị cho cô! Nghe nói, Bệnh Viện Việt Mỹ trị những bệnh như cô hiệu quả cao lắm! Vả lại, chúng con đã chuẩn bị sẵn xe cộ hết rồi!”

Bà đáp:

- “Mấy đứa con thương cô thì cô rất mang ơn mấy con! Nhưng mà bệnh của cô, cô độ chắc không qua khỏi! Bây giờ, chở đi tới trên thì cũng chết, chớ không có hết! Mà lên trên chết thì cô khó được vãng sanh. Nếu thương cô, tốt hơn mấy cháu nên để cho cô ở nhà, chờ ngày ra đi. Chớ cô quyết định không đi...!”

Nghe qua, các cháu của bà rất cảm động, từ đó trở đi không dám đề cập tới chuyện chữa trị nữa. Phần bà thì khẩn thiết trì niệm đồng mãnh thêm hơn:

“Muốn cho Phật Di Đà lai viếng,

CHUYỆN VÃNG SANH Ở VIỆT NAM

Trong lòng dừng vắng tiếng Nam Mô.
Có thật mời thì kẻ mới vô,
Không thềm gọi ai mà bước đến.
Mong về Phật cõi phàm chớ mền,
Muốn nên Tiên tách bến hồng trần.
Phải quyết tâm chớ có ngại ngần,
Quang âm cứ xoay vần chẳng đợi.
Chúng sanh ở trong miền hạ giới,
Khá chọn đường đi tới Tây Phương.
Để phỉ ròi hết cảnh oan ương,
Và cũng dứt xong đường sanh tử.
Nếu nghiệp ác không còn lo trử,
Tất là không khỏi sự báo oan.
Vay thế gian phải trả thế gian,
Đi đường Phật thì sang cõi Phật.
Thế gian chịu khổ sâu chất ngất,
Cõi Phật thì khoái lạc vô biên.
Rán tu hành rán chường phước duyên,
Để sớm được trường miên bốn mạng.”

Dần dà, bệnh mỗi ngày một nặng, thấy bà đau nhiều, ngày 19 tháng 3 năm 2013 chú Ba mới mời Ban Hộ Niệm đến cầu an và cộng tu.

Trong những ngày cầu an và cộng tu, chư đồng đạo đến khai thị và sách tấn về Tịnh Độ, giảng giải rõ ràng về nỗi thống khổ ở cõi Ta Bà và sự vui màu nhiệm nơi Tây Phương Cực Lạc. Từ đó, nguyện cầu sanh của bà càng khẩn thiết thêm hơn, cứ niệm vài câu Phật hiệu là bà phát nguyện:

- “Nhờ ơn Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn con về Cực Lạc!”

Bà cứ lặp đi lặp lại như vậy liên tục.

Cầu an và cộng tu đến ngày thứ 9 thì bà khỏe hẳn, cơn đau dường như tiêu tan mất hết, bà đi tới đi lui trong nhà, có khi, còn cầm chổi quét sân.

Khoảng hai tháng sau, bệnh đột nhiên tái phát, hành hạ bà dữ dội. Đêm mùng 9 tháng 4 năm 2013, đang nằm ngủ, chú Ba nghe tiếng bà niệm Phật rất lớn nên vào phòng hỏi:

- “Chị Hai, bây giờ sao rồi chị?”

Bà trả lời:

- “Chị bây giờ, đau lại rồi! Mà thôi, đau thì đau, nhức thì nhức. Mình niệm Phật thì cố gắng niệm!”

Chú Ba liền đề nghị:

CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM

- “Hay là em mời đồng đạo đến hộ niệm cho chị ghen!”

Bà đáp:

- “Chùng nào thúc hả!”

Sáng ngày mùng 10 tháng 4 năm 2013 bà tự bò đi tắm, chú Ba năn nỉ để cho em cháu bé hộ cho mà bà không chịu. Tối chiều, thấy bà yếu nhiều, chú Ba nói:

- “Để em mời đồng đạo hộ niệm cho chị ghen!”

Bà vẫn trả lời như trước:

- “Chùng nào thúc hả!”

Đến khuya đêm đó, chú Ba bỗng nghe tiếng bà niệm Phật vang dội, ông liền cho vợ và các con hay, đồng vào phòng, ngồi hộ niệm cho bà, bà cũng niệm nho nhỏ theo mọi người. Trải qua khoảng 2 giờ sau, cơn đau từ từ dịu dần, rồi bà liền nói:

- “Vừa qua chị nằm mơ, chị thấy một vị Sư đắp y vàng, tay ôm bình bát đi đến hỏi chị: “Có thuộc 48 lời nguyện của Đức Phật không?”. Chị mới trả lời: “Chỉ thuộc một, hai điều thôi!”. Vị Sư ấy lấy từ trong bình bát ra cho chị một quả trái cây, chị nhận mà không biết là trái gì. Xong rồi, vị Sư ấy ra đi.”

Nghe xong chú Ba bèn nói:

- “Chị thấy như vậy thì em cũng mừng cho chị! Điềm chiêm bao đó là điềm lành, biết đâu... Ân Trên đã cảm ứng cho chị thấy điềm lành như vậy! Chị hãy cố gắng tin tưởng đáng thiêng liêng, tức là Đức Phật A Di Đà!... Cố gắng phát nguyện cầu sanh Tây Phương mạnh mẽ lên, chị ơi!”

Bà đáp:

- “Lúc nào chị cũng phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc hết!”

Gia quyến tiếp tục hộ niệm tới hơn 4 giờ sáng, chú Ba liền điện thoại mời Ban Hộ Niệm. Hay tin, đồng đạo kéo đến, hộ niệm đến sáng thì thấy bà khỏe lại. Sáng hôm ấy, nhằm ngày 11, đúng ngày niệm Phật định kỳ hàng tháng của đạo tràng chú Út Sách ở gần đó nên các bạn đồng tu cùng nhau đi tham dự, hẹn trưa sẽ trở về hộ niệm tiếp, chỉ còn chú Hai Tuấn ở lại, ngồi trong phòng cùng với chú Ba hộ niệm cho bà.

Đã trải qua 7 ngày ngưng ăn, hôm qua bà còn gắng gượng bò đi tắm được, nhưng hôm nay thì sức đã cạn kiệt hoàn toàn, mọi xoay trở đều nhờ người thân làm giúp.

Lát sau, bà nói với chú Ba:

- “Bây giờ, chị khỏe rồi! Em mời cậu Hai đi uống nước đi!”

Hai người bèn ra ngoài, sau khi uống nước và dùng cơm sáng xong, đồng đạo Hai Tuấn trở vào, nói:

- “Em về ghen, chị Hai! Em có công chuyện, một chút em qua!”

Bà mở mắt ra nhìn, nhưng lặng thinh không đáp. Chú Ba đưa chú Hai ra tới cổng, vừa đi vừa trò chuyện qua lại. Tiền khách xong chú Ba quay trở vào, thời gian mất khoảng 10 phút, vào đến phòng thì bà đã dứt hơi. Lúc đó, đúng 8 giờ sáng ngày 11 tháng 4 năm 2013. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Điều kỳ lạ, là bình thường bà nằm đầu ở hướng Đông, nhìn bức ảnh Đức Phật A Di Đà treo trên vách phía Tây. Khi mất thì bà tự xoay đầu trở về Tây, hướng đầu vào hình Đức Phật và nằm nghiêng bên phải theo thể kiết tường rất đẹp. Một câu hỏi được đặt ra trong lòng mọi người, là: Vì sao trước đó 10 phút, bà không đủ sức tự xoay trở để thay đổi tư thế. Vậy mà khi từ giã cõi đời, bà tự quay đầu và nằm nghiêng được? Đó mới là vấn đề khó hiểu theo quan niệm thường tình!

Đồng đạo tiếp tục hộ niệm, sau 8 tiếng đồng hồ, khám nghiệm tử thi thì chân tay mềm mại, các nơi đều lạnh, duy còn đỉnh đầu ấm nóng, gương mặt vui tươi, sáng đẹp lạ thường.

(Thuật theo lời Nguyễn Tấn Phương em ruột của bà)

49. Bà Nguyễn Thị Hai (1947 – 2014)

Bà Nguyễn Thị Hai sinh năm 1947, nguyên quán huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Cha là cụ ông Nguyễn Văn Bền, mẹ là cụ bà Lê Thị Tư.

Khi đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Nguyễn Tấn Thành, sinh được một trai và một gái, cư ngụ tại ấp Mỹ Phú, xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Gia đình bà sống bằng nghề làm mướn.

Theo tập tục cổ lệ, bà dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày, sáng chiều cũng lễ Phật, niệm Phật nhưng thời gian rất ngắn.

Bà có đức tính hiền hòa, đối với lối xóm chưa hề cãi vã mịch lòng một ai.

Ngày 18 tháng 12 năm 2013, đột nhiên bà phát bệnh nặng, đưa đến Bệnh Viện Đa Khoa huyện Thoại Sơn, hai ngày sau chuyển ra Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Bác sĩ chẩn đoán là “Khối u gan ác tính” nên đề nghị gia đình làm thủ tục chuyển lên Sài Gòn. Nhưng gia đình nghèo khó, không đủ điều kiện chữa trị nên xin xuất viện, nhằm ngày 23 tháng chạp.

Về nhà bà liền phát tâm trường chay, ông chồng cũng hưởng ứng ăn chay theo bà để hồi hướng cho vợ mình.

Không bao lâu, đến ngày 16 tháng 2 năm 2014 bệnh tái phát dữ dội, người thân đưa bà vào Bệnh Viện Đa Khoa Thoại Sơn. Ở đây được 6 ngày, bác sĩ khuyên ông chồng:

- “Thôi! Chú đem cô về đi! Lên thành phố vô hóa chất rụng tóc hết mà sống được một năm rồi cũng chết hà! Hơn nữa, chú không có khả năng, nghèo quá... nên thôi đi!”
Về nhà, bà quyết lòng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ông chồng luôn ở bên cạnh để đốc thúc bà cố gắng hành trì.

Sau rằm tháng 3, bà nhờ chồng mời Ban Hộ Niệm. Ngày 23 tháng 3 năm 2014, Ban Hộ Niệm của liên hữu Sáu Phúc đến cộng tu, suốt một tháng rồi ngưng một tuần. Đợt sau, đến cộng tu và hộ niệm thêm 10 ngày nữa thì bà mãn phần.

Những ngày mới cộng tu, có lần bà nghe văng vẳng bên tai có tiếng nói:

- “Thôi! Niệm Phật đầy bụng rồi, đừng có niệm nữa!”

Biết đây là oan gia trái chủ nên đồng đạo đã khai thị, hướng dẫn bà phóng sanh và sám hối, một lòng thành tâm khẩn thiết niệm Phật, nguyện sanh Cực Lạc. Sau đó thì không còn nghe nữa.

Thân quyến của bà đi hốt thuốc Nam và mua thuốc Tàu cho bà uống, hầu giảm đi những cơn đau hành hạ, nhưng đến ngày mùng 2 tháng 5 năm 2014 khi người nhà sắc thuốc bung đến thì bà không chịu uống, khi hỏi lý do thì bà trả lời:

- “Bây giờ không uống thuốc nữa, chỉ mong chết được vãng sanh mà thôi!”

Bởi thấy thuốc không còn tác dụng, và không muốn bị phân tâm nên bà luôn hoan hỉ chấp nhận trả nghiệp, càng đau thì càng niệm Phật, không hề rên than. Mắt bà luôn chăm chú hướng về tấm ảnh Đức Phật A Di Đà mà Ban Hộ Niệm đã treo trên vách, tay luôn lần chuỗi, miệng luôn nhép môi niệm Phật, có khi niệm ra tiếng, chồng con luôn kề cận hộ trợ liên tục. Bởi vì, bà đã quá chán ngán cõi trần luân qua lời khai thị của Cổ Đức:

“Kiếp chúng sanh vô thường,
Cõi thế gian mộng mị.
Cứ nổi nhau sanh thành,
Cứ nổi nhau tiêu hủy.
Không phải là mới đây,
Mà đã từ vô thủy.
Khổ lão không thể ngăn,
Khổ tử không thể trị.
Thời đại có khác nhau,
Sống chết vẫn một lý.
Đen trắng khác mặt mày,
Vui buồn đồng tánh ý,
Sống theo lối cảm tình,
Sống theo lòng ích kỷ.
CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM

Nào tha thiết ái ân,
Nào mong cầu danh vị.
Kẻ trẻ chưa vừa lòng,
Người già chưa mãn ý.
Ai cũng muốn trường sanh,
Ai cũng muốn phú quý.
Bệnh tật ai cũng ghê,
Chết chóc ai cũng kỵ.
Nhưng bệnh tật khó lìa,
Nhưng chết chóc khó tị.
Ai cũng tốn công lao,
Ai cũng hao tâm trí.
Thân sống không giữ còn,
Muốn ham chẳng được phỉ.
Định mạng của người đời,
Xưa nay không sai dị.
Người cũng nên tỉnh hồi,
Người cũng nên suy nghĩ.
Giải thoát kiếp vô thường.”

Nên:

“Kiếp này nguyện cõi Tây Phương trực chỉ,
Đức Di Đà thọ ký mới là ưng.
Cánh sen vàng đem thay cái nhục thân,
Kiếp sanh tử luân trầm không còn nữa!”

Đến ngày mừng 9 tháng 5 năm 2014, nhận thấy thể trạng của bà đã cạn kiệt vì đã hai tuần lễ ngưng ăn nên Ban Hộ Niệm tập trung toàn bộ lực lượng, hộ niệm cho bà. Tới gần 5 giờ chiều, bà đang niệm Phật thành thót theo đại chúng, bỗng dừng niệm đến chữ Đà thì dừng lại. Ai cũng ngỡ bà ra đi ngay lúc ấy, nhưng kéo dài hơn mấy mươi phút mà vẫn chưa dứt hơi. Ông chồng bèn đề nghị Ban Hộ Niệm tạm ngưng, ra ngoài nghỉ một tí để cho cô con gái tắm rửa, vệ sinh cho bà. Sau khi xong xuôi, mọi người trở vào, tiếp tục hộ niệm thì bà cũng chấp tay nhép môi niệm Phật theo mọi người. Khoảng 15 phút sau thì bà mỉm cười hai lần, rồi nhẹ nhàng vãng sanh, đúng vào lúc 5 giờ 30 chiều ngày mừng 9 tháng 5 năm 2014. Bà hưởng thọ 67 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn tiếp tục duy trì cho đến sáng hôm sau. Khi khám nghiệm, các khớp xương đều mềm mại, đặc biệt là gương mặt xinh đẹp lạ thường.

(Thuật theo lời Nguyễn Tấn Phương, chồng của bà)

Có hai bạn đồng tu cảm kích, kính tặng bà vài dòng thi như sau:

CHUYỆN VẮNG SANH Ở VIỆT NAM

Trang 168

“Chị Hai mang bệnh ngặt nghèo,
Khỏi u ác tính nó đeo vào mình.
Khốn thay hoàn cảnh gia đình,
Gạo tiền giới hạn cảnh tình rất nguy!
Sâu duyên, chị quy y Tam Bảo,
Nguyên trường chay trực đảo Tây Phang.
Đêm ngày Phật hiệu ngân vang,
Bệnh đau mặc kệ thuốc thang chẳng màng.
Tháng năm, mừng chín rõ ràng,
Chiều năm giờ rười nhẹ nhàng dứt hơi.
Mỉm cười hai lượt tuyết vời,
Giã từ cõi thế về nơi Liên Đài.
Hộ niệm thêm chân tay mềm dịu,
Mặt đẹp xinh hơn lúc bình thường.
Dường như nhấc khách trần dương,
Tin sâu - Nguyễn thiết Tây Phương có phần!”

50. Em Phan Thị Là (1998 - 2014)

Em Phan Thị Là sinh năm 1998, con của anh Phan Văn Lập và chị Phan Kim Hoa, cư ngụ tại ấp Hòa Long, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Hai anh chị sinh được chín người con, năm trai, bốn gái, em Là đứng thứ Bảy trong gia đình. Hai anh chị sinh sống bằng nghề làm vườn.

Tính tình của em Là rất hiền lành và rất hiếu thảo, lễ phép với ông bà, cha mẹ cùng những người lớn tuổi, nói chuyện đều dạ thưa; đối với anh chị em thì kính trên nhường dưới. Cha mẹ tất bật lo làm lụng vất vả, lo cho các con miếng ăn tấm mặc, em thấy vậy nên tranh thủ đi học xong, về nhà đặng tiếp giúp gia đình, cho cha mẹ đỡ cơ cực phần nào. Khi tốt nghiệp bậc tiểu học xong, em theo học tại trường Trung Học Cơ Sở Định Mỹ, cách nhà em khoảng hai ngàn mét. Trong quá trình học tập em đều đạt được thành tích là học sinh giỏi nhứt lớp, từ lớp 1 tới lớp 7. Cách học của em là vừa làm, hay vừa đi đến trường vừa học lắm thàm trong miệng. Có lần, mẹ hỏi em:

- “Sao không thấy con học bài?”

Em trả lời:

- “Con thuộc rồi!”

Bởi, cha mẹ đều trường chay nên năm lên 7 tuổi, em phát tâm ăn chay theo. ĐIỀM đặc biệt, là em không bao giờ thích xem phim, xem ti vi và đi chơi với bạn bè.

Đến năm 13 tuổi thì em phát bệnh. Ngày 14 tháng 12 năm 2011, đi khám ở Bệnh Viện Thoại Sơn, bác sĩ cho biết là em bị “Viêm cầu thận cấp”, nằm viện ở đây 7 ngày. Gia đình không đủ kinh phí để điều trị, nhưng nhờ sự quan tâm của tập thể thầy cô, nhất là thầy hiệu trưởng và thầy hiệu phó đã vận động tiền và còn viết bài viết, gửi cho nhà báo An Giang và đài phát thanh An Giang về tấm gương: “Vượt khó, học giỏi” mà đang lâm cơn bệnh nặng, không có tiền chữa trị. Khi nhà báo và đài phát thanh nhận được bài, rất cảm động, liền cho phát thanh tin và đăng tin. Cũng nhờ đó mà các nhà Mạnh Thường Quân khắp nơi, Hội Khuyến Học huyện Thoại Sơn, Hội Khuyến Học tỉnh An Giang... được biết, đến tận gia đình thăm hỏi và ủng hộ. Do đó, em được chuyển ra Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, ba tháng sau chuyển lên Bệnh Viện Nhi Đồng I Thành phố Hồ Chí Minh. Bệnh ngày một tăng dần và chuyển sang “Thận hư mãn tính”. Thông thường, khi bệnh nặng thì nằm viện khoảng một tháng, khi nào bệnh ít thì tái khám xong rồi mang thuốc về. Suốt hai năm như vậy, em đã nhập xuất viện hơn 20 lần và tổng chi phí trước sau khoảng 130 triệu đồng.

Trong suốt thời gian điều trị, em nghỉ học, khi về tới nhà thì mượn bài vở của bạn mình chép lại. Vậy mà cuối năm, kỳ thi lớp 7 lên lớp 8, em đạt thành tích hạng nhất lớp và nhất khối, một thành tích mà không ai ngờ được.

Do cơn bệnh kéo dài và hành hạ thân xác mình, làm ảnh hưởng rất nhiều người về tinh thần lẫn vật chất, biết bao là lo lắng, biết bao là vất vả, nhọc nhằn... Em cảm nhận, sức khỏe là một tài sản quý báu nhất của đời người, nên em đã mơ ước khi lành bệnh sẽ cố gắng học hành để mai sau trở thành bác sĩ, hầu đền đáp những ân đức mà mình đã thọ nhận, và xoa dịu bớt những khổ đau do bệnh tật do bệnh tật đem lại của tất cả những ai có mặt trên hành tinh này!

Vào tháng 11 năm 2013 bệnh đã chuyển sang giai đoạn nguy kịch, y bác sĩ phát hiện em đang dùng chay nên đã đề nghị gia đình cho em ăn mặn, mong đạt hiệu quả cao trong quá trình điều trị. Ban đầu, em không chịu nhưng do cha mẹ và thầy giáo khuyến mãi nên sau đó, em miễn cưỡng tạm dùng. Khi nhận thức ăn về phòng, thường thì, em chỉ ăn một vài miếng, còn bao nhiêu thì cho hết những em bé nằm bệnh chung phòng.

Cũng trong thời gian này, anh của em đến chùa Hoằng Pháp, thỉnh về quyển Niệm Phật Chỉ Nam đưa cho Ba. Ba em xem sơ qua, rồi ông đem lại trao cho em và nói:

- “Là ời! Ước mơ của con là ước mơ làm bác sĩ. Mà Ba thấy... con bây giờ... không có đủ thời gian để học làm bác sĩ! Thôi, con niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, rộng độ chúng sanh, nó quý hơn một trăm, một ngàn lần so với làm bác sĩ nữa...!”

Em đón nhận và đọc liền một mạch, đến phần trích dẫn Tịnh Độ Pháp Ngữ của Đại Sư U Khê, thiện căn quá khứ bỗng nhiên khởi phát, gương mặt em tràn đầy hoan hỷ, tan biến mọi sầu đau. Từ đây, em cứ tay thì lăn chuối, miệng thì nhép môi niệm Phật luôn. Bác sĩ đến khám, hỏi câu nào đúng thì em gật đầu, câu nào không đúng thì lắc đầu. Sau đó, em khóc, nói với Ba, Mẹ rằng:

- “Thôi! Ba, Mẹ xin bác sĩ cho con về đi. Về nhà cầu an, hộ niệm cho con đi! Chắc con không có thể nào còn cơ hội để đi học nữa rồi. Bác sĩ đã cho biết, bệnh của con đã qua thận hư mãn tính giai đoạn cuối cùng, nặng lắm rồi! Con không có thời gian đi học nữa!”

Mẹ em hỏi:

- “Làm sao con biết?”

Em đáp:

- “Con nghe bác sĩ nói nhỏ với nhau!”;

Ba của em đồng ý, liền làm thủ tục xin ra về. Về đến nhà, em niệm Phật liên tục, em còn nói với mẹ:

- “Nếu ai có lại hỏi thăm con, mẹ trả lời đi, đừng có hỏi con!”

Ngày 24 tháng 1 năm 2014, Ban Hộ Niệm của liên hữu Tư Xã- Tư Găng đến cộng tu liên tục 7 đêm. Khi khởi sự, trưởng Ban Hộ Niệm đã khai thị tóm tắt những điều trọng yếu của nguyên tắc vãng sanh. Cuối cùng tóm kết lại, khuyên em phải tuân thủ hai điều: một là phát nguyện trường chay trở lại; hai là niệm Phật phải chí tâm và khẩn thiết nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Nghe xong, em tin nhận và chấp thuận hai điều kiện đã đưa ra.

Xong một tuần cộng tu thì tạm ngưng 10 ngày, nhằm ngày 11 tháng 2 năm 2014. Cũng hôm ấy, có thầy hiệu trưởng và hiệu phó đến thăm, em cứ lần chuỗi, nhép môi niệm Phật, không thừa hỏi gì cả. Mẹ em sợ hai thầy buồn nên nhắc:

- “Hai thầy vô thăm con kìa, con!”

Em chỉ gật đầu. Thầy giáo nói:

- “Thôi, thiếu Sáu ơi! Tui biết ý học trò tui rồi! Không sao đâu, thiếu đừng có sợ. Tui không buồn nó đâu! Nếu mà nó trả lời tui thì nó sẽ đứt đoạn niệm Phật. Nên để nó niệm Phật nhứt tâm!”

Qua hôm sau, tức là ngày 12 tháng 2 năm 2014, cuộc hộ niệm tiếp tục trở lại, đồng đạo Tư Xã đến khai thị và hỏi em:

- “Bữa nay, chú hỏi thiệt con! Con nguyện như thế nào, con nói cho chú mừng coi?”

Em đáp gọn lỏn:

- “Bây giờ, ước mơ của con là con nguyện: Nếu mà con có ra đi thì nhờ Đức Phật rước hồn con được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc!”

Khi ra ngoài, đồng đạo Tư Xã đã khen nhỏ với mẹ em:

- "...Tuy nó nhỏ tuổi mà tinh thần nó mạnh mẽ lắm đó chị!"

Sáng 5 giờ ngày 13 tháng 2 năm 2014, em nói với mẹ:

- "Mẹ ơi! Bữa nay, con muốn uống sữa!" (Lúc trước, em ít uống lắm).

Mẹ em pha cho em hơn nửa ly đem đến. Khi uống xong, em nói:

- "Mẹ ơi! Sữa bữa nay ngon quá! Thôi, mẹ pha cho con một ly nữa đi!"

Mẹ em đáp:

- "Bao tử con không tốt. Thôi, bây giờ con uống ít đi. Chút xíu mẹ pha cho con uống!"

Em nói:

- "VẬY HẢ MẸ! Thôi, mẹ có nấu cháo hông? Cho con ăn miếng cháo!"

Mẹ em múc nửa chén cháo đem lại. Ăn xong, em nói:

- "Sao bữa nay, mẹ làm cái gì con ăn cũng thấy ngon hết... Mẹ, bữa nay mẹ đừng có đi đâu hết, nghen mẹ! Mẹ ở trọn ngày nay với con đi, rồi... đau đớn thể nào con cũng chịu đựng được hết... Mẹ ở đây với con, con vui lắm đó... Từ đó tới giờ, con có hôn ầu, làm lỗi gì với mẹ, mẹ tha thứ cho con, nghen mẹ!..."

Gương mặt em hôm nay, bỗng dưng thay đổi hẳn, hồng hào, tươi tắn, không còn sùng như mấy ngày trước nữa, nghe trong lời nói của con có cái gì đó làm chị linh cảm, dường như sắp sửa phải đến lúc phân ly! Thường khi, thì chị ít nghĩ đến giờ phút ấy, hay đúng hơn là không dám nghĩ tới nó. Bởi, cảm tình của một bà mẹ... không bao giờ muốn con phải rời khỏi tầm tay mình, ra đi mà không ngày gặp lại!

Em còn nói:

- "Mình nhiếp tâm niệm Phật tới 7 ngày mà mình không có vọng động, không nghĩ về cha mẹ, thế gian và chuyện gì quanh quẩn hết thì Phật hiện thân đến rước mình về Tây Phương Cực Lạc đó mẹ...!"

Mẹ ơi! Nếu con có gì thì mẹ đừng có khóc! Mẹ hứa với con đi! Nếu con có gì, mẹ niệm Phật cho con thì con yên tâm. Mẹ hứa với con đi!"

Câu này em nói tới ba lần. Khi mẹ em hứa rồi thì em nói tiếp:

- "Con có gì thì mẹ niệm Phật cầu cho con vãng sanh, chớ đừng cầu hết bệnh. Cầu cho con hết bệnh, con hồng chịu!..."

Đến hơn 11 giờ trưa, em nói:

- “Thôi, con nói chuyện với mẹ hồi sáng tới giờ, con không nói nữa, bây giờ con niệm Phật đặng con ngủ nghe mẹ. Con ngủ luôn à! Mẹ niệm Phật tiếp con đi!”

Khi bà niệm, em cũng niệm ra tiếng “Nam Mô A Di Đà Phật” đến câu thứ năm, mẹ em thấy vậy nên nói:

- “Con còn yếu quá hà! Con niệm ra tiếng thì mệt lắm. Thôi, con niệm thầm trong tâm đi, để mẹ niệm ra tiếng cho. Niệm trong tâm, Đức Phật cũng chứng mà...! Con niệm Phật thì niệm trong tâm đi rồi mẹ niệm tiếp cho!”

Em nói:

- “Vây, hả mẹ! Vây con niệm thầm rồi con ngủ luôn nghe mẹ! Con không nói chuyện nữa, mẹ niệm tiếp cho con đi! Mẹ niệm theo điệu nhạc niệm Phật!”

Em nhìn lên ngôi Tam Bảo rồi nhìn mẹ hai lần như vậy, kể đến em nằm nghiêng bên phải mà nhẹ nhàng thanh thản trút hơi thở cuối cùng. Lúc này đúng 12 giờ trưa, nhằm ngày 13 tháng 2 năm 2014.

Hộ niệm thêm 16 giờ, khi khám nghiệm tử thi thì các khớp xương mềm mại, đánh đầu ầm trong khi mọi nơi đều lạnh, gương mặt hồng hào, đôi môi giống như thoa son.

Bảy tuần thất trôi qua, mẹ em vẫn còn ray rứt, không biết con mình có được vãng sanh hay không mà không báo mộng cho mình biết gì hết trơn, để mình mừng. Tối lại, chị nằm mộng thấy em, thân tướng to lớn, cực kỳ đoan nghiêm. Em nói rằng:

- “Con báo tin cho mẹ biết, đặng mẹ đừng có lo cho con. Con đã về Tây Phương Cực Lạc rồi...!”

Khi tỉnh giấc, niềm an lạc vô biên tràn ngập trọn cõi lòng chị. Từ đó trở đi, nỗi hoài nghi trong tâm của chị thấy đều bay biến hết.

(Thuật theo lời anh Phan Văn Liệp và chị Phan Kim Hoa)

Qua câu chuyện trên, chúng ta nhận thấy đúng như lời khẳng định của Cổ Đức:

“Chỉ một niệm một lòng đi tới,
Phật Tây Phương sẽ gọi đến tên.
Chón liên trì sen báu nở lên,
Khi mãn kiếp ngồi trên chín phẩm.

MỤC LỤC:

Lời Nói Đầu

1. Bà Nguyễn Thị Thoại (1919 - 2007)
2. Bà Nguyễn Thị Tý (1922 - 2012)
3. Bà Nguyễn Thị Xinh (1916 - 1983)
4. Bà Trương Thị Hân (1903 - 1984)
5. Bà Nguyễn Thị Chín (1913 - 1994)
6. Cô Lương Thị Mọn (1950 - 1978)
7. Ông Trần Văn Cón (1923 - 1997)
8. Cụ Trần Văn Nghi (1926 - 2007)
9. Ông Nguyễn Văn Hai (1875 - 1973)
10. Ông Nguyễn Từ Tâm (1912 - 1972)
11. Bà Dương Thị Thu (1948 - 1996)
12. Thượng Tọa Thích Thiện Tường (1945 - 2000)
13. Bà Tô Văn Liên (1915 - 2000)
14. Cư sĩ Nguyễn Văn Trí (1926 - 2000)
15. Sư Bà Đàm Lưu (1933 - 1999)
16. Thầy Thích Minh Đạt (? - 1997)
17. Lão Cư Sĩ Lư Nhiên Phú (1929 - 2000)
18. Cụ bà Huỳnh Thị Dền (1917 - 2000)
19. Bà Huỳnh Ngọc Tuyết
20. Ông Lê Văn Hiếu (1940 - 2001)
21. Bà Nguyễn Thị Tân (1921 - 1999)
22. Cư sĩ Nguyễn Văn Luông (1947 - 1996)
23. Ông Nguyễn Văn Lai (1941 - 2000)
24. Ông Nguyễn Văn Khương (1922 - 1983)
25. Ông Đông Văn Lễ (1919 - 1987)
26. Bà Lê Thị Mạnh (1923 - 2006)
27. Ông Đồng Văn Hảo (1956 - 1996)
28. Ông Đồng Văn Hòn (1951 - 2006)
29. Bà Nguyễn Thị Thai (1932 - 1997)
30. Bà Thái Thị The (1951 - 2003)
31. Bà Đặng Thị Vân (1954 - 2009)
32. Bà Lê Thị Đẩu (1908 - 1989)
33. Ông Phạm Ngọc Hòa (1914 - 1997)
34. Bà Nguyễn Thị Quyên (1941 - 2007)
35. Ông Cao Ngọc Thâm (1923 - 2001)
36. Ông Liêu Duy Trà (1917 - 2006)
37. Ông Trần Văn Tôn (1928 - 2002)
38. Ông Võ Văn Hên (1925 - 2007)
39. Ông Võ Văn Phải (1915 - 1994)
40. Thầy Bửu Hạnh (1927 - 1990)

41. Ông Đỗ Thanh Sơn (1959 - 2006)
42. Ông Nguyễn Thành Tâm (1969 - 2006)
43. Bà Đoàn Thị Yến (1936 - 2009)
44. Bà Huỳnh Thị Phỉ (1972 – 2014)
45. Bà Trần Thị Cẩm Vân (1972 - 2008)
46. Bà Nguyễn Thị Cúc (1942 – 2008)
47. Ông Nguyễn Thành Ghi (1971 - 2010)
48. Bà Nguyễn Thị Quận (1946 – 2013)
49. Bà Nguyễn Thị Hai (1947 – 2014)
50. Em Phan Thị Là (1998 - 2014)

NHÓM LIÊN HỮU MIỀN NAM ĐẤT VIỆT
Sưu tầm và biên soạn
NGUYỄN MINH TIẾN hiệu đính và giới thiệu

CHUYỆN VĂNG SANGH

TẬP II (Phần 3 & Phần 4)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi nhận được bản thảo tập sách này trong thời gian vừa hoàn tất bản Việt dịch sách Tây Quy Trục Chỉ, là phần cuối cùng trong bộ An Sĩ Toàn Thư gồm 5 tập, lại cũng chính là phần khuyên dạy về pháp môn Tịnh độ. Bộ sách đồ sộ hơn 2.000 trang này đã dành cả 4 tập đầu để khuyên dạy về nhân quả, khuyến khích sự tu tập bao gồm giới sát, giới dâm, xem như một sự chuẩn bị phẩm hạnh thật đầy đủ chu toàn trước khi dẫn dắt hành giả bước vào tu tập pháp môn niệm Phật.

Thật là một cơ duyên tương hợp mầu nhiệm thay, tập sách này chính là bản thuyết minh rõ ràng nhất cho tiến trình tu tập được An Sĩ Toàn Thư khuyến tấn: “Tu sửa thân tâm mới có thể hướng về Tịnh độ.”

Nếu như Tây Quy Trục Chỉ là tập cẩm nang quý giá luận bàn về nghĩa lý sâu xa của pháp môn niệm Phật, phá trừ sự nghi ngại của những ai còn chưa thấu triệt, thì tập Chuyện Vãng Sanh này lại chính là những bằng chứng thật có trong đời thường, những tấm gương tu tập của hàng trăm hành giả chuyên tâm tu tập pháp môn niệm Phật. Tuy họ không phải là những người uyên bác về Phật học, nhưng công phu tu tập của họ lại hoàn toàn đúng hướng, với những thiện hạnh sâu dày được tích lũy trong từng việc làm mỗi ngày, kẻ cứu giúp dân nghèo, người chẩn bần, phát thuốc; kẻ xây cầu đắp lộ, người sửa đình dựng chùa... Mỗi người một việc, họ đều quên thân mình để phụng sự tha

nhân. Và vượt trên tất cả là họ tu tập thiện hạnh không phải để cầu được quả báo tốt đẹp giàu sang phú quý trong đời sau, mà tất cả đều một lòng mong về cõi Phật, viên thành đạo quả để có thể quay lại Ta-bà cứu vớt chúng sinh. Và những tâm nguyện cao quý ấy đã được họ biến thành hành động cụ thể, giúp làm vơi đi rất nhiều khổ đau trong cuộc đời này. Những tấm gương tu tập như thế đều cho ta thấy được sự viên dung cả lý tánh và sự tướng.

Có thể nói, tập sách này đã vẽ lên được một toàn cảnh về những người tu tập Tịnh độ trong thời hiện đại. Không chỉ là những cụ ông cụ bà đã qua độ tuổi “cổ lai hy”, mà còn có cả những em nhỏ ngây thơ ở độ tuổi chưa đến đôi mươi, thậm chí như bé Hoa Minh chỉ vừa 8 tuổi. Ở độ tuổi non nớt như thế mà các em đã có được sự tín thành, đã tha thiết hướng về Tam bảo và tin sâu pháp môn niệm Phật, quả thật chỉ có thể là do căn lành đã gieo trồng từ nhiều đời trước.

Mong sao những tấm gương tu tập thiết thực và kết quả rõ ràng như vậy sẽ là những hồi chuông cảnh tỉnh đối với những ai còn mê mãi trôi lăn trong khổ đau trần thế, giúp người người đều sớm nhận ra một lối quay về.

Với lòng biết ơn chân thành đối với các liên hữu đã cất công sưu tầm, thực hiện, tôi xin vui mừng giới thiệu tập sách này cùng độc giả gần xa.

Trân trọng,
Nguyễn Minh Tiến

LỜI NÓI ĐẦU

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính thưa chư liên hữu gần xa!

Trong Tín Tâm Lục có ghi lại câu chuyện như sau:

“Ông Lưu Sơn Anh phát tâm quỳ tụng Kinh Quán Âm và chú Chuẩn Đề cầu cho mẹ khỏe mạnh, sống lâu. Lúc đầu ông cảm thấy trong mình mệt nhọc, lại thêm đau chân không nhấc được, bụng bảo dạ rằng: “Mẹ ta bị bệnh đàm hỏa, dù tụng Kinh e chưa chắc đã lành được!”, nên ông có ý thôi tâm. Về sau lại suy nghĩ lời Khổng Tử đã nói: “Không bền chí, không thể làm Thầy thuốc!” Làm Thầy thuốc mà không bền chí còn không được thay, huống chi là tu niệm! Vì thế ông tự phấn phát cố gắng lên. Ngoài việc tụng Kinh ra, ông còn làm thêm những việc phước thiện khác, như: bố thí, phóng sanh, cứu giúp những người nghèo khổ bệnh tật... để hồi hướng cho thân mẫu.

Nhưng lâu ngày bệnh trạng không những chẳng nhẹ bớt mà lại thấy càng nặng hơn. Một hôm bà mẹ gọi ông đến, bảo:

- Bệnh của mẹ đã hơn ba mươi năm nay chữa trị thuốc thang cũng đã cùng khắp mà không hết, khi tăng

khi giảm. Nay con thay thế mẹ quỳ tụng Kinh, bệnh hiện tại lại càng thêm trầm trọng, e rằng do mẹ phước mỏng nghiệp dày nên không thể tiêu nổi. Thôi con nên ngừng việc tụng Kinh là tốt hơn!

Ông liền thưa với mẹ rằng:

- Có lẽ vì con chưa tận lòng chí thành, niệm nghi ngờ chưa trừ hết chăng? Xin mẹ cứ yên tâm!”

Khi đó ông liền đốt hương, cúi đầu quỳ trước Phật khóc lóc xin thề dứt trừ lòng nghi ngờ, cầu cho mẹ tật bệnh được tiêu trừ. Đêm ấy ông nằm mộng gặp Đức Quán Âm Bồ Tát đi đến nắm tay dắt mẹ mình cùng ngồi và trao cho bà một chén nước bảo bà uống. Sáng dậy thấy bệnh lành hơn một nửa. Qua vài ngày sau hoàn toàn dứt hẳn. Cố tật trên 30 năm, trong một giờ thấy đều tiêu diệt!”

Qua câu chuyện trên, nhận thấy yếu tố “lòng thành” đối với người tu Tịnh độ như chúng ta mà nói, thì nó đóng một vai trò trọng yếu đưa đến kết quả mỹ mãn của việc tu niệm hành trì, gần thì tai qua nạn khỏi bệnh tật tiêu trừ, khổ đau dứt sạch; xa thì vãng sanh Tây Phương vĩnh viễn thoát vòng sống chết luân hồi, nhanh chóng bước lên quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Hai chữ “lòng thành” hay “thành lòng” này, có rất nhiều từ tương đương đồng nghĩa, như: chí thành cung kính, thành tâm, chí tâm, nhất tâm, chân tâm, thật tâm, thật lòng, một lòng, dốc lòng...

Những ai có bản tính hiền lành, thật thà, chất phác, bụng nghĩ sao thì miệng nói vậy, không sợ chê cười, chẳng

màng thua thiệt, sẵn sàng nhường phần cho người, hoàn toàn không tính toán so đo, hay cân nhắc lợi - hại, được - mất... Thì chữ Cổ đức cho đây là pháp khí, là vật báu trong Phật môn, các Ngài vô cùng trân quý, luôn quan tâm chiếu cố đến và đầu tư thời gian cũng như công sức giáo dưỡng nhiều hơn, bởi vì vị ấy có được: “tâm thành”!

Ấn Quang Đại Sư dạy:

“Muốn hưởng được thực sự lợi ích từ Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính sẽ tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính sẽ tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ. Nếu chẳng cung kính đến nỗi khinh mạn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm”.

Một cư sĩ ở Vĩnh Gia viết thư cầu Đại Sư truyền cho bí pháp để dụng công tu trì, Ngài trả lời:

“Nếu có bí quyết truyền thọ riêng nơi chỗ ẩn khuất tức là tà ma ngoại đạo, không phải Phật pháp. Nhưng Ấn Quang thật cũng có chỗ diệu quyết chỉ riêng mình được, nay nhân cư sĩ thỉnh cầu, không ngại gì đem ra bày tỏ với các hàng Phật tử trong thiên hạ. Diệu quyết ấy là gì? Là chí thành, là cung kính. Điều này cả thế gian đều biết, nhưng đạo lý chí thành cung kính này thì cả thế gian đều mê muội! Ấn Quang do muốn tiêu trừ tội nghiệp sâu nặng và báo đáp ân Phật, hằng để ý tìm cầu gương sáng tu trì của cổ đức, nên được biết rằng chí thành cung kính là bí quyết rất mầu để vượt phàm lên Thánh, thoát nẻo luân hồi. Mấy điểm này, đối với những người hữu duyên

tôi đã thường thường khuyên nhủ. Nên biết thành kính không phải chỉ để riêng cho người học Phật, mà tất cả mọi việc nếu muốn được tinh nhất, phải lấy đây làm nền tảng”.

Làm sao để có được tâm “chỉ thành cung kính” trong công phu hằng ngày? Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng, thiết yếu lại vô cùng cấp bách đối với chúng ta hiện nay!

Theo lời chỉ dạy của chư Cổ Đức, nếu chúng ta muốn khởi phát được tâm thành kính thì cần phải không thấy lỗi - xấu của mọi người chung quanh, dù là ý niệm trong lòng cũng không cho chúng manh nha, mà ngược lại lúc nào cũng thấy chính mình là phạm phu nghiệp sâu chướng nặng, đầy dẫy những lỗi lầm, xấu dở; Và luôn luôn tôn kính mọi người chung quanh dầu là người hung ác, xem họ đều là hóa thân của Phật hay Bồ Tát. Khi Đức Phật còn tại thế, Đề Bà Đạt Đa phản thầy lừa bạn, phá hòa hợp tăng đoàn, làm thân Phật ra máu, xúi giục A Xà Thế giết cha hại mẹ, ám sát Đức Thế Tôn... Vậy mà trong cái nhìn của bậc chân tu thì ông là một vị Đại Bồ Tát (Bồ Tát Nghịch Hạnh), thành tựu quả Bồ-đề nhanh chóng cho những ai hướng về nẻo xuất thế, siêu phàm nhập Thánh!

Vì thế “lòng thành” được xem là đôi cánh của chim đại bàng tha hồ bay lượn giữa bầu trời an lạc hạnh phúc xanh thẳm bao la; là cá kình to lớn thông dong bơi lội trong biển cả Phật pháp sâu rộng mênh mông; là chìa

khóa để mở tung cánh cửa giải thoát, vĩnh viễn dứt sạch trần lao khổ lụy!

Nếu đời sống hằng ngày của hành giả niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ có được lòng thành kính, thì niềm tin tự nhiên sẽ sâu, chí nguyện vãng sanh tự nhiên sẽ thiết, hiện tại thân tâm của mình luôn yên bình hạnh phúc vô tận vô biên, lòng luôn thanh tịnh tràn đầy an lạc; mà thanh tịnh an lạc là hoa thơm, vãng sanh Cực Lạc thế giới là quả ngọt:

*Hoa báo hiện tiền nơi cõi mộng,
Mai sau quả báo ngự liên đài!*

Chuyện vãng sanh Tập 2 (phần 3 & 4) vừa hoàn tất, xin ra mắt cúng dường chư liên hữu tất cả mọi nơi. Việc làm này nếu có chút ít công đức nào nguyện hồi hướng khắp pháp giới chúng sinh đồng sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo!

Nam Mô A-di-đà Phật
Miền Tây, ngày 15 - 7 - 2015.
Nhóm liên hữu Miền Nam Đất Việt

PHẦN 3

51. Bà TRẦN THỊ XUÂN (1914 - 2003, 89 tuổi) và Ông LƯU LUÂN BÁ (1913 - 2012, 99 tuổi)

Cách tu của ông cực kỳ đơn giản: không đi chùa, không đọc kinh sách, không kết giao với một người bạn đạo nào... vô số những cái không như thế! Ông chỉ nghe máy niệm Phật rồi niệm theo để về với Phật A-di-đà! Đây quả thật là trường hợp đặc biệt hiếm lạ nhất từ xưa đến nay!

Bà Trần Thị Xuân sinh năm 1914, cư ngụ tại số 542 đường Trần Hưng Đạo, khóm 3, phường 1, thành phố Sa Đéc. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Biên, thân mẫu là cụ bà Cam Thị Ty. Bà là người con thứ bảy trong gia đình có chín anh em.

Khi tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Lưu Luân Bá, sinh được bốn trai, hai gái. Nhà máy xay lúa bằng hiệu “Nghĩa Hưng” là cơ sở sản nghiệp của gia đình bà. Nhà máy này hoạt động mãi cho đến năm 1975 mới ngưng, rồi chuyển sang chế biến đường mía.

Hiền lành, chân thật, cần mẫn, nhẫn nại với mọi khó khổ... là những đức tính tốt đẹp mà mọi người đều công nhận có đủ nơi bà.

Vào khoảng năm 1962 người con trai thứ tư nhập ngũ, bà phát tâm trường trai cầu nguyện cho con được bình an cho đến ngày xuất ngũ về nhà. Mấy năm trôi qua lòng thành của bà được cảm ứng đúng như ý nguyện, do đó bà đến chùa Giác Tôn quy y Tam Bảo, được Ni Sư trụ trì đặt pháp danh là Diệu Hạnh, và Ni Sư còn hướng dẫn thời khóa tu tập thường nhật cho bà. Ban ngày thì bà lo làm công việc của nhà máy, mỗi tối bà tụng các kinh điển Đại thừa, nhưng nhiều nhất vẫn là tụng kinh Pháp Hoa và trì chú Đại Bi, rồi niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tây Phương. Bà thỉnh thoảng tới chùa thăm thầy bốn sư để nghe pháp và nhờ chỉ dạy thêm những điều cần thiết cho công phu hành trì.

Trong gia đình, do chồng bà không tin Phật pháp, không có thiện cảm với người tu, nhất là quý sư. Nên khi bà dùng chay tu hành đã gặp trở ngại chẳng nhỏ! Đôi lúc ông đem đồ mặn trộn vào thức ăn của bà đang ăn, và nói:

- Nè! Bà đừng có xem đồ mặn là cứt nghe chưa!

Quả thật là:

*“Phải chịu được người nung kẻ thét,
Mới trở nên màu sắc vàng ròng.
Mười phương chư Phật Tây, Đông.
Cũng từ lò đúc cõi hồng nẩy ra.
Chịu khổ khó mới là đắc quả,
Không nhọc tu dễ há thành công.
Mang giày nhẵn nhục leo chông,
Mặc y tinh tấn, đeo cung đại hùng*

*... Thiếu đại lực ắt trôi việc lớn.
Không đại hùng khó thắng nguy nan,
Tu như lọc cát tìm vàng;
Việc đâu phải dễ chớ toan ngã lòng.
Trên đời cao sen không thể mọc,
Sống an nhàn khó học chữ tu."*

Khi mới bắt đầu dùng chay, bà thường hay bị bệnh. Đã hai, ba lần bệnh nặng suýt chết, nên bà chí thành âm thầm nguyện cầu xin ân trên Tam Bảo gia hộ. Một hôm trong giấc chiêm bao bà được Long Thiên Thiện Thần mách bảo phải dùng: củ năng trộn với gạo nấu cơm hoặc cháo, ăn với nấm rơm kho cà chua. Từ đó cho tới ngày bà mất, suốt 40 năm trời đặng đặng thức ăn đưa vào cơ thể của bà chỉ có thế mà thôi, ngoài ra dường như không dùng được bất kỳ loại thức ăn nào khác nữa, kể cả trái cây!

Năm 1993 bà bị hẹp và hở van tim cấp 3. Đến điều trị tại Bệnh Viện Tim của Pháp ở Chợ Lớn, cứ một tuần tái khám rồi mang thuốc về một lần. Sau đó từ từ thưa ra: hai đến bốn tuần, rồi ba, sáu, mười hai tháng một lần. Nghĩa là bà dùng thuốc điều trị trọn đời.

Khi tuổi càng lên cao sức khỏe ngày một kém, bà bớt tụng kinh dần dần. Lúc bà 83 tuổi thì chỉ còn chuyên niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Đầu tháng 2 năm 2003, lần nọ do vấp té trong nhà tắm, cột sống bà bị chấn thương. Đưa đến Bệnh Viện

Tim, kiểm tra tim xong ở đây chỉ định đưa sang Bệnh Viện Trung Tâm Chính Hình. Bác sĩ ở Trung Tâm Chính Hình chẩn đoán là “thoát vị đĩa đệm” và cho thuốc về nhà. Mặc dù đau đớn dữ dội do đôn cột sống (con bà phải gọi thuốc giảm đau từ nước ngoài về để uống kèm thêm), nhưng chưa hề nghe bà rên than hay phiền trách. Tất cả mọi động tác xoay trở, dời động đều nhờ người thân tình ý phụ giúp thì đỡ khổ một chút. Có hôm đau quá, bà nói chú Út:

- Thôi! Vú sợ quá rồi... Vú mà được về trên trên, mỗi ngày vú đổ bô cho ông Phật Di Đà vú cũng chịu nữa. Chớ ở đây khổ quá rồi!

Chú Út nghe qua, vừa cười vừa giả lả:

- Trời ơi! Vú ước gì mà khôn quá vậy. Ông Phật đâu có đi vệ sinh đâu mà vú ao ước đổ bô!

Lần nọ chú hỏi:

- Vú có đau dữ không, vú?

Bà đáp:

- Đau, chớ sao không! Mà thôi vú cố niệm Phật cho nó quên đau!

Một tuần lễ trước khi bà mất, bà đã ba lần lịm ngất, tim hoàn toàn ngừng đập, huyết áp mất hẳn, nhưng môi vẫn còn lép nhép niệm Phật, thời gian dài nhất là 90 phút. Khi bà tỉnh lại, chú Út hỏi:

- Nãy giờ vú không có thở, huyết áp mất, tim của vú ngưng đập, vú có hay biết gì không, vú?

Bà trả lời:

- Biết hết trơn chớ sao không, con!

Sáng ngày 30 tháng 2 năm 2003 bà nhờ đỡ dậy, rồi ngồi xếp bằng kiết già trì chú Đại Bi. Trì xong, bà nói:

- Vậy là vú đã mãn nguyện rồi!

Rồi bà nhờ đỡ cho mình nằm xuống. Hơn cả tháng nay bà chưa ngồi dậy được lần nào, thế mà hôm nay ngồi được và gương mặt của bà lúc này luôn tràn đầy niềm hoan hỷ. Chú Út thấy thế mới hỏi bà:

- Bữa nay làm gì mà vú vui dữ vậy, vú?

Bà ôn tồn đáp:

- Vú bữa nay vú đi à! Đi... đi luôn chớ không có trở lại như mấy lần trước nữa!

Chú Út lại hỏi:

- Làm sao mà vú biết?

Bà trả lời:

- Tại con mắt của mấy đứa không thấy. Chớ vú thấy chư Phật xuống đông lắm! Nói thì giống như nói dóc... Nhưng vú tin chắc bữa nay Phật rước vú đi!

Bà đã nói như vậy nhiều lần trong ngày. Chú Út mãi nghĩ thầm trong bụng: Vú mình tỉnh bơ, còn nói chuyện leo lẻo mà đi cái nổi gì. Chú đinh ninh chắc chắn rằng việc này sẽ không bao giờ xảy ra!

Đến chiều tối thấy bà hơi mệt, chú Út định đưa bà vào bệnh viện, vì mấy người anh ở nước ngoài luôn căn dặn với chú là khi nào phát hiện bà có gì khác lạ là phải cấp tốc cho bà nhập viện liền. Nhưng chú Chín thì bảo:

- Thôi! Ý của vú muốn ở nhà thì chịu theo vú đi!

Hai người đang căn nhắc đôi co chưa ngã ngũ. Bà nằm nghe cự cãi qua lại, nên lên tiếng:

- Thôi! Chở vú đi, đi!

Gia đình bèn điện thoại xe cấp cứu của bệnh viện xuống rước. Khi vừa vào viện thì bác sĩ liền tiêm cho bà một mũi thuốc hồi sinh, rồi truyền dịch để chờ theo dõi. Lát sau bà nói:

- Thôi! Bây giờ cho vú về đi! Thỏa mãn ý của mấy đứa chưa?

Và còn nói:

- Cho vú về đi! Về nhà chỗ để chết ở đây à!

Lúc đó các ngón chân và của bà đã ngã sang màu tím. Mời bác sĩ đến, bác sĩ kiểm tra xong liền chấp thuận theo yêu cầu của bệnh nhân, bèn cho xuất viện.

Về tới nhà là 11 giờ đêm, bà liền bảo:

- Thay đồ cho vú đi. Một chút vú đi!

Thay đồ xong, bà vừa cười vừa nói:

- Sửa cái đầu vú lại một chút xíu coi. Vú gàn đi rồi đó nghen!

Chú Út cũng vừa cười vừa đáp lại:

- Vú còn nói chuyện leo lẻo, mà vú đi đâu?

Đến gần 12 giờ khuya mạch của bà bỗng dừng ngừng nhảy, huyết áp hết còn đo được nữa, nhưng môi của bà vẫn còn máy động. Đến đúng 12 giờ 15 đôi môi hoàn toàn ngừng hẳn, để già từ cõi thế gian đầy đau thương và khổ lụy. Nhắm ngày mùng 1 - 4 - 2003, bà hưởng thọ 89 tuổi) Năm phút sau căn phòng tỏa ra một mùi hương thơm sực nức, không giống với bất kỳ một mùi thơm nào. Vì thường ngày bà không dùng và cũng không cho con cháu dùng loại dầu hay nước hoa nào trong căn phòng của bà cả!

Chú Út hộ niệm cho bà, cứ một hồi thì chú sờ thăm toàn thân bà một lần, sờ thăm rất nhiều lượt. Vì chú nghe người ta nói rằng: Ai niệm Phật mà khi chết rồi toàn thân lạnh chỉ còn nóng đỉnh đầu là được vãng sanh, nên chú hiếu kỳ theo dõi. Kết quả cho thấy là hai bàn chân lạnh từ từ lạnh lên trên. Đánh đầu còn ấm sau cùng, và ấm nóng mãi cho đến 11 giờ trưa, khi nhập liệm mà vẫn còn ấm. Lúc sắp sửa nhập liệm, chú hơi hoài nghi có lẽ do mình bị “tự kỷ ám thị” hay chăng? Nên chú đã mời rất nhiều người đến cùng dò thăm. Thế là ai cũng sờ vào đỉnh đầu của bà và cũng đồng công nhận như vậy!

Chồng bà tên Lưu Luân Bá. Ông rất nóng tánh, cương trực và dứt khoát. Trong gia đình ông hết sức có

trách nhiệm; đối với lối xóm láng giềng thì cũng chẳng mịch lòng một ai. Quanh năm suốt tháng chưa từng ăn chay và đi chùa; đặc biệt là có ác cảm đối với quý sư và không ưa bàn chuyện Phật Pháp tu hành. Khi trông thấy các sư đi ngoài đường là ông nói xiên nói xỏ vọng theo. Bà vợ phát tâm trường trai tu hành cũng phải vất vả nhọc nhằn lắm mới vượt qua cái cửa ải thử thách sát hạch của ông!

Năm 1975, lúc này ông đã 62 tuổi, các con đều trưởng thành, gánh vác thay ông mọi chuyện gia đình, nên ông rất nhàn nhã thông dong, chẳng chơi thân với ai, chỉ kè kè bên mình cái radio - một người bạn tâm giao tri âm tri kỷ!

Lúc ông 90 tuổi, một hôm ông bị tụt huyết áp, con cháu liền đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Sa Đéc. Qua ngày sau, khi tỉnh dậy ông la hét om sòm, đồng thời bứt hết các dây sợi đang truyền dịch, quyết liệt đòi về. Thấy ông làm dữ quá, y bác sĩ đành phải bó tay tốc hành cho ông xuất viện!

Về nhà ông nằm li bì, người thân để máy niệm Phật đặt sát bên tai cho ông nghe suốt cả ngày đêm. Được hơn một tháng thì ông dần dần khỏe lại, từ đó về sau ông thích nghe niệm Phật luôn, chứ không thèm nghe radio như trước nữa!

Qua cơn bạo bệnh suýt mất mạng đó mà thiện căn quá khứ được chín muồi, ông hồi tâm chuyên lo niệm Phật để về với Đức Phật A-di-đà, ông vẫn thường nói

với các con như thế. Cách tu của ông cực kỳ đơn giản là: không đi chùa, không ăn chay, không tụng kinh, không xem nghe băng đĩa, không đọc kinh sách, không kết giao với một người bạn Đạo nào để luận bàn Phật Pháp hay trao đổi cách thức cũng như kinh nghiệm hành trì gì cả... Ông chỉ nghe mấy niệm Phật rồi niệm theo, để về với Phật A-di-đà mà thôi. Đây quả thật là trường hợp hiếm lạ nhất từ xưa đến nay!

Ông tu như thế suốt mười năm, vào khoảng tháng 3 - 2012 thể lực của ông suy kém do tuổi già sức yếu, con cháu đề nghị đưa ông nhập viện, nhưng ông không chịu. Biết tánh của ông nên con cháu cũng không dám năn nỉ. Đầu tháng 4 thấy sức khỏe ông cạn kiệt nhiều, nên đã mời Ban Hộ Niệm của tịnh xá Ngọc Quang đến cộng tu với ông được hai đêm, là ngày mùng 2 và mùng 3, ngoài lúc cộng tu ra thì con cháu luân phiên ngồi bên cạnh trợ niệm cho ông. Sáng ngày mùng 4, hơi thở của ông ngắn dần, toàn thể gia quyến vây quanh niệm Phật. Đến 6 giờ 5 phút sáng, ông an tường nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhâm ngày mùng 5 - 5 - 2012, ông hưởng thọ 99 tuổi.

Khoảng 7 giờ Ban Hộ Niệm đến đông đủ, hộ niệm qua tám giờ, khi thăm dò điểm nóng, thì thấy ấm ở đỉnh đầu trong khi toàn thân đều lạnh; gương mặt sáng đẹp như người đang nằm ngủ.

Kế đó người nhà tiếp tục niệm Phật thêm bốn tiếng đồng hồ nữa. Chú Út mới mời chuyên gia làm phim đến để ghi hình lại những thao tác khi lay động các khớp xương ở tay, chân và đầu, đăng gởi sang người anh ở nước ngoài. Vì ông này không tin Phật pháp, hay đả kích chuyện tu hành nên lúc trước thường điện thoại nói với chú rằng:

- Mày đừng có tin mấy... thầy chùa... họ bày ra cái vụ hộ niệm, ...hộ niệm,... gì đó! Mày đâu có biết, họ lén dùng thứ thuốc gì đó, bôi vô xác chết...Niệm Phật đã đòi,... tám giờ sau họ kéo tay chơn ra, kéo tay chơn vô được..., rồi... cái... họ nói: Đã vãng sanh...!"

Cho nên chú nhận thấy rằng chỉ có cơ hội này, và cũng chỉ có mình mới có thể tháo gỡ quan niệm lệch lạc sai lầm của ông anh. Vì đã có chủ định trước, nên mặc dù tang sự bối rối, nhưng chú không rời xa cha mình nửa bước, luôn luôn có mặt tại hiện trường, để không cho bất cứ một ai đến gần đụng chạm vào thi thể của cha mình, suốt thời gian từ lúc ông cụ trút hơi thở cuối cùng cho đến khi hộ niệm viên mãn ngót mười hai giờ đồng hồ. Chú đã quan sát thật tận tường những mong... để làm sáng tỏ một sự thật, mà nhiều người hồ hững bỏ quên, đó là lĩnh vực tâm linh! Chẳng hạn gần nhất... là ông anh của mình!

Thời gian khá lâu sau, chú Út nằm mộng thấy ông. Ông nói với chú rằng:

- Tao đã vãng sanh rồi!

(Thuật theo lời: Lưu Bá Bội con trai của hai ông bà và Ban Hộ Niệm Tịnh Xá Ngọc Quang.)

LỜI PHỤ

Đối với phương pháp hộ niệm cho người tu niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, theo Tổ Sư Ấn Quang dạy thì cần phải tuân thủ điều kiêng kỵ là: gia quyến không được khóc lóc bi thương, và không được đụng chạm đến thi thể của người mất sớm quá.

Căn cứ theo lời dạy của Ngài thì thời gian đụng chạm vào thi thể an toàn nhất thông thường phải sau tám đến mười hai tiếng đồng hồ; năm ba trường hợp đặc biệt thời gian còn phải dài hơn! Nhưng bảo đảm nhất là khi toàn thân đều lạnh hẳn, tức là không còn một điểm nóng ấm nào nữa cả mới chắc chắn!

Bà cụ Trần Thị Xuân ở câu chuyện trên do tín nguyện đầy đủ, công phu hành trì đã đạt trình độ tinh chuyên nên bà đã thấy Phật, rồi an nhiên tự tại vãng sanh, nên sự thăm dò tìm điểm ấm do người con hiếu kỳ vẫn không trở ngại. Nếu như công phu hành trì chưa được thâm hậu như thế, thì ngàn vạn lần phải lưu ý điều cấm kỵ này! Bởi vì lúc tắt hơi thần thức chưa xuất ra khỏi thân, khi ấy bị va chạm làm cho người mất có cảm giác đau đớn dữ dội nên họ dễ nổi sân, mà một khi nổi sân thì thần thức sẽ theo niệm sân hận đó mà đi vào tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) để tiếp tục nhận chịu vô lượng nỗi thống khổ trong vòng sinh tử luân hồi!

52. LÂM THÀNH THUẬT (1919 - 1999, 80 tuổi)

Thật tâm quanh năm chăm lo phước thiện, không tính toán so đo, không xẻn tiếc của cải bạc tiền, mong người người sống bình yên: Lưu ân đức muôn thuở lại đời!

Thành ý trọn kiếp quyết chí vãng sanh, chẳng biếng lười giải đãi, chẳng nệ công khuyên nhắc tu hành, lâm chung rực ánh sáng lành: Nêu gương mẫu ngàn năm cho đạo!

Ông Lâm Thành Thuật sinh năm 1919, tại Rạch Chanh, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Lâm Văn Bền, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Duyên. Ông là người con thứ năm trong gia đình có mười anh em.

Năm 1940, Thầy về rạch Xà No làng Nhơn Nghĩa, cả nhà ông đều đến quy y Tam bảo. Từ đó ông ăn chay mỗi tháng mười ngày, sớm chiều hai thời lễ bái.

Khi tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Đinh Thị Mận, sinh được một trai tám gái. Ban đầu ông sanh sống bằng nghề chuyên chở đá cát, vật liệu xây dựng, đến năm 1983 về sau mới chuyển sang làm ruộng vườn.

Tánh tình của ông hiền lành, nhân hậu, vui vẻ, cởi mở và thương người mến vật. Đời sống sinh hoạt cá nhân ông rất đơn giản kiệm ước, nhưng giúp người thì dốc hết túi không hề xẻn tiếc. Ông mạnh mẽ trong việc phúc lợi nhân sinh, và thường cùng với người em trai Út làm chỗ

dựa cho những em cháu trong vùng có nhiệt tâm hoạt động các công tác xã hội. Mỗi khi có đồng đạo đến yêu cầu:

- Bác Năm ơi! Anh em nhờ bác ủng hộ cái này nè...!

Ông trả lời không chút do dự:

- Ừ! Thiếu cái gì nói đi, bác ủng hộ hết mình!

Hình như mọi mặt từ thiện ông đều tận tình tham gia.

Các thành phần như: lỗ đường, đói rách, tàn tật... hầu hết đều được mọi người trong làng thôn giới thiệu đến gặp ông! Hễ mỗi khi ông thấy hay nghe nói có ai nghèo khổ thì ông sẵn sàng hết lòng giúp đỡ từ gạo tiền cho đến cây cối để cất nhà... không hề lộ nét đắn đo, hay tỏ vẻ khó khăn thiếu thốn. Ông chẳng bao giờ đặt vấn đề cần phải ngồi lại để nghiên cứu, tìm hiểu, điều tra xem đối tượng mà mình giúp đỡ đó có khó khăn thật hay không!

Đôi lúc thấy các con cháu hơi ngần ngại khi làm từ thiện, nhất là có những việc tốn kém tiền của nhiều quá, ông thường trấn an, nung đúc, thể hiện cụ thể bằng hành động nhiệt tình thí xả xem nhẹ vật chất của mình, chỉ chú trọng nghĩa tình đạo đức qua lời khuyên dạy của Tổ -Thầy mà thôi!

Do có oai lực và đức hạnh mà ông cùng em trai út của mình đã dìu dắt mọi người, ai ai cũng hăng hái nhiệt tình hưởng ứng theo, như lời của Cổ Đức đã khuyên dạy:

“Thật tu rán chiêu mời hành thiện,
Thiện càng nhiều đạo tiến càng mau;
Thiện không phân biệt người nào,
Mà người nào cũng thiện giao tận tình.
Thiện không những cho mình được có,
Còn thiện cho người nọ người kia;
Thiện từ vui khổ sốt chia,
Đến an nguy cũng chẳng lìa bỏ nhau.
Mọi người biết đề cao việc thiện,
Xã hội đời tai biến không sanh;
Người nào cũng sống sạch thanh,
Xứ nào cũng ở hiền lành tốt tươi.
Việc thiện chẳng làm người ngu dốt,
Thiện giúp người sáng suốt mở mang;
Người hòa và nước được an.
Là do thượng hạ biết toan điều lành.
Thiện chẳng phải riêng dành nhà đạo,
Mà thiện ai muốn tạo cũng nên;
Liên Hoa có thiện được lên,
Dù người ấy chẳng mang tên đạo gì,
Mang tên đạo mà đi làm dữ,
Thua người lành chẳng ở phái chi,
Phật thành do tánh Từ Bi,
Phật không thành ở qui y bề ngoài.
Nên hành thiện dù ai cũng được,
Thật thiện tâm chớ chuốt ngoài môi;
Tấm lòng thiện ấy có rồi,
Thì là sẽ có chỗ ngồi Liên Hoa.”

Về phần công phu hành trì thì ông chuyên sâu pháp môn niệm Phật nguyện vãng sanh. Bất cứ gặp ai, ông cũng đều đem Phật pháp ra để khuyến tấn nhắc nhở, răn lo làm lành lánh dữ và niệm Phật cầu về Tây Phương Cực Lạc.

Năm hơn 70 tuổi ông bị cườm đá, sau khi phẫu thuật được hai năm thì thị lực yếu dần đến độ đi ra đường cần phải nhờ người dìu dắt. Cũng nhờ vậy mà ông ngưng tất cả mọi công tác từ thiện xã hội, trọn ngày ở nhà lần chuỗi niệm Phật. Có khi ban đêm không ngủ được thì ông niệm Phật suốt đêm. Trừ đôi mắt thị lực kém ra, sức khỏe của ông vô cùng sung mãn, càng ngày niệm Phật càng tinh chuyên, thần sắc càng hồng hào tươi sáng... Dường như bệnh của đôi mắt chính là cơ duyên thù thắng thành tựu hạnh nguyện vãng sanh của ông sau này!

Mỗi khi có con cháu đến thăm ông thường đem Phật Pháp ra để nhắc nhở tu hành, nhất là mình tu phải răn tu cho tròn Đạo làm người, rồi phải răn dứt bỏ xấu ác vun bồi thiện nhân, cuối cùng là niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ông thường nói:

- Thời kỳ này là thời kỳ mạt pháp, tự tu để đắc quả giải thoát thì khó lắm! Chỉ có hết lòng niệm Phật nguyện vãng sanh Tây Phương thì dễ nhất mà thôi!

Tu Tịnh Độ phải đầy đủ Tín - Nguyện - Hạnh. Nhưng lòng tin của mình phải tuyệt đối mới được!

Tin vào lời của Tổ - Thầy đã chỉ dạy.

Tin vào lời của Đức Bốn Sư Thích Ca.

Tin vào 48 lời nguyện của Đức Từ Phụ A-di-đà.

Còn nguyện là phát lòng mong muốn khi xả báo thân ở cõi đời này được sanh về thế giới Cực Lạc ở Phương Tây!

Tin sâu, nguyện thiết rồi thì mình cứ niệm Phật hoài vậy thôi... Đơn giản lắm,... cũng dễ lắm!

Có hôm cô Chín ở nhà sau nghe ông nói chuyện, giảng giải, khuyên nhắc, sách tấn về Đạo lý rất lâu, khi ra nhà trước xem xung quanh không thấy có ai hết, cô liền cất tiếng hỏi:

- Ba nói chuyện với ai vậy, thưa ba?
- Ba nói cho anh Tư của con... nó nghe!
- Ảnh về này giờ cả buổi rồi, ba ơi!

Vào khoảng tháng 2 năm 1999, hôm nọ ông đang súc miệng đột nhiên nôn ra máu. Khi đưa đến bác sĩ được chẩn đoán là vỡ động mạch thực quản, bác sĩ còn cho biết động mạch bị vỡ là động mạch nhỏ, nếu lớn thì nguy hiểm đến tính mạng. Sau đợt điều trị đó mọi chuyện trôi qua êm đẹp, sức khỏe hồi phục bình thường.

Ngày 19 tháng 4 năm 1999 là ngày lễ giỗ của mẹ ông. Sáng hôm đó, ông sang nhà em trai Út để tham dự. Quyến thuộc và các bạn đồng tu hội tụ tấp nập vô cùng

nhộn nhịp, ông vui vẻ luận bàn Phật pháp với mọi người, ông khuyên mọi người cố gắng hành trì niệm Phật... Sau khi dùng cơm xong, ngồi uống nước và tiếp tục bàn luận, đến khoảng 12 giờ trưa ông nói:

- Thôi, quý vị cứ ngồi chơi tôi xin kiếu về bên bên, ngã lưng một tí. Từ sáng đến giờ ngồi đã lâu rồi... cũng nghe hơi mỏi rồi!

Nói xong ông theo người cháu dắt mình về nhà. Khách khứa cũng lần lượt giã từ. Còn lại một số đồng đạo say mê món ăn tinh thần, nên ông Út là chủ nhà đã lên tiếng cung thỉnh chư vị vui lòng ở lại dự luôn buổi cơm chiều. Hơn hai mươi đồng đạo hoan hỉ nhận lời.

Ông về tới nhà chưa mấy chốc thì căn bệnh cũ sau hai tháng trời nằm im bỗng bùng tái phát, lần này lượng máu mà ông nôn ra rất nhiều có đến cả lít, mặc dù vậy tinh thần của ông vẫn thản nhiên trong khi con cháu thì hốt hoảng đòi cấp tốc chuyển đi bệnh viện, nhưng ông thì không chịu đi. Mặc dù lúc ấy cháu ngoại của ông là bác sĩ đang công tác tại Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ; mà ông nhờ thân nhân lau chùi sạch sẽ rồi vào nằm trên bộ divăng ở nhà trước, đầu quay về phía ngôi Tam Bảo, khi ấy độ hơn 2 giờ chiều.

Ở bên nhà ông Út cuộc trao đổi Phật Pháp còn đang diễn ra sinh động, thì thấy cô con gái thứ Chín của ông hốt hải chạy qua cho hay:

- Chú Út ơi! Ba con ổng làm sao... đâu chú với mấy em qua coi giùm ba con!

Nghe xong mọi người đồng kéo sang nhà của ông. Tối nới, ông Út đến gần liền hỏi:

- Anh Năm! Anh có sao không anh Năm?

Ông trả lời:

- Trong mình nó mệt!

Ông Út nói:

- Bây giờ kêu mấy đứa lấy xe đưa anh xuống bệnh viện nhen?

Ông từ chối đáp:

- Thôi! Đi bệnh viện làm cái gì. Để ở nhà có gì thì mình niệm Phật!

Lúc ấy hơi thở của ông hơi ngắn lại. Ông Tám Hòa mới nói với chú Ba Hãn rằng:

- Để chú đốt nhang dâng lên các ngôi thờ đảng hoàng, rồi mình đứng hộ niệm cho ông Năm... Chắc ông Năm đi quá Hãn ơi!

Chú Ba trả lời:

- Dạ! Chú đốt, thì đốt đi, chú!

Ông Út quay sang nói với các đồng đạo:

- Thôi, tình hình này tôi thấy... chắc là không êm!

Khi đã thắp nhang các ngôi thờ, con cháu và đồng đạo đứng đầy cả nhà, luôn ở phía ngoài hàng ba. Ông Tám Hòa nói:

- Anh Năm ơi! Anh yên lòng tịnh niệm đi. Ở đây tụi tui đưa anh đi!

Ông mỉm cười, trả lời:

- Đưa được không đó ghen!

Ông Út lên tiếng với mọi người:

- Thôi! Bây giờ mình hộ niệm cho Anh Năm!

Rồi quay sang nói với ông:

- Anh Năm! Anh định tỉnh đi anh Năm, anh rân niệm Nam Mô A-di-đà Phật. Ở đây tụi em cùng niệm với anh!

Ông gật đầu mỉm cười, rồi nói:

- Chuyện này khỏi phải dặn dò, lúc nào trong tâm anh cũng niệm hết trơn, đừng có lo cho anh!

Trả lời xong ông khép đôi mắt lại, nhép môi niệm Phật theo đại chúng. Âm thanh trầm hùng của câu Vạn Đức Hồng Danh vang rền độ chừng mười phút, môi ông đang nhép bỗng dừng lại, rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Ông tự sửa tay chân thẳng thớm, tư thế nằm rất thoải mái đoan nghiêm, gương mặt ánh lên sắc hồng hào và trào dâng niềm hoan hỉ lạ thường!

Đồng thời lập tức một làn ánh sáng từ ngoài lùa vào cửa nhà làm căn phòng sáng rực lên như ngọn đèn quay phim chiếu vào, mặc dù nắng chiều vẫn rất sáng tỏ, nhiều người đang niệm Phật trông thấy đều ngưng lại để nhìn, ánh sáng ấy lóe lên phút chốc lại tắt mất. Lúc đó khoảng 3 giờ chiều ngày 19 - 4 - 1999, ông hưởng thọ 80 tuổi.

(Thuật theo lời Lâm Văn Hương, cháu nội của ông; Lâm Văn Hân, cháu của ông và một số đồng đạo)

53. LÂM VĂN MỄ (1934 - 2012, 78 tuổi)

“Mình tu Tịnh Độ thì khi ra đi phải để lại cái gì đó làm niềm tin cho người sau!”

Lâm Văn Mễ.

Ông Lâm Văn Mễ sinh năm 1934, cư ngụ tại Rạch Chanh, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Lâm Văn Bền, là Hương Cả đương thời; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Duyên. Ông là con Út trong gia đình có mười người con.

Lúc lên 7 tuổi cả gia đình ông có đến Nhơn Nghĩa quy y Tam Bảo, khi ra về Thầy đã dạy cha ông rằng:

- Ông Cả à! Ông về khai bót lằm lúa để ban rải ra. Tu như vậy mau lằm!

Từ đó ông ăn chay mỗi tháng mười ngày, sớm tối hai thời lễ nguyện.

Năm 25 tuổi ông kết hôn với bà Lê Thị Thêu, sinh được bốn trai ba gái, canh tác ruộng vườn là nghề nghiệp chính của gia đình ông.

Năm 1965 ông đi lính ngành cảnh sát, ông phụ trách bên bộ phận làm giấy căn cước của tỉnh Cần Thơ. Đến năm 1975 ông trở về quê làm nông dân và trường trai chuyên chí tu hành từ đó.

Tính tình của ông liêm khiết, cương trực nhưng rất

vui vẻ, cởi mở, hài hòa. Đời sống rất bình dị, thanh đạm từ ăn uống, trang phục, cho đến mọi sinh hoạt cá nhân.

Ông tích cực tham gia hầu hết những công tác phúc lợi xã hội, như bắc cầu, bồi lộ... cho đến cứu giúp người nghèo đói, tật bệnh, ông tận tâm, tận lực tự làm một mình, đôi lúc vận động kêu gọi mọi người cùng chung sức với nhau đồng làm. Ông và người anh ruột thứ Năm có chung chí hướng, và đã làm trụ cột cho các em, cháu đồng đạo quanh vùng nương tựa, luôn luôn nung đúc, ủng hộ từ vật chất cho đến tinh thần, tích cực phát triển sự nghiệp tu tạo phước thiện theo phương châm “đẹp Đạo tốt đời” của người tại gia cư sĩ chân chánh, thực hành triệt để tôn chỉ “Học Phật Tu Nhân”!

Về công phu hành trì thì ông chuyên sâu Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Ông tuân thủ giới luật rất chín chắn, lấy giới làm thầy; nghiêm khắc với mình, khoan thứ với người; thẳng thắn góp ý sửa lỗi không sợ mất lòng. Đại đa số các thiện tri thức ở vùng An Giang - Cần Thơ, như ông Bảy Uống, ông Út Kiệt... đều là bạn thân thiết của ông. Ông nghiên cứu rất nhiều kinh sách Tịnh Tông, tự mình chăm chỉ nỗ lực dụng công và khuyến tấn các bạn đồng tu hữu duyên.

Khi các con đã lớn khôn yên bề gia thất, còn lại người con trai thứ Ba, cô con gái thứ Tư là giáo viên cấp hai và người con trai Út không lập gia đình cùng chung sống với ông, đồng lòng niệm Phật nguyện sanh về thế giới an lành của Đức Phật A-di-đà. Sản nghiệp gia đình

gồm một mẫu đất; phân nửa vườn, phân nửa ruộng. Do ai cũng tu hành, thiếu dục tri túc, nên cuộc sống rất ổn định nhàn vui!

Mười mấy năm cuối đời, việc nhà các con đều gánh vác nên ông hoàn toàn rảnh rang, công phu hành trì của ông bấy giờ được gia tăng gấp đôi, công tác từ thiện cũng giảm bớt lại, dành thời gian chuyên tu nhiều hơn. Hằng ngày ông thường đi dự các khóa niệm Phật, hoặc đi cầu nguyện tuần thất siêu độ cho các vong nhân, cũng là cơ hội để xiển dương Pháp môn Tịnh độ, vì ông thường được chư đồng tu mời lên diễn đàn để chia sẻ Phật Pháp cùng những kinh nghiệm tu tập. Ông cũng từng tâm sự với các bạn đạo về nguyện vọng của mình:

- Mình tu Tịnh Độ thì khi ra đi phải để lại cái gì đó làm niềm tin cho những người đi sau!

Ông có chiếc xe Honda, sáng đi chiều về, ngày nào cũng thế. Thể lực của ông rất tốt, quãng đường từ nhà đến Long Xuyên hay Châu Đốc... xa cả trăm cây số như thế, vậy mà ông vẫn đi và về trong ngày. Do đó bạn bè quen biết của ông dường như có khắp tất cả mọi nơi. Các con của ông thường xuyên kiểm tra túi áo của cha mình, để tiền vào đây đủ cho ông chi dụng đi lại. Trừ đồ xăng ra hầu như số tiền ấy ông đều giúp tặng cho người hết. Đặc biệt là ông chưa hề ghé quán dù chỉ uống một ly nước giải khát, nhưng bố thí thì ông không hề xén tiếc. Qua đó ta thấy tâm từ của ông rất mạnh mẽ phi thường, nên

móng căn bản của sự tu tập quá ư vững chãi, phù hợp với lời dạy:

*“Khóa không gặp đúng chìa khó mở;
Tu không hành đúng chỗ khó nên,
Điều này bá tánh chớ quên,
Muốn về Phật phải xây nền từ bi.
Từ bi có đường qui Phật có,
Từ bi không chỗ ngộ Phật không;
Muốn lìa khỏi cõi trần hồng,
Lấy từ bi để soi thông con đường
Muốn thoát kiếp vô thường thống khổ,
Nên do đường Tịnh Độ mà đi;
Nam Mô Đà Phật A Di,
Bao nhiêu công việc từ bi rón làm.
Ham về Phật chớ ham ở thế,
Độ mình siêu độ mẹ cha siêu;
Tình thương quyến thuộc càng nhiều,
Càng tu để cứu khỏi điều trầm luân.
Đền trung hiếu bằng chân công đức,
Đáp nghĩa tình bằng sức tu hành;
Tu hành công đức viên minh,
Hiếu trung sẽ vẹn, nghĩa tình sẽ xong.
Chân công đức tổ tông cứu được,
Sức tu hành quyến thuộc độ qua;
Muốn lìa cảnh khổ Ta Bà;
Phải công đức lớn phải là tu cao!”*

Những năm gần cuối đời ông rất thích ăn gạo lứt muối mè số 7, phương pháp ăn uống này vô cùng đơn giản phù hợp với hạnh buông xả của đời sống chân tu, càng ngày thân càng khỏe, tâm càng an; bởi vì thức ăn càng thanh đạm, thuận theo tự nhiên thì thần trí càng định tĩnh sáng suốt, bao nhiêu tham đắm ngũ dục nhất loạt âm thầm rơi rụng khỏi phải nhọc nhằn cố sức diệt trừ, cách thức ăn uống cổ xưa này nâng cao hiệu quả cho công phu hành trì rất nhiều!

Thời nay trào lưu văn minh khoa học kỹ nghệ phát triển quá ư nhanh lẹ, vô số những thực phẩm chế biến công nghiệp hết sức tiện dụng về mọi mặt, hết sức hấp dẫn: vừa ngon, thơm vừa bổ, rẻ... Nhưng quán sát tận tường thử tìm một người tu nào theo chế độ ăn uống toàn bằng những thức ăn hiện đại phương Tây mà có được sức khỏe tốt đúng nghĩa của nó... quả thật là vô cùng hiếm hoi!

Gần đến ngày Tết Trung Thu năm 2012, vào bữa cơm chiều ông và các con vừa ăn vừa bàn luận Phật Pháp. Cô Tư đề nghị:

- Ba ơi! Ba bây giờ đã lớn tuổi, ba yếu rồi... Sức khỏe cũng không biết ra sao... Thôi, ba giảm bớt đi lại để ở nhà niệm Phật thì tốt hơn nhiều!

Ông đáp:

- Mấy đứa con rần rọt lo cho mình. Còn ba... mấy đứa khỏi lo. Ba biết cái sức của ba. Ba biết đường đi của ba rồi, các con an tâm đi! Mà không chừng ba lo ngược lại

cho các con... chớ các con đừng có lo cho ba! Mình tu, niệm Phật thì cuối cùng mình phải được vãng sanh Cực Lạc. Mà người tu Tịnh Độ rán tu làm sao tự mình ra đi không cần nhờ vả người trợ niệm mới chắc; chớ nếu ra đi mà nhờ người ta đến hộ niệm thì chưa chắc!

Ngày rằm tháng 8, cũng như thường lệ, sáng ông lên xe ra đi, chiều khoảng 3 giờ ông về tới nhà. Tắm rửa xong ông ra ngồi vào bàn nói chuyện với các em cháu, khoảng năm, sáu đồng đạo đang mạn đàm Phật Pháp dở dang nhân dịp tết Trung thu. Ông tự thuật sơ lược trọn ngày hôm nay mình đã đi đến đâu và gặp gỡ người nào, người nào... Sau đó ông luận bàn về những điểm then chốt của Pháp môn Tịnh độ: Ngoài tự lực ra còn có lực nhiếp thọ của Đức Từ Phụ A-di-đà, nên sự giải thoát sinh tử luân hồi dễ dàng hơn tu những pháp môn tự lực khác... Ông còn bàn cặn kẽ về lợi ích của niệm Phật, điều kiện của vãng sanh, và phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc hành trì... Đặc biệt là người tu đừng nên hướng ra bên ngoài, mà dụng công căn bản là ở nơi tâm! Buổi nói chuyện xen lẫn giải đáp gần suốt hai giờ đồng hồ, bầu không khí rất phấn khởi tràn trề niềm hoan hỉ trên gương mặt mọi người! Cũng chẳng ai ngờ rằng đây lại là những di ngôn cuối cùng của một hành giả Tịnh Tông, đã bỏ ra thời gian khá dài để hoằng truyền pháp tu Tịnh Độ!

Hôm sau, con trai thứ Ba của ông thức dậy để công phu thời sớm mai. Chú bật đèn nơi ngôi Tam Bảo thì thấy

ông đang ngồi xếp bằng niệm Phật trong phòng. Vì chú Ba ngủ ở nhà dưới; còn ông thì nghỉ ở nhà trên. Chú xoay qua nhìn đồng hồ mới có 3 giờ khuya, biết mình dậy sớm hơn cả tiếng đồng hồ so với mọi khi, nên chú đi vào nhà sau ngã lưng lên chiếc võng nằm niệm Phật để chờ sáng.

Công khóa thường nhật của ông là ngồi niệm Phật năm, sáu mươi phút rồi mới lễ bái cầu nguyện mười lăm, hai mươi phút. Kế đó lại tiếp tục ngồi niệm Phật thêm đợt hai cũng năm, sáu mươi phút hoặc nhiều hơn. Hai thời công phu sớm - tối ông đều giữ đúng như thế. Còn các con của ông thì chỉ ngồi niệm Phật sau khi lễ nguyện mà thôi. Hằng ngày ông lễ bái trước, xong rồi các con mới lần lượt lễ bái nối theo sau. Nên hôm nay chú Ba nằm trên võng đợi cha mình xả tịnh niệm để lễ Phật, nhưng chờ mãi... chờ mãi... trời đã gần sáng mà vẫn thấy im ru hoài, chú mới ra nhà trước, lên tiếng:

- Ba ơi! Đã tới giờ cúng rồi, ba ơi!

Gọi xong vẫn không nghe động tịnh gì, chú liền lặp lại lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Không gian vẫn chìm trong tĩnh lặng... trong lòng chú chợt trào dâng nỗi thắc thỏm hồ nghi, mới bước đến giờ mừng chui vào, rồi kêu lên một lần nữa, mà vẫn lặng thinh. Chú bèn đặt tay vào thân ông, thì nghe có cảm giác hơi lạnh lạnh, đưa tay lên gần mũi thì phát hiện hơi thở đã ngưng bất tự bao giờ, trong khi đó ông vẫn trong tư thế ngồi xếp bằng tịnh niệm trang nghiêm! Lúc ấy gần 5 giờ sáng ngày 16 - 8 - 2012, ông thọ 78 tuổi.

Đến 11 giờ trưa nhập mạch, các khớp xương mềm mại, gương mặt hồng hào, vui tươi, sáng đẹp lạ thường!

Những đồng đạo đi tham dự tang lễ ngày hôm ấy, rất nhiều vị đều có chung một nhận định giống y như nhau: là trước đó không bao lâu ông đã ghé thăm mình, thậm chí còn tặng cho tiền để làm Phật sự như chú Tư Đạm, chú Tư Rô,... và rất nhiều, rất nhiều vị ở xa xôi hẻo lánh. Có nhiều nơi trải nhiều tháng năm qua ông chẳng đến, vậy mà gần đây ông đều lần lượt đến viếng thăm tất cả!

Thời điểm hiện tại là mùa nước nổi, vị trí mộ phần đất tương đối thấp, chỉ cao hơn mực nước lúc bấy giờ khoảng một lớp len (2 tấc). Vì thế trước khi đào huyệt, các đồng đạo chuẩn bị hai cái thùng to để vừa đào vừa mức nước đổ ra ngoài. Một sự việc vô cùng trái ngược kỳ quái lạ lùng, là đào mãi, đào mãi sâu xuống gần hai mét mà chả có tí xíu nước nào cả, phải mức nước ở bên ngoài đổ vào cho dễ đào hơn. Vậy mà qua hôm sau mời thợ hồ đến xây mả, khi cắm cây để căng cao su che mát phía trên, thì ghim xuống vài tấc là phát hiện đã đục mực nước ngầm rồi!

Một hiện tượng hy hữu khác nữa là, trong khi cả một biển người lao xao tới lui nhộn nhịp, lúc chuẩn bị di quan bỗng có con chim hình dáng lạ, từ đâu bay lại, đậu trên cây trước sân hót liên hồi. Không lâu sau xuất hiện nguyên một bầy cùng đua nhau cất tiếng líu lo nghe rất

vui tai. Có nhiều người xem thấy cứ ngỡ loại chim này là loại chim nuôi!

Quả thật ông đã làm đúng như lời ông từng nói:

- Minh tu niệm Phật... phải được vãng sanh Cực Lạc... rán tu làm sao tự mình ra đi mới chắc... Chớ nếu ra đi mà nhờ người ta đến hộ niệm thì chưa chắc!

Và:

- Minh tu Tịnh Độ thì khi ra đi phải để lại cái gì đó làm niềm tin cho người sau!

(Thuật theo lời Lâm Văn Hân, con thứ Ba của ông.)

55. SƯ CÔ DIỆU CHÁNH (1923 - 2014, 91 tuổi)

*Lam lũ chất phác, mộc mạc chân thành,
Dùng thân giáo bảo khuyên con cháu,
Gắng trở nên hiếu thảo hiền lành!
Thiết tha tu hành, lợi danh chẳng tạo,
Rõ vô thường dứt tuyệt ghét thương,
Lâm chung ngồi Tây Phương trực đáo!*

Sa Di ni Thích Nữ Diệu Chánh, thế danh là Lê Thị Bực sinh năm 1923, nguyên quán ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Sư cô là chị Ba trong gia đình có năm anh em.

Khi tuổi trưởng thành, bà Lê Thị Bực kết hôn với ông Phạm Văn Dự, sinh được bốn trai, sáu gái. Chuyên sống bằng nghề nông.

Do vì gia cảnh bần hàn nghèo khó, chân lấm tay bùn, phải nhọc nhằn vất vả để tạo ra chén cơm manh áo. Vốn dĩ bản tánh sẵn có của bà là rất hiền lành, chân thật, rộng lòng bao dung và thương người. Nắng dãi mưa dầm đã vun bồi nghị lực và ý chí nhẫn nại cần mẫn của bà ngày một cao hơn, mọi nghịch cảnh và bất hạnh xảy ra trong cuộc đời, bà xem như là định số đã an bày, mà tất cả bởi cái nhân ở quá khứ do mình trót lỗi gây tạo ra, mà hiện giờ nó vừa chín muồi, nên bà đều vui vẻ đón nhận không một lời than trời oán người. Như lời nhắc nhở của Cổ đức:

*“Xin khuyên tất cả người ta,
Không nên nuôi những xấu xa trong lòng.
Làm ác gặp ác không sai chạy,
Luật trả vay vạn đại bất di;
Giàu sang quyền thế bực gì,
Cũng trong nhân quả khó đi ra ngoài.
Xem sử tích xưa nay đủ thấy,
Làm việc gì việc ấy trả cho;
Đúng như là đã hẹn hò,
Luật trời báo ứng bao giờ cũng linh.
Cơ thưởng phạt chó khinh mà mắc,
Biết bao nhiêu nhân vật đã lâm:*

Tưởng rằng chẳng có luật âm,
Không ngờ quả báo đúng tâm của mình...
Muốn về Phật đừng mang nợ thế,
Nợ thế còn không thể thoát phàm;
Thoát phàm nợ thế phải kham,
Nợ còn dù Thánh cũng cam chịu đền.
Nợ tiền phải trả tiền khó trốn,
Nợ mạng thì đền mạng không sai,
Nợ nào trả nấy dầu ai,
Muốn cho giải thoát đừng gây nợ trần...
Đường về Phật lợi danh chẳng buộc,
Chốn Liên Hoa chỉ rước từ tâm;
Hỡi ai đường Phật muốn tâm;
Liên Hoa muốn đến phải tâm cho từ.”

Đối với con cháu, dâu rể trong nhà, bà chưa từng quạu quọ la rầy mắng chửi, luôn giữ thái độ ôn hòa chỉ dạy, thường dùng thân giáo nhiều hơn ngôn giáo.

Đối với làng xóm láng giềng bà chưa hề mịch lòng một ai. Vì thế bà được mọi người thương yêu kính mến!

Đến năm 1984, ông bạn đường lìa đời, bà cảm nhận sâu sắc về lý vô thường: Vạn vật đều đổi thay biến hoại, có sinh tất nhiên phải có hoại diệt; có hợp ắt phải có tan; có sống thì phải đến lúc chết đi! Đúng như lời nhận định:

“... Cuộc đời là giả tạm nay vậy mai khác, thân thế lạc luân, của cải gia tài như đám phù vân trước gió, nước bọt, mây bèo. Những cái sanh, cái bệnh, cái lão, cái tử được đặt lên cuộc đời của người này rồi đến người khác...

rồi đến người khác nữa, nghĩa là tất cả nhân loại không thiếu sót một ai. Thế mà, họ vẫn cuống cuống tâm trí theo bả lợi danh, mùi phú quý, đi theo những vật vụn, tiểu ti eo hẹp.”

Kể từ đó, bà phát tâm trường trai, sớm chiều lễ Phật tinh tấn tu hành.

Người anh ruột thứ Hai của bà là một liên hữu thâm niên đã hướng dẫn pháp môn Tịnh Độ cho bà.

Cũng từ đó, bà mạnh mẽ tham gia các công tác từ thiện xã hội, như: bắc cầu, làm đường, bố thí gạo cho người nghèo, sửa chữa chùa chiền... nhất là bà rất ưa thích phóng sanh. Có bao nhiêu tiền đều làm hết bấy nhiêu.

Mặt khác, những khóa tu niệm Phật ở chùa Nam An tổ chức, bà đều tham dự chưa lần nào thiếu vắng; còn phần kinh giảng sám kệ, bà ham thích đọc lắm, dù rằng phải ráp vần từng chữ, từng câu!

Năm 2007 bà phát tâm xuất gia (lúc đó tuổi bà đã 84), được Ni Sư Thích Nữ Huệ Giác trụ trì chùa Nam An đặt cho pháp danh là Diệu Chánh.

Mặc dầu tuổi đã cao nhưng sức khỏe của sư cô rất tốt, khi nhập chúng tu học, tất cả các thời khóa tu của chùa sư cô đều thực hành đầy đủ. Buổi công phu khuya thường bắt đầu vào lúc 3 giờ rưỡi, khi lên chánh điện ai đọc tụng gì thì đọc tụng, còn sư cô thì cứ ngồi niệm Phật

miết vậy thôi! Chùng xong thì các vị sư cô trẻ đều có phận sự lo đi làm lao tác, riêng sư cô thì tiếp tục đi kinh hành cho đến giờ điểm tâm sáng. Điểm tâm xong, sư cô cầm xô nước ra ngoài sân chùa chà rong bám trên những tấm gạch tàu. Vừa làm chậm rãi vừa niệm Phật mãi cho đến giờ cơm trưa.

Năm 2010, sư cô cùng năm, sáu liên hữu đi tu Phật thất ở chùa Hoàng Pháp. Rồi kế tiếp ra tu Phật thất tại chùa Huê Lâm thuộc khu vực Bà Rịa Vũng Tàu. Lần này, sư cô được Ban Tổ Chức tặng giấy khen là một trong những hành giả cao tuổi có thời gian ngồi niệm Phật dài nhất.

Đến năm 2011 lúc sư cô đã 88 tuổi, đôi chân của sư cô hơi yếu, cô con gái Út rước sư cô về nhà để tiện bề phụng dưỡng.

Lúc nào có con cháu ghé thăm, sư cô đều khuyên răn lo tu hành, kính tin Tam Bảo, làm lành niệm Phật. Bằng đĩa mà sư cô thường nghe là của Thầy Chân Hiếu nói về những lời khai thị của Tổ Ấn Quang; nhưng thích nhất vẫn là đĩa: “Kính Niệm Phật Ba La Mật” do Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch. Sư cô thường ngồi niệm Phật rất lâu. Ngoài hai thời công phu chính ra, lúc nào sư cô cũng lần chuỗi niệm Phật, nên khâu chuỗi không rời khỏi tay.

Sư cô có hai người cháu nội, một vị pháp danh là Tuệ Tu đang tu ở Vĩnh Long, còn vị kia pháp danh là Tịnh Liên hiện tu tại chùa Hưng Thiên ở Cao Lãnh. Mùa

hạ năm 2013, sư cô có đi cúng dường Trường Hạ nơi đây. Khi tác pháp dâng tịnh tài, Sư Ông khuyên sư cô khi đau yếu bệnh hoạn thì đừng có đi điều trị làm chi, chỉ nên cố gắng niệm Phật và phát nguyện cầu sanh Tây Phương!

Đến khoảng tháng 8, tháng 9 năm ấy, có lần sư cô nói với cô Út:

- Mẹ muốn chừng nào mẹ về với Đức Phật A-di-đà, thì mẹ ngồi!

Cô Út hỏi lại:

- Mẹ chắc ngồi được không đó! Ngồi vững vàng không ạ?

Sư cô nói:

- Mẹ chắc là... ngồi được!

Đầu năm 2014, sư cô bị đau lưng, con cháu đưa sư cô đến Bệnh Viện Đa Khoa Cao Lãnh. Sau khi chụp hình bác sĩ chẩn đoán là bị “thoái hóa cột sống”, sư cô điều trị ở đây mười ngày. Khi về nhà, sư cô uống thuốc sơ sài qua loa, thường thoa dầu nóng nơi vùng lưng mà thôi, chủ yếu là gia tăng công phu niệm Phật.

Qua tết Trung Thu năm 2014, một hôm đang ngồi niệm Phật gần hai tiếng đồng hồ từ 6 giờ đến 8 giờ tối, đột nhiên sư cô niệm Phật lớn lên. Sau đó hỏi ra mới biết trong lúc đó sư cô thấy hình Đức Phật A-di-đà bay qua bay lại trước mặt, vì mừng quá nên sư cô mới niệm Phật lớn lên như thế!

Đến ngày mừng 2 tháng 9 năm 2014, sư cô vẫn khỏe mạnh ăn uống bình thường. Cô Út dự định mua tấm nhựa để chấn tấm vách chỗ sư cô thường tắm vì sợ nước chạm ổ điện rất nguy hiểm, và nước dễ làm mục vách ván. Sư cô bèn nói với cô Út:

- Mẹ chỉ tắm một, hai lần nữa thôi, chớ đâu có tắm hoài đâu mà con sợ!

Khuya đêm đó sư cô phát cơn đau lưng và mệt, sư cô kêu con cháu xúm lại hộ niệm cho mình, và đi mời Ban Hộ Niệm của chú Tư Bồ Đề. Con cháu vây quanh hộ niệm cho sư cô, tới 4 giờ sáng thì Ban Hộ Niệm của chú Tư Bồ Đề khoảng mười mấy người vừa kịp đến. Sau khi trưởng đoàn khai thị xong, sư cô ngồi niệm Phật chung với mọi người, ngồi chừng vài tiếng đồng hồ sư cô liền hỏi chú Tư rằng:

- Tui nằm, được không chú Tư?

Chú liền đáp:

- Bà cụ muốn nằm thì cứ nằm; cụ muốn ngồi thì cứ ngồi. Tùy theo sức khỏe của mình!

Vì vậy, sau ba, bốn giờ thì sư cô nằm xuống độ chừng mười lăm hoặc hai mươi phút rồi ngồi dậy, mà gần suốt ngày như thế. Âm thanh niệm Phật của sư cô mọi người đều nghe rất rõ, thỉnh thoảng sư cô có xen phát nguyện cầu sanh Tây Phương.

Trước khi mất nửa giờ, sư cô vẫn còn niệm ra tiếng.

Hộ niệm mãi cho đến 4 giờ 15 chiều thì sư cô an tường trút hơi thở sau cùng trong tư thế ngồi dựa lưng vào một người cháu, hai tay kết ấn để xuôi xuống, gương mặt hết sức hoan hỷ, tươi đẹp. Nhâm ngày mùng 3 tháng 9 năm 2014, sư cô hưởng thọ 91 tuổi.

Qua tám tiếng đồng hồ sau thì thấy các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng trong khi toàn thân đều lạnh, khuôn mặt rạng rỡ tràn đầy niềm vui của một hành giả Tịnh Tông chắc chắn đã vĩnh viễn xa lìa biển khổ!

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì cho đến giây phút lo phần hậu sự, tức là ngày hôm sau mới hoàn mãn.

Vào tuần thất thứ hai, người rể thứ Tám của sư cô nằm mộng, sư cô cho biết:

- Mẹ đã vãng sanh Tịnh Độ rồi!... Con rán niệm Phật và phát nguyện cầu vãng sanh Tây Phương!

Nói xong, sư cô dạy cho chú phát nguyện vãng sanh. Trong giấc chiêm bao, chú đã phát nguyện y theo sư cô dạy. Vì thường ngày chú cũng có niệm Phật nhưng chưa phát nguyện cầu sanh Cực Lạc!

(Thuật theo lời Phạm Thị Nho, cô con gái út của sư cô và Phạm Hồng Nhã, cháu nội của sư cô.)

55. ĐỖ ĐỒNG ĐEN (1986 - 2011, 25 tuổi)

*Một buổi mai sương hồng nặng ngọc, chim líu lo rộn rã
đầu cành, những đóa hoa xinh xắn muôn màu vạn sắc
rực rỡ thơm lừng, bướm vàng nhón nhơ chập chờn tung
cánh... Bất chợt mây đen ập đến sấm sét hãi hùng, mưa
loạn gió cuồng đất trời ám u nghiêng ngửa... giây lát hoa
lá điêu tàn xơ xác!*

*Dòng đời thay đổi, đổi thay;
Sáng còn tối mất đêm ngày nối nhau;
Buồn vui, hạnh phúc sầu đau;
Trần hồng cõi tạm chiêm bao khác gì!
Ai là người trí khéo suy,
Để ra khỏi mộng sầu bi kéo dài!*

*Đôi khi hạnh phúc đang ở trong tầm tay, bỗng dừng
đường tia chớp biến mất tự bao giờ! Như cuộc đời anh
Đỗ Đồng Đen!*

*Trong ngõ cụt mà anh đã quyết chí vượt lên, không bi
quan, không bằng lòng chấp nhận để cho nghiệp lực trôi
buộc, lôi kéo theo vòng trầm luân sanh tử. Quả thật đây
là một kỳ tích!*

Anh sinh năm 1986, cư ngụ tại khu vực Phụng
Thạnh 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt,
Thành phố Cần Thơ. Cha là ông Đỗ Văn Be, mẹ là bà
Tô Thị Bùi. Anh là con trai duy nhất, gia đình anh sống
bằng nghề buôn bán.

Từ thuở ấu thơ anh đã có bản tính hiếu thảo, lễ phép, ngoan hiền, tuy nhút nhát nhưng rất chăm học, siêng năng làm mọi việc phụ giúp gia đình. Thường thì anh chăm chú ngắm nhìn cha mẹ làm rồi làm theo, chứ ít cần chỉ dạy hay sai bảo. Vì thế, anh được hầu hết thân nhân quyến thuộc thương yêu quý mến.

Thuở bé anh thường thích đến chùa lễ Phật vào những dịp rằm lớn trong năm. Có lẽ thiện căn của anh đối với Tam Bảo rất sâu dày, nên lúc lên 12 tuổi anh đã tự động sớm chiều hai thời lễ nguyện và ngồi niệm Phật.

Trước khi đi học cũng như lúc tan trường về, anh đều đến xá ngôi Tam Bảo, có khi ngồi niệm Phật thật lâu. Cha mẹ của anh cũng rất lấy làm lạ khi trông thấy con của mình có vẻ khác người. Một hôm anh nói với mẹ:

- Mẹ có biết con ao ước trúng số để làm gì không mẹ?

Mẹ anh liền nói: Con trúng số, khi đó con sẽ mua cái này... phải không? Cái nọ... phải không? Cái kia... phải không? Bao nhiêu lần hỏi anh cũng đều đáp là “không!”. Cuối cùng mẹ hỏi:

- Cái gì cũng không phải! Vậy chớ con mua cái gì?

Anh đáp:

- Con sẽ mua gạo bố thí từ thiện!

Năm 16 tuổi có lần anh nói với mẹ:

- Mẹ ơi mẹ! Con có ý định muốn xuất gia, đi tu... dữ lắm! Nhưng mà suy nghĩ kỹ... con không có đi tu được!

Mẹ hỏi:

- Tại sao con không đi?

Anh trả lời:

- Tại vì tía với mẹ không ai lo, nên con không có đi xuất gia được!

Sau những tháng năm hoàn tất chương trình Trung Học Phổ Thông, anh vào trường Đại Học Cửu Long chuyên ngành xây dựng. Trong thời gian này chân trái của anh nghe đau, đến phòng khám, bác sĩ chẩn đoán là đau dây thần kinh tọa, anh điều trị qua loa và cũng không muốn cho cha mẹ biết, vì sợ cha với mẹ vì mình mà phải đeo mang thêm nhiều nỗi lo lắng, bất an!

Năm 2010 vào khoảng tháng giêng, khi anh ra trường, đi thực tập được hai tháng thì chân trái đau dữ dội. Đến Bệnh Viện Đa khoa Cần thơ, ở đây bác sĩ thấy xương có dấu hiệu lạ, liền chuyển ra Trung Tâm Chỉnh Hình ngoài Sài Gòn, được bác sĩ chẩn đoán là chèn ép dây thần kinh, rồi cho về nhà uống thuốc hẹn ba mươi ngày sau tái khám. Về nhà được vài hôm nhân dịp chuẩn bị lễ cưới của mình, anh đi phát thiệp cho bạn bè, khi chân vừa bước lên bậc thềm bỗng nhiên bị đột quỵ. Lúc trở lại Trung Tâm Chỉnh Hình lần thứ hai mới phát hiện anh đã bị ung thư xương, đành phải xử lý bằng cách tháo khớp và vô hóa chất.

Qua sáu lần vô hóa chất, bệnh tạm ổn nhưng chưa được bao lâu, anh bị ho dữ dội, không nằm được. Đến

cuối tháng 11 năm 2010 tái khám lần thứ ba thì bác sĩ cho biết ung thư đã di căn lên phổi, bệnh tình sắp sửa... đến hồi cáo chung! Thật không ngờ phía trước lại là ngõ cụt, thử hỏi có mấy ai chẳng đau xót ngậm ngùi. Nỗi bất hạnh to lớn nặng nề tựa như một bức màn đen tối của đêm ba mươi đang phủ kín đời anh, bất giác anh bàng hoàng chột tỉnh, nhận ra lẽ thật của kiếp nhân sinh, tương đồng với lời khai thị của Cổ Đức:

*“Đời chính là một giấc mộng say,
Đời là cõi chôn chôn cây thiên hạ.
Thấy như thật nhưng toàn dối giả,
Không một ai được thỏa tấm lòng;
Rốt cuộc điều chi cũng hóa không,
Dù người có luống công bịn rịn.
Nào phú quý nào mùi chung đỉnh,
Nào công danh nào miếng lợi quyền;
Như vầng mây như bọt nước xuyên,
Không thể giữ được thiên tuế nguyệt.
Số định của người là sanh diệt,
Vạn vật là đồng kiếp vô thường;
Có lên mây cũng khó ẩn nường,
Dù xuống đất vô phương trốn thoát.
Cái chết vẫn luôn luôn đeo sát,
Dù người không muốn thác mặc tình;
Thấy rằng trong đời của nhơn sinh,
Có ẩn súc vô hình chi phối.
Mang xác thịt không ai tránh nổi,
Sanh làm người đều phải như nhau;*

*Trẻ rồi già rồi yếu rồi đau,
Rồi phải chết người nào chạy khỏi.
Ấy sự thật không cần phải hỏi,
Ai cũng đều biết rọi như nhau;
Há không tìm phương pháp siêu cao,
Hầu sớm có tầu dào kiếp chết.”*

Thời gian ở bệnh viện đang chờ vô hóa chất, một hôm anh nói với mẹ:

- Hồi tối con nằm chiêm bao thấy có một sư cô mặc bộ đồ trắng... đó mẹ! Sư cô kêu con xem Kinh A-di-đà và Phẩm Phổ Môn!”

Mẹ anh liền điện thoại về gia đình, sau đó cô Sáu gọi ra quyển Kinh A-di-đà và Phẩm Phổ Môn cho anh.

Từ đó bắt đầu anh tụng Kinh A-di-đà và trì chú Đại Bi. Khi xuất viện về nhà anh nhờ cô, chú chở đi chùa và Tịnh xá để lễ bái, nghe pháp và niệm Phật. Kế tiếp anh tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, đọc các kinh điển Đại thừa như: Kim Cang, Niết Bàn...

Một hôm, anh đang mặc áo tràng ngồi trang nghiêm ở phía trước để nghe Thượng tọa thuyết giảng, quý cô ngồi ở phía sau ai nấy đều trầm trồ nghĩ thầm trong bụng: “Ồ! Ông sư nào mới về Tịnh xá mình, mà đẹp trai quá vậy ta!” Nhưng khi nhìn kỹ lại, thì ra... Còn ai trồng khoai đất này: Đồng Đen nhà mình! Do vì vô chất hóa học mà tóc trên đầu rụng sạch sẽ, một cọng cũng không còn.

Đến mừng 10 tháng 12 năm 2010, cơn bệnh hoành

hành anh kịch liệt, thể trạng suy sụp nhanh chóng, ho nhiều, nằm xuống năm phút thì phải ngồi dậy, liên tục như thế suốt cả ngày đêm. Người nhà xót xa không chịu nổi liền mời bác sĩ Thiện Phúc và Diệu Thiện đến khám bệnh để tìm biện pháp giảm đau. Bác sĩ Diệu Thiện cũng là Trưởng Ban Hộ Niệm của Tịnh xá Ngọc Trung. Sau khi gặp gỡ trò chuyện, cô Diệu Thiện khuyên anh nên quy y. Duyên lành nhiều đời đã chín muồi, cô Diệu Thiện đã đứng ra cung thỉnh chư tăng đến nhà làm lễ cho anh quy y Tam Bảo, và anh được pháp danh là Thiện Siêu. cha và mẹ cùng quy y một lượt với anh. Sau đó Thượng tọa trụ trì Tịnh xá Ngọc Trung truyền thọ 8 giới, rồi Sư giảng giải về nghĩa lý các giới, anh vô cùng hoan hỉ lắng nghe. Kế đó anh quay sang cô vợ sắp cưới, vừa tháo chiếc nhẫn đang đeo trên tay ra trao cho cô và vừa nói:

- Thiện Siêu hôm nay trả tự do lại cho cô! Cô có thể bước thêm bước nữa thì tùy ý của cô... Nhưng nếu xuất gia chuyên tu giải thoát thì hạnh phúc hơn nhiều!

Cũng trong ngày hôm ấy, Thượng Tọa khai thị về pháp môn Tịnh Độ, nhận hiểu được Phật pháp nên anh đã phát tâm trường trai. Từ đó về sau cô Diệu Thiện ngày nào cũng đến thăm, an ủi, giảng giải thêm cơ bản về Tịnh Tông và khích lệ anh nên buông xả muôn duyên, một lòng niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương.

Sức khỏe của anh xuống dốc ngày một rõ rệt, gia đình thường vây quanh hộ niệm cho anh. Mặc dù bệnh

hoành hành bằng những cơn đau nhức dữ dội nhưng chưa hề nghe anh rên rỉ kêu than, hiếm khi bắt gặp anh nhíu mặt nhăn mày. Lần nọ mẹ hỏi:

- Đen à! Con có sợ chết không?

Anh đáp:

- Dạ, không!

Bà nói:

- Có thiệt không, hay là con giấu mẹ?

Anh đáp:

- Thiệt đó mẹ à!

Thiếu Chín bèn hỏi:

- Đen ơi! Con ra đi rồi, con có nhớ mẹ của con không?

Anh đáp:

- Không! Con sống với mẹ ở đây có mấy chục năm à!
Con về trên con sẽ sống vĩnh viễn!

Một hôm anh nói với mẹ:

- Mẹ biết không! Lúc đau nhức... lẽ ra... theo hơi thở của con, là... để con rên đó. Mà con không rên để con niệm Phật!

Đôi khi đau nhức quá bất chợt anh rơi những giọt nước mắt xuống, vừa trông thấy mẹ đi vào anh liền quệt nhanh. Bà đến bên cạnh hỏi:

- Đen ơi! Bộ con khóc hả con?

Anh đáp:

- Dạ, không có! Bụi vô mắt con, mẹ ơi!

Có lần anh đưa cho cha xôi chuối tay 18 hạt, khuyên cha rán niệm Phật để nữa cha con sẽ gặp ở cõi bất sinh bất diệt. Mẹ anh so bì, liền cất tiếng:

- Sao con không cho mẹ xôi chuối mà lại cho tía?

Anh trả lời:

- Tại vì mẹ biết ăn chay tu hành rồi, còn tía thì chưa!

Anh còn căn dặn mẹ rán lo tu hành, tu tạo phước đức như: bố thí, phóng sanh, cúng dường Tam Bảo...

Trước khi anh mất hai ngày, Ban Hộ Niệm của Tịnh xá Ngọc Trung bắt đầu phân công trợ niệm liên tục. Sang ngày mùng 4 tháng giêng, khoảng 2 giờ chiều anh nhờ người nhà tắm gội và thay y phục, đồng thời còn cho biết đêm nay anh sẽ ra đi. Đến 6 giờ tối cô Diệu Thiện tới, thấy anh đang mệt và đau nhức quá nên cô đề nghị tiêm thuốc giảm đau. Anh không chịu, thà để cho đau nhức chứ không để cho hôn mê do tác dụng phụ của thuốc gây ra. Đây là thái độ anh đã kiên định kể từ khi biết đến phương pháp niệm Phật vãng sanh, vì cô Diệu Thiện nhiều lần chứng kiến cơn đau hoành hành và cũng đã nhiều lần đề nghị như vậy, mà lần nào anh cũng từ chối như thế hết!

Gần 2 giờ khuya đêm ấy mọi người đông đủ đang vây quanh hộ niệm, anh quay sang nói với mẹ:

- Mẹ có nói gì thì nói hết đi, để chút nữa con đi!

Bà đáp:

- Mẹ không có nói gì để nói hết con à! Nhưng mẹ mong muốn một điều là trước khi con ra đi, con nhớ niệm Nam Mô A-di-đà Phật 10 lần, rồi con kêu A-di-đà Phật cứu con ba lần... Được không con?

Anh liền đáp:

- Dạ!

Lúc này lưỡi của anh đã cứng và thụt vô, nên anh nói âm thanh hơi khó nghe. Một lát sau anh đang ngồi niệm Phật theo mọi người bỗng dừng cất tiếng niệm lớn lên, được năm, sáu câu Nam Mô A-di-đà Phật, rồi nói A-di-đà Phật cứu con, ba lần, âm thanh vang ra mọi người nghe rất rõ. Vừa dứt câu thì anh cũng vừa trút hơi thở cuối cùng, đầu từ từ gục xuống, nước dãi tràn ra, mẹ anh liền lấy khăn hứng phía dưới, anh vẫn còn ở tư thế ngồi xếp bằng niệm Phật không dựa vào đâu cả.

Lúc ấy đúng 2 giờ 15 phút sáng ngày mùng 5 tháng giêng năm 2011. Anh hưởng dương 25 tuổi.

Sau đó năm, mười phút người nhà liền đỡ cho anh nằm xuống.

Thân quyến cùng Ban Hộ Niệm tiếp tục niệm Phật cho đến 11 giờ trưa thì thấy các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng, gương mặt hồng hào sáng đẹp như người đang ngủ. Thượng tọa trụ trì Tịnh xá Ngọc Trung rất hoan hỉ tán thán gia đình anh đã hộ niệm như pháp.

Sau khi chứng kiến sự ra đi của anh, chú Năm và dì Chín của anh đã phát tâm trường trai niệm Phật tu hành. Và những người thân nhiều lần nằm mộng, đa số thấy anh thân tướng trang nghiêm ngồi trên tòa sen, có khi thấy anh thuyết pháp cho đại chúng nghe. Riêng cô Dương Hồng Thúy vợ sắp cưới của anh đã chăm sóc anh và hộ niệm cho anh suốt thời gian cuối đời, khi bảy tuần thất đã qua, cô chiêm bao thấy anh hình thể to lớn, đầu có nhục kế nhô cao, đến dạy cô niệm Phật... Hiện nay cô đang chung sống với cha mẹ của anh, và rất tinh tấn tu hành!

(Thuật theo lời anh Đỗ Văn Be, chị Tô Thị Bùi và cô Dương Hồng Thúy)

56. PHAN THỊ YÊN (1914 - 1995, 81 tuổi)

Hiền lành, thật thà, nhân đức! Tâm lượng bao la, lòng luôn luôn thứ tha chưa hề giận tức!

Lục tự gắng sức chẳng rời! Vãng sanh linh hiển, độ con cháu tinh tiến tu niệm trọn đời!

Bà Phan Thị Yên sinh năm 1914, nguyên quán tại chợ Cái Dầu, Định Yên, Lấp Vò, Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Phan Văn Viên, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Tỷ. Bà là con Út trong gia đình có bảy anh em.

Khi đến tuổi thanh xuân, bà kết hôn với ông Lưu Văn Tôn, làm chức Hội Đồng đương thời, sinh được chín

người con, định cư tại: Thới Bình, Thới Thuận, Thốt Nốt, Cần Thơ. Gia đình bà sinh sống bằng nghề ruộng.

Tính tình của bà rất chân thật, hiền từ, nhẫn nại mọi khó khổ.

Thuở trẻ bà vốn là một trang tiểu thư “khuê môn đài các”, được song thân rất mực thương yêu. Đến khi đã làm dâu, làm mẹ, do vì cha mẹ chồng cùng với các em chồng quá khó, nên bà đã trải nghiệm thân phận của kiếp nhân sinh là: giàu đến đâu, quyền thế cách mấy, rồi... thì... nỗi khổ đau cũng chẳng hề nể nang, tha thứ bất cứ một người nào!

Năm 1945, có lần Thầy về thuyết pháp tại Vĩnh Trinh vào ngày 17 tháng 5. Cả gia đình từ lớn đến nhỏ đều được đi nghe, riêng bà phải ở giữ nhà. Bà khao khát muốn được tham dự nhưng vì phải nhường cho mọi người, nên tủi thân bà ngồi một mình bật khóc nức nở. Nhà của bà nằm trên tuyến đường giữa Bò Ót vào Vĩnh Trinh chỉ cách một con sông nhỏ. Khi buổi thuyết giảng hoàn mãn, chiếc xe bốn bánh màu nâu chạy ngang qua cửa nhà của bà thì bỗng nhiên dừng lại, bà thấy thế liền bơi xuống riết qua. Khi đến gần, thì thấy Thầy mở cửa kiếng ra đưa tay lên vẫy chào. Bà quá mừng đôi bàn tay run run chấp lại ở giữa ngực, rồi cúi đầu xuống... Trong khi ấy chiếc xe màu nâu kia từ từ lặn bánh rồi dần dần khuất bóng hẳn sau hàng cây. Lòng bà trào dâng niềm vui vô hạn, và dấu ấn kính tín Tam Bảo đã in sâu vào tâm khảm của bà từ đạo ấy!...

Những tháng ngày sau đó, bà cùng chồng đồng tâm chung ý nghiên tâm kinh kệ, rộng làm phước thiện, cứu giúp người nghèo, nhất là xuất của bố thí gạo tiền nhân những dịp lễ lớn hàng năm.

Khi các con đã lớn khôn đều an bề gia thất, chỉ có cô gái Út trưởng trai sống hạnh xuất gia, hành nghề Đông Y, hoạt động cho các cơ sở từ thiện mỗi nửa tháng mới về thăm bà một lần. Hôm nọ cô về thăm bà, anh trai thứ Chín và chị dâu đều đi ruộng. Thấy bà nằm trèm mền, hỏi ra mới biết bà bị bệnh mà sáng nay chưa ăn uống gì cả. Có rọng con cá lóc, bà định nấu cháo. Cô bèn đem cá ra làm thịt, nhưng bà ngăn lại:

- Thôi, con ơi! Con ăn chay... con đừng có làm!

Cô đáp:

- Không sao đâu má ơi! Để con làm cá nấu cháo cho má!

Lát sau, khi bà ra ngoài đi vệ sinh, thấy cô ngồi khóc, bà hỏi:

- Bộ con bị đứt tay rồi hả con?

Cô đáp:

- Dạ không có! Tại đập đầu nó, thấy nó giãy tê tê, con sợ con run... tội nghiệp nó quá mà con khóc. Chớ con không có đứt tay!

Bà nghe xong, bèn bước đến gần lấy tay vò đầu cô con gái của mình rồi an ủi:

- Thôi con đừng có buồn! Má chuyến này má hết

bệnh má sẽ phát tâm ăn chay luôn cho tới chết, để con khỏi phải sát sanh nữa... Con đừng có buồn!

Vài hôm sau, bà hết bệnh, cô cùng bạn đồng tu liền làm lễ phát nguyện trường trai đúng vào ngày 18 tháng 5 năm 1980, lúc đó bà 66 tuổi.

Quyển Khuyển Thiện của ông Vô Danh Cư Sĩ, là quyển sách gối đầu giường mà bà ưa thích nhất, bà nghiền ngẫm từng chữ từng câu trong đó và chăm chỉ gắng sức thực hành theo!

Công khóa thường nhật của bà là ba thời lễ niệm. Dù công việc có bận rộn cỡ nào thì phải niệm ít nhất là 10 tràng chuỗi trở lên, không để ít hơn.

Bà có người con trai thứ Tư là môn đệ thuộc hệ phái “Lưu Linh”. Thỉnh thoảng chú đi nhậu, tối về thấy bà đang ngồi niệm Phật trong phòng thì lấy tay nắm kéo bà ra, nghiêng tới nghiêng lui, rồi chú lựa nhựa từng câu từng tiếng:

- Má niệm Phật,... bộ má... sợ muỗi hả?... Ra ngoài ngồi... chớ... không... được ở... trong phòng... nghe chưa!... Niệm Phật... thì phải... hành xác chớ!

Bà vẫn tươi cười, ung dung vỗ tay vào đầu chú, chẳng lộ vẻ giận tức bực bội gì với: “Ông Thần Nước Mặn” này cả! Quả thật là:

*“Lúc nào cũng tràn trề tha thứ,
Dùng từ ngôn dạy chỉ lẫn nhau.
Mặt mày vui vẻ một màu,*

Mật đường khó sánh ngọt ngào lời phân.

...

Chịu cay đắng giới mài chánh đạo,
Hẹn một đời trực đạo Tây Phương
Vua lòng tay tự cầm cương
Thắt con ngựa ý trên đường xa xôi;
Không mảy mả trước ngôi Phật điện,
Chẳng lãng tâm khi niệm Di-Đà;
Huệ lòng ắt được trở hoa,
Đạo mầu sẽ đắc, Phật tòa được lên.
Vật báu quý, giá tiền phải mất,
Đạo cao siêu, công đức cho dày;
Chớ nên tu niệm sơ sài,
Lòng mong đạt được phép tài Thần Tiên.
Bị khảo đảo không phiên không chán,
Gặp chông gai chẳng ngán chẳng ngao,
Sòng nẫu cứ vẹn một màu,
Gương lòng thường được chùi lau không rời.”

Năm 1994, một hôm cô Út cùng với người bạn đồng nghiệp cũng là bạn đạo là cô Năm Ngồi về nhà thăm bà. Cô Năm thổ thổ với bà:

- Bác ơi! Con nằm chiêm bao con thấy bác được về cõi Tiên!

Bà nói:

- Không, con ơi! Về cõi Tiên vẫn còn sanh tử luân hồi. Bác nhất quyết nguyện sanh về Cực Lạc, chớ không

về cõi Tiên. Dù cõi Tiên có đem xe đến rước bác cũng không đi. Bác nhất định là về Cực Lạc!

Vào khoảng đầu tháng 3 năm 1995 cô Út về thăm nhà, bà nói:

- Hôm rày má sao... ăn thì cũng được, mà ngủ thì không được ngon. Đâu con xem mạch cho má coi có gì bệnh gì không!

Khi chẩn mạch xong, cô Út cho bà biết:

- Tháng 5 năm nay nếu má phát bệnh thì má bỏ xác đó. Má liệu lòng mà rán niệm Phật!

Bà nói:

- Con biết coi mạch, nói thì má tin. Thôi từ đây má buông bỏ hết mọi thứ. Má nhất tâm niệm Phật, má cầu vãng sanh Tây Phương!

Từ đó bà chuyên tâm trì niệm trong khi sức khỏe lần hồi suy kiệt, các con đòi đưa đi bệnh viện, bà không chịu. Các con đòi chích thuốc bà cũng không cho. Bà chỉ uống nước cúng Phật. Phần đi đứng thì vẫn bình thường, công phu lễ bái vẫn duy trì như mọi khi.

Đêm rằm tháng 5 năm 1995, cô Út ngủ chung với bà. Đang nằm, cô đưa tay sờ lên bụng của bà, bất giác cảm xúc trào dâng, bởi do nghề nghiệp lương y, cô tiên lượng rằng giờ phút phân ly giữa mình và mẹ dường như sắp sửa cận kề trong gang tấc. Cô không cam tâm chấp nhận cái bầu hạnh phúc “con còn có mẹ” bỗng dưng vượt khỏi tầm tay!

Cô cố nén cho lệ chảy ngược vào tim, nhưng rồi cũng phải bất lực!... Giây lát sau bà hay được, bà vừa rầy cô và vừa an ủi, đại để như vậy: Sao con tu lâu rồi mà con còn dở quá. Xả bỏ tất thân tứ đại dơ bẩn bất tịnh, mình sẽ có Kim Thân, tức là cái thân chân thật. Như thay một chiếc áo cũ rách hôi dơ bằng bộ y phục nhung lụa sang quý, vậy thì còn gì hân hạnh và vui sướng hơn... Cuối cùng bà đọc mấy câu thơ:

*“...Sớm về cõi Phật an thân,
Kéo kiếp phong trần dày gió dạn sương.
Phật đài phưởng phất mùi hương,
Cúi đầu đảnh lễ cội nương đức mẫu.
Từ bi oai lực nhiệm sâu,
Độ con thoát chốn ưu sầu trần ai...”*

Bà còn nói thêm:

- Má còn thuộc nhiều lắm, nhưng chỉ nhắc lại cho con nhớ 6 câu này thôi!

Qua hôm sau là ngày 16 tháng 5 năm 1995, cô Út hỏi bà:

- Má bệnh mà má thấy trong người má khỏe không?

Bà đáp:

- Không khỏe con ơi!

Cô hỏi tiếp:

- Má niệm Phật từ đó tới giờ, mà má biết thời gian chừng nào má bỏ xác không má?

Bà đưa lên ba ngón tay rồi nói:

- Ba ngày nữa má đi!

Cô Năm Ngồi đứng bên cạnh sợ bà nói sảng, liền hỏi:

- Bác ơi! Bác nói ba ngày nữa bác đi, mà bác đi đâu?

Bà trả lời:

- Ba ngày nữa Phật rước bác đi về Cực Lạc!

Chú Tư bên cạnh nghe xong liền cất tiếng hỏi bà:

- Má nói ngày 19 má đi, mà má đi lúc mấy giờ?

Bà đáp:

- Má đi đúng giờ ngộ!

Cô Út mới hỏi:

- Má có biết hôm nay là ngày mấy không, má?

Bà đáp:

- Biết! Bữa nay là ngày 16!

Cô Út lại hỏi:

- Má có biết ngày 18 tới là ngày gì không?

Bà đáp:

- Ngày 18 là ngày đại lễ. Ngày đó các con đừng có cho má ăn uống bất cứ thứ gì, cũng đừng kêu, đừng hỏi gì hết. Chỉ nhều nước cúng cho má thấm giọng thôi. Để má nhất tâm má niệm Phật!

Cô Năm xen vào:

- Bác về với Phật, bác có dặn dò gì hay không?

Bà ôn tồn, chậm rãi trả lời:

- Hai con ở lại... rần lo tu!... Chị em hãy nhường nhịn với nhau...

Cô Năm lại hỏi:

- Rồi Bác có phát tâm gì không?

Bà nói:

- Quần áo chỉ đem theo ba bộ thôi, còn bao nhiêu để lại bố thí hết... Đem theo chôn dưới đất uống lăm!

Qua hôm sau cô Út mời chư đồng đạo đến hộ niệm cho bà. Đồng đạo đến thấy sức khỏe của bà còn quá tốt, nên có vị hỏi:

- Thấy bác còn sỏi quá!... Như vậy làm sao ba ngày nữa đi, Út?

Cô Út đáp:

- Tui cũng không biết! Quý vị cứ hộ niệm giùm đi... Sợ nhiều khi không có đồng đạo ủng hộ tui, sợ tui xúc động rồi tôi niệm Phật không có được vững tinh thần. Bà đã nói như vậy thì quý vị rần ủng hộ tui đi... chớ tui cũng không biết sao nữa!

Khi mọi người niệm Phật thì bà nằm im nhép môi niệm theo, thường thì bà nhắm mắt lại, lúc nhều nước vào môi bà mở mắt ra.

Hộ niệm suốt hai ngày đêm, bà con thân thuộc và chư đồng đạo khá đông. Đến đúng 11 giờ 50 phút, môi bà đang nhép bỗng từ từ dừng lại, nhẹ nhàng ra đi về thế giới an lành. Nhằm ngày 19 tháng 5 năm, bà hưởng thọ 81 tuổi.

Qua hơn tám giờ hộ niệm thêm sau đó thì thấy gương mặt bà hồng hào, sáng đẹp, miệng như mỉm cười. Các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng trong khi toàn thân đều lạnh. Toàn thể gia quyến và đồng đạo ai cũng vui mừng, tiếng Phật hiệu vẫn được duy trì cho tới khi an táng vào sáng hôm sau.

Khi báo tin sắp sửa ra đi, tối hôm đó bà kêu chú Tư và chú Chín lại. Hai chú quỳ trước mặt bà bật khóc nức nở, chú Tư sám hối:

- Má! Má ơi!... Má tha thứ cho con... khi Má vãng sanh rồi con sẽ cố gắng lo tu!

Bà mỉm cười, lấy tay vò đầu của chú, và đưa cho chú Tư một xâu chuỗi trường 108 hạt; còn chú Chín thì xâu chuỗi tay 18 hạt, hai xâu chuỗi mà hằng ngày bà thường dùng. Xong rồi, bà dịu dàng từ tốn dặn dò:

- Hai con ở lại hãy rán lo tu hành... để sau này mới gặp được Má! Má về Cực Lạc rồi Má sẽ độ các con tu hết!

Từ đó hai chú dứt hẳn rượu chè, cùng cả gia đình vợ con trường trai tu hành, mạnh mẽ trong các việc phước thiện suốt mấy mươi năm nay!

Bảy tuần thất trôi qua, người cháu ngoại của bà tên là Ký Thanh Vũ, 25 tuổi, trong lòng thường ôm nỗi hoài nghi: Không biết ngoại mình ra đi như vậy mà có được

vãng sanh hay không? Hôm nọ, anh đến bàn vong thắp một nén hương khấn nguyện với bà, mong cho có cảm ứng điềm gì đó để anh trọn đời tinh tấn tu hành. Ba hôm sau, vào lúc trưa anh nằm mộng thấy bà đứng trên tòa sen màu hồng từ trên cao hạ xuống, nhưng gương mặt bà không già mà lại rất trẻ, y phục giống đức Quán Thế Âm Bồ Tát, thân tướng to lớn cực kỳ xinh đẹp, hào quang tỏa sáng nhiều màu rực rỡ. Anh vô cùng vui mừng reo lên:

- Ngoạ! Ngoạ! Ngoạ! Ngoạ về thăm con, hả Ngoạ?

Bà mỉm cười, liền nói:

- Cháu đã cầu xin với bà cho cháu thấy, để cháu có niềm tin cháu tu. Hôm nay bà về đây báo mộng. Bà đã được vãng sanh rồi! Thôi, cháu hãy rán lo tu hành!

Anh chạy đến gần bà, thì bà từ từ bay lên cao rồi chợt biến mất sau một áng mây lành. Khi tỉnh giấc anh rất phấn khởi, cõi lòng tràn ngập niềm vui, phấn khích kể lại cho mọi người nghe, rồi cùng tất cả vợ con đồng phát tâm trường trai, niệm Phật, tu hành!

(Thuật theo lời: Lưu Thị Giềng, con gái út của bà và đồng đạo Năm Ngời).

57. NGUYỄN VĂN BƠI (1930 - 2004, 74 tuổi)

*Cảm Phật ân, Phật pháp nhiệm mầu!
Xả Ta Bà, quay đầu cầu về An Dưỡng!
Trọng thực chất, chẳng vương hư danh!
Tu khổ thiết chí thành, vãng sanh tự tại!*

Ông Nguyễn Văn Bơi sinh năm 1930, cư ngụ tại ấp Bình Hòa, xã Bình Phú, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Nhị, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Hằng. Ông là con thứ sáu trong gia đình có tám anh em.

Thuở nhỏ khi 7 tuổi bỗng dưng ông không ăn thịt cá gì được, chỉ ăn cơm với muối tiêu và chuối suốt 14 năm trường. Cha ông nài ép ăn mặn mãi, cũng vì lòng hiếu thảo ông đã cầu nguyện với Trời Phật cho ông ăn được con cá, sau đó ông ăn cá không còn bị ói nữa.

Năm 24 tuổi ông kết hôn với bà Lê Thị Mới sinh được bốn trai sáu gái, gia đình sinh sống bằng nghề làm ruộng và nuôi cá.

Tính tình của ông chân thật, không thích hào nhoáng hình thức bề ngoài, thương người mền vật, cần kiệm. Tất cả mọi công tác từ thiện xã hội ông đều tích cực tham gia, như: bắc cầu, làm đường, sửa chữa chùa - đình, giúp người nghèo về mọi phương diện cơm - áo - gạo - tiền, cất nhà tình thương, hòm rương khi tống táng... Ông rất hăng say làm các việc này và xem đây là niềm vui

trong cuộc sống, ngẫu nhiên tương ứng với nền tảng căn bản của sự tu tập, mặc dù ở thời điểm này ông chưa biết nhiều về chuyện Phật pháp tu hành. Vô hình trung khế hợp với lời khai thị:

“Được đi đến chốn Liên Hoa,
Ấy do tâm của người ta tốt lành.
Tốt lành nếu tâm mình có được,
Sẽ khiến cho huệ phước sanh ra;
Giải xong kiếp khổ người ta,
Do lòng lành tốt ấy mà tiến lên.
Nhà muốn cất phải nền móng trước,
Người muốn tu phải tốt lành tâm;
Tốt lành tâm chẳng chịu cầm,
Như nhà muốn cất mà mầm móng không.
Thích Ca cũng do lòng lành có.
Mới động tâm trước khổ của người,
Muốn người hết khổ được vui,
Nên hy sinh cả cuộc đời lo tu.
Lòng lành có Đạo Mẫu sẽ có,
Có lòng lành tuy khó rán trau;
Lành tâm lành sự càng cao,
Tình người với Phật càng mau nối liền.
Tâm lành ấy nên khuyên nhau tạo,
Đòi được vui và đạo được siêu;
Pháp tu thì có rất nhiều,
Nhưng môn nào cũng chỉ điều thiện tâm.
Có tâm thiện mới làm việc thiện,
Có lòng lành mới khiến tưởng lành;

Có nhân thiện niệm thiện hành,
Tất nhiên có quả tốt lành mai sau.
Nói việc thiện người nào cũng biết,
Nhưng mấy ai làm việc thiện đâu;
Thường ngày việc ác cứ bầu,
Thế nên kết quả thảm sầu nhiều hơn.
Quả tốt xấu do nhân thiện ác,
Giống dữ không thể gặt quả lành;
Ác mà muốn được phước sanh,
Khác nào nấu cát mong thành được cơm.
Muốn làm Phật chó ôm tánh ác,
Tánh ác còn, còn các nguy nan;
Sống trong cảnh sống bất an,
Chết trong cảnh chết kinh hoàng sợ lo.
Khởi tâm thiện để cho đời thiện,
Các nghiệp qua cũng khiến tiêu tan;
Đời không thêm những báo oan,
Kiếp đầy cũng chẳng còn mang sau này!”

Năm ông 65 tuổi thì phát bệnh, điều trị rất nhiều nơi: Bệnh Viện Chợ Rẫy, Bệnh Viện Phạm Ngọc Thạch và các bệnh viện ở An Giang, mỗi chỗ ông nằm viện một vài tuần, nhưng dây dưa như thế suốt ba năm trường mà tình trạng sức khỏe vẫn không hồi phục. Bác sĩ các nơi đều chẩn đoán ông bị: “suy tim”, “nám phổi” và “chai gan”, đồng thời khuyên gia đình nên để ông ở bệnh viện gần nhà vì ông tuổi đã già, để chăm sóc được phần dễ dàng thuận tiện hơn.

Ông có người con gái thứ Năm sống độc thân tu

hạnh xuất gia, thường theo nuôi bệnh cho ông. Hằng đêm cô âm thầm khấn nguyện Ân Trên gia hộ sao cho cha mẹ mình sớm được tỉnh giác quy y Tam Bảo, trưởng trai tu niệm, để giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi.

Lần nọ ông đang nhập viện ở An Giang, gần 20 ngày không ăn cơm cháo gì được. Mười ngày đầu còn ăn được bánh trái chút đỉnh, 10 ngày kế tất cả mọi thứ đưa vào miệng ông đều ói ra hết, ngay cả sữa cũng không uống được, chỉ thuần uống được nước trắng mà thôi.

Một đêm cô Năm mộng thấy có một người đến nói với cô rằng:

- Hãy bảo cha con phát nguyện trưởng trai quy y Tam Bảo, lo tu hành thì sẽ hết bệnh!

Sáng ra cô thuật lại diễm chiêm bao cho ông nghe. Nghe xong, ông nói:

- Ngày xưa ba đã cầu xin Trời Phật cho ba ăn con cá, thì ba ăn con cá chỗ không ăn chay được!

Thấy ba mình không chịu ăn chay nên cô đi chợ mua cá lóc về nấu cháo. Khi dọn ra ông dùng được mới vài muỗng gì đó thì bỗng dưng phải mửa ra hết. Ông bèn nói:

- Sao kỳ quá con ơi! Hồi nãy ba nằm chiêm bao, ba thấy ba nướng cá. Tự nhiên con cá hóa thành ông già đầu trọc, ông già đó nói với ba rằng: Tao là ông nội mày, sao mày nướng tao? Rồi ba giật mình thức dậy!

Kế đó xuất viện, về an dưỡng nơi tịnh thất của cô Năm. Cô thường theo bên cạnh khuyên ông phát tâm ăn chay. Ông nói:

- Ba biết con thương ba lắm! Tu hiền thì cái gì ba tu cũng được, còn ăn chay, thì ba ăn chưa được con ơi! Hơn nữa ba còn bệnh mà!

Trải qua thêm 10 ngày nữa cũng không ăn uống thứ gì được hết. Thấy thể lực của ông suy sụp quá đổi, gia đình bèn dự định đưa đi bệnh viện ở Sài Gòn. Sau khi đã chuẩn bị xong đồ đạc sắp sửa lên đường, cô Năm nghe trong người hơi mệt, khó chịu, bèn ngã lưng trên chiếc võng ngủ thiếp đi. Cô thấy có một đồng đạo mặc bộ đồ lam từ bên ngoài bước vào cửa nói với cô rằng:

- Cô phải phát nguyện quy y cho ông cụ, và cho ông cụ trường trai luôn thì hết bệnh. Nếu đưa đi Thành Phố thì ông cụ sẽ bỏ xác ngoài đó!

Khi giật mình thức dậy thì ông cũng nằm gần bên, liền lên tiếng hỏi cô:

- Nãy giờ ngủ ngon quá hả con?

Cô bèn thuật lại giấc mộng vừa mới gặp. Rồi hỏi ông:

- Vậy thì ba tính sao?

Ông nghe xong im lặng trầm ngâm suy tư vài phút, rồi đáp:

- Thôi thì con đỡ ba lên đi! Rồi thấp nhang phát nguyện cho ba quy y đi; nếu ba ăn chay được thì ba ăn chay cho tới ngày bỏ xác luôn.

Cô bèn cùng cô Út Giềng (một bạn đồng tu cùng ở chung thất với cô) dìu ông lên gác nơi thờ ngôi Tam Bảo, thấp hương làm lễ phát nguyện quy y và trường trai cho

ông. Xong rồi, khi dìu ông trở xuống, vừa đúng lúc có vài vị khách mới đến, bà vợ của ông đang dọn cơm để đãi. Trên mâm mâm chay kho cà khối bay tua tủa... gỏi gém đủ màu, cải rau đủ loại,... hương xông ngào ngạt, thơm ngát cả vùng! Ông chợt nghe trong lòng thèm và muốn ăn, nên nói với cô Năm:

- Ba thấy ba ăn được đó con! Con cho ba ăn đi!

Khi dìu tới nơi, đỡ ông ngồi xuống để dùng cơm chung với mọi người. Cô Năm rất lo lắng, tha thiết khẩn xin:

- Thôi, ba ăn một chút xíu thôi, thưa ba!

Ông mạnh dạn trả lời:

- Ba ăn được mà!

Thế là ông ăn luôn một mạch ba chén cơm đầy, mắm cà rau gỏi chỉ cũng chẳng cần phải kiêng kỵ gì cả, trong khi đó cô Năm nín thở mắt hồn dôi mắt nhìn theo mà lòng vô lượng phập phồng, vô biên lo sợ. Dùng cơm xong, ông phấn khởi tinh thần hô to:

- Vậy là được rồi! Tui ăn được rồi... Vậy là tôi ăn chay cho tới chết luôn... Phật Pháp quá nhiệm màu rồi... Bây giờ tôi nguyện tôi ăn chay cho tới ngày bỏ xác luôn!

Nói vừa dứt câu, ông đứng phắt dậy gọn hơ khỏi cần ai đỡ, thấy bên cạnh có treo một buồng chuối già cui chín, ông bèn rút một trái, ăn xong thấy vô cùng ngon miệng liền rút thêm một trái nữa. Kế lại thấy trên bàn có ly nước đá chanh, ông nhẹ nhàng bước sang mở lòng từ đuổi tay độ tận!

Theo cơ chế sinh lý của hệ thống tiêu hóa, thông thường sau khi ngưng ăn hoàn toàn từ năm đến bảy ngày trở lên, trước khi ăn uống thức ăn trở lại, phải tuân thủ nguyên tắc: từ lỏng tới đặc, từ mềm đến cứng. Nghĩa là phải theo thứ tự: uống nước gạo rang, nước cơm, nước cháo, ăn cháo lỏng, ăn cháo đặc, ăn cơm nhão, cuối cùng mới ăn uống bình thường.

Trường hợp của ông đã 20 ngày ngưng ăn hoàn toàn, thì thời gian tuân thủ nguyên tắc này phải mất ít nhất là năm ngày trở lên. Nếu không, thì hậu quả chắc chắn phải cho vào hòm rồi khiêng ra nghĩa địa. Mạnh mẽ khẳng định một câu thẳng thừng như đinh đóng cột rằng là: “Không có con đường thứ hai!” Vậy mà trường hợp của ông quả là “chuyện lạ- khó hiểu” nhưng mà... “có thật” trên cõi đời này!

Sáng hôm sau ông phóng lên chiếc xe đạp, ra ngoài đường nhanh chân phi nước đại. Khung cảnh làng quê hôm nay, trông sao thân thương vui đẹp quá! Lòng trào dâng niềm khoan khoái, niềm vui thích vô bờ. Như chim sổ lồng về tổ cũ, tung đôi cánh bay giữa trời cao, hùng hổ lao về phía trước, bỏ lại sau lưng gánh nặng bao nỗi ưu phiền của những chuỗi ngày dài đầy khổ đau và bệnh tật! Trời xanh hơn, mây trắng hơn, ông nghe trong ông mùa xuân thuở xa xưa sống lại nơi hồn! Miệng luôn thì thầm: “Phật Pháp... quả thật... quá... nhiệm mầu!”

Được hơn hai năm vào khoảng tháng 5 năm 2000, bữa nọ ông đi đẩy tiếp chiếc ghe cho người lối xóm, vì vận động quá mạnh nên ruột bị thông. Các con đưa ông đến Bệnh Viện Hạnh Phúc ở An Giang để phẫu thuật bện đem ruột lên. Bác sĩ nói:

- Ông ăn mặn tui mới mổ cho ông, bệnh mới mau hết, sức khỏe ông hiện giờ kém lắm. Ông ăn chay tui không dám trị cho ông!

Ông bèn quay sang bảo cô Năm:

- Thôi về con ơi! Cuốn quần áo về! Kệ nó, chết thì chết, mình cũng trọn đạo. Chớ bây giờ không có ăn mặn, không có... gì hết! Ba nhất định ăn chay!

Bác sĩ cười nói:

- Thôi, ông quyết định mạnh mẽ quá! Vậy thôi, ở lại con trị cho ông, ông ơi! Từ đó tới giờ con mới gặp ông lần thứ nhất. Mà thấy thương quá, để con trị thuốc thang cho ông. Tại con nói vậy chớ ông không chịu ăn mặn thì thôi!

Kể từ khi trường trai ông chuyên cần niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc. Xưa nay ông cũng niệm Phật nhưng cầu vãng sanh thì rất hồi hợt yếu ớt, thường lo làm việc phước thiện nhiều hơn. Ông có tật nghiện thuốc lá rất nặng, nhưng rồi ông mạnh mẽ dứt bỏ gọn gàng. Bao nhiêu tiền do con cháu cho, ông đều đem đi bố thí hết, không hề cất chứa. Ông thường ở tu nơi tịnh thất của cô Năm, ít khi về ở nhà, bởi vì nơi đây yên tĩnh rất dễ nhiếp tâm khi lễ bái trì niệm. Công khóa thường ngày

của ông là ba thời, sau lễ lạy thì ngồi niệm Phật khoảng một giờ. Sự hành trì cứ đều đặn như thế, chưa từng trễ sót. Ông thường tâm đắc và nhắc nhở con cháu:

*“Tu hành nào đợi mùi hương,
Miễn tâm thành kính tòa chương cũng gần.”*

Chữ “chương” có nghĩa là sáng sủa, rực rỡ, chói lọi. “Tòa chương” theo nghĩa hẹp là chỉ cho tòa sen nơi cõi Cực Lạc do vô lượng chất báu làm thành; còn nghĩa rộng là chỉ cho Phật quả cứu cánh viên mãn. Ý nghĩa đại khái của hai câu trên là: Sự tu quý ở thực chất, chứ không phải ở hình thức bề ngoài. Hành giả niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì chú trọng ở tâm “chí thành cung kính”. Dùng tâm “chí thành” cùng “cung kính” mà lễ Phật, niệm Phật thì chuyện vãng sanh không khó khăn, không xa xôi gì cả!

Đến tháng 11 năm 2004 bệnh tái phát, các con đưa ông vào bệnh viện ở An giang. Ông hỏi bác sĩ:

- Bác sĩ ơi! Bệnh của tôi chắc không qua khỏi hả, bác sĩ?

Bác sĩ đáp:

- Bệnh của ông không sao đâu!

Ông nói:

- Thôi bác sĩ đừng có nói không sao! Tôi biết rồi. Tôi biết cái bệnh của tôi là không có qua khỏi đâu! Bác sĩ nhấn thấy trị cho tôi được thì tôi ở đây trị; còn không thì tôi về để yên tĩnh, tôi niệm Phật!

Bác sĩ trả lời:

- Bây giờ ông muốn về thì về. Kiểm thuốc Nam thuốc Bắc uống thêm. Chớ cái gan của ông chai hết rồi!

Ông nói với cô Năm:

- Vây thôi mình về con ơi! Phật cho mình sống ngày nào thì mình lo niệm Phật ngày nấy. Còn ba có ra đi thì ba cũng về với Đức Phật A-di-đà, ba tu thêm... chừng nào hoàn toàn ba sẽ trở lại cứu vớt chúng sanh!

Xuất viện về nhà là ngày 12 tháng 11 năm 2004. Về nhà ông uống thuốc Nam và chích thuốc, nhưng bệnh mỗi lúc một trầm trọng, hành hạ ông bằng những cơn đau kịch liệt, các con cháu luân phiên hộ niệm. Ông thường nói:

- Nó quậy ba dữ lắm con ơi! Nó đứt từng khúc ruột. Mà có điều là ba rán cố gắng lên. Nó đau bụng quặn khúc, đứt khúc ở trỗng, mà ba cố gắng lên, ba lo niệm Phật... Chớ không cố gắng niệm Phật là ba la làng đó con!

Cô Năm cũng thường nhắc:

- Ba à! Con lúc nào cũng mong mỗi ba hướng về Đức Phật A-di-đà... cho nên dù có mệt có đau đớn cách mấy, ba cũng rán niệm Phật cho con thấy dạng con yên tâm ghen ba!

Hơn một tuần vật vã dữ dội trôi qua, đến ngày 20 thì ông không chịu uống thuốc, chích thuốc, ăn uống gì cả, chỉ uống nước cúng Phật. Cơn đau nhức cũng tan mất dần.

Sáng ngày 22 gương mặt của ông bỗng nhiên hồng hào, sáng chói, môi đỏ, luôn lộ nét tươi tắn hoan hỷ (trước đó thì xanh lè xanh lét, đôi mắt thụt sâu). Các con ông ngỡ rằng bệnh tình của cha mình chắc đã hồi phục. Cô Năm chẩn mạch thì mạch đã hết nhảy rồi.

Khoảng 6 giờ sáng ông nhờ gia quyến đỡ ngồi dậy, ngã mình tựa vào người thân, rồi ông hỏi cô Năm:

- Hôm nay là ngày mấy rồi con?

Cô đáp:

- Hôm nay là 22!

Rồi cô hỏi lại:

- Thôi con chích thuốc khỏe cho ba nhen?

Ông nói:

- Thôi! Ba hết bệnh rồi. Đừng có chích thuốc gì hết.

Chiều nay ba đi!

Cô Năm sợ ông nói sảng, bèn hỏi:

- Ba đi đâu, thưa ba?

Ông trả lời:

- Ba về với Phật! Sáu giờ chiều nay là ba đi!

Cô vừa cười vừa nói:

- Thường thường đi về Phật, là đi giờ trưa chứ đâu có ai đi giờ chiều. Giờ chiều đâu có về với Phật được!

Ông nói:

- Về Phật lúc nào cũng về được, do cái tâm của mình đó!... Chừng nào ba đi thì con biết liền!

Cô đề nghị:

- Nếu mà lúc nào cũng về được thì ba về sáng này đi!

Ông liền mỉm cười chứ không đáp. Kế đó ông cho hợp các con cháu lại, bèn nói:

- Các con ở lại rán lo tu hành. Nhứt là má nó rán lo tu mới gặp tui nghen!... Tui về Cực Lạc rồi, bà không tu là bà không có gặp tui đâu. Bây giờ tui về với Phật A-di-đà rồi!

Rồi ông dặn riêng từng người con, khuyên tất cả rán lo tu hiền, rán lo niệm Phật...

- Các con ở lại rán lo tu,... rồi chăm sóc mẹ, cũng như chăm sóc ba vậy đó!... rồi khuyên mẹ rán lo niệm Phật ... lo tu nghen con!

Dặn dò xong, ngược mắt nhìn lên bàn Phật, ông nói với cô Năm:

- Chiều nay ba về Phật rồi, con gom hết bông trên bàn Phật, mua bông khác thay vô. Rồi lấy bông đó nấu nước cho ba tắm. Để ba sạch sẽ ba ra đi!

Khi đã tắm gội thay y phục xong, ông nằm im nhiếp tâm niệm Phật, con cháu vây quanh cùng niệm Phật tiễn đưa.

Kế đó đồng đạo các nơi cũng được mời đến tham gia trợ niệm rất đông. Gần đến 6 giờ chiều, đôi ba phen ông chấp hai tay lại nơi ngực, cuối cùng ông tự sửa tay chân

xuôi thẳng, rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh Phật hiệu vang dội của mọi người. Trước khi già từ trần thế đầy sâu thương đau bề bề về Phật cảnh an vui, ông thở ra một hơi dài môi vẫn nhép niệm Phật để cho con mình an tâm, vì thường ngày cô Năm hay thỉnh cầu như thế! Lúc đó đúng 6 giờ chiều, ngày 22 - 11 - 2004, ông hưởng thọ 74 tuổi.

Trong khi mọi người đang tiếp tục trợ niệm được hai, ba mươi phút gì đó, thì có một chiếc xe chở quan tài tới nhà, ai cũng chưng hửng ngỡ ngàng! Hỏi ra mới biết cái hòm này ông đã đặt trước cả năm rồi, và mới đây (hơn một tháng) ông đã chạy xe đạp đến tiệm trả tiền, và còn dặn dò đi dặn dò lại với chủ tiệm rằng:

- Tui biết... tui mất rồi. Con tui... tui nó... không có xài hàng này đâu! Nên khi tui mất, anh chở vô liền cho tui nhen! Để không thôi nó mua hàng khác là anh chở vô không được với tui nó đó!

Nhiều ngày trôi qua, cô Năm thường nghĩ: Ba mình ra đi như vậy mà... chẳng biết chắc chắn có được vãng sanh hay không? Đúng ngày tuần thất thứ bảy vừa hoàn mãn, đêm đó cô nằm mộng thấy một người to lớn, dung mạo phương phi, cao hơn ba mét, gương mặt trắng trẻo hồng hào, trái tai dài hơn một gang, mặc áo tràng màu

nâu bước vô nhà. Cô giạt mình không biết là ai. Khi nghe âm thanh cô mới nhận ra là ba của mình. Ông nói:

- Con à! Ba được về Tây Phương gặp Phật học đạo rồi. Con đừng có lo lắng nghĩ ngợi gì nữa! Con rán lo buông bỏ hết các chuyện bên ngoài, con mới vào chánh định được... Con mới về với Phật được nhen con!

(Thuật theo lời cô Năm Ngồi, con gái của ông)

58. LÊ THỊ MỚI (1935 - 2011, 76 tuổi)

Bụng bà có 3 khối u bóng lưỡng như là có chứa em bé. Bà biết đó là cái nghiệp, là oan gia trái chủ của bà. Bà nói: “Tao nhất tâm niệm Phật rồi coi thử mày có theo tao tới Cực Lạc hay không?” Bác sĩ có dặn gia đình nên chuẩn bị bông gòn thật nhiều. Vì khi mất thì các khối u đó sẽ vỡ ra. Nhưng đối với bà, khi bà mất hộ niệm tám tiếng đồng hồ sau thì bụng của bà xẹp lép, khô rang, không có có một tí nước nào chảy ra cả!

Bà Lê Thị Mới sinh năm 1935, nguyên quán: Mỹ Hội Đông. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Đại; thân mẫu là cụ bà Thái Thị Chơn. Khi tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Bơi, sinh được bốn trai sáu gái. Gia đình sinh sống bằng nghề làm ruộng và nuôi cá.

Lúc chưa hiểu Phật Pháp (trước 60 tuổi) thì bà rất khó; vả lại thuở trẻ do bệnh phải nhiều lần truyền máu

nên bà hay đổi tánh đột ngột, vì vậy khi ông chồng phát tâm muốn cho ai cái gì thường phải giấu bà. Đến chừng hiểu biết đạo rồi, bà rất dễ dãi, thương người lắm, nhất là kính tin Tam bảo, hết lòng giúp đỡ chùa chiền, quý mến những người tu và ủng hộ vật chất cho họ.

Năm 2009 (73 tuổi) bà phát bệnh nặng, các con đưa bà vào Bệnh Viện Chợ Rẫy, ở đây bác sĩ chẩn đoán là bị sỏi mật, gan và đầu tụy đều có khối u ác tính, trong khối u có tế bào ung thư. Bác sĩ cho biết nếu giải phẫu sỏi mật bệnh nhân có thể chết sớm hơn; phần thì bà tuổi đã cao nên chuyển về bệnh viện gần nhà để theo dõi sẽ thuận tiện nhất. Cô Năm mới hỏi:

- Thưa bác sĩ! Mẹ tôi mổ, mà mười phần có hy vọng thành công được năm phần hay không, bác sĩ?

Bác sĩ trả lời:

- Không! chỉ hy vọng hai hoặc một phần thôi!

Khi về Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, gặp một bác sĩ, vị này có y đức cao lắm, ông thật tình trao đổi:

- Cô ơi! Thôi cho bà ở đây con mổ cho bà. Con mới ra trường, nhưng con cũng rần cầu nguyện Ân Trên Tam Bảo gia hộ thêm!

Bà bèn nói với cô Năm:

- Để vậy má chịu không có nổi. Thôi, như mổ... nếu mà má có ra đi thì má cũng nguyện theo Phật kiếp sau nối gót tu tiếp!

Khi vào ca phẫu thuật bà thành tâm khẩn vái cầu xin Ân Trên Tam Bảo gia hộ cho chuyến này an toàn. Chừng nào khỏe mạnh bà sẽ trường trai tinh tấn tu hành cho đến ngày chấm dứt cuộc đời.

Tâm thành của bà thật sự đã được cảm ứng, những người khác thì mấy tiếng đồng hồ chưa tỉnh, còn bà chỉ 30 phút mà đã tỉnh. Sau này bà kể lại:

- Bác sĩ kêu má đếm từ 1 đến 10, má biết hết trơn hà con! Má không có nghe đau đớn gì hết, khỏe lắm con ơi! Má tỉnh, má nhìn thấy mấy người xung quanh người ta đau đớn khổ sở giống như ở địa ngục vậy đó con!

Sau khi xuất viện về nhà một thời gian sức khỏe của bà đã khôi phục hoàn toàn, cô Năm mới nhắc đi nhắc lại lời nguyện trường trai mà bà đã phát. Nhưng bà cứ lần lựa mãi, với lý do:

- Má còn yếu quá mà ăn chay gì, con!... Yếu quá mà ăn chay gì!...

Thấy thế cô bèn lên Thiên Cẩm Sơn để lo chuyên tu. Một hôm cô Út Giềng ghé thăm bà, cô tỏ vẻ:

- Thím Sáu ơi! Năm Ngồi mong cầu cho thím ăn chay mà thím không ăn, nên cổ lên núi tu để hồi hướng công đức cho thím đó!

Bà nghe xong liền nói:

- Vậy hả! Thôi vậy con kêu nó về đi, thím phát nguyện ăn chay thím tu. Thím tính vài bữa thím khỏe,

thím ăn chay, Út ơi! Chớ đâu có ngờ nó như vậy... Nó không chịu thì thôi thím phát nguyện ăn chay cho tới ngày bỏ xác luôn!

Ngày rằm tháng 10 năm 2009 các con làm lễ quy y và phát nguyện trường trai cho bà. Kể từ đó bà chuyên cần lễ niệm, mỗi ngày ba thời có khi bốn thời công phu. Sau lễ nguyện thì bà ngồi niệm Phật một tiếng đến một tiếng rưỡi đồng hồ.

Sau khi ông chồng mất (năm 2004), bà ước ao thường lắm lắm nói với các con:

- Sao ba mấy mất lâu quá mà tao không thấy gì hết!

Đến gần tuần bá nhật (trăm ngày), một buổi sáng lúc dùng cơm xong, bà lên võng nằm thiếp đi. Bà mơ màng thấy ông thân tướng cao lớn mặc y phục phùng phình như hình ông Thọ trên hộp sữa, lại còn có hai người hầu hai bên, hào quang sáng rực. Ông nói:

- Bà coi tui nè! Tui được về với Phật rồi... Bà rán lo tu mới được về với Phật ghen bà Lê Thị Mới! Tui không còn khổ sở, không còn mang cái thân xác bệnh hoạn như ngày xưa nữa. Bây giờ tui đã thay đổi rồi... Bà coi tui nè! Bà rán lo tu ghen bà Lê Thị Mới!

Ba năm sau bệnh tái phát chạy chữa khắp nơi. Ba khối u ở gan và tụy sưng rất to và cứng, bác sĩ các bệnh viện đều bó tay.

Hôm nọ khi nghe xong đĩa “48 lời thệ nguyện của Đức Phật A-di-đà”, bà nói với cô Năm:

- Đâu con đem hình Đức Phật A-di-đà đến cho má xem!

Khi cô Năm mang ảnh Đức Phật lại gần cho bà xem. Bà nhìn chăm chăm một hồi rồi với giọng thiết tha thành kính nói:

- Con đã quy y Tam Bảo! Con đã quy y với Thầy rồi! Ông Phật Di Đà ơi! Hãy độ cho con về nước của Ngài! Ngày xưa con hồng biết, con làm lỗi lầm gì xin ông tha thứ, cho con về nước của Ông!

Mọi người nhìn thấy bà thành khẩn cảm động muốn rơi lệ, cô Năm hỏi bà:

- Má còn tiền của gì không? Má phải bố thí thì mới vãng sanh được. Chớ nếu má còn nắm núu giữ của thì má không đi được đó nghen!

Bà lệ làng trả lời:

- Hồng! Hồng có còn!

Cô Năm hỏi nhiều lần và nhiều ngày trôi qua, bà cũng đáp như vậy. Cô mới nhấn mạnh:

- Cõi Cực Lạc không có chứa người nói dối. Má phải nói thiệt mới được vãng sanh nghen!

Vài hôm sau bà kêu các con lại, và nói:

- Mấy bữa rày má nói dối, nên má còn đau cái bụng má hoài đó, bữa nay má nói thiệt cho con nghe: lấy 8 chỉ vàng ra đi con, với 12 triệu má gói để dành, mà má nói với con là hết tiền hoài!

Nói xong bà bật cười, vừa cười vừa ra nước mắt, rồi trao chìa khóa tủ đồng thời chỉ chỗ cất tiền và vàng cho cô Năm. Cô Năm cầm chìa khóa trên tay rồi hỏi bà thêm:

- Má ơi! Ở cỗi Cực Lạc không có chứa người gian dối. Má phải nói thiệt hết ra... Bây giờ má có còn buồn phiền đứa con nào hay không?

Bà đáp:

- Má không có buồn phiền chi nữa!... Mà bây giờ má còn lo cho thằng Út... nó không có biết đạo đức gì hết trơn hết trọi, con ơi!

Cô Năm an ủi:

- Má đừng có lo! Má răn tu má về với Phật A-di-đà được đi, thì cái đức của má chuyển nó mới đáng!

Khi các con của bà đem tịnh tài mua vật phóng sanh, bà vô cùng vui mừng. Có lần cô Năm thổ lộ với bà rằng:

- Lời của Tổ Thầy dạy má tâm đắc nhất là câu nào vậy má?

Bà đáp:

- Dứt được nó mới là giải thoát!

Cô lại hỏi:

- Nó là ai vậy má?

Bà trả lời:

- Con biết không! Bao nhiêu năm nay má đeo nó trong mình, không có buông xả, là tham - sân - si đó! Vì vậy, nên thân mạng má mới khổ sở như vậy. Bây giờ má nghe 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà má quyết chí đi

về cõi Cực Lạc; chớ không có ở cõi thế gian này nữa. Thế gian này khổ sở quá rồi con ơi! Bao nhiêu năm khổ sở rồi bây giờ má quyết chí niệm Phật để má về với Phật, con ơi!

Các con bà lại hỏi thêm:

- Ngoài ra má còn tâm đắc câu nào nữa không?

Bà nói:

- Vạn vật vốn như duyên tạo cấu,

Các việc đều Thành, Trụ, Hoại, Không.

Cái gì rồi cũng phải trở về cát bụi, đều trở về không. Bây giờ má buông bỏ hết rồi đó! Các con có mừng cho má hông?

Mọi người hiện diện vô cùng hoan hỷ đồng reo cười và vỗ tay, nói:

- Mừng cho má rồi!

Đời sống của con người đâu khác gì một giấc mộng, mấy mươi năm vùn vụt trôi qua lệ làng như ánh chớp, vừa lóe sáng lên thì liền tắt mất nào có lâu dài, thế mà ai ai cũng ngỡ là thật, cũng thấy là chắc, là bền... Để rồi cố bám víu... tự tạo nên những khổ đau vô cùng oan uổng! Nếu lặng lòng lắng nghe những lời khai thị của Cổ Đức thì ta sẽ tìm được lối đi đến chốn an bình:

“Phù du sớm nở tối tàn,

Giàu sang cũng thác nghèo nàn cũng tiêu!

Cái thân như tác bóng chiều,

Như chùm bọt nước phập phều ngoài khơi!

Xưa ông Bành Tổ sống đời,

Tám trăm tuổi thọ nay thời còn đâu.
Thanh xuân kể đến bạc đầu,
Rồi đau rồi chết nào lâu lắc gì!
Thông minh tài trí thần kỳ,
Ngu si dại dột cũng quy một gò.
Ái hà nhiều nỗi gay go,
Mau mau tách gót xuống đò sang sông.
Luyến lưu chi kiếp trần hồng,
Khổ nhiều nay phải sinh lòng gớm ghê!
Sự đời nên chán nên chê,
Tâm phương giải thoát mà về quê xưa!
Cha Hiền tựa cửa sớm trưa,
Con khờ lưu lạc nắng mưa dãi dầu!
Lang thang sanh tử đã lâu,
Sớm tỉnh quày đầu, Phật đợi Phật trông!

Đeo đấm làm chi côi bụi hồng,
Nhắm mắt, tắt hơi, tay trắng không.
Sự thế chẳng qua nguồn cội khổ,
Đường đời đâu khác hố hầm chông.
Tin sâu nhân quả hằng sám hối,
Nghịch cảnh bủa vây vẫn kiên lòng.
Một hướng Tây Phương không dời đổi,
Sen vàng nhất định sẽ đơm bông!”

Có lần bà rờ ba khối u bóng lờng nơi bụng, rồi nói với các con của bà rằng:

- Má rán má lo niệm Phật thử coi cái nghiệp nó đi tới Phật không! Nó mà đi tới, Phật cũng sợ nó luôn... Tao nhất tâm tao niệm Phật rồi coi thử mày có theo tao tới Cực Lạc hay không?

Mọi người nghe bà nói xong đều phá lên cười.

Từ đó sức khỏe của bà ngày một cạn kiệt. Đầu tháng 9 con trai Út của bà đòi đưa bà đi bệnh viện. Bà nói:

- Con ơi! Má yếu lắm rồi, đừng có chở má đi đâu nữa hết. Để cho má ở nhà, để yên tĩnh má lo niệm Phật!

Sáng ngày mùng 10 bà vẫn còn vui vẻ ngồi tiếp chuyện với những người thân quyến ghé thăm. Chiều lại khoảng 5 giờ bà bắt đầu lên cơn mệt. Cô Năm ngồi bên cạnh căn dặn:

- Má! Má ơi! Má nương theo tiếng niệm Phật của con nhen! Má đừng nghĩ đến cái bệnh, má mới về với Phật được! Mà bệnh là cái nghiệp đó, má mà nghĩ tới nó, nó sẽ nắm má lại đó! Má phải hướng tâm về Đức Phật... niệm sáu chữ Di Đà liên tục nhen má!

Đêm đó bà lăn qua lăn lại rồi trở tới trở lui, trong gia đình thay nhau trợ niệm, thỉnh thoảng các con nhắc bà:

- Má nhớ niệm Phật nhen má!

Bà đáp:

- Má nhớ con ơi! Con cứ niệm Phật đi, rồi má nương theo!

Lúc trước bà thường hay ước mong: khi mình hấp hối phải chỉ có được Ban Hộ Niệm hỗ trợ! Sáng ra cô Năm

diện thoại mời Ban Hộ Niệm. Tình cờ có Ban Hộ Niệm gồm 36 người đang chuẩn bị hộ niệm cho một bệnh nhân ở Chấn Cà Dao lúc 6 giờ sáng. Nhưng người con của ông bệnh nhân này phản đối, nên cuộc hộ niệm của ông bị hủy bỏ, nhờ vậy mà cả đoàn đồng kéo đến hộ niệm cho bà. Tối 10 giờ trưa cô Út Giềng thủ thủ hỏi bà:

- Thím Sáu ơi! Thím có nghe con niệm Phật không?

Bà bèn gật đầu, cô liền đề nghị:

- Đầu thím niệm lớn lên cho tụi con nghe thử coi!

Bà liền niệm Nam Mô A-di-đà Phật to lên, âm thanh rành rẽ. Thấy bà còn khỏe quá nên có vài vị đồng tu trong đoàn đã xầm xì với nhau:

- Bà này chưa đi đâu!

Đến gần 11 giờ rưỡi hơi thở của bà ngắn dần, thân quỵn và Ban Hộ Niệm tập trung cùng niệm Phật. Khi bà đang ngược lên nhìn thì cô Út Giềng nói nhỏ:

- Thím rán nhớ niệm Phật nhen, thím Sáu!

Bà gật đầu rồi nhép môi niệm Nam Mô A-di-đà Phật, tự sửa xuôi tay xuôi chân, đồng thời nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, đúng 11 giờ rưỡi ngày 11 tháng 9 năm 2011, bà hưởng thọ 76 tuổi.

Tám tiếng đồng hồ sau, các khớp xương của bà mềm mại, toàn thân đều lạnh duy còn đỉnh đầu rất nóng. Một điều hết sức đặc biệt là trước đó ba khối u nơi bụng của

bà giống như có chứa một em bé. Bác sĩ căn dặn với gia đình nên chuẩn bị bông gòn thật nhiều, vì khi bệnh nhân này mà mất thì các khối u đó sẽ vỡ ra. Đến chừng thăm khám thì bụng của bà xẹp lép, khô rang, không có một tí nước nào chảy ra trên thân. Đây quả thật là hiện tượng quá ư lạ lùng!

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì cho đến khi an táng.

Sau khi bà mất, cô con gái thứ Năm thường hay ưu tư, không biết má mình có được vãng sanh hay không. Đêm nọ cô nằm mộng thấy một vị tỷ kheo đắp y dáng mạo trang nghiêm, dẫn cô đến một cảnh giới có vô số hoa sen, lớn có, nhỏ có, muôn màu vạn sắc cực kỳ diễm lệ. Cô thấy một bông có đề tên Lê Thị Mới, và nghe âm thanh vọng lại bên tai: “Bà Lê Thị Mới được vãng sanh hạ phẩm hạ sanh!” Khi cô thức giấc thì bao nhiêu nghĩ ngợi buồn lo đều tan biến hết nơi lòng!

(Thuật theo lời cô Năm Ngồi con gái của bà, và đồng đạo Út Giêng.)

59. ĐÀO THANH CHÂU (1919 - 2000, 81 tuổi)

“Bây giờ con cố gắng hành đạo để sau này cha con mình sẽ gặp nhau ở cõi Cực Lạc!”

Đó là lời một người cha đã mất nói với người con gái thứ Ba của mình trong giấc mộng sau 6 tuần thất!

Ông là Đào Thanh Châu sinh năm 1919, cư ngụ tại Thới Bình, Thới Thuận, Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Đào Văn Nghi; thân mẫu là cụ bà Ngô Thị Tánh. Ông là con thứ sáu trong gia đình có tất cả sáu anh em.

Năm 1939, khi phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam phát triển rực rỡ, ông đã qui hướng Tam Bảo và trở thành một cư sĩ tại gia chân chánh từ dạo đó. Ông tuân thủ đúng tôn chỉ: “Học Phật Tu Nhân” và tận lực tu thân hành thiện, mỗi tháng ăn chay bốn ngày, sớm chiều hai thời lễ bái tịnh niệm.

Lúc tròn 30 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Kim Thành, sinh được bốn trai hai gái. Gia đình ông sống bằng nghề làm ruộng.

Theo thời gian sự tu tập tăng dần, ông đã tích cực tham gia mọi công tác từ thiện xã hội như: bác cầu, làm đường, cất nhà tình thương, giúp đỡ người bệnh tật, cô bần... Với tấm lòng thành thật chân tu, luôn hy sinh phụng hiến, không vì danh, vì lợi... nên ông được nhiều người kính mến.

Trong gia đình, ông cũng chuyên tâm dạy dỗ con cháu về đạo đức căn bản làm người, trau giồi nhân cách, đối nhân xử thế phù hợp với đạo lý cổ Thánh tiên Hiền đã chỉ dạy. Đồng thời chay lạt ít nhất mỗi tháng là bốn ngày, ngoài thời lễ nguyện sáng chiều ra còn phải rán niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, theo thể thức: “Nam Mô A-di-đà Phật sáu chữ, đi, đứng, nằm, ngồi rán niệm chớ quên, không đợi gì thời khắc”. Vì bản thân ông đã trải nghiệm về việc niệm Phật được tai qua nạn khỏi, đời sống an bình hơn. Và niệm Phật thì các điều ác sẽ không đến được với mình, bởi mình không có thời gian để nghĩ đến nó mà lúc nào cũng nghĩ đến điều thiện mà thôi!

Đến tháng 3 năm 1987, nơi gò má dưới mí mắt của ông có mọc một mụn bằng nốt ruồi, cái mụn này gây cảm giác ngứa làm ông khó chịu, ông bèn dùng kim khêu nó, thì nó làm dữ thêm. Ông đến phòng thuốc Nam của chùa Khánh Vân hỏi một lương y quen, rằng:

- Dì Út ơi! Đâu dì xem coi cái mụn này là cái thứ lành tính hay cái thứ ác tính?

Sau một hồi vọng chẩn, cô Út đáp:

- Mụn này là cái thứ ác tính. Cái này coi chừng là cái nghiệp cuối cùng của anh đó ghen. Anh đừng có phá, đừng có chích, có lẽ... đừng có động đến người ta ghen, anh!

Ông nghe xong, vẻ mặt trầm ngâm suy tư một tí rồi thốt:

- Dì nói... tui mới nhớ, cách đây khoảng ba tháng trước tui nằm ngủ, trong chiêm bao... tui thấy một con rắn

dài từ độ chừng ba, bốn thước nó cắn tay trái bên đeo đồng hồ của tui. Tui vầy hết biết vầy mà nó không sút, bỗng nhiên con rắn nó nói: Tôi đòi nghiệp ông 100 năm về trước! Nghe nó nói như vậy thì tôi quá sợ, tôi vầy thật mạnh thì con rắn mới văng ra xa, và tôi giật mình thức dậy.”

Sau đó, mụn ấy lớn dần dần, híp cả mắt bên trái, có màu đỏ như mồng gà, khô rang không chảy mủ máu chi hết. Ngày mồng 1 tháng 4 các con đưa ông vào Bệnh Viện Chợ Rẫy. Bác sĩ làm sinh thiết đồ được viện Paster cho biết kết quả là “Ung thư da ở giai đoạn 3”. Bác sĩ bó tay nên cho ông ra về vào ngày 13 - 4 - 1987.

Qua đó chúng ta nhận ra rằng không có cái gì từ trên trời rớt xuống cả, mà mọi thứ đều do nhân của thuở quá khứ mình đã gieo, như lời Cổ Đức từng khai thị:

*“Nghiệp tạo rồi tuy đã bỏ quên,
Đúng giờ khắc tự nhiên nó đến.
Nghiệp lực rất mạnh vô bờ bến,
Ngàn muôn năm cũng chẳng mất đâu;
Giống nghiệp càng châm gốc rễ sâu,
Càng nảy nở dài lâu khó nhỏ.
Nghiệp càng lắm càng nhiều đau khổ,
Vay cho nhiều phải trả lời nhiều;
Nợ hồng trần chẳng lúc nào tiêu,
Dây oan trái cứ đeo buộc mãi.
Năm tháng vẩn vít trong khổ hải,
Kiếp đời lặn lội mãi sông mê;
Đường Tây Phương bật lối trở về,*

*Nẻo địa ngục vào ra mòn gót.
Chịu hành phạt đã không còn sót;
Cửa luân hồi chưa vượt khỏi qua;”*

...

*Phải mau tưởng niệm Di Đà,
Tin sâu nguyện thiết Liên tòa ắt lên!”*

Tám giờ sáng ngày 14 - 4, lúc ông đi tới đi lui ngoài sân rồi xuống sông rửa tay, khi ông đi lên, cô con gái thứ Ba từ đằng xa nhìn thấy sắc diện và tướng trạng của ông có vẻ khác lạ, liền lao nhanh tới vịn ông, và kêu người nhà chạy ra tiếp, cùng dìu ông ngồi xuống nơi bàn thông thiên gần đó, đồng thời hộ niệm cho ông. Ông gục đầu xuống khoảng năm phút thì tỉnh lại, rồi ông cất tiếng niệm Phật lớn theo mọi người. Lát sau thấy ông đã khỏe, thân nhân bèn xúm nhau đưa vào nhà. Vào nhà ông nói với các con:

- Thôi bây giờ để cho ba phát nguyện ba ăn chay đi! Nếu mà nghiệp của ba hết thì cái quăng đời còn lại của ba... là ba cũng vừa lo tu vừa lo giúp đời; còn nếu mà ba chết, thì ba nguyện với Đức Phật gia hộ cho ba, khi ra đi ba biết trước ngày giờ vãng sanh về cõi Phật!

Các con ông rất hoan hỷ tán đồng, ủng hộ tâm nguyện trường trai của cha mình. Kể từ đó bệnh ông tăng dần, ăn uống mỗi lúc một kém dần. Đến ngày 25 tháng 4 ông không còn ăn cơm được, chỉ ăn bánh do con làm và một ít trái cây.

Một hôm ông nói với cô con gái thứ Ba là bệnh kỳ này chắc ông không qua khỏi. Bởi vì mấy chục năm trước

ông cũng bị cơn bệnh nặng, mà lần đó ông nằm chiêm bao thấy Thầy, Thầy trị bệnh cho ông. Còn lần này cũng nằm chiêm bao gặp Thầy mà Thầy không có trị bệnh!

Bệnh tình diễn tiến ngày càng dữ dội và rất nhanh chóng, các con mới đề nghị mời chư đồng đạo đến hộ niệm, ông vô cùng hoan hỉ. Cuộc hộ niệm được khởi đầu từ ngày mừng một, liên tục kéo dài cho đến ngày ông mất là tròn hai tuần lễ.

Khi gặp các đồng tu đến hộ niệm ông rất vui vẻ chào hỏi. Có lần ông nói:

- Đồng đạo ơi! Rán hộ niệm tiếp tôi, cho cái nghiệp nó đừng có hành tôi đau nhức... Đồng đạo ráng niệm Phật tiếp tôi, bởi vì Thầy nói: ‘Niệm chữ Di Đà tan chướng nghiệp’. Tôi đặt đức tin trọn vẹn nơi lời dạy này. Cho nên tôi niệm Phật và nhờ chư vị niệm Phật tiếp tôi!”

Thấy cái mặt đỏ ao, lớn híp cả mắt, cô Út Giềng mới hỏi ông:

- Anh Năm ơi! Anh có nghe đau nhức dữ dội gì không, anh Năm?

Ông đáp:

- Tôi tin tưởng Phật pháp nên tôi niệm Phật liên tục, nên không có đau nhức đó dì Út ơi! Khi tôi ngưng niệm Phật, tôi nghe nó có hơi đau thì tôi niệm liên tục, liên tục... Niệm như vậy thì thấy nó im. Với... đồng đạo niệm dội dội, tôi nghe tôi vui với tiếng Phật hiệu nên không nghe đau, không nghe nhức gì hết!

Đến ngày 11 tháng 4 nhuận năm 1987, ông nằm chiêm bao thấy mình đang ở bến phà Cần Thơ, có một chiếc xe mà những người trên đó mời ông lên đi, ông không chịu lên. Sau đó, ông giật mình tỉnh giấc.

Qua ngày 12 ông ngủ sớm, 7 giờ tối mọi người đang hộ niệm thì ông giật mình tỉnh giấc, ông kể lại với con ông rằng:

- Ba vừa nằm mơ ba thấy có một chiếc xe, có người trong xe nói là ba ngày nữa Đức Phật A-di-đà sẽ đến rước ba về cõi Phật. Vậy, con với đồng đạo thành tâm cầu nguyện cho ba... Và các con ở lại rán lo tu hành!

Mọi người nghe xong rất đổi vui mừng. Cũng từ giờ phút đó tinh thần ông tươi tỉnh phấn chấn lạ thường. Ông không ăn uống gì cả chỉ dùng một ít nước trắng thấm giọng mà thôi, ông luôn luôn nhờ đồng đạo răn niệm Phật liên tục cho mình.

Sáng ngày 15 tháng 4 nhuận năm 1987, các con tắm rửa thay bộ y phục bà ba mới màu trắng cho ông. Khi mọi thứ đã xong, chư đồng tu vây quanh hộ niệm, vì có báo tin trước nên thân quyến và đồng đạo đến rất đông, đứng chật trong ngoài. Đúng 8 giờ ông an tường trút hơi thở cuối cùng. Ông hưởng thọ 68 tuổi.

Hộ niệm mãi tới chiều, khi nhập mạch các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng, gương mặt hồng hào như người nằm ngủ!

Đến tuần thất thứ sáu, cô Ba nằm mộng thấy ông trong bộ đồ bà ba trắng, nhưng vóc dáng cao lớn vô cùng

đẹp dễ trang nghiêm. Ông nói chuyện Phật pháp cho cô nghe. Vì lúc còn sinh tiền mỗi khi rảnh rỗi ông cũng thường bàn luận đạo lý, chỉ dạy phương thức tu trì cho con mình. Sau cùng ông tóm kết lại rằng:

- Bây giờ con rán cố gắng hành đạo để sau này cha con mình sẽ gặp nhau ở cõi Cực Lạc.

Ông vừa nói dứt lời thì cô cũng liền tỉnh giấc, lòng ngập tràn niềm hỷ lạc vô biên.

(Thuật theo lời của cô con gái thứ Ba của ông và đồng đạo Út Giêng.)

60. LÊ THỊ CÚC (1932 - 1982, 50 tuổi)

"Út ơi! Bữa nay Út ở lại với tui một đêm đi. Chớ út đừng có về chùa làm chi, đừng sáng tui đi!"

Ai cũng ngỡ bà vì ao ước vãng sanh quá nên mới nói như vậy, chứ đâu có ngờ...

Bà Lê Thị Cúc sinh năm 1932, cư ngụ tại ấp Thới Bình, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Quở; thân mẫu là cụ bà Mai Thị Lựu. Bà là con thứ bảy trong gia đình có mười anh em.

Khi lên 19 tuổi, bà kết hôn với ông Lưu Phước Hiền, tục danh là Ba Đực, sinh được bốn trai, bốn gái. Gia đình sống bằng nghề làm ruộng.

Lúc bà về làm dâu, do mẹ chồng mất sớm, cha chồng không tục huyền, em trai thứ Bảy của chồng mới 10 tuổi, nên bà phải nhận thêm trách nhiệm chăm sóc trẻ, mãi cho đến khi cậu Út này ăn học nên người. Về sau gia đình bà ra riêng, đến định cư tại chợ Thới Bình, và mở cửa tiệm buôn bán tạp hóa để tăng thêm thu nhập, nâng cao tiện nghi sinh hoạt gia đình.

Bà rất hiền hậu, điềm đạm, từ hòa... khi gia đình thân tộc hay lối xóm láng giềng hữu sự, nhất là lúc sanh nở ốm đau, bà đều tận tình tùy phần sẵn sóc giúp đỡ, nên bà được nhiều người quý mến.

Năm 42 tuổi (1974), thiện căn quá khứ chín muồi, bà giác ngộ Phật pháp, liền phát tâm trường trai chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, ngày bốn thời lễ niệm. Bà nhận thấy hình tướng cũng phần nào giúp ích cho sự tu nên tất cả y phục bà đã thay đổi bằng những bộ vạc mẻ, và mỗi lần ngắm nhìn nó bà cảm nghe lòng mình dâng tràn niềm vui thích lạ thường! Các con của bà cũng lần lượt phát tâm tu theo, những mong sớm được giải thoát, vĩnh viễn ra khỏi vòng sinh tử luân hồi nghìn trùng thống khổ... Bà cũng thường đi chùa, viếng non nên quen biết bạn đạo rất đông. Các thiện tri thức cũng thường xuyên ghé nhà để trợ duyên khích lệ gia đình về Phật Pháp, trọng điểm vẫn là đạo lý căn bản “bốn phận làm người” của cư sĩ tại gia và nguyên tắc niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Quanh vùng, khi có những bệnh nhân nào cần hộ niệm, bà thôi thúc các con tham gia. Ban ngày thì lo làm

việc, tối đến chúng hăng hái tranh thủ cùng đi với chú đồng đạo. Nếu gặp ca hộ niệm nào mà gia đình nghèo, bà bảo con mang gạo theo để giúp đỡ họ.

Năm 1980 (bà 48 tuổi), xương sống của bà phát cơn đau nhức. Sau nhiều tháng thay thầy đổi thuốc, tiêm chích đủ thứ mà không thuyên giảm. Cuối cùng bà uống ba thang thuốc Nam của ông thầy ở Phú Tân, bệnh tình mới được tạm bình phục. Từ đó, bà thường xuyên sang phòng thuốc từ thiện của chùa Khánh Vân để chắt thuốc, và phơi thuốc hằng ngày.

Có lần bà bị bệnh, đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, bác sĩ khám thấy bà thiếu máu trầm trọng, lại biết bà đang ăn chay nên đã đề nghị bà phải ăn mặn thì mới điều trị. Bà hỏi bác sĩ:

- Tui bị bệnh gì mà ăn mặn mới điều trị được, thưa bác sĩ?

Bác sĩ trả lời:

- Cô thiếu máu trầm trọng mà cô ăn tương, biết chừng nào đủ máu mà trị!

Bà nói:

- Nếu như vậy thì thôi để tui đi về!

Thế là bà ra về.

Vào cuối tháng 10 năm 1981, bà bị tai biến mạch máu não nên liệt nửa người bên phải. Gia đình đưa bà đi chích thuốc ở Long Xuyên mười ngày, dùng ghe tàu để chở, sáng đi thì chiều về, nhưng bệnh vẫn không tăng

không giảm. Biết mệnh số đã an bày, bà vui vẻ nhận chịu, hoan hỷ trả nghiệp, chuyên lo niệm Phật để sớm vãng sanh Tây Phương. Lúc này, bạn đồng tu tập nập ghé thăm. Các liên hữu cũng thường đến an ủi khuyến tấn. Nhờ tin sâu lý nhân quả, nghiệp báo nên mặc dù bệnh khổ hành hạ khốn đốn nhưng lúc nào bà cũng vui tươi, không bức bối cáu gắt, hay than trời oán người; thân tuy bệnh mà tâm không bệnh, lúc nào cũng nhớ nghĩ cái chết luôn luôn cận kề, và hành trang cần thiết là những gì mà mình cần cố gắng lo liệu cho được chu toàn để khỏi phải ân hận về sau:

*“Thân nghiệp chướng chứa đầy bao bệnh khổ,
Đau chỗ nào cũng tột độ xốn xang.
Mãi hoành hành cứ dai dẳng suốt canh tràng,
Chưa chợp mắt mơ màng bỗng trời chợt sáng.
Một mai kia mạng căn khi đứng hạn,
Rời dương gian cùng bè bạn lẫn người thân.
Rồi đâu hui quạnh quẽ chốn mộ phần,
Muôn ngàn thứ của thế trần đều bỏ lại.
Nên giấc ngộ khá toan lo hối cải,
Thời gian qua như ngựa sai chẳng chờ ai.
Tĩnh đi thôi kiếp sinh tử mộng đêm dài!
Tri Phật hiệu để chờ ngày ngò sen báu!”*

Vào mỗi chiều tối chồng bà đi làm về, ông thường nói với các con:

- Bữa nào đi ruộng về... mệt thiệt!... Nhưng nhìn thấy má mấy vui vẻ, ba ăn cơm... ba thấy ngon; còn bữa

nào đi về... mà thấy... má mấy nằm nhẹ lép như vậy ba buồn... ba ăn không vô!

Vì thế, mặc dù trong người có bức ngặt cỡ nào bà cũng canh chừng lúc ông chồng sắp về tới, là bà rán gắng gượng ngồi dậy vui vẻ nói chuyện để cho ông ăn được ngon miệng.

Đến ngày 13 tháng 2 năm 1982, tới giờ cơm sáng, bà không dùng và nói với các con rằng:

- Từ nay tới ba ngày nữa, thỉnh nước cúng cho má uống thôi, chớ má không ăn cơm. Uống nước cúng cho sạch sẽ dâng má về với Phật!

Mặc dù lúc đó bà vẫn còn ăn uống bình thường, dường như khi ăn thức ăn vào bà cảm thấy khó chịu. Đồng thời bà bảo các con mời chư đồng đạo đến cầu an và hộ niệm cho bà, liên tục ba đêm. Bà còn dặn con nên cho mấy cậu hay tin bà sắp mất, nhưng đừng cho dì Út biết. Chừng nào bà mất rồi mới báo cho dì biết. Con bà lấy làm lạ liền hỏi:

- Sao vậy má? Có hai chị em, dì Út thương má lắm mà! Sao má không cho dì Út hay?

Bà nhẹ nhàng giải thích rằng:

- Ủ! Bởi vì có hai chị em... Dì Út thương má lắm! Nếu cho dì hay... dì khóc lóc bịn rịn, má không có vãng sanh được. Đợi chừng nào má đi rồi, mới cho dì Út hay!

Chồng bà và các con đều làm y theo lời bà căn dặn.

Cầu an và hộ niệm được 2 ngày, đến ngày thứ 3 là ngày rằm. Chiều hôm đó, khi bắt đầu lễ nguyện cầu an thì bà đề nghị với liên hữu Út Giềng:

- Cô Út ơi! Đêm nay cô đừng có cầu an nữa... mà cô cầu siêu đi. Cầu siêu cho tôi mau được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Chớ đừng có cầu an nữa!

Thông thường đối với bệnh nhân còn khỏe thì chỉ hộ niệm đầu hôm, đến khuya thì ai về nhà nấy, phần thời gian còn lại gia quyến tự bố trí lo liệu. Nên gần khuya, nhóm đồng đạo của cô Út Giềng ở chùa Khánh Vân chuẩn bị ra về, bà nói:

- Út ơi! Bữa nay Út ở với tui một đêm đi. Chớ Út đừng có về chùa làm chi, đừng sáng tui đi!

Bởi vì ai cũng ngỡ là bà ao ước vãng sanh quá nên mới nói như vậy cho vui thôi, chứ không ngờ rằng đó lại là sự thật! Cho nên cô Út vừa cười vừa đáp:

- Đi đâu mà đi! Máy em còn ở đây... mà chị đi cái gì!

Thế là quý cô đồng hoan hỉ nhận lời, hôm đó cùng nhau ở lại nghỉ tại nhà của bà.

Đêm ấy, trong khi mọi người đang niệm Phật bà cũng niệm Phật theo, thỉnh thoảng bà la lên:

- Đi chỗ khác coi! Làm cái gì vậy!

Cô Út thấy thế liền lên tiếng gọi:

- Chị Ba! Chị Ba! Niệm Phật chị Ba!... Chị nói cái gì ạ?

Bà trả lời:

- Tui đang niệm Phật mà nó đem ba khía tới nó kêu tôi ăn. Tui đuổi, tui đập nó đi chỗ khác... Mà nó kêu: Ăn! Ăn! Ăn!

Cô liền khuyên:

- Niệm Phật đi chị Ba! Chị niệm theo em, chị niệm lớn lên đi chị!

Bà bèn niệm Nam Mô A-di-đà Phật lớn theo mọi người. Lát sau bà cũng la đuổi nữa, vì bà thấy có một đám người mang thịt cá đến bảo bà ăn. Ban Hộ Niệm cũng lay tỉnh và bảo bà niệm Phật lớn lên. Từ đó đến sáng, tình trạng ấy đã lặp đi lặp lại vài lần như thế.

Sáng ra, bà nhờ các con thay đồ, mặc áo vạc mề cho mình. Xong xuôi, mọi người vây quanh hộ niệm cho bà.

Đến trưa thì liên hữu Ba Đô vô tới. Một, hai ngày trước chú có ghé thăm bà, khi cáo từ ra về chú ngậm ngùi nói:

- Thím Ba bệnh như vậy mà con không có ở đây được, con đã lỡ lãnh cất lúa cho người ta rồi!

Hồi sáng này chú đang cất lúa, sao nghe trong người nóng bức, trong lòng rất xốn xang bồi hồi. Chợt nhớ đến bà, chú bỏ cất đi về, chạy xe riết vào thì vừa đúng 11 giờ, lúc đó bà quay sang chào hỏi chú, rồi nằm chấp tay, miệng nhép môi niệm Phật theo mọi người. Niệm đến 12 giờ thì bà nhẹ nhàng an tường vãng sanh, tay vẫn còn

chấp giữa ngực. Nhằm ngày 16 tháng 2 năm 1982, bà hưởng dương 50 tuổi.

Hộ niệm thêm 8 giờ sau thì thấy các khớp xương đều mềm mại, gương mặt tươi đẹp hồng hào, đỉnh đầu ấm nóng trong khi các nơi đều lạnh.

(Thuật theo lời Lưu Thị Duyên, cô con gái thứ Tư của bà)

61. NGUYỄN VĂN MỸ (1910 - 1991, 81 tuổi)

*Dù nghèo vẫn chẳng lo riêng mình,
Luôn giúp hương thôn an với bình.
Thuận hòa vui đẹp tình người thắm,
Đời đã tốt tươi đạo thêm xinh!
Một khi đức trọng quý thân khâm,
Nhờ sự tu hành rất “thật tâm”.
Kết cuộc lâm chung siêu hay đạo,
Lấy thước này đo ắt chẳng lầm!*

Ông Nguyễn Văn Mỹ sinh năm 1910, cư ngụ tại Rạch Chùa, ấp Trung Bình Nhứt, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Khỏe; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Nương. Ông là người con thứ sáu trong gia đình có bảy anh em.

Năm 20 tuổi ông kết hôn với bà Trần Thị Sáu, sanh được bốn trai ba gái. Gia đình ông sống bằng nghề làm ruộng và thợ mộc.

Tính tình ông vui vẻ, cởi mở, chân thật và nhân hậu.

Năm 1945 ông có đi nghe Thầy thuyết pháp ở sân vận động An Giang một lần và ở Cái Vồn một lần. Sau đó ông phát tâm dùng chay kỳ, sáng chiều lễ bái trở thành người cư sĩ tại gia, tận hết sức thực hành theo tôn chỉ: “Học Phật Tu Nhân”.

Mặc dù kinh tế gia đình rất khốn đốn, eo hẹp, thiếu trước hụt sau, phải cam go vất vả lắm trong phương kế sinh nhai, tảo tần một nắng hai sương mới duy trì được sự sinh hoạt đời sống gia đình, nhưng ông vẫn tùy phần san sẻ gạo tiền cho những người đói khổ xung quanh!

Ông thường vận động cây cối để cất nhà tình thương, hay đóng hòm cho tang sự... Đặc biệt là ông có khiếu ăn nói, biện luận hợp tình, trình bày hợp lý, nên đã khéo léo hòa giải được rất nhiều vụ tranh chấp xích mích giữa lối xóm láng giềng, hay vợ chồng bất hòa xung đột lẫn nhau. Vì vậy đã đem lại bầu không khí tươi vui cho hương thôn và sự yên bình trong gia đình!

Đối với các con cháu trong nhà ông rất có uy đức. Và ông cũng thường răn dạy các con răn lo làm ăn chơn chất thật thà, cố gắng làm lành lánh dữ, tu thân hành thiện, trau sửa nhân phẩm, hạnh đức tốt đẹp!

Năm gần 60 tuổi ông phát tâm trường trai, chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh độ, một lòng niệm Phật cầu

sanh Tây Phương. Khi các con đã trưởng thành, ông giao phó hết chuyện nhà và cất một cái thất ở gần nhà, ban ngày ông ra đó để niệm Phật và nghỉ trưa. Kể từ dạo ấy ông giảm bớt các công việc từ thiện xã hội, ưu tiên thời gian niệm Phật nhiều hơn và cũng thường khuyên con cháu phải cố gắng ăn chay niệm Phật để cầu vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Từ Phụ A-di-đà. Thỉnh thoảng ông cũng viếng thăm chư vị đồng tu ở nơi xa. Phương tiện giao thông thời điểm ấy thuần là đi bộ, nên có khi ông đi cả tháng mới về.

Vào khoảng năm 1970, Hội Quán của Ban Trị Sự tại địa phương nhà chuẩn bị tổ chức Đại lễ, vì ngày lễ đã cận kề mà nguồn nhiên liệu và cơ sở vật chất quá ư khô khan eo hẹp. Ông bèn đến nhà ông Năm trong vùng để xin cây gừa. Cây gừa này rất to lớn, cành lá sum sê rậm rạp, cái gốc của nó mấy người ôm không giáp, được ông Năm cho biết tuổi thọ của nó là đã trải qua ba đời người. Trước đây đã xuất hiện một sự kiện hết sức đặc biệt lạ lùng!

Số là có người đến mua, ông Năm đồng ý và cũng ngã giá xong xuôi. Khi người mua dẫn nhân công sang để hạ cây xuống, đột nhiên xảy ra sự cố nên đình lại, quỷ thần nhập vào thân quyến làm dữ, buộc ông này phải cúng cho họ ba đầu heo, ba con gà và ba con vịt! Ông mua cây sợ quá đành phải vãng theo. Trải qua hai tuần lễ sau đó quỷ thần lại đập đồng ép buộc cúng thêm một con heo nữa, lý do là vì đã phá nhà của họ làm mất hết một cây

cột, cho nên lần thứ hai này ngoài cúng ra còn phải trồng bù lại một cây gừa nhỏ gần cây gừa lớn! Người mua cây sợ quá thôi không dám hạ.

Khi thấy ông đến xin thì ông Năm nói:

- Trời ơi! Chú đồn được thì chú đồn!... Làm phước được thì cứ đồn. Tui cho chú đó!... Chú tui để làm gì?... Hơn nữa bán thì tui không dám bán!

Thế là ông về nhà kêu con cháu tổng cộng là năm cậu thanh niên đem cửa búa theo. Tối nơi ông trèo lên chẳng ba ngời chấp tay niệm Phật, ở dưới năm vị kia cũng niệm theo. Qua hơn mười phút niệm Phật ông ngưng lại, rồi nói lớn:

- Nếu ai mà ở đây thì kính mời quý vị dọn đi nơi khác! Cho tui xin cái cây này để tui bố thí củi đun, làm phước làm duyên cho người ta. Thôi bây giờ mấy ông cho tui xin nghen!

Nói xong ông trèo xuống tự tay cầm búa đồn trước, kể đó con cháu kẻ cửa người chặt tiếp theo, lần hồi hạ hết tron cây. Lúc ấy ông Năm và bà con lối xóm đứng xa xa hiếu kỳ quan sát, trong lòng thì rất hồi hộp lo lắng cho đoàn người công quả này, nhất là lo lắng cho ông, vì ông đóng vai chủ chốt.

Suốt thời gian đồn cây xong, rồi mang về Hội Quán, cành nhánh dùng làm củi, thân cây thì xẻ ván đóng bàn, ghế, tủ... và những thứ gia dụng khác cho Hội Quán, thế mà thấy đâu cũng vào đấy, đều im ru, mọi người vẫn bình an vô sự, không hề có xảy ra chuyện gì!

Bác Tư (Nguyễn Văn Tư) là một trong số bạn đạo của ông, hai nhà cách nhau vài ba cây số, ông thường chống gậy đến để trao đổi Phật Pháp và kinh nghiệm hành trì. Có lần nọ ông nói:

- Mình muốn tu giải thoát thì phải cắt ái (dứt ái dục) ghen chầu! Nói thật với cháu, chú đã cắt ái mà chú rớt hai lần. Lần này chú quyết phải đi đến mức rớt rảo mới được!

Dần dà năm tháng qua nhanh, vào khoảng tháng 2 - 1991 ông bị bí tiểu, sự đau đớn dường như rất dữ dội nhưng ông không hề rên than, các con đưa ông đến y tá để xử lý. Xưa nay hề bị bệnh là ông chỉ dùng thuốc Nam, chưa hề biết bệnh viện là gì!

Từ đó cơ thể của ông bắt đầu suy kiệt dần, ăn uống sút kém, thường hay lên cơn mệt. Các con đòi đưa đi bệnh viện, ông nói:

- Cây khô rồi tưới nước cách mấy cũng khô... Thôi! Mình rón niệm Phật để Phật cứu. Chớ bác sĩ không có cứu mình được đâu!

Rồi từ đó ông chỉ uống “Thang Thuốc Thường”: lá xoài, lá ổi, lá mít, lá bưởi, bông trang hay bông vạn thọ; đồng thời một lòng chuyên nhất niệm Nam Mô A-di-đà Phật.

Ông thường nằm trên chiếc ghế bố ở nhà trước, đôi mắt luôn hướng thẳng về ngôi Tam Bảo để nhiếp hết tâm

ý trong lúc trì niệm. Bởi vì Cổ Đức hằng khuyên chúng ta luôn nhớ rằng:

*“Lẽ sống chết trọng đại,
Vô thường đuổi sau gáy.
Kiếp người duy có hạn,
Sớm chằm lo hối cải.
Bớt nói chuyện ớt cà,
Vội đi bao gánh ác.
Niệm thêm câu Di Đà,
Tạo nhiều duyên giải thoát.
Tây Phương là quê nhà,
Ta bà là quán trọ.
Cả đời tự chuốc đau thương,
Lạc lầm tự mình đầy đọa!
Bấy lâu đắm cõi mê,
Cha hiền chờ đầu ngõ.
Hãy mau quay gót trở về,
Dừng bước lữ hành sương gió!
Hẹn gặp nhau nơi Tây Phương,
Bạn bè đều là thượng trí.
Chốn ấy chân thật an vui,
Quê nhà của ta đấy nhỉ!
Niệm Phật vãng sanh Liên trì,
Là nhờ chuyên nhất: đứng, đi, nằm, ngồi.
Biết bao người đã đến rồi,
Lấy đây làm tấm gương soi đời mình!”*

Thời gian này ông dặn dò hậu sự của mình cho con cháu. Ông mua một cái băng nhựa ghi âm lại, chỉ dẫn

từng ly từng tí để mọi người làm theo, kinh sách bằng đĩa loại nào, xử lý ra sao... ngay cả những lời đáp tạ trong tang lễ và tuần thất ông cũng đều chỉ dạy cận kề, bởi vì ông nhận thấy các con của ông ai cũng lâm vào hoàn cảnh nghèo khó, chỉ chân thật lo làm ăn nên chẳng am tường lắm đối với chuyện nghi lễ tang tế bao giờ!

Hay tin bệnh tình của ông chuyển sang giai đoạn nguy kịch, đồng đạo xa gần liên tục ghé thăm, các con ông đều hết sức lấy làm lạ là ông ngồi tiếp chuyện, vui vẻ bàn luận Phật pháp như người bình thường không chút gì bệnh hoạn cả; có khi người này vừa về thì người khác tiếp tới, liên tục như thế suốt cả ngày, đôi lúc cả đêm, mà chưa hề nghe ông rên than mỗi mết gì hết!

Ngày mừng 2 - 5- 1991 ông bảo người nhà đi mời bà con lối xóm cùng đồng đạo đến hộ niệm cho ông ba ngày. Các con y theo lời, đến đêm mừng 4 là đêm hoàn mãn, hôm ấy ông vẫn còn nói chuyện đạo lý với mọi người cho đến khuya.

Sáng ra, người con rể thứ Ba đến thăm trong khi các con đều chuẩn bị đi làm công việc như thường lệ, ông đang nằm trên chiếc võng vừa trông thấy bèn kêu lại. Rồi cho mời thân quyến tập trung lại cầu nguyện cho ông, và còn cho biết rằng hôm nay ông sẽ ra đi, người con rể thứ Ba ngồi bên cạnh, nói với ông nửa thật nửa đùa:

- Bữa nay mừng 5 xấu lắm ba ơi! Ngày mai mừng 6, ba hãy đi!

Ông đáp:

- Ngày nào cũng là ngày của Trời của Phật!

Khi làm lễ cầu nguyện xong, ông bảo xúm lại niệm Tây Phương Tiếp Dẫn cho ông. Ai cũng ngỡ ngàng vì thấy ông còn khỏe, nhưng không dám trái lời của ông, mọi người đồng thanh niệm Tây Phương Tiếp Dẫn lần thứ nhứt, do ai cũng e ngại nên âm thanh hơi nhỏ. Ông ra lệnh phải niệm lớn lên. Niệm lần thứ hai lớn hơn lần đầu. Đến lần thứ ba, vừa dứt câu A-di-đà Phật thì ông cũng đồng thời nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày mùng 5 - 5 - 1991, ông hưởng thọ 81 tuổi.

(Thuật theo lời: Nguyễn Văn Niệm, Nguyễn Văn Giêng, hai con của ông và đồng đạo Tư Dưa).

62. THÁI THỊ TIẾM (1939-2009, 70 tuổi)

*Đầu chẳng tròn, áo chẳng vuông... Có sao lại gọi sư cô?
Ô hô! Đây là chuyện lạ!*

*Giúp thiên hạ, giúp âm thầm... Cần chi người hay kẻ
biết! Đúng thiệt: Mật hạnh từ tâm!*

Bà Thái Thị Tiếm sinh năm 1939, cư ngụ tại ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Thái Văn Đống; thân mẫu là cụ bà Ngô Thị Huỳnh. Bà là chị Hai trong gia đình có năm chị em.

Khi đến tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Trần Duy Hồ, sinh được bốn trai, một gái. Gia đình bà sinh sống bằng nghề buôn bán.

Bà có bản tính nhu thuận, hiền lành, hay thương người, ưa thích làm lành.

Năm lên 30 tuổi bà phát tâm trường trai, sớm chiều lễ Phật. Vài năm sau người chồng cũng phát nguyện tu theo bà. Kinh sách mà bà thường đọc là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.

Thường khi con cháu có chơi giỡn xích mích khóc lóc tức tưởi chạy về mét với bà, thì bà bảo:

- Nam Mô A-di-đà... thôi, đi con! Nam Mô A-di-đà... nhin, đi con!

Bà rất tích cực tham gia các công tác từ thiện xã hội, như làm công quả chặt, phơi thuốc nam cho các phòng thuốc từ thiện, quyên tiền cứu giúp những người nghèo, bệnh tật không có điều kiện chữa trị... Trong hương thôn có ai bệnh nặng, dù nửa đêm nửa hôm bà vẫn vui vẻ tạo phương tiện đưa vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc.

Có lần nhân dịp chuyển người lối xóm vào nhập viện, bà trông thấy một ông cụ bị bệnh phổi mà không có ai nuôi, bà bèn phát tâm giặt đồ cho ông. Từ đó trở đi bà đều âm thầm vào bệnh viện để làm việc này, chăm sóc cho nhiều người tương tự như thế, gia đình không ai hay biết gì cả. Ai có hỏi đi đâu, bà đều đáp là tôi đi công chuyện.

Mãi đến khi bà bị bệnh khối u phần phụ, cần phải phẫu thuật, chồng con mới vỡ lẽ công chuyện mỗi sáng của bà!...Bác sĩ Hiệp rất quý kính bà, thường gọi bà là sư cô, là từ mẫu, vì hạnh của bà giống y như hạnh của Bồ Tát, do bà chẳng nề khó nhọc, chẳng sợ tanh hôi, nhất là những bệnh dễ truyền nhiễm lây lan mà ai ai cũng sợ, cũng xa lánh không dám đến gần!

Khi gặp bà, bác sĩ Hiệp nói:

- Chèn ơi! Bà sư cô này bệnh, phải ưu tiên cho sư cô này mới được nghe! Tôi đích thân... tôi mổ cho bà sư cô này mới được!... Bà sư cô này từ bi dữ lắm, bà không có sợ lây bệnh của ai hết...Mà hể ai tới đây là bà tận tình chăm sóc, giặt giũ!

Ngoài ra bà rất ưa thích phóng sanh, bà thường khuyên các con cháu nên hạn chế sát giết sinh mạng các loài vật.

Bà cũng thường cùng với chồng đạp xe đi cầu nguyện tuần thất quanh vùng.

Vào khoảng năm 2004 bà lâm cơn bệnh tai biến mạch máu não nên liệt nửa thân người. Qua thời gian dài điều trị, hồi phục được đôi phần, có thể diu đi gần gần ở trong nhà.

Ai sinh ra trên cõi đời này đều bình đẳng nếm trải bao nhiêu nỗi khổ đau, từ kẻ ăn mày đói rách thấp hèn

cho đến đế vương quyền uy cao sang danh vọng cũng phải như thế cả! Bệnh tật đối với người con Phật, đó là tăng thượng duyên khai phát trí tuệ. Giúp ta ý thức rõ ràng rằng con đường duy nhất để thoát ly mọi khổ lụy của cuộc đời, là cần phải luôn luôn suy tư nghiền ngẫm về nó qua lời Phật dạy, hay những khai thị của chư Cổ Đức:

*“Thân như hòn bọt,
Đời tợ áng mây.
Phút chốc đổi thay,
Lâu dài chi đó!
Mọi thứ đều bỏ,
Khi đã dứt hơi.
Sự nghiệp cả đời,
Tan theo sương khói.
Chỉ mang phước tội,
Vào nẻo luân hồi.
Muôn kiếp nổi trôi,
Sông mê biển khổ.
Xét suy tội chỗ,
Rán tạo phước lành.
Tín nguyện trì danh,
Cầu sanh Tịnh Độ.
Ác xưa hôi ngộ,
Cải sửa mỗi ngày.
Việc thiện hằng say,
Mặc ai chế nhạo.
Lòng nguyện Tây Phương quyết đáo,
Chí nguyện nắm chặt Hồng danh.*

*Một đời này lao nhọc mấy cũng cố gắng hành,
Ngàn vạn kiếp khó khổ vãng sanh rồi sẽ dứt!
Đài sen sáng rực,
Chờ kẻ chí tâm!”*

Năm năm trường do bệnh nằm một chỗ, bà nỗ lực hành trì rất tinh tấn ngày đêm bốn thời, mỗi thời tu của bà trước sám nguyện và tụng kinh Pháp Hoa, kế đó là niệm Phật. Nhất là thời giữa khuya, bà vận đồng hồ reo, con bà sợ bà suy kiệt sức khoẻ nên muốn ngăn cản. Bà trả lời:

- Con ngủ thì cứ ngủ, còn má cúng thì cứ cúng!

Ngoài bốn thời công phu ra bà chuyên cần trì niệm Hồng Danh Vạn Đức.

Mặc dù bệnh hoành hành nhưng bà vẫn chấp nhận trả nghiệp. Đối với các đồng đạo ghé thăm, hay các con cháu trong nhà, bà thường khuyên răn lo niệm Phật. Bà thường nói là bà nhất quyết sẽ vãng sanh, có người hỏi:

- Bà vãng sanh rồi còn mấy đứa cháu của bà ai lo cho nó?

Bà khẳng khái trả lời:

- Cháu thì có cha mẹ nó lo! Còn phần tôi, tôi phải về với Phật sớm, tôi không muốn vướng bận nữa!

Đến tháng 7 năm 2009, bà bảo cô Ba đem hết những tấm ảnh của bà ra, rồi bà chọn sẵn một tấm hình mà bà ngồi xếp bằng mặc áo tràng chấp tay niệm Phật, lại dặn

rằng khi bà mất lấy hình đó mà thờ... Sau này mua quan tài thì mua cái bình thường giá rẻ thôi, và mộ phần chỉ để bốn viên gạch ở bốn góc là đủ rồi. Bà còn dành dụm tiền sắm cho các cháu của bà những chiếc áo tràng để cùng cô Ba vào chùa Kỳ Viên, chùa An Phước... dự lễ. Sáng ngày 11 bà vui lắm, nói với cô Ba:

- Má thấy con noi theo cái gương của má tu, rồi dẫn dắt mấy đứa cháu đi chùa được... là má mừng lắm!

Kế đó bà nhìn lên thấy mấy đôi chiếu đang treo phía trên, bà vừa chỉ vừa nói:

- Thiếu chiếu rồi kìa! Con điện thoại cho vợ thằng Hùng mua cho má hai đôi chiếu nữa đi. Để đám tiệc tối trải cho đủ chiếu!

Cô Ba đáp:

- Đám gì không biết nữa... chưa đâu!

- Sao con biết... một, hai ngày nữa có đám rồi. Chẳng lẽ có khách lu bu mà con chạy lại đằng hàng xóm để mượn chiếu của người ta, hay sao?

Chiều ngày 12 bà lên cơn mệt, nhưng không nhiều lắm, bà bảo cô Ba mời Ban Hộ Niệm đến để hộ niệm cho bà. Cô chưng hửng đáp:

- Bệnh trầm kha mới kêu người ta tới hộ niệm... chớ má còn ngồi... má nói chuyện... như vậy, người ta tới thì ăn nói làm sao?

Rồi cô không chịu đi. Bà bảo đôi ba phen không được, liền nói:

- Má nói mà con cứ cãi hoài, một chút nữa là má bỏ xác rồi đó!

Con bà rước thầy thuốc Phát đến xem mạch cho bà. Nhân dịp đó bà gọi cô Ba tới bên cạnh và hứa với bà là sẽ trọn đời trường trai! Cô ba nói:

- Con đã hứa với má lâu rồi mà!

- Không, bây giờ có thầy Phát ở đây làm chứng. Con phải hứa trường trai trọn đời, để không thối nứa chừng bỏ dỡ!

Khi cô Ba đã hoan hỷ hứa xong, lương y Phát bèn xem mạch cho bà. Chẩn mạch xong ông nói:

- Chèn ơi! Mạch của bác Ba cũng còn tốt!

- Thôi, con ơi! Con vị bụng con nói như vậy chớ mạch lạc ở đâu... mà mạch! Mạch bộng gì... lạc hết trơn rồi. Một chút xíu nữa bác đi rồi, chớ tốt gì!

Kế đó bà lên cơn mệt, con trai của bà điện thoại mời bác sĩ ở Bệnh Viện Nhật Tân. Lát sau nhân viên của bệnh viện phái đến, khi bác sĩ đang đo huyết áp cho bà, bà nói:

- Bác sĩ ơi! chuyến này Phật rước tui rồi bác sĩ ơi. Bác sĩ trẻ lắm cứu tui không có được đâu!

Sau khi khám sơ bộ xong bác sĩ đề nghị với gia đình cho bà nhập viện, bà không chịu, nhưng thân nhân nóng lòng... Cuối cùng bà miễn cưỡng đồng ý. Khi thay y phục xong và chuẩn bị hành lý rồi, người nhà dìu bà ra xe, lúc dìu ra gần tới cửa bà bảo:

- Thôi, ngừng lại đây!

Bà chấp tay xá Cửu Huyền, cô Ba cũng xá theo bà. Bà khấn vái to mọi người ai cũng nghe hết:

- Con trình với Cửu Huyền, hôm nay con đi bệnh viện dưới sự bắt buộc của con cái thôi. Tại đứa con thứ Tư của con nó khá nó bắt buộc phải đi bệnh viện, chớ nó không để cho con ở nhà... Bây giờ con đi là vì con của con thôi! Con đi bệnh viện là con bỏ xác rồi Cửu Huyền ơi!

Bác sĩ nhìn thấy lắc đầu, rồi cần nhần, tại sao bệnh mà không khẩn cấp lo, làm cái gì mà cứ rì mọ rề rà hoài!

Khi lên xe cô Ba ngồi kế bên, cô nói nhỏ với bà:

- Má rán nhớ niệm Nam Mô A-di-đà Phật ghen má!

Bà kêu cô nên niệm Tây Phương Tiếp Dẫn. Cô Ba nghĩ bệnh của bà làm sao chết ngay bây giờ được, nên cô nói:

- Chèn ơi! Bây giờ chưa niệm Tây Phương Tiếp Dẫn được!

Đến bệnh viện cô cũng nhắc bà rán nhớ niệm Phật, bà nói:

- Lo cho con đó! Một chút nữa con khóc... con kể lẻ um sùm à!

- Con hứa với má rồi, dù có xảy ra chuyện gì đi nữa con cũng không khóc!

Khi y bác sĩ gắn một số dây truyền oxy, máy đo nhịp tim... Bà bắt đầu mệt nhiều, tiếng niệm Phật của bà ban đầu lớn, sau đó từ từ nhỏ lại dần. Cô Ba lại nhắc bà:

- Má ơi! Má rán niệm Phật nghen, má!

Bà gật đầu đáp:

- Niệm!...Niệm!

Lát sau thấy hơi thở của bà yếu nhiều, cô Ba kê sát vào lỗ tai của bà, nói:

- Bây giờ con niệm Tây Phương Tiếp Dẫn cho má nghen!

Bà gật đầu thật mạnh ba lần, lộ vẻ ưng ý vừa lòng. Cô Ba liền khẩn nguyện:

- Cầu xin Đức phật A-di-đà và chư Phật mười phương gia hộ cho mẹ con... nếu mẹ con còn duyên ở đời với tụi con, thì các Ngài độ cho mẹ con khoẻ lại như xưa; nếu như mẹ con hết duyên thì nhờ Ngài rước mẹ con đi một cách nhẹ nhàng!

Cô chí thành tha thiết khẩn ba lần. Khi khẩn nguyện xong vừa lúc đó xem thấy chỉ số của máy đo nhịp tim cũng vừa lịm tắt. Quay lại nhìn thì cô đã phát hiện bà đã ra đi tự bao giờ, cô bèn khêu người em dâu, nói:

- Em đọc Tây Phương Tiếp Dẫn lớn lên đi! Mẹ đã ra đi rồi đó!

Lúc ấy 7 giờ tối, nhằm ngày 12 - 7 - 2009, bà hưởng thọ 71 tuổi.

Khi nghe tiếng niệm Phật vang dội các y bác sĩ chạy lại, thấy tim bà ngừng đập, định hô hấp nhân tạo, nhưng cô Ba ngăn lại và xin với bác sĩ cho mượn giường đó để hộ

niệm cho bà trong lúc chờ xe rước về nhà. Khi chuyển thi hài của bà về đến nhà là khoảng 8 giờ tối. Chư đồng tu tấp nập đến hộ niệm rất đông.

Lúc nhập liệm, gương mặt của bà tràn ngập niềm vui. Chân, bụng rất lạnh, vùng ngực và mặt nhiệt độ bình thường, riêng đỉnh đầu ấm nóng. Cuộc hộ niệm vẫn duy trì mãi tới 7 giờ sáng ngày hôm sau.

Đặc biệt là một tay một chân bên liệt đã cứng còng gần năm năm, ngày thường không co duỗi được, vậy mà lúc này mềm mại như tay và chân bên kia. Đây quả thật là rất hy hữu lạ lùng. Ngày tang lễ, con cháu và tất cả bạn đồng tu ai ai cũng vui mừng hớn hở, khác hẳn hoàn toàn với những đám tang khác đầy bi thương và khổ lụy!

(Thuật theo lời: Trần Thị Bích Sơn con gái thứ Ba của bà.)

63. NGUYỄN THÀNH LỖN (1932 - 2009, 77 tuổi)

- Cây nghiêng về hướng nào, thì khi ngã phải ngã về hướng đó! Mình đã chuyên tâm mình niệm Phật thì mình phải về với Phật; còn ai niệm Tiên thì thành tiên; ai tu mà còn nóng giận thì thành Thân; còn ai niệm gian ác thì thành ma quỷ chớ gì!

- Lời ông Út -

Ông Nguyễn Thành Lỗn sinh năm 1932, cư ngụ tại ấp Bình Quới, xã Bình Thạnh Đông, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Điện; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Tiểu. Ông là con út trong gia đình có năm anh em.

Năm lên 19 tuổi ông kết hôn với bà Lê Thị Tính, sinh được hai trai, ba gái. Gia đình ông sanh sống bằng nghề làm ruộng.

Ông có bản tính vui vẻ, cởi mở, hài hòa, chân thật, cần mẫn, thương người mền vật. Nhờ thừa hưởng di sản tinh thần quý báu của tổ phụ, nên ông đến với Tam Bảo rất sớm, ở độ tuổi thơ đồng!

Năm 1975, ông phát tâm trường trai. Khi người cha kính yêu qua đời (1979) toàn thể gia đình cũng phát tâm trường trai như ông. Noi theo gương hạnh của cha, nối tiếp sự nghiệp phúc lợi xã hội, như: bào chế Đông dược thành phẩm, cất nhà tình thương, giúp đỡ cơm áo gạo

tiền cho những người nghèo khổ, bệnh tật... lúc nào ông cũng hăng hái, không cảm thấy mệt mỏi dù phải đối diện với muôn trùng khó khăn trở ngại ép ngạt!

Hằng ngày ngoài công phu sám hai thời tịnh niệm sớm tối ra, ông niệm Phật trong mọi oai nghi và thường đem Thánh ngôn ra khuyên dạy con cháu cố gắng thực hành theo phương châm: “Tu đền nợ thế cho rồi, thì sau mới được đứng ngôi tòa sen!”

Nền tảng căn bản vẫn là đạo làm người. Nỗ lực vun bồi những đức tính: chân thật, thuận hòa, trên kính dưới nhường, bao dung, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, quý tiếc mạng sống vật loại... Một khi đã là con người tốt rồi thì chuyện: “Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc” quá ư thuận lợi dễ dàng!

Năm 1983, đáp ứng yêu cầu của quần chúng, ông nhận trọng trách lãnh đạo nhà thuốc từ thiện Thanh Bình. Đến năm 1995 thì ông chuyển sang cơ sở Bình Thủy. Năm 1999 ông lại phải quay về chùa An Hòa để đảm nhiệm Ban Tiếp Tân cho Giáo hội.

Trong suốt thời gian công tác Phật sự này, ông cùng một số bạn bè đã vận động quyên góp gây quỹ mua đất, thành lập khu nghĩa trang công cộng ở Vàm Cỏ Đông, diện tích gần một mẫu. Ngoài những chỗ an táng ra, tất cả đất trống đều được tận dụng trồng thuốc Nam, cung ứng dược liệu cho các cơ sở từ thiện xa gần.

Vạn vật sinh ra trong cõi đời đều biến hóa, đổi thay theo chu trình khép kín: lá rụng về cội, nước trở về nguồn, trăng tròn rồi khuyết... cho đến cái nóng oi bức của ngày hạ cũng phải lui tàn nhường chỗ cho cơn gió heo may se lạnh khi tiết đông về. Thân xác thịt xương của con người cũng không thoát ra ngoài quy luật tuần hoàn ấy, sinh ra lớn lên... rồi già... rồi bệnh... rồi cuối cùng cũng phải dừng chân nơi “điểm hẹn thiên thu”, cho dù: sang - hèn, khôn - ngu, giàu - nghèo, mập - ốm... hay bất cứ là ai trên cõi đời này, đều phải ngoan ngoãn chấp hành! Và vòng sinh tử luân hồi sẽ vĩnh viễn khép kín nếu ta không dừng mảnh tìm phương kế thoát ly, như người xưa đã thở than:

*Nhớ lời Phật Tổ dạy rằng:
Đời người chớp nhoáng như lần điện quang,
Xác thân tạm hợp rồi tan,
Lao xao bọt nước, mơ màng chiêm bao,
Nặng mang những nghiệp trần lao,
Loanh quanh ba cõi, xông xáo sáu đường.
Đã sinh trong cõi vô thường,
Thì ai thoát khỏi bi trường tử sanh,
Bầu trời lồng lộng cao xanh,
Sáng mưa chiều nắng tan tành gió mây,
Núi non rừng rú cao dày,
Còn đâu bể thẳm vui đầy chiều mai.
Từ ngàn xưa đến ngày nay,
Mãi mô đào đắp đầy đầy đồng hoang.
Than ôi cuộc thế ngổ ngang,
Nào nùng chết khổ, lẽ làng sống vui,*

*Hơi thở nếu chẳng tới lui,
Mưa tuôn, cỏ lợp đất vui nắng phơi.
Than ôi giấc mộng muôn đời!
Biết bao trần khách đọa nơi thăm sâu.
Thân người bền chắc chi đâu,
Mong manh tợ hạt sương đầu cỏ may!
Nếu không tìm kế lâu dài,
Bao giờ mới thoát khỏi ngày trầm luân!*

Tháng 7 năm 2008, ông ngã bệnh, đơn thuần là triệu chứng sốt, uống thuốc không giảm. Người nhà đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, năm ngày trôi qua vẫn không tìm được nguyên nhân của bệnh, bèn chuyển ra Bệnh Viện Nhiệt Đới ở Sài Gòn. Thời gian nằm viện có lần ông nói với người cháu:

- Từ trước tới giờ ngoại lo tu phước, ít tu huệ. Chuyến này về nhà ngoại sẽ cố gắng niệm Phật để vãng sang về Cực Lạc!

Mười hôm sau bệnh tình tạm ổn ông xuất viện về nhà, phải mất ngót hai tháng trời sau đó sức khỏe của ông mới hồi phục hoàn toàn.

Để làm tròn tâm nguyện của ông, các con cháu đã trang trí một căn phòng thoáng mát, thích hợp cho ông tinh chuyên tu niệm hành trì. Ban ngày ông mở máy niệm Phật cho phát ra hai cái loa, rồi niệm quyết liệt theo. Ông thường đùa với cô Hai:

- Ba niệm kinh với ông sư này mới được!

Chiều tối các con cháu khoảng mười đến hai mươi mấy người sau khi lễ bái sám nguyện xong, xúm lại vào phòng cùng niệm Phật với ông từ 6 giờ đến 8 giờ. Có lúc niệm cao thanh, có lúc niệm thâm. Qua một thời gian quan sát thực trạng nhận thấy hai tiếng đồng hồ đối với đại chúng thì hơi quá lượng, nên ông đã giảm bớt lại một nửa và duy trì cho đến ngày ông ra đi là đúng một năm.

Mô hình đạo tràng cộng tu lý tưởng này đáng để cho chúng ta học tập, nhưng nếu phước duyên lẫn uy đức thiếu kém, chúng ta chỉ còn có cách tùy hỷ mà thôi chứ không dễ gì thực hiện!

Đến tháng 8 năm sau (2009), sáng ngày 22 ông bị nóng sốt và mệt nhiều, người nhà đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Nằm ở phòng cấp cứu, bác sĩ chẩn đoán ông có khối u ở cuống mật. Qua một tuần lễ sức khỏe tạm bình phục. Một đêm vào giữa khuya ông nói lớn với mọi người:

- Vui quá! Có ai đọc sám kệ với tui không?

Thế là ông cất tiếng ngâm nga mấy đoạn thơ khá dài, kể đó niệm Phật liên tục, mọi người trong phòng cấp cứu đều hướng về ông, thấy ông mặc bộ đồ bà ba, tóc râu bạc trắng, ngồi ngay ngắn trang nghiêm nên đều hết sức lấy làm lạ!

Đến ngày 28 chú Tư Đức ở Kinh Xáng Cây Dương đến thăm thấy ông vui vẻ khác thường nên hỏi:

- Lúc này bác có thường nhớ niệm Phật không, thưa bác Út?

Ông hoan hỷ lấy tay chỉ cái máy niệm Phật, rồi nói:

- Nhờ vị sư này niệm Phật hay quá nên bác không có quên!

Chú lại hỏi tiếp:

- Từ trước tới giờ mình ăn chay, mình lễ bái, làm lành và chuyên niệm Phật. Vậy chí nguyện của bác là về đâu?

Ông khẳng khái trả lời:

- Cây nghiêng về hướng nào, thì khi ngã phải ngã về hướng đó! Mình đã chuyên tâm niệm Phật thì mình phải về với Phật; còn ai niệm Tiên thì thành tiên; ai tu mà còn nóng giận thì thành Thần; còn ai niệm gian ác thì thành ma thành quỷ chớ gì!

Chú Tư nghe ông nói như vậy, trong lòng hết sức phấn khởi vui mừng tin chắc rằng ao sen báu bên Tây Phương sẽ nở một đóa hoa quang minh tỏa sáng, làm cho kẻ thấy người nghe càng nguyện thiết tin sâu, đồng cầu sanh Tịnh độ! Chuyện vãng một hồi, rồi chú từ già ông ra ngoài tìm gặp cô Hai, chú báo cho cô hay:

- Bác Út gần được về với Phật rồi! Chị nên theo dõi... coi chừng bác ra đi không hay đó! Vì người gần vãng sanh tinh thần thường sáng suốt và sức lực khỏe mạnh lạ lắm!

Cũng trong thời gian này, có lần ông thấy điềm lạ nên hỏi các con:

- Sao ngộ quá con ơi! Hễ mỗi lần cha nhắm mắt thì thấy một đoàn Tăng sư đến thăm cha rất đông, khi mở mắt ra thì không thấy gì hết! Các con có thấy không?

Thì ra, ông có người con nuôi ở bên Úc, pháp danh Như Trí, cô này là một Phật tử thuần thành, thường tới lui Tịnh Tông Học Viện Úc Châu, khi hay tin ông bệnh nặng cô đã ghi tên của ông gởi vào đạo tràng nhờ đại chúng hồi hướng cho ông, nên mới cảm ứng điềm lành như vậy!

Sáng ngày mừng 2 tháng 9 ông bảo với con:

- Đưa cha về nhà tắm rửa sạch sẽ... Chuyến này cha sẽ lùa hết con cháu vào phòng niệm Phật cho thoát khổ!

Khi ra khỏi bệnh viện ông ngồi trên xe tắc-xi tươi cười như người không bệnh. Chiều hôm đó bà con lối xóm đến thăm, ông khuyên:

- Đời này khổ lắm! Rán lo niệm Phật!

Ông còn căn dặn các con:

- Mình vừa lo làm, vừa lo niệm Phật nghen con!

Có mấy cháu đề nghị:

- Bệnh của cậu uống con tắc kê bay mới hết!

Ông tươi cười đáp:

- Con cháu có lòng thương cậu thì cậu rất cảm ơn, cậu ăn chay từ năm 1975 đến nay... chỉ còn một bước nữa là trọn vẹn. Có đau mới chết, bệnh là để thử thách mình đó thôi... hãy để cho cậu được trọn vẹn!

Đến 6 giờ chiều, sau khi mọi người lễ bái xong, xúm nhau vào phòng niệm Phật như thường lệ. Cô đồng đạo Hiền bước vào trước bèn hỏi ông:

- Ông Út! Ông về nhà khỏe hả, ông Út?

Ông đáp:

- Về nhà niệm Phật vãng sanh cho khỏe!

Rồi ông nói tiếp:

- Con cháu cúng xong rồi vô đây ngồi niệm Phật
đặng thoát khổ!

Thế là ông ngồi niệm Phật cộng tu suốt một giờ.
Người cháu mới đến nói với ông:

- Ngoại ơi! Ngoại mõi lưng thì ngoại nằm đi nghen
ngoại?

Rồi bèn đỡ ông nằm xuống, ông vẫn nhép môi niệm
Phật theo mọi người. Niệm được một lúc, đêm đã dần về
khuya, đại chúng lần lượt giải tán chỉ còn lại vài người,
sau đó đưa ông sang võng nằm nói chuyện bình thường.
Ông dặn người rể thứ Năm:

- Con làm thì làm, như được 200 gạ lúa thì phải bố
thí 100 gạ nghe chưa!

Rồi ông xoay qua người rể thứ Ba:

- Con vừa làm cũng phải vừa lo làm phước, vừa lo
niệm Phật nghen con!

Khi ấy khoảng 10 giờ, các con múc cho ông một chén
cháo trắng, dùng xong ông nói:

- Con Ba năm nay giàu dữ lắm! Nó làm nếp trúng
mà còn trúng giá nữa!

Cháu ông sợ ông nhớ chuyện trần đời quên niệm
Phật, nên chen vào:

- Ngoại ơi! Các dưỡng, các mợ lớn hết rồi!... Mà thôi đi, ngoại lo niệm Phật đi, mấy cái chuyện đó ngoại đừng có lo tới!

Ông nói:

- Con à! Con yên tâm đi, bây giờ ông ngoại niệm Phật, ông ngoại hết có quên rồi... Ông không có còn quên nữa đâu, con đừng có lo cho ông!

Đến 11 giờ 30 khuya, ông nhờ dìu cho ông đi vệ sinh. Xong rồi, ông nói:

- Sao mà trong mình nó kỳ lạ quá!

Mọi người lập tức thông báo nhau tập trung vào phòng của ông. Cô Hai vừa bước vào, ông kêu:

- Vân ơi! Con đi đốt nhang các ngôi thờ, rồi niệm Phật... Ba đi!

Nghe ông nói ai cũng giật mình, vì thấy rằng ông còn khỏe khoắn và tỉnh táo bình thường, đâu có biểu hiện gì khác lạ giống như người sắp mất đâu! Thế là các con cháu đồng cùng chấp tay ngồi niệm Phật với ông. Kế đó ông nhờ đỡ nằm xuống, ông nói:

- Sao mà trong mình nó nóng quá!

Lát sau lại nói:

- Sao mà trong mình nó lạnh quá!

Khi cây hương vừa tàn thì đốt thêm đọt thứ hai. Đang nằm ông vẫy tay, nói:

- Chào hết đồng đạo và bà con... Tôi đi ghen!

Rồi ông nhờ đỡ ngồi dậy, ông hỏi:

- Căn phòng này con cháu ở lại niệm Phật, có đồng ý không?... Mà ai sẽ nối tiếp theo?

Chú Tư trả lời:

- Cha ơi! Cái phòng này để con lãnh cho! Cha cứ yên tâm niệm Phật về Cực Lạc trước, con cháu sẽ về sau!

Ông gật đầu và niệm Phật lớn hai lần, rồi nhút người ra để thông hai chân xuống giường, hai tay buông xuôi theo thân, lưng thẳng. Chú Tư bèn quỳ gối đặt cằm của ông lên vai mình. Ông lần lượt đưa mắt nhìn hai mươi mấy người ngồi trang nghiêm niệm Phật trong bầu không khí thanh tịnh. Nhìn qua một vòng xong đôi mắt từ từ khép lại, im lìm ra đi giữa âm thanh sáu chữ trầm hùng chậm chậm vang lên đều đặn, khoảng cách của chữ Đà và chữ Phật hơi thưa ra. Bên ngoài có vài thầy giáo ngồi trên bàn trà đang quan sát hiện trường, họ mới vừa cùng xầm xì với nhau:

- Cái gì mà... Cậu Út, ông còn nói chuyện rồn rảng mà đi đâu!... Mấy đứa này... hử một cái... là nó niệm Phật... hử một cái... là nó niệm Phật!”

Cô cháu ngoại đã từng đi hộ niệm, ngồi gần đối diện với ông mà vẫn không hề hay biết, cô nghĩ thầm rằng ông đang nhắm mắt để dưỡng thần. Khi chú Tư đổi sang niệm Tây Phương Tiếp Dẫn lớn lên báo hiệu rằng ông đã dứt thở rồi. Hốt nhiên ai nấy lông tóc dựng đứng cứ ngỡ ông đùa chơi cho vui, chẳng ngờ ông ra đi thiệt! Mấy vị thầy giáo đang “tâm sự loài chim biển” ngoài kia cũng không

khỏi một phen thất vía kinh hồn, bò càng bò niềng! Lúc ấy đúng 1 giờ sáng, ngày mừng 3 - 9 - 2009, ông thọ 77 tuổi.

Khi hay tin ông Út vẫy tay chào con cháu và từ giã đồng đạo trước khi về Cực Lạc, nên chư vị đồng tu đến gia đình ông rất đông, thay phiên cầu nguyện và hộ niệm để gieo duyên. Đến 9 giờ sáng mới nhập liệm mà sắc diện của ông vẫn hồng hào, sáng đẹp, lộ nét tươi vui!

(Thuật theo lời của cô Hai Vân, chú Tư Ngoan, hai con của ông, cô Diễm, cháu ngoại của ông và đồng đạo Tư Đức.)

NỘI TÔI

*Phúc hậu nhân từ Nội của tôi,
Nghìn thu giấc ngủ đã đi rồi.
Tây Phương Cực Lạc, Ông về trước,
Con gắng tu hành bước theo sau.
Mấy chục năm trường Nội xả thân,
Lo cho bá tánh những khi cần.
Thuốc tán, thuốc hoàn... luôn bào chế,
Trao tặng bà con khắp xa gần.
Giúp người an khỏe khi đang sống,
Lo nơi táng tống lúc qua đời.
Tốt đạo, thấm tình, hương thôn đẹp,
Cánh hoa đức hạnh nở rạng ngời!
Chân thật tu hiền chẳng lợi danh,*

Mặc bao gai góc với sỏi sành.
Tình đời ấm lạnh âu thường lệ,
Cầu Phật ban ân vạn sự thành!
Dốc cạn tâm can trọn cả đời!
Đáp đền nợ thế đến tàn hơi!
Khi cần phải xả, liền buông xả!
Về cõi Tây Phương vui thanh thời!

Nội tôi thanh thoát từ bi,
Hôm nay Nội đã ra đi vĩnh hằng.
Ngồi nhìn con cháu một lần,
Dặn dò khuyên răn chuyên cần siêng tu.
Ông về Cực Lạc ngao du,
Ở đây phải rán công phu hành trì.
Biết rằng Nội sắp ra đi,
Cố ngăn nhưng lệ ưu bi vẫn tràn...

Nhiệm mầu cõi báu Tây Phang,
Trang nghiêm thanh tịnh, ông đang đến rồi.
Từ nay chấm dứt luân hồi,
Sen vàng rực rỡ ông ngồi hân hoan.
Giờ con đang ở trần gian,
Gắng tu tinh tấn chẳng màng khổ lao.
Hẹn ông mình sẽ gặp nhau,
Để không còn những nỗi đau kiếp người!

(Bé Thẩm và một đồng tu)

64. VÕ THỊ TÁC (1950 -2015, 65 tuổi)

Tế kẻ bần, cứu người khổ, xông pha đông tây nam bắc đủ chỗ, bao gian khổ, lòng chẳng chút ngại ngần!

Luôn tỉnh ngộ, luôn chuyên cần, đẹp đạo tốt đời buông của xả thân, vững tinh thần, tâm không rời Tịnh Độ!

Bà Võ Thị Tác sinh năm 1950, cư ngụ tại số nhà 252, tổ 2, ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Võ Văn Hiệp, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Khôi. Bà là chị Hai trong gia đình có năm người con.

Cha của bà biết được một số phương thuốc gia truyền, nên thuở nhỏ, khi học hết lớp ba trường làng, bà được cha cho đi học Hán Văn và chuyên ngành về Đông Y với nhiều thầy thuốc. Mãi đến năm 20 tuổi, học nghiệp của bà mới hoàn tất.

Nhờ gặp gỡ Phật Pháp rất sớm nên hạt giống bồ đề nhanh chóng nảy mầm, ba năm sau bà phát tâm trường trai. Kế đó cô em gái thứ Ba cũng noi theo bà, lo chạy lạt dưa muối tu hành!

Tính tình của bà hoạt bát, vui vẻ, ăn mặc kiệm ước, bình dị. Bà rất nhiệt tình tham gia các công tác từ thiện xã hội, bố thí giúp người thì không hề xén tiếc cả về vật chất, tiền bạc lẫn sức lực và tinh thần. Một đôi dép rẻ tiền mà bà sử dụng trong rất nhiều năm tháng, hễ rách quai thì bà khâu lại, đến khi không còn khâu được nữa

mới mua đôi mới; còn y phục thì đến 30 năm vẫn còn dùng, bao nhiêu quần áo mới bà đều tặng cho các cụ già. Cho nên nhiều khi ra đường, những người ăn xin đều nghĩ rằng bà đồng môn phái “Cái Bang” với họ. Các anh xe ôm cũng không lấy tiền vì thấy bà ăn mặc quá đơn giản sơ sài, cũ kỹ. Khi lên xe buýt thì bà thường trả tiền luôn cho những người lớn tuổi.

Bà ưa thích săn sóc những người bệnh, nhất là những người lớn tuổi không ai quan tâm chiếu cố, từ việc đỡ bó đến giặt giũ!

Trong thôn xóm hễ có tang sự, hầu hết người ta đều đến rước bà để hướng dẫn sắp xếp mọi thứ, như: chỗ nơi cầu nguyện; thứ tự, giờ giấc tống táng và tuần thất sau đó... Thậm chí việc đi mua hòm người ta cũng nhờ bà. Đôi khi bà đích thân tần liệm giùm họ luôn. Ngoài ra bà còn hướng dẫn cách thức lấy hài cốt...

Thỉnh thoảng bà hay tổ chức các cuộc chẩn bần cho những hộ dân nghèo ở Tân Mỹ, Mỹ Luông, Cồn Phước, Cù Lao Giêng... Bà đi quyên góp gạo rồi mời bác sĩ ở Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc hoặc Bệnh Viện Nhật Tân để cùng đi cho gạo và khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí.

Bà đối xử rất bình đẳng, không phân biệt với bất cứ ai hay tôn giáo nào. Hầu hết các chùa chiền hay tịnh xá ở những vùng lân cận bà đều quen biết, ngay cả giáo đường bà cũng lui tới một cách tự nhiên. Những năm Giáo Hội Phật Giáo có tổ chức ba tháng an cư, bà thường liên hệ xe giúp đưa quý sư cô về chùa trong ngày giải hạ.

Công tác từ thiện của bà không giới hạn ở phương diện nào! Cái gì có lợi cho nhân sinh mà bà nhận thấy khả năng của mình có thể làm được thì bà cố gắng tận lực làm, không nệ khó khăn, chẳng nài gian khổ. Lắm lúc chỗ này rước đi chưa về thì có chỗ khác đến rước nữa...

Bà sinh sống bằng nghề kinh doanh Đông Dược, thường thì bà chỉ lo bào chế, khi bào chế thành phẩm xong rồi thì bà chuyên đi làm từ thiện tối ngày; còn phần bán thuốc thì bà Ba ở nhà lo. Nếu bà đứng bán thì bà cho chứ chẳng lấy tiền ai cả. Lúc mẹ bà qua đời, bà lại phải gánh vác thêm công việc đồng áng, ruộng vườn. Thời gian sau có thêm một bạn đồng tu nữa là bà Chín đến sống chung.

Công khóa hành trì của bà chỉ hai thời sám lễ sớm chiều, sau đó thì bà ngồi niệm Phật, tùy theo sức khỏe mà thời gian ngồi niệm có lâu có mau không nhất định. Kinh sách mà bà đọc đơn thuần là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, băng đĩa mà bà nghe xem cũng đồng loại như thế.

Những lúc bào chế thuốc, bà thích ngồi riêng một mình, im lặng vừa làm vừa niệm Phật để khỏi mất thời gian nói chuyện tạp nhạp vô ích. Cách thức hành trì của bà theo phương châm: “Làm hết các việc từ thiện, tránh hết tất cả những điều độc ác, quyết rửa tẩm lòng cho trong sạch” rồi hồi hướng phước đức và công đức đó cầu về thế giới Tây Phương của Đức Phật A-di-đà!

Do thắm thía nỗi khổ của kiếp nhân sinh, bèo mây tan hợp. Biết bao lần khi chứng kiến những cuộc tang lễ, khiến bà phải suy nghĩ mà xót dạ đau lòng: Đời người cuối cùng rồi ai cũng phải trở về cát bụi, lâu son gác tía đều trở thành vô nghĩa trong giây phút ấy! Con hiền, cháu thảo đâu thể thế thay... Rồi một mình đi lang thang trong nẻo luân hồi. Do đó, khi rảnh rỗi các chị em cùng ngồi lại bàn luận với nhau. Bà Ba thì nói rằng:

- Bây giờ mình còn khỏe mạnh, mình phải rán lo làm lành, rán lo niệm Phật để về Tây Phương... Chừng nào học đạo cho hoàn toàn rồi thì trở lại cứu vớt tất cả chúng sanh!

Bà thường hay đọc một cách thích thú những đoạn thơ sau đây:

*“Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược,
Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang.
Tuổi già sức yếu đa sầu cảm,
Tóc bạc mình ve lấm rợn ràng.
Biết được trần gian là mộng huyễn,
Tử thần sửa soạn kéo vào quan.*

*Kéo vào quan quách biết bao người,
Cuộc sống sum vầy phỏng mấy mươi.
Lắm lúc đua chen vui lẫn giận,
Nhiều khi vùng vẫy khóc pha cười.
Tuồng đời chuốc ngót cho xong tiếng,*

*Cuộc thế trau giồi mượn tác hơi.
Nín thở nằm ngay không cựa quậy,
Xót thương con trẻ khóc đôi lời.*

*Đôi lời kể lại nỗi hàn huyên,
Ma lớn chạy to phí lắm tiền.
Tưởng vậy xác thân đa hạnh phúc,
Nào hay hồn phách lắm oan khiên.”*

Trần gian là quán trọ, dừng chân qua đêm, sáng mai lại phải từ giã để lên đường. Mấy mươi năm trên cõi đời quả thật quá ư ngắn ngủi, dường thế một đêm! Vậy mà biết bao người phải bận rộn cả đời bon chen đuổi theo tiền tài, danh vọng, phú quý, vinh hoa... toàn là bọt bóng bèo mây, nay tan mai hợp:

*“Boi hồi tỉnh giấc Nam Kha,
Đường danh, nẻo lợi xem ra ích gì!”*

Sức khỏe của bà mặc dù không được tốt lắm, nhưng do tinh thần nhiệt tình hy sinh phụng hiến, sống vì mọi người nên bà đã lướt qua mọi bệnh tật. Có lần chân bà bị tê dữ dội, bà được đưa đến bệnh viện ở Châu Đốc để điều trị, nhưng chẳng giảm, rồi xuống Bệnh Viện Đa Khoa An Giang cũng không xong, sau đó ra bệnh viện ở Sài Gòn, nhưng cũng không ổn. Cuối cùng bà quay về nhà uống thuốc Nam thì tạm được an lành!

Cuối năm 2013, đêm nọ bà nằm mơ thấy có một người cao to đứng ở đầu giường của bà, nói rằng: “Tu đền

nợ thế cho rồi, thì sau mới được đứng ngôi tòa sen.” Mà lập đi, lập lại ba lần như vậy!

Lúc tỉnh giấc, bà thuật lại cho bà Ba và bà Chín nghe, rồi nói:

- Chắc có lẽ... công hạnh hành thiện tích đức của tôi chưa đủ hay sao, nên Phật, Bồ Tát mới nhắc nhở tôi phải cố gắng hơn nữa!

Đến đầu năm 2015, sức khỏe của bà bị tuột dốc, ăn uống kém dần, tay chân tê mỗi ngày càng nhiều, khi đi khám bệnh thì không tìm ra bệnh gì.

Sự dụng công hành trì của bà lúc này càng khẩn thiết hơn xưa. Lúc đầu bà còn lần chuỗi, về sau tay bị tê nhiều nên bà ngưng luôn, mà chỉ niệm ký số, hết trăm này rồi tới trăm khác.

Khoảng sau rằm tháng ba, một đêm bà nằm mộng thấy tương tự như lần trước, nhưng lần này người đó nói: “Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc; Hưởng công niệm Phật rất yên lành”, và cũng nói y như vậy đúng ba lần. Sáng ra bà cũng kể lại cho bà Ba và bà Chín nghe, rồi nói:

- Tôi chắc sắp ra đi rồi, chị Chín ơi! Còn kỳ trước có lẽ tôi làm chưa xong nên Ân Trên Long Thiên Hộ Pháp mới bảo tôi: “Tu đền nợ thế cho rồi; Thì sau mới được đứng ngôi tòa sen.” Còn kỳ này chắc đã xong xuôi viên mãn rồi!

Biết bà Chín còn hơi hồ nghi, nên bà nói thêm:

- Chị cứ yên tâm đi! Một đời tôi, cái gì tôi cũng buông

hết rồi. Giống như mình ăn chuối... mình lột bỏ cái vỏ vậy đó! Hơn nữa... chị nhớ đi, cũng như cái cây... mình mổ miệng bên nào, đến khi đứt gốc thì nó sẽ ngã về bên đó... Chị cứ yên tâm đi! Một khi mình đã hướng về với Phật A-di-đà rồi thì chắc chắn mình sẽ về đó thôi!

Thấy bà yếu nhiều, các em cháu bà nài nỉ đưa bà đi bệnh viện để khám bệnh nhưng bà không chịu, bà nhờ đặt bàn Phật trong nhà và mời đồng đạo đến cầu nguyện.

Đến ngày 19, tại nhà có lễ giỗ, bạn đồng tu và thân tộc ghé viếng thăm bà rất đông, mọi người đề nghị nên đến bệnh viện để khám bệnh, bà miễn cưỡng chấp thuận.

Sáng ngày 20, khi vào Bệnh Viện Nhật Tân, trải qua quá trình xét nghiệm, bác sĩ chẩn đoán là bị “suy nhược cơ thể” và cho bà xuất viện ra về trong ngày do không tìm ra bệnh gì, vì các chỉ số cận lâm sàng hầu như bình thường. Lúc này bà có thể tự gắng gượng để đi được. Qua hôm sau mọi động tác sinh hoạt của bà đều phải nhờ người phụ giúp, vài hôm nữa thì không ngồi được. Cũng trong lúc này bà nói với bà Ba:

- Cái gì gia đình cho chị thì bán hết và bố thí đi!

Bà Ba đáp:

- Tài sản này của chị mà, đâu phải của ai đâu. Chị muốn gì thì chị nói, các em sẽ làm theo ý chị!

Nghe thế bà liền yêu cầu làm cho bà những việc như: cúng thập tự, trai phạn, mua cặp chân đèn và may 50 áo tràng để gửi vào chùa dâng cúng, và mua cá phóng sanh... Những điều bà yêu cầu, mọi người nhất nhất làm

y theo. Còn cách thức tắm liệm chôn cất ra sao bà đều tận tường hướng dẫn từng li từng tí.

Khoảng 5 giờ sáng ngày mừng một tháng tư, bà lên cơn mệt hỗn hển, mọi người đang hộ niệm cho bà, bà đọc lên sáu câu thơ trong bài “Hiến Thân Sãi Khó”, bà đọc nhất gừng từng chữ một theo nhịp thở:

*“Nam Hải Quán Âm bình nước tịnh,
Rưới giùm bá tánh bớt tai ương.*

*Phận tố xác phàm tố sẽ dưng,
Cúng dường cho Phật, Phật dành ưng.
Dù cho phải chịu ngàn cay đắng,
Cũng nguyện đạo mẫu sẽ chấn hưng.”*

Đã trải qua mấy ngày liền bà không nói chuyện, hôm nay dù rất mệt mà bà vẫn cố gắng đọc mấy câu thơ này, dường như bà có ý muốn trút hết nỗi lòng trước khi giã từ cõi thế!

Kế đó bà bắt đầu lên cơn ngất mình, người cháu đo huyết áp thấy rất thấp bèn cấp tốc truyền dịch cho bà, hy vọng rằng huyết áp sẽ tăng lên bằng lúc bình thường, nhưng mọi người đều thất vọng vì không có hiệu quả gì cả! Thân quyến và đồng đạo tập trung hộ niệm, sau đó bà nằm im trở lại, cơn ngất mình bỗng nhiên biến mất! Cuộc hộ niệm kéo dài mãi đến 3 giờ chiều, bà nhẹ nhàng dứt thở ra đi về cõi vĩnh hằng, nhằm ngày 1 - 4 - 2015, bà hưởng thọ 65 tuổi.

Qua tám giờ hộ niệm, gương mặt của bà vui tươi sáng đẹp hơn lúc bình thời, các khớp xương mềm mại, mọi chỗ trên thân đều lạnh, duy chỉ có đỉnh đầu ấm nóng. Âm thanh Phật hiệu trợ niệm vẫn được ngân vang liên tục sang ngày hôm sau.

Khi hay tin bà mãn phần, các đồng tu và bà con khắp nơi tấp nập kéo lại để hộ niệm gieo duyên với bà. Ca niệm lúc 6 - 7 giờ tối, liên hữu Lâm bồng bắt gặp một luồng ánh sáng từ ngoài chiếu vào, anh cứ ngỡ là có ai đó rọi đèn pin nên không mấy quan tâm.

Lễ an táng được tiến hành lúc 3 giờ chiều ngày hôm sau (mùng 2). Địa điểm chôn cất gần nhà nên đi bộ. Khi quan tài băng qua đường cùng âm thanh trầm hùng của câu Phật hiệu, bất giác anh quay phim hô to:

- Có hào quang, có hào quang!

Đồng thời anh đưa máy cho một số người khác xem, họ cũng thấy như thế. Người thợ chụp hình cũng nhìn thấy được ánh hào quang này qua ống kính. Trên quan tài đặt 35 túi lan toàn màu trắng, vậy mà nhìn qua ống kính hoa lan trắng đã biến thành màu vàng; còn áo quan màu trắng biến thành màu tím hoa cà, phía trước quan tài có vòng tròn sáng tỏa ra ngũ sắc.

Sự ra đi của bà đã để lại biết bao niềm tiếc nuối khôn nguôi trong lòng nhiều người!

(Thuật theo lời của bà Võ Thị Dồi, em thứ Ba của bà và đồng tu Nguyễn Thị Dạm.)

65. NGUYỄN VĂN THỌ (1932 - 2008, 76 tuổi)

Bán đất để làm từ thiện! Quả thật đây là chuyện... rất khó, rất khó làm!

Niệm Phật mong nguyện vãng sanh! Biết trước ngày vãng sanh... tất đạt thành mong nguyện!

Ông Nguyễn Văn Thọ sinh năm 1932, cư ngụ tại ấp Hòa Long, thị trấn Tân Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Sửu, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Tường. Ông là thứ chín trong gia đình có chín người con.

Khi tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Vân, sinh được sáu trai ba gái, gia đình sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình của ông hiền từ, chân thật lại vui vẻ. Mọi sinh hoạt cá nhân thì rất giản dị, bình dân. Đối với chòm xóm láng giềng thì luôn sẵn lòng thương yêu đùm bọc, nên ông được mọi người kính mến!

Ông đến với Tam Bảo rất sớm, sáng chiều lễ Phật, tập tễnh ăn chay lúc tuổi hầy còn thơ. Mãi đến năm 1962 khi đọc được quyển “Con Đường Tu Tất”, ông bèn đồng mãnh phát tâm trường trai, một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc, mà sau này ông thường nhắc nhở các con cháu:

- Mình niệm Phật vãng sanh cũng như con một ở trong gốc cây tre chui ngang ra ngoài; còn tu các pháp

môn khác thì cũng như con mọt đục từng đốt, từng đốt dọc theo thân cây tre, lên tuốt trên đọt rồi mới ra ngoài. Niệm Phật cầu vãng sanh, nhờ có lực tiếp dẫn của Đức Phật A-di-đà nên ra khỏi sanh tử luân hồi rất nhanh và dễ (hoành siêu: ra bằng chiều ngang); còn tu những pháp môn khác đều hoàn toàn tự lực nên rất khó và rất chậm (thụ xuất: ra bằng chiều dọc).

Bấy giờ, ông hăng hái làm tất cả các công tác phúc lợi xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ, cất nhà tình thương, đóng hòm, sưu tầm thuốc Nam... có khi âm thầm tự làm một mình, có khi kêu gọi mọi người cùng làm. Say sưa đến độ thậm chí bán đất nhà để làm từ thiện; con ông cần nài, ông nói:

- Nghèo thầy Nhan bầu nước đại cơm, tuy cơ hàn mà được danh thơm, hơn phú quý ngồi ôm bả lợi... Ba thích làm thầy Nhan Hồi, chứ không thích ngồi ôm bả lợi, con ơi!

Về phần công phu của ông thì rất chuyên cần, sớm chiều hai thời đều đặn, sau lễ nguyện thì ngồi niệm Phật năm ba mươi phút. Kinh sách mà ông đọc là cuốn Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, quyển mà ông tâm đắc nhất là quyển “Khuyến thiện”, kể về nỗi khổ ở cõi Ta Bà và tám điều vui nơi Tây Phương Tịnh Độ:

*“Cõi Cực Lạc lắm điều thanh nhã,
Khổ buồn rầu lo sợ chẳng còn.
Chốn Ta-bà tìm lụn dầu mòn,
Thân tứ đại của người cũng thế.*

*Mau thức tỉnh tu thân kẻo trễ,
Đến tội rồi mới hối muộn màng.
Chi cho bằng ta sớm lo toan,
Gìn giới luật nghe kinh trọng Phật.
Đến lâm chung quả lành đâu mất,
Cõi Tây Phương chờ Phật đợi chờ.
Việc tu thân thiện tín hững hờ,
Chùng họa đến e cho khó tránh.
Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kẻo phụ Phật xưa.”*

Hằng ngày ông thường khuyên dạy các con ông:

- Mình phải ăn cần ở kiệm mà lo tu hiền... mình làm bất cứ chuyện gì cũng phải niệm Phật... mình cố gắng niệm Phật để sau này được sanh về thế giới Cực Lạc. Về Cực Lạc mới là hết khổ, ở Ta Bà này khổ quá con ơi!

Ông còn hướng dẫn các con phát nguyện:

*“Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)
Nam Mô A-di-đà Phật (3 lần)*

Con nguyện đem công đức này hồi hướng về cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Nhờ ơn Đức Phật gia hộ cho con lúc lâm chung giữ chánh niệm, được thoát chốn mê đồ, vãng sanh về miền Cực Lạc. Sau khi học đạo hoàn toàn con sẽ quay trở lại cứu vớt tất cả chúng sanh!”

Hơn bốn mươi năm hành đạo, theo thời gian công việc từ thiện mỗi lúc phạm vi được mở rộng ra thêm, ông hằng say nỗ lực như thuở mới phát tâm ban đầu!

Trước khi mất khoảng hơn một năm (2007), ông cảm thấy tứ đại bất hòa, tự biết ngày về xứ của mình chắc cũng chẳng còn bao xa! Trên cõi đời này con người và tất cả các loài động vật đều phải tuân theo định luật tuần hoàn chi phối, đó là sanh, già, bệnh, chết, như thời tiết xuân, hạ, thu, đông luôn luôn luân chuyển đổi đời; thực vật thì có sanh, trụ, di, diệt; khoáng vật thì có thành, trụ, hoại, không... nguyên lý vô thường này quá ư khắt khe và tàn nhẫn, bởi nó không tư vị, buông tha bất cứ một chúng sanh nào; muôn loài vạn vật đều bình đẳng đón nhận như nhau, dù rằng có khi phải đón nhận bằng thương đau và tràn đầy nước mắt! Do đó chúng ta cần phải gấp rút tìm biện pháp đối phó với mối hiểm họa của bệnh khổ, khi nó sắp sửa đến hoành hành bức bách, nhất là ở giây phút cuối, cái giây phút kết thúc sinh mệnh của một kiếp làm người:

*“Trộn cả đời bon chen gây sự nghiệp,
Rốt cuộc rồi tan hiệp tợ bèo mây!
Vui chẳng bao, nước mắt mãi đọng đầy,
Danh lợi tạm, chóng chảy tiêu tan cả.
Ác nghiệp khiến cơn đau luôn hành hạ.
Luật tuần hoàn vay trả vẫn công minh.
Nên gieo nhiều thiện sự lúc sanh bình,
Sẽ bớt nỗi hãi kinh khi chết đến.
Biết đời giả đầy khổ đau đừng mến,
Rán tu trong khi nghiệp chướng hoành hành.
Niệm Di Đà dạ tha thiết chí thành,
Chán ước độ cầu vãng sanh Tịnh Độ.*

*Nhọc một đời vạn kiếp dài thoát khổ,
Mình được siêu tông tổ dứt luân hồi!”*

Thời gian này ông ngưng hết các công tác từ thiện, thường ở nhà công phu hành trì nhiều hơn, cho nên sự niệm Phật của ông có phần tinh chuyên thuần thực. Vào ngày mùng 5 tháng 5 năm 2008, ông bị nóng sốt, sức khỏe kém dần, thân xác ông bứt rứt không yên. Người con trai thứ Hai của ông thấy vậy bèn đặt bàn Phật, rồi mời bà con lối xóm và đồng đạo đến cầu an cho ông liên tiếp ba đêm. Ba đêm trôi qua thì ông khỏe lại.

Hay tin ông bệnh, một hôm ông Tư láng giềng ghé thăm, có khuyên ông:

- Anh Chín ơi! Anh rán niệm Phật nhen, anh Chín!

Ông trả lời:

- Chú lo cho chú kìa! Chú tôi thì đã phát nguyện về đó rồi, là tôi phải đi về đó, còn chú ở lại phải ráng!

Ông Tư hỏi lại:

- Sao mà... anh lại nói như vậy?

Ông đáp:

- Bởi vì tôi đi trước nên tôi tới trước! Coi chừng chú không tới... đó nhen!

Đến ngày mùng 1 tháng 7, thấy ông không ăn uống gì cả, chỉ thỉnh nước cúng uống và dùng thêm nước trắng mà thôi, chú Hai mới hỏi:

- Sao ba không ăn uống gì hết, vậy ba?

Ông chỉ trả lời gọn lỏn:

- Tại ba không ăn được!

Từ đó trở đi, mỗi khi con cháu và đồng đạo ghé thăm, ông đều khuyên nhắc:

- Hãy rán lo tu hành và nên thường niệm Phật, quý lắm!

Vào lúc 6 giờ sáng ngày 12 tháng 7 năm 2008, ông bảo chú Hai điện thoại gọi các em về. Chú hai nói:

- Máy đưa em con nó ở xa xôi quá mà! Ông mạnh khỏe như vậy mà chẳng lẽ ba đi hay sao?

- Ba... bữa rằm, chiều 5 giờ là ba đi!

- Ông đừng có nói chơi! Công an mời ba đó!

- Ba đi thiệt!

Vì trước đây có ông Tám ở lối xóm nói trước ngày giờ đi, mà ông không đi. Do đồng đạo rầm rộ kéo tới đông quá nên công an đến làm việc để ổn định an ninh.

Rồi ông dặn dò chú Chín về cách thức xây kim tĩnh cho mình...

Chiều lại thấy ông môi lép nhép, biết ông đang niệm Phật nhưng chú Hai vẫn đến gần hỏi ông:

- Ông có niệm Phật không, vậy ba?

- Ba đã nguyện về cõi Cực Lạc rồi. Con thấy cái cây không? Nếu nó nghiêng về hướng tây, khi tróc gốc thì nó phải ngã về hướng đó. Ba cũng vậy, hằng ngày chuyên niệm Phật, đã phát nguyện về Phật, chừng bỏ xác tất nhiên phải về với Phật thôi!

Qua hôm sau (ngày 13), cô Tư từ Sài Gòn về thấy ông còn đi đứng, nói chuyện bình thường, cô mới cần nhàn chú Hai:

- Ông ba... ông mạnh, ông khỏe như vậy mà kêu em về làm gì?

Đã hai tuần nay ông hoàn toàn ngưng ăn nhưng công phu sớm tối ông vẫn duy trì đều đặn.

Sang ngày 14 ông hơi mệt nhiều, con cháu tề tựu đầy đủ, ông nói:

- Ba không có cái gì để lại cho tụi con hết! Thôi các con rán lo tu hiền vậy đó! Rán ăn tương... nhất là thằng Út: mấy đừng có nhậu nữa, mấy chỉ lo tu hiền, lo làm ăn nuôi vợ nuôi con... Rán lo niệm Phật! Pháp môn niệm Phật như con một đục ngang qua cây tre ra ngoài...

Rồi ông dặn tiếp:

- Các con mua hòm cho ba, thì mua loại rẻ thôi, và y phục để lại cho người nghèo...

Đến ngày rằm, ông yếu nhiều, chiều lại lúc 4 giờ ông nhờ người nhà tắm gội cho sạch sẽ. Tắm xong ông kêu chú Hai lại và nói:

- Con lấy cái lược chải đầu cho ba, coi con!

Chải tóc rồi ông cầm cái lược chải râu, bộ râu trắng phau rất dài, rất đẹp, lúc đó đã hơn 4 giờ. Chú Hai đùa với ông:

- Chèn ơi giờ này còn chải râu nữa!

- Vậy chớ, về với Phật là phải trang nghiêm cho đẹp chứ!

Rồi ông bảo đem áo dài khăn đóng đến cho ông mặc vào và đội lên.

Hay tin ông Chín sắp sửa về với Phật bà con lối xóm lũ lượt kéo đến xem đứng ngoài sân rất đông, phần lớn hiếu kỳ, một số thì trong lòng rất hồi hộp lo lắng cho ông. Ông nằm trên tấm nệm, đặt ở nền gạch giữa nhà trước, mặt hướng về ngôi Tam Bảo. Khoảng 4 giờ 30 phút ông kêu con cháu lên nhang đèn, đồng thời vợ dâu con cháu đều lễ Phật. Đúng 5 giờ ông chấp tay đưa lên trán xá Tam Bảo, xá xong, tay phải để xuống, tay trái vẫn để trên ngực. Chú Hai và đồng đạo Tư Mạnh niệm Phật với âm thanh chậm chậm ngân lên hùng hồn, ông cũng niệm theo, vài phút sau ông đưa mắt nhìn mọi người rồi mỉm cười, dứt hơi an tường già từ cõi thế đầy khổ đau phiền muộn! Lúc ấy, 5 giờ 5 phút chiều ngày rằm tháng 7 năm 2008, ông thọ 76 tuổi.

Sáng hôm sau mới nhập liệm, lúc ấy gương mặt ông hồng hào tươi vui, các khớp xương mềm mại, mọi nơi đều lạnh, duy đỉnh đầu còn ấm nóng. Con cháu và đồng tu chứng kiến sự vãng sanh của ông nên nhiều người phát tâm tu hành, nhất là chú Út con trai của ông trước đây nhậu quậy nổi tiếng, thế mà giờ đây trường trai, niệm Phật, lạy Phật rất chuyên cần!

(Thuật theo lời Nguyễn Văn Giàu, con trai thứ Hai của ông.)

66. HUỖNH THỊ NHIỄM (1936 - 2010, 74 tuổi)

Bà Huỳnh Thị Nhiễm sinh năm 1936, cư ngụ tại ấp Phú Hiệp, xã Phú Hữu, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Huỳnh Văn Dân, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Mít. Bà là con út trong gia đình có mười hai chị em.

Năm lên 7 tuổi, cha mẹ qua đời, bà và anh chị được sự bảo bọc, nuôi dưỡng của các cậu, mợ.

Đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Đến, sinh được chín người con nhưng chỉ còn hai trai, năm gái. Gia đình bà sinh sống bằng nghề chuyên chở lúa gạo và mua bán vật liệu xây dựng. Sau đó chuyển sang nghề làm ruộng rẫy.

Tính tình bà hoạt bát, hiền lương, nhân hậu, ưa thích bố thí, giúp người, tích cực tham gia các công tác từ thiện xã hội như: bắc cầu, làm đường...

Bà dùng chay kỳ mỗi tháng mười ngày, và mỗi năm ba tháng. Bà biết đến chùa chiền rất sớm và quy y Tam Bảo tại chùa Hưng Sơn, được pháp danh là Hoa Từ. Nhưng bà chỉ dừng lại ở mức làm lành lánh dữ, cầu mong cho gia đạo bình an, tấn tài tấn lộc, chứ chưa xác định mục đích quan trọng bậc nhất của người con Phật là phải giải thoát sanh tử luân hồi!

Mỗi lần có chuyện buồn là bà niệm Phật, càng nhiều chuyện buồn chừng nào thì bà càng niệm Phật nhiều chừng nấy!

Vào năm 1981, chồng bà mất do bị bệnh phổi, khi đó bà được 45 tuổi. Nỗi khổ sinh ly tử biệt của kiếp người đã giúp bà tỉnh ngộ rõ ràng hơn về chân lý qua lời Cổ Đức cảnh tỉnh:

*“Sân lan trời ngã bóng chiều,
Xa trông phù thế ít nhiều ngán ngơ.
Tranh đời dệt mộng vẫn vợ,
Thân như hòn bọt lững lơ đầu ghềnh.
Cánh bèo sóng vỗ bập bênh,
Tại ai hay cũng gây nên bởi mình?
Hồng trần là kiếp phù sinh,
Thị phi thương ghét trong tình quân quan.
Mà trông chiếc lá lìa cành,
Vinh hư cõi tạm trong vành đó thôi!
Mà trông ngọn nước chảy trôi,
Mệnh mang sáu nẻo biết rồi về đâu?
Đời người nào có bao lâu,
Nắng mưa thôi cũng dãi dầu cỏ hoa!
Lầu sương phủ ánh trắng tà,
Hoàng lương một giấc tỉnh ra ngộ ngang!
Chi bằng về cõi Liên Bang,
Sen khoe sắc ngọc, gió đàn pháp âm.
Trời giải thoát, cảnh thậm thâm
An vui muôn kiếp, tuyệt lầm lỗi xưa.
Chỉ câu niệm Phật đừng thưa,
Chỉ tha thiết nguyện, tin ưa trong lòng.
Đài sen sáng chói hư không,
Nối đầu sinh tử trần hồng tiêu tan!”*

Những năm tháng còn trẻ khỏe, khi mùa vụ đã qua, bà lui tới chùa nhiều hơn và tụng kinh hằng đêm tại nhà. Thật ra bà không biết chữ, do không được đi học, nhưng bà ham xem kinh đọc sách quá nên bà đã học tập thành, dần dần đọc được trôi chảy. Khi gia duyên bận rộn thì bà tu ít lại để lo làm bốn phận trách nhiệm với gia đình.

Bà thường tụng đủ các kinh như: Pháp Hoa, Địa Tạng, Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân... rồi niệm Phật. Và bà cũng thường khuyên nhắc dạy dỗ con cháu cố gắng ăn hiền ở lành, tu phước tích đức, vun bồi nhân thiện!

Mãi đến năm 2008, do một cơ duyên may mắn, người con gái của bà nhân dịp ăn mừng tân gia, trong số tặng phẩm có bộ sách “Khuyên Người Niệm Phật” của cư sĩ Diệu Âm. Bộ sách này đã làm thay đổi hẳn đời tu của bà. Mặc dù sách ấy xuất bản trong những lần đầu tiên chữ nhỏ nhưng bà rất say mê đọc đi đọc lại, càng đọc càng thích thú như người vừa bắt gặp được việc mừng vui vượt ngoài mong đợi!

Từ đó bà hăng hái hơn trong việc tu tạo phước lành để hồi hướng cầu sanh Tây Phương. Bà thường may mũm tặng cho những người nghèo và bệnh viện; may áo tràng đem đến chùa cho các thiện nam tín nữ có điều kiện tu tập được trang nghiêm...

Nông thôn nơi đây vẫn thường dùng những phương tiện kéo xe hoặc cày bừa bằng động vật như trâu, bò. Nhìn việc canh tác đồng ruộng thấy những con trâu kéo

lúa nặng nề mà mình mảy toàn là sinh đất. Cho nên gần đến những đợt thu hoạch bà chuẩn bị mô-tơ bơm nước đặt sẵn, hễ có con trâu nào đi ngang qua nhà là bà chặn lại, bảo con cháu bà tắm rửa giùm cho nó sạch sẽ, mát mẻ, nghỉ ngơi một lát cho khỏe, rồi mới tiếp tục lên đường!

Bà tham dự đầy đủ các ngày thọ bát ở chùa Viên Quang và chùa Kỳ Viên. Sau đó bà đến tham dự khóa niệm Phật ở chùa An Phước.

Nhờ nương theo đại chúng cộng tu và nghe pháp thường xuyên nên sự tu trì của bà tiến bộ nhanh chóng, tâm nguyện vãng sanh của bà rất mạnh mẽ, mỗi khi gặp gỡ bạn đồng tu thân thiết bà đều khích lệ chí nguyện cầu sanh về Tây Phương, nhất tâm nhất ý hướng về Cực Lạc.

Mặc dù tuổi đã ngoài 70, bà vẫn hướng dẫn con cháu tu chung với bà mỗi tối. Hễ cứ chạng vạng thì tề tựu lại đông đủ, bà ngồi ở phía trước, con cháu ngồi phía sau tụng một biến kinh A-di-đà, xong rồi thì cùng nhau niệm Phật.

Thường nhật bà thích niệm theo tiếng của máy niệm Phật, hay là những lúc mưa, bà niệm lớn để cho âm thanh Phật hiệu vang dội hòa nhịp cùng với tiếng mưa ngoài trời, dường như khi ấy bà cảm nghe trong lòng tiêu sái thanh lương, tẩy sạch mọi trần lao phiền muộn!

Những lúc rảnh rỗi bà thường nhắc nhở con cháu cố gắng làm lành lánh dữ, gắng lo niệm Phật cầu về Tịnh Độ, và bà còn dặn dò cận kề chi li về hậu sự của mình trong tương lai. Cách thức hộ niệm, cho đến cách thức

thieu hóa lẫn tuần thất, mỗi mỗi đều rành rẽ như pháp. Nhất là phải nấu chay hoàn toàn trong tang sự cho đến cúng quả hằng năm.

Xưa nay thể trạng của bà tương đối tốt, rất ít đi bệnh viện; nếu vào bệnh viện thì cũng chỉ do cái chân bị nhúc mà thôi. Thường khi bà lạnh bụng chậm tiêu thì mua thuốc Tầu dùng là xong ngay!

Đến ngày 20 - 7 - 2011 là ngày chủ nhật, bà vẫn đi niệm Phật định kỳ ở đạo tràng chùa An Phước như thường lệ. Qua ngày kế, sự sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường như mọi ngày. Đến 7 giờ tối bà nói với chú Bảy:

- Mẹ hình như ăn không tiêu, đâu con đi mua thuốc cho mẹ đi!

Chú liền ra đi. Khi đem về cho bà uống xong gói thuốc thì bà đi nghỉ. Một lát sau chú Bảy sang phòng của bà, lúc đó bà đang nằm trong mùng, chú mới cất tiếng hỏi:

- Mẹ lúc này ra sao rồi, mẹ?

Bà đáp:

- Mẹ đỡ đỡ rồi con ơi!

Chú nghe bà nói như vậy cũng yên tâm liền trở về, lát sau chú thấy căn phòng của bà bật đèn sáng trưng, chú bèn đi qua thấy bà ngồi trên võng. Chú lại hỏi:

- Mẹ bây giờ sao rồi, mẹ?

Bà vừa lấy tay chỉ vào bụng, vừa nói:

- Sao mẹ thấy đau cái này! Mẹ thấy hơi mệt. Đâu con điện cho thằng Út đi mua thuốc cho mẹ coi!

Vì xưa nay mỗi lần bà ăn chậm tiêu đều nhờ chú rể đi mua. Khi chú Bảy điện thoại nhờ em rể Út của mình mua thuốc cho bà rồi, bỗng nghe bà nói thêm:

- Đâu con điện Út Lợi vô đây... rồi điện cho thằng Tài riết lại đây luôn nghe!”

Chú Tài là con trai thứ Chín của bà.

Kế đó bà lên cơn mệt. Chú Bảy điện thoại cho các em xong thì bước lại ngồi bên cạnh bà, bà nói:

- Chắc không xong!

Nói xong, bà khẩn thiết niệm Phật to lên, chú Bảy cũng niệm lớn theo, và lấy tay vuốt vuốt vào ngực của bà. Chú Chín lúc ấy cũng vừa tới hỏi han anh mình vài ba câu rồi cũng ngồi xuống bên cạnh. Bà đang niệm Phật bỗng nhiên ngưng lại đưa mắt nhìn hai chú một lượt rồi dút hơi, hai phút sau đầu gục xuống. Hai chú khiêng bà sang qua giường, khi đó khoảng 10 giờ đêm ngày 21 - 7 - 2010, bà thọ 74 tuổi.

Các con của bà hộ niệm đúng y như lời của bà căn dặn khi còn sanh tiền.

Trải qua mười lăm giờ hộ niệm sau khi bà mất, thì thấy gương mặt của bà hồng hào, sáng đẹp, tươi vui, các

xương khớp thì mềm mại. Các nơi trên thân đều lạnh duy có đỉnh đầu còn ấm. Khi nhập liệm xong thì hộ niệm tiếp đến ngày 24 mới đưa linh cữu đi hỏa táng. Sau đó thu nhặt được mười bảy viên xá lợi, màu đỏ, màu huyền và màu trắng trong!

(Thuật theo lời Nguyễn Văn Đủ và Nguyễn Thị Lợi, các con của bà.)

67. DƯƠNG VĂN HẠNH (1974 - 2009, 35 tuổi)

*Nợ nần đã thiếu, đương nhiên trả,
Nhưng phải lượng đo sức của mình!
Nguyện Phật ban ân: Dừng lại nghiệp,
Không cầu trả dứt: Thật cao minh!
Nguyên đạo Tây phương đạo đức thành,
Quay lại Ta-bà độ chúng sanh.
Cứu độ chúng sanh là trả nợ,
Nợ trả cách này, trả mới nhanh!*

Anh Dương Văn Hạnh sinh 1974, cư ngụ tại ấp Hòa Lợi, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Thân phụ là ông Dương Văn Đức, thân mẫu là bà Võ Thị Nhan. Anh là anh Hai trong gia đình có bốn người em.

Thuở lên 8 tuổi, thấy cha dùng trường trai, anh xin cha ăn chay theo. Nhưng chỉ được ba, bốn năm, do vì

cuộc sống cha anh phải làm thêm nghề chài lưới, săn bắt chim, chuột, ếch, nhái... để nuôi gia đình, nên cha ngừng trường trai thì anh cũng trở đũa.

Anh có bản tính hiếu thuận, hiền hoà, rộng rãi và vui vẻ cởi mở. Khi 18 tuổi, anh phát tâm trường trai trở lại, sáng chiều lễ nguyện, sau lễ bái thì ngồi niệm Phật hơn một giờ đồng hồ, và thường xuyên ngâm nga đọc, học sám kinh.

Năm 19 tuổi, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Mai, sinh được hai trai một gái. Lúc này, cha anh có cho hai công ruộng, nhưng làm giùm anh luôn. Hằng ngày anh đạp xe theo lối xóm để bơm ga hột quẹt và may giày dép cũ. Trên xe có nguyên một gian hàng, nào là: quần, áo, giày, dép... để bán. Đặc biệt là đối với các cụ già thì anh không lấy tiền, và không sợ mua thiếu dù người đó là ai, có trả hay không cũng chẳng màng. Do đó hầu hết mọi người yêu thương quý mến anh.

Anh rất nhiệt tình tham gia các công tác phúc lợi xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ...

Khoảng năm 2004, những ngày niệm Phật định kỳ và học Phật pháp tại tịnh thất của cô Mai và cô Bích, anh dắt hết vợ con đến tham dự đều đặn, mặc dù gia duyên bận buộc nhưng anh vẫn tích cực tu học, nên mỗi lần thi trắc nghiệm tổng kết cuối năm anh đều nhận phần quà xuất sắc. Chẳng những thế, anh còn dành dụm tiền mua máy sang băng giảng Phật pháp để tặng cho những người hữu duyên.

Cuối năm 2008 anh thường đi cầu ra máu, nên cứ ngỡ là bị bệnh trĩ, bèn đi bác sĩ chuyên khoa để điều trị, nhưng bệnh cứ dây dưa ngày một trầm trọng. Đầu năm 2009 đến Bệnh Viện Đại Học Y Dược, được biết là khối u đại tràng ác tính. Kế đó chuyển sang Bệnh Viện Tân Bình để phẫu thuật. Khi giải phẫu bác sĩ mới phát hiện ung thư đã di căn lên gan, đồng thời tiên lượng mạng sống của bệnh nhân chỉ còn sáu tháng mà thôi.

Sau đó anh xuất viện về nhà là cuối tháng 2 năm 2009. Vì sợ anh bị “sốc” về mặt tinh thần nên vợ và em gái thứ Ba không cho anh biết sự thật về bệnh tình của anh.

Về nhà anh uống thuốc Nam một thời gian, sức khỏe hồi phục khả quan: ăn uống, ngủ nghỉ rất tốt, đi đứng sinh hoạt nghe trong người rất khỏe. Anh luôn tự tin rằng bệnh trạng của mình sẽ khỏi hẳn trong một ngày đẹp trời gần đây! Khi thuốc hết, do nóng lòng muốn nhanh lành ra phải chờ thầy thuốc đến, anh phóng lên xe đi hốt thuốc, vợ anh ngăn lại nhưng anh không chịu nghe theo. Do vết mổ chưa lành mà lại vận động quá mạnh, quá nhiều nên bị tổn thương. Từ đó uống thuốc không có hiệu quả gì nữa, ăn vào thức ăn không tiêu hoá, bụng dần to lên, cơ bắp teo lại, những cơn đau nhức, nóng bức ngày một nhiều. Nhất là khi biết được ung thư đã di căn và mạng sống của mình còn không quá sáu tháng thì tinh thần anh bị suy sụp rõ rệt. Nhờ thân quyến và đồng

đạo đã trấn an và khuyên bảo nên buông xả muôn duyên nhất tâm niệm Phật để cầu sanh về Thế giới Cực Lạc. Có lần, cha anh nói với anh rằng:

- Con rán niệm Phật để vãng sanh đi! Còn tiền bạc, nợ nần gì... thì để Ba tính cho!

Mặt khác các bạn đồng tu cũng thường ghé thăm an ủi, khai thị, nung đúc tinh thần, lần hồi nghị lực được khôi phục, nỗi lo âu tan biến dần. Anh ý thức rõ ràng rằng vấn đề to lớn quan trọng bậc nhất của mình cần phải thực hiện ngay trong lúc này là: gấp rút thành tâm niệm Phật để về với Phật A-di-đà! Vì xác thân tứ đại sắp sửa mục nát hư hoại. Ngoài ra không còn có vấn đề to lớn quan trọng nào nữa cả! Do đó anh đã hạ quyết tâm đồng mãnh chấp trì câu Lục Tự Vạn Đức Hồng Danh. Anh căn dặn người nhà: nếu có ai tới thăm thì nói anh ngủ, để sự niệm Phật không bị gián đoạn.

Hơn một tháng trước khi mất, bệnh hoành hành anh dữ dội bằng những cơn ngạt mình và nóng bức khó kham nhẫn. Tuy vậy, vẫn chưa hề thấy anh có một thái độ, cử chỉ nào biểu lộ sự bức tức buồn phiền hay một lời than oán trách hờn nào cả. Khi thấy thể lực của anh cạn kiệt nhanh chóng, chư đồng đạo đề nghị đưa anh về nhà cha mẹ ruột cho thuận tiện để hộ niệm, anh đồng ý. Các em của anh và chư đồng đạo thay phiên chăm sóc và trợ niệm cho anh suốt cả ngày đêm.

Cơ thể của anh luôn có cảm giác nóng như lửa nung,

phải nhờ người dìu vào bồn nhựa và bơm nước vào đầy để tắm, một ngày đêm có khi đến mười sáu lần. Anh thường nói đây là quả báo lúc trước anh đã thiêu đốt chúng sanh. Mỗi lần bắt ếch nhái làm thịt thì anh dùng tro than rải lên trước rồi mới cắt cổ lột da. Anh đã thành tâm sám hối đồng thời nhờ mọi người cầu nguyện xin các oán thân trái chủ hóa giải oan kết, thân quyến cũng nhiều lần mua vật mạng phóng sanh để hồi hướng cho anh:

*“Giống đã gieo không gọi cũng lên;
Nghệp tạo rồi tuy đã bỏ quên,
Đúng giờ khắc tự nhiên nó đến.
Nghệp lực rất mạnh vô bờ bến,
Ngàn muôn năm cũng chẳng mất đâu;
Giống nghiệp càng châm gốc rễ sâu,
Càng nảy nở dài lâu khó nhổ.
Nghệp càng lắm càng nhiều đau khổ,
Vay cho nhiều phải trả lời nhiều;
Nợ hồng trần chẳng lúc nào tiêu,
Dây oan trái cứ đeo buộc mãi.
Năm tháng vẩn vít trong khổ hải,
Kiếp đời lẫn lộn mãi sông mê;
Đường Tây Phương bất lối trở về,
Nẻo địa ngục vào ra mòn gót.
Chịu hành phạt đã không còn sót;
Cửa luân hồi chưa vượt khỏi qua;
Nghệp trần còn đành phải sanh ra.”*

Cuộc hộ niệm được khởi đầu vào khoảng rằm tháng 6 và kết thúc vào ngày 28 tháng 6 năm 2009. Cũng trong

thời gian này, anh hoàn toàn ngưng ăn 16 ngày. Ai cũng công nhận rằng gần nửa tháng trời anh không hề ngủ. Anh nằm chấp tay miệng niệm Phật theo đại chúng, có khi thì chỉ nhép môi, có khi thì nhắm mắt lặng im. Khi thấy anh nhắm mắt lặng im giây lâu, mọi người đều ngỡ anh đã thiếp ngủ, liền niệm câu Phật hiệu nhanh một tí, ngay tức thời anh đưa tay ra dấu phải niệm chậm lại, niệm nhất gừng từng tiếng, từng tiếng một để anh nương theo, chứ nhanh quá anh niệm theo không kịp. Bao nhiêu lần kiểm tra dò thử thì bấy nhiêu lần như thế cả, ban ngày lẫn ban đêm cũng đều như vậy, bất cứ lúc nào hễ vừa niệm hơi nhanh là anh đưa tay ra dấu phải dừng lại.

Bên cạnh đó, nỗi niềm lo lắng về nợ nần, mảnh đời tương lai của mấy đứa con thơ... cứ trào dâng; cơn đau đốn, nóng bức ráo riết hoành hành mãnh liệt, trong khi thể xác cạn kiệt nhanh dần. Tâm hồn anh lúc này như một bãi chiến trường mà phần thắng bại vẫn chưa hề ngã ngũ. Nhờ nền móng nhân đạo anh xây đắp tương đối kiên cố, hoàn chỉnh nên duyên trợ niệm thù thắng đã đến với anh, anh được thân nhân và chư đồng đạo hết mình ủng hộ, đã liên tục an ủi, khuyến tấn, khai thị... Do vậy mà anh dần dần tỉnh táo, sáng suốt, lấy lại nghị lực, phục hồi niềm tin và chí nguyện cầu sanh Tây Phương khẩn thiết.

Vì cơn đau đốn bức bách dữ dội, nên trước khi mất một ngày, vào lúc 9 giờ sáng anh đã nhờ thân quyến và

chư đồng đạo thấp hương cầu nguyện cho anh: “Xin Đức Phật từ bi gia hộ cho con được dừng nghiệp, để con thành tâm niệm Phật, chừng đắc đạo con sẽ trở lại cứu độ hết những chúng sinh mà con đã sát hại!”

Bởi vì từ trước tới giờ đối trước ngôi Tam Bảo anh luôn nguyện trả nghiệp cho hết một kiếp này. Chính vì vậy mà đau đớn quá anh niệm Phật không được thành tâm nên khó vãng sanh.

Kể từ khi anh thành tâm nguyện “dừng nghiệp” thay thế cho nguyện “trả hết nghiệp” thì cơn đau nhức giảm bớt rõ rệt, tâm hồn trở nên an định hơn.

Tờ mờ sáng ngày 28, cha anh chuẩn bị đi dự đám tang của ông sui, anh đã bảo với cô Ba rằng:

- Em nên đi với ba, đi em! Để em ghé chợ mua bông hoa... Chớ ba là đàn ông không chu đáo mấy việc đó đâu!

Sau đó anh chấp tay niệm Phật lớn theo tiếng trợ niệm, rồi từ từ niệm nhỏ dần, đến 9 giờ 30 phút môi đang nhép hết chữ Phật thì ngừng lại và đồng thời trút hơi thở cuối cùng. Lúc ấy nhằm ngày 28 tháng 6 năm 2009. Anh hưởng dương 35 tuổi.

Qua tám giờ sau thì thấy các khớp xương mềm mại, gương mặt tươi tỉnh, các nơi đều lạnh duy có đỉnh đầu còn ấm. Quả thật anh đã không cô phụ bao trái tim thương yêu kỳ vọng của tất cả mọi người!

- Sau thời gian anh bỏ xác, có cô Tám Biển ở xã Hòa Lạc nằm chiêm bao thấy anh đến thăm và nói: “Tôi đã bỏ xác được vãng sanh về Phật rồi!” Sáng lại, cô Tám điện thoại lên nhà hỏi thăm, bệnh anh có bớt không, thì ra mới biết anh đã mất hơn một tuần lễ rồi.

- Sáng ngày mừng 10 tháng 7 năm 2009, cô Ba Kiều là em ruột của anh đến lấy huệ để cắm bông làm tuần thất thứ hai cho anh, cô gặp cô Bé Sáu ở xã Mỹ Đức, cô Bé Sáu nói: Hồi đêm hôm tôi ngủ thấy anh Hai Hạnh về mặc nguyên bộ đồ bà ba, tôi biết anh đã chết trong bụng tôi rất sợ, nhưng anh Hai vui vẻ kêu tôi nói: “Bé Sáu ơi! Anh đã được vãng sanh về Phật rồi!” Anh kêu tôi và nói như vậy ba lần.

(Thuật theo lời Dương Văn Đức - Võ Thị Nhan - Nguyễn Thị Mai, cha, mẹ, vợ và cô Ba Kiều em gái của anh.)

68. NGUYỄN THỊ TRỊ (1924 - 2004, 80 tuổi)

Bà là một người bình thường, vóc dáng thon nhỏ, lưng hơi khòm, chân thấp chân cao, đi đứng chậm chạp, ăn mặc giản dị.

Đạo tràng của bà là một cái chòi lá không có cửa, căng một sợi dây, vắt ngang cái áo tràng giả làm tấm chắn cho trẻ không chạy vào đùa giỡn. Hai tư thế: ngồi niệm Phật và đi kinh hành tay lần chuỗi cứ thay phiên nhau. Hễ đủ số là bà ngồi nhai trầu nghỉ giải lao...

Thế mà bà vãng sanh còn lưu lại xá lợi!

Bà Nguyễn Thị Trị sinh năm 1924, cư ngụ phường Cái Khế, khu vực 5, hẻm 114, đường Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Đến tuổi trưởng thành bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Kỹ, khi đứa con trai đầu lòng chào đời chưa bao lâu thì ông chồng mất, bà thủ tiết nuôi con.

Vóc dáng bà thấp nhỏ, lưng hơi khòm, chân thấp chân cao vì bị té gãy từ lâu, thế nên bà đi đứng chậm chạp. Bà có đức tính thuần hậu, miệng thường nhai trầu đỏ chót. Bà không biết chữ lại lẳng tai. Bà ít nói, trang phục bình dị, ăn uống đạm bạc không khen chê ngon dở. Duy có món trầu thì con cháu phải có cho bà mỗi ngày.

Bà biết chút ít thuốc gia truyền nên hay làm thuốc cứu giúp chữa trị cho những người bị bệnh: quai bị, đau cổ, dòi ăn, ung nhọt... Hơn 10 năm trước khi mất, bà được

Phật tử Minh Chất và Diệu Nguyệt hướng dẫn cho bà mến đạo, và dần dà khuyến khích bà quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới, được Hòa thượng Chơn Đức chùa Hội Linh đặt pháp danh là Diệu Thanh. Từ đó bà phát tâm ăn chay trường, giữ giới tinh nghiêm. Bà lại được Hòa thượng Thiện Cung và thầy Đức Toàn khuyến tấn pháp môn Tịnh Độ, và bà thường theo Minh Chất đi hộ niệm cầu an cho các bệnh nhân và cầu siêu cho các đám tang. Dù trời có mưa gió hay lụt lội cũng không thiếu vắng bà. Nhờ duyên lành này mà bà nỗ lực tu tạo phước đức, và khi chứng kiến cảnh kẻ già từ trần thế ra đi về cõi vĩnh hằng đã để lại bao nỗi sầu thương tuôn theo dòng lệ, bỗng chợt nghĩ đến thân phận mình, bà tỉnh ngộ được phần nào về lời khai thị của chư Tôn Đức:

*“Người mê đắm đuổi tiên tài,
Đến khi dứt thở hình hài ra tro.
Còn kẻ trí toan lo xét kỹ,
Cái thân này có tí nào vui.
Trải qua một cuộc tối lui,
Lưng còm gối mỏi rồi chui vào hòm!
Để mắt ngó gò hoang nghĩa địa,
Cỏ xanh rì mai mả người đời!
Giàu nghèo tuy khác hiện thời,
Mãn phần rồi cũng về nơi chốn này!
Kẻ sang với ăn mày hèn hạ,
Cuối cuộc đời mô mả chung đây!
Người già, trẻ, kẻ dở, hay,
Cũng đồng gởi xác ra ngoài bãi hoang!”*

*Kìa phụ nữ, nọ chàng nam tử,
Lúc chung qui đều ngự cỏ xanh!
Kẻ xấu xí, người đẹp xinh,
Hồn lìa khỏi xác, gửi mình hang sâu.
Kẻ vương bá công hầu tể tướng;
Lâm trận đồ cũng mượn gò ni!
Ai ơi, nghĩ kỹ sâu bi!
Cái thân không thiệt, hồn đi nơi nào?
Sực tỉnh lại mau mau tu tập,
Ác rần chữa, vun đắp thiện căn!
Hôm mai giới luật ân cần,
Chuyên câu niệm Phật, ngự thân sen vàng!”*

Bà chung sống với gia đình người con trai là Phật tử Thiện Đạo và cô con dâu pháp danh Diệu Dung, cùng bốn đứa cháu nội. Mặc dù nhà cửa khá giả khang trang, nhưng từ ngày quy y thọ giới rồi, bà bảo con cất cho bà một cái chòi lá trong sân, chỉ cách đường đi một hàng rào bông bụt. Chòi lá không có cửa, trong đó kê một chiếc giường cũ kỹ, một cái tủ nhỏ cũ mèm đựng hai ba bộ quần áo. Trên đầu giường là tượng đức Phật A-di-đà tiếp dẫn. Đạo tràng lý tưởng của bà là căng một sợi dây, vắt ngang cái áo tràng giả làm tấm chắn cho trẻ không chạy vào đùa giỡn.

Công khóa thường nhật của bà bắt đầu từ 4 giờ khuya, niệm Phật đến 6 giờ sáng. Điểm tâm xong bà ngồi nhai trầu, lát sau thì đi kinh hành xung quanh sân nhà, đến trưa dùng cơm. Hai tư thế ngồi niệm Phật và đi kinh

hành tay lần chuỗi cứ luân phiên nhau, hễ đủ số là bà ngồi nhai trầu nghỉ giải lao. Ai đau bệnh nhờ điều trị thì bà ngưng tu để trị bệnh. Sáu đến tám giờ tối bà đến nhà Phật tử Minh Chất ở gần bên để cộng tu với các bạn đạo, tụng một biến kinh A-di-đà và niệm Phật hồi hướng xong rồi thì bà về chòi lá. Do không biết chữ nên ai tụng kinh thì tụng, còn bà thì cứ ngồi niệm Phật vậy thôi. Bà thường niệm cao thanh, tay thì lần chuỗi, phong thái rất ung dung, giọng điệu rất thanh thoát. Vì chòi lá cạnh đường hẻm nên mọi người đi qua đi lại đều nghe tiếng bà niệm “Nam Mô A-di-đà Phật ” rõ ràng, chậm rãi nối nhau không dứt, mặc cho xe chạy, trẻ con đùa la, người nói ồn ào. Bà đếm xâu chuỗi bằng hột me, cứ 500 hột thì bà ngồi nghỉ và nhai trầu. Thỉnh thoảng khách bộ hành thì thăm với nhau: “Chèn ơi! Bà cụ siêng niệm Phật quá!” Hay là: “Chèn ơi bà cụ niệm Phật tốt quá!”

Đôi lúc các cháu có mời bà vào nhà xem tivi. Bà nói:

- Thôi! Để tao niệm Phật!

Ban đêm bà cũng ngủ trong chòi lá, bà nói như vậy cho được yên tĩnh. Lúc ngủ con cháu cũng thấy bà nhép miệng niệm Phật cho đến khi ngủ quên. Thỉnh thoảng bà cũng thường ôm cháu nội hay những đứa bé lối xóm vào lòng mà khuyen:

- Con rán niệm Phật nhen con!

Hoặc là:

- Con rán hiền lành, đừng hung dữ nhen con!

Tháng giêng năm 2004, sức khỏe kém dần, xác thân cụ bà cũng không tránh khỏi luật vô thường chi phối, có sanh ắt có diệt. Bệnh khổ lại đến! Chân yếu đi không được, bệnh cao huyết áp hành hạ bà.

Ngày 22 tháng 1 năm 2004, tinh thần bà vẫn tỉnh táo, ăn rất ít, chủ yếu là uống nước súp, tiếng nói đã trở nên khó nghe. Cô Diệu Dung luôn ở bên cạnh mẹ chồng trợ niệm và nhắc nhở cho bà đừng quên niệm Phật. Sau đó gia đình lại đưa bà qua Bệnh viện 30 Tháng 4 năm 6 ngày để ổn định huyết áp, xong lại về và đưa bà vào nhà lớn để dễ dàng chăm sóc. Từ đó đến khi mất trọn một tuần lễ, đêm nào Phật tử Minh Chất cũng hướng dẫn các bạn đạo đến cộng tu với bà, luôn khai thị nhắc nhở bà nên cố gắng trì niệm trong giờ phút cuối cùng này. Bà thường lặp đi lặp lại một câu gọn lỏn: “Nam Mô A-di-đà Phật. Phật ơi rước con!” Mặc dù âm thanh hơi khó nghe. Tay bà luôn nắm chặt tượng Phật A-di-đà đem từ chòi lá vào.

Đến sáng ngày mùng 6 tháng 2 năm 2004, gia đình mua bông trái và thỉnh thầy Đức Toàn cùng đoàn hộ niệm đến niệm Phật cho bà suốt ngày. Lúc nào bà cũng để tay lên ngực và nhép miệng niệm Phật theo mọi người.

Hơn 6 giờ chiều, Diệu Dung thấy hơi thở của bà lạt nên bảo con cho cô Diệu Nguyệt hay. Diệu Nguyệt xách áo tràng chạy qua thì thấy Diệu Dung đang thay áo thọ cho bà. Bà nhìn Diệu Nguyệt khẽ gật đầu, thở hơi lên hai ba cái rồi từ từ nhắm mắt ra đi... một cách nhẹ nhàng an nhiên. Bà hưởng thọ 80 tuổi.

Tiếng trợ niệm thanh thoát của các Phật tử suốt tám tiếng đồng hồ mới dò khám thân, mặt mày bà hồng hào, môi đỏ, các khớp xương mềm mại, toàn thân lạnh duy đỉnh đầu còn ấm nóng. Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì mãi cho đến sáng ngày hôm sau.

Ngày mừng 8 tháng 2 năm 2004, linh cữu của bà được đưa vào lò thiêu của nghĩa trang Mỹ Khánh để hỏa táng, vừa châm lửa có một vị nhìn qua lỗ phát hỏa thấy ngọn lửa thay vì phà tỏa ra như bao nhiêu lần trước, trái lại nó thẳng vút lên cao. Thật là một điều kỳ lạ!

Sáng ngày mừng 9 tháng 2, ông Từ Quản trang đã kéo máng ra để cho nguội sẵn. Diệu Dung thấy cái lò bên kia (nghĩa trang có hai lò) một máng vun chùn xương cốt, tro tàn đen thui. Còn máng của bà cụ thì gom gọn rất ít, xương trắng phau, nằm khời, không thấy tro bụi, sạch trơn. Cô còn hỏi ông Quản trang xem có lộn không. Ông bảo không bao giờ lộn, vì đây là lò thiêu bà lão có râu chuối (hình bà mặc áo tràng có đeo râu chuối) ở phường Cái Khế vào hồi lúc 4 giờ chiều ngày hôm qua. Diệu Dung vừa gấp xương vào hũ vừa nói:

- Để xem có xá-lợi không?

Thật ra cô chưa từng thấy xá-lợi, cô chỉ nghe nên nói chơi vậy thôi. Ông Từ nghe thế liền cười, nói:

- Tôi thiêu ở đây biết bao nhiêu người rồi, làm gì có. Cô lấy bao nhiêu bỏ hũ thì lấy, còn lại đem thả sông hoặc để tôi giải quyết cho!

Vừa lúc đó Minh Chất và Diệu Nguyệt vào tới. Diệu Nguyệt lấy đĩa bói dưới đồng tro phần đầu thấy hai chiếc răng trắng, một viên tròn đen như hột tiêu, cứng như sắt. Cô vội đem ra ngoài sáng thì thấy chiếu sáng lấp lánh như kim tuyến. Cô vui mừng nói:

- Đây nè thím Út!... Có xá-lợi!

Thế là mọi người phấn khởi lấy đĩa khêu khêu tìm kiếm. Nội phần đầu lượm được gần 40 viên xá-lợi lấp lánh sáng và khoảng 10 cái răng. Ông quản trang nói:

- Tôi mới thấy lần đầu tiên, bà cụ có phước quá!

Và ông xin một hột lớn nhất để dành cho mọi người ở nghĩa trang Mỹ Khánh xem; Còn lại, Thiện Đạo và Diệu Dung bỏ vào hũ. Diệu Dung nói:

- Thôi bấy nhiêu cũng đủ vui mừng quá rồi!

Hiện nay, xá-lợi của bà để trên bàn thờ cho mọi người chiêm ngưỡng. Các Phật tử có đến quay phim và chụp hình.

Cụ bà là một Phật tử thuần thành, không biết chữ, bệnh tật, già yếu, nhưng nhờ vào lòng thành kính Tam Bảo, tin sâu, nguyện thiết, hành trì niệm Phật kiên cố mà ra đi nhẹ nhàng, hỏa táng còn lưu Xá-lợi, thật là một gương sáng để chúng ta noi theo!

(Thuật theo lời Phật tử Minh Chất, Diệu Nguyệt và Diệu Dung.)

69. NGUYỄN THỊ CHÍN (1926 - 1992, 66 tuổi)

Bà Nguyễn Thị Chín sinh năm 1926, cư ngụ tại: 18/8 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu vực 5, hẻm 114, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ. Song thân là cụ ông Đoàn Văn Thông và cụ bà Võ Thị Vạn. Bà là con thứ chín trong gia đình có chín anh em.

Khi trưởng thành bà kết hôn với ông Sơn Sanh (người gốc Khơ-me), sinh được bốn người con, gia đình sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình bà thật thà, chơn chất và vui vẻ, miệng hay nhai trầu nên bà con lối xóm thường gọi bà là bà Chín Trầu.

Thấy bà tuổi gần 60, cháu của bà là liên hữu Minh Chất khuyên bà nên quy y Tam Bảo. Bà trả lời:

- Còn bận gia đình quá hà, con ơi!

Tháng 9 năm 1990 người chồng đột nhiên lên cơn cao huyết áp rồi từ trần. Từ đó, mặc dù có buồn khổ nhưng nhờ vậy mà bà đã giác ngộ ra lẽ thật của cuộc đời: có sanh thì phải có tử; có hội ngộ ắt phải có giây phút chia ly mà từ ngàn xưa cho đến hôm nay vẫn y nguyên như thế:

*“Con người sống trong thời hiện tại,
Mặc dù là thông thái văn minh;
Nhưng vẫn còn trong cảnh tử sinh,
Theo định luật hữu hình tất hoại.*

Người vẫn bệnh vẫn già chết mãi,
Vật có sanh đều hoại đều tàn;
Khổ não còn đầy giữa thế gian,
Thân người rốt cuộc hoàn tro bụi.
Sự vật thấy chế nhiều thứ mới,
Già chết xem còn cũ như xưa;
Sức lên trời xuống biển có thừa,
Nhưng thiếu sức ngăn ngừa thân chết.
Giàu sang bỏ xác rồi cũng hết,
Nghèo hèn hơi thở dứt cũng thôi;
Hỏi cái chi là của người đời?
Trả lời chẳng có gì tất cả.
Chỉ một cuộc lữ hành xứ lạ,
Về rồi thôi không thể mang theo;
Đời khác chi là cảnh bọt bèo,
Không thể tránh khỏi ngày tan rã.
Thật là kiếp con người tạm giả,
Thế gian là mớ mả của người;
Kể từ khi mới có đất trời,
Kéo dài đến cõi đời hiện tại.”

Minh Chất lại khuyên:

- Dì Chín ơi! Dì già lắm rồi! Dượng Chín đã mất, bây giờ rảnh rang, con đưa dì quy y, ghen dì?

Bà đồng ý, Minh Chất liền đưa bà đến Niệm Phật Đường Quang Đức, quy y thọ giới với Hòa Thượng Thích Bửu Lai, được pháp danh là Diệu Thơ. Kể từ đó bà tinh tấn niệm Phật, mỗi tháng đi chùa sám hối hai lần.

Bà thường theo Minh Chất và các bạn đồng tu đi hộ niệm, cầu an cho các bệnh nhân, cùng cầu siêu cho các đám tang. Mỗi tối, có khi bà ở nhà niệm Phật; có khi bà đến nhà của Minh Chất để cộng tu với các bạn đạo, do không biết chữ nên ai tụng kinh thì tụng, riêng bà thì cứ ngồi niệm Phật vậy thôi.

Đầu năm 1992 bà bị đau bụng, đưa qua Bệnh Viện 30 Tháng 4, bác sĩ chẩn đoán là ung thư gan giai đoạn cuối nên đành bó tay. Ở đây được một tuần, thấy không thuyên giảm, gia đình liền đưa bà về nhà uống thuốc Nam. Qua hai mươi mấy ngày uống thuốc, sức khoẻ hồi phục khả quan, bà đi chùa được, nên mọi người ai cũng rất phấn khởi, vui vẻ chúc mừng cho bà.

Sau đó bệnh lại tái phát, bụng to dần lên, hành hạ bà đau đớn dữ dội, nhưng có điều đặc biệt là không hề nghe bà rên than, càng đau bà càng niệm Phật khẩn thiết thêm hơn.

Trước khi mất vài ngày bà kể rằng, bà đã nằm mộng thấy Đức Phật dẫn một đoàn Phật tử đi rất đông, bà đi riết theo mà không kịp. Rồi bà gọi con cháu lại dặn dò phải cố gắng lo tu hành, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Bà có người con rể thường hay nhậu nhẹt quậy lắm, trước kia bà rất ghét, lúc ấy bà cũng tha thứ cho chú. Còn thiếu nợ ai bà sai con cháu đi trả, và mua vật phóng sanh.

Đến 4 giờ chiều ngày 22 tháng 2, bà bảo người con trai thứ Hai ra chợ mua hoa quả, đồng thời xuống rước Thầy Đức Toàn “Lên hộ niệm lẹ lẹ để không kịp!”

Bà còn bảo người con gái thứ Ba sang mời Minh Chất và các bạn đồng tu đến để hộ niệm cho bà luôn.

Khi hay tin, Minh Chất và chư đồng đạo liền kéo đến, bà đang nằm trên chiếc ghế dựa, mọi người đứng vây quanh, thấy có nhiều bộ đồ chuẩn bị mang theo cho bà, nên Minh Chất đề nghị với bà chỉ đem theo vài bộ thôi, còn bao nhiêu nên phát tâm cho những người nghèo. Bà trả lời:

- Để tao suy nghĩ một lát!

Thế rồi bà yên lặng một chút rồi nói:

- Được, di giao hết cho con đó, đem mà bố thí cho người nghèo đi con!

Hơi thở bà yếu dần... Minh Chất khai thị và mọi người đồng hộ niệm. Chốc lát sau, bà niệm “Nam Mô A-di-đà Phật” ba tiếng thật lớn rồi ra đi. Nhằm ngày 22 tháng 2 năm 1992, bà hưởng thọ 66 tuổi.

Qua tám tiếng đồng hồ hộ niệm, khi thăm khám thi thể thì thấy: tay chân mềm dịu, gương mặt hồng hào rạng rỡ tươi vui, toàn thân đều lạnh chỉ có đỉnh đầu ấm nóng. Sau đó vẫn tiếp tục niệm Phật cho đến ngày hôm sau mới lo việc hậu sự.

(Thuật theo lời cô Sơn Thị Cương Pháp danh Diệu Chiếu, con gái của bà, và Phật tử Minh Chất.)

70. CHIÊU VĂN TRIỆU (1918 - 1997, 79 tuổi)

*Thương người mến vật, thật thà niệm Phật! Mọi thứ đều
buông, thương - ghét vui - buồn tiêu tan sạch mất!*

*Nghiep khảo chẳng màng, lòng luôn bình an! Chọn ngày
về xứ, khổ đau sanh tử bỏ lại trần gian!*

Ông Chiêu Văn Triệu sinh năm 1918, cư ngụ tại ấp Phú Trung, xã Phú Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Chiêu Văn Tám, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Biền. Ông là con thứ ba trong gia đình có năm anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Phạm Thị Thuần, sinh được bốn trai, hai gái. Gia đình ông sống bằng nghề ruộng rẫy.

Tính tình của ông vui vẻ, hiền lành, thương yêu anh em, hòa đồng với làng xóm, ông rất rộng rãi nhân từ hay giúp đỡ mọi người chung quanh.

Ông quy y Tam Bảo rất sớm, mỗi tháng ăn chay bốn ngày. Mặc dù gia duyên bận buộc nhưng thời khoá công phu lễ niệm sớm tối của ông luôn duy trì đều đặn.

Năm 1956 (38 tuổi) hai ông bà phát tâm trường trai, cô con gái Út cũng phát tâm theo cha.

Năm 1972, lúc đang làm ruộng trong Kênh Mười, bà 'bạn đường' bị bệnh thổ tả, khi chuyển về vừa tới nhà thì bà qua đời!

Năm 1975, tám, chín mẩu ruộng ông đang canh tác phải nhường lại cho các hộ dân nghèo. Qua năm sau (tức năm 1976) ông bị tai biến mạch máu não nên liệt nửa người. Các con đã đưa ông đi chữa trị rất nhiều nơi, mất trọn một năm trời mà bệnh tình chỉ hồi phục đôi ba phần. Sau cùng gia đình đưa ông trở về nhà an dưỡng cho đến khi mãn phần. Vì con của ông là y sỹ nên đã mua thuốc Tây hoặc thuốc Bắc về nhà để điều trị cho ông, đôi lúc cũng có dùng thuốc Nam trong những khi cần thiết.

Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà ông phải nếm trải quá nhiều nỗi bi thương, sầu khổ dập dồn, nên cảm nhận sâu sắc qua đoạn khai thị:

*“Vạn vật dưới bóng trời mọc lặn,
Có vật nào mà đặng thật lâu.
Bị tiêu mòn hoặc sớm hoặc lâu,
Không có một vật nào tồn tại.
Phải tìm chỗ trường sanh bất hoại,
Chớ ngồi đây chịu mãi tử sanh.
Kiếp người đầy giả dối hôi tanh,
Xem như thật mà không phải thật.
Xác thân của người còn phải mất,
Thì trong đời có vật nào còn.
Biết vật chi rồi cũng tiêu mòn,
Cứ đeo đắm là không sáng suốt.
Nên mở hết sự đời trói buộc,
Để làm cho rảnh kiếp vô thường.
Sống lâu dài như Phật Tây Phương,
Thân ấy mới là thân chơn thật.*

*Thân hiện tại có ngày phải mất,
Bởi nó là giả chất cấu thành.
Đâu bằng thân sen báu thai sanh,
Vô số kiếp thơm lành bên bử.”*

Cũng từ đó ông buông bỏ tất cả chuyện đời, chuyên tâm niệm Phật một lòng tha thiết nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Các bạn đạo cũng thường xuyên ghé thăm, khuyên tấn về pháp môn Tịnh độ. Ngoài những lúc công phu trì niệm ra, ông cũng thường xem các kinh: Pháp Bảo Đàn, Hiền Ngu, Lăng Nghiêm... đặc biệt ông tâm đắc hạnh nhẫn qua các câu như:

*“Ai chửi mắng thì ta giả điếc,
Đợi cho người hết giận ta khuyên.
Chữ nhẫn hòa, ta để đầu tiên,
Thì đâu có mang câu thù oán.
Việc hung ác hễ vừa thấp thoáng,
Chữ từ bi ta diệt nó liền.
Sự oán thù đáp lại chữ hiền,
Thì thù oán tiêu tan mất hết.”*

Mỗi khi gặp gỡ con cháu, ông thường khuyên chúng nên cố gắng làm lành lánh dữ, phải rán nhẫn nhịn, tu hiền... rồi dùng chay lạt, niệm Phật, cầu vãng sanh Tây Phương!

Vào ngày rằm tháng 9 năm 1997, bệnh của ông trở nặng, ông hôn mê, tiểu tiện không còn tự chủ và không còn hay biết gì nữa hết, cô Út vô cùng kinh hãi, mỗi sáng đi chợ bán tương, cô gom hết tiền mua vật mạng phóng sanh, hồi hướng cho ông. Liên tục suốt ba hôm thì sức khỏe của ông hồi phục và tỉnh táo bình thường lại.

Đến ngày 19 tháng 9 năm 1997, ông nói với cô Út:

- Bữa nay con dọn cơm dưới nhà bếp, rồi dìu ba xuống ăn chung với con một bữa. Ba chỉ ăn bữa cơm này nữa thôi!

Thường ngày cô Út đều bưng mâm lên, hôm nay bỗng dưng ông thích ăn ở nhà dưới. Khi ăn cơm xong, ông lấy trong miệng ra một cái răng, đưa cho cô Út và nói:

- Ba cho con cái này nè, con giữ kỹ làm kỷ niệm!

Sáng hôm sau, ông nói với cô Út:

- Con chuẩn bị hành lý cho ba chưa?

- Ba định đi đâu, thưa ba?

- Ba định đi về xứ!

Cô Hai bạn đồng tu của cô Út, cất tiếng hỏi:

- Thưa bác! Quê bác ở đây, mà bác nói về xứ! Vậy bác định đi về xứ nào?

- Ở đây là quê già, Cực Lạc mới là xứ thiết của mình!

Cô Út hỏi tiếp:

- Vậy ba có chuẩn bị gì chưa?

- Ba có chuẩn bị sẵn hết rồi!

- Ba chuẩn bị ra sao, ba nói cho con nghe đi?

- Thì sáu chữ Nam Mô A-di-đà Phật đó! Sáu chữ Di Đà là hành lý của mình đó, con ơi!

- Vậy là tốt quá! Ba rán nhiếp tâm tập trung tư tưởng để niệm Phật. Vậy là ba sửa soạn về xứ!... Để con sửa soạn cho ba các chuyện bên ngoài; còn bên trong ba rán buông xả các thứ nhớ nghĩ để niệm Phật, ghen ba!

Chiều lại ông hỏi:

- Bữa nay là ngày mấy rồi, hả con?

- Thưa ba, bữa nay là ngày 19!

- Nước sau hè khô chưa con?

- Thưa ba, còn nửa ống chân!

- Vậy ba cũng rán thêm vài bữa nữa cho nước khô.

Ông nhắc cô Út lo xay lúa để chuẩn bị đám tang cho ông.

Từ đó về sau ông từ khước tất cả thuốc men và thức ăn, chỉ uống một ít nước trắng để thấm giọng. Sức khỏe mỗi lúc mỗi cạn kiệt trầm trọng. Chương trình hộ niệm được tiến hành, ông nằm im niệm Phật theo mọi người, thỉnh thoảng ông niệm bài chú vãng sanh.

Khi có khách khứa, cũng như thân tộc đến thăm, các con ông sắp xếp không được vào hỏi han những câu vô ích, không cần thiết như: “Khỏe không?”, “Biết tôi là ai không?”... mà chỉ hỏi người săn sóc bên ngoài phòng khách là được rồi; còn đến gần ông thì chỉ niệm Phật với ông mà thôi!

Suốt một tuần trợ niệm, đến 5 giờ sáng ngày 26 tháng 9 năm 1997 ông nằm trên giường gọi con cháu đến đủ mặt. Cháu nội ông có hai người làm nghề đặt vốn bắt cá, ông kêu lại rồi bảo:

- Các cháu đừng tạo sát nghiệp nữa, vì vật mạng cũng có linh tánh, cũng có thân xác, biết tham sống sợ chết như mình vậy! Nếu gây nghiệp sát sẽ chịu quả báo khổ đau không nhỏ!

Rồi ông kêu hai cháu hứa với ông và chặt bỏ vốn trước khi ông bỏ xác. Hai đứa cháu hứa bỏ, ông gật đầu mỉm cười. Mặc dù lưỡi ông lúc này hơi cứng, tiếng nói hơi khó nghe nhưng chú ý nghe vẫn được rõ ràng.

Người con trai định đem thuốc ra chích cho ông, nhưng ông ngăn lại và nói:

- Vô ích, cứ thỉnh nước cúng Phật cho ba uống đi!

Cô Út thỉnh nước cúng cho ông uống. Uống xong, vẫn trong tư thế nằm ông niệm Phật và đọc chú vãng sanh rồi xá ba xá, đồng thời ông chấp tay vào ngực niệm Phật mà qua đời. Nhằm ngày 26 tháng 9 năm 1997, hưởng thọ 79 tuổi. Vừa lúc ấy hai cô con gái ngồi kế ông bỗng ngửi được một mùi hương lạ sức nức, nghe thư thối cõi lòng, thời gian khoảng năm mười phút thì mất.

Qua tám tiếng đồng hồ hộ niệm tiếp theo, thì thấy nét mặt của ông vui tươi khác thường, đặc biệt đỉnh đầu

một vùng lớn bằng miệng chung cực nóng, vừa sờ đến như đưa tay đựng vào một ly nước sôi.

Rất nhiều người chứng kiến sự ra đi của ông mà đã phát tâm tinh tấn tu hành cho đến ngày hôm nay.

(Thuật theo lời Chiêu Thị Nga, cô con gái út của ông.)

71. LÊ VĂN SÂU (1952 - 1976, 24 tuổi)

Nhàm chán Ta Bà thống khổ, thề quyết thoát ra, bốn năm thiết tha tinh tu Tịnh Độ!

Mến ưa Cực Lạc yên lành, cầu về mãnh liệt, cảm Phật chơn thiết tự tại vãng sanh!

Chú Lê Văn Sâu, sinh năm 1952, cư ngụ tại số 172, ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Trình, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Thôn. Chú là thứ út trong gia đình có năm anh em, sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Năm 1968 cha của chú mất. Hai người anh và hai người chị đều lập gia thất, đồng ra riêng cất nhà xung quanh, còn chú thì chung sống với mẹ. Kế đó chú làm thêm nghề đưa đồ dọc từ Châu Đốc qua Châu Giang.

Tính tình của chú rất có hiếu với mẹ và hòa thuận với các anh chị, nhiệt tình giúp đỡ những người xung quanh.

Đến năm 20 tuổi, một hôm nọ chú thưa với mẹ:

- Thưa mẹ! Con thấy cuộc đời quá giả tạm, mỏng manh, vui ít khổ nhiều, mà sống làm nghề đưa đồ lại càng dễ chán. Hơn nữa, vì bạn bè của con đùa nào cũng vậy, mở miệng ra là chửi thề lố măng hung tùm, nên con xin phép mẹ cho con nghỉ để ở nhà. Từ nay trở đi con lo ăn chay, cúng lạy, niệm Phật làm lành, cầu giải thoát cho mình và cứu độ Tổ tông!

Khi được mẹ chấp thuận, từ đó chú dốc hết tâm lực lo tu thân hành thiện. Bao nhiêu y phục chú đều đem đi cho hết, chỉ may hai bộ đồ: một bộ bà ba đen và một bộ vật mề để thay đổi. Chú rất siêng năng tinh tấn hành đạo, mỗi ngày là bốn thời cứ nối tiếp liên tục, hết ngồi niệm Phật thì đi kinh hành hoặc ngồi xem kinh sách, hay chép kinh sách nên thời gian chú ngủ nghỉ rất ít. Thật là sự dụng công đồng mãnh, như đoạn khai thị sau:

*“Liên Hoa người muốn được gần,
Phải tu nhanh chóng chớ chần chờ lâu.
Tu nếu nhận là cầu siêu thoát,
Rán tu đừng ngơ ngác trong tâm;
Nếu tin Thánh trước là phàm,
Thì mình cũng có thể làm Phật Tiên.
Kẻ thành đạo nhờ duyên trước lớn,
Hoặc nhờ tu tinh tấn hiện nay;
Không duyên mà cố tu hoài,
Phật hay Tiên cũng có ngày được nên.
Ai người muốn ngồi trên Sen báu,*

*Tu phải dùng tâm đạo làm nguồn;
Đạo tâm sông nghiệp đời sông,
Cõi phàm qua Thánh bắt nguồn từ đây.
Tâm là gốc tạo gây vạn sự,
Lành cũng tâm mà dữ cũng tâm;
Đường về tới chốn Lô Âm,
Tâm tìm khóa mở, tâm tâm lối đi.
Người phải tự chỉ huy tâm ấy,
Khiến tâm đi trong cái quang minh;
Mình không làm chủ được mình,
Khác nào những đám lục bình trôi sông.”*

Hàng năm mùa vụ thì chỉ có một đợt, mẹ chú ăn chay không nổi nên đến giờ cơm thì bà đi sang các nhà anh chị để dùng bữa. Hơn nữa chuyện ăn uống của chú lại rất đơn giản thanh đạm, vì vậy chú tận dụng thời gian hết để lo việc tu học, đồng thời chú thường xuyên đóng góp vào các công tác từ thiện xã hội ở địa phương nhà.

Thỉnh thoảng chú có đến chùa Bửu Hòa (cách nhà vài cây số) để gặp gỡ các bạn đạo trao đổi, luận bàn về Phật pháp. Vào thời điểm đó kinh sách rất khan hiếm, vậy mà chú cũng đã sưu tầm mang về nhà tương đối nhiều: những tác phẩm trong bộ Hiển Đạo, kinh Lăng Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ... rồi chú sao chép lại để ngày đêm đọc học tu hành. Sự nỗ lực của chú rất cần mẫn tinh chuyên.

Có những khi đến mùa nước nổi chú thường neo xuống trước bến rồi ngồi niệm Phật, hoặc trèo lên nóc nhà để ngồi niệm Phật. Người đi qua, kẻ đi lại trông thấy,

có người thì khen ngợi chú tu tinh tấn, cũng có kẻ lại nghĩ chú bị chậm dây thần kinh.

Thỉnh thoảng chú cũng thường khuyên mẹ và các anh chị niệm Phật, tu hành. Có lần chú nói với người chị dâu thứ Tư:

- Mình niệm Phật thì phải nhiếp tâm, chí thành mà niệm và cũng phải hồi hướng về Tây Phương. Cũng như cái cây nghiêng về bên nào sẽ ngã về bên ấy... chị niệm Phật nếu mà không hồi hướng thì biết về đâu?

- Cái thân này cũng như chiếc thuyền! Muốn qua sông mà hủy hoại nó thì không được, còn như dung dưỡng nó cũng không được!

Thời gian tu hành trải qua 4 năm. Đến ngày 17 tháng 11 năm 1976, chú đi ruộng trong kênh Đào để thăm lúa. Chiều tối hôm đó chú sang nhà người anh thứ Tư ngồi nói chuyện với nhau, giây lát sau chú nói:

- Anh Tư à! Năm nay làm lúa có lẽ là em không có làm. Anh làm đi!

- Sao mà mà không làm?

- Bây giờ em hỏi thiệt anh nghe? Như Phật cho biết trước ngày vãng sanh anh có dám đi không?

Chú Tư cười, chưa đáp thì chú nói tiếp:

- Chắc chắn là anh không dám đi rồi chứ gì!

Nói xong cả hai đều cười rộ lên... rồi chú trở về bên nhà.

Sáng lại, khoảng 4 giờ mẹ chú không nghe động tĩnh gì như thường lệ, bà bật dậy, lên tiếng hỏi, không nghe chú trả lời. Đến gần xem thì phát hiện chú đã tắt hơi, bà liền la lên, con cháu xung quanh chạy qua, thì thấy chú nằm ngửa rất ngay ngắn, hai tay vẫn còn chắp ở giữa ngực.

Khi thắp sáng hương đèn trên các ngôi thờ, người nhà phát hiện một lá thư trên bàn thờ, chiếc đèn dè lên, và bên cạnh là chiếc đồng hồ. Mọi người cùng nhau mở ra xem, thì thấy chú viết:

“NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.

Thưa má cùng anh chị, con được ơn trên cho biết là hôm nay con được vãng sanh, nhờ lòng chí thành niệm Phật, con không muốn nói trước vì sợ tình ái làm trở ngại sự siêu thoát của mình. Thành khẩn cầu xin má hiểu cõi đời là giả tạm, có hiệp tất có tan, đó là định luật xưa nay mấy ai tránh khỏi, như con được về Cực Lạc thì má cũng vui! Nên con tha thiết cầu mong má nhớ niệm Phật và làm phước nhiều, đó là mục đích cứu cánh để được thoát khỏi cuộc đời đau khổ này. Khi con chết bao nhiêu đồ đạc của con đều để lại hết, chỉ đem theo một bộ mặc trong mình mà thôi, còn cái đồng hồ xin má đưa cho anh Út Khự để làm kỷ niệm, em thiết tha cầu khẩn anh chị thương em, là thay em nuôi má cho được chu toàn, và luôn luôn xem Kinh Giảng để giải nghĩa cho má nghe mà tu. Anh chị nên biết:

*Lợi danh vật chất có huân không,
Thế xác rồi đây cũng hoại vong.*

*Luyện ái bụi trần thêm lao lý,
Vui, buồn, thương, ghét thấy hoài công.
Mộng tưởng dục trần theo hơi dút,
Vợ, chồng, con, cháu cũng hết trông
Sự sản thế điền đều bỏ lại,
Cõi đời nào khác bọt dòng sông!*

Đó là cái chân lý tuyệt đối, em mong rằng anh chị và mẹ xét cho kỹ, để lo tìm cái trường tồn, vĩnh viễn. Cũng may cho em, chứ không biết tu thì kinh hồn, kinh hồn!

Lê Văn Sâu, hẹn chung vui ở Tịnh Độ.

Mong anh Tư giúp em cho phần mộ có tấm bia giá rẻ nhất, trong bia ghi: ĐẠO LÀ TẤT CẢ, LÊ VĂN SÂU CHI MỘ. Hãy giữ giấy này mà nói chuyện với chánh quyền.”

Trong thời gian này chú không có bệnh hoạn gì cả. Nhằm ngày 18 tháng 11 năm 1976, chú hưởng dương 24 tuổi.

Khuya đêm ấy những người làm đồ tế gần đó thấy ánh sáng thật lớn ở trên nóc nhà của chú. Bà Hai Bộ cũng đồng thấy ánh sáng ấy, bà kể lại với các anh chị của chú rằng:

“Hồi tối tao thấy trên nóc nhà mày một quang sáng chiếu tia tia, đẹp lắm!”

Cuộc an táng của chú được tiến hành trong ngày, khi nhập liệm gương mặt của chú như một người đang nằm ngủ, các khớp xương đều mềm mại.

Được chứng kiến sự ra đi an lành của chú, rất nhiều người trong thân quyến và lối xóm đã phát tâm ăn chay và tinh tấn niệm Phật tu hành.

(Thuật theo lời bà Nguyễn Thị Khôn, mẹ của chú và cô Lê Thị Hiền chị dâu thứ Tư của chú.)

72. LÊ VĂN VẤN (1945-1973, 27 tuổi)

*Hạnh đức hiếu hiền mãi dôi trau,
Dụng được cứu đời bớt khổ đau.
Tín nguyện chuyên cần trì lục tự,
Quang minh Phật đón, dứt trần lao!*

Chú Lê Văn Vấn sinh năm 1945, cư ngụ tại ấp Long Thạnh, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Nhị; thân mẫu là cụ bà Võ Thị Chen. Chú là con thứ ba trong gia đình có năm anh em. Gia đình chú sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Năm chú được 17 tuổi (1963), chú phát tâm trường trai, xin phép cha mẹ được vào chùa Bửu Long để làm công quả và học Phật tu hành (chùa cách nhà khoảng 5 cây số). Nơi đây chú chung sống với vài huynh đệ và hai ông từ (nguyên quán ở miền Trung di cư vào, đó là ông từ Hai và ông từ Ba mà người ta thường gọi là ông Ba Huế).

Sau đó chú đã ghi danh vào học các khóa: “Đạo Pháp Khai Tâm” và “Sơ Cấp Đào Tạo Giảng Viên” do Giáo Hội

tổ chức. Sau khi dự khóa xong, chú xuống Phú Tân học nghề Đông Y rồi trở về ở chùa như trước, để phát triển công hạnh giúp đời bằng cách hốt thuốc Nam cho quần chúng bị bệnh ở quanh vùng. Chú còn đi làm tổng giám thị cho các khóa “Đạo Pháp Khai Tâm”, mà Giáo Hội đã mở ra cho tầng lớp thanh thiếu niên được thấm nhuần Phật Pháp, nhằm thuần hóa nhân tâm, an định xã hội trong dịp các em nghỉ hè.

Tính tình của chú hiền lành, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, niềm nở, cởi mở với mọi người. Đời sống sinh hoạt cá nhân rất kiệm ước, thanh đạm, bình dị.

Năm 1966, cha chú qua đời do bệnh lao phổi, khi ấy ông 49 tuổi. Chú càng cảm nhận sâu sắc về thực chất của đời người qua lý Tứ Đế của Đức Thích Ca Mâu Ni đã giảng dạy, mà Khổ Đế vẫn là lời pháp được diễn ra liên tục hằng ngày từ trong gia đình cho đến chung quanh. Quả đúng như những câu thơ của các bài sám tụng:

*“Sương buổi mai lâu dài chi đó,
Thân người đời nào có bao lâu.
Nhộn nhàng trong cuộc bể dâu,
Xuân xanh thoáng chốc bạc đầu rồi đây.
Ba vạn sáu ngàn ngày khó nhọc,
Dứt hơi rồi hỏa tốc vô hòm,
Của tiền để lại nhi tôn,
Bao nhiêu tội lỗi phân hồn lãnh riêng.
Chốn cửu tuyền khác miền dương thế,
Quỉ nguơ đầu chẳng nề chẳng kiêng,*

Chĩa đâm dao chém liên miên,
Vô cùng thống khổ vô biên đoạn trường.
Vô tận thảm thương đường sanh tử,
Dám khuyên người cần thử xét soi,
Thân như pháo đã châm ngòi,
Nổ vang một tiếng bèn coi thế nào?
Tiếc công lao bào hao tâm lực,
Chừng đao đầu quả thực... hỡi ôi!
Trăm năm sự sản phũ rôi,
Thức thân bị nghiệp luân hồi trôi trăn.
Lửa hồng trần cháy rần sáng rực,
Người ngủ say mau thức chạy ra,
Khá nên xét lại đi mà!
Thành tâm niệm Phật liên hoa dựa kê!
Nếu chẳng thế biển mê chìm mãi,
Biết đời nào được lại thân người?"

Chú thường xuyên về thăm mẹ, khi đi thì thưa, khi về thì trình. Lúc mẹ bị bệnh, chú chăm sóc giặt giũ rất chu đáo kỹ lưỡng, không kém gì so với người nữ.

Hàng năm, mỗi lần đến đợt thu hoạch vụ mùa là chú về nhà giúp gia đình đi cắt lúa mướn. Thường khi ở giữa đồng, đến giờ cơm chú hái một nắm rau dứa nước mà sách thuốc thường gọi là “Du Long Thảo”; hay hái một nắm rau muống, cái tên trong thực đơn ở các nhà hàng thường dùng là: “Thanh Long Quá Hải” (rồng xanh vượt đại dương: tức rau muống luộc) nhưng chú thì không có điều kiện luộc nên để sống, rồi chấm với nước muối là xong ngay. Đúng như lời của Đức Phật Thầy Tây An:

*“Thịt thà xương máu tanh hôi,
Cỏ cây rau cải cũng rồi bữa ăn.
Đức từ bi lòng hằng thể hiện,
Không sát sanh lòng thiện ta còn.
Lạt chay tuy chẳng ngọt ngon,
Còn hơn thú vị cơm chan máu hồng!”*

Hạnh tu của chú rất đoan nghiêm, cẩn trọng. Hằng ngày ngoài những lúc chẩn mạch bốc thuốc và công phu lễ niệm ra, chú còn siêng năng nghiên cứu giáo điển, thưa hỏi với các bậc thiện tri thức, hoặc trao đổi kinh nghiệm tu học với các bạn đồng tu... Đường lối tu tập chính yếu của chú vẫn là pháp môn Tịnh Độ, một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc. Chú cũng thường khuyên những người thân của mình cố gắng nỗ lực hành trì như thế, nhất là mẹ chú:

- Má rán lo tu, rán lo niệm Phật đừng có lưu luyến con cái!

Bởi cảm tình là hệ lụy, là trói buộc, là gốc rễ của sanh tử luân hồi, mà Cổ Đức đã từng răn nhắc:

*“Niệm ái chẳng dứt,
Khó thoát khỏi Ta Bà,
Niệm Phật chưa thuần,
Tây Phương xa diệu vợi!”*

Ngày mùng 5 tháng 11 năm 1973, chú phát bệnh thổ huyết. Sau đó được đưa về nhà điều trị, trong thân

quyển, kẻ thì bảo nên đi bệnh viện Long Xuyên, người thì chỉ thầy này, thuốc nọ; nhưng chú đều khước từ không chịu đi xa. Nhưng người nhà và đồng đạo nài nỉ mãi, hai ba ngày sau đưa chú vào nằm ở Bệnh Viện Đa Khoa Long Xuyên, trải qua một tuần, bệnh trạng của chú chẳng những không thuyên giảm mà còn trầm trọng thêm!

Đến ngày rằm, mọi người đành phải đưa chú về nhà để tiện bề niệm Phật. Khi ngồi trên ghe về nhà, tay chú luôn lần lần, cô Út ngồi gần thấy vậy ngỡ là chú khát nước, bèn hỏi:

- Anh muốn uống nước hả?

Chú lắc đầu. Thì ra là chú lo chuyên tâm niệm Phật. Khi về đến bến sông thì trời đã chạng vạng tối (7 giờ). Bà con tấp nập đến thăm, tiếng họ xầm xì với nhau:

- Ông Ba Ván ổng đau nặng mà ổng còn chuyên đồ nữa kìa ta!

Sau khi lên nhà chú nằm trên chiếc ghế mây dài, bắt đầu lên cơn mệt. Mọi người xúm lại đặt bàn cầu nguyện. Đến 9 giờ 35, bạn thân của chú là đồng tu Tư Điều tới bên cạnh hỏi:

- Đệ Ba! Đệ Ba! Đệ còn nhớ niệm Phật không?

Lúc đó chú lấy tay chỉ vào ngực tỏ ý rằng mình vẫn còn nhớ niệm Phật, đồng thời khoát tay ngo ý “xin đừng hỏi nữa”; bên ngoài tiếng niệm Phật của các liên hữu vẫn ngân lên đều đặn. Kế đó chú liền từ từ đưa hai tay chắp lên ngực rồi dứt thở, lúc ấy đúng 9 giờ 40 tối, ngày rằm tháng 11 năm 1973, chú hưởng dương 27 tuổi.

Lễ an táng được tiến hành trong đêm. Khi di chuyển quan tài, bàn hương án được đưa đi trước, tiếng hộ niệm đưa linh cữu của nam nữ đồng đạo vang đều. Đang hạ huyệt, ông Nguyễn Văn Bạo bỗng la lên và chỉ:

- Coi kìa, ánh sáng trên trời lạ quá mấy ông ơi!

Lúc ấy nhiều người nhìn lên, đều thấy một vầng ánh sáng màu xanh từ hướng Tây bay đến trên phần mộ, dừng lại lơ lửng trước đầu quan tài, rồi tua tủa ra nhiều màu rất sáng đẹp rồi chuyển đi và mờ dần, cuối cùng tan biến trong màn đêm! Một số đồng đạo nhìn thấy thế lòng rất hân hoan, tin chắc rằng chú đã được vãng sanh. Nhiều người chứng kiến hiện tượng trên bèn phát tâm ăn chay, niệm Phật, tu hành.

(Thuật theo lời của cô Lê Thị Lệ, em út của chú và đồng đạo Nguyễn Văn Bạo..)

73. NGUYỄN VĂN TUA (1954 - 1984, 30 tuổi)

Anh thường trì ngọ, đôi khi cũng có lúc nhịn ăn cả tuần. Đặc biệt là anh nghiêm trì giới hạnh rất kỹ lưỡng, vô cùng trân quý thời gian, tránh né tất cả những cuộc tiếp xúc không cần thiết. Một lòng tiến hướng về Tây Phương...

Anh Nguyễn Văn Tua sinh năm 1954, cư ngụ tại ấp Tân Thượng, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Thuật, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Chỉnh. Anh là con thứ năm trong gia đình có sáu anh em. Gia đình anh sinh sống bằng nghề ruộng rẫy.

Tính tình anh hiền lành và rất hiếu thuận. Năm lên 17 tuổi, anh rất thích ngâm nga sấm kệ nên thường xuyên đến giảng đường để đọc. Vả lại hai vợ chồng người anh thứ Hai đã dùng trường trai, nên anh xin cha mẹ cho mình được chay lạt tu hành. Khi song thân chấp thuận, sau đó anh cùng với một số bạn đạo, gồm mười mấy người cất cốc để tu, mỗi vị một cái ngoài ruộng (cách nhà khoảng vài trăm mét).

Năm 1973, anh ghi danh học khóa “Đạo Pháp Khai Tâm” do Ban Trị Sự tổ chức tại xã nhà. Kế đến là học khóa “Sơ Cấp Tu Nghiệp Giảng Viên”.

Nơi địa phương mà anh cư ngụ có phòng thuốc Nam, ban ngày anh đến làm công quả ở đó, chiều tối về cốc lo công khóa hành trì.

Ngoài những lúc tự học, đọc kinh sách, và cùng các huynh đệ thảo luận trao đổi về giáo lý ra, còn có ông Bảy Găng là thiện tri thức thường lui tới khuyến tấn về Phật pháp cho anh và các huynh đệ.

Anh thường trì ngọ, đôi khi cũng có lúc nhịn ăn cả tuần. Đặc biệt là anh nghiêm trì giới hạnh rất kỹ lưỡng, vô cùng trân quý thời gian, tránh né tất cả những cuộc tiếp xúc không cần thiết. Một lòng tiến hướng về Tây Phương, bởi vì:

*“Vô thường không đợi,
Ngày tháng qua nhanh.
Biển nghiệp sâu rộng,
Kiếp người mong manh.
Nếu không niệm Phật,
Cực Lạc cầu sanh.
Tất bị nghiệp dắt,
Vô lượng nhọc nhằn.
Luyến lưu chi nơi cõi bần,
Sống đời nhớp nhúa hôi tanh!
Chi bằng gieo nhân Tịnh độ,
Tin sâu nguyện thiết chí thành.
Trong lòng luôn luôn có Phật,
Sen báu Phật trao một cành!
Ngàn đời khổ đau dứt tận,
Vạn kiếp vĩnh viễn an lành!”*

Anh có người anh họ là Sáu Hoàn. Khoảng năm 1980, hai vợ chồng của Sáu Hoàn phát tâm trường trai tu

hành, ra cất nhà gần đó, rồi ngỏ lời mời anh về ở chung. Vì muốn trợ duyên cho hai anh chị, nên anh đồng ý đến ở tu chung với hai vợ chồng Sáu Hoàn cho đến ngày anh ra đi.

Thấm thoát thời gian trôi qua đã được 5 năm, đến tháng 7 năm 1984 anh từ khuốc đảm trách nhà thuốc Nam với lý do dưỡng bệnh. Thời gian này anh rất tinh tấn hành đạo. Một hôm anh nói với vợ chồng Sáu Hoàn:

- Em không trông thuốc Nam nữa, ai có cần trông thì lấy giống về trồng, vì em sắp bỏ xác!

Vợ sáu Hoàn hỏi:

- Đệ nói sắp bỏ xác mà giải thoát được không?

Anh đáp:

- Giải thoát được em mới bỏ xác chớ!

Lại hỏi:

- Đệ căn cứ vào đâu mà giải thoát?

Anh nói:

- Đệ căn cứ vào lời nguyện của đức Phật A-di-đà, vì Ngài không bỏ rơi một người niệm Phật thành tâm nào!

Gần cuối tháng tám, vào mùa nước nổi, đám mía của cha anh đang thu hoạch, đến giờ nghỉ, mọi người tập trung lại gò đất cao, vừa ngồi nhai mía vừa cùng nhau bàn chuyện phiếm, bất chợt anh lên tiếng:

- Nữa tôi có chết nhờ đồng đạo chôn tôi ở gò này!

Có người lên tiếng:

- Ủ! Nữa đệ chết thì chôn đệ ở đây! Chớ chỗ nào nước cũng ngập menh mông hết... Nếu không chôn ở đây thì chôn ở đâu!

Vừa dứt lời thì một trận cười thật to vang lên. Song rồi ai cũng ngỡ là anh nói chơi cho vui nên chẳng mấy lưu tâm!

Cũng trong thời gian này có đoàn sư tầm thuốc Nam đến cho anh hay một tuần nữa sẽ khởi hành chuyến đi lấy thuốc ở xa. Anh bèn từ chối:

- Hôm trước đệ lỡ hứa với các anh, mà hiện giờ đệ có công chuyện nên đệ không đi được!

Đến ngày mùng 4 tháng 9, anh dạo chơi thăm những người thân hữu và giã từ một vài đồng đạo.

Sáng mùng 5, khác hơn mọi khi, anh công phu sớm hơn thường lệ rồi đi thăm phòng thuốc Nam, sau đó về nhà song thân chẩn mạch cho mẹ. Thường ngày thì xem mạch xong anh đến nhà thuốc bốc thuốc đem về. Hôm nay xem mạch xong anh nói với mẹ:

- Con có công chuyện hôm nay mẹ đi hốt thuốc giùm con!

Mẹ anh nói:

- Nếu con có công chuyện thì con lo đi làm đi, để mẹ đem toa thuốc lại đăng đẳng hốt cũng được!

Khi bà đi rồi không bao lâu người em gái từ trong bước ra nhà trước, thấy anh đang nằm nghiêng bên hữu, hai tay chắp đưa lên trán, cô hỏi nhưng không nghe anh trả lời, cô nhìn thấy hai chân của anh hơi run run, nên cô hốt hoảng la lên. Lúc ấy kể bên nhà, cách một con mương, có gia đình đang chuẩn bị cúng giỗ nên khi nghe la thất thanh mọi người ủa sang. Không ai biết ất giáp gì cả liền bu lại vạch anh lưng cạo gió, trong khi đó thì anh đã tắt hơi tự bao giờ!

Đang lao xao cạo gió cho anh, thì tức thời ông Bảy (thầy dạy nghề thuốc cho anh) bước vào ngăn lại, sửa thân thể của anh lại cho trang nghiêm, rồi cùng nhau luân phiên hộ niệm. Vì ông Bảy vừa nằm chiêm bao thấy cảnh tượng giống y như ông vừa mới bước vào nhà của học trò mình. Lúc ấy khoảng gần 9 giờ sáng ngày mùng 5 - 9 - 1984, anh hưởng dương 30 tuổi.

Thân quyền và chư đồng đạo hộ niệm đến 9 giờ sáng hôm sau mới nhập mạch. Khi ấy các khớp xương mềm mại, riêng đỉnh đầu còn ấm nóng.

(Thuật theo lời Phạm Thị Nhẹ, chị dâu thứ Hai của anh, hai vợ chồng Sáu Hoàn, và người anh rể thứ Ba).

74. NGUYỄN VĂN ÁNH (1908 - 1996, 88 tuổi)

“Ba định đi ngày 13, nhưng sợ các con chưa hiểu sâu nhân quả. Bởi đạo đức của ba còn kém cỏi mà đến ngày giỗ quảy cúng mặn tội nghiệp cho ba lắm! Mà cũng tội nghiệp cho các con nữa. Nên ba chọn ngày 14 ba về với Phật. Chớ để tới ngày rằm tội bây kéo sang ngày 16 cúng mặn nữa à!”

Đó là lời tiên đoán của người cha biết trước ngày giờ chết của mình!

Ông Nguyễn Văn Ánh tên thật là Phạm Duy Đức, sinh năm 1908, cư ngụ tại xã Vĩnh Thạnh Trung (Thạnh Mỹ Tây), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vì ông thứ Bảy nên có thêm biệt danh là “Bảy Cọp”. Song thân là cụ ông Phạm Văn Phúc và cụ bà Nguyễn Thị Tới. Ông Bảy là con trai út trong gia đình.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Phan Thị Tỷ, sinh được sáu trai một gái. Gia đình ông cũng là một trong những hộ nông dân tay lấm chân bùn của vùng đất Châu Phú.

Tánh ông hiền lành, chân thật, thường bố thí gạo cho những người nghèo và cúng gạo cho chùa trong làng hằng tháng.

Năm 1939 ông có đến Tổ Đình ở Phú Tân để nghe thuyết pháp và quy y Tam Bảo từ đạo đó. Một hôm nọ, ông rủ hai người bạn đồng trang lứa cùng nhau đi nghe

pháp, và thỉnh kinh kệ về nhà xem. Khi gà vừa gáy hiệp đầu là ba vị đã lo cơm nước xong xuôi bèn khăn gói lên đường. Cuộc bộ tịch tang đến nơi, dự thuyết giảng hoàn tất thì trời cũng vừa xế chiều. Trước khi ra về, Thầy gọi:

- Ba ông ở xã Mỹ Thạnh Tây đâu? Lên đây!

Nghe Thầy gọi, vị nào cũng giật thót cả người, trời không phải mùa đông mà thịt cốt xương lạnh, nổi da gà tựa hồ như đang phát cơn sốt rét, ai cũng run run khúm núm chậm chậm đi lên. Thầy đưa tay chỉ ông Ba Ngộ, rồi nhờ đồng đạo trao cho phẩm “Ngôi Trên Đánh Núi Liên Đài”, kế đó là phẩm “Giác Mê Tâm Kệ” cho ông Mười Tịch, sau cùng trao “Nguyện Văn Quy Y” cho ông. Cả ba đồng chấp tay thành kính xá dài, im lặng nhận lãnh quã xong bèn cáo từ lui gót, không một lời một câu ư a gì cả, có lẽ hai hàm răng lúc ấy đã bị keo dán sắt chế vào nên dính chặt lại tự bao giờ!

Số là trước khi khởi hành cả ba ông quỳ trước bàn Phật nguyện thỉnh Pháp Bảo mà mình ưa thích, đúng y như những thứ mà Thầy đã trao tặng cho từng người!

Qua sự kiện đó, tín tâm của ông với Tam Bảo gần như tuyệt đối, chỗ tựa vững chãi an ổn nhất trọn cả đời tu của ông khi đương đầu với bao khó khăn trở ngại, đôi khi cái chết cận kề trong gang tấc! Niềm tin quả thực là trọng yếu của sự hành đạo:

*“Kẻ học Phật phải cần tìm hiểu,
Để tu cho biết nẻo mà về.
Đã tu mà không thoát cõi mê,*

Thường vì bởi lối ra chẳng biết.
Thiếu tin tưởng sẽ không nên việc,
Thiếu lòng thành thì Phật khó trông.
Việc tu hành muốn được thành công,
Phải đầy đủ tấm lòng tin tưởng.
Thường bị cảnh chung quanh ảnh hưởng,
Vì thiếu lòng tin tưởng mà ra.
Nếu có lòng tin tưởng sâu xa,
Tất không bị người ta cám dỗ.
Tin tưởng có cõi vui Tịnh Độ,
Tin tưởng mình có thể sanh qua.
Tin tưởng xưa Phật cũng người ta,
Thì mình cũng sẽ là như Phật.
Lời Phật nói không hề sai thất,
Nếu làm y như Phật đã làm.
Tin tưởng sao làm vậy cho kham,
Không thể để ai làm thối chí.
Nhứt định sẽ vẹn tròn đạo lý,
Được thành công như ý đã nguyện.
Tin tưởng là sức mạnh vô biên,
Được thành Phật thành Tiên nhờ nó.
Tin tưởng ấy trong lòng được có,
Thì sự tu đâu bỏ nửa đường.
Khuyên nhủ trong bá tánh thập phương,
Tu phải có chủ trương mới được.
Tin làm phước thì là được phước,
Làm ác thì gặp ác không sai.
Tin rằng mình nghiệp dữ chẳng gây,

*Nhứt định chẳng đầu thai cõi khổ.
Việc trần chẳng để lòng ham hố,
Chắc chắn không bị trở lại trần.
Lòng hằng mong cõi Phật được gần,
Thế nào cũng sanh lên cõi Phật.”*

Vào thập niên 70, ông tham gia hoàng dương Phật Pháp, khi phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam đang phát triển rầm rộ, ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Phổ Thông Giáo Lý tại xã nhà.

Vì muốn cho Phật Pháp được rả khắp, khiến nhân sanh được lợi lạc, nên ông đã hăng hái tổ chức thường xuyên các cuộc diễn giảng Phật Pháp do các thiện tri thức cư sĩ đảm trách, và phát thanh lời kinh tiếng kệ tại Hội quán vào những ngày 14, rằm và 29, 30. Ông rất quan tâm thương yêu giới trẻ, thường hay khích lệ khuyến tấn các em cháu chăm chỉ tu học và hành trì.

Những năm sau 1975, giáo sự đình chỉ, lúc này mặc dù tuổi già sức yếu ông vẫn thường đi đây đó để cầu nguyện siêu độ cho những người đã mất, mong mỗi họ sớm được vãng sanh về cõi an lành, vĩnh viễn chấm dứt khổ đau sanh tử. Đây cũng là cơ hội truyền bá Phật pháp, kêu gọi mọi người thức tỉnh tu thân hành thiện.

Mặt khác ông còn hợp tác với vài anh em có tâm đạo đi khắp nơi tìm kinh giảng của ai hư rách đem về đóng bìa và dán lại lành lặn.

Đến năm 1977, ông và bà Bảy đồng phát tâm trường trai. Được khoảng bảy, tám năm, vì con cháu trong gia

đình có một số không thông hiểu Phật pháp, cứ bo bo chấp chặt theo hiểu đạo thế gian, nên đã nài ép làm cho hai ông bà gián đoạn hết bốn, năm năm. Sau đó, có cơ duyên thuận tiện, ông bà mới dùng chay lạt trở lại cho đến lúc lìa đời.

Cách thức hành trì của ông chuyên về Tịnh Độ, sớm chiều lễ bái, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ông vừa nỗ lực tự thực hành và tha thiết giới thiệu, kêu gọi những ai hữu duyên nên y theo lời “Khuyến Thiện”:

*“Nếu như ai cố chí làm lành,
Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc.
Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật,
Dầu Tiên phàm ma quỷ súc sanh.
Cứ nhất tâm tín, nguyện, phụng hành,
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”*

... ..

*“Ao sen báu Tây Phương đua nở,
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.”*

Vả lại, suốt mấy mươi năm kể từ khi mới bắt đầu nương tựa Tam Bảo, ông đã trải nghiệm thân chứng về công đức thù thắng của câu lục tự Vạn Đức Hồng Danh, nhờ thành tâm trì niệm mà ông nhiều lần tai qua nạn khỏi, thoát chết chỉ trong kẻ tóc đường tơ. Do vậy tín tâm của ông đối với Tịnh Tông dường như là tường đồng vách sắt, kiên cố vô song.

Lúc tuổi về chiều, nhất là những năm cuối đời, công phu của ông càng chuyên cần hơn, hết lễ bái cầu nguyện thì ngồi niệm Phật, hết ngồi niệm Phật thì lễ nguyện... cứ thay đổi liên tục suốt ngày, và từ ngày này sang tháng khác. Khi mệt thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi thì tiếp tục. Bạn bè khách khứa hay em cháu tới thăm thì ông chỉ một mực khuyên lơn, khuyến khích về chuyện tinh tấn tu hành!

Đến năm 1995 - 1996, do thể quản yếu, ông thường hay bị mệt, khó thở nên các con thỉnh thoảng có vô nước biển cho ông. Dù vậy, công khóa hành trì ông vẫn luôn giữ đều đặn không hề lui sụt. Vào khoảng đầu tháng 8 năm 1996, có lần con trai Út đang tấn mừng cho ông, ông hỏi:

- Vinh ơi! Con rảnh chưa vậy?

Chú Út trả lời:

- Dạ con đang tấn mừng. Có gì không, thưa ba?

Ông nói:

- Con nhớ nghe con! Đúng 2 giờ chiều ngày 14 tháng 9, Phật rước ba. Bữa đó ba đi nghe con!

Chú về thuật lại cho vợ nghe, mà trong lòng thì nửa tin nửa ngờ.

Đến ngày mừng 8 tháng 9, vào buổi cơm sáng ông nói với người con trai thứ Tư:

- Hãy đưa ba về nhà cũ, đến ngày 14 là ba đi!

Vì hiện tại ông đang ở nhà chú Tư, còn nhà cũ là nhà của chú Út.

Các con của ông xúm lại bàn tán xôn xao. Cô con gái thứ Bảy nài nỉ:

- Rằm ba hãy đi, chớ ngày 14 xấu lắm!

Ông đáp:

- Không được đâu! Ba định đi ngày 13, nhưng sợ các con chưa hiểu sâu nhân quả. Bối đạo của ba đức còn kém cỏi mà đến ngày giỗ quẻ cúng mặn tội nghiệp cho ba lắm! Mà cũng tội nghiệp cho các con nữa. Nên ba chọn ngày 14 ba về Phật. Chớ nếu để tới ngày rằm tụi bây kéo sang ngày 16 cúng mặn nữa à!

Khi ông trở về nhà chú Út, đồng đạo và thân quyến hay tin tấp nập liên tục kéo tới thăm, ông vẫn đón tiếp trò chuyện bình thường. Thấy cha mình quyết tâm chọn ngày 14, bấy giờ con ông là chú Tư Hưởng và cô Bảy Lệ cũng là y sĩ, bèn đi mua thuốc hồi sinh về chích cho ông. Vì thuốc này có tác dụng kéo dài thêm sự sống hơn 24 tiếng đồng hồ nữa. Lúc các con đề nghị chích thuốc, ông vẫn để cho chích không phản đối mà còn vừa nói vừa cười:

- Mấy đứa chích thì chích, đến đúng ngày giờ ba đi thì ba đi!

Sáng ngày 14, cũng như thường lệ lúc công khóa lễ nguyện buổi sớm, chú Út giành đi cắm hương, ông không cho, nghiêm nghị nói:

- Ba còn cấm nhang được, để ba cấm!

Tối 12 giờ trưa hôm ấy ông hơi mệt, vì có chuẩn bị trước, mọi người đông nghẹt vây quanh. Đúng 2 giờ chiều, đang nằm im ông bỗng lớn tiếng niệm Phật, âm thanh từ từ nhỏ dần rồi ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, khi đó hai tay vẫn còn chấp ngay ngắn giữa ngực. Nhâm ngày 14 tháng 9 năm 1996. Ông hưởng thọ 88 tuổi.

(Thuật theo lời chú Út Vinh con của ông và đồng đạo Bảy Khen.)

75. HUỲNH NGỌC THỔ (1932 - 2008, 76 tuổi)

- Thiệt tình! Lúc ra đi đau đớn khổ quá! Bây giờ mình về... rán cố gắng tu đặng khi bỏ xác vui vẻ niệm Phật rồi chào đồng đạo ra đi... mới được!

Đây là một ước nguyện duy nhất và lớn nhất trong đời mà bất cứ người tu Tịnh độ nào cũng nên hoài bão. Phải quyết tâm thực hiện trọn vẹn! Gương vãng sanh sau đây đáng để cho chúng ta chiêm ngưỡng học tập!

Ông Huỳnh Ngọc Thổ sanh năm 1932, cư ngụ tại ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Đinh Trung Cần, thân mẫu là cụ bà Trương Thị Ty. Ông là con thứ ba trong gia đình có sáu anh em.

Do tổ phụ theo Đức Cố Quân khởi nghĩa ở Bảy Thưa nên bị thực dân Pháp và tay sai truy lùng tộc họ để bắt

bố, bởi vậy đến thế hệ của ông thì từ họ Đinh đổi thành họ Huỳnh!

Khi tuổi trưởng thành, ông lập gia đình sinh được sáu trai bốn gái. Gia đình chuyên sống bằng nghề làm ruộng.

Có lẽ đã trồng thiện căn sâu dày nhiều đời với Phật pháp, nên ông phát tâm trường trai rất sớm khi còn trong đội ngũ kháng chiến chống Pháp, lúc ấy tuổi chưa tròn hai mươi. Được biết cha của ông cũng trường trai từ thuở thơ đồng.

Công khóa thường nhật của ông là hai thời lễ lạy sáng tối, sau lễ nguyện thì ngồi niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, khi khỏe thì hơn một giờ đồng hồ, lúc yếu thì nửa giờ. Những dịp rảnh rỗi, gia duyên ít bận buộc thì công phu tăng lên ba hoặc bốn thời trong ngày.

Kinh sách mà ông đọc, băng đĩa mà ông nghe, xem rất nhiều, rất rộng, nhưng ông thích nhất vẫn là bộ *Hiển Đạo*, mà phẩm “Thần Cơ Thật Luận” vẫn là phẩm tâm đắc nhất của ông!

Đối với con cháu trong nhà, ông rất quan tâm dạy dỗ ngay từ bé, tập cho chúng sớm chiêu lễ Phật, dạy cho chúng trên kính dưới nhường, xây dựng nền tảng căn bản đạo đức làm người. Vì vậy gia đình của ông êm ấm, thọ hưởng niềm vui của Thiên Luân:

*“Từ trên tới dưới thuận hòa,
Hay hơn châu báu ngọc ngà giàu sang.”*

Ngoài ra ông còn hướng dẫn các con về pháp môn Tịnh Độ. Do vì thời kỳ mạt pháp, nghiệp lực của chúng sanh sâu nặng, tự tu tự độ rất khó, cho nên cần phải cầu thêm lực tiếp dẫn của Đức Từ Phụ A-di-đà thì mới hy vọng ra khỏi sanh tử trần lao:

*“Người tự độ cầu thêm Phật độ,
Như nước xuôi được gió thuận chiều.
Đường về chóng biết bao nhiêu,
Được hai sức độ mau siêu phàm trần.”*

Tánh tình của ông chân thật, hiền hòa, rộng lòng thương người. Khi các con đã khôn lớn trưởng thành yên bề gia thất ông bèn giao phó việc nhà, riêng phần mình chuyên lo công phu hành đạo. Ông sốt sắng tham gia các công tác phúc lợi xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ, cất nhà tình thương, giúp người nghèo khó... Trồng thuốc Nam, nhất là theo đoàn sưu tầm thuốc ở hòn, ở núi... có khi mỗi lần đi suốt một vài tuần lễ mới về.

Lúc tuổi hạc dần cao, ông càng chăm chỉ niệm Phật nhiều hơn. Ông thường cùng bà vợ đi dự các Phật Thất chùa Đông An, chùa ở Bình Minh, hoặc Thốt Nốt và những đạo tràng niệm Phật khác do các đồng tu tổ chức. Có lần ông ra tận chùa Hoàng Pháp ở Hóc Môn.

Một hôm ông cùng ông Hai Hào đi hộ niệm cho một bạn đồng tu, người bạn này là giảng viên chuyên đi thuyết giảng Phật pháp, nhưng lúc lâm chung vị này nằm im lìm không tỉnh táo. Nên ông nói với ông Hai:

- Thiệt tình! Lúc ra đi đau đớn khổ quá! Bây giờ mình về... rần cố gắng tu đặng khi bỏ xác vui vẻ niệm Phật rồi chào đồng đạo ra đi... mới được!

Bởi vì ông nhận thấy rằng: bao nhiêu hiểu biết kiến thức gom nhặt tích chứa nhiều như non cao biển rộng, mà không tu tập để chuyển đổi, tiêu mòn dần những tham sân si, phiền não nghiệp chướng, thì cũng chỉ là kiến giải suông, cũng chỉ là chuyện bên bờ sống chết luân hồi mà thôi, lúc đối diện với tử thần quyết định không dùng chi được!

Vào khoảng tháng 2 năm 2007, ông bị u xơ bàng quang, các con đưa ông ra Bệnh Viện Bình Dân ngoài Sài Gòn phẫu thuật nội soi.

Sức khỏe tạm ổn được mười tháng thì tái phát, tiếp tục phẫu thuật lần thứ hai. Khi về do ông vận động quá sớm nên vết mổ vỡ ra, cuối cùng phẫu thuật lần thứ ba. Lần này thì mổ hở, thời gian nằm viện một tháng mới xuất viện. Còn phải đặt trên người nhiều sợi dây lòng thòng mang về nhà!

Về nhà sức khỏe của ông ngày một suy sụp rõ rệt, thường bị xuất huyết, nên thỉnh thoảng các con đưa ông đi An Giang để vô máu hoặc thay những dây dẫn, sáng đi chiều về. Bệnh tình càng lúc nặng dần, nhưng công phu trì niệm của ông thì càng tinh thuần, tâm thần luôn định tĩnh thêm.

*“Trăm năm cõi mộng có chi dài,
Giả tạm mong manh chóng đổi thay.*

*Được mất ghét thương vui lẫn giận,
Thạnh suy cười khóc lẫn khô hài.
Ngày tháng dần qua chết chột đến,
Hoa Đà tái thế cũng bó tay.
Tĩnh ngộ siêng lo tu Tịnh nghiệp,
Lâm chung thông thả ngự Kim Đài.*

*Niệm Phật tâm ta in bóng Ngài,
Chẳng cho ô nhiễm bợn trần ai.
Não phiền bao thứ tiêu tan hết,
Thanh tịnh cõi lòng an lạc ngay.
Tùy duyên nỗ lực gieo phước thiện,
Hộ niệm đồng tu lúc chia tay.
Nguyện khắp chúng sanh siêu Tịnh Độ,
Vĩnh thoát trầm luân dứt đọa đầy!”*

Theo cái nhìn của thế nhân, thông thường hoàn cảnh bệnh tật là khổ đau, là bất hạnh, nhưng đối với những ai đã trải nghiệm Phật Pháp, đặc biệt là người tu Tịnh Độ - niệm Phật cầu vãng sanh - thì đây là cơ duyên thù thắng, thúc ép ta để khởi chánh niệm và duy trì chánh niệm dễ dàng hơn... Sanh tâm nhằm chán cảnh bụi hồng đầy khổ đau này! Nhất là tấm thân tứ đại nhớp nhúa, chứa đầy những thứ thối tha dơ bẩn; mang đầy những tang tóc đau thương, vô biên phiền hận dày vò, cùng vô biên tội sâu hệ lụy! Do càng thống khổ bao nhiêu, thì lòng ước nguyện hướng về thế giới Cực Lạc càng khẩn thiết mạnh mẽ bấy nhiêu!

Đến sáng ngày 19 tháng 11 năm 2008, con cháu thấy ông yếu nhiều, nên đã liên hệ mời các bạn đồng tu, chiều tối đến nhà cầu nguyện và hộ niệm cho ông, nhưng đến 12 giờ trưa ông đã lên cơn mệt, ngất mình, phải nhờ con cháu đỡ lên, rồi nằm xuống, nằm xuống rồi đỡ lên, liên tục như vậy. Đến 2 giờ chiều ông đòi đi tắm. Tắm xong, nửa tiếng đồng hồ sau thì ông khỏe lại bình thường.

Người con trai thứ Ba chiều hôm đó vẫn đi làm việc như thường lệ, khi hay tin ông mệt nhiều, liền cấp tốc trở về nhà, bèn thống lãnh toàn gia quỳn hơn hai mươi mấy người vây xung quanh túc trực niệm Phật cho ông, ai không làm chủ được cảm xúc hay khóc thương bi cảm thì đuổi ra ngoài. Đến gần 4 giờ chiều thì có Sư Minh ghé thăm (Sư vốn là huynh đệ với em ruột của ông. Vì em ông xuất gia thuộc hệ phái Khất Sĩ, nên xưa nay hai bên cũng thường qua lại trao đổi Phật pháp với nhau). Sư Minh đến gần kề miệng vào lỗ tai nói nhỏ với ông, mọi người không biết là sư nói những gì, chỉ nghe được có mấy tiếng cuối:

- Tôi dặn anh còn nhớ không?

Ông nằm im nghe xong liền gật đầu, rồi mỉm cười đáp:

- Nhớ!

Hộ niệm đến 5 giờ chiều thì tay trái của ông bỗng đưa lên rồi từ từ hạ xuống. Có lẽ đây là ông chào đồng

đạo trước khi ra đi như lời ông đã nói, đồng thời mỉm cười nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày 19 tháng 11 năm 2008, ông hưởng thọ 76 tuổi.

Vừa lúc đó các đồng đạo cũng đã tề tựu khá đông, trợ niệm thêm hơn tám giờ đồng hồ nữa, thì thấy các khớp xương đều mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng. Đặc biệt là nụ cười hoan hỷ vẫn còn trên gương mặt... dường như nhả nhủ một điều gì đó với chư liên hữu còn đang ở lại nơi cõi trần ai đầy đắng cay và ngập tràn giông tố phong ba này!

(Thuật theo lời Ba Sự và Mười Thuận, hai con của ông.)

PHẦN 4

76. NGUYỄN THỊ MÉN (1953 - 1985, 32 tuổi)

*“Khen ai mười chín tuổi đầu,
Phát tâm niệm Phật mong cầu vãng sanh.
Không màng nẻo lợi đường danh.
Một lòng tín nguyện cầu sanh Liên đài.
Tâm thành mãn nguyện không sai,
Lâm chung bình tỉnh khuyên rày mẹ cha.
Kiết tường chánh niệm Di Đà,
Vãng sanh Cực Lạc chói loà ánh quang.
Nữ lưu công hạnh rõ ràng,
Khuyên người ở lại khá toan sửa mình.
Chí thành niệm Phật cầu sinh,
Chỉ trong một kiếp nhẹ mình về Tây.
Không còn sáu nẻo chuyển xoay,
Đáp ơn cha mẹ vui vầy Tổ tông.”*

Đó là những dòng thơ do một liên hữu viết tặng cô Nguyễn Thị Mén!

Cô sinh năm 1953, cư ngụ tại số nhà 326, ấp Thượng, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Tròn, thân mẫu là cụ bà Huỳnh Thị Đẹp. Cô là con Út trong gia đình có ba chị em gái, sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Thuở bé song thân đã tạo điều kiện cho cô hoàn tất chương trình Tiểu học, vào thời điểm ấy đối với trẻ thơ thôn quê vùng sâu vùng xa mà nói, điều này quả thật rất hiếm hoi. Sau đó cô đã ghi danh dự khoá “Đạo Pháp Khai Tâm” do Giáo Hội tổ chức tại địa phương. Lý tưởng giác ngộ giải thoát có lẽ được manh nha gốc rễ do ở cơ duyên này.

Khi lên 16 tuổi cô học nghề may, và những năm sau đó cô may đồ rất khéo. Nhiều nơi gấm ghé mai mối trâu cau, hỏi cưới nhưng cô đều từ chối. Cô tự biết: nếu mình không mạnh mẽ chủ động quyết định, tất nhiên sẽ có ngày lên xe hoa theo chàng về xứ lạ, bèn nghiêm nhiên đổ ra một đồng ương hoạ như: Cu Tí, Cu Tèo... Út Này, Út Nữa, Út Mót... Lúc đó phải tắt bật đi sớm về trưa, bươn chải dãi nắng dầm mưa, vật lộn với cuộc sống để tạo ra cơm áo gạo tiền... nuôi con ăn học. Tiền đồ là đêm ba mươi mờ mịt, một màn đen tối thui tối thui. Đại khờ gì mà mình phải chui đầu vào hiểm địa để đi! Vì vậy cô đã ngỏ ý với mẹ và chị Hai rồi âm thầm rời gia đình, sang Kiến An nương nhờ am cốc của chư đồng đạo chuyên tu vào năm 1972, lúc cô 19 tuổi.

Được hơn một tháng, do cha cô làm dữ quá nên mẹ mới bảo chị Hai của cô đi tìm dắt cô về. Thấy cô tha thiết tu hành quá nên thân quyến đã dựng một cái thất cho cô ở đất ruộng cách nhà khoảng hai cây số, gần trại của người chị thứ Ba vài chục mét.

Khi có được không gian tâm linh thuận lợi, cô đã đồng mãnh công phu ngày đêm bốn thời, mỗi thời là hai giờ đồng hồ, cứ sau lễ bái là ngồi niệm Phật, thời khuya

thường là dài hơn. Gần đó có cô Ba Thài, những ngày rảnh rỗi trong năm thường sang ở tu chung với cô; và ông Bảy Găng hay tới lui khuyến tấn quý cô về cách thức hành trì Pháp môn Tịnh Độ - cầu vãng sanh Tây Phương.

Hoàn cảnh gia đình cô: chị Hai thì về bên chồng; cha mẹ hiện đang chung sống với chị và anh rể thứ Ba. Nên cô phải thường về phụ giúp gia đình, nhất là mùa vụ nông nghiệp, hoặc xử lý các công việc giao tế. Ngoài ra cô còn đến phòng thuốc Nam trong làng để chặt và phơi thuốc mỗi tuần lễ một ngày.

Bản tính của cô hiền hòa, chân thật, kỹ lưỡng, vui vẻ, cởi mở nhưng ít nói, ăn nói đâu ra đó. Đời sống sinh hoạt rất đơn giản, bên mình chỉ có ba bộ đồ mà hai bộ đã cũ kỹ phai màu. Đặc biệt là cô không cất giữ tiền và thường hay trì ngọ, hạnh nghi lại rất nghiêm cẩn, khi nằm luôn nằm nghiêng bên phải.

Từ năm 1975 trở đi, cha cô làm cán bộ thuộc ngành thuế vụ. Tính ông liêm khiết, nhưng thẳng thắn nên dễ nổi quạu. Những trường hợp nộp thuế mà người ta đem lúa còn ướt đến, ông thường la mắng thẳng thừng không kiêng nể. Vì thế, thỉnh thoảng cô phải đến tận nhà để năn nỉ, xin lỗi người ta!

Những lúc kinh tế gia đình sa sút, chị Ba phải nấu tàu hủ non bán. Nếu chị đi bán thì ế ẩm liên miên; còn cô bán thì rất đắt. Nên mỗi ngày cứ 10 giờ cô về nhà, chị Ba đã nấu tàu hủ xong cô bèn gánh đi, tới 1, 2 giờ chiều bán xong, thì cô liền quay về thất.

Ngoài công khoá thường nhật cô còn nỗ lực nghiên cứu đọc học sám kệ và các kinh sách Đại Thừa, lần hồi thâm nhập sâu rộng Phật lý.

Có lần cả xóm xôn xao vì tin đồn: người ta bắt quả tang cô đã lằng nhằng tình cảm với anh chàng thanh niên lối xóm. Anh kia không chịu đựng nổi đã lên tiếng biện bạch, trong khi đó cô đứng đờ như gió thoảng qua tai, chẳng một lời thanh minh, thanh nga!

Năm 1980, lúc 27 tuổi, cô xin mẹ cho cô xuống tóc để “ngã tướng”, vì khi ấy vẫn còn có nhiều người theo dạm hỏi kết thất sọi tơ hồng. Dưới đây xin lược trích vài đoạn thơ trong tập lưu bút mà cô đã viết vào ngày 24 tháng 10 năm 1980:

KỶ NIỆM

*Nay thế phát quyết lòng tinh tấn,
Quơ gươm hùng chiến thắng dục lòng.
Phủi cho sạch hết bụi hồng,
Huệ tâm sớm trở trái bông Bồ-đề.
Để đáp lại ân dày cha mẹ,
Mười tháng trường mang nặng đẻ đau.
Lòng con cứ mãi rạt rào,
Mong sao cha mẹ được vào Liên Hoa.*

...

*Dù lắm kẻ tặng quà cay đắng,
Cứ nhủ lòng chẳng giận dưng nao.*

Nhút tâm quét sạch trần lao,
Sáu căn thanh tịnh như sao sáng ngời.
Con chí nguyện trọn đời hành đạo.
Dù gặp nhiều khảo đảo chông gai.
Đường tu gian khổ chẳng nài,
Bền lòng kiên nhẫn có ngày được nên.
Từ xưa nay trong nền đạo cả,
Biết bao người phải ngã vì yêu.
Con xem thấy cũng ít nhiều,
Đoàn trước đã lật, đâu liều lủi theo.
Bao cảnh khổ cheo leo trước mặt,
Không thể nào nhắm mắt chui vào.
Con nguyện chung thủy một màu,
Thoát vòng cương tỏa tránh mau sáu đường.
...
Tạm ngưng bút đốt hương khẩn nguyện.
Cầu mẹ cha sớm tiến Tây Phương.
Sống trong cảnh lạc - chơn - thường,
Cùng con an hưởng chung vườn Từ bi!

Sức khỏe của cô rất tốt, ít khi bệnh cho dù là cảm xoàng. Đến năm 1984, cô nghe trong người bất ổn, linh cảm rằng mình sắp sửa từ giả thế gian, nên ngày 14 tháng 4 năm 1984, cô đã viết ba trang: “Lưu Niệm Tạm Xa Cha Mẹ”. Đến ngày 21 tháng 4 năm 1984 cô lại viết tiếp bài: “Kính Gởi Cha Mẹ”, bao gồm hai trang văn vần và bốn trang văn xuôi, những mong cha mẹ nên chấp nhận một sự thật mà cắt đứt thương đau, khi phải đối

diện với chuyện sinh ly tử biệt vốn dĩ đương nhiên giữa cõi bụi hồng!

Ít lâu sau cô phát bệnh, ban đầu nhẹ rồi ngày một nặng dần, uống thuốc Nam hoài vẫn không thuyên giảm. Kế đó cô quyết lòng niệm Phật cầu vãng sanh không để tâm đến việc chữa bệnh nữa! Gia đình khuyên cô nên đi điều trị, cô nói:

- Thôi! Trước cũng chết, sau cũng chết... thôi, không có đi!

Thấy sức khoẻ cô quá tệ, chị Hai của cô mới nhờ cô Út Liên và cô Muối Chuyên khuyên giúp, hai người năn nỉ suốt cả đêm, cô miễn cưỡng chấp nhận:

- Đi thì đi! Đi cho quý vị vừa bụng!

Chư đồng đạo liền mượn ghe chở cô đi chữa trị khắp các nơi. Thầy thuốc chẩn đoán là khối u tử cung. Nhiều ngày trôi qua cuối cùng đành phải quay về, bằng lòng với số phận đã an bày. Trong khoảng thời gian này, sự niệm Phật của cô rất tinh chuyên và khẩn thiết.

Đến tháng 6 năm 1985, bệnh của cô bạo phát, được chư đồng đạo trực tiếp ủng hộ từ vật chất cho đến tinh thần. Một nữ cư sĩ tâm đạo là Tư Mỹ trực tiếp chăm sóc bệnh cho cô, hỏi cô rằng:

- Dì có biết bốn phận của Dì lúc này là phải làm gì không?

Cô đáp:

- Biết! Bốn phận của tôi là phải buông xả mọi duyên trần, tha thiết niệm Phật để cầu sanh Cực Lạc!

Có lần cô nói:

- Khi tôi chết tôi nhờ chị giúp tôi phần tang đám, và tuần tự cho được chu toàn!

Tư Mỹ hứa:

- Dì cứ lo cho phần mình ra đi! Ra đi cho có kết quả tốt đẹp đi! Mọi sự tôi hứa sẽ lo xong!

Vào khoảng 1 giờ khuya, đêm 25 rạng ngày 26 tháng 6 năm 1985, cô nằm trên chiếc ghế bố nhờ người mời cha, mẹ và anh chị lại mà nói:

- Thưa cha mẹ! Con hôm nay đã mãn số rồi. Xin cha mẹ đừng buồn. Nếu ai không xúc động thì ở đây hộ niệm cho con, còn ai xúc động thì đi nơi khác!

Kế đó cô nắm tay cha mẹ rồi nói tiếp:

- Thưa cha mẹ! Trước khi ra đi, con muốn xin cha mẹ một điều.

Cha cô bảo:

- Điều gì, con cứ nói!

Cô chậm rãi thưa:

- Con muốn cha mẹ hứa với con là phát nguyện trường trai!

Cha mẹ cô đồng hứa. Cô cười rồi xoay qua nắm tay người chị thứ Ba mà dặn dò:

- Em chết rồi, anh chị ở lại nên phát tâm trường trai! Anh chị có hứa không?

Chị cô hứa, còn anh rể thì trả lời rằng:

- Anh còn phải gánh vác gia đình, nên... ăn chay... chắc chưa được!

Cô cười, liền tùy thuận nói:

- Thôi, vậy thì ăn chay mỗi tháng bốn ngày cũng được!

Căn dặn xong, mọi người đồng niệm Phật. Thấy anh Ba lặng thinh cô bèn hỏi:

- Anh Ba! Bộ anh không thương em hay sao, mà không niệm Phật hộ niệm cho em đi?

Anh bùi ngùi đáp:

- Có chứ! Anh niệm trong tâm!

Cô cười nói:

- Hộ niệm thì phải cao thanh! Chớ niệm thầm sao được! Vì người sắp chết rất là sợ sệt, nên anh phải niệm lớn để cho người ta nương theo!

Anh cô nghe vậy cất tiếng niệm lớn lên. Lúc này mẹ cô xúc động quá nên niệm không đủ sáu chữ, mà bà chỉ niệm: “Mô Phật, Mô Phật!”

Cô liền nói:

- Mẹ niệm còn thiếu, phải niệm Nam Mô A-di-đà Phật mới đúng!

Sau cùng cô dặn:

- Con nằm như vậy đúng rồi, cha mẹ và anh chị đừng sửa cũng đừng cho ai đụng vào mình con. Chừng nào con tắt thở sáu tiếng đồng hồ sau mới được tự tiện sửa lại!

Sau đó cô còn giải thích thêm, nếu thần thức chưa rời khỏi thân xác mà mình dụng chạm sớm quá, người mất sẽ nổi sân, dễ bị đoạ lạc. Rất tội nghiệp!

Từ đó cô yếu dần, mọi người trợ niệm mãi cho đến 4 giờ, cô nhẹ nhàng an tường dứt thở ra đi trong tư thế nằm nghiêng bên phải trên chiếc ghế. Nhằm ngày 26 tháng 6 năm 1985, cô hưởng dương 32 tuổi. Ngay lúc ấy có ông Hai Ngâu, ông Ba Suông nhà ở ngoài đồng và nhiều người khác nữa cùng thấy ánh sáng hực lên ở phía nhà của cô, ai ai cũng ngỡ là nhà cháy!

Khi hay tin cô mất, chư đồng đạo lần lượt kéo tới, hộ niệm đến gần 8 giờ sáng, ông Bảy Găng bèn thăm khám thi thể và bồng xuống cho nằm ngửa ngay ngắn lại. Cô Ba trong bếp chạy ra liền lên tiếng:

- Cậu Bảy ơi! Em con có dặn: sau sáu tiếng đồng hồ dứt hơi, mới được sửa cậu ơi!

Ông đáp:

- Em nó đi xa rồi, con đừng có sợ! Cậu Bảy khám rồi, đâu con khám lại thử coi!

Cô liền đến sờ thấy các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu ấm nóng. Các khớp xương mềm mại, gương mặt hồng hào, sáng rực lộ nét tươi vui. Ai nhìn thấy cũng cho là cô đang nằm ngủ chớ không ai nói là cô chết cả!

(Thuật theo quyển Lưu bút của cô, và lời Nguyễn Thị Mịa, Nguyễn Thị Đi, hai chị của cô, cùng đồng đạo Lê Thị Thái.)

77. NGUYỄN VĂN NÔ (1935 - 2013, 78 tuổi)

“Lặn xuống đáy biển mà không biết sợ giao long, đó là cái dũng của người chài lưới; Vào rừng mà không biết sợ hổ, báo, đó là cái dũng của người thợ săn; Thấy guom bén mà không biết sợ, xem tử như sanh, ấy là cái dũng của người chiến sĩ; Biết được chỗ ‘cùng - thông’ là Thời, Mệnh và bất cứ ở vào cảnh nguy hiểm nào cũng không biết sợ, đó là cái dũng của Thánh nhân.” Còn như nghe lời Phật, lời Tổ chỉ dạy mà cố gắng làm y theo, bỏ hẳn những thói hư tật xấu, những tập khí hung ác tà vạy, chùa bỏ dứt khoát chứ không hên lần hên lựa, hay đây đưa cù của...thì đây là cái dũng của người đệ tử Phật! Guong vãng sanh sau đây là bài học quý báu rất cần thiết để cho chúng ta tham khảo và noi theo!”

Ông Nguyễn Văn Nô sinh năm 1935, cư ngụ ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Nguyễn Phú Chuộc và cụ bà Phạm Thị Oanh. Ông là con thứ năm trong gia đình có bảy anh em.

Năm 19 tuổi, ông kết hôn với bà Tăng Thị Bé, sinh được ba trai bốn gái. Gia đình chuyên sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình của ông thẳng thắn, cương trực và chân thật. Rất nghiêm khắc và qui củ đối với gia đình cũng như đối với chính bản thân mình.

Ông vốn dĩ bẩm chất thông minh, lanh lợi, vừa đẹp trai lại vừa hào phóng. Trước kia ông nội là Chủ Cả trong vùng, đến thời cha ông thì làm Xã Trưởng, nên thuở thiếu niên ông có điều kiện tốt học hành đỗ đạt. Bạn bè của cha ông phần lớn đều là những người có địa vị quyền thế trong xã hội, lại rất thương mến ông, muốn cất nhắc nâng đỡ ông, nhưng ông không thích ra làm việc. Có lần ông đã nạp đơn xin dạy học, nhưng sau đó ông đổi ý nên ngừng lại.

Vợ ông cũng là con cháu Chủ Cả. Khi về làm dâu cho nhà họ Nguyễn thì “áo vắn quần vo”, phải lo phục dịch đãi đằng khách khứa... rồi lo cho chồng, cho con. Một bữa cơm ăn hằng ngày xấp xỉ gần bằng một tiệc giỗ nhỏ. Trải qua nhiều năm tháng như thế, cảm nỗi khổ của kiếp người, bà phát tâm trường trai, mỗi ngày bốn thời lễ niệm. Dù rằng vẫn đang vất vả chăm sóc đời sống gia đình, nhất là đứa con Út hầy còn chưa dứt sữa. Bà luôn âm thầm nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho chồng con sớm tỉnh giác tu hành quy y Phật Đạo!

Trải qua hơn một năm, lòng thành của bà ứng nghiệm. Hôm nọ ông đi xuống sông tắm. Tắm xong, ông nghe trong người không được khỏe. Tối lại khi ngủ, ông nằm mơ thấy mình chạy xe đi hốt thuốc Nam. Trên đường về gói thuốc rớt xuống đất, ông dừng xe lại lượm lên. Cứ liên tục nhiều lần như vậy. Lần sau cùng giấy báo dùng để gói thuốc bị rách, thế mà không lòi thuốc Nam ra

ngoài, mà lại lòi cái xương sườn người ta, ông nhìn thấy liền ụp mửa trong giấc chiêm bao. Chợt giật mình thức dậy thì ông buồn nôn liên tục. Đến giờ ăn bà vợ dọn cơm có cá thịt thì ông không tài nào nuốt vào được, chỉ ăn cơm với muối cục chan nước nóng mà thôi. Xưa nay ông chưa từng ăn được một ngày chay lạt nào, dù chỉ một ngày, hễ sáng ăn chay thì chiều trở đũa dùng mặn ngay lập tức!

Dần dà ông bèn giác ngộ Phật pháp nên đã cùng vợ con chính thức làm lễ quy y Tam Bảo, thệ nguyện trường trai giới sát, chuyên chí tu hành. Sống đời thiếu dục tri túc, sự ăn mặc hết sức bình dị giản đơn. Từ đó bao nhiêu tập nhiễm của mấy mươi năm phong lưu hào phóng, tứ đổ tường đầy đủ không sót món nào, ông thấy đều nhất loạt san bằng sạch sẽ. Nào rượu chè, cờ bạc, thuốc lá... cho đến cái thứ quái ác nhất, độc hại kinh thiên động địa nhất, khó bỏ nhất là á phiện, thế mà ông một đao chặt đứt tất cả, đứt một cách ngọt lịm không chút xiu cù ngứa, nhùng nhằng! Theo thường tình người ta hay có thái độ bỏ đi rồi lượm lại, ông thì không như vậy, quả thật là dũng khí phi phàm! Lúc ấy là năm 1974, ông đang 39 tuổi.

Khi ngồi lại, trầm lắng lắng lòng suy tư về cuộc đời, nghiệm xem giá trị đích thực của kiếp nhân sinh, ai lại chẳng buông khuâng khi nghe lời khai thị của Cổ Đức:

*“Luân quần đời người chỉ bấy nhiêu,
Loanh quanh sự sống có bao điều.
Danh lợi cảm tình ăn với ngủ,
Ai cũng đua chen mãi búa diu,*

*Lao nhọc cả đời lo tạo dựng,
Đâu ngờ bất chợt tử thần kêu.
Giật mình hồi hận. Ô hô, muộn!
Kèn trống tiễn đưa đến lò thiêu.*

*Xem thấy chuyện người gấm lại ta,
Sớm liệu nếu không chẳng kịp mà!
Trầm luân muôn kiếp. Ô!... Đã đủ!
Đừng luyến lưu chi cõi Ta Bà!
Làm phước làm lành cho tan nghiệp,
Xem kinh nghe kệ bớt đại tà.
Biết khổ hãy mau mau niệm Phật,
Hầu vượt trần mê kiến Di Đà.”*

Cũng từ dạo đó, ông xem kinh đọc sách, chuyên nghiên cứu và thực hành pháp môn Tịnh độ, gần gũi các thiện tri thức để trao đổi Phật pháp, ngày đêm bốn thời lễ niệm, những người thân thuộc và lối xóm đều có cùng nhận xét là: “Hai ông bà đang tranh đua tu kinh với nhau.”

Một sự việc xảy ra cũng khá lạ lùng, là kể từ khi ông phát tâm tu hành thì ông không dám ngủ, thường giảng cái mừng ở ngoài hàng ba trước nhà để niệm Phật. Hễ vừa ngã mình xuống thì ông thấy có người kêu ông dậy niệm Phật, lễ Phật. Có đêm ông mở cửa, trải chiếu rồi nằm trên võng nhắm mắt lim dim, miệng thì cứ mời gọi:

- Kính mời quý ông vào nhà nghỉ!

Rồi lấp đáp trò chuyện một mình, vợ con thì chẳng nhìn gặp ai cả. Sáng ra lúc được thân quyến nhắc lại, ông bèn cho biết là khi mình vừa thiêm thiếp mơ màng thì nghe tiếng vó ngựa lộc cộc và trông thấy rất nhiều binh lính của Đức Cố Quân, nên ông mới mời các vị ấy vào nhà. Cứ vài ba ngày lặp lại một lần như thế, kéo dài suốt cả năm hiện tượng trên mới thưa dần rồi mất hết. Dinh của Đức Cố cách nhà ông không xa lắm!

Mặc khác, nhờ nhân duyên khá thuận lợi là khi ấy các con cũng đã trưởng thành, ông cùng bà đã khéo hướng dẫn cho chúng trường trai niệm Phật tu hiền, rồi chúng tự nguyện gánh vác hết mọi việc gia đình. Vả lại, lúc bấy giờ sức khỏe của ông thuộc dạng: “Nắng không ưa, mưa không chịu, ghét gió, kỵ mù sương” cho nên quanh năm suốt tháng ông chỉ chuyên lo việc kinh kệ hành trì mà thôi!

Phần đối nhân xử thế ông rất hài hòa, tích cực giúp được ai điều gì thì tùy sức tận tâm giúp đỡ, riêng bản thân mình thì rất kiệm ước, thích giản đơn, không thích nhà cao cửa rộng, dù rằng ông có dư khả năng để xây cất khang trang. Thỉnh thoảng ông cũng thường cùng các bạn đồng tu đi cầu nguyện, hay đi niệm Phật ở chùa Huệ Viên hoặc ở Dinh Cố.

Do chuỗi dài thời gian gắn liền với bệnh tật, nên ông thấm thía lời Phật dạy lẽ thật về sự khổ và lý vô thường. Các bệnh viện như: Bệnh Viện 115 ở Sài Gòn, các bệnh

viện ở Long Xuyên, Châu Đốc, ông đều lần lượt tham quan ít nhất là một lần, thời gian trú chân có khi một tuần, cũng có lúc đôi ba tuần lễ. Vì vậy sanh tâm nhàm chán Ta Bà, ý nguyện cầu sanh về Tây Phương nơi lòng ông rất mãnh liệt và khẩn thiết.

Đến cuối tháng 5 năm 2013, vì nhồi máu cơ tim nên các con đưa ông vào Bệnh Viện Tim Mạch An Giang. Nằm ở phòng cấp cứu suốt một tháng thì chuyển ra ngoài. Bệnh hành hạ ông bằng những cơn ngạt mình khó kham nhẫn, nằm xuống thì nhờ các con đỡ dậy, ngồi dậy chưa bao lâu thì nhờ đỡ nằm xuống... Cứ như thế liên tục cả đêm. Sau đó tiến triển thêm cả đêm lẫn cả ngày. Còn ăn uống bất cứ thứ gì, thì đến muỗng thứ ba là bị nôn mửa ra hết. Cuối cùng, gia đình đã phải xin với bác sĩ cho ông được xuất viện về nhà để tiện bề cho ba cô con gái vây quanh chăm sóc. Tình trạng này kéo dài suốt ba tháng trường!

Đầu tháng 10 năm 2013, đêm nọ vào giữa khuya ông đang nằm trên chiếc võng, bỗng chợt nói:

- Đại ca à! Đại ca buông tha cho tôi đi. Tôi đâu có làm gì tội đâu mà đại ca hành hạ thân xác tôi, tội nghiệp cho mấy đứa con tôi, nó cực khổ quá vậy!

Cô Phượng bèn cất tiếng hỏi:

- Đại ca ở đâu, thưa ba?

Ông vừa chỉ, vừa đáp:

- Đó! Ông bước vô đó!

Các con ông nhìn thì không thấy ai hết. Lát sau ông lại hỏi:

- Đại ca đó ra ngoài... mà... ông đi chưa vậy con?

Cô Phượng bất giác không tự chủ được mình, bỗng đứng vọt miệng đáp:

- Chưa, thưa ba! Ông còn đứng đây nè!

Ông lại hỏi:

- Ông đứng đó làm gì vậy con?

“Phước chí tâm linh”, cô đáp:

- Ông đứng đó, ông nói rằng: Ông rán nhiếp tâm niệm Phật đi, thì tôi tha cho ông!

Ông nói:

- Ông nói như vậy hả con! Nói chuyện phải có giấy tờ. Thời kỳ này mà... bút sa gà chết! Con lên trình ngôi Tam Bảo đi!

Cô con gái thứ Hai thấy thế nghĩ thâm, nếu mà không đi thì ba sẽ biết em mình nói dối, nên cô liền kêu cô Phượng:

- Thôi em ở đây đi, để chị đi lên chị trình ngôi Tam Bảo cho!

Khi đến trước bàn Phật đốt nhang xong, cô bèn xá rồi quỳ xuống thành tâm khẩn nguyện:

- Cầu xin Đức Phật từ bi hộ độ cho những oan gia trái chủ trong nhiều đời nhiều kiếp tha cho ba con, để ba con nhiếp tâm niệm Phật. Sau khi vãng sanh về Cực Lạc học đạo hoàn toàn rồi sẽ trở lại cứu vớt chư vị. Ba hứa là ba sẽ cứu độ quý vị trước. Hằng ngày chúng tôi là con, cũng nguyện đem công đức tu hành hồi hướng cho

quý vị sớm được vãng sanh Tây Phương, sớm thoát kiếp luân trầm sanh tử. Nếu ba được vãng sanh thì chư vị cũng được vãng sanh; nếu ba chúng tôi sa địa ngục, chư vị cũng sa địa ngục!

Vái xong cô lạy bốn lạy. Rồi nguyện tiếp thêm hai lượt nữa.

Khi cô trở xuống, thì thấy ông bắt đầu niệm Phật to tiếng, cứ hai mươi, ba mươi câu Phật hiệu thì xen vào một câu: “Nam Mô Đại Từ Đại Bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát”

Lúc bấy giờ do thiếu máu não nên đôi khi niệm đến giữa chừng: Nam Mô Đại Từ... thì ông quên, liền hỏi: rồi gì... nữa con? Các con ông liền ứng thanh niệm tiếp theo: Đại Từ Đại Bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát. Niệm cho đến sáng ông khàn cả giọng. Trong cả đời tu, mấy mươi năm trôi qua ông chỉ niệm Phật thầm trong tâm, các con có khi thấy ông lẩn chuối, chứ chưa chứng kiến ông niệm Phật cao thanh bao giờ!

Sáng ra, cô Hai mới thở thê:

- Ba à! Lý do làm sao mà ba kêu người ta bằng đại ca? Bộ ba sợ chết hả?

Ông đáp:

- Đâu có! Ba đâu có sợ chết! Bởi vì người ta lớn tuổi, ba kính nể nên mới kêu như vậy! Ba nào có sợ chết đâu!

Kể từ đó ông ăn được, ngủ được nên đã khỏe lại, cơn ngạt mình dứt hẳn.

Ông thường dặn đi dặn lại với các con rằng:

- Khi có khách tới nhà thăm ba, các con nên tiếp khách ở bên ngoài; còn như người ta vô hỏi thăm ba, khi hỏi vài ba câu rồi thì các con cấp tốc khéo mời người ta ra ngoài uống nước, đừng không có nói chuyện với ba nhiều... Sau khi ba lên đường hoàn toàn rồi mới cho thân nhân hay. Bởi vì người thân đến gần cũng trở ngại cho sự siêu thoát lắm! Để cho ba yên tĩnh để ba niệm Phật. Khi ba mệt mấy chị em con xúm lại hộ niệm cho ba là được rồi... Con đừng nên mời đồng đạo, bởi vì đồng đạo hộ niệm tức nhiên mạnh động cả xóm đều hay, thì người ta tới thăm... Mà tới thăm trong lúc đó, người này hỏi, người kia hỏi lằng xằng, làm cho tâm ba tán loạn không có nhớ niệm Phật được, thành thử phải dự bị trước...”

Sáng ngày mùng 3 tháng 11 năm 2013 đến giờ cơm, các con dọn ra mời ông dùng, ông trả lời:

- Bữa nay ba ăn cơm không được!

Cô Hai bèn nói:

- Vậy để con nấu cháo cho ba nhen!

Khi đem cháo đến, húp vài ba muỗng nước cháo ông liền ọ ra hết. Lát sau ông bảo:

- Con gọi điện thoại kêu thằng Nam nó về đi!

Vì chú mới về ngày hôm qua nên cô Hai đáp:

- Ba à! Hai, ba ngày nó về một lần. Chớ ngày nào

cũng về thì cũng khó cho nó, vì nó còn phải đi làm kiếm tiền nuôi vợ con của nó mà!

Ông nói:

- Không, con điện cho nó hay đi, để ba mất nó trách con à!

Lúc này ông thường mắc tiểu, mà đi hoài không được cô Hai liền hỏi:

- Ba thấy có bị tức bụng hông? Nếu có thì con đưa ba đi bệnh viện để bác sĩ ghim ống thông tiểu?

Ông trả lời:

- Không! Ba thấy trong mình của ba vẫn khỏe chỉ thấy mắc tiểu hoài vậy thôi!

Đến chiều, khoảng 3 giờ, thầy thuốc gần bên nhà đến đo huyết áp, nhưng huyết áp thì không còn đo được nữa, mạch thì lâu lâu mới nhịp một cái. Ông thầy thuốc nói:

- Dì Hai, dì nên chuẩn bị tinh thần đi!

Mặc dù sức khỏe của ông đã cạn kiệt, nhưng tinh thần ông vẫn tươi tỉnh bình thường, người ngoài nhìn sắc diện thì không biết ông là người đang bệnh rất nặng.

Tối hôm đó có hai vợ chồng người em thứ Bảy ghé thăm, tới tám giờ rưỡi thì ra về. Khi khách đã về, ba cô con gái và một người con trai vây quanh niệm Phật với ông, ông dặn:

- Tai của ba không có lãng, các con niệm Phật cho ba rất nhỏ, rất chậm ba mới theo kịp. Niệm lẹ thì tim ba đập

mạnh; còn niệm lớn thì ba nghe... ba chịu không có nổi. Con niệm nhỏ nhỏ ba nghe được hết trơn hà!

Lúc này mồ hôi của ông tự nhiên đổ đầm đề. Con ông lấy khăn lau, kể đó ông lấy tay chỉ cái lưng ông nói:

- Xương sống của ba nhức!

Cô Hai dùng lòng bàn tay định chà lưng cho ông, thì ông bảo:

- Con à! Con đẩy nhẹ nhẹ để Phật rước!

Nói xong ông thay đổi tư thế, nằm ngửa ra, vài phút sau thì nằm nghiêng qua bên phải, hai chân duỗi thẳng rồi chồng lên nhau theo thế kiết tường. Cô Hai nói:

- Ba rán nhiếp tâm niệm Phật, ghen ba!

Ông gật đầu và bảo:

- Con lấy cho ba uống một miếng nước để không kịp!

Khi ông uống nước xong, cô Hai liền hỏi:

- Ba có niệm Phật không?

Ông đáp:

- Có! Ba có niệm Phật!

Cô liền đọc:

*“Dầu Tiên phàm ma quỷ súc sanh,
Cứ nhất tâm tín, nguyện, phụng hành.
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng,
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng.
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”*

Rồi cô nói:

- Ba à! Chỉ một kiếp thôi. Giờ phút này là giờ phút ăn thua đó ghen ba. Giờ phút cuối bây giờ ba phải buông

bỏ hết tất cả, đừng có vướng víu cái gì hết. Tụi con cái gì cũng biết, cái gì cũng làm được hết, ba đừng có lo nữa. Ba rán nhiếp tâm niệm Phật. Chỉ một kiếp này thôi hén ba. Thoát cái cuộc luân hồi này đi. Ba vãng sanh về phía bên kia có Đức Phật A-di-đà cứu vớt ba về cảnh giới đó, không còn sanh tử luân hồi nữa, không còn mang cái thân tứ đại đau khổ nữa!”

Nói tới đây cô liền cất tiếng niệm:

- Nam Mô A-di-đà Phật. Nam Mô A-di-đà Phật.
Nam Mô A-di-đà Phật!

Niệm vừa dứt câu cô bèn hỏi:

- Ba có nghe con niệm Phật không?

Khi cô hỏi xong, nhìn kỹ lại thì ông đã già biệt cõi hồng trần đầy đau thương và khổ lụy từ lúc nào rồi! Lúc ấy đúng 9 giờ tối, ngày mùng 3 tháng 11 năm 2013, ông hưởng thọ 78 tuổi.

Sự ra đi của ông quả thật quá ư thanh thản bình an, cũng quá ư nhẹ nhàng, nhanh như ánh sao băng, thể hiện sự buông xả mãnh liệt đối với cái thế trần vốn dĩ đầy hư ảo, phù du, đầy vô thường, và đầy tang thương khổ lụy!

Hộ niệm thêm, khi tàn một cây hương, thì xem thấy tay chân của ông mềm mại, sắc mặt tươi hồng, đặc biệt là đỉnh đầu rất nóng!

(Thuật theo lời cô Hai Chuyên, con gái của ông.)

78. NGUYỄN VĂN QUẬN (1969 - 2010, 41 tuổi)

Dù anh đã tạo sát nghiệp rất nặng nề, nhưng rất may mắn là lúc gần cuối đời anh đã gặp được thiện tri thức giới thiệu cho cách thức liễu sinh thoát tử đơn giản nhất, thẳng tắt nhất bằng câu VẠN ĐỨC HỒNG DANH, nên anh đã chân thành sám hối, đồng thời buông xả mọi duyên trần tục để chí tâm niệm Phật. Khi tín - nguyện - hạnh được đủ đầy, khi tâm anh hợp nhất với tâm Phật, nên anh đã thấy Phật! Do đó anh được sanh sang cõi Phật an lành là điều hết sức tất nhiên!

Anh Nguyễn Văn Quận sinh năm 1969, cư ngụ tại xã Phú Lộc, Thị xã Tân Châu, tỉnh Đồng Tháp. Cha là ông Nguyễn Văn Tòng, mẹ là bà Bùi Thị Hoa. Anh là anh thứ Ba trong một gia đình có sáu anh em.

Năm 21 tuổi anh thành hôn với chị Tú Thị Sang, sinh được một trai một gái. Lúc đầu anh nuôi sống gia đình bằng nghề “xiệc cá” (chích điện bắt cá). Bởi vì cảm thấy nghiệp sát quá nặng nên thời gian sau, anh đã tận tỵ xén bớt cái ăn cái mặc và mọi thứ chi dụng khác để dành dụm tiền, cuối cùng cũng đã mua được vài công đất nên nghỉ nghề xiệc cá, thỉnh thoảng anh đi làm thuê làm mướn thêm để cho sự sinh hoạt gia đình ổn định hơn.

Anh ăn chay trường từ thuở thiếu niên, sáng chiều lễ Phật. Sau khi lập gia đình một thời gian, do nghề

nghiệp để mưu sinh nên anh trở lại dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày.

Anh có bản tính hiền lành, hiếu thuận, ưa thích cùng mọi người làm các việc từ thiện như: sưu tầm thuốc Nam để cung ứng cho các phòng thuốc, giúp đỡ, quan tâm những người xung quanh và nhiều việc khác, nên xóm giềng ai cũng mến thương.

Vào khoảng giữa năm 2009 anh phát bệnh. Ban sơ anh điều trị bằng thuốc Nam, nhưng bệnh cứ dây dưa kéo dài mãi. Đến đầu tháng 11 ra Bệnh Viện Đại Học Y Dược, bác sĩ chẩn đoán là khối u gan, nên đề nghị phẫu thuật, anh đồng ý. Khi lên ca mổ bác sĩ rạch chữ L xong thì may lại, không xử lý được gì cả vì bệnh đã đến giai đoạn bó tay! Thời gian nhập viện là mười tám ngày.

Xuất viện về nhà, duyên may gặp được Ban Hộ Niệm Liên Xã Vĩnh Xương đến an ủi và khai thị, khuyên anh phát tâm trường trai trở lại, đồng thời niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương Cực Lạc. Kế đó bày cho anh phương pháp dùng gạo lứt muối mè số 7. Anh áp dụng theo, từ đó bụng dần dần hết sưng, sức khỏe khôi phục khá nhiều. Được hơn một tháng, khi ‘ăn ra’ do không có người hướng dẫn đúng cách nên anh đã bị bội thực, bụng sưng lớn trở lại, bệnh tình ngày một nguy ngập.

Qua tết Nguyên Đán, trưởng Ban Hộ Niệm đã đến khai thị về lý vô thường và lẽ thật của sự khổ, anh tỉnh ngộ rất dễ dàng. Do bụng to như cái trống, muốn sống mà

sống không được, muốn chết mà chết không xong, từng cơn mệt kịch liệt, từng cơn đau đốn dữ dội hoành hành, lắm khi phải nhắm mắt nhủu mày. Toàn thân thì nóng như lửa đốt, mỗi ngày vợ con phải mua ít nhất là một cây nước đá dùng khăn nhúng nước để lau và đắp cho anh. Quả là:

*“Bệnh tật chưa hề nể mặt ai,
Từ trên vua chúa đến ăn mày.
Bất luận trẻ, già, ngu hay đại,
Nào phân mập, ốm, gái cùng trai.
Nhân ác gieo nhiều, nhiều đau đốn,
Tự làm tự chịu chẳng ai bày.
Đã khổ rần chuyên tu Tịnh nghiệp,
Trực đạo Tây Phương hết trả vay!*

*Bệnh đeo xác thịt bởi nợ nần,
Phải mau sám hối nguyện tu thân!
Nhức nhối càng tăng càng niệm Phật,
Đốn đau rần chịu chớ nổi sân.
Cảnh sống khổ vui toàn mộng mị,
Biết trần giả tạm chớ mê trần.
Ẩn nhẫn bên lòng trì Lục tự,
Cực Lạc Tây Phương sẽ dự phần.”*

Mặc dù thống khổ cùng cực nhưng anh hoan hỉ nhẫn chịu chẳng hề hờn giận rên than. “Mưa dầm thấm đất”, Ban Hộ Niệm đã cộng tu và khai thị hằng đêm, ngoài ra còn mang cho anh những đĩa niệm Phật vãng sanh, nhờ

thế tín tâm của anh đối với pháp môn Tịnh Độ mỗi lúc một sâu chắc, lòng cầu sanh Tịnh Độ khẩn thiết hơn. Ban đầu anh còn lo lắng đến vợ con, gởi gắm vợ con cho người chị thứ Hai. Chị mới khuyên anh rằng:

- Thôi em rán buông xả, cứ niệm Phật để vãng sanh đi! Mấy đứa con của em đã khôn lớn hết rồi, em đừng bận tâm đến nữa!

Sau đó anh dốc hết tâm, niệm Phật ròng rã, hành trì suốt ngày đêm. Mỗi tối Ban Hộ Niệm đến thấy anh nằm mệt đừ, lúc đại chúng niệm Phật anh cũng chấp tay niệm theo, khi buổi cộng tu hoàn mãn mọi người cáo từ ra về thì anh khỏe khoắn trở lại, y như người bình thường không đau đớn gì cả. Nhiều lần như thế nên anh cũng từng than:

- Sao mà kỳ quá chị Bảy ơi! Sao em khỏe lại nữa rồi!

Phần đông các bệnh nhân khi lên cơn đau, cơn mệt, Ban Hộ Niệm đến hộ niệm tới chừng được hết mệt, hết đau thì người ta mừng; còn anh thì ngược lại, anh buồn. Theo ý anh thì nghĩ rằng: khỏe lại cũng đồng nghĩa là Phật sẽ lâu tới rước!

Đến ngày 21 tháng 2 năm 2010, anh nằm chiêm bao thấy Tây Phương Tam Thánh hào quang chiếu sáng rực rỡ, từ trên hạ xuống nói với anh rằng:

- Con chưa đầy đủ công đức. Con rán niệm Phật thêm, chừng nào đủ rồi Ta sẽ rước con đi!

Khi tỉnh giấc anh thuật lại cho mọi người biết. Từ đó lòng anh tràn đầy niềm vui mừng, lộ hẳn ra nơi gương mặt, trên mặt lúc nào cũng toe toét tươi cười. Ba ngày kế tiếp anh ngưng ăn, chỉ uống một ít nước, nằm chấp tay niệm Phật suốt đêm. Mãi đến ngày 29 thêm hai lần nữa, anh cũng lại nằm mộng được thấy Phật.

Sáng ngày 30 anh nhờ người nhà tắm rửa rồi khiêng anh từ nhà bếp ra hàng ba trước nhà, vì anh luôn nằm trên chiếc võng. Trưa hôm đó, cô Bảy nhúng khăn vào thau nước đá lau cho anh. Anh nói:

- Chị Bảy bữa nay tắm cho em mát quá! Em thương anh Bảy chị Bảy quá thương rồi, và thương đồng đạo quá! Nữa em mà về trên trần được rồi là em quay trở lại liền!

Sau đó khiêng võng đưa anh vào nhà, thân quyến và Ban Hộ Niệm vây quanh trợ niệm. Mắt anh luôn nhắm chú hướng về ngôi Tam bảo, tay chấp nơi ngực, miệng niệm Phật theo mọi người. Đến 3 giờ chiều anh mỉm cười rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày 30 tháng 2 năm 2010, anh hưởng dương 41 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn tiếp tục duy trì. Có ông anh vợ thứ Hai hay tin anh mất, khi đến nơi thấy anh nằm trên võng với tư thế như vậy, ông bèn cất tiếng:

- Sao mà không ẳm nó xuống để ngay ngắn lại, mà để như vậy, nữa cất nhượng chỗ làm sao mà kéo ra!

Vì mẹ ông mới mất ở tuần lễ trước, qua hơn một giờ thì các khớp xương của bà cứng đơ cứng còng. Nên vừa

nói xong, ông bước vô chuẩn bị ra tay để sửa. Chị ruột của anh thấy thế bèn ngăn lại. Ông tức giận liền bỏ ra ngoài. Những người lối xóm cứ xầm xì với nhau:

- Trừ ra cắt nhượng ...chớ làm sao!

Và có vài âm thanh phụ họa theo:

- Lo niệm riết... chắc sinh quá!

Hộ niệm đến 4 giờ sáng hôm sau, gương mặt anh vẫn còn cười toe toét, tay vẫn còn chấp lại nơi ngực. Ai tới thăm nhìn thấy cũng đồng nói anh nằm ngủ anh cười, chớ không ai nói là anh chết cả. Khi sờ thăm thì thể thì thấy các khớp xương mềm mại, bụng không còn cứng, các nơi đều lạnh duy chỉ còn đỉnh đầu ấm nóng.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Nga là chị thứ Hai của anh và Tú Thị Sang vợ của anh.)

79. NGUYỄN THỊ MĂNG (1940 - 2010, 70 tuổi)

Em gái út của bà, lúc 11 giờ thay ca hộ niệm, cô bèn bước sang qua nhà bên cạnh để nằm nghỉ vì đã mấy ngày đêm thức trắng, vừa ngã lưng xuống là cô ngủ ngon lành. Khi ấy cô chìm vào cơn mơ, bỗng chợt nhìn thấy hình Tây Phương Tam Thánh từ trên cao giáng xuống, ngay khi ấy cũng vừa tỉnh giấc, trong bụng sinh nghi bèn cầm chiếc áo tràng vừa mặc vào vừa chạy riết về, khi bước vô đúng lúc bà vừa dứt hơi.

Bà Nguyễn Thị Măng sinh năm 1940, cư ngụ tại xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Ngọc Ẩn, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Che. Bà là chị Hai trong gia đình có sáu người con.

Khi đến tuổi hoa xuân, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Măng trùng tên trùng họ, quê ở Long Thuận, Hồng Ngự, Đồng Tháp.

Hai ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng khi đứa con trai đầu lòng vừa chập chững bước đi, thì người bạn đường của bà đã dừng chân nơi “Khách Sạn Thiên Thu”, phần lộ trình còn lại bà an phận “vạn lý độc hành”!

Bà rất đỗi hiền lành, hiếu hạnh; với làng xóm láng giềng thì nhân hậu chan hòa, chẳng mịch lòng một ai, nên bà được nhiều người thương mến.

Theo truyền thống gia đình, bà dùng chay kỳ, một tháng sáu ngày, một năm ba tháng, sớm chiều hai thời lễ nguyện. Bà thường nghe bằng đĩa kinh kệ sám thi. Nghề độ nhật là nghề may, thỉnh thoảng bà cũng đi nấu đảm cho thân nhân trong tộc họ, và cùng các bạn đạo đi nấu cơm từ thiện cho bệnh viện thị xã Tân Châu.

Năm 2005, bà bị tai biến mạch máu não, đưa vào bệnh viện tim mạch An Giang để cấp cứu. Vài ngày sau, con bà nhìn thấy bà có hiện tượng nguy kịch giống y như một bệnh nhân giường bên cạnh vừa mới qua đời. Chú lo sợ quá liền gom hết tắc lòng thành kính khẩn cầu với Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, giảm tuổi thọ mình năm năm để cho mẹ mình được hồi sinh vượt qua cơn hiểm nạn. Sau đó bệnh trạng của bà từ từ giảm dần rồi xuất viện ra về. Về nhà điều trị thêm một thời gian nữa sức khỏe của bà hồi phục, nhưng không hoàn toàn, vận động hơi khó khăn, em gái Út mới nói với bà:

- Chị Hai! Chắc hồi đó chị làm thợ nấu... Dĩ nhiên mình không trực tiếp giết gà giết vịt, nhưng mình nấu bao nhiêu mâm thì mình kêu người ta phải làm bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt. Chị khiến người ta như vậy... nên giò căng của chị bây giờ... mới như vậy!

Nghe xong bà khóc rồi nói:

- Em cũng cầu nguyện tiếp chị!

Cô Út đáp:

- Được rồi, chị cứ niệm Phật sám hối!

Từ đó bà thường lạy sám hối và mua vật mạng phóng sanh. Cô Út còn đem kinh Vô Lượng Thọ đến đọc những phẩm diễn tả cảnh giới Cực Lạc cho bà nghe, và khuyên:

- Chicos! gắng niệm Phật để về trên đó. Cha mình đã về trên đó rồi... Thôi chị về trên đi! Trước hết gặp cha mình, và còn gặp Đức Từ phụ A-di-đà. Được gặp Ngài là sung sướng lắm... Thôi chị cố gắng đi!

Bà cười rồi khẳng định:

- Ừ! Chị quyết định về trên đó!

Năm 2007, bà bị hở van tim. Đến tháng 9 năm 2009, nhà lối xóm phát hỏa, nên nhà bà cũng bị rụi tàn trong biển lửa. Vật chất quả thật quá ư mong manh vô thường!

Đến năm 2010, bà bị bệnh khớp, thay thầy đổi thuốc rất nhiều nơi, có lần ra tận Bệnh Viện Trung Tâm Chính Hình ở Sài Gòn, bác sĩ khám và cho thuốc về nhà, nhưng rồi thuốc uống vào bao tử của bà bị hoành hành dữ dội, nên đành phải ngừng uống thuốc.

Sau những lần bà bị bệnh lên máu, khi điều trị sức khỏe được hồi phục thì giọng nói của bà không được như cũ, và bà hay xúc động, gặp ai tới thăm là bà khóc, có khi gặp người này mà bà kêu lộn tên người kia, nhưng nhớ lại thì bật cười. Cho nên Cổ Đức đã khuyên nhắc:

*“Dù sang vàng ngọc đây nhà,
Vẫn khổ suy già bệnh tật.*

Đón đau bức ngặt,
Nhức nhói tim gan.
Lục phủ xốn xang,
Bất an ngũ tạng.
Ung thư đủ dạng,
Vạn trạng muôn hình.
Xương, khớp, thần kinh,...
Chỗ nào cũng yếu.
Uống ăn chút xíu,
Thức trắng đêm ngày.
Nhíu mặt nhăn mày,
Các thầy đều chạy.
Có khi ngậy dại,
Lú lẫn khù khờ.
Tay chơn cứng đờ,
Phải nhờ dìu, ẵm.
Lúc thì lảm cẩm,
Khăn vắt trên vai.
Tối lui tìm hoài,
Cuối cùng nổi cáu.
Hoặc không tỉnh táo,
Đi rong ngoài đường.
Chẳng biết hướng phương,
Mô tê gì cả!

...

Hiện khỏe nên khá,
Gieo trồng Tịnh nhân.
Niệm Phật chuyên cần,

*Tin sâu nguyện thiết.
Thế trần quán trọ,
Xin đừng luyến tiếc,
Cực Lạc quê xưa,
Thành thiết mong về.
Dưới trăng đốt nén hương thê,
Tây Phương quyết đáo cận kề Như Lai!”*

Một hôm con trai phát hiện bà bị đột quỵ trong nhà tắm liền đưa đi Bệnh Viện Tân Châu cấp cứu, thấy không xong rồi chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, qua hai tuần lễ theo dõi bác sĩ chẩn đoán là suy tim độ ba, và nói:

- Bệnh này còn nước còn tát chứ không có khả năng hồi phục.

Con trai của bà điện thoại về:

- Út ơi! Bác sĩ cho biết như vậy rồi, bây giờ tính sao?

Cô Út liền đề nghị nên xin xuất viện, để về nhà hộ niệm.

Khoảng 2 giờ chiều ngày mùng 5 tháng 4 năm 2010, chuyển bà về tới nhà, trong phòng có treo một bức ảnh Đức Phật A-di-đà bên cạnh bệnh nhân. Cô Út vừa lấy tay chỉ vào bức ảnh vừa nói với bà:

- Chị Hai ơi! Nữa chị đi theo Ông này chớ đừng đi theo Ông nào hết ghen chị!

Bà liền gật đầu. Từ đó bất cứ ai đến thăm, hỏi bà, bà đều khoát tay, bảo:

- Niệm Phật đi! Đừng có nói gì hết!

Đến 8 giờ tối, một tay của bà bị liệt nên bất động, tay còn lại thì quơ đuổi liên tục, mặc dù mắt bà vẫn mở, thân quỵến phải đến lay tỉnh và khuyên gọi:

- Chị Hai ơi, niệm Phật đi chị Hai! Kệ nó... cố gắng niệm Nam Mô A-di-đà Phật đi chị!

Khi nói xong thì thấy bà yên lặng, giãy lát trở lại như cũ, hỏi bà là đã thấy gì, thì bà trả lời, mà âm thanh rất khó nghe nên không ai biết là bà muốn nói cái gì. Lúc bà nhắm mắt lại thì quơ tay la ú ớ, y như đuổi gà đuổi vịt. Tình trạng này kéo dài đến 3 giờ sáng hôm sau. Khi thân nhân tụng chú Đại Bi thì bà tạm thời ngủ được.

Sáng ngày mừng 6, Ban Hộ Niệm chia ca hộ niệm, đồng thời gia đình mua cá phóng sanh hồi hướng cho oan gia trái chủ, thì hiện tượng la đuổi của bà thưa dần, và thời gian cũng ngắn lại rõ rệt, chỉ còn lại từ 9 giờ tối đến 1 giờ khuya mà thôi.

Sáng ngày mừng 7 tháng 4 năm 2010, gia đình rút dây truyền thức ăn ra, chỉ còn dây thở ôxy. Lúc này bà vẫn còn tỉnh táo sáng suốt bình thường, ai có hỏi bà vẫn nghe biết rõ ràng. Hộ niệm đến 12 giờ trưa thì bà nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, khi đó mắt bà đang chăm chú hướng về chân dung Đức Phật A-di-đà, tay chân tự sửa ngay thẳng. Bà hưởng thọ 70 tuổi, tính ra thì cũng vừa đúng năm năm mà con bà đã cầu xin với Đức Quán Thế Âm Đại Sĩ khi còn trong phòng cấp cứu tại Bệnh Viện Đa Khoa An Giang.

Sáng hôm ấy, chú Bảy trưởng Ban Hộ Niệm thăm nghĩ sao niệm Phật lâu quá mà bệnh nhân không ra đi, chú liền đến trước bàn Phật khẩn nguyện cho bà: nếu thọ mạng còn thì mau hết bệnh; nếu như thọ mạng hết, nhờ Phật cho vãng sanh sớm. Rồi chú thỉnh ly nước cúng cho bà uống. Khi bà mất, phần nước thừa còn lại nếm thấy cực kỳ ngọt, nên mọi người chia nhau nếm thử.

Em gái Út của bà, lúc 11 giờ thay ca hộ niệm, cô bèn bước sang qua nhà bên cạnh để nằm nghỉ, vì đã mấy ngày đêm thức trắng, vừa ngả lưng xuống là cô ngủ ngon lành. Khi ấy cô chìm vào cơn mơ, bỗng chợt nhìn thấy hình Tây Phương Tam Thánh từ trên cao giáng xuống, ngay khi ấy cũng vừa tỉnh giấc, trong bụng sinh nghi bèn cầm chiếc áo tràng vừa mặc vào vừa chạy riết về, khi bước vô đúng lúc bà vừa dứt hơi.

Nơi mé sông trước cửa nhà bà ở có bãi rác, nên ruồi bay trong nhà rất nhiều, thường bu trên bệnh nhân nên lúc hộ niệm phải có người cầm quạt để quạt đuổi liên tục. Khi bà mất người ta phát hiện không còn một con ruồi nào bay lượn trong phòng nữa hết, mà chúng đậu thành hàng hàng lớp lớp trên cọng dây chì dùng để treo màn chỗ bà nằm.

Qua tám giờ sau, toàn thân mềm mại và rất lạnh, duy có vùng trán còn ấm, tiếp tục hộ niệm thêm thì hơi nóng chuyển lên đỉnh đầu. Lúc này mặt mày bà hồng hào

sáng đẹp, đặc biệt là môi đỏ như thoa son, hai lòng bàn tay và lòng bàn chân đỏ thắm, và cục bướu bên cạnh hàm thường ngày nhô ra lớn như quả trứng gà bỗng dưng biến mất!

Trong thời gian 8 tiếng đồng hồ trợ niệm đó, nước trong những chai để cho Ban Hộ Niệm uống đều có vị ngọt dịu, và từ bàn Phật phát ra một mùi thơm thoang thoảng không giống với bất kỳ mùi hương nào.

Khi hoàn mãn tuần thất, con trai của bà thường nhớ đến bà. Đêm nọ chú nằm mộng thấy bà, trong tâm cũng biết là mẹ mình đã mất, chú liền hỏi:

- Mẹ đi đâu sao lâu quá mà không về, vậy mẹ?

Bà đáp:

- Mẹ đi chơi!

Chú lại hỏi:

- Mẹ đi chơi ở đâu?

Bà trả lời:

- Mẹ đi chơi ở Tây Phương!

(Thuật theo lời Nguyễn Hoàng Thi con trai và Nguyễn Kim Lê em gái út của bà.)

80. TRẦN VĂN LŨƠNG (1935 - 2008, 73 tuổi)

Tảo tần nuôi con dạy cháu, tận tụy vì nước vì dân, lợi chẳng cần danh không mền: Để tiếng thơm muôn kiếp nơi đời!

Siêng năng học hỏi Phật pháp, tinh tấn công phu tu hành, quyết vãng sanh ngay liền đời: Soi gương sáng ngàn năm cho đạo!

Ông Trần Văn Luông sinh năm 1935; cư ngụ tại ấp 5, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Minh Hải. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Uất, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Thu. Ông là người con thứ Tư trong gia đình có chín anh em. Năm 20 tuổi ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Thạnh; sinh được bốn trai, bốn gái.

Thuở thanh thiếu niên ông phải đối diện với muôn ngàn khó khăn, khổ nhọc, ông vừa tham gia kháng chiến, vừa làm thuê làm mướn để duy trì sự sống gia đình. Từ 1975 trở về sau ông không ra làm việc mà trở về đời sống nông dân, vui thú với mảnh ruộng, khu vườn; hoàn cảnh kinh tế lần hồi phát đạt, tương đối thuận tiện hơn xưa.

Tính tình của ông chất phác, hiền lành, vui vẻ, cởi mở nên dễ hòa đồng với mọi người. Riêng đời sống sinh hoạt cá nhân thì ông rất kiệm ước, giản đơn.

Ban sơ đến với Tam Bảo, ông dùng chay một tháng mười ngày, trong lúc đó cô con gái thứ Tám thì đã trưởng trai khá lâu. Sau khi đã nghiên cứu về kinh kệ, ông thấy

mình thích hợp với pháp môn Tịnh Độ, bởi vì pháp môn này cách thức hành trì hết sức dễ dàng, không đòi hỏi trình độ hiểu biết về Phật pháp phải sâu rộng, hoặc môi trường hoàn cảnh sống phải như thế nào mới hành trì được. Mà bất cứ một ai thật lòng ăn năn, sám hối, làm lành lánh dữ, thật tâm tu, thành lòng niệm Phật thì đều đạt được kết quả mỹ mãn cả! Nhất định nắm chắc phần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Ông kết giao với rất nhiều thiện tri thức để có dịp trao đổi những kinh nghiệm trong công phu tịnh niệm hàng ngày.

Tất cả mọi công tác từ thiện xã hội ông đều hăng hái tham gia. Nhất là tang sự của bà con quanh vùng, ông tự tay tần liệm và còn giúp đỡ về phần vật chất cho những người thiếu thốn cần đến. Nhờ biết được một số phương thuốc gia truyền trị được các bệnh ban, các loại mụn độc, các bệnh trật đả gãy xương, nên năm 1982 ông xin với chính quyền địa phương cho phép thành lập một phòng thuốc Nam tại nhà. Được sự chấp thuận của Hội Chữ Thập Đỏ và Hội Y Học Cổ Truyền, các cấp xã, huyện, tỉnh... nên phòng thuốc đã ra đời. Đồng thời dân chúng hưởng ứng đông đảo nên phòng thuốc ngày một hưng thịnh. Cũng từ đó ông đã phát tâm trường trai, chí thành niệm Phật, khẩn thiết nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc! Đời tu của ông rất gần với lời sách tấn của Cổ Đức:

*“Bất luận là kẻ trí người ngu,
Đều có thể trì câu Lục Tự.*

Thật niệm Phật dứt lòng hung dữ,
Quyết tu hành bỏ sự gian phi;
Lợi danh đòi lòng chẳng thiết chi,
Đường giải thoát cố đi cho tốt.
Trong nhà lửa mà không bị đốt,
Ở cõi trần mà vượt khỏi mê;
Có vinh huê chẳng nhiễm vinh huê,
Được phú quý không mê phú quý.
Càng có của càng đem bố thí,
Càng có quyền càng nghĩ cứu dân;
Giàu sang không phụ bạc cơ bản,
Thông minh chẳng nhạo khinh ngu dại.
Được thân thế lòng càng rộng rãi,
Đủ tiện nghi dạ phải khoan dung;
Không thừa cơ chụp giựt hành hung,
Chẳng cậy thế thổi lông tìm vết.
Muốn làm sống không đành làm chết,
Thương người không nỡ ghét hại người;
Tìm làm cho hòa nhã tốt tươi,
Chẳng muốn tạo lỗi thôi gây gổ.
Giữ nhân cách, biết điều thẹn hổ,
Ở thẳng ngay, sống có cương thường;
Nghe khổ người lòng biết xót thương,
Thấy đói biết chia cơm sẻ áo.
Ở chòm xóm lấy câu hòa hảo,
Trong gia đình gìn đạo hiếu thân;
Ai cũng đều ăn ở có nhân,
Người đời sẽ bớt phần thống khổ.

*Ai cũng biết chung lo tế độ,
Thì ngục môn bế ngõ từ lâu.”*

Ông thường khuyên con cháu và mọi người cố gắng làm lành lánh dữ, chuyên cần niệm Phật trong mọi oai nghi giữ sao cho đừng gián đoạn, để khi lâm chung quyết định vãng sanh. Ông thường đọc câu:

*“Việc làm là việc bề ngoài;
Trong tâm niệm Phật ngày rày ai hay!”*

Và ông thường nhắc nhở con cháu răn tu đền Tứ Đại Trọng Ân, tu tròn Nhân Đạo và thực hành Thập Thiện!

Năm 2005, vào ngày mừng 8 tháng giêng, ông bị tai biến mạch máu não, thân nhân đưa vào bệnh viện Cà Mau, nửa người bên phải bị liệt rất nặng. Ở đây một tuần, bác sĩ bó tay hết cách, thấy tình hình không ổn nên gia đình bèn xin xuất viện về nhà để lo hậu sự. Qua hôm sau là ngày 16, lúc 9 giờ sáng thì ông tắt hơi trong âm thanh Phật hiệu vang rền.

Trước đó ba ngày gia quyến đã mời chư đồng đạo cầu nguyện cho ông tại nhà, nên khi ông mất bà con đều tề tựu đông đủ. Ngưng thở độ chừng khoảng nửa giờ sau thì ông thở nhẹ nhẹ trở lại, rồi từ từ tỉnh hẳn. Khi tỉnh ông bèn kêu vợ gọi người con gái thứ Tám lại, trước sự hiện diện toàn bộ thân tộc ông nói với cô:

- Hồi nào tới giờ... cha đã chăm lo ngôi thờ tự và phòng thuốc Nam này... cố gắng niệm Phật. Hôm nay tuổi cha đã già yếu, một ngày nào đó cha cũng phải ra đi

vĩnh viễn. Con có nhận lãnh sẵn sóc ngôi thờ tự và phòng thuốc Nam này hay không? Nếu được thì con phải hứa với cha, cha mới an lòng nhắm mắt trước khi theo Phật!

Cô Tám hứa nhận xong, ông dặn dò thêm một số việc khác cho gia đình.

Từ đó trở đi ông buông xả muôn duyên chỉ chăm lo dựng bông nơi ngôi thờ cúng, ngày đêm lễ Phật, niệm Phật liên tục, tất cả bệnh tật nơi ông đều tự nhiên dứt sạch tay chân hoạt động bình thường không còn liệt nữa, chỉ có điều là thể lực có phần kém hơn trước kia đôi chút mà thôi!

Ba năm sau, giữa tháng 7 năm 2008 ông trở bệnh, sức khỏe cứ yếu dần. Ngày 16 tháng 7 con cháu mời bạn đồng tu đến cầu an ba hôm. Sáng ngày 19 thấy cha chắc không qua khỏi, cô Tám liền căn dặn mẹ nên kê cận chăm sóc cho ông, vì sợ ông đi một mình dễ bị té, cô âm thầm đi mời đồng đạo đến hộ niệm cho ông, vì sợ ông lo nên cô không báo cho ông biết, thế mà khi các anh chị của cô hỏi qua hỏi lại với nhau:

- Tám đâu rồi?

Ông nghe được bèn đáp:

- Tám đi công chuyện rồi 12 giờ mới về!

Khi cô về đến nhà, cô nấu cho ông một tô hủ tiếu và pha một ly sữa. Khi ông dùng hết rồi, bèn nói với cô Tám:

- Cha ăn với con tô hủ tiếu này thôi, cha không ăn nữa!

Mọi người đều nghe nhưng cho qua, không ai để ý đến; chẳng ngờ đó lại là lời trần trối sau cùng.

Vào tối ngày 19 - 7, huynh Chín đại diện cho Ban Hộ Niệm đã họp thân tộc lại để sinh hoạt về một số thể lệ của hộ niệm, do vì địa phương này xưa nay chưa từng có ai được hộ niệm cả! Tập tục tang chế cũng rất khác hẳn với những vùng An Giang, Châu Đốc... nơi mà có nhiều người tu Tịnh độ. Ở đây thường là sát hại rất nhiều sinh vật trâu, heo, bò, chó... để đãi đăng hương thôn khi có thân quyến qua đời, và thời gian quàng nhục thân lại cũng rất lâu. Buổi họp kéo dài từ 9 giờ tối cho đến 2 giờ sáng hôm sau - ngót năm tiếng đồng hồ - mới hoàn mãn, tất cả mọi thành viên trong gia đình đã thống nhất ý kiến, mọi việc tương đối trôi chảy thuận lợi!

Kể từ lúc đó đến ngày 23 tháng 7 ông nằm luôn, niệm Phật theo đại chúng. Khi con ông đến hỏi:

- Cha có nghe niệm Phật không cha?

Ông nghe xong thì khẽ gật đầu. Trong nhà có khoảng vài chục đồng đạo từ các nơi tề tựu trở về để hộ niệm cho ông. Mỗi ca là mười vị, cứ luân phiên thay đổi liên tục cả ngày lẫn đêm.

Đến 6 giờ 10 phút chiều, thấy thần sắc của ông thay đổi nên toàn bộ con cháu và đồng đạo vây quanh đồng thanh hô to Phật hiệu. Khoảng 30 phút sau ông nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, lúc ấy đúng 6 giờ 45 tối, ngày 23 tháng 7 năm 2008, ông hưởng thọ 73 tuổi.

Khi ông tắt hơi mọi người đang hộ niệm được khoảng năm phút, thỉnh linh đôi tay ông từ từ co lên chắp lại nơi ngực, nhưng chưa hoàn tất thành hình búp sen thì dừng lại!

Lúc ấy đôi mắt không khép kín và miệng lại há to, mấy tiếng đồng hồ sau miệng tự ngậm chặt lại. Đến sáng hôm sau gương mặt ông lộ nét hoan hỷ, an lạc; các khớp xương đều mềm mại. Nhìn ông như nhìn một người đang nằm ngủ.

Đặc biệt là bốn năm ngày liền nằm im niệm Phật ông không ăn uống gì hết, và cũng hoàn toàn không có đại tiểu tiện chi cả!

Đám tang của ông, gia quyến đã tiến hành thết đãi tộc họ, hương thôn và quý quan khách toàn bộ bằng đồ chay khiết tịnh. Đối với địa phương này mà nói, thì đây quả thật là một quyết tâm hết sức phi thường của người con Phật, đáng được tán thán đề cao, cũng là tấm gương sáng đáng để cho mọi người học tập noi theo, vì nó đã sửa đổi hẳn cổ lệ ảnh hưởng tai hại cho hương linh người quá vãng to lớn nhất! Trong khi đó chuyện tang lễ đãi đằng thực phẩm chay của những vùng lân cận thì quá ư bình thường và cũng rất lâu đời rồi, mà dùng câu: “Xưa như quả đất” thì đúng hơn!

Bảy tuần thất trôi qua (tức bốn mươi chín ngày sau khi ông mất) cô Tám nằm mộng thấy ông, ông nói với cô rằng:

- Con cứ yên tâm đi, cha đã được về cõi Phật rồi! Cha sẽ độ cho con vượt qua mọi khó khăn... Con rán niệm Phật!

Ngôi nhà ông hiện nay cô con gái thứ Tám đã tổ chức niệm Phật định kỳ, tạo điều kiện cho quần chúng nơi đây có chỗ tựa tâm linh. Đó cũng là tâm nguyện của ông, tâm nguyện của một người đã dâng trọn cả cuộc đời mình cho dân cho nước! Bà con quanh vùng rất hoan hỷ đến tham dự thường xuyên, noi theo gương hạnh của ông để hầu đạt được bình an trong khi sống và thật sự vĩnh viễn bình an sau khi chết. Bởi vì đời người không phải chỉ giới hạn có mấy mươi năm ngắn ngủi này thôi đâu! Tuy thân xác có hội hiệp, có tan lìa; còn thần thức thì trường tồn, chưa từng chết mất!

(Thuật theo lời Trần Thu Dòn, cô con gái thứ Tám của ông và đồng đạo Chín.)

BÓNG HÌNH CHA

*Ngồi ngắm nhìn mưa rơi lả chả...
Nhớ cha... con buồn bã trăm chiều!
Cha hiền chỉ dạy dặt dìu,
Nẻo đường lành tốt, bao điều cần tu.
Hôm nay cha mặc dù vắng bóng,
Lòng con luôn hoài vọng thuở xưa.
Ngày đêm tần tảo sớm trưa,*

Vì đàn con trẻ nắng mưa chẳng nài.
Bao vất vả đắng cay cha nhận,
Để cho con hưởng phận thanh nhàn.
Chở che sương gió gian nan,
Trăm ngàn lao nhọc chẳng màng khổ thân.
Cả vật chất tinh thần đều đủ,
Luôn quan tâm nhấn nhủ chi li.
Tổ tường từng bước con đi,
Từng lời con tập, oai nghi ngó nhìn...
Suy xét kỹ công minh ứng đối,
Hợp lý tình hợp đạo chánh chân.
Trong ngoài phải lẽ xử phân,
Thân sơ trên dưới xa gần tròn vuông.
Giờ nhớ cha lệ tuôn trào mãi,
Công sinh thành núi Thái khó so.
Biển sâu rộng, có thể đo,
Ân dày muốn đáp sao cho ngang bằng?!
Chỉ còn cách ngày hằng tu tập,
Gắng chuyên cần bồi đắp phước lành.
Những điều lợi ích nhân sanh,
Xả thân gánh vác thực hành tận tâm.
Vì Phật pháp không làm danh lợi,
Cùng chung lo quốc thái dân an.
Mọi người vui tới đạo tràng,
Cộng tu định khóa chứa chan chân tình.
Khích lệ nhau chuyên tinh Tịnh Độ,
Khích lệ nhau giác ngộ lý mầu.
Phật pháp vi diệu cao sâu,

Đồng nhau niệm Phật đồng cầu vãng sanh.
Đốt nén hương lòng thành khẩn nguyện,
Phật mười phương linh hiển gia trì.
Long thiên hộ pháp từ bi,
Chở che cho bước con đi vững vàng.
Nay cha đã an nhàn tu học,
Hẹn một ngày hỏa tốc sang Tây!
Chùng ấy sẽ được sum vầy,
Không còn sinh tử, nước mây trùng phùng!
Nhớ cha, dạ vô cùng quặn thắt,
Nguyện một lòng nắm chặt Hồng danh!
Thệ tu trọn sáng trọn lành,
Đúng lời cha dạy bình sanh thuở nào!
Khói hương nghi ngút bay cao,
Chứng minh con trẻ có bao nỗi niềm!
Hoa hạnh phúc nở trong tim!

(Thu Dồn và một bạn đồng tu)

81. HỒ THỊ TƯỜNG (1928 - 2012, 83 tuổi)

Mặc dù bị bệnh nằm một chỗ, nhưng đến giờ công phu thì bà nhờ con bế bà đến trước ngôi Tam bảo để lễ nguyện và niệm Phật không thiếu sót thời nào. Bao nhiêu tiền của con cháu cho, bà đều bố thí phóng sanh hết, không giữ lại tí gì cả, đồng thời bà cũng phát tâm trường trai. Mỗi khi thấy con cháu nói chuyện ồn ào bà đều khuyên ngăn, nên giữ yên tịnh và quý tiếc thời gian để hành trì niệm Phật.

Bà Hồ Thị Tường sinh năm 1928, nguyên quán tại rạch Ca My, quận Ô môn, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Hồ Văn Ninh, thân mẫu là cụ bà Võ Thị Nguôi. Bà là con thứ năm trong gia đình có năm anh em.

Năm lên 20 tuổi bà thành hôn với ông Nguyễn Văn Vui, sinh được một trai bảy gái, cư ngụ tại xã Thới Phong, thị trấn Thới Lai, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Gia đình bà sinh sống bằng nghề nông.

Tính tình của bà hiền hòa, nhân hậu, thương người, mến vật, thích sống đơn giản, cần kiệm. Bà quy y Tam bảo rất sớm, khi tuổi chưa đến 20 bà đã dùng chay mỗi tháng 4 ngày, mỗi ngày hai thời lễ niệm.

Vào khoảng đầu thập niên 70, vì chiến cuộc nên gia đình bà phải nhiều lần di tản. Một hôm không may bom đạn vô tình đã cướp đi sinh mạng người chồng - nơi

nương tựa duy nhất của đời bà - khi đó bà 46 tuổi. Nỗi tử biệt sanh ly sâu thương to dường quả núi thành linh giáng xuống... Hình như định mệnh quá ư khắc nghiệt không một chút nhân nhượng nới tay, làm cho bà khổ đau cùng cực, tựa hồ rơi tằm vào hố sâu tuyệt vọng. Giây phút này bà gần như hoàn toàn tuyệt vọng!

*“Sống như giấc chiêm bao một thứ,
Rủi lâm vào nạn sự buông tay;
Không ai biết được ngày mai,
Hôm qua thấy đó bữa nay mất rồi.
Biết bao cuộc sống dồi dào dập,
Cảnh thảm sâu tới tấp liền tay;
Cám thương già trẻ gái trai,
Sống đời mạt pháp không ngày nào an.”*

Từ đó, bà cảm nhận được lý vô thường qua lời Đức Phật dạy: mây nổi bèo trôi, nay tan mai hợp... Mọi thứ trên cõi đời có sanh thì có tử; có hội ngộ ắt phải có giây phút phân ly! Nhờ đó mà nỗi niềm bi cảm tan nhạt dần trong tâm khảm của bà, bà chấp nhận đời sống hiện tại, cố gắng lo nuôi dưỡng các con cho sớm được nên người. Tinh thần bà khôi phục lại thể cân bằng, bà phát tâm ăn chay tăng thêm mỗi tháng 10 ngày và một năm 3 tháng.

Bà rất thích đọc kinh kệ và nghe băng đĩa, như các đoạn sau:

*“Đầu cúi lạy Cửu Huyền Thất Tổ,
Ngõ đáp ơn báo bổ sanh thành.
Nay con quy Phật tu hành,*

*Cửu Huyền Thất Tổ lòng lành chứng tri.
Lời Phật dạy từ bi bác ái,
Dạ nhor từ quảng đại mở mang.
Hiếu trung con giữ vẹn toàn,
Từ rày chẳng dám lãng loàn như xưa.
Sau hưởng đặng phước thừa của Phật,
Hồn nhẹ nhàng vượt khỏi tử sanh.
Nguyện đem công quả tu hành,
Cứu trong tông tổ vãng sanh liên đài.
Về Phật quốc ngày ngày an lạc,
Cả giống dòng giải thoát luân trầm.
Rồi đem đạo pháp huyền thâm,
Độ trong sanh chúng hết lầm hết mê.
Cả vạn vật đồng về Phật cảnh,
Chẳng luyến trần ảo ảnh gạt lường.
Nguyện cầu chư Phật mười phương,
Niết-bàn tịch tịnh là đường vô sanh.”*

Và:

*“Dù tiên hiền ma quỷ súc sanh.
Cứ nhất tâm tín nguyện phụng hành,
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng.
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”*

Sinh hoạt hằng ngày của bà là thường trồng và sưu tầm thuốc Nam, cung ứng cho phòng thuốc trong vùng. Thỉnh thoảng ai có nhu cầu trị bệnh, bà chèo xuồng đưa

bệnh nhân đi châm cứu hoặc hốt thuốc. Bà cũng hay đến thăm hỏi, an ủi những người già cả đau yếu bệnh hoạn, hay những người nghèo khổ, hoàn cảnh eo hẹp khốn đốn trong thôn xóm, đồng thời mang các loại thức ăn mình đang có và gạo đến tận gia đình để biếu tặng cho họ, vì thế mà ai ai cũng có thiện cảm và quý mến bà. Ngoài ra bà có nuôi ba con chó, chăm sóc chúng y như con người không khác, từ thức ăn cho đến chỗ ngủ đều rất sạch sẽ ngăn nắp, mừng chiếu của chúng bà giặt giũ thường xuyên!

Năm 1999 bà phát bệnh đưa vào Bệnh Viện Chợ Rẫy, ở đây hai tuần, bác sĩ chẩn đoán là ung thư phổi, và khuyên thân quyến nên đem bà về để lo liệu hậu sự là vừa! Khi về nhà các con vừa cho bà dùng Đông dược; vừa tha thiết thành tâm cầu nguyện Ân Trên Tam Bảo gia hộ. Ba hôm sau bà xỏ ra thật nhiều, rồi dần dần sức khỏe hồi phục. Một tháng sau trở lại Bệnh Viện Chợ Rẫy để tái khám, bác sĩ khám xong cho biết phổi của bà đã hoàn toàn lành lặn, mọi dấu hiệu ung thư đều mất hết.

Qua cơn bạo bệnh này, tín tâm của bà đối với Tam Bảo thêm sâu chắc, lòng nguyện sanh Tây Phương càng khẩn thiết mãnh liệt hơn. Bà có mở ra một gian tịnh thất, rồi kêu gọi mọi người hữu duyên với Tịnh độ đến để niệm Phật định kỳ hằng tháng. Mặc dù gặp phải rất nhiều vất vả khó khăn, mà bà vẫn kiên định lập trường xông pha vượt qua mọi thử thách chướng ngại!

Ngoài ra bà cũng thường khuyên dạy các con cháu rằng:

- Những quyền thuộc như cha mẹ, anh em, vợ chồng... hội tụ trên thế gian đều là vay trả nợ nần; đều là đền ân báo oán. Kiếp sống con người rất là giả tạm phù du, đầy tang thương dâu bể. Chỉ có cố gắng vun bồi đức hạnh, nhất là ở đời phải có căn bản đạo đức làm người và tu tạo phước đức, trồng tía nhân lành, tùy thời, tùy sức tăng trưởng thiện sự; đồng thời rán cố gắng tập ăn chay niệm Phật nguyện cầu sanh sang cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà, mới có thể ra khỏi sanh tử luân hồi chấm dứt khổ đau vĩnh viễn: “Trông chúng sanh nghĩ tận đuôi đầu; về Cực Lạc mới là hết khổ” mà thôi!

Bà khỏe mạnh được mười hai năm, đến đầu năm 2011, vùng bụng của bà đau, đi siêu âm phát hiện khối u ở đại tràng. Bà về nhà vừa uống thuốc Nam vừa niệm Phật cầu nguyện Tam bảo gia hộ, được một thời gian thì bệnh tạm ổn. Một điều làm cho các con của bà hết sức lấy làm lạ là khi mỗi lần trong người sắp sửa xuất hiện những cơn sốt, cơn đau hay cơn mệt là bà lật đật mặc áo tràng và tìm râu chuối rồi đến trước ngôi Tam Bảo để lễ nguyện và niệm Phật!

Sang năm sau vào khoảng tháng 2, bệnh bộc phát dữ dội. Kế tiếp bà bị liệt nửa người bên phải, nhưng bà không chịu đi bệnh viện mà chỉ dùng Đông dược và thỉnh nước cúng Phật để uống. Bệnh thường hoành hành bà vào lúc ban đêm. Trong bụng có một khối cứng chạy tới chạy lui làm bà đau đớn khó chịu, khi đó bà khẩn thiết

niệm Phật và lấy nước cúng thoa vào thì cơn đau lắng dịu xuống rõ rệt. Mặc dù bị bệnh nằm một chỗ, nhưng đến giờ công phu thì bà nhờ con bế bà đến trước ngôi Tam bảo để lễ nguyện và niệm Phật không thiếu sót thời nào. Bao nhiêu tiền của con cháu cho, bà đều bố thí phóng sanh hết, không giữ lại tí gì cả, đồng thời bà cũng phát tâm trường trai. Mỗi khi thấy con cháu nói chuyện ồn ào bà đều khuyên ngăn, nên giữ yên tĩnh và quý tiếc thời gian để hành trì niệm Phật.

Bệnh tình ngày một tiến triển, lần hồi thể trạng của bà mỗi lúc cạn kiệt rõ rệt hơn. Mặc dù những cơn đau dữ dội hoành hành, nhưng chưa hề nghe bà rên than hay kể lể bao giờ. Gương mặt của bà luôn tươi vui không chút gì lộ vẻ bệnh khổ; nhìn qua không ai biết bà đang bị bệnh nặng. Bệnh càng tăng dần, con cháu mời thầy thuốc đến nhà chích thuốc khỏe và truyền dịch cho bà.

Đến ngày mùng 1 tháng 9 năm 2012, bà không chịu uống thuốc, chích thuốc, vô nước biển và ăn uống gì cả; chỉ thỉnh nước cúng trên bàn Phật để uống mà thôi. Con cháu hỏi nguyên nhân, bà trả lời vì muốn cho mau sạch nghiệp đặng về với Phật.

Một hôm có vị liên hữu đến thăm và hỏi bà:

- Bác Mười ơi! Bây giờ bác niệm Phật mà nữa bác sẽ về đâu?

- Nữa bác sẽ theo Phật về Cực Lạc!

- Tại sao bác không theo Thầy mà bác lại theo Phật, thưa bác?

- Bởi vì Thầy... thì ma dễ giả; còn Phật A-di-đà thì không ai giả được hết!

- Khi bác mệt thì bác niệm ra sao?

- Khi Mệt thì niệm A-di-đà Phật!

- Còn lúc khỏe thì bác niệm thế nào?

- Lúc khỏe thì niệm Nam Mô A-di-đà Phật!

Năm ngày trước khi bà mất, con cháu luân phiên nhau trợ niệm mỗi khi bà có cơn mệt. Trước khi bà mất hai ngày thì gia đình có mời Ban Hộ Niệm đến niệm Phật liên tục suốt ngày đêm. Lúc nào cũng thấy bà tay lần chuỗi, nhép môi niệm Phật theo mọi người.

Đến ngày mừng 6, có chị Tư là bạn đồng tu ở Úc châu về thăm bà, hỏi tên tuổi, quê quán, ước nguyện niệm Phật của bà như thế nào... để chị quay phim. Bà trả lời rất vui vẻ và còn tươi cười hẹn với chị sau này sẽ gặp nhau ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngày hôm đó, mặc dù xương sống của bà đã cứng, nhưng tới giờ công phu bà vẫn bảo con cháu phải đỡ ngồi dậy để bà xá nguyện.

Đến 7 giờ 50 phút sáng mừng 7 tháng 9 năm 2012, môi bà đang động bồng dừng dừng lại, mắt mở ra nhìn rồi từ từ nhắm khít, nhưng hai môi còn hở, bà tự sửa tay chân thẳng thớm, rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong khi mọi người vây quanh đang hộ niệm cho bà. Bà hưởng thọ 83 tuổi.

Qua 9 tiếng đồng hồ trợ niệm, các khớp xương mềm mại, gương mặt thật đẹp, miệng ngậm kín, môi đỏ, da hồng hào. Đặc biệt là toàn thân đều ấm không chỗ nào lạnh cả, riêng đỉnh đầu thì rất nóng. Đây là điểm hy hữu lạ lùng!

Cô con gái thứ tư của bà trong lòng thường canh cánh nỗi hoài nghi, không biết mẹ mình được vãng sanh hay không. Nên đến tuần thất thứ 3, vào thời niệm Phật 3- 4 giờ khuya, cô đã tới trước bàn vong thắp nhang nguyện vái với bà:

- Nếu má có được về Cực Lạc thì má phải cho con một điếm gì đó để biết là má đã về Cực Lạc, để con yên tâm niệm Phật, con không có buồn nữa!

Khẩn nguyện xong cô ngồi xếp bằng niệm Phật. Sau một thời gian khá lâu, bỗng nhiên cô bắt gặp một luồng ánh sáng thật sáng xẹt từ trên xuống giữa đỉnh đầu di ảnh nơi linh vị. Cô nhìn khắp xung quanh xem có ai chụp hình hoặc pha đèn hay không. Nhưng vạn vật đều tĩnh lặng trong màn đêm. Bất giác hai dòng lệ mừng vui tuôn dài trên đôi má, trôi đi nỗi buồn và niềm hoài nghi đã nhiều ngày ôm ấp!

Bà có cô con gái thứ bảy tên là Nguyễn Thị Thanh đã chết. Đến tuần thất thứ tư thì cô nhập vào nữ đồng tu tên Hồng, đi tới chụp vào tay cô Út và nói:

- Chị là người chị thứ bảy của cưng! Khi chị mất năm 15 tuổi chưa có phát tâm quy y Tam Bảo, nên bây giờ chị chưa được siêu!

Cô Út không tin mới hỏi những kỷ vật lúc còn sanh tiền. Vong nhân đều trả lời trúng hết. Cô Út bèn hỏi:

- Chị có biết má bây giờ ở đâu không?

Vong đáp:

- Má được về Cực Lạc thẳng luôn trong bữa đó rồi cứng ỏi!

Cô Út gạn lại:

- Làm sao chị biết?

Vong đáp:

- Lúc má ra đi chị ở gần đó, chị thấy có Đức Phật xuống rước má!

Sau đó vong nhờ cô em bố thí phóng sanh hồi hướng và làm lễ quy y cho mình, và đọc tên hồi hướng sau những thời khóa tu mà gia đình đã nhiều năm tổ chức.

Cô Út hỏi:

- Trong danh sách hồi hướng em có ghi tên của chị kia mà?

Vong trả lời:

- Máy em chỉ đọc tên những người mới; còn chị thì các em nói đã lâu quá rồi nên nào có đọc tên đâu!

Cô Út chợt nhớ lại, quả đúng y như vậy!

(Thuật theo lời Nguyễn Ngọc Xuân con gái của bà).

82. TRẦN THỊ KIM HOA (1932 - 2014, 82 tuổi)

*Dâng tặng cho đời trọn trái tim,
Nguyện cầu thế giới mãi bình yên.
Mong ước lâm chung sanh Tịnh Độ,
Xá lợi chúng mình đã thỏa nguyện!*

Bà Trần Thị Kim Hoa sinh năm 1932, cư ngụ tại số 11 Đinh Tiên Hoàng, Khóm 2, Phường 2, Thành Phố Sa Đéc. Thân phụ là cụ ông Trần Phước Châu, thân mẫu là cụ bà Huỳnh Kim Tuyến. Bà là chị Ba trong gia đình có mười một anh em.

Thuở ấu thơ, nhờ có bà dì nhắc nhở cho nghe về nhân quả và Phật Pháp, bỗng dưng bà tự giác ngộ nên đã phát tâm ăn chay kỳ, trong khi các chị em khác thì không.

Năm lên 17 tuổi, có lần làng quê của bà xảy ra chiến cuộc ác liệt, dân chúng bị kẹt ở giữa. Bà đang nằm dưới cang C bèn chí thành khẩn nguyện:

- Nếu mà... sự thật trên đời này... từ hồi nào tới giờ Phật Pháp thực sự tồn tại, thì cho con khẩn nguyện sau khi tàn ba cây hương sẽ có lệnh ngừng bắn, để dân chúng tản cư tránh chết chóc. Nếu được y như lời con nguyện, con sẽ xuống tóc ăn chay ba tháng!

Bà nguyện xong, khoảng nửa tiếng đồng hồ sau quả nhiên có lệnh ngừng bắn. Khi mọi người đã di dời đến địa

điểm an toàn rồi, bà bèn thưa với cha về vụ việc vừa qua. Nghe bà thuật xong, cha của bà bật khóc:

- Con ơi! Trên thế gian có nhiều lời khấn vái sao con không khấn vái, mà con lại đi vái xuống tóc, hả con!

Bởi vì trong đàn con, bà là người có những điểm nổi bật hơn hết, nên ông lúc nào cũng chú ý quan tâm. Đặc biệt là mái tóc của bà rất đẹp!

Khi lên 20 tuổi, bà kết hôn với ông Trầm Hồ, sinh được bảy trai ba gái. Gia đình bà sanh sống bằng nghề bán quán ăn.

Tính tình của bà thẳng thắn, vui vẻ, có óc tìm tòi và sáng tạo, làm việc rất nghiêm túc. Đối với con cái thì có trách nhiệm. Hễ hứa với ai điều gì thì bà nhất định phải làm cho bằng được!

Năm hơn 30 tuổi bà quy y Tam bảo với Sư Giác Giới, được pháp danh là Chơn Ngọc, hiện giờ Sư là Hòa Thượng Viện Chủ Tịnh Xá Ngọc Viên tại Vĩnh Long.

Năm 1975, do chứng kiến những vết tích đau thương của chiến tranh và những nỗi kinh hoàng sợ hãi còn đọng lại sâu đậm trong lòng người, bà một lần nữa khấn nguyện, nguyện cầu cho đời sống đồng bào sớm được ổn định, dân chúng nhanh chóng được an cư lạc nghiệp. Lần này bà phát nguyện xuống tóc và trường trai trọn đời.

Từ đó bà thường lui tới các chùa và tịnh xá để nghe pháp, tu học cùng cúng dường. Quán ăn của bà từ mặn chuyển sang bán các món chay, lấy pháp danh của mình đề tên cho bảng hiệu quán.

Khi bắt đầu dùng chay, có những lúc bà thêm “hột vịt kho với thịt” dữ dội. Bà tự cảnh sách lấy mình:

- Mày ăn bao nhiêu năm nay rồi không đủ hay sao mà còn thêm đồ mặn, hả mày? Mày coi nè, tao cho con chó ăn, mà nó hồng thêm ăn nữa nè!

Thế rồi bà bới một tô cơm, múc thịt kho hột vịt cho vào để dưới đất, và kêu con ky ky trong nhà đến. Con chó này thường ngày không ăn gì ngoài bánh in, nên khi nó chạy đến chỉ lấy mũi ngửi ngửi sơ qua, rồi bỏ đi chỗ khác chứ không ăn. Bà tự chửi mình:

- Đó! Mày thấy chưa? Mày còn thua con chó nữa. Tao cho nó ăn mà nó hồng thêm ăn... Còn mày ăn bao nhiêu năm nay rồi không đủ hay sao?

Nhờ vậy mà lần hồi bà đã tự chiến thắng chính mình! Quả thật, như lời Phật dạy: “Thắng được mình là chiến công oanh liệt nhất!” Cổ Đức đã từng khuyên:

*“Nhớ Phật đã có ngày bảo tới,
Rằng Liên Hoa hạ giới muốn xem,
Thì tâm trần tục ưa thêm,
Nên đem nó đổi lòng tìm Liên Hoa.
Liên Hoa nếu người ta muốn gặp,
Tắt lòng mê trần tục tan dần;
Tự mình cố gắng tu thân,
Có ngày Liên Hội được phần tham gia.
Liên Hoa nếu nói ra thường tánh,
Sanh trong bùn mà chẳng hôi bùn;
Nhưng theo nghĩa của Phật dùng,*

*Liên Hoa là chốn không từng trần gian.
Phật đã chỉ đường sanh Phật Quốc,
Phật đã cho biết trước cuộc đời;
Không tu là bởi tại người,
Chớ không tại Phật chẳng lời dạy răn.
Rán tu bỏ kẻ tăng người tục,
Rán thắng qua các dục tâm trần;
Lấy phàm thân đổi Phật thân,
Chớ vì phàm xác diệt chân linh hồn.”*

Lúc đương thời bà cùng chồng thường đi chùa hoặc tịnh xá mỗi tháng định kỳ vài ngày, vì còn phải lo làm kiếm sống. Khi chồng mất lúc ông 61 tuổi, và khi các con đã trưởng thành đều an bề gia thất, thì bà chung sống với cô con gái thứ tư, bắt đầu từ đó bà chuyên tâm tinh tấn tu hành. Bà thường đến Tịnh Xá Ngọc Quang mỗi ngày ba thời (sáng, trưa, chiều) tụng kinh Pháp Hoa để hồi hướng cầu cho thế giới hòa bình, bớt đi những thiên tai nhân họa, và cộng tu niệm Phật với đại chúng. Mặc dù bà dốt, không biết chữ, nhưng khi tụng với mọi người bà lắng nghe rồi dò theo. Qua năm sau thì bà đọc chữ được rành rẽ.

Có lần bà nói với cô Tư:

- Con ơi con! Bữa nay em con rước trể, má đi bộ từ tịnh xá về, má gặp bà bán vé số đồng đi chung đường. Nhìn bóng dáng của bà, má thấy má hạnh phúc lắm! Vì cùng trang lứa với nhau mà mình đâu có khổ sở như bà. Vậy tại sao mình không cố gắng tu?

Và:

- Khi nghe pháp con không cần phải nghe hết những lời của Sư dạy, chỉ cần tâm đắc một câu nào đó rồi làm theo được câu đó là tốt lắm rồi!

Trong Kinh Pháp Hoa, bà thích nhất là đoạn thí dụ nhà lửa. Bà hay nói:

- Phật dùng đủ phương tiện, kêu con ơi con hồi, mà mình cứ ở trong đó chỗ không chịu chạy ra. Cũng như chúng ta mãi loanh quanh luẩn quẩn dính mắc đắm nhiễm bao nhiêu thứ: được - mất, hơn - thua, tranh danh đoạt lợi, thăng trầm vinh nhục, thắng - thối, thịnh - suy... để rồi bị lửa vô thường thiêu đốt, nhận chịu vô vàn thống khổ, vô lượng đau thương!

Bà cũng thường cùng bạn đồng tu đi các nơi cúng dường Tam bảo và ủy lạo, nhất là bà rất ưa thích phóng sanh chim cá. Khi tuổi càng lên cao thì bà không còn tụng kinh nữa mà chỉ tinh chuyên lễ Phật, niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc. Từ năm 2005 - 2008 bà liên tục dự Phật Thất ở chùa Hoàng Pháp, có khi cả tháng con mới ra rước về. Đến năm 2009 trở về sau, thì thường nhập thất ở Tịnh xá Ngọc Quang do Sư Giác Hóa hướng dẫn. Ban đầu thời gian nhập là vài tuần. Rồi tăng dần lên 1 tháng, rồi tăng lên tới 6 tháng.

Bà hay nói:

- Bây giờ mình lớn tuổi, muốn cho lẹ đâu còn đủ thời gian để đọc từng bài kinh dài ngoằng nữa. Thì mình cứ

Nam Mô A-di-đà Phật niệm tới đi, là nó lẹ nhất thôi. Chớ hổng có cách nào khác!

Hôm nọ cô Tư khuyên bà:

- Má ơi! Má nhập thất ngẩn ngẩn, chứ dài ngày quá có bề gì mấy đứa con làm sao biết đường... mà lo?

Bà đáp:

- Con ơi! Mỗi lần dọn đường để được nhập thất không phải là chuyện dễ. Nên dọn đường rồi mà mình tu ngẩn ngày quá thì nó rất uổng. Tại vì khi mình vô thất thì mọi thứ mình phải vất bỏ, má xem như má đã chết rồi!

Bà cũng thường dạy:

- Nếu con chờ rảnh con mới niệm Phật, thì tới chết cũng chưa niệm được. Nên con phải vừa làm công chuyện vừa niệm. Nếu con sợ phân tâm thì con phải đếm số vô! Nhưng mà trước khi niệm Phật con phải sám hối. Bởi vì mình là chúng sanh tội lỗi đầy dẫy. Cho nên mình phải sám hối những tội lỗi đã lỡ gây ra từ hồi vô tử tới ngày hôm nay. Giờ con một lòng ăn năn sám hối, xin Ân Trên chư Phật mười phương từ bi chứng minh cho con. Con xin chữa, từ đây trở về sau con không dám tái phạm. Rồi hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong mười phương ba cõi này được an lạc hòa bình, kẻ âm được siêu người dương được thối. Rồi hồi hướng cho những oán thân trái chủ, cho những vong linh siêu mô lạc mả đồng sanh Tây Phương đồng thành Phật Đạo!

Cô Tư vốn là giáo viên thường đến trường, cô hay lo

ngại tai nạn vì tay lái của mình không vững vàng lắm. Bà dạy cô:

- Trước khi lên xe con phải niệm: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát 3 hoặc 10 lần. Rồi con nguyện: Nhờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho con và tất cả chúng sinh đi trên đường này. Đi bộ hay đi tàu ghe, xe cộ đều được bình an. Cầu xin Bồ Tát từ bi tiếp dẫn cho những vong linh nào đã trót bị tử nạn vì giao thông tàu thuyền xe cộ được vãng sanh Tịnh Độ!

Vào tháng 3 - 2014, bà bắt đầu chuẩn bị cho chuyến ra đi cuối đời của mình. Hằng ngày bà ở trên tầng lầu 3, có Niệm Phật Đường và phòng ngủ nghỉ, có cả phòng vệ sinh trên đó. Một hôm bà bảo chú con trai Út gọi điện thoại nhờ đội bốc vác đem cái đi-văng trên lầu 3 xuống tầng trệt:

- Để nữa mà má mất thì má nằm đi-văng cho đàng hoàng, chớ chẳng lẽ nằm ghé bố sao?

Con bà bận công chuyện nên hơi trì trệ, bà hối thúc nhiều lần. Chú vừa nói vừa đùa:

- Má ơi! Má hối con quá trời, má làm như má đi liên vậy đó?

Bà nói:

- Chuyện đó không biết à ghen con!

Rồi bà dặn dò các con:

- Dù các con có bận rộn cỡ nào thì cũng rán nhớ niệm Phật. Còn tụi con ăn chay nếu không nhiều được thì mỗi tháng cũng phải vài ba ngày, tùy theo sức của mình. Rồi nhớ chia sẻ cho những người xung quanh. Tại vì tụi con kiếp trước đã có tu rồi nên sinh ra mình được ăn học, tức là mình có trí tuệ; và mình có công ăn chuyện làm, đời sống hằng ngày của mình không phải lo lắng khổ sở vấn đề cơm áo gạo tiền. Nên mình phải biết chia sẻ với người khác, tức là phải bố thí... Vào ngày sát bát hằng tháng của má là ngày 27, các con phải duy trì không được bỏ nghen! Rồi mỗi tháng cũng phải nhín ra một chút đỉnh tiền để mua vật mạng phóng sanh...”

Sau đó bà đi cúng đường Tam bảo vài nơi.

Sáng mừng 5 - 4, bà bảo cô Tư:

- Hương! Hương! Con thấy đường con cắt móng tay cho má coi!

Khi cắt xong, cô hỏi bà:

- Má cắt móng chân luôn hông?

Bà đáp:

- Thôi con ơi! Khởi cắt móng chân. Cắt móng tay được rồi!

Tối chiều cô con dâu thứ Chín lại thăm bà, bà kêu:

- Vợ thằng Chín! Đâu con cắt móng chân giùm má coi con!

Cô Tư nghe vậy liền nói:

- Trời! Vậy mà hồi sáng con hỏi, má nói hông cắt?

Bà trả lời:

- Cái này má để dành cho vợ thằng Chín.

Rồi bà hỏi:

- Vợ thằng Chín! Bữa nay là ngày mấy rồi con!

Cô dâu thưa:

- Dạ! Bữa nay mừng 5 rồi má ơi!

Cô Tư hỏi bà:

- Má hỏi ngày chi vậy má?

Bà đáp:

- Hỏi ngày đặt cho nó dâu ra đó coi!

Rồi bà gọi điện thoại cho cô con gái thứ sáu của bà:

- Chi ơi! Con rảnh không? Tối nay xuống ngủ với má cho vui đi con!

Bốn giờ sáng ngày mừng 6, bà bảo cô Tư pha nước cho bà tắm, và làm cho bà một ly cà phê sữa đá với một ly trà đá. Mọi khi thì 5 giờ bà mới tắm, tắm xong thì uống sữa nóng. Khi ngồi uống sữa, nói chuyện qua lại với các con, cô Tư nhìn gương mặt của bà rất đẹp nên cô ao ước:

- Chừng nữa con già mà da mặt của con được như da mặt của má con cũng chịu nữa!

Bà nói:

- Người mầu mà, đâu phải giỡn!

Hơn 5 giờ, bà gọi:

- Hương ơi Hương! Sao má thấy trong người má mệt quá, Hương!

Cô Chi đến gần thấy vậy bèn đưa bà sang bệnh viện, đồng thời điện thoại cho các anh em hay. Nhân viên ở bệnh viện đo huyết áp cho bà thì thấy gần 20. Các con xem tình hình không ổn trong khi bác sĩ chưa có biện pháp gì xử lý cho bà, nên dự định chuyển tuyến bèn gọi điện thoại cho xe cấp cứu Xuyên Việt. Hợp đồng thuê xe xong, cô Tư cho bà hay:

- Má ơi má! Mình chuẩn bị đi Sài Gòn nhen!

Bà đáp:

- Thôi con ơi! Hồng đi. Mình về nhà!

Cô Tư nài nỉ:

- Má ơi! Mình bệnh mà, phải ở bệnh viện chớ!

Bà quyết định:

- Thôi! Má khỏe rồi, mình về!

Thấy bà nhất quyết quá các con bèn bỏ ý định chuyển tuyến. Về lại nhà là 11 giờ 30 phút, con cháu xúm lại vây quanh hộ niệm cho bà, bà cũng niệm Phật theo, tiếng từ từ nhỏ dần rồi thanh thản trút hơi thở cuối cùng vào lúc 12 giờ trưa ngày mừng 6 - 4 - 2014, bà hưởng thọ 82 tuổi. Khoảng hơn mười phút sau, Thượng Tọa Giác Hóa cùng quý sư và chư Phật tử trong Ban Hộ Niệm của Tịnh Xá Ngọc Quang lần lượt đến nơi. Qua 8 tiếng đồng hồ sau thì thấy gương mặt của bà tươi vui, sáng đẹp, các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng.

Ngày mùng 7 tiến hành lễ hỏa táng. Sau đó thu được rất nhiều xá-lợi và hoa xá-lợi, trong đó đặc biệt là trái tim xá lợi, điều này làm cho gia đình và toàn thể Tăng ni cùng Phật tử tràn ngập niềm vui sướng vô biên!

(Thuật theo lời Trầm Kim Hương, cô con gái thứ Tư của bà.)

PHỤ CHÚ

Theo lời dạy của Ấn Quang Đại Sư, muốn đảm bảo tránh sự trở ngại cho sự siêu thoát của người mất, thì phải qua tám hoặc mười hai giờ sau khi tắt hơi mới được đụng chạm vào thi thể. Đối với một số người chấp ngã nặng quá, thần thức họ vẫn còn ở trong thân, nếu như thăm sờ sớm quá họ sẽ nổi sân nên bị đọa lạc vào tam ác đạo rất dễ dàng.

Cho nên cần phải quan tâm lưu ý điều cấm kỵ này để khi ông bà, cha mẹ, anh em... của mình trong giờ phút lâm chung không mất phần vãng sanh, nhất là những vị ấy đã nhiều năm tu niệm. Còn đối với ai chưa từng ăn chay niệm Phật, chưa từng hiểu biết tí gì về Phật pháp cả thì còn cần phải thận trọng nhiều hơn nữa để tránh đưa họ thọ lãnh khổ đau do rơi vào tam ác đạo. Rất mong mọi người hãy thương tưởng đến gia thân quyến thuộc của mình mà ghi nhớ kỹ điều này!

83. LÊ THANH BÂN (1922 - 2009, 87 tuổi)

Trong ngày tang lễ có đồng đạo Sáu Phối tham dự và tường thuật lại rằng:

- Bữa 28 tôi ghé thăm ông, tôi có hỏi: Bộ ông tính theo Phật hay sao mà không uống thuốc, chích thuốc và ăn uống gì hết vậy? Ông liền đưa lên 2 ngón tay. Tôi nói: Vậy là ngày 30 ông về với Phật à? Ông gật đầu.

Và ông đã an tường trút hơi thở cuối cùng lúc 9 giờ sáng ngày 30 - 5 -2009, thọ 87 tuổi!

Ông Lê Thanh Bân tên thật là Lê Thành Bá, cư ngụ ấp Bình Đông 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Dưới đây là dòng hồi ký mà ông đã viết vào lúc tuổi 80:

“Tôi sinh vào năm Quý Hợi, 1922, tại làng An Bình, quận Hồng Ngự, nhà dưới Quận ba cây số, gia đình đông anh em, tôi thứ Năm. Anh thứ Ba và Tư, mấy người em gái với em trai út.

Không được đi học chữ Việt ngữ (Quốc ngữ). Cha cho tôi làm tiếp ruộng người bạn của cha. Ông này có chức vụ Hương Chủ trong làng, thời Pháp. Ông chỉ có ba người con gái - người thứ Hai và thứ Ba đều có chồng, chỉ còn cô gái út tuổi Tý, nhỏ hơn tôi 1 tuổi.

Thời gian làm tiếp ruộng rẫy tôi có học chữ Việt ngữ do anh Nhỏ tức là rể thứ Ba của ông dạy, còn chữ Nho thì tôi học với ông...”

Đến lúc thành nhân chuyện cảm tình lúa đôi lớn dần, tuy rằng Hương Chủ thương ông lắm nhưng vì danh dự, bởi không môn đăng hộ đối nên vẫn không chấp nhận cuộc hôn nhân giữa ông và cô Út, mặc dù khi ấy cô Út đã mang thai... cuối cùng ông ngậm ngùi xin nghỉ việc về nhà.

Do nhà nghèo không có tiền đóng thuế thân, nên ông đã trốn sang Nam Vang, thủ đô Cam-pu-chia, mãi đến sau ngày Nhật đảo chánh năm 1945, ông mới trở về nước. Kế đó ông học nghề võ rồi tham gia kháng chiến chống Pháp, cuối cùng gia nhập vào lực lượng bộ đội Nguyễn Trung Trực.

Năm 1952 (30 tuổi) ông kết hôn với bà Huỳnh Thị Vinh, sinh được ba trai ba gái. Kể từ đây số phận đào hoa thật sự bế mạc!

Khi bộ đội Nguyễn Trung Trực sáp nhập trở thành quân đội chánh quy thì ông đào ngũ, và đổi tên Lê Thành Bá thành tên Lê Thanh Bần. Khi về nhà ông được người quen giới thiệu vào làm việc tại địa phương, nhưng lương thấp. Mặt khác, có người bạn là Út Phước cho ông mượn hai mẫu ruộng để canh tác.

Vì muốn kinh tế gia đình nâng cao nhanh chóng, nên ông rời quê ra Sài gòn nhờ người em rể là họa sĩ Ngô

Hy giới thiệu vào làm việc trong hãng phim Mỹ Vân. Làm ở đây chỉ được một thời gian thì chuyển qua vẽ quảng cáo, nhưng thấy vẫn không khá khẩm cho mấy... Thế là ông buồn bã quay lại cố hương để tiếp tục... cấy lúa mướn, và... giăng lưới khi mùa nước lũ về!

Nhưng không cam tâm! Ông trở ra Sài Gòn được bạn bè giới thiệu vào làm ở trạm xăng dầu; rồi sang làm ở Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín. Khi màu sắc huy hoàng trước mắt vừa hé mở... thì cánh cửa “định mệnh” đóng âm, khép kín lại. Thế là: “Cốt khỉ vẫn hoàn cốt khỉ!” - Nghèo vẫn nghèo! Buồn quá, ông quay về quê, mỗi lần nhìn đám lục bình trôi theo dòng nước lớn rồng là mỗi lần nghe lòng vui đi nổi niềm tâm sự...

Năm 1970, khi chính phủ ban hành luật “Người cày có ruộng”. Ông Út Phước đã kêu ông đi khai tên để sở hữu hai mẫu ruộng, ý muốn cho ông hai mẫu ruộng luôn, bởi vì ông Út Phước rất nhiều đất. Ông từ chối, trả lời rằng:

- Từ lâu nay anh đã thương tình cho tôi mượn đất để làm. Thôi, bây giờ tôi cứ làm giùm, giữ đất cho anh. Thà nghèo chết bỏ, chứ tôi không có khai!

Sau năm 1975, có lần đi thăm đất ruộng gặp lại bạn cũ. Khi đôi bên đã hàn huyên tâm sự thật lâu. Kể lễ tường tận cho nhau nghe bao khúc thăng trầm của cuộc truy tìm sinh kế ngỗ hầu thành đạt cao sang! Trước khi chia tay người bạn tên Tứ của ông nói lời kết thúc với ông rằng:

- Anh nên đi tu là vừa!

Qua lần gặp gỡ trao đổi đó, ông chính thức phát tâm trường trai sớm chiều lễ bái chuyên chí tu hành.

Ban sơ, khỏi sự tu tập ông phải từ bỏ rượu chè, thuốc lá... và bao nhiêu thứ ưa thích đắm nhiễm của thế tục. Nhất là vấn đề ăn chay, xưa nay đối với ông vẫn là khó khăn bậc nhất. Theo tập tục địa phương vùng này, thông thường người ta dùng chay mỗi tháng bốn ngày: 14, rằm và 29, 30. Riêng ông từ hồi nào tới giờ chỉ ăn được một ngày đầu, hôm sau bèn trở đũa lập tức. Nên khi nghe ông nói phát tâm trường trai tu hành thì bà vợ luôn cười chế giễu. Thấy thế ông khẳng định mạnh mẽ một câu như đinh đóng cột:

- Nói thiệt với bà, cái gì tôi không làm thì thôi; nếu tôi làm, thì phải làm cho tới đích!

Bà vợ đáp:

- Một tháng bốn ngày ông ăn còn không nổi nữa... mà... tới đích cái gì!

Từ đó ông thường xem kinh đọc sách và lân la kẻ cận học hỏi với các bậc thiện tri thức gần xa. Dần dà quen biết nhiều người, nhiều nơi. Chùa Từ Quang là một trong những nơi ông thường đến tá túc, và Pháp môn Tịnh độ cũng đặt nền móng căn bản ngày một sâu dày.

Hoàn cảnh gia đình khảm đảo lắm lúc làm ông rất buồn, nhưng nhờ tin sâu nhân quả mà cố gắng vượt qua, lần hồi ông đã tạm thời khắc phục.

Sau đây là dòng hồi ký của ông:

“... Lúc chạy theo đời, muốn vợ con ăn sung mặc sướng; lúc tu hành, muốn vợ con lo tu hiền tạo phúc đức để hưởng nhờ kiếp này và kiếp sau, chớ chết là không đâu? Nếu không lo tu hiền sẽ luân hồi!”

Do đó mình quyết tâm lo niệm Phật, khi chết đừng đầu thai vào cõi Ta-bà này mà Thầy Tổ đã nói:

*Ta-bà khổ Ta-bà lắm khổ,
Tịnh độ vui Tịnh độ nhàn vui.*

Tin chắc lời Thầy Tổ và kinh giáo của chư Phật cũng nói như vậy. Nhưng mà mình phải nhứt tâm niệm Phật thì mới được sinh cõi Tịnh độ...”

Bình thời ông thường đi đây đó để khuyên nhắc về Phật Pháp và khuyến tấn các đồng đạo cố gắng ra sức tu trì, nhất là những vị trẻ tuổi.

Giai đoạn tuổi về chiều, ông có sáng tác một số sách lưu hành như:

- *Chuyện ngày xưa.*
- *Nhật ký trong đời người.*
- *Thuật xử thế của người tu.*
- *Hai nẻo đường người tu sĩ.*
- *Chuyện ngày nay.*

Nội dung chính của các tác phẩm đều có thiện ý, xây dựng con người nên sống có đạo đức nhân nghĩa.

Ngày 19 - 6 - 2004, đột nhiên ông bị tai biến mạch máu rất nặng, liệt nửa người bên phải, đưa ra nhà y sĩ Quyên điều trị Tây y hai tuần thì ông đòi về. Sau đó chuyển sang dùng Đông dược, qua vài tháng thì bệnh tình đã thuyên giảm 70 đến 80 phần trăm. Do thuở bình thời ông kết giao rộng, nên hay tin ông lâm trọng bệnh, anh em đồng đạo tập nập ghé thăm, nhân đó ông diễn giảng sâu rộng về lý nhân quả, lý vô thường, khuyến tấn lẫn nhau cố gắng tu trì, nhất là các em cháu đồng tu mới phát tâm:

*“Các cháu tu thoát khỏi Ta bà,
Tuổi trẻ rồi đây cũng phải già.
Bận bịu giàu nghèo rồi cũng bỏ,
Sao bằng vui niệm Phật Di Đà.”*

Cơn bệnh này thật sự đã đóng vai trò quyết định cho cuộc vãng sanh xán lạn ở cuối đời ông!

Kể từ lúc ăn chay tu hành, những năm nước lũ lụt dân chúng đói khổ, ông thường dùng cơm gạo, để dành phần còn lại giúp đỡ cho người. Và bao nhiêu tiền mà bạn bè ở nước ngoài gửi về cho ông, ông đều đem ấn tống kinh sách hết. Đến khi nằm bệnh con cháu đều cho tiền nhiều hơn, ông vẫn làm Phật sự sạch sẽ. Các con may quần áo mới cho ông bộ nào thì ông tặng hết bộ nấy. Có lần nhiều đồng đạo ghé thăm và nói:

- Bác gắng tu khi chết có ấn chứng để cho đồng đạo nương theo với!”

Ông trả lời:

- Từ khi phát tâm tu hành, lúc nào tôi cũng cố gắng buông xả những điều gì trước đây mà mình ham muốn như: danh, lợi, tình... để thân tâm được an định; chứ còn tu mà muốn được ấn chứng này nọ tôi không có nghĩ đến. Mà quý đồng đạo khuyên tôi rán tu cho có ấn chứng tôi thành thật rất cảm ơn!

Khoảng cuối tháng 5 - 2009, sức khỏe ông yếu dần. Vào ngày 23 ông đi tiêu nhiều lần, rồi không chịu ăn nữa. Con ông rước y tá chích thuốc và vô nước biển cho ông, nhưng ông không chịu. Lúc này ông không nói chuyện được nữa, chỉ ra dấu và viết chữ thôi.

Nhịn ăn đến ngày thứ tư, các con ông thấy ông suy nhược quá nên nóng lòng nhiều lượt cố tình nài nỉ và ép thúc ông truyền dịch, ông đành miễn cưỡng chấp thuận. Nhưng càng truyền dịch thì thân thể ông bị bức ngặt tồi tệ hơn.

Chiều ngày 29 - 5 - 2009, cô con gái thứ sáu ngồi bên cạnh, ông lấy tay viết ba chữ: “Rán lo tu.”

Sáng hôm sau ngày 30 - 5 - 2009, khi y tá đến dự định chích thuốc khỏe cho ông, ông nhứt định cự tuyệt. Thấy ông mệt nhiều, cô con gái thứ ba liền hỏi ý ông muốn tắm rửa thay y phục mới rồi dời ra nhà trước hộ

niệm cho ông phải không? Ông gật đầu. Cô bèn gọi điện thoại cho cô em gái thứ sáu đang bán tàu hủ ở chợ về gấp. Khi mọi việc hoàn tất, các con vây quanh hộ niệm. Cô Sáu nói với ông:

- Bây giờ gần 10 giờ rồi, ba có theo Phật thì đi. Đừng có chờ ai hết, vì về không có kịp đâu, ba ơi!

Cô vừa nói xong thì ông an tường trút hơi thở cuối cùng, lúc đó 9 giờ 10 phút sáng. Ông hưởng thọ 87 tuổi.

Tám tiếng đồng hồ sau tay chân thì thể ông mềm dịu, đỉnh đầu ấm nóng, mặt mày hồng hào tươi vui.

Cũng trong ngày tang lễ có đồng đạo Sáu Phối tham dự và tường thuật lại rằng:

- Bữa 28 tôi ghé thăm ông, tôi có hỏi: Bộ ông tính theo Phật hay sao mà không uống thuốc, chích thuốc và ăn uống gì hết vậy? Ông liền đưa lên 2 ngón tay. Tôi nói: Vậy là ngày 30 ông về với Phật à? Ông gật đầu.

(Thuật theo tập hồi ký của ông và hai cô Kim Nhân, Kim Vân con ông.)

84. NGUYỄN VĂN PHỤNG (1917 - 2010, 93 tuổi)

Đức cả nhân từ, hòa đồng thương mến mọi người. Công quả không nài gian lao vất vả: Đuộm nhuần tinh thần Nhẫn Nhục - Hỷ Xả!

Trung kiên đạo sự, trùng hưng ngôi Bửu Hòa Tự. Tu trì chẳng kể già bệnh yếu suy: Sáng đẹp gương hạnh Trí Tuệ - Từ Bi!

Ông Nguyễn Văn Phụng tự là Hai Vĩ, tục gọi là ông Hai Từ, sinh năm 1917, nguyên quán tại Xẻo Môn - Cần Thơ, ông là anh thứ Hai trong gia đình có chín anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Năm, sinh được bốn người con, mất hết ba người chỉ còn người con trai Út. Cha mẹ của ông ruộng đất rất nhiều, nhưng khi lên 27 tuổi, do mến mộ Phật Pháp nên ông rời bỏ gia đình vợ con, về vùng An Giang - Châu Đốc để học đạo tu hành, thọ trì quy giới, dùng chay kỳ và sớm chiều lễ bái sám nguyện, noi theo tông chỉ “Học Phật Tu Nhân”, sống đời sống tại gia cư sĩ, thiếu dục tri túc.

Ông định cư tại thị trấn Cái Dầu, tỉnh An Giang. Hằng ngày ông làm thuê làm mướn để độ nhật. Năm năm sau bà vợ mới tìm gặp lại ông, bà cũng phát tâm tu giống như ông.

Nơi ông toát lên vẻ hiền từ, chất phác điềm đạm và nhân hậu. Ông bình đẳng đối xử với tất cả mọi người, nên ai ai cũng kính mến ông.

Hai ông bà thường lui tới chùa Bửu Hòa gần nhà để làm công quả và học hỏi Phật pháp. Năm 1975, Giáo hội giải thể, ngôi Bửu Hòa Tự trở thành hoang phế... Mỗi lần đưa mắt ngắm nhìn phong cảnh thiên môn là mỗi lần ông nghe trong lòng buốt xé và tiếc nuối! Tâm nguyện Tam bảo được mãi mãi thường trụ, để ánh sáng Phật pháp luôn tỏa rạng khắp ngàn phương và lưu truyền hậu thế, những mong lợi lạc muôn loài! Tâm nguyện ấy cứ da diết trong ông và ngày một lớn dần...

Sang năm sau ông giao phó việc nhà cho con trai và dâu để mình vào chùa lo hương khói nhang đèn. Và cái tên ông Hai Từ cũng bắt đầu từ đó.

Đời sống sinh hoạt vật chất vào thời điểm ấy quả thật là thiên nan vạn nan, mọi thứ từ “ăn”, “mặc”, cho đến “ở”... đều thiếu thốn trầm trọng. Nhưng đối với ông thì chẳng ảnh hưởng chút nào. Bởi vì ông luôn “tri túc” nên “thường lạc”, lòng luôn an vui, nhẹ nhõm như một phiến mây!

Bữa cơm của ông rất đơn sơ, chỉ cần một nắm gạo lá sâm là xong! Vậy mà sức khỏe rất bình ổn. Đời tu của ông quả thật:

*“Vui với Đạo,
An cảnh bản.
Bao tiếng chê khen mặc thế nhân!”*

Chẳng bận tình đời nhiều ấm lạnh,
Chung quy ai cũng đến mộ phần!
Ngắm hồng trần,
Tợ phù vân.
Hết tụ rồi tan mãi xoay vần.
Tháng lụn năm tàn trong chớp mắt,
Rán lo giải thoát, thoát ngục trần.
Mãi mê tu,
Rất chuyên cần.
Tịnh Độ là quê phải gởi thân!
Sớm tối trọn vui câu Lục tự,
Chắc chắn Liên hoa nhập thức thân!”

Tinh thần của ông thường thanh thản, lúc nào cũng vui với lời kinh tiếng kệ, nhất là câu: “Nam Mô A-di-đà Phật đi đứng nằm ngồi rán niệm chớ quên không đợi gì thời khắc”, hiện tại an lạc, ông tin bằng niềm tin sắt đá rằng tương lai của mình sẽ là:

“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc quốc,
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.”

Cuộc đời của ông gắn bó với ngôi chùa Bửu Hòa theo thời gian thăng trầm biến động, trải qua nhiều cam go, khó khăn trắc trở, mà ông cùng một số bạn đạo đã lèo lái vượt qua. Cuối cùng chùa được trùng tu khang trang và mừng lễ lạc thành vào năm 2005, lúc này ông 88 tuổi. Từ đó chùa tổ chức tu học thường xuyên, đặc biệt là Phật thất định kỳ mỗi tháng một lần, mỗi lần là mười ngày.

Mặc dù tuổi hạc đã cao nhưng ông vẫn tham gia đều đặn các kỳ Phật thất, và công khóa tu niệm của đại chúng ông chưa hề thiếu vắng buổi tu nào. Đây quả thật là tấm gương xán lạn hàng hậu tấn chúng ta cần phải noi theo!

Năm 2010 vào khoảng tháng 4 sức khỏe của ông có phần suy kém, con cháu rước ông về tư gia lo bề phụng dưỡng, nhưng cứ vài ngày là ông chống gậy đi thăm chùa một lần.

Đến ngày 12 tháng 9 năm 2010, ông bảo người nhà đến chùa mời quý cô trong ban trụ phòng đến hộ niệm cho ông, vì các cô này thường đi đó đây để hộ niệm. Trưa hôm ấy khi các cô đến, vừa bước vô nhà, ông đã lên tiếng:

- Các cháu hộ niệm cho bác Hai. Bác Hai rất cảm ơn các cháu! Bác mệt mà các cháu niệm Phật cho bác, bác cảm ơn các cháu rất nhiều! Bác niệm Phật để tạ cái ơn của các cháu, chớ không biết lấy cái gì để đền bù công ơn của các cháu!

Ông lặp lại đến ba lần như vậy.

Khi các cô hộ niệm xong đến kính lễ ngôi Tam bảo để ra về, thì ông nói:

- Cảm ơn hết các cháu. Các cháu hộ niệm cho bác Hai. Bác Hai ra đi về với Phật, bác Hai cũng mang ơn các cháu!

Ông cũng lặp đi lặp lại nhiều lần câu cảm ơn như thế.

Kế đó ông cho biết 12 giờ ông sẽ theo Phật. Ngày hôm sau khi quyển thuộc và đồng đạo nô nức kéo đến ông nói:

- Thôi! Ôn ào quá không có thanh tịnh, hồng có đi!

Đến khuya ngày 15 tháng 9 năm 2010, ông mệt nhiều mọi người xúm lại hộ niệm ông chấp tay giữa ngực niệm Phật theo, âm thanh nhỏ dần nhỏ dần rồi dứt hẳn, môi se sẽ động rồi từ từ cũng ngưng, rồi ông thanh thản trút hơi thở cuối cùng. Lúc ấy đúng 11 giờ 45 phút, ông hưởng thọ 93 tuổi. Khi đó trên nóc nhà của ông có một luồng ánh sáng nhiều màu chói sáng rực rỡ.

Qua tám giờ sau các khớp xương mềm mại, toàn thân đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn ấm nóng.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Kim Hương, con dâu út của ông và đồng đạo Năm Phụng.)

85. MAI VĂN TRUNG (1923 - 2007, 84 tuổi)

*Xài cho người khác, ông như một ông hoàng rộng rãi;
xài cho riêng mình, ông như một người keo kiệt!*

Đó là ông Mai Văn Trung sinh năm 1923, nguyên quán Ngã Bảy, Phụng Hiệp, Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Mai Văn Dầy, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Quyến. Ông là con thứ sáu trong gia đình có bảy anh em.

Năm 1940, lúc 17 tuổi, ông có cùng thân phụ đến làng Nhơn Nghĩa, Xà No, quy y Tam bảo, chính thức trở thành cư sĩ tại gia, mỗi tháng ăn chay bốn ngày và sớm chiều hai thời lễ bái sám nguyện.

Năm 33 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Năm, sinh được tám trai ba gái, định cư tại ấp Bình Nghĩa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Gia đình ông sinh sống bằng nghề làm ruộng và buôn bán cây, lá...

Bản tính ông chân thật, cần kiệm, siêng năng lại hiếu thuận, từ hòa.

Năm 1979, ông phát tâm trường trai, lúc này ông 56 tuổi. Một đêm khuya nọ ông tâm sự với vợ rằng:

- Bà ơi! Giờ thì thôi, làm cho gia đình vợ con hoà... còn ông bà cha mẹ ai lo? Tôi giao hết cho bà để tôi đi tu!

Bà vui vẻ đáp:

- Tui tưởng đâu ông giận hờn vợ con ông đi tu thì tôi không chịu; còn ông nói ông đi tu để cứu vớt ông bà tổ tông... Thì thôi, ông đi thì đi, tôi nhận nuôi mấy đứa!

Kể từ dạo ấy ông rời khỏi gia đình, đến tá túc tịnh thất của các huynh đệ, hoặc chùa am, chuyên tâm tham gia các công tác từ thiện và nỗ lực tu học, chăm chỉ hành trì pháp môn Tịnh Độ cho đến ngày về với Phật.

Ông thường đi xin gạch để trùng tu các chùa, đình hoặc phòng thuốc Nam. Công trình lớn nhất là chùa Bửu Hòa và đền thờ Nguyễn Trung Trực. Ngoài ra thì lạc quyền tiền để giúp cho người nghèo khó, người già đang lâm cơn bệnh tật, và những sản phụ không đủ phương tiện khám bệnh và điều trị thuốc thang, hoặc các gia đình gạo cơm eo hẹp...

Cách làm việc của ông đâu ra đó, có sổ chi thu ghi rõ số mục, ngày tháng hẳn hoi. Ông thường kết hợp với chính quyền địa phương để đi quyền góp, hoặc chính quyền địa phương ký giấy xác nhận, rồi ông đi đến từng nhà để kêu gọi mọi người tùy hỷ đóng góp. Nhưng đâu phải làm việc tốt lành là được tất cả mọi người ai ai cũng tin tưởng và vui vẻ ủng hộ cả đâu! Thường thì ông phải đón nhận biết bao lời lẽ gièm pha xoi bói... thậm chí mắng chửi tận mặt. Vốn là một phàm phu, một chúng sanh đang tu tập, chứ không phải là Phật hay Bồ Tát tâm hồn hoàn toàn thanh tịnh, trắng phao như lông cò, nên đôi khi ông nghe xong hai dòng lệ bất giác tuôn chảy ngậm ngùi! Điều đáng để cho chúng ta kính phục là khó khổ cách mấy ông vẫn giữ vững lập trường của mình, không thối chí nản lòng chùn chân lùi bước, như lời răn nhắc của Cổ Đức:

*“Muốn tươi sắc ngọc sắc ngà,
Đừng buồn những lúc người ta giữa mài.
Càng nhiều thử thách đắng cay,
Càng thêm sáng tỏ tương lai tu hành.
Xưa nay những vị đạo thành,
Vị nào cũng gặp muôn nghìn gian lao.
Nghệp lâu nay chất ngất cao,
Không đời đục phá thì nào nó tan.
Tu hành thì phải kiên gan,
Thân dù sao cũng Phật đàng cứ đi.
Đi cho đến cõi Liên Trì,
Để hoàn toàn được thoát ly hồng trần.”*

Ông cũng thường tâm sự với các em cháu rằng:

- Hãy xem những nghịch cảnh trái duyên là **quà tặng trong cuộc sống** mà thế gian đã trao tặng cho chúng ta. Chúng ta nên hoan hỷ đón nhận và cố gắng niệm Phật, mới có thể cất bước về Tây Phương Cực Lạc được. Nếu cứ mãi bận bịu buồn phiền với những dây mơ rễ má đó thì chuyện vãng sanh vẫn là chuyện xa vời!

Những năm cuối đời ông chuyên đi hộ niệm và làm khung hình Tam Bảo, hình Cửu Huyền và hình Tổ Thầy, hầu tạo điều kiện cho mọi người có phương tiện thờ phụng lễ bái.

Về phần sinh hoạt riêng cá nhân, ông rất là kiệm ước, từ: ăn, mặc... cho tới tiêu dùng đều đơn giản đến mức không thể tưởng tượng. Như đôi khi đến bữa ăn, nước tương ông cho nước vào, kho sên sệt là có thể dùng với

cơm qua ngày. Vậy mà sức khỏe của ông khó có ai sánh cùng. Khi ông ốm đau chỉ uống thuốc Nam, chưa hề tốn tiền mua thuốc Tây hay thuốc Bắc.

Người bạn đồng hành, dãi nắng dầm mưa cùng chung làm công tác từ thiện với ông, là chiếc xe đạp Trung Quốc cũ kỹ nặng trĩu. Nhiều lần đang chạy thì rớt cái này, rơi cái nọ ra ngoài... nhưng ông vẫn kiên nhẫn bước xuống lượm lên gắn vào rồi cộc cạch chạy tiếp. Khi tệ quá không còn chạy được nữa ông mới đem đến nhờ thợ sửa chữa. Con cháu của ông cho tiền dư sức để mua xe honda tốt, thế mà ông vẫn không thay chiếc xe đạp cà tàng nặng trĩu này. Có lần cô Năm Phụng đề nghị:

- Bác Sáu ơi! Con cháu cho tiền, sao bác không mua chiếc xe nhẹ đạp chạy?

Ông trả lời:

- Thôi, để tiền làm từ thiện!

Ông có hai túi tiền, một là tiền riêng do con cháu cho ông, một là do quyên góp. Thường khi đi giao mấy chục cái khung hình, lỗ tay bất cẩn ngã xe bể kiếng thì dùng tiền nhà đắp vô. Từ Cái Dầu ông xuống Kinh Xáng Cây Dương, Kinh Xáng Vĩnh Tre, chùa Từ Quang... để giao tặng cho bà con, đồng đạo, cũng bằng chiếc xe đạp cà tàng đó. Giữa đường mệt thì ông dừng lại nghỉ, khát thì vào nhà người ta xin nước lu để uống. Ông chưa hề ghé quán hay mua bất cứ thứ gì để ăn uống trên đường cả!

Xài cho người, ông như một ông hoàng; xài cho mình, ông như một người keo kiệt!

Có lần ông cùng cô Năm Phụng đi đến nhà đồng đạo để trang trí ngôi Tam Bảo. Trời trưa, nhà lợp thiếc nắng nóng như đổ lửa, nóng muốn điên chỗ chẳng phải nóng vừa... mồ hôi lả chả ướt cả áo quần. Kể cửa, người đục, cổ cháy khô mà không một lời đòi hỏi, tự động ra khạp lấy ca múc nước uống. Tranh thủ làm xong ra về, trong túi có tiền nhiều lắm mà đâu có ghé tiệm, để đi riết về nấu cơm luộc rau. Khi đang dùng bữa ông nói:

- Như vậy mới đúng theo lời Phật dạy: Ăn cần ở kiệm dặng mà lo tu! Chớ đừng có ăn xài sung sướng quá, mình quên đi cái Đạo, rồi trưởng dưỡng xác thịt thì bỏ tu phế Đạo.

Thỉnh thoảng quanh vùng nơi ông cư trú có nhu cầu hộ niệm, ông rất nhiệt tình hỗ trợ các em cháu. Thường ca 12 giờ hoặc 1 giờ khuya đến 4, 5 giờ sáng là ca của ông. Ông ngồi kiết già niệm cao thanh suốt mấy tiếng đồng hồ mà vẫn tỉnh bơ. Không biết năng lượng ấy ông đã lấy từ đâu!

Ông thường dặn dò đi, dặn dò lại với các em cháu:

- Mình muốn về với Phật thì phải: Tin sâu, Nguyên thiết, Hành thâm. Mỗi ngày ít nhất phải ba thời lễ niệm, mỗi thời ngồi ít nhất là một giờ đồng hồ, nếu khỏe thì nhiều hơn. Thành tâm lạy Phật, niệm Phật mới về cõi

Phật được. Còn làm phước chỉ là hưởng phước hữu lậu thế gian mà thôi. Hưởng thì có ngày cũng hết! Dù vua chúa sang trọng gì rồi cũng phải chết. Chỉ có thành tâm, chí tâm niệm Phật mới mong được về cõi Phật: Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc.

Đến cuối tháng 7 - 2007, ông bị sốt, uống thuốc Nam hoài mà không bớt. Nới nách bên trái của ông có nổi một mụn bằng đầu ngón tay. Mấy năm nay ông đang ở tu nơi tịnh thất của cô Ba Xuyên và cô Năm Phụng tại cầu chữ S (trên nhà ông một đối). Hay tin ông bệnh con cháu đến thăm, không an lòng bèn đưa ông đi Bệnh Viện Chợ Rẫy phẫu thuật. Nằm viện hơn một tuần thì về nhà an dưỡng. Chẳng bao lâu thì nơi bả vai trái của ông nổi lên liên tiếp bốn mụn lớn bằng cái bánh cam, không đỏ, không đau nhức gì hết.

Ngày 12 - 9 - 2007, cô Năm Phụng ghé thăm, ông tâm sự:

- Thôi! Cuộc đời này chắc bác phải ra đi. Hai cháu rán tranh thủ hộ niệm cho bác. Bữa nào bác sai mấy đứa lên kêu thì hai cháu xuống hộ niệm cho bác. Hai cháu niệm ba ngày thì bác sẽ ra đi cho nó rồi đi!

Cô nhẹ nhàng thưa:

- Bác ơi! Năm nay bác đã tám mươi mấy tuổi rồi, con đường về xứ Phật mình đã chuẩn bị, thì mình về đi! Bác đừng có lo gì nữa hết! Ở ngoài chúng cháu lo cho bác, gia đình lo cho bác... Bác yên tâm niệm Phật, bác phải phát nguyện với Đức Từ Phụ A-di-đà: Con là Mai Văn

Trung, 84 tuổi, nhờ ơn Đức Phật gia hộ cho ngày ra đi về xứ Phật của con được nhẹ nhàng thân thể, để con tỉnh tâm niệm Phật!

Sáng ngày 14 ông cho gia đình biết là hôm nay ông theo Phật, nên sai con ra chùa Bửu Hòa lấy áo tràng cùng khăn đóng cho ông; đồng thời cũng bảo các con kiểm bông, kiểm hoa để chưng trên bàn Phật, cho mời các vị bạn đạo đến niệm Phật cho mình.

Bà vợ nghe ông nói như vậy, bèn vội vàng đi ra chợ mua một lồng chim phóng sanh để hồi hướng cho ông. Xong, trở về thuật lại cho ông nghe, ông liền nói:

- Bà ra chợ mua cá đi!

Bà lột tốt cầm thùng quày ra chợ lần nữa.

Mấy ngày trước, đệ Gương ở chùa Bửu Hòa có ghé thăm ông, vì năm 2002 ông đã ở chùa Bửu Hòa hơn hai năm, tu chung với đệ Gương. Đệ Gương thương kính ông lắm. Đệ có hỏi:

- Ông Sáu à! Ông đau như vậy mà ông biết ngày chết của ông không?

Ông bình thản đáp:

- Biết chó sao không mậy! Ngày 14 tao chết. Mày kêu đồng đạo đến hộ niệm cho tao!

Vì vậy, khi về chùa đệ đã thuật lại cho cô Chín Vân hay, nên sáng ngày 14 cô đã cùng đệ Gương tới nhà ông.

Đến nơi khi chào hỏi, ông mừng lắm, ông nắm tay cô và nói:

- Chín mới qua hả?

- Dạ! Con qua đây hộ niệm đưa bác về Tây Phương!

Rồi cô Chín hướng dẫn đệ Gương cùng các con của ông quét dọn gian phòng, và dời giường ông nằm ra giữa phòng để ngồi hai bên trợ niệm, đồng thời chưng bông hoa trên bàn Phật. Mọi việc xong xuôi cô cất tiếng niệm vang dội. Đệ Gương không chuyên hộ niệm, âm thanh quá nhỏ nên cô mới điện thoại mời hai vợ chồng Út Quen cũng là trưởng đoàn hộ niệm. Khi hai vị lên tới, ông vô cùng mừng rỡ nắm tay Út Quen và nói:

- Út ơi! Út với Chín rán đưa tui về Tây Phương nghen?

- Dạ! Chú Sáu cứ an tâm!

Rồi chú Út xoay qua nói nhỏ với cô Chín:

- Sao mà thấy ông tỉnh bơ vậy Chín?

- Ừ! Tỉnh thì tỉnh... mà đi thì đi!

Thế rồi mọi người đồng niệm cao thanh, ông cũng niệm Phật theo. Được hơn nửa tiếng đồng hồ, con gái Út của ông mới điện thoại cho người chị thứ Chín:

- Sao mà ba mình còn sống... Ông mạnh, ông nói chuyện tỉnh bơ, còn ngồi, còn đi... mà mấy bà kéo ông ra hộ niệm chị ơi?

Chị cô không bằng lòng, la lên:

- Trời ơi! Đuổi mấy bả ra đi... Làm cái gì, ông ba còn sống mà hộ niệm cho chết vậy!

Những người nhà lân cận cũng lên tiếng:

- Chèn ơi! Bác Sáu còn nói chuyện leo lẻo, chết chóc gì... mà làm om sòm bát nhã vậy!

Chú Sơn con ông, sợ mọi người buồn, liền lên tiếng:

- Chín ơi, Chín! Chín tụng kinh đi Chín?

- Chèn ơi! Ông kêu niệm Phật... mà mấy kêu tụng kinh!

- Chín ơi! Chín đừng có buồn, em con nó sợ ba con chết, nó nhẩn tin về, nó hồng cho hộ niệm!

Ông nắm tay cô Chín, tha thiết nói:

- Chín Vân! Chín niệm đi, Chín Vân!

Thấy ông tha thiết quá mọi người tiếp tục niệm thêm, hơn nửa giờ sau có tin nhẩn về không cho hộ niệm. Mọi người ra ngoài đứng xố rớ, tâm ý còn đang lưỡng lự, tiến thoái đều khó khăn. Khi trở vô thì ông bảo:

- Niệm nữa đi, Chín Vân!

Thế là tiếp tục niệm thêm một lát nữa... Rồi cũng tin nhẩn không cho hộ niệm!

Lúc vợ ông mua cá đem đi thả xong xuôi, về đến nhà thì phái đoàn của cô Chín Vân đã âm thầm rút quân không dám cho ông hay!

Khoảng 12 giờ rưỡi cô Ba Xuyên và cô Năm Phụng xuống tới. Ông đang hối thúc các con lo đặt bàn kiếm bình bông để lên, trong khi đó đã có đầy đủ rồi nhưng vì con ông sợ ông chết nên đã cất giấu. Cô Năm lại gần bên cạnh nói với ông rằng:

- Bác Sáu ơi! Bình bông là giả, gia đình cũng là giả, bàn Phật cũng là giả luôn... Bây giờ bác phải nhất tâm niệm Phật. Tâm ý hiệp nhất, hướng về Đức Từ Phụ A-di-đà. Nhờ Đức Từ Phụ A-di-đà phóng quang nhiếp thọ. Bây giờ không còn lo nghĩ ra bên ngoài và nói chuyện bên ngoài nữa ghen bác Sáu. Con niệm, bác niệm!

Nói xong cô và cô Ba Xuyên cùng niệm lớn lên, ông cũng niệm theo. Đến 1 giờ chiều con ông khóc, ông nói:

- Sao không lo niệm Phật mà khóc!

Cô Năm xen vào:

- Thôi bác ơi! Tâm ý hiệp nhất, Phật A-di-đà mới tiếp độ. Nếu mà tâm bác còn động ra bên ngoài thì không về Phật được ghen bác. Con niệm, bác niệm!

Từ đó trở đi ông không còn phân tâm nữa.

Đến khoảng 2 giờ rưỡi chiều âm thanh niệm Phật của ông nhỏ dần và dứt hẳn, môi vẫn còn cử động niệm Phật theo mọi người. Khi kim đồng hồ chỉ đúng 3 giờ chiều thì môi ông ngưng lại, đôi mắt từ từ khép kín, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, hai tay vẫn còn chấp lại giữa ngực. Nhâm ngày 14 - 9 - 2007, ông hưởng thọ 84 tuổi.

Lúc ông vừa mất thì người cháu, con anh thứ Hai của ông bước đến gần dự định sửa hai tay xuôi cho thẳng thớm đàng hoàng, cô Năm ngăn lại và hứa rằng nếu khớp bị cứng thì sẽ có cách xử lý.

Hộ niệm tiếp tục khi tàn ba cây hương, cô Năm mới khấn nguyện:

- Bác Sáu ơi! Thần thức của bác Mai Văn Trung! Nếu sống thì khôn, thác thì thiêng. Khi về với Phật, nơi cõi giới an lành... thì bác hãy để lại cho thế gian này biết được cảnh tượng của người tu ra đi như thế nào.

Cô đang nguyện chưa dứt câu, thì hai tay của ông đang chấp nơi ngực tự động rời ra, rơi xuống nghe một cái phịch, ai nấy đều giật thót cả người!

Thời gian sau cô con dâu thứ Sáu của ông, tức là vợ của chú Lộc, một hôm nằm mộng thấy ông mặc áo tràng đội khăn đóng đến nói với cô rằng:

- Con cho thằng Lộc nó hay: Ba đã về Phật rồi! Mấy đứa rán lo tu hành, rán lo niệm Phật!

(Thuật theo lời: Nguyễn Thị Năm, vợ của ông và đồng đạo Năm Phụng.)

86. NGUYỄN VĂN TIỂU (1926 - 2009, 83 tuổi)

Lúc mất, ông hướng mắt ngắm nhìn từng người, từng người đang trợ niệm cho ông, dường như tỏ lòng tri ân. Rồi ông xoay sang trái nhìn chân dung Đức Phật A-di-đà mà một liên hữu trong Ban Hộ Niệm đã treo trên vách. Sau đó ông đưa mắt về giữa, nhìn thẳng lên trần nhà, rồi an tường ra đi, tự sửa tay chân ngay ngắn.

Ông Nguyễn Văn Tiểu sinh năm 1926, tại ấp Thạnh Lợi II, xã Trung Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Tính, thân mẫu là cụ bà La Thị Ngọc. Ông có sáu anh em, ông là người con thứ Sáu trong gia đình.

Năm lên 23 tuổi, ông kết hôn với bà Phan Thị Giỏi. Qua bảy lần sinh nở, tất cả đều mất sớm duy chỉ còn cô con gái thứ Ba tên Nguyễn Thị A.

Thuở thiếu thời ông sống bằng nghề làm thuê, hoặc cắt lúa mướn... Sau đó chuyển sang thợ mộc.

Ông tính tình thẳng thắn, đặc biệt là rất nóng nảy. Đời sống sinh hoạt ông rất gói ghém kiệm ước, chừng mực. Cơ thể vô cùng tráng kiện, mãi cho đến 70 tuổi mà sức khỏe vẫn như một tráng niên.

Tháng 6 năm 1945, ông có dự buổi thuyết pháp tại Thốt Nốt, nhờ nhân duyên này mà ông tín hướng về Tam bảo, phát tâm dùng chay mỗi tháng bốn ngày, mỗi năm ba

tháng và sớm chiều hai thời lễ lạy. Ngoài ra ông thường hay đọc kinh sách những khi nhàn rỗi, lúc ấy ông 19 tuổi.

Người anh ruột thứ Hai của ông là ông Hai Quấn đã phát tâm tu hạnh ly gia, rày đây mai đó chuyên lo hành đạo vào những thập niên 60, 70. Thỉnh thoảng ông Hai về thăm nhà, đồng thời giảng giải Phật pháp cho thân quyến nghe, nhất là lý nhân quả luân hồi, tội phước báo ứng, khuyên ông đổi lại cúng chay vào những ngày lễ giỗ trong năm của gia đình, vì lúc ấy ông là chủ ngôi từ đường chuyên lo phần tế tự. Cũng nhân những dịp này, ông Hai mời rất nhiều thiện tri thức về dự đám, nhờ đó ông được gần gũi và đã kết giao với các vị nên sự hiểu biết về lý đạo ngày một sâu rộng hơn.

Năm 1982, người bạn đường lâm bệnh tê liệt đã nhiều năm qua đời. Ông bèn phát tâm trường trai, nhưng chưa bao lâu thì bỏ cuộc, lúc đó ông 56 tuổi. Hai năm sau người con rể duy nhất cũng nối tiếp qua đời.

Đến năm gần 70 tuổi, ông giao phó hết mọi chuyện gia đình cho con cháu, đêm ngày kết bạn với sách đèn kinh sám. Quyển mà ông thích nhất vẫn là phẩm “Đường Giải Thoát”. Tính tình của ông dần dần đổi khác, nhân từ hòa nhã, ai cũng mến kính dễ gần!

Năm 73 tuổi, ông dũng mãnh phát tâm trường trai trở lại. Đôi lúc tưởng chừng giữa đường gầy gánh, nhưng ông cương quyết nhẫn nại cho đến giây phút sau cùng. Nhất là những khi cơ thể suy sụp, nhìn đến cơm là ngao ngán. Ông thường nói với con cháu:

- Thà chết thì chết, chứ không trở đũa!

Khi cơm không nuốt vô thì ông chuyển sang dùng bánh, dùng bún... lây lất qua ngày. Thật là:

*“Khó khăn lục đục thất tình,
Cố gắng sẽ được, cố gìn thì nên.
Có điều cần nhớ chớ quên,
Hơn nhau chỉ một chữ bền mà thôi.
Nay chưa xong được thì moi,
Moi chưa thì một cũng rồi chẳng không.
Thích Ca cũng phải dày công,
Chớ đâu đạt được lục thông nhất thời.
Thiện nam tín nữ khắp nơi,
Cũng nên lấy đó để soi kẻ lắm.
Tu hành có được nhứt tâm,
Thành công chắc chắn như cầm trong tay.”*

Năm 2004 (78 tuổi), do mắt bị cườm đá nên ông phải phẫu thuật tại Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Từ đó ông lần lần dứt bớt việc nghiên cứu kinh điển, chuyên chú vào công phu hành trì nhiều hơn. Sau mỗi thời công phu lễ bái, ông vào mừng ngời niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc.

Những năm gần cuối cuộc đời, sức khỏe của ông xuống dốc rõ rệt, thường hay sanh bệnh nhưng không nặng lắm. Cho đến đầu tháng 11 năm 2008, đột nhiên bạo phát, thân nhân đưa vào Bệnh Viện Hoàn Mỹ ở Cần

Thơ. Bác sĩ nơi đây chẩn đoán là xơ gan giai đoạn cuối, vô phương cứu chữa. Ông yêu cầu gia quyến:

- Mấy đứa nên đưa ông về nhà niệm Phật mà chết, chớ đừng để chết ở bệnh viện!

Năm viện được ba ngày, con cháu xin bác sĩ cho ông ra về.

Khi biết mạng sống của mình chẳng còn bao lâu, ông buông bỏ tất cả dồn hết tâm lực, chí thành vào câu Lục Tự, ông nhép môi niệm theo chiếc máy mà cháu ngoại đặt bên cạnh suốt cả ngày đêm, tha thiết nguyện sớm trục đạo Tây Phương.

Đôi ba phen ông than thở với con cháu, về việc làm không hay không tốt hồi quá khứ của mình, như cho vay... Những mong con cháu thay ông hành thiện tích phúc để bù đắp lại những lỗi lầm xưa!

Cũng từ đó con cháu phát hiện ra một điều là bao nhiêu nóng nảy, gắt gỏng, khó khăn nơi ông đã biến mất tự bao giờ. Dường như ông là một con người hoàn toàn mới! Đúng như:

*“Gặp khi đòi thử quá sức mình,
Thường sa ngã khôn kinh chống nổi.
Vì lẽ ấy khi người cải hối,
Phải thành tâm chớ dối trong lòng.
Những điều mình chưa gội rửa xong,
Tự hổ thẹn dù không ai biết.
Được vậy mới trở nên tinh khiết,*

*Tội lỗi không còn việc tái lai.
Trước kia dù nhiều việc lầm sai,
Nay sửa được ra người tốt đẹp.”*

Cũng từ lúc đó chứng bệnh quái ác đã hành hạ ông dữ dội, bụng và chân sưng lên, đau đớn vô cùng, có khi phải rên thành tiếng.

Suốt hai tháng rưỡi trên giường bệnh trả nghiệp thân quyến lẫn đồng đạo thường xuyên ghé thăm an ủi và khích lệ, ông càng khẩn thiết trì niệm thêm hơn. Có lần cháu ngoại đến bên cạnh khuyên ông:

- Ngoại ơi! Số mạng con người thì ai cũng phải chịu... ai cũng phải chết hết! Nhưng nhờ mình biết được Phật pháp, nghe lời Thầy dạy... nên mình phải rán cố gắng niệm Phật để vãng sanh về Cực Lạc! Mà được vãng sanh về Cực Lạc rồi thì mới không còn bị sinh tử luân hồi nữa; Chứ còn ở Ta Bà này thì mình phải nhận chịu vô lượng, vô biên khổ đau mà thôi!

Nghe xong ông gật đầu, nói:

- Ngoại cũng biết rõ điều đó, ngoại cũng rán cố gắng... để thoát khổ!

Ngày 23 tháng 1 năm 2009, ông nôn ra rất nhiều, chất nôn có màu đỏ. Thể lực suy kiệt rất rõ. Gia đình mời chư đồng đạo đến hộ niệm cho ông, cuộc hộ niệm và cầu an bắt đầu tiến hành ngay trong chiều hôm đó.

Ba ngày liên trợ niệm liên tục, ông nhép môi niệm theo, âm điệu rất thanh thoai rành rẽ, mặc dù lúc ấy tay

chân đau nhức nên ông cử động liên hồi, ít khi được lặng im.

Đúng 9 giờ 50 phút sáng, ngày 25 tháng 1 năm 2009, ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 83 tuổi.

Trước khi mất vài chục phút, ông khỏe khoắn trở lại, nằm yên không còn bứt rứt, day trở, ngật mình như trước nữa.

Lúc mất, ông hướng mắt ngắm nhìn từng người, từng người đang trợ niệm cho ông, dường như tỏ lòng tri ân. Rồi ông xoay sang trái nhìn chân dung Đức Phật A-di-đà mà một liên hữu trong Ban Hộ Niệm đã treo trên vách. Sau đó ông đưa mắt về giữa, nhìn thẳng lên trần nhà, rồi an tường ra đi, tự sửa tay chân ngay ngắn.

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì mãi cho đến giờ nhập mạch. Cô đồng đạo trong Ban Hộ Niệm dò tìm điểm nóng, nhận thấy các nơi đều lạnh chỉ có đỉnh đầu rất ấm.

Một vị liên hữu đã nhận xét:

- Tui hộ niệm đã nhiều ca. Thấy ông Sáu ra đi là nhẹ nhàng và tỉnh táo hơn hết!

(Thuật theo lời Đặng Quốc Tuấn cháu ngoại của ông và Ban Hộ Niệm.)

87. NGUYỄN THỊ ĐIỀN (1922 - 1999, 77 tuổi)

*Tâm luôn nhớ Phật,
Roi hết sự đời!
Khách đến quên mời,
Thảnh thơi lòng dạ!*

...

*Thiên hạ hối hả,
Đon đả đầu môi.
Gương sáng rán soi,
Đừng nên khách sáo!
Người xưa thường bảo,
Bớt nói một câu;
Thoát khỏi khổ sâu,
Bằng danh hiệu Phật!*

Bà Nguyễn Thị Diên sinh năm 1922, nguyên quán Phong Hòa. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Bông, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Huê. Bà là con thứ Bảy trong gia đình có chín anh em.

Khi đến tuổi hoa xuân bà thành hôn với ông Nguyễn Văn Thừa, sinh được tám người con nhưng đều mất sớm, chỉ còn hai trai một gái, cư ngụ tại Tân Mỹ, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Gia đình bà làm thuê, làm mướn để sinh sống.

Bà có bản tính hiền hậu, cần mẫn.

Nhân dịp cùng cha đi dự buổi thuyết pháp vào ngày mùng 8 tháng 6 năm 1945 tại sân vận động huyện nhà.

Vị trí của bà đứng cách khán đài một khoảng khá dài, trước một biển người to rộng bao la, hình dáng của Thầy thì ở tận mù tít xa mờ, lại không có am-li, mi-rô gì cả. Thế mà... có lẽ do lòng chí thành cảm ứng nên bà đã nghe từng câu từng câu lọt qua tai rành rẽ rõ ràng, y như đứng gần kề bên gang tấc. Tín tâm của bà với Tam Bảo kiên định qua lần nghe pháp hôm ấy. Duyên lành này khiến bà vào đạo, lúc ấy bà 23 tuổi!

*“Quyết tu sẽ đắc có ngày,
Đạo thành tựu được nhờ đầy lòng tin.
Tin Phật đã tu thành chánh quả,
Tin mình tu đạo cả sẽ thành;
Tin xưa Phật cũng chúng sanh,
Phật siêu kiếp được tin mình cũng siêu.
Tin càng mạnh càng tiêu khiếp nhược,
Tin càng sâu càng được vững tâm;
Có tin mới có dám làm,
Không tin phàm vẫn còn phàm như xưa.
Tin rồi phải sớm trưa thực hiện,
Nếu tin suông ý nguyện chẳng thành;
Ta bà thế giới chúng sanh,
Muốn tu chúng quả phải tin đầy lòng.
Đòi xô đẩy như giông như bão,
Tu kém tin dễ đảo dễ nghiêng;
Có tin mới có nhẫn kiên,
Đức tin là bước đầu tiên tu hành.
Lòng tin có sự thành sẽ có,
Tu tin thành dù khó cũng tu;*

*Sầu tin thành mới hóa cù,
Người tin thành mới đạo mầu chứng nên.
Có tin chắc mới bền chí tiến,
Không thật tin dễ chuyển thoái tâm.
Có tin lắm mới sửa lỗi,
Có tin đúng mới lo làm đúng thêm.
Tin nhân quả mới kềm ác niệm,
Tin luân hồi mới kiếm siêu sanh;
Tin rằng vạn sự tại mình,
Muốn về Phật quyết tu hành được ngay.”*

Do hoàn cảnh sống vất vả, đầy những cam go khó nhọc, phải luôn đối diện với giông tố của đời thường, nên bà cảm nhận sâu sắc về kiếp sống con người rất phù du tạm bợ, đầy khổ lụy tang thương. Do đó, bà phát tâm trường trai, mỗi ngày chuyên cần bốn thời lễ bái, niệm Phật một lòng cầu nguyện sanh về thế giới an lành của Đức Phật A-di-đà, lúc ấy vào năm 1972 (bà 50 tuổi).

Những tháng năm cuối đời, bà thường xuyên đau ốm, mình mẩy tay chân hay đau nhức, tuy không dữ dội lắm, ăn ngủ thì có phần suy kém. Đến bệnh viện nhiều lần, nhưng bác sĩ chẳng tìm ra được là bệnh gì, nên chỉ kết luận chung chung là “bệnh già”, còn nói bệnh này tới chết mang theo chứ không bao giờ hết! Và đề nghị thân nhân nên cho bà dùng thuốc Nam và nghỉ ngơi là ổn thỏa nhất!

Bệnh thì không nặng không nhiều, nhưng cứ dây dưa mãi. Bà rất thích nghe đọc kinh sách. Mặc dù không biết

một chữ u hay chữ a gì cả, vậy mà... bộ Thi Văn Giáo Lý bà thuộc lòng gần hết! Bà thường nghêu ngao ngồi niệm Phật một mình, âm lượng có khi lớn có khi nhỏ vừa đủ nghe. Hay vừa làm lật vạt như sàng gạo, lượm thóc vừa niệm, thỉnh thoảng xen vào những câu như:

*“A-di-đà nhìn xem khắp cõi,
Đặng trông chờ mong mỗi chúng sanh.
Hiện hào quang ngũ sắc hiền lành,
Đặng tìm kiếm những người hiền đức.”*

Có lúc Bà thường lặp đi lặp lại:

“Cầu Đức Phật A-di-đà từ bi phóng quang tiếp dẫn con về thế giới Cực Lạc!”

Ngoài ra bà còn một điểm đặc biệt là chưa từng ngồi lê đôi mách, thậm chí con cháu hay thân quyến đến chơi, một câu vãn lã dư thừa cũng chẳng có... Hễ ai có hỏi tới đâu thì trả lời tới đó, phận mình chuyên lo niệm Phật mọi thứ đều chẳng bận lòng! Nhưng đối với các thiện tri thức đến trợ duyên sách tấn bà về Tịnh Độ thì bà rất vui vẻ chú tâm lắng nghe.

Có lần, một số bà con ghé thăm thấy bà bệnh kéo dài hoài liền than:

- Chèn ơi! Bà Bấy hiền quá mà bà đau hoài!

Bà liền nói:

*“Ông nhồi quả cho người hành đạo.
Lúc nguy nàn có thối chí cùng chẳng?”*

*Nếu bên lòng vị quả cao thẳng,
Chẳng chặt dạ bỏ lẩn Phật Thánh.”*

Đến ngày mừng 5 tháng 5 năm 1999, thấy sức khỏe của bà quá suy nhược nên con cháu mời đồng đạo đến cầu an cho bà. Được nửa tháng thì bệnh lại càng trầm trọng hơn, bèn lên chương trình hộ niệm cho bà.

Lúc mọi người đang hộ niệm cho bà, bỗng nghe bà kêu:

- Kía! Kía! Kía! Kía!

Thì ra thuở thiếu thời bà có nuôi một đàn vịt... Rồi khi mê lúc tỉnh, xen lẫn những cơn mê và đau nhức dữ dội, trải qua một tuần lễ hộ niệm sức khỏe của bà dần dần hồi phục, tinh thần minh mẫn trở lại, ai ai cũng ngỡ rằng bà hết bệnh, nên đồng đạo đến hộ niệm thấy thế chỉ thăm hỏi vui vẻ rồi lần lượt ra về. Có lần bà nói với cô Tám Như và cô Út Thành:

- Tám với Út cho thím gọi con Quyến lại. Có gì... hai cháu làm ơn dạy nó giùm thím nghe!

Đến ngày mừng 3 tháng 6 cô con gái Út dự định ngưng trợ niệm, người cháu góp ý:

- Thôi đi dì ơi! Rán niệm vài đêm nữa đi. Bất quá mình hồi hướng công đức cho bà mau hết nghiệp!

Ngày 20, hai dì cháu tắm cho bà. Đứa cháu hỏi:

- Bà Bảy! Bà có biết chừng nào bà về Cực Lạc không?

Bà không trả lời thẳng câu hỏi, mà chỉ đáp:

- Hai đứa rán cực khổ với bà đi. Đây tới ngày mừng

5 hà! Đây tới ngày mừng 5 là mấy đứa con khỏe rồi... không còn lo cho Bà nữa.

Cô Út mới hỏi:

- Ủa! Đây tới ngày mừng 5 là sao hả má?

Bà lặng thinh không đáp.

Chiều khoảng 2 giờ ngày mừng 5 tháng 6 năm 1999.
Bà hỏi cô Út:

- Quyển ơi! Bữa nay mấy rồi con?

Cô đáp:

- Bữa nay là ngày mừng 4 rồi Má ơi!

Bà nghe xong còn đang ngần ngừ ngẫm nghĩ, đứa cháu lên tiếng rằng:

- Không phải. Bữa nay mừng 5 rồi, dì Út ơi!

Bà liền bảo đứa cháu:

- Hên! Con đi vô nấu nước cho bà tắm, lau mình cho bà!

Cháu bà nói:

- Thôi lỡ rồi bà Bả ơi! Để sáng hãy tắm. Sáng 8 giờ tắm tốt hơn!

Bà không chịu, nói:

- Lẹ lẹ đi, để không có kịp!

Rồi bà quay sang hối thúc cô Út và chú Tám:

- Còn con Quyển thì đi thay bông bàn Phạt đi! Thằng Dấu thì thấp nhang các ngôi thờ, đi con!

Hôm ấy chỉ có đồng đạo Hai Mạn đến trợ niệm. Khoảng 6 giờ bà nhờ con đỡ ngồi dậy, rồi nói với cô Út:

- Quyển ơi! Má muốn về cõi Cực Lạc quá à, phát nguyện ra sao con dạy má coi!

Sau khi hướng dẫn bà phát nguyện xong, bà liền nói:

- Ông Phật kia! Ông Phật xuống rước má kia!

Nói vừa dứt lời, bà nhờ con cháu đỡ nằm xuống, rồi chắp tay niệm Phật. Người cháu đem nước lại kê muống vào miệng, định cho bà uống, bà lắc đầu và nói:

- Thôi đi! Đừng đổ nước nữa, để bà niệm Phật!

Niệm Phật được một lúc thì bà xuôi thẳng hai tay, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, lúc ấy đúng 10 giờ 19 phút tối, ngày mừng 5 tháng 6 năm 1999. Bà hưởng thọ 77 tuổi.

Hộ niệm đến 2 giờ sáng hôm sau, khi thăm thân thì thấy các khớp xương mềm mại, mọi nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu nóng như lửa.

Vài tuần thất trôi qua, cô Út cứ hoài nghi không biết mẹ mình có được vãng sanh hay không. Tối hôm nọ cô đến bàn vong rút ra một cây hương, đốt lên rồi khấn nguyện nếu má có thật sự vãng sanh rồi thì má cho con biết.

Khi cầu nguyện xong, chẳng bao lâu thì một mùi hương lạ sức nức ngào ngạt tỏa khắp cả phòng!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Quyển, cô con gái Út của bà và một số đồng đạo.)

88. PHẠM VĂN ĐƯỜNG (1947 - 2010, 63 tuổi)

Ông Phạm Văn Đường sinh năm 1947, cư ngụ tại ấp Phú An, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Phạm Văn Đường, thân mẫu là cụ bà Phan Thị Trinh. Ông là anh cả trong gia đình có sáu anh em.

Năm lên 19 tuổi, ông kết hôn với bà Trần Ngọc Diệp, sinh được một trai, sáu gái. Gia đình sinh sống bằng nghề làm thuê làm mướn.

Tính tình ông vui vẻ hiền lành, chân thật và hiếu thuận. Đối với hương thôn thì ông luôn hòa đồng, nhẵn nhुरु, nên đã được lòng hầu hết mọi người xung quanh.

Dường như ông có duyên lành sâu dày với Phật pháp, ngay thuở thiếu niên là đã sớm chiều hai thời lễ bái, kính tín Phật Trời, tin tưởng luật nhân quả, ưa thích làm lành. Ông có chiếc xuồng đậu dưới bến trước nhà, hễ thấy ai có nhu cầu qua sông thì mặc dù đang ăn cơm, nhưng ông sẵn sàng đưa giúp sang bờ bên kia mà không nhận thù lao. Những lúc làng xóm có gia đình nào hữu sự thì ông đến giúp đỡ không cần phải lên tiếng nhờ vả. Ngoài ra ông còn nhin phần điểm tâm sáng để dành tiền san sẻ cho những người nghèo khổ, hay già cả tật nguyền mỗi khi đến nhà xin!

Thường ngày ông thích đọc quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ và nghe các băng đĩa đồng loại như thế.

Năm 40 tuổi, một hôm ông nói với bà:

- Tiền kiếp của mình gây ác nghiệp quá nhiều, nên bây giờ mình mới nghèo khổ. Thôi, bây giờ mình ăn chay đi, đừng có sát sanh nữa, mẹ thằng Đô ơi!

Thế là từ đó hai ông bà phát tâm trường trai, giới sát tu hành. Sau những thời sám nguyện lễ Phật, ông ngồi niệm Phật khoảng 30 phút. Khi nào không có ai muốn làm gì thì hai ông bà đến phòng thuốc Nam gần nhà làm công quả chặt thuốc, phơi thuốc... Riêng bà, ngoài việc công quả ở phòng thuốc ra, thì hay đến chùa cùng đại chúng cộng tu; phần ông duy nhất gắn bó với phòng thuốc cho đến ngày qua đời.

Vì thường xuyên đến đạo tràng nên bà mang về nhà nhiều kinh sách, băng đĩa thuộc pháp môn Tịnh Độ do chùa Hoàng Pháp phát hành. Ông thích nhất là đĩa “Vô Thường”, thích ghê lắm, cứ nghe đi nghe lại mãi đĩa ấy. Mỗi lần ông đọc kinh sách hay xem băng đĩa rồi thường giảng giải lại cho bà và các con nghe! Như là:

- Má thằng Đô! Bà thường đi hộ niệm cho người ta thì nên xin với chủ nhà rằng sau khi tắt hơi rồi cho hộ niệm thêm 8 tiếng đồng hồ nữa, xong rồi mới được thay đồ, nghe chưa! Còn như người ta không đồng ý thì bà phải năn nỉ với người ta làm sao... chớ trong khi đó thần thức của họ còn trong thân, thì họ đau đớn dữ lắm ghen mẹ thằng Đô! Nếu người bệnh niệm Phật được nhất tâm

thì chẳng nói làm chi, bằng không thì họ nổi sân lên thì sẽ sa địa ngục liền!

Ông cũng thường đem đạo lý, chỉ dạy cho các con cách thức đối nhân xử thế, ông nói:

- Cái gì mình cũng phải nhu hòa. Thà rằng mình nhận lỗi hết đi con, rồi sau đó người ta biết tánh tình của mình; chứ bây giờ mình cự cãi, tranh đua cũng chẳng được gì. Thà là mình nhịn đi, trước mắt là thua thiệt mất mát chứ sau thì sẽ được đó con!

Hai ông bà dùng trường trai được ba bốn năm gì đó, cha của ông lo sợ nên khuyên hai vợ chồng ông nên dùng mặn trở lại cho đủ sức khỏe mà lao động. Thấy ông im ru, sau đó liền quở trách:

- Tụi bay...! Ông Phật sống nói mà tụi bay không chịu nghe... rồi hỏi tụi bay... chớ, bay ăn... bay ốm yếu, bay đau... ai nuôi một đàn con bay... bảy, tám đứa ai nuôi cho nổi!

Vốn tính hiếu thuận, thấy cha chấp chặt như thế, đôi ba phen la rầy nên ông trở đũa, dùng chay một tháng chỉ còn sáu ngày, và mỗi năm ba tháng.

Khi làm việc ở phòng thuốc, ông thường tỏ rõ chí hướng của mình cho các bạn bè thân thiết:

- Sau này tôi chết, tôi cũng cầu về Phật chứ không đi về đâu hết!

Đời tu của ông thâm lặng như thế hơn 20 năm trôi qua, mặc dù bình thường, đơn giản nhưng đều đặn. Đến

năm 2010, một hôm ông vỗ vai bà khi bà ở chùa mới về tới nhà, và ông nói:

- Mẹ thằng Đô à! Mình sống ở đây là nhà trọ, quán trọ... khi tàn đêm, không biết chừng nào mình mới gặp lại ghen bà?

Bà ngỡ ông mới vừa đọc câu chuyện gì đó ở trong kinh sách hay nghe băng đĩa, nên bà đáp:

- Ừ!

Ông nói tiếp:

- Bà rán làm...

Nghe tới đó bà ngắt ngang:

- Tôi đau tôi nghệt thở hoài, chắc tôi chết trước ông!

Ông nói:

- Không! Tôi chết trước bà, vì bà còn nhiều người nhờ cậy; chỗ tôi chỉ có một món thuốc Nam không hà, đâu có được như bà!

Đúng như lời người xưa từng bảo:

*“Quán trọ chốn Ta bà,
Đâu phải thật quê nhà!
Dừng chân giây phút tạm;
Khi đêm tàn trôi qua;
Mỗi người đi mỗi nẻo;
Lang thang khắp san hà!
Mấy mươi năm cõi mộng,
Chết chẳng hẹn trẻ già!
Mệnh môn dòng sinh tử,*

*Khuyên ai chớ dần dà!
Dù sang, hèn, khôn, dại...
Nào thoát khỏi Diêm La.
Đời người không trường cửu,
Lời cổ nhân thiết tha.
Khuyên tu mau kéo trễ,
Kẻ trí khéo nhìn xa!
Thời gian qua nhanh chóng,
Kéo ngược có được đâu.
Nhất tâm tu Tịnh nghiệp,
Chí thành tin tưởng sâu.
Nguyện sinh về Tịnh Độ,
Thành thật một lòng cầu.
Không rời câu Phật hiệu,
Sen báu rực ánh màu!"*

Đến ngày mùng 8 - 11 - 2010, chiều tối bà đi chùa về, ông giảng mừng xong nói với bà:

- Mẹ thằng Đô ơi! Tôi giảng mừng rồi bà ngủ trước đi!

Nói xong ông đi vặn ti-vi xem tin tức thế giới, khi bà đang mơ màng thì nghe ông gọi:

- Mẹ thằng Đô à! Giờ này 12 giờ rồi, bà măn giấc chưa mẹ thằng Đô? Tôi đau bụng quá hà!

Bà hỏi lại:

- Ủa, ông đau mà sao ông không cho tôi hay?

Ông đáp:

- Tôi thấy bà làm cực khổ, tôi không dám cho bà hay!

- Ông trật lắm rồi đó ngen! Vợ chồng trong lúc đau ốm thì cần nhờ nhau; chớ nếu không có đau ốm, đâu có ai nhờ làm chi!

- Thôi bà đi lên tiệm mua cho tôi paragine, có bao nhiêu mua hết cho tôi!

Bà tức tốc đi liền, nghĩ thầm trong bụng từ nào tới giờ ông đau lặt vặt ông tự lo lấy, bây giờ nhờ đến mình có lẽ đã nhiều lắm rồi!

Khi bà mua thuốc đem về đưa cho ông, ông bèn uống liền hai viên. Nhưng rồi cơn đau mỗi lúc một dữ dội hơn, gia đình bèn đưa vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Phú. Ở đây bác sĩ chẩn đoán là khối u gan, đề nghị chuyển tuyến. Hôm sau xuống Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, bác sĩ cũng cho biết khối u gan đã ở vào thời kì thứ ba, hết còn cứu chữa gì kịp nữa rồi, có ra Trung Tâm Ung Bướu ở Sài Gòn thì cũng bó tay thôi chứ không làm gì hơn được!

Chiều hôm đó bạn thân của ông là chú Hai Công ghé thăm, ở ngoài hàng lang bà thuật lại tự sự mà đôi hàng lệ lả chả tuôn trào. Chú Hai nói:

- Đau nghe ảnh đau gì đâu! Sao mà nhanh dữ vậy, chị Hai?

Khi chú bước vào chào hỏi thì thấy ông thần thái vẫn bình thản ung dung, vui vẻ, không lộ nét gì là bệnh hoạn cả, vì ông còn đi đứng tới lui bình thường. Nói chuyện

qua lại một hồi nhìn thấy sắc diện của bà hình như ông đoán được bệnh trạng của mình mà bác sĩ đã chẩn đoán, có lẽ sắp đến màn kết thúc, nên ông an ủi và trấn an mọi người, ông vừa nói vừa cười:

- Thôi! Đúng ra thì đường nào cũng về La Mã! Ai sống trên cõi đời này cuối cùng rồi cũng phải chết, chết sớm hoặc chết muộn mà thôi. Vậy thì đừng có lo, đừng có nghĩ gì hết!

Chú Hai cũng vã lã:

- Cái chết thì ai cũng không tránh khỏi rồi, thôi anh rán niệm Phật để được vãng sanh nghe, anh Hai!

Ông cười, đáp:

- Được rồi! Tôi đã có chí nguyện cầu vãng sanh lâu lắm rồi!

- Nếu anh đã có chí nguyện cầu vãng sanh, thì sau này tụi tui hứa sẽ đưa anh rất ngon lành!

Ông gật đầu vô cùng hoan hỷ. Trước khi chào ra về, chú Hai nói:

- Thôi tôi về sắp xếp mấy đứa ở nhà đặt bàn Phật cầu an cho anh ghen?

Ông cười, trả lời:

- Thôi cầu siêu luôn đi, khỏi cầu an!

Qua ngày hôm sau (11 - 11 - 2010) thấy ông yếu nhiều, gia đình quyết định xin bác sĩ đưa ông về nhà để

hộ niệm. Khi lên xe bà ngồi bên cạnh niệm Phật cho ông, ông bảo:

- Mẹ thằng Đô! Mẹ thằng Đô à! Bà niệm Tây Phương Tiếp Dẫn dùm tôi đi mẹ thằng Đô!

- Ba thằng Đô ơi! Tôi thường đi hộ niệm... Khi người ta tắt hơi rồi mới niệm Tây Phương Tiếp Dẫn; còn ông... ông còn thở... còn nói chuyện như vậy... thì đức Phật rước ai? Đức Phật xuống đây rước ai bây giờ, ông còn sống nhân mà rước ai?

Ông vừa cười vừa nói:

- Mẹ thằng Đô à! Bà nghe lời tôi đi bà đọc Tây Phương Tiếp Dẫn đi bà!

- Ba thằng Đô à! Ông nghe lời tôi đi ông!

Nhưng thấy ông yêu cầu nhiều lần quá nên bà liền niệm Tây Phương Tiếp Dẫn để cho ông vui lòng. Khi đó ở nhà đã chuẩn bị trước, Ban Hộ Niệm cũng đã được mời đến để chờ ông về.

Khi tám, chín giờ tối xe về tới nhà, chú Hai chạy ra đón, nghe đọc Tây Phương Tiếp Dẫn thì chú rất kinh ngạc vì nghĩ rằng ông đã mất rồi. Liên cất tiếng hỏi:

- Sao mà mau quá dữ vậy chị Hai?

- Tại ổng muốn niệm Tây Phương Tiếp Dẫn, chứ ổng chưa có đi!

Chú Hai bật cười, nghĩ thầm rằng thì ra ông này ổng muốn vãng sanh quá rõ ràng rồi!

Khi đưa ông vào nằm ở trước ngôi Tam Bảo để hộ niệm, chú Hai đến gần nói:

- Tụi tui ra đây là để hộ niệm cho anh! Vậy anh phải nhất tâm niệm Phật để vãng sanh nhen, anh Hai!

Và chú còn dặn thêm:

- Anh nhất tâm niệm Phật để cầu vãng sanh, nếu mà chấp tay được thì chấp, không chấp được thì thôi!

Lúc này ông vẫn còn tỉnh táo, sáng suốt nhận biết rõ ràng, nên khi nghe xong ông gật đầu. Hộ niệm được một hồi sau, ông nhờ người đỡ ngồi dậy cho ông hướng mặt về ngôi Tam Bảo. Ông chấp hai tay lại xá xuống rồi đưa lên trán khấn nguyện, nhưng âm thanh lúc này hơi khó nghe. Vái xong, ông xá mấy xá, sau đó nhờ đỡ nằm xuống.

Liên hữu Thắng liền đến khai thị khuyên ông buông nên xả muôn duyên, một lòng niệm Phật để về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Rồi hướng dẫn ông cùng đại chúng (khoảng 30 người) đọc lớn lên bài văn phát nguyện, và niệm 10 câu Phật hiệu. Ông cũng đọc và niệm theo rành rẽ. Kế đó đồng đạo khuyên ông nên niệm thầm theo để đỡ tổn sức.

Thấy ông còn khỏe quá mọi người trong Ban Hộ Niệm định chia ca, chú Hai lên tiếng:

- Ông Hai thấy vậy... chứ tôi mới rờ mạch, mạch của ông đứt hết rồi! Anh em rần tập trung hộ niệm cho ông!

Quả thật như thế, liền theo đó ông bắt đầu lên cơn mệt nhiều, hơi thở ngắn dần và dồn lên trên. Khi mọi người tập trung lại, niệm khoảng 15 phút thì ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, trong lúc đó hai tay ông đang từ từ co để chấp lại nơi ngực, nhưng chưa thành búp sen, mà còn hở ra. Lúc ấy đúng 11 giờ 11 phút đêm, ngày 11 - 11 - 2010, ông hưởng thọ 63 tuổi.

Chín giờ sáng ngày 12 mới nhập liệm và lo phân hậu sự. Gương mặt của ông sáng đẹp dường như đang mỉm cười, ai cũng nghĩ rằng ông đang ngủ chứ không phải chết!

(Thuật theo lời Trần Thị Diệp vợ của ông và đồng đạo Hai Công.)

89. NGUYỄN THỊ BA (1951 - 2011, 60 tuổi) và NGUYỄN THỊ TƯ (1955 - 2010, 55 tuổi)

Bà Nguyễn Thị Ba sinh năm 1951, cư ngụ tại ấp Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Đáng, thân mẫu là cụ bà Phan Thị Khỏe. Bà là con thứ Ba trong gia đình có tám chị em.

Tính tình của bà hiếu thuận, hiền lành, hòa đồng với mọi người.

Nhờ gặp gỡ bạn đạo và đi cầu nguyện siêu độ cho các tang lễ quanh vùng, được dịp nghe các thiện tri thức

cảnh tỉnh cõi thế là vô thường, biển trần là khổ lụy! Và cũng nhờ đọc học kinh sám, tiếp xúc với Phật pháp:

*“Một mai chết chợt đến,
Mối hay mình trong mộng!
Trăm thứ đều bỏ lại,
Chỉ mang tội phước đi!”*

Nhờ những cơ duyên trên, mà bà phát tâm trường trai, giới sát, tu hành từ năm 30 tuổi. Người em gái thứ Tư của bà nhỏ hơn bà bốn tuổi cũng phát tâm tu theo. Hai chị em nương với nhau, sống chung, tu chung, không lập gia đình. Tính tình của bà Tư cũng như bà Ba, như in ra từ một khuôn. Bà Ba vốn ít nói, bà Tư lại càng ít nói hơn, hai bà làm thuê làm mướn để độ nhật.

Hằng ngày sau hai thời lễ nguyện sớm tối, hai bà đều ngồi niệm Phật. Hôm nào không đi làm thì tăng thêm một thời công phu vào giữa trưa, nhưng chính yếu vẫn là niệm Phật trong mọi oai nghi, và những lúc đang làm công việc.

Mặc dù thiếu thốn về phương diện vật chất, nhưng hai bà vẫn hăng hái tham gia các công tác từ thiện xã hội, nhất là chặt thuốc Nam, hoặc theo đoàn sưu tầm thuốc ở núi, ở hòn... với thời gian dài hạn.

Sự hành trì của hai bà đại để như thế, âm thầm và đều đặn suốt ba mươi năm. Những tháng ngày về già, hạnh đức của hai bà đã chiêu cảm các cháu, mỗi tối chúng đều đến nhà để hai bà hướng dẫn lễ bái, niệm Phật, đồng

thời đem Phật pháp giảng giải cho chúng nghe về lợi ích của sự hiếu hạnh, thuận thảo; lợi ích của sự tu hiền; lợi ích của sự niệm Phật... Khuyến chúng rán làm lành lánh dữ, tập ăn chay, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc để vĩnh viễn ra khỏi sinh tử luân hồi, thoát vòng khổ mê trần tục!

Vào khoảng tháng 6 năm 2010, bên ngực trái của bà Ba nổi lên mụn độc, không nung mủ mà chỉ ửng đỏ, bóng nước, vỡ ra chảy nước vàng rồi lan ra xung quanh. Thay thầy đổi thuốc lăm phen, đủ các loại: đắp, đặt, dán, phết, bôi, trong ống ngoài thoa... đủ phương đủ cách nhưng đâu vẫn vào đấy. Hường lan của nó qua bên trái ăn lây ra hết nửa lưng. Các thầy thuốc dường như rất sợ đối với thứ mụn độc địa này, hầu hết đều miễn cưỡng điều trị cầu may vậy thôi chứ không tự tin gì cả!

Lúc này bà sụt cân rất nhanh, chỉ còn 28kg, sự ăn ngủ suy kém nhiều. Đến tháng 9, người em gái thứ Năm nóng lòng đưa bà ra Bệnh Viện Trung Tâm Ung Bướu ngoài Sài Gòn. Ở đây một tuần vẫn không tìm ra bệnh, bác sĩ đang chuẩn bị làm “sinh thiết đồ” thì thân nhân quyết định xin xuất viện. Về nhà bà vẫn tiếp tục uống thuốc Bắc và đắp, đặt thuốc Nam như cũ. Bệnh hoành hành bằng những cơn nóng rát giống như là chế nước muối vào da thịt mới vừa bị đứt. Cô Năm phải dùng rất nhiều bông gòn để chặm vết loét mỗi ngày hai lần.

Từ khi mới phát bệnh bà đã không chịu đi chạy chữa, do chiều ý gia đình nên bà miễn cưỡng tùy thuận.

Suốt thời gian dài bệnh khổ, chưa từng nghe bà rên rỉ, than van, chỉ một lòng niệm Phật A-di-đà cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Do vì bà nhận thấy rằng:

*“Ta-bà thế giới rộng thênh,
Xưa nay thân chết không quên người nào.
Kiếp này không sớm tầu đào,
Cõi trần còn phải chui vào chết thêm.
Trước khi chết có đau êm,
Bao nhiêu đau khổ đổ trên đời mình.
Nào danh nào lợi nào tình,
Mất thì thương tiếc, được gìn hết hơi.
Lo cho đến chết mất đời,
Người nào cũng thiếu không người nào xong.
Dù là kẻ dốt hay thông,
Vẫn làm tôi mọi không công cho đời.
Để tâm suy xét tốt nơi,
Thấy rằng cái kiếp con người dối ma.
Người thương mấy cũng phải xa,
Vật ưa thích mấy cũng là bỏ đi.
Chạy trời không khỏi tử qui,
Trăm mưu ngàn kế làm gì bố ai.
Đâu bằng niệm Phật ăn chay,
Cầu về Cực Lạc hết ngày trầm luân.”*

Vào lúc 5 giờ chiều, ngày mùng 3 tháng 10 năm 2010, bà Tư bị đột quỵ, mê man bất tỉnh, lúc 8 giờ tối gia đình đưa vào Bệnh Viện Đa khoa An Phú. Thấy bệnh

nặng quá, bác sĩ làm hồ sơ chuyển tuyến, 12 giờ khuya vào nằm Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc. Sau khi chụp “Citi” bác sĩ cho biết kết quả:

- Bệnh nhân này các động mạch lớn ở não bị đứt hết rồi. Thôi!.. Tùy gia đình muốn để ở đây... hay chở về thì chở!

Dượng Năm trả lời:

- Vậy thì thôi, quý bác sĩ cho tôi làm giấy chở chị tôi về nhà. Bởi vì chị là người tu tại gia cư sĩ, đem về nhà để nhờ đồng đạo hộ niệm! Chứ nếu tắt thở ở bệnh viện thì hộ niệm không có kết quả!

Thế là cấp tốc đưa bà về, về tới nhà là đúng 6 giờ sáng ngày hôm sau.

Các bạn đồng tu hay tin kéo đến cùng với thân quyến hộ niệm mãi cho đến 2 giờ 30 phút chiều, bà Tư nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, nhằm ngày mùng 4 tháng 10 năm 2010, bà Tư hưởng dương 55 tuổi.

Suốt thời gian từ lúc ngã bệnh cho đến lúc mất gần hai mươi bốn giờ đồng hồ, bà Tư luôn ở trong trạng thái hôn mê và gương mặt bị méo lệch sang một bên.

Cuộc hộ niệm và khai thị vẫn tiếp tục duy trì, hai giờ sau gương mặt bà Tư bình thường trở lại, hết còn méo nữa! Qua tám tiếng đồng hồ sau đó gương mặt của bà hồng hào, đẹp đẽ, tay chân mềm mại, điểm ấm chỉ còn duy nhất ở đỉnh đầu.

Lo hậu sự cho bà Tư xong, bệnh tình của bà Ba tăng dần, bà không nằm trên giường được, đêm cũng như ngày đều nằm văng và cũng không còn đi đứng được. Ăn thì chỉ dùng qua loa được một ít cháo, em gái thứ Năm nài ép năn nỉ lắm mới ăn mà thôi. Thường khi bà hay năn nỉ ngược trở lại, một lòng mong cầu sớm sanh về cõi Phật, sớm xả ly tám thân như nhóp đầy bệnh hoạn khổ đau!

Đến ngày mừng 1 tết năm 2011 bà không chịu ăn nữa. Thấy chị mình bệnh mà không chịu ăn, cô Năm bưng cháo đến năn nỉ, nài ép trong khi cơ thể của bà mỗi lúc ăn thức ăn vào đều cảm nghe bức ngạt khó chịu nên bà nói:

- Vú thằng Thành à! Đã chị nói như vậy rồi mà sao vú thằng Thành ép chị hoài vậy? Thôi đi đừng có ép chị ăn nữa!... Chị đã nguyện về cõi Phật rồi, không có còn mơ mộng gì ở dương trần này nữa đâu!

Dường như sức lực của bà thực sự cạn kiệt, nói chuyện mà đã thấy rất khó khăn. Thân nhân đề nghị mời đồng đạo đến hộ niệm, bà vô cùng hoan hỷ gật đầu. Thế là chuyển bà từ chiếc võng ở trong buồng ra giường ở nhà trước. Từ đó bà nằm im lặng niệm Phật theo mọi người, huynh đệ đến khai thị bà không trả lời mà bà chỉ gật đầu hoặc nheo mắt, lâu lâu nhỏ một tí nước thấm môi cho bà.

Suốt ba ngày liên bà vẫn tỉnh táo, sáng suốt, không có hôn mê. Đến hơn 2 giờ chiều ngày mừng 4 tháng 1 năm 2011, hơi thở của bà ngắn dần, không lâu sau thì bà an

tường nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh Phật hiệu vang rền, lúc đó đúng 2 giờ 40 phút, bà thọ 60 tuổi.

Lúc mất miệng của bà há to, bốn giờ sau bắt đầu từ từ ngậm kín lại. Qua tám giờ sau gương mặt của bà đổi màu hồng hào, tươi đẹp hơn lúc bình thời. Các khớp xương mềm mại, đặc biệt là đỉnh đầu ấm nóng.

Tiếp theo đó là nhập liệm rồi ai về nhà nấy để nghỉ ngơi, vài mươi phút sau trong nhà tỏa ra mùi hương, tựa tựa mùi thơm của trà nhưng không phải, kéo dài hơn nửa tiếng đồng hồ mới mất hết!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Quân và Dương Văn Hòa, em gái và em rể thứ Năm của hai bà).

90. NGÔ THỊ DÒN (1947 - 2014, 70 tuổi)

Bà Ngô Thị Dòn sinh năm 1947, nguyên quán Phú Tân - An Giang. Thân phụ là cụ ông Ngô Văn Tiếu; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Hai. Bà là chị Hai trong gia đình có bốn anh em.

Khi lên 18 tuổi bà kết hôn với ông Huỳnh Thanh Tuấn, quê ở Thốt Nốt - Cần Thơ. Vài năm sau hai vợ chồng ra riêng, về định cư tại chợ Vĩnh Trinh, mở tiệm buôn bán tạp hoá, thuộc ấp Vĩnh Lân, xã Vĩnh Trinh,

huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Cần Thơ. Bà sinh được ba trai, bốn gái. Ngoài buôn bán ra gia đình còn có làm thêm nghề ruộng.

Tính tình bà vui vẻ, cởi mở, rộng lòng thương giúp mọi người; ăn mặc thì rất thanh đạm, bình dân.

Năm 1988, chồng của bà bị đột quỵ, vừa chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt thì ông qua đời, cô gái Út lúc ấy vừa mới lên năm. Đôi vai gầy phải gánh thêm trách nhiệm làm cha!

Năm 1995, bà phát tâm trường trai, cũng vào thời gian này bà có đến chùa Bửu Duyên ở An Giang để quy y, được pháp danh là Diệu Âm Bảo Ngọc.

Năm 2007, bà ngã bệnh, chạy chữa nhiều nơi. Sau đó đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, bác sĩ ở đây chẩn đoán là “viêm gan siêu vi B”. Người nhà vẫn chưa an tâm nên đã đưa bà ra Bệnh Viện 115 ở Sài Gòn, thì phát hiện là gan có khối u, bác sĩ cho thuốc về và hẹn tháng sau quay lại tái khám. Về nhà, các con của bà bèn tiến hành đặt bàn hương án lễ Phật sám hối, niệm Phật, trì chú Đại Bi và phóng sanh. Hơn một tháng, bà trở lại bệnh viện, các bác sĩ đều ngỡ ngàng khi so sánh những chỉ số cận lâm sàng với đợt đầu, mọi người đều hỏi:

- Bà uống thuốc gì?... Bà dùng thuốc gì mà mau lành bệnh như thế nhỉ?

Rồi ai ai cũng chúc mừng cho bà!

Năm 2011, nhân một chuyến đi thăm người chị chồng đang tu tại đạo tràng Quan Âm Tịnh Thất ở Đức Trọng. Do đó, bà ham thích khung cảnh trang nghiêm khi cộng tu cùng đại chúng, vì vậy các con của bà mua một căn nhà đối diện với Quan Âm Tịnh Thất, hầu tạo điều kiện cho mẹ mình được thuận tiện tu tập hành trì.

Từ đó, hằng năm bà thường lui tới chung tu với đại chúng, ngộ hầu tìm niềm hạnh phúc đích thực của cuộc đời, đó là cõi lòng thanh tịnh và an lạc, mà bấy lâu mình tự vất bỏ không chút tiếc thương! Và lại thời gian rất quý báu, một khi đã qua chẳng bao giờ quay trở lại, nếu ta cứ chần chừ e cho luống uổng một kiếp người, bởi vì:

*“Một ngày đã qua,
Mạng sống giảm dần.
Như cá cạn nước,
Nào có vui gì!*

...

*Người trí khá suy,
Thế trần tạm giả.
Dòng đời hối hả,
Tất bật sớm trưa.
Đi nắng về mưa.
Mưu toan cuộc sống.
Hết trông tới ngóng,
Chạy đuổi tìm cầu.
Hạnh phúc nơi đâu?
Sao toàn nước mắt!
Ô hô! Nắng chiều chợt tắt,
Thế là kết liễu một đời.*

...

Sớm tỉnh người ơi!

Gieo mầm Tịnh nghiệp.

Hồng trần mãi kiếp,

Thơm ngát hương sen!

Khấp mười phương chư Phật thấy ngợi khen,

Trong phút chốc biển trầm luân khô cạn!”

Vài năm sau phát hiện bà bị bệnh tiểu đường, chữa trị nhiều nơi nhưng chẳng khả quan, ngược lại ngày một nặng dần!

Đến tháng 7 năm 2014, sức khoẻ của bà bắt đầu suy sụp, nhiều cơn sốt nổi tiếp theo nhau, sự ăn ngủ lần hồi sa sút trầm trọng. Sang tháng 8, bệnh nặng quá, thân quyến đưa bà vào phòng cấp cứu của Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Nằm ở đây cả tuần lễ, trong suốt thời gian này truyền dịch để chờ kết quả của các xét nghiệm, bà thường chìm vào hôn mê, ít khi tỉnh táo, đôi lúc tiểu tiện không còn tự chủ được nữa, trên người thì rất nhiều dây sợi, chẳng chịt lòng thòng.

Chiều hôm nọ, bác sĩ gọi cô Hai đến và cho biết bà đã bị ba bốn chứng bệnh một lượt, mà bệnh nào nghe nói tới là đã tá hỏa: “ung thư gan giai đoạn cuối”, “ung thư dạ dày giai đoạn cuối”, “tiểu đường”, “thiếu năng động mạch vành”... và một số bệnh khác. Khi nghe xong, cô mới hỏi bác sĩ:

- Mẹ tôi còn đủ sức để chuyển ra Đà Lạt được không, thưa bác sĩ?

Bác sĩ trả lời:

- Chắc bà cụ không chịu nổi đâu!

Dù biết tình trạng sức khỏe của mẹ mình nguy ngập như thế, nhưng các con bà đồng tâm nhất ý quyết định đưa mẹ mình vào “vãng sanh đường”!

Thế là các cô gấp rút lo làm thủ tục cho bà được xuất viện ngay trong đêm hôm đó, tranh thủ đưa vào phòng vãng sanh của Quan Âm Tịnh Thất. Cũng rất lạ, trong giờ phút đó bà tỉnh lại. Khi trình bày dự định như thế cho bà nghe, nghe xong bà khẽ gật đầu. Trước giờ lên xe liền rút hết tất cả các ống, kể cả ống tiếp hơi. Mạng sống của bà mong manh như sợi chỉ mảnh treo chuông. Thế mà, mọi chuyện vẫn êm xuôi trôi chảy, đâu vào đó! Sau mười mấy ngày đêm liên tục hộ niệm cho bà, bà dần dần khỏe lại.

Khi đã trải qua cơn “thập tử nhất sanh” này, thầy trụ trì đã làm một cuộc phỏng vấn, cho ghi lại hình ảnh, ngõ hầu khích lệ và xây đắp tín tâm cho chư liên hữu xa gần, cần phải vững tâm tin tưởng tuyệt đối vào câu Hồng Danh Vạn Đức thì sẽ thu được lợi ích thật sự bất khả tư nghi!

Sau đó, mặc dù sức khỏe của bà chưa hồi phục chi mấy, thế mà bà vẫn gắng gượng cộng tu với đại chúng thêm gần một tháng nữa. Vì nhớ nhà quá nên các con đành phải tùy thuận đưa bà trở về miền Tây.

Khi về nhà trải qua cũng thêm một tháng nữa thì thể trạng của bà suy sụp trầm trọng trở lại, hai tay và hai chân sưng nhẹ. Có lần, khi những cơn bệnh hoành hành dữ dội, chẳng thể kham nhẫn, bà thở than với các con về việc vãng sanh:

- Khó lắm con ơi! Vãng sanh không phải dễ đâu!

Các con của bà đồng xúm lại năn nỉ:

- Mẹ rán cố gắng lên! Mẹ nhất tâm niệm Phật thì sẽ được vãng sanh thôi! Biết bao nhiêu người nghiệp chướng còn nặng nề hơn mình rất nhiều... mà người ta cố gắng... người ta đã được vãng sanh. Mình nếu kiên định tín nguyện, thiết tha trì niệm thì... Đức Đại Từ Phụ A-di-đà sẽ không bỏ mình đâu, mẹ phải rán lên nhen!

*Ao sen báu Tây Phương đưa nở,
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm!”*

Các con hết lòng trình bày và nhiều lần giải thích, sau rốt bà gật đầu.

Những tháng ngày cuối đời, do bệnh tật hành hạ bà thấm thía về sự thật nỗi khổ của kiếp làm người. Tấm thân tứ đại do nghiệp báo trói cột này quả thật nó đã chứa nhóm biết bao nhiêu thứ dơ bẩn, bất tịnh, và vô lượng vô biên đau thương phiền lụy. Chừng chết đến phải một mình ra đi, tất cả đều bỏ lại, chẳng mang theo được gì, chỉ mang tội với phước mà thôi! Mặt khác, nhờ nghe đĩa “Khuyên Người Niệm Phật” của cư sĩ Diệu Âm, và đoạn khai thị “Nhìn thấu là trí huệ chân thật” của Hòa

thượng Tịnh Không, mà tâm luyện ái về con cháu của bà tan nhạt dần, mọi tình chấp đã tiêu mòn đáng kể. Lúc này tâm nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc nơi bà tương đối khẩn thiết và chân thật hơn. Bà thường căn dặn các con, chừng nào bà tắt hơi 24 tiếng đồng hồ sau mới điện thoại báo tin cho thân tộc hay, ngõ hầu tránh bớt những bất trắc xảy ra cho sự vãng sanh của mình!

Chương trình hộ niệm bắt đầu vào ngày mừng 5 - 10 - 2014, hơn một chục vị đồng tu từ Đức Trọng, Đà Lạt vào phối hợp với Ban Hộ Niệm của liên hữu Phước ở Tịnh Biên xuống.

Khi người thân hay lối xóm đến thăm, các con bà mời giữ lại ở phòng khách, có vào thì cùng niệm Phật với bà, không ai hỏi han, nói chuyện gì hết!

Thỉnh thoảng khi mọi người thay ca vào hộ niệm, bà vừa lấy tay chỉ đứa bé ngồi trên hoa sen của bức hình Tây Phương Tiếp Dẫn rất lớn bên vách, vừa nói:

- Kìa!... Bảo Ngọc ngồi trên hoa sen kìa!

Ai cũng đồng cười rộ lên, vì Bảo Ngọc chính là pháp danh của bà.

Những ngày gần mất, bà dặn dò các con và mấy cô dâu nên canh giữ mấy đứa cháu nội vì sợ nó làm cản trở trong giây phút bà ra đi, bà thường nói:

- Con ai nấy giữ, đừng cho con nít lại gần mẹ! Bây giờ mẹ buông xả hết rồi, mẹ quyết định về với Phật!

Đến ngày mừng 9 tháng 10, bà nhờ người gọi cô Út đến. Khi cô tới gần bên cạnh hỏi bà có chuyện gì, thì bà nói:

- Mẹ gặp...

- Mẹ gặp gì?

Bà mỉm cười nói:

- Thôi! Không nói đâu!

Từ đó trở đi gương mặt của bà luôn tràn đầy niềm vui lạ thường.

Qua hôm sau, vào lúc chiều tối bà gọi cô Hai đến, rồi nói:

- Mẹ gặp Phật A-di-đà!

Đến 9 giờ rưỡi tối ngày 11, hơi thở bà ngắn dần, mãi đến 5 giờ 30 phút sáng, bà nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, khi ấy bà đang nằm ngửa mắt hướng về tượng Phật A-di-đà ở giữa phòng, rồi bà xoay người nghiêng bên phải nhìn tấm ảnh Tây Phương Tiếp Dẫn treo trên vách. Đặc biệt là bà nhích môi mỉm cười đồng thời nhép miệng niệm A-di-đà Phật rồi mới dứt hơi! Hôm ấy nhằm ngày 12 - 10 - 2014, bà hưởng thọ 67 tuổi.

Hộ niệm thêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, toàn thân mềm mại như bông, gương mặt tươi vui, ai trông bà cũng giống như người đang nằm ngủ. Trên thân hoàn toàn sạch sẽ không có mùi hôi. Trước kia có nhiều bác sĩ cho các con của bà biết là bệnh của bà thường thì ra đi

trong cơn hôn mê, và sau khi tắt hơi, máu sẽ tràn ra theo các đường miệng và hậu môn. Nhưng lúc này thì hoàn toàn không có những điều đó xảy ra!

* Khoảng 9 giờ, sư cô Hạnh Hòa bỗng thấy ánh sáng, chiếu sáng rực rỡ trên bàn Phật, nhưng chỉ một mình cô thấy, nên cô giữ im. Tối đến sư cô nằm chiêm bao cô thấy một ông già râu tóc bạc phơ đến nói với cô:

- Tôi cho cô thấy sự vãng sanh của hương linh Ngô Thị Dòn! Cô hãy xem cho kỹ nghe!

Đồng thời thấy hiện tượng ban sớm lập lại. Trong ánh quang minh xoay tròn ấy xuất hiện hình ảnh của bà ngồi trên hoa sen.

* Đến tuần thất thứ năm, cô con gái Út của bà lên gác ngồi niệm Phật hơn một giờ sau bỗng nghe có mùi hương lạ, không giống với bất kì mùi hương nào, được chừng mười phút thì tan mất.

* Ngày 21-11- 2014, cô Năm sau khi đi dự khoá tu Tam Thời Hệ Niệm với chư liên hữu ở Tịnh Biên về đến nhà khoảng 3, 4 giờ sáng. Đang mệt mỏi, vừa ngả lưng chưa kịp ngủ, trong cơn nửa tỉnh nửa mê, bỗng nghe vắng vắng bên tai có âm thanh vang to, rõ ràng mồn một:

- Cô yên tâm đi! Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát nói là mẹ cô đã vãng sanh rồi!

(Thuật theo lời Huỳnh Thị Như Thúy, Huỳnh Thị Phụng Kiều, Huỳnh Thị Xuân Đào, các con của bà).

91. NGUYỄN VĂN LONG (1935 - 2013, 78 tuổi)

Ông Nguyễn Văn Long sinh năm 1935, nguyên quán tại huyện Sóc Xoài, tỉnh Kiên Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Cơ, thân mẫu là cụ bà Đặng Thị Ngà. Ông là con út trong gia đình có chín anh em.

Khi tuổi còn ở độ thơ đồng, cha ông đã di cư về sinh sống tại ấp Long Thiện, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để thuận tiện cho việc học hỏi Phật pháp, tu thân hành thiện.

Năm 24 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Sàng, sinh được một trai, bảy gái. Gia đình sống bằng nghề làm ruộng và buôn bán.

Thuở thanh niên ông rượu chè be bét, khi gặp Phật pháp, thiện căn quá khứ chín mùi, ông bảo bà vợ làm một bữa tiệc rồi mời hết các bạn “lưu linh” lại, ăn uống no say một lần cuối cùng trước khi rửa tay gác kiếm để rút chân ra khỏi bang hội, lúc đó ông được 35 tuổi (1970).

Từ đó ông trường trai giới sát, quyết chí tu thân hành thiện, mỗi ngày ba thời lễ nguyện, niệm Phật khi đi, đứng, nằm, ngồi không đợi gì thời khắc. Ông ý thức rằng hình dáng tướng mạo cũng giúp ích cho sự tu sửa thân tâm, nên ông noi theo gương tiên nhân để tóc và khoác lên mình bộ y phục bà ba.

Tính tình ông vui vẻ, đôn hậu, hiếu kính với mẹ già, thuận thảo với anh em, hòa đồng với mọi người. Đối với lối xóm thôn hương, ông chẳng hề mịch lòng bất cứ một ai. Ông rất sốt sắng trong các công tác từ thiện xã hội.

Năm 1974, mẹ ông qua đời, ông và người anh thứ Tám đã gắng hết sức chăm sóc và hộ niệm cho bà, cuối cùng gặt hái được kết quả mỹ mãn là bà cụ đã thật sự được vãng sanh!

Ngoài công phu thường nhật, ông thường xem kinh đọc sách mà đặc biệt duy nhất chỉ là quyển “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ”, các băng đĩa thuyết giảng cũng duy nhất của ông Hai Tho và ông Út Châu. Ông thường xuyên làm công quả cho Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo tại địa phương, và tham gia cầu nguyện cho những tang lễ quanh vùng. Các bạn đồng tu tâm đầu ý hiệp thường xuyên tới lui nhà của ông để bàn luận, trao đổi kinh nghiệm tu trì.

Ông thường dạy dỗ con cháu trong nhà làm ăn buôn bán phải chơn chất thật thà, và cố gắng ăn chay, tu hiền, niệm Phật. Ông thường nói:

- Các con nên biết, con người sống thì phải có Đạo, rán tu... ông bà mình thì đã có tu rồi, thì mình rán tu! Rán niệm Phật! Rán làm lành! Rán làm phước, giúp đỡ mọi người lối xóm và những người nghèo đói tật nguyền!

- Mình rán niệm Phật để sau này mình được vãng sanh, mình được về Tây Phương, để thoát khỏi bể khổ

trầm luân cõi Ta Bà, an hưởng yên vui vĩnh viễn nơi miền Cực Lạc!

Các con ông noi theo gương ông, nên y theo lời ông dạy. Ông cũng thường nói với các con:

- Không lẽ ba với mấy đứa không kéo nổi má mây hay sao?

Thế là mọi người đồng khuyến tấn bà, dần dần bà cũng phát tâm trường trai theo mọi người vào đầu thập niên 90.

Hằng ngày, ngoài những lúc chăm lo việc đồng áng ruộng vườn hay phận sự cho giáo hội, và công tác phúc lợi xã hội ra, ông tận dụng thời gian còn lại để đôn đốc các gia cụ, phụ với người anh thứ Tám, hầu tăng thêm thu nhập. Con gái ông lấy làm lạ khi thấy ông vừa ngồi chẻ tre, hay ngồi vót nan... mà sao môi cha mình cứ lép nhép hoài. Khi hỏi ra mới biết cha mình đang niệm Phật.

Khi đến tuổi lục tuần, các con đã khôn lớn, trưởng thành có thể gánh vác mọi chuyện, ông bèn giao phó việc nhà nên nhàn nhã nhiều hơn. Từ đó trở đi công phu hành trì cũng tăng lên bốn thời trong ngày.

Vào khoảng tháng 2- 2008, chân trái của ông không còn tự chủ được nữa, các con ông đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Phú để chữa trị, qua một tuần không giảm mà còn tăng thêm một tay bên trái. Thân nhân nóng lòng bèn chuyển ông ra Sài Gòn vào Bệnh Viện Hoàn Mỹ, bác

sĩ chẩn đoán là tai biến mạch máu não, ở đây một tuần thì xuất viện, bệnh tình ổn định tương đối khả quan.

Đến tháng 3 - 2009, bệnh tái phát, gia đình đưa ông vào Bệnh Viện Hoàn Mỹ, điều trị một tháng thì xuất viện về nhà tiếp tục uống thuốc Đông, Tây, Nam, Bắc, lần này bệnh tình không hồi phục mặc dù có đến bệnh viện từ thiện của huyện để tập vật lý trị liệu cả tháng trời, triệu chứng liệt nửa người vẫn không thay đổi mà còn tiến triển ngày càng nhiều hơn!

Mỗi lúc bệnh của ông thêm nặng, các chi bị liệt từ từ cứng các khớp đốt xương sống và ngón tay; nhất là các ngón tay co quéo lại, lúc đầu còn kéo ra để lau chùi theo các kẻ, về sau cứng đơ cứng còng, khi con ông nắm kéo ra thì ông rất đau nên để nguyên như thế, đến độ các móng bị thúi. Do nửa người bị cứng các khớp nên mỗi lần thay y phục cho ông rất là khó khăn, phải hai đến ba người mới có thể hoàn thành được việc này. Thân ông tuy bệnh nhưng thần trí rất sáng suốt, ông nhớ rõ từng việc mồn một, công phu trì niệm của ông càng tinh thuần hơn trước.

Có lần con ông muốn đi làm ở xa tận ngoài Bình Dương để có thể kiếm tiền, ông khuyên con nên dừng lại ý định đó:

- Thôi con ơi! Mình ở nhà vừa lo làm, vừa lo niệm Phật, lạy Phật thì được rồi!

Bởi vì ngạn ngữ có câu: “Hổ ly sơn hổ bại”, con cạp một khi xa núi lìa rừng khó mà bảo toàn được mạng sống.

Cho nên tầm nhìn của người cha lúc nào cũng xa rộng thực tiễn, mong cho con mình không phải lâm vấp vào bao thứ cạm bẫy đời thường: danh, lợi, cảm tình, văn minh vật chất!

Nếu như mình nghèo mà giữ gìn được đạo, mình có đạo vui với đời sống tu hành, “thiểu dục tri túc” hay là “lạc đạo an bản, xả thân tu tĩnh” thì mình vẫn hạnh phúc hơn nhiều so với tiền tài của cải... Hạnh phúc đó mới là hạnh phúc chân thật. Mà hạnh phúc chân thật ấy vốn có sẵn trong tâm tay của mình, không phải bôn ba kiếm tìm. Khác hẳn tiền tài vật chất là thứ giả dối tạm bợ mong manh luôn thay luôn đổi. Đó cũng là nguồn cội của bao thứ ưu phiền, tang thương khổ lụy, càng làm cho kiếp luân hồi kéo dài vô cùng tận. Như lời của Cổ Đức đã nhận định:

*“Xuống lên nơi cõi hồng trần,
Chịu đường sanh tử, chịu phần khổ lao.
Bị làn sóng nghèo giàu lôi cuốn,
Bắt đầu tranh, bắt muốn hơn thua;
Lợi danh lo bán, lo mua,
Ái tình lo hốt, lo vừa vào thân.
Đi cặp với tâm trần ham hố,
Nào ưu sầu tai khổ muôn trùng;
Mạng căn như đóa phù dung,
Muốn ham chưa thỏa, kế chun vào hòm.
Nếu để mất mà nom đích xác,
Công Dã Tràng xe cát biển Đông;
Của tiền nhiều lấp cận sông,
Người yêu đứng lợp cả đồng cũng thôi.*

*Uống công đổ mồ hôi nước mắt,
Vào tình yêu vào các lợi danh;
Chỉ gây lấy tội vào mình,
Thân không trường hưởng, hồn linh đọa đày.”*

Đầu tháng 5 - 2013, bệnh ông trở nặng. Đến ngày mừng 9 ông không còn nói chuyện được nữa và không ăn được gì, chỉ uống nước cúng Phật và một ít sữa. Các con ông và một số bạn đạo bắt đầu lên chương trình hộ niệm. Qua nửa tháng, cô Hai thấy sức khỏe của cha suy kiệt quá nên nóng lòng, bèn truyền dịch cho ông, nhưng chỉ được nửa chai, tình hình không ổn nên dừng lại. Hộ niệm thêm nửa tháng nữa, ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng vào lúc 10 giờ 45 phút tối, ngày mừng 8 - 6 - 2013, ông hưởng thọ 78 tuổi.

Trong suốt một tháng ông không nói chuyện được, nhưng có bạn đạo đến khai thị nhắc nhở hay con cháu hỏi ông có nhớ niệm Phật hay không, thì ông gật đầu hoặc nheo mắt. Bình thường ông nằm yên, khi mệt nhiều phải há miệng ra để thở chứ không thấy ông nhép môi niệm Phật theo đại chúng. Vậy mà trước khi ra đi năm phút ông nhép môi niệm Phật theo mọi người rồi mới an lành ra đi. Khi mất miệng ông há to rồi sau đó từ từ khép kín lại.

Hơn tám giờ sau gương mặt của ông sáng đẹp, vui tươi, đỉnh đầu ấm nóng trong khi toàn thân thì lạnh.

Sáng hôm sau là ngày mừng 9, lúc 9 giờ sáng nhập mạch, một điều hết sức đặc biệt là khi thay đồ rất dễ

dàng, không tìm thấy một khớp xương nào cứng cả. Khớp ngón tay co quéo vào bàn tay khi ông còn sanh tiền cứng đến nỗi không kéo ra được nữa, vậy mà bây giờ tự động rời ra mềm mại một cách lạ thường!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Sàng, vợ ông và Nguyễn Thị Vàng, con gái thứ Mười của ông.)

92. NGUYỄN VĂN THUYỀN (1931 - 2013, 82 tuổi)

*Chân thật tu hành hạnh đức to,
Vui đạo an phần chẳng phiền lo!
Trần thế lợi danh không bận buộc,
Quyết đến Tây Phương chỗ hẹn hò!*

Ông Nguyễn Văn Thuyền, là anh ruột của ông Nguyễn Văn Long (chuyện thứ 91 ở trước) sinh năm 1931. Ông là con thứ tám trong gia đình.

Khi em gái thứ chín đi lấy chồng, cha mẹ lần lượt qua đời, ông không lập gia đình mà sống chung với gia đình người em trai út.

Được biết ông phát tâm trường trai tu hành rất sớm (trước năm 1970), nhưng người thân không còn nhớ rõ là năm tháng nào!

Hàng ngày, nghề chính của ông là đương rổ, đương xê. Mỗi khi đến mùa vụ, ông phụ lực đôi chút với em

mình. Ngoài ra ông tích cực đóng góp công sức vào các công tác từ thiện xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ, chặt và phơi thuốc Nam...

Tính tình của ông hiền lành, ít nói, không cố chấp nên dễ hòa đồng với mọi người xung quanh. Đối với các cháu trong nhà ông rất mực thương yêu, luôn nhắc nhở chúng tập làm lành lánh dữ, khi thấy chúng có làm điều gì sai trái ông la rầy dạy dỗ xong rồi thì thôi chứ không để bụng. Đời sống sinh hoạt cá nhân rất kiệm ước, ăn mặc đơn giản thanh đạm, chẳng màng danh lợi giàu sang.

Từ khi ông mới bắt đầu tu công khóa mỗi ngày là bốn thời, sau lễ nguyện thì ngồi niệm Phật khoảng một giờ hoặc lâu hơn. Ngày nào ông cũng xem kinh đọc sách, dường như ghiền nghiện! Trọn đời quyển sách ông đọc duy nhất là “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ”, giống như nhai gạo lứt muối mè, càng đơn giản xem ra càng công dụng, vi diệu vô cùng; đúng với đường lối “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” mà cổ Thánh tiên Hiền đã thường khuyên dạy: “Học chi đạo, quý dĩ chuyên!” bởi vì xen tạp nhiều thứ quá thì khó mà chuyên nhất, nên ít được thọ dụng hơn. Các bạn thiện tri thức cũng thường xuyên ghé nhà ông, cùng nhau trà nước đàm luận việc tu hành.

Đặc biệt là ông không hề cất chứa tiền bạc, của cải, chỉ có chiếc xe đạp và chiếc nón nan dùng làm phương tiện thăm viếng các bạn đạo ở phương xa. Lâu thật lâu ông khởi hành một chuyến khoảng năm ba ngày, đó là dịp học hỏi Phật pháp cũng như trao đổi kinh nghiệm

trong phương thức tu tập hành trì. Bao nhiêu tiền làm ra, ông đều giao hết cho các cháu để chi dụng những sinh hoạt cần thiết của gia đình. Mỗi khi con cháu có may y phục mới cho ông bộ nào thì ông chuyển tặng bộ nấy, chỉ chừa ba bộ cũ bên mình để thay đổi thường ngày mà thôi!

Năm 68 tuổi, mắt ông bị cườm, thân nhân đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang để mổ. Vì ông bị cao huyết áp nên bác sĩ không dám giải phẫu. Lúc này lại phát hiện thêm ông bị “thoát vị búi”, triệu chứng này đã nhiều năm trước tới giờ, nhưng ông không cho con cháu biết, nên đã lâu lắm rồi dáng đi đứng thì thấy xương sống của ông uốn cong lại có dạng lưng tôm và khi nằm thì luôn nằm nghiêng một bên chứ không nằm ngửa được. Bác sĩ khuyên gia đình thôi hãy để vậy luôn đi vì ông cụ lớn tuổi, lại cao huyết áp nên phẫu thuật đưa ruột lên sẽ rất nguy hiểm. Hơn nữa, thoát vị ở lúc giai đoạn đầu gây tắc ruột thì mới đáng lo, còn bây giờ đã phình to mà ông chịu đựng quen rồi cũng không có gì phải sợ!

Qua lần bệnh này, khi xuất viện về nhà ông nghỉ dưỡng đác, từ đó chuyên lo tu niệm hơn xưa.

Các cháu trong gia đình khi lên hơn 5 tuổi là ông dạy học thuộc lòng “Bài văn phát nguyện quy y”, rồi kế tiếp là thực hành khóa lễ sớm chiều.

Ông thường nằm trên chiếc võng diêm danh, kiểm soát, đốc thúc từng bữa một. Ngày qua ngày, tập tễnh dần quen, sau đó chúng tự động ý thức, cũng tự giác ngồi

niệm Phật mỗi ngày. Những khi rảnh rỗi, ông đem đạo lý giảng giải cho các cháu nghe, đồng thời khuyên răn niệm Phật, có lần cháu ông hỏi:

- Niệm Phật để làm chi, thưa bác?

Ông đáp:

- Niệm Phật mới được vãng sanh, chớ không niệm Phật thì làm sao vãng sanh được con!

Và ông cũng thường hay dạy:

- Các cháu răn cúng lạy niệm Phật để cứu bản thân mình, khi rửa chén, khi chặt củi, quét sân, xách nước gì cũng răn nhớ niệm Phật. Chỉ có Phật mới cứu mình thôi chứ không có ai cứu mình được... Lúc nào mình cũng răn nhớ niệm Phật để đi thẳng về Tây Phương Cực Lạc. Chỉ có thế giới đó là giải thoát sanh tử luân hồi, thế giới đó mới là tốt đẹp thôi, thế giới đó không còn khổ đau nữa!

Sanh, già, bệnh, chết vốn dĩ đương nhiên là lẽ thật của cuộc đời, người trí nhìn xem xung quanh bao cảnh tượng diễn biến hằng ngày sẽ tự giác ngộ, như lời cảnh tỉnh của Cổ Đức:

*“Da mỗi tóc bạc lần lần,
Lục cùm chân run mấy chốc.*

...

*Đứng đi mệt nhọc,
Ngồi nằm khó khăn.
Đổ vãi khi ăn,
Trọc trần khi ngủ.*

Mỗi tề đầy đủ,
Khấp cả tứ chi.
Chẳng có chỗ nì,
Mà không đau nhức.
Tiểu tiêu rất cực,
Bón thì ngồi hoài.
Có khi cả ngày,
Mà chưa xả trước.
Lắm lúc đi tước,
Không tự chủ cầm.
Lênh lảng giường nằm,
Thúi hôi dậy đất.
Quả là khổ thật,
Cho lứa tuổi già.
Ai cũng phải qua,
Được tha là yếu.

...

Nay khỏe chẳng liệu,
Còn đợi chừng nào?
Niệm Phật mau mau,
Cầu về Cực Lạc!
Lâm chung Phật cùng Bồ Tát,
Hương màu thiên nhạc lai nghinh!
Trời Tây thêm đóa sen xinh,
Ta Bà bớt một hữu tình khổ đau!”

Thời gian mau chóng trôi qua, tám thân tứ đại rồi cũng phải bị định luật vô thường chi phối, biến đổi theo vòng tuần hoàn của thiên nhiên tạo hóa... Năm 2009 (78

tuổi), ông ngã bệnh, thân quyến đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Một điều làm các cháu của ông vô cùng kinh ngạc là suốt thời gian ở đây, mặc dù không có đồng hồ nhưng khi đến thời công phu thì ông vẫn ngồi dậy xá nguyện rất đúng giờ, không chênh lệch sai trật, sáng: 5 giờ, trưa: 11 giờ, chiều: 5 giờ, khuya: 11 giờ đêm.

Bác sĩ chẩn đoán ông bị bốn chứng bệnh một lượt: “viêm phổi, viêm gan, suy thận và nhồi máu cơ tim”. Ở đây ba ngày thì chuyển sang Trung Tâm Tim Mạch một tuần. Lúc này bệnh tình rất nguy kịch, ông thường nằm bất động, các mạch máu đã chuyển sang màu tím.

Thân nhân ở nhà đã đặt bàn Phật và mời đồng đạo đến để cầu nguyện cho ông suốt ba hôm liền. Sau đó các bạn thân của ông và gia đình mới liên hệ với bác sĩ, xin được đưa ông về nhà để hộ niệm, vì không muốn ông mất ở bệnh viện. Lúc đầu bác sĩ không chấp thuận, khuyên gia đình “còn nước còn tát”, vì biết rằng khi ông rời khỏi bệnh viện thì mạng sống của ông giống như “chỉ mảnh treo chuông”. Các bạn đồng tu mới đến gần kề vào tai ông trình bày ý định ấy thì thấy ông gật đầu, bác sĩ chứng kiến nên liền chấp thuận cho ông xuất viện. Khi xe đưa về đến nhà, ông nằm trên băng ca lúc khiêng vào nhà, vừa bước ngang qua ngưỡng cửa đến ngôi thờ Tam Bảo thì ông đã chấp tay kính lễ. Từ đó trở đi gia quyến cùng chư đồng đạo túc trực hộ niệm liên tục ngày đêm. Trợ niệm qua ngày kế thì ông dần dần khỏe lại rồi nhanh chóng phục hồi hẳn như lúc bình thường. Quả là bất khả

tư nghĩ, hiệu lực của câu Hồng Danh Vạn Đức vô cùng thù thắng!

Bốn năm sau, đến năm 2013 ông bắt đầu trở bệnh, nhưng không nặng lắm, thường chỉ lên huyết áp, rồi sự ăn ngủ kém dần.

Trong thời gian một tháng hộ niệm cho ông Út, ông cũng thường ngồi trên giường của mình gần đó để hộ niệm cho em. Chiều ngày mùng 9, lễ an táng của ông Út vừa hoàn mãn, hôm sau là ngày mùng 10 thì ông bắt đầu lên cơn mệt dữ dội, các đồng tu lần lượt được gia đình mời quay trở lại để tiếp tục hộ niệm cho ông. Khi các liên hữu đến khai thị, ông thường bảo rằng vãng sanh là nguyện vọng duy nhất, mà suốt đời mình hằng ôm ấp và nỗ lực hết mình. Ông nói:

- Tôi lúc nào cũng niệm Phật để mong vãng sanh Cực Lạc hết trơn, không có lúc nào quên câu niệm Phật đâu!

Cuộc hộ niệm kéo dài đến ngày 12 tháng 6 năm 2013 (3 ngày 3 đêm), vào lúc 9 giờ 45 phút sáng thì ông nhẹ nhàng ra đi trong âm thanh vang rền của câu Phật hiệu, ông thọ 82 tuổi. Suốt mấy ngày liên môi của ông luôn nhép, niệm Phật theo mọi người, trước khi mất khoảng 15 phút ông vẫn còn dùng một chén cháo, ăn xong nhờ người nhà đỡ nằm xuống. Hơn mười năm qua, do lưng tôm nên ông luôn nằm nghiêng một bên, mà ông thường

ngiêng về bên phải nhiều hơn. Vậy mà trước khi mất ông lại nằm ngửa ra bình thường, hai tay và hai chân tự sửa xuôi theo thân hết sức ngay ngắn, rồi miệng ngưng nhép, từ từ dứt thở đi êm, mọi người chứng kiến một cảnh tượng quá đổi lạ lùng!

Đến 5 giờ chiều, đồng thời tiến hành làm lễ nhập mạch và an táng, khi ấy gương mặt của ông hồng hào, vui đẹp hơn lúc còn sanh tiền, các khớp xương mềm dịu, các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu vẫn còn ấm nóng.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Vàng, cháu của ông.)

93. PHAN THỊ KIÊM (1940 - 2011, 71 tuổi)

Bà Phan Thị Kiêm sinh năm 1940, cư ngụ tại ấp Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Phan Văn Mãi, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Hai. Bà là chị Ba trong gia đình có bốn chị em.

Thuở còn trẻ bà buôn bán vải ở chợ An Phú, sau đó chuyển sang bán thuốc Tây và bán tạp hóa tại nơi bà hiện đang định cư cho đến lúc mãn phần.

Bà có bản tính vui vẻ, hoạt bát, hiền lành, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với chị em, đối với chòm xóm chẳng méch lòng một ai. Đặc biệt, khi biết mình có lỗi thì xin lỗi chứ không để phiền hà cho ai, mặc dù người đó nhỏ tuổi hơn mình!

Khi tuổi ngoài 30, bà bị bệnh u nang tử cung, nên đã ra Sài Gòn phẫu thuật. Có lẽ bệnh hoạn đeo đẳng giúp bà tỉnh ngộ Phật pháp, nên vào năm 1987 bà phát tâm trường trai, quyết lòng tu hành niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc.

Bà rất mạnh mẽ làm các việc từ thiện xã hội, bằng số tiền ít ỏi có được từ nguồn thu nhập buôn bán hằng ngày. Mỗi khi có ai đến quyên góp, như: bác cầu, làm đường, cứu tế chấn bản, tang sự, bệnh hoạn... bà đều hoan hỷ dốc túi để ủng hộ. Bà còn tham gia chặt thuốc Nam mỗi khi có các đồng đạo gần nhà tổ chức.

Bà thường khuyên dạy các cháu của mình:

- Rán ăn chay trường, tu hành, thờ kính cha mẹ... Rán làm ăn chân thật... Mình tu để hưởng kiếp sau ở cõi Tây Phương Cực Lạc, chốn cõi đời này giả tạm lắm!

Bà còn dẫn dắt các cháu đi cầu nguyện tuần thất cho bà con quanh vùng. Thời khóa công phu của bà thâm lặng và rất đều đặn. Ngoài hai thời sáng chiều ra, có lúc khỏe thì bà tăng thêm thời giữa trưa. Bà niệm Phật chủ yếu là trong mọi oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi không đợi gì thời khắc. Bà thỉnh thoảng cũng xem kinh sách, nghe băng đĩa về pháp môn Tịnh độ, do vì pháp môn này thích hợp với mọi căn cơ, mọi hoàn cảnh, mọi tầng lớp trong xã hội, bất kỳ ai cũng có thể tu được cả, vừa đơn giản dễ dàng, vừa đảm bảo an toàn, lại vô cùng nhanh chóng, như lời nhận định của Cổ Đức:

“Cho nên các Phật xưa nay,
Thường khuyên bá tánh Liên đài cầu sanh.
Pháp cao người khó nổi hành,
Thì là niệm Phật làm lành cũng nên.
Không cần phải niệm to lên,
Niệm thầm trong dạ đừng quên cũng thành.
Trong tâm khởi một niệm sanh,
Mười phương chư Phật nghe rành như vang.
Chớ nghi Phật ở Tây phang,
Không nghe thấu tiếng vái van trong lòng.
Phật nào cũng có lục thông,
Ngồi xa vẫn biết rõ lòng chúng sanh.
Lo mình niệm Phật không rành,
Đừng lo Phật ở xa mình không hay.
Nhứt tâm cầu đạo Như Lai,
Phật trong được rõ Phật ngoài đều thông.
Nam mô sáu chữ thành lòng,
Có ngày sẽ được sáu thông tại trần.
Dù là kẻ phú hay bần,
Đều tu niệm được không phân nghèo giàu.
Nhứt tâm niệm Phật thì mau,
Phóng tâm miệt Phật thế nào cũng lâu.
Mau lâu chẳng tại Phật đâu,
Mà là tại kẻ thật cầu hay không.
Thật cầu thì Phật mau trông,
Giả cầu thì Phật khó mong thấy liền.
Thế gian dụng bạc làm duyên,

*Phật Trời dụng tấm lòng thiêng¹ làm căn.
Lòng thiêng nếu để nứt rạn,
Thì là không thể bước sang Phật đài”.*

Đến năm 2009 (lúc 69 tuổi), bà ngã bệnh, chữa trị đã rất nhiều nơi, cuối cùng khi ra bệnh viện Chợ Rẫy, bác sĩ ở đây mới phát hiện ra là bà bị “xơ gan”, rồi cho bà mua thuốc về nhà uống và dặn bà: khi nào uống hết thuốc thì trở ra tái khám. Bà đi tái khám được vài lần nhưng thấy kết quả chẳng khả quan gì, nên bà ngưng dùng thuốc, chuyên lo niệm Phật để chuẩn bị cho chuyến ra đi cuối đời của mình được bảo đảm thành công!

Lúc này bà lo thu xếp dần công việc buôn bán lại, đồng thời tham dự những ngày niệm Phật định kỳ được tổ chức tại tư gia của bạn đồng tu ở địa phương. Có khi sức khỏe kém, không đủ sức đi lên gác lầu để niệm Phật cùng đại chúng, phải nhờ người dìu, vậy mà bà vẫn cố gắng có mặt đầy đủ, không hề thiếu vắng lần tu nào. Ngoài ra bà còn thường hay xuất tiền ra mua vật mạng phóng sanh.

Đầu năm 2011, bệnh tình của bà sắp đến thời chung cuộc. Bụng của bà đã bắt đầu no tròn, sức khỏe không còn đủ để tự chăm sóc cho chính mình, bà mới về ở chung nhà với hai vợ chồng người em trai Út gần đó, để nhờ em cháu cùng chư vị đồng tu chăm sóc và hộ niệm. Có nhiều người khuyên bà nên đi bệnh viện, bà một mực nhất quyết từ chối vì bà biết rằng chứng bệnh của mình không có bệnh

¹ Lòng thiêng: lòng thành.

viện nào hay một thứ thuốc nào có thể đủ khả năng chữa trị được hết. Để khỏi phải tốn tiền, phí thời gian vô ích, và tổn hại nặng nề nhất là dễ bị phân tâm mà mất phần vãng sanh. Sự quyết định của bà tương ứng với lời dạy của Thiện Đạo Đại Sư, vị tổ thứ hai của Tịnh Độ tông:

“Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh Độ thì điểm cần yếu là đừng sợ chết. Phải thường nghĩ thân này như nhớp, biết bao điều khổ lụy trôi vây! Nếu bỏ được thân huyễn hời như, sanh về Cực Lạc, thọ thân kim cương thanh tịnh, sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô lượng an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách đổi lấy đồ trân phục còn điều chi đáng thích ý bằng. Nghĩ như thế buông hắt thân tâm, không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bệnh thường liên nghĩ đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà, nếu có ai đến thăm chỉ khuyên vì mình mà niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dụ dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó là chuyện bông lông vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc biết: lúc mình bệnh ngặt sắp mất, đừng rơi lệ than khóc hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu, làm cho kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm. Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến khi tắt hơi. Nếu lại được bậc thiên tri thức, hiểu rành về Tịnh Độ thường đến nhắc khuyên, thật là diệu hạnh!

“Như lúc lâm chung, biết áp dụng phương pháp này, tất sẽ được vãng sanh, không còn nghi ngờ chi nữa.

“Việc vượt qua cửa tử là điều rất quan hệ lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được.

“Nếu một niệm sai lầm, tất nhiều kiếp sẽ chịu khổ lụy. Đâu có ai thay thế cho mình? Phải chú ý nghĩ suy và ghi nhớ kỹ!”

Bệnh tình của bà nặng dần, những cơn đau ngày càng nhiều hơn. Nhưng những lần đau và mệt đến, bà niệm Phật vang dội, thỉnh thoảng xen kẻ phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc âm thanh lớn đến độ bao nhiêu người đi ở ngoài đường thấy đều nghe biết. Khi bà mệt thì thân nhân và các bạn đạo tập trung lại cùng hộ niệm cho bà, đến chừng qua cơn đau cơn mệt rồi thì tạm dừng bèn giải tán để mỗi người lo làm công việc của mình.

Lúc đầu bà còn tự ngồi dậy để dùng cơm, về sau phải nhờ người đỡ, và cuối cùng không đỡ dậy được nữa mà phải nằm luôn!

Trước khi mất một tháng, bà nhờ người em dâu Út đem hai quyển sổ ghi nợ ra đốt hết.

Ngày 27 tháng 1 năm 2011, vào buổi chiều, đứa cháu đem cơm đến đút cho bà ăn nhưng bà không ăn, và bà cũng không còn nói chuyện được nữa. Gia đình mời chư đồng đạo đến để lên chương trình hộ niệm liên tục cho bà. Khi có liên hữu đến khai thị, khuyên bà xả bỏ muôn duyên, chí tâm niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương, thì bà gật đầu hoặc nheo mắt. Bà cứ nằm im như vậy hai ngày đêm, đến 2 giờ chiều ngày 29 - 1 - 2011, bà mới trút hơi thở cuối cùng, ra đi trong thanh thản nhẹ nhàng. Bà hưởng thọ 71 tuổi.

Hộ niệm được ba tiếng đồng hồ, gương mặt của bà bỗng thay đổi lạ thường: đôi mày đậm đen và dài ra rõ rệt, má hồng, môi đỏ hân lên. Đến 8 giờ tối nhập liệm, thì các khớp xương dẹt oặt. Mọi nơi đều lạnh hân, duy có đỉnh đầu còn ấm nóng.

Ngày 27 (trước lúc mất 2 ngày), vào khoảng 5 giờ chiều, trong phòng của bà xuất hiện một mùi hương lạ. Đứa cháu của bà nói với mẹ em rằng:

- Mẹ ơi, trong nhà mình có cái gì mà thơm dữ vậy?

Người em dâu Út của bà quả nhiên bắt gặp mùi hương lạ này, hai mẹ con bèn đi tìm kiếm nhưng không tìm ra manh mối gì cả!

Đến khoảng 6 - 7 giờ tối ngày 29, lúc đang hộ niệm, mùi hương ấy lại lan tỏa, nhiều người đang ngồi hộ niệm đều ngủ được.

Sau khi an táng xong, bộ ván bà nằm, người nhà đem ra dội rửa, khi tưới nước vào để chà rửa thì mùi hương ấy lại xông ra thơm bát ngát. Ba ngày sau, khi đem bộ ván vào nhà, nó cũng phát ra thoang thoang mùi hương lạ ấy. Mùi hương đó kéo dài đến thêm ba, bốn hôm nữa mới chấm dứt!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Phúc, em dâu Út của bà, và đồng đạo Hòa, đồng đạo Thủy).

94. NGUYỄN HỮU PHƯỚC (1908 - 2011, 103 tuổi)

Ông Nguyễn Hữu Phước sinh năm 1908, cư ngụ tại số nhà 139, khóm 2, phường 2, thành phố Sa Đéc. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Hữu Kinh làm quan cùng thời với Hoàng Hoa Thám, thân mẫu là cụ bà Trịnh Thị Cẩm. Ông là con thứ ba trong gia đình có sáu anh em.

Khi tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngưỡng, sinh được ba trai hai gái. Nhà ông có một chiếc xe khách và một chiếc xe tải, chuyên đưa khách và chở hàng hoá dùng làm phương kế sanh nhai.

Thuở thanh niên ông tham gia kháng chiến chống Pháp, rồi sang kháng chiến chống Mỹ. Khi các bạn đồng đội tập kết ra Bắc, thì ông xin ở lại miền Nam tiếp tục hoạt động bí mật cho đến ngày hưu trí.

Bản tính của ông thẳng thắn, quyết định dứt khoát, dễ buông xả, không cố chấp, có tinh thần trách nhiệm cao, đặc biệt là giàu lòng thương người!

Khi tuổi về già, ông thích luyện tập “Dịch cân kinh” và nghiên cứu Thiên học, chăm chỉ ngồi thiền, với mục đích để đạt được sức khoẻ tốt và để có được một tinh thần thoải mái trong cuộc sống.

Cô con gái thứ Hai của ông Pháp danh là Tịnh An đã giới thiệu Phật Pháp cho ông. Trước tiên cô trao cho ông xem quyển kinh A-di-đà, kế tiếp là lời khai thị của

Ấn Quang Đại Sư. Khi tín tâm ông đã khởi phát, cô bèn hướng dẫn ông đến chùa Kim Huê quy y Tam bảo với Hòa Thượng Thiện An, được Pháp danh là Đức Thọ, vào năm 1993, lúc ấy ông đã 85 tuổi.

Từ đó về sau, ông chuyên cần niệm Phật cầu nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mỗi tối thấp hương xong thì ông ngồi niệm Phật, ngoài ra thì ông niệm trong mọi oai nghi. Đại đức Chơn Tánh thường hay tới lui khuyến tấn pháp môn Tịnh độ, ông vô cùng hoan hỷ mỗi khi trao đổi với thầy.

Sức khoẻ của ông rất tốt, ít khi bệnh, mỗi lần trúng cảm thì ông chỉ nấu nồi lá xông là giải quyết bệnh được ngay. Còn vấn đề ăn uống đối với ông vô cùng đơn giản, con nấu cho ông ăn thứ nào, thì ông dùng thứ nấy, chưa từng kén lựa đòi hỏi, khen chê ngon dở! Do vì cô Tịnh An tập ăn chay mỗi tháng bốn ngày, sau đó cô tăng dần lên sáu ngày, rồi mười ngày. Cuối cùng cô trưởng trai nên ông cũng dùng trường trai theo.

Hằng ngày, mỗi khi dùng cơm ông thường hay nhắc đi nhắc lại:

- Các con sống phải thương yêu nhau, đùm bọc nhau... rán niệm Phật, niệm Phật mới không có khổ ghen con!

- Hồi nhỏ tới lớn thì ba rất có hiếu với ông bà. Khi ba hoạt động cách mạng thì ba vì nhân dân, vì đất nước; Khi ba có gia đình rồi thì ba rất thương con cái, chăm lo đời sống gia đình; Khi ba ngộ được pháp môn Tịnh độ,

biết được Đức Phật A-di-đà, Ngài đã phát nguyện: Nếu chúng sanh nào nghe cõi nước của Ta hết lòng tin ưa, xưng danh hiệu Ta, như không được sanh, Ta thề không thành Phật. Do vậy ba rất muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc để ba tu với Đức Phật A-di-đà. Chừng nào ba thành Phật, ba mới trở lại độ tất cả chúng sanh, mới độ cho con cháu được!

Và ông cũng thường khẳng định một cách mạnh mẽ với cô Tịnh An:

- Chỉ có Đức Phật mới chỉ dẫn cho mình và đưa mình đến con đường giải thoát mà thôi. Mình đi theo Phật thì mình tu thành Phật, mới độ cho con cháu được. Nếu mà mình không có tu, không có niệm Phật, ở ngoài đời mình tranh chấp hơn thua... mình khổ lắm con ơi!

Như hiện trạng mà Cổ Đức đã khuyến tấn:

*“Chúng sanh trong nhà lửa,
Đang say giấc mộng trường;
Nếu không người gọi thức,
Tất bị cháy tan xương.
Chuông Thiên nên động gấp,
Nước Tịnh phải rưới bơn;
Độ dân rời hỏa trạch,
Cùng Phật đáo Tây Phương.
Tử sanh không ràng buộc,
Phiền não hết vẩn vương;
Vượt ngoài vòng nhân ngã,
Khỏi hẳn cảnh ghét thương.*

*Phàm tình không phá phách,
Sự thế hết nhiều nhưong;
Luôn vui không thấy khổ,
Thật tự tại miên trường.
Chúng sanh trong hạ giới,
Mau cải ác tùng lương;
Giác mê trần hãy tỉnh,
Cửa Phật pháp mau nương.
Cõi đời là đau khổ,
Kiếp sống vốn vô thường;
Rán tu cho giải thoát,
Ấy là kế thượng phương.”*

Vào khoảng đầu tháng 5 năm 2011, ông tự nhiên ăn ít lại, dường như linh cảm rằng mình sắp sửa đi xa!

Đến ngày mùng 4, ông nói với cô Tịnh An:

- Ba không ăn uống gì được nữa con ơi, như vậy thân thể của ba càng sạch sẽ đặng ba theo Phật!

Cô con gái thứ tư chưa hiểu Phật Pháp nên rất sợ ông chết, thấy ông không ăn uống gì và thấy ông mệt nên chiều hôm đó cấp tốc đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Sa Đéc. Bác sĩ khám xong, nói:

- Ông cụ này... yếu sức suy kiệt rồi!

Nên liền cho ông thở oxy và truyền dịch chứ không xử lý gì thêm. Ông bảo cô Tịnh An ngồi bên cạnh niệm Phật cho ông nghe. Qua hôm sau, tức là ngày mùng 5, vào lúc 5 giờ chiều, cô Tịnh An đề nghị:

- Thôi mình về nhà ghen ba! Mình về nhà để niệm Phật ghen ba?

Ông đồng ý và thở thở cùng cô:

- Con lau mình mấy cho ba sạch sẽ đi, rồi con đi làm giấy tờ, để cho ba về nhà!

Gần 10 giờ tối về tới nhà, ông bắt đầu chìm vào hôn mê. Vài bạn đồng tu được mời đến hộ niệm và thay thế sấm hối cho ông. Khi cô Tịnh An khai thị:

- Đức Phật dạy trong kinh: Từ vô thủy kiếp đến nay do vì si mê mà thân, khẩu, ý của mình đã gây tạo vô lượng vô biên tội lỗi. Mà ba ơi! Riêng đời này hồi xưa tới giờ, ba vì dân vì nước, ba có chiến đấu để giành độc lập thì ba cũng có sát sanh. Bây giờ ba phải cùng sấm hối với con!

Nói vừa hết câu thì thấy hai hàng nước mắt của ông tuôn ra, chảy xuống. Sáng ra, cô Tịnh An sang Tịnh xá Ngọc Quang thỉnh sư Chơn qua khai thị cho ông, và liên hệ mời Ban Hộ Niệm ở Vĩnh Long cùng quý Phật tử Tịnh xá Ngọc Quang.

Lúc 8 giờ 10 phút, khi mọi người đã tề tựu đông đủ, cô Tịnh An đến bên cạnh nói với ông rằng:

- Ba ơi! Ba cho phép con rút ống ôxy ra để Ban Hộ Niệm niệm Phật cho ba nghe? Ba phải buông xả tất cả và nhất tâm niệm Nam Mô A-di-đà Phật nghe ba! Ban Hộ Niệm chúng con niệm Phật tiếp cho ba, để ba vãng sanh nghe ba!

Nói xong mọi người đồng thanh niệm Phật và rút ống thở ra, 5 phút sau ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, miệng vẫn còn hở. Một giờ sau gương mặt ông dần dần trở nên hồng hào. Qua tám tiếng đồng hồ thì da mặt

căng lên tất cả nếp nhăn đều biến mất, môi đỏ, các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng trong khi mọi nơi khác trên cơ thể đều lạnh. Đặc biệt là miệng ngậm lại và nở một nụ cười trên gương mặt của một cụ già tuổi đã 103 tuổi. Hôm ấy nhằm ngày mùng 6 tháng 5 năm 2011.

Khi chứng kiến sự ra đi tốt lành của ông, rất nhiều người trong thân tộc đã quy y Tam Bảo, quyết chí tu hành.

Một sự kiện kỳ lạ, là tối đêm đó đang hộ niệm bỗng nhiên tất cả đèn trong nhà đều tắt hết mà không tìm ra được nguyên do. Cô Tịnh An bèn đi ra nhà sau thì phát hiện em dâu thứ năm định lén giết gà nấu cháo để thết đãi tộc họ. Cô giải thích và khuyên em nên đãi khách toàn bộ bằng thức ăn chay lạt để hồi hướng cho cha. Khoảng 15 phút thì tự động đèn sáng trở lại!

Bà vợ của ông tuổi đã 90, xưa nay vẫn trọn bốn phận làm vợ, làm mẹ; có điều là bà không biết gì về Phật pháp, và bà niệm Phật không được. Cô Tịnh An đem máy niệm Phật đến mở lên cho bà nghe, thì âm thanh vào lỗ tai của bà không phải “Nam Mô A-di-đà Phật”; mà bà nghe là: “Con trâu đi cày! Con trâu đi cày!” Các con Bà tụng kinh Địa Tạng và Chú Vãng Sanh để hồi hướng cho bà, và những lễ tuần thất siêu độ cho ông thì tiến hành trai phạn, cúng dường Tam Bảo ở các chùa, tịnh xá, cũng hồi hướng cầu an cho bà luôn. Lần hồi bà niệm Phật được bình thường như mọi người! Qua 100 ngày, một hôm bà đem nỗi thắc mắc trong lòng hỏi cô Tịnh An:

- Sao mà ngộ quá con! Mấy tuần nay má niệm Phật dữ lắm! Má nghe người ta niệm Phật vang dội cả một góc trời. Tại sao người ta niệm Phật sáng đêm mà không mệt, vậy hả con?

Con bà nghe thế mừng lắm, bèn hỏi:

- Rồi má có niệm Phật theo không, thưa má?

Bà đáp:

- Có!

Lúc còn sinh tiền, anh em của ông đều ở xa, duy có người em trai thứ bảy ở cách dưới nhà ông một đổi, nên ông rất thương yêu và giúp đỡ ông này. Khi vừa hay tin ông mất, ông Bảy đến đòi vô sờ thử, cô Tịnh An chạy ra đón lại và năn nỉ:

- Chừng tám tiếng đồng hồ sau chú hãy lên thăm thì con cho chú thăm, chú Bảy ơi! Còn bây giờ để cho Ban Hộ Niệm người ta niệm cho ba con vãng sanh theo Phật!

Ông Bảy nghe xong giận lắm, la chửi một tí rồi ra về. Lát sau ông Bảy trở lại, cô Tịnh An cùng vài bạn đạo đi ra tiếp tục năn nỉ và giải thích nữa; nhưng ông Bảy vẫn không hiểu gì hết trơn hết trọi, nên đã la ó om xòm:

- Người ta lên thăm anh em mà cũng không cho... cái kiểu gì mà kỳ cục vậy! Từ xưa đến giờ tao không thấy cái nhà nào kỳ cục như cái nhà này!

Đến chừng qua tám giờ hộ niệm xong, trông thấy sắc diện tươi vui xinh đẹp, thân xác mềm mại của anh

mình quá lạ lùng. Gần trọn đời người mà ông Bảy chưa từng một lần chứng kiến, nên ông vô cùng hoan hỷ.

Đến tuần thất thứ hai, ông Bảy nằm mộng thấy ông về cùng với bốn vị nữa, tất cả đều đắp y cà sa màu đỏ thắm, đầu sạch tóc láng bóng. Ông đến bên cạnh khuyên ông Bảy nên cạo đầu, ăn chay, quy y Tam Bảo và thọ năm giới. Ông Bảy đáp:

- Chắc em ăn tương không nổi!

Ông nói:

- Nếu em ăn tương không nổi thì em ăn chuối với muối tiêu!

Ông còn giảng giải Phật Pháp cho ông Bảy nghe rất nhiều, nhất là giảng giải về Năm giới.

Khi tỉnh giấc ông Bảy rất vui mừng thuật lại cho mọi người. Đồng thời ông Bảy cũng đã làm y theo lời của ông khuyên dạy trong giấc chiêm bao. Cô Tịnh An bèn hướng dẫn cho ông Bảy công khoá hành trì pháp môn Tịnh độ, cách thức phát nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc,... nhất nhất đều rành rẽ rõ ràng, lúc này ông Bảy đã 89 tuổi!

Từ đó về sau mỗi lần gặp cô Tịnh An, ông Bảy thường nói:

- Nữa... chừng nào chú sắp chết, con mời Ban Hộ Niệm đến hộ niệm cho chú giống như là ba con, vậy đó!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Lệ Hoa, pháp danh Tịnh An cô con gái thứ Hai của ông.)

95. TRẦN MINH CHÂU (1920 - 1979, 59 tuổi)

*Có tài mà cậy chi tài,
Vun bồi đức hạnh chờ ngày nở hoa.
Tình thương rải khắp gần xa,
Chí tâm tưởng Phật liên tòa phóng quang!*

Ông Trần Minh Châu sinh năm 1920, cư ngụ tại ấp Long Hòa 2, xã Long Điền, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Trồng, một thầy thuốc danh tiếng đương thời; thân mẫu là cụ bà Dương Thị Lánh. Ông là con thứ Ba trong gia đình có chín anh em.

Khi tuổi trưởng thành ông được cha truyền cho nghề Đông y. Sau khi đã hoàn tất học nghiệp, ông không hành nghề này mà cùng một số bạn đồng trang lứa sang Campuchia-mưu sinh bằng những nghề lao động tay chân nặng nhọc như gánh đất mướn...

Hôm nọ, nhà ông chủ có cô con gái Út bị bệnh “băng kinh”. Mặc dù đã rước nhiều lương y đến chẩn mạch và kê đơn, chẳng những bệnh tình không hề thuyên giảm, mà càng ngày càng nghiêm trọng thêm hơn, tính mạng đang cơn nguy ngập “thập tử nhất sinh”. Trong số anh em làm chung có người đề nghị:

- Anh biết nghề thuốc! Thì thôi ra tay nghĩa hiệp trị bệnh cho con gái ông chủ đi!

Rồi họ bèn giới thiệu ông với ông chủ nhà. Ông liền xin ông chủ nhà đưa toa thuốc của những vị lương y trước đã hốt để xem. Ông chủ nhà liền hỏi:

- Bộ mày biết hốt thuốc Bắc hả?

Ông khiêm nhượng đáp:

- Con cũng biết chút đỉnh chứ không có biết nhiều, ông ơi!

Sau khi đọc toa thuốc xong, ông nói:

- Bệnh này dùng phương thang này thì đúng rồi! Nhưng trong đây có mấy vị thuốc cần phải đem đi sao đen thì mới chỉ huyết, tức là cầm máu; còn như không sao đen để dùng sống thì nó có tác dụng ngược lại là hoạt huyết, tức là máu ra nhiều hơn chứ không cầm máu được!

Ông chủ nhà cấp tốc làm y theo lời hướng dẫn của ông, bệnh của cô con gái lập tức khỏi hẳn.

Bấy lâu nay mọi người xem ông rất bình thường. Nhưng qua sự kiện này thì mọi người nhìn ông bằng cặp mắt khác, ai ai cũng kính nể ông và không cho ông gánh đất nữa.

Sau khi mục kích bệnh trạng của con gái mình trong cảnh hiểm nạn phút chốc biến mất, ông chủ nhà mừng quá, mời ông đến để nói lời cảm ơn và ngỏ ý muốn gả con gái cho ông, nhưng ông từ chối!

Kế đó ông chủ nhà giàu có ấy lại nảy ra dự định khác, là ông sẽ bỏ vốn ra đầu tư kinh doanh một tiệm thuốc Bắc

cho ông đứng trông coi. Khi nêu lên kế hoạch trù liệu này với ông, ông cũng khước từ. Vì mong muốn chẳng để cho một nhân tài bị mai một, ông chủ nhà không muốn ông gánh đất nữa, với dụng ý ép buộc ông ra tay cứu giúp thế nhân bằng kiến thức y học gia truyền của mình. Vậy là ông bị rơi vào tình trạng thất nghiệp, ông bèn bỏ trốn về lại quê xưa sau gần mười năm tha hương phiêu bạt.

Không lâu sau, ông kết hôn với bà Trương Thị Lắm, sinh được mười người con nhưng mất hết năm, chỉ còn ba trai hai gái. Gia đình ông sanh sống bằng nghề làm ruộng.

Năm 1946, do nhìn thấy nhiều người bị bệnh khổ và nghèo đói bức bách, lâm vào cảnh khốn cùng, ông bèn lập ra một phòng thuốc Nam từ thiện tại nhà. Những bệnh nhân nào cần dùng thuốc Bắc thì ông kê đơn cho họ tự đi đến tiệm để hốt, hoặc ông đích thân mang về rồi lấy lại tiền vốn. Việc làm của ông được đại đa số quần chúng hưởng ứng, kẻ góp công người góp của, lần hồi phòng thuốc trở nên hưng thịnh. Đồng thời, cái tên thầy Ba Châu dần dần trở nên quen thuộc với tất cả mọi người, lúc đó ông 27 tuổi.

Ngoài ra ông còn thu nhận rất nhiều học trò, truyền đạt về nghề thuốc lẫn Hán văn, để tiếp nối sự nghiệp phúc lợi xã hội này.

Tính tình của ông vui vẻ, hài hòa, ít nói nhưng rất cương nghị và nghiêm túc, luôn nghiêm khắc với chính mình, rộng dung thứ người. Luôn tỏ ra uy đức khiến cho

mọi người nể sợ, ông dùng thân giáo làm chính. Đời sống sinh hoạt cá nhân thì vô cùng đơn giản, ăn rất thanh đạm, mặc thì chỉ hai bộ đồ để thay đổi mà thôi, và ông tự tay mình đẽo hai đôi guốc, một đôi bằng cây vông nem, còn đôi kia thì bằng cây gòn.

Được biết ông dùng trường trai rất sớm nhưng con cháu không nhớ rõ là tháng năm nào!

Ông thường khuyên học trò và mọi người rán tu tròn nhân đạo để niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, bởi vì xét thấy tu hạnh xuất gia không phải dễ dàng!

*“Nếu xuất gia thì phải hy sinh,
Cả vật chất tinh thần lo Đạo.
Chớ giả dối mà mang sắc áo,
Mượn bồ-đề chuỗi hạt lòn người.
Làm cho dân khinh để ngạo cười,
Tội lỗi ấy luật nào dung thứ.”*

Ông thường đọc kinh “Pháp Bảo Đàn”, “Giảng Xưa” và quyển “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ” bằng chữ Nôm, hằng ngày ông ngủ rất ít, giữa khuya ông đã dậy công phu, đến 3 giờ thì đọc sách hoặc là dạy các con học cho đến giờ công phu buổi sớm mai, rồi bắt đầu lo chữa mạch bốc thuốc. Tối giờ cơm sáng thì tạm nghỉ, dùng cơm xong thì tiếp tục làm việc cho tới giờ cơm chiều. Dùng cơm chiều xong, ông tiếp tục giải quyết cho đến hết bệnh nhân mới thôi. Ông đối xử với mọi người rất bình đẳng không phân biệt giàu nghèo, chức vụ lớn nhỏ... Hễ ai đến trước thì trị bệnh trước, ai đến sau thì chữa mạch sau. Tiền bạc, oai thế

không áp chế được ông. Chỉ ưu tiên cho những trường hợp đặc biệt mà ai cũng phải công nhận thôi! Tối đến, công phu xong thì ông đi nghỉ một lát, đến 11 giờ thì tiếp tục công phu khuya. Ngày nào cũng lặp đi lặp lại đều đặn như thế.

Làm việc ở cơ quan, hãng xưởng có lãnh lương và còn có giờ giấc, mỗi tuần đến chủ nhật và ngày lễ thì đều nghỉ; riêng ông thì hoàn toàn trống không các khoảng ấy. Đôi khi hai buổi cơm ban ngày, thậm chí giấc ngủ ban đêm cũng chẳng được tròn nữa là... Việc làm này xuất phát từ tinh thần tự nguyện, hết lòng hy sinh phụng hiến!

Chùa Long Hòa là ngôi chùa làng, ông cũng có tên trong danh sách Ban Hộ Tự. Thế mà những ngày lễ lớn trong năm hay là những buổi họp trọng đại ông đều tham dự chẳng trọn vẹn bởi bệnh nhân kiếm tìm. Các dịp cúng quả trong thân tộc cũng không ngoại lệ. Đường như quanh năm suốt tháng bước chân của ông chưa hề bước ra cửa ngõ.

Bệnh nhân đến hết thuốc ông thường khuyên giữ im lặng, đừng bàn chuyện thị phi, đừng bói móc xấu dở hay bài bác nọ kia... Đúng như câu:

*“Chuyện người chớ móc chớ moi,
Hãy treo gương thiện mà soi lấy mình”.*

Mặc khác, cả đời ông đã chứng kiến rất nhiều bệnh nhân giàu có tài sản kếch sù nhưng rồi cũng phải cúi đầu trước tử thần, ngoan ngoãn chấp hành. Các cơn đau đớn

dữ dội trên thân cú hành hạ liên tục đêm ngày chẳng dứt; những nỗi niềm sâu khổ trong tâm cứ cắn xé mãnh liệt không ngừng, bao nhiêu danh y diệu dược đều bó tay vô phương cứu chữa, giờ phút ấy mọi thứ vật chất của cải, bạc tiền... đều trở thành con số không to tướng, mọi thứ đều trở nên vô dụng! Những bệnh nhân ấy xem ra khổ đau còn kinh khiếp hơn những người bình thường. Đúng y như lời nhận định của cổ nhân:

*“Vĩ hưởng khoái lạc ngàn muôn,
Đâu khỏi vô thường chết mất!”*

...

*Cho rằng vật chất,
Chỗ dựa an toàn.
Tính toán lo toan,
Cả đời tạo lập.
Tháng năm vun đắp,
Cốt sao cho nhiều.
Ngỡ rằng được nhiều,
Sẽ là hạnh phúc.
Ruộng vườn sung túc,
Thưởng cánh cò bay.
Nhà cửa lầu đài,
Trang hoàng rực rỡ.
Xe tàu đủ cỡ,
Bóng lộng cao sang.
Sở hữu bá bang,
Vô biên tài vật...*

...

Nào ngờ khi mất,
Chẳng đem được gì!
Tâm trí ưu bi,
Mến yêu thương tiếc.
Phút giây vĩnh biệt,
Đau đớn vô vàn!
Luống uổng biết bao công lao
dã tràng xe cát,
Tìm gan tan nát,
hồn vía bán loạn kinh hoàng!

...

Giờ chưa muộn màng,
Phải nên tu gấp!
Thiện cần xây đắp,
Ác thì sám hối, cố gắng ngăn ngừa.
Thành lòng niệm Phật sớm trưa,
Tín sâu nguyện thiết quê xưa sẽ về.
Lâm chung quyết ngự Liên Huê,
Khỏi vòng sanh tử u mê bao đời!”

Vào cuối năm 1978, sức khỏe của ông bắt đầu suy sụp, ăn uống kém dần, nhưng ông vẫn làm việc bình thường. Hôm nọ, vào một buổi chiều ông nằm trên chiếc võng có đủ mặt ba người con trai, ông nói:

- Ba tháng nữa ba mất!

Chú Sáu cất tiếng hỏi:

- Thưa ba! Ba nói ba tháng nữa ba mất, mà ba mất vào tháng nào?

- Ba mất vào tháng tư!

Chú liền chạy đi lật lịch xem, xem xong chú lại hỏi:

- Thưa ba! Năm nay nhuận hai tháng tư, vậy thì ba mất tháng tư trước hay là tháng tư sau?

Ông đáp:

- Tháng tư sau!

Chú lại hỏi tiếp:

- Ba mất tháng tư sau, mà ngày mấy?

Ông đáp:

- Ngày mừng!

- Ba có thể cho tụi con biết là ngày mừng mấy được không, thưa ba?

Ông trả lời:

- Đã nói ngày mừng rồi mà còn hỏi mấy gì nữa!

Hay tin ông yếu, các bạn hữu đến thăm và khuyên ông cố gắng bảo trọng thể lực để duy trì sự giúp dân trợ thế được bền bỉ lâu dài. Ông cho biết thuở xưa ông phát nguyện hành nghề ba mươi năm, mà giờ phút này đã ba mươi hai năm rồi, nên chắc phải buông xả muôn duyên, thu xếp để chuẩn bị cho chuyến về quê của mình. Từ đó ông ăn ít dần, nhưng vẫn chẩn mạch hốt thuốc trị bệnh cho mọi người như thường nhật.

Đến ngày 25 tháng 4, ông hoàn toàn ngưng ăn, chỉ uống một ít nước trắng, các con và những học trò luân phiên thay nhau chăm sóc cho ông. Trải qua một tuần thấy ông suy gầy quá độ, một học trò đề nghị vô nước

biển, ông không chịu. Nài nỉ riết ông đành tùy thuận, khi đang truyền dịch thì ông bị tai biến liệt nửa người. Từ đó ông không còn nói chuyện được nữa!

Qua ngày hôm sau bảy, tám học trò đang bu quanh bàn chuyện ồn náo, ông bèn hú lớn một tiếng. Biết được ý muốn của ông mọi người giữ yên lặng, chăm lo hộ niệm, ông rất hoan hỷ lộ nét vui mừng!

Hộ niệm xuyên suốt qua bảy ngày đêm, ông an tường trút hơi thở cuối cùng vào lúc 3 giờ 35 phút chiều, ngày mùng 9 tháng 4 (nhuận) năm 1979. Ông hưởng dương 59 tuổi, đúng như lời ông đã báo trước đó ba tháng.

Trước khi mất, ông nhếch môi mỉm cười, gương mặt vô cùng rạng rỡ tươi vui. Chú Ba (học trò của ông) đứng bên cạnh nhìn thấy như thế, trong lòng tin chắc rằng thầy mình đã được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, nên năm mười phút sau chú đưa tay sờ lên đỉnh đầu của ông nhưng không chạm sát vào da đầu mà cách xa một khoảng, thế mà hơi nóng hực ra nóng ran cả bàn tay. Ba, bốn tiếng đồng hồ sau sức nóng vẫn còn y nguyên như cũ!

Sáng hôm sau đến giờ nhập mạch, gương mặt ông tươi vui, hồng hào, sáng đẹp như người đang nằm ngủ và đang mỉm cười. Các khớp xương thì mềm mại, đỉnh đầu vẫn còn rất nóng.

(Thuật theo lời Trần Văn Ân, con trai thứ Sáu của ông và đồng đạo Ba.)

96. NGÔ VĂN VINH (1928-2007, 79 tuổi)

Ông Ngô Văn Vinh sinh năm 1928, nguyên quán xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Song thân là cụ ông Ngô Văn Sừ, cụ bà Ngô Ngọc Giàu. Ông là con thứ Bảy trong gia đình có mười anh em.

Năm 1945, vì mến mộ Phật pháp nên cha ông đã di dời về ấp Hòa An, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ông cũng đi theo cha và định cư tại đây cho đến ngày qua đời. Lúc lên 29 tuổi, ông thành hôn với bà Phạm Thị Thắm, sinh được sáu trai, bốn gái, gia đình sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình ông hiền lành, ít nói. Quanh năm gặt bó với thửa ruộng, luống cày, lam lũ chân lấm tay bùn nuôi đàn con dại.

Noi theo gương của cha, ông dùng chay kỳ, mỗi tháng là bốn ngày và mỗi ngày hai thời lễ bái nguyện cầu: thế giới bình an, vạn dân giải thoát, ông bà tổ tiên siêu sinh Tịnh Độ. Đối với công tác từ thiện xã hội, ông đều tùy hỷ đóng góp gạo tiền. Những lúc rảnh rỗi ông cũng thường xem kinh đọc sách.

Năm 1998 (ông 70 tuổi), ông ngã bệnh, khi thân nhân đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, vài ngày sau thì chuyển ra Bệnh Viện Chợ Rẫy, ở đây phát hiện ông bị khối u thanh quản, nên kế đó chuyển sang

Trung Tâm Ung Bướu. Khi sang trung tâm Ung Bướu bác sĩ đề nghị giải phẫu, vì khối u đã quá lớn, và bệnh cũng đã tiến triển ở giai đoạn cuối cùng; bác sĩ còn cho biết thêm, biện pháp này chỉ kéo dài mạng sống của ông tối đa là 5 năm mà thôi; đồng thời sau khi giải phẫu xong sẽ không còn nói chuyện được nữa!

Nằm ở đây được hai tuần, sau khi xuất viện bác sĩ khuyên rằng:

- Ông về... ông nên bỏ hút thuốc lá đi! Nếu ông muốn sống với con cháu vài năm nữa. Bởi vì hút thuốc... nó làm cho bệnh này tái phát, cũng như tiến triển nhanh lắm!

Qua lần bệnh “nhất sanh thập tử” này, bà con thân thuộc và các bạn thiện tri thức ghé thăm, an ủi, đem Phật pháp nhất là pháp môn Tịnh Độ khuyến tấn ông, ông cũng cảm nhận kiếp sống thật là vô thường, đời người đầy đầy những khổ đau,... Do đó, ông giác ngộ phát tâm trường trai quyết chí tu hành. Sau thời lễ bái ông ngồi niệm Phật khoảng 30 phút, đồng thời ông mạnh mẽ hăng hái trong các công tác từ thiện xã hội hơn xưa.

Thời gian này đi đâu ông cũng mang một tấm bảng và một viên phấn theo bên mình, khi có ai hỏi hay muốn hỏi gì với ai, ông ghi chữ vào bảng ấy hoặc dùng đầu gục gặc hay lúc lắc thay cho lời hỏi và đáp.

Ông mạnh khỏe được một năm thì bệnh tái phát, lần này khối u mọc ra ngoài đúng như bác sĩ đã tiên lượng. Đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ giải phẫu, trải qua hai

tuần thì xuất viện về nhà, bệnh tình dần dần tạm ổn. Các bạn đạo thường hay đến viếng thăm khích lệ, khuyên ông rán nỗ lực tinh tấn thêm hơn. Bao nhiêu tiền của con cháu cho, ông đều bố thí hết chứ chẳng dùng xài riêng cho mình. Thời gian này, bệnh khổ của thân giúp ông có cơ hội chiêm nghiệm lời giáo huấn vàng ngọc mà bấy lâu nay lãng quên:

*“Mưa nắng trải xuân thu
Vội vàng khổ nhọc cầu.
Sớm hôm lo sinh kế.
Lãng quên thấy bạc đầu.
Thị phi không kết liễu
Lắm phiền não ưu sầu.
Biết rõ đạo cao quý,
Thế mà chẳng tìm cầu!
Một mai vô thường đến,
Mới biết mình trong mộng!
Muôn thứ đều bỏ lại,
Chỉ có nghiệp theo trôi!
Khổ đau sanh tử biết rồi,
Rán lo niệm Phật để ngời tòa sen!
Đừng cam sống phận thấp hèn!”*

Theo bác sĩ cho biết, bệnh sẽ tái phát lần thứ hai, và cuối cùng sẽ di căn vào các bộ phận nội tạng bên trong, chứ không như lần đầu chỉ hướng ra ngoài da và thời gian mệnh chung tối đa là năm năm sau khi mổ. Vậy mà đến năm thứ chín bệnh mới di căn sang phổi, nghĩa là đã vượt qua sự tiên lượng của bác sĩ là bốn năm.

Vào khoảng tháng 9 năm 2007, một hôm bỗng dưng ông đột quỵ. Đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang thì phát hiện hai lá phổi có vấn đề, khi chuyển ra Bệnh Viện Trung Tâm Ung Bướu ở Sài Gòn, bác sĩ khám xong liền đề nghị phẫu thuật vì phổi đã bị ung thư. Chú Năm liền điện thoại cho người anh là bác sĩ Ngô Trung Quân hay để xin ý kiến. Bác sĩ Ngô Trung Quân được tin, đến nơi và nói:

- Bây giờ thì anh có ý kiến với các em như thế này: Hiện tại thì cậu đã 79 tuổi rồi, sức khỏe của cậu kém dần lắm... nếu bây giờ mà mấy em nóng lòng muốn giải phẫu, thì cậu có thể chết ngay trên bàn mổ... Còn như để cậu thư giãn như vậy đó, có thể sự sống kéo dài hơn!

Ngừng một tí thì ông nói tiếp:

- Thôi bây giờ anh quyết định với mấy em như vậy: Không cho cậu nhập viện nữa, cũng không vô hóa chất nữa! Để cho cậu thư thả sống với con cháu một, hai tháng rồi cậu sẽ nhẹ nhàng thanh thản ra đi thì tốt hơn!

Thấy ý kiến rất sáng suốt, hợp tình, hợp lý nên mọi người chấp thuận làm theo bèn đưa ông về nhà. Khi về nhà, ngày nọ chú Năm mới hỏi ông:

- Con hỏi thiệt ba, ba có sợ chết không, thưa ba? Nếu ba sợ chết thì thôi con không nói, còn nếu như ba không sợ chết thì con nói cho ba nghe!

Ông liền lấy phấn ghi mấy chữ:

- Đòi mà ai không chết, con!

- Nếu ba không sợ chết thì... cái bệnh này cũng do nghiệp của mình mà có! Vậy thì ba muốn về cõi Phật thì bao nhiêu cái nợ mà ba gây trong tiền kiếp hoặc hiện kiếp, dĩ nhiên nó phải đến đòi... mà nếu ba không chịu trả thì không hết nợ. Thôi thì bây giờ ba phải chấp nhận trả nghiệp, thành tâm niệm Phật để vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chứ trong lúc này xác thân đây không thể cứu được, mình chỉ nhờ Đức Phật cứu thần thức thôi!

Ông nghe xong gật đầu đồng ý.

Từ đó trở đi ông không dùng bất cứ một loại thuốc nào. Do bệnh tình tương đối ít, chẳng hoành hành đau đớn gì cho lắm, nhờ vậy mà ông được rảnh rang chuyên tâm niệm Phật. Các bạn thiện tri thức thường lui tới thăm hỏi, trợ duyên về phần tinh thần, ông càng hăng hái dụng công nhiều hơn.

Cũng từ đó sức khỏe lần hồi suy kiệt, tám thân tứ đại sắp sửa đến thời kỳ phân ly trong khi nội tâm ông rất an định thong thả, thần sắc điềm tĩnh không lộ nét thống khổ, lo buồn!

Ngày 19 tháng 11 năm 2007, ông mệt nhiều, chú Năm liền mời đồng tu đến cầu nguyện và hộ niệm cho ông. Trong những cơn bức ngặt thân tâm, hành hạ ông lúc này dữ dội, cứ xoay trở, lăn lộn mãi ít khi nào được yên. Đang nằm thì ông nhờ người thân đỡ dậy, chưa bao lâu thì phải đỡ cho nằm xuống. Chư đồng đạo hết lòng khuyên ông phải rán nhẫn chịu, đồng thời trong lòng cũng phải xả bỏ muôn duyên, cố gắng niệm Phật hầu

thoát ly cõi đời đầy đau khổ này, để vãng sanh về cõi Phật A-di-đà, cảnh giới an vui! Mỗi lần được khuyên nhắc, an ủi như vậy, ông đều gật đầu, lộ nét đồng ý vui mừng.

Đến 3 giờ 50 phút chiều ngày 21, mọi người đều đang vây quanh hộ niệm, ông nhờ đỡ ngồi dậy hướng mặt về bàn Phật, hai tay chắp lại rồi xá xuống khấn nguyện chi đó, giây lâu ông nhờ đỡ nằm xuống. Chú Năm bèn nói với ông:

- Ba có sợ chết không! Xác thân này chắc phải bỏ chứ không cứu được! Bây giờ mình chỉ thành tâm niệm Phật nhờ Đức Phật cứu thần thức mà thôi!

Ông gật đầu rồi nằm im, thần thái lúc này tươi tỉnh an nhiên, bệnh khổ không còn hoành hành bức ngặt nữa. Kế đó ông tự sửa tay chân ngay ngắn nghiêm trang, đồng thời nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh vang rền của câu Hồng Danh Vạn Đức. Khi ấy đúng 4 giờ chiều ngày 21 tháng 11 năm 2007, ông thọ 79 tuổi.

Hộ niệm thêm 5 tiếng đồng hồ sau đó thì thấy khắp nơi trên cơ thể đều lạnh, duy chỉ có trên đỉnh đầu rất nóng, tay chưa đụng vào da chỉ đưa tới tóc thôi mà đã nghe nóng hực. Gương mặt thì hồng hào sáng đẹp, rạng rỡ niềm hân hoan.

(Thuật theo lời Ngô Văn Nhâm, con trai thứ Năm của ông.)

97. LONG THỊ THE (1929 - 2012, 83 tuổi)

Những người trong Ban Hộ Niệm xầm xì với nhau rằng: Bà cụ ở Cà Dứa yếu hơn cô Hai nhiều mà hộ niệm suốt một tuần lễ bà mới đi! Còn cô Hai đây... không biết... mấy ngày?

Bà đang nằm nghe thế, liền ứng thỉnh đáp gọn lòn:

- Không có lâu đâu!

Quả đúng như vậy, tới 6 giờ tối, hơi thở của bà ngắn dần. Đúng 8 giờ thì bà nhẹ nhàng ra đi. Trước khi bà ra đi thì môi bà nhép đủ ba lần câu: Nam Mô A-di-đà Phật.

Bà Long Thị The sinh năm 1929, cư ngụ tại ấp Tân Quới, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Kế phụ là cụ ông Phạm Văn Mùi, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Chính.

Năm 20 tuổi, bà kết hôn với ông Trần Kim Sơn, nguyên quán tại xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Cha mẹ bà gả bắt rẻ, vì bà là con gái duy nhất. Sau khi kết hôn, bà sinh được năm trai, hai gái.

Tính tình bà rộng rãi, không ích kỷ bo bo. Nhất là những hiểu biết, những kinh nghiệm quý báu về nấu nướng hay làm ăn... bà đều hướng dẫn, truyền đạt cho mọi người xung quanh cùng được lợi ích. Đối xử từ gia đình ra đến lối xóm chòm riêng bà đều từ ái, hòa nhã. Bà thường răn dạy con cháu “Nghèo cho sạch, rách cho thơm”. Không gian tham dù là nhỏ nhất như trái cà, trái ớt... cho đến cây kim cọng cỏ!

Chồng bà trước kia tham gia kháng chiến chống Pháp. Khi đã lập gia đình thì vừa lo làm ruộng, vừa cày đất mướn bằng máy móc cơ giới, cũng vừa tham gia phong trào chấn hưng Phật Giáo tại miền Tây Nam bộ, và ông đã nhận chức vụ Hội Trưởng của xã suốt hai nhiệm kỳ. Sau năm 1975, ông mạnh mẽ chuyên lo các công tác từ thiện, như: bắc cầu, bồi lộ, cất nhà tình thương... đồng thời ông cũng có chân trong hội Chũ Thập Đở ở địa phương nhà. Năm 1986, ông cùng bà và vài người con phát tâm trường trai, giới sát. Ông thường nghiên cứu kinh sách, tinh tấn nỗ lực tu hành, sớm chiều cầu nguyện lễ Phật, trì niệm câu Lục Tự Hồng Danh Vạn Đức. Đặc biệt là ông rất thích tham dự hội Long Hoa.

Ngày 22 tháng 5 nhuận, năm 1998, ông bị tai biến mạch máu não, các con đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Sa Đéc. Nằm viện được ba ngày thì ông đòi về nhà để được hộ niệm. Các con thấy ông bệnh tình chưa đến đổi gì, nên cố nài nỉ khuyên cha tiếp tục điều trị cho tới khi bình phục. Nhưng ông không chịu, các con phải y theo mong muốn của ông bèn đưa ông về vào ngày 25. Hôm sau là sáng ngày 26, đúng 12 giờ 30 phút trưa thì ông nhẹ nhàng, tỉnh táo, an tường niệm Phật rồi trút hơi thở sau cùng, thọ 76 tuổi.

Qua 12 tiếng đồng hồ sau đó tay chân của ông mềm mại, gương mặt hồng hào tươi sáng, tràn đầy nét hoan hỷ, tươi vui, đỉnh đầu của ông vẫn còn rất nóng!

Vài tuần thất sau đó có hai người bạn đạo đồng nằm

chiêm bao thấy ông, ông cho các vị ấy biết rằng hiện giờ mình đang tu với Đức Phật Di Lặc.

Khi chứng kiến ông chồng ra đi có những dấu hiệu tốt đẹp, bà càng tin tưởng tuyệt đối vào pháp môn niệm Phật.

Ba năm sau (2001) bà bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, và nhiều lần tái phát sau đó. Khớp xương bả vai xệ xuống, khớp khuỷu tay và các khớp ngón tay đều co quéo lại, từ từ cứng đờ, không còn mặc áo được nữa, thân quỵến phải thay đổi hoàn toàn y phục bằng vải thun.

Xưa nay nhà bà thường có các bạn đồng tu tới lui giảng giải Phật Pháp, khuyến tấn gia đình bà cố gắng hành trì pháp môn Tịnh Độ. Do vì đã tu hành mười mấy năm trường, dùng một cái bệnh khổ ập đến, bức bách, khốn đốn khó kham nhẫn, nên bà có mối hoài nghi canh cánh nơi lòng: “Tại sao trước mắt mình thấy có rất nhiều người đâu ăn chay làm lành, đâu có tu hành lạy Phật, niệm Phật gì, mà họ lại khoẻ ru; còn mình sao mà lại ra nông nổi thể lương thế này?”

Các thiện tri thức biết được nỗi hoài nghi của bà như thế mới giảng rõ về lý nhân quả thông ba đời cho bà nghe. Những người hiện giờ không tu đôi khi rất hung ác, mà nhàn nhã thung dung, hưởng vinh hoa phú quý, là họ đang hưởng những nhân phước ở quá khứ. Tức là trước đây một hoặc nhiều đời nhiều kiếp, họ đã hành thiện tích đức. Khi mà hưởng phước hết rồi thì họ phải thọ

những quả báo khổ của nhân mà hiện tại họ đang gây tạo. Còn mình hiện tại tu hành gieo trồng phước thiện mà lại lâm vào cảnh bệnh tật hay hoạn nạn khốn cùng đầy đau thương tang tóc, thì nên biết ở quá khứ mình đã gieo tạo rất nhiều hạt giống xấu ác, giờ phút này nó đã chín muồi, còn nhân thiện hiện nay đang gieo chưa kịp ra hoa kết quả. Cho nên mình phải tin sâu lý nhân quả báo ứng xuyên suốt cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, không bao giờ sai chạy, dù chỉ một tơ hào chi li nhỏ nhất nào: trồng dưa nhất định phải hưởng dưa, trồng ớt thì chắc chắn phải ra bông trái ớt. Do đó mà nên hoan hỷ đón nhận trả nghiệp; nghiệp dữ hết rồi thì nhân thiện, quả thiện sẽ đến, đừng hồ nghi mà thối tâm, lui sụt sự tu tiến của mình!

Nghe xong bà thực sự tiếp nhận, nghiệm xét lời khai thị của Cổ Đức, bà chuyên tâm niệm Phật để mai kia nhất định thoát ly bể khổ sanh tử luân hồi:

*“Đời dơ bẩn, xa trông bát ngát,
Gót hồng trần, lưu lạc mấy xuân.
Lòng riêng luống những băng khuâng,
Rán tu thoát kiếp trầm luân khổ phiền.
An Dưỡng Quốc ấy miền chân thật,
Nên thành tâm niệm Phật là hay!
Hương nguyên một nén xa bay,
Hướng về Cực Lạc hôm mai khẩn cầu.
Đời dâu bể bể dâu lắm độ,
Cảnh khổ đau đau khổ thê lương.
Nguyện nương đấng Đại Y Vương,*

Nhờ Ngài dắt dẫn ra đường u mê.
Xót thương nỗi khổ về vật chất,
Hại nhau vì giọt mật hư danh.
Kiếp luân hồi mãi loanh quanh,
Mà ba đường ác đã thành gia cư.
Giấc mơ tỉnh bấy chừ tủi thẹn!
Bước qui Tây rán thẹn tu mà?
Lầu cao rọi ánh trăng ngà,
Kiếp người luân quần bệnh già kê bên.
Từ nay giữ lòng bền niệm Phật,
Quyết một lòng nắm chặt đài sen!
Việc đời mặc tiếng chê khen,
Cuộc đời mặc kẻ đua chen sắc tài.
Đường sinh tử an bày trước mắt,
Bước khổ vui dè dặt mà trông.
Đã hay lửa đỏ sen hồng,
Đắng cay bao cũng giữ lòng sắt son.
Thôi thì gắng siêng bòn công đức,
Thôi thì rèn niệm lực tinh chuyên.
Nguyện sinh về cõi Bảo Liên,
Để không còn nỗi thảm phiên tử sanh!”

Từ đó về sau, đĩa “Cách thức hành trì pháp môn Tịnh Độ” của Như Trúc trích tuyển từ Thi Văn Giáo Lý và Hiển Đạo, bà mở nghe quanh năm suốt tháng. Khi không nghe Pháp thì mở máy niệm Phật để niệm theo. Cứ xen kẽ thay đổi nhau không cho hờ trống phút giây nào. Nhờ vậy mà bà tâm tâm nhàm chán xác thân đầy nhơ bẩn, khổ đau; ý ý khẩn thiết nguyện sanh về Cực Lạc thế giới. Nên sự

niệm Phật của bà ngày một khản thiết tinh chuyên. Bao nhiêu tiền của người thân hoặc con cháu cho bà, hoặc nhà nước trợ cấp, bà đều bố thí sạch sẽ. Bà thường dặn dò các con khi mình qua đời, quần áo chỉ mang theo một bộ thôi, còn lại để hiến tặng cho những người túng thiếu bần hàn, vì chôn dưới đất hư mục rất uổng phí.

Đến ngày mồng 8 - 12 - 2012, bà bị sốt, bệnh tình càng lúc nặng dần, điều trị dây dưa, đến trưa ngày 15 khi cô Sáu đang đút cháo cho bà, đến muống thứ ba thì bà cắn muống lại, và không ăn nữa. Rồi bà kêu cô Sáu gọi điện thoại mời Ban Hộ Niệm. Chương trình hộ niệm cũng bắt đầu từ chiều hôm ấy.

Từ đó trở đi bà luôn luôn nhắm nghiền đôi mắt, bất cứ ai hỏi gì bà cũng mở mắt ra rồi khoác tay nói:

- Thôi để niệm Phật!

Sáng ngày 16, do thấy sức khoẻ của bà còn sỏi quá, nên những người trong Ban Hộ Niệm xầm xì với nhau rằng:

- Bà cụ ở Cả Dứa yếu hơn cô Hai nhiều mà hộ niệm suốt một tuần lễ bả mới đi! Còn cô Hai đây... không biết... mấy ngày?

Bà đang nằm nghe thế, liền ứng thỉnh đáp gọn lỏn:

- Không có lâu đâu!

Quả đúng như vậy, tới 6 giờ chiều hơi thở của bà ngắn dần. Đúng 8 tối giờ thì bà nhẹ nhàng ra đi. Trước khi bà ra đi thì môi bà nhép đủ ba lần câu: “Nam Mô A-di-đà Phật”. Hiện tượng ấy làm cho mọi người vô cùng

vui mừng khi ngân vang âm thanh câu Hồng Danh tiền biệt bà về An Dưỡng Quốc. Hôm ấy nhằm ngày 16 tháng 12 năm 2012, bà hưởng thọ 83 tuổi.

Sáu giờ sáng hôm sau (tức là ngày 27), qua hơn 10 tiếng đồng hồ kể từ lúc dứt hơi, gương mặt của bà hồng hào tươi sáng. Miệng tự ngậm kín lại, đỉnh đầu rất nóng trong khi toàn thân đều lạnh (thời điểm này vào mùa đông khí hậu cực lạnh). Đặc biệt là các khớp xương mềm mại hi hữu lạ lùng. Vì các khớp bị dị tật đã cứng đơ cứng còng trên tám năm, hằng ngày không kéo ra được mà bây giờ tự động duỗi thẳng ra bình thường!

Lúc sanh thời, con bà thường nói với bà:

- Chắc nữa... chừng nào vú mất phải lấy dao lam cắt gân, mới mặc áo... mới liệm vô hòm được!”

Bà đáp:

- Không có đâu!... Đến chừng đó nó thẳng ran ra chứ có gì mà phải lo!

Con bà cứ ngỡ đó là câu trả lời cho suông qua thôi nên không mấy chú ý. Chẳng ngờ lời nói đó lại trở thành hiện thực!

Hơn một tuần lễ sau có cô Năm nhà bên kia sông, nằm mơ thấy bà, bà cho biết đã về với Phật A-di-đà rồi!

(Thuật theo lời Trần Thị Kim Cúc, cô con gái thứ sáu của bà.)

98. BÙI VĂN TY (1920 - 1989, 69 tuổi)

Người xưa dù đã biết trước ngày giờ về với Phật, nhưng các vị ấy vẫn rất thận trọng và càng nỗ lực dụng công chí thiết nhiều hơn, không dám may mắn buông lời khinh suất. Ngày nay những hành giả Tịnh Tông cần ghi nhớ kỹ điều này!

Ông Bùi Văn Ty sinh năm 1920, nguyên quán Thị Xã Long Xuyên. Song thân là cụ ông Bùi Văn Nhượng và cụ bà Huỳnh Thị Cửu, ông là thứ Năm trong gia đình có sáu người con.

Năm 20 tuổi (1941) ông kết hôn với bà Phạm Thị Tiên, sanh được bảy người con. Nghề nghiệp của ông là quân nhân chuyên ngành cảnh sát; phần bà thì quanh năm tảo tần mua bán rau cải nuôi nấng đàn con.

Đến năm 41 tuổi (1962) ông kế phối với bà Hồ Thị Sáu, sinh được bốn trai, ba gái, định cư tại chợ Vĩnh Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ông chuyển sang nghề hót tóc và viết đơn, còn bà thì bán thức ăn: bún, hủ tiếu...

Tính ông hiền hòa, vui vẻ, cởi mở, miệng thường hay ca hát líu lo. Đời sống sinh hoạt rất ngăn nắp, chừng mực, ưa chuộng sự sạch sẽ thơm đẹp. Ông rất quan tâm trong việc dạy dỗ các con ngay thuở bé thơ, từ hạnh nết cho đến lời ăn tiếng nói sao cho đừng mất lòng mọi người, nhất là răn nhường nhịn. Có lần con ông lân la nô đùa

với lũ trẻ đồng trang lứa, bỗng gây gổ, cha chúng đến nhà vừa chửi mắng vừa nắm xé áo của ông, ông tươi vui bình thường, giả lả đôi ba câu rồi cho qua, xem như không có chuyện gì xảy ra. Hoặc có những lúc bà vợ cãi vả với người ngoài, ông đều khuyên can nhẫn chịu!

*Tâm tánh phải hôm mai bình tịnh.
Lúc nào cũng dặn lòng nên nhịn,
Nhịn tiếng đòi nhịn tánh muốn ham;
Nhịn thói quen theo lối tục phàm,
Nhịn cay đắng khi làm đạo đức.
Nhịn cho được lúc người chọc tức,
Nhịn những điều thử thách của đời;
Nhịn chừng nào khỏi nhịn mới thôi,
Lúc còn phải nhịn thời răn nhịn.
Nhịn càng mạnh nghiệp càng không dính,
Sức nhẫn nhiều sớm định tâm nhiều;
Dục ý dù lớn mấy cũng tiêu,
Răn nhịn được những điều khó nhịn.
Thân còn tạm hướng gì chung đỉnh,
Vật trên đời đâu đặt dài lâu;
Vì mến yêu mà phải ưu sầu,
Xưa đã thế nay đâu khác được.*

Mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn eo hẹp, nhưng ông vẫn nhín ra một ít tiền mua thuốc Tây để sẵn, hoặc sưu tầm thêm một số thuốc Nam rồi chủ động biếu tặng những người trong thôn xóm ốm đau khi trái tiết trở trời.

Vào khoảng năm 1978, bà vợ của ông bị trúng gió rồi chết, toàn thân đã cứng đờ, màu da bầm tím như trái mồng tơi, các nơi đều lạnh duy chỉ còn vùng ngực ấm nóng lạ thường, thân quyến đã chuẩn bị đầy đủ các thứ để lo hậu sự. Đến ngày thứ năm ông mời bà con lối xóm và những cư sĩ tại gia đến cầu nguyện liên tiếp ba hôm. Trong đêm thứ ba đột nhiên bà từ từ sống lại, thời gian ngừng thở là đúng một tuần.

Trải qua mấy tháng sau sức khỏe của bà mới hoàn toàn bình phục. Khi tỉnh lại, bà tường thuật những gì đã thấy nghe trong suốt khoảng thời gian bảy ngày đó. Cũng từ ấy cả gia đình ông đồng phát tâm trường trai, niệm Phật tu hiền, sáng chiều hai thời lễ nguyện, hai ông bà đối nhau như bạn đạo và giữ tịnh giới. Trước kia bà bán thức ăn mặn, bây giờ đổi lại món chay, tính tình bà trở nên hiền lành, hòa ái, khác hẳn với thuở xưa! Đồng thời bà được chư đồng đạo rước đi các nơi để kể chuyện, rất nhiều người nghe rồi bèn tương chao, giới sát, làm lành lánh dữ, tinh tấn niệm Phật tu hiền!

Nhờ nhân duyên này, ông tổ ngộ tường tận hơn về lý nhân quả báo ứng. Một mai tám thân tứ đại giả tạm này tan hoại thì thân thức còn phải đi đầu thai, tìm một tám thân mới, mà thân sau đẹp hay xấu, khổ đau hay sung sướng đều tùy thuộc trọn vẹn vào nghiệp thiện hay nghiệp ác của mình đang gây tạo hiện giờ. Gieo nhân nào thì gặt quả nấy, trồng dưa đắng dưa, trồng đậu hưởng đậu, không sai lệch một mảy may tơ hào nào cả!

Cũng từ đó ông bắt đầu giao tiếp với các bạn đạo như ông Hai Mum, ông Bảy Phương... và các nam nữ trẻ tuổi khác. Đặc biệt là ông rất kính trọng những người tu, say mê nghe đạo lý lắm. Mỗi lần cô Năm ở chùa Phước An (gần nhà) ghé thăm, sau khi chuyện trò một hồi, lúc xin kiếu về, ông thường cố mời ở lại:

- Con nói chuyện Phật pháp cho cậu nghe nữa đi!
- Con bận công việc nên phải về, cậu Năm ơi!
- Con rán ở lại một chút nữa đi!

Hình như đối với hết thảy các thiện tri thức, ông đều có thái độ y như vậy!

Ông ít đọc sách, thường chỉ xem kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân và quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.

Mặc dù kiến thức về Phật pháp chẳng có chi nhiều, nhưng sự hành trì lễ niệm của ông lại chí thành cung kính; tín tâm đối với lý nhân quả và pháp môn Tịnh độ thì rất kiên định. Ông thường nói với mọi người:

- Rán niệm Phật, chỉ một kiếp này về Tây Phương Cực Lạc thôi, chớ không có về cõi nào hết!

Sau thời lễ nguyện ông thường đứng thẳng trước ngôi Tam Bảo, tay lần chuỗi tràng niệm Phật khoảng ba mươi phút. Cách niệm của ông là câu này dính liền câu kia, âm thanh vừa đủ nghe.

Đối với các công tác từ thiện xã hội, ông rất nhiệt tình hưởng ứng bằng công sức của mình.

Hằng ngày vào khoảng 4, 5 giờ chiều ông thường cầm chiếc giỏ đựng và con dao đến chùa hoặc đi theo lối xóm, thấy ai có trồng bông như: bông trang, bông điệp... thì ghé vào xin về chưng trên bàn thờ. Ông thường khoe với cô Năm và cô Bảy:

- Kìa! Con xem... Huy hoàng rực rỡ... Nhìn mà lòng thơ thối vô cùng!

Đi xin hoài riết rồi cũng cảm thấy áy náy, nên ông bèn sưu tầm giống về trồng gần nhà. Từ đó trở đi, hoa tươi khoe sắc đua nở bốn mùa!

Công phu của ông cứ bình thường đều đặn và lặng thầm như thế hơn mười năm. Đến khi 69 tuổi, sức khỏe ông bắt đầu suy dần. Vào khoảng đầu tháng 8 năm 1989, ông ngã bệnh, bèn bảo các con đưa ông ra Mỹ Xuyên, nhà cô con gái thứ Tư là Tư Xuân (con bà vợ lớn) chăm sóc, vì nhà gần bệnh viện thị xã. Thời gian ở đây khoảng ba tháng ông đã ba lần nhập viện, mỗi đợt độ khoảng một tuần, bác sĩ chẩn đoán là “suy nhược cơ thể” và nghi ông bị nhiễm “lao” do vóc dáng quá ư khô gầy.

Thấy cô con gái mãi lo kinh doanh nhiều quá, nên ông thường khuyên cô:

- Thôi con bớt làm lại, để lo niệm Phật tu hành đi con, kéo không có kịp! Ngày xưa ba cũng đã từng đếm tiền nè con, nhưng mà... rồi cũng đành phải phủi trắng tay!

Lần nhập viện sau cùng, thấy bệnh tình của cha ngày càng trầm trọng, vì thương cha mình quá, cô muốn cha mau mạnh lại như đề nghị của thầy thuốc, nên cô khuyên ông trở đũa dùng mặn, ông từ chối:

- Sao con mê muội quá! Đời người ai mà chẳng chết! Mà chết cũng chỉ một lần thôi! Tôi sợ rồi ăn mặn nhấm có sống được không?

Vì biết bệnh trạng của mình thuốc men lúc bấy giờ đã hoàn toàn bất lực, thế nên khi xuất viện ông về thẳng trong Vĩnh Thành nhằm ngày mùng 2 - 11 - 1989.

Hay tin ông bệnh nặng, chư đồng đạo hay tới lui ghé thăm, an ủi, khuyên nhắc ông phải gấp rút buông xả muôn duyên để cố gắng niệm Phật, ông thường đáp lại rằng:

- Tôi nhất định về với Phật, chớ không có về chỗ nào hết!

Sáng ngày 19 - 11 - 1989, ông bảo cô Tư Hồng:

- Con ra nói mẹ làm cho cha một tô bún, nhưng đừng để giá và rau sống, nghe hôn! Hôm nay là ngày 19, ba ăn xong là ba tuyệt thực luôn, ba không ăn nữa! Ba chỉ uống nước cúng thôi, để ba súc cái mình của ba cho sạch... bởi vì ba đi!

- Ba đi đâu, thưa ba?

- Ba đi theo Phật!

Từ đó trở đi, ông tuyệt nhiên chẳng ăn uống thứ gì cả, duy nhất chỉ thỉnh nước cúng Phật để uống mà thôi!

Bệnh của ông càng ngày càng tăng dần, một hôm ông nói với bà:

- Lúc tui đi theo Phật mà bà khóc lóc, kêu réo tui là bà ác lắm đó!

Đến ngày 22, gia đình tổ chức cầu nguyện cho ông liên tục ba đêm. Chiều tối hôm ấy ông kêu cô Năm và cô Bảy đến bên cạnh mà nói:

- Hai con lại đây cậu nói cho nghe!

- Cậu nói gì, thưa cậu?

- Kìa! Coi kìa! Phật hằng hà sa số Phật. Đẹp hết sức đẹp... mà vui quá, con ơi!

- Ở đâu, sao con không thấy?

- Kìa! Phật kìa!... Phật cho biết ba ngày nữa Phật rước cậu về Cực Lạc!

Khi hai cô về chùa, ai cũng hồ nghi trong lòng, bởi vì nhận thấy rằng ngoài hạnh nhẫn nhường, kính người tu và thích nghe Phật pháp ra, ông đâu có điểm gì nổi bật nên hai chị em thường xâm xì với nhau:

- Cậu Năm tu hành cũng bình thường quá mà, đâu có... gì bao nhiêu, mà sao ổng nói ổng thấy Phật! Thiệt là... Không biết ổng có nói sảng hay không!

Sáng ngày 25 con cháu các nơi tỵ thông báo với nhau rồi lần lượt tề tựu về đông đủ, ông ngưng ăn đã

đúng một tuần nên giọng nói rất yếu nhưng vẫn còn nghe rõ. Ông nằm trên giường dặn dò mọi chuyện: nào là việc đào huyệt, nào là việc đi hỏi ông Út (bạn của ông) xem coi 2 giờ chiều này ông theo Phật có ảnh hưởng gì về chuyện làm ăn của con cháu hay không... cho tới việc chuẩn bị khăn đắp mặt cho ông nữa! Mọi người thì cứ vâng dạ nhất nhất đều làm theo lời ông, nhưng chuyện ông nói là ông theo Phật thì dường như chẳng mấy ai tin cả!

Ông còn dặn:

- Khi mà ba theo Phật rồi các con đừng có chụp hình nghen! Nếu ba chết các con chụp hình ba thì được. Còn cái này ba theo Phật nên đừng có chụp hình!

Kế đó có khách đến thăm, hỏi chuyện qua lại đôi ba câu, rồi ông nói:

- Một lát nữa đây tui ra đi... cho tui gởi gắm vợ và các con của tui lại đây cho các anh chị em mình... các anh chị em mình... tha thứ những lỗi lầm... bởi vì chúng nó còn nhỏ dại quá... Nhờ các anh chị vui lòng dạy dỗ, khuyên bảo chúng nó giữm, tui rất mang ơn!

Khi khách đã về hết, chú rể thứ Năm mới hỏi ông:

- Ba ơi! Chừng nữa ba muốn cái vỏ bao lớn?

Ông đáp:

- Thôi, vừa vừa thôi con ơi! Ít... ít tiền, chớ con đừng có mua thứ đắt tiền quá ba không chịu!

Kế đó ông nhờ tám gội sạch sẽ đặng ông theo Phật.

Khi tắm xong, ông bảo cô Tư Hồng (con bà vợ kế):

- Con dẫn chị Tư con (con bà vợ cả) ra ngoài tiệm mua cho ba chai dầu thơm để xịt xung quanh!

Lúc hai người quay về đem chai dầu đưa cho ông. Cầm lên giây lâu xem xong, ông nói cô Tư Hồng:

- Người ta đi theo Phật mà chị Tư con nó hà tiện... Chai dầu này là chai dầu dỏm nè, hôi rình hà. Thôi trả chai dầu này lại cho nó đi con! Con trở ra ngoài con mua chai dầu 'xịn', bao nhiêu tiền con trả đi... Chớ chị con mua chai dầu này không có được, chai dầu này là chai dầu dỏm!

Khi mua chai dầu khác đem về, xịt lên mình ông và khắp hết chung quanh giường nằm theo lời ông yêu cầu, chẳng mấy chốc đột nhiên thần sắc ông bỗng dưng biến đổi lạ, tâm trí không còn tỉnh táo sáng suốt bình thường nữa, các con khuyên nhắc niệm Phật ông không chịu niệm. Đang trong tình trạng bối rối bất ổn, thời may cô Năm (ở chùa Phước An) đi thỉnh thuốc giùm cho bệnh nhân trên đường về chùa, khi ngang qua cô thấy trước sân rất đông người đang che rạp, cô bèn thẳng vào nhà sau, bước vào phòng thấy cảnh huống nguy ngập, cô bèn trở ra nhà trước đốt hương rồi quỳ dưới bàn thờ Phật, thành tâm khẩn nguyện, đọc tên họ của ông, cầu xin mười phương Tam Bảo từ bi gia hộ cho ông tỉnh táo để ông niệm Phật vãng sanh. Chừng quay vào thì ông bình thường trở lại, cô lại gần hỏi ông:

- Cậu biết con là ai không?

- Biết! Năm Chùa chó ai!

- Bây giờ con niệm Phật, cậu niệm theo con nghe? Cậu niệm Nam Mô A-di-đà Phật để cậu về với Phật A-di-đà cho khỏe! Nếu mạng sống còn thì mình hết bệnh; nếu mạng số hết thì mình vãng sanh Tây Phương Cực Lạc!

Thế là cô cất tiếng niệm, ông liền niệm theo, thấy vậy gia đình mời cô bước lên giường ngồi xếp bằng ở phía trong, còn vợ con thì ngồi ghế ở phía ngoài, thường ngày ông không cho bất cứ người thân nào lên giường của ông đang nằm hết, bấy giờ trời đã 12 giờ trưa. Niệm được một lúc nghe tiếng niệm của ông lớn quá, cô Năm sợ ông mau đuối sức nên khuyên:

- Thôi cậu Năm ơi! Cậu niệm nho nhỏ đi, cho đỡ mệt. Để con niệm lớn cho!

Thời điểm hiện tại địa phương này, chương trình hộ niệm chưa được phổ biến. Phần đông hiểu kỳ đến xem, chứ chẳng ai hiểu biết chuyện vãng sanh là gì! Thấy ông bệnh nặng, thể lực cạn kiệt trầm trọng, đoán chắc rằng ông sẽ ra đi trong một sớm một chiều, phần hậu sự dĩ nhiên là phải kết thúc trong khoảng thời gian không xa, nên mọi người ra ngoài trước để che rạp làm nhà khách, khi ông có những dấu hiệu gì lạ mới tập trung lại, đôi ba người niệm Phật, còn số đông thì cứ hiểu kỳ đứng nhìn!

Ngồi niệm mãi gần hai giờ trôi qua, ông kêu khát nước, cô Năm mới đi thỉnh nước cúng cho ông uống. Uống xong ông niệm thật lớn, được hơn mười câu, cô Năm bèn nói với ông:

- Thôi cậu Năm ơi! Cậu niệm nho nhỏ, để con niệm lớn được rồi!

Ông liền đổi âm thanh lại nhỏ vừa đủ nghe. Khi được vài mươi câu, ông hỏi:

- Máy giờ rồi con?

Cô Tư bèn nhìn đồng hồ thấy 1 giờ 58 phút, tự nhiên cô giật thót cả người, vì ông nói 2 giờ chiều nay là ông theo Phật, cô liền đáp:

- Tới giờ rồi, thưa ba!

Ông đang ở tư thế nằm ngửa, bèn tự nghiêng mình sang bên phải theo thế kiết tường, tay trái kê đầu, tay phải xuôi theo thân, rồi im lìm nhẹ nhàng dứt hơi. Lúc ấy đúng 2 giờ chiều, ngày 25 - 11 - 1989, ông thọ 69 tuổi.

Sự ra đi của ông quá ư nhanh lẹ và im lìm, cô Năm ngồi bên cạnh vẫn không hay biết gì cả, cô Tư Hồng bèn kêu:

- Niệm Tây Phương tiếp dẫn đi chị Năm!

Cô Năm không tin rằng ông đã ra đi nên vẫn giữ nhịp niệm Phật đều đều như cũ, vì từ lúc vào cho tới giờ đã trải qua ba tiếng đồng hồ, cô chỉ nghĩ là mình niệm Phật cho ông niệm theo để ông khỏe, và cô ngồi niệm Phật để cho gia đình vui vậy thôi, chứ không ngờ rằng ông theo Phật đúng như lời ông đã mách trước.

Cô Tư chờ hoài không thấy cô Năm phản ứng gì hết, bèn lặp lại một lần nữa:

- Niệm Tây Phương tiếp dẫn đi chị Năm! Ba em mất rồi.

Khi biết ông đã thật sự ra đi, cô Năm cũng hết sức kinh hoàng, bèn chuyển sang niệm Tây Phương tiếp dẫn. Thân quyến và đồng đạo ở phía trước ủa vào, chẳng hiểu sao không ai bảo ai cùng nhau tự động đồng quỳ xuống nền nhà đất, đồng thanh niệm Phật lớn lên, âm thanh vang dội cả vùng!

Cũng trong lúc đó, những liên hữu đang làm ngoài ruộng nhìn thấy những tia sáng xẹt trên nóc nhà của ông. Bên kia sông má của ông Tư Sông cùng với vài bà cụ nữa cũng đồng trông thấy như thế!

Sau khi tang lễ đã hoàn tất, một chuyện khá lạ lùng là những cuộn phim mà con cháu đã chụp ông, khi đem đi rửa đều trắng tinh không có hình ảnh gì cả!

(Thuật theo lời Bùi Ngọc Xuân, Bùi Thị Xuân Hồng hai con ông và đồng đạo Đỗ Thị Năm, Đỗ Thị Bảy.)

99. NGUYỄN ĐỨC LỢI (1998 - 2015, 17 tuổi)

Em Nguyễn Đức Lợi sinh năm 1998, cư ngụ tại ấp Thới Thạnh, phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Cha là ông Nguyễn Văn Ngon; mẹ là bà Lê Thị Hạnh. Em là con út trong gia đình, có ba người chị gái.

Từ lúc chào đời em bị bệnh mãi cho đến năm lên bốn tuổi. Lúc sáu tuổi (2005) lại xuất hiện một trận bệnh “thập tử nhất sinh”. Các bác sĩ đều tiên lượng thọ mạng của em không quá 24 tháng. Nhưng dần dần mọi chuyện cũng tạm xuôi qua. Khi lên mười tuổi (2008) bỗng nhiên lặp lại một lần “nhất sinh thập tử” nữa. Trải nhiều năm tháng em kết bạn tri kỷ tri âm với bệnh viện nên cơ bắp tay chân của em có dáng vóc quá ư khiêm nhường. Nếu như chỉ nhìn gương mặt của em không thôi, thì nét đầy đặn, tròn trịa tươi sáng hiện ra rất rõ rệt, và không ai nhận biết ra rằng em là nạn nhân của bệnh tim bẩm sinh. Cho nên cứ không bao lâu thì gia quyến phải đưa em vào bệnh viện nghỉ mát khoảng một tuần trăng, mà sự việc cứ lặp đi lặp lại đều đặn như thế!

Tính tình của em rất ngoan hiền, lễ phép, dường như xuất phát từ thiện căn của quá khứ thì đúng hơn, bởi vì chẳng ai chỉ dạy cả. Đặc biệt là tính cách điềm đạm, trầm tĩnh, chững chạc của một người lớn lại có đủ nơi em, nơi đứa bé chỉ mới lên mười!

Chẳng hạn như, khi nói chuyện thì em đều dạ thưa, lúc nhận quà, bất cứ là ai cho gì, nhiều hay ít, em cũng

đều nhận bằng hai tay, nhận xong rồi thì cúi đầu nói: “cám ơn”. Nếu cha cho, nhận xong cúi đầu rồi nói: “Con cám ơn cha”; nếu mẹ cho thì nói: “Con cám ơn mẹ”.

Thỉnh thoảng thấy cha mẹ bất hòa cự cãi với nhau, em liền chạy lại ôm mẹ, vừa dùng tay vuốt vuốt vào mình của mẹ vừa nói:

- Mẹ! Mẹ thương con, nhịn cha một chút đi mẹ, bỏ qua đi mẹ!

Rồi chạy sang cha, năn nỉ cha:

- Cha ơi cha! Nhịn mẹ đi cha!

Nhìn thấy con mình như thế, cả hai chẳng ai bảo ai, trong lòng đều tan hết mọi nỗi phiền!

Còn đến giờ ăn, em đợi cho cha mẹ và chị ăn trước, rồi em mới dùng sau. Hoặc khi cha mẹ đi vắng, cơm vừa dọn xong em cũng chờ chị ăn trước, rồi em mới bắt đầu ăn.

Mỗi lần cha đi làm về, mồ hôi tuôn đổ đầm dề, nhưng em vẫn chạy lại ôm chầm lấy cha để hôn, và chờ cha tắm xong, liền nói:

- Cha tắm rồi cha hôn con một cái, đi cha!

Lắm lúc cha em sợ lây bệnh cho con mình nên la rầy không cho, nhưng em vẫn không thay đổi, vì biết cha ngoài miệng mặc dù la trách chứ thực sự trong lòng tốt độ mừng vui!

Thấy con tuy là đau yếu triền miên, hình hài ốm tong ốm teo, mà bỗng dưng có được hạnh nét rất ư đặc

biệt, vượt hẳn những đứa trẻ khác cùng trang lứa, thậm chí nhiều người lớn tuổi hơn mà cũng chẳng sánh kịp con mình, nên hai ông bà rất đổi hài lòng, vì đó là niềm an ủi, niềm tự hào lớn nhất và cảm nghe con tim ấm áp lạ thường!

Gần cuối năm 2008 vào khoảng tháng 11, chị của em từ nước ngoài về thăm nhà thấy em mình sao cứ bệnh rề rề hoài nên nói:

- Sanh mày ra... toàn là mày báo không à!... Bệnh hoạn hoài vậy đó!... Tới mười tuổi rồi... mà còn bệnh nữa!

Em trả lời:

- Chị ơi! Trên đời này không có ai muốn mình bệnh... Em bệnh em cũng mệt dữ lắm đó chị! Tại chị không có bệnh, chị không biết! Tại vì kiếp trước chắc em làm cái gì tội lắm, nên bây giờ em mới bệnh như vậy đó!”

Năm 2009 cha và mẹ của em phát tâm ăn chay trường tu hiền, lúc này em vào trường học vừa hết lớp 1.

Vào khoảng tháng 3 năm 2010, đang học lớp 2 em xin với mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ! Cho con ăn chay cúng lạy chung với mẹ đi! Cho con nghỉ học để con tu. Con bệnh hoạn con đi học cũng rất là mệt!

Cha mẹ em đồng ý. Từ đó mỗi buổi chiều em cầm cái bọc và chiếc kéo chạy sang nhà hàng xóm xin bông trang về cúng Phật, và lau dọn bàn Phật, thay nước cúng mỗi

ngày. Tối em cố gắng theo cha mẹ hành trì đều đặn các công khoá thường nhật.

Mỗi lần thấy mẹ làm cá nấu cho hai chị em ăn, trông con vật bị đập đầu, nó giãy giữa đành đạch, lúc mổ bụng thì máu me của nó tuôn ra lênh láng. Cảnh tượng ấy biểu lộ sự đau đớn gớm ghiếc hãi hùng. Thế nên em xin với mẹ:

- Mẹ ơi! Con thấy mẹ đập đầu con cá, con sợ quá. Từ đây sắp lên mẹ cho con ăn tương luôn đi, mẹ!

Ban đầu bà còn ngần ngừ, sợ con mình ăn chay sẽ bị thiếu dinh dưỡng, vì bệnh đã nhiều năm trong khi hiện giờ còn đang dây dưa chưa dứt, nên bà đã im lặng phớt lờ, nhưng em nài nỉ miết, bà nhận thấy con mình tuy tuổi đời hãy còn thơ dại, thế mà tầm nhìn của nó lại hợp với lẽ Đạo, vượt xa lắm kẻ niên kỷ đã ở vào vị trí trưởng thành! Và lại nếu mình tu, mà mình ngăn cản không cho con mình ăn chay... sợ e có lỗi, nên bà đành phải tùy thuận nhận lời. Khi thấy em dùng chay, người chị cũng ăn chay theo. Thế là cả nhà đều trường trai, giới sát.

Một điều hết sức kỳ lạ là, kể từ ngày em dùng trường trai, con ma bệnh lần lần biến mất, dần dà em phát tướng ra, mặc dù chẳng bằng ai, nhưng vẫn không còn nằm bệnh viện, không còn uống thuốc uống men gì nữa cả!

Thường ngày cha em đi làm từ thiện, mẹ thỉnh thoảng đi công chuyện, chỉ còn chị thì lo công việc nội trợ nên không khí gia đình cũng như đạo tràng rất trang

nghiêm thanh tịnh, suốt ngày em chỉ lo niệm Phật xem kinh và nghe Pháp mà thôi.

Năm em 13 tuổi, ăn chay được một năm, mọi người trong nhà phát hiện một sự việc, là mỗi lúc chiều tối em đi giăng mùng cho cha, mẹ, và trước khi đi ngủ em chạy lại nói với cha: “ Con chúc cha ngủ ngon!”; chạy lại mẹ cũng nói: “Con chúc mẹ ngủ ngon!”, mà ngày nào cũng như thế. Còn khi giăng mùng cho chị thì nói: “Chị nấu cơm cho em ăn... Chị giặt đồ cho em nên em phải giăng mùng cho chị ngủ!”

Những ngày rằm và 30 em thường đến chùa Vạn An, ngôi chùa gần nhà để lễ Phật.

Quyển sách mà em thường đọc là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ; còn băng đĩa mà em thường xuyên nghe là đĩa: “Cách Thức Hành Trì Pháp Môn Tịnh Độ”. Nên những khi rảnh rỗi em thường diễn tả cảnh giới Cực Lạc cho cha mẹ và chị nghe:

*“Cõi ấy chẳng nào phiền đau khổ,
Tuổi sống lâu vô số vô biên;
Muốn chi thì được có liền,
Thân người nào cũng bằng sen hóa thành.
Cõi ấy vốn trọn lành trọn tốt,
Cõi ấy không ai chết ai già;
Thường ngày có đức Di Đà,
Dùng thần thông hóa hiện ra muôn hình.
Người nào cũng quanh mình đều sáng,
Ai cũng đều viên mãn thân thông;*

*Đường xa muôn dặm Tây Đông,
Nhưng đi chỉ mất độ trong phút giờ.
Người cõi ấy thường trưa mỗi bữa,
Đi cúng dường Phật ở khắp nơi;
Đi về trong buổi ngọ thời,
Người nào cũng muốn thỉnh lời Như Lai.
Nên ai cũng đồng giai Bồ Tát,
Không người nào sa lạc phạm phu;
Hạ ngươn kẻ phát tâm tu,
Cầu về Cực Lạc là đầu nhập môn.
Cõi ấy vốn người nhân thiện cả,
Ai muốn sang phải dạ lương hiền;
Cõi sen người phải như sen,
Gần bùn mà chẳng ố hoen mùi bùn.
Cõi lành kẻ dữ hung khó bước,
Phật từ bi chẳng rước bất lương;
Muốn về Cực Lạc Tây phương,
Các điều hung dữ chớ vương điều nào!”*

Năm 2013, ngoài hai thời lễ niệm sớm tối ra, em còn tăng thêm thời giữa trưa. Qua năm sau thì em trở lại hai thời, vì không muốn phô trương hình thức, và sức khỏe cũng không khả quan lắm! Bởi sự tu hành quý ở thành tâm, ở thực chất, chứ không phải ở hình thức bên ngoài. Có lần em khuyên chị nên niệm Phật thầm trong tâm chớ đừng nên niệm Phật ngoài miệng; vì niệm Phật ngoài miệng không có được bao nhiêu mà lại mệt lắm!

Thấy chị hay nổi quạu, hay la rầy, nên lần nọ em hỏi chị:

- Chị ơi! Chị có biết hai ông Thần (Ông Thiện và Ông Ác) ở trong chùa không, chị?

- Biết!

- Tu hành mà khó khăn quá nữa thành Thần đó!

Và còn nói:

- Tu mà cái mặt cứ... cà nhăn, cà nhăn hoài là thành Thần giữ núi đó!

Cũng nhiều lần em khuyên chị đừng nên lập gia đình; nếu có gia đình sẽ không được tự do hành đạo, mà cũng rất là khổ! Đặc biệt là em hay ca ngợi những người nữ có vóc dáng giống người xuất gia, và khuyên chị cần phải tu dưỡng hạnh đức, còn dẫn chứng:

“Lớn lên phận gái cần chuyên,”

Trong nhà có treo hai bức tranh rồng phụng, em nhờ cha gỡ đem xuống. Em nói với chị:

- Hai bức tranh cũ này nó không phù hợp với gia đình mình, em sẽ làm hai bức tranh khác để gia đình mình nhìn mà tu hành!

Và em tháo kiếng ra, dùng dầu lửa hòa với dấm bôi vào để cạo sạch sẽ, rồi lấy giấy cal màu (loại giấy mà người ta thường dùng trang trí trên các sườn xe đạp) cắt thành hình bông sen và các mẫu chữ cái, dán lên thành bức tranh mới. Một bức là: “*Tu cầu gia đạo vuông tròn*;

Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền”; còn bức tranh kia: “Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền; Thoát chốn mê đồ đến cảnh tiên.”

Em làm rì mọ cả tháng trời mới xong, khi treo lên em nói với chị:

- Em dán mấy câu này để cho cha, mẹ và chị xem!

Lúc ấy, đúng dịp đón xuân năm 2015. Cũng từ đó trở đi em ít nói chuyện hơn trước, oai nghi càng nghiêm cẩn hơn trước, thường ngồi một mình trầm ngâm im lặng.

Đến cuối tháng 2, sau khi buổi công phu tối lễ Phật sám nguyện xong, thấy trong người hơi mệt, em không ngồi niệm Phật mà đi ra nhà sau, chợt bị té xỉu, vài phút sau tỉnh lại. Gia đình đòi đưa đi bệnh viện, em không chịu. Thấy mẹ khóc, hôm sau em phải theo cha để đến Bệnh Viện Tâm Đức khám bệnh mang thuốc về uống.

Đến ngày 18 tháng 3, đường tiêu hoá của em hơi kém, ăn uống không được ngon. Chị em mới nói:

- Em đi bác sĩ khám bệnh đi!

Và còn hỏi:

- Em có sợ chết không?

- Em không có sợ chết, tại vì cái nghiệp em phải trả... Đi bác sĩ nó còn dây dưa hoài à chị ơi! Chị đừng có nói với mẹ. Bởi vì mẹ kêu em đi bác sĩ thì em phải đi. Chị giấu, đừng nói với mẹ, giùm em!

- Em mà chết, chắc mẹ chết theo đó!

- Không có đâu! Em chết, mẹ còn có chị!

Chiều ngày 21 tháng 3, thấy em mặc chiếc áo tràng bị chật cứng, chị mới nói:

- Em cho chiếc áo tràng đó cho chị đi! Nữa mẹ sẽ may cái áo khác cho em?

- Thôi khỏi may! Để ba hôm nữa em cho chị cái áo tràng này luôn!

Chị ngỡ là ai đó đã hứa cho em mình cái áo tràng mới rộng hơn, vừa định hỏi thì thấy em đã bước đến ngôi Tam Bảo đánh lễ, nên định bụng chừng nào công phu xong sẽ hỏi, nhưng rồi lại quên bẵng đi cho đến ba ngày sau là ngày 24.

Sáng ngày 24, thực hành công khoá xong em nói với cha rằng mình thèm ăn chôm chôm, nhờ cha đi mua cho mình. Cha em vô cùng hoan hỷ, nên đi liền. Mà lạ một điều là hồi nào tới giờ em chưa từng thèm chôm chôm cái kiểu này! Kể đó người chị đi chợ, bèn hỏi:

- Chị đi chợ mua thuốc cho chị, em ăn cháo không? Sẵn chị mua cháo luôn!

Em đáp:

- Ừ! Chị đi nhanh nhanh về, để không thôi không gặp mặt em!

Chị em hỏi:

- Đi nhanh nhanh về cho em ăn, em đói bụng chứ gì?

Em không trả lời mà đi thẳng ra nhà tắm, rồi tắm sớm. Tắm xong rồi em vào nói với mẹ:

- Mẹ bóp cái lưng dùm con. Con mỏi quá!

Lúc đó mẹ em đã trải chiếu chiếu trên nền gạch của nhà sau. Em đến ngồi kê bên bà và nói thêm:

- Mẹ ơi mẹ! Mẹ ở lại rón lo tu hành. Mẹ đừng quan tâm tới con!

Nói xong em chấp tay lại niệm Phật trong tư thế ngã người dựa vào mẹ. Niệm Phật được hơn 5 phút thì em thở một hơi dài rồi duỗi tay chân ra tự sửa mình thẳng thớm, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Lúc ấy gần 6 giờ sáng ngày 24 - 3 - 2015, em hưởng dương 17 tuổi. Thấy con mình đã thực sự ra đi mẹ em liền ra phía sau nhà gọi to báo tin cho các chị em của bà hay, phút chốc mọi người lần lượt kéo đến.

Chị của em đi chợ về, mới dựng xe xong, người dì ở trong nhà chạy ra cho hay Đức Lợi mới mất. Cô thất kinh hồn vía, tối tăm mặt mày, đôi chân bủn rủn, không đi được nữa, phải nhờ người dì dìu vào nhà. Vô thẳng nhà sau thấy em mình đang nằm, cô nhào lại ôm chầm lấy thi thể của em mình tay đặt lên trên trái tim em để xem tim còn đập hay không. Mẹ cô đang niệm Phật bèn ngưng lại nói:

- Thôi! Em con mất rồi, con đừng có đè nó nữa!

Kế đó mọi người đưa thi thể của em lên giường và tiếp tục hộ niệm.

Trong khi tâm trí bấn loạn không cam tâm chấp nhận cái cảnh vĩnh biệt, thì chị của em bắt gặp một mùi hương kỳ lạ từ thi thể của em mình phát ra, không giống bất kỳ loại hương thơm nào. Nhờ đó mà thần trí dần dần an định trở lại. Trong gia đình chỉ có mẹ tương đối cứng cỏi hơn cha và chị của em, nên em đã nhờ cha đi mua chôm chôm, đây quả là em đã chủ động cách ly những duyên trở ngại cho việc vãng sanh của mình!

Lễ an táng được tiến hành trong ngày. Khi nhập liệm gương mặt của em hồng hào, sáng đẹp, tươi vui, mùi hương trên thân hầy còn; các khớp xương mềm mại và đỉnh đầu rất nóng.

(Thuật theo lời: Nguyễn Văn Ngon, Lê Thị Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Bích, cha mẹ và chị của em).

LỜI PHỤ

* Bức tranh thứ nhất:

*“Tu cầu gia đạo vuông tròn,
Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền.”*

Chữ “tu” ở đầu câu thứ nhất có nghĩa là tu tạo, là tạo tác. Sự ra công, ra sức nỗ lực... Tu có hai lãnh vực là làm lành và lánh dữ:

1. **Lánh dữ:** bỏ những xấu ác, tà đại của thân khẩu ý (tu sửa).

2. **Làm lành:** tất cả mọi hành động của thân, lời nói của miệng và ý nghĩ trong lòng luôn luôn hướng đến những điều thiện, ích lợi mọi người, lợi ích chúng sanh (tu bổ).

Chữ “cầu” trong câu thứ nhất chỉ cho lòng mong muốn, nguyện vọng, hy vọng, mơ ước...

Bốn chữ “gia đạo vuông tròn” chỉ về lý thể.

Câu thứ hai “Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền”: chỉ về sự tướng.

Hợp bốn chữ “gia đạo vuông tròn” và tám chữ “Chồng hòa vợ thuận, cháu con thảo hiền” lại, chỉ cho thành quả tốt đẹp mỹ mãn trọn vẹn không khiếm khuyết. Đây là niềm vui “thiên luân” theo lý niệm cổ của người Đông phương.

Theo luật nhân quả thì muốn ăn dưa thì phải trồng dưa, muốn dùng đậu thì phải gieo đậu. Mong hưởng quả gì thì phải gieo trồng nhân đó.

* Ý nghĩa đại khái của hai câu trên là: Nếu mình muốn hưởng thọ cái niềm vui “thiên luân” ở lúc tuổi xế chiều, như là gia đình hòa thuận, êm ấm, con cháu hiếu thảo hiền lành, thì chính mình khi còn trẻ khoẻ phải gắng hết sức làm tròn bổn phận và trách nhiệm, nêu gương cho con cháu, người thân trong nhà. Rồi kể đó mới dùng lời lẽ khuyên dạy chỉ dẫn. Nếu không như thế, nghĩa là đối với cha mẹ mình không hiếu kính, phụng dưỡng; đối với vợ chồng con cháu mình vô trách nhiệm... Không tuân

giữ thường đạo (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), không hành thiện tích đức (ngũ giới, thập thiện)... mà mong có được gia đình hòa thuận con cháu ngoan hiền, hiếu hạnh là điều vô cùng phi lý!

Những người Tây phương du lịch sang các nước Á châu họ rất đổi kinh ngạc khi chứng kiến hiện tượng “tam đại đồng đường” hoặc “tứ đại đồng đường”, họ không thể hiểu nổi tại sao ba, bốn thế hệ lại có thể cùng sống chung với nhau một nhà!

Ngày nay ở phương Tây, tỷ lệ người già tự tử ngày một tăng cao, lý do là vì họ bị con cháu bỏ rơi, nên rất buồn khổ khi nằm ở Viện Dưỡng Lão để chờ chết; người Đông phương chúng ta hiện thời chạy theo văn minh vật chất, từ từ vất bỏ thuần phong mỹ tục, luân lý đạo đức lẫn hồi sa sút, tụt dốc đến mức báo động, vô phương cứu chữa...

*“Có nhiều kẻ lớn rồi quên lãng;
Nuôi mẹ cha tính tháng tính ngày.
Lại còn nhiều tiếng đấng cay;
Sao không chết phút sống hoài làm chi!”*

*** Bức tranh thứ hai:**

*“Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền,
Thoát chốn mê đồ đến cảnh tiên”*

“Đắc đạo” là chứng đắc đạo quả. Quả thấp nhất là “Tu-đà-hoàn” (vị bất thối) còn gọi là nhập lưu (vào dòng Thánh); quả vị cao nhất là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, hay còn gọi là “Diệu Giác”, tức là Phật quả.

“Cửu huyền” gọi đủ là “cửu huyền thất tổ”, theo nghĩa hẹp là chỉ chung cho tất cả ông bà tổ tiên cha mẹ nhiều đời.

Hai chữ “mê đồ” nghĩa là con đường mê mờ, tăm tối, lầm lạc, tà vạy.

Chữ “tiên” ở cuối câu thứ hai không có nghĩa hạn hẹp là chỉ cho tiên nhân (chư thiên), mà là danh từ đối lại với chữ “tục” (tiên - tục), như cách dùng trong các cặp từ: thánh - phàm, Bồ Tát - chúng sanh, Phật - ma...

Vậy thì “thoát chốn mê đồ” (ra khỏi nẻo đường tà vạy, lầm lạc) là NHÂN; mà “đến cảnh tiên” (cõi an lạc, tốt lành) là QUẢ.

Bởi vì mức độ mê mờ có cạn có sâu, cho nên cảnh giới an lạc có rộng - hẹp, có tương đối - tuyệt đối, có chưa viên mãn và viên mãn...

Giả như ở trong “phàm thánh đồng cư độ” thì tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) là “mê đồ”; mà quả báo của tam thiện đạo (trời, người, a-tu-la) là “cảnh tiên”.

Nhưng nếu xét nơi “phương tiện hữu dư độ” thì trời, người, a-tu-la là “mê đồ”, mà Tứ thánh pháp giới mới là “cảnh tiên”.

Lại xét nơi “Thật báo trang nghiêm độ” thì Tứ thánh pháp giới là “mê đồ” (vì chưa minh tâm kiến tánh), mà chư Bồ Tát từ Sơ trụ của Viên giáo trở lên mới là “cảnh tiên”.

Sau cùng, nếu xét nơi “Thường tịch quang độ” thì chư Bồ Tát vẫn còn là “mê đồ” mà chỉ có chư Phật quả viên mãn (tức Diệu Giác) mới là “cảnh tiên”!

Tu “đắc đạo” thì có hai cách: một là tự lực, hai là tha lực. Mà trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni đã chọn lựa cho chúng ta: “Thời kỳ chánh pháp giới luật thành tựu” (sau Phật nhập diệt một ngàn năm thứ nhất, người giữ giới đầy đủ sẽ đắc đạo); “Thời kỳ tượng pháp thiên định thành tựu” (một ngàn năm thứ hai sau khi Phật nhập diệt, ai tu đạt được định sẽ đắc đạo); “Thời kỳ mạt pháp Tịnh Độ thành tựu” (sau hai ngàn năm trở đi, người tu nên tu niệm Phật cầu vãng sanh, nếu đầy đủ tín - nguyện chắc chắn sẽ đắc đạo).

“Tự lực” là tự dùng sức của mình tu thẳng đến Diệu Giác (Phật quả viên mãn) thì trước nhất phải đoạn kiến hoặc và tư hoặc, chứng A La Hán, được vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Rồi tiếp tục đoạn trần sa và căn bản vô minh hoặc, chứng quả Sơ Trụ của Viên giáo (hay Sơ Địa của Biệt giáo) tức nhập vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ; rồi phải lần lượt đoạn 41 phẩm tập khí vô minh để phân chứng Pháp Thân... cho đến viên mãn cứu cánh Phật quả sẽ nhập trọn vẹn Thường Tịch Quang Độ. Vì phải trải qua thứ lớp nhất định như đã kể trên nên gọi là thụ xuất (ra khỏi sanh tử luân hồi, chứng quả Phật rốt ráo theo chiều đứng từ dưới thẳng lên trên). Cách tu này rất khó, Cổ Đức dùng hình ảnh con mọt ở trong gốc cây tre ra bên ngoài bằng cách đục từng đốt, từng đốt lên đến tận ngọn rồi mới chui ra ngoài nên rất lâu và rất khó!

Còn “tha lực” là pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh, ngoài sức của chính mình ra còn có lực nhiếp thọ của Đức Phật A-di-đà; mặc dù nghiệp còn mà vẫn được ra khỏi Phàm Thánh Đồng Cư Độ, cõi Ta Bà của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, được sinh sang Phàm Thánh Đồng Cư Độ, cõi Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Cũng giống như con mọt không đục từng đốt lên trên ngọn cây tre để ra ngoài, mà chỉ đục ngang qua đốt tre để chui ra bên ngoài, vì vậy nên rất nhanh và rất dễ. Con đường này là hoành siêu (từ phàm phu còn đầy dẫy hoặc nghiệp mà được thoát khỏi sinh tử luân hồi, thẳng vào Phật quả viên mãn theo chiều ngang), vì không qua thứ lớp đoạn hoặc như tự lực ở trên!

Vả lại, bốn cõi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là “Pháp Tướng Độ” nên có riêng biệt, có ngăn ngại, có chia cách; Còn bốn cõi của Đức Phật A-di-đà là “Pháp Tánh Độ” nên dung thông nhau. Đây là điểm rất đặc biệt hy hữu, bất khả tư nghì. Do đó mười phương chư Phật đều tán thán thế giới Cực Lạc, đồng thời khuyên chúng sanh trong cõi nước mình nên phát nguyện sanh về đó. Cho nên khi vãng sanh là: “nhất sanh nhất thiết sanh”, nghĩa là đã sanh sang cõi Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Đức Phật A-di-đà thì cũng đồng được vào Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Độ. Cho nên vãng sanh tức là thành Phật hay vãng sanh tức là “đắc đạo”.

Vậy thì ý nghĩa hai câu “Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền; Thoát chốn mê đồ đến cảnh tiên”, người tu theo pháp môn Tịnh Độ tạm hiểu đại khái là: răn niệm Phật

vãng sanh Tây Phương, học đạo cho hoàn toàn rồi trở lại cứu độ ông bà cha mẹ cũng như tất cả chúng sanh. Như thế sẽ được vĩnh viễn không còn khổ nạn (mê đồ), tiêu dao nhàn nhã, hưởng quả an lạc trường cửu bất sanh bất diệt (cảnh tiên).

Hai bức tranh mà Đức Lợi làm để lại cho cha mẹ và chị xem, để theo đó mà tu, quả thật rất xác đáng, khế hợp với lời của Cổ Đức: “Dục tu tiên đạo, tiên tu nhân đạo, nhân đạo bất tu, tiên đạo viễn hỹ.” Tạm hiểu là: Chúng ta muốn thành Phật, thành tiên, siêu phàm nhập Thánh, thì trước hết phải tu cho được cái đạo làm người. Bởi vì nhân đạo là gốc rễ, là nền tảng của Phật đạo; nếu như làm một con người tốt trong xã hội làm còn chẳng xong, mà mong đạt đến quả vị tiên Phật là chuyện mộng mị xa vời!

Dù rằng đối với Tịnh Độ Tông vẫn có những trường hợp “sám hối vãng sanh”, tức là có người cả đời tạo ác nghiệp, đến giờ phút lâm chung duyên may gặp được thiện tri thức khai thị, hướng dẫn cho Pháp môn Tịnh độ, người ấy nghe xong bèn chí thành sám hối, liên niệm Phật cũng được vãng sanh, nhưng số người ấy rất hiếm hoi, vẫn là thiểu số do thiện căn quá khứ quá lớn và chín muồi. Cho nên chúng ta đừng nên nuôi cái tâm lý cầu may ấy. Cần phải nỗ lực trong lúc bình thời!

100. BÉ HOA MINH (2005 - 2013, 8 tuổi)

*Sự tu đừng đợi xế chiều,
Mô chôn rất nhiều kẻ tuổi còn xanh!
Mạng người hơi thở mong manh,
Hít vào chẳng được trở thành đời sau!
Khuyên ai gấp gấp mau mau,
Nhất tâm niệm Phật tẩu đào trần mê.
Tây Phương Tịnh Độ quyết về,
Không còn muôn kiếp thảm thê nổi chìm!*

Bé Hoa Minh tên thật là Nguyễn Chung Bảo Ngọc, sinh năm 2005, cha em là Nguyễn Minh Đức, mẹ là Chung Thị Minh Tri, làm việc ở thẩm mỹ viện. Khi em vừa ăn mừng “thôi nôi” thì qua ngày hôm sau người cha thân yêu của em qua đời, do căn bệnh ung thư phổi ác tính đã hoành hành suốt nửa năm liền trước đó. Vài tháng sau mẹ đã đưa em về chung sống với ông bà ngoại tại 311C, Khu vực 4, quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ.

Có lẽ thiện căn nhiều đời sâu dày với Phật Pháp nên em rất thích nghe tụng kinh. Mỗi thời công phu hằng ngày của ông ngoại là tụng kinh Pháp Hoa trên lầu, em thường leo lên rồi đến nằm kề gần đó, im lặng lắng nghe suốt buổi, đến khi ông tụng kinh xong đánh lễ hồi hướng rồi em mới cùng ngoại đi xuống. Ngày nọ, có đứa cháu lối xóm hỏi bà ngoại rằng: “Làm cách nào để khi ngủ mình nằm chiêm bao không gặp ma?” Bà dạy nó trước khi ngủ

nên niệm Phật. Em ở bên cạnh nghe lóm được, bắt đầu từ đó trở đi mỗi tối khi vô mừng ngủ là em niệm Phật lớn tiếng một lúc, đến chừng ngủ luôn.

Lúc vào trường mầm non, một hôm bà ngoại đón em về nhằm lúc trời mưa tầm tã, em khóc, em nói với bà:

- Ngoại ơi! Ngoại kêu cậu Ba đem áo mưa cho mẹ con. Để mẹ con đi làm về mắc mưa lạnh lắm!

Khi thấy cậu Ba cầm áo mưa ra khỏi nhà rồi em mới nín khóc!

Có lần mẹ em đi làm về giữa đường bị hạ cal-xy máu nên ngất xỉu, được người ta đưa vào bệnh viện cấp cứu. Khi bà ngoại ở nhà nhận được tin qua điện thoại thì em òa lên khóc nức nở:

- Mẹ ơi! Con không muốn con là trẻ mồ côi, rán sống với con, mẹ ơi! Mẹ chết rồi con mồ côi con đi lang thang... Con không muốn!

Ông bà ngoại đều trường trai đã lâu. Lúc lên 5 tuổi, ông ngoại dắt em đến chùa Khánh Quang làm lễ quy y Tam Bảo với Hòa Thượng Thích Trí Quảng, được Pháp danh là Hoa Minh.

Em rất ngoan và thông minh, có nhiều đặc điểm khác lạ với những trẻ thông thường, như: người lớn có nói lời nào đó mà không đúng thì bé chỉnh liền, bằng giọng điệu ngây thơ, hồn nhiên, vô tư; ngắm nghĩ một hồi mình mới vỡ lẽ quả đúng là như vậy!

Năm học lớp 1, qua lớp 2, lúc kiểm tra chất lượng em đạt thành tích bốn điểm 10 thì đột nhiên phát bệnh vào đầu tháng 11 năm 2012. Triệu chứng đơn thuần chỉ đau đầu và ọa khan. Gia đình đưa em vào Bệnh Viện Khoa Nhi, rồi vài bác sĩ tư, rồi sang Bệnh Viện Phương Châu... điều trị. Bác sĩ chỗ nào cũng chẩn đoán là rối loạn tiêu hoá, cho uống thuốc thì chỉ giảm bệnh có ba ngày đầu, còn năm ba ngày kế thì không tác dụng. Qua các nơi điều trị cũng có kết quả y như thế, gia đình bèn đưa em ra Sài Gòn.

Lúc đầu đi điều trị bác sĩ tư hai tuần, rồi tiếp theo vào Bệnh Viện Nhi Đồng 1 vài tuần, kết quả cũng vậy. Lần thứ hai trở lại Bệnh Viện Nhi Đồng 1, ông ngoại đề nghị Citi. Bác sĩ không chấp thuận cho rằng em chỉ rối loạn tiêu hoá thôi đâu có gì mà phải chụp citi! Ông nài nỉ riết, bác sĩ đành miễn cưỡng. Citi xong mới phát hiện em có khối u rất lớn ở não thuộc về giai đoạn cuối, bèn chuyển sang Bệnh Viện Chợ Rẫy để phẫu thuật. Phẫu thuật xong về nhà, bác sĩ hẹn ba tuần sau tái khám. Qua ba tuần kết quả cũng y như trước.

Trở lại tái khám bác sĩ liền đề nghị xạ trị, nhưng máy bị hư. Chờ một tuần mà vẫn chưa sửa chữa được, ông ngoại sốt ruột liền chuyển qua Bệnh Viện 115. Xạ trị xong về nhà vài tuần kết quả cũng không thay đổi. Trở lại Bệnh Viện 115, thì bác sĩ cho biết bệnh đã di căn nhiều nơi. Bác sĩ đề nghị xạ não lẫn xạ cột sống. Qua vài ngày phát hiện tứ chi của em bắt đầu bị liệt. Bác sĩ liền yêu cầu phải xử lý bằng biện pháp phẫu thuật hoặc hoá

trị. Gia đình không tán thành bèn xin xuất viện về nhà vào khoảng đầu tháng 4 năm 2013.

Lúc còn nằm viện là em đã đòi ăn chay, mặc đồ vật miến, và nghe máy niệm Phật suốt cả ngày đêm. Khi bà ngoại mua một bộ đồ vật miến đem đến, em mừng lắm, lúc tắm thay bộ đồ khác em không chịu, thế là bà ngoại phải mua thêm một bộ nữa. Các bác sĩ cũng như nhân viên bệnh viện cũng vui lòng chấp thuận cho em tùy ý, khỏi phải mặc đồ của bệnh viện như bao nhiêu bệnh nhân khác. Diện mạo của em lúc nào trông thấy cũng xinh xắn như chú tiểu, rất dễ thương, không có tí xíu gì của dáng vẻ bệnh hoạn hốc hác sầu khổ cả!

Chung phòng có một bé trai đồng trang lứa với em, do cơn đau hành hạ nên khóc lóc om sòm suốt buổi, suốt ngày. Hôm nọ vào buổi tối em mới nói:

- Mình đau thì mình phải biết kiềm chế! Chứ có đau mà phải khóc la hoài vậy!

Mọi người nghe em nói, ai cũng kinh ngạc trố mắt nhìn.

Khi về nhà, tứ chi của em đã bất động. Có lần cô Hai hầm ‘móng chân trâu’ mang qua, em không chịu dùng vì món này là đồ mặn. Bà ngoại mới khuyên:

- Thôi, con rán húp một tí đi cho cô Hai vui, để khỏi phụ cái công cực khổ của cô Hai nấu nướng, và cái công của cô Hai đem từ bên bên qua đây!

Nói một hồi em mới chịu dùng. Khi dùng tới muỗng thứ hai thì em bỗng dừng lẫn lộn dữ dội. Từ đó về sau gia đình không dám cho em ăn đồ mặn nữa!

Về nhà, lúc đầu gia đình còn nài ép em uống thuốc Nam và tập vật lý trị liệu mỗi ngày, được chừng một tháng, thấy chẳng hiệu quả gì cả nên không tập nữa. Sau đó em cũng không chịu chích thuốc và uống thuốc Nam, em nói:

- Thôi, hổng uống thuốc nữa đâu! Uống thuốc chỉ sống một thời gian nữa thôi. Mang cái thân này khổ lắm!

Rồi em đòi uống thuốc Phật, mọi người rất đổi kinh ngạc. Bà ngoại liền hỏi:

- Thuốc Phật là thuốc gì?

Em trả lời:

- Thuốc Phật là Nam Mô A-di-đà Phật!

Ông ngoại nghe xong lấy làm lạ liền tìm đến chùa hỏi xem sự thể thế nào. Duyên may gặp Ban Hộ Niệm của chùa Long An. Sau khi trình bày tường tận sự việc, trao đổi với thầy trưởng đoàn trợ niệm một hồi lâu, ông bèn lên tiếng mời Ban Hộ Niệm giúp đỡ. Ban Hộ Niệm chấp thuận yêu cầu nên cho một số liên hữu đến nhà để trang trí sắp xếp phòng ốc, chỗ nơi tươm tất trang nghiêm.

Dự định ban đầu của Ban Hộ Niệm theo thông lệ thì chỉ cộng tu mỗi tối với bệnh nhân ba ngày mà thôi. Nhưng vì em quá khao khát được cộng tu, vả lại nhận thấy nơi em có nhiều nét đặc biệt khác lạ với rất nhiều

những bệnh nhân trước đó, nên đại chúng đã hoan hỷ cộng tu suốt hai mươi ngày cho đến khi em mất.

Hằng ngày cứ đến 2 giờ chiều là em đòi thay tã, gần tối thì cứ hỏi bà ngoại:

- Người ta đến niệm Phật chưa, vậy ngoại?

Khi cộng tu, thông thường Ban Hộ Niệm chia làm hai, mỗi bên niệm năm câu A-di-đà Phật xen kẽ nhau, riêng em thì cứ niệm liên tục lớn tiếng theo mọi người, với khí thế hết sức phấn chấn tích cực!

Mỗi lần cộng tu Ban Hộ Niệm đều có hướng dẫn em phát nguyện cầu vãng sanh, và thường khai thị sách tấn, động viên em rán cố gắng để không cô phụ tấm lòng kỳ vọng của bao người thân cũng như các liên hữu mỗi ngày đến cộng tu, luôn mong đợi kết quả sao cho em được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc!

Có lần em đang nằm niệm Phật, dì Út đến kê bên thốt vài câu trêu ghẹo, vui đùa với em, em trả lời:

- Dù ai nói ngả nói nghiêng; lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân!

Trước kia, khi còn nằm ở bệnh viện mẹ em đã nhiều lần hỏi:

- Con có sợ chết không?

Em đáp:

- Dạ, không. Chết có gì đâu mà sợ!

Rồi mẹ hỏi tiếp:

- Vậy thì, kiếp sau mẹ với con gặp nhau nữa nghen?

Thì em đồng ý trả lời:

- Dạ!

Đến khi cộng tu được một thời gian, mẹ em hỏi:

- Kiếp sau mẹ với con gặp nhau nữa nghen?

Em đáp:

- Hồng có kiếp sau đâu. Kiếp sau con thành Phật rồi!

Em trả lời bằng điệu bộ chắc ăn và dứt khoát lắm.

Trong suốt thời gian bệnh, chưa hề thấy em khóc hay rên than đau nhức gì hết. Khi nào ngất mình khó chịu thì em chỉ nhờ bóp chân cho bớt mỏi, mà vừa bóp vừa niệm Phật cho em nghe. Em cũng thường nhờ bà ngoại để tấm ảnh Đức Phật A-di-đà trên ngực rồi lấy hai tay của mình đặt lên ôm hình lại để em ngắm nhìn.

Đêm nọ em ngủ mơ thấy một người mặc nguyên bộ đồ màu trắng đến vuốt toàn thân của mình. Sáng dậy em kể lại cho mọi người nghe, và cũng từ đó trở đi em không còn cảm thấy trong người đau nhức như lúc trước nữa!

Khi gần đến ngày mất, em dặn dò:

- Bà ngoại à! Ngoại mua chim phóng sanh giùm cho con...và cho tiền mấy ông bà già đi xin mỗi người 50.000...

- Nữa con mất bà ngoại và mẹ đừng có khóc; nếu bà ngoại và mẹ có khóc thì ra đằng sau. Còn người thân đến thăm con mà khóc thì bà ngoại đuổi về hết giùm con!

Mẹ em hỏi:

- Chừng nữa con mất rồi sẽ chôn con gần mộ của cha con hay là đi thiêu?

Em đáp:

- Dạ! Chuyện đó để cho thầy tính!

Và em còn căn dặn từng người:

- Bà ngoại già rồi, ngoại rán niệm Phật đi đặng bà ngoại thành Phật!

- Cậu Ba ơi! Cậu Ba đừng uống rượu nữa. Cậu Ba đi chùa, cậu Ba quy y đi!

- Dì Hai ơi! Dì đừng có hung dữ nữa nghen!

- Dì Út mua cái đĩa “Nghịch tử” cho đựng Út coi!

Mỗi đêm, bà ngoại giảng cái mừng rất lớn để nhiều người vào ngủ chung với em, bà ngoại và mẹ thường nằm hai bên, còn em thì nằm ở giữa. Hôm nọ, như thường lệ bà ngoại trước khi ngủ dặn em:

- Chừng nào con mỏi thì con kêu ngoại nghen!

Đến chừng giật mình tỉnh giấc, bà thấy em đang dùng hết sức lực để thay đổi tư thế, bèn cất tiếng hỏi:

- Sao con không cho ngoại hay?

- Con thấy ngoại ngủ ngon quá, nên con không muốn phá giấc ngủ của ngoại!

Ngày 23 tháng 4, em nói:

- Tối nay ngoại với mẹ nằm ở dưới đi, con muốn nằm một mình!

Bà ôm em bà hôn, em không cho:

- Ngoại đừng có hôn con nữa!

Bà thấy em hôm nay sao khác lạ hơn mọi khi. Nên hỏi:

- Bộ con hết thương ngoại rồi hả?

Em đáp:

- Dạ, không có! Tại vì con muốn nằm một mình!

Đến 2 giờ chiều ngày 26, em bắt đầu mệt nhiều, em nói:

- Mẹ ơi, con khó chịu quá hà!

Mẹ em liền đến bên cạnh ngồi niệm Phật một hồi thì em khoẻ lại. Thấy em đã khoẻ nên cô bước ra ngoài. Bỗng nghe em tự nói chuyện một mình:

- Đi chỗ khác hết đi để cho tôi niệm Phật, đừng có phá tôi nữa!

Rồi sau đó em cất tiếng niệm Nam Mô A-di-đà Phật. Bởi vì bình thường niệm có bốn chữ, bây giờ nghe em niệm sáu chữ thì ngoại ra dấu cho mẹ em lấy điện thoại quay phim ghi lại. Vì bà rất thương cháu nên hề cháu có hành động gì lạ là hay quay phim để sau này xem lại cho đỡ buồn. Thì thấy em vừa phát nguyện và niệm: Nam Mô A-di-đà Phật ba lần. “Nam Mô A-di-đà Phật, xin Đức Phật A-di-đà cho con được vãng sanh về Tây Phương Cực

Lạc”, ba lần. Rồi niệm Nam Mô A-di-đà Phật bằng giọng ngân nga chậm rãi thêm 14 lần nữa.

Hai giờ sau em bắt đầu mệt lại, hơi thở ngắn dần. Gia đình điện thoại cho cô Diệu Đạo trong Ban Hộ Niệm. Khoảng 6 giờ 20 phút tối, cô cùng ba vị đồng tu đến. Thấy em yếu nhiều, bốn vị cùng với dì Hai của em cất tiếng trợ niệm, bà ngoại và mẹ sợ mình xúc động ảnh hưởng đến sự vãng sanh của em nên ra đứng trước lễ Phật.

Khi mọi người niệm Phật thì em nhép môi niệm theo, mãi đến 6 giờ 45 phút tối, em nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng. Trước khi mất em mở mắt ra mỉm cười rồi nhắm lại, niệm thêm hai câu A-di-đà Phật, A-di-đà Phật rồi mới tắt hơi. Quý cô mừng quá bật cười to lên. Mẹ em lúc đó đang lạy Phật nghe cười lớn, trong lòng lấy làm lạ. Tại sao đang trang nghiêm thanh tịnh bỗng dưng phá lên cười! Hôm ấy nhằm ngày 26 tháng 4 năm 2013, em hưởng dương 8 tuổi.

Qua tám giờ sau, sờ thăm thân thì thấy gương mặt của em hồng hào tươi sáng, mọi khớp xương đều mềm mại, các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn ấm nóng. Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì mãi cho đến ngày hôm sau.

Sau khi hỏa thiêu gia đình đã nhận được 37 viên xá lợi màu trắng trong suốt!

*(Thuật theo lời Chung Văn Ý - Nguyễn KimThanh
-Chung Thị Minh Tri, ông, bà ngoại và mẹ của em.)*

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
LỜI NÓI ĐẦU	7

TẬP 2 - PHẦN 3

51. Bà TRẦN THỊ XUÂN (1914 - 2003, 89 tuổi) và Ông LƯU LUÂN BÁ (1913 - 2012, 99 tuổi).....	13
52. LÂM THÀNH THUẬT (1919 - 1999, 80 tuổi)	24
53. LÂM VĂN MỄ (1934 - 2012, 78 tuổi)	32
55. SƯ CÔ DIỆU CHÁNH (1923 - 2014, 91 tuổi)	40
55. ĐỖ ĐỒNG ĐEN (1986 - 2011, 25 tuổi)	48
56. PHAN THỊ YÊN (1914 - 1995, 81 tuổi)	57
57. NGUYỄN VĂN BỜ (1930 - 2004, 74 tuổi)	68
58. LÊ THỊ MỚI (1935 - 2011, 76 tuổi)	81
59. ĐÀO THANH CHÂU (1919 - 2000, 81 tuổi).....	92
60. LÊ THỊ CÚC (1932 - 1982, 50 tuổi).....	98
61. NGUYỄN VĂN MỸ (1910 - 1991, 81 tuổi)	105
62. THÁI THỊ TIẾM (1939-2009, 70 tuổi)	112
63. NGUYỄN THÀNH LỖN (1932 - 2009, 77 tuổi).....	122
64. VÕ THỊ TÁC (1950 -2015, 65 tuổi)	134
65. NGUYỄN VĂN THỌ (1932 - 2008, 76 tuổi).....	143

66. HUỖNH THỊ NHIỄM (1936 - 2010, 74 tuổi).....	151
67. DƯƠNG VĂN HẠNH (1974 - 2009, 35 tuổi)	157
68. NGUYỄN THỊ TRỊ (1924 - 2004, 80 tuổi)	165
69. NGUYỄN THỊ CHÍN (1926 - 1992, 66 tuổi).....	172
70. CHIÊU VĂN TRIỆU (1918 - 1997, 79 tuổi).....	176
71. LÊ VĂN SÂU (1952 - 1976, 24 tuổi)	182
72. LÊ VĂN VẤN (1945-1973, 27 tuổi)	188
73. NGUYỄN VĂN TUA (1954 - 1984, 30 tuổi)	194
74. NGUYỄN VĂN ÁNH (1908 - 1996, 88 tuổi).....	199
75. HUỖNH NGỌC THỐ (1932 - 2008, 76 tuổi)	206

PHẦN 4

76. NGUYỄN THỊ MẾN (1953 - 1985, 32 tuổi)	213
77. NGUYỄN VĂN NÔ (1935 - 2013, 78 tuổi).....	222
78. NGUYỄN VĂN QUẬN (1969 - 2010, 41 tuổi)	234
79. NGUYỄN THỊ MĂNG (1940 - 2010, 70 tuổi)	240
80. TRẦN VĂN LƯỜNG (1935 - 2008, 73 tuổi).....	248
81. HỒ THỊ TƯỜNG (1928 - 2012, 83 tuổi)	258
82. TRẦN THỊ KIM HOA (1932 - 2014, 82 tuổi).....	267
83. LÊ THANH BÀN (1922 - 2009, 87 tuổi).....	278
84. NGUYỄN VĂN PHỤNG (1917 - 2010, 93 tuổi)	286
85. MAI VĂN TRUNG (1923 - 2007, 84 tuổi)	291
86. NGUYỄN VĂN TIỂU (1926 - 2009, 83 tuổi)	302
87. NGUYỄN THỊ ĐIỀN (1922 - 1999, 77 tuổi).....	308
88. PHẠM VĂN ĐƯỜNG (1947 - 2010, 63 tuổi).....	315

89. NGUYỄN THỊ BA (1951 - 2011, 60 tuổi)	
và NGUYỄN THỊ TƯ (1955 - 2010, 55 tuổi).....	324
90. NGÔ THỊ DÒN (1947 - 2014, 70 tuổi).....	330
91. NGUYỄN VĂN LONG (1935 - 2013, 78 tuổi)	339
92. NGUYỄN VĂN THUYỀN (1931 - 2013, 82 tuổi)	345
93. PHAN THỊ KIỀM (1940 - 2011, 71 tuổi)	352
94. NGUYỄN HỮU PHƯỚC (1908 - 2011, 103 tuổi)	359
95. TRẦN MINH CHÂU (1920 - 1979, 59 tuổi).....	367
96. NGÔ VĂN VINH (1928-2007, 79 tuổi)	376
97. LONG THỊ THE (1929 - 2012, 83 tuổi).....	382
98. BÙI VĂN TY (1920 - 1989, 69 tuổi)	389
99. NGUYỄN ĐỨC LỢI (1998 - 2015, 17 tuổi).....	401
100. BÉ HOA MINH (2005 - 2013, 8 tuổi)	418

**CHUYỆN
VẪNG SANH
TẬP 3**



CHUYỆN VÃNG SANH - TẬP 3
NHÓM LIÊN HỮU MIỀN NAM ĐẤT VIỆT
NGUYỄN MINH TIẾN hiệu đính và giới thiệu

Copyright © 2017 by United Buddhist Publisher (UBP)

ISBN-13: 978-1979285605

ISBN-10: 1979285608

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

NHÓM LIÊN HỮU MIỀN NAM ĐẤT VIỆT
NGUYỄN MINH TIẾN *hiệu đính và giới thiệu*

CHUYỆN VĂNG SANH

TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Những nhân duyên đưa đẩy trong cuộc sống này thường là ít ai trong chúng ta có thể lường trước hoặc giải thích được. Sự gắn bó của tôi với quá trình hình thành các tập chuyện vãng sanh, từ Tập 1 cho đến Tập 3 này, là một trong những nhân duyên như thế. Mặc dù chỉ mới được trực tiếp gặp mặt một vài liên hữu trong nhóm thực hiện một đôi lần, nhưng sự tương liên và đồng cảm dường như đã giúp chúng tôi hiểu nhau nhiều hơn là những gì biểu lộ bên ngoài. Từ lúc nhận lời hiệu đính và giới thiệu cho Tập 1 của Chuyện Vãng Sanh cho đến khi thực hiện hoàn tất Tập 3 này, thông qua những câu chuyện được sưu tập và trình bày, tôi hoàn toàn cảm nhận được tâm nguyện vị tha cũng như ý chí tu tập kiên trì của các liên hữu đã cất công thực hiện công trình này. Không kể đến những hoàn cảnh thuận nghịch trong khi thực hiện vốn là điều không sao tránh khỏi, chỉ xét riêng ở những nỗ lực không mệt mỏi của những người thực hiện trong suốt quá trình thu thập và ghi chép đầy đủ những câu chuyện có thật nằm rải rác trên một địa bàn rộng lớn, cũng đã quá đủ để nói lên tâm nguyện vị tha và kiên định của các vị.

Nói rằng vị tha, là vì những người thực hiện không nhắm đến bất kỳ một mục đích nào khác hơn là mang lại lợi lạc cho người đọc thông qua ý nghĩa khuyến tấn sự tu tập pháp môn Tịnh độ từ những câu chuyện có thật này. Vì mong muốn cho người khác có được lợi ích của sự phát tâm tu tập thông qua việc đọc được những câu chuyện này, nhóm thực hiện đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn để các tập sách đều lần lượt được lưu hành rộng khắp qua nhiều hình thức phổ biến khác nhau, và đến nay thì thật đáng mừng khi Tập 1 và Tập 2 đều

đã được âm thanh hóa để người đọc ngoài việc đọc sách còn có thể tải file MP3 về nghe rất thuận tiện.

Lại nói về sự kiên định, là vì trong quá trình thực hiện không phải lúc nào mọi người cũng nhận được những sự khích lệ, cổ vũ. Không ít người do chưa có đủ tín tâm với pháp môn Tịnh độ, hoặc dựa theo quan điểm hẹp hòi phân biệt của riêng mình đã gián tiếp hoặc trực tiếp chỉ trích việc làm này. Ở mức độ nhẹ nhàng hơn, họ cho rằng việc thu thập như vậy là “quá nhiều” những câu chuyện văng sanh, mà lẽ ra chỉ nên chọn lọc một số ít tiêu biểu mà thôi. Bất chấp những thuận duyên hay nghịch duyên xảy đến, nhóm thực hiện công trình này vẫn kiên trì đi đến mục đích cuối cùng hoàn tất của hôm nay, và đó quả thật là điều rất đáng trân trọng.

Thật ra, theo quan điểm của riêng tôi thì mỗi một pháp môn đều tùy thuộc vào căn cơ của người tiếp nhận và tu tập. Đối với một ai đó, có thể những câu chuyện văng sanh được sưu tập trong cả 3 tập sách này là quá thừa hoặc không cần thiết, nhưng tôi tin chắc rằng vẫn có không ít những người Phật tử khác, với cơ duyên khác, sẽ cảm nhận được nơi đây một nguồn năng lực khích lệ mạnh mẽ có thể giúp họ củng cố sâu vững niềm tin và kiên định hơn, quyết tâm nhiều hơn trong sự tu tập. Và cho dầu trong trăm người chỉ có được một vài người hữu duyên như thế, cũng có thể xem là quá đủ đối với những người đã bỏ công thực hiện công trình này.

Với lòng biết ơn và sự đồng cảm trước tâm nguyện vị tha của những người thực hiện, tôi xin trân trọng giới thiệu bộ sách Chuyện Văng Sanh gồm 3 tập đến với quý độc giả gần xa. Mong rằng những câu chuyện có thật được ghi chép nơi đây sẽ là những tấm gương sống động khích lệ sự tu tập của hết thảy mọi người.

Trân trọng,
NGUYỄN MINH TIẾN

LỜI NÓI ĐẦU

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính thưa chư liên hữu gần xa, Đại Sư Ấn Quang là vị Tổ thứ 13 của Tịnh Độ Tông, chính là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát, Ngài đã từng chỉ dạy:

“...Không luận xuất gia, tại gia, đều phải trên kính dưới hòa, nhẫn điều người không thể nhẫn, làm việc người không thể làm, chịu thay khổ nhọc, thành tựu việc tốt cho người. Lúc tĩnh tọa thường xét lỗi mình, khi nhàn đàm đừng chê kẻ khác. Đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, mặc áo, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng chỉ chuyên nhất một câu niệm Phật, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, không cho gián đoạn. Ngoài niệm Phật ra không khởi niệm khác. Nếu như vọng niệm chợt sinh, ngay đó liền phải dứt trừ. Thường luôn luôn hổ thẹn, sám hối lỗi lầm. Dù có tu trì vẫn thấy mình khiếm khuyết, không được kiêu căng, chỉ xét lỗi mình, không vạch lỗi người, chỉ nhìn cái hay, không tìm điều dở, luôn luôn nghĩ tất cả đều là Bồ Tát, ta chỉ là phàm phu. Nếu y lời này dụng công tu hành, quyết định vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Hãy nên tìm một nơi chân thật tu đạo, giữ tâm khiêm hạ, chết sạch những vọng động, tu trì Tịnh Nghiệp.

Nghĩ không còn sống lâu trong thế gian, cái chết có thể đến trong sớm tối, nào còn dám xen vô chuyện người khác.

Sanh lòng chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành, cung kính trì danh hiệu Phật, nhiếp tai lắng nghe từng câu từng chữ nối với nhau đừng sót câu nào. Thường nghe cả

ngày tiếng niệm Phật của mình thì tâm sẽ thanh tịnh, tâm sẽ quy nhất.

Dầu cho tâm đã tịnh, vọng bị khuấy phục rồi, chớ nên sanh tâm hoan hỷ, tự khoe khoang với người khác.

Gặp bất cứ ai đều khuyên họ niệm Phật, cầu sanh Tây Phương.

Con người ở trong thế gian chẳng thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đều là do vọng niệm gây nên. Ngay trong lúc Niệm Phật, liền nghĩ như chính mình đã chết, chưa được vãng sanh, trong mỗi một niệm đều gác bỏ hết thấy tình niệm thế gian ra ngoài. Trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào để được! Làm thế nào để niệm được như thế? Là vì ta đã chết rồi, hết thấy vọng niệm đều chẳng vướng mắc nữa. Niệm được như thế ắt sẽ có lợi ích lớn lao. Những kẻ tri kiến nhỏ nhoi hiện thời hể hơi có một chút cảnh giới tốt đẹp bèn tự mãn, tự cho là đủ, tưởng mình đã đắc tam muội rồi! Hạng người ấy mười người hết chín người đều bị ma dựa, phát cuồng vì tâm niệm cách ngăn với Phật, phù hợp với ma cho nên thành ra như vậy...”

Những ai chân thật thực hành theo lời dạy này thấy đều đạt được lợi ích chân thật, số người vãng sanh đông nhiều không thể tính đếm nổi!

Trong quá trình sưu tập chuyện vãng sanh, chúng tôi nhận thấy hầu hết những vị vãng sanh đều có đặc điểm chung khá giống nhau, đó là tính tình thiết tha chất phác, khiêm cung nhún nhường!

Cổ Đức dạy rằng, đối với Pháp môn Tịnh Độ có hai hạng người dễ dàng thành tựu, đó là bậc “thượng tri” và kẻ “hạ ngu.” Bậc “thượng tri” tức những người thông Tông thông Giáo, chúng ta không thể học theo được; còn “hạ ngu” chúng ta có thể miễn cưỡng học tập, chỉ cần cái gì ta cũng không

biết, chỉ biết cuộc đời ta đang sống đây đây đầy khổ đau, mạng người mong manh trong hơi thở; chỉ biết danh hiệu Phật A Di Đà là chiếc phao duy nhất đưa ta ra khỏi dòng sanh tử luân hồi. Rồi buông xuống tất cả, chấp nhận mọi thua thiệt mộng mị của kiếp người. Vả lại thua thiệt bất quá cũng chỉ trăm năm là cùng, đời sau ta sẽ nhất định vãng sanh thành Phật!

Tập Chuyện Vãng Sanh tập 3 vừa hoàn tất, chúng tôi xin ra mắt cúng dường khắp tất cả thầy mọi nơi. Việc làm này nếu có chút công đức nào, xin hồi hướng cho mười phương pháp giới chúng sanh, đồng sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo!

Nam Mô A Di Đà Phật!

Miền Tây, ngày rằm tháng bảy năm Đinh Dậu

Nhóm Liên Hữu Miền Nam Đất Việt

01. TRẦN THỊ LỆ

(1954-2013) 59 tuổi

ô Trần Thị Lệ sinh năm 1954, cư ngụ tại ấp Long Phước, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Trần Văn Luông, và cụ bà Hà Thị Nên, cô là chị Hai trong gia đình có bảy người con.

Tính tình của cô rất chân thật, hiền lành, vui vẻ, siêng năng, an nhàn mọi cảnh duyên.

Năm 1971 cô có ghi danh học khóa “Đạo Pháp Khai Tâm” do Giáo Hội tổ chức tại Phú Tân.

Ngày rằm tháng 7 năm 1972 (lúc 18 tuổi) cô phát tâm trường trai, sau đó khuyên cha mẹ bỏ nghề chài lưới, rồi lần hồi cả gia đình đồng ăn chay tu hành.

Năm 1974 cô xin cha mẹ cho phép đi với cô Năm Nở, vừa là bà con thân thích mà cũng vừa là bạn đạo, cùng nhau cất thất gần An Hòa Tự, thuộc huyện Phú Tân để ở tu. Thời gian này cô rất tinh tấn nỗ lực dụng công, ngày đêm 4 thời hành đạo, sau lễ bái cô ngồi niệm Phật khoảng 1 tiếng rưỡi đến 2 tiếng đồng hồ, nhiều lúc công việc bận rộn vẫn không bỏ thời.

Cô cũng thường xem kinh sách nhưng chủ yếu vẫn là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ. Các ngày sóc vọng cô cũng có đến chùa tham gia phần diễn ngâm, bởi giọng đọc của cô tương đối tốt.

Thời gian tu ở đây được 5 năm thì cô về cất thất gần nhà, vừa tu vừa tiện bề lo phụng dưỡng song thân.

Đời sống sinh hoạt của cô rất bình dị, sự ăn mặc giản đơn cần kiệm. Dù rằng phải làm lụng vất vả bằng nhiều nghề, như: làm ruộng, làm rẫy, làm nhang, may mền... để nuôi sống

gia đình, nhưng cô vẫn luôn sẵn sàng tùy phần giúp đỡ mọi người xung quanh về tiền bạc cũng như công sức. Mỗi khi hay tin các em cháu cất thất tu hành cô đều tận tâm ủng hộ hết mình! Tất cả tiền bạc làm ra cô đều chi dụng cho sinh hoạt gia đình, không hề so đo tính toán; lo chăm sóc cha mẹ khi bệnh hoạn cũng như lo cho các em; chưa từng nghĩ đến riêng cho bản thân mình. Có mấy bộ đồ cũ kỹ cứ mặc hoài chẳng để tâm sửa chữa may mới.

Một điểm rất đặc biệt nổi bật là cô phát tâm nuôi bệnh, bất luận thân sơ lạ quen gì, hễ ai có nhu cầu cô liền đáp ứng, mà không nhận một khoản thù lao nào. Cũng cần nên biết, vào những năm sau 75, về phương diện vật chất hầu hết các bệnh viện đều thiếu thốn đủ mọi thứ, ngay cả bệnh nhân còn phải 2 người 1 giường, và người chăm sóc phải thức đêm thức hôm, nên rất vất vả, nếu không có sức khỏe tốt, không có nghị lực cũng như thiện tâm thiện chí, thì khó có thể ở trong bệnh viện xuyên suốt trọn vẹn quá trình từ nhập cho tới xuất viện, vì thời gian trung bình khoảng một hoặc vài tuần lễ. Nhiều năm nuôi bệnh nên hầu hết các bệnh viện lớn ở Sài Gòn đều là chỗ cô tới lui như ăn cơm bữa, bao nhiêu thủ tục giấy tờ nhập xuất viện cô đều thông thạo, thuộc loại chuyên nghiệp lâu năm.

Thuở xưa Cổ Đức đã từng dạy:

*“Thấy ai khổ biết động tình,
Không lần chuỗi hạt cũng thành Phật Tiên.
Khởi tâm lành khó vô biên,
Người nào có được Thần Tiên chẳng phàm.
Rán làm những việc khó làm,
Quý Thần nể mặt thế phàm kiêng oai.
Hứa làm gì chớ để sai,
Nguyện tu thì phải thường ngày lo tu.
...Dẫu đường xa mấy mặc dù,*

Cố đi vạn dặm cũng thu ngắn tâm.
...Tu hành có được nhứt tâm,
Thành công chắc chắn như cầm trong tay.
Tu lâu không kiến Phật đài,
Bỏ tu cửa miệng chẳng hay tu lòng.
Cho ra chỉ có một đồng,
Muốn vào cả vạn tiền công tiền lời.
Mới vừa lạy Phật ban mới,
Kế chiều đó muốn được ngồi Tòa sen.
Ở trần dối trá đã quen,
Khi vào cửa Phật cũng bèn dối luôn,
Thấy đời tu dối thêm buồn,
Gạt người còn muốn gạt luôn Phật Trời.
Người tu người khỏi khổ đời,
Lợi chi cho Phật mà người kể công.
Tu thì phải nhớ thành lòng,
Dối tu thêm tội đừng hòng vãng sanh.
...Gắng công trì niệm đêm thanh,
Đủ đầy tín nguyện tất thành tựu cao.
...Đội khi mưa đổ ào ào,
Mối lo mưa lá bào nhào tẩm thân.
Làm hiền hiền đến bên chân,
Làm hung hung dính sau lưng không rời.
Thích ai người đó đến chơi,
Hung mà muốn được hiền mời khó thay.
Nhân nào quả nấy không sai,
Đừng gây nghiệp dữ phải gây nghiệp lành.
Xưa nay dạy việc tu hành,
Muốn người tránh nghiệp bất lành về sau.
Cũng vì nghiệp ác gây vào,
Chúng sanh cứ mãi chuyên lao trong trần.
Nay không chấm dứt ác nhân,
Sẽ lưu ác báo cho thân mai này.

*Khổ thân chẳng phải phút giây,
Mà là khổ ấy kéo dài vô biên.
Sống trong cảnh khổ triền miên,
Thức thần do đó đảo điên lu mờ.
Chúng sanh lắm kiếp không ngờ,
Trước kia thú vật bây giờ người ta.
Khi người khi thú khi ma,
Đều do nghiệp tạo sanh ra sáu đàng.
...Tây Phương quyết chí nguyện sang,
Chuyên tu Tịnh Nghiệp sen vàng đơm bông.
Nghiệp này ra khỏi trần hồng,
An vui vĩnh viễn thoát vòng trầm luân!"*

Cô thường xuyên tham dự những ngày niệm Phật định kỳ của các đồng tu tổ chức tại tư gia, và cầu nguyện tuần thất cho các thân hữu cũng như bà con hay đồng đạo trong vùng. Ngoài ra cô còn đến phòng thuốc Nam để công quả chặt thuốc, phơi thuốc.

Mãi đến sau này cô cũng đã ghi danh tham dự khóa học do Giáo Hội tổ chức tại địa phương, hăng hái học hỏi Phật Pháp, mà không ngần ngại tuổi đời của mình đang ở mức cao niên!

Những khi rảnh rỗi cô thường xem nghe kinh sách hoặc băng đĩa, nhưng công phu chính yếu vẫn là niệm Phật trong mọi oai nghi, luôn sanh tâm nhằm chán cõi Ta Bà đầy đau khổ này, một lòng nguyện vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, xem đây là hành trang duy nhất của đời mình.

Sự tu hành của cô duy trì âm thầm và đều đặn như thế trải suốt mấy mươi năm trôi qua dường như chưa từng thay đổi.

Đến ngày 29 tháng 11 năm 2012 cô cảm bệnh, hệ thống tiêu hóa rối loạn, bụng sưng to. Em gái Út đề nghị cô nên ra Sài Gòn để khám bệnh, và muốn cùng đi chung với cô, nhưng cô không cho mà chỉ đi một mình. Đến Bệnh Viện Đại Học Y Dược, bác sĩ ở đây chẩn đoán là viêm gan siêu vi B giai đoạn cuối.

Biết chắc chắn rằng mạng sống của mình không thể vượt qua chứng bệnh quái ác này, nên cô về nhà uống thuốc Nam một lòng niệm Phật khẩn thiết chờ vãng sanh. Bệnh ba hồi tăng bốn hồi giảm; bụng phình to rất nhanh, bao nhiêu y phục cũ không còn mặc được; có lúc thì xẹp lép xẹp rất lẹ như người bình thường.

Đến ngày 20 tháng 12 bệnh kịch phát, bụng sưng rất to, môi chuyển sang màu tím, nằm thở, đổ nước hết còn chảy, tình thế rất nguy ngập, sinh mệnh dường như chỉ mảnh treo chuông. Dù cô không muốn đi chữa trị ở đâu hết, chỉ muốn ở nhà chuyên niệm Phật để theo Phật, nhưng thân quyến nóng lòng chủ động quyết định kêu xe chữ thập đỏ, rồi khiêng cô lên, đưa thẳng vào Bệnh Viện Chợ Rẫy. Nằm viện qua 10 ngày sức khỏe tạm ổn bèn xuất viện, rồi từ đó cứ hai hoặc bốn tuần lễ tái khám một lần.

Vài tháng sau bệnh tái phát dữ dội, lại phải nhập viện đợt hai là 13 ngày. Rồi cũng như vậy, bệnh khi tăng khi giảm. Lúc này ai bày chi uống nấy, đủ các loại thuốc Tây - Tàu - Nam - Bắc... lằng xằng, uống để cho mọi người vui chứ riêng bản thân, cô cảm thấy quả thật là không cần thiết phải dùng đến mấy thứ này. Phần bệnh thì vẫn chẳng có gì lui sụt! Sức khỏe cô cạn kiệt dần dần.

Đến ngày mừng 9 tháng giêng năm 2013, bệnh biến chứng sang thận và phổi nên phải nhập viện đợt ba, lượng

dịch rút ra từ phổi tổng cộng là 8 lít. Thời gian nằm điều trị lần này qua 16 ngày thì xuất viện.

Hơn một năm trời bệnh khổ, cô chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, mặc dù ý cô không muốn chữa trị nhưng vì để cho người thân vui lòng nên miễn cưỡng tùy thuận. Cô buông bỏ vạn duyên, khách viếng thăm phần nhiều cô nhờ gia quyến tiếp hộ bên ngoài. Thỉnh thoảng các em thay phiên chăm sóc cho cô, thường hay đem chuyện làm ăn, chuyện thị phi, chuyện phải quấy... đến, cô đều ngăn dứt, đặt yên tịnh lo niệm Phật!

Lúc ra viện lần cuối cùng về nhà chưa bao lâu thì bệnh trở nặng, gia đình liền mời Ban Hộ Niệm đến hộ niệm cho cô, trải qua ba hôm thì cô khỏe lại, vượt qua được cơn nguy hiểm. Thấy cô khỏe lại nhiều nên tạm ngưng trợ niệm, nhưng từ đó sức khỏe của cô tụt dốc nhanh chóng.

Khoảng hơn 3 giờ chiều ngày mùng 9 tháng 3, khi cô Út ngồi xoa bóp tay chân cho cô, cô nói:

- Em rán cực khổ với chị hai ngày nữa đi!... Hai ngày nữa là chị theo Phật!

Cô Út đùa chơi cho vui, nên đề nghị:

- Thôi! Chị hãy rán tới ngày đám giỗ của bà nội luôn đi! Để chừng đó tụi em cúng chung với bà nội một lượt luôn cho gọn!

- Chị chắc phải ra đi trước, chứ không chờ tới lễ giỗ của nội được đâu!

Rồi sau đó cô dặn dò mọi chuyện lại với cô Út, đại khái là:

- Các em ở lại rán lo tu hành!... Nhất là lo chăm sóc cho cha, đừng có cho cha làm lụng gì cả, để cho cha nghỉ ngơi,

rồi khuyên cha cố gắng cúng lạy, chăm lo tưởng niệm Đức Phật A Di Đà,... Cõi Ta bà này là cõi tạm, toàn là khổ đau, đầy sâu thương tang tóc; chỉ có Tây Phương Cực Lạc mới là quê hương chân thật của mình, và an vui vĩnh viễn... Mình tin có cõi Cực Lạc, đồng thời mình niệm Phật và phải phát nguyện cầu sanh về bên đó thì mới được vãng sanh; nếu em niệm Phật mà không phát nguyện vãng sanh khẩn thiết thì cũng không được vãng sanh đâu!... Chị về với Phật A Di Đà rồi, phần của chị thì đã yên ổn, các em còn ở lại cũng phải rán cố gắng!

Hai ngày kế trôi qua mọi sinh hoạt vẫn bình thường. Đến 5 giờ chiều ngày 11, hơi thở của cô bắt đầu yếu dần và dần lên, vì lúc ấy có bệnh nhân mới vừa qua đời nên Ban Hộ Niệm đã bận không tới được, chỉ có thân quyến cùng đồng đạo khoảng một chục người vây quanh trợ niệm cho cô. Niệm đến 8 giờ 15 phút tối cô nhẹ nhàng ra đi, đúng như cô đã báo ở 2 hôm trước, nhằm ngày 11 tháng 3 năm 2013. Cô hưởng dương 59 tuổi

Suốt mấy tháng cuối cùng cô thường nằm nghiêng bên phải để dễ thở, nhưng khi dứt hơi cô tự nằm ngửa lại, tay chân tự duỗi thẳng ra ngay ngắn trang nghiêm.

Cuộc hộ niệm vẫn tiếp tục thêm đến 8 giờ sáng ngày hôm sau mới nhập mạch, thì thấy gương mặt cô hồng hào sáng đẹp, các khớp xương mềm mại, toàn thân lạnh duy chỉ có đầu ấm nóng.

- * Vào lúc 7 giờ tối của ngày tuần thất lần thứ tư, mọi người ngồi nơi bộ ngựa gần bàn vong người được mùi thơm kỳ lạ xuất hiện khoảng 20 phút.
- * Sau cô mất, cô Năm Nở thường thương nhớ đến cô, nhất là nhớ những kỷ niệm tươi đẹp như gắm thêu hoa,

thấm đượm thiết tha biết bao nỗi vui buồn da diết của thuở xưa xa trong thời gian 5 năm sống chung tu một cốc, và những kỷ niệm chứa chan tình nghĩa khi còn nằm ở bệnh viện ngoài Sài Gòn, chúng đã khắc sâu trong tiềm thức khó có thể lu mờ phai nhạt. Cô Hai Lệ đã nhọc nhằn săn sóc cho mình nào là giặt giũ, nào là cơm cháo... mọi thứ, từng tí từng ly. Vài tuần lễ trôi qua, đêm nọ, cô Năm nằm mộng gặp lại cô, cô nói với cô Năm rằng:

- Chị Năm! Em đã được về Phật rồi. Em cho chị hay, đừng chị mừng!

Sáng ra bao nhiêu nỗi niềm buồn thương sầu nhớ đều tiêu tan sạch sẽ, cô Năm định gọi điện thoại chia vui với người bạn tâm đầu ý hợp của mình là cô Bảy Phụng, nhưng chưa kịp nhấn nút thì có cuộc điện thoại gọi đến. Khi mở máy, thì nghe có tiếng nói rằng:

- Chị Năm ơi! Hồi tối này em nằm chiêm bao, em thấy cô Hai Lệ về báo mộng cho em hay, cô nói là cô được về Phật rồi. Nên em báo tin cho chị mừng!
- Ủa! Sao hồi tối chị cũng thấy nữa nè... thấy... y rang như vậy luôn. Chị tính điện qua bên bên cho em hay... mà... chưa kịp thì em đã điện trước rồi!

(Thuật theo lời cô: Trần Thị Liên - em gái Út của cô và cô đồng đạo Năm Nở)

Sau đây là mấy dòng của cô ghi lại lúc còn sinh tiền:

CUỘC ĐỜI TÔI

*Gian nan phải chịu,
Trốn nhủi trốn chui cũng mãi tu hoài.
Vui với người trên giường bệnh khổ đau,
Khi có người bệnh cần tôi chăm sóc.
Vào nằm viện cho đến khi hết bệnh,
An ủi họ vì họ quá đáng thương.
Lòng tôi vui phấn khởi khôn lường,
Để chăm sóc những người nơi bệnh viện.
Được bao năm, giờ tôi lâm trọng bệnh,
Đồng đạo nuôi tôi, tôi nhớ ghi lòng.
Các chị anh đến đây cầu nguyện,
Hộ niệm tôi suốt cả đêm dài.*

*Cuộc đời phát tâm của tôi,
Ngày 15 tháng 7 năm 1972.
Cuộc đời tôi giác ngộ đến nay,
Nghe lời Thầy dạy:
Ta Bà là cõi khổ!
Cực Lạc là chốn an vui!
Nên từ đây lòng tôi đi tu,
Học hỏi nghe lời Thầy dạy.
Hỏi mẹ cha tôi đi tu ở cốc,
Được năm năm rồi trở về nhà,
Lo cho cha mẹ cho đến ngày chung cuộc.
Để hăng hái trên đường về Phật
Tôi đã phát nguyện cầu vãng sanh,*

Về cõi nước của Đức A Di Đà.
Dầu thân này tan xương nát thịt,
Tôi nguyện phải giữ đến nơi.
Tín nguyện hạnh làm thuyền vững chắc,
Vượt trùng khơi trục chỉ Tây Phương.
Giữ một lòng thẳng bước lên đường,
An Dưỡng Quốc là quê hương xứ sở.
Cõi Cực Lạc là niềm vui hớn hỏ,
Về đến nơi để học đạo hoàn toàn.

Tôi nguyện tất cả chúng sanh,
Đồng về cảnh giới an lành Lạc Bang.
Chúc cho đồng đạo vững vàng,
Tiến tu mãi mãi đồng sang Liên Đài.

02. TRẦN THỊ THUẬN

(1950 - 2011) 61 tuổi

Bà Trần Thị Thuận sinh năm 1950, nguyên quán ở xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Trần Văn Câu và cụ bà Dương Thị Nhờ. Bà đứng thứ Ba trong gia đình có bảy người con.

Năm 17 tuổi bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Lịnh, sanh 5 trai 1 gái, cư ngụ tại ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Ông đi làm thuê nuôi sống gia đình, phần bà chỉ lo nội trợ.

Tính tình bà hiền lành, chất phác, ăn mặc đơn giản, chưa hề chưng diện se sua. Đối với thân thuộc và xóm giềng không mất lòng một ai.

Mặc dù thất học, nhưng giọng ngâm nga của bà rất tốt nên thuở bé nhờ người dạy học thuộc lòng một số đoạn thi kệ, rồi thường theo các cô Trần Kim Lợi, Trần Kim Khâu... đi khắp nơi diễn ngâm Phật Pháp.

Bà đến với Tam Bảo qua truyền thống tín ngưỡng của tổ tiên ông bà, nên bà đã ăn chay kỳ mỗi tháng bốn ngày, sớm chiều hai thời lễ bái ở độ tuổi còn ấu thơ.

Bà ưa thích bố thí mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình quá ư khiêm nhường. Do thuộc lòng rất nhiều đoạn thi kệ mà bà thường “Ngâm nga trong lúc thanh nhàn băng khuâng”, hay những khi ru con, ru cháu. Cũng nhờ đó bà đã giác ngộ nỗi khổ của kiếp người nên năm 2001 (lúc 51 tuổi) bà phát tâm trường trai, quyết chí niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, hầu vĩnh viễn chấm dứt dòng sanh tử luân hồi đầy tang thương dâu bể!

Khi ấy, các con đều đã khôn lớn nên người, con trai thì đi làm chốn xa, bà ở nhà trông nom hai đứa cháu nội và hướng dẫn chúng cùng cộng tu. Hai năm sau đó, ông cũng phát tâm trường trai, và theo bạn đạo làm công quả cho các cơ sở từ thiện, vài ba tháng mới về thăm nhà một lần. Mỗi lần về, vừa gặp mặt là bà hay hỏi:

- Đồng đạo đạo này tu hành ra sao rồi ông?

Hôm nọ nghe bà hỏi ông đáp:

- Cỗ này người ta tu đủ lắm, bà ơi!

- Tu đủ lắm... là tu ra sao?

- Tu đủ... là tu nhiều!

- Tu nhiều, là tu thế nào?

- Người ta tu nhiều là người ta tu sáu thời, hoặc tám thời. Mình tu hai, ba thời là ít hơn người ta lắm rồi!

- Tu sáu thời là ra sao? Tám thời là thế nào?

Bà hỏi tới đây, ông giật mình biết mình hơi quá lời, nên ông trầm ngâm một tí, rồi đề nghị:

- Thôi bây giờ, ngoài hai thời thường nhật ra mình thêm thời trưa và thời khuya vào lúc mười một giờ nữa đi, bà ơi!

Thế là từ đó về sau bà hành trì công khóa đều đặn bốn thời mỗi ngày đêm, cứ lễ Phật xong thì ngồi tịnh niệm khoảng ba mươi phút.

Cho nên các bậc Cổ Đức thường khuyến tấn:

*“...Từ người rần trở thành Tiên Phật,
Đừng từ người để rớt thú cầm;
Kỳ thi của cả muôn năm,
Rần leo lên chớ để trằm xuống luôn.
Giống gặp lúc mưa tuôn gieo trúng,
Lạc có sao theo đúng được ra;*

Bỏ sao lạc mãi rừng già,
Bỏ mùa mưa tắt giống nhà khô khan.
Một niệm Phật muôn ngàn duyên đạo,
Một điều lành phước báo trăm thiên;
Muốn cho chín phẩm mau thiên.
Rán thường niệm Phật rán chuyên điều lành.
Niệm Phật có lòng thành Phật độ.
Làm lành không vị ngã phước tăng,
Cho nên có thể nói rằng,
Cũng thời niệm Phật kẻ thắng người trâm.
...Kiếp này rán trần ai dứt khoát,
Cho ngày kia cõi hạc tiêu dao;
Mười phương tự tiện ra vào,
Ta Bà khổ chẳng điều nào trói trăn.
Xưa tội mấy ăn năn sẽ hết,
Nay mê bao quyết diệt sẽ tiêu;
Sớm ma nhưng kế Phật chiêu,
Người thành như vậy có nhiều từ xưa.
...Một đời giác muôn thân thoát khổ,
Nhứt kiếp mê vạn thuở đeo sầu;
Mê không riêng dọa mình đâu,
Mà còn lây tội người bầu quanh mình.
Đã bao kiếp sống tình cảnh ấy,
Kiếp này nên hối cải cuộc đời;
Cho mình biến khổ khỏi rơi,
Cho người cũng khỏi hãm nơi thành sầu.
Tu sớm được nghiệp mau tan được,
Chóng tới nơi nhờ bước đi nhanh;
Mỗi ngày mỗi hẹp đường sanh,
Người mau tìm lối tu hành cho siêu.
Đây còn nhớ lời kêu của Phật,
Trên đường đi trong giấc mộng vàng;
Phật rằng kiếp sống thế gian,

Như là khối tuyết dưới làn thái dương.
Rã là việc tuyết đương chịu lấy,
Chết là điều người phải đeo đai;
Vô thường là kiếp trần ai,
Người mau tu để Liên Đài được lên.
Chư Phật lúc chưa lên ngôi Phật,
Cũng say mê vật chất như đời,
Nhưng nhờ quán chiếu tốt nơi,
Bao nhiêu ô nhiễm trong người đều tan.
Giác ngộ được vào hàng Phật được,
Mê si còn thì kiếp phàm còn,
Kiếp phàm sống khổ sống mòn,
Vào hàng chư Phật được tồn tại luôn.
Đời nhiễm quá khó buông nhứt khắc,
Nhưng cố mài thì sắt nên kim,
Tử thân chẳng để người im,
Con đường giải thoát phải tìm kiếm mau.
...Muốn nhanh ra khỏi trần lao,
Tâm cần chuyên nhất nương vào Tịnh Tông.
Tín sâu nguyện thiết một lòng,
Hong Danh sáu chữ dạ không cách rời.
Đóa sen tỏa chiếu rạng ngời,
Tây Phương Cực Lạc là nơi thanh nhàn.
Phật chờ Phật đợi người sang.”

Năm 2006, có lần ông từ cơ sở từ thiện về đến nhà, bà hỏi:

- Đạo này đồng đạo tu ra sao rồi ông?

- Bây giờ người ta tu giỏi lắm! Vợ chồng người ta cát ái ly gia không có ngủ chung với nhau. Ông Kí Giỏi hỏi Thầy: ‘Ồ trần niệm Phật được không?’ Và đi, đứng, nằm, ngồi mình niệm Phật được không, bạch Thầy? Thầy trả lời: ‘Ồ trần và

đi đứng nằm ngồi, thậm chí đi tiểu đi tiêu gì cũng niệm Phật được, mà có một chỗ niệm không được! Ông Kí Giỏi thưa: ‘Là chỗ nào, bạch Thầy? Thầy đáp: ‘Khi vợ chồng ăn ngủ với nhau niệm không được!’ Ông Kí Giỏi từ đó giữ tịnh giới, chuyên niệm Phật như vậy nên biết trước ngày vãng sanh ba tháng... lặn đó!

Bà liền hỏi:

- Vậy thì bây giờ tui với ông tính sao?

Ông nói:

- Thôi, bây giờ mình noi theo gương ông Kí Giỏi luôn đi!

Bà cùng ngoéo tay với ông, từ đó hai ông bà xem nhau như bạn đạo, luôn sách tấn đốc lòng niệm Phật, quyết chí một đời vãng sanh Tây Phương không còn nổi chìm nơi bể hồng trần đầy khổ đau này nữa!

Mỗi ngày đến giờ công phu chiều và sớm, bà gọi hai đứa cháu nội cùng tu. Bà cũng thường nói với chúng:

- Mình rán tu để nữa Phật A Di Đà rước mình về Cực Lạc, vui dữ lắm,... không có khổ như ở đây đâu!

Khoảng một năm trước khi bà vãng sanh có lần ông nửa đùa, nửa thật nói với bà rằng:

- Con của mình toàn là trai... con dâu thì nó không có nuôi mình rồi. Còn một đứa con gái thì gả ở xa. Bây giờ bà rán Niệm Phật làm sao... nữa bà vãng sanh đừng có đau bệnh gì hết trơn, hết trơn. Chứ... tôi bận phải đi làm từ thiện hoài... tôi không lo chăm sóc cho bà được đâu nghen!

Bà trả lời:

- Ừ!

Từ đó về sau bà chăm chỉ niệm Phật không gián đoạn.

Vì bà quanh năm suốt tháng ở nhà nên có một số đồng tu hỏi ông:

- Từ nào tới giờ chúng tôi chỉ biết anh, chứ chưa biết bà xã của anh! Bà xã của anh tu ra sao?

Ông đáp:

- Thì bà cũng tu bình thường như mình vậy... cũng ăn chay, cúng lạy như mình vậy đó!

Vì nhiều người hỏi như thế, nên ngày 19 tháng 10 ông đề nghị với bà:

- Hôm nay sắp dịp lễ tuần thất anh rể của anh Sáu Màu. Thôi, bà đi với tôi một chuyến cho đồng đạo biết mặt bà, chứ từ nào tới giờ người ta chỉ biết tôi không thôi!

Thế là ông chở bà và đứa cháu nội cùng đi dự đám cúng tuần. Gần 2 giờ chiều, khi về ngang qua thị trấn Giồng Riềng, bà nhờ ông vào chợ mua một chục miếng đậu hủ trắng. Về tới nhà bà ướp gia vị thêm bột, rồi chiên giòn. Ông đi gần nghe thơm phức, liền nói:

- Hai bà cháu bữa nay làm món gì vậy? Cho tôi thử một miếng coi!

Dùng xong, ông tấm tắc khen:

- Chèn ơi! Sao ngon quá mà từ nào tới giờ không thấy bà làm món này ăn, vậy chèn?

Bà đáp:

- Mãi ở nhà không, đâu có đi chợ đâu... mà mua về làm! Bữa nay làm cho ông cháu ăn một bữa!

Kế đó buổi cơm chiều được dọn lên, khi dùng cơm rồi bà đi tắm, ông lúc ấy đang nằm nghỉ trên chiếc võng. Tắm xong bà đến bên cạnh bảo:

- Thôi, mấy ông cháu đi tắm sạch sẽ đi, đừng đi cúng!

Ông nghĩ thầm trong bụng: “Sao hôm nay bà này khó quá ta! Mọi khi đến giờ công phu thì bà chỉ nhắc thôi chứ đâu có buộc mình phải tắm.” Nhưng rồi ông cũng lặng lẽ nghe theo, cùng với cháu nội đi tắm.

Như thường lệ mỗi ngày, bà và hai cháu lễ Phật sám nguyện xong thì ngồi tịnh niệm. Bà ngồi giữa hai cháu ngồi hai bên. Ông lễ bái xong cũng ngồi xuống gần đó. Ngồi niệm Phật chưa bao lâu, người cháu lớn tên Trung (15 tuổi) thấy bà tư thế hơi nghiêng, khác với mọi khi, bèn cất tiếng hỏi:

- Bà có niệm Phật không, vậy nội?

Bà đáp :

- Có! Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật!

Một lát sau Trung cũng hỏi như trước:

- Bà có niệm Phật không, vậy nội?

Bà cũng đáp :

- Có! Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật!

Lần đáp thứ nhì âm thanh nhỏ hơn lần đầu. Ông ngồi bên cạnh trong lòng thấy vô cùng lạ, cả chục năm trôi qua đâu có tình trạng lạ lùng như thế này, nên ông liền xả chân ra, bước xuống, đi tới trước, quan sát thấy bà đang chăm chú nhìn lên ngôi thờ Tam Bảo, đôi mắt có vẻ khác thường nên lên tiếng hỏi:

- Má thằng Hạnh! Bà có niệm Phật không? (vì con trai thứ Hai của ông tên Hạnh)

Bà mỉm cười, đáp:

- Có! Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật!

Rồi nhẹ trút hơi thở sau cùng. Lúc ấy đúng 6 giờ chiều ngày 19 tháng 10 năm 2011. Bà thọ 61 tuổi.

Hộ niệm đến 9 giờ sáng ngày hôm sau mới tiến hành nhập mạch và an táng. Khi làm lễ nhập mạch thì thấy các khớp xương đều mềm mại, gương mặt tươi cười, đặc biệt lạ lùng là toàn thân không chỗ nào lạnh cả mà ấm bình thường như người còn sống, riêng đánh đầu rất nóng. Chư đồng tu ai cũng hoan hỉ tràn ngập niềm vui khi tiễn biệt một bạn sen thực sự an nhân siêu sanh về cõi Phật!

* Vào buổi sáng ngày bà mất, bà có đến nhà em chồng thứ Năm để xin rau nhúc về dùng. Bà nói với người cháu tên Phương rằng:

- Tao ăn với mày bữa nay nữa thôi, là tao nghỉ ăn rồi!
- Bác Hai ăn bao nhiêu thì cứ việc đến hái đem về dùng, chỗ con có nói... gì đâu!

Bà cũng vừa cười vừa lặp lại như lần trước:

- Tao ăn với mày bữa nay nữa thôi, là tao nghỉ ăn rồi!

Cô Phương vẫn chẳng hiểu gì cả, đến chừng bà mất cô mới vỡ lẽ lời đó là lời bà trối trước với cô!

(Thuật theo lời ông: Nguyễn Văn Linh, chồng bà và cháu nội tên Trung)

03. PHẠM VĂN ĐÁNG

(1940 - 2015) 75 tuổi

Ông Phạm Văn Đáng sinh năm 1940, cư ngụ tại: tổ 2, ấp Xẻo Quao, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Thân phụ là cụ ông Phạm Văn Kiểng, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Sấm. Ông là người con thứ Tư trong gia đình có tám anh em.

Năm 28 tuổi ông kết hôn với bà Dương Thị Trang, sanh được 5 trai, 1 gái.

Vì gia cảnh quá ư bần hàn khốn khó, nên ngoài việc canh tác đồng áng ruộng nương ra, ông và các con còn phải đi làm thuê, làm mướn từ nghề biển để duy trì sự sống cho gia đình. Lần hồi ông tự mua máy, mua ghe, tự sắm sửa lưới chài, bến bãi... Nhưng rồi khổ nhọc của kiếp nhân sinh chẳng phải vì thế mà nhẹ gánh hơn trên quãng đường dài, nơi cõi bụi hồng đầy gió bụi!

Tính tình ông thật thà chất phác, siêng năng cần mẫn, ít nói, có tinh thần trách nhiệm. Sự ăn mặc rất đơn giản, không có thị hiếu gì. Ngoài thời gian làm việc thì về nhà nghỉ ngơi chứ chẳng giao du với ai, chẳng cà phê, thuốc lá, rượu bia... Đặc biệt là một khi ông đã làm việc gì thì nhất định phải cố gắng làm cho bằng được, không bao giờ bỏ dang dở giữa chừng!

Trong gia đình, lúc chưa phát tâm tu thì ông hay nóng nảy, gắt gỏng, thỉnh thoảng vợ con trái ý liền lập tức quát tháo; còn đối với lối xóm láng giềng thì ông luôn vui vẻ, hài hòa.

Năm 2008 (lúc này ông 68 tuổi) cơ duyên may mắn chợt đến bất ngờ, được một liên hữu tặng cho vài băng đĩa Phật

Pháp. Khi tham khảo xong, vài tháng sau ông cùng bà phát tâm trường trai niệm Phật tu hành, dứt bỏ nghề biển. Bởi nhận thấy cuộc đời đúng như lời Phật dạy: Là bể dâu: nay tan mai hợp; Là giấc mộng: nào có lâu bền chi đâu!... Rồi đến khi nhắm mắt xuôi tay, chẳng đem theo được gì! Trăm thứ đều bỏ lại; chỉ mang tội phước đi. Cuộc sống xét cho cùng thật là rỗng không vô vị!

Từ đó hai ông bà sống đời sống lạc đạo an bản xả thân tu tỉnh, mọi việc nhà giao phó cho hai vợ chồng người con trai thứ Năm trông coi. Riêng ông rất tinh tấn nỗ lực hành trì, ngày đêm sáu thời lễ niệm, vì e rằng thọ số ngắn ngủi vô thường!

Cũng từ đó tâm tư ông thay đổi 180 độ, buông xả cá tính nguyên tắc và chủ cả, ông hiền từ, ôn hòa hẳn ra... dường như ông là một con người mới thì đúng hơn!

Ông còn nỗ lực tham gia các công tác từ thiện xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ, cất nhà từ thiện, nhất là vận động con cháu sưu tầm thuốc Nam để cung ứng cho các cơ sở từ thiện thuộc địa bàn Phú Tân, An Giang...

Đôi khi đang đi trên đường bắt gặp con vật chết, ông dừng lại lo chôn cất xong rồi mới tiếp tục đi.

Con trai út của ông, từ lâu đã gia nhập môn phái “Lưu Linh”, lắm khi chú say xỉn vài ba ngày mới về nhà. Một hôm nghe đĩa Thập Thiện của sư Giác Thiện mà hai ông bà thường hay nghe, chú liền tỉnh ngộ, vất bỏ thế trần, trường trai tu hiền. Sau đó không bao lâu chú nghe được đĩa “Khuyên Người Niệm Phật”, nên đã phát tâm hành trì pháp môn Tịnh Độ, rồi chú tìm đến các đạo tràng chuyên tu để nương thân lo bề hành đạo.

Thỉnh thoảng chú Út thường mang bằng đĩa, kinh sách về nhà; và còn đưa ông đến các đạo tràng để cộng tu với đại chúng, như chùa Bình Minh tại Phú Tân, hoặc khu thất của các đạo hữu tại huyện Hòn Đất... Mỗi nơi ông ở một vài tháng để học hỏi thêm về kinh nghiệm niệm Phật cầu vãng sanh.

Vài năm sau mấy người con và cháu nội cũng phát tâm trường trai theo ông. Mỗi khi hay tin các con của mình bố thí giúp đỡ cơm áo gạo tiền... cho những người nghèo khổ thì ông rất đổi vui mừng, không ngớt lời tán thán!

Cứ mỗi khuya ông dậy rất sớm (2 giờ rưỡi), sau khi lễ Phật sám nguyện là ông ngồi trì niệm khoảng sáu mươi phút. Xong hai lượt lễ niệm như thế thì trời cũng đã hơn 5 giờ sáng. Kế tiếp ông dùng một ly bột ngũ cốc rồi đi kinh hành theo con đường làng, từ nhà vào cầu Ngã Tư non nửa cây số, rồi quay trở về.

Vì ông chấp tay vừa đi vừa niệm Phật nho nhỏ đủ nghe và vừa xá. Phương thức này trong đạo quen gọi bằng danh từ chuyên môn là đi “kinh hành.” Khi ấy những người đang trên đường bắt gặp hành động của ông như thế họ đều xầm xì với nhau rằng: “Ông đó là ông khùng!” Do vì quá xa lạ đối với họ.

Em gái của bà cũng thường tỏ vẻ:

- Chị phải đi theo canh chừng ảnh... Thấy ảnh bước cà nhẹ, cà nhẹ... Chắc ảnh bị bệnh nặng dữ lắm rồi đó chị ơi!

- Ông đi kinh hành, chớ có bệnh hoạn gì đâu!

Em trai thì cười nhạo với bà rằng:

Chị coi ảnh.. vừa đi vừa xá... Sao giống bệnh thần kinh quá chị à!

Mặc dù bị nhiều người đàm tiếu như thế, ông chẳng mấy quan tâm đến, vẫn duy trì đều đặn phương thức kinh hành này mỗi ngày, ngay cả những sáng sớm mùa đông buốt giá!

Quả là:

“Người cười người nhạo có sao đâu!
Bỉ khinh thế mấy cũng mặc dầu.
Tợ như nước đổ lên đầu vệt,
Hay là đòn khảy khảy tai trâu!
Miệng đời vốn dĩ xưa nay thế,
Chứ có phải nào mới đây đâu?
Nghiep tội bao đời nhờ đó sạch,
Mừng vui khôn xiết có chi sâu!
Muốn được vãng sanh thấy Phật Đà,
Khen chê đừng để bận lòng ta.
Đã biết âm thanh không phải thật,
Vương vấn làm gì cho xót xa!
Ta Bà cõi khổ giờ nên chán,
Cực Lạc đẹp vui ráng sanh qua.
Tác bóng ngàn vàng đừng để luống,
Quyết tâm ắt sẽ ngự Liên Tòa!”

Và:

Gìn chay lạt giới rắn luôn giữ,
Trong lòng luôn niệm chữ A Di;
Mặc cho đời ngạo báng khinh khi,
Học theo Phật từ bi hỷ xả.
Lỗi lầm hối quá,
Hạnh thiện chăm lo.
Cõi Tây Phương An Dưỡng là nơi chốn hẹn hò,
Đừng để Phật đêm ngày ngáng cổ cò ngóng đợi!

Ông thường đem Phật Pháp khuyên bảo các con cháu, cũng như những người lối xóm thân quen về lý nhân quả luân hồi, nhất là ráng niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc. Lâm chung chỉ niệm từ một đến mười niệm cũng được vãng sanh. Nhưng giờ phút đó rất khó! Bởi vì thân thì đau đớn

như con rắn bị lột da, còn tâm thần thì dễ rơi vào hôn mê hoặc cuồng loạn. Thế nên lúc bình thời vô sự cần phải buông bỏ mọi thứ dây sợi lòng thông của thế gian, thành tâm gấp rút niệm Phật cho nhiều, tập luyện cho tinh chuyên, thì kết quả vãng sanh mới có phần bảo đảm. Nếu không thận trọng suy tư chín chắn, tu hành hời hợt e cho phí uổng một kiếp làm người!

Ông thường nghe băng đĩa diễn tả về thế giới Cực Lạc nên cũng hay giới thiệu cho những người thân quen của mình:

- Cõi Cực Lạc không có nắng mưa, giông gió gì cả, an ổn vui vẻ hơn cõi trần gian này lắm!

*“...Cõi Cực Lạc chẳng già chẳng bệnh,
Chẳng tử sanh lo tính ưu phiền.
Nếu ai niệm Phật tinh chuyên,
Lâm chung Phật hiện rước liền đến nơi.
Cõi Cực Lạc đời đời vui vẻ,
Muốn vật chi tức sẽ hiện ra.
Món ăn thức mặc cũng là,
Tùy theo ý muốn hiện ra đủ đầy.
Cõi Cực Lạc có cây thất bảo,
Có lưới rào, bảy lớp lan can.
Gió đưa tiếng Pháp ngân vang.
Người nghe thơi thới lòng càng tiến tinh.
Cõi Cực Lạc chẳng sinh người nữ,
Bình đẳng tâm đối xử ôn hòa.
Nếu ai trì niệm Di Đà,
Thức thân về đến ngự tòa kim cương.
Cõi Cực Lạc không lường số tuổi,
Vẫn trường tồn như Đức Phật Đà.
Xác thân bằng chất Liên Hoa,
Ba hai tướng hảo thật là đẹp xinh....”*

Ông còn mang bằng đĩa kinh sách đến nhà những người thân thích để trao tặng, cùng khuyên nhắc họ tu hành.

Vào giữa tháng 7 năm 2015 (tức là trước khi mất 2 tuần) ông bị cảm sốt, các con đưa đi chích thuốc, vài hôm sau sức khỏe hồi phục bình thường. Trong khoảng thời gian này ông nằm mộng, nghe văng vẳng bên tai có tiếng nói rằng:

- Mày phải chết!

Sáng ra ông thuật lại cho gia quyến nghe, rồi nói:

- Tôi tu cũng dỡ lắm mà! Sao không cho tôi biết ngày giờ vãng sanh?

Rồi ông căn dặn với các con:

- Nữa... nếu như cha có bệnh nặng mà bác sĩ không còn trị được, thì mấy đứa phải đưa cha tới đạo tràng hoặc là am, cốc của các chú, để đồng đạo hộ niệm cho cha!

Vì phương pháp hộ niệm ở tại địa phương ông đang cư ngụ chưa được ai áp dụng.

Ông còn bảo chú Năm:

- Con lo đắp đất khu mộ cho cao ráo! Cô Tám và cô Mười của con không có đất chôn, sau này muốn về đây nằm cũng được. Còn cha khi mất, cha sẽ nằm gần chú Sáu!

Chú Năm vâng dạ, rồi tức tốc làm y theo lời ông dạy, những mong cho ông vui chứ không bao giờ nghĩ rằng ông sắp sửa phải ra đi do thấy sức khỏe của ông vẫn rất tốt, không có một dấu hiệu gì biểu hiện đáng chú ý cả!

Chiều ngày 28 tháng 7, sau khi đi tắm xong, ông ngồi dùng cơm, đang ăn chén thứ hai đang dở bỗng nhiên ông đột quỵ, bà ngồi cạnh bên kịp đỡ, rồi liền đưa thẳng vào Bệnh Viện Đa Khoa Kiên Giang.

Suốt thời gian từ nhà đến bệnh viện ông nôn mửa dữ dội

và liên tục, đồng thời chìm vào hôn mê. Khi chụp Citi (CT) xong bác sĩ gọi người nhà đến cho biết bệnh trạng của ông rất nguy ngập, mạch máu não bị vỡ, lượng máu ra quá nhiều, và đã lan xuống gần mí mắt rồi, nên tính mạng ông trong tình cảnh rất mong manh như chiếc lá úa vàng sắp rồi cành theo làn gió lượn!

Các con ông nhớ lại lời ông dặn, bèn xin xuất viện chuyển đến nhà của một liên hữu ở Thốt Nốt để nhờ hộ niệm. Nếu ông vãng sanh thì thôi; bằng như bệnh trạng qua được cơn nguy cấp thì sẽ chuyển thẳng ra Sài Gòn cũng rất thuận tiện, để tiếp tục điều trị bằng y khoa.

Từ lúc lên xe thì ông mới nằm im trong trạng thái hôn mê, chứ trước đó ông quơ tay bứt các dây truyền dịch, dường như tỏ ý không bằng lòng ở bệnh viện.

Đến nhà bạn đồng tu ở Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, chương trình hộ niệm được tiến hành thay ca luân phiên suốt ngày đêm. Có lần một vị trong Ban Hộ Niệm ngồi bên cạnh khai thị xong, cuối cùng liên hỏi:

- Nãy giờ con nói mà bác có nghe hay không? Nếu có thì bác hãy cử động tay chân hay biểu lộ điều gì đó để cho con biết là bác có nghe được lời của con nói!

Vừa nói dứt lời thì thấy chân của ông nhúc nhích.

Trải qua năm hôm liên trợ niệm, ông trút hơi thở cuối cùng vào lúc 4 giờ chiều trong âm thanh Phật hiệu vang dội của chư đồng đạo, nhằm ngày mừng 4 tháng 8 năm 2015. Ông hưởng thọ 75 tuổi.

Hộ niệm thêm 24 giờ nữa mới đưa nhục thân ông về nhà.

Họ hàng thân thích đang ở nhà đón chờ thi thể của ông đưa về, mà lòng ai cũng ray rút, nóng ran, vừa xót xa rơi lệ, vừa lo lắng buồn tủi thở than... Mọi người định ninh rằng

nhục thân của ông chắc chắn đã sinh thúi rồi, do vì thời gian tắt hơi đã quá lâu!

Lúc về tới nhà là gần 8 giờ tối ngày mừng 5. Con cháu xúm lại niệm Phật thêm một thời gian nữa, đúng 11 giờ 30 khuya mới nhập mạch. Gương mặt của ông hồng hào, tay chân mềm mại như một người đang nằm ngủ. Thực tế lại hoàn toàn trái ngược với những gì họ lo, họ nghĩ, phần đông ai nấy đều kinh ngạc, trầm trồ với nhau:

- Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi mới thấy... như thế này!

Nhất là anh chàng trong ban tản liệm:

- Ủa!... Sao kỳ vậy chèn! Chết đã một ngày một đêm... thêm năm, sáu tiếng đồng hồ nữa... mà sao mềm xèo, vậy chèn!!!

Lễ an táng được cử hành long trọng và viên mãn vào trưa ngày mừng 8 tháng 8, trong niềm hân hoan của gia quyến, xóm giềng và chư đồng đạo.

* Chiều hôm đó, sau khi tháo rạp che phía trước sân, đột nhiên phát hiện cây mai bị khuất trong những tấm cao su bóng dựng nở rộ, rực rỡ sắc vàng, chen chúc với những chiếc lá xanh nguyên vẹn trên cành vào giữa mùa thu! Rồi từ đó từng chùm, từng chùm hoa màu vàng tươi lần lượt nối tiếp theo nhau khoe sắc suốt hơn bốn mươi chín ngày mới dừng lại. Kỳ lạ một điều là ngay những ngày lễ cúng tuần thất của ông, thì nó trở bông nhiều hơn thường nhật!

* Giữa khuya đêm mừng 8, hai cháu trai lo tiếp đám, ngủ lại tại nhà sau của ông đồng ngủi được mùi hương lạ, kéo dài khoảng hơn ba mươi phút. Hiện tượng ấy được

lập lại vào lúc 10 giờ sáng hôm sau, nhưng thời gian ngắn hơn. Hương này rất nồng nặc, mùi thơm của nó không giống bất kỳ loại hoa nào. Ngửi vào cảm nghe nhẹ khỏe thư thái tinh thần!

- * Thuở còn sinh tiền, có đàn chim độ chừng sáu, bảy mươi con ở nhà của ông (vì xứ này vùng nước mặn, đa số cất nhà người ta đều lợp lá nguyên tàu, nên mái nhà rất dày do vậy mà chim thường chui vào ở trong đó), ông rất thích rải gạo cho chúng ăn, đó cũng là niềm vui hằng ngày. Kể từ khi ông qua đời, chim kéo về nhà của ông để ở mỗi lúc một nhiều, nhiều gấp năm, sáu lần trước kia!
- * Các con ông tiến hành mua chim cá phóng sanh liên tục mỗi ngày trong suốt một trăm ngày, và ấn tống kinh sách bằng đĩa Phật Pháp để hồi hướng siêu độ cho ông. Ngoài ra còn lễ Tam Bộ Nhất Bái non Thiên Cẩm Sơn. Lúc tờ mờ sáng, bắt đầu khởi hành từ chân núi, khi lên đến đỉnh thì trời đã tối mịt.
- * Sau khi ông mất trong gia đình chẳng ai nằm chiêm bao gặp ông cả. Chú Năm trong lòng thường lo nghĩ, luôn thầm nguyện cầu xin Ân Trên báo cho điềm gì đó, biết thực sự rằng cha mình có được vãng sanh hay không? Đặng mà cố gắng nỗ lực tu tạo công đức nhiều hơn nữa để hồi hướng cho ông. Bởi vì hồi còn sanh tiền, trong các con, chú là người gần gũi ông nhiều nhất, mỗi đêm chú thường trò chuyện cười nói vui vẻ với ông, và ông cũng hay đem Phật Pháp giảng giải cho chú nghe.

Niềm ưu tư mãi da diết cho đến hơn hai tháng sau, một hôm chú nằm mộng thấy ông hiện về, thân tướng cao lớn, xinh đẹp, quang minh tua tủa, nét mặt rất nghiêm nghị khác biệt hẳn mọi khi, ông bèn dẫn chú bay đi. Lát sau đến một nơi, trước mặt có hai ngọn bảo tháp to rộng nguy nga đồ sộ, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ minh

mông, dường như vật liệu xây dựng làm bằng ngọc cẩm thạch thì phải... Chú không vào bên trong được, chỉ đứng ở đằng xa nhìn vô mà thôi. Chú ngó thấy ông cùng đi với nhiều người đồng trang phục màu vàng kiểu cách giống y như áo tràng mà quý sư thường mặc ở chùa. Quang cảnh trước mắt chú rất trang nghiêm thanh tịnh, cõi trần không thể so sánh... Khi tỉnh giấc, mọi ưu tư lo buồn bao tháng ngày qua dường như tan biến, chú biết chắc chắn rằng cha mình đã siêu sinh cõi Tịnh, nên lòng chú ngập tràn niềm an lạc vô biên!

(Thuật theo lời của Dương Thị Trang, Phạm Văn Long, Phạm Văn Ghi, vợ và các con của ông)

04. NGUYỄN VĂN KHOAN

(1950 - 2009) 59 tuổi

Ông Nguyễn Văn Khoan sinh năm 1950, cư ngụ tại ấp Hiệp Trung, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Chân, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Đức. Ông chỉ có duy nhất một người chị gái thứ Hai.

Năm lên 22 tuổi ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Liễu, sanh được năm trai hai gái. Gia đình ông sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình ông chất phác thật thà, hiền lành, thương người.

Đối nhân xử thế ông luôn hòa nhã, nhẫn nhường, chưa hề mất lòng với mọi người lối xóm láng giềng, nên ai ai cũng kính mến ông.

Ông luôn tận hết trách nhiệm bốn phận làm cha làm chồng. Ông dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày, sáng chiều hai thời lễ nguyện cầu cho quốc thái dân an. Ông dạy dỗ con cháu trong nhà sống đúng theo luân thường đạo lý. Đôi lúc gia cảnh vướng phải những trạng huống khốn đốn, trắc trở, nan giải ông thường ăn chay suốt cả tháng để cầu cho vạn sự được kết tường.

Năm 1997 ông bị rối loạn đường tiêu hoá, thay thầy đổi thuốc lắm phen nhưng không thuyên giảm, các con đưa ông đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, rồi ra Sài Gòn, vào Bệnh Viện Chợ Rẫy. Qua một số xét nghiệm cận lâm sàng, bác sĩ ở

đây chẩn đoán ông bị viêm gan siêu vi B, nằm viện điều trị hơn hai tuần rồi bác sĩ cho thuốc mang về nhà. Vài tháng sau sức khỏe tạm ổn định. Gần một năm trôi qua bệnh tái phát, khi tái phát thì trở vào bệnh viện điều trị. Tình trạng đó cứ lặp đi lặp lại như vậy ròng rã mười năm trời!

Tháng giêng năm 2007 bệnh trở nặng, các con đưa ông vào Bệnh Viện Đại Học Y Dược, sau khi chụp Citi (CT) mới phát hiện lá gan của ông có hai khối u, một lớn, một nhỏ, và các bác sĩ đề nghị với gia đình cần phải nhanh chóng tiến hành giải phẫu cho ông. Người nhà không đồng ý vì xác suất phục hồi sức khỏe quá thấp, dễ xảy ra tử vong, nên chuyển sang dùng Đông dược, bèn đưa ông xuống Trà Vinh. Đến đây ngoài việc điều trị thuốc thang ra vị lương y còn khuyên ông cố gắng tu phước tích đức thêm:

- Bệnh của anh mà muốn sống thì anh phải làm phước, niệm Phật cho thật nhiều!...

Khi về nhà ông y theo lời, những ngày rằm lớn ông thường xay lúa, mang gạo tới những gia đình nghèo để bố thí, và thường đến các chùa cũng như những “đạo tràng tư gia” lân cận quanh vùng để tham dự các buổi niệm Phật định kỳ. Công khóa lễ Phật của ông cũng gia tăng mỗi ngày ba thời, sau mỗi thời lễ nguyện thì ông ngồi niệm Phật khoảng sáu mươi phút.

Lần hồi bệnh thuyên giảm rõ rệt, sức khỏe phục hồi rất khả quan. Sau khi đến bệnh viện chụp Citi (CT), kết quả cho thấy khối u nhỏ đã biến mất, còn khối u lớn thì teo lại vì vậy mà ông hết sức vui vẻ, càng tin tưởng sâu sắc và kiên cố hơn về việc tu tạo phước thiện và công đức trì niệm, lễ bái!

Hơn mười năm trước, khi thấy người con trai thứ Hai phát tâm trường trai tu hành, chẳng những ông không hoan hỷ mà còn tỏ thái độ không hài lòng. Đến giờ phút này ông mới tâm sự với cô em dâu của vợ mình rằng:

- Tới bây giờ tôi mới biết lúc trước là tôi sai đường!

Thỉnh thoảng ông cũng đọc kinh sách và nghe các băng đĩa về pháp môn Tịnh Độ, nhất là quyển ‘Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ’ và quyển ‘Khuyên Người Niệm Phật’ của cư sĩ Diệu Âm. Dường như ông tin tưởng vào công đức của niệm Phật sẽ được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ cuộc sống bình an; chứ còn chuyện niệm Phật để mong cầu vãng sanh, giải thoát sanh tử luân hồi chỉ mơ hồ ẩn hiện trong tâm tư ông mà thôi!

Sau đó bệnh lại tái phát, lần này chẳng những bụng mà cả chân đều sưng to, sự ăn uống kém dần, đến giờ ăn chỉ dùng được hai ba muỗng. Khi xuống Trà Vinh, lương y Tư Phi gặp lại ông thì lương y lắc đầu, nói rằng:

- Bệnh của anh trùng lại lần này chắc khó qua... Nhưng mà tôi cũng ráng hết sức điều trị cho anh!

Chú Hai thường khuyên ông niệm Phật, nhưng thấy ông sợ chết quá, càng khuyên nhiều chừng nào ông càng sợ chết nhiều chừng nấy, do sợ cha mình nổi sân nên chú cũng không dám khuyên nữa. Ở đây uống thuốc được một tháng, bệnh mỗi lúc một trầm trọng hơn. Ông bảo các con đưa về nhà thuốc Thanh Bình ở Bắc Năng Gò, An Giang. Lúc vừa chuyển đến, chú Tư Ngoan khám bệnh xong cũng bó tay, khuyên gia đình nên chở ông về nhà gấp để lo hậu sự kẻo không kịp vì khối u sắp sửa vỡ ra, còn thuốc thì cứ hốt đem về uống cho xổ bớt mà thôi, hôm ấy là ngày mùng 1 tháng 6 năm 2009.

Thấy bệnh trạng của cha chắc chắn khó qua nên chú Hai đã liên hệ mời Ban Hộ Niệm của liên hữu Tư Xã. Ngày kế Ban Hộ Niệm đến, sau khi họp mặt hết tất cả thành viên trong gia đình lại để sinh hoạt một số thể lệ cần thiết của hộ niệm. Cũng như: trong thời gian hộ niệm không nên sát

sanh trong nhà, nếu mọi người ăn chay thì càng tốt; trong khi đang hộ niệm cũng như lúc bệnh nhân qua đời không được khóc lóc, nếu như không đè nén được thì phải ra ngoài; và vài quy chế khác nữa... Các con ông đều phát tâm trường trai để hồi hướng cho cha.

Kế đến chú Tư trưởng đoàn hộ niệm mới đến hỏi ông:

- Chú Ba ơi! Bệnh của chú chắc rằng không thể nào khỏi,... không thể nào sống được. Mà ai trên trần gian này cũng đều phải chết, mà khi chết cũng phải đi theo một trong hai con đường: một là theo quỷ vô thường dấy xuống Diêm Đình; một là theo Đức Phật A Di Đà sanh qua thế giới Cực Lạc. Vậy theo chú, thì chú chọn con đường nào?

- Theo Đức Phật A Di Đà... Dại gì mà mình theo quỷ vô thường!

- Chú muốn theo Đức Phật A Di Đà thì phải có điều kiện!... Mà điều kiện này ai cũng thực hiện được hết!... Đó là chú phải chí thành tha thiết niệm Phật và phát nguyện cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới!

Nếu như ai cố chí làm lành,

Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc.

Mà như chú hiện đang nằm bệnh như vậy thì “cố chí làm lành” là mình phát tâm ăn chay. Kế đó phải “chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc”, tức là mình buông bỏ muôn duyên, không có nhớ nghĩ lo tưởng điều gì nữa cả, mà chỉ nhớ tưởng Đức Phật A Di Đà, nhớ tưởng thế giới Cực Lạc trong lòng mà thôi!...

Qua một hồi lâu nói chuyện với ông xong, Ban Hộ Niệm cùng tất cả con cháu thân tộc cầu nguyện, và ngồi niệm Phật. Sau đó hồi hướng rồi đồng ra về. Cũng trong buổi cộng tu này ông phát nguyện trường trai.

Lúc này ông không còn sợ chết nữa, vì ông hiểu ra rằng ai sống trên cõi đời này rồi cũng phải chết, chết là lẽ tất nhiên của một kiếp người. Điều đó không có gì đáng lo, đáng lo là sau khi chết mình đi về đâu mới là chuyện cần phải chuẩn bị cho chu toàn. Và lại nhờ các liên hữu giới thiệu tường tận về pháp môn Tịnh Độ mỗi đêm nên ông tinh cần, đồng mãnh niệm Phật cầu sớm được vãng sanh, cầu sớm xả bỏ tấm thân đầy khổ đau dơ bẩn này! Như đoạn khai thị sau:

*“...Là Phật tử lòng hằng nhớ Phật,
Như đứa con thất lạc mẹ cha;
Lúc nào cũng nhớ tưởng ra,
Muốn cho sớm gặp mới là ưng tâm.
Là Phật tử âm thầm tưởng Phật,
Không nói ra chẳng phút nào quên;
Mỗi khi ý quấy khởi lên,
Tự mình cảm thấy rất nên thẹn thù.
...Là Phật tử chí thành chí tín,
Câu kệ kinh nhứt định làm theo;
Tấm lòng thành tín như keo,
Được sang không đổi bị nghèo chẳng thay.
Là Phật tử đường dài sức ngựa,
Việc nên hư đều ở tại mình;
Nên là do sức mình tin,
Hư là vì tại lòng mình lãng xao.
...Là Phật tử rán leo tới mé,
Dù từ lâu đã té sông mê;
Nhà xưa cảnh cũ muốn về,
Mau lên bến giác kéo bê trễ kỳ.
Là Phật tử không si mê nữa,
Tánh si mê là lửa thiêu mình;
Mê danh mê lợi mê tình,
Mê nào cũng khiến hồn linh dọa dầy.*

...Là Phật tử thật vì giải thoát,
Giải thoát cho hồn xác hiện nay;
Và còn giải thoát tương lai,
Cho không bị nghiệp đầu thai sáu đường.
Là Phật tử chẳng vương ác nghiệp,
Vì thấy rằng nó rất hiểm nguy;
Nay người có trốn khỏi đi,
Sau này cũng bị nó trì lôi ra.
Là Phật tử thấy Ta Bà khổ,
Không một ai lọt sổ vô thường;
Do nơi nghiệp trước đã vương,
Nên nay chịu kiếp thịt xương tạm trần.
Là Phật tử biết thân trước giả,
Không vì thân tạo quả khổ sau;
Mà là mượn xác trần lao,
Tu cho hết bị sanh vào cõi mê.
Là Phật tử quyết kẻ bến giác,
Bằng cách tu thân xác tại trần;
Phàm thân quyết đổi Phật thân,
Như xưa Đức Thích Ca Tôn đã làm.
Là Phật tử cho kham chí nguyện,
Tất nhiên là toàn thiện đường tu.
Xác phàm mà chẳng phàm phu,
Tây Phương ký hiệu, Diêm Phù rút tên.
Là Phật tử muốn nên đạo cả,
Chịu khó tu chẳng dă trách than.
Sự tu nếu dễ dở dang,
Cứu mình không được, khó toan cứu người.
Là Phật tử biết đời sống ngắn,
Biết Phật môn khó đặt bước vào
Cho nên tu niệm cần lao,
Những điều công đức mau mau lo làm.
Là Phật tử không cam chịu đọa,
Nên mới đành chịu khổ hạnh tu

*Khổ mà được khỏi phàm phu,
Hơn vui mà chịu cảnh tù trần gian.
...Là Phật tử tuồng đời biết rõ,
Biết có ngày phải bỏ xác thân;
Bỏ thân là vật tạm trần,
Dù ai cũng phải một lần chết đi.
Là Phật tử trước khi bỏ xác,
Biết chọn đường Cực Lạc đi ra;
Theo chư Phật chẳng theo ma,
Linh hồn không để đọa sa Diêm Phù...”*

Ban Hộ Niệm cộng tu đến ngày thứ tư thì ông khỏe rất nhiều, nhờ uống thuốc Nam của nhà thuốc Thanh Bình bụng và chân đều xẹp, trở lại bình thường, ông có thể đi lại dễ dàng, vì vậy Ban Hộ Niệm cộng tu được một tuần thì ngưng.

Ông có bảo con may trên áo mình cái túi nhỏ, đặt chiếc máy niệm Phật vào, rồi ông nương theo tiếng niệm Phật của máy mà niệm theo. Được năm bảy ngày trôi qua thấy ông không còn mở máy niệm Phật nữa, chú Hai mới hỏi:

- Sao ba không mở máy niệm Phật nữa, thưa ba?

- Lúc trước mình niệm một mình không nổi mình mới nhờ máy; bây giờ mình niệm một mình được rồi thì đâu cần mở máy làm gì!

Nghe ông trả lời chú Hai vô cùng kinh ngạc, bởi vì chính bản thân mình niệm Phật đã bao nhiêu năm trời rồi mà có đạt đến trình độ này đâu! Còn ông chỉ trong thời gian ngắn ngủi mà lại vượt xa ngàn dặm.

Thấy sức khỏe của cha hồi phục quá nhanh chóng các con của ông rất đổi vui mừng. Chú Hai mới nói với mấy em rằng:

- Ba của mình thấy khỏe... thì khỏe... như vậy, chứ... chắc chắn là... chuyện này ba mình không thể nào qua khỏi. Bệnh của ba không quá một tháng!

Quả đúng như thế, mười một ngày sau là ngày 19 tháng 6 năm 2009, ông bảo các con mời Ban Hộ Niệm đến nhà để cộng tu như lần đầu. Cũng trong ngày hôm ấy (trước khi mất bốn ngày) ông bảo các con cho mời người chị ruột thứ Hai và đứa cháu đến nhà để ông gặp mặt.

Qua ngày hôm kế là ngày 20, ông bảo chú Hai xây kim tĩnh cho mình. Đồng thời bảo các con đóng cửa phòng lại, đón tiếp khách khứa bên ngoài, không cho vào trong thăm hỏi gì hết, để ông chuyên niệm Phật nhiếp tâm hơn!

Ngày 22 (cộng tu đã được 3 đêm) cũng y lệ thường, khoảng 8 giờ tối thì các liên hữu lần lượt ra về. Đến 9 giờ, ông bảo:

- Thôi, mấy đứa con xúm lại hộ niệm cho ba đi!

Các con vây quanh bên chiếc võng ông đang nằm, cùng niệm Phật với ông được một lúc. Tối 10 giờ ông nói:

- Thôi, mấy đứa con khiêng ba lên nhà trên đi!

Do khối u, ông nằm trên giường bị cắn đau nên ông phải nằm trên chiếc võng cả ngày lẫn đêm, mà kéo dài như vậy suốt hai tháng trường.

Khi khiêng nguyên chiếc võng lên nhà trên, đầu ông hướng ra cửa cái, mặt ông nhìn thẳng về ngôi Tam Bảo, miệng nhép môi niệm Phật theo mọi người.

Đến gần 12 giờ thấy đôi mắt của ông lơ lạc, tay chân tự thẳng ra ngay ngắn, chú Hai mới điện thoại cho Ban Hộ Niệm hay:

- Ba em lúc này hai chân lạnh hết rồi, anh Tư ơi!

- Vậy hả! Thế thì anh xuống liền!

Vì hồi chiều chú Tư có hướng dẫn chú Hai một số cách thức theo dõi bệnh nhân giai đoạn sắp sửa ra đi.

Trong lúc đó chú Hai thấy má của mình và cô Hai từ nhà

sau đi ra, vì sợ hai bà xúc động ảnh hưởng đến sự vắng sanh của ông nên chú ngăn lại:

- Ba chưa có sao đâu, cô Hai với má đi vào trong nghỉ đi!

Hai bà nghe theo, lui gót trở vào phòng.

Ban Hộ Niệm lần lượt tấp nập kéo đến, vây quanh bên chiếc võng để trợ niệm, ông cũng nhép môi niệm Phật theo mọi người. Khi kim đồng hồ vừa chỉ 5 giờ, thì hai tay ông đưa lên chắp lại nơi ngực, mười lăm phút sau đôi môi ngừng động đậy, ông trút hơi thở cuối cùng, hai tay cũng từ từ rời ra. Lúc ấy đúng 5 giờ 15 phút sáng ngày 23 tháng 6 năm 2009, ông hưởng dương 59 tuổi.

Qua tám giờ hộ niệm tiếp theo, các liên hữu thăm dò thi thể thì thấy mọi khớp xương đều mềm mại, điểm ấm chỉ còn duy nhất giữa đánh đầu trong khi những vùng khác đều lạnh.

Lúc gần 5 giờ chú Hai đi ra bờ sông để điện thoại gọi mời thêm một số đồng đạo đến hỗ trợ. Khi đã tìm gọi hết những người quen biết xong chú liền quay vào nhà, nhưng không hiểu tại sao, dường như có một mãnh lực nào đó ghì chú lại, trong lòng thì cứ nôn nóng muốn vào nhà để xem tình trạng của ba mình như thế nào, đôi ba phen dự định vào nhà mà không vào được. Đang đứng sớ rớ nơi bờ sông, bỗng chợt chú nhìn lên nóc nhà thấy có quang ánh sáng đục hình cầu vòng phủ trọn ranh đất, đường kính gần hai mươi mét. Trong tâm chú chợt khởi lên nỗi buồn vô hạn, bởi vì xưa nay chú cũng đã có hiểu biết chút ít về lý cảm ứng đạo giao, nên chú nghĩ chắc ba mình đã tái sinh cảnh giới không được tốt lắm. Rồi chú xoay mặt hướng về phía Tây, đột nhiên một luồng ánh sáng màu trắng thật sáng, sáng hơn đèn điện từ phương Tây phóng thẳng đến nóc nhà của mình. Chú tự nghĩ ánh quang

minh của Đức Phật A Di Đà là phải sáng như thế này mới phải, chứ không phải đục đục như hồi nãy được! Đồng thời thấy người em thứ Tư của chú từ trong nhà chạy vọt ra ngoài cửa, chú biết chắc chắn rằng ông đã vừa tắt hơi, do vì mỗi ngày chú thường căn dặn các em rằng khi ba dứt thở nếu ai không dẫn lòng được thì phải chạy ra chỗ khác, nếu không ba sẽ động tâm, bị tình cảm luyến ái trói cột mà mất phần vắng sanh!

Kể từ khi thấy được luồng ánh sáng đó thân tâm của chú trải qua nhiều ngày sau, lúc nào cũng cảm nghe luôn an lạc, phấn chấn, sung mãn hết sức lạ thường!

*(Thuật theo lời: Nguyễn Văn Điệp, con trai thứ
Hai của ông)*

05. LÊ HỮU LÂN

(1940 - 2010) 70 tuổi

Ông Lê Hữu Lân sinh năm 1940, cư ngụ tại số nhà 215, tổ 7, ấp Tràng 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Nhân, thân mẫu là cụ bà Võ Thị Nhịn. Ông là người con thứ Ba trong gia đình có mười anh em.

Năm 16 tuổi ông ra Sài Gòn tìm việc làm kiếm tiền để gửi về nhà phụ giúp cha mẹ nuôi sống gia đình. Ông được người bà con giới thiệu vào làm công nhân cho một xưởng dệt ở tại đường Hậu Giang, quận 6. Thời gian sau đó ông được chủ xưởng dệt tín nhiệm, nên đã tạo điều kiện cho đi học lấy bằng lái xe để chuyển giao hàng khắp các nơi.

Năm 1969 do tai nạn lao động ông bị máy dệt cán lên bàn tay trái nên nghỉ việc ở công xưởng, ông quay trở về quê nhà làm nghề thợ bạc tại thị trấn Thốt Nốt. Nhưng làm nghề này chỉ trong thời gian ngắn thì ông chuyển sang thuê mặt bằng ở tại xóm để bán quán cà phê.

Năm 1973 ông làm tài xế cho đoàn hát Kiên Giang. Do nhân duyên này mà ông kết hôn với bà Khâu Xuân Mai, một nghệ sĩ của đoàn, sinh được hai cô con gái. Hai năm sau ông chuyển sang công tác cho đoàn gánh hát Tây Ninh. Bốn năm kế ông lại đến làm việc cho đoàn hát Cao Văn Lầu.

Năm 1983 ông quay về quê làm việc cho Hợp Tác Xã của xã Trung Nhứt, chuyên thu mua heo để phân phối thịt cho dân cư quanh vùng. Làm ở đây được ba năm thì ông xin nghỉ.

Năm 1988 ông sang làm việc cho ngành Giao Thông Đường Thủy, điều hành vận chuyển ghe tàu tại cầu thị trấn

Thốt Nốt. Lúc này kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên năm 1989 ông mang hết vợ con trở ra Sài Gòn ở nhà cha mẹ vợ để kinh doanh đại lý vé số kiến thiết tại đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 3. Từ đó nghề nghiệp tương đối ổn định ông mua được nhà riêng cũng tại quận 3.

Khi tuổi gần lục tuần, các con học hành và làm ăn thành đạt, ông cảm thấy sức khỏe của mình bất ổn nên quay về quê cất nhà bên cạnh gia đình người em trai thứ Chín, với ý định hưu dưỡng ở độ tuổi xế chiều.

Năm 2001 đột nhiên ông bị bệnh khi đến bệnh viện thì phát hiện là bị ung thư tuyến tiền liệt, thân nhân đưa vào Bệnh Viện Bình Dân giải phẫu. Nằm ở đây hơn hai tuần thì xuất viện. Sức khỏe phục hồi không khả quan chi cho mấy.

Duyên may ông gặp được một vị thầy, mà thuở xưa là giáo sư của trường Thoại Ngọc Hầu, thành phố Long Xuyên. Vị này đã hướng dẫn ông trị bệnh theo phương pháp nhịn ăn. Trải qua gần hai tuần ngưng ăn, sau đó thể lực dần dần trở nên khang kiện.

Năm 2002 thấy ông rất thích khí hậu vùng cao nguyên nên các con đã mua hơn sáu mẫu đất thuộc huyện Di Linh để cho ông lập vườn và an nghỉ nơi đây.

Ông ở trên đó với một người làm công.

Năm 2009 bệnh tái phát, ông phải vào Bệnh Viện Bình Dân để phẫu thuật. Lần mổ này là nội soi chứ không mổ hở như lần đầu. Ông nằm viện được vài tuần thì ra về. Từ đó bệnh trạng tiến triển ngày càng nhanh chóng.

Khoảng ba tháng sau, bệnh lại tái phát. Ông bèn điện thoại về nói chuyện với người em thứ Chín. Nói chuyện một hồi ông kết luận:

- Chiếc xuống này nó hư hết rồi! Chắc anh phải cho nó chìm ở ngoài này quá!

- Ừ! Thôi... thì anh muốn chìm ở đâu... thì cứ cho nó chìm. Ở đâu cũng được mà!

Bởi vì ông xem xác thân của mình cũng giống y như chiếc ghe, chiếc xuống. Khi chiếc ghe, chiếc xuống đã sử dụng trải qua một thời gian khá lâu, thì tức nhiên nó phải hư rã mục nát không còn dùng xài được nữa, đương nhiên nước tràn vào nhiều quá thì phải chìm xuống mà thôi!

Khi bệnh phát tác dữ dội, từ Di Linh ông vào Sài Gòn, các bác sĩ ở Bệnh Viện Bình Dân đành phải bó tay vì đã ở vào giai đoạn cuối. Ông lại chuyển sang Bệnh Viện Y Học Dân Tộc điều trị mười ngày, thấy không thuyên giảm ông bèn xuất viện.

Một hôm ông gọi điện thoại cho chú Chín biết là ý ông muốn trở về quê. Chú Chín bèn ra Sài Gòn cùng đi với con gái của ông lên Di Linh để rước ông về. Lúc này bụng ông sưng to, và ông chỉ nằm một chỗ, mọi sinh hoạt đều nhờ người thân phụ giúp.

Xưa nay tính tình ông rất hiếu thuận, thương yêu lo lắng chăm sóc cho các em về vật chất cũng như tinh thần. Đối xử với mọi người luôn hài hòa, tốt bụng, tận tâm giúp đỡ người thân cũng như bè bạn nhất là về tiền bạc mà không hề xén tiếc, mặc dù ông chẳng giàu có gì lắm! Trải qua mấy mươi năm bon chen vật lộn với cuộc sống để tạo ra cơm áo gạo tiền nhưng đối với lý nhân quả tội phước ông luôn luôn hết lòng tin tưởng. Quả thật trong vô hình đã âm thầm khế hợp với lời dạy:

*“Thiện chẳng phải riêng dành nhà đạo,
Mà thiện ai muốn tạo cũng nên;*

Liên Hoa có thiện được lên,
Dù người ấy chẳng mang tên đạo gì.
Mang tên đạo mà đi làm dữ,
Thua người lành chẳng ở phái chi;
Phật thành do tánh Từ Bi,
Phật không thành ở qui y bề ngoài.
Nên hành thiện dù ai cũng được,
Thật thiện tâm chớ chuốt ngoài môi,
Tấm lòng thiện ấy có rồi,
Thì là sẽ có chỗ ngôi Liên Hoa.
Rán ở thiện dù là nghèo khó,
Nên làm lành dù có nguy nan.
Nghèo hèn hay kẻ giàu sang,
Lành như nhau cả xóm làng đều vui.
Thương người cũng là đường của Phật,
Thương người nhiều là đức có nhiều;
Thương người thì họa sẽ tiêu.
Tình thương không có khó siêu Phật đài.
Thương càng rộng nạn tai càng nhẹ,
Tình thương là mẹ đẻ hòa bình;
Cho nên Phật dạy chúng sinh,
Hãy thương người thể như mình thương thân.
Con người tánh ngã nhân quá lớn,
Sống cho mình hơn sống cho ai;
Đó là bốn chất đời nay,
Vì tình thương giữa nhơn loài mất đi.
Nhơn loại khổ nhiều vì lẽ đó,
Còn khổ thêm nữa chớ giảm đâu.
Ngày nào người biết thương nhau,
Thì ngày đó mới khổ đau hết dần.
...Nếu ai cũng lòng nhân dạ thảo,
Sẽ đời đời hưng bạo ra hiền;
Chỗ nào cũng định cũng yên,

Người nào cũng được có điền có gia.
Cùng ở thảo người ta cùng sống,
Cùng làm hiền dân chúng cùng thương;
Thảo hiền cần phải chủ trương;
Để cho nhân loại có đường an vui.
Xã hội tốt nhờ điều nhân thiện,
Đời nhẹ nhàng do luyện đạo tâm;
Sống vui và chẳng lỗi lầm,
Do làm nhân thiện do cầm lòng tu.
Chớ để lợi danh mù lương thức,
Đừng cho tư tưởng thuốc nhân tình,
Nhơn sinh thì phải hiếu sinh,
Con người thì phải cho mình đạo người.
Không nên nói những lời phi nghĩa,
Không nên làm những lẽ bất nhân;
Đồng bào phải biết tương thân,
Nhân loại phải có tinh thần tương giao.
Lời phi nghĩa khiến nhau đoạn tuyệt
Lẽ bất nhân gây việc thảm sầu;
Nói làm tránh họa về sau,
Ấy là biết xét dài lâu cuộc đời.
Mình có lợi cho người có lợi,
Mình được vui cho mọi người vui;
Tất nhiên hòa được với người,
Sự dầu khó cũng sẽ rồi dễ đi.
Quá riêng lợi chung qui có hại,
Quá riêng vui rốt lại hóa buồn;
Rốt đời thêm rồi khó sông,
Việc hòa trái lại sanh luôn bất hòa.
Liên Hoa Phật phải là tánh Phật,
Tánh phàm không ngồi được tòa sen;
Rõ ràng như trắng với đen,
Mặc dù Phật chẳng sang hèn biệt phân.

*Phật chẳng biệt phân, nhân quả biệt,
Nhân quả không một việc nào sai;
Nếu ai muốn nự Liên đài,
Phải ôm lòng Phật chớ đai lòng phàm.
Bao nhiêu tấm lòng ham tài sắc,
Đổi ra lòng ham Phật Tây Phương;
Thân trần lòng Phật luôn vương,
Thì là cảnh Phật được nương không lằm.
Nhân nào quả nấy tâm nên nhớ,
Muốn tự do thì nợ phải xong;
Giống sanh tử chớ gieo trồng,
Nên trồng những giống ngoài vòng tử sanh.
Đọa một kiếp này thôi chớ nữa,
Vui sống chỉ trong cửa ngục trần;
Phải mau tu để thoát thân,
Dịp lành bỏ mất ngục trần khó ra....”*

Gia đình ông từ lâu đời đã có truyền thống tín ngưỡng Phật giáo, mẹ ông là một Phật tử thuần thành, dùng chay mỗi tháng mười ngày, thường xuyên đến chùa Phước Long. Vả lại các em thứ Bảy, thứ Tám và thứ Mười đều xuất gia tu theo hệ phái Nguyên Thủy. Vì vậy tín hướng về mặt tâm linh ông cũng đang ráo riết chuẩn bị hành trang cho chuyến ra đi cuối cuộc đời mình! Lúc ấy là đầu tháng 2 năm 2010.

Một tuần sau có người bạn lối xóm là ông Út Tấn ghé thăm. Qua một hồi chuyện trò trao đổi, người bạn này đề nghị ông nên quy y Tam Bảo, ông gật đầu đồng ý. Bạn ông liền đến Tịnh Thất Liên Hoa cung thỉnh thượng tọa Minh Nhân và Minh Giác đến nhà làm lễ quy y, ông được pháp danh là Thiện Mẫn. Sau đó hai sư đã khai thị sơ lược về pháp môn Niệm Phật cho ông trước khi từ giã ra về. Kể từ đó ông phát tâm dùng trường trai cho đến ngày mãn phần.

Chiều lại, ông nói với chú Chín:

- Trong gia đình mình, chú Tám với cô Bảy, cô Mười thì tu theo Thiên phái hệ Nam Tông; còn chú với cô Út thì tu Tịnh Độ! Vậy thì bây giờ anh đi con đường nào... anh sẽ tu theo ai đây?

- Theo như em xét thấy: Tu môn Thiên là hoàn toàn tự lực, khó khăn lắm! Thân khỏe tâm an tu mới dễ, khỏe mạnh như em mà em tu còn không nổi, anh bệnh trầm trọng như vậy thì làm sao mà tu cho được? Còn tu pháp môn Tịnh Độ, mình tin vào 48 lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà, cố gắng niệm Phật cầu vãng sanh, thì ngoài tự lực ra còn có lực tiếp dẫn của Đức Từ Phụ A Di Đà, nên tương đối dễ dàng hơn Thiên tông rất nhiều!

Nghe xong ông mỉm cười, rồi gật đầu. Chú Chín nói thêm:

- Vậy thì mỗi ngày em vô niệm Phật với anh nghen!

- Ừ! Em rán tiếp sức cho anh!

Gia đình chú Chín trực tiếp chăm sóc cho ông đầy đủ mọi thứ. Người cháu rể lo phần tắm rửa cho ông. Ông ăn rất ít, các thức ăn đều phải cho vào máy nghiền trước.

Đức Minh con của chú Chín, thường gửi mail sang bên Úc nhờ chú Diệu Âm hướng dẫn về phương pháp hộ niệm, cách thức sám hối, điều giải oán thân trái chủ... nhất nhất đều tuân thủ thực hành.

Gia đình chú Chín theo sự hướng dẫn gián tiếp của cư sĩ Diệu Âm, nên đã sắp xếp lên chương trình hộ niệm cho ông bằng cách là giữ không gian thật yên tĩnh để cho ông tinh chuyên niệm Phật, không cho họ hàng thân thích hay biết rằng ông đang bệnh nặng; còn những người lối xóm lỡ như biết được nài nỉ vào thăm ông, thì chỉ cho hỏi vài ba câu rồi mời họ ra phòng khách.

Mỗi ngày hai buổi sáng tối, lúc 6 giờ chú Chín vào tụng kinh A Di Đà, ông nằm trên giường nường tụng theo. Ngoài ra còn thêm buổi chiều, khoảng 2 hoặc 3 giờ thì chú vào niệm Phật với ông. Trước khi niệm Phật chú hướng dẫn cho ông sám hối:

*“Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần)
Đệ tử tên Lê Hữu Lân, pháp danh Thiện Mẫn.
Con xưa đã tạo bao ác nghiệp,
Đều do vô trí tham sân si.
Từ thân khẩu ý phát sanh ra,
Hết thấy con nay xin sám hối.”*

Đọc cho ông đọc theo, rồi ngồi niệm Phật với ông khoảng ba mươi đến sáu mươi phút. Cuối cùng đọc bài văn phát nguyện:

- “Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần)

Đệ tử tên Lê Hữu Lân, pháp danh Thiện Mẫn. Nay con thành tâm nguyện xả báo thân này để được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Ngưỡng mong Đức Phật từ bi thọ ký.” (3 lần)

Mặt khác, Đức Minh thường xuyên vào phòng, vừa xoa bóp vừa niệm Phật cho ông nghe.

Ngoài ra, những khoảng thời gian trống còn lại thì ông niệm Phật thầm theo máy suốt cả ngày đêm.

Có những lúc cơn đau bứt ngất dữ dội làm cho ông phải nhú mặt nhăn mày, nhưng chưa từng thấy ông rên than hay bực bội, mà ông hoan hỷ trả nghiệp. Có lần cô Bảy nói với ông:

Khi đau nhiều quá, anh nên hướng tâm vào chỗ đau mà

chí thành khẩn thiết niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật... thì nó tan biến ngay!

Từ đó ông y theo, cách thức ấy thực sự thu được lợi ích khả quan.

Mỗi lần trông thấy các em cháu vào phòng cùng niệm Phật với mình, ông vô cùng vui mừng, nổi vui mừng lộ rõ trên khuôn mặt.

Kể từ khi biết được pháp môn Tịnh Độ ông chuyên tâm niệm Phật, rất ít nói chuyện, mọi người trong nhà thấy thế nên cũng tôn trọng thường giữ yên lặng chẳng dám hỏi gì. Mỗi lần cô Bảy, cô Út... hoặc em dâu vào phòng là hay hỏi han này nọ, chẳng liên quan gì tới chuyện niệm Phật vãng sanh hết, như: “Anh có đau nhiều không? Anh có muốn ăn uống gì hay không?...” ông liền nói:

Mấy cô cứ vô đây phỏng vấn tui hoài hà!... Chỉ có chú Chín mới tiếp lực cho tui mà thôi!

Vì những lúc chú Chín vào thì không hỏi gì cả, chỉ một bề lo tụng kinh A Di Đà, sám hối, phát nguyện vãng sanh và niệm Phật cho đến chừng hết giờ công phu rồi đi ra.

Ngày mùng 9 tháng 4, chẳng biết đêm hôm ấy ông nằm chiêm bao thấy điềm gì mà sáng ra ông nhờ người thân mua mấy ký lô gam hành lá, đem giã nát rồi bó vào vùng bụng của ông (nơi sưng to). Bó xong, vài giờ sau ông đi cầu thật nhiều. Bó đến lần thứ ba thì bụng ông xẹp lép trở lại bình thường. Rồi ông gọi điện thoại nói chuyện với chú Tám, chú đang tu ở Thiền Viện Phước Sơn. Đại ý cuộc nói chuyện ấy là lời giã từ trước khi ông ra đi vĩnh viễn.

Chiều ngày 11 tháng 4 năm 2010, lúc 3 giờ ông nhờ chú Chín và cô Bảy dìu ông sang ngồi trên chiếc ghế dựa, rồi bảo lấy dây trói tay chân của ông lại, giống y như trói heo. Độ chừng hơn 20 phút sau ông nhờ tháo dây ra, rồi dìu ông qua

nằm trên giường. Kế đó tiếp tục dùng dây trói tay chân như cũ. Cũng khoảng 20 phút mở dây ra. Cô Bảy bèn hỏi nhỏ:

- Bộ anh trả nghiệp hả?

Ông mỉm cười thay cho lời đáp. Ai cũng lấy làm lạ, nhưng rồi chẳng dám hỏi gì thêm. Vì lúc còn làm việc ở Hợp Tác Xã ông thường đi mua heo để phân phối thịt cho các nơi, mặc dù ông không trực tiếp giết mổ, chỉ lo đi chọn lựa thu mua mà thôi.

Sau đó ông nhờ người nhà mở máy điện thoại để ông nói lời từ giã với chú Tám.

Đến 6 giờ tối thấy ông yếu nhiều, chú Chín đi mời chú Hai Quy đến cùng với gia đình mười mấy người vây quanh hộ niệm cho ông. Mấy ngày trước chú Hai cũng đã có đến niệm Phật với ông rồi, nên lần này chú Hai chỉ nhắc nhở ngắn gọn:

... Bây giờ tui tới đây là tiếp sức niệm Phật với anh!... Anh ráng niệm Phật để cầu vãng sanh về Tây Phương thế giới, nghen anh Ba!

Rồi mọi người đồng niệm Phật với ông, một người cầm chân dung Đức Phật A Di Đà để trước mặt cho ông nhìn.

Niệm đến 10 giờ 50 phút khuya ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Trước khi ra đi ông đưa mắt nhìn mọi người, sau đó nhắm môi rồi mới mất. Nhâm ngày 11 tháng 4 năm 2010, ông thọ 70 tuổi.

Mọi người thay phiên nhau niệm Phật tới 6 giờ 30 phút sáng, thì thấy gương mặt của ông tươi tắn đẹp hơn lúc bình thời, các khớp xương đều mềm mại. Đặc biệt là toàn thân đều lạnh duy chỉ có đầu ấm nóng khá rõ. Chú Chín vui mừng đến đổi hai hàng lệ bất giác tuôn chảy đầm đề. Mọi

người ai cũng vui mừng, có nhiều vị cùng nhau vỗ tay làm kinh động những người hàng xóm nhà bên cạnh, vì thế nên họ sầm sì với nhau:

Bộ ông Ba Lân sống lại hay sao mà cả nhà mừng vui dữ vậy cà!

* Sau khi hỏa táng, lúc đem hài cốt về. Chú Chín mới vừa đặt hũ sành lên bàn thờ, bỗng đâu có bốn, năm con chim se sẻ từ ngoài bay vào đậu trước mặt vừa nhảy vừa hót liên hồi, chú mới cười, nói với chúng:

- Mà cũng vui mừng nữa hả!?

* Bàn thông thiên trước nhà ông có mọc cây sồi, hai cành cây chìa ra hai bên bàn thông thiên. Kể từ khi ông mất có hai con chim lạ không biết là loại chim gì, thân hình nhỏ hơn chim sẻ một chút, đến đậu lên hai cành cây hai bên bàn thông thiên để ngủ. Mỗi sáng thì bay đi, chiều tối lại về. Đặc biệt là mọi người đứng kể sát bên nó, mà nó vẫn không sợ sệt gì cả! Qua 49 ngày thì không thấy chúng về nữa.

* Khoảng một tuần lễ sau ngày ông mất bỗng xuất hiện một mùi hương lạ nơi giường ông nằm, thơm ngát lan tỏa ra xung quanh, ra đến hàng rào sau hè, mỗi chiều thì từ 4, 5 giờ tối 9 giờ tối; còn sáng thì từ 4, 5 giờ tới 7 giờ. Mùi hương không giống với bất kỳ loại hoa nào. Ban đầu mọi người cứ đua nhau đi lục lạo kiếm tìm, nhưng tìm mãi cũng chẳng tìm ra được manh mối gì! Sau 49 ngày hiện tượng này tự nhiên mất hẳn.

*(Thuật theo lời Lê Hữu Đức, Hồ Thị Hai
hai vợ chồng người em thứ Chín của ông)*

06. TRẦN VĂN LỘC

(1921 - 2012) 91 tuổi

Ông Trần Văn Lộc sinh năm 1921, nguyên quán ấp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ông là thứ Tám trong gia đình có 10 anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành (1945) ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Đựng, sanh được 5 người con, 1 trai, 4 gái. Hai ông bà sinh sống bằng nghề làm ruộng, phụ thêm buôn bán nông sản.

Khi phong trào chấn hưng Phật giáo tại các tỉnh miền Nam đang khởi sắc, ông tín hướng Tam Bảo, trở thành người cư sĩ tại gia, sớm chiều hai thời lễ bái, ăn chay mỗi tháng 4 ngày, gia công tu dưỡng đạo đức nhân cách làm người, theo phương châm: “Làm hết các việc từ thiện; Tránh tất cả điều độc ác; Quyết rửa tâm lòng cho trong sạch”, rồi “Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật Quốc.”

Tính tình ông hiền lành chất phác, giàu lòng thương người, thích tu phước tích đức. Thường đem luân lý đạo đức để dạy dỗ cho con cháu, tận tâm giúp đỡ những người xung quanh theo khả năng hiện có, nên ai ai cũng quý mến kính trọng ông.

Năm 1953, do tai nạn giao thông bà bạn đường qua đời, lúc đó cô con gái Út vừa mới lên ba, nên ông phải gánh thêm vai gà trống tần tảo nuôi con. Sáu năm sau ông kế phối với bà Nguyễn Thị Ngo, bà này không sinh nở mụn con nào cả.

Sau năm 1975, ruộng đất của ông rất nhiều phải nhường lại cho các hộ dân nghèo không đất đai để họ canh tác. Do đó ông giác ngộ ra lý ‘vô thường’ qua lời Phật dạy, mọi thứ

trên trần gian này đều mong manh tạm giả, mới có đó bỗng chốc hóa thành không, như bọt nước đầu ghềnh, bèo mây tan hợp; như hoa xinh rực rỡ nở buổi mai, rồi héo úa tàn phai khi hoàng hôn phủ lối. Đúng y lời của Cổ Đức đã nhận định:

Hỡi ôi !

Ta cần nên hiểu:

Cuộc đời như mộng,

Há được lâu dài.

Vất vả tháng ngày,

Nắng mưa dầm dãi,

Đắm say mê mải,

Danh lợi cao xa.

Phú quý vinh hoa,

Cuối cùng trụi lủi.

Tranh đua hơn thua đủ thứ,

Khó tránh hai chữ vô thường.

Khoe khôn khoe khéo mảnh khéo lận lừng,

Rốt cuộc trắng tay vẫn hườn tay trắng.

Tóc đen chưa được bao mùa mưa nắng,

Mà màu lông ngỗng bỗng chốc đầy đầu,

Việc mừng việc vui chẳng mấy khi kéo tới ngõ ngoài,

Mà buồn khổ vào tận nhà trong trăm lần ngàn lượt;

Một bao máu đặc,

Quanh năm ngậm đắng nuốt cay,

Thước sáu thân còm,

Nảy ý tham tiền tiếc của.

Ngày đêm tích góp,

Ra đi đâu đem theo được thứ nào.

Hơi thở ra, đã khó được hít vào,

Nay còn đây, chắc gì mai không chết!

Lửa - củi - điện - ga, khi thiêu trẻ già y hết;

Đồng vắng gò hoang, vùi xác bất kể nghèo giàu!

*Kiếp người gấm lại,
không khác một giấc chiêm bao!
Quang cảnh trăm năm,
đường như chỉ trong giây phút!*

Vì thế năm 1978 (lúc ông 56 tuổi) hai ông bà đồng phát tâm trường trai, quyết chí tu hành, chuyên lo làm các công tác từ thiện xã hội. Vả lại các con lúc này đều lớn khôn yên bề gia thất.

Công việc hằng ngày của ông là sưu tầm thuốc, đem về chặt, phơi khô, rồi mang đến các phòng thuốc Nam quanh vùng. Ông thường xuyên đơn thân độc mã tự làm một mình, có khi ông cộng tác với nhiều bạn đồng chung chí hướng cùng làm, thỉnh thoảng tập hợp nhiều hơn nữa, mở những chuyến sưu tầm thuốc ở núi, ở hòn, ở rừng Trị An - Đồng Nai, tận miền Đông xa xôi... với quy mô lớn, và thời gian kéo dài năm ba tuần lễ.

Mặt khác hai ông bà còn bào chế các loại Đông dược thành phẩm ở tại nhà của mình, hoặc ở nhà của chư đồng đạo để biếu tặng khắp tất cả mọi nơi, mà không nhận bất cứ khoản thù lao nào, như: thuốc rượu bạc hà, thuốc tể tô hiệp, thuốc tán, thuốc hoàn trị nhức mỏi, giải cảm, giải ban, mát gan, tiêu độc.... Đôi khi một vài người lợi dụng lòng tốt này, họ mang thuốc của ông đem bán lấy tiền xài riêng, con ông lên tiếng than thở, ông nói:

- Bây giờ... chuyện mình, mình cứ làm thôi, con ơi! Còn ai làm chuyện gì... tội thì người ta chịu!

Người bạn đồng hành với ông là chiếc xe đạp. Ông trang trí thêm phần phụ phía trước lẫn phía sau để cho xe chuyên chở thuốc được thật nhiều. Ông xông pha mưa nắng, chẳng

nề gian nan khó nhọc, xằng xái làm công việc này, và xem đây là niềm vui trong cuộc sống.

Ban đêm cũng như ngày nghỉ, thì ông đọc kinh sách và chăm chỉ lễ bái niệm Phật. Thuở trước, vì chưa có chuỗi nên ông dùng hạt đậu hoặc hạt bắp cho vào hai cái thau, hễ niệm một câu thì nhặt một hạt từ thau bên này bỏ sang thau bên kia.

Ngoài ra ông cũng thường xuyên nhắc nhở, giảng nói cho con cháu về Phật Pháp, nhất là cách thức làm người. Bên cạnh đó các bạn đạo tập nập ghé thăm trà nước, hằng say nghe ông đàm luận đạo lý, khuyến tấn tu hành.

Sự chân thành chân thật hy sinh phụng hiến của ông bên bỉ trải nhiều tháng năm, nên ông được đại đa số quần chúng tin tưởng và quý kính. Không những người dương mà ngay cả quỷ thần cũng tín nhiệm nể trọng. Số là bạn ông tên là Năm Đua, lần nọ ông Năm nhân dịp ra Sài Gòn, có nhà hảo tâm đóng góp tiền xây thuốc tán để bào chế Đông dược thành phẩm. Khi làm xong còn dư lại 100.000 đồng, ông Năm mới cất trên đầu giường nằm chờ bổ sung cho đợt kế. Nhưng đêm đó có người đến bảo với ông Năm rằng: “...Phải mang tiền giao cho ông Tám Lộc (tức là tên của ông) chớ đừng giữ đó làm chi.” Sáng sớm hôm sau ông Năm lập tức mang tiền vào tận nhà, gửi tận tay ông, đồng thời tường thuật lại giấc mộng mà mình đã vừa mơ thấy.

Công tác từ thiện xã hội cùng sự tu tập hành trì của ông cứ âm thầm đều đặn trôi qua mấy mươi năm như một ngày! Bầu nhiệt huyết vẫn tràn đầy, vẫn bền bỉ. Việc sưu tầm dược liệu cung ứng cho các phòng thuốc Nam cũng đòi hỏi lòng hăng say vui thích lắm mới có thể duy trì được lâu dài, liên tục. Bởi có những loại dược liệu là rễ là củ nằm sâu trong

lòng đất đầy đá sỏi, phải đâm mồ hôi đào xới mới móc moi chúng lên được; có thứ nằm tuốt trên đọt cây cao chót vót, phải đối diện với sâu bọ kiến ong chích đốt là chuyện thường tình; hay có những loại thuốc phải trằm mình lặn hụp dưới kênh mương sông rạch,... phải vượt qua không ít vất vả khó khăn mới thu hái mang về. Khi được liệu mang về, sau khi làm sạch chặt nhỏ phơi khô, nếu trời nắng liên tục thì không nói làm gì, còn lỡ gặp khi những cơn mưa bão kéo dài cực khổ nhọc nhằn phải chất chồng thêm nhọc nhằn khổ cực!

Lúc ông tuổi đã bảy tám mươi, chú Ba lo sợ cha mình tuổi già sức yếu đôi khi ngâm mình dưới kênh rạch nhằm lúc giông gió lỡ chết bất đắc kỳ tử chẳng có ai biết ai hay, nên khuyên cha nên ở nhà tịnh dưỡng. Ông nói:

-Bây giờ ba còn làm được, còn khả năng phục vụ cho đời, lo cho xã hội, con hãy để cho ba tiếp giúp người ta!

Và:

- Nếu ba vì việc nghĩa mà chết, thì cũng hiển vinh. Người đi qua kẻ đi lại vừa chỉ cái mả của ba vừa nói: ‘Nè cái mả này là cái mả của ông kiểm thuốc Nam chết đây nè!’

Thấy không cách nào lay chuyển được lập trường kiên định của cha mình, chú mới lén lấy các dụng cụ: cửa, dao, búa, xẻng... đem vào ruộng nơi chú canh tác để cất giấu. Nhưng chỉ vài ngày sau thấy ông có những cửa, dao, búa... mới khác, vẫn thấy ông tiếp tục công việc kiểm thuốc như xưa.

Chú Ba chưa chịu thua cuộc bèn đem cất chiếc xe đạp của ông, cứ đinh ninh sẽ giữ được chân cha mình ở nhà. Nhưng rồi chú cũng phải bó tay hết cách khi hay ra... ông cụ đã quảy bao đi bộ để sưu tầm thuốc Nam!

Con cháu có cho tiền bao nhiêu, ông dành dụm bố thí hết bấy nhiêu, chưa từng thấy ông ăn xài, dùng riêng cho mình.

Đúng như lời Cổ Đức khai thị:

“Nên thường bữa âm thầm tưởng Phật,
Rán ngày đêm tu tập tánh lành;
Chọn nghề sống thiện sống thanh,
Chớ nên sống ác sống tanh con người.
Các việc phúc lợi đời rán tạo
Những điều không ngay thảo chớ làm;
Làm người nhân đạo cho kham,
Tu hay là chẳng phải hàng nhà tu.
Sống có nghĩa mặc dù sống khổ,
Ở có nhân tuy ở loạn thời;
Nghĩa nhân chẳng xấu cho đời,
Nghĩa nhân chỉ tốt cho người mà thôi.
Làm một việc, một lời ân đức,
Hơn ngàn ngày kinh Phật tụng suông;
Thấy người khổ, động lòng thương,
Đức cao hơn kẻ niệm suông Di Đà.
Phước do bố thí ra mà có,
Đức do lòng cứu độ mà sanh;
Ngôi Tiên quả Phật được thành,
Do điều bố thí, do tình độ dân.
Muốn Tiên Phật điều nhân không muốn,
Muốn bao nhiêu cũng luống công phu;
Tuy người không phải nhà tu,
Mà nhiều nhân đức được bù Phật Tiên.
Liên Hoa cũng nối liền tình ấy,
Ai là người muốn thấy Liên Hoa;
Rán tu cứu giúp người ta,
Cứu người giúp kẻ rộng là mau nên.
Ngôi Tiên Phật muốn lên sớm được,
Mau giúp người việc phước việc nhân;
Độ phạm mới khỏi phạm thân,
Bỏ đường về Phật là nhân đường phạm.
Người chẳng giúp chỉ ham cúng Phật,

*Ấy khác nào bỏ gốc, vun hoa;
Phật còn lo độ người ta,
Hướng mình theo Phật chẳng ra giúp đời.
...Giúp nhau biết tỉnh hồi trần mộng,
Giúp nhau qua khỏi cổng Diêm Vương;
Giúp nhau về Phật biết đường,
Giúp nhau nhẹ kiếp vô thường từ đây.
...Muốn thoát kiếp vô thường thống khổ,
Nên do đường Tịnh Độ mà đi;
Nam Mô Đà Phật A Di,
Bao nhiêu công việc từ bi rán làm.”*

Đến năm 2006 (85 tuổi) ông mới chịu nghỉ ngơi. Hằng ngày sau hai thời công khóa lễ nguyện thì ông nằm ngã lưng trên chiếc võng lần chuỗi niệm Phật.

Những lúc rảnh rỗi ông đọc kinh kệ hoặc nói đạo lý cho con cháu, hay đồng đạo nghe. Đạo lý mà ông giảng giải chủ yếu là “Đạo Làm Người.” Nhiều người ưa thích nghe ông nói chuyện nên thường thường trong nhà ông chẳng mấy khi vắng bóng khách vắng lai.

Ông thường dạy:

- Anh em hãy nên hòa thuận cho cha mẹ vui lòng. Con cháu phải nên hiếu thảo. Phải ráng lo làm lành niệm Phật, nếu ăn chay được thì càng tốt!

...Đời này là biển khổ, chỉ có tu hành mới được giải thoát, chỉ có tu hành mới thoát khổ. Chỉ có làm lành niệm Phật mới thoát khổ!

Biết đời là khổ, rán lo tu hành, sau này mình được về nơi cảnh giới an lành sẽ hạnh phúc hơn. Bởi vì con người của mình giống như một ngọn đèn, mà ngọn đèn đó dầu đã khô

cạn và tim đã tàn lụn, không biết nó sẽ tắt lúc nào. Cho nên hãy ráng mà niệm Phật đặng về cảnh giới an lành để không còn khổ đau nữa:

*Cõi Tịnh Độ lắm điều thanh nhã,
Khổ buồn rầu lo sợ chẳng còn.
Chốn Ta Bà tim lụn dầu mòn,
Thân tứ đại của người cũng thế.
Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ,
Đến tội rồi mới hối muộn màng.
Chỉ cho bằng ta sớm lo toan,
Gìn giới luật nghe Kinh trọng Phật.
Đến lâm chung quả lành đâu mất,
Cõi Tây Phương chư Phật đợi chờ.*

Ông cũng hay ngâm nga mấy câu thi kệ của quý sư mà ông tâm đắc:

*Chuỗi tràng từng hạt lần tay,
Thương cho nhân thế còn say luân hồi.
(Ngắm mây trắng quán lưng đồi,
Xót xa bao kẻ hụp trời sông mê!)*

Và ông cũng từng khuyên con cháu:

- Mình ráng lo tu hành, nếu chân thật tu thì đi đâu ở đâu mình cũng cảm nghe hạnh phúc lắm: “Người tu như thể bá tòng; Ai ai cũng quý cũng trông cũng nhìn.”

Đối với lý nhân quả ông tin tưởng rất kiên cố, thường kể chuyện tích chứng minh cho con cháu nghe, đôi ba phen căn dặn: ‘lỡ như sau này ông có bệnh nặng thế nào, thì các con cháu cũng phải hoàn thành tâm nguyện trường trai giới sát của mình’, đừng vì thương ông bằng tình thương mê muội nghe theo lời thầy thuốc xúi biểu đồ đồ mẶn cho ông. Bởi vì

nghiệp lực khi chín muồi rồi thì cho dù có Thần Y Hoa Đà tái thế, hay “linh đơn diệu dược” gì thì cũng vô dụng mà thôi!

Thường khi nói chuyện với mọi người, lúc ngưng câu nói môi ông vẫn hay lép nhép. Có lần cháu ông mới hỏi thím Ba:

- Mẹ ơi! Sao ông nội làm cái gì thấy hơi khác lạ vậy mẹ?

Bà đáp:

- Con đi hỏi nội của con, thử coi!

Khi hỏi ông, ông trả lời:

- Vừa nói dứt câu thì nội niệm Phật đó, con ơi!

Sinh - trụ - dị - diệt hay Sinh - già - bệnh - chết là quy luật tự nhiên của tạo hóa, vạn vật luôn luôn biến đổi không ngừng, cứ tuần hoàn như bánh xe xoay tròn hết lên rồi xuống. Thân xác của ông cũng không ngoại lệ theo tác bóng thời gian mà mòn suy tàn tạ.

Đầu năm 2011, có lần thấy ông huyết áp hơi cao gia đình bèn đưa ông vào bệnh viện ở thành phố Long Xuyên, nằm được vài ngày thì xuất viện ra về. Khi nằm ở đây, các bệnh nhân cùng người nuôi bệnh thường bu quanh để nghe ông nói chuyện, kể chuyện về nhân quả, về đạo đức tu hiền. Thấy ông nói chuyện suốt nên chú Ba lo ngại ảnh hưởng đến sức khỏe; nhưng ông thì hăng say đàm luận, dường như càng nói càng khỏe ra giống người chẳng có bệnh hoạn gì cả!

Khoảng cuối tháng 2 năm 2012 thể lực ông yếu dần, lưng hay đau nhưng không nhiều lắm, thỉnh thoảng xuất hiện những cơn sốt bất chợt tới lui.

Cũng từ đó chú Ba đặt bàn cầu nguyện và hộ niệm liên tục cho ông, lực lượng chính yếu vẫn là con cháu trong nhà, vì bệnh trạng của ông chưa thấy dấu hiệu gì là nguy ngập.

Tuy nhiên, khi ấy đồng đạo hay tin thì kéo đến tham dự mỗi ngày một đông.

Sáng ngày 11 tháng 5, ông vẫn ăn được một ít cháo, bên cạnh có vài đứa cháu ngồi niệm Phật với ông. Vì nhà đang gói bánh nhân dịp cúng lễ giỗ nên phần đông tập trung ở nhà sau, khi nào nghe động thì mới túa ra nhà trước.

Trưa hôm đó thân quyến có nhờ người đến ghim ống truyền dịch cho ông. Như mọi khi, ghim xong thì họ ra về, chùng nào hết thì người nhà tự gỡ ra.

Khoảng hơn 12 giờ trưa nhịp thở của ông hơi khác lạ, các con cháu vây quanh đồng niệm Phật lớn lên, ông cũng nhép môi niệm theo.

Gần 1 giờ chiều, thím Ba thỉnh nước cúng trên bàn Phật đem đến cho ông uống. Lúc uống có vài giọt nhểu ra ngoài, ông nói:

- Nhểu kìa con!

Cô cháu nội đọc bài kệ phát nguyện vãng sanh và hồi hướng cho ông nương theo.

Lát sau thím Ba hỏi ông:

- Cha có biết ai đọc bài hồi hướng cho cha không, thưa cha?

Ông đáp:

- Con Ngộ, chớ ai!

Kế đó thím Ba tháo dây truyền dịch ra. Niệm Phật thêm chưa đầy mười phút, khi vừa dứt tiếng Phật thì môi ông đang nhép bỗng dừng lại, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, đồng thời ông cũng tự xuôi hai tay thẳng theo thân. Sự ra đi của ông nhẹ nhàng đến độ cô Hai (con gái của ông) đôi mắt luôn hướng thẳng vào mặt ông, nhưng mà cũng không phát hiện

ra là ông đã ra đi từ khi nào! Lúc ấy đúng 1 giờ 15 chiều, ngày 11 tháng 5 năm 2012. Ông hưởng thọ 91 tuổi.

Cuộc hộ niệm duy trì đến khuya mới thay y phục để lo phân nhập mạch, tức là trải qua hơn tám tiếng đồng hồ sau khi ông tắt hơi, thì thấy gương mặt ông tươi nhuận như người còn sống đang nằm ngủ, các khớp xương mềm nhũn, toàn thân lạnh duy chỉ có đỉnh đầu còn ấm.

* Vài tuần thất trôi qua, một hôm cô cháu nội thứ Hai của ông nằm mộng, thấy ông thân tướng to lớn vô cùng trang nghiêm xinh đẹp, vẫn trong bộ trang phục thường nhật. Trong bụng cô cũng biết rằng nội của mình đã mất, nên cô liền hỏi:

- Nội ơi! Nội có được về Cực Lạc không, thưa nội?
- Nội được về Cực Lạc rồi con à! Con cháu ráng lo tu hành, sau ông cháu mình sẽ gặp nhau!

* Vào tuần thất thứ hai, chú cháu nội thứ Năm của ông nằm mộng thấy ông hiện về, dung mạo phương phi trắng trẻo cao ráo khác hẳn phàm nhân. Chú bèn hỏi:

- Nội ơi! Lúc nội nhắm mắt xuôi tay, nội có thấy gì không, thưa nội?

- Nội gặp Phật và 10 vị Thánh Chúng đến rước nội đi!

Vừa nói dứt câu thì ông biến mất.

*(Thuật theo lời của Trần Văn Hận cùng Lữ Ngọc
Điệp, con trai và dâu thứ Ba của ông,
cùng cô cháu nội thứ Hai của ông)*

07. HUỲNH VĂN RỒI

(1955 - 2012) 57 tuổi

Ông Huỳnh Văn Rồi sinh năm 1955, cư ngụ: số nhà 10, ấp Thanh An, xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Song thân là cụ ông Huỳnh Thành Hậu và cụ bà Trần Thị Diệp. Ông là con thứ Năm trong gia đình có chín anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Huỳnh Thị Lệ Dung, sanh được một trai, ba gái. Hai ông bà chuyên sống bằng nghề làm rẫy.

Tính tình ông chân thật, rất hiếu thuận, trên kính dưới nhường, lời nói hòa nhã từ tốn, quan tâm giúp đỡ mọi người xung quanh khi hữu sự, vì vậy mà bà con lối xóm ai ai cũng đều thương yêu quý mến ông!

Có lẽ nhờ thừa hưởng di sản tinh thần quý báu của tộc họ bên ngoại cùng cha mẹ và các anh chị, mà ông kính tín ngôi Tam Bảo từ thuở còn ấu thơ. Đến năm hai mươi tuổi, vào ngày 25 tháng 8, do cơ duyên may mắn ông được tham dự buổi thuyết giảng Phật Pháp, mà tổ ngộ lý Nhân Quả nên phát nguyện trường trai, giới sát, những mong thoát vòng trầm luân đầy tang thương dâu bể!

Cách thức hành trì, ông tuân thủ đúng theo tôn chỉ “Học Phật Tu Nhân” của người tại gia cư sĩ, sớm chiều hai thời lễ bái rồi chuyên tâm niệm Phật trong mọi oai nghi, tha thiết cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Vả lại bà cũng trường trai, các con ông đã ăn chay khi còn trong bụng mẹ. Vì thế nên gia đình ông cũng giống như là đạo tràng, mọi người đều tri túc, do vậy hoàn cảnh tu tập tương đối thuận buồm xuôi gió.

Những khi rảnh rỗi ông thường xem kinh sách và nghe băng đĩa, phạm vi chỉ gói gọn quyển “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.”

Mặc dù vốn liếng về Phật Pháp của ông không có chi nhiều, nhưng sự lãnh ngộ lại tinh tế hơn người, qua lời dạy:

*“Nếu như ai cố chí làm lành,
Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật Quốc.
Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật,
Dầu Tiên, Phàm, Ma, Quỷ, Súc sanh.
Cứ nhứt tâm tín, nguyện, phụng hành,
Được cứu cánh về nơi an dưỡng.
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”*

Và ông chân thật chăm chỉ thực hành theo phương châm: “Nam Mô A Di Đà Phật, sáu chữ đi, đứng, nằm, ngồi, rán niệm chớ quên, không đợi gì thời khắc.”

Hằng ngày ông thường đem Phật pháp khuyên nhắc vợ và các con, hay ôn đi ôn lại nỗi khổ đau của kiếp sống con người, cần phải ráng tinh tấn nỗ lực tu hành để sớm ngày giải thoát, nhất là trong lúc dùng cơm:

-... Ráng lo niệm Phật, nhờ Đức Phật rước mình về Tây Phương Cực Lạc! Chớ để sống ở cõi này khổ quá... khổ! Mình làm cái gì... thì cũng ráng nhớ niệm Phật!

...Mình tu mình nhờ, chớ không ai tu thế cho mình được!

Đối với công tác từ thiện xã hội ông rất tích cực tham gia, như bắc cầu, làm đường, sửa chùa... Đặc biệt là sưu tầm thuốc Nam cung ứng cho những phòng thuốc các nơi.

Thể lực của ông bình thời rất khang kiện, ít khi nào bệnh, dù chỉ cảm gió sơ sài. Nhưng vào khoảng đầu tháng 3 năm 2012, ông cảm thấy trong người không được khỏe, càng ngày càng thấy sứt cân rõ rệt. Đến ngày 12 tháng 3 năm 2012, gia đình đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Phú Tân. Bác sĩ nơi đây chẩn đoán là “thiếu máu.” Sau ba hôm truyền dịch và tiêm thuốc bổ dưỡng nhưng không thấy hiệu quả gì cả, thân quyến hối thúc ông ra Bệnh Viện Đại Học Y Dược ngoài Sài Gòn. Khi làm xong một số xét nghiệm cận lâm sàng, bác sĩ chẩn đoán là ung thư máu ‘Bạch cầu cấp dòng tủy’, và bắt buộc ông phải nằm viện gấp. Điều trị được ba ngày thì ông đòi về, bác sĩ không chấp thuận, ông viện lý do vì phải về để lo làm lễ cưới cho cô con gái thứ Tư trong gia đình.

Về nhà, ông tự biết thọ mạng của mình còn chẳng bao lâu, nên ông càng khẩn thiết công phu hành trì nhiều hơn. Ông quyết định chuyên niệm Phật cầu vãng sanh chứ không lo điều trị, mặc dù vợ con khuyên lớn năn nỉ ông nhập viện trở lại. Ông nói:

- Bệnh này chỉ có Trời cứu! Thôi để tôi yên tĩnh niệm Phật vãng sanh!...

Ông bảo với con luôn mở máy niệm Phật đặt bên cạnh cho ông. Lại có một đồng tu trao tặng cho tám ảnh Tây Phương Tiếp Dẫn, ông thường chăm chú ngắm nhìn.

Khi hay tin ông mang bệnh hiểm nghèo nan y, nhiều người trong họ hàng thân thích cũng như bạn bè đồng tu đến thăm, có kẻ bày phương này thang nọ, theo lời họ khen ngợi đều toàn là “tiên đơn thần dược” khuyến khích gia đình nên cho ông dùng để bệnh bay tai sạch. Nhưng xét ra thì những phương thang ấy ít nhiều đều có huyết nhục động vật. Ông cho các con biết ý hướng của mình, thà giữ giới mà chết còn hơn phá giới mà sống, nếu các con cãi lời, lén cho ông uống các loại thuốc như vậy, biết được ông sẽ tự tử chết.

Vì am tường chí nguyện của cha mình, nên khi các chú các bác mua về cho ông 3 thang thuốc, trị giá mỗi thang là một triệu rưỡi, con ông âm thầm lựa bỏ xác rắn và xác địa long (trùng hổ) ra hết, trước khi sắc cho ông uống.

Qua sự việc này cho thấy niềm tin của ông đối với luật nhân quả rất là sâu chắc, nên mới có thể xem thường thân mạng như vậy. Cổ Đức có câu:

*“...Chưa gặp lửa vàng thau một sắc,
Đốt ra rồi hai chất khác nhau;
Vàng thì trước cũng như sau,
Còn thau thì lại sắc màu đổi luôn.
Thiếu cương quyết khó tu đến chốn,
Hay động tâm dễ cuốn theo đời;
Phải như hoa nở giữa trời,
Gió qua cũng mặc, cọp ngồi cũng thây.
Trai giới ấy hàng rào ngăn tội,
Người tu hành cần phải giữ mình;
Chừng nào toàn giác toàn minh,
Tự nhiên trai giới trong mình có luôn.
...Dù mỗi mệt cũng là gắng gổ,
Gặp khó khăn cũng chớ nản lòng;
Quyết tâm bồi đức lập công,
Đường về Tịnh Độ lòng không đổi dời.
Đạo thường gặp người đời khiêu nhử,
Làm lành hay gặp dữ đối đầu;
Gốc kiên nhẫn nếu không sâu,
Gió đời thổi ngã bất câu lúc nào.
Lòng mộ đạo mặc dầu đã có,
Không kiên tâm thì khó thành công;
Kiên ngoài còn phải kiên trong,
Mới là chinh phục được lòng trần gian.
Đường đi tới Tây Phang rất khó,
Nhiều yêu tình đón ngõ ngăn đàng;*

Muốn làm chúng nó chạy tan,
 Có lòng Bồ Tát có gan anh hùng.
 Thẳng trắn tục thung dung muôn thuở,
 Thua phạm tình khổ sở vô biên;
 Cho nên những kẻ tu hiền,
 Không nên nhu nhược phải nên cương cường.
 ...Đời lại chẳng có gì thật cả,
 Xác thân còn tan rã bùn lầy;
 Huống chi các việc bên ngoài,
 Cũng là giả nổi có ai giữ còn.
 Tuổi sống cứ ngày mòn lụn mãi,
 Còn ồm đau tai hại nọ kia;
 Ghét, thương, được, mất, hợp, lìa,
 Khổ cho đến chết chưa hề xong chi.
 Thế mà chẳng mấy khi nghĩ tới,
 Còn tạo thêm nhiều nỗi khổ thêm,
 Trên đời rồi mãi không êm,
 Giữa người thường có thù hiềm nhau luôn.
 Khiến cho kiếp vô thường càng khổ,
 Cũng làm cho mạng số ngắn thêm,
 Hết ngày rồi lại kế đêm,
 Sống chờ quỷ sứ đến thêm bắt đi.
 Bị hành hạ còn gì hơn nữa,
 Chịu đọa đầy không số đo lường;
 Thế mà nghiệp ác còn vương,
 Bao giờ ra khỏi con đường trầm luân.
 Cõi Phật chẳng tử thần léo hánh,
 Thật hoàn toàn một cảnh an vui;
 Sao người chẳng chịu đến lui,
 Cứ đeo cũi tạm đầy mùi khổ lao.
 Toàn là cảnh chiêm bao mơ mộng,
 Người vẫn cho cảnh sống bình thường;
 Kẻ sao hết việc đáng thương,

*Của người say gục trong trường lợi danh.
Mến thân chẳng làm thân trường cửu,
Vì thân mà hồn ngủ vạn niên;
Thường cam chịu kiếp đảo điên,
Thế mà cũng vẫn còn ghiên trần gian.
...Sớm thức tỉnh tìm đường thoát khổ,
Sớm bước lên con lộ siêu sanh.
Sen vàng chín phẩm đề danh,
Vô thường chúng quý chí thành chấp tay!"*

Đêm nọ, khi bệnh hoành hành bằng những cơn bứt ngất, thấy ông nằm một chút thì ngồi dậy, ngồi chưa bao lâu thì nằm xuống, cứ luân phiên liên tục như vậy, vì thế nên bà bước đến bên cạnh hỏi:

- Ông có đau nhiều lắm không, ông?

- Không! Tôi không có gì cả... Bà giảng mừng đằng kia ngủ đi! Ngồi ở đó mà làm gì?

Sợ ông buồn, bà lặng lẽ vâng theo.

Những lúc các con ông nhóm lại gần giường bệnh tỏ vẻ lo lắng ưu sầu, ông cũng lên tiếng giải tán, không hề lộ nét đau đớn thống khổ của nạn nhân ung thư ở thời kỳ cuối.

Ngày mừng 7 tháng 4 nhuận năm 2012 ông bị ngất, người nhà đưa ông vào Bệnh Viện Hữu Nghị. Trong lúc đưa vào phòng thấy ông nhép môi liên tục, y bác sĩ cũng biết rằng ông đang niệm Phật, nhưng do sợ ông tổn sức và thiếu ô xy để thở nên họ cần nhàn:

- Ông... chết tới nơi rồi mà không lo! Làm cái gì mà nhép miệng hoài!

Dù đang rất mệt, nghe xong ông mỉm cười, rồi cứ một mực duy trì Phật hiệu theo lối Kim Cang, tức là lối niệm nhép môi.

Nhập viện được 2 ngày, bệnh tình càng thêm trầm trọng, hệ hô hấp bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu tổn thương. Gia đình cấp tốc chuyển ông ra Bệnh Viện Đại Học Y Dược. Nằm ở đây được 3 ngày ông nhất định đòi về, cương quyết chấp nhận trả nghiệp để niệm Phật vãng sanh, vợ con cố khuyên can ở lại điều trị nhưng ông không nghe.

Về đến nhà, bà con và đồng đạo xa gần lần lượt viếng thăm. Hai người anh thứ Ba và Tư của ông kinh tế gia đình phát đạt, cùng các em rất thương ông, hối thúc, nài ép ông phải lo trị liệu để kéo dài mạng sống:

-... Chú phải vô hóa chất, sống một ngày nên một ngày!...

Riêng ông chỉ muốn vãng sanh sớm chừng nào tốt chừng nấy, chứ không muốn kéo dài sinh mệnh mà thân xác bị dày vò, sống trong khổ đau. Điều lo sợ bậc nhất là khi vô hóa chất cơ thể sẽ vô cùng nóng bức, tinh thần sẽ mất sự tự chủ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc niệm Phật vãng sanh của mình. Cho nên ông luôn nhất quyết khăng định:

- Trước sau gì cũng chết, để tôi chánh tâm niệm Phật đặng sớm theo Phật, còn hơn sống mà kéo dài sự đau khổ cho xác thân và tinh thần cuồng loạn!

Mặc dù chí nguyện của ông như thế, nhưng áp lực của những người thân, thương ông theo quan niệm ‘còn nước còn tát’ vẫn mãnh liệt, ông khó lòng cưỡng lại.

Theo thường tình thế gian thì tấm lòng thương yêu giúp đỡ của anh em ông là vô cùng quý báu, rất đáng cảm kích và đáng trân trọng; nhưng bằng tầm nhìn trí tuệ xuất thế gian, đối với vãng sanh giải thoát mà xét thì lại là một trở ngại vô cùng to lớn, và rất đáng sợ, đáng lo!

Ông cũng đã giải thích cho các con rằng:

-Nếu vô hóa chất mà thật sự được hết bệnh, sống khỏe mạnh bình thường thì ba sẽ vô; còn đảng này nó chỉ kéo dài tạm thời, và sống trong đau khổ. Tốn kém tiền bạc vô ích, còn để lại nợ nần cho con cháu. Điều đó ba không muốn... Tại sao không dùng số tiền đó bố thí hay phóng sanh, có phải lợi ích hơn không?!

Vả lại nhờ thuở bình thời ông đã thường xuyên giáo dưỡng các con về lý nhân quả, và trình độ khế hội Phật Pháp của chúng có phần tương đối sâu sắc, nên đến giờ phút trọng đại này chúng đã đồng lòng ủng hộ cha mình, đồng lòng thành tựu tâm nguyện cuối đời của ông, chúng tự nguyện làm rào chắn ngăn chặn mọi cuồng phong giông tố, quyết chí đưa cha mình về chốn an bình!

Ngày 14, khoảng 3 giờ chiều trước mặt bà và các con ông, ông nói với người em cô cậu (cô này tu hạnh xuất gia) là cô Hai Thu rằng:

- Từ đây đến ngày tôi mất, giờ cuối cuộc đời, tôi nhờ cô kể cận, trợ duyên tiếp tôi, đừng để má nó (bà) với mấy đứa con cháu của tôi đến gần, sợ tôi không kiềm được xúc động mà niệm Phật không thành tâm được, làm trở ngại sự vắng sanh của tôi!

Ngày 15 tháng 4 nhuận, ông lên cơn sốt và mệt nhiều, bệnh kịch phát bằng những cơn đau dữ dội khó kham nhẫn, hai hàng nước mắt tuôn trào. Ông ngẹn ngào nói với các con:

- Thật kiếp sống của con người quá khổ, thấy mấy đứa thì ba thương... Nếu tự tử mà Phật Trời không trách tội thì ba đã tự tử rồi! Vì muốn sống, sống không được; mà muốn chết lại chết không xong. Ba chỉ khóc bữa nay thôi, còn từ đây về sau sẽ có cô Hai chăm sóc cho ba, các con không được lại gần ba nữa nghen!

Kể từ đó cô Hai luôn ở túc trực bên cạnh ông phục dịch mọi thứ, chỉ khi nào thực sự cần thiết các con mới được vào.

Sáng ngày 22 tháng 4 nhuận, ông Hai (người anh cả) có gạn hỏi:

- Con bệnh hoành hành đau đớn như vậy, liệu chú có niệm Phật được không?

Ông gắng gượng trả lời trong yếu ớt:

- Khi mê thì không niệm, khi tỉnh thì nhớ niệm!

Ông Hai nói:

- Vậy thì đạt! Bởi bệnh hành mê chớ mình không mê. Biết mê kể như có niệm Phật. Vậy lúc mê không tính!

Ngừng một chút, rồi ông nói tiếp:

- Chú hãy an tâm niệm Phật, việc gia đình còn điều gì ray rứt, chú cứ cho biết để anh giải quyết cho!

Thấy ông lắc đầu, ông Hai bèn nói thêm:

- Anh lãnh chăm sóc gia đình chú, đến khi anh mất sẽ giao lại cho mấy chú nó!... Hiện giờ anh thấy sức khỏe của chú cạn kiệt, vậy có cần mời anh em đồng đạo đến hộ niệm hay không?

Ông gật đầu đồng ý.

Độ một giờ sau, ông hỏi con trai út:

- Sao lâu quá đoàn hộ niệm chưa tới, vậy con?

Chú út thưa:

- Dạ, thưa ba! Bác Hai đã liên hệ rồi, đồng đạo hứa sẽ đến!

Thật là trùng hợp lạ kỳ như đã sắp trước. Bình nhứt ông rất cảm tình với đạo tràng Bồ Đề do liên hữu Tư Hình chủ đạo, mà mọi người quen gọi là Tư Bồ Đề. Khi phát bệnh ông cũng thường ao ước được anh em đạo tràng Bồ Đề hộ niệm cho mình trong giờ phút theo Phật.

Ban đầu, gia đình nói chung không câu nệ, đoàn hộ niệm nào hộ niệm cũng được. Nên đã liên lạc đoàn hộ niệm thuộc xã Tân Long hay để giúp giùm. Do vì mới hộ niệm một bệnh nhân vừa xong đã thấm mệt, nên họ đã nhờ đạo tràng Bồ Đề thay thế đảm trách, thật là một nhân duyên đúng như ước nguyện của ông!

Trước khi đoàn hộ niệm đến, cơn bệnh đang hoành hành dữ dội, tưởng chừng không qua khỏi. Điều kỳ lạ khi 1 giờ chiều, đoàn hộ niệm đến làm lễ sám hối, khai thị và cùng niệm Phật với ông thì cơn đau dường như mất hẳn. Ông nằm yên nhép môi niệm Phật theo lối “kim cang trì” cùng đại chúng. Có người sợ ông đuối sức nên khuyên ông chỉ niệm Phật thầm trong tâm là được rồi, ông không đồng ý nói rằng mình nghiệp nặng quá, nếu niệm thầm trong tâm một hồi có thể bị quên, và niệm thầm trong tâm thì không thể nào nhiếp tâm được, cho nên cần phải nhép môi!

Vợ con thân thuộc đều tập trung ra phía trước lễ Phật, chỉ có Ban Hộ Niệm vây quanh bên giường trợ niệm cho ông.

Ban Hộ Niệm cứ luân phiên mỗi ca từ 10 đến 15 vị, tất cả bà con khách khứa đến thăm chỉ đứng ngoài xa nhìn vào, giấy lát rồi mời sang bàn khách uống nước, bàn khách được đặt bên nhà người em thứ Tám của ông. Vì thế bầu không khí hộ niệm vô cùng trang nghiêm thanh tịnh, gương mặt của ông lộ hẳn niềm an định hoan hỷ.

Khoảng 4 giờ chiều ông khoát tay ra dấu cho cô Hai khỏi phải nhều nước thấm giọng, vì bấy giờ không còn cần thiết nữa. Đôi mắt ông chăm chú hướng về ngôi Tam Bảo, dường

như tha thiết khẩn cầu Phật A Di Đà nhanh đem cảnh sen đến.

Đến 7 giờ tối, môi ông đang nhép từ từ dừng lại, rồi ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh vang rền của câu Phật hiệu. Nhằm ngày 22 tháng 4 nhuận năm 2012. Ông hưởng dương 57 tuổi.

Hộ niệm qua 8 giờ, chư đồng đạo thăm dò nhục thân thì thấy các khớp xương đều mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng trong khi toàn thân đều lạnh.

Đến 9 giờ sáng ngày hôm sau khi làm lễ nhập mạch, con cháu, anh em bung xác ông để vào quan tài thì từ đầu đến tay, chân đều mềm nhũn như người say ngủ.

- * Có điều đặc biệt là khi ông mất, hoa mười giờ trước nhà ông trồng khá nhiều đều nở rộ suốt đêm. Bắt đầu kể từ đó ngày ngày đêm đêm đều nở, kéo dài liên tục nhiều tuần lễ trôi qua, chứ trước kia loại hoa này chỉ nở lúc 10 giờ sáng, buổi chiều và tối thì không bao giờ nở.
- * Trong lòng bà thường khấn nguyện nếu như ông thật sự được vãng sanh thì cho bà chứng kiến một điềm gì lạ, chứ chỉ có hoa nở không thôi thì bà chẳng mấy tin tưởng.

Ba ngày sau, kể từ khi ông mất xảy ra một sự kiện:

Bức ảnh chân dung của ông do cô em Út của bà họa cấp tốc về để đặt trước đầu linh cữu trong buổi lễ an táng, sau đó được đưa lên thờ tại bàn vong. Đến ngày 25 đột nhiên có quang sáng trên đầu. Nếu ta chăm chú ngắm kỹ thì ánh sáng ấy không đứng yên một chỗ, mà nó lung linh, di động, chờn vờn, chợt tối chợt sáng. Thế là thân quyến cùng lối xóm và đồng đạo hay tin, hiếu kỳ nô nức kéo nhau đến xem, kẻ quay

phim, người chụp hình, đều tấm tắc ngợi khen cho là điêu lạ không thể nghĩ bàn!

Ông Hai bảo với chú Út:

- Thứ! Đâu con qua tiệm chụp hình Hoàn Mỹ, nhờ thợ làm thêm một tấm hình của ba con, bởi vì họ còn lưu bản gốc!

Khi bức ảnh thứ hai đem về để gần nhau, thì bức chân dung sau vẫn bình thường không có quầng sáng.

Gần 4 năm trôi qua, khi chúng tôi đến sưu tập chuyện vẽ tranh hiện tượng quầng sáng ấy vẫn còn, nhưng nhỏ và mờ hơn lúc ban đầu.

*(Thuật theo lời Huỳnh Thị Lệ Dung,
Huỳnh Trung Thứ, vợ, con ông
và anh ruột thứ Hai của ông)*

08. NGUYỄN THỊ HOA

(1930 - 1992) 62 tuổi

Bà Nguyễn Thị Hoa sinh năm 1930, nguyên quán tại Tân Thuận Đông, Cao Lãnh. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Năm, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Bảy, vì chiến cuộc loạn ly nên cha đã cải họ cho con mình. Anh em của bà đều mất sớm, bà chỉ có duy nhất người chị thứ Tư.

Khi tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Trọng Sanh, sinh được tám người con nhưng còn hai trai ba gái. Hai ông bà đều là giáo viên. Chỗ ở di dời nhiều nơi, sau rốt định cư tại: đường Cách mạng tháng 8, số nhà 550, tổ 76, khóm Mỹ Thiện, phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tính tình của bà ôn hòa, nhân hậu. Sự ăn mặc giản đơn, bình dị, chưa hề son phấn se sua.

Nhờ thừa hưởng di sản tinh thần quý báu của thân phụ mà bà biết đến Tam Bảo rất sớm, bà dùng chay kỳ mỗi tháng mười ngày. Mỗi khi thấy quý sư đi khất thực trên đường bà hay mua xôi hoặc bánh... để cúng dường.

Đối với học trò nghèo bà hay tặng: tập, bút... và quần áo của các con mình.

Bà thường dạy con có thói quen niệm Phật mỗi tối, trước khi vào ngủ niệm Phật mãi cho đến khi ngủ quên. Lúc gặp người tàn tật xin ăn bà hay trút túi để bố thí, và cũng thường dạy con mình làm y theo như thế.

Bà rất thương những kẻ nghèo đói khổ nhất là lân cận chung quanh, tận tâm giúp đỡ bằng tất cả năng lực hiện có, từ tiền bạc gạo lúa đến cây trái trong vườn.

Có lần bà cho người hàng xóm mượn 5 bao lúa. Khi thu hoạch vụ mùa xong, họ đem lúa ngon trả cho bà. Vừa lúc bà từ trường học về, cô con gái thưa:

- Sáng này có con của chú Năm trả lúa cho mình, đó mẹ!

Bà mở bao ra xem, thấy lúa quá tẻ nên liền đi thẳng đến tận nhà. Trông thấy chủ nhà bà cất tiếng hỏi:

- Tôi mới đi dạy về gặp mấy bao lúa, có phải của chú trả cho tôi đó không chú Năm?

- Ừ! Em sai mấy đứa trả cho chị 5 bao, lúa tốt lắm chị Hai ơi!

Nghe lời đáp như thế bà lập tức quay về không một lời phân bua phải quấy.

Ông chồng khi trông thấy lúa, bèn hỏi:

- Sao bà không nói cho chú Năm hay?

- Em có tới hỏi chú... Chú... nói lúa tốt lắm!... Chú đã nói như vậy rồi, mình còn nói gì nữa bây giờ!

Sau đó bà phải mang xuống sông gút lại từng thúng, rồi đem đi phơi, nhưng không một lời than oán mà còn căn dặn với con rằng:

- Ở đời... người ta là vậy... đó con! Mình đừng nên bắt chước học theo! Và con cũng không được đem chuyện này nói cho ai hay biết hết, nghen con!

Mặc dù thế thái nhân tình là như vậy, nhưng tấm lòng thương yêu đùm bọc những người bất hạnh nơi bà vẫn được duy trì kiên định, không thoái tâm nản chí!

Bà Út người hàng xóm có lần qua nhà mượn tiền, nói:

- Chị Hai ơi! Tui hết vốn mua bán, chị làm ơn cho tôi mượn chút ít tiền, để tui lên chợ mua đồ bán!

Bà trả lời :

- Tui cũng chưa có lãnh lương. Thôi, thiếu Út đem hai xê sa-pô-chê (hồng xiêm) chín của tui về bán đi. Rồi lấy đó mà làm vốn!

Thế là bà cho luôn hai xê sa-pô-chê; gia đình đó bà giúp gạo, dầu lửa, đường, muối, nước tương, nước mắm... thậm chí cả đến kim, chỉ vá đồ mặc, luôn cả thuốc uống, cần cái gì tới xin bà, là giúp liền, mặc dầu bà biết thiếu Út đó là người ham chơi đánh bài.

Lúc nửa đêm có ai đau ốm bà biết được là tới ngay, bà rất sẵn lòng với mọi người.

Đúng như lời của Cổ Đức dạy :

*“Dù người không ở đạo nào,
Làm người thì phải thương nhau là thường.
Huống chi đạo Phật biết nương,
Phải nên mở rộng tình thương xa gần.
Sự tu không những tinh thần,
Mà bề vật chất cũng cần giúp nhau.
Dù là chén cháo nắm rau,
Giúp người buổi đói giá cao hơn vàng.
Thật tâm muốn giúp xóm làng,
Nói không đâu giá trị bằng làm ra.
Hãy nên biểu hiện lòng ta,
Bằng bao hành động lợi tha cho đời.
Chung lo khuyến khích mọi nơi,
Rán làm tốt đẹp như lời nói ra.
Từ gần chí những đến xa,
Khá thương nhau thể một nhà anh em.
Thấy người khổ chỗ ngồi xem,
Hãy nên thương xót đưa chen giúp giùm.
An nguy cùng biết bọc đùm,
Tâm hồn ấy phải được trùm tứ phương.”*

Người nào cũng rộng tình thương,
Tất cùng đi một con đường Thích Ca.
Giúp nhau sống được an hòa,
Cùng lo tương trợ cùng tha lỗi lầm.
Của người không nỡ hại xâm,
Người nào cũng lấy lương tâm ở đời.
Cùng nhau đối xử như lời,
Nhà nhà an lạc nơi nơi thái bình.
Thân không vướng mắc tội tình,
Hồn còn sẽ được siêu sinh Phật đài.
... Việc mình làm ở ngày nay,
Mai sau nó sẽ hườn lai cho mình.
Khó mong trốn luật Thiên đình,
Thế gian nên tạo nghiệp lành tốt hơn.
Việc làm nào của thế nhơn,
Cũng đều có cặp mắt Thần ngó coi.
Trong lòng người mới nghĩ thôi,
Tai thần nghe rõ như trời sấm vang.
Người dù lấy núi chặn ngang,
Mắt thần cũng thấy rõ ràng như không.
Làm ra hoặc tính trong lòng,
Việc nào cũng có Thánh Thần xét soi.
Trước khi làm hãy nghĩ coi,
Tội hay là phước để rồi làm sau.
Lời ra khó hốt lại nào,
Phạm rồi muốn gỡ dễ dẫu gì ư.
Hư rồi dễ bị thêm hư,
Lỗi rồi dễ khiến cho người lỗi thêm.
Cho nên từ cổ chí kim,
Quấy rồi hối được thử tìm mấy ai.
Biết ngăn ngừa ít phạm sai,
Muốn làm chẳng nghĩ tất hay lỗi lầm.
Một lần để kiếp luân trảm,

*Có khi chịu đến muôn năm chưa rồi.
Lở đi đâu phải dễ bồi,
Bị giòng nước cuốn thêm trôi là thường.
Cho nên mỗi việc phải lường,
Tránh cho mình khỏi thêm đường mê ly.
Tu hành phải giữ luật nghi,
Nam Mô thì phải từ bi trong lòng.
Quy y thì phải y tông,
Tụng kinh thì phải rèn lòng như kinh.
Tu thì lời Phật phải tin,
Sửa cho hơn trước khi mình chưa tu.
...Dương gian nào khác ngục tù,
Ở lâu nên nghiệm, quá ngu si mà!
Giờ nên sáng suốt thoát ra,
Bằng câu lục tự Di Đà Hồng Danh.
Chí tâm tha thiết cầu sanh,
Về nơi Cửa Phẩm Liên Thành Lạc Bang.
Không còn chìm nổi trần gian,
Lắm điều đau khổ khốn nàn bao vây.”*

Năm lên 16 tuổi, bà được chứng kiến phụ thân chấp tay niệm Phật trước khi mất, cho nên pháp môn Tịnh Độ có lẽ đã ngấm ngấm ăn sâu vào tâm hồn của bà từ thuở ấy. Bà công phu hằng ngày là hai thời lễ nguyện sớm tối. Ngoài ra bà thường lần chuỗi vì thế khâu chuỗi ít khi rời tay, cho đến lúc vào lớp dạy học cũng vậy.

Một hôm trên đường đến trường, vừa gần tới cổng trường bà vội bảo ông quay xe trở về. Ông nghe theo, trong lòng ông đinh ninh rằng có lẽ bà quên mang sổ điểm danh hay thứ gì đó rất cần thiết trong giảng dạy. Nhưng khi ông ở trước

sân chờ bà vào nhà, đưa mắt nhìn theo thì thấy bà bước lên sân nhà, với tay lấy râu chuối bỏ vào túi áo rồi đi ra. Ông vô cùng bức bối vì khoảng cách từ nhà đến trường là hai cây số! Dự định buông lời cầu gắt, nhưng rồi ông dần nén lại, cố để khỏi niệm tùy hỷ, bởi vì ông cũng đã trường trai niệm Phật tu hành!

Ngoài thời gian dạy ở trường và soạn giáo án ra bà thường xem đi xem lại quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, đặc biệt là phẩm ‘Giác Mê Tâm Kệ’.

Năm 1989 (lúc bà 59 tuổi) vùng hạ vị của bà đau ê ẩm, kèm theo sốt nhẹ. Điều trị qua loa thấy không thuyên giảm, gia đình bèn đưa bà ra Bệnh Viện Từ Dũ ngoài Sài Gòn. Sau khi khám và kiểm nghiệm các cận lâm sàng xong, bác sĩ cho biết bà đã bị bệnh ung thư tử cung ở giai đoạn 3. Từ đó cứ vài tháng là phải tái khám một lần cho đến lúc bà qua đời. Thường thì chỉ mang thuốc về nhà, còn khi nào bệnh nguy ngập thì mới nhập viện một vài tuần.

Bệnh tật cứ đeo bám bà ròng rã ba năm trời trôi qua. Sự ăn uống lần hồi suy giảm, cơ thể lần hồi suy sụp, bà sụt cân trầm trọng.

Cũng từ đó công phu tu trì của bà ngày càng tinh chuyên hơn, câu Lục Tự dường như là chiếc phao duy nhất đưa bà vượt qua phong ba nguy hiểm thẳng tiến đến bờ bến bình yên!

Sinh ra trên cõi đời ai rồi cũng phải già, rồi bệnh, rồi chết! Như chiếc lá thu chín vàng sắp sửa rời cành để trở về cội nguồn, cho dù thế nhân ít có mấy ai đủ can đảm đối diện với sự thật của định luật vô thường này!

Không biết do bệnh chẳng hoành hành dữ dội hay do bà công phu miên mật mà gương mặt tươi tỉnh, hiền từ nhân hậu của bà ở thường nhật chưa hề thay đổi và chưa hề chứa

đựng vết tích khốn đốn, oằn oại đốn đau như bao nhiêu nạn nhân của căn bệnh ung thư quái ác trong thời kỳ cuối!

Lần nhập viện cuối cùng của bà trước khi mất hơn ba tháng, lần này là lần bệnh nặng nhất, và cũng là lần có thời gian dài nhất. Bác sĩ đã từ chối điều trị đồng thời cho biết chắc chắn rằng sắp phải ra đi, nhưng thấy bà tỉnh bơ xem như chẳng có gì xảy ra. Bà thường lân la với các bệnh nhân giàu có, để xin y phục cũ của họ, rồi xếp gọn cho vào bao. Khi xuất viện, mọi người láng giềng hay tin bà Giáo Sanh bệnh nặng từ bệnh viện trở về, họ lũ lượt kéo đến nhà thăm. Bà đem những quần áo xin được tặng lại cho họ, bởi vì xóm của bà định cư phần đông là thành phần neo đơn, mà thời điểm đó tặng phẩm ấy vô cùng quý giá và rất cần thiết trong sinh hoạt thường nhật.

Ngày mùng 2 tháng 3 (ba ngày trước khi mất) bà nhờ ông đặt bàn Phật cầu nguyện để ba hôm sau bà về Phật. Người nhà hỏi thì bà đáp là Đức Phật đã mách trước như vậy.

Sang tối ngày mùng 3, bà nhìn thấy có nhiều cá nhảy đến gần bên giường bà nằm để đòi nợ mạng. Bà gọi con bà tới vừa chỉ vừa nói:

- Kìa! Thấy không... cá dưới sông nó lóc lên kìa!

Mọi người nhìn thì chẳng thấy gì.

Giây lát bà cho biết:

- Không sao!... Như vậy mà không sao! Có Long Thần Hộ Pháp ở bốn góc năn nỉ nó: “Bà này vãng sanh, nữa sẽ về cứu cho!...” Chúng nó bỏ đi hết rồi!

Kế đó bà lại thấy đàn gà đến mổ vào mình của bà, và cũng được Hộ Pháp gia hộ như lần trước.

Đến khoảng 01 giờ khuya, cô Sáu đang nằm ngủ bỗng nghe bà kêu:

- Kim Châu ơi! Coi kìa tụi nó ở dưới lên quậy kìa.

Cô Sáu nghe bà nói “tụi nó”, cô cứ ngỡ là chỉ mấy đứa cháu ở dưới Tháp Mười vừa mới lên thăm, mà khuya đâu có ai quậy đâu, nên cô Sáu nghĩ bà nói sảng, liền đáp:

- Mẹ ơi, đâu có ai quậy đâu, tụi nó đã ngủ hết trơn rồi!

- Mẹ nói tụi ma da, bà Thủy ở dưới sông lên quậy, nó đi từ dưới bến bà Chúc ở bên sông qua.

Bà vừa dứt lời thì người con trai thứ Tư đập cửa kêu:

- Kim Châu ơi! Mở cửa cho anh ngủ. Anh ngủ không được, tụi nó ở dưới sông... nó sắp hàng đi lên, trai, gái, lớn, nhỏ... nó lôi tay, lôi chân bảo đi tắm hoài nên anh không ngủ được!

Vì chú Tư và con trai ngủ ngoài mái che cạnh nhà. Khi chú lên nhà trên giăng mùng thì cũng lúc đó con trai chú la lớn:

- Tui không đi tắm đâu!

Bà bảo tụi nó không dám lên nhà, bà còn kêu cô Sáu thắp hương bàn thờ Phật.

Khi bà mất, bà Hai Kén bên kia sông sang dự lễ tang, cô Sáu mới hỏi thăm:

- Bến bà Chúc có ai chết đuối dưới sông không, thưa dì?

Bà Hai trả lời:

- Có, con cháu bà Chúc chết 2 đứa, còn những thầy ma trôi tấp vào bến thì nhiều.

Vì bến bà Chúc có chất đồng chà bẫy cá nên dễ tấp vào, như vậy lời nói và nhìn thấy của bà là đúng.

Gần 7 giờ tối ngày mùng 4, bà gọi cô Sáu lại, bèn bảo:

- Kim Châu ơi! Con ra thất kêu ba con vô đây giùm mẹ!

Khi ông vào, bà nói:

- Cái kim tỉnh của tui hình như không vừa! Đâu ông kiểm tra thử coi!

Kim tỉnh được an trí cạnh bên nhà, và mời thợ mới thi công xong. Ông liền cầm đèn và thước ra đo lại thì quả thật, kích thước đã sai lệch!

Cũng tối hôm đó các con và dâu tề tựu quanh bên giường bà, bà cho biết là 8 giờ sáng hôm sau bà sẽ vãng sanh về Phật, và còn dặn rằng:

- Ngày mai mấy đứa phải dậy thật sớm đi chợ... nấu cơm... ăn, để không thôi lu bu đói bụng lắm... đó nghe!

Khi mọi người giải tán, trời cũng đã về khuya, cảnh vật xung quanh chìm vào tĩnh lặng. Đúng 1 giờ, đang nằm im bà bỗng gọi cô Sáu:

- Kim Châu!... Kim Châu! Con quý đầu trọc, cái cổ bằng cây kim, cái mặt bằng thúng giạ... nó kêu mẹ đi theo nó!

Cô Sáu nổi da gà, tức tốc chạy tìm người em trai thứ Tám:

- Phước ơi, Phước! Em qua... em trì chú Chuẩn Đề... chú trừ tà đi!... Chị quên hết rồi... chị chỉ nhớ niệm Phật mà thôi!

Rồi cả hai, một vị niệm chú Chuẩn Đề, một vị niệm Phật. Niệm như thế suốt một tiếng đồng hồ, chợt nghe bà cho biết:

- Nó đã đi rồi!

Chưa bao lâu, bà lại nói:

- Có con quý nữ... mặc nguyên bộ đồ đen, xõa tóc dài... Nó kêu mẹ... Nó kêu mẹ đi theo nó!

Cô Sáu nói:

- Mẹ ơi! Đừng đi theo nó, ghen mẹ!

Bà đáp:

- Mẹ chỉ theo Phật thôi!

Hai vị trì niệm quyết liệt một chập nữa, rồi bà cũng cho biết rằng con quỷ tóc dài đã bỏ đi.

Sáng sớm mùng 5, khi các con và dâu vào phòng để tắm rửa thay y phục cho bà, bà nói:

- Sao mấy đứa không đi chợ mua đồ về nấu ăn, mà ăn cơm bầu luộc với nước tương không vậy?

Ai nghe bà nói cũng đều giật mình, vì mấy tháng trời nay bà chưa bao giờ ra khỏi phòng, thì làm sao mà bà biết!

Do thông báo trước nên khách khứa cũng như chư đồng đạo lần lượt đến nhà mỗi lúc một đông nhiều. Các con bà trong lòng ai cũng nghĩ rằng bà chưa thể ra đi trong giờ phút này, bởi vì thấy bà vẫn còn khỏe bình thường và tỉnh táo, sáng suốt, chưa có dấu hiệu gì biểu hiện của người sắp chết cả.

Gần 8 giờ, bà đang nằm lần chuỗi bồ đề hỏi rằng các con đã tề tựu đông đủ hết chưa, khi được trả lời là đã đầy đủ hết rồi thì bà bảo cô Kim Châu:

- Con ra kêu ba của con vô đây... niệm Phật cho mẹ!... Để khách ở ngoài đó đi!

Nói xong bà định đưa đôi tay lên để chấp lại đặt giữa ngực, nhưng nó cứ run run hoài không thành được búp sen.

Ông vừa vào tới nơi, bà lên tiếng:

- Đâu ông chấp giùm... hai tay của tôi lại, coi ông!

Bấy giờ mọi người đồng thanh niệm Phật vang dội. Chưa mấy chốc, bà nói:

- Tòa sen đến rước mẹ rồi! Mẹ đi nghen các con! Các con ở lại rán lo tu! Không đứa nào được khóc hết nghen!

Nói xong bà nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, lúc ấy 8 giờ sáng ngày mừng 5 tháng 3 năm 1992, đúng như lời bà đã cho biết trước. Thọ 62 tuổi.

Qua 8 tiếng đồng hồ trợ niệm tiếp theo sau đó, gương mặt của bà tươi tỉnh như người đang nằm ngủ, các khớp xương mềm mại, toàn thân đều lạnh duy đỉnh đầu vẫn còn ấm nóng.

(Thuật theo lời cô Kim Châu, con gái thứ Sáu của bà và đồng đạo Hồng Vân)

09. NGUYỄN VĂN TRỌNG SANH

(1927 - 2015) 88 tuổi

Ông Nguyễn Văn Trọng Sanh sinh năm 1927, nguyên quán: Đốc Vàng, Thanh Bình, Đồng Tháp. Song thân là cụ ông Nguyễn Văn Diệp và cụ bà Phạm Thị Tâm, ông là người con duy nhất của hai ông bà.

Thân phụ mất năm ông mới lên 15 tuổi, mẹ phải tần tảo nắng sương cố công nuôi ông ăn học nên người. Lớn lên ông đeo đuổi ngành sư phạm. Vì thế sau khi tốt nghiệp ra trường ông được sở giáo dục phân công dạy trường tiểu học ở thị xã Châu Đốc. Kế đó ông kết hôn với một đồng nghiệp là bà Nguyễn Thị Hoa (trong chuyện vãng sanh phần trước) vào khoảng cuối thập niên 50. Trải qua lắm phen thay đổi địa điểm công tác, cuối cùng hai ông bà chuyển về trường Mỹ Trà, trực thuộc thành phố Cao Lãnh. Tại đây ông mua mảnh đất gần trường 2 km, cất nhà định cư cho đến ngày ông mãn phần.

Tính tình ông vui vẻ, cởi mở nhưng cẩn trọng và chân thật, hiền hòa; ăn mặc rất bình dị.

Ông đến với Phật Pháp do cơ duyên hết sức lạ lùng qua giấc chiêm bao. Giữa trưa hôm nọ, như thường lệ trên đường đi dạy học về, ông ghé vào Hội Quán, vừa bước vào nhìn lên bàn thờ thì té ra ‘người’ mà khuyên ông tu trong giấc mộng giống hệt chân dung Thầy đang tôn trí trên bàn thờ! Từ đó ông phát tâm trường trai và dốc lòng nghiên ngẫm đọc học rất nhiều kinh sách nhà Phật, lúc ấy ông vừa tròn 34 tuổi.

Ông vốn là nhà giáo rất hăng say nghiên cứu các kinh điển đại thừa, nhưng phần tu tập thì lại chú trọng oai nghi tế hạnh, khuôn phép, lễ tiết.

Do nhận thấy Phật Pháp là nguồn cội mang lại hạnh phúc đích thực lớn lao và thiết yếu nhất cho nhân sanh, bởi vì đã khai mở trí tuệ, phá tan màn vô minh tăm tối, cắt đứt cội gốc sinh tử luân hồi, ông cảm thấy mình cần phải có trách nhiệm hoằng dương rộng khắp, ngõ hầu mọi người đồng cộng hưởng niềm hạnh phúc an lạc chân thật này. Nên ông hướng dẫn học trò của mình viếng chùa lễ Phật vào những ngày nghỉ, hoặc các dịp tết hay các đợt hè. Ông may cho mỗi đứa một cái áo tràng màu lam, hễ khi nào dơ thì nhờ vợ con giặt giũ sạch sẽ.

Mặt khác ông thường sưu tầm thuốc Nam cung ứng cho các cơ sở trị bệnh từ thiện, có khi cùng các đồng bạn tâm đầu ý hợp, có khi một mình thuê xe vào núi Sam... chặt đầy xe rồi chở về.

Đặc biệt là ông rất thích phóng sanh các loài chim, cá, lươn, rùa... Đôi khi gặp những người nuôi trăn, nuôi khỉ... Ông dùng biện tài ba tác lược thuyết phục họ, đăng họ hoan hỷ cho ông mang vào tận núi Cẩm để thả.

Sau những năm 75 khi gia đình di cư về Cao Lãnh thì ông tham gia các công tác từ thiện xã hội nhiều hơn, nhất là vận động cây, lá cất nhà tình thương cho các hộ dân nghèo.

Từ lúc phát tâm tu công phu thường nhật của ông là bốn thời lễ niệm mỗi ngày, thời khóa này ông giữ rất đều đặn xuyên suốt mấy mươi năm cho đến ngày qua đời. Ông dựng một cái thất gần nhà để có không gian yên tĩnh thuận lợi cho sự hành đạo của mình.

Ngoài ra ông còn đóng chiếc quan tài nhỏ bằng gỗ cẩm lai, kích thước chiều dài: 31 cm, chiều ngang: 15 cm, chiều cao là 26 cm, đề tên Nguyễn Văn Trọng Sanh sinh năm 1927;

còn ngày tháng năm tử thì ba chấm... để đó. Bảo vật này ông thường xuyên ngắm nghía để tự sách tấn chính mình, vì sớm muộn gì rồi ai cũng phải chui vào đấy an giấc nghìn thu, do vậy mà cần nên trân trọng thời gian quý báu, cố công nỗ lực tinh tấn tu tập. Hơn nữa trong cuộc sống đời thường, mỗi lần có bao nhiêu nỗi ưu tư não phiền khó kham nhẫn khó buông xả, cứ lại gần đưa mắt nhìn chăm chú vào nó thì bấy nhiêu thứ tơ lòng vương vấn tự động rơi rụng lẹ làng, như Thiện Đạo Tổ Sư có dạy:

*Nhất nhật vô thường đáo,
Phương tri mộng lý nhân.
Vạn ban tương bất khứ,
Duy hữu nghiệp tùy thân.*

*Một mai tử thân chợt ập đến,
Mới biết cuộc đời vốn là mộng,
Muôn thứ chẳng đem được thứ nào,
Chỉ có tội với phước theo ta!*

Cho nên đã biết kết cuộc chắc chắn số phận ai cũng phải như thế cả, thì bận lòng chi với cảnh mộng mị hư ảo của thế trần này!

Cổ Đức còn khai thị:

*“...Giàu sang bỏ xác rồi cũng hết,
Nghèo hèn hơi thở dứt cũng thôi;
Hỏi cái chi là của người đời?
Trả lời chẳng có gì tất cả.
Chỉ một cuộc lữ hành xứ lạ,
Về rồi thôi không thể mang theo;
Đời khác chi là cảnh bọt bèo,
Không thể tránh khỏi ngày tan rã.
Thật là kiếp con người tạm giả,
Thế gian là mồ mả của người;*

Kể từ khi mới có Đất Trời,
Kéo dài đến cõi đời hiện tại.
Trái đất của người đang ở đây,
Không chỗ nào chẳng có cây chôn;
Thấy người này ra đất ra bùn,
Mọc rau cỏ nuôi thân người khác.
Thây kiếp trước mọc lên rau rác,
Kiếp sau ăn không biết là thường;
Người nổi nhau chịu chết một đường,
Dù tài trí không phương cạy gỡ.
Kiếp sống ngắn lo lường vô số,
Ít sự vui, sự khổ thì nhiều;
Ngày tháng quanh quẩn có bấy nhiêu,
Xưa nay vẫn một chiều không khác.
Người này thác kế người kia thác,
Sự thác là kết cuộc đời người;
Bất luận ai sống dưới gầm trời,
Không tránh khỏi ngày hơi thở dứt.
Thế thì khá nên tin lời Phật,
Lo tu cho giải thoát kiếp phàm;
Các nghiệp mê cõi thế không làm,
Tất là khỏi bị sanh tử kiếp.
Tạo nghiệp tất nhiên là thọ nghiệp,
Nghiệp nào thì chịu kiếp nấy ra;
Nghiệp người ta sanh kiếp người ta,
Nghiệp thú vật sanh ra thú vật.
Nghiệp ác tất rơi vào chỗ ác,
Nghiệp lành thì được gặp chỗ lành;
Chúng sanh tùy nghiệp tạo mà sanh,
Có sanh tất phải đành có tử.
Việc sanh tử muốn cho rảnh sự,
Nghiệp hồng trần chớ thứ nào gây.

...

*Niệm Di Đà khẩn thiết nguyện về Tây,
 Ất sẽ dứt đọa đày nơi Lục Đạo.
 Đài vàng sen báu,
 Rực rỡ phóng quang.
 Khắp mười phương chư Phật thấy hân hoan,
 Vui mừng đón một chúng sinh giải thoát.”*

Ngoài ra trong sinh hoạt hằng ngày mỗi khi thấy bà xử lý chuyện gì mà ông cảm thấy không thỏa đáng, thì ông ghi câu hỏi vào quyển tập “Tâm Sự” đặt ở trên bàn soạn giáo án của bà. Tối đến, bà đọc xong liền viết câu trả lời. Và ngược lại bà có thắc mắc gì cần hỏi đáp với ông thì cũng gián tiếp qua dòng chữ giấy trắng mực đen. Nhờ vậy mà hai ông bà dường như cả đời chưa bao giờ có lời qua tiếng lại, bầu không khí gia đình luôn giữ được êm ấm an bình!

Một hôm ra thăm vườn, ông phát hiện mất mấy buồng chuối già cùng hàng mía còn cao lớn. Ông thầm nghĩ: “Người ta nghèo khổ mới trộm cây trái của mình. Hoàn cảnh đáng thương đó cần phải nên giúp đỡ.” Nghĩ thế nên ông quỳ xuống tại chỗ khẩn vái xin với chư vị Thần ghi tội ghi phước, cho kẻ cắp được miễn tội, vì chủ trồng đã hoan hỷ biếu tặng. Khẩn nguyện xong ông lạy bốn lạy rồi quay gót vào nhà.

Ông không thiên chấp về tông phái cũng như tôn giáo, mà là tự do tín ngưỡng, ông chưa hề có ý niệm muốn các con phải đi theo con đường mà mình đang đi, bởi ông cho rằng đạo nào cũng tốt, miễn làm lành lánh dữ trau tâm trả tánh là được rồi: “Chùa nào mà chẳng thấp hương; Đạo nào mà chẳng chủ trương điều lành.”

Ông thường khuyên con nên đọc kinh sách để cho sự hiểu biết về Phật Pháp được sâu chắc vững vàng, không lâm vấp vào mê tín hoang đường vì tu mà không hiểu biết gì hết là

tu mù; và cũng không được dùng Phật Pháp đi lý luận suông hoặc làm vũ khí để đấu khẩu hơn thua. Những ngày cuối đời, ông khuyên con ông: “Con nên chuyên tâm niệm Phật là tốt hơn hết,... lớn tuổi rồi không nên nghiên cứu kinh sách nữa!” Lời khuyên này thiết nghĩ hàng hậu học chúng ta cần ghi khắc vào tâm khảm của mình, và thật sự áp dụng thì mình sẽ thật sự gặt hái lợi ích to lớn.

Với chiếc xe đạp đòn dông cùng chiếc nón lá, ông thường đi đó đây để giới thiệu Phật Pháp cho mọi người hữu duyên, và sách tấn các bạn đồng tu, nhất là pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật cầu vãng sanh trên cương lĩnh “Học Phật Tu nhân”, phù hợp với hoàn cảnh của đời sống tại gia cư sĩ. Lúc ngồi lại, thấy hợp tình hợp ý thì ông hăng say trình bày, trao đổi; còn không thì ông im lặng rút lui, chưa từng tranh luận với ai điều gì. Nhờ có khiếu ăn nói, lời lẽ giản dị dễ hiểu nên ông đã gây thiện cảm với rất nhiều thánh chúng, và họ đã phát tâm học Phật tu hành rất đông.

Ông cũng thường tổ chức những chuyến dạo non vùng Thất Sơn Tà Lơn Núi Cấm, vì đây là cơ hội gieo trồng mầm đạo thuận lợi nhất. Đôi khi mở chuyến hành hương tham quan những ngôi chùa danh tiếng tận miền Trung, miền Bắc.

Năm 1993 sau khi ông tận mắt chứng kiến sự vãng sanh của bà, niềm tin vào pháp môn Tịnh Độ khởi phát mạnh mẽ, đi đâu ông cũng thường kể lại chuyện ấy để khuyến tấn chư liên hữu gần xa, nhất là câu nói cuối cùng mà bà đã nói với các con:

- Tòa sen đến rước mẹ! Mẹ đi ghen các con. Các con ở lại rán lo tu! Không có đứa nào được khóc hết ghen!

Vào cuối năm 2010 ông cảm thấy đau vùng lưng khá nhiều, thân quyến đưa ông ra bệnh viện Chợ Rẫy ngoài Sài Gòn, bác sĩ cho biết ông bị ‘rối loạn nhịp tim’ và ‘thoái hóa đốt sống’, xử lý bằng cách mang dây đai lưng rồi cho về chứ không nhập viện.

Dần dà sức khỏe của ông phục hồi tương đối khả quan, ăn ngủ đều tốt, duy có sự đi lại bị hạn chế do bệnh ở đốt sống. Ông hay ngồi trên chiếc xe lăn tìm nơi có ánh nắng để tắm nắng. Câu Phật hiệu mỗi lúc một khảng khít hơn so với thời gian trước.

Khoảng giữa tháng 11 năm 2013 ông trở bệnh, gia đình đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Tháp, bác sĩ chẩn đoán là ông bị ‘rối loạn nhịp tim do cao huyết áp’. Nằm ở đây được một thời gian xem tình thế không ổn, cô Sáu bèn điện thoại về chú Ba Hồng Vân:

- Anh Ba ơi! Ba của em đã nằm bệnh viện 10 ngày nay rồi, mà ông không ăn uống gì hết. Bác sĩ cho biết, nếu không ăn thì bác sĩ không điều trị, nên cần phải đâm ống...

- Thôi Kim Châu ơi! Anh thấy chú Hai bây giờ đã yếu lắm, anh đã xuống thăm mấy lần rồi,... nếu đâm ống chắc không chừng ông chết mất. Theo ý của anh là nên chở chú Hai về nhà để trợ niệm cho chú. Kéo uống công sức ăn chay tu hành của chú đã năm mươi mấy năm, nếu chết ở bệnh viện dần vật cái thân như vậy e chú không được vãng sanh, tội nghiệp lắm!

Cô Sáu y lời, liền xin bác sĩ xuất viện.

Các bạn đạo hay tin đến thăm, thì ông đang trong trạng thái hôn hôn mê mê hầu như không còn nhận biết được ai hết, chỉ nhớ một vài người. Nhận thấy tình hình nghiêm trọng nên chư vị đồng tu mới đề nghị với gia đình tổ chức cầu nguyện mỗi buổi tối, đồng thời thay thế bệnh nhân lễ Phật sám hối và điều giải oán thân trái chủ.

Tiến hành lay Phật sám hối đến ngày thứ ba thì ông tỉnh táo sáng suốt trở lại, bạn bè, bà con xa gần ông đều nhận diện rõ ràng chính xác.

Khi cơn bạo bệnh đã bay biến thể lực khôi phục, chỉ còn thỉnh thoảng hay xuất hiện những cơn mệt thở gấp, thở dồn dập, các đồng tu thường xuyên ghé thăm và trao đổi kinh nghiệm trong tu tập.

Bấy giờ ông mới vỡ lẽ một sai lầm lớn nhất trên con đường hành đạo của mình, suýt nữa đã uổng phí một kiếp người đó là đánh mất cơ hội vãng sanh! Bởi lâu nay ông luôn luôn tin chắc như đinh đóng cột rằng, mình ăn chay niệm Phật, thường khóa lễ bái mỗi ngày bốn thời, cùng với nhiệt tâm đi đây đi đó khuyến hóa người này quy y Tam Bảo, sách tấn người nọ dũng mãnh trì niệm công phu, như vậy chắc chắn rằng cuối đời, khi lâm chung thì mình sẽ: “Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc; Hưởng công niệm Phật rất yên lành.”

Sai lầm này đa số người tu Tịnh nghiệp thời nay đều mắc phải. Đâu ai ngờ rằng tất cả mọi thứ: ăn chay, lễ bái, khuyến người tu tỉnh... toàn là phước báu, là trợ hạnh mà thôi. Còn chánh hạnh của Tịnh Nghiệp là “Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật Quốc.”

Người niệm Phật tinh chuyên và một lòng khao khát cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc mãnh liệt thì mọi dính mắc đắm nhiễm trần gian tự nhiên rơi rụng, dầu cho có ai chê cũng không buồn, ai khen cũng không mừng, tâm hồn luôn an lạc và thanh tịnh, thái độ đối nhân xử thế lúc nào cũng từ tốn khiêm cung.

Ông thường nặn óc nhớ lại sự vãng sanh của bà. Do bệnh mà bà ba năm cuối đã niệm Phật ròng rạc, chuyên đến độ nằm một chỗ mà bà vẫn biết trước hết tất cả mọi chuyện sắp sửa xảy ra một cách chính xác.

Ông tự thấy công phu bản thân mình chưa được thuần

thục, tâm viên ý mã còn mãi leo chuyên, chạy nhảy lảng xảng. Nhớ nghĩ vô số chuyện thế tình, nào là thương ghét viễn vông, nào là sầu lo vụn vặt... Chẳng mấy khi có được giây phút lặng dừng. Suy nghĩ như thế nên ông đâm ra lo lo, sợ mất phần vãng sanh ở ngày cuối cuộc đời. Do vậy ông hạ quyết tâm niệm Phật cần mẫn chăm chỉ hơn trước.

Rồi ông viết tờ ‘Di chúc’ của mình gửi gắm hậu sự cho hai liên hữu thân tín là chú Ba Nghiêm và chú Ba Hồng Vân, bởi sợ các con không chuyên sâu pháp môn Tịnh Độ đôi khi thương cha bằng tình thương mê muội thế gian mà tạo nên duyên sự trở ngại ở ngày ra đi cuối đời của mình.

Một hôm, chú Ba Hồng Vân đến thăm ông như thường lệ, vì muốn khích lệ ông nên chú vừa nói vui vui nửa đùa nửa thật, vừa ra chỉ tiêu:

- Chú Hai phải rán làm sao... khi chú ra đi phải để lại những thoai tướng bất khả tư nghì, như là: hoa nở, chim kêu... chẳng hạn! Để cho kẻ thấy người nghe đều phát tâm Bồ Đề!

Hơn một năm sau, chú cảm thấy chỉ tiêu lúc trước đưa ra hơi cao quá nên bèn tự động hạ xuống:

- Làm sao khi ra đi chú phải rán niệm lớn tiếng từ một đến mười niệm cho con! Còn để được hoa nở chim kêu... coi bộ khó quá!

Gần cuối tháng 10 năm 2015 một hôm ông bảo con cháu mang y phục, nón, áo tràng cùng tấm liệm đi giặt sạch sẽ, ủi thẳng thơm gói vào bọc để khi ông mất khỏi lu bu. Nghe ông dạy sao thì làm theo vậy, con ông không tin rằng ông sẽ sắp sửa ra đi vì sức khỏe của ông hiện tại quá tốt, sự ăn ngủ đều khả quan, nhất là ông không còn trạng thái mệt thở gấp nữa.

Chiều ngày mùng 4 tháng 11, cô Sáu đang đút cơm cho ông, ông nói:

- Vài ngày nữa ba chết!

Cô Sáu đưa mắt hướng về ông chưa kịp phản ứng gì thì ông nói tiếp:

- Vài bữa nữa ba đi!

Cô vẫn trầm ngâm nhìn ông, ông lại nói thêm:

- Vài bữa nữa ba mất!

Cô bèn mỉm cười, rồi xoay qua nói với cậu con trai và cô con dâu đang ngồi giặt đồ bên chiếc máy giặt gần đó:

- Đức, Hạnh! Ông ngoại nói vài ngày nữa ông ngoại mất kìa!

Con cô liền kêu:

- Ông ngoại ơi! Ông ngoại đâu có mất đâu ông ngoại. Tối nào con cũng mua bún riêu chay cho ông ngoại ăn hết, mà... ông ngoại... chết gì!

Cô Sáu chen vào:

- Ba ơi! Ba chưa có chết đâu. Bây giờ ba còn ăn cơm được mà, chừng nào mà con đổ hồ... ba... thì ba... mới chết!

Cả nhà phá lên cười, ông cũng cười theo.

Giữa đêm mùng 7, rạng ngày mùng 8, khoảng 3 giờ sáng ông gọi cô Sáu:

- Kim Châu ơi, Kim Châu!

Đang thiêu thiêu ngủ, nghe gọi cô giật mình tỉnh giấc, ngỡ ông đói bụng, cô lẹ làng vừa xé bịch hủ tiếu vừa nói:

- Bây giờ hết bún riêu rồi... chỉ còn hủ tiếu thôi... ghen ba!

- Không có! Qua đây ba kể cho nghe một chuyện!

Biết mình đã nhầm, cô liền đến bên cạnh hỏi ông chuyện gì, ông nói:

- Con lấy cho ba cây viết và tấm giấy đi! Ba mới vừa nằm mơ thấy đi đến ba cảnh giới thật đẹp!

- Không được ba ơi!...Ba nên nhiếp tâm niệm Phật khẩn thiết thì tốt hơn! Chứ ba lo viết không lo niệm Phật... lỡ như Phật đến rước... thì làm sao ba vãng sanh theo Phật cho được!

- Vậy thôi con về bên bên ngủ đi!

Sáng ra, tức ngày mừng 8 ông bảo cô cháu dâu đem giấy viết lại cho ông. Cô Sáu hay được cũng ngăn lại và khuyên ông nên cố gắng niệm Phật như trước. Rồi cô điện thoại kể rõ tình hình của ông cho đồng đạo Hồng Vân.

Chiều lại, chú Hồng Vân xuống thăm. Qua vài lời hỏi han tâm sự một hồi, chú bèn nói với ông:

- Mình tu Tịnh Độ... mình chỉ đi theo Đức Phật A Di Đà, Bồ Tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chí! Mình chỉ về thế giới Cực Lạc!... Chứ mình đừng có theo ai hết, ghen chú Hai!

Vì trong bộ “Tịnh Độ Thánh Hiền Lục” có ghi lại rất nhiều trường hợp, người tu Tịnh Nghiệp đến giờ phút lâm chung thấy chư thiên các cõi trời đến để cung đón về thiên giới; hoặc sứ giả của Minh giới mời xuống Âm ty nhận lãnh quan chức, như các Ngài: pháp sư Đạo Ngang, pháp sư Hoài Ngọc, cư sĩ Khế Tịnh...

Ngày mừng 9, lúc 11 giờ trưa tan buổi dạy học ở nhà trước, cô Sáu đi vào nhà sau. Khi đi ngang qua giường ông nằm, ông gọi cô lại kể rằng:

- Hồi nãy ba thấy hai người to lớn thật là to lớn, đứng đưng lên tới nóc nhà, ba phải ngược cổ cao lên mới nhìn thấy

mặt. Hai vị ấy đẹp dữ lắm... đẹp cực kỳ đẹp. Thấy vậy ba mới xin đi theo. Rồi hai vị mới nói là chưa tới giờ!

- Dạ! Ba nói như vậy thì con nghe rồi. Thôi ba niệm Phật đi, để con vô nấu cơm ba ăn, không thôi trễ giờ rồi ba đói bụng!

- Thôi, con đi nấu cơm đi!

Buổi ăn trưa hôm ấy ông dùng được hơn một chén cơm.

Nghỉ trưa xong, cô Sáu tắm rửa thay y phục, rồi vắt một trái cam cho ông uống, lúc ấy là 2 giờ chiều. Uống nước cam rồi ông bảo:

- Thôi, con đi nghỉ đi!

Tới giờ cơm chiều (lúc 4 giờ), khi cô cháu dâu bụng mâm cơm đến, ông khoát tay, nói:

- Không ăn!

Mọi người cứ ngỡ rằng ông chưa đói bụng.

Ông quay sang gọi cô Sáu:

- Con tiếp cho ba tiểu!

Cô Sáu cảm thấy hơi lạ, lòng sinh nghi và phập phồng lo lắng, vì bình thường ông tự gắng sức được, không cần phải nhờ ai phụ giúp cả. Cô bèn xoay qua gọi cô con dâu tới trợ lực với cô.

Sau đó cô phát hiện lượng nước tiểu quá ít, liền bảo con trai và dâu đi rước bác sĩ Minh Đức đến để xem xét tình trạng bệnh của ông như thế nào. Hai người vừa ra khỏi nhà khoảng 10 phút thì cô vội vàng lấy mền đắp kín toàn thân cho ông, bởi bấy giờ là thời tiết giữa mùa đông. Đắp vừa xong ông bỗng niệm:

- Nam Mô A Di Đà Phật!

Cô cũng ứng thỉnh niệm theo:

- Nam Mô A Di Đà Phật!

Lần thứ hai ông niệm xong, cô cũng lớn tiếng niệm theo. Đến lần thứ ba ông chỉ thốt lên một tiếng: “Phật!”, rồi nhẹ nhàng tắt hơi, lúc ấy đúng 6 giờ chiều ngày mùng 9 tháng 11 năm 2015. Ông hưởng thọ 88 tuổi.

Đến 7 giờ tối, chư đồng tu hay tin tấp nập kéo tới hộ niệm liên tục suốt đêm. Hơn 10 tiếng đồng hồ sau, khi quan sát thân, thì thấy các khớp xương mềm mại, gương mặt trắng trẻo, sáng đẹp, môi đỏ hồng, miệng mỉm cười, toàn thân lạnh duy chỉ có đánh đầu hấy còn ấm nóng. Một điều hết sức lạ là màu da toàn thân đều chuyển sang màu trắng, trắng như cục bột, trắng hơn hẳn em bé sơ sinh, khác biệt rất xa so với thường ngày.

* Tuần thất thứ 3 của ông, lúc hơn 8 giờ sáng, cô Sáu đang ngồi dạy học cho các em học sinh tại tư gia, thì hàng ngàn con chim bay về đen cả bầu trời ngay trước nhà. Có khoảng 7, 8 con chim rất lớn bằng con vịt xiêm trống bay xà xuống trước sân, sắc lông của nó toàn là một màu đen như lọ mực từ đầu đến chân, không có điểm một cọng lông trắng nào. Cả bọn trẻ kêu lên: “Chim, cô ơi! Chim! Chim! Chim!”, 35 học sinh la lên vang dội, riêng cháu nội của cô leo lên bàn đá trước sân, nó la lớn: “Chào chim! Chào chim! Chim có khỏe không?” vì lần đầu trong đời cô Sáu, cháu nội và các học sinh mới thấy được cảnh chim về nhiều và lớn như thế. Riêng có một phụ huynh đưa con đi học, thấy vậy liền về nhà mua cá phóng sinh.

* Trong vườn nhà ông, thuở sinh thời ông rất thích trồng hai loại cây bông trang và phát tài. Cây bông trang thì

cho hoa dâng Phật quanh năm, còn cây phát tài chưa trở hoa lần nào. Khi ông quá vắng, các cây phát tài đồng loạt ra bông, từ nhỏ đến lớn và kể cả cây chỉ bằng gang tay (2 tác) đều nở hoa thơm ngát cả khu vườn.

Những năm hưu trí ông càng thích thú với việc hoằng dương Phật Pháp nhiều hơn. Ngoài ra ông còn trước tác các quyển sách như:

- * Dòng Sông Hiếu Nghĩa (truyện dài).
- * Pháp Trích Lục.
- * Khuyên Tránh Sát Sanh.

Các buổi nói chuyện của ông không bao giờ đề cập đến những lý luận huyền diệu xa tít chân mây, mà ông nhấn mạnh tu tập về đức hạnh, cử chỉ trong ứng xử ở đời sống hằng ngày mà một Phật tử tại gia cần phải tu tập. Qua đó tiêu mòn dần thói quen ích kỷ nhỏ mọn, tánh tật tham thích ăn ngon xài phí... Luôn mở tấm lòng thương yêu vạn loại chúng sinh. Đứng trước mọi trường hợp luôn có cái nhìn hướng thượng, hướng thiện và thái độ bao dung. Ông mang tâm nguyện làm sao để cho tất cả những người con Phật ý thức rằng “lời dạy của Phật” phải ứng dụng được vào hoàn cảnh sống hiện tại, nhất là hạng phàm phu chánh cống ở thời mạt pháp trần bao mê mờ tà kiến này!

Khi ông từ trần, các kỳ lễ cúng tuần, chư vị đồng tu các nơi tựu hội về, người thì nói:

- Nhờ anh Hai khuyên... mà tôi mới biết tu!...

Kẻ lại nói:

- Nhờ chú Hai... mà tui mới ăn chay niệm Phật!...

Có vị phát biểu rằng:

- Nhờ bác Hai mà con mới quy y Tam Bảo, giác ngộ Phật Pháp, vơi bớt nỗi phiền!...

Và còn rất nhiều, rất nhiều những câu nói bắt đầu bằng chữ “Nhờ” như vậy!

*(Thuật theo lời: Nguyễn Thị Kim Châu, con gái
của ông và đồng đạo Hồng Vân)*

10. NGUYỄN THỊ SỢI - LĂNG VĂN KHEN

(1931 - 2005) 74 tuổi và (1927 - 2014) 87 tuổi

Bà Nguyễn Thị Sợi sinh năm 1931, cư ngụ tại số nhà 40, ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Nguyễn Văn Thiện, và cụ bà Đoàn Thị Chối. Bà là chị Ba trong gia đình có sáu chị em gái.

Năm lên 14 tuổi, bà đi bộ đến sân vận động Châu Đốc để tham dự buổi thuyết pháp vào ngày 24 tháng 5 năm 1945. Có lẽ do cơ duyên này mà bà quy hướng Tam Bảo, nuôi chí nguyện chuyên tu không lập gia đình, nương thân nơi đạo tràng để tu học, nhưng chỉ được một thời gian ngắn vì cha mẹ chẳng chấp thuận, nhất quyết bắt về lo việc hôn nhân. Vì vậy, năm 1951 (lúc 20 tuổi) bà kết hôn với ông Lăng Văn Khen sinh được bảy người con, bốn trai ba gái. Gia đình bà sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình bà hiền từ, vui vẻ, chất phác, thật thà, rộng lòng thương người, giúp đỡ những kẻ khổ khó khốn cùng. Mọi người quanh vùng ai cũng công nhận bà là hiền lành nhất xóm, và đều kính mến bà.

Mặc dù thất học nhưng nhờ lòng nhiệt thành, ham thích Phật Pháp, bà khẩn nguyện Ân Trên Tam Bảo gia hộ cho bà biết chữ để đọc thi kệ. Thế là lần hồi, bà đọc được trọn bộ Thi Văn Giáo Lý, và thuộc lòng rất nhiều đoạn trong đó.

Được có duyên lành từ thuở nhỏ, nên bà thường tới lui Tổ Đình, An Hòa Tự để làm công quả.

Từ khi biết quy kính Tam Bảo, bà giữ hai thời lễ bái và ăn chay mỗi tháng bốn ngày. Khi ngủ, lúc nào bà cũng nằm nghiêng bên phải theo thể kiết tường.

Cha chồng của bà do tiêm thuốc bị sốc phải nằm một chỗ 11 năm trường. Những tháng ngày cuối đời bà chăm sóc rất chu đáo, kỹ lưỡng, chẳng ngại tanh dơ, nên em chồng thứ Chín của bà rất lấy làm kính phục bà. Về sau này khi bà đã vắng sanh, ông thường tán thán với mọi người rằng: “Chị Hai mà không thành Phật thì chẳng có ai thành Phật được hết!”

Đến năm 1961, lúc đang mang thai người con trai thứ Bảy thì bà phát tâm dùng chay trường. Công phu mỗi ngày ba thời, sau lễ bái bà ngồi tịnh niệm một tiếng đồng hồ hoặc nhiều hơn, xâu chuỗi 18 hạt không rời khỏi tay. Đặc biệt luôn bàn chuyện đạo chẳng bao giờ nói chuyện ngoài đời. Xưng hô với các con, bất luận là trai, gái hay dâu bà đều gọi là ‘đệ’. Khi các con có lỗi lầm bà chưa từng la rầy, quát mắng, mà ôn tồn chỉ dạy, và nhắc nhở:

- Đệ làm cái này không đúng rồi đó... ghen đệ!

Thời gian này mọi chuyện gia đình đều do chồng con gánh vác, vả lại các thành viên trong nhà đều ăn chay, nên phần bà chuyên lo làm phước và tu trì: đi núi, đi chùa, cầu nguyện tuần thất các nơi...

Bà không ăn chiều, lượng thức ăn thường nhật cũng ít. Bên mình chỉ vồn vện hai bộ đồ để thay đổi, các con may dư bộ nào là bà bố thí bộ nấy. Bà hay đến chùa ở làm công quả, toàn là cuộc bộ cho dù khoảng cách hơn hai mươi cây số!

Một dịp nọ bà đi xe hon-đa đầu, giá cả đúng ra chỉ có 15.000 đồng thôi, nhưng vì tính nết của chú tài xế quen chém chặt nên đòi giá gấp đôi là 30.000. Khi đến chỗ, bước xuống xe, bà móc trong túi ra còn ba mươi mấy, gần bốn chục ngàn đồng, bèn đem tặng hết cho chú. Chú nhận tiền xong, lòng cảm thấy vô cùng áy náy xấu hổ, tòa án lương tâm đã lên tiếng! Nhờ hành động thiện thà thí xả của bà, mà đã cảm hóa chú. Từ đó chú cải đổi tâm tánh, về sau trở thành người thiện lương chân thật.

Bà thường chặt thuốc Nam cho các cơ sở từ thiện, và gánh nước cho học sinh uống, hoặc trời mưa đường xá lầy lội, bà lấy trấu đổ lên để bớt trơn trượt cho khách bộ hành được an toàn. Thấy ai đói khổ, bà âm thầm mang gạo đến tận nhà biếu tặng. Người thân có cho tiền, thì bà mua mì gói đem lại cho phòng thuốc Nam gần nhà.

Những lần đi xuống chợ (chợ Hòa Bình, cách nhà hơn một trăm mét) trông thấy những ai đui mù, lở loét bò lết ăn xin, bà mướn người khiêng về nhà lo chăm sóc, mua tìm thuốc xức các vết loét... Chính tay bà tắm rửa. Và cái điều khó học theo nhất là phần ăn thừa của họ bà đều độ tận chứ không cho các gia súc, hay cúng dường bà Thủy (tức đổ xuống sông bỏ). Mỗi lần cô Út bắt gặp đều than khóc hoài với bà, bà nhẹ nhàng đáp: “Bỏ tội lắm con ơi!” Rồi cho qua tỉnh bơ như chẳng hề có chuyện gì xảy ra. Chừng được vài ngày, sau khi họ khỏe khoắn, lành lặn, bà mới cho họ đi. Cứ lai rai bà nuôi được mười mấy người như vậy!

Bà có hạnh phúc xả bố thí không tiếc thân mạng. Nhiều lần bà đang đi đường gặp người đói rách, bà liền dốc hết tiền túi; có hôm bà choàng khăn khi đi “làm tuần” về, con bà vừa nhìn thấy thất kinh hồn vía hỏi duyên do, bà đáp:

- Mẹ đã cởi áo cho ông già ăn xin rồi!

Cô con gái van cầu:

- Mẹ đừng cho kiểu này nữa! Ông ba mà hay được, chắc ông đánh bà chết đó!

Mỗi khi đi xe đồ hoặc đến chỗ mua đồ không khi nào bà trả giá, mà nếu có mua bà cũng lựa những người bán đồ ế để mua giùm. Có lần đi đường bị xe Honda đụng bà gãy xương sống và bị thương nơi chân khá nặng, người lái xe hoảng sợ, bà kêu lại nói:

- Tiền nè! Đệ lấy tiền về đăng sửa lại xe đi, việc này vì rủi ro chứ đệ lái xe... đệ đâu có muốn đụng!

Người lái xe quá mừng, cảm ơn lia lịa rồi từ giã ra đi.

Bà giấu không cho ai hay, rồi vào bệnh viện điều trị, và nói với những người quen:

- Đừng cho mấy đứa con tôi biết, mà nó làm khó người ta!

Quả thật tương xứng với lời dạy:

*“...Lo tu hơn kẻ lo đời,
Ngày đêm chẳng ngớt vun bồi phước duyên.
Đời lo được nhiều tiền nhiều của,
Đạo mong sao nên quả nên công,
Phật không ngớt niệm trong lòng,
Phước không quên tạo khắp trong xóm làng.
Khổ thay đời không than không trách,
Vui trên đường đạo đức sớm khuya;
Xác thân có thể vui lìa,
Nhân lành lòng quyết không hề rời ra.
Thà bỏ mạng không xa chánh đạo,
Trừ tà tâm hơn tảo trừ thù;
Lòng tham của đổi tham tu,
Được như vậy chẳng bao lâu tất thành.
Không thành tại chẳng hành chánh đạo.
Đâu phải do Phật giáo không linh,
Nghề chuyên học tất nghề tinh;
Tâm chuyên niệm Phật tâm linh không lầm.
...Đi đường Phật thì sang cõi Phật.
Thế gian chịu khổ sâu chất ngất,
Cõi Phật thì khoái lạc vô biên.
Rán tu hành rán chường phước duyên,
Để sớm được trường miên bốn mạng.
Kiếp người thấy tợ vùng mây ráng,
Ngọn gió qua đủ tán số căn;*

Ham làm chi những việc hung hăng,
Để chịu lắm tai nạn kiếp sống.
Không học Phật cũng gìn đạo Không,
Chẳng tu Tiên cũng sống nên người.
Lấy lương tâm ra đối xử đời,
Cho xã hội loài người tốt đẹp.
Các tật xấu thói hư nên dẹp,
Rán trau tria tánh nét hiền lành;
Chớ quá vì mền việc lợi danh,
Đức liêm sĩ của mình chôn lấp.
Bề nhờn cách cũng cần tu tập,
Việc lễ nghi phải học đàn hoàng.
Tuy quen thân cũng chớ sổ sàng,
Dù cật ruột cũng đừng bướng bả.
Cách ăn nói chọn lời tao nhã,
Khi nằm ngồi lựa chỗ khiêm cung.
Kẻ nhận lầm thì khá thứ dung,
Người nói đúng nên công nhận phải.
Khôn ngoan chớ khinh người ngu dại,
Giàu có đừng bạc đãi nghèo hèn.
Bất luận người ấy lạ hay quen,
Khi hữu sự sẵn sàng giúp đỡ.
...Luôn nêu cao tinh thần tương trợ,
Để kiếp người chung ở bình an.
Tâm hồn luôn mơ ngóng Tây Phang,
Nguyễn mãi số sẽ sang bên đó!
Bao nhiêu chuyện thế trần vút bỏ,
Còn từ bi hỷ xả ôm theo.
Khổ trầm luân vĩnh viễn hết đeo,
Vui giải thoát như keo dính chặt.
Đài sen vạn sắc,
Thơm ngát muôn phương!

Chẳng những đối với mọi người ai cũng kính nể bà, mà thậm chí đến cán bộ, công an cũng phải nể bà nữa.

Con trai thứ Hai của bà làm Tập Đoàn, thường tới lui ăn nhậu với cán bộ, công an. Bà dùng lời từ ái khuyên lơn, nhưng anh chẳng nghe, chú phó công an xã ôm bà, nói:

- Bác Ba ơi, bác tu ở xã anh em tôi, ai cũng thương bác hết. Nhưng con bác là quỉ... đó mà!

Người con nghe chú công an nói về mẹ mình như vậy, liền bỏ rượu phát tâm dùng chay trường và tinh tấn tu hành.

Khi công phu lễ Phật trì niệm, phải thường thường cầu nguyện Ân trên gia hộ cho mình: “Luôn quên đời nhớ đạo dặng mà lo tu.” Câu nói này là câu bà hay lặp đi lặp lại liên tục thường ngày!

Đối với các con cháu trong nhà bà hay khuyên răn chăm lo niệm Phật để được vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Mỗi lần có khách đến thăm, bà chỉ nói chuyện đạo chẳng bao giờ bàn chuyện xấu dở thị phi, bà luôn khen các cô bạn đồng tu của con bà:

- Cô này được quá... niệm Phật riết mà... ú nù trắng tươi!

Quanh năm suốt tháng bà ít khi mắc bệnh, mà hễ trong người cảm nghe có bệnh, bất cứ là bệnh gì, thì bà mua bún ăn thật nhiều, kể đó đi tắm, rồi dùng mền trùm lên mình, vậy là hết bệnh. Không uống bất cứ loại dược phẩm Đông, Tây, Nam, Bắc nào cả. Mấy mươi năm trôi qua bà chưa từng đến lương y hay bác sĩ để khám và chữa trị bao giờ, các bệnh viện hoàn toàn không có hồ sơ bệnh án của bà. Đây cũng là một chuyện vô cùng hiếm lạ mà có thật trên cõi đời này!

Vào khoảng gần cuối tháng 5 năm 2005, bà nói chuyện

thật nhiều, nhưng nói toàn lời đạo đức khuyên tu. Cô con gái thứ Ba khuyên bà bớt nói. Bà trả lời:

- Tôi còn mạnh giỏi tôi rán nói cho mấy đệ biết đặng lo tu, chớ tôi về Phật rồi thì đâu còn ai nói nữa!

Bà lại nói với cô con gái Út:

- Tôi về Phật rồi đệ phải cười ghen!

Cô Út trả lời:

- Khóc chứ cười gì?

Bà nói:

- Đệ như vậy là không được rồi!

Đến chiều ngày 24 tháng 5, bà cảm nghe sức khỏe không tốt, qua sáng sớm hôm sau bà mua nửa ký bún, dùng xong đi tắm rồi trùm mền như mọi khi, lúc ấy khoảng 6 giờ. Hơn hai tiếng đồng hồ sau các con bà mới phát hiện bà chẳng còn biết gì hết, thực sự đã chìm vào hôn mê, nên tức tốc đưa bà vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc. Có lẽ báo duyên cõi trần đã mãn nên lần này tuyệt chiêu ‘ăn bún rồi đi tắm’ hết còn linh nghiệm như thường lệ nữa rồi!

Ở bệnh viện được một ngày, chờ kết quả của các cận lâm sàng xong, bác sĩ cho biết bà bị tai biến mạch máu não. Thấy thế, gia đình xin đưa về nhà để lo hộ niệm vào chiều ngày 26.

Tuy bà không nói chuyện được nhưng bà vẫn còn biết, luôn nằm nghiêng bên phải, tay bà lần chuỗi đều đặn và liên tục. Con cháu đặt bàn Phật, nhờ bạn đạo đến cầu nguyện đồng thời hộ niệm cho bà.

Đến 8 giờ sáng hôm sau, bà nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh vang rền của câu Hồng Danh Vạn Đức. Nhằm ngày 27 tháng 5 năm 2005, bà thọ 74 tuổi.

Lễ an táng của bà được tiến hành vào lúc 3 giờ chiều

trong ngày. Khi nhập mạch thân thể của bà các khớp mềm mại, gương mặt hồng hào sáng đẹp, toàn thân lạnh duy đánh dầu còn ấm, đặc biệt là trên môi lộ rõ nụ cười!

* Lúc bà dứt hơi có đứa cháu ở xóm đi qua dò thấy trên nóc nhà của bà có ánh hào quang sáng rực.

* Đến tuần thất thứ ba,¹ cô Út đang nằm nghỉ trưa, bỗng mơ màng nghe âm thanh vắng vắng bên tai:

- Mẹ về Phật rồi! Sao con Na... nó kêu mẹ hoài!

Cô giật mình thức dậy, liền đi tìm người chị thứ Tư, cô hỏi:

- Chị ơi! Chị có kêu mẹ không? Mà mẹ mới kêu em cho em hay nè!

Chị cô đáp:

- Có! Chị thường mỗi khi đi ngang qua bàn thờ là kêu má ơi, má à hoài!

- Mẹ về Phật rồi, chị đừng kêu nữa. Mẹ nói, chị có thương mẹ thì chị rán niệm Phật đi!

* Thời gian sau khá lâu, bà Kim Hên là bạn của bà, vì bạn đi Sài Gòn nên không hay tin bà mất. Hôm nọ cùng với một vị nữa đến viếng phần mộ của bà, tối lại nằm mộng. Sáng hôm sau sang nhà, bà kể với cô Út rằng:

- Ngày hôm qua, tao ra mộ má mày tao khóc. Hồi tối bả về bả rầy tao, bả nói: “Tôi về Phật rồi, mà mấy bà ra mộ tui, mấy bà khóc chi ạ!... Tôi về Phật rồi!”

¹ Tuần thất: tức là các lễ cúng mỗi tuần một lần sau khi một người qua đời, tụng kinh niệm Phật hồi hướng công đức cho người ấy, kéo dài 7 tuần như vậy.

Chồng bà tên là Lăng Văn Khen (1927 - 2014), tính tình rất thẳng thắn, chơn chất thật thà, hơi nóng nảy, lại rộng lòng thương giúp người. Sự ăn mặc vô cùng giản đơn cần kiệm.

Ông rất có hiếu, đứng ra gánh vác vai trò kinh tế chính trong gia đình, đi làm về có bao nhiêu tiền đều đưa cho cha chứ không giữ tiền riêng. Mãi đến khi thành lập gia thất cho các em hết rồi, bà Ba (cô ruột của cha) thấy thương ông quá mới đề nghị với cha cho tách gia đình ông ra.

Vào khoảng năm 1965 ông làm thêm nghề đánh bắt thủy sản (giở chà và lưới giựt), mãi đến năm 1975 ông giác ngộ lý nhân quả qua lời Phật dạy, nên đã phát tâm trường trai giới sát, niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương, cùng với các con tinh tấn tu hành. Cũng từ đó, ông bán hết lưới chà chuyển sang nghề làm đậu hủ. Ông vất bỏ hết những thú nhiễm ghiền như thuốc lá và rượu chè, chuyên đi làm từ thiện, xay thuốc tán, bào chế thuốc tô hiệp... Rồi từ đó tính nóng nảy nơi ông tự nhiên biến mất.

Công khóa thường ngày của ông là hai thời lễ nguyện, sau lễ bái cầu nguyện thì ngồi niệm Phật khoảng 30 phút. Đặc biệt là ông giữ thời khóa rất chắc, không khi nào lơ là bỏ sót, dù đau yếu mệt nhọc cách mấy vẫn tận lực duy trì đều đặn! Đồng thời cũng đốc thúc các con như vậy. Từ khi bà vãng sanh (2005) trở đi ông càng dũng mãnh hành trì hơn xưa.

Khi có tiền ông rất thích phóng sanh hay mua gạo bố thí. Ngoài ra ông thường xuyên cùng với đồng tu đi cầu nguyện tuần thất đầy đó khắp nơi.

Năm 2007 ông bị suy tim nhẹ. Mỗi lần bệnh, thân quyến đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc điều trị ít hôm. Bệnh tình tuy không nặng nề chi cho mấy, nhưng thường hay

lập đi lập lại hoài như vậy cho đến ngày ông mãn phần. Cứ sau khi xuất viện về nhà là ông tinh tấn niệm Phật nhiều hơn, bởi vì có vào đây mới chiêm nghiệm sâu sắc lời Phật dạy: “Cõi đời là đau khổ,... Thân xác con người là vô thường, chứa nhóm vô lượng vô biên tật bệnh và dơ bẩn... Thoáng chốc rồi cũng phải từ giả dương gian, trôi dạt mãi nơi bể sinh tử luân hồi...”

Thỉnh thoảng ông đến các đạo tràng tham dự tu Phật Thất. Khi nhận thấy lợi ích của sự chuyên tinh hành trì, nên ông đã dùng vải ngăn thành một căn phòng riêng bên cạnh gian nhà bếp, rồi tự lên chương trình Phật Thất một mình, tối ngày ông ở miết trong đó, khi đến giờ ăn hay vệ sinh hoặc lễ nguyện mới ra ngoài giây lát. Trung bình trong 24 giờ đồng hồ ông niệm được khoảng 100 đến 120 xâu chuỗi trường. Dần dà về sau ông chỉ nhiếp tâm niệm Phật chứ không còn lấy đũa tre làm thẻ để tính số như trước nữa.

Ông rất thích nghe Phật Pháp, mỗi tối ông nghe 2 đĩa rồi mới đi nghỉ, thường là một đĩa nói về y báo chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, còn một đĩa là Nghịch Duyên. Hai đĩa này là 2 đĩa gối đầu giường của ông, càng xem nghe ông càng thấy hay, mỗi lần xem nghe là mỗi lần mới. Ông hay tâm sự: “Mình niệm Phật làm sao... đừng để kém hơn cô năm giò heo này mới được!”

Vào khoảng đầu năm 2013 (trước lúc mất 1 năm) ông thực sự buông bỏ mọi thứ, nhất là thú đam mê cây cảnh của mình. Ông thường nói với con cháu: “Cái gì cũng giả hết con ơi! Rán mà lo niệm Phật”

Một hôm, sang thất thầy Tâm Đức bắt gặp trên vách có viết:

*“Còn mạnh khỏe rán lo tu xiết,
Vô thường kia đâu biết lúc nào.
Giờ công phu chớ có lãng xao,
Tu tinh tấn mới mau giải thoát.”*

Ông vô cùng thích thú mấy câu thơ này, thường đọc cho mọi người thân quen nghe để khích lệ lẫn nhau. Đôi lúc thấy ai còn thói quen, ưa tổ chức ngao sơn ngoạn thủy, du lịch giang hồ, ông thường khuyên: “Nạn nguy sắp đến mà ngao du hoài.” Hai chữ “Nạn nguy” ở đây, theo ông đó là chỉ cho cái bệnh và cái chết luôn sẵn sàng ập đến chúng ta bất cứ lúc nào!

Ngày 21 tháng 3 năm 2014, thấy ông mệt các con đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc. Hôm sau thì chuyển xuống Bệnh Viện Tim Mạch An Giang. Ở đây bác sĩ đề nghị gia đình nên đặt máy trợ tim cho ông, nhưng thân nhân thấy không ổn bèn xin cho ông xuất viện ra về để lo hộ niệm, mà ông cũng mong muốn như vậy. Lúc bấy giờ ông vẫn tỉnh táo, còn nói chuyện được, có điều là mệt hơi nhiều. Khi về tới nhà, người khiêng bằng ca vấp phải ngạch cửa, ông giật mình niệm lớn: “Mô Phật!” Khi ấy đã hơn 8 giờ tối. Trong lòng ai cũng đinh ninh rằng ông không thể nào ra đi vào thời điểm này, bởi vì sức khỏe ông còn quá tốt.

Nhưng vừa đặt ông lên giường, nằm chưa bao lâu thì nhịp thở của ông thay đổi bất thường, mọi người xúm lại niệm Phật vang dội, ông nhép môi niệm theo, kế đó ông tự sửa tay chân thẳng thớm, rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, khi ấy đúng 9 giờ tối, nhằm ngày 23 tháng 3 năm 2014. Ông hưởng thọ 87 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì đến 8 giờ sáng ngày hôm sau mới tiến hành nhập mạch, các khớp xương mềm mại gương mặt ông sáng nhuận tươi đẹp, như người đang nằm ngủ không khác.

* Ngày mùng 9 tháng 2 (trước ông mất 1 tháng rưỡi), vào lúc 4 giờ sáng ông bảo các con cháu tụ họp lại hết, rồi

ông tường thuật lại giấc mộng mà ông vừa gặp qua. Ông thấy quan quân, binh lính đông rất đông kéo đến trước nhà mời ông đi, ông mới hỏi họ, họ cho biết họ là quan lính của triều đình.

- Nghe nói họ là quan lính của triều đình, cha bèn từ chối: “Thôi, tui không có đi! Tui niệm Phật tui theo Phật!” Khi cha trả lời như thế, thì họ liền kéo nhau đi hết.

Con ông chen vào:

- Sao cha khôn quá vậy, thưa cha!
- Mình niệm Phật... mà con! Mình niệm Phật thì phải theo Phật chứ!

Một lát sau hay tin, ông Từ của đình Thần xã Hòa Lạc cũng là thông gia với ông đã mới vừa mất, ông sui này đang mạnh cùi cùi vậy mà đột nhiên qua đời. Các con ông một phen thất kinh hồn vía, đứng tim, nếu tín tâm của cha mình đối với sự niệm Phật cầu vãng sanh không sâu chắc, có lẽ giờ này đã đi hưởng phúc ở Quỷ Thần Đạo mất rồi!

- * Sau khi tiến hành lễ an táng xong, các con cháu đã tổ chức niệm Phật rầm rộ, liên tục hằng ngày vào mỗi buổi tối suốt 7 tuần lễ để hồi hướng công đức cho ông. Đêm nọ cô Út nằm mộng thấy ông hiện về, thân tướng cao lớn phương phi, trên người trang phục nguyên bộ bà ba trắng, nét mặt vô cùng hoan hỷ, ông nói:
 - Cha được về Phật rồi!... Cha thấy mấy đứa tổ chức niệm Phật như vậy...cha mừng dữ lắm!

Nói chuyện qua lại với ông được chừng đôi ba câu gì đó, thì bỗng nhiên ông biến mất sau áng mây lành.

(Thuật theo lời: Lăng Văn Mây, Lăng Văn Tích và Lăng Thị Nhưng, các con của ông bà).

11. NGUYỄN THỊ KIM BA

(1956 - 2015) 59 tuổi

Bà Nguyễn Thị Kim Ba sinh năm 1956, nguyên quán Long Giang, Chợ Mới. Song thân là cụ ông Nguyễn Văn Trạo và cụ bà Châu Thị Trâm. Bà là chị thứ Ba trong gia đình có sáu người con.

Khi đến tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Trần Phú Quý, sanh được bốn người con, một trai ba gái. Gia đình bà định cư tại ấp Kiến Hưng, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Cả hai ông bà đều là giáo viên công tác tại Trường Tiểu Học “B” Vĩnh Thành.

Mẹ bà vốn là một Phật tử trường trai thờ Phật, nhờ hấp thụ truyền thống đạo đức quý báu ấy nên bà đã đến với Tam Bảo rất sớm, thuở còn ấu thơ mà đã biết sớm chiều lễ Phật sám nguyện.

Tính tình bà vui vẻ, hiền từ, nhu hòa, chân thật, và thích giúp đỡ mọi người xung quanh. Đối với những người nghèo khổ, bệnh hoạn hay tai nạn bà đều quan tâm giúp đỡ tận khả năng hiện có. Mọi công tác từ thiện xã hội lớn nhỏ gì bà cũng đều tham gia đóng góp bằng đồng lương khiêm nhường của mình.

Bà cũng hướng dẫn các con về cách thức cư xử từ trong nhà cho đến bên ngoài lối xóm láng giềng cần phải nhẫn nhịn: “Có những sự việc mình không làm nhưng bị người ta nói, mình cũng cần phải nhẫn để cho bầu không khí được vui vẻ hài hòa, hãy ‘hạ mình nhận lỗi mặc dù là không’...nhất là cần phải sống chân thật.”

Chồng bà là người hiền lành có đạo đức nên bầu không

khí gia đình tương đối êm ấm, mọi chuyện sinh hoạt đời thường dường như thuận lợi mát mái xuôi chèo.

Năm 1995 bà phát tâm trường trai, và thường xuyên phóng sanh. Vào những ngày nghỉ hoặc những dịp hè bà hay dẫn người thân quen đi viếng chùa lễ Phật. Công khóa thường nhật của bà là sau hai thời sám nguyện sớm chiều thì ngồi niệm Phật khoảng 30 phút.

Thỉnh thoảng bà cũng nghiên cứu kinh điển sám kệ, nghe các băng đĩa về Phật Pháp.

Sáng ngày 24 tháng 11 năm 2008, hai ông bà cùng người con đến trường dự buổi họp. Khi họp xong ra về, đang đi giữa đường bỗng dừng ông lên cơn chóng mặt dữ dội, chưa kịp chuyển vào bệnh viện là ông đã qua đời. Đến bệnh viện Đa Khoa An Giang mới biết là do tai biến mạch máu não vì huyết áp cao.

Lúc này bà rất đau khổ, sức khỏe suy sụp trầm trọng phải vào bệnh viện. Cô con gái dùng lời Phật dạy để an ủi bà:

-Thế gian là chốn vô thường. Cõi trần hồng là tạm giả, có hợp thì có tan, có sanh thì có tử... Nợ duyên của cha đã hết thì cha phải ra đi... Mẹ đừng có đem lòng luyến ái mà phiền não, mà buồn khổ có hại thêm thôi. Bây giờ mẹ phải sống vì các con, phải lo tu dưỡng mà giải thoát mới là cần thiết và quan trọng hơn hết!...

Nhờ con nhiều lần khuyên nhắc như thế nên nỗi buồn đau lần hồi nguôi ngoai, niềm sâu thương dần dà tan nhạt, bà tươi tỉnh trở lại.

Sau khi ra viện bà nỗ lực tu hành tinh tấn hơn xưa, sự hiểu biết về Phật Pháp ngày càng trở nên sâu rộng và vững

chãi, nhất là đối với pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh có phần tin sâu nguyện thiết.

Quả thật đời người quá ư vô thường mong manh, như lời của Cổ Đức khai thị:

“Cuộc hồng trần xoay vần quá ngán,
 Kiếp phù sanh tụ tán mấy lắm hồi,
 Người đời có biết chẳng ôi!
 Thân này tuy có, có rồi hoàn không.
 Chiêm bao nào thật mà mong,
 Mơ màng chỉ một giấc nồng rồi tan,
 Làm cho kẻ ở thế gian,
 Khóc người bôn tẩu suốt vàng xa xôi.
 Khi nào đứng đứng ngồi ngồi,
 Giờ không nhúc nhích như chồi cây khô,
 Khi nào du lịch giang hồ,
 Bây giờ nhắm mắt mà vô quan tài.
 Hoa xinh khoe sắc ban mai,
 Lụi tàn chiều đến lâu dài được đâu.
 Đổi thay bãi bể nương dâu,
 Hợp tan tan hợp thêm sầu thảm thê.

...
 Người mau nhớ lại kiểng quê,
 Chớ nên quá đổi say mê hồng trần.
 Ở trần chỉ khổ não thân,
 Đâu bằng về cõi Phật Thần thánh thơi.
 Ở trần tuy nói ăn chơi,
 Trong ăn chơi đó bắt người lo âu.
 Sống vui trong khối buồn rầu,
 Ấy là cảnh sống của hầu hết dân.
 Khổ tâm hoặc giả khổ thân,
 Không ai ở cõi hồng trần được vui.
 Được vui nhờ đạo biết mùi,

Nhờ lòng cởi mở hết nơi buộc ràng.
Thế gian vượt khỏi thế gian,
Tử sanh đổi lại Niết Bàn là vui.
Đã tu rán tiến chớ lùi,
Bước chân vào đạo đi xuôi một đường.
Lợi danh cám dỗ không màng,
Sắc tài cũng mặc đem đàng nọ kia.
Một lòng đạo hạnh trau tria,
Y theo lời Phật sớm khuya tu hành.
...Nhà tu thì phải làm lành,
Trọng điều phước đức hơn danh lợi trần.
Tu cho mình mãn tinh thần,
Sáng hơn kẻ tục muôn phần là tu.
Tu còn tâm trí mờ lu,
Tại người chưa được tóm thu vọng trần.
Phải cho đoạn chính nơn thân,
Trong lòng bình tĩnh xét cân mọi điều.
Những gì còn có bao nhiêu,
Tự mình biết rõ chẳng điều nào sai.
Lấy tâm thông trị bên ngoài,
Đừng cho ngoại vật dọa đầy trong tâm.
Vọng tình như đá nam châm,
Cảnh trần như sắt đến gần hút ngay.
Cảnh xem tình chẳng động lay,
Là điều rất khó xưa nay ít người.
Việc chi dù khó mấy mươi,
Lòng người nhứt quyết rớt rồi cũng nên.
Người tu cần có chí bền,
Gặp bao thử thách cũng nên kiên trì.
Ngày nay được biết qui y,
Là do tiên kiếp đã đi đường lành.
Tu thêm nhứt định sẽ thành,
Cũng như giàu có nhờ dành nhiều năm.

*Đạo thành rõ mối huyền thâm,
Như mù được sáng hết lăm đường đi.*

...
*Âm thâm trì niệm A Di,
Tây Phương Cực Lạc thế ghi khắc lòng.
Sen hồng nhất định đơm bông,
Khổ đau muôn thuở trần hồng tiêu tan.
Mười phương chư Phật hân hoan,
Mỉm cười chào đón ngập tràn niềm vui!"*

Năm 2011 bà hưu trí, thời gian tu niệm nhiều hơn, thường tham dự đầy đủ các buổi niệm Phật định kỳ được tổ chức tại nhà chùa liên hữu trong vùng. Bà rất thích những câu chuyện niệm Phật vắng sanh.

Hơn hai năm sau, đột nhiên tình hình sức khỏe của bà có nguy cơ báo động. Bà vốn đã bật kinh từ lâu, vào khoảng tháng 5 năm 2013 sao bỗng ngưng một hôm nọ có trở lại, với số lượng thật nhiều, bà liền đến các bệnh viện của huyện và tỉnh để khám nhưng vẫn không tìm được bệnh, nên hồ sơ bệnh án được chuyển ra Bệnh Viện Trung Tâm Ung Bướu. Nằm viện được một tuần, sau khi chờ kết quả xét nghiệm tế bào bác sĩ cho biết tử cung đã bị ung thư, và đề nghị vô hóa chất, nhưng bà xin về, bởi xét thấy có những bệnh nhân nhập viện trước đó đã mấy tháng rồi mà bệnh trạng chẳng khả quan gì cả!

Về nhà chưa bao lâu, cơn bệnh hoành hành dữ dội, lượng huyết cũng ra nhiều hơn, gia đình chuyển bà vào Bệnh Viện Phụ Sản Quốc Tế ngoài Sài Gòn, bác sĩ ở đây cũng xác định là ung thư tử cung, đồng thời chuyển bà sang Trung Tâm Ung Bướu chứ không cho nhập viện, thân nhân ưng thuận nhưng bà không chấp nhận, vì biết bệnh này là bệnh nan y, vô hóa

chất rồi chẳng mấy chốc vẫn phải chết; tội hồ như vừa nhận được bức công văn mà Diêm Vương gửi đến đính kèm dấu ấn “bất khả kháng”, cho dù ai đó có quyền thế tốt cùng hay sang giàu tốt bậc, cũng phải ngoan ngoãn chấp hành mệnh lệnh tối cao này! Vì vậy bà quyết định ra về, điều trị bằng Đông dược để dành chi phí phóng sanh hoặc bố thí sẽ gặt hái lợi ích thù thắng hơn!

Biết rằng mình còn sống chẳng bao lâu nữa nên bà thật sự buông bỏ muôn duyên, một lòng chuyên cần niệm Phật cầu về Tây Phương, mỗi tháng toàn bộ lương hưu trí bà đều phóng sanh, hay bố thí sạch sẽ. Bà còn viết mấy câu thi kệ bằng phấn gần giường nằm để tự sách tấn chính mình:

*Dưới trần hương đốt một cây,
Tòa sen có một vầng mây bay vào.*

Và:

*Ao sen báu Tây Phương đưa nở,
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.*

Và:

*Ở Tây Phương chư Phật ngóng trông,
Chờ bá tánh rủ nhau niệm Phật.*

Bên cạnh đó nhờ sự trợ duyên đắc lực của các con nên công phu niệm Phật của bà mỗi lúc một tinh chuyên thuần thực, tâm tư luôn hướng về thế giới Tây Phương Cực Lạc, nguyện vọng tha thiết được quỳ dưới chân Đức Từ Phụ A Di Đà.

Hằng ngày bà sắc thuốc Nam để uống, thỉnh thoảng thêm một ít thuốc Bắc. Đôi lúc cơn đau xuất hiện hoành hành bứt ngắt, khối u lớn bằng quả cam ở vùng bụng di động qua lại làm cho bà phải bặm môi hít hà, nhưng chưa bao giờ nghe bà rên rỉ kêu than. Từ đó thể xác ngày một mòn hao suy gầy như chiếc đèn dầu cạn tim lụn, nhưng công phu trì niệm ngày một khẩn thiết tinh chuyên, tâm an thần định.

Bà dặn dò các con về hậu sự cho mình, càng đơn giản càng tốt, đừng nên hình thức phô trương tốn kém vô ích.

Ngày mừng 4 tháng 10, bà đã ngưng ăn 12 ngày, bệnh tình chuyển biến khá nặng, sức khỏe của bà cạn kiệt rõ rệt, cơn mệt diễn ra tăng dần và kéo dài, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng. Hôm sau cô con gái thứ Hai của bà liên hệ hệ mời Ban Hộ Niệm. Ban Hộ Niệm đến niệm Phật qua hai tiếng đồng hồ, thì bà có phần khỏe khoắn trở lại. Vì đang bận trợ niệm cho bệnh nhân mới vừa mất nên Ban Hộ Niệm phải ra về. Trước khi ra về có dặn dò thân quyến rằng chừng nào bà mệt thì hãy gọi điện thoại ngay, là họ sẽ lập tức quay trở lại để tiếp tục hộ niệm cho bà!

Từ đó trở đi bệnh tình chẳng nguy cấp gì lắm, lúc lên cơn mệt nhiều bà gọi các con xúm lại bên giường niệm Phật tiếp bà, thường thì tản ra để nghỉ ngơi hoặc làm công việc vụn vặt.

Trải qua hơn tuần lễ, vào lúc 4 giờ chiều ngày 15 tháng 10, bà nói với cô Hai:

- Chắc mẹ chết Kim ơi!

Con bà liền hỏi:

- Tại sao mẹ biết?

- Phật kêu mẹ đi theo Ngài.

- Mẹ có thấy Phật không?

- Thấy! Phật đẹp dữ lắm, con ơi!

- Mẹ nói mẹ đi theo Phật, mà chừng nào mẹ mới đi?

- Bữa nay mẹ đi!

- Mẹ có biết hôm nay là ngày mấy không?

- Bữa nay là ngày rằm!

Chú con trai thứ Ba đang đứng gần nghe bà nói như thế liền bật khóc, người chị bèn xoay qua xô em vào cánh cửa buồng, với dụng ý không cho mẹ trông thấy mà sinh tâm quyến luyến, trở ngại cho sự siêu thoát của bà. Mặc dù hiểu được thâm ý của chị nhưng chú vẫn không dè nén được cảm xúc của con tim mình, bởi “mất mẹ là mất cả bầu trời”, vì một mai khi bão giông nghiệt ngã của cuộc đời ập đến, số phận chiếc thuyền nhỏ lênh đênh giữa trùng dương bao la không bến không bờ biết sẽ phải trôi dạt về phương nào! Chú ghen ngào nức lên thành tiếng, bà đưa mắt trở nhìn, cõi lòng dường như trào dâng nỗi niềm se thắt xốn xang!

Đêm hôm ấy cả thầy bốn chị em và các bà dì thay phiên nhau túc trực hộ niệm cho bà, nhưng những cơn mệt cứ nối đuôi nhau đến, rồi lại âm thầm ra đi, rốt cuộc mọi nỗi hồi hộp, mừng vui lẫn lo lắng của mọi người đều trôi qua một cách lặng lẽ yên bình.

Sáng lại tức ngày 16, đang lúc gội đầu tắm rửa để thay y phục cho bà, người chị thứ Hai bèn hỏi:

- Em nói, em theo Phật! Mà sao bây giờ em còn ở đây?

Bà không trả lời mà chỉ đưa bàn tay lên, co lại 2 ngón, chìa ra 3 ngón tay. Vậy là mọi người một lần nữa chia nhau túc trực nghiêm ngặt hơn trước.

Hai hôm sau, vào khoảng 10 giờ tối ngày 18, bà bảo rằng mình muốn uống sữa, cô con gái Út đem sữa đến, bà kê ống hút uống hết trọn một hộp (dung lượng 237ml), trông thật ngon lành. Khi uống xong, bà uống thêm một tí nước tráng miệng rồi đưa tay lấy khăn lau miệng, cô Út thấy thế trong lòng vô cùng vui mừng trọn lẫn nỗi niềm kinh ngạc, do 20

ngày qua bà không ăn uống được gì cả, bởi vì thức ăn thức uống vừa đưa vào miệng là đã có cảm giác buồn nôn, nên không nuốt vô bụng được thứ gì. Cô bèn nói vui với bà:

- Ngày mai con sẽ mua sữa thật nhiều cho mẹ uống nữa nghen?

Bà không đáp mà chỉ lắc đầu.

Khoảng hai giờ sau bà bắt đầu lên cơn mệt nhẹ, hai bàn tay từ từ co lại, đan vào nhau và đặt trên ngực. Khi mới vừa trông thấy đôi bàn tay của bà bắt đầu co lại con bà không hiểu bà muốn gì, liền hỏi:

- Mẹ làm gì vậy mẹ?

Bà đáp:

- Mẹ đang niệm Phật, con đừng có hỏi!

Tiếng nói của bà lúc này rất nhỏ nhưng vẫn nghe rõ ràng.

Mọi người thân bu quanh đồng niệm Phật với bà, được chừng hơn 20 phút thì hai tay bà đang đặt trên ngực bỗng duỗi thẳng ra xuôi theo thân, rồi nhẹ nhàng an tường trút hơi thở cuối cùng trong tư thế nằm ngửa thoải mái đoạn nghiêm, nhằm lúc 12 giờ 25 phút đêm 18 tháng 10 năm 2016, đúng như lời bà đã báo trước. Bà hưởng dương 59 tuổi.

Lễ nhập mạch và an táng được tiến hành vào lúc 9 giờ sáng ngày 19. Các khớp xương của bà khi ấy mềm mại, gương mặt tươi nhuận, sáng đẹp, trông như một người đang nằm ngủ. Đặc biệt là khối u lớn bằng quả cam thường ngày ở vùng bụng bỗng nhiên biến mất, mà thi thể lại sạch sẽ khô ráo không có tí chất dịch gì rỉ chảy ra cả!

*(Thuật theo lời Trần Thị Thiên Kim, cô con gái
thứ Hai của bà)*

12. DƯƠNG THỊ GUƠNG

(1939 - 2016) 87 tuổi

Bà Dương Thị Guơng sinh năm 1939. Song thân là cụ ông Dương Văn Phàn và cụ bà Nguyễn Thị Kỷ. Bà là chị Hai của tám người em.

Năm 27 tuổi bà kết hôn với ông Võ Văn Be, sanh được 3 trai, 2 gái. Cư ngụ tại ấp Thạnh Trung, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, tỉnh Cần Thơ. Gia đình bà sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình bà chất phác thật thà, mặc dù ít nói nhưng rất vui vẻ, bà không nói lời vô ích hay đàm luận bông lông. Sự ăn mặc vô cùng thanh đạm giản đơn, bình dị, chưa từng se sua hay đòi hỏi kén lựa.

Đối với con cháu trong nhà, khi thấy chúng tụm năm tụm ba bàn chuyện thị phi, moi móc chê khen việc xấu dở của người bà rất không hài lòng, cực lực can ngăn, ôn tồn dạy khuyên ngưng dứt.

Đối với lối xóm hương thôn, bà chưa từng mịch lòng một ai.

Theo truyền thống ông bà, ngay thuở thiếu thời bà đã ăn chay kỳ mỗi tháng 4 ngày và mỗi ngày hai thời lễ nguyện.

Năm 1980, giấc ngộ lý nhân quả nên bà phát tâm trường trai, bởi vì chém một dao phải trả một dao, giết một mạng phải đền một mạng. Và lại con vật cũng biết tham sống sợ chết giống y như con người không khác; chúng cũng có cha

mẹ, có con cháu, có quyền thuộc... cũng biết buồn thương sầu khổ khi đã thật sự mất nhau!

Khi các con đã lớn khôn, bà bèn giao phó việc nhà và nói:

- Thời gian qua mẹ nuôi nấng các con, bây giờ các con đã lớn khôn hết rồi, mẹ không còn ham muốn giàu nghèo gì nữa cả, các con hãy tự gắng sức chăm lo cho mình; phần mẹ, mẹ không muốn tạo nghiệp nữa, mẹ lo ăn chay tu hành đặng giải thoát!

Mỗi khi ra ngoài sau vườn thấy con chăn nuôi tôm cá hay gà vịt, bà hay chắt lưỡi và lắc đầu, bởi bà không muốn con mình vì sự sống mà phải tạo nghiệp khổ đau cho tương lai. Bà thường than thở:

- Ba cái thứ này là thứ giả tạm, con sát sanh là con tạo ác nghiệp, mà nghiệp là thật... Tiền bạc có nhiều thế mấy thì cũng không thể bù được nghiệp đau con! Bây giờ đủ ăn đủ mặc rồi con nên đổi nghề. Tìm một cái nghề thiện lương mà làm, đừng có tạo nghiệp sát sanh nữa!

Công khóa thường nhật của bà là hai thời lễ bái, sau lễ bái thì ngồi niệm Phật một giờ đồng hồ hoặc nhiều hơn. Mỗi tháng theo định kỳ hay những khi rảnh rỗi bà thường đến chùa Hòa Phú để niệm Phật, nghe thuyết giảng Phật Pháp, hoặc làm công quả với các bạn đạo. Đôi lúc nghe được những câu pháp nào tâm đắc bà về kể lại cho các con cháu cùng nghe. Bà cũng ưa đọc sám kệ kinh giảng lắm.

Khi lớn tuổi mắt mờ yếu bà chỉ chuyên nghe băng đĩa mà thôi. Bà thích nhất là Mười Điều Ôn của cư sĩ Thiện Tâm, bà thuộc nằm lòng lại còn bảo các con cháu cũng phải học thuộc lòng y như mình, vì theo ý bà đây là những điều quan trọng cần biết trong cuộc sống làm người:

Mười Điều Ôn

“Ôn cha mẹ sanh thành dưỡng dục,
Phận làm con chẳng phút nào quên.
Sớm hôm cố gắng đáp đền,
Tròn câu hiếu thảo mới nên thánh hiền.
Kinh Phật đã chép biên chỉ dạy,
Có Mười Ôn vĩ đại cao dày.
Nhứt là mang lấy bào thai,
Mẹ hiền xác thể không ngày nào yên.
Sự ăn uống cử kiêng đủ thứ,
Nằm, đứng, đi cũng giữ nhẹ nhàng.
Tóc tai chẳng muốn điểm trang,
Thân hình luống chịu võ vàng kém suy.
Ôn thứ nhì đến kỳ khai nở,
Phải một phen kinh sợ hãi hùng.
Hài nhi chồi đập tứ tung,
Làm cho thân mẹ muôn trùng đón đau.
Cảnh huống này kể sao cho xiết,
Khi sản sinh tinh huyết dầm dề.
Mặc tình thân mẹ thửm thê,
Miễn sao con được trăm bề vẹn xong.
Ôn thứ ba vừa trông thấy trẻ,
Ra khỏi lòng thì mẹ hân hoan.
Quên điều đau đón gian nan,
Quên hồi còn lúc cưu mang tháng ngày.
Nào khác thể sang ngay gánh nặng,
Cũng dường như ai tặng ngọc vàng.
Tâm hồn thư thối nhẹ an,
Nỗi mừng không thể luận bàn hết đâu.
Ôn thứ tư dải dẫu mẹ chịu,
Lo nuôi con chẳng thiếu chẳng sai.

Cam đành ăn đắng nuốt cay,
Ngọt bùi phần trẻ không ngày nào lời.
Miễn cho con được thời mạnh khỏe,
Luôn ăn chơi là mẹ vui lòng.
Dầu cho gặp lắm mặn nồng,
Phận làm cha mẹ chẳng hòng thở than.
Ởn thứ năm mẹ đang ngon giấc,
Bỗng nhiên con phóng vật uest nư.
Đem hôm tằm tối bất ngờ,
Mẹ đành thay nghĩ chỗ dơ uest dầm,
Nhường cho con được nằm bên ráo,
Khi gặp cơn rét bão lạnh lũng.
Để con ấm áp thung dung,
Riêng phần của mẹ lạnh lũng kể chi.
Ởn thứ sáu những khi bú mớm,
Cùng dưỡng nuôi hôm sớm mỗi ngày.
Món ăn thức uống nào sai,
Máu hòa làm sữa nuôi rày hài nhi.
Nếu chẳng may gặp khi nghèo túng,
Cha chạy lo làm lũng tôi bởi.
Đem ngày hao sức tổn hơi,
Chịu phần đói khát để thời nuôi con.
Ởn thứ bảy lại còn hơn nữa,
Vật uest giặt rửa mỗi ngày.
Những khi tiểu tiện ra ngoài,
Mẹ cha bỗng ẩ chẳng nài thúi hôi.
Có lắm kẻ lớn rồi quên lũng,
Nuôi mẹ cha tính thảng tính ngày.
Thêm còn nhiều tiếng đắng cay,
Sao không chết phúc sống hoài làm chi.
Ởn thứ tám vậy thì kể tiếp,
Khi người con có dịp đi xa.
Mẹ cha đứng tựa cửa nhà,

*Ngóng trông con trẻ xót xa can tràng.
Tâm hồn mãi mơ màng vợ vắng,
Tư tưởng luôn quanh quẩn bên con.
Xác thân già yếu hao mòn,
Bồi chường quá đối thương con mới là.
Ôn thứ chín kẻ ra thăm thiết,
Vì nuôi con tạo việc chẳng lành.
Hoặc là phạm tội sát sanh,
Hoặc là đạo tặc kết thành nghiệp sau.
Khi bỏ xác hồn vào địa ngục,
Chịu muôn điều câu thúc phạt răn.
Nghĩ thương cha mẹ vô ngần,
Vì con mà phải trầm thẳm sáu đường.
Ôn thứ mười tình thương cao cả,
Của mẹ cha thật quá sâu dày.
Trong đời có một không hai,
So cùng biển rộng sánh tày non cao.
Phận làm con sớm mau đền trả,
Vừa dưỡng nuôi vừa khá tu thân.
Sống toan cung phụng ân cần,
Thác rồi cầu đặng gởi thân Liên Đài.”*

Năm 1999 bà bị một trận bệnh thập tử nhất sanh, chuyển ra bệnh viện Từ Dũ ngoài Sài Gòn, bác sĩ chẩn đoán là u xơ phần phụ, phải nằm viện điều trị 30 ngày, may mắn bệnh được khỏi hẳn.

Năm 2001 về sau bà bị bệnh tiểu đường, bệnh tim mạch và hay lên máu. Những khi bệnh trở nặng con cháu nóng lòng đưa bà đến các bệnh viện gần nhà đôi ba ngày, thường thì bà ít chịu đi, vì bà thích dùng thuốc Nam hơn nên trong nhà không ngớt nồi thuốc sắc.

Sau khi phát tâm tu mỗi lần nhìn thấy con cháu làm điều gì trái ý hoặc không thích hợp với Phật Pháp bà đều khuyên dạy, nhưng nếu không nghe lời thì thôi chứ bà không hờn giận quát tháo như thuở trước kia.

Bà thường nhắc nhở khuyên dạy con cháu hai điều: Điều thứ nhất là rán lo tu niệm; điều thứ hai đời là giả tạm, đừng nên tham quá mà tạo nghiệp chẳng lành, phải chăm lo tu tạo phước thiện.

Bà có hai bà bạn đạo chí thân ở cùng thôn xóm, thường xuyên lui tới viếng thăm, trong lúc trà nước chuyện trò qua lại, hay dùng Phật Pháp để sách tấn lẫn nhau, bà này nói với bà kia:

- Mình rán ghen chị, kiếp này mình rán niệm Phật vãng sanh, chứ không có kiếp sau, ghen chị!

- Máy chị rán hỗ trợ tiếp tui!

- Chị mà có được về bên bên trước thì đừng quên tui này ghen!

Đầu năm 2016 bệnh tiểu đường và tim mạch lần hồi phát tác, đến giữa tháng 2 bà phải ngồi xe lăn. Tuy nhiên vóc dáng và tinh thần bà không có một nét gì biểu lộ sự bệnh hoạn dày vò thống khổ cả.

Vào khoảng 3, 4 giờ sáng ngày 28 tháng 2 năm 2016 bà lên cơn mệt dữ dội các con hội lại đưa bà đi bệnh viện, bà không chịu, bà nói:

- Thôi! Đi bệnh viện nhắm có sống không, mà đi làm gì? Thôi, để ở nhà niệm Phật vãng sanh!

Nhưng các con cháu của bà nóng lòng bèn điện thoại gọi xe cấp cứu chuyển bà đến bệnh viện Bình Dân ở thành phố

Long Xuyên, bác sĩ khám sơ bộ thấy chỉ số huyết áp quá cao nên cấp tốc tiến hành xử lý, và cho gia đình biết nếu như không hạ huyết áp được thì bà cụ sẽ ra đi bất cứ lúc nào, bác sĩ còn đề nghị nhập viện. Giây lát sau bà tỉnh lại, thấy mình nằm trong bệnh viện bà nằng nặc nhất quyết đòi về, để mời đồng đạo đến nhà cùng với con cháu hộ niệm cho bà, bà chắc chắn rằng bà không còn sống nữa. Biết tính ý dứt khoát của mẹ nên các con nhìn nhau rồi đành phải đưa bà về, về đến nhà là 7 giờ 30 sáng. Cô con gái thứ Năm liền tắm gội thay y phục mới, rồi bà gọi các con lại dùng cơm sáng chung với bà, bà ăn xong một chén cơm, kế lại uống cà phê đá. Con bà thấy bà hôm nay rất khác lạ, ăn uống ngon hơn và nhiều hơn so với mọi khi, nên bụng bảo với dạ rằng: “Sức khỏe của mẹ thế này, thì... làm sao mà chết cho được!”

Hay tin bà bệnh nặng từ bệnh viện mới về, bà con lối xóm cùng gia thân quyến thuộc tấp nập ghé thăm, bà vẫn ngồi tiếp chuyện bình thường. Đến chừng khách khứa lần lượt ra về, bà nói lên đôi câu già biệt và còn khuyên mọi người ở lại rán lo niệm Phật tu hành; nhưng trong lòng ai ai cũng thầm nghĩ rằng đó là tâm trạng của người già cả lo gần lo xa vậy thôi, nên đều cho qua một cách nhẹ nhàng không hề lưu ý!

Cũng như bao nhiêu người viếng thăm, đến lượt bà Ba một bạn đạo tri âm tri kỷ của bà sắp sửa kiệu về (lúc ấy khoảng 10 giờ sáng), bà nắm chặt tay lại không cho về, cứ năn nỉ:

- Chị đừng về, ở lại niệm Phật tiếp tui!

Vì thấy sức khỏe của bà còn quá sỏi, bà Ba mới khẳng định:

- Chưa đâu,... chị chưa có đi bây giờ đâu!

- Tui không còn sống nữa đâu, chị ở lại rán y theo lời Thầy Tổ chỉ dạy, nhắc nhở mấy đứa nhỏ tu hiền... Sau này mình sẽ gặp nhau ở Tây Phương!

- Chị... chưa đâu!... Chị không có sao đâu!

- Tui sắp đi rồi mà chị cứ nói chưa hoà! Gặp nhau lần này mai mốt không còn gặp nhau nữa đâu, chị rán ở lại với tui!...

Cứ đối đáp qua lại như thế, hơn cả tiếng đồng hồ, cuối cùng bà Ba nói:

- Ủ! Chị nói vậy thì thôi để tui về đăng đẳng ăn cơm, khi ăn xong sẽ trở lại đây niệm Phật đưa chị!

Bà vẫn chưa chịu buông tay bà Ba ra, bà nói:

- Không, chị cứ ở đây một lát nữa ăn cơm với tui!

Chuyện trò đến 12 giờ trưa bà bắt đầu lên cơn mệt, bèn nhờ bà Ba đỡ mình nằm xuống, nhưng bà Ba sức yếu không đỡ nổi nên gọi thân nhân chạy lại. Thế là mọi người vây quanh niệm Phật, bà cũng lớn tiếng niệm theo. Từ từ âm thanh niệm Phật của bà nhỏ dần nhỏ dần, sau đó chỉ còn nhép môi mà thôi, con cháu trong nhà thay phiên nhau túc trực trợ niệm.

Đến gần 4 giờ chiều khi cô Năm vừa đổi ca bước vào, bà kêu lại gần đỡ bà ngồi dậy. Kế đó bà nói:

- Nữa con nhớ... con chuyển lời cảm ơn bác Ba giùm má!

Kế đó bà nằm xuống, một lát sau đôi mắt bà lơ lạc và không còn nói chuyện nữa.

Khoảng 6 giờ tối cô Ba cùng vài đồng tu thay ca, lại bên cạnh nói với bà:

- Bác ơi! Bữa nay con với chú Sáu cùng các đồng đạo đến đây hộ niệm để đưa bác về Tây Phương nè. Vậy bác hiệp với tụi con niệm Phật, bác phải nhứt tâm niệm Phật cầu về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Bác chịu không? Nếu bác chịu thì nhắm mắt lại cho tụi con biết!

Mắt bà đang mở, cô Ba vừa nói tới đó thì bà nhắm nghiền đôi mắt lại. Thấy thế ai cũng mừng. Cô Ba liền nói tiếp:

- Vậy thì tốt lắm, vậy bác niệm theo chúng con... Về Cực Lạc mới là hết khổ, ghen bác!...

...Nhớ ghen bác, mình là cư dân của Tịnh Độ, khi ra đi không có buồn mà phải hoan hỷ vui vẻ mỉm cười ghen bác!

Từ đó về sau gương mặt bà đổi sắc, hồng hào hẳn ra, miệng lúc nào trông cũng giống hệt như đang mỉm cười.

Hễ cứ mỗi lần nhắc nhở khai thị thì bà chớp mắt vài lượt.

Vài giờ sau đôi tay bà các ngón cứ co lên liên tục không phút nào yên, cô Ba mới nói tiếp:

- Bác ơi! Thân người là vô thường, tứ đại giả hợp. Sống trên đời này ai cũng phải bệnh hết trơn, chớ không ai trót lọt. Bác phải vượt qua bệnh tật, nghĩa là đừng nghĩ tới nó nữa mà phải chú tâm hướng về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Bây giờ mình phải vượt qua tất cả mọi bệnh tật, đừng nghĩ gì tới bệnh tật hết! Để mà mình nhiếp tâm tưởng như Đức Phật A Di Đà đang đưa hoa sen đến rước mình, và mình cũng phải buông xả vạn duyên để đi theo Phật ghen bác! Bất cứ ai hỏi cái gì thì hỏi, hay ai nói cái gì thì nói, bác đừng bận tâm tới. Bác cứ tưởng như Đức Phật A Di Đà đang đến rước mình, mình cứ chú ý đến Ngài để theo Ngài về Tây Phương thôi, ghen bác!

Vừa nói đến đây thì đôi tay bà khép lại, lặng im cho đến lúc ra đi không còn cục cựa như trước nữa, bà nhiếp môi niệm Phật theo mọi người.

Đêm dần về khuya các đồng tu đều ra về, chỉ còn con cháu trong nhà hộ niệm cho bà. Niệm đến 2 giờ khuya bà an

tường nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, nhẹ nhàng đến độ bốn người con ngồi ở bốn góc giường và năm sáu người cháu ngồi vây quanh, không ai phát hiện bà cụ dứt hơi vào lúc nào, vì ai cũng ngỡ rằng bà đã khỏe lại và đang nằm ngủ. Lúc đó độ khoảng 2 giờ sáng, nhằm ngày 29 tháng 2 năm 2016. Bà hưởng thọ 87 tuổi.

Đến 11 giờ trưa mới tiến hành nhập mạch và làm lễ an táng. Gương mặt bà tuyệt đẹp giống y như một phụ nữ đã trang điểm trước khi dự lễ tiệc: da mặt trắng, má hồng, môi son. Đồng thời hai trái tai dài ra hơn 1,5 phân so với bình thời, miệng như đang mỉm cười; các khớp mềm mại, một điều hết sức hy hữu kỳ lạ là toàn thân đều ấm, mà càng dần lên độ ấm càng nhiều, riêng đánh đầu rất ấm!

Người thợ tử liệu phát biểu:

- Thường ngày tui qua bên tui thấy mặt bà đen thui hà! Vậy mà sao tối giờ liệm trắng tươi như đánh phấn, còn môi đỏ như là thoa son vậy đó!

*(Thuật theo lời của Võ Văn Công, Võ Thị Hiền -
hai con của bà và đồng đạo Bùi Thị Dậy)*

13. NGUYỄN THỊ HÀN

(1940 - 2015) 75 tuổi

Bà Nguyễn Thị Hàn sinh năm 1940, nguyên quán tại Thanh Hóa. Bà chỉ có một ông anh duy nhất. Do chân bị tật ngay thuở nhỏ nên bà không lấy chồng mà chung sống với gia đình người con trai của anh mình, cư ngụ tại 76 Đường Đông Bắc, khu phố 2, phường Tân Chánh Hiệp, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Tính tình bà hiền lành, vui vẻ hài hòa, thật thà chất phác.

Bà rất khéo tay, dường như mọi chuyện bà đều làm được, từ may vá, giặt giũ, cho đến việc phơi y phục trên cao, bà cũng tự chế cây móc treo lên và lấy xuống, ngay cả xe lăn cũng tự thiết kế cho mình sử dụng.

Mặc dù tàn tật nhưng bà tự chăm sóc mình, và hầu như bất cứ việc gì cũng không nhờ vả đến các cháu, từ lúc sống cho tới lúc mất.

Vợ chồng người cháu có bốn đứa con, hai trai hai gái, hàng ngày cả hai vợ chồng đều đi làm, nên bốn đứa nhỏ do một tay bà chăm sóc từng miếng ăn, từng miếng uống, từng giấc ngủ... trải suốt quãng đời ấu thơ, nên chúng hết sức gắn bó thân thiết với bà, thậm chí tình cảm mà chúng đối với bà thân thiết hơn cả mẹ ruột của chúng.

Một hôm cậu Ba (một trong 4 người cháu) đọc quyển sách “Đại nguyện lực thứ 18-19 của Đức Phật A Di Đà do thầy Thiện Thuận giảng giải” thấy hay quá, liền mang đến giới thiệu cho bà và khuyên bà niệm Phật, để khi già biệt cõi đời mình sẽ sinh về Tây Phương Cực Lạc cùng kiếp vị lai vĩnh viễn lìa khổ hưởng vui. Khi xem xong, thiện căn quá khứ đột

nhiên khởi phát, bà liền vui vẻ làm theo không chút do dự dãn dãi!

Kế đó cậu Ba lại tiếp tục tuyển chọn băng đĩa: “Khuyên người niệm Phật” của cư sĩ Diệu Âm những đoạn dễ hiểu nhất cho bà nghe. Rồi lần lượt thứ tự công khóa hành trì, cách thức phát nguyện, hồi hướng ra sao nhất nhất đều tận tường hướng dẫn cho bà, đồng thời khuyên bà phát tâm trường trai, bà vô cùng hoan hỷ chăm chỉ thực hành. Cậu còn trang trí cho bà một Niệm Phật Đường, tuy không rộng rãi khang trang nhưng tương đối sạch sẽ và yên tĩnh, trong ấy có treo một tấm ảnh Đức Từ Phụ A Di Đà. Kể từ đó bà dứt hết mọi thói quen trước kia, như xem ti vi hoặc đọc sách báo những khi nhàn rỗi, lúc này bà đã 72 tuổi, từ hồi nào tới giờ bà chưa từng biết Phật Pháp là gì, bà chỉ là người chân thật thiện lương mà thôi!

Cậu Ba thường xuyên ghé thăm bà, nhất là mỗi lần đi làm việc về. Điều gì không hiểu bà đều nhờ cậu giải quyết, có lần bà hỏi:

- Mình không đi chùa Phật có rước chăng?

Cậu trả lời:

- Bà xem trong nguyện thứ 18, 19 Đức Phật A Di Đà đâu có nói rằng: ‘không đi chùa Ta không rước’, phải không? Cho nên chí tâm, thành tâm tin ưa niệm danh hiệu Ngài, thì Ngài rước, chẳng liên quan gì đến việc đi chùa hay không đi chùa. Tuy nhiên, nếu mình có điều kiện đến chùa lễ Phật, nghe pháp được thì rất tốt, rất bổ ích. Vì nó giúp cho mình hiểu rõ Phật Pháp nên lòng tin sẽ sâu hơn, nguyện khẩn thiết hơn, hiệu quả vãng sanh cao hơn!

- Ừ!

Cụ lại hỏi:

- Chân thật như vậy không quỵ lạy được, biết làm sao?

- Không hề chi, quỳ lạy chỉ là hình thức; dùng tâm chí thành cung kính mà niệm Phật mới quan trọng. Bây giờ bà ngồi bà xá cũng được rồi, Phật cũng chứng biết cho mình, chứ không sao đâu!

- Bây giờ chưa có pháp danh...

- Có pháp danh hay không, không quan trọng. Đức Phật Ngài nguyện tiếp dẫn chúng sanh nào đầy đủ tín nguyện hạnh về cõi nước của Ngài. Chúng sanh ở đây chỉ cho tất cả các loài có tình thức, các loài bò bay xuẩn động. Chứ không chỉ dành riêng cho đệ tử Phật, hay chỉ dành riêng cho loài người không thôi. Nhưng mà khi nào đủ duyên con sẽ mời quý thầy hoặc quý cô về đây quy y cho bà! Bà cứ an tâm chuyên lo niệm Phật là được rồi!

Bà tự qui định thời khóa cho mình, rồi tuân thủ theo hết sức nghiêm nhặt, bằng mọi giá duy trì đều đặn thời gian mà mình đặt ra. Bà có thể ngồi niệm Phật một lèo hai đến ba giờ đồng hồ, đây quả là trường hợp vô cùng hiếm có khó được; bởi vì thông thường người niệm Phật thâm niên có được niềm vui của định mới có thể ngồi được lâu như vậy, nếu không thì 30 đến 60 phút cũng đã là ít thấy xảy ra.

Những giờ nghỉ thì bà nghe ‘Khuyên người niệm Phật’ của cư sĩ Diệu Âm, hoặc kinh Vô Lượng Thọ do thầy Trí Thoát tụng, ngoài ra không xen tạp thứ nào khác, đúng như phương hướng: “nhất môn thâm nhập - trường thời huân tu” mà hòa thượng Tịnh Không thường hay tán thán trong những bài pháp thoại của Ngài.

Qua một thời gian, cậu Ba thấy dường như bà đã cố sức quá, nên mới khuyên:

- Niệm Phật thì mình không cần phải ngồi quá nhiều, khi nào thấy mệt thì bà cứ nằm xuống. Nằm niệm chán rồi thì mình cứ ngồi dậy niệm. Mệt thì cứ nghỉ ngơi một chút, chừng

thấy khỏe thì niệm trở lại. Hoặc là xen kẽ với nghe pháp, miễn sao thoải mái, thân tâm an lạc thanh tịnh là được!

- Chừng nữa, gần lâm chung cháu phải mời Ban Hộ Niệm đến để trợ niệm cho bà nhen!

- Bà hãy an tâm, cháu sẽ lo chu toàn việc ấy. Quan trọng là ngay bây giờ bà phải niệm Phật cho tốt trước đã.

Như lời khuyên dạy của Cổ Đức:

*“Không lo xa cũng lo gần,
Đừng chờ đến việc chần ngán mới lo.
Chẳng trông thì chẳng trái cho,
Không tu thì Phật không phò hộ đâu.
Nghiep chi cũng phải đáo đầu,
Lành thì được phước, dữ đâu khỏi nản.
Dù là tướng tá vua quan,
Khó mong lấy sức thế gian chống trời.
Xưa nay thường kẻ ở đời,
Càng gian ngoan lắm càng dòi họa to.
Cho nên cần phải xét đo,
Ngõ hầu tránh tội ác cho đời mình.
Người tu càng phải giữ gìn,
Tránh điều cố ý vô tình phạm sai.
Nếu không xong được bữa nay,
Cũng là cố gắng đến mai cho rồi.
Cát kia dễ lở còn bồi,
Tất nhiên người quyết chí thời sẽ nên.
Việc chi cũng ở chí bền,
Chí bền ấy vốn là nền thành công.
Xin đừng cầu cạnh mệnh mỏng,
Nên hư tự hỏi lấy lòng chắc hơn.
Phàm nhơn hoặc giả Thánh nhơn,
Từ lòng bền dẻo tiến thân của người.
Không nao núng chẳng biếng lười,*

Tất là thành tựu như người ước ao.
 Núi cao leo mãi hết cao,
 Đường xa bước mãi thì nào còn xa.
 Phật khuyên tuy khó làm ra.
 Cố làm nay chẳng xong là mai xong.
 Miễn là người được thành lòng,
 Tất là những việc ước mong sẽ thành.
 Muốn sao thì phải y hành,
 Không hành thì việc khó thành như tâm.
 Tuy là đạo pháp cao thâm,
 Lòng người cương quyết thì làm được ngay.
 Kệ kinh đã có chỉ bày,
 Không tu vì quá mê say tuồng đời.

...

Thế trần buông, ắt thanh thoi,
 Tây Phương Cực Lạc là nơi thanh nhàn.
 Hãy nhanh chân cất bước sang,
 Thoát vòng sinh tử sen vàng phóng quang.
 Phật chờ nơi cõi Liên Bang!

Lần nọ tình cờ cậu Ba đọc được lời dạy của Tổ sư Ấn Quang về ‘Thập Niệm Kỳ Sở’ như sau:

“Niệm Phật khó quy nhất, phải nhiếp tâm niệm kỹ. Phép nhiếp tâm không gì hơn chí thành, tha thiết, nếu không chí thành mà muốn quy nhất ấy là điều rất khó. Đã chí thành, niệm còn chưa thuần, phải lắng tai nghe. Không luận niệm thầm hay ra tiếng, đều phải niệm khởi từ tâm, tiếng ra từ nơi miệng rồi lại vào tai. Tâm và miệng rành rẽ, tai nghe rõ ràng, nhiếp tâm như thế vọng niệm tự dứt. Nếu làn sóng vọng tưởng dâng trào quá mạnh, nên dùng pháp “Thập niệm ký số”, đem hết tâm lực chuyên vào câu niệm Phật, dù muốn khởi vọng cũng không có xen hở để nổi lên. Pháp này nhiếp

tâm rất tuyệt diệu. Tôi nhiều phen dùng thử mới biết là rất hiệu nghiệm. “Thập niệm ký số” là khi niệm Phật phải ghi nhớ rành rẽ từ một đến mười câu, hết mười câu liền trở lại một, cứ như thế xoay vần mãi. Nhưng phải niệm trong vòng mười câu mà thôi, không được hai hoặc ba mươi câu, không được dùng chuỗi, chỉ dùng tâm ghi nhớ. Nếu niệm luôn một mạch mười câu thấy khó thì phân làm hai hơi, từ một đến năm, từ sáu đến mười. Nếu hoặc còn thấy kém sức lại chia làm ba hơi, từ một đến ba, bốn đến sáu, bảy đến mười. Cần để ý: Niệm rõ ràng, nhớ rõ ràng và nghe phải rõ ràng, vọng niệm mới không xen vào được. Dùng pháp này lâu sẽ được nhất tâm. Chỉ những khi nào làm việc, hoặc khó ký số nên khẩn thiết niệm suông, đợi lúc xong việc lại nhiếp tâm ký số. Như thế thì vọng tưởng không còn tung hoành, bởi tâm chuyên chú an trụ vào danh hiệu Phật.”

Vì nhận thấy hoàn cảnh của bà có thể ứng dụng được, do bà không bị gia duyên bận buộc, và ít tiếp xúc với bên ngoài, nên cậu liền đem giới thiệu cho bà. Ban đầu niệm từ 1 đến 10. Sau đó bà cho biết là không làm được. Cậu bèn y theo lời Ấn Tổ dạy, sụt xuống bậc trung, là niệm từ 1 đến 5, rồi từ 6 đến 10. Sau đó bà cũng lại cho biết rằng mình không làm nổi. Cậu bèn y theo lời Ấn Tổ dạy, sụt xuống bậc hạ, là niệm từ 1 đến 3, rồi từ 4 đến 6, rồi từ 7 đến 10. Thời gian sau thì bà cho biết cách thức ấy thì bà làm được. Kể từ đấy bà chuyên hành theo “Thập Niệm Ký Số” này.

Không bao lâu sau đó, cách bậc hạ bà hành trì nhuần nhuyễn rồi thì bà chuyển lên bậc trung. Khi bậc trung tương đối thuần thục rồi bà niệm được một hơi từ 1 đến 10 luôn. Có lần bà diễn tả, lắm lúc phải niệm đến độ run cả người mới ký số được.

Bà chỉ một bề lo tu, mọi thứ hình như chẳng hề quan tâm. Tối giờ ăn, bà ra, có chi dùng nấy, các cháu nấu món nào ăn món đó, chưa từng đòi hỏi, chê khen. Bà thường nói:

- Thôi kệ, ăn đại cho xong đặn vào niệm Phật!

Đôi lúc ra dùng cơm thấy các cháu đang bàn cãi, lo lắng, bối rối về vấn đề nào đó, bà liền khuyên:

- Máy đĩa cứ niệm Phật đi! Rồi gia đình sẽ bình an, mọi chuyện đều ổn thôi, không có gì hết, đừng lo!

Lâu dần, nhờ niệm Phật tâm được thanh tịnh nên trí tuệ bà khởi phát, mỗi lần ghé thăm sách tấn và đem Phật Pháp giảng giải cho bà nghe, thì cậu Ba phát hiện ra một điều là sự hiểu biết của bà tiến bộ nhanh chóng đến độ không thể ngờ được.

Lần nọ cô cháu dâu cung thỉnh ni sư chùa Long Vân thuộc huyện Long Thành về tư gia làm lễ quy y Tam Bảo cho bà, bà được ni sư đặt pháp danh là Quảng Tân.

Khi có những người quen ghé thăm bà đều khuyên họ niệm Phật, không quên tặng họ quyển kinh Vô Lượng Thọ trước khi ra về, vì vậy cậu Ba thỉnh nhiều bốn kinh để sẵn cho bà làm quà.

Vào năm 2014, một hôm người cháu dâu phát hiện vùng ngực của bà có vấn đề nên tức tốc đưa đến bác sĩ để khám. Qua quá trình khám nghiệm bác sĩ chẩn đoán là bà bị ung thư vú đã di căn. Xét thấy bệnh ung thư ở giai đoạn đầu có thể xử lý bằng xạ trị, hóa trị hoặc giải phẫu, còn giai đoạn cuối đã di căn thì chẳng hiệu quả gì bao nhiêu, chỉ tăng đau đớn thêm cho bệnh nhân mà thôi. Vả lại, bà đã 74 tuổi, lứa tuổi cổ lai hy rồi, nên án binh bất động vẫn là tốt nhất! Do đó các cháu bà thống nhất quyết định hộ niệm cho bà vãng sanh, mọi việc vẫn giữ bình thường để cho bà yên tâm niệm Phật.

Vì cậu Ba và người chị là cô Hai Cúc đều là thành viên

Ban Hộ Niệm của đạo tràng Phước Ngọc, nên đã mời đạo tràng đến hiệp cùng gia đình cộng tu với bà cứ một hoặc hai tuần một lần, mỗi lần là hai tiếng đồng hồ, bởi thể lực của bà lúc này còn rất khỏe. Bà rất tinh tấn và vô cùng hoan hỷ ngồi suốt buổi khi cộng tu với mọi người.

Cộng tu như thế gần một năm trôi qua, ngực bà bắt đầu sưng to lên, vùng sưng có màu đen. Hỏi bà đau lắm không, bà cho biết chỉ ngứa ngứa, hay hơi nhột nhột chứ không đau. Gia đình đưa bà ra nhà chính, để tiện bề chăm sóc và trang trí hình Phật xung quanh, đạo tràng đến cộng tu liên tục mỗi ngày, trải qua ba tháng sau bà mới qua đời.

Có lần cậu Ba hỏi bà:

- Bà có sợ chết không, thưa bà?

- Chỉ sợ khi chết rồi không được về với Phật thôi, chứ chết thì bà không sợ!

- Bà đừng có sợ, có lo như vậy, vì Đức Phật A Di Đà đã phát nguyện rước những chúng sanh nào muốn về cõi nước của Ngài, ai thành tâm thiết tha niệm danh hiệu Ngài, Ngài sẽ không bỏ sót bất cứ một chúng sanh nào cả. Bà phải tin tưởng như vậy, tin tưởng một cách tuyệt đối, nhất định được về thế giới của Ngài thôi!

Thỉnh thoảng bà hay nói: “Sao lâu quá mà chưa thấy Phật đến rước?”, và nhiều lần khác nữa đại ý đều tương tự như vậy.

Thấy tín tâm của bà chưa được vững vàng, nên cậu Ba phải đến bên cạnh tìm đủ mọi lời khuyên dụ an ủi sách tấn, củng cố tín tâm cho bà mỗi ngày. Bà hỏi:

- Bà niệm Phật như vậy mà không biết Phật có rước bà về Cực Lạc hay không?

Cậu đáp:

- Bà đừng nghĩ như thế! Nếu bà còn nghĩ như thế, có nghĩa là niềm tin của bà chưa sâu, chưa chân thật. Đức Phật A Di Đà không nói dối ai điều gì, Ngài hứa thì Ngài giữ lời. Người quân tử ở thế gian mà còn biết giữ chữ tín, huống hồ gì là Phật. Bây giờ bà thật sự muốn về cõi nước của Ngài, bà đã tha thiết niệm danh hiệu Ngài thì không có lý do gì mà khi lâm chung Ngài không tiếp dẫn. Bà phải tin tưởng một cách tuyệt đối, không nên có tâm nghi ngờ. Từ nay trở đi bà đừng khởi niệm nghi ngờ nữa, đừng suy nghĩ điều gì khác, chỉ chuyên tâm niệm Phật, cái gì đến hãy cứ để cho nó đến. Hơn nữa tuổi già thì ai cũng phải bệnh, mà hễ bệnh tất nhiên thân thể phải có đau đớn. Khi đau đớn thì mình không nên chú ý đến nó, mà càng đau thì càng nhớ Phật, niệm Phật nhiều hơn để vượt qua cơn đau!

Mưa dầm thấm đất, niềm tin tương đối hồi phục dần, bà niệm Phật ngày càng khẩn thiết hơn.

Ngày 27 tháng 11 năm 2014 (trước lúc bà mất 20 ngày) chỗ sưng đau nhức dữ dội, nhưng thời gian chỉ khoảng vài mươi giây rồi hết, đồng thời ra máu thật nhiều, độ chừng nửa lít, chân và tay dần dần phù to lên. Chỗ sưng nơi ngực lớn và dài ra, lại có ba chấm trông giống y như mồm con chó, được thân quyến cho biết thuở xưa chị dâu của bà bệnh nặng trước khi chết thêm ăn thịt chó, nên bà đã giết một con chó đang nuôi trong nhà, có lẽ giờ đây nó theo bà để báo oán.

Từ đó trở đi cơn đau nhạt hơn, nhưng chưa bao giờ nghe bà rên than; càng đau dữ dội càng niệm khẩn thiết hơn, vừa niệm vừa nguyện cầu:

- A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Xin Đức Phật A Di Đà rước con về Cực Lạc, Phật cho con về đi, ở đây khổ lắm rồi,... Phật A Di Đà ơi! Con đau lắm rồi, Ngài cho con về cõi nước của Ngài đi! A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Xin Đức Phật A Di Đà rước con về Cực Lạc!...

Có hôm sau khi cộng tu xong, hơn 9 giờ tối mọi người đã ra về, bà mới nói với cậu Ba:

- Bữa nay niệm chỉ có hai ngàn một, ít hơn đêm qua. Đêm hôm qua niệm được hai ngàn tư!

Cậu giật mình, hỏi:

- Sao bà biết? Cháu đâu có thấy bà lần chuỗi đâu!

- Thì cứ mười mười... cứ mười mười!

Ngày mùng 7 tháng 12 (trước lúc bà mất một tuần), cô Út như thường lệ tối thay băng cho bà, khi vén vết thương ra vừa nhìn thấy, cô thất kinh hồn vía lông tóc dựng đứng liền bỏ chạy đến trước bàn Phật để đánh lễ, trong khi đánh lễ thì nghe âm thanh mèo kêu vọng lại bên tai, âm thanh được phát ra từ căn phòng mà trước kia hằng ngày bà ngủ nghỉ nơi ấy.

Số là khi vừa vén vết thương ra để làm vệ sinh, cô không thấy là vết thương như mọi khi, mà cô thấy rõ ràng là mặt con mèo hiện lên trên ngực của bà. Sau đó hỏi ra, bà cho biết thuở xưa bà đã từng giết một con mèo.

Nhờ Ban Hộ Niệm hướng dẫn từ đó mỗi khi ngồi niệm Phật bà thường khấn cầu:

- Tất cả các chúng sanh ơi! Ngày xưa do vì si mê tôi đã lỡ sát hại chư vị, gây khổ đau cho chư vị, bây giờ gặp Phật Pháp nên tôi biết đó là lỗi lầm, sai trái của mình, mong chư vị tha lỗi cho tôi và hãy cùng niệm Phật với tôi, đồng cầu sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo. Bây giờ tất cả chúng ta cùng ngồi niệm Phật nhé!

Những cơn ngất mình thường xuyên xảy ra, bốn người cháu hay vây quanh bên bà để chia sẻ phần nào sự

khốn đốn khó kham nhẫn, chúng vừa niệm Phật vừa xoa bóp tay chân cho bà. Đôi khi phải ôm từ phía sau nâng bà lên cho dễ thở hơn vì ngực sưng to nằm ngửa rất khó thở. Khi qua cơn mệt, cơn ngất mình thì âm thanh niệm Phật của bà vẫn vang dội bình thường.

Đêm 16 tháng 12 năm 2015, cũng như thường lệ cộng tu với đại chúng, sức khỏe bà hôm nay thật tốt, bà ngồi suốt buổi. Hơn 9 giờ tối chư vị trong Ban Hộ Niệm kéo nhau ra về, các cháu bèn vây quanh vừa ăn rau câu dừa, vừa nói chuyện với bà. Bà ăn ngon lành, gần hết rau câu trong một trái dừa, nhìn gương mặt của bà cười, toát ra nét nhân từ hiền lành vui tươi, các cháu bà vô cùng kinh ngạc dường như chưa bao giờ được nhìn thấy hình ảnh thế này.

Hôm sau, vào lúc gần 4 giờ sáng cơn đau dữ dội lại xuất hiện, đây là lần thứ ba, bà mặc dù mệt lắm nhưng vẫn niệm Phật theo mọi người, chỗ sưng tuôn máu ra rất nhiều, ướt cả lớp áo tràng bên ngoài, cháu bà kê bọc húng, chừng được khoảng 1/3 bọc thì đổi bọc khác. Cậu Ba bèn bước lên giường ngồi sau cho bà tựa lưng vào. Trong lúc cậu đang to tiếng niệm Phật, bà nói:

- Niệm nhỏ lại, xa lỗi tai bà ra!

Vì máu bà ra nhiều quá đầm ướt sang cả y phục của anh nên tâm trí lâm cơn giao động mãnh liệt, chẳng nghe rõ, cậu bèn hỏi bà, bà lập lại:

- Niệm nhỏ lại, xa lỗi tai bà ra!

Rồi bà vẫn niệm Phật liên tục:

- A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Phật ơi, Phật rước con về Tây Phương Cực Lạc đi!

Đến khoảng hơn 5 giờ 30, bà xoay mặt kê miệng sát vào lỗi tai cậu Ba, rồi nói:

- Các cháu ơi, bà về với Phật đây!

Nói xong, đầu bà gục xuống. Âm thanh tuy nhỏ nhưng rõ ràng, nhẹ nhàng, phưởng phất nỗi niềm thư thái bình an vô biên mà người nghe cảm nhận được. Thấy bà ngưng niệm Phật, cậu ngõ là bà đã thực sự ra đi nên vẫn giữ nguyên tư thế đó độ khoảng 15 phút sau mới đặt bà nằm xuống.

Khi vừa đặt bà nằm xuống, đột nhiên nghe bà cất tiếng niệm Phật liên tục trở lại. Kể đó bà bảo:

- Đỡ bà dậy! Đỡ bà dậy!

Rồi bà nhờ các cháu xoay cho mình trở đầu hướng về bàn Phật, nằm nghiêng về bên phải theo thế kiết tường, rồi kê đầu, chỉnh sửa chân...cuối cùng mọi người mới hỏi:

- Bà nằm như vậy thoải mái chưa?

- Ừ! Được rồi!

Kể từ đó bà không còn nghe trong mình đau đớn gì nữa. Rồi bà tiếp tục cất tiếng niệm Phật thêm 40 phút, mới an lành tỉnh táo trút hơi thở cuối cùng, lúc ấy đúng 7 giờ 15 phút sáng, ngày 17 tháng 12 năm 2015. Bà hưởng thọ 75 tuổi.

Trước khi bà mất 30 phút các đồng tu đã kịp thời đến nơi, nhắc nhở và niệm Phật với bà. Mười phút cuối bà không còn niệm ra tiếng, nhẹ nhàng ra đi, đôi mắt khép kín, miệng ngậm lại trong tư thế nằm kiết tường.

Trợ niệm thêm 30 tiếng đồng hồ sau, thăm thân thì thấy các khớp xương đều mềm nhũn, gương mặt cực kỳ xinh đẹp, hồng hào vui tươi sáng rõ, môi đỏ như thoa son, đánh đầu ấm nóng trong khi toàn thân đều lạnh. Khi thay y phục cho bà, một điều hết sức hy hữu đặc biệt lạ lùng là máu không có mùi tanh hôi gì cả!

Nhập mạch xong ba ngày sau tiến hành hỏa táng, nhặt được rất nhiều xá lợi, đa số là màu xanh ngọc bích, lớn bằng hạt đậu, hạt bắp, có một số bám vào các mảnh xương.

Các cháu của bà cũng thường cầu nguyện cho mình thấy điềm gì đó đặng biết chắc chắn rằng bà được sanh về cảnh giới nào để mà họ an tâm. Bảy tuần thất vừa hoàn mãn, cô Cúc nằm mơ thấy bà đi từ cửa vào rồi ngồi xuống giữa nhà. Cô thầm nghĩ hôm nay không biết tại sao mà bà đi được, vì thuở sinh tiền do đôi chân bà tàn tật chưa từng thấy bà đứng đi bao giờ. Cô liền hỏi:

- Bà ơi! Bây giờ bà đang ở đâu?

Bà không trả lời thẳng câu hỏi, mà nói:

- Tây Phương Cực Lạc đẹp lắm cháu ơi!

Vừa nói xong thì bà đứng lên, đi ra ngoài. Cô cũng giật mình tỉnh dậy, lòng cảm thấy như là sự thật rõ ràng chứ chẳng phải là một giấc mơ!

*(Thuật theo lời Nguyễn Văn Đồng,
cháu thứ Ba của bà)*

14. DƯƠNG THỊ CHẤT

(1934 - 2012) 78 tuổi

Bà Dương Thị Chất sinh năm 1934. Song thân là cụ ông Dương Văn Mạnh và cụ bà Nguyễn Thị Chơn.

Năm lên 3 tuổi mẹ mất, cha tục huyền sinh thêm mấy người con nữa, bà cùng các em hòa thuận thương yêu nhau không hề phân biệt.

Khi đến tuổi hoa xuân, bà kết hôn với ông Thạch Văn Đước, sinh được 10 người con, 7 trai 3 gái. Định cư tại xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Gia đình bà sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình bà vui vẻ, cần kiệm, quý tiếc từng tấc vải hạt cơm.

Sau năm 75, bà giác ngộ Phật Pháp, thức tỉnh mộng đời nên phát tâm ăn chay niệm Phật tu hành.

Thấy bà ngồi ăn một mình ông mới nói:

- Thôi để tui ăn chay với bà luôn!

Khi đã phát tâm trường trai giới sát, chuyên chí tu hành, bà ưa thích bố thí, cứu giúp những người nghèo khó đói khổ. Do gia sản của bà ruộng đất nhiều, nên sau những vụ mùa thu hoạch kết thúc, bà thường cùng chồng xay lúa, rồi cho xuống xuống, đem đến tận các hộ dân thuộc diện neo đơn trong vùng để biếu tặng.

Dù hoàn cảnh kinh tế khá giả, nhưng hai ông bà rất cần kiệm từng ly từng tí, gói ghém mọi thứ dùng xài, để có dư ra dâng mà bố thí nhiều hơn. Bà hay lượm những chiếc dép

trôi trên sông rạch, chiếc nào đứt quai thì bà làm lại; bởi vì là mang dép lượm nên chiếc Nam chiếc Bắc, thấy vậy các con cháu mua cho bà nhiều đôi dép mới thế vào, nhưng rồi lại hụi bà đem đi cho hết, xem kỹ lại trên đôi chân của bà vẫn còn chiếc Bắc chiếc Nam!

Chuyện ăn mặc hai ông bà cũng đồng một kiểu như trên không hơn không kém.

Các cô con gái đã lập gia đình, cứ vài tuần hay vài tháng về thăm bà một lần, mà mỗi lần về thăm là mỗi lần bà nhìn bộ y phục của con rồi nói:

- Bộ... mới may quần áo mới nữa đó, hả con? Sao con may hoài vậy! Mẹ dặn con đừng nên may quần áo, để dành tiền mình làm phước, may đủ mặc thôi, một bộ thay một bộ đổi là được rồi. Không nên may nhiều!

Ngày bà mãn phần, số vải còn chất trong tủ một đồng chùn ngùn, cô Hai phải mở ra làm tròn tâm nguyện khi sinh tiền mà bà chưa kịp thực hiện.

Phần đông sống trên cõi đời này ai cũng lo tom góp tích cóp cho bản thân, ít ai quan tâm đến sự sinh hoạt thiết yếu của kẻ khác. Chính vì vậy mà tạo ra rất nhiều nhân khổ đau cho tương lai bản thân mình, như bài kệ:

*“Người đời tham đủ thứ,
Rốt cuộc cũng tay không;
Thế mà chưa thấy chán,
Vẫn còn lắm sự mong.
Tội lỗi càng chồng chất,
Đền trả mãi chưa xong;
Hồng trần là tạm giả,
Nên tỉnh ngộ nơi lòng.
Lo tu hành niệm Phật,
Cho khỏi nghiệp cùm gông;*

Trọn vui câu giải thoát,
Các nỗi khổ đều không.
Cảnh ấy người muốn đến,
Nghệ oan chớ đèo bòng;
Hành y lời Phật thuyết,
Sẽ toại ý người mong.”

Ý kệ như trách kẻ trần hồng,
Biết vật tạm mà lòng cứ mên.
Rốt cuộc chỉ nảo sâu đưa đến,
Người đời không mãn nguyện bao giờ;
Trong cái vui có cái khổ chờ,
Đang ngày sống sẵn hờ ngày chết.
Cái chi đến cuối cùng cũng hết,
Không vật nào người được giữ còn;
Ví dù là sông biển núi non,
Cũng vẫn bị tan mòn khô cạn.
Sanh thì phải tử là định mạng,
Vật hữu hình có hạn số căn;
Nếu không tìm đường lối siêu thăng,
Thì muôn kiếp vẫn còn sanh tử.
Trong lúc sống dù mưu vạn sự,
Khi chết rồi ra thứ bùn lầy;
Từ ngàn xưa cho đến ngày nay,
Ai cũng thế nào ai khỏi được.
Nên cõi mở nghiệp trần thúc phược,
Để tử sanh hết buộc trói mình;
Sự giả chơn phải xét cho mình,
Lẽ siêu đọa cũng nên nhớ lại.
Y lời Phật Tổ xưa chỉ dạy
Giải thoát muôn khổ hải Ta Bà;
Cầu vãng sanh cảnh giới Liên Hoa,

Lục đạo khỏi vào ra thọ nạn.
Đồng Bồ Tát Như Lai trường mạng,
Cứu mình còn cứu đặng Tổ tiên;
Cũng như là các bậc Tiên hiền,
Không thẹn kẻ sanh trên mặt đất.
Nếu người chỉ sống theo vật chất,
Thân mất rồi các vật hóa không;
Như đã tràng xe cát biển đông,
Muôn việc đổ theo dòng nước cuốn.
Lo giải thoát cho đời khỏi uổng,
Nên làm lành để chẳng phí công;
Hãy mở tâm bác ái đại đồng,
Cứu giúp kẻ sống trong cảnh khổ.
Nên hoà thuận chớ nên gây gổ,
Tha thứ nhau đừng bó buộc nhau;
Người dù là không phải đồng bào,
Cũng đồng loại nào nhiều hại.
Nên giúp đỡ để cùng tồn tại,
Chớ đem lòng phá hoại lẫn nhau;
Tinh thần hơn loại khá nêu cao,
Lo giải quyết khổ đau đời sống.
Dẹp ích kỷ dẹp lòng tham vọng,
Mở lương tâm mở rộng tình yêu;
Người với người tương trợ mọi điều,
Lấy thành thật ra nêu trước hết.
Sự vui khổ hoặc bề sống chết,
Lo đỡ nâng cứu vớt lẫn nhau.
...Di Đà lục tự là phao,
Cùng nhau trì niệm khổ đau tan tành!
Cùng nhau vượt thoát tử sanh,
Cùng nhau chung hưởng an lành trường miên!”

Bà cũng thường cùng các bạn đạo chung sức chung tiền bào chế Đông dược thành phẩm gửi tặng khắp nơi, nhất là thuốc tể Tô Hiệp vì đây là loại thuốc gần gũi thân thiết tiện dụng cho tầng lớp thường dân tay lấm chân bùn miền Tây Nam Bộ.

Công phu hằng ngày của bà là ba thời lễ niệm, thời gian tổng cộng mất khoảng một cây hương. Ngoài thời khóa chính ra xâu chuỗi luôn có trên tay, bà niệm Phật trong mọi oai nghi, theo phương châm: “Nam Mô A Di Đà Phật, sáu chữ đi, đứng, nằm, ngồi, rán niệm chớ quên, không đợi gì thời khắc.”

Bà thường xuyên đến các đạo tràng tổ chức định kỳ quanh vùng để cùng chư đồng tu niệm Phật. Có một khoảng thời gian bà cũng tổ chức niệm Phật tại nhà, nhưng do duyên chẳng mấy thuận lợi nên dừng lại.

Ngoài ra bà rất thích đọc kinh kệ và nghe băng đĩa, chủ yếu không ngoài Thi Văn Giáo Lý. Do trình độ văn hoá khá khiêm nhường, khi đọc phải nắn nót từng chữ, cà hực cà hữ từng câu ráp vắn. Bà thường đọc cho các con các cháu nghe “Muội Điều Khuyến Tu” của Đức Phật Thầy Tây An:

*...“Điều thứ ba, vẹn toàn hạnh đức,
Tuy bán buôn cơ cực tảo tần.
Đổi công nuôi lấy tấm thân,
Đừng ham mển chuyện phi nhân gạt lường.
Dầu vàng bạc đầy rương tràn tử,
Cuộc trần này chưa đủ con ơi!
Ác gian cũng chỉ một đời,
Thà nghèo trong sạch thanh thoi linh hồn.
Điều thứ tư, Pháp môn quy luật,
Lục thập chạy cố sức trau dồi.
Thịt thà xương máu tanh hôi,
Cỏ cây rau cải cũng rồi bữa ăn.
Đức từ bi thường hằng thể hiện,*

*Không sát sanh lòng thiện ta còn.
Lạt chay tuy chẳng ngọt ngon,
Còn hơn thú vị cơm chan máu hồng.
Điều thứ năm, quyết không hờn giận,
Ghét ganh chỉ cho bận lòng mình.
Con xem vạn quyển thiên kinh,
Hiền nhân quân tử rộng tình vô câu.
Muôn việc xảy bắt đầu Sân nô,
Là nguyên nhân thống khổ ly tan.
Chân truyền chánh pháp đạo vàng,
Tập xong chữ Nhẫn Niết-bàn không xa”...*

Sống trên đời ai cũng biết chắc chắn rằng khi hơi thở ra không hít vào nữa là già biệt dương gian sanh sang đời khác, mọi thứ đều bỏ lại chẳng mang theo được gì ngoài tội và phước, thế mà có mấy ai lạnh nhạt với tài sản của cải bạc vàng; mà trái lại, tom góp càng nhiều thì càng cảm thấy thích thú say sưa. Đôi khi vì muốn sở hữu tài sản đã không ngần ngại tạo ra vô số tội lỗi để đón nhận hậu quả khổ đau cho mình trong tương lai một cách oan uổng, thật hết sức đáng thương!

Lúc nào bà cũng khuyên bảo con cháu cũng như người thân quen ráng làm lành lánh dữ, ráng tu hiền, cố gắng tập ăn chay, cố gắng niệm Phật cầu vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Từ Phụ A Di Đà.

Bà cũng thường nói với cô Hai:

- Đẹp ơi! Nữa mẹ chết, chắc ăn là mẹ được vãng sanh. Mẹ ngủ, mẹ nằm chiêm bao mẹ thấy vãng sanh hoài hà! Nên lúc nào mẹ cũng ráng lo niệm Phật!

Năm 2014 bà ngã bệnh, bác sĩ các nơi đều cho biết là bà bị bệnh tiểu đường, do vì bệnh chưa nhiều chỉ cho lắm nên thỉnh thoảng mỗi lần bệnh tái phát hơi mệt mệt, đi chích thuốc, uống thuốc, vô nước biển... vài hôm thì sức khỏe tạm ổn.

Chiều ngày mùng 5 tháng 11 bà lên cơn mệt nhiều, gia đình đưa bà vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, vì là biến chứng của tiểu đường nên bệnh trạng đã lâm cơn nguy ngập trầm trọng. Thấy thế con bà mới hỏi bác sĩ:

- Bác sĩ ơi! Bác sĩ... nhắm... bệnh tình của mẹ tôi có thể trị được không thưa bác sĩ? Nếu không được thì xin cho tôi chở bà về nhà, để lo bề hộ niệm cho bà!

- Thôi! Bà cụ này xin chở về thì chở! Chứ... bệnh của bà nặng dữ lắm rồi. Để ở đây điều trị... thì... điều trị... năm ăn năm thua. Chứ bảo đảm thì không dám bảo đảm!

Thế là qua ngày hôm sau người thân làm hồ sơ thủ tục xuất viện, rồi thuê xe tắc xi đưa bà ra về.

Về tới nhà đã hơn 11 giờ trưa. Con bà đến bên cạnh hỏi:

- Mẹ có nhớ niệm Phật không, vậy mẹ?

- Có, mẹ có niệm Phật trong tâm!

- Mẹ rán niệm Phật, mẹ ơi! Tụi con cũng niệm Phật để hồi hướng công đức cho mẹ nè!

- Mẹ niệm Phật, dữ lắm con ơi!

- Vậy tốt quá rồi, mẹ ráng niệm đi ghen mẹ!

Chiều lại, hưởng ứng lời yêu cầu của gia đình, các đồng tu quanh vùng tề tựu kéo đến tấp nập cùng với con cháu thân thích trong nhà chia ca luân phiên trợ niệm liên tục. Sau đó không bao lâu bà chìm vào hôn mê trải qua hơn 36 giờ đồng hồ. Đến ngày mùng 7, bà tỉnh lại nhưng không nói chuyện

được, các con hỏi có nhớ niệm Phật không thì bà gật đầu. Ngày mừng 8 cũng y như vậy.

Cuộc hộ niệm vẫn duy trì mãi đến 9 giờ sáng ngày mừng 9 tháng 11 năm 2012 bà mới an tường trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh niệm Phật vang dội trầm hùng của hàng trăm người đưa tiễn. Trước đó một tiếng đồng hồ các con thay y phục mới và mặc áo tràng cho bà. Khi đi bà mở mắt ra nhìn, môi nhép nhép, đôi mắt từ từ khép lại rồi nhẹ nhàng qua đời. Bà hưởng thọ 78 tuổi.

Qua tám giờ hộ niệm sau đó, gương mặt bà trở nên vô cùng xinh đẹp, hồng hào, tươi nhuận, lộ nét vui vẻ y như đang mỉm miệng cười, các khớp xương đều mềm nhũn, toàn thân lạnh đặc biệt duy có đánh đầu rất nóng.

*(Thuật theo lời cô Thạch Thị Đẹp,
con gái thứ Hai của bà)*

15. THẠCH TUYẾN

(1990 - 2016) 26 tuổi

Anh Thạch Tuyến sinh năm 1990, gốc Khơ-me. Cha anh là ông Thạch Sơn, mẹ là bà Neang Thị Sanh. Có tất cả 7 người anh em, 6 trai, 1 gái. Anh là con thứ Bảy trong gia đình, cư ngụ tại tổ 22, ấp Tân Đông, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Gia đình anh sống với nghề làm mướn và mót lúa. Anh học đến lớp 8 thì nghỉ học lên Thành phố đi làm mướn.

Tính tình anh hiền hậu, thương người, có lòng hay giúp đỡ người nghèo khổ và cúng dường Tam Bảo.

Năm 2003, đột nhiên anh ngã bệnh, đưa vào bệnh viện Núi Sập vài ngày thì chuyển lên bệnh viện Long Xuyên. Ở đây được 10 ngày, bác sĩ cho biết anh bị gãy cổ xương đùi, nằm viện theo dõi được 5-6 ngày, bác sĩ bèn cho thuốc về nhà uống 1 thời gian. Gia đình đang gặp hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đưa anh đi điều trị thuốc Nam, thuốc Bắc nhiều nơi, được khoảng hơn 1 tháng nhưng bệnh không thuyên giảm, sức khỏe của anh ngày càng yếu, gia đình mới đưa anh lên Trung Tâm Chỉnh Hình Thành Phố khám. Qua quá trình khám nghiệm bác sĩ cho biết anh bị ung thư xương cần phải phẫu thuật cắt bỏ chân ngay lập tức, do gia đình không đủ kinh phí nên phải chờ đến gần 2 tháng mới tiến hành phẫu thuật.

Sau khi phẫu thuật cắt bỏ chân, về nhà anh được mọi người hỗ trợ chiếc xe 3 bánh để đi bán vé số ở Long Xuyên, được khoảng hơn 5 tháng thì bệnh của anh di căn thành khối u lên đầu, không thể điều trị được, sức khỏe của anh rất yếu nên không còn đi bán vé số nữa.

Bệnh hành anh đau nhức dữ dội, thường khó thở, thỉnh thoảng xuất huyết ra hai lỗ tai, mũi, miệng, kéo dài hơn một năm. Quả thật đời là bể khổ, mỗi người mỗi kiểu khác nhau, như lời nhắc nhở của Chư Cổ Đức:

*“...Đời nếu được bình yên thật sự,
Ai cũng đều hưởng thọ trường sanh;
Trọn vui, trọn sáng, trọn lành,
Phật đâu gọi việc tu hành làm chi.
Đời lại chẳng có gì thật cả,
Xác thân còn tan rã bùn lầy;
Huống chi các việc bên ngoài,
Cũng là giả nổi có ai giữ còn.
Tuổi sống cứ ngày mòn lụn mãi,
Còn ốm đau tai hại nọ kia;
Ghét, thương, được, mất, hợp, lìa,
Khổ cho đến chết chưa hề xong chi.
Thế mà chẳng mấy khi nghĩ tới,
Còn tạo ra nhiều nỗi khổ thêm;
Trên đời rồi mãi không êm,
Giữa người thường có thù hiềm nhau luôn.
Khiến cho kiếp vô thường càng khổ,
Cũng làm cho mạng số ngắn thêm;
Hết ngày rồi lại kế đêm,
Sống chờ quỷ sứ đến thêm bắt đi.
Bị hành hạ còn gì hơn nữa,
Chịu đọa đầy không số đo lường;
Thế mà nghiệp ác còn vương,
Bao giờ ra khỏi con đường trầm luân.
Cõi Phật chẳng tử thần léo hánh,
Thật hoàn toàn một cảnh an vui;
Sao người chẳng chịu đến lui,
Cứ đeo cũi tạm đầy mùi khổ lao.
Lo giải thoát cho mau kéo trễ,*

Chậm ngày nào uống phế ngày ni;
Ngày giờ qua nó mất đi,
Tuổi không chờ đợi chờ trì hoãn tâm.
Giải thoát kiếp trước phạm sớm được,
Sớm khỏi vòng trói buộc hồng trần;
Hoàn toàn Vô quái ngại thân,
Muốn đi tự tại, muốn dừng tự do.
Hết bị việc đối no làm rộn,
Không còn lo ăn bận gây phiền;
Vô thường chúng quỷ đều kiêng,
Vô cùng khoái lạc, vô biên thọ trường.
Việc trước hết là đường giải thoát,
Giải thoát xong phạm xác nhẹ nhàng;
Mặc dù ở cõi thế gian,
Mà không bị sự buộc ràng trần ai.
Dù quả đất đổi thay cách mấy,
Mình cũng không động đậy chút nào;
Hoàn toàn vượt khỏi trần lao,
Nhiệm mầu trên sức hùng hào thế gian.
Chúng sanh cũng nên sang cảnh ấy,
Để tự mình chủ lấy đời mình;
Lúc nào cũng được quang minh,
Không còn bị lớp trần tình phủ che.
Tiếng phạm tục tai nghe không nhiễm,
Sắc hồng trần không chiếm được lòng;
Đi đâu cũng được thông dong,
Ở đâu cũng được tùy lòng tự do.
... Muốn được thế gắng lo tu tập,
Thiện cố làm ác cấp tốc xa.
Chí tâm tưởng niệm thiết tha,
Sen vàng chín phẩm nở hoa thơm lừng!"

Được sự trợ duyên của người cháu tên Sang và chư liên hữu quanh vùng, đến khuyên gia đình nên thiết lập thờ

phượng ngồi Tam Bảo, đồng thời cũng khuyên anh phải phát tâm ăn chay trường và niệm Phật cầu vãng sanh. Cả nhà đồng chấp thuận y theo, riêng anh cũng phát tâm trường trai cho đến cuối đời (khoảng 2 năm). Khi đó vào mỗi buổi tối Ban Hộ Niệm đến cộng tu niệm Phật với anh. Được gần 2 tháng, thấy anh khỏe lại nên ngưng. Từ đó bệnh của anh giảm bớt sự đau nhức rất nhiều.

Mỗi đêm khi bà mẹ thức giấc đều thấy anh ngồi niệm Phật lớn tiếng.

Có lần đang niệm Phật anh nằm chiêm bao thấy một ông râu ria đi lại và kêu:

- Tuyến ơi! Đi Tuyến ơi!

Anh ngạc nhiên và nói:

- Ủa! Con đâu có biết chú là ai đâu,... mà đi theo chú!

Ông già kia đáp:

- Chèn ơi! Con nguyện đức Phật Di Đà rước đó! Bây giờ tới giờ rồi, con đi không?

Anh quả quyết:

- Con không có quen biết chú đâu!

Sáng ra anh kể lại cho đồng đạo nghe, mọi người cười và nói:

- Vậy con đừng có đi! Không phải Phật đâu!

Lúc anh mệt nhiều gia đình lại mời Ban Hộ Niệm đến cộng tu niệm Phật vào mỗi buổi tối (cộng tu khoảng 13-14 ngày), đến 2 ngày cuối thì hộ niệm liên tục 24 giờ.

Buổi sáng trước khi mất, mẹ anh mua trái táo cho anh ăn, nhưng ăn chưa hết trái táo, mẹ mua thêm cho anh ly rau câu, anh không chịu ăn, rồi mẹ anh đem nước lại cho anh uống. Uống xong anh té ngã xuống. Gia đình quỳnh quáng điện thoại mời đồng đạo đến niệm Phật cho anh. Đúng 9 giờ thì Ban Hộ Niệm của chú Tư Xã đến. Niệm được một lúc thì anh tỉnh lại, anh kêu mọi người kéo tay đỡ anh lên. Sau khi đỡ anh lên lau sạch sẽ, mẹ anh khuyên:

- Con ơi! Con cố gắng lên!

Anh hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! Mẹ mời đồng đạo chi vậy mẹ? Mẹ khoan mời đi mẹ! Con chưa có mệt!

Mẹ anh đáp:

- Chèn ơi! Con ngất xỉu hồi sáng rồi con ơi! Mời đồng đạo đi con! Đừng có sợ gì hết! Con đi trước đi, con cố gắng lên! Con đi trước mẹ theo sau, mẹ không có bỏ con đâu! Con nhìn thấy đi, đồng đạo trước cửa mình đó con, nhà lầu nhà đúc và còn mạnh mà người ta còn nguyện về với Phật Di Đà không đó... con đừng có sợ! Con cố gắng lên, mẹ theo con! Mẹ không có bỏ!

Ban Hộ Niệm khi hay tin bèn kéo đến nhà chia ca niệm Phật, niệm khoảng 20 phút anh nói:

- Đồng đạo ơi ngưng 5 phút đi đồng đạo! Bởi con thì mới té mà chân của con đau quá đi! Con mệt dữ lắm, đồng đạo ơi ngưng 5 phút đi!

Mọi người cũng ngưng niệm cho anh. Khi niệm tiếp trở lại thì một lát sau anh lại xin:

- Đồng đạo ơi ngưng 5 phút đi đồng đạo! Con mệt quá rồi, nó nhức nhối, rồi cuống họng con còn nhỏ quá, con thở mệt lắm đồng đạo ơi!

Một lát sau anh kéo vạt áo tràng của đồng đạo và khấn xin tiếp:

- Ngưng 5 phút đi đồng đạo ơi, để một chút con niệm Phật trước rồi đồng đạo niệm theo sau con!

Khi Ban Hộ Niệm hoan hỷ chấp thuận, anh cười và nói:

- Thôi con cảm ơn đồng đạo nghe!

Cứ thế anh xin đi xin lại nhiều lần, lần này anh viện cớ nói khéo:

- Đồng đạo ơi! Đồng đạo thì thay phiên, đồng đạo đừng có ép người quá đáng đồng đạo ơi! Để rồi đây... nó hư bột hư đường hết đó!

Thấy thế mẹ anh khuyên:

- Tuyên ơi! Mẹ biết con giỏi lắm! Thôi con cố gắng lên đi! Con ráng niệm Phật đi con! Con mệt rồi con ráng niệm Phật đi! Con yếu rồi đồng đạo ủng hộ mình mừng lắm đó con!

Anh vâng lời:

- Dạ... dạ....

Ban Hộ Niệm chia ca, mỗi ca 5-6 người, tiếp tục hộ niệm cho anh, anh cũng nhép môi niệm theo. Niệm được khoảng 20 phút thì anh kêu mệt và nói:

- Đồng đạo ơi ngưng 5 phút đi, con mệt quá!

Một lát sau, anh lại kêu:

- Đồng đạo ơi ngưng 5 phút đi, con mệt quá hà!

Được một lúc anh lại kéo vạt áo tràng của đồng đạo và nói:

- Thôi ngưng 5 phút đi! Ngưng 5 phút đi để chút nữa con niệm dẫn trước cho!

Đến một lúc sau anh tự nhiên cất tiếng hỏi:

- Bác Tư ơi! Bác Tư có thấy chiếu hào quang gì không bác Tư? Con thấy lần này nữa là 2 lần rồi đó bác Tư!

Chú Tư đáp:

- Ủa! Chuyện chiếu hào quang đó là con thấy chứ bác Tư đâu có thấy!

Anh diễn tả tiếp:

- Sáng trưng luôn đó bác Tư!

Đồng đạo liền hỏi:

- Em thấy rồi biết chừng nào Phật rước không?

Anh đáp:

- Em không biết nữa!

Đồng đạo giả vờ hỏi:

- Em thấy ba lần phải không?

Anh khẳng định:

- Em thấy có hai lần hà!

- Bây giờ em có quyết tâm đi với đức Phật Di Đà không?

- Em quyết tâm!

- Vậy em niệm Phật đi!

Anh liền niệm:

- Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật! Cầu xin đức Phật Di Đà rước con về Cực Lạc!

Không bao lâu sau đó anh mỉm miệng cười 2 lần, rồi an tường trút hơi thở trong tư thế mặt hướng về phương Tây vào

lúc 8 giờ 30 tối, ngày 16 tháng 9 năm 2015, anh hưởng dương 26 tuổi.

Hộ niệm thêm, hơn 8 tiếng đồng hồ sau, khi thăm thân thì thấy các khớp xương đều mềm mại, toàn thân lạnh duy có đánh đầu còn ấm nóng.

*(Thuật theo lời ông Thạch Sơn,
bà Neang Thị Sanh, cha mẹ của anh
và chư liên hữu trong Ban Hộ Niệm)*

16. TRẦN VĂN ĐỆC - NGÔ THỊ CẦU

(1919-2008) 89 Tuổi và (1922-2008) 86 tuổi

Ông Trần Văn Đệc sinh năm 1919, cư ngụ tại ấp Đông, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Song thân là cụ ông Trần Văn Thái và cụ bà Nguyễn Thị Báu. Ông đứng thứ Tám trong gia đình có nhiều anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Ngô Thị Cầu, sinh được chín người con, sáu trai ba gái. Gia đình ông sanh sống bằng nghề làm ruộng, làm vườn.

Tính tình ông rất thẳng thắn và liêm chính, tận tâm giúp đỡ mọi người xung quanh bằng khả năng hiện có của mình.

Thuở thiếu thời ông cũng có nghiên cứu Phật Pháp, nhưng chỉ dừng lại ở ‘Làm lành, lánh dữ’ và chay lạt mỗi tháng 4 ngày. Bất cứ việc gì, hễ bắt mình bắt chánh mà danh văn lợi dưỡng có to lớn thế mấy, cũng chẳng bao giờ làm mê mờ được lòng dạ ông, không xoay lạt được đức “liêm khiết” và “công chính” vốn sẵn trời ban cho ông.

Ông thường dạy con cháu phải ăn ngay, ở thật, tròn đạo làm người. Ông hay nói:

- “Thà nghèo thanh hơn giàu mà trước; Lo vun trồng cội phước về sau.” Thà rằng mình nghèo khổ mà ngay thẳng chân thật thì vẫn tốt; Còn nếu mình ham giàu, ham phú quý mà trái với đạo lý, ngược với nghĩa nhân thì vẫn không tốt... cũng rất là uống!

Đúng như lời khai thị của chư Cổ Đức:

*“...Sự đòi dẫu lắm say mê,
Cái thân giả tạm không hề trường miên.*

Thân khi hết, quí quyền cũng hết,
Vật dẫu còn người chết phải đi;
Hơn nhau thử hỏi cái gì?
Đòi thì danh chánh, Đạo thì nghĩa chơn.
Danh chánh được thế như khen ngợi.
Đạo chơn thì hồn khỏi dọa sa.
Chánh danh thì cũng tạm là
Chỉ chơn đạo mới thật qua khổ sầu.
Người sanh sống nơi đâu bất luận,
Mang xác phàm đều cũng như nhau;
Nằm trong thế giới khổ đau,
Nên tu hành để sớm đào tẩu ra.
Theo đường Phật Thích Ca chỉ vạch,
Nghe lời Chơn Sư mách cơ huyền;
Bỏ để khóa lấp não phiền.
Niết Bàn thay thế nơi miền tử sanh
Dữ là họa còn lành là phước,
Đòi khổ đau đạo đức an vui;
Từ Bi nếu thấm lòng người,
Khiến đời phàm tục đổi đời Thần Tiên,
Kiếp thống khổ chớ yên chịu khổ,
Cảnh mê ly, đừng có mê ly.
Khôn ngoan hay kẻ ngu si,
Nên tìm con lộ vĩnh kỳ giải oan,
Hối sớm chớ sắp tàn mới hối.
Tu mau đừng gàn trời mới tu;
Thân người như tử hình tù,
Phút qua là mỗi phút thu ngắn đời
Nên cải thiện cho nguôi lửa nghiệp,
Đừng từng gian khổ kiếp chìm sâu;
Bỏ mê nên lấm đau sầu
Rán bừng tỉnh để hết câu khổ nài.
Đồng tu niệm xóm làng hòa nhã
Đồng hiền lành già trẻ an vui

Khiến cho đời sống tốt tươi,
 Mà còn cứu được hồn người siêu sanh.
 Gian truân cũng nhớ hành chánh đạo,
 Tham dục bao đừng tạo ác nhân;
 Làm lành cho khỏi đọa thân,
 Tu chơn cho khỏi quây quần cõi mê.
 Tu cho thần thức kê bên Phật;
 Tu cho phàm thân hết khổ đời;
 Hối người ở khắp mọi nơi.
 Tu cho xã hội con người bình thanh.
 Việc lương thiện đua tranh thì tốt,
 Điều ác gian bốc hốt không nên.
 Luật trời báo ứng chớ quên.
 Hễ vay mượn trước phải đền trả sau.
 Xưa đã chẳng ai nào thoát khỏi,
 Nay cũng không người giỏi trốn qua
 Khỏi ý quấy khá ngăn chặn lại,
 Sanh niệm lành thì hãy làm ra.
 Tốt hơn khắp cả người ta,
 Lấy câu Nhơn Quả để mà ở ăn.
 Lợi mình mà hại người ta,
 Lợi bao nhiêu nữa cũng là thôi đi.
 Tổn hại kẻ việc gì cũng bỏ,
 Ích lợi người dù khó cũng làm.
 Lòng nhân đem trị tánh tham,
 Không gây tội kiếp chẳng làm đọa thân.”

Khi tuổi đã bước sang giai đoạn ‘cổ lai hy’ (70 tuổi), thấy các con trong nhà và bà bạn đều đã phát tâm trường trai nên ông cũng phát tâm theo. Vả lại lúc này các con đã lớn khôn gánh vác hết mọi chuyện gia đình, do đó ông rất nhàn nhã, một bề lo tịnh dưỡng chuyên chí tu hành.

Khi đã chay lạt tu hành thì ông tuân thủ giới luật rất nghiêm nhặt, lấy giới làm thầy, cụ thể nổi bật nhất là ông bỏ hẳn rượu chè, nói lời hòa ngôn ái ngữ, nhất quyết một lòng niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Từ Phụ A Di Đà.

Ông thường xem nghe sám kệ, hai phẩm ‘Đường Giải Thoát’ và ‘Thần Cơ Thật Luận’ là hai phẩm mà ông yêu thích nhất. Được biết trước kia ông vốn có thành kiến khá nặng, thậm chí còn lên tiếng phản đối ngăn cản khi thấy các con mình xem nghe. Nhưng sau này, qua quá trình nghiên cứu kỹ càng, ông bỗng nhiên trở nên say sưa ưa thích một cách lạ kỳ. Mỗi khi có bạn đồng tu hay người thân ghé thăm, ông hay mở máy phát ra để cùng nhau nghe, và còn sang ra nhiều đĩa trao tặng cho họ lúc từ giã ra về. Trong ấy có những đoạn như sau:

*“Nhìn thấy chúng sanh trên quả đất,
Đang quay cuồng theo vật dục tâm.
Mạnh yên thân còn yếu dập bầm,
Vì sự sống cạnh tranh không ngớt.
Mọi nỗi khổ vẫn chưa thấy bớt,
Sanh rồi già rồi chết nối liền.
Còn bệnh kia tật nọ liên miên,
Đủ cách chết kẻ không hết được.
Chết vì bệnh chết vì bạo ngược,
Chết thiên tai hoặc chết nhưn tai.
Dù rằng người đủ sức đủ tài,
Cũng không trốn khỏi ngày chết đến.
Thế mà côi tục trần cứ mền,
Tạo tác thêm nhiều chuyện bất lành.
Để lưu truyền mãi nghiệp tử sanh
Và cuộc sống hiện tình thêm khổ.
Không cứu được mẹ cha tông tổ,
Lại còn làm xấu hổ gia môn,*

Hại đời mình còn hại nhi tôn,
 Thật là một người không hiếu nghĩa.
 Nên phản tỉnh đạo mầu trau tria,
 Cứu độ mình và cả tông môn,
 Truyền nghiệp lành cho đám nhi tôn,
 Noi theo đó lánh thân khỏi tục.
 Mình lực đực cháu con lực đực,
 Khiến cả dòng họ mất cơ duyên.
 Bật lối đường đi đến Phật Tiên,
 Muôn kiếp vẫn còn nguyên tại thế.
 Khổ này qua khổ kia liên kế,
 Lặn hụp trong sâu bể không ngừng.
 Càng ngày càng u ám tinh thần,
 Không còn sức quày chân trở lại.
 Khi có cuộc tang điền thương hải,
 Các nạn tai đồ giải trên mình,
 Thân sống cam trôi nổi linh đình,
 Linh hồn cũng gập ghình mây gió.
 Sống hay chết vẫn nằm trong rọ,
 Bị nghiệp mê lôi cổ đi luôn.
 Mang lấy thân sống đại chết cuồng,
 Chịu đựng kiếp vào trần ra khổ.
 Lăn lộn cảnh sớm khai chiều đổ,
 Mang mển đời nay để mai chôn.
 Lo miếng cơm chạy chọt bồn chồn,
 Vì manh vải cúi lòn bận rộn,
 Lúc nào cũng lo như bị nhện.
 Sống trong đời hỗn độn đua chen,
 Chỉ làm cho tâm trí tối đen
 Chung cuộc vẫn đem chôn xuống đất.
 Có cảnh Phật còn hoài không mất,
 Mà không tìm qua được cho an.

...

*Nguyện sanh về cõi Lạc Bang,
Thành tâm trì niệm Đài Vàng điểm tên.
Đừng chần chờ! Hãy cố lên!
Ngàn năm một thuở chớ nên lỡ làng!"*

Công khóa bình thời của ông mỗi ngày là ba lần lễ bái sám nguyện, cứ sau lễ bái sám nguyện thì ông ngồi niệm Phật vài mươi phút tùy theo sức khỏe. Thỉnh thoảng ông tham dự những lễ cúng tuần quanh vùng, hay lễ tôn trí Tam Bảo cho chư vị đồng tu gần nhà mới vừa phát tâm hướng về của Phật. Mỗi khi gặp gỡ các bạn đạo, hoặc lúc thân quyến hay con cháu ghé thăm ông đều đem Phật pháp ra bàn luận, nhất là khuyên cố gắng sống ngay thẳng chân thật tròn đạo làm người, tin sâu nhân quả bỏ ác làm lành, chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Sức khỏe của ông tương đối ổn định, mấy mươi năm cuối đời chưa từng nhập viện, nếu có bệnh thì cũng sơ sìa, cảm xoàng mà thôi.

Ông có thói quen trước khi đi ngủ và lúc thức dậy thường niệm lớn 3 lần như sau:

- Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới tam thập lục vạn ức, nhứt thập nhứt vạn, cửu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu đại từ đại bi tiếp dẫn vong linh, A Di Đà Phật.

Con ông thấy lạ, hỏi duyên cớ, ông giải thích:

- Đó là ba làm đơn nạp sẵn cho Đức Phật A Di Đà, đến chừng tắt thở là Ngài rước mình liền!

Năm 2001, vì nhận thấy việc cộng tu thực sự có lợi ích vô cùng to lớn cho người hành trì pháp môn Tịnh Độ, nên ông phát tâm hiến mảnh đất 6000 mét vuông tạo nơi chốn cho các đồng đạo đến niệm Phật, con cháu ông cùng chư liên hữu hợp

lực thực hiện, từ đó chương trình niệm Phật định kỳ được tổ chức liên tục mãi về sau.

Năm 2002, người con trai thứ Tám của ông rước hai ông bà về nhà của chú ở xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc để tiện bề phụng dưỡng, mà nơi đây cũng yên tĩnh thuận lợi cho việc công phu tu trì.

Cuộc đời tu của ông chân thật và bình dị, không có chi nổi bật cho lắm, âm thầm lặng lẽ trôi qua mười mấy năm như một ngày.

Vào đêm 18 tháng 5 năm 2008, bà bạn đường 86 tuổi trở bệnh, các con cháu khắp nơi đều tề tựu kéo về. Sáng hôm sau bỗng nhiên ông sốt nhẹ, thân quyến liền vô cho ông một chai nước biển. Vô một chai nước biển cho ông xong các con cháu khắp nơi về cũng đã đầy đủ, ông bèn cho hợp hết tất cả lại, rồi trong tư thế ngồi trên giường xem thấy không có dáng dấp gì của người bệnh hoạn cả, ông chậm rãi tâm sự mọi điều, dặn dò sắp xếp mọi chuyện hậu sự, di chúc ước nguyện của mình, nhất là việc duy trì đạo tràng đã thành lập ở 7 năm trước, mong muốn các con cháu phải cố gắng gìn giữ bền vững, ngõ hầu tạo cơ duyên thuận lợi cho những người phát tâm đến niệm Phật được đều đặn trong tương lai.

Kế đến ông nhắc nhở con cháu về cách thức tu hành, cũng chỉ là lặp lại những câu nói như trước kia khi còn khỏe mạnh mà ông đã từng nói. Nhắc nhở đâu đó xong rồi, ông niệm lớn:

- Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới tam thập lục vạn ức, nhứt thập nhứt vạn, cửu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu đại từ đại bi tiếp dẫn vong linh, A Di Đà Phật.

Ông niệm đến lần thứ ba thì bảo:

- Ba mệt rồi, thôi đỡ ba nằm xuống!

Khi các con đỡ ông nằm xuống, đầu hướng về ngôi thờ Tam Bảo, ông niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật.” Khi đầu vừa chạm vào gối thì cũng vừa dứt tiếng “Phật”, đồng thời ông cũng tự xuôi tay xuôi chân, thẳng thớm nghiêm trang nhẹ nhàng an tường trút hơi thở cuối cùng, lúc đó là 3 giờ rưỡi chiều, ngày 19 tháng 5 năm 2008. Ông hưởng thọ 89 tuổi.

Gia đình thân quyến hộ niệm cho ông đến 7 giờ sáng ngày hôm sau mới tiến hành lễ an táng. Thi thể ông khi ấy nhìn không khác một người đang nằm ngủ!

Bà vợ của ông tên là Ngô Thị Cầu, nhỏ hơn ông 3 tuổi. Tính tình vui vẻ, tháo vác đảm đang, tràn đầy nghị lực nhẫn nại chịu mọi khó khổ.

Theo truyền thống ông bà, bà cũng tín ngưỡng Phật Trời, ăn chay mỗi tháng 4 ngày, hằng niệm Phật và trau tâm sửa tánh.

Khi bà tuổi đã ngoài sáu mươi, các con cháu trong nhà đã trưởng trai nên cũng khuyến tấn bà phát tâm dùng theo. Ban đầu bà còn do dự vì e ngại mình không đủ sức thực hiện. Qua nhiều lần các con động viên bà mới thực hành, một khi đã thực hành thì chết sống gì bà cũng không bỏ cuộc, đến độ thể trạng suy gầy hết sức tưởng tượng nổi, là trọng lượng chỉ còn 28 ký lô!

Có lần bà nhập viện để phẫu thuật bệnh do thoát vị, bác sĩ biết bà dùng chay nên nói:

- Bà phải ăn mặn mới đủ dinh dưỡng, mới đủ chất... mới mổ được!

- Không! Tôi đã nguyện ăn chay cho đến chết rồi. Nếu ăn mặn để mổ mới sống thì thôi khỏi mổ!

Bác sĩ thấy bà cương quyết quá, bèn cười, nói:

- Nói thì nói vậy thôi, chứ... chích thuốc bồi dưỡng rồi mổ chứ có gì đâu!

Hằng ngày bà rất thích nghe các băng đĩa Phật Pháp phân chính yếu là những phẩm trong bộ Hiền Đạo và Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.

Đối với pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh bà rất tin tưởng và cố gắng nỗ lực trong công phu trì niệm thường nhật. Sự dụng công tu của bà so với ông tương đối giống y như nhau.

Năm 2003, bà bị sỏi mật hoành hành bà đau đớn dữ dội. Khi khám nghiệm bác sĩ cho biết kích thước của viên sỏi là 29 ly, vì bà quá cao niên (81 tuổi) nên không thể tiến hành phẫu thuật. Về nhà có người bày cho uống nước sắc của rau bợ, bà y theo. Trải qua 35 ngày sau, xét nghiệm thì kết quả cho thấy viên sỏi hoàn toàn biến mất.

Cách sau đó một khoảng thời gian không bao lâu thì bà bị tai biến nhẹ. Vào Bệnh Viện Đa Khoa Sa Đéc vài ba đợt, cuối cùng đành an phận với nghiệp duyên là phải nằm luôn cho đến khi mãn phần là gần 5 năm. Đặc biệt trong thời gian gần 5 năm này bà có thể tự xoay trở người qua lại, và tự ngồi dậy được, chứ không phải liệt nằm một chỗ giống như các trường hợp tai biến thường thấy, do vì khi ngồi dậy bà thấy choáng váng chóng mặt nên nằm nghe dễ chịu hơn. Một điểm hết sức lạ là bà không ăn uống được bất cứ thực phẩm nào ngoại trừ sữa bột Ensure. Uống sữa mà không cần phải thêm đường, gần 5 năm trời mà không ngao ngán, tiêu tiểu vẫn bình thường, thể lực và vóc dáng vẫn mập mập hồng hào như người khỏe mạnh không khác, đến giờ công phu bà vẫn công phu bình thường, có điều là chỉ nằm một chỗ mà thôi!

Dường như nhờ bệnh mà bà niệm Phật tinh chuyên hơn,

tâm tình luôn luôn tuôn tràn niềm hoan hỷ, mỗi bà lúc nào cũng tươi cười, gặp ai đến thăm bà cũng khuyên nhắc họ ráng lo niệm Phật tu hành.

Ngày 18 tháng 5 bà bị sốt, con cháu các nơi tựu về, chiều hôm sau thì ông vãng sanh. Từ đó bà yếu dần, con cháu túc trực niệm Phật với bà.

Trải qua 16 ngày, bà đột nhiên rơi vào hiện tượng lạ, hiện tượng này vô cùng quái gở dị thường, ngay cả con gái, dâu và cháu bà đều là các công viên chức của các bệnh viện cũng bó tay, không thể lý giải!

Hiện tượng lạ đó là cơ quan hệ tim mạch và hệ hô hấp cứ 30 hoặc 60 giây ngưng hoạt động hoàn toàn, rồi 30 hoặc 60 giây hoạt động trở lại, tức là hai trạng thái chết - sống đắp đổi thay nhau suốt 3 ngày đêm, rồi bà mới nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng lúc gần 4 giờ chiều, ngày mùng 9 tháng 6 năm 2008. Thọ 86 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn tiếp tục duy trì đến sáng hôm sau mới lo phần hậu sự, khi ấy gương mặt bà tươi tỉnh như người đang ngủ, các khớp xương đều mềm mại.

Trong thời gian 3 ngày cuối đời con cháu và đồng tu vây quanh chia ca hộ niệm cho bà xuyên suốt. Trong khoảng thời gian hệ tim mạch và hô hấp hoạt động thì bà vẫn uống nước, vẫn ra dấu khi có ai hỏi điều gì, và tỉnh táo cho đến giây phút ra đi, chỉ có điều là bà không nói chuyện được mà thôi.

*(Thuật theo lời Trần Hữu Nghĩa
- con trai thứ Mười của hai ông bà)*

17. ĐẶNG VĂN ĐẠT

(1959 - 2016) 57 tuổi

Ông Đặng Văn Đạt sinh năm 1959, cư ngụ tại ấp Tân Quới, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Song thân là cụ ông Đặng Văn Năm và cụ bà Nguyễn Thị Măng. Ông là anh Hai trong gia đình có sáu người con.

Thân phụ mất sớm, khi ấy ông mới 13 tuổi. Ông thờ mẹ rất hiếu thuận, được xem như là hàng mẫu mực ít có trong thời đại hiện tại.

Khi tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Trần Thị Hồng sinh được 2 trai 1 gái, gia đình ông sống bằng nghề làm ruộng, làm vườn.

Tính tình ông nhân từ hiền hòa, thật thà chất phác.

Đối với các em, ông rất mực thương yêu, chưa hề tính toán so đo. Cư xử với hàng xóm láng giềng thì chưa hề mịch lòng một ai, nên ông được hầu hết mọi người mến quý.

Năm 1992 ông giác ngộ Phật Pháp nên phát tâm trường trai, ngày hai thời lễ niệm tu hành, lúc ấy ông 33 tuổi. Ông đem Phật Pháp hướng dẫn gia đình từng ly từng tí. Sau đó không bao lâu, bà bạn đời cùng hai người con Út cũng noi gót chạy lạt tu hiền theo ông.

Đường lối tu của ông là: “Tu tròn nhân đạo, làm lành, lánh dữ, niệm Phật cầu sanh Tây Phương.”

Ông tích cực tham gia mọi công tác từ thiện xã hội, như: cấp phát gạo cho các hộ nghèo, sưu tầm dược liệu cung ứng cho các phòng thuốc Nam, bắc cầu, làm đường, cất nhà tình thương... Ông Mười Hòn, nhà bên cạnh, là người bạn tri âm

tri kỷ cùng ông thực hiện các công tác phúc lợi này. Hai ông được xem như cặp bài trùng, khăng khít nhau, “có mặt trên từng cây số”, ngay cả tham dự niệm Phật định kỳ, hay lễ cúng tuần thất cầu nguyện siêu độ cho chư vị đồng tu cùng thân quyến, hoặc những dịp lễ lớn trọng đại hàng năm được tổ chức tại Tổ Đình... thấy đều chưa hề vắng thiếu hai ông.

Trải qua nhiều năm tháng giúp đời, bằng tấm lòng chân thành chân thật làm việc nghĩa, việc công, không vì danh lợi tư riêng mà hai ông đã được sự tín nhiệm của đại đa số quần chúng, họ tự nguyện đóng góp thành quỹ từ thiện trọng điểm, nổi bật là cất nhà tình thương cho các cư dân thuộc diện neo đơn trên địa bàn tương đối rộng; chẳng những lo cho họ nhà cửa không thôi mà còn kiêm luôn lu hũ, chõng giường ... mọi vật dụng linh tinh trong sinh hoạt đời sống thường nhật. Tỉnh cũng có cho người đến đây làm cuộc phỏng vấn và ghi ảnh để đăng tải tin tức trên báo chí, khen ngợi nhóm từ thiện mà hai ông đại diện đứng ra thực hiện.

Dù phải đối diện với vô số khó khăn thử thách, hai ông vẫn kiên trì an nhẫn cố hết sức để luồn lách vượt qua, mà người xưa hay diễn tả bằng câu ví von là: “Lửa thử vàng; gian nan thử sức”, nên tổ từ thiện phát triển ngày một to lớn và phạm vi hoạt động lan rộng vượt ngoài mong muốn thuở ban đầu. Tổ đã mua được hai chiếc xe, một dùng chuyển bệnh nhân, một dùng để đưa rước anh em của nhóm cũng như chuyên chở hàng hóa thực phẩm để phục vụ cho tổ cơm cháo trong các bệnh viện ở thành phố Cần Thơ cũng như ngoài Sài Gòn.

Tuy nhiên ông vẫn không xao lãng mục đích của người con Phật là luôn ý thức rằng: “Cảnh trần gian vốn vô thường mộng mị, đầy dẫy khổ đau ràng buộc; thế giới Tây Phương Cực Lạc là chốn chân thật vĩnh viễn an vui cần sớm trở về”, thế nên trong mọi oai nghi đi đứng nằm ngồi ông hằng giữ

câu Nam Mô A Di Đà Phật ít khi gián đoạn. Đúng như lời khai thị của chư Cổ Đức:

“Vạn vật vốn hữu kỳ bất viễn,
 Sống dường bao mặc miếng dường bao,
 Hay là tứ hải sang giàu,
 Chỉ là giọt nước trên tàu lá rung.
 Nên khuyên kẻ say cuồng sự vật,
 Khá nhìn ngay cái xác đang mang;
 Xác kia như đóm lửa tàn,
 Khó làm sao giữ được ngàn muôn năm.
 Bạo cho lắm chỉ làm một lúc,
 Dữ bao nhiêu cũng phút hơi còn;
 Mỗi ngày tuổi sống mỗi mòn,
 Tuổi mòn các việc cũng lòn đi theo.
 Có của chớ nên đeo theo của,
 Nên giúp cho những kẻ cơ hàn;
 Lo làm những việc phước đoan,
 Xác thân khi bỏ Niết Bàn được lên.
 Càng có của càng nên bố thí;
 Bố thí nhiều đạo vị thêm cao,
 Tại trần của cải tuy hao,
 Nhưng nơi cõi Phật càng giàu phước thêm.
 Ấy là kế trường miên ớ trẻ,
 Nào phải đâu là kẻ đại ngu;
 Giúp người sẽ được đền bù,
 Bất kỳ ai để mắt vào cũng thương.
 Nói một cách thông thường dễ hiểu,
 Người phải nên biết điều làm người;
 Giúp nhau là việc tốt tươi,
 Hại nhau là việc ai người cũng chê,
 Kiếp sống tạm ấy về định mạng;
 Nhưng chớ nên giới hạn vào đây,
 Giúp nhau cứ nguyện giúp hoài,

Khấp người no ấm một ngày cũng nên.
Đem thân tạm giả trên trần tục,
Để tạo chơn hạnh phúc Phật Đài;
Khổ lao dù mấy chớ nài,
Cố làm để giúp nhơn loài nhiều lên!
Tình siêu thắm gác trên tình thế,
Nghĩa cao dày phủ cả nghĩa nhân;
Bao nhiêu mối nợ lần khân,
Dứt đi không bận Phật Thần khác đâu!
...Muôn việc đến quan khâu là hết,
Nghèo giàu đều chung kết như nhau,
Uống công lúc sống quở quào;
Mạng chung tay chẳng nắm vào món chi.
...Trẻ bảo tu hện khi có tuổi,
Già cho rằng chưa rồi để tu;
Hết Xuân rồi lại đến Thu,
Cứ lần lựa đến khi vào quách quan.
...Đầu thai cõi trần gian đau khổ,
Chịu ngu khờ ở chỗ cơ nguy;
Từ sanh cho đến chết đi,
Không ngày nào được hưởng gì sướng vui.
...Khổ đau mãi tới lui lui tới,
Hực hừng như củi bởi lửa nung.
...Mạng căn như đóa phù dung,
Muốn ham chưa thỏa kế chun vào hòm.
...Thế nên phải sớm hôm tu niệm,
Phút giây luôn kiểm điểm hành vi.
Ác chừa lành gắng thực thi,
Một câu Lục Tự khắc ghi trọn lòng.
Thê kiếp này dứt vòng sống thác,
Thê kiếp này Cực Lạc quyết sang.
Đêm ngày thức ngủ mơ màng,
Sen mầu sáng rực muôn ngàn sắc hương.

*Nguyện sanh chúng đồng đường Tịnh Độ,
Không còn vương nỗi khổ Ta Bà.
Đồng quỳ bên Đức Di Đà,
Vĩnh hằng trường thọ cùng là an vui!*

Tháng 11 năm 2015 ông phát bệnh, hông bên phải hay bị lói. Ban đêm thấy ông không ngủ được hay ngồi hoài, bà mới sanh nghi đốc thúc ông đi bác sĩ để khám bệnh. Nhưng mỗi lần bà đề nghị ông như vậy là mỗi lần ông trấn an:

- Không sao đâu! Đâu có bệnh gì đâu! Không có sao đâu!... Chưa đến nỗi bà đừng có lo!

Mặt khác ông vẫn chở bà đi cúng các lễ tuần thất trong vùng một cách bình thường, nên bà cũng an tâm không lo lắng gì mấy.

Mãi tới ngày 12 tháng 3 năm 2016, tình trạng bệnh đã nhiều gia đình bèn đưa ông đi ra Bệnh Viện 115 ngoài Sài Gòn. Khám nghiệm xong bác sĩ cho biết là ung thư gan giai đoạn cuối đành phải bó tay. Nằm ở đây được hai ngày thì xuất viện ra về.

Biết chắc mình sắp phải ra đi nên ông dùng thuốc sơ sịa qua loa, chuyên tâm niệm Phật khẩn thiết nhiều hơn, an nhẫn mọi cơn đau đớn, chưa từng rên than sâu thẳm.

Mỗi lần bà nghe ông nói là ông sẽ ra đi bà đều rơi lệ, ông thường trấn an:

- Tui có chết thì mọi chuyện đều có đồng đạo lo! Bà với mấy đứa đừng có khóc ghen! Nếu có khóc thì ra ngoài hè khóc!

Có lần ông nói với ông Mười:

- Tui có đi rồi, anh ở lại tuần thất của tui... nhờ anh lo giùm! Đọc sám kệ hay thuyết giảng Phật Pháp gì cũng được!

- Nếu mà chú nói như vậy thì tui cũng không biết nói sao... Như đọc sách kệ thì chắc được; chứ nói chuyện thì khó, bởi ngày đó kẻ vô người ra, đông quá không thể nói chuyện được. Nên chú nghĩ sao?

- Thôi, nếu như vậy thì đọc kệ giảng thôi, khỏi nói chuyện!

Ngày 17 tháng 3 ông gọi con trai thứ Hai lại dặn dò:

- Ba chuyến này chắc không còn sống nữa rồi, bây giờ con phải đứng ra lo gánh vác gia đình!

Kế đó ông ghi lại toàn bộ cách thức quá trình kỹ thuật chăm sóc vườn xoài vào quyển vở rồi giao cho chú. Ông còn nhắc nhở bà rằng:

- Anh có ra đi rồi, em với mấy đứa còn ở lại cũng phải rán cố gắng lo tu hiền, làm phước y như anh vậy đó, đừng để sai lệch... khổ lắm!

Ngày 18 ông nhờ người gọi ông Mười đến, rồi nói:

- Chắc tui phải đi anh ơi, không biết thời gian nào... Nhưng mà... thời gian gần đây nhất!

- Ủa! Chú còn mạnh, còn đi tới đi lui được mà nói chuyện gì kỳ lạ vậy... Nếu chú đi rồi nợ nần còn lại,... ai gánh?

- Thiếu đủ gì thì tui cũng chưa tính chính xác, nhưng tới lúc phải đi rồi, thì đi thôi. Anh ở lại... thôi cũng rán làm hết cái bổn phận của mình!

Kế đó ông lại hỏi qua vấn đề khác:

- Anh Mười, thường thường anh có đau bụng hay không, vậy anh?

- Cũng có!

- Anh đau chỉ có một, chứ tui đau gấp tới mười lần của anh đó!

- Chú đau mà thấy chú tỉnh bơ! Được như vậy thì tui biết pháp môn niệm Phật của chú cũng rất là chính chắn. Cho nên vì lẽ đó chú kiểm chế không nhăn nhó, không quạu quọ... Nhưng thôi chú cố gắng niệm Phật, nhen!

- Dù đau cỡ nào tui cũng cố gắng, sẵn sàng niệm Phật cho tới ngày bỏ xác!

Ông còn nói với ông Mười:

- Khi tui gần mất anh đừng cho con cháu hoặc vợ tui đến gần, chỉ mình anh và đồng đạo mà thôi!

Từ đó trở đi mỗi lần thấy ông đang nằm vồng mà hai tay nắm lại, thì ông Mười lập tức cho các đồng đạo biết:

- Thôi bây giờ quý vị bớt nói chuyện lại đi, chú Hai ông đang đau dữ lắm rồi!

Bởi vì khi hay tin ông phát bệnh nặng, các đồng tu tới nhà thăm mỗi ngày không dưới hai ba chục người. Tuy có những cơn đau đớn dữ dội như vậy mà ông vẫn tiếp chuyện vui vẻ nói cười bình thường với các anh em, không lộ nét gì thống khổ cả. Thỉnh thoảng thấy ông khạc ra máu cục cục do diễn tiến của bệnh lý đã đến thời kỳ cáo chung.

Chiều ngày 20, ông nói với ông Mười và một số đồng tu có mặt:

- Chắc... có thể... hai ngày nữa tui đi. Nhưng mà tui đi khoảng chừng 9 giờ!

Ông Mười liền hỏi:

- Ủa! Lý do nào mà chú biết, hay quá vậy?

- Tui với các anh thường khuyên với nhau... Nếu chi... phải... Phật cho mình biết trước, hoặc Tổ Thầy cho mình biết

trước... tui sẽ mời đồng đạo rất là đông đến ăn một bữa tiệc, tui sẽ khuyen anh em ở lại rán lo tu. Đi như vậy mới ngon! Mà đảng này không được như vậy anh ơi!... Hai ngày nữa khoảng chừng 9 giờ tui đi. Cái này cũng biết trước, mà không ngon hung!

Một vị bèn yêu cầu:

- Chừng nào anh được về trên trần rồi, nữa mà anh có gặp tui này còn thiếu sót gì, thì anh làm ơn đưa tay ngoắc giùm nhen!

- Nếu mà tui có đi...được thuận tiện, thì tui gặp mấy anh tui đâu có bỏ!

Có lần ông nói với ông Mười:

- Tui mất rồi anh kiếm ai thế tui?

Bởi vì chuyện nhân chuyện nghĩa là đòi hỏi tự nguyện tự giác, rất khó có người tình nguyện hy sinh phụng hiến, nên ông Mười mới thoái thác:

- Biết kiếm ai bây giờ!... Thôi thì chú kiếm trước đi!

- Tui có đứa em trai thứ Ba. Chừng nào chú về tui sẽ nói với chú!

Qua sự kiện này cho thấy, ông lo làm công ích xã hội mặc dù đã đến giây phút cuối cùng sắp sửa phải từ giã cõi đời mà vẫn còn tận nhân lực. Nhưng có điều là vẫn biết mình là phạm phu chánh cống, không phải là Bồ Tát thứ thiệt, nên làm đến đâu xả đến đó, thân ở thế gian lo chuyện thế gian; còn tâm luôn niệm Phật cầu sanh sang Cực Lạc.

Sang chiều hôm sau ông tiến hành chụp hình để lại cho thân nhân lo hậu sự sau này. Thấy thế bà Mười bật khóc, nói:

- Bây giờ chưa chết mà sao chú làm như vậy?

- Bộ anh với chị sợ tui chết lắm hay sao?

- Đâu có sợ! Tối giờ chú đi thì đi, chứ sợ cái gì!

- Thôi! Nếu không sợ thì chắc ngày mai tui đi!

Sáng ngày 22, đang nằm võng ông chợt hỏi:

- Bây giờ mấy giờ rồi bà?

- Gần 8 giờ rồi ông ơi!

- Sao lâu 9 giờ quá vậy!

Bà bèn hỏi lại:

- Chín giờ đang làm chi vậy ông?

- Chín giờ đang tui đi!

- Nếu vậy thì thôi ông lên bộ ngựa nằm đi!

Có lẽ do bệnh, nên nằm trên võng thấy dễ chịu hơn nên ông nói:

- Thôi! Rán nằm thêm một chút nữa!

- Nếu ông đi thiệt thì thôi ông rán niệm Phật ghen ông!

Nằm nán lại trên chiếc võng chưa bao lâu thì nhờ mọi người dìu ông lên giường để thay y phục. Nhưng chỉ đi một đoạn thì ông ngất lịm, các đồng đạo khiêng đặt ông trên giường. Qua vài phút sau thì ông tỉnh hẳn lại, người nhà liền thay y phục rồi cùng đồng tu vây quanh niệm Phật với ông, lúc ấy khoảng 8 giờ 10 phút sáng. Thấy ông vẫn tỉnh bơ ông Mười mới hỏi:

- Chú thấy trong mình của chú có sao không, chú Hai?

- Tính 9 giờ này đi, sao mà chưa thấy mạch đi!

Nói xong ông nằm nghiêng qua, ông Mười đưa tay sửa cho ông thẳng thớm. Rồi ông nằm nghiêng trở lại, ông Mười cũng đưa tay sửa cho ông thẳng thớm như trước. Mọi người cùng niệm Phật, ông cũng niệm theo.

Đến 8 giờ 50, ông bỗng cất tiếng:

- Sao mà... gần 9 giờ rồi, mà tui chưa đi được! Thôi, anh Mười!... Anh và anh em làm ơn niệm Tây Phương Tiếp Dẫn đi! Cho tui dễ đi!

Mọi người y theo lời yêu cầu của ông đồng niệm Tây Phương Tiếp Dẫn. Lúc đó ông Mười đưa tay sờ nhẹ vào tay và chân của ông thì nghe lạnh tương tự như nước đá. Niệm được 10 phút, ông Mười thử sờ vào bàn tay và bàn chân của ông lại, giật mình thốt lên:

- Ủa! Hồi nãy chú lạnh dòn, mà sao bây giờ ấm lại rồi. Bây giờ chú tính làm sao đây?

Ông ngần ngừ một tí rồi đáp:

- Nếu vậy thì niệm trở lại sáu chữ.

Niệm được một lát, bỗng có đứa trẻ 4 tuổi chạy lại bên giường, gọi to:

- Ông ngoại! Ông ngoại! Ông ngoại! Ông ngoại! Ông ngoại!

Bé gọi đến tiếng thứ năm rồi trèo lên giường ông đang nằm. Nghe kêu to ông lồm cồm bật ngồi dậy đảo mắt nhìn. Bà vợ vàng vọt vừa đỡ ông nằm xuống vừa nói:

- Thôi nằm xuống đi mà! Rán niệm Phật đi!

Ông nội đưa bé bước tới, bế bé đem ra ngoài.

Mọi người niệm Phật vang dội, ông cất tiếng niệm theo, âm thanh của ông nhỏ dần, sau chỉ còn động môi, cuối cùng ngưng hẳn, rồi lặng lẽ ra đi. Thời gian từ khi ông nằm xuống cho tới khi trút hơi thở cuối cùng chưa đầy 30 phút. Lúc ấy là 9 giờ rưỡi sáng, nhằm ngày 22 tháng 3 năm 2016. Ông hưởng dương 57 tuổi.

Đúng y như lời ông đã cho biết ở hai ngày trước:

-... Nếu chi...phải... Phật cho mình biết trước, hoặc Tổ Thầy cho mình biết trước... tui sẽ mời đồng đạo rất là đông

đến ăn một bữa tiệc, tui sẽ khuyên anh em ở lại rán lo tu. Đi như vậy mới ngon! Mà đàn ông này không được như vậy anh ơi!... Hai ngày nữa khoảng chừng 9 giờ tui đi. Cái này cũng biết trước mà không ngon hung!

- * Lúc trước bà rất dễ xúc động, mỗi lần nghe ông nói ông sẽ ra đi là bà khóc lóc suốt suốt, nên ông căn dặn chẳng cho bà và con cháu đến gần trong giây phút ông lâm chung, e làm trở ngại sự vắng sanh của mình. Nhưng giờ ông dứt thở thì bà thay đổi ngược lại 180 độ, bà rất bình tĩnh và còn khuyên ông lo nhiếp tâm niệm Phật, chính bà cũng không thể ngờ được tại sao mình lại hay như vậy!
- * Khi nhập mạch để an táng, trông sắc diện của ông không khác như người đang nằm ngủ, các khớp xương đều mềm mại.
- * Ngày ông ra đi trong người hoàn toàn sạch sẽ. Hai ngày trở về trước ông có nôn, hoặc thỉnh thoảng khạc ra máu cục cục.

*(Thuật theo lời Trần Thị Hồng, ông Mười Hòn,
vợ và bạn thân thiết của ông,
cùng một vài đồng đạo)*

18. LƯU VĂN TRÂN

(1928 - 2009) 81 tuổi

Ông Lưu Văn Trân sinh năm 1928, cư ngụ ấp Long Hòa, xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Lưu Văn Theo, và cụ bà Nguyễn Thị Hai. Ông là anh Hai trong gia đình có 6 anh em.

Khi tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Dương Thị Hoa, sinh được 4 người con, 1 trai 3 gái. Gia đình ông sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình ông hiền lành chân thật, không tính toán so đo, thương yêu các loài sinh vật ngay cả chó mèo...

Theo truyền thống ông bà, ông tín hướng về Tam Bảo rất sớm, thuở thiếu niên là ông đã ăn chay mỗi tháng 4 ngày, và mỗi ngày hai thời lễ Phật.

Đối với bà con lối xóm ông chẳng hề mịch lòng một ai.

Lúc đi đường gặp các ổ gà ông lấy đất lấy đá lấp lại cho bằng phẳng, gặp chà gai hay miếng chai ông lượm bỏ đi nơi khác, để cho bộ hành khỏi bị thương tích khi lỡ giẫm đạp phải. Thấy giấy có chữ ông đều nhặt đem đốt.

Hồi còn trẻ ông theo cha mẹ vào Ba Thê làm lúa mùa, khi gặp vũng cá ông đều tát cho cạn, bắt cá thả ra ngoài sông. Đa số nông dân thời bấy giờ canh tác ruộng đất đều có nuôi bò để cày bừa hoặc kéo cộ, đôi bò của người bên cạnh dỡ cũng thành hay; còn đôi bò của ông dù hay cũng thành ra dở, bởi ông chưa từng đánh chúng rơi nào!

Năm 1954 (lúc 26 tuổi) ông ghi danh tham dự khóa huấn luyện đạo đức do Ban Hoàng Pháp nơi ngôi Tây An Cổ Tự

thuộc Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang tổ chức. Cũng từ đó ông phát tâm trường trai niệm Phật tu hành.

Có điều khác lạ với mọi người, là hễ mỗi lần tóc hơi dài đi đến thợ hớt ngắn cho mát mẻ thì đầu ông đều bị đau nhức khó chịu, cho nên ông để tóc bối giống như những ông bà đời xưa.

Đối với rượu chè, ông dứt khoát không bao giờ để cho một giọt dính vào môi, mặc tình các thanh niên đồng trang lứa chế nhạo nói khích thế nào ông cũng nhẫn chịu, họ gọi ông là Lư Thị hay Lư Bà Trân ông vẫn cười hề hà cho qua.

Ông ăn uống rất đơn giản, ai nấu gì ăn nấy chưa hề đòi hỏi kén lựa. Thông thường hằng ngày thực đơn của ông duy nhất vẫn là rau luộc chấm với nước tương. Ông ưa thích dùng cơm nhão, nhưng nếu người nhà lỡ nấu khô ông vẫn vui vẻ dùng mà không một lời cảm ràm bực bội phiền trách. Còn y phục chỉ vồn vẹn hai bộ thay đổi chứ chẳng dư thừa.

Trọn đời dường như ông chưa từng quan tâm đến tiền bạc, hai bữa cơm qua ngày là đủ rồi, mọi thứ của cải vật chất ai làm sao thì làm, ông chẳng hề bận tâm tới.

Ông thường khuyên các con cháu cố gắng tu hành, ăn hiền ở lành, bởi đời là giả tạm đầy dẫy những khổ đau, nên sớm mau mau niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Và hay nói với con cháu rằng ông rất chán cái cõi Ta bà này dữ lắm rồi, không còn lưu luyến cái gì ở đây nữa hết! Như lời khai thị:

*“Sanh ra nơi cõi mê sâu,
Suốt đời có thấy ai đâu lạc nhàn.
Cánh hoa hết nở rồi tàn,
Nửa chừng sâu bọ cắn ngang là thường.
Xác thân xét lại tận tường,
Cùng hoa kia cũng một đường khác chi.*

Mây trần không ngớt phủ vi,
Chúng sanh chẳng thấy những gì xa xôi.
Thế gian nay lỗ mai bồi,
Phật Đài luôn được an ngồi bình thân.
Cũng do lòng chẳng mê trần,
Nên không luân lạc xoay vần trong mê.
Lòng ưa nơi cõi Liên Huê,
Cho nên thân được dựa kê Đài Sen.
Chơi bòn nên mới lấm đen,
Nước trong rửa mãi đâu hoen ố mình.
Dù ai cám dỗ mặc tình,
Phận mình cứ giữ cho tinh tấn lòng.
Đường về cõi Phật chưa thông,
Nguyện chưa nguôi được tấm lòng mộ tu.
Lột cho sạch hết lớp ngu,
Để không còn một mờ lu sai lầm.
Cố công rút hết ruột tằm,
Bảo thân cho đến mọc mầm cánh bay.
Muốn về gặp Đức Như Lai,
Bao nhiêu tội lỗi thẳng tay trị trừ.
Càng làm cho nhẹ được thân.
Thì càng chóng bước đến gần Đài sen,
Những điều lòng mến dạ quen.
Nhứt thời khó bỏ rần kiêng nhiều ngày,
... Ví dù sắp chết ngày mai,
Bữa nay hối ngộ Liên đài cũng lên.
Tội do tâm nó tạo nên,
Thì là phước cũng tâm đền được ngay.
Tâm mê lạc cảnh trần ai,
Nếu như tâm giác Phật Đài được qua.
Muốn gần Đức Phật Di Đà,
Người cần phải có món quà chơn tâm.
Tây Phương chốn ngại xa xăm,

Có thuyền bát nhã đảo lâm rước về.
Cánh sen Cực Lạc tên đề,
Người đi xa mấy rán về chỗ quên.
Kẻ tu đạo cả được nên,
Là do ở cái chí bền mà ra.
Giác mê bất luận trẻ già,
Chỉ người giác được hay là còn mê.
Giác tu nhứt khắc Phật về,
Mê tu muôn thuở cũng là phàm phu.
Thế nên đồng một trường tu,
Người thì phát huệ kẻ ngu suốt đời.
...Để tâm suy xét tốt nơi,
Tất nhiên sẽ tự biết lời đúng sai.
...Lòng mình mình hiểu hơn ai,
Khỏi cần phải hỏi người ngoài làm chi.
Qui y mà được hành y,
Đạo nào cũng đắc, quả chi cũng thành.
Còn tu mà chẳng chịu hành,
Như trồng không tưới cội nhành héo khô.
Miệng mô lòng chẳng chịu mô,
Mô bao nhiêu cũng như hồ mắc mưa.
...Bên lòng tưởng niệm sớm trưa,
Vun bồi mầm thiện rán chữa ác nhân.
Đài sen chín phẩm có phần,
Phóng quang rực rỡ cõi trần hết vương.
Đồng hàng chư Phật mười phương,
Tiêu dao tự tại dứt đường tử sanh!”

Ông rất kính trọng những người tu hành, cho dù nhỏ tuổi thế mấy ông vẫn thủ lễ, không một chút lơ là khinh xuất.

Ông thường im lặng, vừa làm vừa lo niệm Phật, chưa từng nói chuyện thị phi xấu dở của ai; nếu có mở lời thì cũng chỉ bàn luận về Phật Pháp, đạo đức tu hành mà thôi.

Hằng ngày ông đi kiểm thuốc Nam cung ứng cho các phòng thuốc từ thiện quanh vùng, có khi theo đoàn vào tận vùng Thất Sơn với thời gian dài hạn.

Nhiều tháng năm với niềm đam mê sưu tầm dược liệu, dần dà ông bào chế một số Đông dược thành phẩm tại nhà, như các loại: thuốc tể tô hiệp, thuốc bạc hà thủy, thuốc hoàn trị nhức mồm, mát gan, tiêu độc... để biếu tặng khắp nơi, cô con gái thứ Ba của ông sống hạnh xuất gia cùng cộng sự với cha mình.

Vào khoảng đầu thập niên 80, lần nọ cha của ông bị ho, thân quyến đưa đến bác sĩ để điều trị, thế nhưng đã đi khắp các nơi mà cuối cùng triệu chứng ho vẫn y nguyên không nhúc nhích cục cựa gì hết trơn hết trọi. Ông bèn đến trước ngôi Tam Bảo khẩn nguyện, rồi giở quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ ra, căn cứ theo toa thuốc trong đó mà chọn một phương thang, rồi đi hốt đem về sắc cho cha dùng. Chẳng mấy chốc bệnh cha được khỏi hẳn. Từ đó ông nghiên cứu về cách thức chữa bệnh, ít lâu sau ông thành lập phòng thuốc Nam tại nhà để phục vụ miễn phí cho bà con xa gần.

Từ đó ông càng gắn bó thêm với cái nghề trị bệnh bằng Đông dược này, được xem là duyên số tiền định thì đúng hơn. Trọn ngày ông vừa làm vừa lo niệm Phật chẳng quan tâm đến chuyện thị phi bên ngoài. Ông tu hành âm thầm đều đặn như thế suốt năm mươi lăm năm như một ngày!

Mặc dù vóc dáng của ông khá khiêm nhường, nhưng quanh năm suốt tháng ông rất ít bệnh, mà mỗi lần bệnh ông đều giải quyết bằng những thang thuốc do tự tay mình bốc lấy.

Đến đầu tháng 7 năm 2009 ông thường lên cơn mệt. Cũng

như mọi khi ông sao y bốn cũ, tự sắc thuốc mình hốt, nhưng lần này thuốc uống vào không linh nghiệm nữa rồi, chẳng còn hiệu quả như những lần trước. Bệnh trạng dần tăng nhiều, thân quyến bèn đưa ông vào Bệnh Viện Tim Mạch ở thành phố Long Xuyên. Qua quá trình khám và xét nghiệm, bác sĩ đã chẩn đoán là ông bị tràn dịch màng phổi. Nằm ở đây gần một tuần lễ thấy bệnh tình không khả quan chi hết nên ông đòi về, các con vâng theo ý của cha mình, bèn xin xuất viện.

Về đến nhà, các đồng tu hay tin liền tập nập ghé thăm và đề nghị hộ niệm, gia đình đồng ý, chương trình hộ niệm được tiến hành khởi đầu vào ngày mừng 2. Suốt thời gian bệnh khổ khốn đốn nhưng chưa từng thấy ông rên than hay nhăn mặt nhíu mày. Lúc này mỗi bữa ăn ông chỉ dùng được vài muỗng cháo.

Khi đại chúng vây quanh niệm Phật ông cũng nhép môi niệm theo ở tư thế nằm ngửa, hai bàn tay thường chấp lại, hoặc xòe ra chồng lên nhau đặt giữa ngực. Có khi không thấy ông nhép môi, người nhà hoặc đồng tu đến hỏi hoặc nhắc niệm Phật thì ông gật đầu.

Hộ niệm đến hôm thứ 3 (tức là mừng 5), vào lúc 8 giờ sáng, cũng như thường lệ hằng ngày, sau khi tắm rửa thay y phục xong, ông ngồi xếp bằng trên giường trò chuyện với trưởng Ban Hộ Niệm giống y như người khỏe mạnh, không lộ chút chi có dấu hiệu của bệnh hoạn cả. Cuối cùng ông đọc phát nguyện và niệm Phật theo vị trưởng ban, âm thanh của ông lúc bấy giờ rất lớn và rất rõ ràng. Hơn nữa ngồi dậy hay nằm xuống ông đều tự lực mà không cần ai phụ giúp. Vì thấy sức khỏe của ông còn quá tốt, nên mọi người đều đinh ninh rằng ca hộ niệm này chắc chắn phải mất một khoảng thời gian tương đối khá dài lâu mới có thể bế mạc kết thúc.

Không ngờ chỉ 12 tiếng đồng hồ sau, trong âm thanh vang dội của chư đồng tu trợ niệm, ông tỉnh táo nhẹ nhàng trút

hơi thở cuối cùng, không lộ một chút đau đớn hay khó khăn gì, lúc ấy đúng 8 giờ 15 phút tối, ngày mừng 5 tháng 8 năm 2009. Ông thọ 81 tuổi.

Tiếp tục hộ niệm thêm đến sáng ngày mừng 6, thăm dò thân thì thấy gương mặt ông sáng nhuận tươi đẹp, miệng như mỉm cười, các khớp xương đều mềm mại, toàn thân đều lạnh duy có đánh đầu hấy còn ấm nóng.

*(Thuật theo lời của cô Lưu Thị Ánh Hồng,
con gái thứ Ba của ông)*

19. ĐỖ THỊ ĐIỀU

(1918 - 2009) 91 tuổi

Bà Đỗ Thị Điều sinh năm 1918, cư ngụ tại ấp Long Hữu, Xã Long Khánh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Đỗ Văn Hộ, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Hiến. Bà là người con thứ Năm trong gia đình có sáu anh em.

Cả quãng đời ấu thơ của bà gắn liền với bệnh tật, thay thầy đổi thuốc lắm phen trải qua nhiều năm tháng, cuối cùng gia đình hết cách, bà đành phải an phận với số mệnh bất hạnh của mình. Bệnh trạng tuy không đủ để nguy hiểm đến tính mạng chỉ cho lắm, nhưng cứ đeo đẳng triền miên, mà dân gian thường hay gọi là “đau căn, đau nghiệp”!

Do thể xác bị bệnh hoạn hành hạ, nên tinh thần dễ sinh ra tư tưởng bi quan buồn chán, dễ mặc cảm với các bạn đồng trang lứa ở độ tuổi xuân thì!... Bà nghe đồn đãi rằng vùng Thất Sơn là vùng đất linh thiêng hàm chứa nhiều giai thoại huyền bí nhiệm mầu, đặc biệt là Thiên Cầm Sơn tức là núi Ông Cầm.

Nhân duyên đưa đẩy, bà được những vị thân hữu giúp đỡ, dìu dắt tham quan “năm non bảy núi”. Sau chuyến du sơn này số phận của cuộc đời bà dường như thay đổi hẳn, tinh thần đã có chỗ tựa, sức khỏe phục hồi dần, bà bèn phát tâm dùng chay mỗi tháng 4 ngày, sớm chiều hai thời lễ Phật, quyết chí tu hạnh giải thoát không lập gia đình, lúc này tuổi xấp xỉ hai mươi. Cũng từ đó bà gắng hết sức đi làm thuê làm mướn, hoặc mót lúa... hay gia đình có cho tiền, bà đều để dành, khi thấy đủ lộ phí là liền phát khởi cuộc hành trình đạo non. Bà xem đây là niềm vui, và nó cũng đã mang lại

nhiều lợi ích thiết thực nhất, đầy ý nghĩa nhất đối với chính cuộc đời mình!

Có lần cha quả trách mẹ của bà:

- Bà không la con Điều! Đi chuyến này sao lâu quá mà chưa thấy nó về... Chắc có lẽ cọp ăn thịt nó rồi!

Vào những thập niên ba mươi, bốn mươi, vùng Thất Sơn rất hoang vu tĩnh mịch, nhất là núi Cấm. Nơi đây nhiều cọp, nhưng chưa từng nghe chúng tàn hại một ai, cho nên người ta thường truyền miệng với nhau rằng cọp ở núi Cấm là “cọp tu”!

Do rất ít người tu ở, vả lại chẳng có dân thường sinh sống, vì vậy đường đi lối bước ngoằn ngoèo đầy đầy chướng ngại vật, chỉ có những con người thiên về tâm linh mới có thể vượt qua!

Thông thường từ dưới chân lên tới đỉnh núi (Vồ Bồ Hong) mất ít nhất từ năm đến bảy ngày đường, bởi cây cao bóng cả che khuất tầm nhìn, bộ hành phải chui lòn, luồn lách qua các đám dây leo khổng lồ chằng chịt dọc ngang, phần thì hành lý công kênh dễ dàng vướng víu. Đôi khi đi cả buổi thậm chí cả ngày, mới phát hiện là mình đang ở vị trí kề cận mà ban sớm khởi hành!

Hôm nọ cha của bà hỏi bà rằng:

- Tại sao con đi núi hoài vậy... Trên trên có cái gì mà con đi hoài vậy?

- Tía ơi! Tía rầy con, sao cứ đi núi hoài! Tía mà lên trên đó thấy cảnh cây cối um tùm, phong cảnh thiên nhiên... tía không tu, tía cũng muốn tu nữa. Không tin nữa con dắt tía đi!

- Được rồi! Để tía đi một chuyến... coi tại sao con mê trên trên, mà đi hoài!

Thế là sau đó không bao lâu bà đã dẫn cha với người

dượng thứ Bảy và một số thân thích cùng đi. Quả nhiên, mọi người đều kinh ngạc trước cảnh núi rừng thanh u hùng vĩ, hình dáng quái gở của những tàn cổ thụ cành lá sum suê, của những dây leo to tướng bị kéo giãn ra như sợi lò xo, xen lẫn vô số tảng đá chất chồng lên nhau trong tư thế cheo leo hết sức dị kỳ hiểm trở. Âm thanh vang dội của những tiếng chim lạ... non cao gió lồng tan sạch bao nỗi ưu phiền! Cho nên cha của bà luôn miệng trầm trồ, không ngớt lời khen ngợi.

Qua lần du hành này ông bắt đầu tìm hiểu và hướng tâm về Tam Bảo, vì từ trước đến giờ ông chưa hề biết đến Phật Pháp là gì!

Trải qua hơn hai mươi năm liền bà nghiêm nhiên trở thành hướng đạo dạo non đầy nhiệt tình, sẵn sàng đáp ứng cho những ai có nhu cầu hành hương Thiên Cẩm Sơn linh hiển, một trong bảy ngọn núi danh tiếng của miền Nam đất Việt!

Tính tình của bà cởi mở, vui vẻ. Đời sống cá nhân thì vô cùng kiệm ước thanh bần từ miếng ăn, tấm mặc cho đến chỗ ở. Đặc biệt là tâm lượng rất rộng rãi luôn nhiệt tình tùy phần giúp đỡ mọi người dù rằng bà chẳng dư dả bao nhiêu! Đến năm 1959 bà phát tâm trường trai, lúc này bà 41 tuổi.

Khi bà đã dùng chay, có những lần bệnh rất nặng, đi khám bệnh bác sĩ khuyên nên ăn mặn cho đủ chất dinh dưỡng để kết quả điều trị mới khả quan. Bà nhất quyết:

- Bác sĩ ơi! Nếu ăn chay mà ngày hôm nay chết liền tôi cũng chịu; còn ăn mặn mà sống thêm một trăm năm nữa tôi cũng không ăn đâu!

Lúc này bà sống bằng nghề nấu các món chay, làm tương và tàu hủ để bán.

Năm 1960, cô Ba, con của người em trai Út về sống chung với bà (tức là cô Nguyễn Thị Ngoa), khi ấy cô Ba mới sáu tuổi.

Thời gian sau, khi cô Ba trưởng thành thì gánh vác hết mọi chuyện trong ngoài, bà chỉ phụ hợp những công việc vặt vãnh, nên thời gian niệm Phật của bà tinh chuyên hơn. Những sách mà bà thích đọc là bộ Hiển Đạo và quyển Chú Nghĩa. Bà thường dùng Phật Pháp để khuyên nhắc con cháu, nhất là các cháu gái khi có kẻ đến dạm hỏi trâu cau, bà hay nói:

-... Bây giờ, cho dù mình làm tới vợ của vua đi chẳng nữa! Cũng không bằng mấy người tu!... Thành ra, ở vậy tu đi! Sống một mình tự do rất dễ dàng hành đạo!

Như lời khuyên nhủ của chư sư, chư ni:

*“Phận gái dễ nào dưỡng mẹ cha,
Thủy chung lần lượt cũng lìa nhà.
Hai đường dâu, vãi không ra khỏi,
Một bước đạo, đời phải bước qua.
Xách gói từng phu kêu xuất giá,
Trọn đời tu Phật gọi ly gia.
Khổ vui hai nẻo cần phân rõ,
Để uống một đời rui cánh hoa.*

*Xuất gia, xuất giá cũng đồng đi,
Hai nẻo khác nhau mới lạ kỳ.
Lối đạo trở về nơi tịnh lạc,
Đường đời đưa đến chốn sâu bi.
Tay lần chuỗi hạt luôn tự tại,
Chân chạy áo cơm khổ ly bì.
Nữ giới hồi ai là bậc trí,
Phu nhân há sánh với bần Ni?*

Theo Phật, theo chồng, hai nẻo mà!
 Một đường bằng phẳng một phong ba!
 Kinh kệ sớm chiều luôn thông thả,
 Kinh tế quanh năm lắm bận ba.
 Ngàn đời siêu thoát nơi Tịnh Độ,
 Vạn kiếp trầm luân chốn Ta Bà.
 Xưa nay phận gái mười hai bến,
 Theo Phật thật là bến mười ba!

Hoa đẹp ban mai chiều héo hon,
 Sắc nước hương trời đâu mãi còn?
 Hỡi nàng má thắm thôi bôi phấn,
 Bỏ ả môi hồng chớ phết son.
 Để đáp ơn cha lai láng biển,
 Hầu đền nghĩa mẹ chập chùng non.
 Gom góp thời gian lo tu niệm,
 Hồi hướng song thân đạo quả tròn!

Phận liễu bồ đào rán khắc ghi,
 Chồng con danh lợi rốt được gì?
 Vinh hoa lớn mấy rồi cũng chết,
 Phú quý dài bao cũng phải ly!
 Hồng trần quá khổ mau dừng lại,
 Cục Lạc lắm vui sớm bước đi.
 Quảng gánh trần duyên chuyên niệm Phật,
 Một kiếp vãng sanh hết ưu bi!

Rặng cây xa khuất ánh tà dương,
 Kiếp sống khác chi giấc mộng trường.
 Nổi chìm hụp lặn nơi bể ái,

*Lên xuống lại qua mãi sáu đường.
Khổ vạn kiếp qua. Đừng đeo nữa!
Ngục trần đã thoát. Chớ nên vương!
Sớm phủ tình đời tu Tịnh Nghiệp,
Đài Sen nâng gót thoát vô thường.”*

Đầu thập niên bảy mươi bà có tham dự khóa: “Đào tạo giảng viên phổ thông giáo lý”, do ông Bùi Văn Uởng đảm nhiệm. Sau khi hoàn mãn, bà phát tâm gia nhập vào Ban Hậu Cần cho những khóa học kế tiếp.

Năm 1980 em trai Út của bà được nhà nước cấp giấy phép cho mở phòng thuốc Nam từ thiện tại nhà. Bà thường xuyên góp công chặt, phơi thuốc và nấu ăn cho những người đến làm công quả sưu tầm dược liệu.

Những năm cuối đời bà chuyên niệm Phật. Bà thường ở trên gác lầu, vì trên đó mát mẻ yên tĩnh, công phu hành trì dễ nhiếp tâm hơn, chỉ xuống khi đến giờ dùng cơm hay đi vệ sinh mà thôi. Các bạn thiện tri thức thỉnh thoảng ghé thăm, khích lệ bà rán niệm Phật, bà rất hoan hỷ và thường đáp:

- Tôi bây giờ cũng rán! Chứ ở không đâu có tưởng nhớ gì nữa!... Tôi cũng quyết chí niệm Phật cầu sanh về Tây Phương!

Thời gian thấm thoát trôi qua, vào ngày rằm tháng bảy năm 2007 (bà 89 tuổi), khi bà đang trên gác lầu bước xuống được nửa đoạn cầu thang bỗng gọi to:

- Ngoa ơi! Sao cái chân của cô nó muốn rời cái thân rồi, đi không có được!

Cô Ba liền chạy đến dìu bà, thì ra khi đo huyết áp thì tụt xuống chỉ còn 6 “độ.” Kể đó bà bị liệt nửa thân mình và tim bị suy trầm trọng. Thân quyến đã hết lòng lo điều trị, sức

khỏe được tạm ổn, nhưng từ đó về sau tay và chân bên liệt dần dần cong cứng và trở thành cố tật, mỗi lần tắm các cháu phải xúm lại khiêng bà đi. Đặc biệt từ nào tới giờ cho dù là mùa đông trời rất lạnh bà vẫn thích tắm mà không cần phải pha nước ấm gì cả!

Đến tháng 10 năm 2009, thần trí của bà vẫn còn rất minh mẫn, ký ức tốt. Có những đứa cháu rời quê hương sang Campuchia lúc mới lên ba, vậy mà nhiều năm trôi qua, khi trở về gặp lại bà vẫn gọi đúng tên trong khi cô Ba thì không tài nào nhớ nổi!

Tuy thân xác già yếu, thêm bệnh tật hoành hành nhưng bà lúc nào cũng cố gắng chuyên cần niệm Phật.

Rằm tháng 11 năm 2009, bệnh của bà chuyển nặng, ăn uống ít dần. Thân quyến đặt bàn Phật rồi mời bạn đồng tu đến cầu nguyện và chia ca luân phiên hộ niệm cho bà được ba ngày.

Sáng ngày 18 cũng như thường lệ, khoảng bảy giờ cô Ba dứt bà dùng cháo, nhưng hôm nay bà cho biết rằng hiện đang mệt nên chưa muốn ăn.

Đến khoảng gần 10 giờ cô Ba mới múc chén cháo đem đến nài nỉ với bà:

- Cô ngồi dậy ăn một chút cháo đi, cho nó khỏe!
- Mệt lắm! Ăn... không được!
- Nếu cô ăn cháo không được, thì thôi cô uống một chút sữa nghen?
- Mệt lắm! Uống sữa... cũng... không được!
- Nếu cô không uống sữa, thì bây giờ uống một chút nước nghen?
- Bây giờ mệt lắm... uống nước... cũng không được!

- Nếu cô uống không được nhiều thì cô uống một, hai muống cà phê cũng được nữa! Bởi vì không có nước trong người thì mình sẽ nóng sốt, nó mệt nhiều thêm!

- Ừ!... Nếu... như vậy... thì uống!

Cô Ba bèn đỡ bà ngồi dậy, chuẩn bị kê muống cà phê nước vào miệng cho bà uống, thì bà bảo phải đỡ nằm xuống vì quá mệt. Khi vừa đỡ cho bà nằm xong thì đôi mắt của bà đứng trông, cô Ba bèn kê miệng gần lỗ tai của bà, nói lớn :

- Phật sắp sửa đến rước cô, cô rán chí thành niệm Phật nghen! Phật sắp đến rồi... cô rán chí thành nguyện theo Phật nghen!

Bà liền gật đầu. Khi đó các cháu bà kéo đến vây quanh đồng thanh niệm Phật vang dội, được chừng 15 phút thì bà nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, không lộ một chút gì thống khổ cả. Lúc ấy là 10 giờ 20 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2009, bà hưởng thọ 91 tuổi.

Qua tám tiếng đồng hồ trợ niệm sau đó thì thấy gương mặt của bà lộ nét sáng đẹp vui tươi, như người đang nằm ngủ chứ không có dáng vẻ gì của một tử thi. Các khớp xương mềm mại, toàn thân đều lạnh duy đánh đầu còn ấm nóng. Đặc biệt là một tay một chân bên liệt ngày thường khớp đã cứng đơ cứng còng không co duỗi gì được cả, vậy mà lúc ấy co duỗi bình thường y như tay chân bên kia!

(Thuật theo lời cô Đỗ Thị Ngoa, cháu của bà)

20. HUỖNH THỊ LỆ

(1951 - 2014) 63 tuổi

Bà Huỳnh Thị Lệ sinh năm 1951, nguyên quán ở Cả Chiên, Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Huỳnh Hồng Châu và cụ bà Đào Thị Huê. Bà chỉ có một em trai duy nhất.

Năm lên 19 tuổi bà kết hôn với ông Lê Văn Hùng, sinh được 2 người con, 1 trai 1 gái. Gia đình bà sống bằng nghề buôn bán đồ nhựa và dụng cụ gia dụng, như: dao, kéo... tại chợ Óc Eo, định cư cách chợ vài trăm mét, số nhà 64, tổ 3, ấp Tân Vọng, Xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tính tình bà vui vẻ hoạt bát nhưng chân thật hiền hòa.

Bà thường dạy con: “Sống ở đời mình cần phải ăn ngay ở thật, buôn bán cần phải thật thà với khách hàng, không nên gian dối.”

Đối với làng xóm bà chưa từng mịch lòng một ai.

Mọi công tác từ thiện xã hội bà đều tích cực tham gia ủng hộ, tùy hỷ đóng góp bằng khả năng hiện có của mình.

Năm 2013 (lúc bà 62 tuổi), nhờ cô con gái thứ Hai của bà mang kinh sách và các băng đĩa Phật Pháp về nhà, nên những buổi trưa vắng khách bà thường xem nghe, nhất là các phẩm Thi Văn Giáo Lý và các đĩa về pháp môn Tịnh Độ, rồi bà phát tâm ăn chay mỗi tháng 4 ngày, ít lâu sau tăng lên 10 ngày. Cũng từ đó bà trở nên trầm ngâm ưu tư nhiều hơn, ít nói cười, ít hoạt bát như trước. Vả lại trong người bà có bệnh nhưng bà giấu, không muốn cho chồng con biết mà sanh thêm bao nỗi lo lắng rồi ren.

Cũng từ đó bà hai thời lễ niệm, mỗi ngày bà đọc bài kệ phát nguyện vãng sanh trong kinh Vô Lượng Thọ, bài kệ đó như sau:

*Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu.
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu.
Nguyện dĩ thủ công đức,
Phổ cập ư nhất thiết.
Ngã đẳng dĩ chúng sanh,
Giai cộng thành Phật đạo.*

Một năm sau bệnh bắt đầu hoành hành nhiều, toàn thân đau nhức dữ dội, người nhà đưa bà vào Bệnh Viện Đa Khoa Thoại Sơn, bác sĩ cho biết bà bị bệnh tiểu đường đã biến chứng qua nhiều bệnh khác rồi, và cũng khuyên bà cùng gia đình thôi hãy an phận đi!

Sau đó ít lâu, vào chiều ngày 13 tháng 4 năm 2014 bà bị hôn mê, gia đình xúm lại niệm Phật, đồng thời cũng mời đồng đạo đến niệm Phật và cầu nguyện cho bà.

Sáng hôm sau, khoảng 10 giờ bà tỉnh lại, bèn nói với cô Hai:

- Con ơi! Sao nhà mình đông người ta quá?... Mà toàn là con nít không hà!

- Không được rồi! Oan gia đến đòi nợ mẹ rồi đó!

Cô Hai liền cấp tốc liên hệ mời Ban Hộ Niệm của chú Tư Xã đến nhà cầu an và cộng tu.

Trước khi tiến hành cộng tu, chú Tư trưởng ban đã nói chuyện với bà đại để như sau:

-...Chị Hai ơi! Ở cõi Ta Bà đã mang lấy xác thân tứ đại đất nước gió lửa mấy chục ký lô này, ai rồi cũng phải già, rồi cũng phải bệnh, rồi cũng phải chết hết, chứ không ai tránh khỏi! Ai cũng phải thọ nhận vô lượng những khổ đau. Muốn ăn, muốn mặc phải làm lụng vất vả lắm mới có ăn, buôn tảo bán tần, làm hết việc này việc nọ mới có ăn. Đôi khi làm lụng cực khổ, đầu tắt mặt tối mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lâm cảnh thiếu nợ thiếu nần, bị người ta mắng nhiếc, xài xẻ, miệt thị, khinh khi... đủ thứ; còn nơi thế giới Cực Lạc thân bằng liên hoa hóa sanh, vì vậy mà trẻ mãi không già, khỏe hoài không đau, sống hoài không chết. Khi muốn ăn thì có ăn, muốn mặc thì có mặc: *“Cuộc y thực muốn chi đủ thứ; Không nhọc nhằn lo việc sanh nhai. Trí yên nhàn nhìn cảnh Phật Đài; Khỏi quả khổ mưu cầu bất đắc”*, và: *“Trông chúng sanh nghĩ tận đuôi đầu; Về Cực Lạc mới là hết khổ!”*

Điều cần biết là con người ai cũng phải chết, nhưng chết không phải là hết. Chết chỉ là chấm dứt một giai đoạn nghiệp báo của thân này để đổi một tấm thân kia, rồi từ thân kia đổi qua một thân kia nữa... Mà từ đời vô thủy cho tới bây giờ chúng ta đã sanh ra và chết đi, thay thân đổi xác không biết bao nhiêu lần rồi. Nhưng tùy thuộc nghiệp nhân lúc còn sinh tiền mà mình đã gieo: nếu không tu, hễ lo tạo ác thì khi đầu thai lại kiếp sau sẽ phải thọ quả báo nghèo khổ, đói rách, tàn tật... Còn hễ tạo thiện thì khi đầu thai lại kiếp sau sẽ hưởng phước giàu sang sung sướng. Nhưng cả hai đều mắc trong vòng sanh tử luân hồi; nếu chịu phát tâm tu, chuyên niệm Phật, khi vãng sanh Tây Phương, thì sẽ không còn luân hồi sống chết nữa, và được an hưởng mọi sự sung sướng cho đến khi mình thành Phật thôi!

Tóm lại con người sau khi chết có hai con đường để đi: Một là chết rồi theo quỷ vô thường dắt xuống Diêm Đình, mình làm phước thì hưởng phước, tạo tội thì thọ khổ: *“Khi nhắm mắt hồn lìa khỏi xác; Quỷ vô thường dắt xuống Diêm*

Đình. Sổ sách kia tội phước đình ninh; Phạt với thưởng hai đường tỏ rõ.”; Hai là chết rồi theo Phật A Di Đà về thế giới Tây Phương Cực Lạc, vĩnh viễn giải thoát sinh tử luân hồi, hưởng thọ vô lượng an vui, vô biên khoái lạc cho tới ngày chứng quả Vô Thượng Bồ Đề: “Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc; Hưởng công niệm Phật rất yên lành.”

Sau khi phân tích hai cỗi khổ vui xong, chú Tư mới hỏi bà rằng:

- Đó! Bây giờ chị muốn đi đường nào? Chị muốn sau khi chết theo quỷ vô thường dắt xuống Diêm Đình; hay là, sau khi chết đi theo Phật A Di Đà về Tây Phương thế giới? Chị cho chúng tôi biết thử coi!

Bà trả lời:

- Thôi, cho tôi theo Phật A Di Đà!

- Ừ! Theo Phật A Di Đà, vậy là quá tốt! Ai dại dột gì đi theo quỷ vô thường, phải không chị?

Nhưng, muốn theo Phật A Di Đà thì phải có điều kiện. Cũng như chị muốn đi Long Xuyên hay Sài Gòn thì chị phải có tiền. Nếu chị không có tiền mua vé xe thì ai mà cho chị lên xe đi, phải không?

Thì cũng giống y như vậy, chị muốn theo Phật A Di Đà để về Cực Lạc thì phải có điều kiện. Mà xét thấy điều kiện này chị dư sức làm được: “Nếu như ai cố chí làm lành; Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật Quốc.” Chúng tôi đi hộ niệm rất nhiều người đã được vãng sanh nhờ thực hành đúng theo hai câu kệ này. Hiện giờ chị đang nằm bệnh như vậy thì cố chí làm lành là phát nguyện trường trai. Điều này chị có dám làm không?

- Dám!

- Còn chuyên niệm Phật, là chị niệm Nam Mô A Di Đà

Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật,... chị niệm hoài tới vậy đó.

Khi chị niệm Phật rồi, thì chị phải cầu sanh Phật Quốc, tức là cầu xin Đức Phật A Di Đà rước thần thức chị về Tây Phương. Chị dám không? Dám xin Đức Phật rước không?

- Dám!

- Nếu dám thì chị cứ làm y như vậy đó nghe! Chị làm hoài cho đến ngày hết số thọ mạng, tức là chị chết thì nhất định vãng sanh. Đức Phật A Di Đà phát nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe danh hiệu tôi, hết lòng tin ưa, nếu có điều lành nào, tâm tâm hồi hướng nguyện sanh về cõi nước tôi, cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh, tôi thề không thành Phật.” Hay Cổ Đức cũng đã cho biết: “Ví dù sắp chết ngày mai; Bữa nay hồi niệm Liên Đài cũng lên.”

Sau khi khai thị xong, Ban Hộ Niệm đã cộng tu và phát nguyện trường trai cho bà. Chồng và con gái cùng chú rể lẫn cháu ngoại, cả thầy bốn người đều phát nguyện ăn chay để hồi hướng cho bà.

Trải qua suốt 4 hôm liên tiếp thì bà qua cơn tử nạn, khỏe trở lại, lúc này bà có thể đi lại tới lui gần gần trong nhà, đến hôm thứ 9 thì chương trình hộ niệm tạm dừng. Chú Tư trưởng ban đã hướng dẫn cận kề cách thức trợ niệm cho người nhà nắm vững nguyên tắc để khi bất trắc đột ngột xảy ra, trong lúc chưa liên hệ với Ban Hộ Niệm tới kịp, thì cũng có thể tự xoay xở lo liệu lấy. Và chú cũng thường xuyên ghé thăm để khuyến tấn cũng như theo dõi tình thế diễn tiến của bệnh trạng.

Con bà có thỉnh tượng Đức Phật A Di Đà đặt gần giường bà nằm để cho bà thường thường ngắm nhìn, và mở máy niệm Phật xuyên suốt cho bà niệm theo.

Một hôm chú Tư Xã và chú Tư Răn ghé thăm, sau một hồi hỏi thăm an ủi, nhắc nhở, khích lệ, chú Tư Răn mới hỏi bà:

- Bây giờ tôi đưa ra hai điều cho chị chọn nghe!

Điều thứ nhất Đức Phật sẽ độ cho chị hết bệnh luôn.

Điều thứ nhì Đức Phật A Di Đà rước chị về Tây Phương liên bây giờ.

Trong hai thứ chị chọn cái nào?

- Tôi chịu Đức Phật A Di Đà rước tôi về Tây Phương liên bây giờ!

- Ủa! Tại sao cho hết bệnh, mà chị không muốn?

- Hết bệnh rồi cũng phải già, cũng đau, cũng khổ... nữa thôi. Cho nên về Tây Phương vui sướng hơn!

Kể từ đó bà chuyên tâm niệm Phật, xâu chuỗi chẳng rời tay, chiếc máy niệm Phật được mở xuyên suốt ngày đêm. Mỗi tối mọi người trong nhà cùng cộng tu với bà vài mươi phút. Thỉnh thoảng chú Tư ghé thăm để khuyến khích nung đúc, hễ khi nhắc đến chuyện vãng sanh thì bà vô cùng hoan hỷ, gương mặt tươi cười như hoa mùa xuân. Thấy bà niệm Phật tinh tấn như thế chú mừng lắm, chú tin chắc rằng Phương Tây sẽ nở thêm một đóa sen quang minh tỏa sáng, cõi Ta Bà này bớt đi một chúng sinh trầm luân đau khổ!

Như lời khai thị của Cổ Đức:

*“Kiếp thống khổ chớ yên chịu khổ,
Cảnh mê ly, đừng có mê ly.
Khôn ngoan hay kẻ ngu si,
Nên tìm con lộ vĩnh kỳ giải oan,
Hối sớm chớ sắp tàn mới hối.
Tu mau đừng gần trối mới tu;
Thân người như tử hình tù,
Phút qua là mỗi phút thu ngắn đời!”*

Nên cải thiện cho nguôi lửa nghiệp,
 Đứng từng gian khổ kiếp chìm sâu;
 Bối mê nên lắm đau sâu,
 Rán bưng tỉnh để hết câu khổ nài.
 ...Chớ ngồi đợi việc hư đến nước,
 Mới toan lo khó được toàn thân;
 Gặp hùm thì cứ leo cây,
 Gặp voi thì cứ chạy quay lòng vòng.
 Ngồi than mãi ắt không rồi việc,
 Nói không làm đến chết không nên;
 Ngày giờ mau lẹ như tên,
 Cũng cần tu gấp chớ nên chần chờ.
 Nếu đợi đến vào lò chúng quỷ,
 Vạn sự đều hưu hỉ nan phương;
 Khá tu chớ có xem thường,
 Nay không liệu gấp sau đương không rồi.
 ...Lành mạnh cũng như hồi bệnh hoạn,
 Bình tĩnh không hốt hoảng tinh thần;
 Từ trong tâm đến ngoài thân,
 Việc nào cũng được xét phân rõ ràng.
 Nếu tất cả trong hàng thiện tín,
 Giữ được lòng bình tĩnh như trên;
 Cõi nào mình muốn siêu lên,
 Tức là sẽ được toại nguyện chẳng không.
 Tuy dễ được mà không phải dễ,
 Vì phần đông những kẻ lâm chung;
 Thường hay mê sảng trong lòng,
 Ít ai tỉnh đến khi hồn lìa thân.
 Biết sắp chết tâm trần chưa bỏ,
 Vừa tiếc thương vừa sợ hoảng lên;
 Càng thêm buộc cái oan khiên,
 Nên càng sớm trở lại miền trần gian.
 Gần dứt thở vững vàng trong trí,

*Giữ sạch không nhớ nghĩ sự đời;
Chỉ còn lòng nhớ Phật thôi,
Tức thời có Phật đến nơi rước về.
Lòng đại độ tràn trề khắp chốn,
Sức thần thông rộng lớn vô biên;
Chúng sanh vừa dứt phát nguyện,
Thì là có Phật đến liền rất nhanh.
Trong nháy mắt siêu sanh Tịnh Độ,
Khỏi phải cần hành khổ dụng công;
Ấy là giữ sạch bụi hồng,
Trước giây phút trút linh hồn ra đi.
Phát tâm Phật thì qui cội Phật,
Phát tâm phàm thì rớt cội phàm;
Phật phàm do chỗ phát tâm,
Tâm nào cội nấy không lầm một ai.
Chúng sanh muốn sớm ngày giải thoát,
Thì phải nên sớm phát Phật tâm;
Trồng lâu thì rễ ăn thâm,
Đòi dù lay lắt khó làm trốc nghiêng.
Biết lo trước là yên vững nhứt,
Để muộn rồi chạy chọt uống công;
Trong khi muốn lợi qua sông,
Những đồ mang gánh lòng thông bỏ đi.
... Cố gắng bỏ những gì hung ác,
Cố gắng hành cho đạt thiện lương.
Nguyên sanh Tịnh Độ Tây Phương,
Sen màu ất tủa ngát hương nhiệm màu!”*

Sáng ngày mùng 7, vào lúc 4 giờ cô Hai cùng với chồng chuẩn bị đến tiệm để lo bán hàng như mọi khi. Bà đang ngồi trên giường, thông đôi chân xuống đất, bảo cô rằng:

- Con pha cho má một ly cà phê, đi con!

- Má ơi! Mình bệnh đừng nên uống cà phê. Cà phê nó nóng dữ lắm!

- Hôm nay lâu lắm rồi. Sao má nghe hơi thèm!

Cô bèn lui cui lo đun nước, nhưng chưa kịp bắt nước lên bếp, thì nghe bà nói:

- Sao má mệt quá, hà! Ba, bốn cái quạt máy sao nó không có mát. Thôi con lấy quạt giấy cho má đi con!

Cô Hai trong lòng cảm thấy chấn động, bước nhanh đến gần bà, vừa giật cái mũm xuống cho tượng Phật đặt trên đầu tủ lộ ra để bà hướng mắt nhìn, vừa khuyên bà:

- Thôi! Má niệm Phật, má kêu ông Phật A Di Đà rước má đi!

Bà cất tiếng niệm lớn, tới câu Phật hiệu lần thứ 6 thì bà nhờ đỡ nằm xuống. Khi vừa nằm xuống, đồng thời bà cũng nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, lúc ấy đúng 4 giờ 30 phút sáng, nhằm ngày mùng 7 tháng 5 năm 2014. Bà hưởng thọ 63 tuổi.

Gia đình liên liên hệ với Ban Hộ Niệm, nửa giờ sau các đồng tu kéo đến niệm Phật suốt tám tiếng đồng hồ.

Mọi người thay ca nhau trợ niệm, mỗi ca là bốn vị. Khoảng 12 giờ trưa, đang nhiếp tâm niệm Phật, bỗng nhiên bà Sáu nhìn thấy phía trên thi thể người mất có khối ánh sáng hình tròn chiếu ra ba sắc, thời gian tương đối khá lâu, trong lòng bà cứ đinh ninh ngỡ là do ánh sáng của đèn màu tỏa ra, nhưng khi tìm hiểu kỹ lại thì không có bóng đèn nào cả. Đồng thời lúc ấy liên hữu Hoàng thấy trên trần nhà một luồng ánh sáng màu trắng như ngọn đèn pin rọi từ trên rọi xuống thân xác đang nằm bất động, khi đưa mắt ngược nhìn lên thì không phát hiện được gì. Nhưng khép mắt lại tiếp tục niệm Phật chưa dứt câu thì ánh sáng đó lại hực lên thêm một lần nữa.

Tám giờ sau khi mất, thăm thân thì thấy gương mặt bà trở nên cực kỳ xinh đẹp, da mặt trắng, môi hồng như thoa son, khác biệt rất rõ so với hồi còn sanh tiền, các khớp xương đều mềm mại, toàn thân lạnh duy chỉ có đỉnh đầu ấm nóng.

*(Thuật theo lời cô Trần Thị Phụng,
con gái của bà và đồng đạo Từ Xã)*

Một liên hữu cảm kích kính tặng cô mấy dòng thơ:

*Cô Hai tu gần mặc dầu,
Nhưng luôn tha thiết nguyện cầu vãng sanh.
Chấn thân bệnh khổ như tanh,
Ngày đêm một mực chí thành thoát ly.
Ta Bà tạm bỏ vui chi,
Cô Hai, cô chẳng mê gì trần dương.
Một lòng mong ước Tây Phương,
Quyết tâm mạnh mẽ phi thường vô song.
Nên cô đã xả cõi hồng,
Thẳng sang Cực Lạc thoát vòng tử sinh.
Nhờ Ban Hộ Niệm nhiệt tình,
Nhờ toàn gia quyến hết mình trợ duyên.
Ai người con thảo cháu hiền,
Xem gương mà răn thể nguyên làm theo.
Để bao khổ ách khỏi đeo!*

21. NGUYỄN THỊ THÀNG

(1935 - 2015) 80 tuổi

Bà Nguyễn Thị Thành sinh năm 1935, nguyên quán ở Giồng Riềng, Kiên Giang. Song thân là cụ ông Nguyễn Văn Thành và cụ bà Dương Thị Ba. Bà là con thứ Hai trong gia đình có 10 chị em.

Năm bà lên 12 tuổi, địa phương bà sống có chiến tranh nên cha bà đã đưa gia đình di tản ra Thạnh Phú, Thốt Nốt. Cũng nhờ cơ hội này mà cha bà đã quy y Tam Bảo, tu học Phật Pháp. Vì vậy bà đã phát tâm ăn chay kỳ mỗi tháng 4 ngày, sớm chiều hai thời lễ Phật từ thuở đó.

Khi đến tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Trần Văn Tống, sanh được 7 người con, 2 trai 5 gái, cư trú tại ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, tỉnh Cần Thơ. Gia đình bà sinh sống bằng nghề làm ruộng rẫy. Ông chồng của bà còn làm “Ủy viên canh nông”, sau làm “Phó xã trưởng” xã Thạnh Phú mãi cho đến 30 tháng 4 năm 1975 mới nghỉ việc.

Tính tình của bà hiền từ chân thật, vui vẻ, thích yên tĩnh.

Mặc dù chồng bà có chức vụ trong xã hội nhưng riêng bản thân bà chưa hề chưng dọn se sua, thích ăn mặc theo cổ lệ, chẳng màng bao lời mỉa mai của các bạn đồng trang lứa.

Sau năm 1975, hoàn cảnh sống phải đối diện với rất nhiều cảnh duyên trái ngang khó kham nhẫn, bà giác ngộ nỗi khổ của cuộc đời nên đã phát tâm trường trai, quyết chí tu hành, những mong thoát khỏi vĩnh viễn vòng trầm luân sanh tử luân hồi. Nhưng ăn chay chỉ được một thời gian thì bà bị bệnh khá nặng về đường tiêu hóa, vì thế chồng và vài người con mới cực lực lên tiếng ngăn cản, không cho bà tiếp tục ăn chay nữa, tất cả đều bảo rằng tại ăn chay mới xảy ra hậu quả

ng nghiêm trọng như vậy. Lắm vào tình trạng này bà vô cùng buồn tủi cho thân phận phước mỏng nghiệp dày của mình!

Cô con gái thứ Năm đã có chồng, nhà cô cách nhà bà khoảng vài trăm mét, thấy bà khóc thương thảm nỗi, cô bèn khuyên cha và nói với em trai Út rằng:

- Em hãy suy nghĩ kỹ lại xem! Má từ hồi nào tới giờ cực khổ vì chồng vì con mấy chục năm nay, cho đến giờ phút này mà má có được gì đâu? Thôi, hãy cho má ăn chay đặng má kiếm một mớ vốn để má về xứ. Còn nếu em với ba mà khó khăn với má quá thì chị sẽ rước má về đằng đằng chỗ không để đằng này!

Cô nói vậy chú liền nghe theo, đồng thời cũng năn nỉ với ông, cuối cùng ông cũng chấp thuận, không còn can ngăn la mắng bà dùng chay lạt nữa.

Thời khóa thường nhật của bà là hai thời lễ nguyện sớm chiều, và ngồi niệm Phật vào giữa trưa mỗi ngày. Bằng đĩa bà thường xem nghe phần lớn là “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.”

Thỉnh thoảng bà cũng khuyên dạy con cháu phải ăn hiền ở lành, xa lánh điều dữ, đừng nên gian tham trộm cắp... Cần nhất là rán nhịn nhục ở trong cuộc sống chung đụng này.

Mỗi khi thấy các con cháu tùm năm tùm ba nói cười bông lông, bà thường khuyên bớt lại đặng để thời gian mà lo niệm Phật.

Ban đầu bà bị bệnh “xuất huyết đường tiêu hóa”, kể đến là “rụng tâm nhĩ”, điều trị qua các bệnh viện đa khoa ở Thốt Nốt, Cờ Đỏ, rồi đến Cần Thơ. Trải suốt năm bảy năm trời, ban đầu ít, sau nhiều dần, trung bình mỗi tháng bà phải nhập viện một lần, thời gian là vài ba ngày. Sự đi đứng của bà lúc này rất khó khăn, dần dần đến độ phải bò lết và phạm vi sinh hoạt cũng thu hẹp dần.

Vào khoảng giữa năm 2014, Bệnh Viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ phát hiện bà bị “ung thư tử cung” nên liền chuyển bà sang Bệnh Viện Ung Bướu Cần Thơ. Khi sang bên này các bác sĩ kiểm tra xong bèn đề nghị xạ trị cho bà, các con bà mới hội lại cùng nhau bàn bạc. Bàn bạc xong mới hỏi ý kiến của bà:

- Bệnh của má nặng như vậy đó, bác sĩ yêu cầu xạ trị, ý của má thế nào, ở đây điều trị hay về nhà mình uống thuốc Nam?

- Tùy má ý, ... tính làm sao thì tính!

- Không được, má ơi! Các con bốn phận làm con... Thí dụ như: nếu má muốn trị, thì tụi con lo cho má điều trị, cho dù không tiền bán đất cũng được; còn như má nói ‘không’ thì tụi con chớ má về, chứ tụi con không dám quyết định vì có tội!

- Nếu như vậy thì thôi mình đi về! Về mình kiếm thuốc Nam uống.

Từ đó bệnh mỗi lúc càng thêm trầm trọng. Cứ mỗi tháng tái khám một lần rồi mang thuốc về nhà, khi nào xuất huyết nhiều thì nhập viện truyền máu. Đôi khi có dùng thuốc Nam để hỗ trợ thêm. Bà thường nằm, đến giờ ăn hay vệ sinh mới ngồi dậy, dần dần không tự ngồi được mà phải nhờ con cháu đỡ, cuối cùng nằm luôn không dậy nữa!

*“Cảnh hồng trần dù lắm mến ưa,
Rốt cuộc cũng chỉ đưa đến mộ.
Ăn của thổ thì huồn lại thổ,
Xác phàm nhơn có số định rồi.
Tạo cho nhiều cũng chỉ thế thôi,
Thân khi mất sự đời cũng mất.
Thật nào khác chiêm bao một giấc,
Tiêu tan không sự vật nào còn.
Kể ra nào vợ đẹp hầu non,
Nào gác tía lầu son lộng lẫy,*

Nào xe cộ tàu bè bóng bẩy,
Nào bạc vàng của cải dư muôn,
Dứt thở rồi vạn sự đều buông,
Sự vật bỏ còn thân cũng rã;
Cõi tạm giả xác thân cũng giả,
Đến cuối cùng đều hóa ra không;
Mưu mẹo gì cũng chỉ luống công,
Càng thêm tội chó không tồn tại.
Tội càng lắm càng làm ngu dại,
Sự khổ đau càng phải chịu nhiều.
Kiếp luân hồi nối mãi không tiêu,
Đường sống chết cứ theo chẳng cuối.
Đó không phải tại nơi may rủi,
Mà tại người tự trói buộc vào.
Bởi say mê nơi cõi trần lao,
Phải vào đó không sao chạy khỏi.
Phật xưa đã nhiều lần kêu gọi,
Lòng say mê buộc trói chúng sanh.
Chuyển luân trong sáu nẻo bất lành,
Chịu thống khổ tự mình không biết.
Say mê ấy sớm lo trừ diệt,
Thì chuyển luân cũng diệt liền theo.
Khổ sáu đường sẽ chẳng còn đeo,
Thần chết hết đuổi theo bắt bớ.
Cũng hết bị ai theo đòi nợ,
Chẳng còn mang cái sợ trong lòng.
... Ở mười phương chư Phật ngóng trông,
Tất cả chúng sanh đồng bước tới.
... Ngày tháng cứ trôi qua không đợi,
Gần lâm chung mới hối muộn màng.
... Sớm tỉnh ra chó để trễ tràng,
Bồi công đức xả trần thế trước.
... Cứ tiếc của mà mong có phúc,

*Phước làm sao có được cho mình.
Không chịu tu mà muốn được linh,
Linh không thể nào sinh ra được.
Cho nên muốn cho mình có phước,
Bố thí đi chớ tiếc đồng tiền.
Còn muốn cho mình được linh thiêng,
Thì là phải tu hiền đúng đắn.
Thú vật biết tu còn linh đặng,
Người thật tu chắc chắn nhiệm mầu.
Phải dày công tu luyện cho lâu,
Chớ lòng muốn cho mau không được.
Sầu tu phải nằm lâu dưới nước,
Mới thành rồng bay vượt lên mây.
Người tu thì nhịn việc trần ai,
Mới thành Phật ra ngoài sanh tử.
Cọp dữ lúc tu thì hết dữ,
Người hung khi tu phải bỏ hung.
Đã tu mà còn tánh hung sùng,
Sánh với loại thú hùm còn kém.
Gánh trần tục hãy mau quăng ném,
Để rảnh tay gói ghém sự tu.
Nào vừa hương bát nước công phu,
Nào tịnh niệm A Di Đà Phật,
Các ô nhiễm tâm vô nhứt vật,
Chỉ một lòng phước đức vun bồi.
Nơi Liên Hoa cử phẩm chưa ngồi,
Thì nhứt định chưa thôi niệm Phật.”*

Thời gian nằm bệnh suốt nhiều năm tháng trôi qua nhưng lòng bà vẫn còn lo lắng cho gia đình, lo lắng đủ mọi chuyện, lo chuyện này chuyện kia, chẳng hạn như: “Ngày mai không biết có tiền mua đồ ăn hay không?”, “Ba mấy đứa

đâu rồi?” Các con mới xúm lại khuyên: “Thôi má ơi! Má đừng có lo nữa...” Vì có nghĩ ngợi lo lắng bao nhiêu cũng chẳng giải quyết được gì, uống công phí sức thôi không lợi ích chi hết; vả lại cái chết chắc chắn sẽ đến không hạn định thời gian, nó không nhân nhượng buông tha cho một chúng sanh nào, nó không chừa một ai cả. Cho nên việc quan trọng cấp thiết nhất trong giây phút này của bà chẳng gì hơn là cần phải chuyên tâm niệm Phật, cầu sớm được vãng sanh về An Dưỡng Quốc, tức là sẵn sàng dự bị đầy đủ hành trang cho chuyến ra đi cuối đời được thuận gió xuôi buồm.

Duyên may là cô con gái thứ Năm của bà thường nghe đĩa “Khuyên Người Niệm Phật” của cư sĩ Diệu Âm, nên hiểu được cách thức trợ niệm, giá trị lợi ích của sự trợ niệm rất cần thiết cho người tu niệm Phật cầu vãng sanh đặc biệt ở giai đoạn già bệnh, giai đoạn cận kề với cái chết, nhất là bệnh nhân khi còn tỉnh táo sáng suốt hiệu quả rất cao so với bệnh nhân khi đã hôn mê. Nên ngày mùng 7 tháng 8, cô cùng con gái của mình đến cộng tu với bà từ 7 tới 8, 9 giờ tối mỗi đêm, gia đình cô cách nhà bà vài trăm mét.

Cứ niệm xong 30 phút thì cô Năm nguyện lớn cho bà nương nguyện thầm theo:

- *Nam Mô A Di Đà Phật!*

Cầu xin Đức Phật A Di Đà cảm ứng chứng minh tiếp dẫn đệ tử là Nguyễn Thị Thành, tám mươi tuổi, khi mãn kiếp hồng trần được vãng sanh về cõi nước của Ngài. Trước lúc ra đi Ngài độ cho con biết ngày biết giờ, thân trang nghiêm, không bệnh khổ bức bách, tâm thanh tịnh, tỉnh táo sáng suốt.

Lặp lại ba lần như vậy. Thỉnh thoảng cô hay hỏi bà:

- Con đọc như vậy mà má đọc theo có kịp không, má?

- Má đọc theo kịp!

- Cõi này là cõi khổ, mình ở đây bệnh hoạn khổ quá má

oi! Thôi, bây giờ mình phát nguyện sanh về Cực Lạc cho nó khỏe!

Mỗi ngày trước khi cộng tu, cô Năm và cháu ngoại thường khuyên bà hãy nên buông xả muôn duyên, quyết tâm niệm Phật để sớm sanh về cõi nước an lành của Đức Từ Phụ A Di Đà. Bà cũng hay nói:

- Ngoại chuyển này rán cố gắng niệm Phật để vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Một hôm cô Năm hỏi bà:

- Má ơi, má! Từ hồi nào tới giờ má có biết hình Đức Phật A Di Đà không má?

- Không! Từ đó tới giờ má không biết.

Cô bèn nhờ người thân thỉnh về một bức chân dung Phật A Di Đà. Khi mang về mở ra đưa trước mặt bà, bà chăm chú ngắm nhìn, gương mặt vô cùng hoan hỷ, tươi cười tummy te tummy tét. Các con còn chỉ vào cánh tay Ngài đang nâng tòa sen mà giải thích với bà rằng:

- Má ơi! Tay Ngài cầm hoa sen này là để rước mình về Cực Lạc đó má. Nữa má theo Đức Phật A Di Đà chớ đừng theo ai hết, ghen má!

Rồi cũng từ đó mỗi khi cộng tu với bà bức chân dung ấy đều mở ra cho bà ngắm nhìn.

Cộng tu được gần một tháng, vào khoảng 11 giờ đêm mừng 4 tháng 9 bà chìm vào hôn mê, cứ sôi bụng vang thành âm thanh nghe ồ ồ, trong người bài tiết ra phân lẫn máu liên tục, mùi hôi thật là vô cùng nồng nặc. Thân quỵn bu xung quanh hộ niệm mãi đến hơn ba tiếng đồng hồ sau bà mới tỉnh hẳn trở lại bình thường.

Sáng ngày mừng 5 bà vui vẻ lạ thường, gương mặt lúc nào cũng vui tươi rạng rỡ, thân thuộc viếng thăm bà đều nhận biết chính xác rõ ràng.

Khoảng gần 2 giờ chiều, hai người con gái và cô cháu ngoại vây quanh niệm Phật với bà. Cháu bà đưa hình Phật A Di Đà ra, bèn hỏi:

- Ngoại! Ngoại biết ai đây không, ngoại?

- Biết!

- Ai vậy ngoại?

Bà vừa cười vừa đáp:

- Đức Phật A Di Đà!

- Đây là Đức Phật A Di Đà. Rồi chừng nữa khi ra đi ngoại theo Phật không?

- Có chứ!

- Thôi, rán niệm Phật đi nghen ngoại! Đàng này con với mấy dì niệm Phật tiếp ngoại nè, ngoại rán niệm theo nghen! Đặng khi Đức Phật A Di Đà đến rước ngoại, ngoại theo Ngài về Cực Lạc nghen, ngoại! Ngoại phải buông bỏ mọi thứ, đừng nắm níu gì hết!

- Ừ!

Thấy bà vừa nói chuyện mà vừa cười hoài, cô mới hỏi bà:

- Ngoại ơi! Tại sao mà ngoại cười hoài vậy ngoại? Ngoại vui không mà ngoại cười?

- Vui chứ!

- Tại sao mà ngoại vui?... Ngoại được cái gì không mà ngoại vui?... Có cái gì đâu mà ngoại vui, vậy ngoại?

Bà mỉm cười, đáp:

- Ngoại được tòa sen rồi!... Mà còn có nhiều người ngồi tòa sen lắm!

Mọi người vẫn ngồi bên cạnh tiếp tục niệm Phật với bà, nhưng thấy bà cứ chốc lát mỉm cười, cứ chốc lát mỉm cười. Cô bèn hỏi bà như trước:

- Ngoại! Ngoại! Sao mà ngoại cười hoài vậy ngoại? Có gì vui mà ngoại cười?

- Vui chớ!

- Ngoại có niệm Phật không?

- Có!

- Sao mà ngoại vui vậy ngoại?

- Ngoại sắp thoát được cái cảnh xích xiềng này rồi!

- Ngoại sắp thoát được cái cảnh xích xiềng này rồi, ngoại sanh về đâu mà ngoại vui?

- Ngoại sẽ được sanh về Cực Lạc!

- Ngoại ơi! Ngoại được sanh về Cực Lạc, ngoại nhớ quay lại độ cho con tu với ghen ngoại? Đặng sau này con theo con hầu ngoại ghen?

Bà xoay mặt nhìn thẳng vào đôi mắt của cháu ngoại mình một hồi lâu, rồi mỉm cười chậm rãi thong thả đáp:

- Độ chớ!... Ai chớ... con thì... ngoại độ tới bờ tới bến luôn!

Cô nghe ngoại mình hứa khả như thế, lòng cảm nghe phủ trùm một khối tình cảm ấm áp bao la mà ngoại đã dành cho mình, một thứ tình cảm thiêng liêng làm cho con tim cô chột dưng tràn nổi niềm hạnh phúc vô tận vô biên. Bất giác hai hàng nước mắt vui mừng lăn dài trên đôi má, cô vội vã rời chỗ ngồi nhẹ nhàng chạy vụt ra nhà sau.

Cũng từ đó sức lực của bà cạn kiệt dần, nước cũng không còn uống được nữa, con cháu chia ca thay nhau hộ niệm suốt ngày đêm, bà nằm im lặng lắng nghe niệm thâm theo.

Đến 7 giờ sáng ngày mừng 8 tháng 9 năm 2014, bà nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, không một tí xúu gì lộ nét khó khăn và đau khổ cả. Trước khi ra đi bà mở mắt to ra, rồi khép lại, mà lặp lại 3 lần mở khép như vậy, có lẽ bà từ giã mọi người bằng cách thức như thế. Bà hưởng thọ 80 tuổi.

Qua hơn tám tiếng đồng hồ sau đó, thân quyến thay y phục bắt đầu lo phần nhập mạch để an táng, thì thấy gương mặt của bà hồng hào rất đẹp, tràn đầy niềm hoan hỷ vui tươi, miệng như mỉm cười, các khớp xương mềm mại, da thịt có độ đàn hồi y như người còn sống, đặc biệt là chỉ có hai bàn chân lạnh, còn từ bắp đùi trở lên trên chỗ nào cũng đều nóng rất nóng!

- * Lúc còn nằm ở bệnh viện các y bác sĩ cho biết trước về tình trạng diễn tiến bệnh của bà, là đến chừng bà mất khối ung thư sẽ vỡ và bài tiết ra bên ngoài, vì vậy người thân phải chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lý cũng như đầy đủ dụng cụ làm vệ sinh để xử lý kịp thời mà không phải bối rối khi lâm chuyện.
- * Thường thì cháu ngoại thay tã mỗi ngày cho bà hai lần sớm tối, chất bài tiết rất hôi. Nhưng vào giữa đêm mừng 4 phải thay tã cho bà gần như liên tục suốt đêm, cứ khoảng 30 hoặc 60 phút một lần, trọng lượng tăng nhiều, và mùi tanh hôi lại vô cùng nồng nặc so với mọi khi. Sang sáng mừng 5 sự bài tiết bắt đầu giảm dần, cho đến ngày mừng 7 thân thể bà trở nên gần như hoàn toàn sạch sẽ và cũng không còn một chút mùi hôi nào nữa cả!

*(Thuật theo lời của Trần Thị Sắc - con gái thứ
Năm và cô cháu ngoại tên Thanh của bà)*

22. LÊ VĂN TẤN - TRƯỞNG THỊ NÊN

(1923-1999) 78 tuổi và (1923-2013) 90 tuổi

Bà Trương Thị Nên sinh năm 1923. Song thân là cụ ông Trương Văn Kiều, và cụ bà Đặng Thị Lãnh. Bà là người con út trong gia đình có bảy anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành bà lập gia đình với ông Lê Văn Tấn, cùng tuổi với bà, sanh được 7 người con, 3 trai 4 gái. Nhà định cư tại ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp chính là làm ruộng.

Tính tình ông hiếu thuận, hiền hòa.

Thuở thiếu thời ông học nghề lương y. Sau khi hoàn tất học nghiệp, ông đến làm việc ở tiệm thuốc Bắc tại chợ Phú Hòa.

Năm 1954 (lúc 31 tuổi) ông ghi danh dự học khóa huấn luyện đạo đức do Ban Hoàng Pháp nơi ngôi Tây An Cổ Tự thuộc Xã Long Kiến, Quận Chợ Mới, Tỉnh Long Xuyên tổ chức. Ông tham gia vào Ban Thư Ký, thường ghi tốc ký những bài giảng của giáo thọ, vì thời điểm này máy ghi âm chưa được phổ biến. Nhờ nhân duyên này mà ông thâm nhập Phật Pháp, nhất là căn bản tu tròn “Đạo Làm Người”, làm lành lánh dữ, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Ông đứng thứ mười cũng là con trai út trong gia đình, nên lo phần phụng dưỡng cha mẹ khi còn sanh tiền. Mỗi ngày đi làm ông thường mua mang về các loại bánh, như: bánh bò, bánh canh, bánh tằm... cho cha điểm tâm, cùng các thứ vật thực. Khi nấu xong dọn mâm riêng cho cha dùng trước,

không cho các con ăn chung với cha. Những khi ông đi vắng đều căn dặn người nhà phải giữ nguyên tắc này.

Năm 1967 ông sang Đài Loan bồi huấn về nông nghiệp. Khi về nước ông làm việc tại xã nhà chuyên ngành Nông Vụ, giúp bà con nông dân chuyển từ canh tác lúa mùa sang canh tác lúa thần nông, tức là lúa một vụ đổi thành hai vụ. Ông công tác mãi đến năm 1975 thì ngừng.

Năm 1976, một hôm ông gọi các con lại mà nói rằng:

- Bây giờ ba phát tâm ăn chay trường! Mấy đứa tính sao?

Các con ông đều đồng ý:

- Nếu ba ăn chay, tụi con cũng phát tâm ăn chay theo hết!

Bà cũng vui vẻ hưởng ứng.

Ông còn nói vui:

- Đứa nào lên xe thì ba chở đi. Đứa nào muốn xuống xe thì ba ngừng lại cho xuống!

(Duy chỉ có cô con gái thứ Hai là trưởng trai trước đó bảy tám năm, và cô đã xuất gia với hòa thượng trụ trì chùa Châu Long tại Châu Đốc.

Gần mười năm sau, người con trai thứ Năm của ông xin “xuống xe”, ông bèn lo cưới vợ và cất nhà ra riêng cho chú).

Từ khi dùng trưởng trai, công khóa hành trì của ông là hai thời lễ nguyện, sau lễ nguyện thì ông ngồi niệm Phật. Đặc biệt là khâu chuỗi chẳng rời tay, và sự lễ nguyện của ông hết sức thành khẩn cung kính, một tí qua loa khinh xuất cũng không có, nên thời gian lễ bái sám nguyện dài hơn rất nhiều so với mọi người. Hằng ngày ông cũng thường đem Phật Pháp hướng dẫn con cháu trong thân tộc, nhất là khuyên niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Thỉnh thoảng ông cũng đi trợ niệm cho những người già

bệnh trong vùng, hoặc các đồng tu khi sắp sửa già từ dương thế. Tùy phần đóng góp mọi công tác từ thiện xã hội tại bốn xứ. Đúng như lời khai thị:

“...*Khi muốn đem thí của thí lời,
 Phải thành thật từ nơi tâm não.
 Giúp đỡ cho người do lòng thảo,
 Chớ không do lòng háo lợi danh.
 Và cũng không mong biết ơn mình,
 Lòng thảo ấy giống tình của Phật.
 Cho, thấy mất nhưng đâu có mất,
 Giữ, tưởng còn nhưng thật không còn.
 Của tuy mòn phước đức chẳng mòn,
 Sự còn mất do lòng chọn lựa.
 Việc tốt xấu tự mình sửa chữa,
 Phước đức là cái cửa giải oan.
 Nợ hồng trần muốn được rảnh rang,
 Người nên sớm mở toang cửa ấy.
 Phải lo tính trước khi sóng dậy,
 Nổi gió rồi quất cạy sao xong.
 Biết rằng khi chết nắm tay không,
 Chớ tạo nghiệp ác trong lẽ sống.
 Tạo nghiệp ác dù dày hay mỏng
 Cũng phải đền chẵn trốn khỏi đâu.
 Nghiệp mỏng thì bị nhẹ thăm sâu,
 Nghiệp dày phải chịu đau khổ nặng.
 Chúng sanh nhớ thật tâm tránh hẳn,
 Đừng khinh thường nhâm lẫn nhỏ nhen.
 Tập cho lòng sợ lỗi được quen,
 Lần lượt sẽ trở nên hoàn thiện.
 Thuốc thường hút lâu thành ra nghiện,
 Tội hay làm sẽ biến thói quen.
 Việc nhơn từ lòng cố đua chen,
 Tánh hung ác đâu len vào được.*

Suốt đời vẫn lo làm việc phước,
Một lòng nguyên giải thoát hồng trần;
Tất không còn bị nghiệp chuyển luân,
Đời sau hết chịu cơn sanh tử.
Còn sống chết vì còn nghiệp dữ,
Hết luân hồi vì đã trọn lành.
Cõi Ta Bà tất cả chúng sanh,
Chớ để dạ mong manh việc ác.
Một lần lọt vào đường sống thác,
Dễ bị đời dẫn dắt trăm lần.
Há không lo dừng lại bước chân
Cho khỏi kiếp trầm luân khổ hải.
Rừng mê có rất nhiều cạm bẫy,
Không chạy ra tất phải máng vào.
Khi bị rồi khó nổi cơn đào,
Thân ấy sẽ ra sao thử nghĩ?
Tuồng đời có rất nhiều dối mị,
Nhiều muốn ham nhiều bị gạt lừa.
Bã lợi danh chớ có mến ưa,
Sự tài sắc đừng mơ mộng đến.
Tránh khỏi các việc đời rù quên,
Mới mong ra khỏi bến mê tân.
Nếu còn chiều thị dục nơi thân,
Thì còn bị nhiều cơn chìm nổi.
Còn mê tất nhiên còn tắm tối,
Rán làm cho hết thói say mê.
Cõi siêu sanh thấy lối trở về,
Được khoái lạc còn chi sánh kịp.
Còn mê tất là còn tạo nghiệp,
Nghiệp còn thì còn kiếp luân hồi.
Mê là nguồn gốc tạo ra đời,
Khi đời hết vì người mê hết.
Bởi mê thấy vật chi cũng mê,

Thân chết nhưng không chết nghiệp mê.
 Mê đâu thì sanh đó không xê,
 Luân hồi bởi tại mê mà có.
 Điều ấy chúng sanh nên nhớ rõ,
 Búng gốc mê cho nó hết sanh;
 Tất không còn bị nghiệp hoành hành,
 Chừng đó mới trở thành tự tại.
 Lầm lạc biết quày đầu trở lại,
 Cố đi dầu xa mấy cũng gần.
 Dem phàm thân đổi lấy Phật thân;
 Vạn sự ở tinh thần cương quyết.
 Lo liệu trước khi đời tận diệt;
 Gần lâm chung hối tiếc đã rồi.
 Việc đáng thôi phải nhứt quyết thôi,
 Thì mới trở thành người siêu thoát.
 Cõi thế gian là nơi tội ác,
 Kém thiện tâm khó vượt cho qua.

...

Tin sâu câu Di Đà,
 Cực Lạc là quê nhà.
 Một lòng nguyên quay gót,
 Tất sẽ gặp Di Đà!"

Năm 1995 ông bị tai biến nhẹ, gia đình đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, điều trị một tuần thì ra viện, sức khỏe tạm thời hồi phục trở lại như bình thường.

Tháng 6 năm 1998 ông đột quỵ, thân nhân đưa vào Bệnh Viện Tim Mạch An Giang. Sau khi chụp CT (CT-Scanner) xong bác sĩ cho biết ông đã nhũn não. Từ đó ông bị liệt nửa người bên phải, không nói chuyện được và khi ăn phải bơm thức ăn, chứ không tự ăn như người bình thường được nữa. Nằm viện được 17 ngày thì xuất viện ra về.

Vì lúc đi không nhớ mang râu chuỗi theo cho ông, nên tối chừng bác sĩ đến khám bệnh thấy ngón tay ông cứ cà lằn cà lằn hoài, liền hỏi:

- Cha của cô làm cái gì, vậy cô?

- Ba tôi đang lằn chuỗi niệm Phật đó!

Nằm ở đây hai tuần thì xuất viện về nhà, hơn ba tháng sau sự ăn uống của ông được phục hồi bình thường trở lại không cần bơm ống như trước.

Các con mở máy niệm Phật suốt ngày suốt đêm cho ông nghe để ông lằn chuỗi niệm theo.

Vào giữa tháng 5 sức khỏe của ông lằn hồi suy kiệt, những lúc ông lằn cơn mệt các con cháu quỵn thuộc và đồng tu vây quanh trợ niệm, qua cơn thì ông vẫn nghe máy lằn chuỗi như cũ. Vì vậy các con muốn biết ba mình có niệm Phật hay không thì chỉ nhìn các ngón tay của ông là biết được ngay tức khắc.

Ngày 22 mọi sinh hoạt vẫn diễn ra như mọi khi. Sau bữa cơm trưa vào lúc gần 11 giờ không bao lâu thì ông hơi mệt. Thấy ông mệt, các con cùng ngồi xung quanh niệm Phật, còn ông tay lằn chuỗi chậm chậm niệm theo. Niệm Phật được một lát, tay ông đang lằn chuỗi bỗng nhiên ngưng động, nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, đôi mắt từ từ khép lại vĩnh biệt trần dương mơ mộng đầy giả tạm tang thương, chẳng hề lộ một nét gì khó khăn hay thống khổ cả! Khi ấy đúng 1 giờ chiều ngày 22 tháng 5 năm 1999. Ông hưởng thọ 76 tuổi.

Qua tám tiếng đồng hồ trợ niệm sau đó, thì thấy gương mặt ông tươi như người đang nằm ngủ, các khớp xương mềm mại, đặc biệt là toàn thân lạnh duy có đánh đầu ấm nóng.

Tính tình bà nhân ái từ hòa, có dạ bao dung, sẵn lòng thương yêu cứu giúp những người khó khổ. Chưa từng mịch lòng với lối xóm láng giềng.

Năm 1976 khi chồng cùng các con phát tâm trường trai, bà cũng phát tâm theo. Từ đó bà lần hồi thâm nhập pháp môn Tịnh Độ, chuyên tu niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương. Mỗi ngày bà 4 thời lễ Phật, sau lễ bái thì ngồi niệm Phật năm ba mươi phút. Bằng đĩa mà bà thích nghe nhất là phẩm Khuyến Thiện của ông Vô Danh cư sĩ. Bà cũng thường khuyên các con cháu rán lo niệm Phật tu hiền.

Những dịp rằm lớn trong năm bà thường xay lúa bố thí gạo cho các hộ dân nghèo, và đến chùa Phước Ân gần nhà để làm công quả. Các con cháu cho tiền, bà đều giúp đỡ hết cho những người túng thiếu đang lâm cơn quần bách.

Càng lớn tuổi công trì niệm càng gia tăng nhiều thêm. Mỗi khi hơi nhức đầu, hay trong người có chỗ nào đau nhức bà đều gọi cô con gái thứ Sáu (cô này là cô giáo dạy trẻ ở chợ Phú Hòa), mà nói với cô rằng:

- Con ơi! Lấy tiền đi cúng thập tự cho má,... đi phóng sanh cho má, đi con!

Thuở còn trẻ bà có bệnh đau bao tử rất nặng, lở như ăn nhằm các thứ mà cơ địa không dung nạp thì bà bị nôn mửa dữ dội, mửa liên tục đến khi ra hết thức ăn mới thôi. Chứng bệnh quái ác này đeo đẳng hành hạ bà mãi cho đến lúc tuổi đã ngoài tám mươi. Bỗng dưng hôm nọ bà thêm ăn canh mồng toi với tàu hủ trắng kho. Ăn như vậy thấy khỏe ra, bao tử không còn hoành hành nữa. Kể từ đó bà dùng chuyên ròng thực đơn này suốt mấy năm liền. Các con phải trồng những giàn mồng toi để cung ứng cho bà hằng ngày. Ngoài ra dường như bà không dùng thêm bất cứ loại thực phẩm nào nữa hết.

Đến năm 2012 lại tự nhiên thực đơn duy nhất của mấy năm trước bà nghe không còn thích nghi với cơ địa của mình nữa, chỉ uống được sữa Ensure mà thôi. Ban đầu bà dùng sữa dạng bột, kế đó chuyển sang dùng loại nước cho đến khi bà mất là hơn một năm trời. Mỗi ngày bà uống bốn lần: sáng, trưa, chiều và tối. Sữa Ensure nước 237ml bà uống mỗi ngày một hộp rồi, thêm chút nước sôi cho ấm.

Cũng trong suốt một năm này, mỗi tuần cô con dâu thứ Năm đều truyền cho bà một chai nước biển, cô này là y sĩ.

Khi tuổi hạc dần cao công phu niệm Phật của bà càng tinh chuyên thuần thực nhiều hơn, ngoài niệm Phật và khuyên con cháu niệm Phật khi chúng đến thăm bà, dường như bà không có chuyện gì để bận tâm đến nữa.

Một hôm bà kể cho cô Ba nghe:

-Hồi tối này má nằm chiêm bao, má nghe âm thanh ồn náo của đoàn binh gia, họ kéo đến trước nhà mình đông dữ lắm. Má hé cửa thử nhìn ra thì thấy có Thầy mình đứng, bọn chúng hoảng sợ rút lui mất hết!

Thời tiết xoay vần bốn mùa luân chuyển, ngày đêm đắp đổi, mưa nắng đan xen. Vạn sự vạn vật ở giữa cõi thế trần vốn dĩ phù hư tạm giả, hết thịnh tới suy như chiếc lá trên cành khi xanh tươi khi thì úa tàn rơi rụng, như vầng trăng lúc khuyết lúc tròn. Sanh già bệnh chết là định luật của tạo hóa sẵn dành cho mọi nhân sinh nơi chốn dương gian sông sâu bể khổ này, đúng như lời Cổ Đức đã khẳng định:

*“Nhớ lời đức Như Lai chỉ giáo,
Thân huyền hư đời ảo mộng trần;
Giả đời giả cảnh giả thân,
Ta Bà sanh chúng đạo chân khá tìm.*

Xưa nay vẫn đắm chìm biển khổ,
 Lặn hụp luôn đâu có an vui;
 Đời dù có nếm đủ mùi,
 Cuối cùng cũng chết có người nào không.
 Qua rồi kiếp cha ông cũng thế,
 Lần lượt đây đến kẻ cháu con;
 Nối nhau đi mãi không mòn,
 Đường sanh tử cũng vẫn còn tử sanh.
 Không ai dạy tự mình cũng rõ,
 Nhưng ít người tìm ngõ thoát ly;
 Đường trần cứ nhắm mắt đi,
 Ai sao mình vậy sống lì ngày qua.
 Nào cái bệnh cái già đục khoét,
 Kế sau cùng cái chết đến tha;
 Thế là hết kiếp người ta,
 Trong đời ai cũng chỉ là thế thôi.”

Gần 20 ngày cuối đời bà không đi được, khi đi vệ sinh phải nhờ người khiêng.

Năm bà 80 tuổi các con đã tổ chức trai tăng để hồi hướng công đức mừng thọ cho bà. Sau lễ mừng thọ thì thấy bà khỏe mạnh hẳn ra, vì vậy mà năm nay nhân dịp bà 90 tuổi các con dự tính y bốn cũ soạn lại. Khi hỏi ý kiến của bà được bà chấp thuận nên các con đã liên hệ với chùa Phước Ân, cung thỉnh sư bà Như Hoa cùng một số chư sư, chư ni về nhà tổ chức trai tăng vào ngày 20 tháng 2 để làm lễ chúc thọ cho bà.

Ngày 19 mọi người xôn xao lo chuẩn bị những thứ cần thiết cho trai tăng.

Lúc 4 giờ chiều, cũng như thường lệ cô Út lau mình thay y phục cho bà. Khi lau xong chưa bao lâu thì bà hơi mệt. Sư cô Nguyễn vừa mới tới thấy sắc diện của bà thay đổi, bèn vào nhà bếp thông báo cho con cháu và đồng tu đang xất gọt tạm ngưng lại để tập trung hết ra niệm Phật cho bà. Bà đưa tay

chỉ vào miệng. Cô Út hỏi bà có phải bà muốn đánh răng súc miệng hay không, thì bà gạt đầu. Kế đó bà chỉ vào cổ tay nơi mà bà thường đeo xâu chuỗi, vì hồi nãy lau mình đã tháo xâu chuỗi ra. Khi mang xâu chuỗi đến trao cho bà, bà cầm lấy, lần từng hạt, từng hạt theo âm thanh Phật hiệu của đại chúng. Niệm được một đôi, tay bà đang lần chuỗi bỗng nhiên dừng lại, rồi bà nhẹ nhàng qua đời, lúc ấy là 6 giờ chiều, ngày 19 tháng 2 năm 2013. Bà hưởng thọ 90 tuổi.

Sáng hôm sau chư sư chư ni mà gia đình cung thỉnh lễ mừng thọ được đổi thành lễ an táng cho bà. Giờ nhập mạch, gương mặt bà hồng hào tươi đẹp, các khớp xương mềm mại, đánh đầu ấm nóng trong khi toàn thân đều lạnh.

* Khi bà mất, cây cối xung quanh nhà, như: các loại lan, mai vàng, hoa lài... đều trổ hoa. Trổ suốt 49 ngày sau mà vẫn còn trổ.

* Một tuần trước khi bà mất, vào giữa khuya đang ngủ, cô Ba giật mình nghe bà gọi:

- Hồng ơi! Thức dậy đi con!

- Chi vậy, thưa má?

- Con pha cho má một ly sữa nóng!

Cô lồm cồm ngồi dậy lệ làng y theo, trong bụng cứ ngỡ hôm nay có lẽ bà đói bụng đột xuất. Chưa kịp hỏi, thì nghe bà giải thích:

- Má mới vừa gặp Đức Bồ Tát Quan Thế Âm!

Thì ra bà nằm chiêm bao thấy Bồ Tát, nên bà muốn cúng cho Ngài một ly sữa.

*(Thuật theo lời Lê Thị Hồng Thu,
con gái thứ Ba của hai ông bà)*

23. TRẦN VĂN TƯ

(1922 - 1982) 60 tuổi

Ông Trần Văn Tư sinh năm 1922, nguyên quán xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Song thân là cụ ông Trần Văn Hây và cụ bà Nguyễn Thị Hai. Ông là con thứ Tư trong gia đình. Khi mẹ ông sinh người em kế của ông thì bà qua đời.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Hai, sinh được 6 người con, 1 trai 5 gái. Nhà ông thay đổi rất nhiều chỗ, như: Mỹ Đức, Kinh Đào,... cuối cùng định cư tại Kinh Xáng Vịnh Tre, thuộc ấp Mỹ Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Gia đình ông sanh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình ông siêng năng, cần mẫn, chân thật, hài hòa.

Ông đến với Tam Bảo rất sớm, nhờ thừa hưởng di sản tinh thần tốt đẹp của cha, mặc dù cha mất trước khi ông lập gia đình. Ông dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày, và mỗi ngày giữ đều đặn hai thời lễ Phật sám nguyện sớm tối, làm tròn bốn phận một cư sĩ tại gia “Học Phật Tu Nhân”.

Do hoàn cảnh sống thuở thơ đồng khá khó khăn nên ông thất học, không biết chữ nhưng ông chẳng để cho đứa con nào của mình dốt cả!

Đối với chòm xóm ông chưa hề xích lòng một ai. Họ hàng thân thích bên vợ rất thương mến ông.

Đối với con cái ông quan tâm dạy dỗ từng ly từng tý, nhất là nguyên tắc sống cũng như tư cách phẩm đức làm người, ngắn gọn đơn giản rất thực tế trong đời sống thường nhật để

cho con làm theo, chứ không phải bao thứ áo diệm cao vời, chẳng hạn:

-Khi lên mâm cơm, các con phải chờ cha, mẹ, những người lớn ngồi trước rồi các con mới được ngồi!...

Khi ăn cá, các con phải ăn từ dưới lần lên, chớ không được ăn từ trên xuống (để tránh tham ăn)...

Những nguyên tắc sống này hoàn toàn tương ứng với lời của Đức Khổng Tử: “Biết được thứ tự trước sau tức gần với Đạo rồi vậy!” Đạo mà Ngài nói ở đây chính là chỉ cho nguyên lý vận hành của vạn vật, luôn biến chuyển không ngừng nhưng lại tuân thủ đúng trình tự quy củ nhất định. Cái gì phù hợp với Đạo thì sẽ tồn tại hưng thịnh; nếu trái lại nhất định sẽ suy bại tiêu vong.

Ông luôn giáo huấn các con: “Nghèo cho sạch, rách cho thơm”, không được gian tham bất cứ thứ gì, cho dù nhỏ nhít như cây kim cọng cỏ. Khi thấy các con mình có dùng xài vật dụng nào lạ, là ông điều tra kỹ lưỡng cẩn thận. Lần nọ cô con gái thứ Sáu của ông đi dự lễ, được ông Tư Trầm cho cái đèn pin, cô mừng lắm (thời buổi ấy món gia dụng này được xem là thứ chẳng phải tầm thường). Khi về cô khoe với mọi người trong nhà. Ông vẫn không tin là chắc đúng như vậy. Đến khi được chính miệng ông Tư xác nhận, ông mới chịu cho qua.

Hằng năm ông cúng dường các thực phẩm hoa màu mà gia đình ông trồng tía nhân ngày rằm, lễ lớn cho các nơi: An Hòa Tự, Tây An Cổ Tự, Tổ Đình... Và còn tích cực ra sức tham gia công quả trong những dịp ấy.

Năm 1976 ông phát tâm trường trai, lúc này trong gia đình cô con gái thứ Ba ăn chay trước đó đã bảy, tám năm.

Ông có nhân duyên với pháp môn Tịnh Độ, chăm lo ăn

hiền ở lành, cố gắng bỏ những điều xấu ác, niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, tu theo phương châm: “Nam Mô A Di Đà Phật, sáu chữ đi, đứng, nằm, ngồi, rón niệm chớ quên, không đợi gì thời khắc.”

Đời tu của ông âm thầm bình dị, lại rất chất phác thật thà, chú trọng thực chất, xem nhẹ hư danh, chẳng rơi vào hình thức phô trương, đặc biệt tín tâm của ông đối với Tam Bảo vô cùng kiên định, dường như là kim cương bảo ngọc! Như lời dạy của Cổ Đức:

“Lo đạo đức như lo cơm bữa,
Nhớ Phật như mẹ nhớ con cưng.
Tất nhiên không còn tạo nghiệp trần,
Cảnh Phật sẽ đặt chơn vào được.
Từ làm tội đổi ra làm phước,
Chỉ cách nhau ở chỗ quyết tâm.
Đâu phải là cách trở xa xăm,
Mà sanh chúng bảo rằng khó đổi.
Việc làm phước hay là làm tội,
Đều tại mình không phải tại ai.
Nếu muốn tu thì cứ tu ngay,
Chớ dừng có đợi mai đợi một.
Lòng cương quyết dù ai muốn cột,
Cũng không làm sao buộc được mình.
Nếu người tu có đủ đức tin,
Sẽ thắng được cảnh tình trắc trở.
Lòng tin tưởng vốn là cơ sở,
Tin tưởng càng mạnh mẽ chừng nào,
Mục đích càng sẽ được tới mau,
Không ai có thể nào xô ngã.
Tin tưởng mạnh đạo mau đắc quả,
Đạo có tin mới có thể tu;
Tu không tin thì đạo mờ lu;
Đạo tin mạnh lỗi nào cũng bỏ.

Tin biết xét là tin sáng tỏ,
Tin không suy tin đó tối tăm.
Tin tưởng là căn bản đành rằng,
Không suy xét tin càng nguy hiểm.
Vì đạo chánh thì là rất hiếm,
Còn đạo tà khỏi kiếm cũng ra.
Nếu tin càn dễ lạc đường ma,
Rất khó được sang qua cõi Phật.
Phải suy xét cho tường sự thật,
Thật chơn tu thật đức từ bi.
Thật là đường giải thoát mê ly,
Chùng ấy sẽ qui y tin tưởng.
Thấy linh nghiệm rồi tin càn bướng,
Thấy hay ho rồi muốn theo đi,
Chánh hay tà không chịu xét suy,
Tin như thế làm nguy hại kiếp.
Lọt vào lưới mối quày sao kịp,
Mắc bẫy rồi muốn dứt sao ra.
Để lòng tin lầm lạc đường tà,
Hồi tỉnh được thật là rất khó.
Nên cần phải nhắc cho lớn nhỏ,
Đối sự chi cũng chớ tin càn.
Phải dò sau xét trước đàng hoàng,
Thật chánh đáng rồi tin mới vững.
Bị lầm lạc chỉ trong một bận,
Đủ làm cho thân phận đảo điên.
Lầm của tiền có thể tạo nên,
Còn lầm mạng không phương lấy lại.
Tin đúng chỗ phước lưu vạn đại,
Tin sai đường di hại thiên niên.
Sự tin là quan trọng vô biên,
Phải dè dặt chớ nên tin bướng.
Sống gần kẻ có nhiều tin tưởng,

Rất dễ gây ảnh hưởng đến mình.
Nếu mình không suy xét cho mình,
Thì sẽ bị cảm tình lôi cuốn.
Ví như rượu mình không hề uống,
Nhưng gặp người đem đến mời luôn,
Khó làm cho người nhịn miệng sưng,
Mười người bị uống luôn hết chín.
Vì lẽ đó cần nên bình tĩnh,
Chớ để cho nhẹ tính điều nào.
Mỗi người thường tin tưởng khác nhau,
Thấy người bước bước theo không được.
Tin lắm ít khi nào được phước,
Mà thường hay bị chuốc tội thêm.
Gặp thời kỳ đạo mọc như nê,
Trong sanh chúng lắm tin rất dễ.
Tin lắm đến phạm vào luật lệ,
Tin lắm gây trái lẽ công minh,
Tin lắm làm đảo ngược kệ kinh,
Tin lắm tội mà tin rằng phước,
Tin lắm khiến tan nhà mất nước,
Tin lắm làm kẻ khóc người than,
Tin lắm gây thống khổ họ hàng,
Tin lắm khiến tiêu tan sự nghiệp,
Tin lắm dẫn đến nơi lừa bịp,
Tin lắm gây ra việc sát nhơn,
Tin lắm đành lấy oán trả ơn,
Tin lắm mắng Thánh Thần không nể,
Tin lắm khiến làm điều tội tệt,
Tin lắm đi bác bỏ Phật ngôn,
Tin lắm mình đại tưởng là khôn,
Tin lắm mới tự tôn tự đại,
Tin lắm chỉ có đời hiện tại,
Tin lắm không ai thấy việc mình,

Tin lắm tin hoặc kẻ truyền tin,
Tin lắm có hằng nghìn muôn chuyện,
Tin ở sách hoặc tin ở miệng,
Hoặc là tin ở chuyện mắt trông,
Hoặc tự suy rồi tự tin lòng,
Có nhiều cách tin không kể xiết;
Tin lắm việc hoặc tin đúng việc,
Là vấn đề quan thiết vô cùng.
Sự vui tươi hay việc hãi hùng,
Đều quan hệ với lòng tin ấy.
Sống chết cũng liên quan vào đấy,
Vinh nhục đều bởi tại nó ra.
Từ xưa nay trong cõi người ta,
Việc thành bại đều do tin tưởng.
Nếu tin đúng thì thành hình tượng,
Bằng tin sai thì uổng công phu.
Lên Thiên Đường hay xuống ngục tù,
Do tin đúng hay là không đúng.
Nào Thánh chiến vô cùng kinh khủng,
Nào Đấng tranh chấn động đất trời,
Đã diễn ra khắp chốn cùng nơi,
Đều do ở lòng người tin tưởng.
Tin gây chiến là tin hẹp lượng,
Tin gây hòa là rộng sự tin.
Tin cách nào cứu được sanh linh,
Như thế mới là tin chánh đáng.

...

Tin Ta Bà khổ, cần nên nhàm chán,
Tin Cực Lạc vui, sớm rán sanh qua.
Tin Hồng Danh sáu chữ Di Đà,
Là Thần Dực giúp ta giải khổ.
Quyết lòng về Tịnh Độ,
Dứt sinh tử luân hồi.

*Niềm tin mà có được,
Chín Phẩm chễm chệ ngôi!”*

Năm 1982, vào khoảng tháng 3, đột nhiên ông bị tai biến nhẹ, nửa thân bên trái bị liệt. Cô Ba định đưa ông đi bệnh viện để khám và điều trị, ông hỏi cô rằng:

- Con có tin Thầy là Cổ Phật trở lại hay không?

- Dạ có! Thưa ba.

- Con có tin ông Thanh Sĩ là bậc Bồ Tát lâm phàm hay không?

- Dạ có! Thưa ba.

- Nếu tin thì tại sao con lại đòi đưa ba đi bệnh viện, là tại sao? Đi bệnh viện là mình tin bác sĩ hơn là tin Thầy Tổ. Như vậy là niềm tin của mình đặt nơi Thầy Tổ không trọn vẹn rồi! Như vậy là không được! Thôi, không có đi bệnh viện nào hết, để ba ở nhà ba lo niệm Phật (đặng vắng sanh)!

Cô con gái im lặng không mở lời thêm được nữa.

Nhiều đồng tu hay tin đến thăm cũng hối thúc ông đi bệnh viện để chữa trị, ông vẫn không thay đổi lập trường của mình.

Ít lâu sau, thấy cha mình mất ngủ liên tục nhiều đêm, cô Ba trong lòng cảm nghe xót xa và lo lắng, cô bèn đem sự việc trình bày cho ông Tám Học, một bạn tu thâm giao cũng là người bạn láng giềng vô cùng thân thiết với ông, để nhờ ông Tám khuyên giúp.

Ông Tám cùng một số đồng đạo đến thăm. Qua một hồi tâm sự vả lả, ông Tám mới tóm kết vấn đề:

-Ừ, thôi! Bây giờ anh cứ đi bệnh viện đi, chừng nào không hết thì về!

Vị bụng người bạn tri âm tri kỷ của mình, nên ông bảo cô Ba đưa ông đi Bệnh Viện Châu Phú vào một buổi chiều nhạt nắng trời xanh mây trắng. Sáng hôm sau, bác sĩ mới khám sơ bộ vừa xong, là ông đã hồi hả đốc thúc cô Ba:

- Thôi! Mình về con ơi!
- Chưa gì hết trơn mà về sao, thưa ba?
- Nếu con không về thì ba về!

Thế là cô đành phải đưa ông ra về khi hãy còn tỉnh mơ sương hồng nắng ngọc, chim đầu cành đua hót líu lo.

Cũng từ đó ông chỉ lo niệm Phật, không hề dùng bất cứ loại thuốc nào, mặc cho biết bao lời ra tiếng vào, đủ mọi thứ thị phi, vẫn không xoay lật được lập trường kiên định của ông. Điều này cho thấy niềm tin của ông đối với lý nhân quả vô cùng kiên định. Hơn hẳn nhiều vị tu hành lâu năm, kinh sách liên tay, tài biện luận như mây trôi gió cuốn, nhưng khi đối diện với cháu chít cháu chất của con ma bệnh thì đã bấn loạn tinh thần, thất kinh hồn vía, thầy thuốc chỉ mới thốt nửa lời là tốc hành xin tì với Phật Tổ cho con được trở đũa nghỉ xả hơi, hẹn chừng mạnh khỏe con sẽ tiếp tục chạy lật tu trì trở lại! Cũng cần nhớ là chắc gì chính mình lại chẳng rơi vào trường hợp y như thế, cho nên chớ vội khinh cười hay xem thường bất cứ một ai!

Thiện Đạo Đại Sư là Phật A Di Đà thị hiện, cũng là Tổ Sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông, Ngài có dạy rằng:

- “Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh Độ thì điểm cần yếu là đừng nên sợ chết. Phải thường nghĩ thân này nhơ nhớp, biết bao điều khổ lụy trôi vây! Nếu bỏ được thân huyễn hồi nhơ, sanh về Cực Lạc thọ thân kim cương thanh tịnh sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô lượng sự an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách đổi lấy đồ trân phục, còn điều chi đáng thích ý bằng! Nghĩ như thế, buông

hắn thân tâm, không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bệnh, liền tưởng đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà. Nếu có ai đến thăm, chỉ khuyên nên vì mình niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dịu dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó chỉ là chuyện bông lông, vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc hết, lúc mình bệnh ngặt sắp chết, đừng rơi lệ thương khóc, hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu, làm kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm. Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến sau khi tắt hơi. Nếu lại được bậc tri thức hiểu rành về Tịnh Độ thường đến nhắc khuyên thật là diệu hạnh! Như lúc lâm chung biết áp dụng phương pháp này tất sẽ được vãng sanh không còn nghi ngờ chi nữa.

Việc vượt qua cửa tử là điều rất quan hệ lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được. Nếu một niệm sai lầm, tất nhiều kiếp sẽ chịu khổ lụy đâu có ai thay thế cho mình? Phải chú ý nghĩ suy và ghi nhớ kỹ!”

Vào khoảng rằm tháng 6 (trước khi mất nửa tháng), một hôm ông nói với ông Tám:

- Chú Tám, chú bảo mấy đứa cháu đóng giùm tôi cái ghế thờ!

- Cái chuyện đó đâu có gấp gáp gì anh ơi! Tới đâu... mình để tới đó... tính chớ gì!

- Tôi có chết thì những lời của tôi để lại... Thí dụ như hồi đó cha của tôi chết, thì bó lại đem đi chôn; còn bây giờ tôi chết thì cũng bó luôn chớ không có hòm rương gì hết, nghen chú Tám!

- Không được anh ơi! Ngày xưa khác, bây giờ khác. Giả dụ như mình không mua hòm tốt thì mình mua cái hòm nhỏ thôi, đơn sơ cũng được.

- Mình tu theo lời Thầy Tổ dạy, đời sống cần đơn giản, đừng rườm rà. Cái gì xét thấy không ích lợi thì thôi đừng làm. Hơn nữa người chết rồi chôn xuống đất đâu có ý nghĩa gì đâu, chú ơi! Tôi... thì... quyết định phải bó thôi!

Nhưng sau đó cô Ba nhờ ông Tám năn nỉ ba mình:

- Thưa chú Tám! Con nhờ chú làm ơn nói với ba của con giùm... Là thời buổi này không thể nào bó được! Thì thôi bây giờ mình có thể... thỉnh về cái hòm bằng gòn đi, để cho nó kín đáo một chút. Chứ bó... con nhìn thấy... con đau lòng lắm, chú ơi!

Thế là đêm ấy ông Tám cùng một số đồng tu nài nỉ miết, cuối cùng ông chấp nhận. Rồi quay sang vấn đề tang chế, ông nói:

- Sau khi tôi mất rồi không cần để tang, nghen chú Tám! Bởi vì nó không có ý nghĩa gì cả!

- Thật sự thì vấn đề này đối với tôi và anh là người trong nhà, biết nhau thì được rồi. Còn đối với người bên ngoài, người ta không hiểu, họ sẽ đặt nghi vấn rằng: “Không biết ông này đối với gia đình ra làm sao? Hay ngược lại, gia đình đối với ông này như thế nào? Mà tại sao ổng chết không có ai để tang ổng hết trơn hết trọi vậy?” Như thế là mình đã tạo cái duyên để cho họ có tư tưởng hiểu sai lầm. Mà như vậy thì không có tốt anh ơi!

- Nếu chú nói như vậy thì tôi nghe cũng được. Vậy thì để tang thì để, mỗi người một miếng khăn cho có hình thức thôi, nghen chú Tám!

- Ủ! Anh đề nghị như vậy cũng phải, tôi thống nhất tán đồng!

Thể lực của ông bắt đầu suy kém, thường xuất hiện những cơn mệt nhiều. Tuy nhiên khi qua cơn mệt, ông vẫn còn có thể chống gậy đi gần gần xung quanh nhà, ăn uống cũng khỏi phải cần thân nhân phụ giúp.

Ngày 26 tháng 6 (trước lúc mất 5 ngày), có mặt các con, ông hỏi bà rằng:

- Đến chừng tôi mất bà có khóc không?

- Nếu mà ông niệm Phật đàng hoàng thì tôi không khóc!

Nghe bà nói như thế ông xoay qua vấn đề chia tài sản:

- Sau khi ba mãn phần rồi, số ruộng đất để lại, con trai thì 10 công đất, còn con gái thì mỗi đứa 5 công. Phần còn dư lại là phần của bà đó nghen!

Cô Năm chen vào:

- Thưa ba! Từ hồi nào tới giờ ba lo cho vợ, lo cho con, giờ phút này ba lo cho ba nghen ba? Giờ phút này là giờ phút của ba, chứ không còn phải lo cho ai nữa hết, bây giờ ba rán ba lo niệm Phật!

- Ủ! Được rồi, ba sẽ niệm Phật đàng hoàng cho con toại nguyện!

Ngày 28 tháng 6, khi ông Chín Đàng đến thăm, ông hỏi thúc ông Chín:

- Cây cối tôi đã chuẩn bị sẵn hết rồi. Chú kêu mấy đứa đóng giùm tôi cái ghế thờ!

Kế đó ông lại quay sang nói với cô Ba:

- Bây giờ con đi chợ mua đồ liệm đầy đủ hết đi! Nữa khỏi lu bu.

Hôm sau khi đã đi chợ mua đồ liệm đầy đủ các thứ đem về trình cho ông xem. Xem xong, ông bảo:

- Ủ! Vây thôi con đem cất hết đi! Để không thôi, nữa có một mình con xoay trở không kịp. Cái gì tính trước được thì tính.

Ngày 30 ông ngưng ăn chỉ uống nước cúng Phật cho tới lúc mãn phân.

Chiều ngày mùng 1 ông Tư Trầm, đạp xe vào thăm ông, đồng thời tặng ông 100.000 để ông mua thuốc uống, lúc đó số tiền ấy có giá trị rất lớn. Ông không nhận, vừa cảm động vừa năn nỉ ông Tư nên mang số tiền ấy về để lo làm Phật sự vì ông chưa từng dùng thuốc bao giờ. Thấy ông không nhận ông Tư giận quá bỏ ra về, cô Ba cố hết sức mời ông ở lại nghỉ qua đêm vì trời đã tối, đường về lại còn rất xa, nhưng ông Tư vẫn nhất quyết ra Cái Dầu trú tạm nơi nhà một số bạn đồng tu chứ không chịu ở lại, dù cô Ba rất thiết tha nài nỉ.

Hay tin ông bệnh, chuẩn bị lo hậu sự trước như vậy nên bạn đồng tu các nơi đến thăm. Cô Ba ban ngày lo tiếp, tối đến phải thức để canh bệnh cho ông. Thấy con mình vất vả như thế, ông than thở:

- Tội nghiệp con tôi quá, thức với tôi hoài suốt sáng đêm!

- Con còn mạnh khỏe con thức không sao, thưa ba! Còn ba bệnh, ba thức mới mệt!

- Ba đâu có mệt đâu con! Hôm rày 2 ngày 2 đêm ba không có ngủ, ba lo ba niệm Phật. Bây giờ ba không niệm nó cũng tự niệm. Tối nay con lấy máy ‘áp chiến lược’ kê sát lỗ tai của ba xem coi có hãm được tiếng niệm Phật của ba hay không?

Tối đến cô mới đem chiếc radio lại vặn hết ga. Một lát sau ông cho con ông và mọi người biết:

- Nó không thể nào hãm được tiếng niệm Phật của tôi. Tiếng niệm Phật của tôi luôn um sùm vang dội trong lỗ tai

của tôi suốt đêm suốt ngày... Đường như tôi không niệm mà nó tự niệm, chú Tám ơi!

Con ông cùng những đồng tu có mặt đều giật mình!

Sáng ngày mùng 2, vào lúc 4 giờ, ông cho mọi người biết:

- Bây giờ nó chết từ bàn chân của ba nó chết lên!

Thấy bàn chân ông lạnh, cô Ba mới đề nghị:

- Thôi, bây giờ con lấy bông gòn thấm alcool đốt lửa hơ cho ấm, thưa ba?

- Cha bác sĩ cũng nữa, nghen con!

Thế là mọi người vây xung quanh lo nhất tâm nhất ý cùng niệm Phật với ông.

Đến 7 giờ liên hữu Nhưông ở Cái Dầu đạp xe vào tới, bởi chú là giáo viên cấp một, dạo trước có khoảng thời gian ở trọ nhà ông để dạy học, nên hồi tối ông Tư Trâm ghé ngủ đã tường thuật bệnh trạng của ông, do vậy mà chú cùng bạn mình là liên hữu Cấy vào thăm ông, lúc này ông cho biết nó lạnh lên tới nửa cẳng chân rồi.

Thấy khách đến ông bảo con:

- Dọn cơm cho mấy cháu dùng đi, kéo không thôi một chút nữa lu bu lắm con ơi!

Chư liên hữu dùng cơm xong, ông cho biết rằng mình đã chết tới đầu gối rồi! Đồng thời ông cũng nhờ đỡ ngồi dậy để kính lễ Tam Bảo và Tổ Thầy. Khi xá lễ xong, mọi người đỡ ông nằm xuống, rồi ông lại cho biết mình đã lạnh tới lưng quần.

Khi ông cho biết nó chết lên đến lưng quần, thì bà bỗng đứng tự động tuôn tràn hai dòng lệ, rồi tiếp theo đó là vài cô

con gái cũng rưng rưng nước mắt theo. Thấy thế ông khoát tay nói với bà rằng:

- Bà hứa với tôi ra sao mà bây giờ bà lại khóc? Thôi, bà hãy bước ra ngoài lau nước mắt đi, rồi hãy vô đây! Mấy đứa cũng vậy, đi lau nước mắt hết đi!

Cô Ba bèn nói với ông:

- Ba, rán niệm Phật ghen ba! Thầy nói: “Ao sen báu Tây Phương đua nở; Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.” Ba cố gắng bình tĩnh ghen ba, giờ phút này là giờ phút ăn thua, đó ba!

- Ba biết rồi!

Kể đó bà Tư em ruột của bà cũng khóc thút thít, ông quay sang nói:

- Dì Tư! Sao lại khóc? Lẽ ra anh khóc cho em mới phải,... Anh không khóc thì thôi! Tại sao em khóc cho anh... là khóc làm sao?

Xung quanh thân quyến và đồng tu cùng nhau niệm Phật đưa tiễn ông. Có đứa cháu ngoại mới 4 tuổi, từ phía ngoài vừa chen vào vừa la to:

- Cho tui niệm Phật với coi! Cho tui niệm Phật với coi! Cho tui niệm Phật với ông ngoại!

Nó chen vào đứng chấp tay niệm thật lớn, âm thanh vang rổn rảng. Bé niệm rất chí thành tha thiết, thấy dễ thương, ông đưa tay cầm cây quạt nhịp nhịp nhẹ nhẹ lên đầu của nó.

Đến khi ông bảo đã chết lên tới ngực trong khi nhìn hơi thở của ông vẫn thông thả, chậm chậm đều đặn bình thường. Mọi người ai ai cũng bồi hồi, xúc động mãnh liệt, miệng niệm Phật với lòng vô cùng thành khẩn trộn lẫn bao nỗi mừng lo, mà đôi mắt cứ dán vào ông. Được một lúc, cô Ba bèn yêu cầu mọi người:

- Ba tôi đã chết tới ngực rồi! Thôi, bây giờ mình niệm Tây Phương Tiếp dẫn đi!...

Cô chưa nói dứt, thì thấy ông mở mắt ra, bảo rằng:

- Khoan! Đợi một chút con ơi, đợi một chút!

Nghe ông nói thế mọi người vẫn niệm sáu chữ như cũ. Đến gần 12 giờ, đang niệm sáu chữ đột nhiên ông đổi sang niệm bốn chữ: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật,...được năm sáu câu gì đó, thì ông lại đổi sang niệm chỉ còn hai chữ: Đà Phật, Đà Phật, Đà Phật! Niệm đến câu thứ ba thì ông lặng lẽ đưa mắt đảo nhìn mọi người hiện diện đang đứng hộ niệm. Nhìn xong, ông nhẹ nhàng an tường trút hơi thở cuối cùng, đôi mắt từ từ khép lại, già biệt cõi bụi hồng đầy đầy khổ đau và toàn là mộng mị giả ảo, để sang bên kia thế giới an lành. Lúc ấy đúng 12 giờ trưa, ngày mùng 2 tháng 7 năm 1982. Ông thọ 60 tuổi.

* Ngay khi ông vừa dứt thở, bên kia sông có nhiều người trông thấy trên nóc nhà ông hực sáng, ai cũng ngỡ là nhà cháy. Đồng thời có đứa bé độ khoảng 12, 13 tuổi ở ngoài đồng chạy vào, nó vừa chạy vừa la lớn:

- Bà con ơi! Nhà ông Hai cháy hay gì mà trên trời có lần lửa xẹt xuống đủ màu hết trơn!

* Đến 5 giờ chiều thì thấy gương mặt ông tươi nhuận y như người đang nằm ngủ, các khớp xương mềm mại, toàn thân đều lạnh duy có đỉnh đầu còn ấm nóng.

*(Thuật theo lời Trần Thị Tòng,
con gái thứ Ba của ông)*

24. NGUYỄN VĂN THOẠI

(1926 - 1986) 60 tuổi

Ông Nguyễn Văn Thoại sinh năm 1926, cư ngụ ấp Thới Mỹ, phường Thới Long, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Song thân là cụ ông Nguyễn Văn Khá và cụ bà Phan Thị Hạp. Ông là anh Hai, có bảy người em.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Hai, sinh được 8 người con, 3 gái, 5 trai. Gia đình ông sanh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình ông rất hiền hậu, chân thật. Sự ăn mặc rất đơn giản bình dân.

Năm 1962 ông giác ngộ Phật Pháp nên đã phát tâm trường trai, cả gia đình bà cùng 8 người con cũng phát tâm ăn chay theo ông.

Cách thức tu hành hằng ngày, ông thường khuyên dạy các con phải rán tu cho tròn đạo làm người, làm lành lánh dữ rồi niệm Phật cầu sanh Tây Phương:

*“Ở trần xử trọn nghĩa nhân,
Quyết làm tôi Phật gởi thân Liên Đài.”*

Con ông hỏi:

- Vì sao mình phải ăn chay, thưa ba?
- Nếu muốn giải thoát thì mình phải ăn tương, lễ bái cầu nguyện, làm lành, niệm Phật!

Năm 1965 ông giữ chức vụ Phó Ban Tri Sự của xã nhà. Vì mong muốn Phật Pháp được phổ cập rộng khắp để cho nhân sanh gạt hái được lợi lạc chân thật, vui đi bao nỗi sầu niềm

đau của kiếp sống luân trầm nơi sông mê biển khổ, ông đã cùng với chư vị đồng tu trong Giáo Hội đứng ra tổ chức liên tục các buổi thuyết giảng lưu động tại địa phương, thường hay mời các đại đức tại gia cư sĩ như ông Hai Tho, Hai Tuyền, Minh Châu... đảm nhiệm. Thời điểm bấy giờ, tình hình sinh hoạt tại nông thôn, phần lớn bà con dân chúng ban ngày ai cũng bận rộn chuyện đồng áng ruộng vườn, nên các buổi diễn giải Phật lý đều được tiến hành vào ban đêm. Ông đích thân dùng máy tắc-ráng đưa đón các giảng viên đi lại những điểm thuyết trình, và lưu trú qua đêm tại tư gia của mình, ông phục vụ rất tận tình và tươm tất. Thỉnh thoảng ông cũng theo đoàn của ông Hai Tho đi thuyết giảng ở những nơi xa, thuộc phạm vi các tỉnh miền Tây.

Song song với việc hoằng pháp, ông thường xuyên đến các nhà hảo tâm vận động cây lá, cùng vật dụng cần thiết để cất nhà, chặn tế cho đồng bào vùng chiến nạn, nhiều nhất vẫn là khu vực Thối Lai và Đông Thuận.

Trong quá trình làm công tác Phật sự, đặc biệt ông có hai điểm nổi bật đó là không hề dính dấp vào danh lợi và chính trị, nên khi gần đến năm 1975 lúc phong trào Bảo An vừa thành lập thì ông lui về lo việc đồng áng ruộng vườn chuyên bề tu niệm hành trì. Đúng như lời khai thị của Cổ Đức:

*“Kẻ sanh ra dưới gấm Trời,
Cũng đồng số phận luân hồi như nhau.
Như là quyến thuộc khác nào,
Thương nhau thì được hại nhau sao đành.
Không ai được hưởng trường sanh,
Giúp nhau được sống yên lành tốt hơn.
Ban bằng chiến lũy ngã nhưn,
Cho người người được sống gần gũi nhau.
Người ta suốt kiếp khổ đau,
Đâu còn thiếu sót phải đào tạo thêm.*

Giúp nhau cho được sống êm,
Chớ làm nhau chịu sống thêm khổ nân.
Hòa nhau cát cũng hóa vàng,
Nghịch nhau vàng cũng nát tan thành bùn.
Hòa nhau cùng được thung dung,
Nghịch nhau cùng đến đường cùng mà thôi.
Làm lành cũng sống được rồi,
Đâu cần làm dữ mới nuôi được mình.
Sống cho đúng lẽ công bình,
Của người chớ có sanh tình lấy ngang.
...Mộng đời sớm muộn sẽ tan,
Giúp nhau chung sống bình an tháng ngày.
...Giúp người thì rất sẵn tay,
Hại người thì chối từ ngay không làm.
Đâu chờ những việc siêu phàm,
Người thường cũng có thể làm từ bi.
Để tâm chịu khó xét suy,
Đạo mầu có nghĩa huyền vi vô cùng.
Biết đem lý đạo mà dùng,
Bao nhiêu sâu khổ phá tung không còn.
Đạo mầu nếu giữ cho tròn,
Việc nhà việc nước đâu còn trái ngang.
Sự tu quý báu hơn vàng,
Cứu đời vượt khỏi muôn ngàn khổ lao.
Bạc vàng sẽ bị tiêu hao,
Tu hành được phước chẳng bao giờ mòn.
Đức tuy không thấy mà còn,
Tài tuy thấy đó mà mòn không hay.
Đức thì được hưởng lâu dài,
Tài thì chỉ được hưởng xài ngắn mau.
...Một ngày đạo hạnh không trau,
Là thêm nặng kiếp trần lao một đời.
Sự tu rất khó đành rồi,

*Khó tu, tu được mới ngồi tòa sen.
Đời quen đạo có thể quen,
Việc nào đã muốn cố rèn thì nên.
Tu hành cần phải chí bền,
Đừng vì vận bã mà quên đạo mầu.
Đạo mầu quên chẳng tốt đâu,
Chỉ làm thêm khổ thêm sâu mà thôi.
Cá khôn cá chẳng mê mồi,
Người khôn người chẳng mê đời phù dung.
Rán tu có Phật hộ tùng,
Liên hoa chín phẩm cuối cùng được lên.”*

Trong thời gian làm Phật sự lắm lúc đã đối diện với rất nhiều những chướng ngại cam go, biết bao gian nan thử thách, nhưng rồi ông vẫn nhẫn nại cố gắng hết sức để vượt qua không thoái chí nản lòng, nhờ vậy mà hạnh đức của ông ngày một thêm lớn, các đồng tu càng quý kính ông nhiều hơn.

Một điều hết sức lạ, là những lúc ngủ ông mơ, con cháu lắng nghe ông đọc toàn là sám văn thi kệ.

Sau những năm 75 ông hằng hái tham gia theo đoàn sư tu học thuốc Nam ở vùng Thất Sơn, thời gian mỗi chuyến đi một vài tuần lễ.

Bên cạnh đó ông còn dẫn đoàn đi viếng non, tham bái vùng Bảy Núi bằng phương tiện xe đạp, mỗi lần khoảng vài ba mươi vị. Đây là cơ hội phổ truyền Phật Pháp cũng nhằm tăng trưởng trí tuệ nhờ duyên giới thiệu giáo lý cho mọi người.

Đối với lý nhân quả tin tưởng một cách rất kiên định, mỗi khi bị bệnh ông chỉ: “Lo thuốc thang khẩn vái Phật Trời; Nguyên sửa lòng ắt Phật giúp đời; Ban phước rộng từ bi hỷ xả”, các con mua thuốc Tây mang về ông không chịu uống.

Đối với mật ong và sữa là những thứ mà ông tuyệt đối chẳng hề dùng đến, vì cho rằng nó làm tổn giảm tâm yêu thương của chính mình!

Ông hay nhắc con cháu và những người quen biết:

*“Chốn Ta-bà tìm lụn dầu mòn,
Thân tứ đại của người cũng thế.
Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ,
Đến tội rồi mới hối muộn màng.
Chi cho bằng ta sớm lo toan,
Gìn giới luật nghe Kinh trọng Phật.
Đến lâm chung quả lành đâu mất,
Cõi Tây Phương chư Phật đợi chờ.”*

Và:

*“Có thiện căn sớm lại cửa thiền,
Câu niệm Phật chờ ngày chung cuộc.”*

Ông thường nói với các con cũng như các bạn đạo tâm giao rằng:

- Sự tu của mình về pháp môn Tịnh Độ... thì sau này đến giờ phút lâm chung thì cũng phải để lại một hai cái triệu chứng gì đó cho mọi người thấy. Mặc dù mình không có nói ra để cho mọi người phát tâm... Nhưng mà trong khi mình lâm chung mình phải để lại những hiện tượng gì đó để cho người đời noi theo mình mà người ta tu!

Và: “Phải rán tu đặng mà chết, chớ đừng để chết đến mà chẳng có tu”

Công khóa thường nhật của ông mỗi ngày là 3 thời lễ niệm. Năm 1980 cha ông mất, khi ấy ông 54 tuổi, mọi chuyện gia đình do các con gánh vác nên ông tăng lên 4 thời. Đặc biệt là ông rất siêng năng chuyên cần hành đạo không bao giờ bê trễ bỏ thời công phu, mặc dù sức khỏe mỗi lúc một suy kém dần.

Ông cũng thường khuyên nhắc con ông:

-Mình niệm Phật thì cần nhất là phải trừ tam nghiệp. Nếu tam nghiệp mà không lo tiêu trừ thì cũng không được vắng sanh đâu!

Có lần, nhằm đợt thu hoạch vụ hè thu, thời điểm ấy các tuyến giao thông rất thưa thớt xe cộ, tháng năm mới có một chiếc chạy qua, tháng mười mới có một chiếc chạy lại, chứ không dập dìu đông nhiều, nghẹt đường bít lối như thời điểm hiện nay, cho nên bà con thường phơi lúa hai bên lề đường vào mùa gặt thật là vô cùng thuận tiện. Hôm ấy khoảng 9 giờ đêm trời tối đen như mực, ông đang nằm nghỉ trên máy nhai (loại bằng cây, không có bánh, công kênh và thô sơ, được đặt cố định, di dời phải tháo từng món), bỗng đâu hai chiếc xe, xe hàng và xe quân đội qua mặt nhau đã đâm thẳng vào nơi ông nằm, cái máy nhai lúa thì văng đi rất xa và lọt xuống sông chìm ngấm mất dạng (vì con sông kê sát mé lộ), lúa thóc bay tứ tung, xe hàng cũng đã đè chết 1 người, trong khi ấy ông rớt cách đó chỉ có 2 mét, còn trên bờ, xương đòn bị gãy.

Có lẽ nhờ công đức niệm Phật mà đã chuyển “trọng báo thành khinh báo”, tức là từ quả báo nặng thành ra quả báo nhẹ. Đáng lý ông phải văng rất xa và bị máy nhai đè chết, chứ không chỉ gãy xương đòn thôi đâu!

Trong lúc xôn xao bàn tán sự việc hy hữu lạ lùng này, có vị phát biểu rằng:

- Ông Hai nhờ Phật bằng quảng ngược trở lại bờ. Nếu không, làm sao được như vậy!!!

Một điều đáng để tâm ở đây là ông tin tưởng rất sâu vào lý nhân quả nên không hề buồn phiền, hay làm khó dễ gì với tài xế cả, mà ông còn giấu luôn địa chỉ cư trú của mình khi họ cố tình hỏi đến để sau này thuận dịp ghé thăm!

Năm 1981 trong chuyến đi sưu tầm thuốc ông gắng dùng hết sức để kéo giấy huyết rồng, vì vận động quá sức nên ra máu mũi và miệng.

Khi về nhà các con năn nỉ năm lần bảy lượt, mới được ông chấp thuận đưa đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ để khám và mang thuốc về. Cứ như thế lâu lâu bệnh tái phát một lần, tuy không dữ dội nhưng thể trạng suy kiệt hao mòn dần.

Ngày 24 tháng chạp năm 1984, vào lúc trời chạng vạng tối tình cờ cô con gái thứ Tư của ông từ thất vào trong nhà (vì cô này sống độc thân chuyên tu hạnh xuất gia), ông trông thấy bèn bảo:

- Nè con ngồi xuống, ba nói con nghe cái vụ này!

Khi cô Tư đã ngồi, ông nói tiếp:

- Con đừng có buồn, chuyện này ba không có hết bệnh, nếu ba có vắng sanh về với Phật thì nữa con bó ba thôi chớ đừng có hòm rương gì hết!

Khi nghe ông nói như thế cô rất xúc động, nghẹn ngào trả lời:

-Thưa ba! Sự việc này chắc con không thể nghe theo lời của ba được. Nếu ba có mất thì cũng hòm rương, xây kim tỉnh đàn hoàng, chớ không thể bó được... Nhưng mà thôi đi ba ơi, cái màn đó chưa có tới mình khoan hãy tính!

Vài hôm sau ông cũng nhắc lại chuyện lo hậu sự cho ông, ông nói:

- Nếu vậy thì xây kim tỉnh thì xây, nhưng mà khỏi phải hòm rương chi hết!

- Thưa ba! Cái việc này nó chưa có đến, thôi đi... mình khoan hãy tính!

Mỗi năm cứ mỗi độ xuân về là các bạn đồng tu đều đến thăm ông, chư vị mang theo rất nhiều thực phẩm, rồi tổ chức nấu nướng linh đình tại nhà ông nhân dịp tết Nguyên Đán, mà dường như năm nào cũng thế. Đây cũng là cơ hội để cùng hàn huyên tâm sự với nhau, cũng như đổi trao kinh nghiệm trong tu tập của bao tháng ngày xa cách. Xuân 1985 cũng không ngoại lệ, chiều ngày mùng 4 trong lúc đang chuyện trò với mọi người bỗng dưng ông đột ngột lên cơn lạnh run, chú Sáu tốc hành chạy đi mua thuốc Tàu cho ông. Sau khi uống vào một hồi khá lâu mà bệnh tình chẳng thấy có dấu hiệu nào khả quan, mọi người bèn đề nghị đưa ông vào bệnh viện.

Đến Bệnh Viện Đa Khoa Ô Môn lúc 3 giờ chiều, năm tiếng đồng hồ trôi qua các y bác sĩ đã tận nhân lực xử lý bằng mọi biện pháp, cuối cùng đã bó tay hết cách bèn đề nghị gia đình lo làm thủ tục chuyển tuyến, bởi vì “còn nước còn tát.” Người con rể thứ Hai thấy tình trạng rất nguy ngập vì ông đã chìm sâu vào cơn hôn mê đồng thời các khớp xương sống đã cứng, nên xin với bác sĩ được đem ông về đặt lo hậu sự chứ không muốn ông mất ở bệnh viện, chớ ông về tới nhà là 8 giờ tối. Mọi người thay phiên túc trực niệm Phật. Sáng hôm sau (tức ngày mùng 5) ông tỉnh táo bình thường trở lại, nhận biết được rõ ràng từng người.

Bước sang ngày mùng 6 và mùng 7, ông lại chìm vào trong cơn mê suốt 2 ngày đêm. Ông mơ, ông kể lại thuở xa xưa, cái thời còn chống xuống đi giăng câu thả lưới, nào là tình trạng tôm cá trong xuống, nào là tình trạng dầm mưa cóng lạnh... giống in như cuốn phim mà tàng thức a-lại-da chiếu lại.

Đến hơn 9 giờ sáng ngày mùng 8 ông bỗng tỉnh hẳn lại và đòi ăn cháo.

Liên hữu Đợi bèn hỏi ông:

- Bác dùng bao nhiêu cháo, thưa bác?

Ông trả lời mà âm thanh không nghe rõ.

Dùng xong một ly cháo rồi, một đồng tu hỏi:

- Bác dùng thêm nữa không, thưa bác?

Ông đáp:

- Thôi, không ăn nữa!

Cũng trong ngày này ông còn nói với bà:

- Bà ở lại rán lo tu và săn sóc mấy con!

Tối hôm đó, vào lúc khoảng 7 giờ tối cô Tư mới hỏi ông:

- Ba à! Khi lâm chung nếu hết duyên trần thì ba vãng sanh. Mà ba vãng sanh về Phật ba có biết được ngày giờ không?

Ông liền gạt đầu, đưa tay chỉ cái đồng hồ reo đang đặt trên bàn thờ.

Khi đem đồng hồ lại gần thì ông vặn cho kim chỉ vào số 9, rồi tiếp theo đó là số 1. Mọi người xung quanh đều ngơ ngác chẳng hiểu ông muốn nói gì.

Kế đó ông đột ngột xuất “mồ hôi hột”, lượng mồ hôi trên thân tuôn đổ đầm đìa và liên tục, thân quyến phải dùng rất nhiều chiếc khăn để lau nhưng đều ướt hết. Trông thấy hiện tượng “vong dương” rất nguy kịch này mọi người đều vô cùng lo lắng, ai ai cũng đinh ninh rằng sinh mệnh của ông đã ở giai đoạn chỉ mảnh treo chuông, sắp sửa phải đến lúc ra đi.

Cô Tư chợt nhớ lại: “Thuở xưa khi mới phát tâm tu cha đã nguyện trả hết nghiệp trong một kiếp này. Cha lại còn quá thương con, mong muốn cho các con cùng hướng về con đường giải thoát, nên ông lại phát thêm nguyện lãnh hết nghiệp cho các con để cho đường tu của con mình được thuận buồm xuôi gió. Nếu giờ phút này cha ra đi, mà nghiệp của cha như thế

này chắc khó được vãng sanh.” Cô liền gọi các chị em phát nguyện gánh nghiệp thế cho ông, nếu duyên trần còn thì ông sẽ hết bệnh; nếu duyên trần hết thì ông sẽ được vãng sanh. Thế là các vị đồng ra quỳ trước bàn Phật phát nguyện lãnh hết tất cả nghiệp của cha, cũng có một vài vị e sợ nên không dám. Liên hữu Tư Đạm cũng rất lo sợ, khi thấy các vị phát nguyện xong mới lên tiếng hỏi:

- Mấy đứa cứng nhảm chịu nổi không?

- Tội đâu thì tội! Chứ cha mình dám lãnh cho mình, thì tại sao mình lại không dám lãnh thế cho cha mình!

Chẳng mấy chốc ông không còn ra mồ hôi nữa, ông nhờ đỡ cho mình ngồi dậy. Đồng đạo Kính và đồng đạo Hai Đợi bèn đáp ứng lời yêu cầu của ông. Lúc này ông đang nằm trên bộ ngựa gỗ được đặt bên trái của gian nhà chính, đầu hướng về bàn thờ, chân quay ra cửa. Khi đỡ ông ngồi dậy xong, ông ngồi xếp bằng hướng về ngôi Cửu Huyền và Tam Bảo xá mỗi ngôi 3 xá, rồi nhờ đỡ mình nằm xuống, khi ấy khoảng 11 giờ rưỡi khuya.

Hơn nửa giờ sau, khi mọi người đang niệm Phật ông lồm cồm tự ngồi dậy, râu chúi dính trên tay, gương mặt ông hồng hào vui tươi, rồi cũng trong tư thế ngồi xếp bằng hướng mặt về ngôi Tam Bảo kính lễ. Kính lễ xong ông nằm xuống, nép môi niệm Phật theo mọi người.

Lúc ấy mặc dù trời đã giữa khuya mà số đồng đạo hộ niệm cho ông quá đông trong nhà chật cứng, còn một số phải đứng ngoài sân, do vì mến mộ hạnh đức của ông nên quyết lòng đưa tiễn ông ở phút giây lâm chung vãng sanh về xứ Phật.

Khi kim đồng hồ vừa chỉ đúng 1 giờ thì ông an tường trút hơi thở sau cùng trong âm thanh vang rền của câu Hồng Danh Vạn Đức. Hôm ấy nhằm ngày mùng 9 tháng giêng năm 1986. Thọ 60 tuổi.

Hộ niệm thêm bảy giờ nữa thì thấy gương mặt ông như người nằm ngủ, các khớp xương không mềm chi cho lắm, có thể co duỗi trong khi thay y phục để nhập kim tĩnh. Đặc biệt là toàn thân đều lạnh duy có đỉnh đầu ấm nóng rất rõ.

Quả thật ông đã thực hành được những lời mà ông đã từng nhắc nhở cho các con cháu:

- Sự tu của mình về pháp môn Tịnh Độ... thì sau này đến giờ phút lâm chung thì cũng phải để lại một hai cái hiện tượng gì đó cho mọi người thấy. Mặc dù mình không có nói ra để cho mọi người phát tâm... Nhưng mà trong khi mình lâm chung mình phải để lại những hiện tượng gì đó để cho người đời noi theo mình mà người ta tu!

Và đến giây phút này mọi người mới nhớ lại, đầu hôm khi cô Tư hỏi ông:

- Ba à! Khi lâm chung nếu hết duyên trần thì ba vãng sanh. Mà ba vãng sanh về Phật, ba có biết trước được ngày giờ không, thưa ba?

Ông liền gạt đầu, đưa tay chỉ cái đồng hồ reo đang đặt trên bàn thờ.

Khi đem đồng hồ lại, ông vặn cho kim chỉ vào số 9, rồi tiếp theo đó là số 1. Đến giờ phút này mọi người mới vỡ lẽ, thì ra: Đó là ông đã cho biết ngày giờ vãng sanh của ông.

*(Thuật theo lời Nguyễn Thị Dung,
Nguyễn Văn Nhựt, Nguyễn Văn Kiệt
các con thứ Tư, thứ Sáu và thứ Tám của ông)*

25. PHAN THỊ THANH THỦY

(1957 - 2016) 59 tuổi

Bà Phan Thị Thanh Thủy sinh năm 1957, nguyên quán Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Phan Ngọc Anh và cụ bà Võ Thị Phận. Bà là con thứ Năm trong gia đình có 5 anh em.

Năm lên 19 tuổi bà kết hôn với ông Nguyễn Tấn Thạnh, là giáo viên cấp 1 của trường tiểu học thị trấn Thốt Nốt, sinh được ba người con, nhưng hai đứa Út mất khi còn nhỏ. Gia đình bà định cư tại khu vực Trảng 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bà rất có hiếu với cha mẹ, cũng có tình nghĩa với anh em, tròn đạo nghĩa vợ chồng và trách nhiệm đối với con cái. Bà nghiêm nặng về tình cảm, sống chan hòa với mọi người. Đời sống mẫu mực, đức hạnh.

Vào khoảng sau năm 1980 bà công tác ngành thông tin văn hóa của huyện Thốt Nốt, nhưng chỉ được 2 năm, nhận thấy không thích hợp nên xin nghỉ việc. Từ đó về sau bà đảm trách lo liệu việc nội trợ trong gia đình, kinh tế chính duy nhất là dựa vào đồng lương khiêm nhường của chồng. Nhờ thừa hưởng di sản truyền thống quý báu tâm linh, nên cả hai ông bà đều sống đời sống tri túc, vì vậy mà sự sinh hoạt hằng ngày cũng tạm ổn áp yên bình.

Thuở ấu thơ bà đã biết đến Tam Bảo, biết đi chùa, sáng chiều lễ Phật, nhưng mãi đến năm 1996 bà mới giác ngộ sâu sắc về lý nhân quả nghiệp báo của lời Phật dạy nên phát tâm trường trai, chuyên chú tu hiền.

Công khóa thường nhật của bà là sớm tối hai thời sám

nguyện, sau lễ nguyện thì bà ngồi lần chuỗi niệm Phật vài mươi phút tùy theo sức khỏe của mình. Bà thường xuyên đến các đạo tràng tư gia của chư liên hữu quanh vùng, để tham dự niệm Phật định kỳ, và cũng đi hộ niệm cùng cầu nguyện cúng tuần thất, siêu độ cho những người trong hương thôn đã quá vãng.

Bà rất mạnh mẽ nhiệt tình trong công tác phúc lợi xã hội, nhín ăn bớt mặc để đóng góp tịnh tài vào “tổ cơm cháo từ thiện” của bệnh viện Thốt Nốt, hay những gia đình nghèo khổ đang lâm cảnh khốn cùng, bệnh hoạn... Nói chung việc làm nào thực sự lợi ích nhân sanh bà đều cố gắng nỗ lực thực hành.

Bà cũng hay xem nghe các băng đĩa Phật Pháp nhất là pháp môn Tịnh Độ, nhất là các đoạn khai thị có nội dung như:

*“...Bốn trọng ân cố gắng đáp đền,
Tám điều chánh răn hành cho đúng.
Gian khổ mấy cũng đừng nao núng,
Hãy lấy Bi, Trí, Dũng thắng qua.
Gặp chết đi tin có Di Đà.
Gặp khổ hạnh nhớ ra Phật Tổ.
Đường giải thoát, đường về Tịnh độ.
Thật tu thì sẽ có ngày thành.
Hãy nhứt tâm lo việc tu hành,
Răn cố gắng phát sanh thiện niệm.
Lúc nào cũng tự mình kiểm điểm,
Ác thì chữa, còn thiện thì theo.
Hành thiện đừng sợ cảnh nguy nghèo,
Muốn giải khổ phải gieo giống thiện
Có nhân thiện quả lành mới hiện,
Không từ tâm khó đến Tây Phương.
Đạo là lành, là cả tình thương,*

Đạo là giác, là đường giải thoát.
Nếu không lành, không thương, không giác.
Ấy là tu trái ngược Đạo mầu.
Chư Phật Thần chẳng độ cho đâu,
Tu như vậy bao lâu cũng uổng.
Lời Phật pháp biết tin biết chuộng,
Rán trau giới tư tưởng từ bi.
Từ bi luôn ngôn ngữ hành vi,
Cả đời sống đều qui về Phật.
Ví dù có thay trời đổi đất,
Lòng Từ Bi đạo đức không thay.
Nhà tu hành đắc Đạo xưa nay,
Là nhờ được bền dai tâm Đạo,
Muốn gặp Phật, muốn ngồi sen báu,
Phải Từ Bi phải Đạo nhứt tâm.
Sống giác tâm giữa cõi mê lầm,
Hành thiện sự lúc nhân loại khổ.
Vừa tự độ và vừa tha độ,
Khi thương ta liền nhớ thương người.
Ta được vui muốn kẻ được vui,
Ta tỏ ngộ giúp người tỏ ngộ.
Tu sống bằng đại từ đại độ.
Ấy là tu đúng lộ Từ Bi.
Người thật tu theo đó mà đi.
Chắc chắn tới Liên Trì Cực Lạc.
Thật an vui hoàn toàn giải thoát,
Hết khổ đau, hết kiếp luân hồi,
Đạo tâm nên gắn bó trau giới,
...Niềm giải thoát hằng luôn đặt trước.
...Hướng về Phật tu bồi Huệ Phước,
Dầu cảnh đời trái ngược đường bao.
Khổ mà tu được mới siêu cao,
Chớ thấy khổ ngán ngao Đạo lý,

*Cũng đừng vì tiền tài danh vị,
Mà lãng quên tâm chí tu hiền.
Vạn sự đời trong cảnh biến thiên,
Mê đời chỉ đảo điên sâu khổ,
Đời như mộng, như mây trước gió,
Hãy tỉnh đời chớ có mê đời.
Đời cuối cùng bỏ hết cả thôi,
Đạo mới được khỏi nơi sanh diệt.
Đời ngắn ngủi nên tu ráo riết,
Đời khổ đau nên biết thương nhau.....
Tu cầu của Phật đặt vào,
Gót sen thông thả xiết bao thanh nhàn.”*

Và thỉnh thoảng bà cũng thường theo đoàn hành hương chùa chiền nhiều nơi. Ngoài ra bà rất ưa thích phóng sanh.

Khi đã phát tâm tu thì tính tình bà dần dần trở nên thuần hậu ôn hòa, thiện lương, dễ dàng buông xả, đối với cảnh duyên trái ý chẳng mấy khi bà để cho dính động nơi tâm, bao nhiêu tính nóng nảy gắt gỏng chợt biến mất, dường như bà là một con người mới thì đúng hơn. Chẳng hạn như có ai nói những lời ác cảm, khó nghe, bà chẳng những không giận hờn, buồn tức mà còn bao dung thương xót họ, vì tin chắc rằng ở tương lai họ phải gặt hái hậu quả khổ đau, do chính họ đang gieo nhân bất thiện ngay trong hiện tại này, đồng thời bà đối xử với họ rất bình thường.

Bà rất tâm đắc hai câu: “*Ở Tây Phương chư Phật ngóng trông; Chờ bá tánh rủ nhau niệm Phật.*” Bà thường nói với cô em gái Út:

- Ở Tây Phương Đức Phật đang chờ đợi mình, mình phải rán cố gắng niệm Phật để mình về với Ngài!

Và:

- “Rán tu đặc đạo cứu Cữu huyền.” Mình rán tu để mình

được giải thoát, mà mình cũng cứu vớt ông bà cha mẹ của mình nữa, em ơi!

Bà thường đem Phật Pháp chỉ dạy cho con trai và con dâu, phân biệt tường tận việc tội phước... Sống ở đời phải biết nhường nhịn, phải chịu thua người một chút, lùi lại một bước sẽ được vui vẻ bình an; chứ đừng nên ngang bằng với người, cũng đừng nên hơn người! Nếu không, chắc chắn sẽ phải chuốc lấy rất nhiều rắc rối khó khăn...

Bà cũng thường khuyên những người thân, cũng như em gái của bà:

- Hãy buông bỏ hết đi, để cho tâm hồn mình được nhẹ nhàng! Cõi đời này là giả tạm, mạng sống lại vô thường ngắn ngủi, cái chết sẽ đến với chúng ta bất cứ giây phút nào, không một ai biết trước được ngày giờ mình ra đi, và cũng không một ai tránh khỏi! Rồi khi ra đi, mình cũng không đem theo được thứ gì cả... Bây giờ mình đã hiểu như vậy rồi thì hãy rán lo tu đi! Cuộc sống đã tạm ổn rồi thì thôi... Bây giờ mình rán lo tu em ơi! Vả lại mình tu thì bản thân mình được giải thoát, và ông bà cha mẹ của mình sẽ hưởng được công đức lành của mình, mà cũng được siêu sinh về cõi Tịnh. Chẳng những thế mà mình còn có năng lực độ tất cả chúng sanh khắp mười phương đồng sanh Tây Phương đồng thành Phật đạo!

Vào khoảng tháng 2 năm 2016, vùng bụng của bà đột nhiên đau dữ dội, cô con dâu bèn đưa bà vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Ở đây bác sĩ chẩn đoán là rối loạn đường tiêu hóa do thức ăn, chứ không có chi... Rồi cho 3 ngày thuốc mang về nhà. Nhưng ngày hôm sau, cơn đau bụng chẳng những không giảm lại còn bạo phát tàn khốc hơn. Vì vậy mà, khi trở lại bệnh viện bà đề nghị với bác sĩ siêu âm cho mình, nhưng bác sĩ vẫn bảo:

- Tôi đã nói bệnh này không có gì hết! Siêu âm làm cái gì?

Cô con dâu nài nỉ với bác sĩ:

- Mẹ tôi đau dữ lắm... Muốn siêu âm... Thì thôi Bác sĩ vui lòng, làm ơn siêu âm giùm!

Sau khi siêu âm xong mới phát hiện Apxe gan. Nằm viện qua một tuần, cũng không thuyên giảm, bác sĩ liền gọi thân nhân đến đề nghị làm hồ sơ chuyển tuyến. Khi vào bệnh viện Chợ Rẫy qua hai lần chụp Citi (CT), thấy gan có nhiều khối u nhỏ. Bác sĩ cho biết đây có thể là triệu chứng của một bệnh ung thư ở cơ quan khác di căn sang gan, đồng thời yêu cầu bệnh nhân phải nằm viện một thời gian để tìm cho được nguồn gốc của bệnh, sau đó mới tiến hành trị liệu. Nhưng bà quyết định đòi về, vì mỗi lần chụp Citi (CT) là mỗi lần vật vã oằn oại do sức khỏe quá suy kiệt, nên bà nói cùng cô em gái rằng:

- Thôi để về nhà yên tĩnh mình lo niệm Phật! Giả như số mạng còn thì nhờ công đức niệm Phật sẽ tiêu nghiệp hết bệnh; còn như mạng số đã hết rồi thì mình sẽ vãng sanh về Phật. Chứ còn ở đây theo dõi, nếu có tìm ra căn gốc của bệnh thì chị cũng không đủ sức để điều trị được. Vả lại người ta đông đảo ồn ào quá chị không niệm Phật được!

Ông chồng khi hay hung tin này, bèn hỏi bà:

- Bệnh của bà như vậy đó, bà có sợ chết không?

Bà bình thản trả lời:

- Không, tui không có sợ!

Trong khi đó đột nhiên ông xúc động, bất giác hai hàng nước mắt tuôn trào xối xả. Thấy thế bà mới khuyên:

- Thôi, ông đừng nên khóc. Khóc như vậy người ta nhìn thấy... kỳ dữ lắm! Thôi bây giờ rán niệm Phật... Rán niệm Phật rồi chở tui về... Về nhà uống thuốc rồi mình niệm Phật

luôn... dễ hơn. Chứ để tui nằm ở đây ồn ào lắm tui chịu không có nổi!

Gia đình y theo mong muốn của bà bèn xin làm thủ tục xuất viện. Về đến nhà thân quyến vẫn tiếp tục duy trì phác đồ điều trị tạm thời mà các bác sĩ bệnh viện đã sử dụng khi còn nằm viện.

Mặt khác bà con thân tộc ghé thăm, cũng đã giới thiệu đủ các loại Nam, Bắc... nên cũng phối hợp kèm dùng thêm. Nhưng rồi cơn đau mỗi ngày một tăng dần.

Lúc này bà vẫn đi tới lui được, ngoài những lúc cơn đau hoành hành dữ dội ra, bà thỉnh thoảng cũng có đi đến các đạo tràng tham dự niệm Phật cùng với đại chúng. Trải qua ba, bốn tháng nữa mới hoàn toàn ngưng lại. Đặc biệt là mặc dù sức khỏe suy sụp trầm trọng, nhưng thời khóa lễ niệm bà tăng lên 3 lần. Đến tháng cuối đứng lên quỳ xuống phải nhờ cô em Út đỡ phụ. Chồng khuyên bà nên tạm ngưng hình thức để dưỡng sức, bà vẫn nhất quyết không nghe theo.

Ban đầu còn tiêm thuốc giảm đau, bà nhận thấy có tác dụng phụ là làm hôn mê, nên vài ngày sau bà nói với cô Út:

- Thôi đi em ơi! Đừng có chích thuốc giảm đau cho chị nữa! Bởi vì chích nó vô chị buồn ngủ quá, chị không có niệm Phật được. Thôi, hãy để tự nhiên như vậy đi!

Lạ một điều là khi đến gần cuối tháng 7 (trước lúc mất 10 ngày), thì cơn đau biến mất, bà không còn nghe đau nhức gì nữa hết.

Khi lưỡi đã gần thụt vô, âm thanh phát ra có phần khó nghe, mà bà còn luôn khấn cầu:

- Nam Mô A Di Đà Phật! Xin Ngài cứu cha mẹ con về cõi an lành! Xin Ngài cứu con về cõi an lành! Phật ơi!

Đến sáng ngày mừng 4 bà nói với mọi người trong nhà:

- Thôi, bây giờ đi tiêu cho sạch sẽ, đặng vắng sanh!

Vì hơn một tuần lễ trôi qua bà chưa từng đi cầu. Thế là ngày hôm đó bà xổ ra rất nhiều lần và liên tục trong 2 ngày.

Trước khi mất vài ngày, khi có mặt đầy đủ mọi người trong nhà, bà bèn dặn dò hậu sự. Khi nghe bà trần trối dặn dò hậu sự, thì chú con trai gục đầu vào mình bà bật khóc nức nở. Chú nói:

- Mẹ đừng nói như vậy! Mẹ ở lại đây, con không muốn xa mẹ, con không muốn mẹ đi!

Bà bình thản, nghiêm nghị bảo:

- Con không được làm như vậy! Con làm như vậy là con làm khổ mẹ đó, con biết không? Con làm như vậy... khi mẹ ra đi,... mẹ sẽ sinh tâm luyến tiếc... vì thương yêu, luyến ái con cái mà mẹ không được vắng sanh, mẹ không theo Phật được, phải luân hồi sanh tử mãi mãi! Như vậy mẹ rất là đau khổ; nếu thật sự con thương mẹ... thì con không được làm cho mẹ đau khổ. Con không được khóc lóc như vậy!

Có một số nữ trang bà nhờ cô em gái Út làm từ thiện hết giùm cho bà, và những y phục bộ nào cũ thì đem theo cho bà, còn bộ nào mới thì cho người nghèo.

Ông hỏi bà sau khi mãn phần thì an táng hay thiêu hóa, bà căn dặn rằng nên đi thiêu. Con trai của bà thì muốn chôn cất, hòm rương xứng đáng, mả mồ xây cất coi cho được, mới trọn bốn phận làm con. Bà nói:

- Con đừng nên làm như vậy, rất là tốn kém, mà cũng vô ích. Bởi vì xác thân tứ đại con người khi chết rồi thì trả về tứ đại, đều thành cát bụi!... Con làm như vậy không có ý nghĩa gì cả!

Bình thường bà rất là “bánh ướt”, nhưng lúc này chẳng

những đối với người thân trong gia đình, mà ngay cả họ hàng hay bè bạn quen biết đến thăm cảm động khóc lóc, bà bỗng nhiên trở nên rất cứng rắn, bình tĩnh một cách lạ thường, lại còn an ủi khuyên lớn họ. Điều này làm cho cô Út cảm thấy kinh ngạc, ngỡ ngàng!

Khi thấy sức lực của bà thực sự cạn kiệt cô Út bèn đề nghị hộ niệm với bà, thì bà hoan hỷ chấp thuận. Chương trình hộ niệm được tiến hành, lúc này lưỡi của bà hơi thụt vào nên âm thanh phát ra không còn bình thường, bà niệm theo đại chúng chỉ còn nghe được có tiếng Phật kéo dài phía sau mà thôi. Hộ niệm thay ca nhau liên tục suốt hai ngày đêm rồi bà mới ra đi. Trước đó 10 phút chú con trai đem sữa đến, bà không chịu uống, nhưng thấy chú nài nỉ quá bà mới chịu cầm ống hút, uống một ít. Uống xong, vẫn ở tư thế nằm nghiêng bên trái, hai tay xuôi theo thân rồi an tường nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh vang rền Phật hiệu của đại chúng. Lúc ấy đúng 2 giờ 45 phút sáng ngày mùng 7 tháng 8 năm 2016. Bà hưởng dương 59 tuổi.

Trước khi mất, mặt và tay chân đều sưng rất to, gương mặt bị biến dạng do bà nằm nghiêng bên trái nhiều ngày. Sau khi hộ niệm hơn 8 tiếng đồng hồ, lúc thay y phục để chuẩn bị nhập mạch, thì phát hiện gương mặt bà bình thường trở lại, không có chút xú gì là sưng cả! Tay chân thì còn sưng một ít. Gương mặt đẹp hơn lúc còn sanh tiền, và giống như người đang nằm ngủ, các khớp xương đều mềm mại, toàn thân lạnh, duy có đánh đầu còn rất ấm!

* Khi chuyển nhục thân của bà đến lò thiêu xong, nhân viên nhà quan mới hỏi ý kiến của ông, là khi thiêu xong sẽ nghiền nhuyễn luôn, thì ông cũng đồng ý. Lúc về đến nhà, có một số đồng tu mới phản đối:

- Không! Anh đừng làm như vậy, mình cứ để nguyên...
đặng sáng ngày mai mình lên, kiểm xem có cái gì lạ
hay không!

Vì thế ông đã điện thoại với lò thiêu rằng khoan hãy
nghiên, chờ gia đình lên rồi sẽ tính.

Sáng hôm sau, kết quả là nhặt được 4 viên xá lợi. Một
đồng tu đã từng thu nhặt hài cốt cho biết, là thông
thường phải đeo khẩu trang vì mùi rất tanh, trong
khi phần tro xương của bà không có mùi gì hết, xương
trắng tinh như màu nước sơn và rất sạch!

*Qua ngày mùng 8, người ta phát hiện các loại cây xung
quanh nhà bà như mai tứ quý, mai chiếu thủy, hải
đường... đều trổ hoa, kéo dài suốt nửa tháng. Đặc biệt
là cây mai tứ quý thường nhặt chỉ ra lứa thưa vài ba
nụ, vậy mà lần này nó nở chùm chùm rộ hết toàn cây,
khi rụng rồi lại đâm bông mới.

*(Thuật theo lời Nguyễn Tấn Thạnh
và Phan Thanh Xuân-
chồng cùng cô em gái Út của bà)*

26. NGUYỄN THỊ HOA

(1943 - 2017) 74 tuổi

Bà Nguyễn Thị Hoa sinh năm 1943. Song thân là cụ ông Nguyễn Hữu Tông và cụ bà Nguyễn Thị Như. Bà có tất cả 6 người anh em, bà là chị Ba trong gia đình.

Năm 18 tuổi bà kết hôn với ông Hồ Văn Phú, sinh được 5 người con, 1 trai, 4 gái. Cư ngụ tại số 357, hẻm 9, Trần Hưng Đạo, khóm Đông An, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông làm nghề thợ tiện, còn bà thì buôn bán chiếu tại chợ Mỹ Long.

Tính tình của bà chân thật, vui vẻ, thích ồn ào, nghĩ sao nói vậy.

Đối với mọi người trong nhà bà rất dễ dãi, khoan dung. Cách cư xử của bà đối với láng giềng rất hài hòa, và thường chia sẻ thức ăn cho người. Vì bà buôn bán chiếu nên bà phát tâm hiến tặng chiếu cho Tổ Hòm Từ Thiện của chú Ba Đô, mỗi khi có người nghèo xin hòm thì bà tặng một đôi chiếu để giúp họ tản liệm.

Năm 1976, nhân dịp theo đoàn viếng non Thiên Cẩm Sơn được nghe Phật Pháp nên bà phát tâm ăn chay, niệm Phật làm lành. Bởi vì phần nhiều các buổi thuyết giảng Phật Pháp ấy đều nhắc nhở, lặp lại lời răn khuyên, chỉ dạy của chư Cổ Đức về Đạo Làm Người, về lý nhân quả, lý vô thường và nuôi dưỡng tấm lòng khao khát giải thoát sanh tử luân hồi bằng câu Hồng Danh Vạn Đức:

*“...Đa số người vì riêng vinh hạnh,
Mà để cho nguội lạnh từ tâm.
Đối trong thân thì mất tình thâm,*

Đối ngoài ngõ thì quên nhân đạo.
Xã hội sống đầy đầy bất hảo,
Ít có ai ngay thảo hiền hòa.
Lấy Đạo tâm để ngó người ta,
Thấy đau khổ hơn là sung sướng.
Người phần đông nặng mang nghiệp chướng
Họa chịu nhiều phước hưởng ít ai.
Lo thân nay, không nghĩ hồn mai,
Vì thế khiến kéo dài khổ kiếp.
Được làm người ấy là được dịp,
Để người tu thành Phật thành Tiên.
Nếu người không chịu khó tu hiền,
Rất uổng kiếp sanh trên trần thế.
Chớ sống hần theo đời thực tế,
Vì nó không có thể trường tồn.
Hãy sống cho có Đạo tâm hồn,
Để khỏi kiếp trầm luân khổ hải.
Hữu hình tất nhiên là hữu hoại,
Sanh ra thì tất phải chết đi.
Đời quan dân bản phú chi chi,
Không tránh khỏi thời kỳ chôn xác.
Nghĩa là ai cuối cùng cũng thác,
Thân rã thành bùn đất như nhau.
Mọi sự đời luống uổng công lao,
Khi chết chẳng món nào đem được.
Chính vì vậy phải cân tính trước,
Bằng cách là Huệ, Phước rán lo.
Vừa trau tâm chỉ hết mê mờ,
Vừa lập hạnh đức cho rộng lớn.
Kiếp ngũ trước sống đừng như bợn,
Đòi quỷ ma tâm răn Phật Tiên.
Biết thương người biết ở lương hiền.
Biết tự hối biết kiêng tội ác,

Được như vậy được siêu khi thác,
 Và được nhiều phước lạc bình sanh.
 Làm lành thì nhứt định gặp lành,
 Cổ kim đã chứng minh chắc vậy.
 Người đời hãy tin như thế ấy,
 Rán sống cho có cái Đạo tâm.
 Để chính mình khỏi sự lỗi lầm,
 Để xã hội bớt mầm tệ hại.
 Nhân loại khác hơn cầm thú loại,
 Là biết suy phải quấy chánh tà.
 Biết Đạo Nhân, Đạo Phật, Đạo Gia.
 Người khác thú cầm là chỗ đó.
 Cái biết ấy nếu người không có,
 Thì người đâu hơn thú phải chăng?
 Chỉ sống theo vật chất ngày hằng,
 Không nghĩ đến linh hồn siêu đọa.
 Sống như vậy là chiêu khổ họa,
 Khổ mình còn khổ đến người ta.
 Chẳng những mang tiếng sống gian tà,
 Mà còn bị đọa sa Địa Ngục,
 Hãy sống biết gạn trong lòng đục.
 Tuy sanh cư giữa tục mà Tiên.
 Sống động nhưng biết tịnh biết thiên,
 Khổ hải biết tìm lên Cực Lạc.
 Sống như vậy tất không sợ thác,
 Biết thác rồi có Phật rước đi,
 Cùng Phật an trụ chốn Liên trì.
 Sanh tử dứt mê si cũng dứt.
 Rán tu rán sống theo Đạo đức,
 Được người hòa, được Phật chiếu minh.
 Đời nay nhanh quả báo hãy tin,
 Khó lường được tử sanh họa phước.
 Tránh họa sau phải lo phước trước,

Tránh luân hồi phải biết giải oan.
Oan nghiệp còn sanh tử còn mang,
Phước đức chẳng thì còn tai họa.
Dù quyền cao dù cho sang cả,
Dù trí ngu dù kẻ nghèo giàu;
Đều phải theo nhân quả như nhau,
Trông chi tức là sau hưởng nấy,
Bóng Thần Phật tuy không ngó thấy,
Đừng tưởng không có ấy là lầm.
Mỗi điều gì người biết trong tâm.
Tất nhiên cả Phật Thần đều biết.
Người với Phật Thần không cách biệt,
Hãy tin rằng Thần Phật biết mình.
Dù trong đời vật chất văn minh,
Rán sống có tâm tình như Phật.
Nghĩa là sống Từ Bi Đạo đức,
Thương giúp người không ghét hại ai.
Muốn người hòa người sống thanh thoi,
Và muốn cả nhân loài hạnh phúc.
Hạnh phúc được ngay đời ngũ trước,
Và được sanh về Phật tương lai.
Bất luận người già trẻ gái trai,
Đều được khỏi đọa ngày mai hậu.
Tâm nguyện lành người nên kết cấu,
Tất thành hình không ảo mộng đâu.
Hãy thực hành và hãy nhiệt cầu,
Tâm cầu mạnh quả thâu mau chóng,
Xin chớ bỏ ngư lòng trông ngóng,
Cần phải ôm hy vọng nơi tâm.
Hãy nhớ câu diệu pháp thậm thâm,
Cố thắng lúc thối tâm Đạo đức.
...Cố dũa mài cho tiêu nghiệp lực,
Cố làm cho tỉnh thức cơn mê.

*Tây Phương thẳng bước trở về,
Không còn khổ nạn thảm thê luân hồi!”*

Bà cúng lạy, tụng kinh Pháp Hoa và niệm Phật được khoảng 10 năm thì nhân duyên (ông bà sui đi ra Tịnh Thất Quan Âm về kể lại cho bà nghe, bà hoan hỷ đi theo dự khóa vía đức Quan Âm ở Đại Tòng Lâm và cộng tu 1 tuần tại tịnh thất Quan Âm) có gặp được Thầy Giác Nhân, từ đó bà tinh chuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Bà thường đến các chùa Qui Nguyên, chùa Phước Linh, tịnh xá Bát Nhã, tịnh xá Ngọc Yến để cộng tu một ngày và thọ Bát Quan Trai. Mặc dù tuổi của bà thuộc vào hàng “cổ lai hy” - hơn bảy mươi - vậy mà bà thích nhất tham dự lễ Ngũ Bách Danh định kỳ, ở chùa Phước Ân vào ngày chủ nhật hàng tuần, các con bà thường xầm xì với nhau:

- Coi vậy mà sức khỏe của má... hơn hẳn mình! Má đã lớn tuổi như vậy mà lạy 500 lạy, đứng lên cúi xuống... mình không lạy theo nổi!

Bà xuống tóc thọ 5 giới của người cư sĩ ở chùa Phật Thiên của Thầy Điền (trước khi gặp Thầy Giác Nhân), bà có khu vườn sau lưng chùa Kỳ Viên, tại Bình Hòa, chùa này ông nội của bà lập nên. Bà ở đó với cô cháu ngoại là giáo viên. Hằng ngày bà chăm sóc vài loại cây ăn trái, khi bán gom góp lấy tiền bà đều làm từ thiện, nhưng ưa thích nhất vẫn là phóng sanh và cúng dường tượng Phật A Di Đà, bà nhờ người thân quen đặt ở Bình Dương vài mươi tượng Phật, rồi đem về nhà, khi ai có nhu cầu thì đến thỉnh về để tôn trí.

Thời khóa của bà là ba thời, cứ 6 giờ sáng bà sám nguyện và lạy Phật hơn 50 lạy, lạy đứng. Tiếp theo đó là bà tụng một phần ba quyển kinh Vô Lượng Thọ. Buổi trưa và chiều cũng vậy, một ngày chia ra tụng hết một quyển. Khi rảnh thì bà

nằm lần chuỗi niệm Phật, lúc nào râu chuỗi cũng trên tay. Chỉ khi đi làm ngoài vườn thì niệm Phật trong tâm.

Chiều thứ bảy thì bà về nhà ở Long Xuyên, để sáng chủ nhật con cháu đưa đi chùa cộng tu và nghe Pháp.

Bà thường nghe đĩa của Hòa Thượng Tịnh Không về các đề tài như: giải nghiệp, tiêu trừ tam độc, phương pháp tu niệm Phật, niệm Phật vắng sanh,...

Bà thường khuyên con cháu cúng lạy, niệm Phật, làm phước và hướng dẫn Phật Pháp cho con cháu.

Thỉnh thoảng bà có đi hộ niệm cho bà con dòng họ.

Cô Diệu Hậu ở Mỹ Phước (khách hàng may đồ của con gái bà) là bạn đạo chí thiết thâm giao của bà, hai bà thường trao đổi về pháp môn Tịnh Độ và hứa hẹn chí quyết cầu vắng sanh Cực Lạc.

Khoảng 15 - 16 năm trước bà bị men gan cao, đi khám ở bệnh viện Hòa Hảo và lấy thuốc uống 2 - 3 năm thì bà thấy trong người khỏe, ăn uống thoải mái nên không đi khám nữa. Mỗi khi bị bệnh, kể cả mắt bị mờ bà cũng không chịu đi khám hay điều trị, chỉ tin tưởng và niệm Phật A Di Đà cầu Phật cứu.

Phát bệnh đến mắt là khoảng hai tháng. Vào lúc hai tháng cuối (mùng 10 tháng 3) bà mệt mỏi, sưng mình, gia đình đưa bà đi khám tại phòng khám của bác sĩ Quý ở Xẻo Chơ thì biết bà bị xơ gan. Một tuần sau, vào ngày 28, gia đình đưa bà đi khám tại phòng khám của bác sĩ Trung chuyên khoa gan ở Sài Gòn thì bác sĩ cho biết bệnh chuyển sang ung thư gan thời kỳ cuối, cho thuốc uống 1 tuần. Tuy là con cháu giấu không cho bà biết bệnh nhưng linh tính bà biết bệnh của mình không thể hết được. Con cháu thấy bà yếu nên chở bà về nhà khuyên bà vừa uống thuốc vừa lo niệm Phật, bà nói:

- Má niệm Phật còn duyên thì Phật cứu, hết duyên thì má theo Phật A Di Đà! Không có mất phần vãng sanh!

Về nhà, dù tay chân yếu nhưng bà vẫn thường đòi con cháu mở máy niệm Phật xuyên suốt rồi bà nhờ người nhà dìu đỡ tới lui đi kinh hành vòng nhà. Bà vẫn hay ngồi niệm Phật, khi mệt thì nằm niệm. Lúc khỏe thì bà niệm Phật nhép môi và lần chuỗi theo, khi mệt thì niệm Phật trong tâm. Ngày mùng 9 tháng 5, con rể của bà có hỏi bà:

- Hôm nay má nằm cũng hai tháng rồi, má tu và niệm Phật cũng lâu năm quá vậy má có biết trước ngày giờ vãng sanh không? Nói cho tụi con chuẩn bị!

Bà trả lời:

- Chắc ngày 20 vãng sanh quá con ơi!

Người con rể hỏi tiếp:

- Biết ngày 20 vậy má có biết giờ vãng sanh không?

Bà trả lời:

- Giờ thì chưa biết, chỉ biết ngày chứ chưa biết giờ!

Ngày 14, bà đang ngủ trưa thì nằm chiêm bao thấy có một ông tướng hảo như Phật nhưng không phải là Phật A Di Đà nói với bà:

- Bà phát nguyện về với A Di Đà phải không? Bà đi theo tui đi!

Bà trả lời:

- Tôi phát nguyện về với A Di Đà nhưng tôi không đi theo ông! (con của bà thường căn dặn với bà: “Chừng nào Phật A Di Đà đến rước thì má mới đi, ai có đến rước cũng không được đi theo nghe má!”)

Đến ngày 15, người con rể nói với bà:

- Má ơi má! Bệnh của má hôm nay giờ cũng nặng rồi! Má phát nguyện vãng sanh đi! Nếu Phật A Di Đà đến rước thì má đi đi cho khỏe cái thân, còn nếu không thì sống khỏe mạnh lại rồi tiếp tục tu nữa chớ nằm như gì khổ cái thân quá rồi!

Bà cười và gật gật đầu không trả lời.

Qua ngày 16, khoảng 9-10 giờ sáng bà nằm nhắm mắt, tay chân bất động luôn nhưng khi con bà nhắc bà niệm Phật thì bà gật đầu nhẹ, dứt nước và sữa bà còn uống được. Gia đình liền mời Ban Hộ Niệm của chú Thiện Phước ở núi Sập đến cùng con cháu thay phiên hộ niệm cho bà liên tục.

Trưa khoảng 12 giờ 45 ngày 19, chú Phước và người con rể có tâm sự với nhau. Chú Phước nói:

- Nếu bà mất ngày 20, thì sư Minh Nhân không đến niệm Phật và khai thị được, vì sư bận tổ chức thọ Bát Quan Trai; mà ngày 20 tôi cũng bận dẫn chúng tu ở đạo tràng chùa Tân Phước - Lấp Vò, nếu tôi ở đây với bà cụ thì ở bên bên không ai lo, còn tôi về bên bỏ bà cụ ở đây thì cũng không đành!

Người con rể mới nói:

- Thôi giờ mình chuẩn bị đâu đó cũng xong xuôi hết rồi. Không chừng... Phật sẽ sắp lịch dời bà cụ lại... bà cụ đi bữa nay... nữa... cũng... không chừng!

Nói xong hai người về chỗ nghỉ trưa, nhưng chỉ nằm một chút chú Phước thấy tâm trạng bất an, chú liền quay lại chỗ của bà thì nghe người trợ niệm niệm Phật rất nhanh và dồn dập (lúc này khoảng hơn 2 giờ chiều). Chú Phước và mọi người liền xúm lại niệm Phật cho bà.

Một lát sau (khoảng 2 giờ 15 phút người con gái bắt mạch cho bà thấy còn mạnh lắm), đang hộ niệm chú Phước dừng

lại khai thị cho bà, tự dung bà mở mắt ra, nhìn ánh mắt của bà rất tỏ và rất đẹp không giống người đang bị bệnh, bà đưa mắt nhìn bên đây, rồi nhìn bên kia nơi có đặt 5-6 tượng Phật. Khi chú Phước khai thị xong, bà lần lượt nâng nhẹ chân trái và chân phải bước lên, y như là bà bước lên hoa sen. Kế đó tay trái và tay phải đưa ra, lúc lắc 3 cái, y như vẫy tay chào tiễn biệt mọi người. Bối khi bình thời, lúc chăm sóc bà, cô con gái thường hay nói với bà: “Chùng nào Phật A Di Đà đến rước má đi, thì má nhớ vẫy tay cho tụi con biết nghe má!” Cuối cùng bà mỉm miệng cười rồi an lành ra đi, lúc ấy đúng 2 giờ rưỡi chiều, ngày 19 tháng 5 năm 2017. Bà hưởng thọ 74 tuổi.

Để bà trong tư thế đó, hộ niệm thêm đến 10 tiếng đồng hồ nữa, thì chú Phước thăm thân, thấy các khớp xương tay chân mềm dịu, ấm từ trán lên đỉnh đầu, các điểm khác đều lạnh.

Niệm đến 7 giờ sáng thì liệm, sau đó đưa đi hỏa táng tại lò thiêu Phú Hòa. Khi di quan ra tới hẻm 9, sư và mọi người đều thấy hào quang từ mặt trời (như màu 7 sắc cầu vồng) chiếu thẳng vô hẻm và chiếu ngay vào xe chở quan tài, cô liên hữu Nương nhìn thấy cách quan tài 1 mét có vầng hào quang, đôi lúc kéo dài như hình chiếc lá Bồ đề, chạy qua chạy lại. Khi cô nói lớn và chỉ cho mọi người, thì sư Minh Nhân ngăn lại:

- Thôi lo niệm Phật đi, đừng có la! (bởi vì trong khi sư lui cui lo nhập liệm cho bà, thì sư đã phát hiện trước tiên, nhưng sư vẫn lặng yên không nói cho ai biết hết).

Tro cốt làm theo lời dặn của bà là đem rải xuống sông.

*Cô cháu ngoại sống chung với bà (con của người con gái thứ Hai) nằm mộng thấy bà về mặc nguyên bộ đồ lam

cùng với bốn người mặc đồ vàng cầm 1 cái lọng rất lớn, cảnh xung quanh toàn là màu vàng, bà vuốt đầu cô và nói:

- Ngoại về Tây Phương rồi, bông sen của ngoại là một ức cánh.

Cô liền hỏi:

- Thượng phẩm thượng sanh thì bao nhiêu ức vậy, thưa ngoại?

Bà đáp:

- Thượng phẩm thượng sanh, thì mấy ngàn muôn ức lặn, con ơi!

Nói xong bốn người cầm lọng đưa bà đi mất.

*(Thuật theo lời: Hồ Thị Loan, Phạm Anh Tuấn -
con gái và rể thứ Ba của bà)*

27. TRẦN VĂN HỰU

(1923 - 2016) 93 tuổi

Ông Trần Văn Hựu sinh năm 1923, nguyên quán Tân Hòa, Vĩnh Long.

Song thân là cụ ông Trần Văn Lộc và cụ bà Nguyễn Thị Huyện. Ông là người thứ Ba trong gia đình có sáu anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Gấm, sinh được 9 người con, 6 trai 3 gái, định cư tại ấp Tân Phú, xã Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Gia đình ông sinh sống bằng nghề làm rẫy, làm vườn và mua bán trái cây.

Tính tình ông rất hiếu thuận, chân thật, hiền từ. Có trách nhiệm đối với gia đình, hòa đồng với mọi người xung quanh. Quanh năm suốt tháng lo chăm sóc gia đình, ngoài ra không có thị hiếu chi!

Vào khoảng cuối tháng 8 năm 2008, bấy giờ ông đã 85 tuổi, một hôm nọ lúc 8 - 9 giờ tối, vùng bụng của ông đột nhiên đau dữ dội, đến 12 giờ khuya đau quá ông mới cho các con hay, gia đình bèn cấp tốc đưa ông đến Bệnh Viện Đa Khoa Vĩnh Long. Sau khi khám nghiệm xong, bác sĩ phát hiện dạ dày bị thủng, vì thế phải tiến hành phẫu thuật.

Hơn một tuần sau xuất viện, ông mới bắt đầu biết thắp nhang lễ Phật và nghe pháp mà các con ông mang về.

Ba năm sau (2011) mắt ông bị cườm, ông cứ ngỡ rằng đi mổ rồi về mắt sẽ sáng ra, nhưng không ngờ khi mổ xong ông chẳng thấy gì nữa, cứ nằm hoài một chỗ. Cô con gái thứ Sáu đã xuất gia, hôm nọ về thăm ông và khuyên:

- Ba ráng cố gắng niệm Phật thật nhiều đi... cho tiêu nghiệp; nếu thọ mạng còn mình hết bệnh, mắt sáng trở lại; còn như thọ mạng hết mình sẽ vãng sanh về Cực Lạc... Diệu Mẫn (cháu nội của ông) còn nhỏ như vậy mà... còn niệm được mỗi ngày ba ngàn câu... lặn đó, thưa ba!

-Mấy đứa nói sao đâu,... nó là con nít làm gì niệm được ba ngàn!!!

Thế là con trai ông mua máy bấm, lui hụi ông niệm được mỗi ngày mười ngàn câu. Không bao lâu đôi mắt của ông sáng bình thường trở lại! Lúc bấy giờ ông bắt đầu có tín tâm đối với câu Hồng Danh Vạn Đức.

Người con trai thứ Tám của ông, hồi nhỏ đã ăn chay, sau lớn lên ăn nhậu quậy lắm, thậm chí nhậu vô còn chửi lại ông. Năm 2010 chú Tám tự nhiên phát tâm ăn chay trở lại, thích tu pháp môn Tịnh Độ, bỏ hút thuốc, bỏ nhậu... Rồi đi vẽ hình, như hình Diêm Vương, hình ngựa quỷ,... cho các chùa, hoặc các tư gia...

Chú về khuyên ba mẹ ăn chay, ông phát tâm ăn chay theo. Ban đầu, ông ăn chay mỗi tháng bốn ngày, khoảng 1 - 2 năm sau thì ông tăng lên mỗi tháng mười ngày. Về sau các con khuyên ông trường trai luôn cho thuận tiện, ông cũng nghe theo.

Cô con gái thứ Sáu của ông có lần đi tu ở Tịnh Thất Quan Âm thuộc Đức Trọng, Lâm Đồng, Đà Lạt, cô thích lắm. Nền năm 2013 thầy Giác Nhân về Cần Thơ, tiện dịp cô mời Thầy về nhà, lúc đó khoảng một, hai trăm người đến nghe thầy nói pháp, ông nghe qua vô cùng hoan hỷ. Người con trai thứ Tám mới đem những băng đĩa thuyết giảng của thầy Giác Nhân về cho ông nghe.

Có điều lạ là mỗi đêm người con trai thứ Chín, cứ đúng 8 giờ, anh mở 1 đĩa, thời lượng mỗi đĩa là 90 phút cho ông bà nghe. Bà thì vừa nghe vừa ngủ gật, còn ông thì ngồi đàng hoàng chăm chú nghe từ đầu đến cuối, hết đĩa này thì mở đĩa khác, đêm nào cũng vậy, có khi chỉ một đĩa mà mở đi mở lại 3 - 4 lần ông vẫn nghe không thấy chán.

Còn bình thường thì mở máy niệm Phật ông lần chuỗi theo. Mỗi ngày ông đều ngồi nghiêm trang trên ghế đọc từ đầu đến cuối quyển kinh Vô Lượng Thọ (ăn mặc bình thường). Sau đó ông cùng bà đồng tụng kinh Vô Lượng Thọ mỗi ngày. Thời gian tu như thế đến mất khoảng hơn 2 năm. Sự thành tín quyết tâm bền chí của ông rất đáng để cho chúng ta học tập, tương ứng như lời khai thị của Cổ Đức:

*“...Muốn giải thoát được nơi khổ hải,
Cần hy sinh nhiều cái khó làm;
Nếu mình không tự lo kham,
Bước đường giải thoát lam nham bất thành.
Mình biết rõ lòng mình hơn hết,
Vọng còn sanh hay diệt mình tường;
Án tòa trong bụng tự trượng,
Tự mình trừng trị bất lương lòng mình.
Nếu được có tự tin đầy đủ,
Thêm vào lòng tự chủ hoàn toàn.
Lòng mình mình tự trị an,
Khỏi đưa đến kẻ thế gian trị mình;
Lúc nào cũng công mình trong dạ,
Xử mình không một lẽ vị tư;
Bao nhiêu tật xấu thói hư,
Sẽ lần tiêu tán cũng như bọt bèo.
Niệm Phật tức mau siêu cỏi Phật,
Tham thiên thì chắc được nhập thiên;
Muốn chi cũng được thỏa nguyện,
Là nhờ tự trị công miêng trong lòng.*

Đức tính ấy gìn xong mỗi bữa,
Cõi hồng trần có thuở thoát ly;
Tu hành khỏi tốn công chi,
Đạo mầu chỉ một khắc kỳ thành công.
Vạn sự được hay không tại chí,
Khi tìm ra chơn lý được rồi;
Quyết làm cho được mới thôi,
Dù cho lở đất long Trời chớ nao.
... Phật đang ngó mình không nháy mắt,
Mình cũng nhìn Đức Phật trần trần;
Hai đàng hòa một tinh thần,
Tức mình với Phật được gần nhau luôn.
Để ngoại vật làm cuồng tâm trí,
Trước Phật mà lòng nghĩ nơi đâu;
Dù ngồi cho đến bao lâu,
Cũng không thể thấy Phật đầu hào quang.
Muốn được thấy mình vàng rực rỡ,
Khi tham thiền đừng có phóng tâm;
Trong lòng càng lặng càng thâm,
Mình vàng càng thấy lần lần hiện ra.
Các ma nghiệp đang xa bốn thể,
Các nhiễm ô sạch sẽ trong lòng;
Bỗng nhiên thấy nhẹ như không,
Cõi nào muốn đến tùy lòng tự do.
Con ơi! Nhớ nhắc cho người biết,
Rán tu như các việc kể trên;
Tây Phương Cực Lạc được lên,
Sẽ cùng chư Phật ngồi trên Liên Đài.
Mình được vượt ra ngoài sanh tử,
Thì mẹ cha cũng khỏi luân hồi;
Muốn đền chữ hiếu cho rồi,
Tu cho thành đạo cứu đời mẹ cha.
Dù mỗi một cũng là gắng gổ,

Gặp khó khăn cũng chớ nản lòng;
 Quyết tâm bồi đức lập công,
 Đường về Tịnh Độ lòng không đổi dời.
 Đạo thường gặp người đòi khiêu nhử,
 Làm lành hay gặp dữ đối đầu;
 Gốc kiên nhẫn nếu không sâu,
 Gió đời thổi ngã bất câu lúc nào.
 Lòng mộ đạo mặc dầu đã có,
 Không kiên tâm thì khó thành công;
 Kiên ngoài còn phải kiên trong,
 Mới là chinh phục được lòng trần gian.
 Đường đi tới Tây phang rất khó,
 Nhiều yêu tình đón ngõ ngăn đàng;
 Muốn làm chúng nó chạy tan,
 Có lòng Bồ Tát có gan anh hùng.
 Thắng trần tục thung dung muôn thuở,
 Thua phàm tình khổ sở vô biên;
 Cho nên những kẻ tu hiền,
 Không nên nhu nhược phải nên cương cường.
 ...Muốn thoát kiếp đọa đầy sanh tử,
 Cần chặt gìn lục tự Hồng Danh,
 Thiết tha trì niệm chí thành,
 Đài sen chín phẩm Phật dành một ngôi!"

Bình thường ông tự chăm sóc và tự nấu ăn, ít khi bị cảm, lần tết năm 2015, con ông phát hiện thấy ông bị cảm (trong khi 2 năm qua ông chưa hề bị cảm lần nào), chích thuốc 3 ngày thì ông hết. Tháng sau, ông bị cảm lại vào mỗi chiều, lần này chích thuốc 4 - 5 ngày mới hết, đến lần sau nữa thì chích 5 - 6 ngày mới hết. Đến lần bị cảm thứ tư, ông không chịu đi chích nữa (chê bác sĩ chích dở), con ông chuyển sang hốt thuốc cho ông uống nhưng không hết, vẫn bị tái lại.

Vào khoảng tháng 7 năm 2016, đột nhiên vùng ngực của ông bị căng cứng, và “túc lồi” toàn thân, không ngủ được, khó kham nhẫn. Con ông đưa ông đi chích thuốc, châm cứu đủ cách mà không hết.

Đến tháng 9 (trước khi mất 3 tháng), các con ông quyết định đưa ông đến bệnh viện Hoàn Mỹ để khám, ban đầu khám không phát hiện được gì, bác sĩ mới hỏi thăm tiền sử bệnh của ông là dạ dày, liền tiến hành nội soi, thì phát hiện có khối u rất lớn ở thực quản, nên đã tiến hành sinh thiết đồ. Sau khi xét nghiệm xong, thì bác sĩ cho biết kết quả là thực quản đã ung thư qua giai đoạn 3, di căn xuống dạ dày và các cơ quan khác, không thể can thiệp gì được nữa, vì tuổi ông cũng đã quá cao!

Con ông nói tình trạng bệnh cho ông biết, ông không hề sợ, ông nói:

- Ba chết đi sớm còn sướng hơn sống mà đau khổ như thế này!

Về nhà, mấy người con trai nóng lòng kiếm thuốc đắp, thuốc uống cho ông cũng được gần một tháng thì ông quyết định không chịu đắp, không chịu uống thuốc nữa, vì không công hiệu mà chỉ tăng thêm bức rức khó chịu mà thôi:

- Thà để cho ba chết, chứ không có đắp thuốc, uống thuốc gì nữa hết!

Người con trai thứ Chín mới nói với ông:

- Ba nếu đã quyết định như vậy... thì thôi con liên hệ Ban Hộ Niệm, để hộ niệm cho ba nhen, thưa ba!

Rồi chú giải thích về việc vãng sanh, mà chú đã nghiên cứu bằng giảng của cư sĩ Diệu Âm và của Hòa thượng Tịnh Không, những vấn đề khó, dễ, cũng như các chương ngại của sự vãng sanh... khi nghe, ông cảm động rơi nước mắt.

Mặc dù bệnh rất nặng ông cũng ráng lên gác lạy Phật, khoảng 3 - 4 ngày thì yếu không ráng được nữa, ông nằm một chỗ.

Hiện lúc ấy trong ngân hàng ông vẫn còn một số tiền, ông giao hết cho chú Chín làm gì thì làm nhưng chú quyết định không sử dụng mà đem số tiền này làm công đức cho ông. Ban đầu chú trích 10 triệu đồng gởi vào quỹ in kinh ấn tống. Đến khi ông đau nhiều chú khuyên ông đem hết số tiền còn lại là 70 triệu đi làm công đức, chú nói:

- Thôi, số tiền mà ba còn lại, ba nên phát tâm in kinh ấn tống, bố thí người nghèo, nếu để sau này ba mất rồi mới làm thì phúc mình hưởng rất là ít!

Ông nghe xong gật đầu đồng ý. Đêm đó, ông ngủ được, bệnh khổ liền dừng lại, không còn hành hạ ông nữa. Cho đến 3 ngày cuối trước khi mất, ông mới bị bức ngặt trở lại, ông phải lăn trở và mượn đỡ lên xuống liên tục, dù vậy nhưng chưa bao giờ nghe ông rên than!

Sau đó gia đình quyết định mời Ban Hộ Niệm của cô Diệu Phước đến cộng tu hộ niệm cho ông được khoảng 4, 5 lần (đến mất là khoảng hơn 1 tháng), còn lại thì ban ngày mở máy niệm Phật, ban đêm các con thay phiên niệm với ông.

Khi cô Diệu Phước đến nhà thì sắp xếp dờn ông ra nhà trước, trang trí bàn Phật và hình Phật trang nghiêm để thuận tiện lạy Phật, niệm Phật hồi hướng cho ông và khuyên ông niệm Phật cầu vãng sanh.

Bà hằng ngày cũng thường nghe pháp, khi các con lo việc hộ niệm cho ông, cũng đã giảng giải về công đức thù thắng của vãng sanh, nghe qua thật sự bà chẳng hiểu gì ráo! Ngoài miệng thì cũng chấp thuận lo hộ niệm cho ông vãng sanh,

nhưng sâu thẳm trong tâm can bà không muốn ông ra đi, chỉ mong ông được mau hết bệnh khỏe mạnh để sống tu chung với bà mà thôi! Nên khi Ban Hộ Niệm đến cộng tu bà có vẻ mặt quạu quọ; và trong khi chăm sóc cho ông, bà đã biểu lộ thái độ quỵn luyến, vì thế làm cho ông vô cùng bức bối.

Có một sự việc hết sức lạ lùng là khi ông chí tâm niệm Phật, tha thiết cầu vãng sanh Tây Phương, trong khoảng 8 - 9 ngày thì đầu tóc bạc trắng của ông dần dần chuyển sang màu đen. Thấy lạ quá các con ông bèn lấy máy chụp để làm kỷ niệm. Nhưng đến khi bà lại bên cạnh chăm sóc làm cho ông nổi cơn bức bối não phiền, chẳng bao lâu thì toàn bộ mái đầu đen lại đổi sang màu muối tinh khiết!

Thấy thế cô Như Bình mới khuyên ông:

- Ba ơi! Con nói cho ba nghe nè... Thầy nói mình khởi niệm không bằng lòng tức là sân giận rồi! Nếu còn sân thì không thể về Cực Lạc được!... Bây giờ ba hãy suy nghĩ thật kỹ lại đi! Tất cả mọi người đều nghĩ rằng mình sắp sửa vãng sanh, làm Phật làm Bồ Tát, nên mới phát tâm chăm sóc cho mình. Bởi vì có rất nhiều bệnh nhân không được ai săn sóc... Bây giờ ba hãy nghĩ má như là Bồ Tát đến chăm sóc cho ba, ba nên khởi niệm tri ân. Dù cho ai có nói lời gì, hay có những hành động nào đi nữa thì mình cũng phải xả bỏ, ngay cả cái thân này mình cũng xả bỏ nữa mà, chỉ để lại trong lòng câu A Di Đà Phật thì mình mới không mất phần vãng sanh, ghen ba!

Nghe cô giải thích tường tận, ông thấm thía gật đầu. Bởi Phật Pháp mà ông nghe thường ngày, có sự lãnh ngộ tương đối sâu sắc hơn người. Vì vậy ông hạ quyết tâm an nhẫn với mọi cảnh duyên, dù ân hay oán gì thì cũng không ngoài nhân quả mà mình đã gây tạo ở quá khứ chứ không do ai khác!

Các con biết oan nghiệp của ba mình khá nặng nên ra sức niệm Phật, lễ Phật, lễ kinh Vô Lượng Thọ, mỗi chữ lạy một

lạy để hồi hướng cho ông và hồi hướng cho các oan gia trái chủ của ông.

Đến thời điểm trước khi ông mất khoảng 10 ngày, chú Chín mới khuyên và chỉ cho bà thấy được những cái khổ mà ông đang chịu đựng như: lưng lở, ăn uống khổ sở, thân ốm chỉ còn bộ xương, không có ai cứu được!

Sau 2 lần khuyên, dần dà trải qua một tuần lễ bà tỉnh ngộ, hối hận liền chuyển đổi tâm niệm, không còn muốn ông ở thế gian này chịu khổ nữa, chỉ muốn cho ông sớm được vãng sanh. Khi ấy cô Như Bình mới cho ông biết:

- Bây giờ má đã chấp nhận ba vãng sanh rồi! Ba vui không, thưa ba?

Ông vừa nghe xong liền gật đầu, rồi nở một nụ cười thật tươi, tràn đầy niềm hoan hỷ trên gương mặt hốc hác của cụ già sắp sửa già từ nhân thế. Dường như đây là giây phút hạnh phúc nhất trong đời, và cũng là hạnh phúc lớn lao nhất mà ông hằng thầm mong đợi! Bà bèn đến bên cạnh nhỏ nhẹ:

- Ông ơi! Bữa nay ông vui không? Tôi nguyện cho ông vãng sanh rồi nè! Ông vui không? Về trên trần rồi... ông đi cúng dường mười phương cõi Phật nghen!... Về trên trần rồi,... chừng nữa... thành Phật ông rước tôi về Tây Phương luôn nghen!

Ngay sau đó gia đình liền liên hệ mời Ban Hộ Niệm, được khoảng 16 người đến nhà cộng tu 2 - 3 giờ đồng hồ vào buổi chiều rồi về.

Mặc dù bệnh khổ nhưng ông chưa hề rên một tiếng cho đến mất. Ba ngày cuối trước khi mất, ông không ăn uống được nữa nên hoàn toàn ngừng ăn uống, ngay cả nước cũng không thấm môi, nhưng rất tỉnh táo, cô trưởng Ban Hộ Niệm luôn ở

túc trực với ông. Cô thấy ông nằm nhắm mắt thì nhắc nhở ông ráng nhớ niệm Phật. Mỗi lần cô nhắc là ông đều gật đầu.

Ngày 19 tháng 11, vào lúc 8 giờ rưỡi sáng, tự dưng ông mở mắt ra, ông niệm Phật lia lịa. Cô trưởng Ban Hộ Niệm vội kêu mọi người mau mau vô giảng tẩm hình đức Phật đặng niệm Phật cho ông. Một lát sau thì ông im lặng bình thường trở lại.

Vào khoảng 12 giờ, ông đi cầu phân đen, vô cùng thú vị, ở xa thật xa vẫn nghe mùi, mà trước đó 2, 3 tuần lễ thì ông cũng đi 1 lần. Bình thường ba, bốn ngày mới đi ngoài một lần, mỗi lần đi phải uống thuốc xổ dạng viên nén nhỏ.

Sáng hôm sau khoảng 8 - 9 giờ, ông cũng đi cầu thêm một lần, đặc biệt một điều hết sức lạ, là chất thải hoàn toàn không còn mùi hôi như trước! Mọi người biết ông sắp ra đi nên sắp xếp chuẩn bị mọi thứ, và không cho người nhà đụng đến thân ông nữa.

Vào khoảng hơn 3 giờ rưỡi chiều, ông lên cơn mệt nhiều nên mọi người xúm lại vây quanh hộ niệm cho ông. Cô Như Bình cầm ảnh Đức Phật A Di Đà đưa trước mặt ông, ông hướng mắt nhìn, rồi chấp đôi tay lại xá một xá, sau đó xuôi tay thẳng theo thân. Mọi người niệm Phật theo hơi thở của ông, ông cũng nhép môi niệm theo. Được một lúc, cuối cùng ông mỉm miệng cười thật tươi đẹp rồi nhẹ nhàng tắt hơi trong tư thế nằm ngửa, miệng ngậm kín lại, đúng vào lúc 4 giờ chiều, ngày 20 tháng 11 năm 2016. Ông hưởng thọ 93 tuổi.

Đến 3 giờ sáng, thăm thân thì thấy cơ thể ông rất mềm mại, đỉnh đầu ấm. Đến 24 tiếng sau, thay đồ cho ông thì vẫn mềm mại, đưa tay gần đỉnh đầu vẫn cảm nhận được luồng hơi ấm xông ra.

- * Trước lúc ông vừa dứt hơi khoảng 2 phút, cô Phật tử Diệu Tâm thấy Thánh chúng chiếu hào quang rực rỡ, và một tòa sen thật lớn từ trên không hạ xuống nên cảm động sa lệ, đồng thời la to, bảo mọi người niệm Phật lớn lên, nhưng mọi người trong ban hộ niệm ngỡ rằng cô là con dâu trong gia đình khóc lóc, vì chẳng ai thấy gì cả, e sợ trở ngại sự siêu thoát cho hương linh!
- * Các loại cây xung quanh nhà mà khi còn sinh tiền ông trồng, như: nguyệt quế, mai, bông giấy... đều đồng loạt ra hoa thật nhiều.

(Thuật theo lời sư cô Như Bình, Trần Thanh Tú - con gái thứ Sáu và con trai thứ Chín của ông)

28. NGUYỄN VĂN NĂM

(1941- 2016) 75 tuổi

Ông Nguyễn Văn Năm sinh năm 1941, nguyên quán Tân Quới - Bình Minh. Song thân là cụ ông Nguyễn Văn Long và cụ bà Lại Thị Tám. Ông đứng thứ Năm trong gia đình có 10 anh em.

Khi tuổi trưởng thành, ông lập gia đình, sinh được hai người con. Chẳng bao lâu bà mất.

Sau đó ông kế phối với bà Tạ Thị Bé, sinh được 3 người con trai, 6 người con gái. Năm 1985, gia đình dời về cư ngụ tại ấp Tân Phú, xã Tân Hòa, thị xã Vĩnh Long, làm ruộng rẫy để sanh nhai.

Tính tình ông rất hiền, thương người. Ai rủ làm các việc từ thiện ông đều tham gia và còn động viên bà làm theo, như cho tiền người nghèo khổ...

Trước đó gia đình ông chỉ biết đi chùa cúng dường cầu phước. Đến ngày mừng 5 tháng chạp năm 2013, thầy Giác Nhân về địa phương này thuyết giảng Phật Pháp, người con gái Út của ông bắt đầu biết đến Pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật cầu vãng sanh, và từ đó cô hướng dẫn cho gia đình niệm Phật, tụng kinh Vô Lượng Thọ nguyện sanh về Tây Phương, nhưng riêng ông chưa tin lắm, ông nói:

- Chỉ có những người tu, người ta không có sát sanh, không có làm tội thì người ta mới được vãng sanh, mới được gặp Phật. Còn ba,... ba làm nhiều tội lắm, sát sanh nhiều lắm (ông biết câu cá, bắt chuột, bắt ếch... từ 9 tuổi cho đến bốn mươi mấy tuổi, vì kiếm tiền nuôi con) làm sao mà gặp Phật được! Thôi, bây giờ ba niệm Phật, ba tụng kinh là bởi vì ba

có bệnh, ba nương nhờ tiếng niệm Phật tụng kinh này để bớt bệnh, hết bệnh thôi hà!

Lúc khỏe, khi chưa đến với pháp môn niệm Phật, ông thích tụng nhiều kinh, đọc nhiều sách, nhưng rất là cố chấp, đụng đầu dính đó, chấp dữ lắm. Dần dà, ngày qua ngày nhờ thâm nhập Phật Pháp nên ông buông xả, khi buông thì buông sạch sẽ!

Ông rất thích phóng sanh, có bao nhiêu tiền là đem phóng sanh hết, hơn hai năm cuối đời ông rất siêng năng niệm Phật, tụng kinh Vô Lượng Thọ.

Ngày 23 tháng chạp năm 2013, ông lâm bệnh nặng hấp hối, gia đình nghĩ ông sẽ ra đi. Vậy mà khi cả nhà phát tâm tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho ông 3 đêm, thì ông tỉnh lại, khỏe mạnh bình thường, bệnh không còn hành hạ dần vật như trước, ông sống rất thoải mái và vui vẻ với con cháu, hoàn toàn không còn đi bệnh viện nữa.

Từ đó ông bắt đầu tin rằng ăn chay, phóng sanh, niệm Phật, tụng kinh sẽ làm cho mình khỏe mạnh, sống thọ với con cháu nhiều hơn (vì ông rất sợ chết). Cũng từ đó, ông bắt đầu tinh tấn niệm Phật, tụng kinh mỗi ngày 6 thời, mỗi thời khoảng một tiếng rưỡi, duy trì được 2 năm. Buổi sáng 4 giờ, ông thức dậy niệm Phật, 9 giờ thì ông tụng kinh, đến 11 giờ trưa thì ông niệm Phật, cứ thế xen kẽ nhau trọn 6 thời!

Đến còn hai tháng cuối đời, ông bị nghiệp khảo đòi ăn thức ăn mặn cho khỏe, mặc dù ông đã ăn chay trước đó 1 năm rưỡi, không ai khuyên can ông được hết, ông quả quyết: “Tao không biết chết tao đi về đâu, miễn sao thời gian còn sống tao khỏe là được rồi! Còn chết xuống muốn đi đâu thì đi!”

Thấy thế cô Út lo lắng lắm, cô viết tên ông để trên bàn thờ Phật A Di Đà, mỗi ngày hai thời cô tụng kinh niệm Phật xong thì cô hồi hướng cho ông và cầu nguyện Phật A Di Đà chuyển

hóa tâm Bồ Đề cho ông, để ông tinh tấn niệm Phật cầu vãng sanh chứ không phải niệm Phật cầu hết bệnh, khỏe lại. Quả thật thấy biết sai lầm đã đưa chúng sanh trầm luân nơi biển khổ sinh tử vô lượng vô biên kiếp, rất đáng ghê đáng sợ, như lời khai thị của Cổ Đức:

“...Được giải thoát là điều trên hết,
 Còn luân hồi phải chết chóc luôn;
 Luống công bọt nước đóng khuôn,
 Giả thân kết cuộc cũng hườn giả thân.
 Phải tỏ ngộ đường trần mới dứt,
 Được hết mê bến tục mới rời;
 Mê là gốc khổ con ơi!
 Còn mê thiên hạ chưa thời nào vui.
 Bởi mê mới làm tôi thị dục,
 Nếu ngộ đâu từng phục lòng tà;
 Dục tà đều hại người ta,
 Dục là thống khổ, tà là trầm luân.
 Dục thường vì xác thân khởi xướng,
 Tà thường vì vọng tưởng gây ra;
 Cả hai đều thứ mất lòa,
 Lợi gần thì thấy, hại xa không tường.
 Gần dứt thở trên giường chưa biết,
 Bảo vợ con nối tiếp đường lâm;
 Vì tình mà thọ cảm tâm,
 Vợ con rồi cũng lủi lăm theo luôn.
 Nghiệp cha mới vừa buông con bắt,
 Hết cháu rồi lại chắt nối truyền;
 Cứ như thế đó lưu liên,
 Gây nên một khối thảm duyên nhiều đời.
 Cha mẹ chết con rơi nước mắt,
 Con chết thì cháu chắt khóc ròng;
 Vợ thì chan chứa vì chồng,
 Chồng thì vì vợ đôi dòng lệ rơi.

Nước mắt ấy từ đời vô thi,
Bốn biển to đem ví không bằng;
Sanh ly tử biệt vô ngần,
Dây oan đáng sợ nợ trần đáng ghê.
...Người đã bước chân vào cửa Phật,
Hoặc giả là có đọc giảng kinh;
Giống lành xưa đã phát sinh,
Cũng nên tiếp tục tu hành chớ buông.
Số nhơn loại hằng muôn triệu ức,
Nhưng được nghe kinh Phật ít người;
Không duyên khó gặp con ơi!
Gặp rồi lại bỏ là đời quá mê.
Kinh kệ vốn là chìa khóa ngục,
Chúng sanh là kẻ nhốt trong tù;
Xem kinh mà chẳng chịu tu,
Như chìa khóa có mà tù không ra.
Trai lạt mặc dù là khó nuốt,
Giới răn tuy là việc khó gìn;
Đó là phương pháp vãng sinh,
Nên gìn giữ trọn chớ quên ngày nào.
Trai giới ấy hàng rào ngăn tội,
Người tu hành cần phải giữ mình;
Chừng nào toàn giác toàn minh,
Tự nhiên trai giới trong mình có luôn.
Đạo chớ tưởng là đường dễ gặp,
Kinh khởi tâm muốn đọc khó thay;
Có người đọc sách liền tay,
Nhưng không hề đọc một bài kệ kinh.
Kinh kệ thấy lòng mình muốn đọc,
Đã có duyên với Phật xưa rồi;
Dịp này nếu để cho trôi,
Sẽ là khó kiếm việc hồi thiện tâm.
Trước dù đã có làm tội lỗi,

Nay thật lòng cải hối ăn năn;
 Tội kia liền được tiêu tan,
 Như là rừng củi lửa xăng châm vào.
 Việc thành đạt lâu mau tại chí,
 Cương quyết hay là chỉ lưng chừng;
 Dù không tu ở tiền thân,
 Mà nay cương quyết tu cần cũng nên.
 Người năm trước đất quên không cấy,
 Nhưng năm nay ruộng lại mở to;
 Tất là được lúa đầy kho,
 Kẻo làm năm trước đem so kém gì.
 Lấy đây để xét suy tất biết,
 Người tu đừng phân biệt trước sau;
 Tu lâu mà chẳng chùi lau,
 Đâu bằng kẻ mới bước vào siêng năng.
 Thở tự ý mau chân nằm ngủ,
 Đâu bằng rửa lọ khệ bò đi;
 Niệm lìa chỉ được một thì,
 Thua người mỗi bữa nhớ trì ít câu.
 Sự bền chí là đầu câu chuyện,
 Không nhẫn kiên tu luyện khó thành;
 Có hành hay chẳng chịu hành,
 Chớ đừng chấp lấy cái danh bề ngoài.
 Cố đi mãi đường dài rút ngắn,
 Còn nghỉ luôn lộ cận hóa xa;
 Nên hư bởi tại mình ra,
 Chớ nên đổ lỗi rằng là tại ai.
 ...Khổ sinh tử đọa đầy bao kiếp,
 Giờ tỉnh ra đừng tiếp tục đeo.
 Hồng Danh dính chặt như keo,
 Khổ đau sinh tử hiểm nghèo vỡ tan.
 Liên đài rực rỡ phóng quang,
 An vui giải thoát thanh nhàn thiên thu!"

Còn một tháng rưỡi trước khi mất, cơ thể ông suy nhược trầm trọng, cô Út chở ông đi khám ở bệnh viện Hoàn Mỹ. Cô chỉ dẫn và nói với ông:

- Ba ơi! Ráng niệm Phật để hồi hướng công đức...!

Ông cụ ngắt lời:

- Có! Có chứ! Nhưng mà... ba không muốn chết bây giờ đâu! Ba muốn sống đến 80 tuổi ba mới chịu! (bởi vì khi xưa ông sống rất cực khổ nuôi con cái, còn bây giờ nhà cửa có, con cháu đi Mỹ, tiền bạc có, ông muốn hưởng thụ, chưa muốn chết).

Có lần cô nói cho ông biết bệnh của ông Ba Hựu đã nặng lắm rồi và ông Ba đã quyết định chỉ niệm Phật cầu vãng sanh thôi chứ không cầu sống thêm nữa. Nghe xong ông nói:

-Ừ! Chú Ba sống từ xưa tới giờ... chú khỏe hơn ba nhiều lắm! Bây giờ chú đã gần 94 tuổi rồi... Mà... chú Ba bệnh như vậy thì... chú Ba đi cũng được!

Cô con gái ngạc nhiên:

- Ủa! Sao ba nói vậy? Tại sao ba nói là ba muốn sống nhiều... nhiều nữa, mà tại sao ông Ba như vậy ba nói là đi được!

Ông nhanh nhẹn đáp:

- Ừ! Thì... chú Ba cũng lớn tuổi rồi! Nhưng mà ba mới bảy mươi mấy thôi, ba chưa sống được như chú Ba, 94 tuổi!

Tính của ông khi bệnh rất là khó khăn, đòi hỏi chăm sóc giống kiểu như người giàu, có khi bắt đấm bóp suốt cả đêm. Nhiều lần cô Út khuyên ông niệm Phật cầu vãng sanh nhưng ông không chấp nhận. Thỉnh thoảng cô nhờ cô Bảy (tức con của ông Ba) đến khuyên ba của mình giùm, vì ông thích nghe

cô Bảy nói chuyện lảm. Trước khi ông Ba Hựu mất 3 ngày, cô Bảy có đến thăm ông, kể cho ông nghe về sự niệm Phật tinh tấn của cha mình đến độ tóc bạc chuyển sang thành đen, ông vui mừng tin tưởng và nói:

- Thôi! Về nói với chú Ba, vài bữa nữa chú Ba vãng sanh thì... đi trước đi, rồi tui làm đệ tử chú Ba, tui đi theo sau!

Ngày ông Ba Hựu mất, người con rể vô tình nói với ông:

- Ba, ông Ba ở đằng đằng mất rồi!

Ông im lặng một hồi lâu. Cô Út thấy vậy liền trách chồng:

- Sao anh nói chuyện đó làm chi?

Ông liền phản ứng:

- Sao vậy?

Cô con gái trả lời:

- Con sợ ba nghe, rồi... ba hốt hoảng, ba sợ!

Ông trả lời:

- Hồng sao đâu! Ba không có sợ đâu! Tới lúc thì cũng đi thôi! Phật rước thì phải đi thôi!

Sau khi dự tang lễ từ nhà ông Ba Hựu về, cô con gái ngồi dưới bên chân ông kể lại tự sự, và cất tiếng hỏi ông:

- Ba! Bây giờ ba tin chưa? Con đã thấy rồi, Ban Hộ Niệm niệm Phật cho ông Ba thoạt tướng rất là đẹp, các khớp xương đều mềm mại và miệng mỉm cười... Ông Ba chắc ăn đã vãng sanh một trăm phần trăm rồi đó!

Ông vội nói:

- Chú Ba vãng sanh! Như vậy, là... chú Ba đã thành Phật rồi hay sao?

Cô con gái trả lời:

- Dạ, về làm Bồ Tát trên cõi Phật, chứ chưa phải là thành Phật, về trên trần mình tiếp tục tu thêm, thưa ba!

Cô lại hỏi ông:

- Vậy là ba tin chưa?

Ông trả lời:

- Ba tin rồi đó! Ba thấy chú Ba như vậy ba tin rồi!

Đi thiêu ông Ba Hựu xong, qua ngày sau, gần 9 giờ sáng, ông đang nằm trên ghế bố nhìn ra cửa, ông nói với bà vợ:

- Sao tự nhiên tôi thấy trong người nó khó chịu quá, bà ơi!

Bà vợ trả lời:

- Khó chịu! Vậy để chở ông đi bệnh viện nhen?

Vì mấy đợt trước ông mệt hơi hơi là ông bắt buộc đưa đi bệnh viện liền, bởi ông rất sợ chết, vậy mà bữa nay ông không chịu đi, ông nói:

- Thôi! Không đi bệnh viện nữa! Đi... sống hoài thấy cũng mệt mỏi quá hà! Bây giờ... chuyến này vãng sanh luôn!

Mấy lần trước ông cũng có nói như vậy, nhưng mà ông làm không được, khi lên cơn mệt quá ông sợ chết, cuối cùng cũng bắt các con đưa vào bệnh viện nằm, vì ở bệnh viện có bác sĩ chăm sóc ông sẽ an tâm bớt sợ chết hơn. Chàng rể nghe vậy biết ý, nên đùa ông:

- Chèn ơi! Ba nói như vậy chứ một hồi ba đòi đi liền bây giờ nè!

Tự nhiên ông cũng đang nhìn ra cửa và nói:

- Thôi đi! Cho tôi xin 6 ngày nữa đi..., cho tôi xin 6 ngày nữa... rồi tôi đi!

Bà vợ ngạc nhiên nhưng cũng đùa theo:

- Chèn ơi! Làm gì mà xin 6 ngày? Ông muốn trần trối cái

gì, muốn làm cái gì thì ông nói đi, tui làm luôn cho chứ xin 6 ngày làm gì?

Cô Út liền tiếp lời:

- Thôi ba ơi! Mùa hè năm nay là chị Tuyền (người con ở Mỹ) về rồi! Ba ráng đi! Ráng đợi chị Tuyền về chơi với ba rồi ba đi cũng được!

Chàng rể phụ họa thêm:

- Thôi đi ba ơi! Ba sống với tụi con 80 tuổi lận! Ba chưa đi bây giờ đâu!

Ông mặt vẫn nhìn chăm chăm ra cửa để nói, như đang nói với ai ngoài cửa chứ không phải nói với người trong nhà:

- Không! Tôi xin 6 ngày nữa thôi hà! Tôi... sáu ngày nữa tôi đi!

Nghे ông nói như vậy nhưng cả nhà không ai tin, vì hằng ngày ông nói chơi nhiều quá nên cho qua không để ý đến. Tối lại khoảng 12 giờ khuya, ông bị mệt, bà vợ năn nỉ đi bệnh viện ông cũng không chịu đi.

Sáng ra khoảng hơn 4 giờ sáng, cô Út sửa soạn đồ định chở ông đi bệnh viện, cô nói với ông:

- Ba ơi! Để con gọi taxi đến rồi con với anh Hùng chở ba đi bệnh viện Hoàn Mỹ nghen!

- Không! Ba không đi nữa! Ba sống như vậy đâu có sung sướng gì đâu! Bệnh hoạn tối ngày đâu có hưởng thụ được gì đâu! Giờ ba không đi nữa, ba quyết chí rồi, ba vãng sanh chứ ba không đi bệnh viện!

- Ba đừng nói chơi với con! Thôi kệ ráng đi, đợi chị Tuyền về chơi với chị Tuyền nữa rồi hả tính!

Ông vẫn nói:

- Không! Bây giờ ba không chịu đi bệnh viện nữa! Ba quyết chí không đi bệnh viện nữa!

Từ giờ đó cho đến 10 giờ sáng ngày 23 ông không đi tiểu được, ông không chịu ăn sáng, cô Út năn nỉ đi mua phở mặn cho ông ăn, ông không chịu và hỏi:

- Hôm nay là ngày mấy rồi?

- Dạ, bữa nay là ngày 23 rồi, thưa ba!

- Vậy hả! Vậy sẵn bữa nay ngày chay, ba ăn chay lại luôn, ba không ăn mặn nữa!

Vì ông đã trở đũa một tháng rồi, nên bà vợ nghe vậy liền chen vào:

- Thôi đi, ông ơi! Ông đang... không được khỏe mà ăn chay cái gì! Ăn không ngon miệng rồi mất sức nữa! Thôi ăn mặn đi! Ráng chừng nào khỏe thì ăn chay lại!

Ông không chịu và đáp:

- Không! Bữa nay tui ăn chay!

Cô Út nghe theo, liền mua hủ tiếu chay cho ông ăn, ăn được vài đũa thì ông không ăn nữa, thấy vậy cô pha sữa đem lại cho ông uống.

Đúng 10 giờ ông kêu cô Út:

- Lành ơi! Lại đây ba tính cái này!

Cô Út đi lại nhưng trong bụng nghĩ ông đã đổi ý muốn đi bệnh viện nên cô hỏi ông:

-Bây giờ ba muốn đi bệnh viện rồi, phải không?

-Không! Ba tính như vậy nè, ba không muốn làm phiền tụi con nữa, ba làm phiền tụi con nhiều lắm rồi! Thôi bây giờ con nói hết với chị em tụi con tập trung lại niệm Phật cho ba đi! Ba còn có mấy ngày nữa hà, thôi ráng lo cho ba lần cuối đi! Niệm Phật cho ba đi, một thì ba sống khỏe lại; hai thì ba vắng sanh theo chú Ba luôn!

Cô con gái hỏi lại:

- Ba quyết ý chưa?

Ông khẳng định:

- Ba quyết ý rồi!

- Ba có chắc ăn là ba niệm Phật vãng sanh luôn không?

- Ba chắc ăn rồi!

- Ba có biết niệm Phật vãng sanh là như thế nào không?

- Biết chứ! Là chết đó!

- Đúng! Là chết, là ba... bỏ má, bỏ con, bỏ nhà cửa gia đình này hết, ba ra đi một mình thôi! Ba không còn ở đây nữa!

Ông nói trong khi đang mệt mỏi:

- Ba biết mà!

Cô Út nói tiếp:

- Nếu vậy thì bây giờ tụi con lo cho ba! Nhưng mà tụi con chỉ niệm Phật để trợ duyên cho ba thôi, còn cái chính là ở nơi ba... ở tâm của ba. Ba phải tinh tấn, phải tin tưởng thật sâu chắc! Là phải tin có Phật đến rước ba, chứ ba không được nghi ngờ. Nếu còn một chút xiu nghi ngờ, thì không có tốt!

Ông gật đầu, nói:

- Ba chịu!

- Nếu Ba chịu... vậy thì, để con nhờ cô Bảy liên hệ với Ban Hộ Niệm của cô Diệu Phước, mới có đủ lực để mà giúp ba vãng sanh thôi, chứ còn tụi con không có đủ lực!

Ông thật thà hỏi:

- Nhưng mà không biết Ban Hộ Niệm của cô Diệu Phước có chịu nhận hộ niệm cho ba hay không? Tại vì chú Ba biết ăn chay trường, biết niệm Phật, biết pháp môn Tịnh độ sâu nên được người ta giúp! Còn ba... Ba không biết gì hết, cô Diệu Phước có chịu nhận hộ niệm cho ba không?

Cô Út trả lời:

- Chắc ăn là nhận! Cô Bảy đã lên tiếng rồi, cô cho biết là cô Diệu Phước chịu, nhưng nếu mà ba chịu, gia đình mình phải hoàn toàn bàn giao ba cho người ta hết!

Ông nhanh nhẹn đáp:

- Ba chịu! Con nói với mấy chị của con đi, bàn giao cho người ta hết đi! Ban Hộ Niệm sắp xếp như thế nào thì mọi người trong nhà phải làm y theo thế này!

- Vậy là ba chịu rồi nghen! Vậy để con đi liền!

Cô xoay sang nói với bà:

- Thôi, bây giờ má ở nhà lo cho ba đi! Để con đi lại cô Bảy một chút xíu!

Bà vợ nắm tay cô lại hỏi:

- Vậy là phải mời người ta luôn ngay bây giờ hả Lành?

Cô đáp:

- Giờ ba đã chịu rồi, mình phải mời người ta luôn má ơi!

Nghĩ đến chuyện ra đi, bà vợ tiếc nuối nghẹn ngào:

- Phải đến vậy hả Lành?

Cô nhẹ nhàng:

- Phải thôi má ơi, giờ đây con thấy ba yếu lắm rồi!

Chiều ngày 27 tháng 11, ông cụ ăn không được, đi tiểu không được, cô con gái thấy để ông ở nhà cô rất đau lòng nên nhiều lần cô năn nỉ chở ông đi bệnh viện nhưng ông nhất quyết không chịu. Cô mời bác sĩ đến nhà cũng không mời được, thấy tình hình của ông ngày càng yếu, cô Út điện thoại nhờ cô Diệu Phước khai thị trợ duyên cho ông, cô Diệu Phước thấy ông còn ngồi nói chuyện khỏe, tỉnh táo bình thường nên nghĩ ông chưa đi.

Từ đó đến 4 giờ chiều ông cụ cứ hỏi và hồi Ban Hộ Niệm đến hoài. Ông cụ mệt nhiều nhưng không chịu thở oxy, không chịu phun thuốc, không chịu ăn uống gì hết, vì ông sợ dùng những thứ này thì Phật sẽ không rước ông.

Trong gia đình buông bỏ mọi việc tập trung niệm Phật xuyên suốt cho ông. Mặc dù ông thở rất mệt nhưng vẫn tha thiết niệm Phật lớn tiếng theo. Gần 6 giờ chiều ông lại hồi mời Ban Hộ Niệm đến nhanh nhanh cho ông, trong khi đó họ đang trên đường từ Sài Gòn về chưa tới.

Đúng 7 giờ 15, cô Diệu Phước cùng 3 người nữa về đến nơi. Cô trưởng ban ngồi bên cạnh hỏi tên tuổi pháp danh, ông cụ đều trả lời đúng hết, rồi cô hỏi:

- Ông Năm ơi! Giờ ông chịu vãng sanh không?

Ông đáp lớn:

- Dạ, chịu!

Cô lại hỏi tiếp:

- Giờ ông vãng sanh gặp Phật ông chịu không?

Ông tha thiết:

- Dạ, chịu!

Cô cầm tấm hình đức Phật A Di Đà, chỉ cho ông nhìn, và nói:

- Ông biết Phật, ông gặp Phật nào không? Ông Năm nhìn vô đây nè! Là cái ông mặc áo màu này, có hình dáng này nè! Khi ông Năm đi có vị Phật này đến rước ông Năm đi, ông Năm chịu không?

Ông vẫn trả lời:

- Dạ, chịu!

Thấy ông cụ hơi mệt cô trưởng ban xoay sang hỏi gia đình thì biết được từ sáng đến giờ ông cụ không chịu ăn uống, không chịu dùng thuốc gì cả chỉ tinh tấn niệm Phật. Ông cũng còn

tỉnh táo, đỡ ngồi lên, nằm xuống và đi tiểu vẫn còn được (ông không chịu tiểu tiện trước bàn thờ Phật, bắt con cháu đi cầu đi chỗ khác mới chịu). Cô trưởng ban lại đề nghị với ông:

- Thôi giờ ông Năm ơi! Ông Năm đi bệnh viện nhen!

Ông liền nạt ngang không chịu đi. Cô trưởng ban lại nói:

- Thôi, bây giờ ông Năm không chịu đi bệnh viện thì ông Năm phun thuốc, ông Năm phải uống sữa, ăn vô để cho có sức rồi mới niệm Phật!

Ông trả lời:

- Không được! Phun thuốc, uống thuốc, ăn như vậy hoài thì Phật đâu có rước!

Cô giải thích:

- Không! Ông cụ ăn uống bình thường đang hoàng khỏe đi, rồi Phật mới rước! Phải niệm Phật đâu đó đang hoàng thì Phật mới rước!

Nghe cô nói vậy ông đồng ý, cô dứt ông ăn được ba muỗng cháo thì ông không chịu ăn nữa, cô hỏi:

- Sao vậy? Sao ông Năm không chịu ăn nữa?

Ông trả lời:

- Không! Ăn no Phật không có rước đâu!

Đến 9 giờ thì Ban Hộ Niệm đi nghỉ, gia đình thay phiên trực ông, thỉnh thoảng ông nằm đếm số (thói quen hằng ngày nếu ông không ngủ được thì ông đếm số từ 1- 100 để ngủ), cô con gái vỗ nhẹ vào má nhắc ông niệm Phật thì ông mới cất tiếng niệm Phật lớn theo, cứ thế từ 11 giờ cho đến 2 giờ khuya.

Lúc 1 giờ khuya, ông bị đau và bứt ngật khó chịu, cô Út vừa xoa bóp, vừa niệm Phật, vừa cầu nguyện sám hối oán thân trái chủ cho ông. Đến gần 2 giờ khuya thì ông không

còn đau nữa, hơi thở đứt khúc, lúc niệm lúc ngưng, nhưng ông vẫn mở mắt ráng niệm Phật ra tiếng theo mọi người, mặc dù không còn phát âm rõ nữa, hai chân ông cũng giữ im bất động không như trước đó cứ lúc lắc hoài.

Đúng 2 giờ ông nằm nhắm mắt, muốn vào trạng thái hôn mê, cô Út nhắc ông niệm Phật thì ông mới mở mắt ra, niệm Phật theo. Rồi cứ như thế ông niệm càng nhỏ và yếu dần, thấy tình hình ông sắp ra đi mọi người đồng tập trung hộ niệm cho ông.

Cô trưởng ban luôn nhắc ông:

- Ráng nhen ông Năm! Ráng nhen ông Năm! Ông cụ ráng mở mắt ra nhìn ông Phật này nè! Ông cụ chỉ đi theo Đức Phật A Di Đà, chứ không được đi theo ai hết, nhen ông cụ!

Mặc dù rất đuối, ông vẫn ráng mở mắt ra nhìn Phật và niệm Phật, ông nhép môi niệm ra tiếng theo mọi người nhưng âm thanh rất nhỏ, và lực không đủ mà bị ngắt quãng, ngưng ở khoảng giữa chữ Di và chữ Đà. Trải qua 5 phút, môi ông đang niệm vừa xong chữ Phật thì bỗng nhiên dừng lại, rồi ông an tường trút hơi thở cuối cùng, đúng như 6 ngày trước ông đã xin mọi người giúp hộ niệm cho ông! Lúc ấy là 3 giờ sáng, nhằm ngày 28 tháng 11 năm 2016. Ông hưởng thọ 75 tuổi

Hộ niệm đến 4 giờ chiều thăm thoại tướng, các khớp xương rất mềm mại, toàn thân đều lạnh, duy còn hơi ấm ở đỉnh đầu, gương mặt hồng hào đẹp hơn hẳn lúc sinh tiền.

*(Thuật theo lời cô Nguyễn Thị Ngọc Lành,
con gái Út của ông và một số đồng đạo)*

29. TRÁC MAI TỶ

(1955 - 2012) 57 tuổi

Ông Trác Mai Tỷ sinh năm 1955, nguyên quán ở huyện An Phú, Châu Đốc, An Giang. Song thân là cụ ông Trác Thành Tiến và cụ bà Lưu Thế Dung. Ông có tất cả bảy người anh em, ông là con thứ Ba trong gia đình.

Năm 24 tuổi (1978), ông kết hôn với bà Trần Ngọc Dung, sinh được năm người con trai, định cư ở số nhà 19, Nguyễn Trường Tộ, ấp Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang. Lúc đầu ông bán phụ tùng xe đạp, rồi chuyển sang thu mua phế liệu, và mở quán bán cơm chay bằng hiệu là Tịnh Tâm.

Đời sống làm ăn của gia đình ông cũng vừa đủ, tạm ổn định.

Tánh tình của ông khi bình thường cũng tốt lắm hay giúp người, nhưng lúc nhậu vô rồi thì cũng quậy dữ lắm!

Bà vợ thì biết Phật Pháp trước, vì người mẹ của bà có tu, nên cũng khuyên và cầu nguyện Quan Âm xoay chuyển cho ông.

Năm 2007 bà phát tâm dùng trường trai, ngày đêm khẩn nguyện với Đức Quan Âm Đại Sĩ gia hộ cho ông bỏ rượu, biết quay đầu về nẻo giác...

Trải qua 2 năm sau, tức năm 2009, một hôm nọ ông nói:

- Thôi bà ơi! Tự nhiên tôi ăn thịt... không được nữa rồi, ăn vô sao nó hôi... kỳ quá đi!

Bà vợ nói:

- Vậy từ từ mẹ Quan Âm xoay chuyển cho ông ăn tương được, thôi ông ăn tương luôn đi!

Không lâu sau ông đến chùa Phước Duyên gần nhà, để quy y Tam Bảo nhân dịp chùa tổ chức lễ trai tăng long trọng, được hòa thượng trụ trì chùa Chuông đặt cho pháp danh là Thiện Thọ.

Từ đó ông phát tâm ăn chay, và cùng với bà đi theo Ban Hộ Niệm của Thầy Thiện Thành, để trợ niệm cho các bệnh nhân hấp hối sắp sửa lìa đời.

Cách cư xử của ông trong gia đình thì hơi khó tính, nói đúng thì thôi, nếu nói không đúng là ông cãi quyết liệt. Về sau biết Phật Pháp, cái gì ông cũng hoan hỷ cho qua, cho qua...

Đối với láng giềng ông rất tốt, giúp ai được gì là ông giúp. Chẳng hạn như: giúp người bệnh hoạn mua thuốc, cho tiền, cho gạo,...

Ông còn tích cực tham gia các công tác: mua cá phóng sanh, cúng chùa, cúng đường, ấn tống kinh, sách, đĩa...

Thời khóa thường nhật của ông mỗi tối là tụng lạy, và chuyên ngồi niệm Phật, lạy Phật sám hối, khoảng nửa tiếng trở lên. Ông cũng thích tụng kinh nhưng ông là gốc người Hoa không biết chữ Việt, nên khi ngồi nghe bà tụng kinh A Di Đà thì ông thầm đọc theo. Lúc rảnh rỗi thì đi, đứng, nằm, ngồi... ông đều lần chuỗi niệm Phật.

Hằng ngày ông thường nghe đĩa của Pháp sư Tịnh Không giảng về cách sống, cách cư xử nhẫn nhịn, hoan hỷ, và những đoạn khai thị lúc lâm chung, việc lớn nhất của đời người,...

Ông dạy dỗ con cái phải biết sống kính trên nhường dưới, sống cho tâm ngay thẳng, đừng có tham lam, đừng trộm cắp, sống đúng như lời Phật dạy, đừng vi phạm các giới của cư sĩ

tại gia. Ông cũng thường cởi mở chia sẻ Phật Pháp cho những người có duyên đến dùng cơm chay tại quán, và hướng dẫn các con niệm Phật, lạy Phật.

Mỗi tuần ông đều đến tham dự các khóa cộng tu ở đạo tràng chùa An Phước, chùa Tịnh Độ...

Lúc ông biết Phật Pháp rồi ông chỉ biết nguyện với đức Phật A Di Đà, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí: “Con xin phát nguyện, đến ngày lâm chung của con cho con biết ngày giờ ra đi, tâm hồn tỉnh táo không hôn mê, lâm chung không chướng ngại...”

Khi đã phát tâm tu thì ông rất tinh tấn dũng mãnh hành trì, dứt bỏ hẳn rượu chè, mặc dù trước đó ông chưa hề có một ngày chay lạt nào. Thật là:

*“Lắm duyên mới gặp đạo mầu,
Đạo mầu gặp được khá âu tu hành.
Tu hành thì phải tín thành,
Tín thành rồi rán lo hành cho y.
Y hành theo đức Từ Bi,
Từ Bi tâm khẩu hành vi một đàn.
Một đàn giải thoát trần gian,
Trần gian đem đổi Niết Bàn ai ơi!
Ai ơi! chớ nhiễm cõi đời,
Cõi đời nhiễm mấy rớt thời cũng buông.
Buông đời sự nghiệp buông luôn,
Luôn còn không mất là đường siêu sanh.
Siêu sanh nhờ trọn lòng lành,
Lòng lành thương kẻ như mình thương thân.
Thương thân phải rán thi ân,
Thi ân càng rộng càng gần Phật Tiên.
Phật Tiên lấy đức làm duyên,
Duyên Tiên Phật có rán chuyên tu hành.
...Quyết lo lánh trước tâm thanh,*

Lòng không để các lợi danh làm cuồng.
Giải thoát ấy cội nguồn trên hết,
Từ bi là công việc thường xuyên;
Điều lành đem đặt trước tiên,
Việc cho người hoặc việc riêng cho mình.
Tâm trí cố giữ gìn tinh khiết,
Hành động lo thi thiết nhân từ;
Ngôn hành chân thật bất hư,
Nói như Phật bảo, làm như Phật hành.
Hành đạo có nhọc nhằn chẳng quản,
Tu thân dù cay đắng không nao;
Ngày đêm đạo niệm thân trau,
Trau cho thân chánh, trau sao đạo thành.
Nếu chưa thật trọn lành trọn sáng,
Sức công phu tinh tấn càng tăng;
Núi nhân ngã phá cho bằng,
Rừng vô minh đốt cho tan không còn,
Các vọng tưởng cho mòn cho giảm,
Các lỗi lầm cho trắng cho trơn,
Hết tà còn một điều chơn,
Không còn sợ các tánh trần chen vô.
Trong tâm não mơ hồ đã sạch,
Ngày đêm luôn minh bạch cõi lòng.
Có đời mà vẫn tâm không,
Như nhiên khởi phải dụng công giữ gìn.
Chẳng còn sợ tâm sinh niệm quấy,
Cũng hết lo vật ngoại làm mê.
Tự do sống ở thác về,
Thân tuy cách Phật, tâm kề Đài sen.
...Đời trắng mặt nhưng đen lòng dạ,
Người vui ngoài mà khổ bên trong;
Nếu câu nhân quả không thông,
Khổ tâm khó dứt, đen lòng khó bôi.
Đạo pháp rõ thì đời bớt khổ,

Nhân quả thông thì nợ bớt gây.
Những điều phước huệ lo xây,
Cho vui hiện tại sau này cũng vui.
Biết rõ kiếp con người tạm giả,
Tạo ác chi cho quả thêm cay.
Làm lành cho bớt họa tai,
Làm hung chỉ khiến thêm đầy họa thân.
Giúp nhau sống tốt hơn làm chết,
Cho người vui hơn việc cho buồn;
Người vui mình được vui luôn,
Người buồn mình cũng lệ tuôn theo người.
Khiến kẻ khóc mình cười đâu nỡ,
Làm mình vui kẻ khổ sao đành;
Nên cho nhau được bình thanh,
Giữa mình với kẻ an lành như nhau.
Đạo đức đối người nào cũng thế,
Từ bi không câu nệ Bắc Nam;
Tình thương rộng lớn bao hàm,
Chúng sanh đâu cũng chỉ làm một thôi.
Giúp người được là vui hơn cả,
Không mong ai nghĩa trả ơn đền;
Thấy ai té cũng đỡ lên,
Là tình của kẻ tiến trên đường lành.
...Đời này quyết chí vãng sanh,
Để không còn khổ loanh quanh sáu đường!
Lọt ngoài sổ bộ Diêm Vương,
Ngao du tự tại mười phương an bình!”

Vào khoảng giữa năm 2010, ông thường hay bị sốt, gia đình đưa ông lên Bệnh Viện Đại Học Y Dược khám, thì được bác sĩ cho biết là men gan cao. Bác sĩ cho lấy thuốc đem về nhà uống.

Điều trị được gần một năm nhưng không thuyên giảm, nên ông lên tái khám lần 2. Khi này siêu âm thì thấy trong gan có hiện tượng lạ, bác sĩ bèn kêu chụp MRI cho chính xác, kết quả chẩn đoán là ông bị khối u gan. Bác sĩ đề nghị với gia đình nên phẫu thuật, nhưng ông tự biết chắc chắn rằng bệnh này không bao giờ chữa hết, nên ông không chịu giải phẫu. Người bạn của con ông có quen với bác sĩ là Giám đốc bệnh viện Chợ Rẫy, bác sĩ này khuyên ông:

- Thôi! Anh về sắp xếp đi, mổ càng sớm càng tốt, tôi sẽ đứng ra lo thủ tục cho anh mổ!

Ông không chịu và trả lời:

- Thôi, bệnh này trị không có hết đâu, mổ cũng vậy hà. Chừng nào Phật kêu thì đi chứ không có mổ!

Tuy ông nói vậy nhưng các con của ông thì muốn cho ông giải phẫu nên sắp xếp định đưa ông lên bệnh viện để giải phẫu, nhưng bà vợ kể lại giấc chiêm bao thấy những vị mặc áo như bác sĩ chỉ con đường tối phía trước và nói cho biết: “Đi vào con đường này là con đường tử nguyền!” Nghe bà kể như vậy ông quyết định không đi mổ, ở nhà điều trị thuốc Nam, thuốc Bắc khắp nơi, thỉnh thoảng thì lên thành phố tái khám lại, kéo dài cũng được gần một năm mà bệnh cũng không thuyên giảm, ông nói:

- Thôi đi! Uống thuốc nào cũng không bớt thì thôi mình lo công phu niệm Phật đi... chừng nào Phật kêu, Phật cho hay thì mình đi!...

Từ đó, ông nỗ lực công phu hơn. Ông tỏ ra không hề sợ sệt, trái lại ông thường phát nguyện: “Xin đức Phật A Di Đà sớm rước con đi!”

Bệnh hành ông đau cũng không nhiều, nếu đau quá thì uống thuốc giảm đau nhưng cũng rất ít uống. Từ lúc phát bệnh ông ngưng theo đoàn để hộ niệm, chỉ đi quanh nhà.

Đến chừng bệnh tiến triển nhiều thì ông từ chối không uống thuốc mãi đến khi mất khoảng một tháng. Ông vẫn đi tới lui sinh hoạt bình thường, ông hạn chế làm phiền vợ con chăm sóc đến mức tối đa.

Ngày 12 tháng giêng năm 2012, ông căn dặn với mọi người rằng: lúc ông tắt hơi không cho bốn đứa cháu nội và vợ lại gần ông, chỉ để cho Ban Hộ Niệm niệm Phật cho ông. Và khi mất thì đem ông đi hỏa táng. Trong lúc còn đi hộ niệm ông cũng có nhờ Ban Hộ Niệm của thầy Thiện Thành giúp hộ niệm cho mình và hứa là sau khi ông vãng sanh sẽ để lại cặp mắt cho thầy Thiện Thành, vì thuở trước trong lúc đi hộ niệm, Thầy Duy thấy cặp mắt của ông vừa to vừa đẹp, nên mới nói đùa:

-Nữa chú vãng sanh chú để lại cặp mắt cho thầy ghen?

-A Di Đà Phật! Được rồi, con sẽ để lại cho thầy!

Đến ngày rằm tháng giêng ông yếu nhiều, đi phải có người dìu đỡ, thường hay lên cơn mệt nhưng vẫn tỉnh táo sáng suốt, mỗi lần mệt thì nhờ Ban Hộ Niệm đến niệm Phật trợ duyên cũng được 3 lần.

Trước khi mất ông bỏ ăn khoảng 2 -3 ngày, chỉ uống ít nước trắng nhưng cơ thể ông không còn thấy đau nhức gì cả.

Lúc ông mệt nhiều hay khó thở người nhà thường vỗ lưng thì cơn mệt dần dần dịu lại.

Ngày 21, ông lên cơn mệt thật nhiều, các con và vợ xúm lại vỗ lưng khuyên ông ráng tinh tấn niệm Phật, bà vợ thấy ông mệt nên quỳnh quáng niệm Phật liên tục và nhanh, ông nói:

- Bà niệm lệ quá, làm sao tôi niệm theo cho được!

Bà vợ trả lời:

- Vậy thì ông niệm theo ông đi!

Sau đó gia đình cho Ban Hộ Niệm hay. Khi thầy Thiện Thành và một sư cô đến thì thấy ông đang nằm trên chiếc võng, chợt nhớ lại lời dặn dò của ông lúc trước là: “Nữa con ra đi, thầy cho con nằm hướng mặt nhìn về ngôi Tam Bảo!”

Vì thế nên thầy sắp xếp, xoay chiếc võng cho ông nhìn hướng lên Tam Bảo.

Tiếp đến thầy hướng dẫn cùng mọi người lạy Phật sám hối cho ông, một lúc sau thì thầy ra về, vì thấy ông còn khỏe, chưa đến đổi gì, với phần do bệnh đang trở nặng cho một bệnh nhân cũng trong tình trạng hấp hối. Từ đó gia đình thay phiên túc trực hộ niệm cho ông,

Khoảng hơn 9 giờ tối, cô con gái nuôi của ông đang theo đoàn đi hộ niệm cũng quay trở về hộ niệm cho ông. Cô thường đến bên cạnh nhắc nhở ông:

- Ba ơi! Ba ráng niệm Phật lên!

Ông cũng niệm Phật theo. Đến khoảng hơn 4 giờ sáng, trong lúc người con trai thứ Tư của ông vừa thắp hương trên Tam Bảo xong xoay sang nhìn ông thì thấy ông đang đưa tay cố tháo gỡ dây oxy ra nhưng không được, anh liền chạy lại hỏi:

- Ba ơi! Gỡ ống oxy hả?

Ông gật đầu. Khi tháo ra xong ông thở hước một cái rồi nhẹ nhàng ra đi trong tư thế nằm nghiêng bên phải trên võng, hai chân hơi co, lúc ấy đúng 4 giờ 15 phút sáng, ngày 22 tháng giêng năm 2012. Ông hưởng dương 57 tuổi.

Khoảng hơn 15 phút sau, Ban Hộ Niệm đến trợ niệm cho ông. Hộ niệm qua 12 tiếng thì thăm thân, các khớp xương đều mềm mại, sắc mặt tươi tắn, hoan hỷ. Thi thể được quàn lại 3 ngày mới đem hỏa táng tại lò thiêu của chùa Huỳnh Đạo.

Đến chừng hỏa táng xong, thu được rất nhiều xá lợi và hai con người màu trắng, hiện thầy Thiện Thành vẫn còn giữ, quả thật ông không thất hứa với thầy!

- * Trước khi mất khoảng 10 ngày, vào khoảng 9, 10 giờ tối, trong lúc đang ngồi vông lần chuỗi niệm Phật ông đã được thấy đức Phật A Di Đà phóng hào quang, ông kêu bà vợ và chỉ nhưng bà vợ không thấy. Ông có kể lại cho thầy Thiện Thành nghe, nhưng thầy khuyên: “Chú không nên nói ra sợ oan gia sẽ gây trở ngại cho việc vãng sanh của mình, nó theo nó báo oán làm cho mình không tinh tấn niệm Phật được!”
- * Sau khi ông mất khoảng hơn một tuần lễ, bà vợ đang nằm trong phòng nghỉ mở đèn sáng, bà thấy một hoa sen to lớn màu xanh hiện ra trên tường khoảng 1 -2 phút mới mất. Bà sợ là mình nằm mơ nên lấy tay xoa lên mặt.
- * Tuần thất thứ 3 vừa viên mãn (21 ngày sau khi ông vãng sanh) người con trai Út nằm mộng thấy nói chuyện với ông, ông cho biết là mình đã được vãng sanh Trung phẩm!

*(Thuật theo lời bà Trần Ngọc Dung
- vợ của ông và các con)*

30. ĐOÀN THỊ NUÔI

(1953 - 2014) 61 tuổi

Bà Đoàn Thị Nuôi sinh năm 1953, cư ngụ tại ấp Thuận Tiến A, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Song thân là cụ ông Đoàn Văn Như và cụ bà Nguyễn Thị Diệp. Bà là chị Hai trong gia đình có mười anh chị em.

Năm lên 20 tuổi bà kết hôn với ông Đoàn Trọng Nhường, người cùng bản xứ, sanh được ba trai hai gái. Gia đình bà sinh sống bằng nghề ruộng vườn.

Tính tình bà vui vẻ hoạt bát, tâm địa rộng rãi tốt lành, thương người, không câu chấp vụn vặt, dễ hòa đồng với đại chúng.

Đối nhân xử thế bà luôn từ ái khiêm nhượng, chưa hề mất lòng một ai.

Bà dạy dỗ con cháu trong nhà về hiếu hạnh, anh em phải nhường nhịn thương yêu hòa thuận với nhau... Đối với bà con cô bác lối xóm láng giềng phải biết cư xử sao cho hợp lẽ, đừng để xảy ra lỗi lầm mà làm cho mọi người buồn phiền, khinh bỉ!

Vào khoảng năm 1978 bà phát tâm ăn chay theo chồng để cầu cho cuộc sống được bình an, bớt gây tạo nghiệp sát sanh. Dần dà nhờ giao tiếp với các bạn thiện tri thức mà tâm đạo của bà lần lần phát triển, sự hiểu biết về Phật Pháp càng ngày càng sâu rộng hơn. Công khoá thường nhật của bà là hai thời lễ nguyện sớm tối đều đặn, sau thời lễ bái bà hay nằm vống tay lần chuỗi niệm Phật.

Bà cũng dạy các con sáng chiều nên cố gắng lễ bái cầu nguyện, khi rảnh rỗi phải thường thường niệm Phật để cho đời sống được bình ổn an vui.

Bởi xét thấy lợi ích của niệm Phật vô lượng vô biên, trong kinh Đức Phật tóm lại 10 điều:

1. Ngày đêm thường được tất cả các chư thiên đại lực thần tướng và hàng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.
2. Thường được 25 vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm, và nhiều vị Bồ Tát theo thủ hộ mình.
3. Thường được Chư Phật ngày đêm hộ niệm. Đức Phật A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.
4. Tất cả ác quỷ như: dạ xoa, la sát đều không thể làm hại, tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.
5. Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạn tử.
6. Những nghiệp ác về trước lần lần tiêu diệt, những oan mạng bị mình giết nhờ công đức niệm Phật đều được giải thoát không còn theo báo thù.
7. Đêm nằm nghỉ yên ổn hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.
8. Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ việc làm có kết quả tốt.
9. Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.
10. Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh Chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai, hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.

Bà là thợ nấu các món ăn chay, nên mỗi lần có người mời khi tổ chức Phật thất, hay niệm Phật định kỳ của các đạo tràng, trai tăng, lễ khánh thành tự viện, rằm lớn ở các chùa hay tịnh xá quanh vùng, hoặc các đám tiệc lễ lộc tại tư gia của bà con lối xóm... bà rất hoan hỷ làm công quả trong những dịp này.

Bà cùng chồng thường tham gia cộng tác với các đồng tu làm thuốc Nam thành phẩm biếu tặng khắp mọi nơi.

Thỉnh thoảng bà cũng cùng với các bạn đạo tham dự hộ niệm cho người lâm chung, và đi cầu nguyện tuần thất cho người đã mất. Bà cũng thường tổ chức hành hương lễ tưởng niệm Đức Phật Thầy Tây An ở núi Sam, Quan Thượng Đẳng Đại Thân Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang... hoặc đi cứu trợ thiên tai bão lụt ở các tỉnh miền ngoài.

Bà cũng ưa xem nghe kinh sách hoặc băng đĩa, những thứ nào bà cảm thấy đặc ý thì photocopy hay sang in ra để chuyển tặng cho nhiều người. Đặc biệt quyển Đường Giải Thoát và Mười Điều Ổn là hai tác phẩm mà bà ưa thích nhất. Đôi khi các bạn đạo đến nhà thăm viếng rồi bàn luận chuyện Phật Pháp tu hành. Quan điểm của bà là rất thích tu tạo phước đức: “Bạch trình giữ lấy nghĩa nhân; Muốn về cõi Phật lập thân cõi trần.” Như lời của Cổ Đức:

*“...Được lành chớ khinh cười kẻ rách,
Được sang đừng kiêu cách người hèn;
Không nên phân biệt lạ quen,
Thấy ai mắc nạn nên chen giúp giùm.
Mình được sống thì cùng người sống,
Mình được vui giúp chúng đồng vui;
Ở ăn mật thiết với người.
Sự thơm tho ấy còn mùi nào hơn.
Cuộc sống của thế trần hiện tại,
Cũng cần nên sửa cải như trên;
Giàu nghèo nâng đỡ nhau lên,
Bỏ đi cái lối sống riêng cho mình.
Ai cũng biết mở tình rộng rãi,
Nạn dân nghèo sẽ giải quyết xong;
Những điều cướp của lường công,
Không còn nghe thấy ở trong xóm làng.*

Tình bác ái người càng biết rộng,
Cảnh thái bình càng chóng hiện ra;
Nếu tình bác ái còn xa,
Thái bình cảnh ấy cũng là còn lâu.
...Thấy đau ốm ân cần thăm hỏi,
Thấy nạn tai phẩn khởi giúp giùm;
Ở ăn có thì có chung,
Ân tình xử vẹn, hiếu trung làm tròn.
...Mỗi người phải góp tay nhau lại,
Tán trợ nhau những cái nhu cầu;
Chớ nên chia áo rẽ bầu,
Phải thương nhau thể một đầu cha sanh.
...Chung sức giúp an lành cuộc sống,
Chung sức đưa ra bể luân hồi.
...Đời như giấc mộng mà thôi,
Dầu say sưa mấy rốt rồi cũng tan.
Đạo là chân độ hồn lẫn xác,
Sống có tình và thác có duyên.
Được tiêu các nghiệp đương tiền,
Và là được có đường Tiên Phật về.
Hãy tỉnh ngộ chớ mê đời tạm,
Đừng vì đời để phạm lỗi lầm,
Đạo mẫu xin hãy nhứt tâm,
Sớm khuya tu luyện cho mầm Đạo khai.
Nay không được thì mai cũng được,
Hãy nhứt tâm sau trước một niềm.
Sống đời có Đạo ở tim,
Xin đừng để Đạo chìm im trong đời.
Có Đạo như có Trời ấm nóng,
Không Đạo như không bóng Thái Dương.
Cho nên Đạo chớ coi thường,
Hãy nên coi Đạo trên hơn trần đời.
Dầu sống khổ dầu thời đại khổ,

Cũng rán lo kiên cố Đạo tâm.
 Sống không để sống lỗi lầm.
 Lúc nào cũng sống có tâm Di Đà.
 Đòi chỉ dắt người ta thống khổ,
 Đạo mới là giúp kẻ an vui.
 Đạo siêu, đòi đọa rõ mười,
 Hãy nên theo Đạo, còn đòi chó theo.
 Người đòi vốn đã đeo lăm nợ,
 Biết gỡ ra được có mấy ai.
 Nếu không theo Đạo Phật khai,
 Làm sao biết lối vượt ngoài trần gian.
 Đạo vừa siêu vừa làm hạnh phúc,
 Đòi đọa còn thêm cuộc thảm sầu.
 Cho nên Đạo hãy rán trau,
 Lúc nào cũng đặt chí cao hơn đời.
 Đạo mục đích nhắm nơi giải thoát
 Nhưng phải tu tự giác, giác tha.
 Vì người coi nhẹ cái ta,
 Miễn cho lợi chúng dù là hy sinh.
 Đạo lúc loạn như bình, vẫn thiện,
 Gặp khi loạn càng tiến thiện hơn.
 Cho người biết nghĩa biết nhân,
 Cho người bỏ oán làm ân trong đời.
 Đạo hành thiện cho người hết khổ,
 Đạo vốn là khai ngộ trừ mê.
 Đòi còn những cảnh thảm thê,
 Thì còn có Đạo không hề mất đâu.
 Người biết Đạo hãy sâu tin tưởng,
 Đừng chỉ trong tín ngưỡng nhút thời.
 Mạnh tâm Đạo tất thắng đời,
 Thắng đời tất đạt đến nơi đạo mầu.
 Người hiểu Đạo vừa cầu Phật độ,
 Vừa tự lo tu sửa thân tâm.

*Chính mình Đạo pháp cố chăm,
Càng soi cho kẻ khác tâm Phật môn.
Đời nếu biết chung tôn sùng Đạo,
Tất đời chia cơm áo cho nhau.
Đời ai Đạo đức cũng trau,
Thì không ai nở dạ nào hại ai..
...Chung giúp nhau Liên đài tiến bước,
Chung giúp nhau Tịnh Độ đồng sang.
Không còn khổ ách trần gian,
Không còn khổ nạn sáu đàng trăm luân!"*

Vì vậy nên bà hăng hái say mê làm tất cả các công tác từ thiện xã hội. Ông chồng thường khuyên bà, là mình muốn giải thoát thì cần phải tu huệ nữa, nếu không khéo chính phước báu nó sẽ trói cột mình ở lại trong cõi luân hồi chắc hơn, thật đáng sợ. Cho nên làm lành làm phước mà phải luôn luôn hồi hướng phước lành ấy về Tây Phương, không dính ở danh lợi. Nghĩa là hăng hái lăn xả giúp đời, cứu người thật lòng từ bi thương yêu chứ không vì danh vì lợi, cho nên trong khi làm ai khen cũng không mừng, ai chê cũng không buồn, lúc nào cũng niệm Phật, lúc nào cũng nhớ Cực Lạc. Như vậy mới là người có trí tuệ! Đúng như lời dạy:

*"Muốn khỏi kiếp hồng trần vĩnh viễn,
Thì lòng đừng lưu luyến thế gian;
Làm nhân làm phước muôn vàn,
Cũng đừng mong hưởng tại đàng trần ai.
Một mực nhắm Như Lai tiến tới,
Cắt đứt bao nhiêu sợi oan trần;
Tu cho khỏi trở phạm thân,
Chớ mong tu hưởng phước trần về sau.
Phước trần chỉ sang giàu danh vọng,
Nhưng cũng như giấc mộng không hơn;*

*Một khi thần chết đến gần,
 Giàu sang danh vọng cũng quăng lại đời.
 Phước một lúc tội lỗi muôn thuở,
 Đó thường là phước ở thế gian;
 Vì khi hưởng phước giàu sang,
 Bị giàu sang khiến mê man tâm hồn.
 Cho nên Đức Thế Tôn đã bảo,
 Tu chớ mong phước báo cõi trần;
 Bao nhiêu việc đức việc nhân,
 Nên nguyên hồi hướng về chân Niết Bàn.”*

Đối với người niệm Phật cầu vãng sanh thì “chân Niết Bàn” ở đây là chỉ cho thế giới Tây Phương Cực Lạc!

Vào khoảng năm 2000 bà ngã bệnh, thân quyến đưa bà vào Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, rồi sau đó ra Bệnh Viện Chợ Rẫy mới phát hiện bà bị bệnh tiểu đường. Khi về nhà bà chuyên dùng thuốc Nam. Được một thời gian sức khỏe tạm thời được bình phục, rồi bà vẫn tiếp tục vừa làm các công việc từ thiện và vừa lo tu trì như trước.

Vào đầu tháng 9 tháng 2014 toàn thân bà sưng phù, bác sĩ ở bệnh viện Chợ Rẫy chẩn đoán là biến chứng của bệnh tiểu đường. Nằm ở đây một tuần thì xuất viện. Đến ngày mùng 6 tháng 11 năm 2014 bà bị hôn mê, người nhà chuyển bà vào Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Qua ngày kế bà tỉnh lại nói chuyện bình thường. Nhưng ngày kế nữa bà lại tiếp tục chìm vào cơn hôn mê thật dài, trải qua liên tiếp trọn cả tuần lễ. Các con hỏi bác sĩ về bệnh tình của mẹ mình, thì được bác sĩ cho biết đây là bệnh tiểu đường đã biến chứng sang não. Thấy Tây Y thực sự đã bất lực, không còn chút hy vọng nào được phục hồi nên người thân đã xin với bác sĩ cho bà xuất viện về nhà để lo hộ niệm.

Sáng ngày 16 khi làm giấy tờ xuất viện xong thì bà đột nhiên tỉnh lại, lúc các con báo tin cho bà biết rằng sắp sửa chở về nhà để lo hộ niệm, thì thấy nét mặt của bà vô cùng hoan hỷ vui mừng.

Về đến nhà gia đình mời bà con lối xóm và chư đồng tu đến cầu nguyện cùng hộ niệm cho bà. Trải qua ba ngày, thấy bà khỏe nhiều nên ngừng cuộc trợ niệm lại. Rồi sau đó không mấy chốc thể lực của bà ngày một suy kiệt dần, giọng nói ngày một khó khăn, người nghe rất khó tiếp thu. Dù vậy trí nhớ của bà vẫn còn rất tốt, nhận biết chính xác mọi thứ.

Đến sáng ngày 26 bà bắt đầu lên cơn mệt. Tình cờ giữa trưa hôm ấy có cô Út Vân, bạn đồng tu của bà nhân đi cầu nguyện tuần thất ở gần đó, tiện dịp bèn ghé thăm. Thấy bà mệt nhiều nên cô lại gần nói với bà rằng:

-Chị Hai à! Mình đã quy y với Thầy rồi, bây giờ mình phải quy y với Đức Từ phụ A Di Đà, phát nguyện cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới an lành của Ngài, nghen chị!

Vừa nghe xong bà vui vẻ gật đầu. Cô Út liền đọc lời phát nguyện vãng sanh lớn cho bà nương để phát nguyện theo. Rồi cô nói tiếp:

-Bây giờ em niệm Phật, chị rán niệm theo tụi em nghen chị!

Bà gật đầu. Cô Út liền lớn tiếng niệm Phật cùng với một số người thân trong gia đình.

Trải qua hơn một tiếng đồng hồ, cô Út lại gần dặn dò bà:

-Đức Phật A Di Đà đang trên đường rước chị đó! Chừng nào thấy Phật đến chị mỉm cười, báo tin cho chúng em biết nghen chị!

Mặc dù rất mệt, đang thở hơi lên nhưng bà cố gắng dùng hết sức ngừng lại để lắng nghe cô dặn dò. Khi nghe đề nghị

như thế bà khẽ gật đầu. Rồi bà tiếp tục niệm Phật theo mọi người.

Hơn nửa giờ sau, trong khi Phật hiệu chậm chậm ngân vang, đột nhiên bà nở một nụ cười. Bao đôi mắt đổ dồn hướng về phía bà. Độ chừng hai phút, bà lại nở một nụ cười lần thứ nhì. Giây lát sau bà lại mỉm miệng cười lần thứ ba rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, trong nỗi mừng vui cùng niềm mơ ước của bao người hiện diện đang vây quanh hộ niệm. Lúc ấy đúng 2 giờ 45 phút chiều, ngày 26 tháng 11 năm 2014. Bà thọ 61 tuổi.

- * Đến 4 giờ chiều, bỗng đâu một mùi hương lạ sực nức lan tỏa khắp cả gian phòng kéo dài trong khoảng ba mươi phút, chẳng ai biết là mùi hương gì.
- * Đến 11 giờ khuya, mùi hương lạ lại một lần nữa xuất hiện nhưng chỉ kéo dài khoảng mười phút mà thôi!
- * Qua hơn tám tiếng đồng hồ sau khi bà tắt hơi, thăm thân thì thấy các khớp xương mềm mại, gương mặt nhuận sắc hồng hào tươi vui.

*(Thuật theo lời của: Đoàn Trọng Nhường,
Đoàn Thị Hương, chồng và con của bà,
và đồng tu Út Vân).*

31. BÙI THỊ GIẢNG

(1921 - 2017) 96 tuổi

Bà Bùi Thị Giảng sinh năm 1921. Song thân là cụ ông Bùi Văn Sên và cụ bà Trịnh Thị Triệu. Bà có tất cả 4 anh chị em, bà là con thứ Tư trong gia đình.

Khi đến tuổi hoa xuân bà kết hôn với ông Bành Văn Dũng. Sinh được 6 người con, 5 trai, 1 gái. Gia đình cư ngụ ở tổ 3, khóm 3, thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Gia đình bà sanh sống bằng nghề làm ruộng, buôn bán tạp hóa phụ thêm, nhưng toàn bộ đều do chồng và các con gánh vác, còn nghề riêng của bà là thợ may và nội trợ, vả lại sức khỏe của bà chẳng mấy khả quan!

Tính tình của bà trước khi tu thì rất khó, nghiêm khắc, nhưng rất thương anh em, sống chan hòa giữa hai bên, bên chồng cũng như bên mình.

Sau khi tu tính tình bà dễ dãi, rất buông xả, bà rất ít nói chuyện, mỗi khi có ai viếng thăm bà thường nhắc lại bài kệ của Bồ Tát Long Thọ:

*“Ít nói một câu chuyện,
Niệm nhiều một câu Phật.
Đánh chết được vọng niệm,
Để Pháp thân hiển lộ.”*

Khi thấy các con cháu tụm năm tụm ba nói chuyện nhiều thì bà hay rầy, vì bà cho rằng nên dùng thời gian đó để chuyên tâm niệm Phật có lợi ích, hơn là vui cười trong chốc lát lại gieo nhân xấu ác cho mình, ở tương lai sẽ phải gặt hái khổ đau.

Bà đến với Tam Bảo rất sớm, các con cháu không ai nhớ rõ là năm tháng nào! Nhưng mãi đến năm 1975 bà mới phát

tâm ăn chay trường, chuyên lo niệm Phật tu hành, giao phó mọi chuyện gia đình cho con cháu, bà buông bỏ trụi lủi, không hề hỏi han gì đến việc kinh tế làm ăn đắc thất, được mất của dâu con thế nào,... cho đến... cái nhà mà bà cũng không thêm quét!

Có lần bà tâm sự với thím Hai rằng:

- Hồi đó tại vì không có biết Phật Pháp sớm, chớ nếu má biết Phật Pháp sớm thì má không có lập gia đình đâu!

Bà ở chung với gia đình người con trai thứ Hai, mỗi năm bà tịnh tu 100 ngày, từ tháng 4 đến tháng 7. Trong thời gian này bà cấm túc không hề đi đâu hết (kể cả tang sự của thông gia, bà cũng không ra thất). Bà dùng ngọc và cũng tịnh khẩu, nếu có cần gì thì ghi vài chữ vào giấy.

Công khóa thường ngày của bà là ba thời lễ bái sám nguyện rồi ngồi niệm Phật, cũng có thời gian trì chú Lăng Nghiêm.

Trong phòng bà có trang trí hình Bồ Tát Quan Âm, về sau đổi lại Tây Phương Tam Thánh.

Có lần bà bị đau bụng khó chịu, chú Hai đưa bà đi khám bệnh ở bệnh viện Đa Khoa Long Xuyên, nằm ở đây một tuần lễ, khám không ra bệnh nên chuyển bà ra bệnh viện Chợ Rẫy. Qua quá trình khám nghiệm bác sĩ phát hiện thận có khối u, liền đề nghị bà giải phẫu, bà chấp thuận; nhưng đến khi hội chẩn lại thì bác sĩ cho biết bệnh này không thể giải phẫu được nên cho bà ra về.

Khi về nhà, mặc dù bệnh phát tác dữ dội, tay chân run run, sụt cân trầm trọng, thân hình quá đỗi suy gầy, có thể “ra đường gió bay”; nhưng, nhờ bà ngày đêm chí thành niệm Phật, lần hồi bệnh dần dần biến mất.

Một hôm, bà kể với cô cháu nội:

- Nội bệnh nặng, nhờ nội chí tâm niệm Phật mà nội hết bệnh, khối u nó tiêu luôn, Phật Pháp rất là nhiệm mầu, bà nói với con cháu để con cháu noi theo!

Và cũng có nhiều lần đang nhập thất đột nhiên bà lâm bệnh, nhờ niệm Phật mà bệnh tật tiêu trừ ách tai bay biến, chính vì vậy niềm tin của bà đối với công đức danh hiệu Phật A Di Đà ngày một thêm sâu chắc hơn.

Do nhân duyên đó mà năm người con của bà đồng bắt chước theo gương bà đều ăn chay, sớm chiều lễ Phật. Quả thật đúng như lời khai thị của người xưa:

*“...Gặp chánh Đạo rán tu thành Phật,
 Đừng thôi tâm để rút lại phàm.
 Thà bần cùng đức hạnh gìn kham,
 Hơn phú quý lỗi đàng Đạo Nghĩa,
 Tu thì đạo phải lo trau tria,
 Đạo không hành mất nghĩa nhà tu,
 Thấy những người Đạo bỏ công phu.
 Cổ nhân tiếc hơn châu ngọc mất,
 Được làm người được theo Đạo Phật,
 Ấy là người hữu đức hữu duyên.
 Nếu nhứt tâm tu niệm cần chuyên.
 Kiếp này có thể lên Phật Quốc.
 Há vì cái lợi danh tạm vật,
 Mà để cho vĩnh kiếp trầm luân.
 Mình lỗi không tự đọa riêng thân,
 Mà còn khiến đọa luôn dòng dõi.
 Nếu mình được nợ trần thoát khỏi,
 Có thể làm mở trối tông môn.
 Nỡ nào vì sung sướng cá nhân,
 Không nghĩ tới Tứ Ân trọng đại.
 Người ở quấy tất không khỏi hại.*

Tội đến nơi mới cải muộn rồi.
Có lỗi lầm phải hối đi thôi,
Hối trước lúc Phật Trời trừng phạt.
Đội nước ngập đến be mới tát,
Tất gỏi thân cá mập cá xà.
Nhân quả cần suy nghĩ kỹ ra,
Chớ vì lợi riêng ta mà khổ.
Dù đời có lắm điều cám dỗ,
Phải chủ tâm đừng có nghe theo.
Nghe theo đời thường mắc nạn eo,
Nghe theo Đạo mới nhiều hạnh phúc.
Đã biết được con đường Đạo đức,
Nên nhứt tâm theo Phật mà thôi.
Theo Phật thì tất khỏi luân hồi,
Theo đời khó tránh nơi Lục Đạo.
Muốn sáng sửa nghe lời Phật bảo,
Muốn tối đen nghe lũ ma trêu.
Mặt hạ đời có Phật thầy kêu,
Không nghe đến thì tiêu hồn xác.
Cổ Đức muốn vạn dân giải thoát,
Mãi y theo lời Phật khuyên luôn.
Khuyên nhủ luôn như giọt nước nguồn,
Bốn mùa vẫn cứ tuôn ra mãi.
Nghe rất thương, không nghe cũng ái,
Chỉ tùy duyên giảng dạy cho tu.
Giải quyết xong các nghiệp phàm phu,
Cùng chư Phật đồng cư chín phẩm.
Nơi biển ái không còn chìm đắm,
Khổ tử sanh hết bám vào thân.
Vô minh không còn phủ thức thân,
Bỏ lai tánh được chân diện mục.
Tuy còn ở phàm mà hết tục,
Thân trần nhưng tâm Phật Như Lai.

Duyên đời còn, còn ở trần ai,
 Duyên đời hết thì bay về Phật.
 Trên hình thức gọi là còn mất,
 Nhưng thật ra đã hết tử sanh.
 Sáu đường trần khó trước lòng thanh,
 Thân tâm được trọn lành trọn sáng.
 Tu cao cả rần tu đừng chán,
 Tu chớ nên kể tháng kể năm.
 Trên đường tu chung thả nhứt tâm,
 Sống thác vẫn tu tâm tới Phật.
 Chí nguyện trọn gìn không để mất,
 Tất có ngày kiến Phật non Linh.
 Như Huyền Trang Tam Tạng thỉnh kinh,
 Dùng trí đạo thắng tình ma mị.
 Nếu vì tình nặng hơn vì trí,
 Thì Huyền Trang đã lụy yêu ma.
 Tất còn gì gặp được Thích Ca,
 Để thỉnh lấy cả ba kinh tạng.
 Tu bị thử thách nhiều giai đoạn,
 Thử ngoại thân thử đến nội tâm.
 Tu mà không trí Đạo dễ lầm,
 Trí Đạo cả quyết tâm càng thắng.
 Tu khó mấy cũng luôn cố gắng,
 Thì công tu chắc chắn được thành.
 Việc tu là cốt ở sự hành,
 Hành không đúng khó nên Đạo quả.
 Đời vật chất văn minh thái quá,
 Dễ làm cho lòng dạ say mê.
 Không chủ tâm lạc mất đường về,
 Trông gì được tới quê cảnh Phật.
 Đời tạm giả nay còn mai mất,
 ...Kiếp con người quả thật mong manh.
 Khác chi chuông treo sợi chỉ mảnh,

*Nên khá sớm
Tìm phương giải thoát.
Nương chánh giác,
Mình và người,
Về Cực Lạc!”*

Vào những thập niên 80 bà tham dự xuyên suốt các đợt Phật thất định kỳ tại đạo tràng của cô Bảy Lánh ở Thốt Nốt, ít khi vắng mặt. Nơi đây vì để khích lệ cho các hành giả, nên ban tổ chức có mở những cuộc thi đua, bà cùng vài vị nữa thường hay nhận giải thủ khoa, ngồi niệm Phật với thời gian dài nhất là hơn 3 giờ đồng hồ.

Bà cũng có đi niệm Phật ở tịnh xá Ngọc Mai.

Đối với các công tác của hội từ thiện bà cũng thường đóng góp vào.

Băng đĩa bà thường xem nghe là bộ Hiến Đạo và Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ. Vì nhận thấy Phật Pháp cần nên lưu thông, đăng gieo rắc ánh sáng giác ngộ khắp tất cả mọi nơi, ngõ hầu nhân sinh thấm nhuần lợi lạc, nên bà sang in ấn tặng rất nhiều những băng đĩa cho các bà con thân quyến cùng bè bạn liên hữu gần xa!

Bà ít tiếp xúc với con cháu, chỉ chuyên ở trong phòng niệm Phật, khách khứa đến nhà cũng vậy, bà cũng không ra chào hỏi, ai buồn bà cũng chịu, bà chỉ chuyên lo niệm Phật. Có lần cô cháu nội hay vô phòng hỏi bà:

- Nội ơi! Khách lại viếng thăm, chắc tại nội không ra chào người ta... nên có nhiều người trách rằng bà không có hòa đồng với mọi người!

Bà trả lời:

- Kệ, ai nói gì thì nói!

*Ít nói một câu chuyện,
Niệm nhiều một câu Phật,
Đánh chết mọi vọng niệm,
Pháp thân người hiển lộ.*

Ngưng một tí bà lại nói tiếp:

*- Mặc tình ai gièm pha tai tiếng,
Sửa tâm lành như miếng hoa thơm,
Tới chừng hoa nở nhụy đơm,
Thì là trần thế mới hờm bẻ hoa...*

Lần nọ, cô cháu nội về thăm bà, bà nói:

- Để nội chúc cho con một bài ghen:

*Chúc cho con rán lo tu hành giải thoát,
Được thanh thoi gió mát nhẹ nhàng.
Phốt qua cây ngọc lá vàng,
Tiếng kêu vi diệu như ngàn nhạc âm.
Chúc cho con thiện căn phấn chấn,
Lo tu hành tinh tấn thành công.
Tu hành chánh niệm thường lòng,
Niệm Phật, niệm Pháp tịnh lòng siêu thăng.
Đến đây nội có duyên căn,
Chúc cho con được siêu thăng Phật đài.
Đến đây chấm dứt đôi bài,
Chúc cho con được về châu Như Lai.*

Ngày mừng 9 tháng 3 năm 2017, vào lúc khoảng 2 giờ khuya, cô Út dẫn bà đi tiểu, tiểu xong bà tự đứng lên liền bị sạm, gia đình đưa bà lên bệnh viện chụp hình thì cho biết bị

gãy xương chậu, bà chỉ nằm một chỗ, nhờ con cháu dìu đỡ, mỗi ngày có đứa cháu là bác sĩ đến chích thuốc, tuy di chuyển rất đau nhưng bà không có rên than.

Trước khi mất con cháu thay phiên hộ niệm liên tục cho bà khoảng 10 ngày, cô con dâu thứ Sáu của bà cũng tham gia trong Ban Hộ Niệm, cô này thường đưa hình đức Phật A Di Đà cho bà xem và nhắc:

- Má ráng niệm Phật về với đức Phật A Di Đà, nếu như có ông bà cha mẹ anh chị em nào đến rủ má, thì má không được đi, mà má chỉ đi với đức Phật A Di Đà thôi, đức Phật A Di Đà có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, má nhìn theo đức Phật này, má nhớ đi theo đức Phật này! Má ơi! Má có nhớ niệm Phật không?

Bà gật đầu, rồi đáp:

- Má nhớ!

Khi bà muốn cái gì thì bà nhìn hai bên hàng ghế con cháu đang ngồi, hễ bà thấy cô con dâu thứ Sáu là bà đưa cái tay lên, cô này hiểu ý, liền hỏi:

- Má ơi, như vậy là má muốn phát nguyện vãng sanh về với đức Phật A Di Đà phải không?

Bà gật đầu đồng ý và chấp tay nguyện thầm theo cô con dâu:

- Cúi xin đức Phật A Di Đà, con tên Bùi Thị Giảng, 96 tuổi, xin phát nguyện vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi phổ độ chúng sanh A Di Đà Phật!

Cô phát nguyện ba lần như vậy cho bà, rồi cô nói:

- Thôi! Bây giờ má tự niệm Phật đi, con không niệm Phật cho má đâu! Má tự niệm một mình đi!

Bà liền chấp tay xá và niệm ba lần:

- Nam Mô A Di Đà Phật.

Trước khi mất 3 - 4 ngày bà hoàn toàn bỏ ăn bỏ uống. Bà không nói chuyện nữa chỉ chuyên lo niệm Phật, con cháu có hỏi gì thì bà gật, lắc đầu hoặc ra dấu.

Ngày 14, lúc khoảng 8 giờ sáng, cô con dâu hỏi bà:

- Má ơi! Má có niệm Phật không má? Má ráng niệm Phật nghen má!

Bà liền gật đầu. Cô con dâu nói tiếp:

- Má ơi! Con niệm Phật với má nghe! Má nhớ niệm Phật nghe má! Má niệm Phật đi đặng mình phát nguyện vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, mẹ con mình hội ngộ nhau trên đó nghen má! Má nhớ nghen má!

Bà trả lời:

- Ừ!

Cô con dâu thấy hơi thở của bà đã dồn lên trên ngực, không còn thở bụng nữa, nên cô cùng với người chị dâu thứ Năm ngồi hai bên niệm Phật tiếp cho bà, và điện cho mọi người biết là bà sắp ra đi. Một hồi sau, khi gia quyến hay tin liền lần lượt kéo về. Kế đó chú Ba về tới và nói cho bà hay rằng, tất cả các con cháu đã hội tụ đầy đủ rồi!

Mọi người vây quanh niệm Phật với bà chưa bao lâu thì bà nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, trong âm thanh vang rền của câu Hồng Danh Vạn Đức, lúc đó đúng 9 giờ 45 phút sáng ngày 14 tháng 5 năm 2017. Bà hưởng thượng thọ 96 tuổi.

Đến 7 giờ 45 phút chiều (niệm được 10 tiếng đồng hồ) cô dâu thăm thân của bà thì thấy các khớp tay chân mềm dịu, sắc mặt, đôi môi hồng hào rất đẹp.

Đến 9 giờ tối mới nhập liệm.

Lúc còn sanh tiền bà không dặn dò gì về hậu sự cho mình như thế nào, các con muốn làm sao thì tùy. Thấy bà tu tốt nên chú Hai quyết định đem bà hỏa táng, may ra có xá lợi cho bà con đồng đạo thấy mà tu tiến thêm cho có phước.

Qua ngày sau vào lúc 11 giờ sáng, gia đình đưa bà đi hỏa táng ở lò thiêu Châu Đốc. Sau đó đem tro cốt của bà về chùa thì phát hiện có khoảng hai mươi mấy viên xá lợi nhỏ như hạt tiêu, xá lợi nhỏ khoảng 40 viên, nhiều màu lấp lánh, có viên nhỏ như đầu đũa ăn màu trắng đen như pha lê, có viên nhỏ như ngón tay út màu đen như cẩm thạch, có viên nhỏ như cây chân nhang màu trắng khi để vô đĩa rượu nó chiếu lấp lánh như kim cương.

Từ đó con cháu rất tin tưởng và phát tâm noi theo tấm gương của bà lo tu hành.

*(Thuật theo lời: Bành Kim Sơn, Trần Thị Cưng -
con trai, con dâu và các con cháu của bà)*

32. HỨA NGỌC PHÁP

(1960 - 2016) 56 Tuổi

Ông Hứa Ngọc Pháp sinh năm 1960, nguyên quán ở Mỹ Đức - Châu Đốc. Song thân là cụ ông Hứa Ngọc Tài và cụ bà Phan Thị Thanh. Ông là con thứ Bảy trong gia đình có mười anh em.

Từ thuở thiếu thời cho đến lúc trưởng thành ông đã đeo đuổi ngành y khoa, nên khi tốt nghiệp đại học ra trường ông công tác tại bệnh viện Đa Khoa Châu Đốc. Một thời gian sau đó thì ông kết hôn với một đồng nghiệp là Trương Thị Lan Hoanh vào năm ông 25 tuổi, sinh được hai người con trai. Địa chỉ cư ngụ ở số 108, đường Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc.

Tính tình ông nóng nảy, tuy có phần nghiêm khắc đối với vợ con, lời nói chẳng mấy nhẹ nhàng, ngọt ngào; mở miệng ra....là... đòi đá...; nhưng cách cư xử đối với bạn bè đồng nghiệp thì ông rất là hiền hòa nhã nhặn, vui vẻ, ít nói, hay cười; đối với xóm giềng cũng vậy, không méch lòng với ai, nên mọi người đều thương mến ông.

Vì ông là một bác sĩ nội khoa có tay nghề khá, nên việc chữa trị bệnh cho mọi người tương đối thuận lợi, do vậy sinh hoạt kinh tế gia đình rất ổn định.

Nhưng rồi cuộc đời vốn dĩ vô thường! Đời sống đang trôi chảy tốt đẹp bỗng dưng ông ngã bệnh vào năm 2011. Qua quá trình khám nghiệm nhiều nơi danh tiếng, như bệnh viện Chợ Rẫy, bệnh viện Việt - Pháp, bệnh viện Đại Học Y Dược... Các bác sĩ chuyên khoa đều bó tay, không có thuốc chữa vì bệnh của ông là bệnh “thoái hóa tiểu não do di truyền”!

Đa phần bác sĩ các nơi đều xử lý bằng cách cho lãnh thuốc bổ về uống, nhưng ông không uống nổi.

Được biết căn bệnh này đã truyền từ ba đời, là ông ngoại, ba người con của ông ngoại trong đó có mẹ ông, rồi năm anh em ông hiện giờ.

Vì bản thân hai ông bà nằm trong ngành y, cũng hiểu biết rõ bệnh trạng, nhưng vẫn nuôi hy vọng cầu may nên đã đi khám và chạy chữa Đông Tây, mất một khoảng thời gian gần một năm, rồi mới thực sự an phận với số phần định mệnh của mình!

Bà thấy trong gia đình chồng mình, có mười người con, mà năm người đã bị bệnh di truyền. Bản thân chồng cũng là một bác sĩ đương thời, đang chữa bệnh cho mọi người tương đối khả quan, đang làm ăn thuận lợi rất là tốt vậy mà lại rơi vào căn bệnh quái ác không có thuốc chữa này. Bà cảm thấy rất buồn, bà không ngờ... và cảm thấy rất là chối với, hụt hẫng. Buồn quá bà lên mạng tìm pháp để nghe. Nghe xong bà mới chợt giác ngộ Phật Pháp...

Đầu tiên là bà lên mạng tìm nghe quý thầy thuyết giảng về luật nhân quả, ứng dụng Phật Pháp vào đời sống hằng ngày. Kế đến gặp được một vị Phật tử tu pháp môn Tịnh Độ ở chùa Kim Tiên do thầy Thiện Thành trụ trì, thuở xưa cô Phật tử này đi khám bệnh ở bệnh viện Tri Tôn, vì cảm động trước thiện hạnh chăm sóc bệnh nhân của bà, nên vị này mới mời bà đến đạo tràng An Phước để cộng tu vào những ngày chủ nhật, bà nhận lời.

Lần đầu tiên đến đạo tràng cộng tu, bà vô cùng vui mừng thích thú, có lẽ thiện căn quá khứ gặp được duyên lành tuổi tằm nên nhanh chóng đắm chìm nảy lộc. Bà cảm động đến đôi

roi lệ đầm dề, vì đây là đạo tràng mà bà hằng mơ ước, và lấy làm hối tiếc phải chỉ mình biết đạo tràng này sớm hơn bà sẽ đưa mẹ của mình đến đây tu! Thế là bà về kể lại cho chồng con nghe. Và cũng từ đó bà đưa hết mọi người trong gia đình qua chùa tập tu vào các ngày chủ nhật. Thời khóa chính yếu ở đây vẫn là tụng kinh A Di Đà và niệm Phật.

Lúc đầu ông cũng còn giải đãi, bà liền khuyên:

-Mình nghe kinh Phật, nghe Phật Pháp... biết bệnh đây là do nghiệp không thể nào chữa được... Anh ăn chay, anh niệm Phật, nghiệp sẽ chuyển đổi và tiêu trừ!

Bà bắt đầu làm gương trước, bà phát tâm ăn chay vào năm 2013 (trước chồng 1 năm) nhằm chứng minh cho chồng thấy rằng ăn chay vẫn có đầy đủ chất dinh dưỡng, đầy đủ sức lực và khỏe mạnh bình thường, chứ không như những gì mà xưa nay ông vẫn thường quan niệm lệch lạc trái ngược như vậy. Đồng thời bà lên thời khóa niệm Phật, lạy Phật mỗi ngày cho chồng thấy. Bà còn đi theo ban hộ niệm, niệm Phật trợ duyên cho những người bệnh nặng để cho chồng từ từ có tín tâm rồi bà mới khuyên ông dùng trường trai. Thế là một năm sau ông chồng cũng chịu phát tâm ăn chay, chịu niệm Phật giống vợ mình.

Sau khi tu thì tánh tình của ông thay đổi rất nhiều, không còn nóng nảy như thuở trước, mà dịu dàng nguôi hằn ra, quả thật không cô phụ tấm lòng từ bi của chư Phật và chư Bồ Tát. Các Ngài cũng như bà mẹ lúc nào cũng thương tưởng chăm lo cho đàn con dại của mình, luôn thiết tha tận tường giảng dạy khuyến tấn:

*“Khổ mới tu rán tu cho giải khổ,
Chớ nản lòng khi nạn nọ tai kia.
Phước càng tăng thì tai họa càng lìa,
Ngục đời mở phải nắm chìa khóa đạo.
Tu cố bước cho Tây Phương Phật đáo,*

Lắm chông gai hay khổ báo mặc dù.
Nếu kiếp này không tu thoát phàm phu,
Kiếp tới mãi chìm sâu trong biển khổ.
Khó gặp Phật để cầu xin cứu độ,
Khó làm người để nghe rõ kệ kinh.
Tuy khó tu trong đời sống đao binh,
Rán tu có được thần minh ủng hộ.
Tu thì phải tu cho lòng tỏ ngộ,
Đem pháp tu ra tế độ nhơn sanh.
Dùng đạo mầu làm đời trước hóa thanh,
Lấy chánh giáo biến khổ thành Cực Lạc.
Đã biết rõ cõi trần là dối gạt,
Hãy quyết tu đừng để mắt say sưa.
Hãy nhìn đời như mây bị gió đưa,
Tắt lòng dạ thích ưa đời sẽ chết.
Lau mãi tắt sạch gương đầy bụi bết,
Luyện luôn thì sẽ hết tánh phàm phu;
Đạo muốn thành cần phải dẻo chí tu,
Cả đời sống hướng về cầu giải thoát.
...Người nhớ Phật chỉ là có một,
Phật nhớ người nhiều tựa cát sông Hằng.
Ví dầu cho có thủy kiệt sơn băng,
Lòng Phật nhớ chúng sanh không thể mất.
Bất luận chúng sanh nào trên quả đất,
Phật vẫn thương trợ giúp khỏi trần ai.
Khổ chúng sanh Phật chẳng muốn thêm dài,
Phật muốn chẳng còn ai luân hồi nữa.
Phật thấy vạn sự đời như đèn lửa,
Còn người như các con bọ thiêu thân.
Vì say mê danh lợi dục tình trần
Gây tội khổ xác hồn không thể tả
Mỗi ác nhân mỗi kết thành ác quả
Khiến khổ đau đầy đọa kiếp con người.

Kết cuộc rồi ai cũng phải chết đi thôi
 Đời người tựa bọt nước trôi trên biển cả
 Sanh rồi tử sum họp rồi tan rã,
 Ấy chính là định nghiệp đã từ xưa,
 Cõi siêu sanh được có Phật tìm đưa,
 Nên theo Phật ấy là cơ giải thoát.
 Trên đường đến Như Lai và Bồ Tát,
 Chớ buồn khi nắng gắt với mưa to
 Ngày như đêm vẫn nhứt nguyện lần mò
 Sẽ tới được chỗ dạn dò của Phật.
 Lòng tin Phật nơi người không dễ mất,
 Chắc chắn người được Phật độ không sai,
 Rán tu hành trong cảnh khổ đời nay
 Khổ ấy sẽ đổi ngày vui vĩnh viễn.
 Người hạnh phúc khi nào người hướng thiện
 Đời an vui khi đời tiến đường lành.
 Tuy ở trong xã hội đua tranh
 Rán sống thiện chớ nên sanh sống ác.
 Ta Bà khổ muốn trở thành Cực Lạc,
 Chúng sanh nên theo Phật phát từ tâm.
 Nên cứu nhau hết khổ hết mê lầm.
 Sống cùng phước thác cùng làm Phật Thánh.
 Ở phàm cảnh nhưng sống tình Phật cảnh,
 Người cùng lành cùng tánh Phật như nhau.
 Ấy là điều từ lâu Phật ước ao.
 Muốn sanh chúng đâu đâu đều được vậy...
 ...Sớm khuya cố gắng tu hành,
 Tâm linh cho mở, tánh lành cho thêm.
 Sóng lòng cố lắng cho êm,
 Để cho bóng nguyệt được tìm thấy ra.
 Muốn gần Đức Phật Di Đà,
 Người cần phải có món quà chơn tâm.
 Tây phương chớ ngại xa xăm,

*Có thuyền bát nhã đảo lâm rước về.
Cánh sen Cực Lạc tên đề,
Người đi xa mấy rán về chỗ quên.
Kẻ tu đạo cả được nên,
Là do ở cái chí bền mà ra...”*

Bệnh của ông dần dần nặng nhiều, thoái hóa tiểu não dẫn đến thoái hóa xương, sự đi đứng bắt đầu khó khăn, xung quanh vách nhà phải cặp tay vịn bằng inox để cho ông tập đi tới, đi lui. Mọi động tác của ông đều bị mất thăng bằng... Cuối cùng đến năm thứ ba ông phải nằm một chỗ, mặc dù tự xoay trở được nhưng tất cả mọi sinh hoạt đều phải nhờ người nhà chăm sóc.

Ông phát tâm tu năm 2013, phát tâm trường trai vào năm 2014.

Bà còn nhờ ban hộ niệm niệm Phật trợ duyên (khoảng mười mấy người), lần đầu trợ duyên 3 ngày liên tiếp. Về sau khi rảnh không có niệm Phật với người bệnh, thì mỗi tuần ban hộ niệm đến cộng tu được khoảng một hoặc hai lần vào buổi chiều để cùng niệm Phật và khuyến tấn cho ông. Chú Minh Đường là trưởng ban cũng thường trợ duyên cho ông. Ông cũng rất hoan hỷ, tin tưởng và làm theo sự hướng dẫn của chú. Hôm nào nghe nói có đoàn lại niệm Phật với ông thì ông rất vui mừng và trông ngóng.

Vì ông hay hôn trầm và buồn ngủ, nên mọi người trong nhà thường xuyên nhắc nhở ông nhớ niệm Phật. Ông chỉ lễ Phật vài lễ, rồi ngồi dựa ghế niệm Phật và nghe vợ tụng kinh A Di Đà, sám hối, phát nguyện vãng sanh... mỗi buổi chiều khoảng 2 tiếng đồng hồ. Thời gian còn lại thì mở máy niệm Phật cho ông nghe và niệm theo xuyên suốt.

Bà cũng thường mở các băng giảng của Hòa thượng Tịnh

Không về kinh Vô Lượng Thọ, khoảng một trăm bốn mươi mấy tập cho ông nghe.

Ông cũng phát tâm tùy hỷ cúng dường xây dựng chùa, hay các thiện sự khác.

Năm 2015, khoảng thời gian trước khi mất là một năm, ông thường thấy những hương linh đã mất đến thăm ông, nam có, nữ có, có khi là hương linh thai nhi. Ông có kể về câu chuyện của ông hồi còn thanh niên, chưa lập gia đình, ông đã đưa tiền cho một người phụ nữ phá thai!

Ngày nọ, buổi chiều khoảng gần 4 giờ, bà đi làm về liền lên lầu để chăm sóc những cần thiết cho ông. Khi vừa gặp mặt, ông nói:

- Anh Hiệp vừa mới ghé thăm!

Bà cũng không biết “anh Hiệp” là ai, nhưng vội lên tiếng:

- Sao anh không mời anh ở lại dùng cơm?

- Ảnh mới vừa đi ra đó!

Bà trầm nghĩ, nếu vừa mới đi ra thì mình phải giáp mặt, chứ tại sao lại không thấy ai hết vậy cả! Lòng cũng nghe ớn lạnh, nổi da gà!

Nghĩ thế, bà cấp tốc xuống lầu hỏi cậu con trai:

- Con có thấy chú nào thăm ba của con không?

- Con đâu thấy ai đâu, mẹ!

Bà bèn tìm cô em chồng hỏi thăm, thì ra “anh Hiệp” là người bà con, cũng là bạn chí thân của ông thuở xưa, lúc còn học trung học tại thành phố Long Xuyên hai người cùng ở chung phòng trọ. Nhưng anh này đã mất hồi ba năm trước!

Vì muốn cho phần vãng sanh được nắm chắc hơn, bà cảm thấy cần phải có lực của đại chúng hỗ trợ, nên đã động viên và đưa ông ra phòng vãng sanh tại Tịnh Thất Quan Âm ngoài Lâm Đồng vào tháng 9 năm 2015.

Do bệnh ông cũng khá nhiều không còn tự săn sóc nên ở đây ông được các chú thay phiên kê cận, nhắc nhở, và chăm sóc nhiệt tình, trước khi ăn đồ dậy thì bắt ông niệm Phật rồi mới ăn. Ăn xong cũng niệm Phật. Khi nào khỏe thì mấy chú đỡ ông dậy lạy Phật sám hối, niệm Phật với mấy chú, còn mệt thì nằm xuống. Các chú rất thương quý ông bởi vì là người học rộng ít ai chịu tu, vậy mà ông chịu đến chùa tu. Ông rất hoan hỷ và làm theo sự hướng dẫn của mọi người. Ông cũng không dùng thuốc chỉ niệm Phật. Ông không hề sợ chết mà trái lại mỗi lần chứng kiến thấy người khác chết được tốt ông rất vui mừng. Trong thời gian ở đây ông được săn sóc ở phòng đặc biệt dành cho người sắp vãng sanh, các chú thay phiên chia ca trợ niệm xuyên suốt, mỗi ca là mười người niệm hai tiếng đồng hồ. Có nhiều lúc ông đòi đưa vô phòng hộ niệm đặc biệt dành cho người chết (vì ông thấy ai đưa vô đó đẩy ra cũng chết nên ông thích lắm!), mấy chú cười và nói:

- Ông còn đang ăn ngon,... khỏe như vậy mà đưa vô trong rồi ông đòi ăn thì... sao được!

Mãi tới ngày 23 tết, tính ra ông tu ở đây được gần bốn tháng thì ông xin về dự đám cưới của đứa con trai út.

Về nhà khoảng một tháng thì ông quay trở ra phòng vãng sanh Tịnh Thất Quan Âm tu cho đến ngày mất là hơn chín tháng.

Thời gian phát bệnh đến mất là 5 năm, ban đầu phát hiện là teo não, từ từ chuyển sang thoái hóa xuống vùng cổ, bệnh phát nhiều trước khi mất hai tuần, ông không còn nuốt được,

uống nước thì sạch và ói ra nên ông bỏ ăn, bỏ uống. Ông không nói chuyện được ba bốn ngày cuối.

Trước khi mất hai ngày, bà dắt các con vào thăm ông lần cuối. Lúc này ông vẫn còn sáng suốt, tỉnh táo, bà nhắc lại lời khai thị của Ấn Quang Đại Sư. Rồi nhẹ nhàng nói với ông rằng:

- Cái nhân duyên của mình đến với nhau trong cùng một gia đình là do bốn duyên hợp lại, đó là: đòi nợ, trả nợ, báo ân và báo oán. Hoanh xét thấy trong đời này thì Hoanh là người thiếu nợ anh. Chính vì thế Hoanh vui vẻ trả nợ cho anh! Hoanh cố gắng làm những công đức để hồi hướng công đức cho anh được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhưng bốn phận của anh là phải ráng niệm Phật, phải phát nguyện vãng sanh. Nếu thương Hoanh, thương con thì mình hẹn gặp nhau ở thế giới Tây Phương Cực Lạc nhen!

Ông nghe xong liền mỉm cười và gật đầu. Tiếp theo đó bà và các con ông cũng đồng sám hối và xin lỗi, bà nói:

- Từ đó tới giờ sống chung với nhau nếu có những điều gì không hài lòng mong anh hãy tha thứ lỗi cho Hoanh,... cho con, nhen anh!

Con ông nói:

- Ba răn niệm Phật vãng sanh Tây phương Cực Lạc... nữa về độ các con nghe Ba!

Ông cũng gật đầu và mỉm cười, tỏ ra rất vui mừng.

Lúc ông yếu nhiều, gia đình hoàn toàn được cách ly, chỉ được quan sát qua camera cho đến mất. Ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng vào lúc 7 giờ tối ngày mùng 7 tháng 10 năm 2016. Ông hưởng dương 56 tuổi.

Sau khi ông mất 12 tiếng, Ban Hộ Niệm mới tiến hành thăm thân, kết quả là tay chân mềm dũ, mặt trắng sáng, môi hồng, ẩm dính đầu. Sau đó niệm thêm 24 tiếng đồng hồ nữa mới liệm.

Ông mất nhằm ngày quy định cộng tu 24 giờ của chùa, vì thế được khoảng mấy trăm người đến cộng tu hồi hướng cho ông, và quần lại đến hôm sau mới đưa đi hỏa táng (thêm 24 tiếng nữa).

* Sau khi ông mất bà cũng phát tâm ở lại chùa cộng tu để hồi hướng cho ông trong 49 ngày. Đến ngày thứ 6 của tuần thất thứ nhất, vào khoảng 12 giờ trưa, sau giờ tu xong lúc xả ra, bà đang nghỉ trưa tại thất của chùa, vừa chợp mắt trong cơn mơ màng nửa mê nửa tỉnh, bà thấy bầu trời trong sáng rất đẹp, có ánh hào quang hình chớp chiếu xuống, trong đó hiện ra hình Đại Thế Chí Bồ Tát cùng chư Thánh Chúng, phía trên những chòm sáng vừa giống như hoa, vừa giống như tuyết trắng đang rơi nhanh xuống rất nhiều khắp cả bầu trời. Bà nghĩ người chăm chú chiêm ngưỡng, trong bụng đang phân vân chẳng biết đó là hoa hay là tuyết! Đột nhiên bà thấy chồng mình mặc bộ trang phục màu lam, đứng chấp tay trên hoa sen màu hồng từ dưới bay lên, cũng cùng lúc ấy bất chợt bà giật mình lay tỉnh, dường như mộng mà không phải mộng! Bà cảm nghe lòng nhẹ nhàng như một phiến mây, trộn lẫn niềm hân hoan trào dâng rộng lớn vô bến vô bờ!

* Đến ngày rằm tháng 12, sau khi ông mất khoảng hơn hai tháng, khoảng 5 giờ sáng người em trai tên Hải nằm mơ nghe tiếng gõ cửa, chú ra mở cửa thì thấy ông mặc chiếc áo tràng màu vàng, đầu cạo sạch tóc, tay cầm xâu chuỗi nhìn rất trang nghiêm, đi với hai vị sư khoác y màu đỏ, ông bước vô nhà và mời hai Thầy ngồi

(người đi chung với ông) và ông kêu chú Hải:

- Em thấp nhang lên đi để hai anh em lạy Phật!

Khi chú thấp nhang xong, ông hướng về bàn Phật cung kính dẫn lễ. Chú Hải thấy ông lạy đứng chú cũng bắt chước lạy đứng theo ông, hai người lạy rất lâu. Rồi ông cho biết là mình có việc phải đi với Thầy, ông dặn chú Hải:

- Em hãy rán niệm Phật và lạy sám hối!

Chú bèn hỏi ông:

- Bây giờ anh đang tu ở chùa nào?

Ông trả lời rằng:

- Anh không có tu ở chùa nào cả! Anh tu trong hoa sen!

Nói xong, ông cùng hai vị sư đồng ra ngoài. Chú Hải cũng tò mò muốn biết ông đi về hướng nào, nên rón rén bước theo sau. Khi ra khỏi cửa, đưa mắt nhìn theo thì thấy ba người cùng bay vút thẳng lên hư không, chú vui mừng thích thú lắm, bất chợt tiếng điện thoại báo thức reo lên, chú giật mình tỉnh giấc và hồi tưởng lại thấy còn nuối tiếc!

*(Thuật theo lời Trương Thị Lan Hoanh,
vợ của ông)*

33. DƯƠNG MINH LUÂN

(2003 - 2017) 14 tuổi

Em Dương Minh Luân sinh năm 2003. Địa chỉ cư ngụ ở 268/20, tổ 8, ấp Châu Long, Châu Đốc, An Giang.

Cha em tên là Dương Minh Hiếu, mẹ là Huỳnh Thị Ngọc Thắm. Em là con trai duy nhứt trong gia đình.

Cha mẹ em làm nghề buôn bán y phục cũ, kế đó thì chuyển sang làm công nhân lao động ở Bình Dương. Minh Luân học hết lớp 4 vì lý do cha mẹ đều đi làm khó khăn trong việc đưa rước, nên em phải nghỉ học về ở với bà ngoại tại núi Cấm. Mỗi khi bà ngoại đi chùa, hay đến các đạo tràng niệm Phật bà đều dẫn em theo.

Tính tình của em ít nói, trầm ngâm, đời sống nghiêng về nội tâm; còn phần nhận thức thì sâu sắc hơn hẳn những trẻ nhỏ đồng trang lứa. Cách cư xử của em với mọi người thì rất vui vẻ, hòa nhã, ngoan hiền.

Em rất thích nghe Phật Pháp, nhất là quý sư ở tịnh thất, hay mấy chú trong Ban Hộ Niệm mỗi khi giải thích về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Em có căn lành từ nhiều kiếp trước, nên từ khi sanh ra và lớn lên em thích ăn chay theo bà ngoại mà không chịu ăn thịt cá. Cha mẹ thấy em ốm yếu, suy dinh dưỡng, không muốn con mình ăn chay nên làm thịt cá cho em ăn, nhưng em không chịu ăn, chỉ xị nước tương mà ăn. Cha mẹ thương

rầy và la mắng, thậm chí còn giận đánh em, nhưng em cũng không chịu ăn, mà chỉ ăn rau củ!

Thuở nhỏ bà ngoại dắt em đến một ngôi chùa ở Lai Vung quy y Tam Bảo, được sư bà trụ trì đặt cho pháp danh là Thiện Lớn.

May mắn hơn, em sống với bà ngoại chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngày ngày hai bà cháu hay đi chùa tụng kinh A Di Đà, và chuyên cần niệm Phật, lạy Phật A Di Đà.

Bà ngoại có đi tham gia tổ cơm từ thiện ở Bảo Hòa cũng dắt em theo.

Bà ngoại cũng thường mở các băng giảng Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, hoặc các bài giảng của Hòa Thượng Tịnh Không, Thầy Giác Nhân... cho em cùng nghe.

Vào khoảng tháng 4 năm 2016, bỗng nhiên chân bên trái em bị đau nhức, rồi từ từ sưng lên to bằng quả bóng.

Ban đầu chân em bị đau, gia đình mua thuốc uống giảm đau và đắp thuốc Nam cho em, nhưng không bớt mà còn sưng đỏ và nhức nhiều hơn. Gia đình đưa em đến bệnh viện Châu Đốc để khám. Ở đây bác sĩ cho chụp X-Quang thì phát hiện hình ảnh lạ và chẩn đoán là bị bấu xương, liền chuyển lên Trung Tâm Chỉnh Hình ngoài Sài Gòn. Lần này các bác sĩ cho biết là em bị ung thư xương và đề nghị vô hóa chất theo phác đồ chia làm 6 đợt, nhưng chỉ vô được 3 đợt bởi sức khỏe của em kém, không đủ sức, thiếu máu nặng vì thể thời gian vô hóa chất của em so với người khác là gấp hai lần (mỗi đợt khoảng mười mấy ngày).

Do bấu đã ăn bào mòn xương, nên lần vô hóa chất đầu tiên khi em bước lên xe bị chỏi xương, chân em bị gãy không còn đi được nữa, chỉ ngồi một chỗ cho đến mất là bảy, tám tháng trời!

Bác sĩ còn cho biết thêm, tế bào ung thư đã di căn lên phổi, nên đến đợt vô hóa chất thứ hai thì em bị chết ngạt, được chuyển sang phòng săn sóc đặc biệt, sau khi tỉnh lại thì chuyển qua bệnh viện Phạm Ngọc Thạch để điều trị phổi cho ổn định. Ở đây mất khoảng hai mươi mấy ngày thì chuyển về lại Trung Tâm Chỉnh Hình để vô hóa chất tiếp.

Đến đợt ba thì bước phát triển lớn thêm, em bị đau nhức nhiều, nên em không chịu đi nữa, đòi ở nhà niệm Phật. Mặc dù biết bệnh nhưng em không hề sợ chết.

Ở nhà em được bà ngoại thường xuyên nhắc nhở niệm Phật. Bà thường nói:

-Ở cõi Ta Bà này cái gì cũng khổ hết, thôi con về cõi Tây Phương Cực Lạc, ở cõi đó vui sướng, không còn đau khổ, không còn bệnh tật như ở cõi này đâu!

Em rất nghe lời và cố gắng niệm Phật phát nguyện cầu vãng sanh.

Có lắng lòng suy nghiệm chúng ta mới thấm thía lời chỉ dạy tràn đầy từ tâm, khô môi rất miệng của Cổ Đức:

*“...Nhớ lời đức Như Lai chỉ giáo,
Thân huyễn hư đời ảo mộng trần;
Giả đời giả cảnh giả thân,
Ta bà sanh chúng đạo chân khá tìm.
Xưa nay vẫn đắm chìm biển khổ,
Lặn hụp luôn đâu có an vui;
Đời dù có nếm đủ mùi,
Cuối cùng cũng chết có người nào không.
Qua rồi kiếp cha ông cũng thế,
Lần lượt đây đến kế cháu con;
Nối nhau đi mãi không mòn,
Đường sanh tử cũng vẫn còn tử sanh.
Không ai dạy tự mình cũng rõ,*

Nhưng ít người tìm ngõ thoát ly;
Đường trần cứ nhắm mắt đi,
Ai sao mình vậy sống lì ngày qua.
Nào cái bịnh cái già đục khoét,
Kế sau cùng cái chết đến tha;
Thế là hết kiếp người ta,
Trong đời ai cũng chỉ là thế thôi.
Để tâm xét kỹ rồi thấy rõ,
Muốn thoát ly cảnh khổ chúng sanh,
Không chi hơn việc tu hành,
Xác thân được nhẹ hồn linh được nhàn.
Nặng nề bởi thân mang nợ lắm,
Sầu nào do lòng đắm mê nhiều;
Để hoài muôn kiếp khó tiêu,
Cho nên cần phải lo điều tỉnh tu.
Việc cải hối mặc dù rất khó,
Nhưng quyết tâm thì có thể nên;
Hơn nhau ở cái chí bền,
Chớ đời ai khỏi gây nên lỗi lầm.
Kiếp giả tạm khi tâm nhận biết,
Đời khổ đau lúc xét thấy ra,
Nên lo tu chớ dần dà.
Vì rằng ngày tháng trôi qua lẹ làng.
Khó biết trước thời gian chết đến,
Cái chết không nhất định trẻ già,
Đời nhiều cách chết xảy ra,
Cho nên thường có tre già khóc măng.
Việc sanh tử Phật rằng đại sự;
Còn luân hồi còn tử sanh luôn;
Tử sanh không gỡ cho sông,
Dù làm đến bậc đế vương ra gì.
Do lẽ ấy cần qui y Phật,
Giải quyết xong tạm vật hồng trần;

Hoàn toàn khỏi cuộc chuyển luân,
Không còn mang ngũ trược thân nặng nề.
Đời nếu chẳng say mê đến nữa,
Tất nhiên không còn có sanh ra;
Còn tham ái cõi Ta bà,
Thì còn phải chịu sanh ra hồng trần.
Muốn giải thoát phải cần phải cả,
Chẳng còn lưu trong dạ sự đời;
Siêu sanh chỉ một lần thôi,
Đời dù cám dỗ mặc đời không theo.
Nghiệp rán gỡ chớ đeo thêm nữa,
Tội lo chữa đừng có gây thêm,
Sống tình cố lỏng cho êm,
Đường trần lùi lại chớ kèm chân lâu.
Hướng về Phật để cầu hóa độ,
Ngó lại tâm để mở cõi lòng;
Cả hai cùng được dung thông,
Giúp cho đạo quả như rồng gặp mây.
Cầu Phật độ phải đầy khẩn thiết,
Muốn tâm khai phải diệt niệm tà.
Nếu lòng nửa Phật nửa ma,
Phật không thể độ tâm nhà khó khai.
Trăng chẳng thấy vì mây che khuất,
Phật không trông bởi bức vô minh.
Phật không ở cách xa mình,
Tại mình chẳng thức tướng hình Phật ra.
Mê mấy cũng rần mà mở mắt,
Đừng để cho mộng dấy đi sâu,
Mộng thì tan chẳng còn đâu,
Dù cho mộng ấy dài lâu vinh quang.
Tìm sống thật cho an hồn xác,
Sống mộng chi cho nát thân tâm;
Phải can đảm nhận đời lầm,

Quyết bưng tỉnh dậy kiếm tâm đường tu.
Đạo mới giải được câu đời tạm,
Đời vẫn nằm trong phạm vi mê;
Bỏ mê thành khổ nhiều bề,
Mà điều chi cũng chẳng hề được lâu;
Thân không thật vật đâu có thật,
Người luống công giành giật đeo mang;
Hơi tàn mọi vật đều tàn,
Dù cho vật ấy nồng nàn thương yêu.
Đời tan hợp là điều khó tránh,
Thân mất còn là cảnh người đời;
Trong khi còn mấy tác hơi,
Nên lo giải thoát khỏi người thế gian!
Chớ rằng bận lo toan việc thế,
Mà chẳng lo tìm kế thoát thân.
Đến khi thấy mặt tử thần,
Bảo đừng nó chẳng hề dừng cho đâu.
Phải tính trước khỏi câu hận tiếc,
Đợi nguy rồi mới biết muộn màng.
Sớm tu thì sớm được an,
Chỉ tu mới cứu khỏi đàng trầm luân.
Tu là phúc của thân hiện tại,
Tu là vui của cái đời sau.
Tu làm nhẹ kiếp khổ đau,
Tu cho hồn khỏi đọa vào đường mê.
Sớm tu được sớm kẻ Sen báu,
Sớm tu thì phiền não sớm tan;
Mau tu chớ để muộn màng,
Vô thường chẳng đợi thời gian không chờ.
Người khó giữ tuổi thơ trẻ mãi,
Người khó ngăn niên đại già lần;
Khi già khó tránh chết thân.
Trẻ, già, chết ấy số phần người ta;

Người hể có sanh ra có tử,
 Dù vua quan dân thú như nhau.
 Ấy là định nghiệp trần lao,
 Từ xưa đã thế chớ nào mới đây.
 Trần là chỗ chôn thây thiên hạ,
 Trần là nơi đầy đọa sanh linh.
 Chung qui nó vẫn phụ mình,
 Mặc dù mình có tận tình thương yêu.
 Đau khổ với đời nhiều vô số,
 Rốt cuộc như nước đổ lá môn;
 Thân không một vật nào tồn,
 Chỉ còn tội lỗi để hồn gánh mang.
 ...Sớm giác ngộ trần hoàng là mộng,
 Nhanh chân tìm cuộc sống vĩnh hằng.
 Chẳng còn lặn hụp trầm thăng,
 Chẳng còn ách nạn lung lẳng bao đời!
 An Dưỡng Quốc là nơi tối thượng,
 Chúng sanh nên thẳng hướng tìm về.
 Thệ lòng quyết ngự liên huê!"

Mặc dù gia đình đã cố gắng chữa trị cho em, nhưng căn bệnh không những không biến chuyển tốt hơn mà ngày càng nặng. Sau một thời gian, khối u ngày càng to lên, làm em đau nhức cả ngày lẫn đêm, nhiều khi em khóc lớn vì cơn đau quá dữ dội. Nhưng em vẫn gắng sức niệm Phật, thậm chí những phút đau tột cùng thì em vẫn kêu lớn Phật A Di Đà để quên đi cơn đau. Em không ngừng cầu xin Phật rước:

- Cho con được vãng sanh thành Phật, xin Phật A Di Đà rước con nhanh!

Dù biết căn bệnh quái ác không thể cứu chữa được nữa, tuổi đời của em còn rất nhỏ, tuổi mà các em còn ham chơi vui

đùa, nhưng cậu bé không còn tham sống mong hết bệnh để khỏe lại, cũng không sợ chết, chỉ muốn vãng sanh mà thôi.

Trong lúc bệnh, có lần em khuyên mẹ:

- Mẹ ráng tu, ráng niệm Phật đi! Nếu mà mẹ tu khi nào con vãng sanh xong con sẽ trở lại rước mẹ, còn nếu mẹ không tu thì con không rước đâu! Con rước bà ngoại hà! Bởi vì bà ngoại biết niệm Phật! Mẹ ráng tu, ráng niệm Phật đi! Chẳng nữa con sẽ về rước mẹ!

Mẹ em giả vờ hỏi:

- Khi mà con đi rồi mẹ ở lại mẹ nhớ con thì sao?

Em trả lời:

- Thì lúc nào mẹ nhớ... con về thăm mẹ! Nhưng con về bằng hồn thiêng chứ không phải con về bằng cái xác thịt này đâu!

Vào khoảng cuối tháng 2, có lần em lên cơn mệt nhiều, đang ngồi dựa vào mình mẹ, em thấy đức Phật xuống hút em lên hoa sen rồi để xuống.

Em nói:

- Con thấy đức Phật xuống hút con lên xa, mà lực niệm Phật của mình không mạnh; cái lực niệm Phật của mẹ yếu lắm! Mẹ niệm Phật không đủ! Nên đức Phật thả con xuống! Nếu mà con không vãng sanh được... con tiếc lắm!

Rồi em hỏi bà ngoại:

- Phật không rước con như vậy con có cơ hội nào đi theo Phật nữa không?

Bà ngoại trả lời:

- Có! Con ráng niệm Phật đi thì Phật sẽ rước con!

Cuối tháng 3 đầu tháng 4, gia đình mời Ban Hộ Niệm về nhà cộng tu liên tiếp được 3 ngày vào mỗi buổi chiều, rồi tạm ngưng một tuần lễ.

Trước lúc mất em bỏ ăn khoảng một tuần lễ.

Một buổi chiều nọ thấy em mệt, mẹ đến gần liền hỏi em:

- Bây giờ mẹ chở con đi bệnh viện... nghen?

Em trả lời:

- Thôi, con không đi bệnh viện đâu! Con ở nhà!

Mẹ em nói tiếp:

- Vậy con ở nhà con ráng niệm Phật nghen!

- Dạ!

Vào ngày mùng 9 (trước khi mất 3 ngày), em bị mệt nhiều, em đòi gia đình mời Ban Hộ Niệm. Lúc 5 giờ chiều, trong khi hộ niệm, em nhìn chăm chú vào bức ảnh Đức Phật A Di Đà đang treo trên vách, liền lấy tay dụi mắt, ai cũng thấy lạ, liền hỏi thì em nói thấy Đức Phật vàng chói mắt. Em hỏi chú Đông:

- Sao mà mắt của con kỳ quá chú ơi! Con nhìn hình Phật đang treo y phục là màu đỏ, vậy sao bây giờ con lại thấy Đức Phật là màu vàng ánh rực rỡ?

Chú Đông trả lời:

- Con thấy như vậy là đúng rồi! Đức Phật mặc y là màu vàng chứ không phải màu đỏ như bức hình này đâu!

Có lần quý cô trong Ban Hộ Niệm hỏi em rằng:

- Hôm nay con bệnh như vậy, mà con có buồn không?

- Dạ buồn!

- Vậy con muốn về Tây Phương không?

- Dạ, con muốn!

- Con muốn thành Phật không?

- Dạ muốn!

- Con muốn đạo tràng đến hộ niệm tiễn con về Tây Phương không?

- Dạ muốn!

Rồi cô khen em giỏi và hướng dẫn em phát nguyện, em vâng lời chấp hai tay lại và đọc theo:

- Nam Mô A Di Đà Phật, xin đức Phật A Di Đà cho con là Dương Minh Luân, pháp danh: Thiện Lớn, sớm được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Con nguyện, trên thành Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh. Xin đức Phật A Di Đà từ bi, hiện tiền phóng quang tiếp độ con cùng tất cả Cửu huyền của con, cùng những oan thân trái chủ của con đồng được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật!

Nơi em ngủ, xung quanh đều treo ảnh Phật A Di Đà, trên tủ và trên tường. Có lần em nói với bà:

- Bà ngoại ơi! Mắt con mờ hay sao mà con nhìn xuyên qua cái màn con nhìn Phật không rõ, ngoại cho con quyển kinh Vô Lượng Thọ có hình đức Phật A Di Đà để con đặt trên bụng, con nhìn Phật rồi niệm Phật cho Phật mau rước!

Mỗi lần đau em đều kêu to:

- A Di Đà Phật, xin Phật rước con liền, con muốn vãng sanh, con không muốn sống nữa!

Có lần mẹ nói với em:

- Con trai... sau này sẽ là Bồ Tát!

Em không chịu và nói:

- Con muốn làm Phật cơ!

Trước 20 ngày em vãng sanh, trong lúc đang niệm Phật thì em thấy Phật A Di Đà ánh sáng vàng rực hiện đến thì mẹ lấy khăn lau mặt cho em, khi tỉnh dậy em kể và khóc nói:

- Tại mẹ lau mặt nên đức Phật bỏ con! Biết chừng nào Phật đến rước con lần thứ hai!

Đến ngày 10 tháng 3 vào khoảng 4 - 5 giờ chiều bé mệt nhiều, gia đình nhờ Ban Hộ Niệm của chú Đông, được 2 người đến trợ niệm. Khi chú Đông đến gần bên nhắc nhở, em còn nắm tay chú, chú Đông khai thị và khuyên em cố gắng niệm Phật, em gật đầu và niệm Phật theo. Sau đó khoảng hơn 8 giờ tối thì có Ban Hộ Niệm của cô Diệu Phước ở Mỹ Tho, sư cô Như Bình ở Lai Vung đến cùng trợ niệm liên tục cho em.

Đêm mừng 10, lúc em đang mệt nhiều, cô Diệu Phước đến bên cạnh nhắc nhở rằng:

- Minh Luân ơi, cố gắng niệm Phật nghe con! Phật sắp rước con rồi nhe! Hôm con thấy Đức Phật rồi đó! Phật A Di Đà rất là thương con, con niệm Phật ăn chay nè, con niệm Phật giỏi lắm nhen! Con niệm không nổi mấy cô niệm phụ con nghe! Phật A Di Đà sắp rước con rồi nghe con! Con niệm Phật nhép môi cho cô Diệu Phước mừng! Con niệm Phật giỏi nè! Phật A Di Đà sắp rước Dương Minh Luân rồi, pháp danh: Thiện Lớn, con về Tây Phương con không còn khổ, con không còn đau nữa nghe con! Từ bé con đã thích ăn chay rồi, con là con của Phật nghe...!

Em vẫn nghe được.

Hai mươi phút sau cô lại nhắc tiếp:

- Minh Luân ơi, con niệm Phật nhen! Bây giờ con niệm không nổi... không ra tiếng, cô và đạo tràng niệm phụ con nhen! Trong tâm con phải luôn nhớ Đức Phật A Di Đà, con

phải niệm Đức Phật A Di Đà mà con trông đợi đó. Con nói con thấy Phật rồi, thì sau này con đi Phật đến rước con. Phật đang phóng quang gia trì gia hộ rước con về cõi Tây Phương Cực Lạc không còn bệnh khổ nữa nghe Minh Luân, con giỏi quá! Con là con của Đức Phật nghe! Con ráng nhép môi theo! Giờ này con đừng nghĩ nhớ gì tới ai hết nghe! Con chỉ nhớ Phật thôi nhe! Giỏi quá con đang niệm Phật, cô biết rồi!

Mặc dù mệt nhưng em rất tỉnh táo và niệm Phật theo mọi người. Ban đầu em nằm xoay mặt hướng vào nhà, đến khoảng gần 3 giờ 45 em thở nhẹ, tự xoay mặt hướng ra cửa, mở mắt to lên nhìn hướng ra ngoài, rồi nhìn thẳng vào hình đức Phật đang treo trước mặt, đồng thời nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, đúng 3 giờ 45 phút sáng, trong tư thế ngay ngắn, không co giật, không vùng vẫy. Nhằm ngày 11 tháng 3 năm 2017. Em hưởng dương 14 tuổi.

* Hộ niệm sau 12 tiếng thì thăm thân, cô Phước cho biết tay chân mềm dịu, toàn thân lạnh hoàn toàn.

Đến đủ 26 tiếng, thì thăm khám lần 2, rồi thay đồ và liệm. Gương mặt hồng hào tươi sáng hơn so với ngày thường, môi chuyển sang màu đỏ son, mũi cũng đẹp hơn bình thường, khối u xẹp nhỏ lại không chảy mủ máu.

* Sau khi hoàn thành tang lễ cho em. Linh cữu của em được đưa đi hỏa táng. Thật bất ngờ một kỳ tích xảy ra, khi người thân và đạo tràng tiếp nhận tro cốt của em thì có tới 992 viên xá lợi với nhiều màu sắc khác nhau lấp lánh như những viên pha lê đá quý.

*(Thuật theo lời bà Huỳnh Thị Ngọc Thắm
- mẹ của em)*

34. BÉ NGUYỄN CHÍ THIỆN

5 ngày Tuổi

Bé Nguyễn Chí Thiện sinh vào giờ Tý, ngày 10 tháng 6 nhuận năm 2017, tại bệnh viện Phụ Sản Thành Phố Cần Thơ.

Cha của bé là Nguyễn Văn Cảnh, quê quán ở huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Mẹ là Nguyễn Thị Diễm Hương, định cư tại khu vực Thạnh Hòa, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Hai người kết hôn vào năm 2015, rồi cùng ra Bình Dương làm công nhân của xí nghiệp gỗ vào tháng 4 năm 2016.

Nội bé xuất thân từ nhà nông, chân lấm tay bùn; cha bé là con trai út trong gia đình, cất chân bước vào đời khi mới lên 14 tuổi, đi khắp nơi làm thuê làm mướn, mặc dù không biết tí gì Phật Pháp nhưng tính tình vô cùng mộc mạc chất phác thiện lương; còn mẹ của bé cũng không hơn không kém, đúng như thành ngữ “nồi nào vung nấy”!

Vào tháng 6 năm 2017, trước lúc bé chào đời khoảng một tháng, cha bé nằm mơ thấy lơ lửng trên hư không xuất hiện hai con rồng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Bồ Tát Quán Thế Âm và rất nhiều chư thiên trong những bộ trang phục sắc màu vô cùng diễm lệ, trang nghiêm long lẫy, hào quang tỏa chiếu khắp nơi, nhưng trong đầu óc đơn thuần của anh, anh không phân biệt được sự khác nhau giữa Phật, Bồ Tát cùng chư thiên là như thế nào, chỉ khái niệm chung chung họ giống nhau như một, đó là “rồng tiên trên trời”!

Khi giật mình tỉnh giấc, anh đem diễm mộng kỳ lạ này thuật lại cho người bạn đời của mình nghe. Vợ anh vốn dĩ nhận thức cũng y hệt như anh, bèn nói:

- Anh thấy như vậy, em cũng không biết ra làm sao!

Thế là cả hai đồng cười xòa rồi cho qua. Sau đó anh đưa vợ về Cần Thơ để chờ ngày sinh nở.

Bé Chí Thiện sanh ra vào lúc 0 giờ 25 phút, ngày 10 - tháng 6 nhuận - năm 2017, bé nặng 2,6 kg.

Khi bé chào đời thì các bác sĩ cho biết bé bị ngạt vì tràn nước ối, và phát hiện hậu môn của bé bị hẹp nên cấp tốc chuyển bé sang Bệnh Viện Nhi Đồng Cần Thơ (thời gian làm thủ tục và vận chuyển khoảng 1 tiếng đồng hồ). Tại đây lại phát hiện thêm phổi của bé có dịch nên tiến hành rút dịch ở phổi, vì bệnh viện không đủ phương tiện nên 9 giờ sáng hôm ấy bé được chuyển ra Bệnh Viện Nhi Đồng 1 Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bà Hai, tức chị ruột của ông ngoại bé là một Phật tử ăn chay tu pháp môn Tịnh Độ, thỉnh thoảng cũng từng đi hộ niệm, nên trong thời gian ở trên xe để chuyển tuyến, bà đã ôm bé vào lòng niệm A Di Đà Phật liên tục; bên cạnh là cô nhân viên y tế cùng máy tiếp hơi; trong khi cha bé thì ủ rũ ngập tràn nỗi bất an lo lắng xa xăm chột ảm chột hiện nơi hôn; riêng bác tài phía trước thì mở máy vang dội với những khúc nhạc tân thời bay bổng du dương, đưa tâm tư người nghe vào thế giới mộng lung đầy mộng mị!

Ban đầu bà Hai niệm Quan Âm cứu khổ cho bé, nhưng suy nghĩ lại thì thấy cháu mình còn quá nhỏ mà phải chịu quả nghiệp nặng nề nên trong lòng khởi lên ý niệm nguyện cho cháu sớm được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc, không còn phải chịu khổ đau bệnh tật như ở cõi này. Nếu thọ mạng bé còn sẽ được dứt bệnh; còn như thọ mạng hết sẽ không mất phần vãng sanh. Từ đó bà chuyển sang niệm A Di Đà Phật và nói với bé:

- Chí Thiện ơi! Bà thấy con mới ra đời ở cõi này mà khổ quá hà! Thôi bà niệm Phật phát nguyện cho con vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, về đó con không còn khổ đau như cõi này nữa nghe con! Con niệm Phật theo bà nghe con! Hai bà cháu mình cùng niệm Phật!

Bà Hai liền cầu nguyện:

- *Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)*

Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần)

Con cầu xin đức Phật A Di Đà tiếp dẫn cho cháu của con tên là Nguyễn Chí Thiện, 1 ngày tuổi được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nam Mô A Di Đà Phật!

Sau đó bà Hai không ngừng niệm A Di Đà Phật để cho bé nghe, thỉnh thoảng thì cầu nguyện vãng sanh cho bé (giống như trên) suốt quãng đường đến bệnh viện.

Khoảng gần 1 giờ chiều thì ra đến nơi. Tại bệnh viện Nhi Đồng 1 các bác sĩ tiến hành khám và thử máu. Qua các kết quả cận lâm sàng cho biết bé bị tràn dịch phổi, tim bẩm sinh, hẹp hậu môn và nhiễm trùng huyết.

Sang ngày 12, vào lúc 11 giờ trưa bác sĩ ngoại khoa tiến hành giải phẫu hậu môn. Nhưng tình trạng bé quá yếu nên tim đã ngừng đập ngay trên bàn mổ, các bác sĩ phải dùng máy tiếp hơi để cấp cứu hỗ trợ cho bé.

Sau khi phẫu thuật xong, bé được chuyển sang phòng săn sóc đặc biệt vì tình trạng sức khỏe của bé rất yếu.

Khi vào viện, mỗi ngày bác sĩ chỉ cho thân nhân vô thăm 2 lần, mỗi lần đúng 15 phút: buổi trưa là 11 giờ và buổi chiều thì 6 giờ. Mỗi lần vào thăm bà đều tận hết thời gian để phát nguyện vãng sanh và niệm Phật cho bé nghe, ngoài ra không nói gì thêm.

Khi ra ngoài, bà ngồi ở phòng cách ly, trầm tư mặc tưởng vẫn luôn hướng tâm về bé, tha thiết hộ niệm cho bé.

Ngày 12, lúc 11 giờ bà vào thăm thấy bé nằm nhắm mắt bất động, sức khỏe rất yếu, thân hình xanh xao nhợt nhạt giống y như con chuột bị lột da, dây sợi, kim chích ghim đầy người như ở nhên nhện, bà biết cháu không thể nào qua khỏi, bà vô cùng xót xa đau đớn, dường như đứt từng đoạn ruột, nên nói với bé:

- Chí Thiện ơi! Bà biết con đang chịu đau khổ lắm! Thôi bà nguyện cho con vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thì con mới hết khổ, chứ ở đây con khổ quá hà, mỗi ngày phải chịu đâm chích đau đớn, khổ lắm phải không con! Con ráng niệm Phật phát nguyện vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc với bà nghe con! Về đó con không còn khổ như ở đây nữa đâu!

Sau đó, khi ra ngoài bà điện thoại cho cô con gái thứ Tư của mình (vì cô này thường hay đi hộ niệm) biết tình trạng bệnh của bé và có ý niệm muốn đưa bé về phòng vãng sanh để hộ niệm.

Chiều lại lúc 6 giờ khi vô thăm, bà nói:

- Chí Thiện ơi! Bà đưa con về đạo tràng niệm Phật cầu vãng sanh cho con nghe Chí Thiện, ở đây con khổ quá hà! Con chịu thì con mở mắt ra... cho bà biết... để bà mừng nghe con!

Bất ngờ bé mở mắt ra, bà liền phát nguyện và niệm Phật cho bé:

- *Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)*

Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần)

Cầu xin Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn con tên là Nguyễn Chí Thiện, 3 ngày tuổi, được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau khi vãng sanh học đạo xong con trở lại cứu độ chúng sanh. Nam Mô A Di Đà Phật!

Tối đó khoảng hơn 11 giờ khuya, các bác sĩ cho biết tình trạng sức khỏe của bé ngày thêm trầm trọng, có lẽ không qua khỏi, bà mới xin với bác sĩ được đưa bé về nhà, nhưng bác sĩ nói đến sáng mai mới giải quyết.

Sáng hôm sau, tức ngày 13, bác sĩ thông báo 1 giờ chiều này sẽ họp thân nhân và cho biết kết quả. Lúc 11 giờ khi cô Tư vào thăm, thấy bé thở thoi thóp, hình như là máy thở nhiều hơn. Cô Tư bèn nói với bé:

- Chí Thiện ơi! Di Tư lên đưa con về đạo tràng Vườn Nhân để mấy cô niệm Phật hộ niệm cho con được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc nghe con! Con biết không?... Đức Phật A Di Đà là mẹ của con đó! Con ráng niệm A Di Đà Phật để về với mẹ của con... nghe con! Con về đó sẽ vui sướng không còn khổ đau nữa nghe con! Nhưng mà con phải ráng mạnh mẽ lên đừng con mới có đủ sức khỏe về tới đạo tràng nghe con! Bây giờ di Tư hướng dẫn con sám hối, quy y Tam Bảo và phát nguyện niệm Phật vãng sanh cho con nghe!

“Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần)

Con tên là Nguyễn Chí Thiện, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay do vì tham, sân, si mà ba nghiệp thân khẩu ý của con đã gây tạo vô lượng vô biên những tội lỗi và nghiệp chướng. Nay con xin chí thành sám hối và nguyện quy y Tam Bảo, cúi xin mười phương Hồng Ân Tam Bảo từ bi chứng minh và xá tội cho con. Ngưỡng cầu Đức Từ Phụ A Di Đà từ bi phóng quang nhiếp thọ tiếp dẫn con được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau khi vãng sanh học đạo xong trở lại Ta Bà con cứu độ chúng sanh! Nam Mô A Di Đà Phật.

Sau đó cô Tư niệm Phật vài mươi câu thì lui ra ngoài nhường cho bà Hai vào thăm và niệm Phật. Lúc bà trở ra, cô Tư liền hỏi:

- Bữa nay vô thăm mẹ thấy bé thế nào so với hôm qua, thưa mẹ? Tại con mới ra nên con không biết! Chứ sao con thấy bé yếu lắm rồi, chắc không qua khỏi đâu! Mình chở bé về lúc này là vừa rồi đó! Mẹ xin bác sĩ cho mình chở bé về đi!

Bà đáp:

- Bé thở yếu như vậy hoài đó con ơi! Hồi tối bác sĩ đã cấp cứu cho bé đến 2 lần, bác sĩ nói chắc là không qua khỏi! Mẹ có xin về, nên chiều nay 1 giờ bác sĩ mới họp thân nhân để cho biết kết quả, nhưng mà bữa nay thấy mặt bé hồng hào hơn một chút so với mọi hôm!

- Chắc mình nói đưa bé về đạo tràng niệm Phật, bé chịu... bé vui mừng nên hồng hào đó, thưa mẹ!

Lúc họp thân nhân bác sĩ cũng cho biết là thấy bé có khởi sắc tốt, có hy vọng sống sót, nên có ý không cho chở về. Cha đứa bé cũng hy vọng còn nước còn tát nên nhất quyết không chịu chở về. Điều này khiến cho hai mẹ con bà Hai vô cùng thất vọng và đau buồn, vì biết rõ cháu mình không thể qua khỏi mà cũng không có quyền quyết định đưa cháu về được, nên thầm cầu nguyện với Đức Quán Âm Đại Sĩ từ bi gia hộ xoay chuyển cho bé sớm được về đạo tràng niệm Phật vắng sanh.

Chiều lại lúc 6 giờ vào thăm, cô Tư thấy bé xuống sắc trầm trọng so với ban sáng, bé xanh xao và hơi thở càng yếu thêm. Cô nói với bé:

- Chí Thiện ơi! Trước sau gì... thì dì Tư cũng đưa con về đạo tràng niệm Phật cho con! Nhưng bây giờ con phải tha thiết niệm Phật A Di Đà thì Phật mới rước con! Con phải chí thành cầu xin Đức Phật tiếp dẫn cho con đêm nay được vắng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc như vậy thì con mới mau hết chịu đau khổ như hiện tại ở đây nghe con! Dì Tư nguyện nếu như Đức Phật sẽ tiếp dẫn con thì xin đêm nay Đức Phật rước con liền! Con ráng niệm Phật nghe Chí Thiện!

Đêm ấy, vào khoảng 1 giờ 35 phút, bác sĩ gọi thân nhân đến và cho biết bé đã tắt hơi vào lúc 0 giờ 40 ngày 14 tháng 6 nhuận năm 2017. Bác sĩ còn cho biết thêm lúc bé mệt lên, cô bác sĩ giỏi đã đến cấp cứu, bình thường chỉ cần đưa ống vào phổi 9cm là có thể rút dịch ở phổi giúp bé dễ thở, vậy mà lần này đưa ống vô có 6cm thì không đưa vô được nữa, dường như trong vô hình đã gia hộ cho bé sớm dứt được nghiệp. Gia đình tiến hành làm thủ tục xin chôn bé về liền. Trong lúc chờ làm thủ tục cô Tư và mẹ không ngừng thành tâm niệm Phật và phát nguyện vãng sanh thay cho bé dù rằng ở cách xa bé một lớp cửa kính.

Gia đình được sự giúp đỡ của vợ chồng anh Tuấn và chị Út Hết ở Tổ Từ Thiện Bảo Hòa không ngại đêm khuya đường xa xa xôi đã đích thân lái xe chuyển bé về rất nhanh chóng. Đến 2 giờ 15 thì lên xe ra về. Trên đường về hai người vẫn không ngừng tiếng niệm Phật cho bé, niệm khoảng 15 phút thì cô Tư nói với bé:

- Chí Thiện ơi! Con nhớ Phật A Di Đà là mẹ của con! Con phải ráng niệm Phật đặng về với mẹ nghe con! Bây giờ con phát nguyện với dì Tư nghe:

Nam Mô A Di Đà Phật! Cầu xin Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn hương linh con là Nguyễn Chí Thiện được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. (3 lần)

Lúc bác sĩ trả xác thì thấy bé xanh xao nhợt nhạt, miệng há, vậy mà niệm Phật đến sáng khoảng hơn 5 giờ thì phát hiện môi bé từ từ hồng trở lại không còn như ở bệnh viện.

Đến gần 8 giờ sáng thì về tới đạo tràng, lúc xuống xe cô Diễm thấy bé gương mặt cũng còn xanh, môi chỉ hơi hồng vậy mà lúc khoảng 9 giờ cô vào hộ niệm cho bé thì phát hiện thấy môi bé rất đỏ, miệng khép lại hồng hào hơn lúc sáng rất nhiều, cô thâm vui mừng và tràn đầy niềm tin tưởng. Mọi

người đến hộ niệm cho bé ai cũng lấy làm lạ và luôn khen cháu bé đẹp quá, môi đỏ quá!

Lúc vừa vào đạo tràng mọi người cứ ngỡ là bé đang nằm ngủ nên cô Hai Tuyền mới cầu nguyện:

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần)

Nam Mô Phật Tổ Phật Thầy cảm chứng minh, nếu như đứa bé này thọ mạng còn thì xin Đức Phật gia hộ cho bé khỏe lại bình thường; còn nếu thọ mạng đã hết thì cầu xin Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn cháu được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Thấy thế biết cô Hai tưởng lầm nên cô Tư mới nói với cô Hai rằng:

- Bé tắt hơi ở bệnh viện rồi cô ơi! Cô phát nguyện vãng sanh cho bé đi, thưa cô!

Cô ngỡ ngàng và cười nói:

- Vậy mà nãy giờ cô thấy mặt bé hồng hào, môi đỏ, cô tưởng bé đang nằm ngủ! Sao bé đẹp quá vậy!

Rồi cứ thế mọi người tự luân phiên hộ niệm cho bé, thỉnh thoảng thì phát nguyện vãng sanh cho bé. Càng ngày môi bé càng đỏ thêm, ai mới nhìn cũng ngỡ là thoa son, vì vậy mà khôn xiết mừng vui đều hết lòng niệm Phật cho bé! Gia thân quyến thuộc cùng nhau thay phiên lạy Phật hồi hướng cho bé!

Niệm đến hơn 1 giờ chiều, thăm thân thì thấy toàn thân mềm nhũn, gương mặt tươi sáng, môi càng đỏ, đỉnh đầu ấm rõ rệt.

Đến 1 giờ khuya thì cô Tư thay đồ cho bé, phát hiện ở các chỗ bé bị đâm ống dịch màu vàng vẫn còn ra nhưng không có mùi hôi, hai tay vẫn còn tím bầm chỗ tiêm truyền dịch. Vậy mà đến sáng lúc 7 giờ thì phát hiện toàn thân bé đều trắng,

sáng tinh như cục bột, các móng tay đỏ như sơn, rất là đẹp. Môi càng ngày chuyển sang đỏ đậm.

Qua sáng ngày 15, lúc hơn 8 giờ thì làm lễ cầu nguyện nhập mạch cho bé và lên xe niệm Phật đưa bé đến lò thiêu. Tới nơi thì đã 9 giờ, khi gia đình cầu nguyện làm lễ hỏa táng xong, mọi người đều ở lại chờ lấy cốt và niệm Phật suốt với bé.

Sau khi đưa bé vào lò thiêu, cô liên hữu tên Trang, là thành viên trong Ban Hộ Niệm của đạo tràng vừa ngã lưng trên võng chưa kịp ngủ, bỗng nghe âm thanh một người nữ vắng vắng bên tai:

- Bé Chí Thiện thiêu có xá lợi nhiều màu!

Câu nói này lặp lại đến lần thứ ba thì cô giật mình mở mắt ra, cảm nghe lòng tự dưng tràn ngập nỗi niềm vui mừng kỳ lạ vô bến vô bờ!

Kết cuộc sự thật đã diễn ra đúng y như thế!

Khi chuẩn bị châm lửa thiêu thì mấy chú quản trang có hỏi gia đình:

- Cháu bé này được bao nhiêu tuổi rồi?

Bà Hai trả lời:

- Cháu chỉ mới sanh 5 ngày tuổi thôi chú ơi!

Chú liền khẳng định như đinh đóng cột:

- Cái này chắc là lấy tro không thôi nghe! Chú bé còn nhỏ quá, xương cháy hết trơn không còn gì đâu!

Bà Hai mới nói lớn:

- Chí Thiện ơi! Nếu con được về Phật, con để lại cái gì cho bà làm kỷ niệm, để bà tin tưởng và tinh tấn tu hành nghe con!

Trong lúc chờ đợi lấy cốt, gia đình chia làm 2 ban xuyên suốt niệm Phật lớn tiếng, âm thanh vang dội.

Đến 12 giờ thì tro cốt được đem ra tưới nước cho nguội. Mọi người lấy làm vui mừng vì thấy xương cốt của bé vẫn còn và rất đẹp (xương trắng tinh, có mảnh màu xanh dương, có mảnh thì đen huyền, có mảnh thì màu xám cảm thạch rất bóng, có mảnh thì như cánh hoa...).

Đặc biệt bất ngờ hơn là trong lúc mọi người đang chăm chú lượm xương thì ông Út (em của bà Hai) đưa lên cho mọi người xem và nói:

- Tui lượm được cái này là cái gì mà nó một cục mềm mềm ầm ầm nè!

Cô Tư vừa nhìn thì chợt thấy nó rất giống trái tim, khi đưa lên ngửi thì có mùi thịt nướng, bởi vì cô từng được thấy trái tim của bà Trần Thị Kim Hoa ở Đồng Tháp sau khi vắng sanh đã để lại, nó vừa tròn vừa dài lại màu đen nhưng có điều là kích thước lớn hơn của bé, nên cô rất vui mừng và la lên:

- Trái tim bất diệt! Chí Thiện để lại cho mình đó! Mừng quá! Nhiều đây đủ rồi mọi người ơi!

Thế là mọi người chuyền tay nhau vừa xem vừa ngửi ai cũng thấy có mùi thịt nướng, khi để xuống khăn giấy trắng thì có màu đỏ của máu. Mấy chú quản trang cũng thấy làm lạ và nói:

- Nào giờ tôi thiêu cũng hơn cả ngàn người nhưng đâu có trường hợp nào như em bé này đâu! Xương còn mà trái tim cũng còn! Thật là quý!

Rồi chú giúp gia đình lượm xương cốt cho bé.

Điều kỳ diệu hy hữu nữa là cha bé khi cầm trái tim lên ngửi thì không nghe mùi thịt nướng, mà thơm mùi thơm giống như hương của một loài hoa, đột nhiên trong lòng trào

dâng niềm vui mừng mãnh liệt, chính anh cũng không hiểu tại vì sao, đồng thời cũng không tài nào kiềm chế được cảm xúc đó, và lúc đã để trái tim xuống rồi mà đôi tay vẫn còn thơm, dù rửa tay bằng nước nhiều lần nhưng mùi thơm ấy không mất, kéo dài mãi cho đến 8-9 giờ tối, khi đi tắm anh dùng thật nhiều xà phòng để rửa đôi tay, thì mùi thơm ấy mới hoàn toàn mất hết.

* Trong lúc thiêu, bà Năm (em bà Hai) đang ngồi nhìn vào khung cửa lò niệm Phật, bỗng dưng bà niệm Phật thật lớn và rất nhanh. Mọi người ai cũng thấy làm lạ nhưng không nói gì cũng niệm nhanh theo cho đều nhịp. Đến hôm sau về nhà bà mới kể lại cho mọi người biết, là trong lúc đó bà gặp một tượng màu đen giống y như tượng Đức Phật đang ngồi xếp bằng trên đầu hòm, xung quanh lửa cháy rất lớn, bà ngỡ là mình đi nắng nhìn không rõ nên lấy tay dụi mắt thì vẫn thấy, bà Năm sợ mình nhìn lầm nên lấy cả hai tay chỏi mắt lên để nhìn cho rõ thì cũng thấy, hiện tượng ấy kéo dài gần mười mấy phút khi cây củi to cháy rớt than xuống thì cảnh tượng lạ này mới chấm dứt. Trong lúc đó bà muốn nói cho mọi người biết, nhưng không hiểu tại sao bà không nói được, chỉ có thể niệm Phật lớn mà thôi!

Từ đó mọi người trong gia đình ai cũng cùng chung một nỗi niềm vui mừng khôn xiết, tràn đầy an lạc, mọi thứ lo lắng sâu khổ của thế gian dường như rơi rụng, đặc biệt là cha của bé cũng đã tin tưởng Phật Pháp, phát tâm phụng thờ Tam Bảo và niệm Phật.

*(Thuật theo lời: Nguyễn Văn Cảnh,
Nguyễn Thị Mai, Phạm Thị Anh Thư
- cha, bà Hai, dì Tư của bé -
và một số liên hữu)*

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu	5
Lời Nói Đầu	7
01. Trần Thị Lệ	11
02. Trần Thị Thuận	21
03. Phạm Văn Đáng.....	29
04. Nguyễn Văn Khoan	39
05. Lê Hữu Lân	49
06. Trần Văn Lộc	61
07. Huỳnh Văn Rôi	73
08. Nguyễn Thị Hoa.....	85
09. Nguyễn Văn Trọng Sanh.....	97
10. Nguyễn Thị Sợi - Lăng Văn Khen	113
11. Nguyễn Thị Kim Ba	125
12. Dương Thị Gương.....	135
13. Nguyễn Thị Hàn.....	145
14. Dương Thị Chất.....	159
15. Thạch Tuyến	167
16. Trần Văn Đec - Ngô Thị Cầu	175
17. Đặng Văn Đạt.....	185
18. Lư Văn Trân	197
19. Đỗ Thị Điều.....	205

20. Huỳnh Thị Lệ.....	213
21. Nguyễn Thị Thành.....	223
22. Lê Văn Tấn - Trương Thị Nên	233
23. Trần Văn Tư.....	243
24. Nguyễn Văn Thoại	259
25. Phan Thị Thanh Thủy.....	271
26. Nguyễn Thị Hoa	281
27. Trần Văn Hựu	291
28. Nguyễn Văn Năm	303
29. Trác Mai Tỷ	319
30. Đoàn Thị Nuôi	329
31. Bùi Thị Giăng	339
32. Hứa Ngọc Pháp	349
33. Dương Minh Luân	361
34. Bé: Nguyễn Chí Thiện.....	373

